LỖ TẤN

Tạp văn

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

LỖ TẤN

TẠP VĂN

TRƯƠNG CHÍNH

Giới thiệu và tuyển dịch

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC – 1998

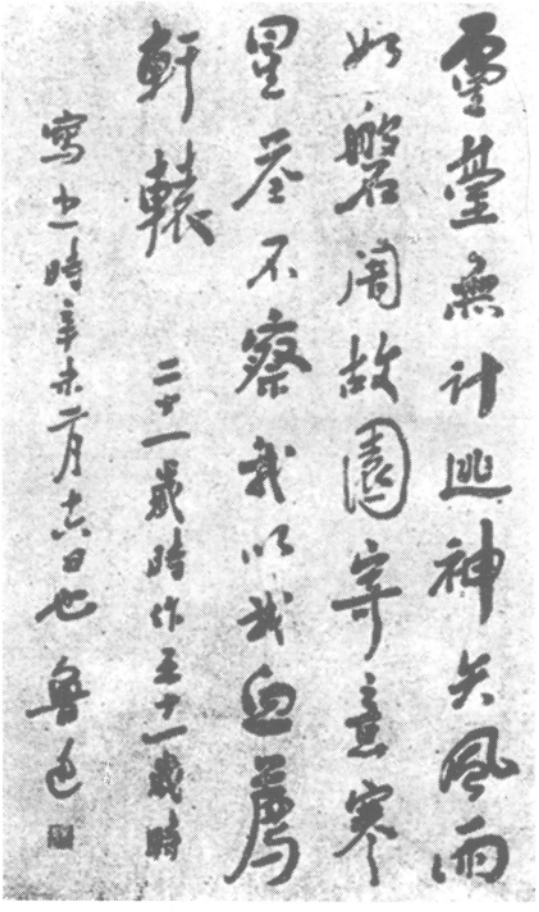

Bút tích của Lỗ Tấn

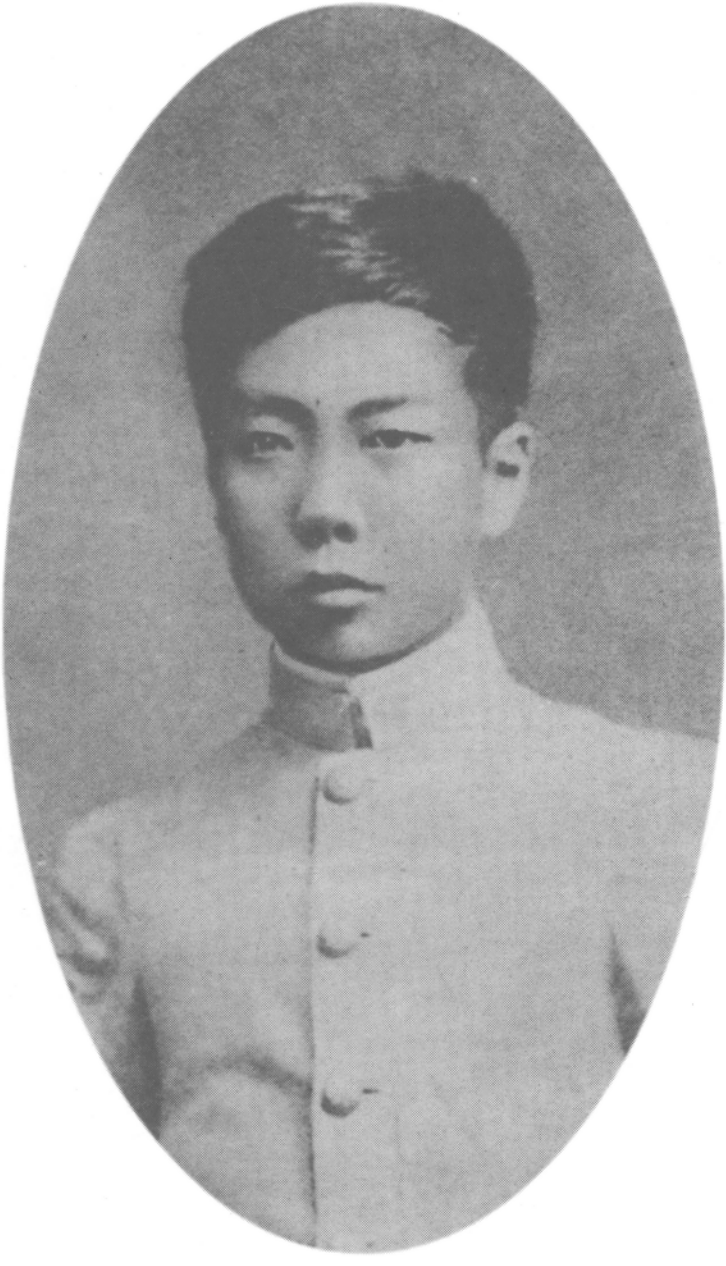

Lỗ Tấn lúc ở Nhật Bản (1902 – 1909)

Lỗ Tấn cùng với Thái Nguyên Bồi và
G.Bernard Shaw ở Thượng Hải
(tháng 2 năm 1933)

Lỗ Tấn ở Thượng Hải (1934)

VỀ TẠP VĂN LỖ TẤN

"Lỗ Tấn đến Việt Nam tương đối chậm", ông Đặng Thai Mai, người đầu tiên dịch *AQ chính truyện* và giới thiệu thân thế, sự nghiệp Lỗ Tấn ở Việt Nam, nói như thế. Ý của ông là : Việt Nam xưa nay có một mối quan hệ mật thiết với Trung Quốc, đáng lẽ người Việt Nam phải biết Lỗ Tấn sớm hơn nữa, sớm hơn các nước phương Tây. Đằng này, ngược lại. Lỗ Tấn nổi tiếng từ đầu những năm hai mươi của thế kỷ này ; ở Nga, ở Anh, ở Pháp, đều có bản dịch *AQ chính truyện* cả rồi, thế mà ở Việt Nam, không ai biết gì về ông cả. Những nhà thông kim bác cổ cũng không ngờ ở Trung Quốc có một nhà văn tầm cỡ thế giới, tên là Lỗ Tấn.

Nguyên nhân thì nhiều. Có nguyên nhân khách quan, có nguyên nhân chủ quan, nhưng nguyên nhân khách quan là chủ yếu. Từ khi thực dân Pháp làm chủ được tình thế ở Việt Nam rồi thì chúng cắt đứt mọi liên hệ giữa hai dân tộc, đặc biệt là đã ngăn chặn ảnh hưởng của cách mạng có thể từ Trung Quốc tràn sang. Chúng có kinh nghiệm. Phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ này một phần là do "tân thư" Trung Quốc nhen nhóm lên. Các nhà nho Việt Nam say sưa với văn chương Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, rồi bắt tay hành động, không kể tính mạng. Cho nên sau khi đàn áp, bắt bớ, tù đày, giết hại một số chí sĩ, chúng liền đẩy mạnh chính sách ngu dân. Một mặt, tuyên truyền văn hóa tư sản, một mặt chúng duy trì và phát triển những cái gì lạc hậu nhất trong văn hóa Á Đông. Tất nhiên, sách báo cách mạng Trung Quốc thì bị kiểm duyệt gắt gao, không lọt qua được biên giới. Vì thế cho nên không ai biết một chút gì về phong trào văn hóa mới, văn học mới của Trung Quốc cả.

Cho đến thời kỳ Mặt trận dân chủ năm 1936, tình hình mới chuyển biến. Dưới áp lực của phong trào, thực dân Pháp tạm thời bãi bỏ chế độ kiểm duyệt. Việc phong tỏa sách báo tiến bộ của phương Tây hay của Trung Quốc không nghiêm ngặt lắm nữa. Tư tưởng vô sản được truyền bá công khai. Trong hoàn cảnh đó, ông Đặng Thai Mai mới "bắt gặp" được trong một quầy bán sách báo "chữ Tàu" một tập đặc san kỷ niệm Lỗ Tấn. Sau một thời gian mày mò khá vất vả để nắm cho được văn bạch thoại (bởi vì không phải giỏi chữ Hán đọc được văn ngôn, là có thể đọc ngay được văn bạch thoại, dịch được văn bạch thoại, nhất là văn chương Lỗ Tấn), năm năm sau (1943), ông mới cho đăng bản dịch *AQ chính truyện*, một số truyện ngắn khác, một số bài trong *Cỏ dại*, và năm 1944, thì xuất bản thành sách.

Thật ra, theo cuốn *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* của Trần Dân Tiên, khá lâu trước khi vào Việt Nam, các tác phẩm của Lỗ Tấn đã được Người đọc một cách thích thú trong những ngày Người còn hoạt động ở Trung Quốc, có lẽ là vào khoảng những năm 1924 - 1927. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Người đã nhiều lần nhắc đến Lỗ Tấn, đặc biệt là trong "Lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao Động Việt Nam" năm 1951, Người đã dẫn hai câu thơ nổi tiếng của Lỗ Tấn :

Hoành mi lãnh đối thiên phu chỉ
Phủ thủ cam tâm nhũ tử ngưu

mà Người đã dịch một cách thanh thoát là :

Trợn mắt xem khinh ngàn lực sĩ
Cúi đầu làm ngựa kẻ nhi đồng

để giáo dục cho cán bộ cách mạng Việt Nam tinh thần đấu tranh ngoan cường bất khuất trước "những kẻ địch mạnh", trước mọi "sự khó khăn gian khổ", tinh thần phục vụ vô điều kiện "quần chúng nhân dân hiền lành đông đảo", thái độ tận tụy với mọi "công việc ích nước lợi dân".

Hơn bất cứ nhà văn nước ngoài nào, kể cả các nhà văn Trung Quốc hiện đại, Lỗ Tấn được bạn đọc Việt Nam yêu mến ngay từ đầu. Và càng đi sâu vào tác phẩm của ông, họ thấy họ rất gần gũi với ông. Những vấn đề được đặt ra trong tác phẩm của ông, khoảng năm 1920 - 1925, cũng là những vấn đề các nhà văn hiện thực Việt Nam (1936 - 1940) đặt ra trong sáng tác của mình. Không phải các nhà văn Việt Nam, trước đó, đã đọc Lỗ Tấn và chịu ảnh hưởng của Lỗ Tấn, mà chỉ vì tình hình xã hội Việt Nam có phần giống tình hình xã hội Trung Quốc thời Lỗ Tấn mà thôi. Dưới sự thống trị của đế quốc và phong kiến, người dân Việt Nam cũng chưa hề giành được "cái giá trị của con người", nhiều nhất chẳng qua là "làm nô lệ", như Lỗ Tấn nói.

*

Mặc dù *AQ chính truyện* cũng như các truyện ngắn trong ba tập *Gào thét, Bàng hoàng, Chuyện cũ viết lại* đều hay, cả về nghệ thuật cũng như về nội dung, nhưng trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng của xã hội Trung Quốc thời đó, Lỗ Tấn muốn sử dụng văn nghệ như một thứ vũ khí thật sự, một "lưỡi dao găm" đâm vào mạng mỡ của kẻ thù. Ông rất biết những thể loại như thơ ca, tiểu thuyết, kịch có khả năng đi sâu vào lòng người, thay đổi con người từ chỗ thầm kín nhất, do đó có sức mạnh có khi còn lớn hơn cả sức

mạnh của vật chất, nhưng trong cuộc đấu tranh kịch liệt trước mắt, ông không thể ung dung ngồi sáng tác, đem tư tưởng và tình cảm của mình hun đúc lại để xây dựng thành hình tượng sinh động, điển hình được. Chính ông đã nói :

"Huống chi bây giờ, thời đại cấp bách như thế này, nhiệm vụ của nhà văn phải là bộ dây thần kinh để cảm ứng, phải là tay chân để công thủ. Muốn sáng tác những tác phẩm vĩ đại cho nền văn hóa tương lai, cố nhiên rất tốt, nhưng nhà văn đấu tranh cho hiện đại đồng thời cũng là đấu tranh cho tương lai, bởi vì mất hiện đại thì làm gì có tương lai".

Ông đã lựa chọn, và kiên quyết lựa chọn tạp văn trong khi bạn bè, và cả kẻ thù của ông, khuyên ông bỏ vũ khí ấy xuống mà ngồi sáng tác.

Thế rồi, suốt ba mươi năm hoạt động văn học, ông dùng vũ khí ấy là chính.

Tạp văn của Lỗ Tấn muôn hình muôn vẻ, bao gồm những bài *cảm xúc, cảm nghĩ, luận văn, bút chiến, thư từ, hồi ký, hồi ức, nhật ký, dạ ký*, cả *thơ văn xuôi* nữa. Nói như ông "bất cứ thể văn gì, các thứ góp lại với nhau, thế là thành *tạp*".

Lúc đầu, ông có ý chia thành hai loại, "tạp cảm" và "tạp văn". *Tạp cảm* gồm những bài trong đó phần trữ tình đậm hơn, *tạp văn* gồm những bài trong đó phần thuyết lý đậm hơn, nhưng về sau, ông xếp chung lại, cho là tạp văn tất. Kể cũng phải. Những bài luận văn, bút chiến, dưới ngòi bút ông, phần lý luận không át nổi phần trữ tình. Ông viết bằng cả tâm hồn, bằng cả trái tim, cho nên văn ông, bất cứ văn gì, cũng chứa chan tình cảm.

Lỗ Tấn bắt đầu viết tạp văn từ năm 1907. Trong tập *Nấm mồ*, ta thấy có bốn bài viết bằng văn ngôn ông viết khi còn ở Nhật Bản ; kể từ năm 1918, ông mới viết liên tục, bằng văn bạch thoại, cho đến khi từ trần, năm 1936. Bài *Một vài việc nhân nói về ông Thái Viêm mà nhớ đến*, ông viết trên giường bệnh ngày 17 tháng 10 năm 1936, đúng một hôm trước khi mất. Góp lại thành 16 tập : ***Nấm mồ, Gió nóng, Hoa cái, Hoa cái tiếp theo, Nhặt cánh hoa tàn, Cỏ dại, Mà thôi, Tam nhàn, Hai lòng, Nam xoang Bắc điệu, Viết tự do giá, Cho bàn gió trăng, Văn học viền hoa, Thá giới đình, Thá giới đình tập II, Thá giới đình tập cuối.***

Ngoài ra, Lỗ Tấn còn để lại cho chúng ta ***Tập ngoại tập, Tập ngoại tập thập di, Tập ngoại tập thập di bổ biên.***

Năm 1960, sau khi dịch ba tập sáng tác *(Gào thét, Bàng hoàng, Chuyện cũ viết lại)*, chúng tôi bắt đầu dịch tạp văn của ông, chọn 221 bài, khoảng một phần ba trong *Lỗ Tấn toàn tập* (Nhà xuất bản Văn học, Bắc Kinh, 1957). Bản dịch của chúng tôi in thành ba tập, do Nhà xuất bản Văn học Hà Nội xuất bản năm 1963. Bấy giờ, chúng tôi sắp xếp các bài theo thứ tự trong nguyên bản.

Trong nhiều năm sử dụng tài liệu này để dạy học và nghiên cứu, chúng tôi thấy cách sắp xếp đơn thuần theo thứ tự thời gian như thế, có chỗ bất tiện. Các tài liệu nằm tản mạn khắp nơi, rất khó tìm, cho nên lần này, chọn 114 bài cho Nhà xuất bản Giáo dục, chúng tôi nghĩ nên *sắp xếp theo chủ đề*. Như vậy, vẫn giữ được trật tự theo thời gian, mà lại có hệ thống hơn, tập trung hơn.

I – VỀ XÃ HỘI

Với chủ đề này, chúng tôi tập hợp những bài Lỗ Tấn gọi là "phê bình văn minh", "phê bình xã hội". Trong thư gửi cho Cảnh Tống (tức bà Hứa Quảng Bình, sau này là vợ ông), ông nói : "Từ trước tới nay, tôi muốn đánh thật mạnh vào cái gọi là văn minh cũ, thâm căn cố đế, làm cho nó lung lay tận gốc, may ra mới có ít nhiều hy vọng ở tương lai...

Cái thứ chậu đựng hắc ín này mà không đánh cho vỡ đi, thì Trung Quốc vô hy vọng..." *(Lưỡng địa thư)*.

II – VỀ VĂN HỌC

Với chủ đề này, chúng tôi tập hợp những bài về các cuộc đấu tranh của Lỗ Tấn với các nhà văn phục cổ, các nhà văn tay sai của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa tư bản, các nhà văn bồi Tây, các nhà văn ngự dụng của bọn quân phiệt, các nhà văn "hạng người thứ ba" ; và những bài ông đề cập đến những vấn đề liên quan đến văn học, khi thì trực tiếp, khi thì nhân tiện mà nói qua. Chúng tôi rất tiếc là không chọn được hết và đưa vào sách này, kể cả những bài chúng tôi đã dịch rồi.

III – VỀ HỒI KÝ VĂN HỌC

Với chủ đề này, chúng tôi tập hợp những bài *Tựa* ông viết cho sách ông khi xuất bản. Đó không chỉ là lời nói đầu viết để giới thiệu sách mà còn là những bài hồi ký rất hay phản ánh tâm tư của ông khi làm sách, những nỗi

vui buồn ông gặp phải trong quá trình sáng tác ; một số chân dung văn học ; một số thư từ có liên quan đến văn học.

Với sự sắp xếp này, bạn đọc sẽ được thấy trực tiếp, qua văn chương của chính Lỗ Tấn, con đường phát triển tư tưởng của ông từ quan điểm tiến hóa đến quan điểm giai cấp, từ chủ nghĩa yêu nước và tư tưởng dân chủ đến chủ nghĩa cộng sản, đồng thời cũng thấy được Lỗ Tấn đã để lại một kho tàng lý luận văn nghệ vô cùng phong phú mà sâu sắc, dễ đi vào lòng người, tránh được giáo điều, sách vở.

*

Văn Lỗ Tấn chủ yếu là văn bút chiến. Có thể nói trong ba mươi năm hoạt động văn học, ông luôn luôn dùng ngòi bút của mình để đấu tranh với mọi thế lực đen tối, mọi chính sách phản dân tộc, phản nhân dân. Ông chiến đấu trên lập trường tư tưởng của một nhà trí thức vốn không phải xuất thân từ công nông, nhưng vì yêu nước, yêu nhân dân, không muốn họ phải làm nô lệ mãi, sống cực khổ mãi, cho nên cuối cùng ông đã tự nguyện đem hết trí tuệ, sức lực và cả tính mạng của mình đấu tranh cho chủ nghĩa cộng sản đến phút chót.

Văn Lỗ Tấn có hai đặc điểm lớn : *trữ tình* và *châm biếm*. Ông viết bằng trái tim, bằng tâm hồn, bằng trí tuệ, nhiều bài thơ chan hòa máu và nước mắt. Khi căm giận ông thét to lên, khi đau đớn, ngòi bút ông dừng lại nghẹn ngào giữa hàng chữ. Sự việc thì đã trở thành quá khứ rồi, nhưng cái còn lại là tâm hồn người viết. Chúng ta như được tiếp xúc với ông, nghe ông kể lể nỗi vui buồn của mình. Đó là một thứ *trữ tình chiến đấu*, cho nên có người nói tạp văn Lỗ Tấn là chính luận kết hợp với thơ.

Đặc điểm thứ hai là *châm biếm*. Trong xã hội cũ, khi kẻ thù còn ở thế mạnh, thì ông phải dùng châm biếm mà phê phán, vạch mặt chúng. Ông nói bóng nói gió, mỉa mai chua xót, cười ha hả, hoặc bề ngoài thì tán dương mà thực tế là công kích. Có khi ông chửi thật sự (kẻ thù gọi văn ông là văn "chửi người" (*mạ nhân*), nhưng ông chửi một cách văn chương, chửi bằng điển cố, ông châm biếm nhưng không biến lời nói của mình thành lời nói khôi hài, đem sự tàn bạo của bọn côn đồ làm cho người ta bật cười, hòa cả làng. Đả kích cũng không phải đánh cho sướng tay, chửi cho sướng miệng, mà là tố cáo một cách nghiêm chỉnh.

*

Lỗ Tấn là nhà văn lớn, nhà tư tưởng lớn của Trung Quốc, người thầy của nền văn học cách mạng thời Ngũ Tứ. Các nhà văn tiến bộ của Trung Quốc

trưởng thành từ năm 1918 trở về sau, đều là bạn bè hoặc là học trò của ông, kể cả Mao Thuẫn (đã mất) và Ba Kim, hiện là Chủ tịch Hội nhà văn Trung Quốc. Trong tập *Tùy tưởng lục* của Ba Kim có bài *Hoài niệm Lỗ Tấn tiên sinh* viết cuối tháng 7 năm 1982, có đoạn ghi lại cảm nghĩ của ông khi "lũ bốn tên" tổ chức kỷ niệm Lỗ Tấn. Bấy giờ, Ba Kim đã bị cho vào "chuồng bò" :

"Tôi nhớ kỹ những ngày mây đen che kín bầu trời, người và thú sống lẫn lộn (ám chỉ thời đại Cách mạng văn hóa), có kẻ tôn vinh tiên sinh là thần linh, đem từng chữ, từng câu của tiên sinh ra làm phù chú. Tác phẩm của tiên sinh, chúng cắt xén, xuyên tạc, rồi dùng để đánh người khác. Tên tuổi của tiên sinh bị những "tri kỷ mới", "chiến hữu mới" (chỉ các nhà văn Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên trong bè lũ bốn tên) lấy làm đồ trang sức. Đèn nến sáng trưng, khói hương nghi ngút, tiếng tụng niệm rì rầm. Tôi đã bị xếp vào hạng "quyền uy phản động", "tử thù" của tiên sinh, quyền kỷ niệm tiên sinh cũng bị tước mất. Trước trụ sở Phân hội Liên hiệp các nhà văn (Thượng Hải), có pho tượng tiên sinh ở vườn hoa. Tôi thường lao động ở đó, nhổ cỏ dại, thông cống ngầm. "Chuồng bò" của chúng tôi là căn nhà nhỏ chứa than xỉ, sáu bảy nhà văn có tên tuổi chen chúc nhau ngồi viết bản "thú nhận". Có lúc, tôi không viết được gì cả, bỏ bút xuống nghĩ lan man. Tôi không được quyền vái lạy thần linh, nhưng tôi vẫn có thể tưởng nhớ tiên sinh mà tôi từng được tiếp xúc...".

Xem lại những bài Lỗ Tấn viết khi nằm trên giường bệnh mới biết, thì ra cuộc đấu đá này giữa các nhà văn Trung Quốc đã nẩy mầm từ năm 1936, khi thành lập Mặt trận văn nghệ thống nhất chống Nhật. Hồi đó, Lỗ Tấn đã nói nhiều đến đoàn kết và đấu tranh ; ông kịch liệt chống chủ nghĩa bè phái và cảnh tỉnh : "Theo kinh nghiệm của tôi, cái bọn vẻ mặt cách mạng, hay vu cáo kẻ khác là "tay trong", là phản cách mạng, là tơrôtkít, thậm chí là Hán gian, phần lớn không phải là người đường đường chính chính, bởi vì họ giết lực lượng dân tộc cách mạng một cách khôn khéo ; họ không nghĩ đến lợi ích của đại chúng cách mạng mà chỉ mượn tiếng cách mạng làm chuyện riêng".

Lời nói ấy đã trở thành tiên tri.

Hà Nội tháng 6 năm 1998
TRƯƠNG CHÍNH

I – VỀ XÃ HỘI

1. QUAN NIỆM CỦA TÔI VỀ TIẾT LIỆT*

"Thế đạo ngày một bạc bẽo, nhân tình ngày một hư hỏng, nước chẳng ra hồn nước", đó là những câu than thở xưa nay của người Trung Quốc. Có điều, thời đại đổi khác thì chuyện gọi là "ngày một hư hỏng" cũng có biến thiên. Trước kia, câu đó chỉ việc A, thì nay lại chỉ việc B. Trừ thứ "tiến trình ngự lãm"(1) không dám nói nhảm nói dại, còn thì trong nghị luận văn chương, xưa nay đều có cái giọng ấy hết. Bởi vì than thở như thế, chẳng những châm biếm người đời mà còn có thể đặt mình ra ngoài cái "ngày càng hư hỏng" kia nữa. Cho nên, các bậc quân tử cố nhiên nhìn nhau mà than thở, ngay bọn giết người, đốt nhà, chơi gái, lừa tiền, đến những bọn ma mãnh làm xong những tội ác, thừa khi nhàn rỗi, cũng lắc đầu nói : "Nhân tình ngày một hư hỏng".

Cái việc thế đạo nhân tình, không những khi nó cổ vũ chuyện xấu là có thể nói "ngày càng hư hỏng", mà khi nó chưa từng cổ vũ, chỉ bàng quan, chỉ thưởng thức, chỉ than thở, cũng có thể nói nó "ngày càng hư hỏng" rồi. Cho nên một năm lại nay, có mấy người không chịu ngồi bàn suông nữa, sau khi than thở một hồi, còn muốn tìm cách cứu vãn. Trước hết là Khang Hữu Vi(2), ông ta hoa chân múa tay nói phải "hư quân cộng hòa" mới được ;

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Tân thanh niên* tháng 8 năm 1918, ký tên là Đường Sĩ phản đối phong trào "tiết liệt" mà bọn phục cổ và chính phủ quân phiệt Bắc Dương đương thời đề xướng.

(1) *Tiến trình ngự lãm* : thứ văn chương bọn quan lại văn nhân viết dâng cho nhà vua thưởng thức.

(2) *Khang Hữu Vi* (1858 – 1927) : một nhân vật phái *duy tân* nổi tiếng cuối đời Thanh và là nhà lãnh đạo cuộc Mậu Tuất chính biến (1898). Hồi đó, ông ta là một nhân vật tiến bộ, nhưng đến khi thất bại, thời đại đã đổi khác rồi, ông ta vẫn giữ chủ nghĩa cải lương, chống lại phái cách mạng mà trung tâm là Tôn Trung Sơn, tổ chức một chính đảng gọi là "Đảng Bảo hoàng". Năm 1917, ông ta còn liên lạc với tên quân phiệt Bắc Dương, Trương Huân, để phò Phổ Nghi lên ngôi vua. Trong tạp chí *Bất nhẫn* (1918), ông ta có viết một số bài công kích chế độ "dân chủ cộng hòa", đề xướng "hư quân cộng hòa" (tức là quân chủ lập hiến), nói rằng Trung Quốc không nên thực hiện chế độ dân chủ. Trần Độc Tú hồi đó có viết một bài nghị luận dài trên tạp chí *Tân thanh niên* bác đi.

Trần Độc Tú đã chỉ trích ông ta là lỗi thời. Thứ đến những người phái *linh học*, không biết vì sao mà lại đưa ra những tư tưởng cực kỳ cổ lỗ mịt mù, muốn mời những con ma "Mạnh Thánh hĩ hồ" đến bày mưu lập kế ; các ông Trần Bách Niên, Tiền Huyền Đồng, Lưu Bán Nông đã cho là bọn họ nói tầm bậy[1].

Mấy bài nghị luận bác lại những luận điệu trên, đăng trong tạp chí *Tân thanh niên*, đọc đến phải rùng mình. Bây giờ đã là thế kỷ thứ XX rồi. Ánh sáng bình minh đã chói lòa trước mắt nhân loại rồi. Giả thử trong tờ *Tân thanh niên* có một bài biện bạch với ai về quả địa cầu tròn hay vuông, người đọc xem thấy, nhất định phải ngơ ngác. Thế mà cái hiện nay đem ra biện bạch đó thật chẳng khác nào biện bạch hình thể quả đất không vuông. Đem thời đại với sự việc đối chiếu với nhau, làm sao không khiến người ta rùng mình sợ hãi ? Gần đây, không nghe đề cập đến "hư quân cộng hòa" nữa, *linh học* thì tựa hồ vẫn đang hoành hành ở đấy, nhưng bây giờ lại có một bọn không thỏa mãn, vẫn cứ lắc đầu nói : "Nhân tình ngày càng hư hỏng". Thế rồi họ bèn nghĩ ra một phương pháp bổ cứu, gọi là "biểu dương tiết liệt".

Cái diệu pháp đó, kể từ thời đại "Quân chính phục cổ" đến nay[2], từ trên xuống dưới, đã đề xướng bao nhiêu năm rồi ; bây giờ chẳng qua là lúc phất cờ lên mà thôi. Trong nghị luận văn chương cũng chiếu theo lệ thường thấy xuất hiện, và cũng kêu gào "biểu dương tiết liệt" ! Nếu không nói đến việc đó thì cũng khó lòng nhắc mình ra khỏi cái vòng "nhân tình ngày càng hư hỏng" được.

Hai chữ "tiết liệt" đó, trước kia cũng kể là đạo đức của người đàn ông, cho nên mới có những tên gọi như là "tiết sĩ", "liệt sĩ". Nhưng cái "biểu dương tiết liệt" hiện nay thì lại chuyên chỉ đàn bà, không bao gồm đàn ông vào đấy. Căn cứ vào ý kiến của các nhà đạo đức bây giờ để mà định nghĩa, thì đại khái "tiết" là chồng chết, quyết không tái giá, cũng không chằng chạ với ai, chồng chết càng sớm, nhà càng nghèo, thì "tiết" càng cao. Nhưng "liệt" thì có những hai loại : một loại thì vô luận đã về hay chưa về nhà chồng, nếu chồng chết, người đàn bà cũng chết theo ; một loại nữa là lúc có một bọn cường bạo đến hãm hiếp, người đàn bà tìm cách liều mình, hoặc

---

(1) *Linh học hội* : một tổ chức bói toán cầu tiên ở Thượng Hải. Họ lại còn xuất bản một tờ báo để xướng mê tín và phục cổ. "Mạnh Thánh hĩ hồ" là chỉ lúc Mạnh Kha, tức Mạnh Tử, làm chủ đàn buổi cầu tiên. Trần Bách Niên, Tiền Huyền Đồng, Lưu Bán Nông đều có viết bài chống lại cái linh học đó trong tạp chí *Tân thanh niên*.

(2) *Quân chính phục cổ* : chỉ thời Viên Thế Khải âm mưu xưng đế, ý nói khôi phục đế chế. Hồi đó, có một tên bồi bút của Viên Thế Khải từng viết một bài đề là *Quân chính phục cổ luận* đăng trên báo, cho nên Lỗ Tấn mới gọi thời kỳ đó là thời kỳ quân chính phục cổ.

giả chống cự rồi bị giết, đều được cả. Cái này cũng thế, chết càng thê thảm, càng đau khổ, thì "liệt" càng cao. Nếu không kịp chống cự, lại bị ô nhục, sau đó mới liều mình, thì không tránh khỏi dư luận. Muốn một gặp được một nhà đạo đức khoan hồng, thì có lúc ông ta cũng có thể kể qua sự tích, thể tình cho và tặng cho một chữ "liệt". Nhưng văn nhân học sĩ, thì rất không muốn viết truyện về chị ta, nếu miễn cưỡng phải cầm bút, cuối cùng cũng không khỏi thêm vào mấy chữ "Tiếc thay, tiếc thay !".

Nói tóm lại, đàn bà chết chồng, cứ ở vậy, hoặc giả chết theo ; gặp kẻ cường bạo, rồi chết ; đem những người như thế ra tán dương một hồi, tức thì thế đạo nhân tình tốt lên, có thể cứu được Trung Quốc. Đại ý chỉ như thế.

Khang Hữu Vi mượn cái hư danh của hoàng đế, bọn *linh học* toàn dựa vào lời ma quỷ, nhưng biểu dương tiết liệt thì toàn quyên lại ở nhân dân. Thật là có ý nghĩa tự lực tiến dần. Có điều, tôi còn có mấy chỗ thắc mắc phải đề ra, lại muốn theo ý kiến riêng mà giải đáp. Tôi cho rằng thuyết "Tiết liệt cứu thế" đó là ý kiến của đại đa số quốc dân ; người chủ trương chỉ là "miệng lưỡi" mà thôi. Tuy miệng lưỡi nói ra lời, nhưng có quan hệ đến tứ chi, ngũ quan, thần kinh, nội tạng. Cho nên những thắc mắc và câu trả lời của tôi đều đưa ra trình bày trước đa số quốc dân đó.

Thắc mắc thứ nhất là : người đàn bà không tiết liệt (Trung Quốc gọi "không thủ tiết" là "thất tiết", còn "không liệt" thì không có thành ngữ nào, cho nên chỉ có thể gọi chung là "không tiết liệt"), hại đến quốc gia như thế nào ? Theo tình hình hiện nay, "nước không ra hồn nước", thì không phải nói nữa. Những chuyện táng tận lương tâm cứ xảy ra liền liền ; đạo binh, đạo tặc, thủy hạn, cơ hoang, lại cứ nối tiếp nhau. Nhưng có những hiện tượng như thế chỉ là vì không theo đạo đức mới, học vấn mới, hành vi tư tưởng đều sao chép cái cũ, cho nên mọi thứ đen tối cứ phảng phất giống những thời đại loạn lạc cổ xưa, huống hồ trong chính giới, quân giới, học giới, thương giới vân vân toàn là đàn ông, chứ không có người đàn bà không tiết liệt nào xen lẫn vào cả. Cũng vị tất đó là những người đàn ông có quyền lực, vì bị họ mê hoặc, mới mất lương tâm, phóng tay làm điều ác. Còn như thủy hạn, cơ hoang, là tai họa do cứ cúng Long Thần, rước Đại Vương, phá rừng rú, không tu sửa thủy lợi, là kết quả của việc không có tri thức mới ; càng không liên quan đến đàn bà. Chỉ có đao binh, đạo tặc, thường tạo ra nhiều phụ nữ không tiết liệt. Nhưng cũng là binh đao trước, rồi không tiết liệt sau, chứ không phải là vì họ không tiết liệt mới sinh ra đao binh đạo tặc.

Thắc mắc thứ hai là : làm sao trách nhiệm cứu đời lại toàn trút cho người đàn bà cả ? Nói theo phái cũ thì đàn bà là "âm loại", là "chủ nội"[1], là vật phẩm phụ thuộc người đàn ông. Thế thì việc trị thế cứu quốc chính là phải do "dương loại" chịu trách nhiệm, hoàn toàn nhờ vào "ngoại tử"[2], nhờ vào người chủ chốt, quyết không thể đem một việc to lớn như vậy đặt vào vai "âm loại" được. Nếu theo thuyết mới, thì nam nữ bình đẳng, nghĩa vụ như nhau. Giá thử bắt phải gánh vác trách nhiệm, thì gánh nặng cũng phải chia đôi, một nửa đàn ông kia, ai nấy đều phải làm tròn nghĩa vụ. Không những phải trừ khử mặt cường bạo mà còn phải phát huy mặt đạo đức tốt đẹp. Không thể toàn dựa vào việc trừng phạt, răn đe người đàn bà mà cho là làm trọn thiên chức.

Thắc mắc thứ ba là : biểu dương rồi, hiệu quả như thế nào ? Lấy tiết liệt làm gốc mà phân loại tất cả những người đàn bà còn sống, đại khái không ngoài ba loại : một loại là những người đã thủ tiết, cần phải biểu dương (những người "liệt" tất đã phải chết rồi, cho nên trừ ra ngoài) ; một loại là những người không tiết liệt ; còn một loại nữa là những người chưa xuất giá, hoặc chồng còn sống, lại chưa gặp cường bạo, có tiết liệt hay không, chưa thể biết được. Loại thứ nhất đáng được biểu dương, không phải bàn. Loại thứ hai, không tốt rồi ; Trung Quốc xưa nay không cho sám hối, người đàn bà mắc sai lầm là không thể bổ cứu được nữa, đành phải để cho họ xấu hổ mà tự tử đi thôi, cũng không cần phải bàn. Quan trọng bậc nhất chỉ là loại thứ ba. Bây giờ được cảm hóa, họ đều quyết tâm mà nói : "Nếu tương lai chồng chết, quyết không tái giá, gặp cường bạo thì tự sát ngay !". Thử hỏi quyết tâm như thế thì có quan hệ gì đến thế đạo nhân tâm của Trung Quốc khi người đàn ông làm chủ ? Lý do đó đã được giải thích trên kia.

Còn có một thắc mắc phụ nữa là : người tiết liệt được biểu dương, thế là phẩm cách cao nhất rồi. Thánh hiền thì ai ai cũng có thể học được, nhưng việc này lại không thể theo được. Giả thử người loại thứ ba, tuy lập chí rất cao, vạn nhất chồng vẫn sống dai, thiên hạ thái bình, thế là đành phải nuốt hận làm thinh, suốt đời làm hạng người tầm thường vậy.

Trở lên trên là căn cứ vào những điều thường thức ngày trước, nghiên cứu qua đã phát hiện ra nhiều mâu thuẫn rồi. Nếu thêm vào cái không khí của thế kỷ thứ XX nữa thì lại có những hai vấn đề :

---

(1) *Chủ nội* : làm chủ trong nhà.

(2) *Ngoại tử* : chồng. Tác giả chơi chữ nên chúng tôi để nguyên âm Hán *(N.D)*.

Một là, tiết liệt có phải là đạo đức hay không ? Đạo đức phải là cái phổ biến, mọi người nên làm, mọi người có thể làm được, lại đối với mình, đối với người, hai bên đều có lợi, như thế mới có lý do tồn tại. Bây giờ, cái gọi là tiết liệt, không những trừ đàn ông ra, tuyệt đối không liên quan đến, mà đàn bà cũng không thể ai nấy đều gặp cơ hội có cái danh dự đó. Cho nên, quyết không thể cho là đạo đức mà đưa ra làm tiêu chuẩn được. Bài *Bàn về trinh tiết*[1] đăng lần trước trên tờ *Tân thanh niên* đã nói rõ lý do rồi. Có điều "trinh" là chồng hãy còn sống, khác với "tiết" là chồng đã chết, còn đạo lý thì có thể cứ thế mà suy ra. Chỉ có "liệt" là kỳ quái, cần phải nghiên cứu kỹ hơn.

Theo cách phân loại *tiết liệt* trên kia, loại "liệt" thứ nhất kỳ thực cũng chỉ là thủ tiết, chẳng qua khác nhau ở chỗ một đằng sống, một đằng chết mà thôi. Bởi vì các nhà đạo đức phân loại toàn căn cứ vào chỗ sống hay chết, cho nên mới bỏ vào loại "liệt". Loại thứ hai thì tính chất khác hẳn. Loại này chẳng qua là kẻ yếu đuối (hiện nay, đàn bà vẫn còn là kẻ yếu đuối) bỗng gặp phải bọn cường bạo đàn ông. Cha, anh, chồng, đều không thể cứu được, làng xóm láng giềng cũng không giúp đỡ cho, thế là người đàn bà đó chết ; hoặc giả bị nhục rồi chết ; hoặc giả cuối cùng không chết. Mãi về sau, rất lâu, cha, anh, chồng, làng xóm, láng giềng, cùng với văn nhân học sĩ và các nhà đạo đức, dần dần tụ tập lại. Họ đã không xấu hổ vì mình khiếp nhược, bất lực, cũng không nói nên trừng trị bọn cường bạo như thế nào, chỉ nhao nhao lên, bàn tán xem người đàn bà có chết hay không, bị nhục hay không, chết thì tốt ở chỗ nào, sống thì xấu ở chỗ nào. Thế là họ tạo ra bao nhiêu liệt nữ quang vinh và bao nhiêu bất liệt nữ bị người đời dùng lời nói, dùng bút mực mà chửi mắng, xỉ vả. Chỉ cần bình tâm suy nghĩ thì thấy đó không giống việc mà nhân gian nên có, còn nói gì đến đạo đức !

Hai là, những người đàn ông nhiều vợ thì có tư cách để biểu dương tiết liệt hay không ? Nói thay nhà đạo đức ngày trước, nhất định là có thể biểu dương. Bởi vì phàm là đàn ông tức là đã có điểm khác người thường rồi, trên xã hội chỉ đáng có họ mà thôi. Mặt khác, họ lại dựa vào điển cố âm, dương, nội, ngoại, mà tỏ tài năng trước mặt người đàn bà. Nhưng đến ngày nay, mất loài người không khỏi đã nhìn thấy ánh sáng rồi ; người ta hiểu được rằng thuyết "âm, dương", "nội, ngoại" là láo toét. Mà dù có như vậy

---

(1) Bài này của một nữ văn sĩ Nhật Bản Dữ Tạ Dã Xương Tử, đăng ở tạp chí *Tân thanh niên* số tháng 5 năm 1918.

chăng nữa, cũng không thể chứng minh được rằng "dương" đáng tôn quý hơn "âm", "ngoại" cao thượng hơn "nội". Huống chi, quốc gia xã hội không phải chỉ do người đàn ông tạo nên. Cho nên đành phải tin vào chân lý nói rằng, nam nữ đều nhất luật bình đẳng. Đã là bình đẳng, thì người đàn ông cũng như người đàn bà đều có một khế ước nhất luật phải giữ. Người đàn ông quyết không thể lấy cái việc bản thân mình không giữ mà lại đòi hỏi riêng người đàn bà phải giữ. Nếu là hôn nhân theo lối mua bán, lừa dối, cống hiến, mà đòi hỏi trinh tiết lúc người đàn ông đang sống, còn không có lý, huống hồ những người đàn ông nhiều vợ lại biểu dương tiết liệt của người đàn bà !

Trở lên trên đã nói hết những điều thắc mắc và những câu giải đáp. Lý do lung tung như vậy, tại làm sao tiết liệt vẫn còn có thể tồn tại cho đến ngày nay ? Để trả lời câu hỏi này, trước hết phải xét xem tiết liệt, vì đâu mà sinh ra, vì đâu mà phổ biến, vì đâu mà không có sự cải cách ?

Trong xã hội thời cổ, người đàn bà phần lớn là vật phẩm của người đàn ông. Giết hay ăn thịt đều được cả. Người đàn ông chết, thì đem người đàn bà chôn theo, cùng với của quý mà người đàn ông thích, cùng với đồ binh khí mà người đàn ông dùng hàng ngày, càng được lắm. Về sau, phong tục chôn đàn bà như vậy thay đổi dần dần, thì cũng dần dần sinh ra việc thủ tiết. Nhưng đại để bởi vì người đàn bà góa là vợ ma, linh hồn người chết cứ bám theo, cho nên không ai dám lấy, chứ không phải là bắt chị ta không được thờ hai chồng. Phong tục đó, trong xã hội người dã man ngày nay vẫn còn. Tình hình Trung Quốc thời thái cổ như thế nào, bây giờ không biết tra khảo vào đâu cho tường tận, nhưng xem cuối đời Chu, tuy có lệ đem người sống chôn theo, nhưng không nhất thiết phải là đàn bà ; đã có chồng hay chưa, cũng tùy, không có cái gì bó buộc cả. Đủ thấy đã xa cái phong tục kia rồi, và như thế đã lâu ngày. Từ Hán đến Đường cũng không thấy hô hào tiết liệt. Cho đến triều Tống, bọn "nghiệp nho"(1) mới nói : "Chết đói là chuyện cực nhỏ, thất tiết mới là chuyện cực lớn"(2).

---

(1) *Nghiệp nho* : chỉ những người lấy Nho giáo làm nghề nghiệp. Khi học thuyết Khổng, Mạnh trở thành tư tưởng chính thống trong xã hội phong kiến thì những người tôn thờ Khổng, Mạnh đều tự xưng là "nghiệp nho". Ở đây, tác giả chỉ đạo học gia để xướng lễ giáo phong kiến.

(2) Đây là câu nói của Trình Di, một đạo học gia đời Tống. Có người hỏi : "Có những người góa chồng, nhà nghèo, không nơi nương tựa ; vậy có thể tái giá được không". Trả lời : "Đó là sợ về sau đói rét, cho nên mới nói như vậy. Nhưng chết đói là chuyện cực nhỏ, thất tiết mới là chuyện cực lớn".

Thấy trong lịch sử hai chữ "trùng thích"[1], họ hết sức ngạc nhiên. Thật tình hay cố ý, bây giờ khó mà đoán được. Hồi đó cũng là lúc "nhân tình ngày càng hư hỏng, nước không ra hồn nước", sĩ dân toàn quốc phần lớn chẳng ra gì, hoặc giả bọn "nghiệp nho" muốn mượn lời nói về người đàn bà thủ tiết để cổ võ người đàn ông chăng, cũng có thể như thế. Nhưng phương pháp cổ võ bóng gió, gián tiếp đó cũng không được đường hoàng, ý tứ cũng không được minh bạch lắm ; sau đó nhờ thế, có thêm được mấy người tiết phụ nữa thì không biết, nhưng quan, dân, tướng, sĩ, vẫn không vì thế mà cảm động. Thế là nước Trung Quốc vốn là nước "khai hóa sớm nhất, lại là nước đạo đức nhất", cuối cùng về tay "Tiết Thiền hoàng đế, Hoàn Trạch Đốc hoàng đế, Khúc Luật hoàng đế[2] gì gì của "trên trời trao mệnh"[3]. Sau đó, hoàng đế cũng thay đi thay lại mấy nhà, nhưng tư tưởng thủ tiết thì lại rất phát triển. Hoàng đế muốn cho thần tử tận trung, người đàn ông càng muốn cho người đàn bà thủ tiết. Đến triều Thanh, các nhà nho mới thật ghê gớm. Xem văn chương người đời Đường thấy có chuyện công chúa cải giá, họ cũng không khỏi nổi giận đùng đùng mà nói rằng : "Thế là cái gì ? Anh cũng không kiêng nể cả người tôn quý. Chả còn ra thể thống gì nữa !" Giá thử người đời Đường đó còn sống, thì nhất định phải "cách công danh"[4] để "chính nhân tâm, thuần phong tục".

Quốc dân sắp rơi vào địa vị bị chinh phục thì thủ tiết càng thịnh ; liệt nữ cũng từ đó được tôn trọng. Bởi vì đàn bà đã là sở hữu của đàn ông, mình chết, thì không được lấy người khác, mình còn sống, tất nhiên lại càng không để cho ai cướp đoạt. Nhưng mình lại là quốc dân bị chinh phục, không có sức che chở, không có dũng khí phản kháng, đành phải nghĩ ra cách khác, cổ võ đàn bà tự sát. Hoặc giả những người giàu sang, lắm vợ, những nhà phú ông tì thiếp từng đàn, thời buổi loạn ly, không thể lo liệu được, khi gặp "nghịch binh" (hoặc "thiên binh")[5] thì chẳng biết làm thế nào. Chỉ có thể cứu lấy thân và để người khác làm liệt nữ vậy. Đã thành liệt nữ thì "nghịch binh" không thèm nữa. Chờ lúc đã yên ổn, lục tục trở về, tán thưởng mấy

---

(1) *Trùng thích* : tái giá.

(2) Đời Nguyên, các hoàng đế đều có một huy hiệu bằng tiếng Mông Cổ. *Tiết Thiền* : huy hiệu của Nguyên Thế Tổ – Hốt Tất Liệt, có nghĩa là "thông minh trời cho" ; *Hoàn Trạch Đốc* : huy hiệu của Nguyên Thành Tông – Thiết Mục Nhĩ, có nghĩa là "sống lâu" ; *Khúc Luật* : huy hiệu của Nguyên Võ Tông – Hải Sơn, có nghĩa là "kiệt xuất".

(3) Câu này nguyên văn là *"Trường sinh thiên khí lực lý đại phúc âm hộ trợ lý"*, viết theo kiểu văn bạch thoại đời Nguyên. Đó là câu thường thấy đầu các chỉ dụ đời Nguyên, có nghĩa là "trên trời trao mệnh".

(4) Thời đại khoa cử, thi đỗ thì được công danh, kẻ có công danh mà phạm tội thì trước hết "cách công danh" đã, sau mới trị tội.

(5) Thời phong kiến, những cuộc khởi nghĩa hoặc quân đội chống lại hoàng đế đều gọi là "nghịch binh", còn quân đội của hoàng đế thì gọi là "thiên binh" (quân đội của thiên triều).

câu. Người đàn ông tục huyền, lại là thiên kinh địa nghĩa, hỏi vợ khác, thế là hết. Nhân đó, trên đời mới có *Song liệt hợp truyện, Thất cơ mộ chí*[1], thậm chí trong các tập của Tiền Khiêm Ích[2] cũng đầy rẫy những truyện và những lời ca tụng "tiết phụ họ Triệu", "liệt nữ họ Tiền".

Chỉ một xã hội trong đó người này không để ý đến người kia, đàn bà phải thủ tiết, mà đàn ông thì có thể có nhiều vợ, mới sinh ra một thứ đạo đức kỳ quái như vậy, và càng ngày càng chặt chẽ, càng hà khắc. Cái đó vốn cũng không lấy gì làm lạ. Nhưng kẻ chủ trương là người đàn ông, kẻ bị lừa là người đàn bà. Tại sao người đàn bà lại không có ý kiến gì cả ? Nguyên là "phụ giả, phục dã" – người đàn bà là phải phục tùng – theo lý là phải phục tùng mà phụng sự người khác. Tất nhiên, không cần phải giáo dục họ, họ mở miệng nói cũng là phạm pháp rồi. Tinh thần họ cũng như thể chất họ trở thành kỳ quái, cho nên đối với cái đạo đức kỳ quái đó, quả thực, họ chẳng có ý kiến gì hết. Dù có ý kiến, cũng không có cơ hội mà nói ra. Làm mấy bài thơ *Trong phòng khuê nhìn trăng, Trong vườn xem hoa* còn sợ người đàn ông mắng là ngứa nghề, nói chi đến việc dám phá bỏ cái "chính khí giữa cõi trời đất" đó ? Chỉ trong *Thuyết bộ thư*[3] có chép chuyện mấy người đàn bà, vì cảnh ngộ không muốn thủ tiết, nhưng theo lời người viết sách thì, sau khi tái giá, hồn người chồng trước về bắt đi, rồi phải xuống địa ngục ; hoặc là người đời chửi mắng, đến bước đi ăn xin, vào nhà nào cũng không cho, cuối cùng chết rất thảm ![4].

Tình hình như thế, người đàn bà không "phục tùng" cũng không được. Nhưng tại sao về phía người đàn ông lại không có ai bênh vực chân lý, cứ bỏ qua đi ? Từ đời Hán trở về sau, cơ quan ngôn luận đều bị "nghiệp nho" lũng đoạn. Từ Tống, Nguyên đến nay, lại càng ghê gớm. Chúng ta cơ hồ

---

(1) *Song liệt* : hai người liệt nữ cùng bị hy sinh một lúc. *Thất cơ mộ chí* : chuyện cuối đời Nguyên, đầu đời Minh. Con rể Trương Sĩ Thành, là Phan Nguyên Thiệu, bị Từ Đạt đánh thua ; y sợ bảy người thiếp của y bị đoạt, liền chạy về nhà, bắt thắt cổ chết, sau táng chung ở Tô Châu. Người đời Minh làm mộ chí.

(2) *Tiền Khiêm Ích* (1582 – 1664), làm quan đời Minh, khi quân Thanh sang, y ra hàng, do đó, bị mọi người khinh, thậm chí nhà Thanh cũng khinh. Đời Thanh, y bị đưa vào *Nhị thần truyện* (Truyện những kẻ thần bất trung). Y là tác giả *Sơ học tập, Hữu học tập*.

(3), (4) *Thuyết bộ thư* : chỉ những cuốn như *Hồ thiên lục* đời Thanh, trong đó, có chép chuyện như sau : "Ở Tô quận có một người vợ ông chủ quán chè, người nông thôn, tính lẳng lơ. Chồng chết, chưa được bốn chín ngày, đã lấy chồng khác... Bỗng nghe có tiếng gõ cửa dồn dập. Mở xem thì một ngọn gió lạnh tràn vào, rét tận xương. Dưới ngọn đèn leo lét, nghe tiếng ma rên rỉ, chị ta sợ bỏ đi vào. Sau đó, chị ta nói mê và bất tỉnh nhân sự. Tự xưng là người chồng trước đến đòi mệnh. Khóc mấy ngày rồi chết".

Lại có một cuốn sách khác kể chuyện sau : "Một anh nọ chết ở đất khách. Vợ ở nhà mang cả tài sản đi lấy chồng khác. Người chồng sau rượu chè cờ bạc, không chịu làm ăn. Không bao lâu, gia tài khánh kiệt. Ít lâu, người chồng sau cũng chết. Người đàn bà không kiếm ra ăn, phải đi ăn xin".

không thấy quyển sách nào không phải là của bọn "nghiệp nho", không nghe lời nói nào không phải là của kẻ sĩ. Trừ hòa thượng, đạo sĩ, những kẻ vâng mệnh triều đình được quyền ăn nói, còn những tiếng "dị đoan" quyết không thể lọt ra ngoài phòng ngủ được một bước. Huống chi người đời đại để đều chịu ảnh hưởng của bọn "Nho giả nhu dã"[1] ; bất thuật nhi tác[2] là điều tối phạm kỵ. Dù có người nhìn thấy chân lý cũng không chịu lấy tính mệnh mà đánh đổi. Thí dụ như chuyện thất tiết, lẽ nào không ai biết rằng phải có cả hai bên, nam và nữ, mới thực hiện được hay sao ? Nhưng người ta lại chỉ đổ trách nhiệm cho người đàn bà, còn như người đàn ông phá hoại tiết tháo của người đàn bà, cho đến bọn cường bạo gây ra chuyện "bất liệt", thì lại đều bỏ qua đi. Người đàn ông, so với người đàn bà, thì khó trêu chọc hơn ; trừng phạt cũng lại khó hơn biểu dương. Trong lúc đó, cũng có một vài người đàn ông, quả thực cảm thấy không yên tâm, nói những lời lẽ ôn tồn, như là "người con gái chưa về nhà chồng thì không nên giữ chí mà chết theo chồng"[3], nhưng xã hội không nghe. Nói nữa thì sẽ không dung thứ, và sẽ đối đãi như đối đãi với người đàn bà thất tiết. Thế là họ cũng biến thành *"nhu"*, không nói nữa. Cho nên đến nay chuyện tiết liệt ấy vẫn không hề thay đổi.

(Ở đây, cần phải thanh minh : hiện nay trong phái hô hào tiết liệt, tôi biết có những người có thể nói chắc chắn là tốt, bản tâm cũng tốt, nhưng phương pháp cứu thế của họ thì lại không đúng. Họ ngoảnh về hướng Tây để đi về phương Bắc. Có điều không thể vì họ là những người tốt, rồi cứ theo hướng Tây mà đi đến phương Bắc được. Cho nên tôi mong họ quay trở lại).

Còn một điều thắc mắc nữa là :

Tiết liệt có khó không ? Trả lời : rất khó. Đàn ông biết là rất khó, cho nên mới biểu dương. Dư luận xã hội xưa nay vẫn cho rằng trinh tiết hay không trinh tiết, dâm dục hay không dâm dục là do đàn bà cả. Đàn ông tuy dụ dỗ đàn bà, nhưng lại không chịu trách nhiệm. Thí dụ, anh A dụ dỗ chị B, chị B không bằng lòng, thế là *trinh tiết*, nếu chết, thế là *liệt*. Còn anh A

---

(1) Trong *Thuyết văn* có câu *"Nho, nhu dã"*. *Nhu* là ôn hòa, khiêm nhường, nhân đó mà không chủ trương phản kháng kịch liệt.

(2) Sách *Luận ngữ*, thiên *Thuật nhi*, có ghi lời Khổng Tử : *"Thuật nhi bất tác"*. Theo chú thích của Chu Hi thì *thuật* là truyền lại cái cũ, *tác* là sáng tác cái mới. Câu này về sau trở thành một câu châm ngôn khuyên người ta nên theo đạo đức, tư tưởng, chế độ truyền thống, không nên sáng tạo ra những cái mới. Do đó *"Bất thuật nhi tác"* là trái với câu châm ngôn trên.

(3) Đời Thanh có mấy nhà tư tưởng tiến bộ nhận thấy việc người con gái chưa xuất giá mà cũng phải tuẫn tiết là không hợp lý, đã phản đối cái đạo đức phong kiến đó.

thì không mang tiếng xấu và xã hội vẫn trong sạch như thường. Nếu chị B bằng lòng, thế là thất tiết : anh A cũng không mang tiếng xấu, nhưng phong tục thì đã bị chị B làm cho bại hoại rồi. Chuyện khác cũng như thế. Cho nên trong lịch sử, nguyên nhân mất nước tan nhà tất cả đều đổ cho đàn bà. Đàn bà cứ mơ mơ hồ hồ như thế gánh thay tất cả tội ác đã hơn ba nghìn năm rồi. Người đàn ông đã không chịu trách nhiệm, lại không biết tự xét mình, tất nhiên cứ yên trí mà dụ dỗ. Nhà văn làm sách nói về họ, vẫn khen. Cho nên, xung quanh người đàn bà cơ hồ đầy những mối nguy. Trừ cha, anh, chồng ra không kể, còn thì toàn là ma quỷ dụ dỗ. Cho nên tôi nói là rất khó.

Tiết liệt có khổ không ? Trả lời : rất khổ. Đàn ông biết rất khổ, cho nên mới biểu dương. Phàm là người thì ai cũng muốn sống. Liệt tất phải chết, không cần nói, nhưng tiết phụ thì còn sống. Cũng chưa bàn về nỗi đau khổ tinh thần, nội chuyện sống cũng là một nỗi đau khổ lớn rồi. Giả sử sinh kế người đàn bà có thể độc lập được, xã hội biết giúp đỡ cho, thì một mình cũng có thể gắng gượng mà sống. Không may tình hình Trung Quốc lại trái hẳn thế. Cho nên, có tiền còn khá, nghèo thì đành phải chết đói. Khi chết đói rồi có thể được cờ biển biểu dương, và còn được ghi tên vào sử sách. Cho nên cuối những cuốn truyện ký, chí thư của các huyện, các phủ, thường có mấy chương dành cho "liệt nữ". Một hàng một người, hoặc một hàng hai người, Triệu, Tiền, Tôn, Lý, nhưng xưa nay chưa ai đọc đến. Ngay những nhà đạo đức lớn suốt đời sùng bái tiết liệt, nếu có hỏi trong chí thư huyện họ, mười người liệt nữ đầu tiên là ai, sợ họ không nói được. Kỳ thực, những liệt nữ kia khi còn sống cũng như lúc chết rồi, chẳng có liên quan gì đến xã hội cả. Cho nên tôi nói là khổ.

Nói như vậy thì không tiết liệt có khổ không ? Trả lời : cũng rất khổ. Đối với dư luận xã hội, người đàn bà không tiết liệt là tồi. Xã hội không thể dung thứ cho họ được. Cái đạo lý mà đa số người đời xưa truyền lại trong xã hội một cách mơ hồ thế, quả thực là vô lý hết sức, có thể lấy lực lượng của lịch sử và của số đông mà ép những người không hợp ý với mình cho đến chết. Trong xã hội giết người, vô danh và vô ý thức này, xưa nay không biết bao nhiêu người đã phải chết đi ; người đàn bà tiết liệt cũng chết ở đấy. Có điều, chết rồi, có lúc họ còn được biểu dương, được ghi tên vào sử sách. Những người không tiết liệt thì lúc sống, bất cứ ai cũng có thể tùy tiện thóa mạ, bất cứ lúc nào cũng có thể bị ngược đãi mà chẳng rõ ai là thủ phạm chính. Cho nên tôi nói là rất khổ.

Bản thân người đàn bà có muốn tiết liệt không ? Trả lời : không. Người ta ai cũng có một lý tưởng, một hy vọng, tuy cao thấp khác nhau, nhưng tất phải có ý nghĩa. Có lợi cho mình, có lợi cho người khác, cố nhiên là tốt nhất, ít ra cũng phải có ích cho bản thân. Tiết liệt rất khó, rất khổ, đã không lợi cho người lại không lợi cho mình. Nói rằng bản thân người đàn bà muốn như thế, thì thật không hợp với nhân tình. Cho nên, giả thử gặp một người đàn bà còn trẻ mà ta thành tâm chúc cho tương lai sẽ thành tiết liệt thì nhất định người đó sẽ nổi giận, hoặc giả ta sẽ nhận được quả đấm của cha, anh, chồng người đó. Có điều người đó vẫn bị lực lượng của lịch sử và của số đông ép chặt, không thể nào thoát được. Nhưng bất cứ người nào cũng đều sợ cái tiết liệt đó cả, sợ nó bám chặt lấy mình và những người máu mủ của mình. Cho nên tôi nói họ không muốn.

Căn cứ vào những sự việc và những lý do trên, tôi kết luận : *tiết liệt* là một hành vi cực khó, cực khổ không ai muốn mình phải chịu, nhưng không lợi cho mình, không lợi cho người, vô ích đối với quốc gia, đối với xã hội, mà đối với nhân sinh, đối với tương lai cũng không có ý nghĩa gì cả, bây giờ không có giá trị, không có lý do tồn tại nữa rồi.

Cuối cùng còn một thắc mắc :

Tiết liệt nay đã không còn có giá tị, không còn lý do tồn tại nữa, vậy thì người đàn bà tiết liệt lẽ nào phải chịu khổ một cách vô ích ? Có thể trả lời rằng : còn có giá trị để cho ta thương xót. Họ là những người đáng thương, bất hạnh, nên mắc vào cạm bẫy vô ý thức của lịch sử và của đa số mà làm vật hy sinh vô danh. Có thể làm một lễ truy điệu.

Chúng ta truy điệu những người trong quá khứ, và còn phải thề : sẽ làm cho mình và người khác trong sạch, thông minh, dũng cảm tiến lên, sẽ bỏ cái tiếng thơm giả dối, sẽ trừ bọn cường bạo và sự ngu muội có hại cho mình và cho người.

Chúng ta truy điệu những người trong quá khứ và còn phải thề : sẽ trừ những nỗi đau khổ không có ý nghĩa đối với nhân sinh, sẽ trừ bọn cường bạo và sự ngu muội gây ra và thưởng thức nỗi đau khổ của người khác.

Chúng ta còn phải thề : sẽ làm cho loài người hưởng được một nguồn hạnh phúc chính đáng.

Tháng 7 năm 1918

(Tập ***Nấm mồ***)

2. NGÀY NAY CHÚNG TA LÀM CHA NHƯ THẾ NÀO ?*

Thật ra, viết bài này, mục đích của tôi là muốn nghiên cứu xem nên cải cách gia đình như thế nào. Bởi vì ở Trung Quốc, quyền của kẻ làm cha làm mẹ rất to, quyền kẻ làm cha lại càng to hơn, cho nên tôi muốn phát biểu một số ý kiến về vấn đề cha con, một vấn đề xưa nay được coi là thần thánh, bất khả xâm phạm. Nói tóm tắt là : đã cách mạng thì phải cách từ ông bố cách đi. Nhưng tại sao lại phải làm cho to chuyện, nêu chín chữ ấy lên làm đầu đề ? Có hai lý do :

Một là, có hai cái ai mà động đến thì bọn "đồ đệ thánh hiền" Trung Quốc[1] giận lắm. Một cái bất tất phải nói ra và cũng chẳng liên quan gì đến chúng ta ; một cái nữa là luân thường[2] của họ, chúng ta thường không khỏi ngẫu nhiên bàn tán vài câu, cho nên, rút cây động rừng, bị họ gán cho những danh từ rất xấu, nào là "phá hoại luân thường", nào là "có những hành vi cầm thú". Họ cho rằng, cha đối với con có một quyền lực và một uy nghiêm tuyệt đối. Nếu là cha, tất nhiên nói gì cũng được, còn con thì chưa nói đã sai rồi. Nhưng ông, cha, con, cháu mỗi người vốn chỉ là một nhịp cầu của sự sống mà thôi, chẳng có gì là cố định, bất di bất dịch cả. Ngày nay là con, tương lai sẽ là cha và cũng sẽ là ông. Tôi biết tôi với bạn đọc, nếu giờ đây chúng ta chưa có trách nhiệm làm cha, thì nhất định cũng là

(*) Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Tân thanh niên* tháng 11 năm 1919.

(1) *Đồ đệ thánh hiền* : chỉ những người như Lâm Cầm Nam hồi bấy giờ ra sức ủng hộ văn học cũ và đạo đức cũ. Những câu như *"phá hoại luân thường"*, *"có những hành vi cầm thú"* là những lời bọn họ công kích phong trào tân văn hóa. Bọn họ có nhắc đến chuyện Lý Trác Ngô (1527 – 1602), người đời Minh, có tư tưởng mới, phản đối phái đạo học, chủ trương nam nữ tự do hôn nhân, cuối cùng bị vu là "cùng kỹ nữ tắm giữa ban ngày", "quyến rũ vợ người", rồi bị bắt ngồi tù, và tự sát trong ngục.

(2) *Luân thường* : đạo đức luân lý của xã hội phong kiến. Vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè là *ngũ luân*, cũng gọi là *ngũ thường*, gọi chung là *luân thường*. Trong đó căn bản là vua tôi, cha con, vợ chồng, gọi là *tam cương*.

những người cha dự bị, và cũng đều có hy vọng trở thành những người ông. Chỉ là vấn đề thời gian thôi. Vì muốn giảm bớt nhiều nỗi phiền phức sau này, chúng ta không nên khách khí, cứ chiếm lấy phần thuận tiện trước, lấy cái uy nghiêm của kẻ làm cha mà bàn chuyện giữa chúng ta và con cái chúng ta. Như thế không những sau này đem ra thực hiện sẽ bớt khó khăn, mà ở Trung Quốc cũng sẽ có một lý luận hẳn hoi, để bọn "đồ đệ thánh hiền" nghe khỏi phải sợ hãi. Cũng có thể cho là nhất cử lưỡng tiện. Cho nên mới nói là "Chúng ta làm cha như thế nào ?".

Hai là, về vấn đề gia đình, trong những bài *Ghi theo cảm hứng*[1] (25, 40, 49) trên tờ *Tân thanh niên*, tôi đã nói sơ qua rồi. Đại ý là, bắt đầu từ chúng ta, chúng ta sẽ giải phóng cho lớp người đến sau. Giải phóng con cái, đó là chuyện rất bình thường, tất nhiên chẳng có gì phải bàn cả. Nhưng ở Trung Quốc, những người già bị trúng phải cái nọc độc tập quán cũ, tư tưởng cũ quá nặng, không làm sao tỉnh ngộ được. Thí dụ, buổi mai nghe quạ kêu, bọn thanh niên thì không lấy làm điều, nhưng những người già mê tín thì thế là cứ buồn suốt buổi. Đáng thương hại thật, nhưng không có cách nào cứu chữa. Không có cách nào, nên đành phải bắt đầu từ những người tỉnh ngộ trước, người nào sẽ giải phóng cho con cái người ấy. Chúng ta sẽ gánh lấy cái gánh nặng của tập quán, vai ghì lấy cái cánh cửa chặn bóng tối, thả cho chúng nó ra chỗ rộng rãi, sáng sủa, rồi từ đó được sống sung sướng, được làm người một cách hợp lý.

Lại nữa, có lần tôi nói tôi không phải là một nhà sáng tác, thì liền bị bài *Lời giáo huấn mới* trên báo Thượng Hải chửi cho một trận[2]. Nhưng chúng ta bình luận việc gì, trước hết là phải bình luận về mình đã. Không giả dối mới có thể nói ra nói, không thẹn với mình, không thẹn với người. Tôi tự biết tôi không những không phải là một nhà sáng tác mà cũng không phải là một nhà phát hiện chân lý. Những điều tôi nói, tôi viết, chỉ là chút ít đạo lý lấy trong sự việc tai nghe mắt thấy thường ngày, mà thâm tâm tôi cho là đúng ; còn như cuối cùng rồi sẽ ra sao, thì không thể biết được. Vài năm sau nữa, học thuyết sẽ tiến bộ, sẽ thay đổi đến mức nào, tôi cũng không hay. Chỉ tin tưởng rằng nhất định sẽ tiến bộ, sẽ thay đổi mà thôi. Cho nên mới nói "ngày nay, chúng ta làm cha như thế nào" ?

---

(1) Những bài để *Ghi theo cảm hứng* là những bài bình luận ngắn về xã hội, thời sự, đăng trên tạp chí *Tân thanh niên* từ tháng 4 năm 1918, đánh số 1 đến 55, sau thu thập trong tập *Gió nóng*.

(2) Ở đây, Lỗ Tấn nhắc đến chuyện tờ phụ trương *Thời báo Thượng Hải* công kích ông về những ý kiến ông viết trong các bài *Ghi theo cảm hứng* số 43, 44, 53, về sáng tác mỹ thuật mới, mong mỏi những sáng tác mỹ thuật mới có thể giúp cho xã hội cải tạo v.v... trong đó có câu : *Tôi không có tài, không thể sáng tác được, nhưng cũng phải học tập*".

Hiện nay đạo lý mà trong lòng tôi, tôi cho là phải, nó hết sức giản đơn. Căn cứ vào hiện tượng giới sinh vật thì, một, phải bảo tồn sự sống ; hai, phải kéo dài sự sống ra ; ba, phải phát triển sự sống (tức là tiến hóa). Sinh vật đều làm như thế, cha cũng phải làm như thế.

Bây giờ hãy không bàn về giá trị của sự sống, giá trị đó cao thấp thế nào. Chỉ căn cứ vào thường thức mà phán đoán cũng biết đã là sinh vật thì quan trọng nhất tất nhiên là sự sống. Bởi vì sinh vật sở dĩ là sinh vật hoàn toàn là ở chỗ sự sống đó, bằng không thì không còn là sinh vật nữa. Để bảo tồn sự sống, sinh vật có các thứ bản năng, rõ ràng nhất là "thực dục". Vì "thực dục", mới đi tìm kiếm thức ăn, vì có thức ăn mới sinh ra nhiệt độ, bảo tồn sự sống. Nhưng cá thể sinh vật không khỏi suy yếu rồi chết đi ; để kế tục sự sống, lại có một bản năng khác, tức là "tính dục". Vì tính dục mới có tính giao, vì có tính giao mới đẻ ra con cái, kế tục sự sống. Cho nên, thực dục là cái bảo tồn bản thân mình, bảo tồn sự sống hiện tại ; tính dục là cái bảo tồn nòi giống, bảo tồn sự sống vĩnh cửu. Ăn uống không phải là tội ác, không có gì bẩn thỉu cả. Tính giao cũng không phải là tội ác, không có gì là không sạch sẽ cả. Kết quả của việc ăn uống là nuôi sống mình, đối với mình không có ơn huệ gì. Kết quả của tính giao là đẻ ra con cái, đối với con cái cũng không thể kể là ơn huệ được. Kẻ trước người sau, ai cũng đều là người đi trên con đường sự sống dài dằng dặc ấy, chỉ khác ở chỗ kẻ đi trước, người đi sau mà thôi, không phân biệt được ai chịu ơn huệ ai.

Đáng tiếc, cách hiểu cũ của người Trung Quốc hoàn toàn trái ngược với đạo lý đó. Vợ chồng "nằm trong nhân luân", thì lại nói là "bắt đầu của nhân luân" ; tính giao là việc thường tình, thì lại cho là không sạch sẽ ; sinh dục cũng là chuyện thường tình, thì lại cho là công ơn to bằng trời bằng bể. Đối với việc hôn nhân, đại để ai cũng đều có một ý nghĩ không trong sạch. Bà con bạn bè hay đưa ra đùa cợt, mà mình cũng cảm thấy xấu hổ, đến khi sinh đẻ thì giấu giấu giếm giếm, không dám nói ra ; nhưng chỉ đối với con cái, thì lại hết sức uy nghiêm. Hành vi đó thật có thể nói không hơn gì ăn trộm mà trở thành giàu có. Tôi không nói – như bọn công kích nghĩ – việc tính giao của con người cũng nên như các động vật khác, tiện đâu làm đó ; hoặc như bọn lưu manh vô liêm sỉ, chuyên làm những việc hạ lưu rồi tự cho là đắc ý. Tôi chỉ nói, những người tỉnh ngộ từ nay về sau nên gột cho sạch những tư tưởng bẩn thỉu cố hữu của phương Đông, để cho thuần khiết, minh bạch hơn, nên hiểu rõ ý nghĩa vợ chồng là bạn lứa, là những người cùng lao động, lại là những người sáng tạo ra sự sống mới. Cố nhiên con cái đẻ

ra là kẻ tiếp thụ sự sống mới đó, nhưng chúng nó cũng không thể giữ được mãi mãi, tương lai sẽ phải giao lại cho con cái, như cha mẹ chúng nó trước kia. Chỉ là kẻ trước người sau, ai cũng đều là người trung gian, chuyển tay cho nhau mà thôi.

Vì sao sự sống lại phải được kế tục ? Là bởi vì phải phát triển, phải tiến hóa. Cá thể đã không tránh khỏi chết, mà tiến hóa thì lại vô cùng vô tận, cho nên chỉ có thể kéo dài ra, đi theo con đường tiến hóa. Đi theo con đường đó, phải có một sự nỗ lực nội tại, như những động vật đơn tế bào có cái nỗ lực nội tại, tích lâu ngày mới trở thành phức tạp. Động vật không có xương sống có nỗ lực nội tại, tích lâu ngày mới có xương sống. Cho nên, sự sống đến sau, so với sự sống trước nó, có ý nghĩa hơn, gần hoàn toàn hơn, do đó, cũng có giá trị hơn, quý báu hơn. Sự sống trước nên hy sinh cho nó.

Nhưng đáng tiếc là cách hiểu cũ của người Trung Quốc lại hoàn toàn trái ngược với đạo lý đó. Đáng phải lấy người trẻ làm bản vị, thì lại lấy người lớn làm bản vị ; đáng phải cho tương lai là quan trọng, thì lại cho quá khứ là quan trọng. Người trước làm vật hy sinh cho người trước nữa, tự mình không có sức sinh tồn, lại bắt buộc người sau chuyên hy sinh cho mình, hủy hoại tất cả năng lực phát triển bản thân. Tôi cũng không nói – như những người công kích nghĩ – cháu đáng lý ra phải suốt ngày đánh đập ông, và con thì nên chửi mắng cha mẹ luôn luôn. Tôi chỉ nói, những người tỉnh ngộ từ nay về sau nên gột rửa những tư tưởng sai lầm cố hữu của phương Đông ; đối với con cái, nên tăng tư tưởng nghĩa vụ mà bớt tư tưởng quyền lợi một cách thiết thực, để chuẩn bị thay đổi theo đạo đức lấy người trẻ làm bản vị. Huống hồ trẻ được quyền lợi cũng không phải là chiếm lấy đời đời. Sau này họ cũng sẽ phải làm tròn nghĩa vụ đối với những người trẻ của họ. Chỉ là kẻ trước người sau, ai cũng là người trung gian, chuyển tay cho nhau mà thôi.

"Giữa cha con không có ơn huệ gì", câu nói đó là một nguyên nhân lớn làm cho bọn "đồ đệ thánh hiền" đỏ mặt tía tai. Sai lầm của họ là ở chỗ lấy người lớn làm bản vị, và nặng về tư tưởng lợi kỷ, tư tưởng quyền lợi, còn nhẹ về tư tưởng nghĩa vụ và tinh thần trách nhiệm. Họ cho rằng quan hệ giữa cha con chỉ nên ở chỗ "cha sinh ra ta" ; người trẻ phải hoàn toàn là sở hữu của người lớn. Tồi tệ hơn nữa là nhân đó mà mong được báo đền, cho rằng người trẻ đáng lý phải hoàn toàn hy sinh cho người lớn. Họ không biết rằng, theo sự sắp đặt của giới tự nhiên, thì mọi việc đều trái với một đòi hỏi như thế. Từ trước đến nay, chúng ta làm trái với lẽ trời, cho nên năng lực của con người bị thu hẹp rất nhiều, sự tiến bộ của xã hội cũng theo đó

mà đình trệ. Tuy chúng ta không thể nói đình trệ cũng gần con đường diệt vong rồi.

Sự sắp đặt của giới tự nhiên, tuy không khỏi có khuyết điểm, nhưng phương pháp kết hợp người lớn và người trẻ thì không sai. Nó không dùng "ơn nghĩa" mà lại cho sinh vật một thứ thiên tính. Chúng ta gọi là "tình thương yêu". Trong giới động vật, trừ những loài như cá là loài sinh nở quá nhiều, không thể thương yêu cả đàn, còn vật nào cũng thương con. Đó là một tâm tình hết sức vô tư, thậm chí có khi phải hy sinh bản thân mình để cho sự sống tương lai của nó được tiếp tục phát triển mãi mãi.

Loài người cũng thế. Trong gia đình Âu, Mỹ, đại để người ta lấy người trẻ, người yếu làm bản vị. Đó là biện pháp hết sức thích hợp với chân lý trên của sinh vật học. Ngay ở Trung Quốc, người nào tâm tư còn trong trắng, chưa từng bị các "đồ đệ thánh hiền" giày xéo, tự nhiên cũng thấy được thứ thiên tính đó. Thí dụ, người phụ nữ nông thôn khi cho con bú quyết không nghĩ rằng mình đang làm ơn ; anh nông dân khi lấy vợ cũng quyết không nghĩ rằng mình đang cho vay nợ. Chỉ là có con thì tự nhiên thương yêu con, muốn cho con sống ; tiến thêm một bước nữa, thì muốn cho con hơn mình. Đó là lẽ tiến hóa. Cái đó khác hẳn với tình thương yêu theo kiểu quan hệ trao đổi, quan hệ lợi hại, tức sợi dây thừng nhân luân, tức cái gọi là "cương". Nếu cứ theo thuyết cũ, không kể đến "tình thương yêu", chỉ nói đến "ơn nghĩa", rồi lại nhân đó mong được báo đền, như thế chẳng những làm bại hoại đạo đức giữa cha con, mà cũng rất trái với chân tình thực tế của kẻ làm cha làm mẹ, gieo rắc ra một thứ giống quái ác. Có người làm một bài hát bảo là "khuyên điều hiếu", đại ý nói "con đi học, mẹ ở nhà chà hạt hạnh nhân, nấu cho con về ăn, thế mà con không biết hiếu thảo với cha mẹ hay sao ?", cho như thế là mình "hết sức bảo vệ đạo đức". Đâu có biết rằng sữa hạnh nhân của nhà giàu so với sữa đậu nành của nhà nghèo, về mặt tình thương yêu, đều có giá trị ngang nhau, mà giá trị của nó chính ở chỗ lúc bấy giờ kẻ làm cha mẹ không nghĩ đến việc đền đáp. Bằng không thì sẽ biến thành một việc buôn bán rồi. Tuy là cho con uống sữa hạnh nhân, nhưng cũng chẳng khác gì "lấy sữa người nuôi lợn"[1], chỉ là muốn cho thịt lợn béo ngon mà thôi, đứng về mặt đạo đức nhân luân, không có giá trị gì hết.

Cho nên cái bây giờ tôi cho đúng, tức là "tình thương yêu".

---

(1) Trong sách *Thế thuyết tân ngữ* có ghi câu chuyện lấy sữa người nuôi lợn như sau : Tấn Võ Đế - Tư Mã Viêm, một hôm đến nhà Vương Tế ăn cơm, nếm món thịt lợn nấu tần, thấy ngon đặc biệt, bèn hỏi. Thì té ra là con lợn đó được nuôi bằng sữa người.

Bất cứ người nào, nước nào cũng đều thừa nhận rằng "tự yêu mình" là điều rất nên. Đó là cơ sở của việc bảo tồn sự sống, và cũng là nền tảng của việc kế tục sự sống. Bởi vì vận mệnh tương lai là do hiện tại quyết định, khuyết điểm của cha mẹ là nguyên nhân sự diệt vong của con cháu và là nguy cơ của sự sống. Ibsen viết cuốn *Bầy ma* (bản dịch của Phan Gia Tuân đăng trên tạp chí *Tân triều*, số 5) tuy chủ yếu nói về vấn đề nam nữ, nhưng chúng ta cũng có thể thấy được di truyền dễ sợ như thế nào. Âu Sĩ Hoa là người có tài sáng tác và lại rất yêu đời, nhưng vì bố trước kia không giữ gìn, nên anh bị nhiễm độc khi còn trong lòng mẹ, thành ra giữa tuổi thanh xuân mà phải đau yếu, ngoặt nghẹo. Anh lại rất yêu mẹ, không muốn phiền mẹ săn sóc mãi, nên anh giấu moocphin trong người, định khi nào cơn bệnh lên, thì nhờ người ở gái – Thụy Câm, giúp anh uống vào cho chết quách đi. Nhưng Thụy Câm bỏ đi ra. Thế rồi anh đành phải nhờ mẹ.

Âu – Mẹ ơi, bây giờ mẹ phải giúp cho con !

Bà A – Mẹ ấy à ?

Âu – Chẳng ai bằng được mẹ.

Bà A – Mẹ ! Mẹ của con !

Âu – Chính vì thế.

Bà A – Mẹ ! Mẹ đẻ con ra !

Âu – Con không hề nhờ mẹ sinh con ra. Và lại mẹ đã đưa lại cho con một cuộc sống như thế nào ? Con không thích cuộc sống như thế này, mẹ lấy lại đi !

Đoạn miêu tả này, quả thực những kẻ làm cha làm mẹ chúng ta nên kinh hãi mà kính phục. Chúng ta không thể che giấu lương tâm mà nói đứa con cứ nên chịu tội mới phải. Việc như thế ở Trung Quốc rất nhiều. Ai làm ở bệnh viện có thể thấy được thảm trạng các em bé nhiễm nọc độc giang mai trước khi ra đời ; và người ngang nhiên mang đến, lại là cha mẹ các em. Nhưng di truyền đáng sợ nhất lại không phải chỉ là nọc độc giang mai. Có những điểm về tinh thần, về thể chất khác cũng có thể truyền cho con cháu, và đời này sang đời khác, đến xã hội cũng chịu ảnh hưởng. Chúng ta không bàn về nhân quả, chỉ nói về con cái, cũng có thể nói rằng, phàm những kẻ không tự yêu mình thì quả thực còn thiếu tư cách làm cha. Nếu cứ muốn làm cha, thì chẳng qua cũng như đời xưa giặc cỏ xưng vương mà thôi, không thể nào cho là chính thống được. Tương lai học vấn phát triển, xã hội được

cải tạo, nòi giống mà họ tình cờ lưu lại e không khỏi bị những người thiện chủng học (eugènics)[1] xử trí.

Nếu bây giờ cha mẹ không truyền lại cho con cái khuyết điểm nào về tinh thần cũng như về thể chất, lại không gặp một chuyện gì bất ngờ, thì con cái tất nhiên sẽ mạnh khỏe, và như vậy cơ thể xem ra đã đạt được mục đích kế tục sự sống rồi. Nhưng nhiệm vụ của kẻ làm cha làm mẹ vẫn chưa hết, bởi vì sự sống tuy được kế tục, nhưng nó lại không thể đình trệ được, cho nên còn phải làm cho sự sống mới đó phát triển lên nữa. Phàm động vật hơi cao cấp, đối với con cái, trừ nuôi nấng che chở không kể, lại còn phải bày cho chúng nó những bản lĩnh cần thiết để sinh tồn. Thí dụ, chim thì bày cho con biết bay lượn, thú dữ thì bày cho con biết bắt mồi. Loài người lại cao hơn mấy cấp nữa, cho nên cũng có thiên tính muốn con cái tiến lên. Đó cũng là tình thương yêu, trên kia thì nói đối với hiện tại, bây giờ thì đối với tương lai. Người ta hễ tư tưởng không bị trói buộc, thì ai cũng muốn cho con cái hơn mình, mạnh khỏe hơn mình, thông minh, cao thượng hơn mình, hạnh phúc hơn mình ; tức là vượt qua mình, vượt qua quá khứ. Muốn vượt qua thì phải thay đổi, cho nên đối với việc của tổ tiên, con cháu phải thay đổi đi. "Tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vi hiếu hĩ" (Ba năm không thay đổi đạo cha, có thể gọi là có hiếu được)[2] là một câu nói ngược đời. Đó là căn bệnh làm cho con cái thụt lùi. Giả thử các động vật đơn tế bào đời thượng cổ cũng theo lời giáo huấn đó thì sẽ vĩnh viễn không dám chia rẽ ra, trở thành phức tạp thêm, và trên thế giới cũng không có loài người nữa.

May mà những lời giáo huấn loại như thế, tuy đã làm hại nhiều người đấy, nhưng cũng chưa thể làm mất hẳn thiên tính của con người đi được. Những người chưa hề đọc "sách thánh hiền" còn có thể để cho thiên tính đó luôn luôn được bộc lộ và nảy mầm dưới búa rìu của danh giáo. Đó là nguyên nhân vì sao người Trung Quốc tuy cằn cỗi, điêu linh, nhưng vẫn chưa hoàn toàn bị tê liệt.

Cho nên, những người tỉnh ngộ từ nay về sau sẽ làm cho tình thương yêu thiên tính đó rộng rãi thêm, thuần khiết thêm ; biết thương yêu không kể đến mình, biết hy sinh mình cho lớp người mới đến sau. Điều thiết yếu *thứ nhất* là hiểu. Trước kia nhận thức của người Âu châu đối với trẻ con sai lầm ở chỗ cho các em là người lớn dự bị, còn người Trung Quốc thì sai lầm ở chỗ cho các em là người lớn thu nhỏ lại. Mãi cho đến gần đây, nhờ công

(1) Môn học tìm những điều kiện tốt nhất cho sự sống.
(2) Đó là một lời giáo huấn về đạo hiếu của đạo Khổng. Chữ trong *Luận ngữ*.

nghiên cứu của bao nhiêu học giả, mới biết rằng thế giới trẻ em khác hẳn thế giới người lớn. Nếu không tìm hiểu trước, cứ làm bừa, thì rất trở ngại cho sự phát triển của trẻ em. Cho nên bất cứ biện pháp nào cũng phải lấy trẻ em làm bản vị cả. Ở Nhật Bản những năm gần đây, rất nhiều người đã tỉnh ngộ ; những biện pháp thi hành đối với trẻ em cũng như việc nghiên cứu về trẻ em rất được chú ý. *Hai* là chỉ đạo. Thời thế đã thay đổi, thì đời sống cũng phải tiến hóa ; cho nên người sau nhất định hơn người trước, quyết không thể dùng một khuôn khổ như nhau và gò bó một cách vô lý được. Người lớn phải là người chỉ đạo, là người dàn xếp, chứ không thể là người ra mệnh lệnh. Không những không nên bắt người trẻ cung phụng mình, mà mình phải đem hết tinh thần phục vụ họ, rèn luyện cho họ có một thể lực để làm việc dẻo dai, những đạo đức cao thượng, thuần khiết, một tinh thần rộng rãi, tự do, có thể dung nạp trào lưu mới, tức là một lực lượng có thể vẫy vùng trong trào lưu mới của thế giới, chứ không bị chết chìm trong đó. *Ba* là giải phóng. Con cái là của ta, mà cũng không phải là của ta. Nhưng đã phân lập ra, thì đó là người của nhân loại. Vì là của ta, cho nên ta càng cần phải làm trọn nghĩa vụ giáo dục, để cho các em có năng lực tự lập ; vì không phải là của ta, cho nên đồng thời ta cũng phải giải phóng, để cho các em hoàn toàn là của các em, trở thành những con người độc lập.

Như vậy tức là cha mẹ đẻ con ra phải cho khỏe mạnh, hết sức giáo dục và giải phóng hoàn toàn cho nó.

Nhưng có người sợ rằng hình như từ nay về sau, kẻ làm cha mẹ không còn có gì nữa, và như thế thì buồn chết. Sự sợ hãi trống trải và cảm giác buồn bã đó cũng là do tư tưởng sai lầm cũ sinh ra. Nếu biết chân lý của sinh vật học, tự nhiên sẽ hết. Nhưng cha mẹ muốn giải phóng con cái cũng cần phải chuẩn bị một thứ năng lực. Tức là, tuy mình mang theo cái sắc thái của quá khứ rồi, nhưng lại không mất tinh thần và bản lĩnh độc lập, mà có một hứng thú rộng rãi, một niềm vui sướng cao thượng. Muốn hạnh phúc ư ? Thì sẽ cùng hạnh phúc với sự sống tương lai của mình. Muốn "cải lão hoàn đồng" "phục hồi thời tráng niên" ư ? Con cái tức là "tráng niên phục hồi" đó, độc lập mà lại hoàn thiện hơn. Như vậy mới hết nhiệm vụ người lớn và sẽ được an ủi. Còn nếu bản lĩnh, tư tưởng cứ theo như cũ hết, chuyên môn "làm ổn ào lên trong gia đình"[1], tự hào về ngôi thứ của mình, như thế thì tất nhiên không khỏi đau khổ thấy trống trải và buồn bã.

---

(1) Nguyên văn : "bột khô" : một chữ lấy trong sách *Trang Tử*.

Có kẻ lại sợ giải phóng rồi, cha con sẽ xa cách, lạt lẽo đi. Ai cũng biết từ lâu rằng gia đình Âu, Mỹ không chuyên chế như gia đình Trung Quốc ; trước kia tuy có người cho như thế là cầm thú, nhưng bây giờ thì đến những đồ đệ thánh hiền, "bảo vệ hạnh phúc" cũng từng biện hộ cho họ rồi, nói họ chẳng phải là "những đứa con bất hiếu, những đứa em phản bội cả đâu"(1). Thế đủ biết, chỉ có giải phóng cho con cái thì mới là thân thiết ; chỉ có những bậc phụ huynh không "câu thúc" con em, thì mới không có "những người con ngỗ nghịch, những đứa em phản bội" phản đối lại sự "câu thúc" đó. Nhược bằng lấy uy lực mà áp bức, lấy lợi lộc mà dỗ dành, thì dù thế nào, cũng không thể lâu dài được(2). Thí dụ như Trung quốc ta, đời Hán có cử hiếu, đời Đường có khoa thi hiếu đễ lục điển, cuối Thanh cũng có hiếu liêm phương chính, đều có thể đổi hiếu lấy chức quan(3), ơn cha tuyên bố trước, ơn vua thi hành sau. Ấy thế mà những người "xẻo đùi"(4) cũng rất hiếm. Đủ chứng tỏ học thuyết cũ, thủ đoạn cũ của Trung Quốc thực tế xưa nay đều vô hiệu, mà lại làm cho kẻ xấu càng giả dối thêm, và người tốt vô duyên vô cớ phải chịu những nỗi đau khổ, chẳng lợi gì cho người và cho mình.

Chỉ có "tình thương yêu" mới thật. Lộ Túy dẫn lời Khổng Dung : "Cha đối với con có thân thiết gì đâu ? Xét bản ý, quả là vì tình dục mà sinh ra đó thôi. Con đối với mẹ cũng chẳng cần có tình nghĩa gì, thí dụ bỏ vật gì vào trong bình, lấy ra thì vật đó sẽ lìa khỏi bình". (Nhà họ Khổng, thời cuối Hán, quả có những người kỳ lạ, rất đặc biệt, chứ không đến nỗi vắng vẻ như bây giờ. Câu đó có lẽ là Bắc Hải tiên sinh nói thật. Có điều, công kích ông lại là Lộ Túy và Tào Tháo thì làm cho người ta phải phì cười)(5). Tuy

---

(1) Những chữ trong ngoặc kép đều của Lâm Cầm Nam – một nhà văn theo thuyết phục cổ đương thời.

(2) Nguyên văn : "*Vạn niên hữu đạo chi trường*" (Vạn năm có đạo lâu dài) : một câu thành ngữ ngày trước thần dân dùng để ca tụng triều đình.

(3) *Cử hiếu* : một biện pháp chọn quan lại đời Hán. Các địa phương đề cử những người thờ cha mẹ có hiếu lên triều đình để bổ dụng làm quan. *Hiếu đễ lục điển* là một loại khoa cử đời Đường (đời Hán cũng đã có rồi), các địa phương đưa danh sách lên, triều đình đặt khoa thi bổ dụng hoặc cho phần thưởng. *Hiếu liêm phương chính* là tên một thứ khoa cử đời Thanh, do châu huyện cử lên, quan đốc vũ xét thực. Đó là những con đường ra làm quan của thân sĩ và người có thế lực thời phong kiến.

(4) *Xẻo đùi* : một điều rất tàn nhẫn, rất vô lý trong lễ giáo phong kiến. Khi cha mẹ ốm nặng, thì con cái xẻo thịt ở đùi đưa cho ăn, hy vọng sẽ lành.

(5) *Khổng Dung* (153 - 208), từng làm tướng Bắc Hải thời Hán Hiến Đế, cho nên cũng gọi là Bắc Hải tiên sinh. Đây là câu chuyện chép trong sách *Hậu Hán thư*. Tào Tháo muốn giết Khổng Dung, bèn bảo bộ hạ là Lộ Túy tố cáo Khổng Dung, rồi lấy mấy câu đó của Khổng Dung để kết tội. Trong bản tuyên án Khổng Dung, có nói tội của Khổng Dung là "bất trung bất hiếu". Nhưng trong lệnh cấm hiến của Tào Tháo thì lại nói, những người có tài, mặc dù là "bất nhân bất hiếu" cũng có thể nhiệm dụng. Đủ thấy Tào Tháo không phải là người tôn trọng đạo hiếu một cách chân chính, nhưng ông ta lại trị Khổng Dung về cái tội bất hiếu. Lỗ Tấn nói "làm cho người ta phải phì cười" là chỉ chỗ mâu thuẫn đó.

đó cũng là một đòn đánh vào thuyết cũ, nhưng không hợp với sự lý chút nào. Bởi vì cha mẹ sinh con ra, đồng thời lại có tình thương yêu thiên tính. Tình thương yêu đó sâu rộng và lâu dài, không thể lìa ngay ra được. Hiện nay thế giới chưa đại đồng, tình thương yêu còn khác biệt, con cái yêu thương cha mẹ, quan tâm đến cha mẹ hơn ai cả, không thể lìa ra ngay. Cho nên không nên lo sợ là sẽ phai nhạt. Có một số người đặc biệt, đến tình thương yêu cũng không thể buộc chặt được, nhưng nếu tình thương yêu đã không buộc chặt được, thì dù cho "ân uy, danh phận, thiên kinh, địa nghĩa" cũng không thể buộc chặt được.

Có người lại sợ, giải phóng cho con cái rồi thì người lớn sẽ khổ. Có thể xét về hai mặt. *Một là*, xã hội Trung Quốc tuy nói là "đạo đức tốt", nhưng thực tế thì rất thiếu lòng thương yêu nhau, giúp đỡ nhau. Ngay những đạo đức như "hiếu", "liệt" cũng đều là những phương pháp trừng phạt người trẻ và người yếu, mà người ngoài không hề chịu trách nhiệm. Trong một xã hội như vậy, chẳng những người già không sống nổi, mà người trẻ được giải phóng rồi cũng không sống nổi. *Hai là*, nam nữ Trung Quốc đại để chưa già đã suy nhược, thậm chí chưa hai mươi tuổi đầu, đã có vẻ lụ khụ rồi, đến khi suy yếu thực sự thì tất phải có người đỡ đần. Cho nên tôi nói, cha mẹ muốn giải phóng cho con cái, phải có chuẩn bị. Mà đối với một xã hội như thế, càng phải cải tạo để cho thích hợp với sự sống hợp lý. Nhiều người chuẩn bị, cải tạo, lâu ngày tự nhiên sẽ có hy vọng thực hiện được. Chỉ lấy chuyện các nước khác ngày trước mà nói, Spenxơ[1] không lấy vợ, nhưng không hề nghe ông ta than vãn buồn rầu, Oat[2] không có con cũng cứ "thọ chung chính tẩm"[3]. Huống hồ sau này, lại huống hồ những người có con ?

Có người lại sợ, giải phóng rồi, con cái sẽ khổ. Việc này cũng có hai mặt. Như trên kia đã nói, chẳng qua một là vì già mà không có năng lực, hai là vì nhỏ mà không làm được việc gì. Do đó, người tỉnh ngộ càng thấy có nhiệm vụ phải cải tạo xã hội. Trung Quốc có những biện pháp thành nếp lâu đời rất sai lầm ; một là, giam giữ con cái, cho như thế có thể cách ly với xã hội, không bị ảnh hưởng nữa ; hai là, dạy cho con cái những bản lĩnh xấu, cho như thế nó mới có thể sống trong xã hội được. Người lớn dùng những phương pháp đó, tuy cũng có hàm ý tốt để kế tục sự sống, nhưng so với sự lý, lại thấy rất sai lầm. Ngoài ra, còn có một phương pháp nữa là truyền thụ cho con cái cách đối phó, bày cho nó cách thích ứng với xã hội. Cái đó cũng sai lầm như những người theo "chủ nghĩa thực dụng" mấy năm

---

(1) *Hebert Spencer* (1820 - 1903) : triết gia, người Anh.
(2) *James Watt* (1736 - 1819) : nhà bác học, người Anh.
(3) Ý nói : trọn tuổi trời.

trước, vì ngoài chợ có bạc giả, bèn bày cho học sinh trong nhà trường cách phân biệt bạc thật, bạc giả. Tuy không thể không đôi lúc phải thích ứng với xã hội, nhưng đó quyết không phải là một phương pháp chính đáng. Vì xã hội không tốt, nên có nhiều hiện tượng xấu ; không thể cứ thích ứng theo hết cả ; nếu cứ thích ứng cả, thì lại làm trái với sự sống hợp lý, đi ngược với con đường tiến hóa. Cho nên, phương pháp căn bản vẫn là cải tại xã hội.

Thực tế mà nói, quan hệ gia tộc, quan hệ cha con, lý tưởng cũ của Trung Quốc, kỳ thực đã tan rã từ lâu. Không phải "bây giờ mới tan rã", mà là "trước kia đã như thế rồi". Xưa nay, người ta đều ra sức biểu dương "ngũ thế đồng đường", đủ thấy trên thực tế, ở chung với nhau thật là khó ; người ta ra sức khuyên răn hiếu thảo, cũng đủ thấy thực tế ít có những người con có hiếu. Nguyên nhân là vì chỉ khăng khăng đề xướng đạo đức giả dối, khinh thường những tình cảm chân thật của con người. Chúng ta thử giở gia phả một đại tộc ra mà xem, thì thấy người tổ tiên lúc đầu di cư đến, đại để có một mình, thành gia lập nghiệp ; cho đến khi cùng cả họ tụ tập lại ở chung với nhau, gia phả xuất bản, thì đã bắt đầu tan rã rồi đó. Huống hồ tương lai, hết mê tín, chẳng còn ai "khóc măng, nằm băng" nữa[1]. Y học phát triển, thì bất tất phải nếm cứt, xẻo đùi[2]. Lại vì quan hệ kinh tế, việc lấy vợ lấy chồng không thể sớm được, việc sinh con đẻ cái vì thế cũng chậm. Hoặc giả con cái mới có thể kiếm ra cách sinh sống, thì cha mẹ đã già yếu rồi, không kịp nhờ con cái phụng dưỡng. Trên thực tế cũng tức là cha mẹ đã làm tròn nghĩa vụ của mình. Trào lưu thế giới bức bách, có như thế mới có thể sinh tồn được, bằng không thì sẽ suy vong. Nhiều người tỉnh ngộ hơn, thêm sức người vào nữa, thì nguy cơ có hy vọng giảm bớt.

Nhưng nếu nói như trên, gia đình Trung Quốc thực tế tan rã từ lâu rồi, chứ không phải như các "đồ đệ thánh hiền" bàn suông trên giấy, thế thì tại sao đến nay vẫn cứ như cũ, không tiến bộ chút nào ? Cái đó rất dễ trả lời. Một là, tan rã là tự tan rã, vương vấn là tự vương vấn, thiết lập cũng là tự thiết lập ; chẳng hề để ý, cũng không nghĩ đến cải cách, cho nên cứ như cũ. Hai là, trong gia đình ngày trước, thường vẫn lục đục, – từ khi có danh từ mới lưu hành thì gọi là "cách mạng", – nhưng kỳ thực cũng vẫn là đòi tiền đi chơi gái đến nỗi chửi nhau, đòi tiền đi đánh bạc đến nỗi đánh nhau, khác hẳn với sự cải cách của người tỉnh ngộ. Những con em hay gây gổ và tự

---

(1) Lấy tích trong *Nhị thập tứ hiếu* : Có người cha mẹ giữa mùa đông muốn ăn măng, chạy vào rừng khóc, măng mọc lên ; lại có người giữa mùa đông cha mẹ muốn ăn cá, nằm băng chờ bắt cá.

(2) *Nếm cứt* : cũng là tích trong *Nhị thập tứ hiếu*, cha mẹ ốm, con nếm cứt để biết bệnh nặng nhẹ. Có thể xem bài hồi ký *Nhị thập tứ hiếu* trong tập ***Nhật cánh hoa tàn*** để biết thêm tư tưởng của Lỗ Tấn về vấn đề *hiếu*.

xưng là "cách mạng" đó hoàn toàn là kiểu cũ. Đến khi họ có con, họ quyết không giải phóng ; hoặc giả chẳng chăm sóc gì hết ; hoặc giả trái lại đi tìm cuốn *Hiếu kinh* bắt đọc, nghĩ rằng chúng nó sẽ "học những lời giáo huấn xưa", sẽ biết hy sinh. Cái đó đều do đạo đức cũ, tập quán cũ, phương pháp cũ chịu trách nhiệm. Chân lý của sinh vật học không thể nhận lấy tội đó được. Như trên đã nói, vì phải tiến hóa, sinh vật cần phải kế tục sự sống, thế thì "bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại"[1], năm thê bảy thiếp là cực kỳ hợp lý rồi. Cái đó cũng dễ trả lời. Loài người không có con nối dõi sẽ tuyệt mất sự sống tương lai, tuy là bất hạnh, nhưng nếu dùng những phương pháp, thủ đoạn không chính đáng, kéo dài sự sống mà hại đến nhân quần, thì so với việc không có con nối dõi, càng "bất hiếu" hơn. Bởi vì trong xã hội ngày nay, chế độ một vợ một chồng là hợp lý nhất, mà chủ nghĩa đa thê thực tế chỉ có thể làm cho nhân quần đọa lạc đi mà thôi. Đọa lạc là gần với thoái hóa, hoàn toàn trái với mục đích kế tục sự sống. Không có con nối dõi chỉ là tuyệt diệt mình, còn có con nối dõi trong trạng thái thoái hóa lại có thể hủy hoại đến người khác. Nhân loại vẫn có tinh thần tự hy sinh cho người khác, huống hồ từ khi có sinh vật đến nay, liên quan với nhau, thì huyết thống một người đại để có ít nhiều quan hệ với người khác, không thể hoàn toàn bị tuyệt diệt được. Cho nên chân lý của sinh vật học quyết không phải là cái bùa hộ mệnh cho chủ nghĩa đa thê.

Nói tóm lại, làm người cha mẹ tỉnh ngộ, hoàn toàn vì nghĩa vụ, vì ích lợi của con cái, biết hy sinh mình, là rất khó, mà ở Trung Quốc lại càng khó lắm. Ở Trung Quốc, người tỉnh ngộ để theo thuyết người lớn giải phóng người trẻ, thì phải một mặt thanh toán nợ cũ, một mặt mở con đường mới. Tức là như đã nói ở đoạn mở đầu : "Chúng ta sẽ gánh lấy cái gánh nặng của tập quán, vai ghì lấy cái cánh cửa chặn bóng tối, thả cho chúng nó ra chỗ rộng rãi sáng sủa, rồi từ đó được sống sung sướng, được làm người một cách hợp lý". Đó là một việc cực kỳ quan trọng, vĩ đại, và cũng là một việc cực kỳ khó khăn, gian khổ.

Nhưng trên thế gian lại có những người lớn không những không muốn giải phóng con cái mình, mà lại không muốn cho con cái mình giải phóng con cái của chúng nó, tức là muốn cháu chắt đều phải làm những vật hy sinh hết sức vô vị. Đó cũng là một vấn đề, nhưng tôi là người muốn hòa bình, cho nên đối với vấn đề đó, bây giờ chưa có thể trả lời được.

Tháng 10 năm 1919

(Tập ***Nấm mồ***)

---

(1) "Có ba tội bất hiếu, không có con nối dõi là tội lớn nhất", *(Mạnh Tử*, thiên *Ly lâu)*.

3. NÔRA ĐI RỒI THÌ RA SAO ?*

Hôm nay tôi định nói chuyện "Nôra đi rồi thì ra sao ?".

Ibsen(1) là một nhà văn Na Uy nửa cuối thế kỷ XIX. Tác phẩm của ông, trừ mấy mươi bài thơ không kể, còn đều là kịch hết. Có một thời, kịch của ông thường nêu lên những vấn đề xã hội, người ta thường gọi là "kịch xã hội", trong đó có vở *Nôra*.

Nôra còn có tên nữa là *Ein Puppenheim*, Trung Quốc dịch là *Gia đình búp bê*. Nhưng *búp bê* không phải chỉ là con múa rối giật bằng dây. Đồ chơi hình người, trẻ con thường ôm chơi cũng là *búp bê* ; suy ra con người mà cử chỉ hành động đều do kẻ khác chỉ huy, bảo sao làm vậy, cũng là *búp bê*. Nôra lúc đầu rất thỏa mãn với cuộc sống trong cái gia đình gọi là hạnh phúc của cô ta, nhưng rồi cô ta tỉnh ngộ, thấy mình là con búp bê của chồng, con cái mình lại là những con búp bê của mình. Thế là cô ta bỏ đi, chỉ nghe tiếng cửa đóng sầm lại một tiếng, rồi màn hạ xuống. Câu chuyện đó chắc ai cũng biết, không cần phải nói tỉ mỉ nữa.

Thế nào thì Nôra mới không bỏ đi ? Có người nói chính Ibsen đã trả lời rồi. Bằng cuốn *Người đàn bà của biển cả (Die Frau vom Meer)*, Trung Quốc có người dịch là *Người vợ trên mặt biển*. Người đàn bà đó có chồng rồi, nhưng trước kia chị ta có một người yêu ở bờ biển bên kia. Một hôm, anh chàng tìm đến, bảo chị ta cùng trốn đi. Chị ta liền nói với chồng rằng chị ta muốn gặp mặt anh chàng nọ. Cuối cùng, chồng chị ta nói : "Bây giờ để em hoàn toàn tự do. (Đi hay không) tùy ý em quyết định, và em sẽ chịu lấy

---

* Bài này là bài nói chuyện ở Ban văn nghệ Trường Nữ Cao đẳng Sư phạm Bắc Kinh, ngày 26-12-1923, sau đăng trên báo của Ban đó. Khi đăng lại trên tạp chí *Phụ nữ* (tháng 8-1924), có lời của tòa soạn ghi cuối bài như sau : *"Bài này là bài ông Lỗ Tấn nói chuyện ở trường Nữ Cao đẳng Sư phạm Bắc Kinh, đã đăng trên tờ báo của Ban văn nghệ. Gần đây, chúng tôi nhờ ông viết bài, ông đã sửa chữa lại nguyên văn bài này, gửi cho chúng tôi đăng"*.

(1) *Ibsen* (1828 - 1906) : một nhà văn có ảnh hưởng rất lớn ở Trung Quốc hồi Ngũ Tứ vận động. Nhiều tác phẩm của ông đã được dịch từ hồi đó.

trách nhiệm". Thế rồi mọi việc thay đổi hết, chị ta không đi nữa. Xem thế thì, nếu Nôra cũng được tự do như vậy, có lẽ cô ta sẽ ở nhà yên ổn cũng nên.

Nhưng cuối cùng Nôra đã bỏ đi. Bỏ đi rồi thì ra sao ? Ibsen không hề trả lời ; vả lại ông ta đã chết rồi. Giả thử chưa chết, ông ta cũng không có trách nhiệm phải trả lời. Bởi vì ông ta làm thơ, chứ không phải vì xã hội mà nêu vấn đề ra để rồi giải đáp thay. Cũng như con chim hoàng oanh, tự nó muốn hót thì hót, chứ không phải nó hót để người ta nghe cho vui tai, cho bổ ích. Ibsen là một người không lịch sự chút nào cả, truyền rằng trong một bữa tiệc các bà mời ông ta đến dự, một bà đứng dậy thay mặt mọi người cám ơn ông ta đã sáng tác vở *Gia đình búp bê* làm cho chị em tỉnh ngộ, biết mà thoát khỏi những sợi dây ràng buộc như thế, đồng thời đem lại cho người đọc những điều mới lạ... Ông ta trả lời : "Tôi viết vở kịch kia không phải vì ý ấy. Chẳng qua là tôi làm thơ đó thôi".

Nôra bỏ đi rồi thì sao ? Có những người khác đã phát biểu ý kiến rồi. Một người Anh viết một vở kịch, nói rằng một người phụ nữ mà bỏ nhà đi, thì sẽ không có con đường nào nữa, cuối cùng sẽ trụy lạc, vào nhà thổ. Lại có một người Trung Quốc – tôi gọi ông ta như thế nào đây ? – thôi thì gọi là nhà văn Thượng Hải vậy, – nói rằng vở *Nôra* ông ta xem khác với bản dịch hiện nay, cuối cùng Nôra quay trở về. Tiếc rằng không có người thứ hai được xem bản như thế, trừ phi chính Ibsen gửi cho ông ta. Nhưng theo sự lý mà suy luận, thì Nôra quả có lẽ cũng chỉ có hai con đường : không trụy lạc thì tất phải quay trở về. Bởi vì nếu là một con chim chẳng hạn, thì ở trong lồng cố nhiên không tự do, mà ra khỏi cửa lồng, bên ngoài lại nào là quạ, mèo, và bao nhiêu thứ khác nữa ; giả sử bị nhốt đến nỗi cánh tê liệt đi, không biết đàng bay nữa thì quả không còn có con đường nào nữa thật. Còn có một con đường, tức là chết đói, nhưng chết đói thì đã xa lìa cõi đời rồi, càng không thành vấn đề, cho nên cũng không phải là một con đường.

Đời người khổ nhất là tỉnh mộng rồi, nhưng không có con đường nào mà đi hết. Người nằm mộng là người sung sướng ; giả thử không thấy có con đường nào đi được, thì tốt hơn hết là đừng đánh thức người ta tỉnh dậy. Đấy, nhà thơ Lý Hạ[1] đời Đường đấy, chẳng phải là khốn đốn suốt đời hay sao ? Thế mà khi sắp chết, lại nói với mẹ rằng : "Mẹ ơi, Thượng đế làm xong lầu

---

(1) *Lý Hạ* : tự Trường Cát (709 - 816). Lý Thương Ẩn, một nhà thơ Vãn Đường, đã kể lại chuyện đó trong *Truyện Lý Hạ* : "Lúc Trường Cát sắp chết, giữa ban ngày thấy có một người mặc áo đỏ, cưỡi rồng đỏ, tay cầm bài, trên viết những chữ triện rất cổ, nói : "Đến mời ông Trường Cát đi". Trường Cát không đọc được, xuống giường khấu đầu nói : "Mẹ già và bệnh tật, Hạ không muốn đi". Người mặc áo đỏ cười nói : "Thượng đế làm xong lầu Bạch Ngọc rồi, mời ông lên ngay để làm bài ký. Ở trên trời sướng lắm, không khổ đâu"... Một lát, Trường Cát tắt thở.

Bạch Ngọc rồi, cho gọi con lên để làm thơ lạc thành đây !". Chẳng phải rõ ràng đó là một câu nói láo, một giấc mơ hay sao ? Nhưng, một người trẻ và một người già, một người chết và một người sống, người chết vui vẻ mà chết, người sống cũng yên tâm mà sống. Nói láo hay là mơ mộng, trong những lúc đó, cũng đều vĩ đại cả. Cho nên tôi nghĩ, giá thử không tìm ra đường đi, thì chúng ta lại cần mơ mộng.

Nhưng nhất thiết không nên mơ mộng chuyện tương lai. Acdibasep[1] đã mượn cuốn tiểu thuyết ông ta sáng tác để chất vấn những nhà không tưởng mơ ước thế giới hoàng kim tương lai, bởi vì muốn tạo ra cái thế giới đó, trước hết phải thức tỉnh bao nhiêu người dậy chịu khổ đã. Ông ta nói : "Các ngài dự định đem lại cho con cháu họ một thế giới hoàng kim, nhưng các ngài có gì đem lại cho họ không thế ?". Có thì có đấy, tức là hy vọng về tương lai. Có điều phải trả một giá quá đắt. Vì cái hy vọng đó mà người ta phải luyện cảm giác cho nhạy để rồi nhận thấy nỗi thống khổ của mình sâu sắc hơn, gọi linh hồn mình về để nhìn thể xác mình tan rữa. Chỉ có nói láo và mơ mộng, trong những lúc đó, là vĩ đại. Cho nên tôi nghĩ, giá thử không tìm ra đường đi, thì chúng ta cần mơ mộng. Nhưng không nên mơ mộng chuyện tương lai, chỉ nên mơ mộng chuyện trước mắt thôi.

Nhưng Nôra tỉnh dậy rồi, khó lòng mà trở về với cảnh mộng được nữa, do đó mà phải bỏ đi ; nhưng đi rồi, có lúc lại cũng không tránh khỏi trụy lạc hoặc quay trở về. Nếu không, thì phải hỏi : ngoài tấm lòng đã tỉnh ngộ ra, cô ta còn mang theo cái gì đi nữa không ? Giả chỉ có mỗi cái khăn trùm bằng len đỏ như các cô thôi, thì dù rộng hai thước hay ba thước, cũng hoàn toàn vô dụng. Cô ta phải có nhiều hơn thế nữa, trong va ly đã có chuẩn bị rồi, nói trắng ra, tức là phải có tiền.

Mơ mộng là hay, bằng không thì cần phải có tiền.

Nói đến tiền nghe chướng tai lắm, có thể bị các bậc quân tử cao thượng cười chết, nhưng tôi thấy rằng những lời bàn tán của người ta, không những ngày hôm qua với ngày hôm nay, mà trước bữa ăn, sau bữa ăn, cũng thường thường đổi khác. Người nào đã thừa nhận có tiền mới có cơm ăn, mà lại cho rằng nói đến tiền là bẩn tiện, thì thử đặt tay lên dạ dày anh ta xem chắc trong đó còn có cá thịt chưa tiêu hóa hết. Phải để cho anh ta nhịn đói một ngày đã rồi hẵng đến nghe anh ta cho ý kiến.

---

(1) *Artzybashev* (1878 - 1927) : nhà viết tiểu thuyết người Nga, thuộc phái cá nhân chủ nghĩa và vô chính phủ chủ nghĩa. Sau Cách mạng tháng Mười, ông ta chạy ra nước ngoài, phản đối chính quyền Xô viết. Năm 1921, Lỗ Tấn có dịch của ông ta cuốn tiểu thuyết *Anh công nhân Sheyvirev*, từ tiếng Đức.

Cho nên kế của Nôra là tiền – nói cho nhã, tức là kinh tế –, tiền là tối cần thiết. Tự do cố nhiên không thể đưa tiền ra mà mua được, nhưng lại có thể vì đồng tiền mà bán rẻ. Con người có một nhược điểm rất lớn, là thường hay đói bụng. Để bổ cứu cho cái nhược điểm đó, để chuẩn bị đừng làm con búp bê, thì trong xã hội hiện nay, điều quan trọng bậc nhất là phải có quyền kinh tế. Một là, trong nhà trước hết phải giành cho được sự phân phối bình quân giữa con trai và con gái ; hai là, ngoài xã hội, phải giành cho được thế lực ngang nhau giữa nam và nữ. Đáng tiếc là tôi không biết làm thế nào thì giành được cái quyền đó, chỉ biết là vẫn phải đấu tranh : có lẽ phải đấu tranh kịch liệt hơn đấu tranh đòi tham dự chính quyền nữa cũng nên.

Đòi quyền kinh tế cố nhiên là chuyện hết sức tầm thường, nhưng có lẽ còn khó khăn, phức tạp hơn đòi tham dự chính quyền là một yêu cầu cao cả, hay đòi giải phóng phụ nữ là một yêu cầu to lớn. Việc đời thường là làm cái nhỏ lại khó khăn, phức tạp hơn làm cái lớn. Thí dụ, trời lạnh như hôm nay, chúng ta chỉ có mỗi chiếc áo bông này, nhưng phải cứu giúp một người nghèo sắp chết rét, nếu không thì phải ngồi dưới gốc bồ đề mà trầm mặc suy nghĩ cách phổ độ hết thảy nhân loại[1]. Phổ độ hết thảy nhân loại so với cứu sống một con người, bên to bên nhỏ cách xa nhau lắm, nhưng nếu bảo tôi chọn, thì tôi sẽ lập tức đến ngồi dưới gốc bồ đề, bởi vì khỏi phải cởi chiếc áo bông duy nhất mà chết rét mất. Cho nên, trong nhà nói đòi tham dự chính quyền thì không đến nỗi bị phản đối lắm, nhưng nói đến phân phối kinh tế bình quân, có lẽ không khỏi gặp ngay kẻ thù trước mắt, như thế tất nhiên phải đấu tranh kịch liệt.

Đấu tranh chẳng phải là chuyện hay ho gì, chúng ta không thể đòi hỏi ai ai cũng trở thành chiến sĩ cả, thế thì, có được một phương pháp hòa bình càng quý tức là tương lai sẽ lợi dụng quyền kẻ làm cha, làm mẹ để giải phóng cho con cái. Ở Trung Quốc, quyền kẻ làm cha, làm mẹ to nhất, lúc đó có thể đem tài sản chia đều cho con cái, để cho chúng nó được quyền kinh tế ngang nhau một cách hòa bình, không có xung đột..., sau đó hoặc giả đi học hoặc giả đi buôn, hoặc giả chúng nó hưởng dụng, hoặc giả đưa ra làm việc xã hội, hoặc giả tiêu hết, đều tùy ý, chúng nó chịu lấy trách nhiệm. Đó tuy cũng là một điều mơ ước xa vời, nhưng còn gần hơn mơ ước

---

(1) Đây là Lỗ Tấn mượn truyền thuyết về Thích Ca Mâu Ni. Tương truyền Thích Ca Mâu Ni, ông Tổ của Phật giáo (1027 - 947 tr. CN), cảm thấy đời người khổ, nên 29 tuổi, lập chí xuất gia tu hành, đi khắp nơi, suốt sáu năm trời vẫn chưa tìm thấy đạo, sau cùng ngồi dưới gốc bồ đề mà thề rằng : "Nếu không thành chính giác thì thịt nát xương tan cũng không rời khỏi chốn này". Ngồi trầm mặc bảy ngày, liền khắc phục được mọi thứ phiền não.

thế giới hoàng kim nhiều lắm. Có điều cần thiết là phải có trí nhớ. Không có trí nhớ thì có lợi cho mình đấy, nhưng lại có hại cho con cháu. Con người ta vì hay quên, nên mới có thể dần dần thoát khỏi những nỗi thống khổ mình đã trải qua, cũng vì hay quên mà thường cứ mắc lại những sai lầm của người trước. Người con dâu bị bạc đãi đến khi lên làm mẹ chồng, lại bạc đãi con dâu mình ; những ông quan thù ghét bọn học sinh, chính trước kia là những anh học sinh hay chửi bọn quan lại nhất ; những kẻ làm cha mẹ hiện nay áp bức con cái, có người mười năm về trước là nhà cách mạng gia đình. Cái đó có lẽ có liên quan đến tuổi tác và địa vị chăng, nhưng không có trí nhớ cũng là một nguyên nhân rất lớn. Cách cứu chữa là mỗi người đi mua lấy một cuốn *note book*[1] về, ghi lại những điều mình suy nghĩ hành động bây giờ, để sau khi tuổi tác và địa vị thay đổi rồi, sẽ đem ra tham khảo. Thí dụ, khi thấy con cái đi vườn hoa, trong lòng lấy làm giận, thì giở ra mà xem, sẽ thấy trong đó có câu *"Mình muốn ra vườn hoa Trung Ương chơi một tí"*, thế là sẽ hả cơn giận ngay. Chuyện khác cũng thế.

Trên đời có một thứ tinh thần vô lại, thực chất là tính dai dẳng. Nghe nói sau "loạn quyền phỉ"[2], bọn "anh chị" ở Thiên Tân[3], tức là bọn vô lại, rất ngang ngược ; thí dụ xách hộ hành lý cho người ta, chúng đòi hai đồng, mình nói hành lý này nhỏ, chúng cũng đòi hai đồng, mình nói đường gần, chúng cũng đòi hai đồng, mình nói không cần phải xách nữa, chúng cũng vẫn cứ đòi hai đồng. Cố nhiên không thể đưa bọn "anh chị" ra làm luật lệ, nhưng cái tính dai dẳng ấy thì phải phục thật. Đòi quyền kinh tế cũng thế, có ai bảo chuyện đó cũ lắm rồi, thì trả lời : cần phải có quyền kinh tế ; bảo là đề tiện quá, thì trả lời : cần có quyền kinh tế ; bảo chế độ kinh tế sẽ thay đổi, chả cần phải lo, cũng vẫn cứ trả lời : cần phải có quyền kinh tế.

Kỳ thực, bây giờ đây, một cô Nôra bỏ đi có lẽ cũng không đến nỗi cảm thấy khó khăn, bởi vì cô ta đặc biệt lắm, hành vi cũng mới mẻ có thể được nhiều người thương, giúp đỡ cho mà sống. Sống nhờ vào lòng thương của người ta là không còn tự do nữa rồi, nhưng giả thử có một trăm cô Nôra bỏ đi, thì đến lòng thương cũng sẽ giảm bớt, có một nghìn, một vạn cô bỏ đi thì lại sinh ra chán ghét, sao bằng được mình nắm lấy quyền kinh tế trong tay, chắc chắn hơn nhiều ?

---

(1) *Note book* : tiếng Anh là *quyển sổ tay*.

(2) *Loạn quyền phỉ* : tức phong trào Nghĩa Hòa đoàn, chống đế quốc của quần chúng nhân dân, năm 1900.

(3) Nguyên văn : *thanh bì* : tiếng thông tục gọi bọn vô lại, đây tạm dịch là *"anh chị"*.

Về mặt kinh tế được tự do, thì còn là búp bê nữa không ? Cũng còn là búp bê. Tất nhiên những việc bị người ta giật dây có thể ít đi, nhưng những con búp bê chính mình giật dây lại có thể tăng lên. Bởi vì trong xã hội hiện nay, không những nữ thường bị nam xem là búp bê, mà nam với nam, nữ với nữ cũng xem nhau như là búp bê, nam cũng thường là búp bê của nữ, cái đó quyết không phải một vài cô giành được quyền kinh tế mà có thể cứu vãn được. Nhưng con người ta không thể bụng đói mà lặng lẽ ngồi chờ thế giới lý tưởng đến, ít ra cũng phải giữ chút hơi tàn, giống như con cá chép nằm trên vết xe khô, phải cho có ngay một thăng, một đấu nước[1], nghĩa là phải cần có quyền kinh tế tương đối gần gũi cái đã, một mặt sẽ nghĩ cách khác.

Nếu chế độ kinh tế được cải cách, tất nhiên những điều vừa nói trên sẽ trở thành vô ích.

Nhưng trên kia lại xem Nôra như bất cứ một người bình thường nào khác mà bàn, giả thử cô ta là một người rất đặc biệt, tình nguyện đứng ra chịu hy sinh, thế thì lại là chuyện khác rồi. Chúng ta không có quyền khuyên ai hy sinh, và cũng không có quyền ngăn cản ai hy sinh. Huống hồ trên đời lại có những người vui vẻ mà hy sinh, vui vẻ mà chịu khổ. Bên Âu châu có một truyền thuyết nói rằng, lúc đức Chúa Giêsu sắp bị đưa ra đóng đinh ở cây thánh giá, có đến ngồi nghỉ trước thềm nhà Ahasvar, Ahasvar không cho, do đó mà y bị nguyền rủa, suốt đời không được nghỉ ngơi, cho đến ngày đưa ra xét xử lần cuối cùng[2]. Từ đó Ahasvar cứ phải đi lang thang, không dừng chân được, đến bây giờ vẫn còn phải đi lang thang. Đi rất khổ, nghỉ sung sướng bao nhiêu, nhưng tại sao y không nghỉ ? Tuy nói là vì bị nguyền rủa, nhưng chắc có lẽ y cảm thấy đi như thế thích hơn, cho nên cứ đi như một người điên. Có điều, cái thích hy sinh đó thuộc về mình, không dính dáng đến cái mà các nhà chí sĩ gọi là vì xã hội. Quần chúng – nhất là

---

(1) Nguyên văn : *Hác triệt chi phụ* – một truyện ngụ ngôn trong sách *Trang Tử*. Trang Chu nhà nghèo đến nhà Giám Hà Hầu vay lúa. Giám Hà Hầu nói : "Được, để lúc nào tôi nhận được vàng ở ấp đem đến, sẽ đưa cho anh vay ba trăm lạng. Được không ?". Trang Chu giận, mặt biến sắc, nói : "Hôm qua tôi đi đến đây, nghe có tiếng kêu trên mặt đường, nhìn xuống vết xe, thấy một con cá chép. Tôi hỏi : "Chép ơi, mày sao thế ?". Trả lời : "Ta là thần Sóng ở biển Đông ; nhà ngươi có đấu nước nào cứu ta sống hay không ?". Tôi nói : "Tôi hẵng đi về phía Nam gặp vua nước Ngô Việt rồi sẽ lấy nước ở Tây Giang đến cho. Được không ?" Cá chép giận, mặt biến sắc, nói : "Ta gặp lúc bất thường, không có chỗ mà ở, được một đấu nước cũng có thể sống rồi ; nhà ngươi nói như vậy thì không bằng bắt ta mà bán cho hàng bán cá khô".

(2) *Ahasvar* (cũng gọi là Ahasverus) : tương truyền là một người thợ đóng giày, thường gọi là "người Do Thái lang thang" (Juif errant).

quần chúng Trung Quốc – vĩnh viễn là những người xem kịch. Kẻ hy sinh ra sân khấu mà tỏ ra khảng khái, thì họ được xem một vở kịch bi tráng, nếu tỏ ra khiếp nhược thì họ được xem một vở kịch khôi hài. Ở Bắc Kinh, trước các hiệu bán thịt dê, thường có một số người há hốc miệng đứng nhìn giết dê, hình như cho là thú vị lắm ; người ta hy sinh mà có thể đem lại điều gì có ích cho họ chẳng qua cũng chỉ thế mà thôi. Huống hồ xong việc, bước đi mấy bước rồi, thì đến cái chút thú vị đó, họ cũng quên nốt.

Đối với một quần chúng như thế, thì không có cách nào hết, đành phải làm sao không có kịch cho họ xem mới có thể cứu chữa được. Không cần thiết phải hy sinh làm náo động lên một lúc, chi bằng cứ âm thầm mà đấu tranh dai dẳng.

Đáng tiếc là Trung Quốc khó thay đổi quá ; dời chiếc ghế hay là sửa chữa cái bếp lò, có khi cũng phải đổ máu ; dù có đổ máu, cũng chưa chắc đã có thể dời được, sửa chữa được. Không có cái roi to tướng quất vào lưng, thì Trung Quốc để tự nó, nó không chịu nhúc nhích. Tôi nghĩ cái roi ấy sắp đến rồi. Tốt hay xấu là chuyện khác, nhưng thế nào nó cũng quất cho một cái. Nhưng từ đâu đến, đến như thế nào, thì tôi cũng không thể biết đích xác được.

Tôi nói đến đây là hết.

Tháng 12 năm 1923

(Tạp ***Năm mồ***)

4. BÀN CHUYỆN THÁP LÔI PHONG ĐỔ*

Nghe nói tháp Lôi Phong trên Tây Hồ ở Hàng Châu đổ rồi, nghe nói thôi, chứ mắt tôi không trông thấy. Nhưng tôi đã trông thấy tháp Lôi Phong khi chưa đổ, một ngôi tháp rạn nứt, hư nát, nổi bật lên giữa cảnh nước hồ sắc núi, ánh tà dương chiếu sáng bốn xung quanh, tức là cảnh "Lôi Phong tịch chiếu", một trong mười cảnh đẹp của Tây Hồ. Cảnh "Lôi Phong tịch chiếu" thật, tôi đã trông thấy rồi, và tôi cho cũng không lấy gì làm đẹp.

Thế nhưng, trong các thắng cảnh của Tây Hồ, thì tôi lại biết tháp Lôi Phong trước nhất. Bà nội tôi thường nói với tôi rằng Bạch Xà Nương bị đè dưới ngôi tháp ấy đấy ! Có người tên là Hứa Tiên cứu hai con rắn, một con trắng, về sau, con rắn trắng hóa thành một cô gái đến đền ơn, lấy Hứa Tiên. Con rắn xanh thì hóa thành người hầu, cùng đi theo. Một vị hòa thượng – Pháp Hải thiền sư, một vị thiền sư đắc đạo – thấy trên mặt Hứa Tiên có yêu khí, – phàm người lấy yêu quái làm vợ, trên mặt đều có yêu khí cả, nhưng chỉ có những kẻ phi phàm thì mới nhìn thấy –, liền bắt anh chàng nhốt sau pháp tòa chùa Kim Sơn. Bạch Xà Nương đến tìm chồng, thế là "nước tràn ngập Kim Sơn". Bà nội tôi kể còn hay hơn thế nhiều, có lẽ bà cụ xem trong bộ đàn từ gọi là *Nghĩa yêu truyện*(1), nhưng tôi chưa trông thấy bộ sách đó, nên cũng không rõ những tên như "Hứa Tiên", "Pháp Hải" có phải viết như thế này không. Nói tóm lại, Bạch Xà Nương trúng kế Pháp Hải, bị bỏ vào

---

* Bài này đăng lần đầu tiên trên tạp chí *Ngữ ti* ngày 17–11–1924.

Tháp Lôi Phong đổ vào khoảng tháng 9 năm 1924. Tháp này do Ngô Việt Vương Tiền Thục xây năm 975, trước mặt chùa Tĩnh Từ ở Tây Hồ, Hàng Châu, trước gọi là tháp gạch Tây Quan, sau lại gọi là tháp Vương Phi. Vì xây trên núi Lôi Phong nên tục gọi là tháp Lôi Phong.

(1) *Nghĩa yêu truyện* : một đàn từ, – tức là một thể dân ca, – kể chuyện Bạch Xà Nương Nương, do Trần Ngộ Cần đời Thanh soạn. "Nước tràn ngập Kim Sơn" và "Bạch trạng nguyên tế tháp" là những tình tiết trong chuyện Bạch Xà. Kim Sơn ở Trấn Giang, thuộc Giang Tô, trên có chùa Kim Sơn, xây thời Đông Tấn. Bạch trạng nguyên là con Bạch Xà Nương và Hứa Tiên, Bạch Xà Nương bị hòa thượng Pháp Hải bắt đè ở dưới tháp Lôi Phong, đến khi người con đỗ trạng về, đến tháp làm đàn chay, nhân đó mẹ con được gặp mặt nhau.

trong cái bát ăn cơm cỏn con của nhà chùa. Cái bát đó đem chôn dưới đất, phía trên xây một ngôi tháp đè lên. Tức là tháp Lôi Phong. Sau đó tựa hồ còn nhiều việc xảy ra nữa, chẳng hạn như việc "Bạch trạng nguyên tế tháp", nhưng nay tôi quên hết rồi.

Hồi đó, điều tôi mong mỏi duy nhất là cái tháp Lôi Phong ấy đổ quách đi. Sau này, lớn lên, đến Hàng Châu, nhìn ngôi tháp hư nát, tôi rất khó chịu. Đến khi xem sách thấy nói người Hàng Châu gọi cái tháp này là tháp Bảo Thúc – thật ra phải viết là Bảo Thục mới đúng – do con Tiền Vương xây[1]. Như thế thì dưới ngôi tháp này không có Bạch Xà Nương rồi, nhưng tôi trong lòng vẫn cứ thấy khó chịu, vẫn cứ mong cho nó đổ quách đi.

Bây giờ thì nó đã đổ rồi, chẳng hay người khắp trong thiên hạ sung sướng đến như thế nào ?

Điều này có sự thực chứng minh. Cứ thử lên vùng núi hay xuống miền biển Ngô Việt, dò hỏi nhân dân mà xem. Phàm ông già bà cả, kẻ làm ruộng, người nuôi tằm, trừ những người trong não tủy hơi có bệnh không kể, có ai mà lại không bất bình thay cho Bạch Xà Nương, và không trách Pháp Hải là đa sự ?

Lẽ ra hòa thượng chỉ nên lo đọc kinh kệ của mình thôi, Bạch Xà có phải lòng Hứa Tiên, Hứa Tiên có lấy yêu quái thì đã liên can gì đến ai ? Đằng này ông ta bỏ kinh kệ đấy, gây ra chuyện thị phi. Có lẽ ghen chăng ? Nhất định thế rồi.

Nghe nói về sau Ngọc Hoàng đại đế[2] cũng cho Pháp Hải là đa sự, làm hại đến sinh linh, định bắt trị tội. Ông ta bỏ chạy, chạy tới chạy lui, rút cục trốn vào trong vỏ con cua, không dám ra nữa. Cho đến bây giờ vẫn thế. Đối với những việc Ngọc Hoàng đại đế làm có nhiều cái, tôi trong bụng cũng chê lắm, riêng mỗi việc này thì rất lấy làm bằng lòng, bởi vì cái án "nước tràn ngập Kim Sơn", đích xác Pháp Hải phải chịu trách nhiệm. Ngọc Hoàng làm thế rất phải. Chỉ tiếc hồi đó tôi không hỏi xem câu chuyện này lấy ở

---

(1) Lúc đăng bài này, có mấy lời chú thích sau : *"Bài này viết ngày 28–10–1924. Hôm nay, anh Tôn Phục Viên đến, tôi đưa cho xem. Anh cho biết tháp Lôi Phong không phải là tháp Bảo Thục. Thế thì có lẽ tôi nhớ nhầm. Nhưng chắc chắn là tôi đã biết từ lâu rằng dưới tháp Lôi Phong không hề có Bạch Xà Nương. Bây giờ được ông bạn nhà báo chỉ cho, biết rằng chi tiết đó không phải xem thấy trong sách. Nhưng hồi đó làm sao tôi biết được thì không rõ. Ở đây xin thanh minh và cải chính. Ngày 3–11"*.

Tháp Bảo Thục ở trên núi Bảo Thạch, Tây Hồ, nay vẫn còn. Tương truyền vua Tiền Thục nước Ngô Việt xây, khi chịu cống triều Tống. Có truyền thuyết nói tháp đó do tăng Vịnh Bảo Hóa Duyên đời Tống (998 – 1003) xây, người ta thường gọi vị sư đó là "sư Thúc" cho nên tháp đó có tên là tháp Bảo Thúc.

(2) *Ngọc Hoàng đại đế* : vị thần tối cao trong thần thoại Đạo giáo của Trung Quốc.

đâu ra, nếu không phải trong *Nghĩa yêu truyện* thì chắc là trong truyền thuyết dân gian thôi.

Giữa mùa thu lúa chín, vùng Ngô Việt rất nhiều cua, bắt về nấu cho vỏ đỏ thắm lên, bất cứ con nào bóc ra cũng có một thứ nước đặc sệt màu vàng vàng ; nếu là con cái, thì có những hột đỏ tươi như hột thạch lựu. Ăn hết những thứ đó rồi, thì thấy lòi ra một cái màng mỏng dính hình ống, tròn tròn ; lại lấy lưỡi dao con khẽ nạy phía dưới lên, lộn trong ra ngoài, không rách thì sẽ được một cái giống như ông La Hán, có mặt mũi, thân hình, đang ngồi, trẻ con vùng chúng tôi đều gọi là "ông sư cua", tức là Pháp Hải trốn vào đây lánh nạn.

Lúc đầu, Bạch Xà Nương bị ép dưới tháp và Pháp Hải thiền sư thì trốn vào trong vỏ cua. Nhưng bây giờ thì chỉ có vị thiền sư già tĩnh tọa một mình ở đó thôi ; trừ phi đến ngày loài cua tuyệt giống, không thì không thoát ra được. Chẳng hay khi ông ta xây tháp, ông ta có nghĩ rằng cuối cùng ngôi tháp sẽ đổ không ?

Đáng kiếp !

Ngày 28 tháng 10 năm 1924

(Tập ***Nấm mồ***)

5. BÀN VỀ CÁC LOẠI ẢNH CHỤP*

1 – LOẠI TÀI LIỆU

Hồi nhỏ, ở thành S[1] – nói hồi nhỏ tức là ba mươi năm trước, nhưng đối với một bậc anh tài tiến bộ thần tốc thì là một thế kỷ ; nói thành S, chứ không đưa tên thật ra, vì sao không đưa, cũng miễn nói – tóm lại là thành S, tôi thường nghe người lớn, trẻ con, đàn ông, đàn bà bàn tán về chuyện người phương Tây, sau phải bỏ đi ; nghe nói chị ta bỏ đi là vì chị ta trông thấy một cái vò muối con mắt, cứ sắp từng lớp từng lớp như là cá giếc con ấy, gần đầy ngang miệng vò rồi. Chị ta phòng xa tránh nguy hiểm cho nên phải bỏ đi ngay.

Thành S có tập quán là hễ nhà khá giả thì đến mùa đông thế nào cũng muối một vại rau cải trắng, để ăn quanh năm, dụng ý không biết có giống như ở Tứ Xuyên người ta nén dưa hay không, tôi không rõ. Nhưng người phương Tây mà muối mắt thì tất nhiên dụng ý khác, duy có cách muối thì chịu ảnh hưởng cách muối rau cải thành S rất nhiều. Tương truyền, đối với nước ngoài, Trung Quốc vốn có một sức đồng hóa rất mạnh, đấy cũng là một chứng cớ ! Nhưng tại sao hình thù lại giống như cá giếc con ? Trả lời : đúng là con mắt của người thành S như thế. Trong các đền miếu thành S thường có một vị bồ tát, hiệu là Nhãn Quang Nương Nương. Ai đau mắt, có thể đến cầu khấn ; lành, sẽ lấy vải hoặc lụa cắt thành hai con mắt treo trước điện thờ hoặc hai bên tả hữu để tạ ơn. Cho nên, chỉ xem con mắt treo đấy nhiều hay ít là biết vị bồ tát ấy linh hay không linh. Mà những con mắt treo đây thì đúng là hai đầu nhòn nhọn, nhỏ bằng con cá giếc con. Muốn tìm một đôi hình tròn, như vẽ trên các bản đồ sinh lý của người phương Tây, thì quyết không có. Sách *Hoàng đế Kỳ Bá*[2] còn đấy ; Vương Măng

---

* Bài này đăng lần đầu tiên trên tạp chí *Ngữ ti* ngày 12-1-1925.

(1) *Thành S* : tức là thành Thiệu Hưng, quê Lỗ Tấn.

(2) *Hoàng đế Kỳ Bá* : là cuốn *Hoàng đế nội kinh* - một bộ sách thuốc có tiếng thời cổ của Trung Quốc, viết vào thời kỳ Chiến Quốc theo thể vấn đáp giữa Hoàng đế và Kỳ Bá.

giết đảng Địch Nghĩa[1], phanh tay chân mình mẩy ra, bắt các ông thầy thuốc quan sát, không biết có vẽ thành bản đồ không, nếu có thì nay cũng thất lạc đi rồi, chỉ đoán là "trước cũng đã có" mà thôi. Sách *Tích cốt phân kinh* đời Tống tương truyền là căn cứ theo con mắt nhìn mà viết ra[2], trong sách *Thuyết phù* cũng có, tôi đã xem qua, phần lớn là nói mò, có lẽ là sách giả. Nếu không, con mắt nhìn mà lại hồ đồ như vậy, thì người thành S có lý tưởng hóa con mắt thành con cá giếc con, cũng không lấy gì làm lạ.

Nhưng có phải là người phương Tây họ ăn con mắt muối thay dưa không ? Không phải. Nghe nói là có mục đích đấy. Một là, dùng vào dây điện báo, đó là theo lời một người nhà quê khác ; cách dùng như thế nào, người đó không nói, chỉ nói là dùng vào dây điện báo mà thôi ; còn như dây điện báo dùng để làm gì, thì người đó lại nói, mỗi năm họ căng thêm dây thép, sau này lính họ sang, dây thép đó sẽ làm cho người Trung Quốc không có đường chạy. Hai là, dùng vào việc chụp ảnh. Như thế nào thì rõ lắm rồi, không cần phải nhiều lời, bởi vì khi chúng ta đứng trước một người nào đó, là trong con người người kia nhất định có một cái ảnh của ta nho nhỏ.

Vả lại, người phương Tây cũng hay moi gan ruột người ta, mục đích là để ứng dụng. Tôi có nghe lỏm được một bà đi đạo Phật nói rõ lý do như sau : họ moi ruột gan ra, rán lấy mỡ, thắp đèn chiếu khắp mọi nơi. Nguyên là bụng dạ người ta ai cũng tham tiền, cho nên chỗ nào có chôn của thì ngọn lửa tắp xuống. Họ liền đào chỗ ấy lên lấy của. Người phương Tây đều như thế mà giàu.

Cái triết lý cho rằng "vạn vật đều sinh ra để cho ta" *(vạn vật giai bị vu ngã)* của các nhà đạo học, kỳ thực toàn quốc, ít ra cũng nhiều người "không biết chữ nhất là một"[3] ở thành S đều biết hết, vì thế mà người mới là "vạn vật chi linh". Cho nên, nguyệt kinh, tinh dịch có thể làm cho người ta sống lâu, lông, tóc, móng tay có thể bổ huyết, đại tiểu tiện có thể chữa được rất nhiều bệnh, thịt ở cánh tay có thể phụng dưỡng cha mẹ[4] nhưng đó không phải là phạm vi bài này, bây giờ hãy chưa bàn đến. Huống hồ người thành S rất giữ thể diện, có nhiều việc không được nói ; bằng không thì phải dùng âm mưu mà trừng trị.

---

(1) *Vương Măng* cướp chính quyền vua Hán, thái thú Địch Nghĩa dấy binh đánh Vương Măng. Thua, bị phanh thây giữa chợ. Binh lính bị bắt cũng đều bị giết sạch và mổ bụng.

(2) Cuốn *Tích cốt phân kinh* là sáng tác đời Minh do Ninh Nhất Ngọc soạn, sau đưa vào cuốn *Tục thuyết phù* đời Thanh do Đào Đình soạn. Lỗ Tấn nói sách đời Tống, chắc nhầm.

(3) Nguyên văn : *"Mục bất thức đinh"* : (mắt không đọc được chữ "đinh").

(4) Những việc này đều có nói trong cuốn *Bản thảo cương mục* của Lý Thời Trân, đời Minh.

2 – LOẠI HÌNH THỨC

Tóm lại, chụp ảnh hình như là yêu thuật. Những năm niên hiệu Hàm Phong[1], ở tỉnh nọ, còn xảy ra việc có người vì biết chụp ảnh mà nhà cửa bị người nhà quê phá sạch. Nhưng hồi tôi còn nhỏ, tức là vào ba mươi năm về trước, thì ở thành S đã có một hiệu ảnh rồi, cũng chẳng ai còn nghi ngờ sợ hãi gì nữa. Tuy thế, hồi phong trào Nghĩa Hòa đoàn, tức là hai mươi lăm năm trước, ở tỉnh nọ, còn có người cho rằng thịt bò hộp là thịt trẻ con Trung Quốc bị người phương Tây giết hại. Nhưng đó là ngoại lệ, vạn sự, vạn vật đều không khỏi có lệ ngoại.

Tóm lại, thành S đã có hiệu ảnh từ lâu rồi, đó là nơi mỗi lần tôi đi qua là phải dừng lại ngắm mê mải, nhưng một năm cũng chỉ đi qua bốn năm lần thôi. Những lọ thủy tinh to nhỏ, cao thấp, màu sắc khác nhau, những cây tay tiên[2] vừa mượt vừa có gai, là những cái tôi cho là lạ lùng, quý báu lắm. Lại có những bức ảnh đóng khung của các vị Tăng đại nhân, Lý đại nhân, Tả trung đường, Bào quân môn[3] treo trên tường nữa. Một bậc vai vế trong họ có lòng tốt từng lấy đó răn tôi, nói rằng đó là những bậc quan to ngày nay cả đấy, những vị công thần có công dẹp loạn "Trường Mao"[4], cháu nên noi gương. Hồi đó, tôi cũng rất muốn noi gương họ nhưng lại nghĩ bụng, cũng lại phải có loạn "Trường Mao" nổi dậy nhanh lên đã chứ !

Có điều, người thành S hình như không thích chụp ảnh lắm, vì tinh thần sẽ bị chụp mất đi, cho nên lúc đang gặp vận may, càng không nên chụp ; mà tinh thần tức là "uy quang" (ánh sáng uy linh) ; hồi đó tôi chỉ biết có chừng ấy. Cho đến gần đây, mới lại nghe nói trên đời này có một vị danh sĩ suốt đời không tắm vì sợ mất nguyên khí, nguyên khí có lẽ là uy quang chăng, như thế thì tôi biết thêm nhiều rồi : tinh thần người Trung Quốc tức là uy quang, hay nguyên khí, có thể chụp được, tắm được.

Nhưng, tuy không nhiều lắm, hồi đó cũng có người đến chụp. Tôi không rõ hạng người nào, hoặc giả người vận không may, hoặc giả người tân đảng[5]

---

(1) *Hàm Phong* là niên hiệu Văn Tông đời Thanh vào khoảng năm 1850, lúc xảy ra cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc.

(2) *Cây tay tiên*, (Tiên nhân chưởng *Cereus Pultiplex*) : một thứ cây sống rất lâu, không có lá, thân cây hình bầu dục, màu xanh, hoa màu hồng nhạt, trồng chậu cảnh. Còn gọi là *bá vương thủ, tiên nhân cầu*.

(3) *Tăng đại nhân* : tức Tăng Quốc Phiên ; *Lý đại nhân* : tức Lý Hồng Chương ; *Tả trung đường* : tức Tả Tông Đường ; *Bào quân môn* : tức Bào Siêu đều là những tay tàn sát quân cách mạng Thái Bình Thiên Quốc.

(4) *Trường Mao* : chỉ Thái Bình Thiên Quốc.

(5) Cuối Thanh tất cả những người phái mới đều gọi là "tân đảng".

chăng ? Có điều kỳ nhất là chụp ảnh bán thân, vì như thế giống như bị chém ngang lưng. Tất nhiên, đời Thanh đã bỏ lối chém ngang lưng rồi, nhưng chúng ta vẫn thấy trong tuồng diễn Cụ Bao[1] chém Bao Miễn một nhát đứt đôi, dễ sợ làm sao ! Thì dù đó là quốc túy chăng nữa, cũng chẳng ai muốn người ta thi hành cái quốc túy ấy đối với mình. Quả thật không chụp là phải. Cho nên phần nhiều họ chụp toàn thân, bên cạnh có để một chiếc bàn trà to, trên bàn có giá mũ, ấm chén, ống điếu, chậu cảnh, phía dưới thì ống nhổ, để tỏ ra rằng ống khí quản người đó có nhiều đờm, lần lượt phải nhổ ra. Còn người, thì hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc tay cầm sách, hoặc trên vạt áo đeo một chiếc đồng hồ quả quýt thật to. Nếu chúng ta dùng kính *lúp* xem, đến ngày nay vẫn có thể biết được người đó chụp ảnh lúc mấy giờ, và hồi đó chưa dùng chất dạ quang, cho nên bất tất phải nghi là ban đêm.

Nhưng danh sĩ phong lưu, có đời nào không có ? Những người văn nhã không thích cứ cái nào cũng chụp giống cái nào, quých lắm. Thế là có người cởi truồng làm người đời Tấn[2], có người mặc áo cổ xiên, đeo dây tơ, giả trang làm người nọ, nhưng không nhiều lắm. Phổ biến hơn là chụp hai "kiểu", mỗi "kiểu" một cách phục sức, một bộ điệu, rồi hợp lại chụp chung làm một, hai "mình" như chủ và khách, hoặc như thầy và tớ, đặt tên là "nhị mã đồ" (ảnh hai mình). Nhưng nếu một "mình" thì ngồi vắt mảy lên, một "mình" nữa đê tiện, đáng thương hại quỳ trước "mình" đang ngồi, thì lại đặt tên khác gọi là "cầu kỷ đồ" (ảnh cầu xin mình). Loại ảnh đó in ra, thế nào cũng phải đề một bài thơ, hoặc một bài từ như điệu *ký mãn đình phương, mô ngư nhi*[3] chẳng hạn, rồi treo trong phòng sách. Còn như những anh nhà giàu, thì vì thuộc vào loại quých, cho nên quyết không thể nghĩ ra được những kiểu nhã như vậy. Có làm khác đi, thì nhiều nhất cũng là mình ngồi ở giữa, dưới chân, ngồi sắp hàng một trăm người con, một ngàn đứa cháu, một vạn đứa chắt (còn nữa nhưng bỏ bớt) chụp một bức "toàn gia phúc".

Th. Lip trong cuốn *Vấn đề căn bản của luân lý học*[4] có nói một câu ý như thế này : Phàm kẻ làm chủ người khác đều dễ trở thành nô lệ, bởi vì

---

(1) Ngày trước có một vở tuồng gọi là *Chém Bao Miễn*, nội dung theo một truyền thuyết dân gian, kể chuyện Bao Chửng đời Tống cứ theo phép công, không kể đến tình riêng, đã chém đứa cháu của mình phạm tội (tức Bao Miễn).

(2) *Người đời Tấn* : chỉ Lưu Linh. Sách *Thế thuyết tân ngữ* chép : Lưu Linh là người phóng đạt, say rượu, cởi truồng ngồi giữa nhà. Người ta cười, ông ta trả lời : *"Ta lấy trời đất làm nhà, lấy nhà làm áo quần, sao các người lại chui vào quần của ta ?"*.

(3) Tên các điệu *từ*.

(4) *Th. Lipps* (1851 - 1914) : nhà học giả tư sản người Đức. Cuốn sách nói trên của ông do Dương Xương Tế dịch, trường Đại học Bắc Kinh xuất bản.

một mặt đã thừa nhận có thể làm chủ, tất nhiên một mặt cũng thừa nhận có thể làm nô lệ, cho nên khi mất uy thế, thì cam tâm cúi đầu khom lưng trước người chủ mới. Cuốn sách đó tôi tiếc không có trong tay, chỉ nhớ đại ý, ở Trung Quốc cũng đã dịch rồi, tuy lược dịch, nhưng thế nào cũng có câu đó. Lấy thực tế để chứng minh lý luận ấy, thì đưa Tôn Hạo[1] ra làm thí dụ là rõ nhất. Thời ông ta trị vì đất Ngô, ông ta đã làm một vị bạo chúa, kiêu hãnh, tàn khốc như thế, đến khi hàng Tấn, thì lại là một tên nô lệ đê tiện, vô sỉ như thế. Người Trung Quốc thường nói : "đối với kẻ dưới mà kiêu, thì thờ người trên tất nịnh". Cũng là một câu nói vạch trần được cái trò đó. Nhưng vẫn không biểu hiện thấu triệt được bằng cái tấm ảnh "cầu xin mình". Tương lai, Trung Quốc như muốn in một tập sách gọi là *Vấn đề căn bản của luân lý học bằng tranh ảnh* thì đây là một bức ảnh đẹp nhất, ngay những nhà vẽ tranh hài hước vĩ đại nhất thế giới cũng không thể nào nghĩ ra mà vẽ như thế được.

Nhưng những bức ảnh chúng ta thấy ngày nay không còn là những bức ảnh chụp có người quỳ một cách đê tiện và đáng thương hại như vậy nữa, mà là ảnh nhiều người chụp kỷ niệm gì đấy, hoặc ảnh bán thân phóng đại của người nào đấy, đều oai vệ cả. Tôi thường xem những bức ảnh đó gần như bức ảnh "cầu xin mình", mong cũng không có bằng cứ như người nước Kỷ lo trời sập vậy[2].

3 – LOẠI VÔ ĐỀ

Các hiệu ảnh thường chọn ảnh một hoặc vài người sang trọng, phóng đại ra, rồi treo trước cửa ra vào. Hình như chỉ Bắc Kinh mới như thế, hoặc giả gần đây mới phổ biến. Mấy bức ảnh của các vị Tăng đại nhân... tôi thấy ở thành S đều chỉ là sáu tấc hoặc tám tấc là cùng, mà vĩnh viễn chỉ treo mấy ông ấy thôi, chứ không thay đổi luôn như ở Bắc Kinh, chẳng năm nào giống năm nào cả. Nhưng sau Cách mạng, có lẽ hạ xuống cả rồi chăng, tôi không biết được đích xác lắm.

---

(1) *Tôn Hạo* (243 - 283) : hoàng đế cuối cùng của nước Ngô thời Tam Quốc. Đó là một vị bạo chúa, thường tùy ý giết các quan và cung nữ, hoặc moi mắt, hoặc bóc da mặt... Lúc hàng Tấn, được phong là Quy Mệnh hầu. Một lần Tấn Võ Đế hỏi : "Nghe nói người miền Nam làm bài hát hay lắm kia mà, thử làm một bài hát nghe chơi". Tôn Hạo đang uống rượu, cầm chén hát ngay : "Xưa cùng bệ hạ là láng giềng, nay trở lại làm tôi bệ hạ, xin dâng một chén rượu, chúc bệ hạ sống muôn tuổi".

(2) Sách *Liệt Tử* có nói "Nước Kỷ có người sợ trời sập, không có chỗ ở". Lý Bạch cũng có câu thơ : *Kỷ quốc vô sự ưu thiên khuynh*. Ý nói là một mối lo vớ vẩn, không căn cứ.

Còn như Bắc Kinh mười năm trở lại đây, thì tôi có hơi biết. Người nào trở nên sang trọng thì nhất định ảnh được phóng đại ngay, mà "về vườn" thế là không thấy ảnh đâu nữa, tất nhiên cũng còn lâu hơn chớp giật. Nếu giữa ban ngày đốt đuốc lên soi, mà muốn tìm trong thành phố Bắc Kinh một bức ảnh thu nhỏ, phóng đại, treo ngược, treo xuôi, khác những người sang trọng kia, theo chỗ tôi biết, quả thực chỉ có ông Mai Lan Phương[1] mà thôi. Những bức ảnh *Thiên nữ tung hoa*, *Đại Ngọc chôn hoa* đẹp như tiên của ông rõ ràng đẹp hơn những cái thu nhỏ, phóng đại, treo ngược, treo xuôi kia. Điều đó đủ chứng tỏ người Trung Quốc quả có con mắt thẩm mỹ. Việc phóng đại những bức ảnh ngực ưỡn, bụng phệ kia chẳng qua là bất đắc dĩ đó thôi.

Trước kia khi chỉ mới đọc *Hồng lâu mộng* mà chưa thấy bức ảnh *Đại Ngọc chôn hoa*, tôi thật không ngờ Đại Ngọc mà mắt lại lồi, môi lại dày như thế. Tôi cứ yên trí rằng cô ta có một khuôn mặt tiều tụy của người mắc bệnh lao, bây giờ mới biết cô ta cũng có cái tướng phúc hậu, cũng giống như tiên nữ. Nhưng khi nhìn những bức ảnh tiên nữ của những người bắt chước theo, thì thấy vẻ khổ sở quá, y như trẻ con mặc áo mới, bị gò bó đến thương hại, và cũng thấy ngay lý do vì sao ông Mai Lan Phương được người ta thích lâu, con mắt hoặc cặp môi của ông ta như thế chẳng qua là bất đắc dĩ mà thôi. Điều đó cũng chứng tỏ người Trung Quốc quả thật có con mắt thẩm mỹ.

Khi bậc thánh thơ Ấn Độ, ông Tago[2] sang chơi Trung Quốc, như một bình nước hoa to tướng, ông ta cũng làm cho mấy vị thơm nức một mùi văn khí và huyền khí ; nhưng đủ trình độ để ngồi chúc thọ ông ta thì chỉ có một ông Mai Lan Phương mà thôi. Hai nghệ sĩ hai nước bắt tay nhau. Đến khi nhà thơ lão thành kia đổi họ đổi tên, thành "Trúc Chấn Đán"[3], rời khỏi cái Chấn Đán gần như đất lý tưởng này của ông ta, thì cái mũ Ấn Độ trên đầu vị Chấn Đán thi hiền nhà ta[4] cũng không thấy nữa, mà trên báo chí cũng ít đăng tin tức về ông ta. Để trang sức cho cái Chấn Đán gần như là đất lý tưởng này, cũng vẫn là bức ảnh *Thiên nữ tung hoa* hoặc *Đại Ngọc chôn hoa* treo cao sau cửa kính hiệu ảnh mà thôi.

---

(1) *Mai Lan Phương* : một diễn viên kinh kịch nổi tiếng, hay đóng vai nữ, vừa tạ thế (1961).

(2) *R. Tagore* (1861 - 1941) : một nhà thơ lớn Ấn Độ, năm 1924 có sang thăm Trung Quốc.

(3) Năm đó ông 64 tuổi, Lương Khải Siêu có đặt cho ông ta một cái tên Trung Quốc, gọi là *Trúc Chấn Đán*. *Trúc* là Tây Trúc, chỉ Ấn Độ, còn *Chấn Đán* là tên ngày trước Ấn Độ gọi nước Trung Quốc.

(4) *Chấn Đán thi hiền* : chỉ Từ Chí Ma, - một nhà thơ phản động hồi đó, tay sai của bọn quân phiệt.

Chỉ có nghệ thuật của nhà "nghệ sĩ" đó mới tồn tại lâu dài ở Trung Quốc.

Ảnh diễn viên sân khấu nổi tiếng hoặc ảnh mỹ nhân nước ngoài mà tôi được thấy cũng không nhiều, lại chưa có bức nào nam giả trang nữ cả, ảnh những bậc danh nhân khác thì cũng được thấy mấy mươi cái. Tônxtôi, Ibsen, Rôđanh[1] đều già rồi, Nitso[2] mặt dữ tợn, Scôpenhao mặt đau khổ, Oanđơ[3] khi mặc áo quần diêm dúa thì có vẻ hơi ngốc, mà Rômanh Rôlăng[4] thì hơi có vẻ kỳ dị, Gorki thì lại giống như một tay giang hồ, tuy nói có thể thấy được dấu vết bi ai thống khổ của họ, nhưng rõ ràng không được "đẹp" như tiên nữ. Giả thử ông Ngô Xương Thạc[5] khắc dấu mà cũng kể là nhà điêu khắc, – hơn nữa phong cách các bức họa của ông ta lại nhuần nhụy, cao quý như thế, thì ông ta đích xác là một nhà nghệ sĩ của Trung Quốc rồi, – nhưng ảnh ông ta, chúng ta chẳng thấy ở đâu cả. Ông Lâm Cầm Nam có tiếng về văn chương như vậy, nhưng thiên hạ cũng tựa hồ không mấy ai muốn biết ông ta lắm[6]. Tôi tuy đã có lần được thấy ảnh ông ta in trên quảng cáo thuốc của nhà dược phòng nọ, nhưng lúc đó là ông ta đại biểu cho "Như phu nhân" của ông ta cám ơn nhà dược phòng nọ về công hiệu một vị hoàn tán nào đó mà thôi, cho nên mới in ra đây, chứ không phải vì văn chương ông ta. Bàn về những người dùng tiếng nói của "người phu xe, chị bán tương" để viết văn[7], thì Nam Đình Đình Trưởng, Ngã Phật Sơn Nhân[8] đã chết rồi, không nói làm gì nữa, đến các ông bên nhóm *Sáng tạo*[9] gần đây tuy chiến đấu hăng hái, và viết được khá nhiều tác phẩm, nhưng chẳng qua cũng chỉ có chụp chung ba người một tấm ảnh nho nhỏ, vả lại in kém mà thôi.

---

(1) *A. Rodin* (1840 - 1917) : một nhà điêu khắc có tiếng, người Pháp.

(2) *Nietzsche*(1844 - 1900) : triết gia, người Đức.

(3) *O. Wilde* (1856 - 1900) : nhà văn thuộc phái duy mỹ, người Anh.

(4) *R. Rolland* (1866 - 1944) : nhà văn tiến bộ, người Pháp.

(5) *Ngô Xương Thạc* (1844 - 1927) : người Chiết Giang, nhà khắc dấu, vẽ và viết có tiếng.

(6) *Lâm Cầm Nam* (1852 - 1924) : tức Lâm Thư, nhà dịch giả có tiếng thời đó, nhưng đồng thời cũng là người phục cổ chống lại việc dùng bạch thoại, chống lại cuộc vận động Tân văn hóa. Ông ta có viết một thiên tiểu thuyết đề là *Kinh sinh* để nói những tư tưởng phản động trên của ông ta. Kinh sinh chính là ông ta. Chỗ này trong nguyên văn viết là *"Thức Kinh"* (Muốn biết ông Kinh). Chữ *"Thức Kinh"* này vốn là của Lý Bạch. Nhân có chữ *Kinh*, giống với *Kinh Sinh* nên Lỗ Tấn dùng thành một song quan ngữ, không dịch được.

(7) Câu *"tiếng nói của người phu xe, chị bán tương"* là của Lâm Cầm Nam chế giễu những người viết bạch thoại.

(8) *Nam Đình Đình Trưởng* tức Lý Bảo Gia (1867 - 1906), nhà viết tiểu thuyết có tiếng, tác giả cuốn *Quan trường hiện hình ký*, *Hoạt địa ngục*, *Văn minh tiểu sử*...

Ngã Phật Sơn Nhân : tức Ngô Ốc Nghiêu cũng là một nhà viết tiểu thuyết, tác giả *Nhị thập niên mục đổ chi quái hiện trạng* (Những điều quái dị mắt trông thấy hai mươi năm nay).

(9) *Sáng tạo xã* : một tổ chức văn học tiến bộ thời Ngũ Tứ, gồm có Quách Mạt Nhược, Phương Thành Ngô, Úc Đạt Phu. Trên một số đặc san kỷ niệm hồi đó, có in ảnh ba người chụp chung.

Nghệ thuật vĩ đại nhất, vĩnh cửu nhất của Trung Quốc chúng ta là nam giả trang nữ.

Khác tính thường yêu nhau, thái giám chỉ có thể làm cho người ta yên tâm, chứ quyết không có ai yêu, bởi vì là vô tính, – nếu tôi dùng chữ "vô" như thế không kể là sai. Nhưng cũng có thể thấy rằng nam giả trang nữ, tuy khó lòng yên tâm lắm, nhưng lại rất đáng quý bởi vì, đối với cả hai tính, nó gần như là khác tính ; nam giới thì thấy "giả trang nữ", nữ giới lại thấy là "nam giả trang", cho nên mãi mãi được treo sau cửa kính của hiệu ảnh và trong lòng quốc dân. Nước ngoài không có những nghệ sĩ hoàn toàn như thế, cho nên đành phải để mặc cho những người cầm đục, hòa màu sắc, dùng mực[1], tung hoành.

Nghệ thuật vĩ đại nhất, vĩnh cửu nhất mà lại phổ biến nhất của Trung Quốc chúng ta là nam giả trang nữ.

Ngày 11 tháng 11 năm 1924

(Tập *Nấm mồ*)

(1) Ý nói nhà điêu khắc, họa sĩ.

6. LẠI BÀN CHUYỆN THÁP LÔI PHONG ĐỔ*

Xem tin của ông Sùng Hiên (phụ trương *Kinh báo*, số tháng 2) mới biết ông ta đi thuyền, nghe hai người hành khách nói chuyện với nhau rằng tháp Lôi Phong ở Hàng Châu đổ là vì người nhà quê tin nhảm, cho là có được một viên gạch của tháp đó để trong nhà, thì mọi việc sẽ bình an, như ý, dữ cũng hóa lành ; thế là người này đào một viên, người kia đào một viên, đào mãi thì đổ. Một ông lại còn than thở hai ba lần : "Tây Hồ thập cảnh, thế là thiếu mất rồi".

Nhưng tin ấy lại làm cho tôi hơi khoái chí, tuy biết rõ thấy tai họa mà vui được thì không ra một vị thân sĩ, nhưng tôi vốn không phải là thân sĩ, vả cũng không có cách gì giả vờ được. Rất nhiều người Trung Quốc chúng ta, – ở đây tôi xin đặc biệt trịnh trọng thanh minh rằng, tôi không nói bao gồm cả bốn trăm triệu đồng bào đâu nhé ! – thường mắc phải cái "bệnh thập cảnh", ít ra cũng là cái "bệnh bát cảnh", trầm trọng nhất có lẽ là đời Thanh. Phàm giở một bộ huyện chí[1] nào, cũng thấy huyện đó thường có "thập cảnh" hay là "bát cảnh", như *Viễn thôn minh nguyệt, Tiêu tự thanh chung, Cổ trì hảo thủy* v.v...[2]. Mà cái con vi trùng hình chữ "thập" này tựa hồ đã ăn sâu vào mạch máu rồi, chạy khắp toàn thân thể rồi, sức mạnh của nó chả kém gì cái con vi trùng vong quốc bình dấu than "!"[3] cả. Bánh có "thập cẩm", món ăn có "thập uyển", âm nhạc có "thập chương", Diêm Vương có "thập điện", thuốc có "thập toàn đại bổ", đánh đố có "toàn phúc thủy"

---

* Bài này đăng lần đầu tiên trên tạp chí *Ngữ ti* ngày 23–2–1925.

(1) *Huyện chí* : bộ sách nói về lịch sử, địa dư, phong tục của từng huyện.

(2) Đó là những tên rất đẹp người ta đặt cho từng cảnh. *Viễn thôn minh nguyệt* là trăng chiếu xóm xa, *Tiêu tự thanh chung* là cảnh chùa tiêu điều với tiếng chuông trong, *Cổ trì hảo thủy* là nước đẹp hồ xưa.

(3) *Vi trùng vong quốc* : Lỗ Tấn muốn nhắc lại một luận điệu kỳ quặc hồi bấy giờ. Có tờ báo mỉa mai thơ mới – tức thơ bạch thoại – nói rằng đó là "tiếng nói vong quốc", bởi vì trong thơ bạch thoại thường có nhiều dấu than (!), mà như thế là tiêu cực, bi quan, chán nản.

"phúc thủ toàn", đến khuyết điểm hay tội trạng người ta, khi tuyên bố ra, cũng đại để có "thập điều", hình như mới phạm "cửu điều" là chưa chịu thôi. Bây giờ, Tây Hồ thập cảnh thiếu mất rồi ! "Phàm vi thiên hạ quốc gia hữu cửu kinh"[1], cửu kinh vốn trước kia đã có rồi, nhưng cửu cảnh thì lại rất ít thấy, cho nên đó quả là một mũi kim châm vào cái bệnh thập cảnh, ít nhất cũng làm cho con bệnh cảm thấy mình không được bình thường và cái bệnh cũ đáng yêu của mình bỗng dưng biến đâu mất một phần mười.

Nhưng trong đó vẫn có chỗ đáng buồn.

Thật ra, sự phá hoại thế tất phải xảy ra đó cũng là vô ích. Mình khoái chí chẳng qua là tự lừa dối mình, chẳng có nghĩa lý gì cả. Các bậc cao nhã, các vị tín đồ, các nhà truyền thống đại gia, nhất định sẽ khổ tâm nghiên cứu tìm tòi, dùng những lời khéo léo, hoa mỹ để bổ khuyết cho đủ thập cảnh mới chịu.

Không có phá hoại thì không có kiến thiết mới, đại để là như vậy ; nhưng có phá hoại vị tất đã có kiến thiết mới ngay. Rutxô, Stiêcnơ, Nitsơ, Tônxtôi, Ibsen[2] v.v... nếu dùng câu nói của Borandơ[3] là những "kẻ phá hoại con đường ray". Thật ra không những họ phá hoại, mà họ quét sạch, họ hô hào dũng cảm tiến lên ; con đường ray cũ làm trở ngại bước tiến của họ, thì bất cứ một khúc hay cả con đường, họ không để lại tí gì hết, chứ không phải định đào lấy một khúc sắt rỉ, một viên gạch cũ mang về nhà, để rồi đem bán cho hàng đồ cổ. Trung Quốc rất hiếm những hạng người như thế, mà dù có nữa, cũng sẽ bị quần chúng nhổ nước miếng mà đến chết chìm. Ông Khổng Khâu[4] quả là vĩ đại, sống ở thời thế lực bọn đồng cốt, ma quỷ to như vậy, mà ông không chịu theo thói thường bàn chuyện quỷ thần. Nhưng tiếc điều ông ra ranh quá. Trong câu *"Tế như tại, tế thần như thần tại"* (Tế

---

(1) Câu này lấy ở sách *Trung dung* : "Phàm trị quốc gia thiên hạ thì có chín điều phải theo tức là tu thân, tôn kính kẻ hiền, yêu mến cha mẹ v.v... *Kinh* là những việc mà những người trị nước phải làm hàng ngày. Đây Lỗ Tấn chơi chữ, vì trong tiếng Trung Quốc *kinh* và *cảnh* âm đọc như nhau.

(2) *J.J. Rousseau* (1712 – 1778) : nhà văn người Pháp. Những thuyết của ông về quyền tự do, bình đẳng có một ảnh hưởng rất lớn trong trào lưu tư tưởng nước Pháp và thế giới.

M. Stirner (1806 – 1860) : nhà triết học duy tâm người Đức theo chủ nghĩa vô chính phủ.

Tolstoi (1828 – 1910) : nhà văn người Nga nổi tiếng.

Ibsen (1828 – 1906) : nhà văn người Na Uy chủ trương giải phóng cá tính. Thời Ngũ Tứ, ở Trung Quốc, các tác phẩm của ông được đề cao và có một ảnh hưởng khá lớn trong cuộc đấu tranh chống lễ giáo phong kiến và giải phóng phụ nữ.

(3) *G. Brandes* (1842 – 1927) : nhà phê bình văn học Đan Mạch, tác giả cuốn *Trào lưu văn học Âu châu thế kỷ XIX*.

(4) Tức Khổng Tử.

tổ như có tổ ở trên, tế thần như có thần ở trên) ông ta theo cái cách quen thuộc khi soạn sách *Xuân Thu*, chỉ dùng hai chữ *"như"* hơi ngụ ý "nghịch ngợm độc ác" làm cho người ta trong chốc lát không hiểu ra sao cả, không thấy trong bụng ông ta phản đối. Ông ta chịu thề với Tử Lộ[1], nhưng lại không chịu tuyên chiến với quỷ thần, bởi vì tuyên chiến thì không hòa bình nữa rồi, dễ phạm vào tội chửi – mặc dù chỉ là chửi ma quỷ – tức sẽ không khỏi bị một người tốt bụng như ông Ty, tác giả bài *Hành luận* (xem phụ trương *Thần báo* số tháng Giêng) thay quỷ thần mà cười ông ta và sẽ nói : Vì danh ư ? Không thể vì chửi mà có danh được. Vì lợi ư ? Không thể vì chửi mà có lợi được. Định dụ dỗ đàn bà con gái nhà ai chăng ? Cũng không thể đem cái bộ mặt Xuy Vưu mà in lên trên bài văn của mình được[2]. Vui gì mà chửi như thế nhỉ ?

Khổng Khâu là một ông già rất am hiểu thế cố nhân tình, có lẽ trừ cái việc "in mặt" không kể, ông ta còn có một thâm ý ; không thể làm một người phá hoại trắng trợn, cho nên không bàn, chứ quyết không chửi, thế là nghiễm nhiên thành một bậc thánh của Trung Quốc, đạo lớn, bao gồm được tất cả. Bằng không thì bây giờ, thờ trong thánh miếu có lẽ không phải là họ Khổng.

Có điều chỉ trên sân khấu mà thôi, bi kịch thì đem những cái có giá trị trên đời ra phá hủy đi cho người ta xem, hài kịch thì đem những cái không có giá trị trên đời ra xé tan cho người ta xem. Châm biếm lại chẳng qua là một loại đơn giản của hài kịch. Nhưng bi tráng, hài hước đều là thù địch của bệnh "thập cảnh" cả, bởi vì đều có tính cách phá hoại, tuy mỗi cái phá hoại một phương diện khác nhau. Nếu bệnh "thập cảnh" còn tồn tại, thì Trung Quốc không những không thể sản sinh được những người điên như Rutxô v.v... mà cũng không thể sản sinh được một người sáng tác bi kịch hoặc hài kịch hay là một nhà thơ châm biếm. Tất cả sẽ chỉ là nhân vật của một vở hài kịch hoặc là nhân vật của một vở hài kịch không ra hài kịch, bi kịch không ra bi kịch, bất chước lẫn nhau, sống trong thập cảnh và ai nấy đều mắc phải cái bệnh "thập cảnh" cả.

---

(1) *Tử Lộ* : học trò Khổng Tử. Sách *Luận ngữ*, thiên *Ung dã* có đoạn : Khổng Tử yết kiến Nam Tử. Tử Lộ không bằng lòng. Khổng Tử thề nói : "Ta làm điều gì sai, trời sẽ hại ta, trời sẽ hại ta. (Nam Tử là vợ Linh Công nước Vệ).

(2) Bài *Hành luận* là một bài chống lại tính chất chiến đấu trong văn phê bình. Ý trên này đều lấy trong bài đó cả. Lỗ Tấn nhân tiện nhắc qua. Xuy Vưu là tù trưởng tộc Cửu Lê thời cổ đại Trung Quốc. Ngày trước các nhà viết sử vì thiên kiến đều miêu tả Xuy Vưu rất dữ tợn, hung ác.

Thế nhưng, trên thế giới ít có tình trạng cuộc đời đình trệ hẳn, cho nên kẻ phá hoại đã đến, nhưng lại không phải là những kẻ phá hoại người nhà, vì giác ngộ trước, mà là bọn giặc cướp tàn bạo, những tên man rợ ở ngoài vào. Trước kia Hiêm Doãn[1] đã đến Trung Nguyên, Ngũ Hồ[2] cũng đến, Mông Cổ cũng đến ; đồng bào ta là Trương Hiến Trung[3] giết người như rạ, thế mà đến khi quân Mãn Châu vừa bắn cho một mũi tên, đã rúc vào bụi cây chết mất. Có người bàn về Trung Quốc nói : "Giá thử không có sự xâm nhập của bọn người man rợ mang theo một dòng máu mới, thì thật không biết tự nó còn mục nát đến thế nào nữa !". Tất nhiên đó là một câu nói đùa cực kỳ ác bạc, độc địa, nhưng chúng ta xem lịch sử, e không khỏi có lúc mồ hôi và ra ướt đầm cả lưng. Giặc ngoài đến, náo động lên một lúc, cuối cùng mời nó lên làm chủ, rồi dưới đao búa của nó, ra sức tu bổ lệ cũ ; giặc trong đến, náo động lên một lúc, cuối cùng mời nó lên làm chủ, hoặc mời một đứa khác lên làm chủ, rồi trên đống gạch của mình, ra sức tu bổ lệ cũ. Lại giở các *huyện chí* ra mà xem, thì thấy sau mỗi lần binh đao, có thêm được một số liệt phụ, liệt nữ. Xem những cuộc đánh nhau gần đây, e lại phải biểu dương thật nhiều những gương tiết liệt chăng. Bao nhiêu đàn ông đi đâu hết cả rồi ?

Sự phá hoại kiểu ăn cướp đó, kết quả chỉ có thể để lại một đống gạch, chứ không liên quan gì đến kiến thiết cả. Nhưng lúc thái bình tức là lúc tu bổ lệ cũ, không có giặc cướp, thì Trung Quốc tạm thời không bị phá hoại hay sao ? Không phải như thế. Lúc đó có thứ phá hoại kiểu nô lệ đang thường xuyên tác động.

Việc đào gạch ở tháp Lôi Phong chẳng qua chỉ là một thí dụ rất nhỏ gần đây mà thôi. Những pho tượng bằng đá ở Long Môn[4] phần lớn chẳng còn nguyên vẹn nữa, sách trong thư viện phải đề phòng cẩn thận, không thì tranh ảnh bị xé hết, phàm vật gì của công hay là vô chủ, nếu khó di chuyển mà còn giữ được hoàn toàn thì rất ít. Nhưng vì sao mà phá hoại, thì chẳng phải

---

(1) *Hiêm Doãn* : một bộ lạc ở miền Bắc Trung Quốc thời cổ đã từng đánh nhau với Chu Công và Thành Vương.

(2) *Ngũ Hồ* : chỉ những tộc đến chiếm miền Bắc Trung Quốc khoảng năm 304 – 439, gồm có Hung Nô, Yết, Tiên Ty, Chi, Khương, lập thành 16 nước, thường gọi là Ngũ Hồ thập lục quốc.

(3) *Trương Hiến Trung* : lãnh tụ một cuộc nông dân khởi nghĩa cuối đời Minh. Sử cũ nói phóng đại việc giết người của ông ta. Lỗ Tấn nhiều lần phê phán việc ông ta giết người như rạ, chắc cũng là theo sử cũ. Năm 1646, Trương Hiến Trung ra khỏi Tứ Xuyên gặp quân Mãn Thanh đến dốc Phượng Hoàng bị trúng tên, ngã xuống ngựa, chết.

(4) *Long Môn* : tên một ngọn núi ở phía nam Lạc Dương, tỉnh Hà Nam, có nhiều tượng Phật bằng đá thời Bắc Ngụy.

như người cải cách, chỉ ở chỗ quét sạch đi, cũng chẳng phải như giặc cướp, chí ở chỗ ăn cướp hoặc phá hoại đơn thuần, mà là vì thấy cái lợi nhỏ trước mắt, nỡ lén lút làm hư hỏng những vật lớn của người ta đang nguyên vẹn như vậy. Người nhiều thì tất nhiên sự phá hoại càng lớn, và khi hư hỏng rồi, thì khó lòng biết được ai là người làm cho tình trạng trở thành trầm trọng đến như vậy. Cũng như sau khi tháp Lôi Phong đổ, chúng ta chỉ biết vì người nhà quê tin nhảm. Ngôi tháp của chung mọi người đó mất đi, còn người nhà quê thì chẳng qua chỉ được có mỗi một viên gạch mà thôi, viên gạch này tương lai sẽ có một người tự tư tự lợi khác cất giấu đi, cuối cùng thế là tiêu tan hết. Giá gặp thời thịnh vượng giàu có, nhân cái bệnh "thập cảnh" nổi lên, thì một cái tháp Lôi Phong mới sẽ được xây lại cũng nên. Nhưng vận mệnh tương lai như thế nào, khó lòng đoán mà biết được. Nếu như người nhà quê vẫn là người nhà quê ấy và lệ cũ vẫn là những lệ cũ ấy !

Sự phá hoại kiểu nô lệ ấy, kết quả cũng chỉ để lại một đống gạch mà thôi, chứ không liên quan gì đến kiến thiết cả.

Há phải chỉ có người nhà quê lấy trộm gạch tháp Lôi Phong thôi đâu ! Hiện nay biết bao nhiêu đứa nô lệ đang hàng ngày trộm những hòn đá tảng của cái nước Trung Hoa Dân Quốc này !

Đống gạch đó, vẫn chưa đáng buồn, trên đống gạch đó mà tu bổ lệ cũ nữa mới đáng buồn. Chúng ta cần có những người phá hoại cách tân, bởi vì trong lòng họ có ánh sáng của lý tưởng. Chúng ta phải biết phân biệt họ với bọn giặc cướp, bọn nô lệ ; phải chú ý đừng để mình rơi vào hai hạng người sau. Phân biệt cũng chẳng lấy gì làm khó, chỉ cần xem người, xét mình, phàm trong ngôn ngữ, hành động, tư tưởng, có triệu chứng mượn cớ đó mà chiếm làm của riêng, tức là giặc cướp, có triệu chứng mượn cớ đó kiếm chút tư lợi trước mắt, tức là nô lệ, bất cứ lá cờ phất lên trước mặt tươi thắm, đẹp đẽ như thế nào mặc lòng.

Ngày 6 tháng 2 năm 1925

(Tập ***Nấm mồ***)

7. CHUYỆN PHIẾM CUỐI XUÂN*

Bắc Kinh đang là tiết cuối xuân, có lẽ tôi quá nóng vội chăng, cứ thấy có về mùa hè, thế là bỗng nhớ đến loài ong eo lưng ở quê nhà. Bấy giờ ước chừng giữa mùa hè, các con ruồi xanh thì đậu chi chít trên sợi dây treo giàn hoa che nắng, còn các con ong eo lưng, đen như sắt, thì bay lui bay tới giữa hàng dâu hoặc gần những mạng nhện ở góc tường, có khi cắp một con sâu xanh bé tý, có khi bắt được một chú nhện. Sâu hay nhện trước còn chống cự không chịu đi, nhưng rồi kiệt sức, bị cắp bay lên không, như là đi tàu bay.

Các cụ bày cho tôi rằng con ong eo lưng đó là tức là con "quả lõa" nói trong sách, chỉ có cái, không có đực, phải bắt "minh linh" về làm con nối dõi. Nó đem con sâu xanh kia về bỏ vào tổ, bịt lại, còn nó thì ở ngoài, ngày đêm gõ gõ, cầu khẩn : "Giống ta ! giống ta !". Qua mấy ngày, – tôi không nhớ rõ, có lẽ bảy bảy bốn chín ngày thì phải, – con sâu xanh nọ hóa thành một con ong eo lưng. Cho nên *Kinh Thi* nói : *minh linh hữu tử, quả lõa phụ chi*" (minh linh đẻ con, quả lõa nuôi cho). "Minh linh" tức là con sâu xanh trên cây dâu. Còn con nhện thì sao ? Các cụ không nói đến. Tôi nhớ có mấy nhà khảo cứu[1] từng đưa ra một thuyết khác, cho rằng con ong eo lưng kỳ thực có thể đẻ trứng được, nó bắt sâu xanh về là để bỏ vào tổ làm mồi cho những con ong con khi mới nở. Nhưng các cụ mà tôi biết đều chẳng ai tin thuyết ấy cả, vẫn nói là bắt về làm con. Chúng ta muốn giữ lại những câu chuyện hay trong trời đất, thì nói như thế nghe mà hay đấy. Ngày hè dài, nhàn rỗi, ngồi tránh nắng dưới bóng cây, mỗi khi nhìn thấy hai con sâu, một con lôi đi, một con kéo lại, tôi cứ tưởng như nhìn thấy một bà mẹ hiền đang dạy dỗ con gái, trong bụng chỉ nghĩ đến điều hay, mà con sâu xanh kia thì cứ ươn ẹo, kháng cự lại, giống hệt con ranh con, không biết điều chút nào cả.

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Măng nguyên*, ngày 24 tháng 4 năm 1925, ký tên là Minh Chiêu.

(1) Về *con ong eo lưng* này có đẻ con hay không, sách Trung Quốc ngày trước có nhiều thuyết khác nhau. Các nhà khảo cứu nói đây là những nhà khảo cứu thời cổ.

Nhưng rút cục có bọn người man rợ đáng ghét, cứ nói đến khoa học gì gì ấy. Khoa học tuy có cho chúng ta biết những cái lạ lùng, nhưng cũng làm tan vỡ bao nhiêu mộng đẹp của chúng ta. Từ khi nhà côn trùng học trứ danh người Pháp, Phabơrơ[1], quan sát tỉ mỉ, thì cái thuyết bắt về làm mồi cho những con ong con đã được chứng thực. Vả lại, con ong eo lưng ấy không phải là một tên hung thủ thông thường, mà là một tên hung thủ tàn nhẫn, lại là một nhà giải phẫu, học thức kỹ thuật hết sức cao siêu. Nó biết cấu tạo và tác dụng dây thần kinh của con sâu xanh, dùng một thứ kim độc thần kỳ chích một mũi vào huyệt thần kinh vận động, con sâu xanh liền tê liệt đi, ở vào trạng thái không chết không sống. Lúc đó, nó mới đẻ trứng trên mình con nọ, rồi bịt tổ lại. Con sâu xanh vì không sống không chết, nên không động đậy gì được, nhưng cũng vì không sống không chết, nên không thối, chờ đến khi con nó nở ra, thì mồi vẫn tươi như khi mới bắt về.

Ba năm trước đây, tôi có gặp ông E[2], người Nga – một người thần kinh quá nhạy. Một hôm, ông ta bỗng buồn rầu nói : Chẳng hay các nhà khoa học tương lai có đến nước phát minh ra một thứ thuốc mầu nhiệm, tiêm cho người nào thì người ấy mãi mãi cam tâm làm cái máy phục dịch và chiến tranh hay không ? Bấy giờ, tôi cũng chau mày thở dài, giả vờ buồn rầu như ông ta, để tỏ ý "mình cũng nghĩ như ông ta". Có ngờ đâu rằng các bậc vua thánh, tôi hiền, các bậc thánh hiền và học trò của thánh hiền nước ta từ thuở nào đã mơ ước đến cái thế giới hoàng kim đó rồi. Chẳng phải là "chỉ một mình vua tác phúc, một mình vua tác uy, một mình vua ăn thức ngon vật lạ"[3] đó là gì ? Chẳng phải là "người quân tử thì lao tâm, kẻ tiểu nhân thì lao lực" đó là gì ? Chẳng phải là "kẻ bị trị làm cho người khác ăn, kẻ trị người ngồi ăn của người khác"[4] đó là gì ? Đáng tiếc, lý luận cao siêu như thế, mà cuối cùng chưa phát minh ra được một phương pháp thật hoàn hảo. Muốn phục tùng sự tác uy thì phải không sống, muốn cống hiến thức ngon vật lạ thì phải không chết ; muốn bị trị thì phải không sống, muốn cung dưỡng kẻ trị người thì lại phải không chết. Loài người được tôn làm giống thông minh hơn vạn vật, điều đó tất nhiên đáng mừng, nhưng không có cái kim độc của con ong eo lưng, khiến các bậc vua thánh, tôi hiền, các ông thánh hiền và học trò các ông thánh hiền cho đến những người giàu sang,

---

(1) *J. Fabre* (1823 – 1915) : tác giả cuốn *Côn trùng ký* (Souvenirs entologiques).

(2) *Ông E* nói đây là ông Erôsencô, một nhà văn mù người Nga, từng ở Trung Quốc vào khoảng năm 1920 – 1921, dạy thế giới ngữ ở trường Đại học Bắc Kinh. Lỗ Tấn nhiều lần nhắc đến ông trong các bài tạp văn cũng như trong tiểu thuyết của mình (xem *Kịch vui về dàn vịt* – tập ***Gào thét***). (Chú thích thêm của NXB : Đúng ra, Erôsencô là người Ucraina).

(3) Nguyên văn : *"duy tích tác phúc, duy tích tác uy, duy tích ngọc thực"*, lấy trong *Kinh Thư*.

(4) Xem sách *Mạnh Tử*, thiên *Đằng Văn Công*.

các vị học giả, các nhà giáo dục ngày nay đều cảm thấy lúng túng. Tương lai thế nào chưa biết, chứ dĩ vãng, thì kẻ trị người tuy đã thi hành mọi thuật làm cho tê liệt đi, cũng chưa thật hiệu quả, để cho hơn con quả lõa được. Cứ lấy hoàng đế mà nói, hoàng đế cũng không khỏi thay triều đổi họ luôn luôn, chẳng bao giờ được "Vạn năm có đạo lâu dài cả"[1]. *Nhị thập tứ sử*[2] mà nhiều đến hai mươi bốn bộ thì đó là một bằng chứng vững như thép đáng buồn. Bây giờ lại hình như có những bộ mặt mới lạ. Trên đời bỗng nẩy ra một thứ lưu học sinh gọi là "giai cấp trí thức đặc biệt"[3]. Theo kết quả nghiên cứu được trong phòng nghiên cứu, họ nói rằng y học không phát triển là có ích cho sự cải tạo nhân chủng, rằng địa vị người phụ nữ Trung Quốc rất là bình đẳng, rằng mọi sự đều hay ho, rằng mọi trạng thái đều tốt lành. Ông E buồn có lẽ cũng không phải là không có nguyên nhân, nhưng nước Nga thì không đáng lo, vì nước Nga không giống Trung Quốc chúng ta. Nước chúng ta có cái gọi là "tình hình đặc biệt"[4], lại có cái gọi là "giai cấp trí thức đặc biệt" nữa.

Có điều, những việc đó e rốt cuộc cũng giống người đời xưa, không thể có công hiệu mỹ mãn lắm chăng, bởi vì so với việc con ong eo lưng làm, thực ra khó hơn nhiều. Nó chỉ cần con sâu xanh không động đậy là được, cho nên nó chích một mũi ở huyệt thần kinh vận động là xong. Còn như việc của chúng ta là lại muốn cho vận động được, nhưng không có tri giác. Đáng lý ra phải làm cho trung khu thần kinh tri giác tê liệt hẳn đi, nhưng hễ mất tri giác thì cái làm chủ tể cho vận động cũng mất theo, thành ra không thể cống hiến vật ngon của lạ được, để cung phụng trên từ những ông "chóp bu"[5] dưới đến "giai cấp trí thức đặc biệt" đem về mà hưởng. Cứ như bây giờ mà nói, thiết nghĩ rằng, trừ những cái như phương pháp thánh kinh hiền truyện của các bậc di lão, chủ nghĩa chui vào phòng nghiên cứu của các vị học giả, luật cấm các nhà văn và các ông chủ tiệm trà bàn quốc sự,

---

(1) Nguyên văn : *"Vạn niên hữu đạo chi trường"* : một câu sáo cũ nói hoàng đế trị vì lâu dài.

(2) *Nhị thập tứ sử* : Vua Kiền Long đời Thanh quy định chính sử Trung Quốc trải qua các triều đại có hai mươi bốn bộ như : *Sử ký, Hán thư, Hậu Hán thư, Tam quốc chí, Tấn thư v.v...*

(3) Khi Đoàn Kỳ Thụy đình triệu tập đại hội quốc dân – tức cái gọi là "Thiện hậu hội nghị" mục đích để chống lại Tôn Trung Sơn, lúc đó được Đảng Cộng sản ủng hộ, thì ở Bắc Kinh có một số lưu học sinh ở nước ngoài về tổ chức lại, làm đơn yêu cầu Đoàn Kỳ Thụy xem họ như là một "giai cấp trí thức đặc biệt". Lỗ Tấn chỉ trích bọn đó.

(4) Năm 1915, khi Viên Thế Khải âm mưu khôi phục đế chế, tên Mỹ làm cố vấn cho y có viết một bài báo trên tờ *Á châu* nói rằng Trung Quốc có một "tình hình đặc biệt", nên khôi phục chế độ quân chủ, chứ không thích hợp với chế độ dân chủ. Câu này về sau, bọn phản động thường dùng khi không muốn thi hành một cải cách dân chủ nào đó.

(5) Nguyên văn *"cực phong"* (đỉnh cao nhất) : danh từ bọn văn sĩ bồi bút hồi đó xưng nịnh bọn quân phiệt Bắc Dương.

chủ trương chớ nhìn, chớ nghe, chớ nói, chớ làm[1] của các nhà giáo dục, thì thực tình không có cách nào tốt hơn, hoàn toàn hơn, và không có tệ hại gì cả. Ngay điều phát hiện đặc biệt đó của các ông lưu học sinh, kỳ thực cũng không ngoài phạm vi của tiền hiền được.

Như thế thì lại phải *"lễ thất nhi cầu chư dã"*[2] vậy. Người man rợ – bây giờ vì định học hỏi họ, hãy tạm gọi là người ngoại quốc đi – người man rợ họ có cách gì hay hơn không ? Tiếc thay, cũng không có. Cái họ có vẫn chỉ là không cho hội họp, không cho nói v.v... chẳng khác gì Trung Hoa chúng ta mấy. Nhưng cũng đủ thấy rằng đạo cao, mưu hay, người ta ở đâu thì cũng một lòng như nhau, một lý như nhau, không phân biệt người Trung Hoa hay người man rợ. Thú dữ thì đơn độc, trâu dê thì kết đàn ; cả bầy trâu rừng biết chụm sừng lại làm bức thành chống kẻ địch mạnh hơn, nhưng kéo từng con ra, nhất định chỉ có thể kêu nghé ngọ. Dân cũng một loài với trâu ngựa, – ấy là nói ở Trung Quốc, chứ người man rợ có cách phân loại khác – cái đạo trị dân tất nhiên là phải cấm hội họp ; phương pháp ấy đúng. Thứ nữa là phải cấm nói. Người mà nói được là sinh tai họa rồi, huống nữa có lúc còn muốn viết văn ! Cho nên khi Thương Hiệt bày ra chữ viết, thì ban đêm có tiếng quỷ khóc[3]. Quỷ còn phản đối nữa là quan ? Khỉ không biết nói, cho nên trong giới khỉ, xưa nay không có phong trào, – có điều trong giới khỉ cũng không có quan, nhưng đó lại là chuyện khác – thật nên thành tâm mà bắt chước nó, trở lại chất phác như buổi đầu, thì không mở miệng nói nữa, văn chương cũng tự nhiên tiêu diệt. Phương pháp ấy cũng đúng. Nhưng trên đây chẳng qua chỉ là lý luận, còn công hiệu thực tế như thế nào, vẫn khó mà nói lắm. Thí dụ rõ nhất là, đến nước Nga chuyên chế như thế kia, mà khi Nicôla đệ nhị[4] "cưỡi rồng quy tiên" rồi, thì dòng họ Rômanôp cũng "tuyệt tự" nốt. Nói gọn lại, khuyết điểm lớn là ở chỗ tuy đó là hai phương pháp tuyệt diệu, nhưng vẫn còn thiếu một phương pháp nữa, tức là : chưa có cách nào cấm người ta suy nghĩ được cả.

Đáng giận thay cho ông chúa tạo vật của chúng ta – giả dụ trên trời cũng có một ông "chúa" như thế thật ! Một là, giận ông ta không phân chia "kẻ thống trị" và "kẻ bị trị" cho rạch ròi mãi mãi ; hai là, giận ông ta không sinh cho kẻ thống trị một cái kim độc như cái của con ong eo lưng ; ba là,

---

(1) *Luận ngữ* có câu : *Phi lễ vật thị, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật thính, phi lễ vật động.* (Cái gì không đúng lễ thì chớ nói, chớ nhìn, chớ nghe, chớ làm).

(2) Ý nói : khi mất điều lễ thì phải cầu ở những người nơi thôn dã.

(3) Theo sách *Hoài Nam Tử*, "ngày trước, Thương Hiệt bày ra chữ viết, trời mưa lúa xuống và ban đêm quỷ khóc".

(4) *Nicolas II* : ông vua cuối cùng dòng họ Rômanôv. Sau Cách mạng tháng Mười bị tử hình.

giận ông ta không tạo con người bị trị làm sao cho dù chặt đứt đầu chứa đựng cái trung khu tư tưởng đi rồi, vẫn cứ có thể cử động được để phục dịch. Ba điều đó, nếu được một, thì địa vị của những kẻ giàu sang sẽ bền vững đời đời, việc thống trị cũng đời đời đỡ vất vả, mà thiên hạ thì thái bình vô sự. Nay không như thế, cho nên dù chỉ muốn ngồi trên cao, tạm thời giữ lấy sự giàu sang, cũng còn phải ngày đêm lo tính mưu này chước nọ, thật là bận lòng mệt óc lắm...

Giá thử không có đầu, mà vẫn cứ có thể làm cái máy phục dịch và chiến tranh được, thì tình hình trên đời rõ ràng biết bao nhiêu ! Lúc đó, không cần dùng áo mão, mề đay gì gì nữa để phân biệt người sang kẻ hèn, chỉ cần xem có đầu hay không là biết ai thầy, ai tớ, ai quan, ai dân, ai trên, ai dưới, ai quý, ai tiện rồi. Và cũng không đến nỗi sinh ra những cuộc rối loạn, như cách mạng, cộng hòa, hội nghị v.v..., nội việc đánh dây thép cũng đỡ đi rất nhiều. Người đời xưa thế mà thông minh, hình như họ đã nghĩ đến điều đó từ lâu rồi. Sách *Sơn hải kinh* có nói đến một con quái vật tên là "hình thiên"[1]. Nó không có đầu để suy nghĩ, nhưng vẫn sống, "lấy vú làm mắt, lấy rốn làm miệng". Họ nghĩ cũng đã chu đáo, bằng không thì nó trông thế nào, ăn thế nào ? – thực đáng tôn làm phương pháp bậc thầy. Giá thử quốc dân ta đều có thể như thế được cả, thì những người giàu sang còn an toàn, sung sướng bao nhiêu ! Có điều, cái con "hình thiên" ấy nó lại "cầm búa rìu mà múa", thì tựa hồ như chết cũng chưa chịu an phận cho, thành ra có khác với thứ quốc dân hiền lành, lý tưởng mà tôi đã nghĩ ra cốt để tiện lợi cho các bậc giàu sang. Ông Đào Tiềm[2] lại có câu thơ : *"Hình Thiên vũ can thích, Mãnh chí cố thường tại"* (Hình Thiên múa rìu búa, Chí mạnh thường vẫn còn). Cả đến vị ẩn sĩ già có vẻ khoáng đạt đó mà cũng nói như thế, đủ thấy không đầu vẫn có thể có chí mạnh, cái thiên hạ của kẻ giàu sang nhất thời sợ khó mà thái bình được ! Có điều, quốc dân có cái "giai cấp trí thức đặc biệt" đông quá như thế, có lẽ có hy vọng được đặc biệt ở vào ngoại lệ cũng nên ; huống chi, sau khi văn minh tinh thần đã cao quá rồi, thì cái đầu tinh thần có thể bay đi trước, còn như cái đầu vật chất tầm thường kia, thì có hay không, cũng không kể là một vấn đề khó khăn lắm.

Ngày 22 tháng 4 năm 1925

(Tạp ***Nấm mồ***)

---

(1) *Hình Thiên* : nhân vật thần thoại. Hình Thiên tranh thần với Đế, Đế chặt đầu chôn ở núi Thường Sơn. Nó lấy vú làm mắt, lấy rốn làm miệng, cầm búa rìu mà múa. *(Sơn hải kinh)*.

(2) *Đào Tiềm* (372 – 427) : nhà thơ vĩ đại đời Tấn, người Tầm Dương. Hai câu thơ này lấy ở bài *Độc Sơn hải kinh*.

8. TRƯỚC ĐÈN TÙY BÚT*

I

Có một thời kỳ, tức là vào những năm Dân Quốc thứ hai, thứ ba, bạc giấy của mấy nhà ngân hàng quốc gia ở Bắc Kinh phát hành ngày càng được tín nhiệm, đúng là "cứ tăng vùn vụt". Nghe nói, đến những người nhà quê xưa nay nhất thiết chỉ tiêu bạc thật, cũng thấy thứ bạc này đã tiện lợi, lại chắc chắn, rất vui lòng nhận tiêu. Còn như những người hiểu biết hơn, bất tất phải là "giai cấp trí thức đặc biệt", thì đã từ lâu không mang theo bạc thật nặng chịch vướng mắc trong người để tự chuốc lấy cái khổ một cách vô vị nữa rồi. Nghĩ lại, trừ những người có một lòng mê thích đặc biệt đối với bạc thật không kể, còn thì phần lớn có lẽ dùng bạc giấy hết, và nhất là thứ bạc giấy của ta. Nhưng đáng tiếc là về sau bỗng bị một vố khá nặng.

Tức là năm Viên Thế Khải định lên làm vua[1], ông Thái Tùng Pha bỏ Bắc Kinh xuống Vân Nam khởi nghĩa. Một trong những ảnh hưởng ở đấy phải chịu là Ngân hàng Trung Quốc và Ngân hàng Giao thông đình chỉ việc đổi bạc giấy ra bạc thật. Tuy không đổi nữa, nhưng sắc lệnh chính phủ bắt người buôn bán phải tiêu thì vẫn còn hiệu lực. Có điều người buôn bán cũng có mánh khóe của họ, họ không nói không tiêu, mà nói không tìm ra tiền lẻ trả lại. Giả dụ cầm mấy chục, mấy trăm đồng bạc giấy đi mua thì tôi không biết thế nào, nhưng nếu chỉ mua một quản bút, một bao thuốc lá chẳng hạn, chả lẽ lại trả cả đồng bạc giấy hay sao ? Chẳng những trong bụng không muốn, mà cũng không có nhiều bạc giấy như vậy. Thì đổi ra

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Mang nguyên*, ngày 8 và 22–5–1925.

(1) *Viên Thế Khải* (1859–1916) : thủ lĩnh quân phiệt Bắc Dương. Hắn có một lực lượng võ trang khá hùng hậu, lại được bọn đế quốc ủng hộ, nên sau cách mạng Tân Hợi, hắn đoạt lấy chính quyền, giữ chức Đại Tổng thống. Năm 1915, hắn muốn khôi phục lại nền đế chế, định lên làm vua. Sau Thái Ngạc tức Thái Tùng Pha khởi nghĩa ở Vân Nam, các tỉnh hưởng ứng. Viên Thế Khải bắt buộc phải thủ tiêu nền đế chế đó, và ngày 6–6 thì chết ở Bắc Kinh.

xu, chịu thiệt ít nhiều vậy ; lại nói xu cũng không có. Thì đến nhà bà con, bè bạn, mượn ít tiền thật vậy. Nhưng làm gì có ? Thế là phải hạ thấp yêu cầu xuống, không nói chuyện ái quốc nữa, đành dùng giấy bạc Ngân hàng ngoại quốc. Nhưng giấy bạc Ngân hàng ngoại quốc lúc này cũng như là bạc thật ; người ta cho anh vay thứ giấy bạc đó cũng tức như cho anh vay bạc thật đấy.

Tôi còn nhớ hồi đó trong người còn có đến ba bốn mươi tờ bạc giấy Trung Giao[1], nhưng bỗng dưng trở thành một anh nghèo kiết xác, cơ hồ đến phải nhịn ăn, hoảng quá. Chắc có lẽ, sau cách mạng Nga, tâm tư những tay nhà giàu cất đống rúp giấy cũng như thế này, già lắm chẳng qua có sâu sắc hơn mà thôi. Tôi đành phải đi dò hỏi xem bạc giấy có thể chịu các mà đổi ra bạc thật được chăng ? Nói là không ai đổi cả. May về sau có người lén lút đổi cho : một đồng các hơn sáu hào. Tôi mừng quá, vội vàng đem đổi một nửa. Sau tăng lên, các bảy hào, tôi càng mừng hơn, đem đổi ra bạc thật hết, mang trong người, nặng trĩu, tựa hồ như đó là sức nặng của tính mạng tôi vậy. Nếu là ngày thường, các tiền trang[2] đưa thiếu một xu, tôi cũng nhất định không chịu rồi !

Khi tôi mang trong người một gói bạc thật, nặng trĩu, mà cảm thấy yên tâm, vui mừng như thế, thì bỗng nảy ra một ý nghĩ, tức là : chúng ta rất dễ biến thành nô lệ, và sau khi biến thành nô lệ, vẫn hết sức vui mừng.

Giả thử có một bạo lực nào đó "không coi người ra người", chẳng những không coi ra người, mà không coi bằng trâu ngựa nữa, không kể vào đâu hết ; đến khi ai cũng thèm muốn được như trâu ngựa, than thở "người thời loạn không bằng con chó thời bình"[3] rồi, lúc đó mới định cho con người bằng một giá như trâu như ngựa, – như luật đời Nguyên, đánh chết một tên nô lệ của người khác, phải bồi thường một con trâu[4] – thì người ta lại vui mừng, thành thực cảm phục, ca tụng gặp được buổi thái bình thịnh thế. Tại sao lại như vậy ? Bởi vì, tuy không được xem là người, nhưng rút cục cũng bằng được trâu ngựa.

---

(1) Tức giấy bạc của Ngân hàng Trung Quốc và Ngân hàng Giao thông.

(2) *Tiền trang* : phố đổi tiền thời phong kiến.

(3) Một câu tục ngữ phản ánh nỗi cực khổ của người Trung Quốc trong cơn binh lửa và trong lúc bị nạn ngoại xâm. Cũng có nói : "Thà làm con chó thời bình hơn là làm con người thời loạn".

(4) Trong cuốn *Lịch sử Mông Cổ* có đoạn nói : Thành Cát Tư Hãn ra lệnh hễ giết một người Hồi giáo thì phải phạt bốn mươi lạng vàng, mà giết một người Hán thì bồi thường một số tiền bằng giá một con lừa. Thời đó, người Hán bị xem như nô lệ.

Bất tất phải đọc bộ *Khâm định nhị thập tứ sử*[1] hoặc vào phòng nghiên cứu tìm hiểu lẽ cao siêu của cái văn minh tinh thần làm gì, chỉ cần giở cuốn *Giám lược*[2] trẻ con học vỡ lòng – nếu còn sợ phiền phức thì xem cuốn *Lịch đại kỷ nguyên biên*[3] vậy – sẽ biết được rằng nước Trung Hoa, "một nước có từ hơn ba nghìn năm", trải qua bao đời nay, chẳng qua chỉ có mỗi cái trò ấy mà thôi. Nhưng trong những cuốn sách loại "Lịch sử giáo khoa thư" biên soạn gần đây, thì lại không thấy được rõ, chỉ nói phảng phất rằng, chúng ta xưa nay sống thoải mái lắm.

Thực tế thì xưa nay người Trung Quốc chưa hề giành được cái giá trị của "con người", nhiều nhất chẳng qua là được làm "nô lệ", cho đến nay vẫn thế, nhưng thời không bằng một tên nô lệ thì lại ít thấy hơn. Bách tính Trung Quốc thì đứng ở giữa, lúc chiến tranh, chính họ cũng không biết họ về phe nào. Giặc đến thì họ thuộc về phe quan, tất nhiên bị cướp bóc, giết hại ; lính tráng đến, đáng lý ra là người nhà rồi, nhưng vẫn bị cướp bóc, giết hại, hình như là thuộc về phe giặc. Lúc đó, bách tính mong mỏi có được một người chủ nhất định, xem họ là bách tính, không dám, xem họ là trâu ngựa. Họ tình nguyện tự tìm lấy cỏ mà ăn, chỉ xin người chủ đó định cho họ nên đi như thế nào thôi !

Giả thử có người định cho họ được những quy tắc làm nô lệ gì gì đó, tất nhiên thế là "ơn vua mênh mông như trời như bể" rồi. Tiếc rằng thường thường tạm thời không ai định được cả. Lấy những chuyện lớn mà nói, thì như thời Ngũ Hồ thập lục quốc[4], thời Hoàng Sào[5], thời Ngũ Đại[6], thời cuối Tống, cuối Nguyên, ngoài những lệ thường như phục dịch, nạp lương, họ còn phải chịu những thứ tai ương bất ngờ khác. Tính khí Trương Hiến Trung mới càng cổ quái, không phục dịch, nạp lương, giết đã đành, phục dịch, nạp lương, cũng cứ giết, người chống lại giết đã đành, người chịu hàng, cũng cứ giết ; phá cái quy tắc làm nô lệ không còn gì nữa. Lúc đó, bách tính mong mỏi có một người chủ khác, đếm xỉa đến quy tắc làm nô lệ của họ hơn một chút, bất cứ là quy tắc cũ, hay quy tắc mới, tóm lại là có một quy tắc, để cho họ có thể làm nô lệ.

---

(1) *Khâm định nhị thập tứ sử* : 24 bộ chính sử đời Kiền Long.

(2) *Giám lược* : sách vỡ lòng thời trước, cũng kể chuyện lịch sử từ thời Bàn Cổ đến đời Minh.

(3) *Lịch đại kỷ nguyên biên* : bộ sách lịch sử biên niên do Lý Triệu Lạc, người đời Thanh, soạn.

(4) *Ngũ hồ thập lục quốc* : (từ năm 304 đến 409) thời kỳ rợ Hồ vào xâm lược và chia cắt miền Bắc Trung Quốc trước sau thành lập mười sáu nước.

(5) *Hoàng Sào* : lãnh tụ cuộc khởi nghĩa nông dân thời Văn Đường vào khoảng năm 875. Việc Hoàng Sào giết người nhiều cũng như việc Trương Hiến Trung giết người đều do các nhà viết sử thời phong kiến phóng đại (xem chú thích ở bài *Lại bàn chuyện tháp Lôi Phong đổ*).

(6) *Ngũ Đại* : (907–960), có 5 triều vua kế tiếp nhau : Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu.

"Mặt trời sao không tắt đi, ta sẽ cùng mày tiêu diệt một thể"[1], giận mà nói đó thôi, chứ chẳng mấy ai quyết tâm thực hành. Trong thực tế, sau khi giặc cướp nổi lên như ong, loạn ly đến tột độ rồi, thì có một người mạnh hơn, hoặc thông minh hơn, hoặc gian xảo hơn, hay là ngoại tộc, đứng ra thu xếp thiên hạ được trật tự hơn một tí, đặt ra quy tắc : phục dịch như thế nào, nạp lương như thế nào, cúi lạy ra sao, ca thần tụng thánh ra sao. Và quy tắc đó không phải giống như ngày nay, "sáng ba chiều bốn"[2]. Thế là "vạn dân mừng rỡ", nói theo thành ngữ là "thiên hạ thái bình".

Mặc dù các nhà học giả thích hình thức bề ngoài muốn phô trương như thế nào đi nữa, lúc viết sử đặt ra những đề mục hay ho, nào là "thời đại Hán tộc phát tích" "thời đại Hán tộc phát triển", "thời đại Hán tộc trung hưng" gì gì đi nữa, ý tốt đó đáng cảm phục đấy, nhưng cách dùng lời thì quá quanh co. Có một cách nói thẳng thắn, thích đáng hơn như sau :

1. Thời đại muốn làm nô lệ nhưng không được.

2. Thời đại tạm thời được làm nô lệ.

Cái vòng quanh đó cũng tức là cái mà bậc "tiên nho" gọi là "nhất trị nhất loạn" (một thời bình trị lại tiếp đến một thời loạn ly)[3] ; những người gây ra loạn ly đó, theo con mắt của "thần dân" ngày sau nhìn, thì chính là ở những người mở đường khai lối cho "vị chủ", cho nên nói : "*Vị thánh thiện từ khu trừ vân nhĩ*"[4].

Bây giờ chúng ta đang ở vào thời đại nào, tôi cũng không được rõ. Nhưng thấy các nhà quốc học sùng bái quốc túy, các nhà văn học tán dương văn minh cố hữu, các nhà đạo học say sưa phục cổ, thì đủ biết ai cũng đều bất mãn với hiện trạng cả. Nhưng rút cục, chúng ta đang đi theo con đường nào đây ? Bách tính mỗi khi gặp một cuộc chiến tranh không hiểu đầu đuôi ra sao cả, kẻ giàu có một chút liền chạy sang tô giới, đàn bà con trẻ thì trốn vào giáo đường, bởi vì ở những chỗ đó "ổn" hơn, tạm thời không đến nỗi muốn làm nô lệ mà không được. Nói tóm lại, những người phục cổ, những người ty nạn, bất cứ hiền ngu khôn dại, tựa hồ ai ai cũng mơ tưởng đến cái thời thái bình thịnh thế ba trăm năm về trước, tức là cái thời đại "tạm thời được làm nô lệ".

---

(1) Câu này lấy trong sách *Kinh Thư. Mặt trời* : chỉ Hạ Kiệt, một kẻ thống trị tàn bạo. Đó là lời nhân dân oán giận Hạ Kiệt mà nói ra, ý nguyền rủa cho hắn chết đi.

(2) Chữ trong sách *Trang Tử*. Xưa có người nuôi khỉ đưa quả tượng cho khỉ ăn, sáng ba quả, chiều bốn quả. Bầy khỉ không bằng lòng. Thế là ông ta sáng cho bốn quả, chiều ba quả. Bầy khỉ rất lấy làm mừng. Câu này thường dùng để chỉ những thủ đoạn lừa bịp. Tác giả ở đây muốn ám chỉ những thủ đoạn mà bọn quân phiệt hồi đó đưa ra để lừa phỉnh nhân dân.

(3) Chữ trong sách *Mạnh Tử*.

(4) Chữ trong sách *Hàn Thư*, ý nói : Mở đường để thiên tử đi.

Nhưng lẽ nào chúng ta cũng như người đời xưa, vĩnh viễn bằng lòng với cái thời đại "vốn có từ xưa" ấy hay sao ? Lẽ nào chúng ta cũng như những nhà phục cổ, bất mãn với hiện tại thì mơ ước cái thời thái bình thịnh thế ba trăm năm về trước hay sao ?

Tất nhiên, cũng bất mãn với hiện tại, nhưng chúng ta không cần phải ngoảnh lại nhìn về phía sau, bởi vì phía trước còn có đường. Và sứ mệnh của thanh niên ngày nay chính là sáng tạo ra cái thời đại thứ ba đó chưa hề có trong lịch sử Trung Quốc.

II

Nhưng những người tán dương văn minh cố hữu Trung Quốc ngày càng nhiều, lại có cả người ngoại quốc nữa. Tôi thường nghĩ, ai đến Trung Quốc, giả mà họ chau mày nhăn mặt, tỏ ý ghét Trung Quốc, thì tôi thành tâm hiến dâng lòng cảm tạ của tôi, bởi vì người đó nhất định không muốn ăn thịt người Trung Quốc ! Trong bài *Ma lực của Bắc Kinh*, ông Hạc Kiến Hựu Phụ[1] có kể lại rằng, có một người da trắng khi sắp đến Trung Quốc, thì dự định ở một năm, nhưng năm năm sau, vẫn còn ở Bắc Kinh, và không muốn về nữa. Một hôm, ông ta với người đó rủ nhau đi ăn cơm tối :

"Ngồi trước một chiếc bàn ăn tròn gỗ đào vân hoa, hai chúng tôi thưởng thức các món sơn hào hải vị, hết đĩa này đến đĩa khác, và nói chuyện từ đồ cổ, hội họa cho đến chính trị. Dưới cái chao đèn kiểu Trung Quốc, ngọn đèn điện tỏa xuống một làn ánh sáng nhàn nhạt khắp gian phòng bày la liệt những đồ cổ. Lúc đó, những chuyện như là giai cấp vô sản, Proletariat[2] *đều như là những cơn gió thoảng ở tận đâu đâu.*

"Tôi vừa say sưa trong cái không khí của cuộc sống kiểu Trung Quốc đó, vừa nghĩ đến cái "ma lực" của nó đối với người ngoại quốc. Người Nguyên đã từng chinh phạt Trung Quốc, nhưng rồi lại bị cái đẹp của cuộc sống người Hán chinh phục. Người Mãn Châu đã từng chinh phục Trung Quốc, nhưng rồi cũng lại bị cái đẹp của cuộc sống người Hán chinh phục. Bây giờ, đến người phương Tây cũng thế, đầu miệng tuy nói nào là democracy[3] *gì gì ấy, nhưng lại bị hấp dẫn bởi cái đẹp của cuộc sống mà người Trung Quốc đã mất sáu nghìn năm mới xây dựng nên. Đã sống ở Bắc*

---

(1) *Hạc Kiến Hựu Phụ* : nhà bình luận tự do chủ nghĩa của giai cấp tư sản Nhật Bản. Lỗ Tấn có dịch tập tùy bút của ông nhan đề là *Tu tưởng, sơn thủy, nhân vật*. Bài *Ma lực của Bắc Kinh* cũng ở trong cuốn sách đó.

(2) *Proletariat* : tiếng Anh, nghĩa là *giai cấp vô sản*.

(3) *Democracy* : tiếng Anh, nghĩa là *dân chủ*.

Kinh là không thể quên được mùi vị của cuộc sống đó. Những lớp bụi cát bay cao ngút trời khi gió nổi lên, những trò chơi đánh nhau của các ông đốc quân ba tháng một lần, đều không thể làm mất cái ma lực cuộc sống Trung Quốc ấy đi được".

Những lời ông ta nói đó, bây giờ tôi vẫn không thể phủ nhận được. Các bậc cổ thánh tiên hiền chúng ta đã để lại cho chúng ta những câu cách ngôn khuyên giữ gìn những cái gì xưa cũ, nhưng đồng thời cũng bày ra cả một cuộc đại yến, có phụ nữ, ngọc ngà, gấm vóc, hiến dâng cho kẻ chinh phục. Người Trung Quốc chịu khó, người Trung Quốc đẻ nhiều, đó đều là những cái dùng trong tiệc rượu, mà cho đến nay những người ái quốc chúng ta vẫn thường khoe khoang. Người phương Tây khi mới đến Trung Quốc bị chúng ta gọi là man di ; họ không khỏi chau mày nhăn mặt, nhưng bây giờ, thời cơ đã đến rồi, ấy là lúc chúng ta đem bữa đại yến đã từng hiến dâng cho người Bắc Ngụy, người Kim, người Nguyên, người Thanh, mà hiến dâng họ. Ra khỏi cửa có xe hơi, đi bộ có người bảo vệ, gặp những con đường cấm, nhưng vẫn được tự do đi lại ; có khi bị cướp nhưng nhất định sẽ được bồi thường. Tôn Mỹ Dao[1] bắt họ về đứng trước quân lính, mà họ còn làm cho quân lính không dám bắn, huống nữa là bây giờ họ ngồi trong nhà đẹp hưởng thịnh yến ? Lúc họ hưởng thịnh yến tất nhiên cũng là lúc họ tán dương nền văn minh cố hữu của Trung Quốc ; nhưng có những nhà ái quốc lạc quan chúng ta có lẽ lại lấy làm vui mừng hớn hở, cho rằng họ đã bắt đầu bị Trung Quốc đồng hóa rồi. Người đời xưa đã từng lấy phụ nữ làm thành lũy để cầu an, đặt cho cái tên rất đẹp để tự lừa dối mình, gọi là "hòa thân" ; người đời nay cũng lại dùng phụ nữ, ngọc ngà, gấm góc làm lễ vật của người nô lệ, cũng đặt cho một cái tên rất đẹp, gọi là "đồng hóa". Cho nên, nếu có người ngoại quốc nào, đến nay là lúc có tư cách để dự yến tiệc rồi mà còn nguyền rủa hiện tình của Trung Quốc, thì người đó mới quả thật có lương tâm, quả thật đáng cảm phục !

Nhưng chúng ta thì chúng ta đã xếp đặt đâu vào đấy từ lâu, có người sang kẻ hèn, người to kẻ nhỏ, người trên kẻ dưới. Mình bị người nọ giày vò, ngược đãi, nhưng cũng lại có thể giày vò, ngược đãi người kia ; mình bị người này ăn thịt, nhưng lại có thể ăn thịt người khác. Cứ chế ngự nhau từng bậc từng bậc, không thể nhúc nhích được, mà cũng không nghĩ đến chuyện nhúc nhích nữa. Bởi vì nếu nhúc nhích, thì tuy có thể có lợi, nhưng cũng có hại. Chúng ta hãy xem những ý định tốt đẹp và những phương pháp hay ho của cổ nhân dưới đây :

---

(1) *Tôn Mỹ Dao* : một tên tướng thổ phỉ ở Sơn Đông đương thời. Năm 1923, hắn chặn xe lửa cướp một vố rất to, có cả người ngoại quốc trong chuyến đó.

"Trời có mười mặt trời, người có mười đẳng cấp. Dưới phải thờ trên, trên phải thờ thần. Cho nên công thì thờ vương, đại phu thì thờ công, sĩ thì thờ đại phu, tạo thì thờ sĩ, dư thì thờ tạo, lệ thì thờ dư, liêu thì thờ lệ, bộc thì thờ liêu, đài thì thờ bộc. (Tả truyện, Chiêu Công năm thứ bảy[1]).

Nhưng "*đài*" thì chẳng có ai thờ cả, như thế có khổ quá hay không ? Không phải lo, còn có vợ anh ta, thấp hèn hơn anh ta, yếu đuối hơn anh ta đấy. Và con anh ta cũng còn có hy vọng, ngày kia lớn lên, được thăng làm "*đài*", lại có vợ con nó thấp hèn hơn, yếu đuối hơn để cho nó sai khiến. Cứ theo vòng quanh như thế, đâu vào đấy cả. Ai dám bàn tán cho là không đúng, thì người đó mắc cái tội gọi là không an phận !

Tuy đó là chuyện đời xưa, năm thứ bảy đời Chiêu Công, đến bây giờ cũng đã xa xôi lắm rồi, nhưng các "nhà phục cổ" bất tất phải bi quan. Cảnh tượng thái bình hãy còn đấy : thường xảy ra nạn binh đao, hạn hán, lụt lội, nhưng nào có ai nghe thấy tiếng kêu la gì đâu ? Ai đánh nhau thì cứ đánh nhau, ai cách mạng thì cứ cách mạng, nhưng nào có bậc trí thức nào đứng ra phản đối ? Đối với quốc dân đồng bào thì áp bức, hoành hành, đối với người ngoại quốc thì mềm như bún, chẳng phải còn là cái di phong về đẳng cấp đó hay sao ? Văn minh tinh thần cố hữu của Trung Quốc kỳ thực chưa bị hai chữ "cộng hòa" làm cho mai một đi, chỉ hơi khác trước kia một chút là người Mãn Châu đã rút lui rồi.

Do đó, hiện nay trước mắt chúng ta, có thể trông thấy bao nhiêu là yến tiệc khác nhau, xào có, nấu có, vây bóng có, có những bữa cơm thường, có những bữa cơm Tây. Nhưng dưới mái tranh là bữa cơm nhạt, ở góc đường xó chợ là chút canh thừa, ngoài đồng nội lại đang có người chết đói. Những kẻ giàu sang, ăn cao lương mỹ vị, thì đáng giá ngàn vàng mà những em bé đói lả thì mỗi cân bán tám đồng chinh (xem *Hiện đại bình luận*, số 22)[2]. Cái gọi là văn minh Trung Quốc kỳ thực chỉ là bữa tiệc thịt người bày ra cho bọn giàu sang hưởng thụ, mà cái gọi là nước Trung Quốc kỳ thực chỉ là cái bếp để sửa soạn bữa tiệc thịt người đó. Không biết mà tán dương thì còn tha thứ được, nhưng biết mà còn tán dương, thì cả thế hệ này sẽ bị người đời sau nguyền rủa mãi mãi !

Nhưng người ngoại quốc không biết mà tán dương còn tha thứ được ; những kẻ ngồi trên cao, ăn sung mặc sướng, do đó bị mê hoặc, mờ mắt linh

---

(1) *Vương, công, đại phu, sĩ, tạo, dư, lệ, liêu, bộc, đài* : tên các đẳng cấp trong xã hội phong kiến. Bốn đẳng cấp đầu là kẻ thống trị, sáu đẳng cấp sau là kẻ bị nô dịch.

Tả truyện : một cuốn sách sử của Tả Khâu Minh, đời Xuân Thu Chiến Quốc.

(2) *Hiện đại bình luận*, ngày 2–5–1925 có đăng tin sau : "Trẻ con nếu là con trai thì có thể bán mỗi cân tám đồng xu, con gái thì không được giá ấy". Đó là tình trạng đời sống bi thảm của nhân dân Trung Quốc dưới thời bọn quân phiệt thống trị.

tính mà tán dương, cũng còn tha thứ được. Nhưng còn có hai hạng người, một là hạng cho rằng người Trung Quốc là giống thấp hèn, trước thế nào thì chỉ nên nguyên thế ấy, do đó mà cố ý tán dương những cái cũ rích của Trung Quốc ; một nữa là hạng mong mỏi cho người trên thế gian này, mỗi nơi một khác, để cho cuộc du lịch của họ thêm phần thú vị, – đến Trung Quốc là để xem cái đuôi sam, đến Nhật Bản là để xem đôi guốc gỗ, đến Cao Ly là để xem cái nón tre, nếu đâu đâu người ta cũng ăn mặc như nhau cả thì thật là chán ngắt, – do đó mà phản đối Á châu theo con đường Âu hóa ; hai hạng người ấy thì thật đáng ghét. Còn như cái ông Lôxô đến Tây Hồ thấy những người phu khiêng kiệu mỉm cười rồi tán dương người Trung Quốc[1], thì chắc là có ý khác. Nhưng giá như người khiêng kiệu trước mặt người ngồi kiệu mà không cười, thì Trung Quốc không còn phải là Trung Quốc như hiện nay từ lâu rồi !

Cái văn minh đó không những làm cho người ngoại quốc say mê mà từ lâu cũng đã làm cho tất cả mọi người Trung Quốc say mê và còn đến nỗi mỉm cười nữa. Bởi vì những sự phân biệt cũ đời xưa truyền lại đến nay vẫn còn làm cho cọn người cứ cách xa nhau, đến nỗi người này không thể hiểu được nỗi khổ đau của người nọ. Và bởi vì ai ai cũng có thể có hy vọng sai khiến người khác, ăn thịt người khác, cho nên quên rằng tương lai mình cũng có thể bị người khác sai khiến, bị người khác ăn thịt. Thế là bao nhiêu yến tiệc lớn bé, dọn bằng thịt người, đã được bày biện ra từ khi có văn minh cho mãi đến bây giờ. Và trong cái hội trường đó, người này ăn thịt người kia, lại bị người kia ăn thịt, tiếng reo vui ngu xuẩn của kẻ hung ác che lấp tiếng van la bi thảm của người hèn yếu. Phụ nữ và trẻ em thì càng không phải nói nữa.

Bữa yến tiệc thịt người ấy đến nay vẫn còn bày biện ra đấy, có nhiều người vẫn muốn cứ bày biện ra như thế mãi. Quét sạch những đứa ăn thịt người ấy đi, hất đổ cái mâm tiệc ấy đi, đốt phá cái nhà bếp ấy đi, đó là sứ mệnh của thanh niên ngày nay.

Ngày 29 tháng 4 năm 1925

(Tập ***Nấm mồ***)

---

(1) *Lôxô* : nhà triết học người Anh năm 1920 có sang Trung Quốc dạy học và có đi du lịch nhiều nơi trên đất Trung Quốc. Trong cuốn *Vấn đề Trung Quốc*, có đoạn ông ta kể như sau : "Tôi nhớ có một hôm về mùa hạ, trời nắng lắm, chúng tôi mấy người ngồi kiệu qua núi. Đường gập ghềnh khó đi, những người khiêng kiệu hết sức vất vả. Lên đến đỉnh núi, chúng tôi dừng lại mười phút để cho họ nghỉ ngơi một lúc. Họ liền ngồi xuống từng hàng, rút đọc tẩu ra, nói nói cười cười, như không có điều gì lo lự cả".

9. MỘT VÀI ĐIỀU GHI NHỚ VỤN VẶT*

I

Có người nói thơ G. Bairơn[1] phần nhiều thanh niên thích đọc, tôi thấy cũng có phần đúng. Ngay bản thân tôi, còn nhớ tôi đọc thơ ông mà tâm thần phấn chấn như thế nào ; nhất là khi thấy bức tranh vẽ ông lấy vải hoa trùm đầu, sang giúp Hy Lạp giành độc lập. Bức tranh này năm ngoái được đưa sang Trung Quốc, và in trên tạp chí *Tiểu thuyết nguyệt báo*[2]. Rất tiếc tôi không biết tiếng Anh, thơ được xem đều là thơ dịch cả. Theo dư luận gần đây thì thơ dịch không có giá trị, dù dịch thật hay. Nhưng hồi bấy giờ, tầm mắt mọi người chưa đến như thế, cho nên tôi xem bản dịch cũng thấy hay, hoặc giả vì không hiểu nguyên văn, cho nên cỏ thối cũng tưởng là hoa lan thơm chăng. Bản dịch in trong *Truyền kỳ La Mã mới* được truyền tụng một dạo, tuy dịch theo điệu *từ*, và *Sappho* thì dịch là *Tát Chí Ba*, đủ rõ là căn cứ vào bản dịch tiếng Nhật mà dịch lại[3].

Ông Tô Man Thù[4] cũng dịch mấy bài ; hồi đó ông ta chưa sáng tác bài thơ *Gửi người gảy đàn tranh* nên còn có duyên nợ với Bairơn. Nhưng bản dịch của ông ta cổ kính lắm, có lẽ đã qua tay ông Chương Thái Viêm nhuận sắc chăng, nên rất giống thơ cổ, có điều lưu truyền không được rộng rãi. Về sau thu thập lại trong cuốn *Duyên nợ văn chương*, bìa xanh, chữ vàng, ông ta in lấy, bây giờ ngay cuốn *Duyên nợ văn chương* cũng ít thấy rồi.

---

* Bài này đăng lần đầu tiên trên tờ *Măng nguyên*, ngày 19 tháng 6 năm 1925.

(1) *G. Byron* (1788 – 1824) : nhà văn lãng mạn người Anh.

(2) *Tiểu thuyết nguyệt báo* số tháng 4 năm 1924 : đặc san kỷ niệm Byron. Bức tranh đó của họa sĩ T. Phillips (1770 – 1845), người Anh.

(3) Lương Khải Siêu trong cuốn tiểu thuyết *Trung Quốc mới tương lai* có dịch một số thơ của Byron. Lỗ Tấn nói đến những bài dịch đó. *Sappho* là một nữ thi sĩ danh tiếng người Hy Lạp, thế kỷ thứ VI tr.CN. Ở đây, tác giả nhớ nhầm, cuốn *Truyền kỳ La Mã mới* của Lương Khải Siêu biên soạn không có thơ dịch của Byron.

(4) *Tô Man Thù* : (1884 - 1918) : nhà thơ người Quảng Đông, hai mươi tuổi thì đi tu. Ông có dịch một số thơ của Byron theo điệu cũ.

Thật ra, hồi đó sở dĩ Bairơn được khá nhiều người Trung Quốc biết đến, còn có một nguyên nhân khác, tức là ông ta giúp Hy Lạp giành độc lập. Ấy là vào những năm cuối đời Thanh, trong lòng một số thanh niên Trung Quốc, tư trào cách mạng dâng cao, phàm ai hô hào phục thù và phản kháng là dễ được cảm tình lắm. Những người hồi đó nay tôi nhớ được còn có Adam Miskiêvich (Mickiewicz) – nhà thơ phục thù Ba Lan, Petôfi Sando – nhà thơ ái quốc Hungari, Ridan – nhà văn Philippin[1] bị chính phủ Tây Ban Nha giết hại – ông nội nhà văn này người Trung Quốc, Trung Quốc cũng có dịch bài thơ tuyệt mệnh của ông. Hôpman, Sudơman, Ibsen[2] tuy là những nhà văn rất có tiếng, nhưng chúng tôi cũng không chú ý lắm. Ngoài ra, có một số người chuyên sưu tầm tác phẩm của di dân cuối đời Minh, sách ghi chép những việc tàn bạo của người Mãn Châu, vào thư viện Đông Kinh hoặc các thư viện khác, sao chép, in ra, gửi về Trung Quốc, hy vọng làm sống lại mối căm thù đã bị lãng quên, giúp cho cách mạng thành công. Thế là các cuốn *Dương Châu thập nhật ký, Gia Định đồ thành ký lược, Châu Thuấn Thủy tập, Trương Thương Thủy tập*[3] được in ra. Lại có cuốn *Hoàng Tiêu Dưỡng hồi đầu*[4] và những tập khác nữa, bây giờ không nhớ tên hết được. Lại có một số người đổi tên là "Phác Mãn", "Đả Thanh"[5], tự cho là anh hùng. Những cái tên kêu như thế tất nhiên chẳng liên quan gì với thực tế cách mạng cả, nhưng do đó cũng có thể thấy được lòng khát vọng giải phóng mãnh liệt như thế nào.

---

(1) *J. Rizal* (1861 – 1896) : nhà thơ ái quốc người Philippin. Bài thơ tuyệt mệnh của ông *Tiếng thét trong mồ* do Lương Khải Siêu dịch.

(2) *Hauptmann* (1862 – 1946) : nhà viết kịch người Đức.

Sudermann (1857 – 1928) : nhà viết kịch, tiểu thuyết người Đức. *Ibsen* : nhà viết kịch người Na Uy.

(3) *Dương Châu thập nhật ký* : tác giả Vương Tú Sở, đời Thanh, soạn, kể lại việc năm 1645, lính Thanh đánh thành *Dương Châu* giết hại người Hán trong mười ngày liền. *Gia Định đồ thành ký lược*, do Chu Tử Tố, đời Thanh, soạn, kể chuyện năm 1645, lính Thanh đánh thành Gia Định và giết hại người Hán. *Châu Thuấn Thủy tập* : tức tập thơ của Châu Chi Du, hiệu Thuấn Thủy (1600 – 1682), người Chiết Giang, nhà Minh mất, ông định khôi phục lại, nhưng thất bại, trốn sang Nhật. *Trương Thương Thủy tập* : tập thơ của Trương Hoàng Ngôn, hiệu Thương Thủy (1620 – 1664) cũng người Chiết Giang, khi quân Thanh sang, ông khởi nghĩa chống lại, thất bại bị bắt, không khuất phục.

(4) *Hoàng Tiêu Dưỡng hồi đầu* : một vở kịch cổ vũ cuộc cách mạng chống Thanh đăng trên tạp chí do Lương Khải Siêu làm chủ biên. Hoàng Tiêu Dưỡng là lãnh tụ một cuộc khởi nghĩa nông dân ở Quảng Đông, đời Minh. Đó là một vở kịch lịch sử, nội dung như sau : Hoàng đế cho Hoàng Tiêu Dưỡng đầu sinh, tham gia phong trào cứu quốc, và cuối cùng Trung Quốc trở thành một nước phú cường.

(5) *Phác Mãn, Đả Thanh* : đánh Mãn, đánh Thanh.

Không phải chỉ những cái tên yêng hùng kia mà thôi, ngay những văn thơ bi tráng, lâm ly chẳng qua cũng là một mớ giấy, e chẳng có quan hệ gì lắm với cuộc khởi nghĩa Vũ Xương sau này. Nếu nói ảnh hưởng, thì hàng ngàn hàng vạn câu nào khác cũng không thể bằng được cuốn *Cách mạng quân* thiển cận, dứt khoát của Trâu Dung, một "tên lính đi trước ngựa của quân cách mạng"[1].

II

Nhưng đến khi cách mạng bùng nổ, nói chung, tư tưởng phục thù có bớt đi. Tôi nghĩ phần lớn là vì mọi người đang hy vọng thành công, lại ăn phải cái thuốc "văn minh", muốn giữ một chủ thể diện cho người Hán, nên không muốn báo thù một cách tàn khốc. Nhưng hồi đó gọi là văn minh lại là cái văn minh Tây, chứ không phải là quốc túy ; cái gọi là cộng hòa cũng là cộng hòa kiểu nước Mỹ, nước Pháp[2], chứ không phải là cộng hòa của cộng hòa Chu Thiệu[3]. Người đảng cách mạng đại để hết sức muốn làm vẻ vang cho dân tộc mình, nên binh lính không cướp bóc mấy. Lính thổ phỉ Nam Kinh chỉ ăn cướp ít nhiều, mà ông Hoàng Hưng đã nổi giận đùng đùng, bắn bao nhiêu người, về sau biết thổ phỉ không sợ bắn mà lại sợ bêu đầu, nên lấy tử thi chặt đầu, buộc dây thừng treo lên cây. Từ đó không xảy ra chuyện gì nữa, tuy mấy chú lính gác ở cơ quan tôi, lúc tôi đi ra ngoài, sau khi bồng súng đứng nghiêm chào thì trèo qua cửa sổ vào lấy trộm áo của tôi, nhưng rút cục thì thủ đoạn đó đã hòa bình lắm rồi và cũng lịch sự lắm rồi.

Nam Kinh là nơi chính phủ cách mạng đóng, tất nhiên văn minh đặc biệt. Nhưng tôi đi xem chỗ người Mãn Châu ở trước kia, thì thấy một đống gạch.

---

(1) *Trâu Dung* (1885 – 1905), người Tứ Xuyên, có du học Nhật, về nước viết cuốn *Cách mạng quân* nêu tội ác của chính phủ Mãn Thanh, bị bắt rồi chết trong ngục. Cuối bài tựa có đề một câu như sau : *"Hoàng Hán dân tộc vong quốc hậu chi nhị bách lục thập niên cách mạng quân trung mã tiền tốt Trâu Dung ký"* (Trâu Dung, một tên lính đi trước ngựa của quân cách mạng, sau khi dân tộc Hán mất nước hai trăm sáu mươi năm, viết).

(2) Nước Mỹ thoát khỏi ách thống trị của nước Anh, tuyên bố độc lập và lập chính thể cộng hòa năm 1776. Nước Pháp thì bỏ chính thể quân chủ chuyên chế, theo chính thể cộng hòa, năm 1789. Cộng hòa kiểu nước Mỹ, nước Pháp tức là chính thể cộng hòa dân chủ chuyên chính của giai cấp tư sản.

(3) *Cộng hòa Chu Thiệu* : chỉ việc năm Chu Lệ Vương tàn bạo quá, người trong nước không chịu được nữa, nổi dậy khởi nghĩa. Lệ Vương bỏ trốn. Chu Công và Thiệu Công cùng nhau lên cầm quyền trong 14 năm (841 – 828 tr.CN). Thời kỳ này gọi là Cộng hòa. Không phải cộng hòa dân chủ như ngày nay.

Chỉ cái đình có hòn đá vấy máu Phương Hiếu Nhụ[1] là còn. Đây xưa kia là cố cung nhà Minh, hồi tôi còn đi học, cưỡi ngựa qua, thường bị mấy đứa trẻ con nghịch tặc chửi và ném đá – cũng như nói "chúng mày không xứng như thế đâu !" – ; nghe nói trước nay vẫn như vậy. Bây giờ bộ mặt khác hẳn rồi, dân tình vắng vẻ ; thỉnh thoảng thấy mấy căn nhà nát cũng chẳng có cửa sổ nữa ; nếu còn thì cũng là cửa làm bằng sắt mạ kẽn. Nói tóm lại, không còn một tí gỗ nào.

Thế thì, khi thành mất, người Hán đã tha hồ giở thủ đoạn phục thù ra rồi chăng ? Cũng không phải. Người biết rõ tình hình nói với tôi rằng : khi đánh nhau tất nhiên cũng có hư hại ít nhiều ; quân cách mạng vào thành, có một số người Mãn muốn theo tục cũ tuẫn nạn, họ lấy thuốc nổ phá cái nhà ở trên di chỉ lãnh cung nhà Minh để tự sát, không ngờ lại làm chết luôn mấy chú ky binh đi qua đấy. Quân cách mạng tưởng là chôn địa lôi chống cự, liền đốt một mẻ, nhưng cũng còn lại khá nhiều nhà không cháy. Về sau thì chính tự họ ra tay dỡ nhà lấy gỗ bán, trước thì còn dỡ nhà mình, sau dỡ nhà người khác, nhiều hơn, đến khi nhà trống trơn không còn gì nữa, mới bỏ đi tứ tán, còn để lại cho chúng ta một đống gạch. Nhưng đó là tai tôi nghe nói, không chắc đã thật.

Tôi nhìn thấy tình hình đó rồi, nên dù anh có đem cuốn *Dương Châu thập nhật ký* treo trước mắt, tôi cũng chẳng phấn nộ gì cả. Theo chỗ tôi cảm thấy, thì sau khi Dân Quốc thành lập, mối ác cảm giữa người Mãn và người Hán hình như mất đi nhiều lắm rồi ; giới hạn giữa các tỉnh so với trước cũng mờ nhạt hơn nhiều. Nhưng người Trung Quốc "tội sâu nặng mà không chết được"[2], cho nên không đầy một năm thì tình hình đổi ngược lại. Vì đảng Tôn xã[3] hoạt động và bọn di lão cũng làm tắm bậy, mà người ta nhớ

---

(1) *Phương Hiếu Nhụ* (1357 – 1402) : nhà văn học có tiếng đời Minh. Năm 1402, chú vua Huệ Đế khởi binh đánh Nam Kinh, tự xưng đế, bảo Phương Hiếu Nhụ thảo tờ chiếu tức vị. Ông cương quyết từ chối, chửi là giặc, bị người kia giết mười họ. Tương truyền, Phương Hiếu Nhụ bị cắt lưỡi, bẻ răng, máu chảy thấm vào hòn đá đó.

(2) Từ triều Tống trở về sau, khi cha mẹ chết, những người trong giai tầng sĩ đại phu Trung Quốc thường viết trong bài văn cáo phó câu công thức sau : *"Bất hiếu mỗ mỗ, tội nghiệt thậm trọng, bất tự tuẫn diệt, họa diên hiển khảo (tỉ) mỗ mỗ"*. (X. là một đứa con bất hiếu, tội sâu nặng, không chết được, để liên lụy đến cha (mẹ), tên là Y). Lỗ Tấn dùng câu sáo ngữ đó để nói rằng, người Trung Quốc có nhiều tội ác.

(3) *Đảng Tôn xã* : một đảng phản động thành lập năm 1911 để bảo vệ chính quyền nhà Thanh, lập Hội duy trì chế độ quân chủ lập hiến, phản đối Phổ Nghi thoái vị, đã nhiều lần được bọn đế quốc giúp đỡ định lập lại chính thể quân chủ (năm 1941 và năm 1917) đều thất bại.

đến những trang sử cũ giữa hai dân tộc, vì thủ đoạn của Viên Thế Khải[1] mà Nam, Bắc càng ác cảm với nhau ; vì âm mưu giảo hoạt của những nhà chính khách lắm dã tâm mà ranh giới giữa các tỉnh bị lợi dụng, và từ đó về sau còn tệ hơn nữa[2].

III

Không biết có phải vì tính tôi hư hỏng quá rồi, hay là vì chưa thoát khỏi ảnh hưởng hoàn cảnh ngày trước, mà tôi cứ cảm thấy phục thù chẳng có gì là lạ cả, mặc dù tôi cũng không muốn vu cho những người theo chủ nghĩa không chống lại là không có nhân cách. Nhưng có lúc cũng nghĩ : phục thù, thì ai đứng ra làm trọng tài, làm sao cho công bình được ? Rồi lại tự trả lời ngay : Tự mình làm trọng tài, tự mình chấp hành ; Thượng đế đã không chủ trì, thì con người không ngại lấy mắt đền đầu, cũng không ngại lấy đầu đền mắt. Có lúc cũng cảm thấy khoan hồng là một đức tính tốt, nhưng lập tức lại ngờ rằng câu nói đó là do bọn khiếp nhược phát minh ra, bởi vì chúng nó không có can đảm phục thù ; hoặc giả do bọn người xấu, hèn nhát sáng tạo ra, bởi vì chúng nó làm hại người ta nhưng lại sợ người ta phục thù, nên mới lấy cái tên đẹp đẽ là khoan hồng để lừa bịp.

Vì thế, tôi thường rất thèm muốn được như các bạn thanh niên ngày nay, tuy sinh cuối đời Thanh, nhưng đại để đều lớn lên trong thời Dân Quốc, hút thở không khí cộng hòa, không đến nỗi phải bất bình dưới ách dị tộc, và cũng không đến nỗi phải buồn thảm với sự đồng hóa của dân tộc bị áp bức[3]. Quả nhiên ngay đến giáo sư đại học[4] mà cũng không hiểu vì sao

---

(1) Chỉ cuộc giao chiến năm 1913 giữa quân Quốc dân đảng do Tôn Trung Sơn lãnh đạo ở miền Nam và quân của Viên Thế Khải ở miền Bắc. Từ đó Nam, Bắc trở thành đối lập trong một thời gian khá dài.

(2) Tình trạng nước Trung Quốc hồi này như sau : Viên Thế Khải thất bại. Đoàn Kỳ Thụy lên giữ chức Tổng lý quốc vụ. Để đoàn kết các lực lượng vũ trang, phái Bắc Dương liền mở cuộc hội nghị đại biểu các tỉnh ở Từ Châu, thành lập cái gọi là "Tỉnh khu liên hiệp hội" (1916). Đó là thủ đoạn của bọn quân phiệt Bắc Dương hòng giữ cái tổ chức chia cắt kiểu phong kiến của bọn chúng. Đồng thời ở miền Nam, Lương Khải Siêu hô hào thành lập "Hộ quốc quân chính phủ" liên hợp các tỉnh miền Nam lại. Từ đó cho đến cuộc nội chiến cách mạng lần thứ nhất, quân phiệt các tỉnh miền Nam và miền Bắc thường lấy danh nghĩa liên hiệp, đã thực hành kiểu cát cứ phong kiến, lấy tỉnh làm đơn vị và gây ra nhiều cuộc chiến tranh tàn khốc.

(3) Nguyên văn : *Hợp triệt* : *triệt* là đường xe lăn. Đời xưa hai bánh xe thường cách nhau tám thước, phải làm thế nào cho bánh trước và bánh sau cùng lăn trên một con đường. Ở đây, Lỗ Tấn muốn nói đến chính sách của bọn thống trị dị tộc bắt buộc dân tộc Hán phải đồng hóa với họ.

(4) *Giáo sư đại học* nói ở đây chỉ Ngô Mật, giáo sư trường Đại học Đông Nam hồi đó. Ông ta có viết một bài báo nói rằng văn học thì không nên tả những người lớp dưới trong xã hội.

tiểu thuyết lại miêu tả những người lớp dưới trong xã hội nữa rồi. Nếu nói tôi và người thời bây giờ cách nhau đến một thế kỷ, có lẽ cũng đúng thôi. Nhưng tôi cũng không muốn gột rửa cho sạch tư tưởng kia, mặc dù cũng cảm thấy rất xấu hổ.

Hồi ông Erôsencô[1] chưa bị trục xuất ra khỏi đất Nhật Bản, tôi chưa hề biết tên ông ta. Đến khi ông ta bị trục xuất, lúc ấy tôi mới đọc tác phẩm của ông ta, cho nên biết nguyên nhân vì sao ông ta bị trục xuất. Chính là vì bài văn của ông Giang Khẩu Hoán[2] đăng trên tờ *Độc mại tân văn*. Thế rồi, tôi dịch bài đó ra, lại dịch truyện trẻ con của ông ta, lại dịch vở kịch *Áng mây hồng* của ông ta nữa. Thật ra, ý tôi lúc bấy giờ chẳng qua là muốn truyền bá tiếng kêu đau thương của những người bị ngược đãi, và khêu gợi lòng căm hờn, oán giận của người trong nước đối với bọn cường quyền mà thôi, chứ không phải là ngồi trong một cái "cung nghệ thuật" nào, rồi giơ tay ra hái những hoa thơm cỏ lạ nước ngoài về trồng trong vườn văn nghệ nước Trung Hoa.

Khi vở kịch *Áng mây hồng* bằng tiếng Nhật xuất bản, có in cả bài văn của ông Giang Khẩu Hoán, nhưng đã bị cơ quan kiểm duyệt (sở cảnh sát ?) bỏ đi nhiều rồi. Bản dịch của tôi thì đầy đủ, nhưng khi in vở kịch, tôi không in vào. Bởi vì hồi bấy giờ tôi lại thấy có một tình hình khác, và nảy ra một ý kiến khác, không muốn chất thêm than củi vào đống lửa căm hờn của người Trung Quốc nữa[3].

IV

Ông già họ Khổng có nói : *"Vô hữu bất như kỷ giả"* (Không làm bạn với người không bằng mình). Thật ra, con mắt chỉ nhìn thấy quyền thế và lợi lộc như vậy thì thế giới ngày nay còn nhiều lắm. Chúng ta cứ thử xem tình

---

(1) *Erôsencô* : người Ucraina, một nhà viết truyện trẻ con, mù từ thuở nhỏ, biết quốc tế ngữ, Anh ngữ, và Nhật ngữ. Tác phẩm của ông phần lớn viết bằng quốc tế ngữ hoặc bằng tiếng Nhật. Ông là một người thuộc phái vô chính phủ, từng lưu lãng ở Miến Điện, sau sang Nhật, năm 1921, bị trục xuất khỏi Nhật Bản. Ông đến Bắc Kinh dạy quốc tế ngữ ở trường đại học Bắc Kinh, năm 1923 thì về nước. Vở kịch *Áng mây hồng* và một số chuyện trẻ con của ông được Lỗ Tấn dịch sang Trung văn (xem *Kịch vui về đàn vịt* trong ***Gào thét***).

(2) *Giang Khẩu Hoán* : nhà văn Nhật Bản có viết bài *Nhớ anh Erôsencô*. Lỗ Tấn có dịch đăng trên tờ phụ trương *Thần báo* ngày 14–5–1922. Nay thu thập trong tập chuyện trẻ con của Erôsencô (*Lỗ Tấn toàn tập*).

(3) Năm 1900 có một cuộc khởi nghĩa của nông dân chống đế quốc gọi là *Nghĩa Hòa đoàn*. Họ phá nhà thờ, giết những người đi đạo, và hủy hoại, bài trừ tất cả những cái gì của người ngoại quốc.

hình nước ta thì biết không thể có người bạn nào cả, không những không có bạn mà già nửa đã từng là kẻ thù. Chẳng qua khi thù A thì mong sự đồng tình của B, đến khi thù B thì lại mong sự đồng tình của A, cho nên nhìn riêng lẻ, thì lại tựa hồ như không phải toàn thể thế giới đều là kẻ thù. Nhưng lúc nào cũng có một kẻ thù, do đó cứ một hai năm, các nhà ái quốc lại phải cổ vũ lòng căm hờn, nổi phẫn nộ đối với kẻ thù.

Cái đó bây giờ đã thành một việc hết sức thông thường rồi, lúc nước này sắp thù địch với nước kia thì trước hết phải dùng thủ đoạn khuấy động lòng căm hờn của quốc dân lên đã, khiến họ cùng nhau ra kháng cự hoặc công kích. Nhưng có một điều kiện tất yếu, tức là quốc dân phải dũng cảm... Bởi vì có dũng cảm, thì mới mạnh bạo xông lên trước, vật lộn với kẻ thù để báo thù rửa hận. Giả thử người hèn nhát, thì dù có cổ vũ như thế nào đi nữa, cũng không thể quyết tâm mặt xáp mặt với kẻ thù được ; nhưng ngọn lửa căm hờn khêu lên vẫn còn đấy, không thể không tìm một chỗ thoát, chỗ thoát đó tức là những người mà họ thấy yếu hơn họ, bất kể đồng bào hay dị tộc.

Tôi cảm thấy người Trung Quốc chất chứa căm hờn đã nhiều lắm rồi, tất nhiên là vì bị kẻ mạnh giày xéo quá. Nhưng họ không quay về phía kẻ mạnh mà phản kháng, lại trút lên đầu kẻ yếu ; binh lính và thổ phỉ không đánh nhau, nhưng dân đen không súng ống thì lại bị binh lính và thổ phỉ làm cho đến khổ. Đó là chứng cứ gần đây nhất. Nói toạc móng heo ra, e còn có thể chứng minh rằng những người đó hèn nhát. Những người hèn nhát, dù lửa căm hờn có cao ngút vạn trượng, hỏi có thể thiêu hủy được cái gì, trừ rơm rác ? Hoặc giả nói, hiện nay chúng ta muốn làm cho người ta căm thù là căm thù ngoại địch, chứ không liên quan gì đến người trong nước, chẳng thiệt hại gì hết. Nhưng sự xoay chuyển dễ dàng lắm. Tuy nói là người trong nước đấy, nhưng khi muốn trút nỗi giận dữ trong lòng, thì chỉ cần gán cho một cái danh hiệu kỳ quặc là có thể yên tâm thọc mũi dao vào mạng mỡ rồi. Trước kia, có những cái danh hiệu như là "dị đoan", "yêu nhân", "gian đảng", "nghịch đồ", v.v..., bây giờ thì có thể dùng những danh hiệu như "quốc tặc", "Hán gian", "lưu manh", "chó săn của người ngoại quốc", "nô lệ của người ngoại quốc". Bọn Nghĩa Hòa đoàn năm Canh Tí[1] bắt người đi qua đường, tùy tiện muốn nói ai là giáo đồ cũng được, nghe nói chứng cớ chắc như thép của họ là con mắt thần thông của họ đã nhìn thấy hình chữ "thập" trên trán người kia.

---

(1) Tức năm 1900.

Nhưng chúng ta sống trên cái thế giới "không làm bạn với người không bằng mình" này, ngoài việc khích động quốc dân mình, làm cho họ sục sôi lên để đối phó với hoàn cảnh, thì còn phương pháp nào hay nữa đâu ? Có điều, căn cứ vào những lý do trên, tôi tiến lên một bước mà hy vọng rằng thanh niên khi châm ngòi lửa đốt cháy lòng công phẫn của quần chúng, còn phải tìm cách cho họ có một thứ dũng khí bình tĩnh, khi cổ vũ tình cảm của họ, còn phải hết sức khêu gợi lý tính sáng suốt của họ ; rồi lại phải thiên về dũng khí và lý tính, từ đó tiếp tục huấn luyện trong nhiều năm. Tiếng kêu gọi đó tất nhiên không thể nào to lớn bằng tiếng gào thét tuyên chiến giết giặc được, nhưng tôi lại cho đó là một công việc quan trọng hơn, gian khổ hơn, vĩ đại hơn nhiều.

Bằng không thì lịch sử đã cho chúng ta biết rằng, kẻ gặp tai họa không phải là kẻ thù nào cả mà là đồng bào và con cháu chúng ta. Kết quả là trở lại làm kẻ tiền phong cho kẻ thù, mà kẻ thù sẽ là kẻ mạnh thắng trận, và cũng là ân nhân của kẻ yếu yêu nước đó, bởi vì mình đã tàn sát lẫn nhau trước rồi, cho nên lòng căm hờn chất chứa trong lòng đã tiêu tan mất, thiên hạ cũng trở thành thái bình thịnh thế.

Tóm lại, tôi cho rằng nếu quốc dân không có trí, không có dũng, mà chỉ dựa vào cái gọi là "khí" không thôi, thì thực hết sức nguy hiểm. Bây giờ nên thay đổi đi mà bắt tay vào một việc chắc chắn hơn.

Ngày 16 tháng 6 năm 1925

(Tập ***Nấm mồ***)

10. HẲNG KHOAN "PHE PƠLÊ" ĐÃ*

1 – MỞ ĐỀ

Trong tạp chí *Ngữ ti* số 57, ông Lâm Ngữ Đường có bàn về "phe pơlê"(1), cho rằng cái tinh thần đó ở Trung Quốc hiếm vô cùng, chúng ta cần phải ra sức khuyến khích. Ông ta lại có nhắc đến câu "không đánh chó khi đã rơi xuống nước", để bổ sung cho ý nghĩa tiếng "phe pơlê". Tôi không biết tiếng Anh, cho nên cũng không được rõ rút cục tiếng đó nghĩa như thế nào, nhưng nếu như "không đánh chó khi đã rơi xuống nước" cũng là một hình thức của cái tinh thần kia, thì tôi nghĩ lại rất muốn đem ra thảo luận. Có điều trên đầu đề không viết thẳng "đánh chó khi đã rơi xuống nước" là

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Măng nguyên*, ngày 10 tháng 1 năm 1926. Như trong bài có nói, Lỗ Tấn nhân đọc bài báo của Lâm Ngữ Đường mà viết ra. Hồi đó, thực chất quan điểm chính trị của ông ta chưa lộ ra hẳn, nhưng nhiều lần ông ta tuyên bố mình là một người tự do chủ nghĩa. Trong nhiều bài báo của ông ta, người ta đã thấy một số tư tưởng sai trái. Một mặt ông ta vẫn đi lại với Lỗ Tấn, một mặt lại liên lạc với bọn *Hiện đại bình luận*. Trong bài báo của ông ta có đoạn như sau : *"Ở Trung Quốc tinh thần "phe pơlê" rất hiếm, chúng ta cần phải ra sức khuyến khích. Trung Quốc đến tinh thần "pơlê" (play) cũng ít, nói gì đến "phe" (fair). Chỉ có lúc cái gọi là không "ném đá vào người đã rơi xuống giếng" (hạ tỉnh đầu thạch) là có ý nghĩa gì đó. Người chửi kẻ khác lại không thể không có điều kiện ấy. Chửi người ta được thì cũng có thể bị người ta chửi lại. Và khi người ta thất bại rồi thì không nên công kích nữa, bởi vì chúng ta công kích là công kích tư tưởng, chứ không phải công kích con người. Lấy Đoàn Kỳ Thụy, Chương Sĩ Lân ngày nay ra làm thí dụ, chúng ta không nên công kích cá nhân họ"*. Luận điệu đó của Lâm Ngữ Đường về bản chất nhất trí với luận điệu của bọn *Hiện đại bình luận* làm tay sai cho đế quốc và bọn quân phiệt ra mặt. Lỗ Tấn, trong bài này và trong nhiều bài khác nữa, phê phán nghiêm khắc cái thứ tự do chủ nghĩa giả dối đó và nhắc nhở các nhà cách mạng phải nâng cao cảnh giác, phải đấu tranh không nhân nhượng với kẻ thù, không để cho chúng lừa bịp.

(1) "*Phe pơlê*" (Fair play) là tiếng Anh (*Fair* : tốt, *play* : trò chơi). Đó là một thuật ngữ dùng trong các cuộc chơi thể thao. Khi đấu với nhau thì không được dùng những thủ đoạn không chính đáng, không được "chơi xấu". Đó là phẩm chất của *gentlemen*, của người "quân tử".

vì tránh cho khỏi chướng mắt, chứ không phải có ý muốn mang một cái "sừng giả"[1] trên đầu đâu. Tóm tắt, tôi chỉ muốn nói, "chó rơi nước" vị tất không nên đánh, hoặc nói thẳng thắn là phải đánh cho chết.

2 – CÓ BA LOẠI "CHÓ RƠI XUỐNG NƯỚC" CẦN PHẢI ĐÁNH CẢ

Ngày nay người ta thường lấy câu "đánh hổ đã chết" và câu "đánh chó khi đã rơi xuống dưới nước" ra bàn chung, cho rằng đều gần như hèn nhát cả. Tôi nghĩ "đánh hổ đã chết" là nhát gan mà làm ra bộ dũng cảm, rất buồn cười ; tuy không khỏi mang tiếng hèn nhát, nhưng cái hèn nhát đó còn có thể thương được. Đến như "đánh chó khi đã rơi xuống nước" thì lại không đơn giản như thế, cần phải xem chó như thế nào, và vì sao rơi xuống nước mới định được. Theo nguyên nhân vì sao rơi xuống nước, thì có ba loại chó : 1 – tự nó sảy chân mà rơi xuống nước, 2 – người khác đánh rơi xuống, 3 – chính ta đánh rơi xuống. Trong hai trường hợp đầu mà hùa theo đánh, thì tất nhiên vớ vẩn quá rồi, hoặc giả cũng gần như là hèn nhát. Nhưng nếu ta vật lộn với chó, rồi chính tay ta đánh cho nó phải rơi xuống nước, thì dù có lấy sào tre mà đánh theo cho nhừ tử, tựa hồ cũng chẳng có gì là quá đáng. Không thể đem trường hợp này bàn chung với hai trường hợp đầu được.

Nghe nói những người đấu quyền dũng cảm quyết không bao giờ đánh địch thủ của mình khi đã ngã xuống đất rồi, cái đó thật đáng cho chúng ta noi gương. Nhưng tôi cho rằng còn phải thêm một điều kiện, tức là kẻ địch thủ đó cũng phải là một đấu sĩ dũng cảm, sau khi thua rồi, hoặc xấu hổ, hối hận mà không trở lại nữa, hoặc đàng hoàng đến mà trả thù, tất nhiên chẳng có gì là không nên. Nhưng đối với chó, thì không thể đem việc đó ra làm lệ được, không thể xem chó như một địch thủ ngang hàng với mình, bởi vì dù nó có sủa điên rồ đến thế nào đi nữa, thật ra nó cũng chẳng hiểu "đạo nghĩa" gì cả. Huống chi, chó nó biết hơi, nhất định lại leo lên bờ, không chú ý thì trước hết nó rũ lông một cái, làm cho người ta bẩn cả mặt mũi, rồi thì quắp đuôi chạy mất. Nhưng sau đó tính tình nó lại vẫn thế. Người

---

(1) Nguyên văn : "*nghĩa giác*" : sừng giả. Đó là một danh từ Trần Tây Oánh dùng để công kích Lỗ Tấn ; y viết : *"Hoa thì ai cũng yêu, ma quỷ thì ai cũng ghét, nhưng có người muốn lấy lòng quần chúng, không ngại tô thêm màu sắc trên cánh hoa và trên đầu ma quỷ thì trang sức thêm cho một cái "sừng giả"* (nghĩa giác). *Chúng ta thấy thế không những cảm thấy là vô vị mà còn ghê tởm nữa là khác*". Ý muốn nói, văn Lỗ Tấn được độc giả hoan nghênh là bởi vì Lỗ Tấn giả làm ra ta đây là một chiến sĩ để lấy lòng quần chúng.

thật thà tưởng nó rơi xuống nước là nó đã chịu phép rửa tội rồi, tất sẽ sám hối, không nhảy ra cắn càn nữa. Thực nhầm to, nhầm vô cùng.

Nói tóm lại, nếu là chó cắn người thì tôi thấy đều thuộc loại nên đánh cả, bất cứ ở trên bờ hay ở dưới nước.

3 – CHÓ BÔNG THÌ LẠI CÀNG KHÔNG THỂ KHÔNG ĐÁNH CHO RƠI XUỐNG NƯỚC, RỒI LẠI PHẢI THEO MÀ ĐÁNH NỮA

Chó bông còn có tên là chó xù, miền Nam gọi là chó Tây, nhưng nghe nói đó là đặc sản của Trung Quốc, trong các cuộc thi chó quốc tế thường thường được thưởng mề đay vàng. Ảnh chó chụp trong cuốn *Bách khoa toàn thư nước Anh*, có mấy con là chó bông Trung Quốc chúng ta đấy[1]. Cũng là vinh dự cho nước nhà. Nhưng chó với mèo chẳng phải là thù địch nhau ư ? Thế mà tuy là chó, nó lại rất giống mèo, chiết trung, công bằng, vừa phải, hết sức đứng đắn, làm ra bộ người khác chẳng ai không thiên vị, chỉ có mình nó là có được cái "đạo trung dung". Cũng chính vì thế mà được các bậc quyền quý, các ông thái giám, các bà, các cô yêu chuộng, không bao giờ tuyệt nòi cả. Sự nghiệp của nó chỉ ở chỗ có bộ lông trơn mượt, nên được người sang nuôi nấng, hoặc khi các bà trong nước hay nước ngoài đi ra phố, thì chạy theo sau, cổ đeo chiếc dây xích nhỏ.

Những thứ đó thì phải đánh cho rơi xuống nước đã, rồi phải theo mà đánh nữa. Nếu tự nó sảy chân, thật ra theo mà đánh cũng không ngại, nhưng giá mình quá tốt bụng tất nhiên không đánh cũng được ; có điều không cần phải than thở cho nó. Giá thử khoan dung với chó bông, thì đối với những con chó khác, sẽ rất không nên đánh, bởi vì bọn này tuy vụ lợi vô cùng, nhưng rút cục còn hơi giống chó sói, mang theo tính thú rừng, chứ không đến nỗi hai mặt, hai lòng như thế.

Trên đây là nhân tiện thì nói tới, tựa hồ không dính dáng đến đầu đề lắm.

4 – KHÔNG "ĐÁNH CHÓ KHI ĐÃ RƠI XUỐNG NƯỚC" LÀ LÀM HẠI CON CÁI NGƯỜI TA

Tóm lại, có nên đánh chó khi đã rơi xuống nước hay không, thì trước hết phải xem thái độ của nó sau khi leo lên bờ như thế nào đã.

---

(1) Câu này hay ở chỗ Trần Tây Oánh, Hồ Thích đều du học Anh, Mỹ về cả.

Tính chó rất ít thay đổi, giá thử một vạn năm sau có lẽ khác bây giờ, nhưng bây giờ là tôi nói chuyện bây giờ. Nếu cho rằng đã rơi xuống nước rồi, đáng thương vô cùng, thế thì những động vật có hại, nhiều con đáng thương lắm. Như vi trùng thổ tả đấy, tuy sinh sôi nảy nở rất nhanh, tính cách của nó thì lại thật thà vô cùng, nhưng các bác sĩ quyết chẳng bao giờ tha cho chúng nó hết.

Bây giờ bọn quan liêu và bọn thân sĩ ta hoặc thân sĩ Tây[1], gặp ai không hợp ý họ là nói người đó "đỏ", cộng sản. Trước Dân Quốc Nguyên Niên có hơi khác, đầu thì nói đảng Khang Hữu Vi, sau thì nói Đảng cách mạng[2], thậm chí đến cửa quan cáo giác nữa, một mặt cố nhiên là để bảo toàn lấy địa vị tôn quý vinh hiển của mình, nhưng cũng vị tất không có ý "lấy máu người khác nhuốm đỏ chóp mũ mình"[3]. Nhưng rồi cách mạng bùng nổ, một bọn thân sĩ thối hoắc lập tức vội vội vàng vàng như chó nhà đám, đem đuôi sam quấn lên đỉnh đầu. Đảng cách mạng cũng là một đảng theo mới, – bọn thân sĩ xưa nay vốn ghét cay ghét đắng cái mới, bây giờ "văn minh" đáo để, nói rằng "để cùng duy tân với nhau cả", chúng ta không đánh chó khi đã rơi xuống nước, cứ để cho chúng nó leo lên bờ. Thế là chúng nó leo lên, nằm chờ đến nửa cuối năm thứ hai Dân Quốc, lúc cách mạng lần thứ hai[4], thì bỗng nhảy ra giúp Viên Thế Khải cắn chết bao nhiêu người cách mạng. Trung Quốc càng ngày càng chìm trong đen tối, mãi cho đến bây giờ, bọn phản động già bất tất phải nói, ngay bọn phản động trẻ mà còn nhiều đến thế kia ! Đó là vì các bậc tiền liệt tốt bụng, từ bi với ma quỷ, để cho chúng nó sinh sôi nảy nở, nên lớp thanh niên chân chính về sau, vì mưu chống lại đen tối, phải phí mất bao nhiêu sức lực, tính mạng.

Chị Thu Cận[5] bị cáo giác mà chết, sau cách mạng có lúc được gọi là "nữ hiệp" bây giờ thì ít nghe ai nhắc đến nữa rồi. Khi vừa cách mạng, một

---

(1) *Thân sĩ Tây* : chỉ những người du học ngoại quốc về như bọn Trần Tây Oánh.

(2) *Đảng Khang Hữu Vi* : chỉ những người từng tham gia và tán thành cuộc biến pháp duy tân do Khang Hữu Vi phát động. *Đảng cách mạng* : chỉ những người tham gia và tán thành cuộc cách mạng chống Mãn Thanh.

(3) Theo quan phục đời Thanh thì người ta phân biệt cấp trên với cấp dưới bằng cách dùng màu sắc nhuộm chóp mũ. Quan cao nhất thì đội mũ, chóp làm bằng san hô màu đỏ. Cuối Thanh, bọn quan liêu, thân sĩ thường dùng thủ đoạn cáo giác các người cách mạng để thăng quan tiến chức, vì thế mà đương thời có câu nói trên.

(4) *Cuộc cách mạng thứ hai* : chỉ cuộc chiến tranh thảo phạt Viên Thế Khải vào tháng 7 năm 1913, do các tỉnh Giang Tây, An Huy, Quảng Đông, thuộc thế lực Quốc dân đảng phát động. Vì bọn thống trị phong kiến cấu kết chặt chẽ với bọn đế quốc, nên cuộc cách mạng đó bị trấn áp nhanh chóng.

(5) *Thu Cận* (1875–1907) : cũng người Thiệu Hưng, quê Lỗ Tấn. Bà là một nhân vật quan trọng của Hội Quang phục. Bị bắt nhân việc Từ Tích Lân ám sát tuần vũ An Huy, tên là Ân Minh. Bà anh dũng hy sinh ở Hiên Đình Khẩu, thành Thiệu Hưng (xem truyện *Thuốc*, tập ***Gào thét***).

ông đốc – cũng như bây giờ ta gọi là đốc quân – đến quê hương chị. Cũng là một đồng chí của chị : Vương Kim Phát[1]. Ông ta bắt tên chủ mưu giết hại chị[2], lập hồ sơ về vụ cáo giác đó để trả thù cho chị. Nhưng cuối cùng, ông ta thả tên chủ mưu đó ra, nghe nói bởi vì bây giờ đã là Dân Quốc rồi, không nên đả động đến những mối thù oán cũ nữa. Nhưng cho đến khi cuộc cách mạng thứ hai thất bại, thì Vương Kim Phát lại bị bọn tay sai Viên Thế Khải bắn chết, mà người giúp một tay đắc lực trong việc đó là tên chủ mưu giết chị Thu Cận mà ông đã thả ra.

Tên ấy thì nay cũng đã "quy tiên" rồi, nhưng ở đấy những tên đang kế chân mà hoành hành, lúc ẩn lúc hiện, cũng là một phường như thế, cho nên quê hương của chị Thu Cận vẫn như thế kia, năm này qua năm khác , không hề tiến bộ được chút nào cả. Cứ nhìn nội điểm đó đủ biết, bà Dương Ấm Du và ông Trần Tây Oánh sinh trưởng ở một thành danh tiếng có thể làm gương cho Trung Quốc[3], thật là hồng phúc to bằng trời.

5 – KHÔNG NÊN ĐEM NGƯỜI THẤT THẾ RA BÀN CHUNG VỚI "CHÓ RƠI XUỐNG NƯỚC"

"Kẻ khác phạm đến mình mà mình không chấp"[4] đó là đạo khoan hồng, "mất trả mất, răng trả răng"[5] đó là đạo chính trực. Trung Quốc nhiều nhất thì lại là đạo oan uổng : không đánh chó rơi xuống nước, trở lại bị chó cắn. Nhưng kỳ thực đó là người thật thà tự rước khổ vào thân.

Tục ngữ có câu : "Trung hậu là một tên khác của vô dụng" ! Có lẽ hơi khắc bạc quá chăng, nhưng nghĩ kỹ thì lại thấy chẳng phải nói như thế để xúi người ta làm điều ác. Đó là một câu nói rất hay đúc kết bao nhiêu

---

(1) *Vương Kim Phát* : người Chiết Giang, là một hội viên Hội Quang phục. Trong cuộc cách mạng Tân Hợi, ông ta giữ chức đô đốc ở Thiệu Hưng, sau bị tên Châu Thụy, đô đốc Chiết Giang, tay sai viên thế Khải, bắn chết.

(2) Tên chủ mưu nói đây là một tên địa chủ người Thiệu Hưng. Trước cách mạng Tân Hợi, hắn là tay chân tên tuần phủ Chiết Giang, sau cách mạng, bị Vương Kim Phát bắt. Hắn quyên một ít điền sản nên được tha. Trong cuộc mưu sát Vương Kim Phát, hắn có tham dự.

(3) Dương Ấm Du du học ở Mỹ về, được Chương Sĩ Chiêu bổ nhiệm làm hiệu trưởng trường Nữ Đại học Sư phạm Bắc Kinh. Sinh viên phản đối, bị trấn áp tàn nhẫn. Bà ta cũng là người huyện Vô Tích, tỉnh Giang Tô như Trần Tây Oánh. Có lần trong một bài báo, Tây Oánh có nói rằng huyện Vô Tích là một huyện gương mẫu của Trung Quốc. Lỗ Tấn nhắc đến câu nói đó để châm biếm.

(4) Nguyên văn "*Phạm nhi bất hiệu*". Câu này lấy trong thiên *Thái bá*, sách *Luận ngữ*.

(5) Dịch theo nghĩa đen câu trong *Cựu ước*, ý chủ trương báo thù, như tục ngữ ta thường nói *"ăn miếng trả miếng"*.

kinh nghiệm đau xót. Thí dụ như thuyết "không đánh chó khi đã rơi xuống nước", đại khái có hai nguyên nhân sinh ra : một là không đủ sức đánh, hai là so sánh không đúng. Nguyên nhân thứ nhất hẳng khoan bàn, nguyên nhân thứ hai không đúng ở hai chỗ : một là, nhầm lẫn người thất thế với chó rơi xuống nước, xem như nhau ; hai là, không phân biệt người thất thế, có kẻ tốt kẻ xấu, cứ cho nhất luật cả, kết quả thành ra dung túng điều ác. Lấy chuyện bây giờ mà nói, vì cục diện chính trị bấp bênh, thật là lên lên xuống xuống như bánh xe quay, kẻ xấu dựa vào một thế lực cũng chẳng chắc chắn gì như dựa vào một tảng băng, hoành hành không kiêng nể gì hết, nhất đán sẩy chân, bỗng phải đi ăn mày lòng thương hại. Người thật thà đã từng mắt nhìn thấy nó cắn người khác hoặc chính mình bị nó cắn cho, lại bỗng coi nó là "chó rơi xuống nước", không những không đánh, thậm chí còn có ý thương hại, tự cho rằng công lý đã bày rõ ra đấy rồi, lúc này mình phải tỏ ra người hào hiệp. Đâu có biết rằng không phải là nó rơi xuống nước thật, ổ của nó đã được làm sẵn rồi, cái ăn đã trữ đủ rồi, và đều ở bên tô giới cả. Tuy có lúc tựa hồ như bị thương, kỳ thực không phải, chẳng qua chỉ giả vờ đi cà nhắc thế thôi, chỉ cốt gợi lòng trắc ẩn của người khác, để có thể ung dung trốn tránh được. Ngày kia lành rồi, nó lại cắn người thật thà trước để mở đầu, "ném đá vào đầu người rơi xuống giếng", không từ điều gì. Tìm nguyên nhân thì một phần chính là vì người thật thà không "đánh chó rơi xuống nước". Cho nên, nói cho nghiêm khắc một tí, tức là mình đào hố chôn mình, oán trời trách người đều sai cả.

6 – BÂY GIỜ CHƯA THỂ CỨ MỘT MỰC "PHE" ĐƯỢC

Những người nhân từ có thể hỏi : "Thế thì chúng ta không nên "phe pơlê" hay sao ?". Tôi có thể trả lời ngay : "Tất nhiên nên, nhưng hãy còn sớm". Đây là phép "Mời anh vào chum cho"[1], tuy những người nhân từ vị tất đã chịu dùng, nhưng tôi xin cứ nói ra cho hết lý lẽ. Chẳng phải là bọn thân sĩ ta hay là thân sĩ Tây thường nói : "Trung Quốc có tình hình đặc biệt của Trung Quốc, những thứ như tự do, bình đẳng của nước ngoài không thể thích

(1) Lấy tích trong chuyện tên ác lại Chu Hưng đời Đường Võ Hậu. Có người tố giác Chu Hưng, Văn Xương thừa tướng thông mưu với Khâu Thần Tích. Thái Hậu cho Lại Tuấn Thần tra hỏi việc đó. Tuấn Thần mời Chu Hưng đến hỏi : "Tù phạm không khai, nên làm cách gì ?". Hưng trả lời : "Cái đó rất dễ. Lấy một cái chum to, bốn xung quanh đốt than thật đỏ, bắt chui vào, gì mà không khai !". Tuấn Thần làm đúng như Hưng nói, rồi đứng dậy bảo Hưng : "Vâng lệnh nhà vua hỏi tội anh, mời anh vào chum cho". Hưng hoảng sợ cúi đầu nhận tội.

dụng" hay sao ? Tôi cho rằng "phe pơlê" này cũng là một thứ như thế. Bằng không, nó đối với anh không "phe" (*fair*) chút nào cả, mà anh thì vẫn cứ "phe" với nó, kết quả mình thiệt, không những muốn "phe" không được, mà cả muốn không "phe" cũng không được. Cho nên muốn "phe", hay nhất là trước hết hãy nhìn rõ đối thủ, nếu là phường không đáng "phe" thì cứ thẳng tay không nể, chờ khi nào nó "phe", lúc đó mình "phe" với nó cũng chẳng muộn.

Như thế tựa hồ dễ bị chê là chủ trương "nhị trùng đạo đức"[1], nhưng cũng là bất đắc dĩ, bởi vì nếu không như thế, Trung Quốc sẽ không thể có con đường nào khác nữa. Trung Quốc hiện nay có rất nhiều thứ "nhị trùng đạo đức", giữa thầy và tớ, giữa nam và nữ, có những thứ đạo đức khác nhau, chưa thống nhất. Nếu xem "chó rơi xuống nước" cũng như "người rơi xuống nước", không phân biệt gì cả, thì quả thực không khỏi quá thiên, quá sớm, cũng giống như các vị thân sĩ nói tự do bình đẳng không phải không hay, nhưng ở Trung Quốc thì hiểm điều hơi quá sớm. Cho nên giả có ai muốn thi hành tinh thần "phe pơlê" một cách rộng rãi, thì tôi cho rằng ít ra cũng phải chờ đến khi nào cái gọi là "chó rơi xuống nước" có khí chất của con người đã. Nhưng bây giờ tất nhiên cũng chẳng phải tuyệt đối không thể thi hành được, tức là như trên đã nói, phải nhìn rõ đối thủ là ai, và còn phải phân biệt, nghĩa là phải xem đối thủ như thế nào, nếu là người thì giúp đỡ, nếu là chó thì mặc kệ, nếu là chó dữ thì đánh. Tóm tắt một câu, "cùng phe thì tán thành, khác phe thì công kích"[2], thế thôi.

Những câu danh ngôn của bọn thân sĩ, trong lòng thì chất đầy "bà lý" mà ngoài miệng thì nói "công lý"[3] nay hãy tạm xếp vào loại không bàn đến. Ở Trung Quốc bấy giờ, công lý mà người dù thật lòng hô hào, cũng chưa thể cứu giúp được người tốt, thậm chí trái lại che chở cho người xấu. Bởi vì trong khi người xấu đắc chí, hành hạ người tốt, thí dụ có ai hô hào công lý, chúng nó quyết chẳng nghe theo. Hô hào cũng chỉ là hô hào, người

---

(1) Nghĩa là dùng hai tiêu chuẩn để đối đãi, đối phương tốt thì mình tốt, đối phương xấu thì mình xấu.

(2) Câu này bọn phản động thời đó hay dùng để nói rằng những người đấu tranh vì chính nghĩa thường mắc tội ai về phe với mình thì tán thành, ai khác phe mình thì công kích. Lỗ Tấn vừa dùng lại câu này để đập bọn Trần Tây Oánh, nhưng cũng là nói rằng giữa phải và trái, giữa thiện và ác, giữa cách mạng và phản cách mạng, không thể thỏa hiệp được.

(3) *Bà lý* : nghĩa là *lý lẽ của mẹ chồng*. Chữ này dùng để ám chỉ việc Dương Ấm Du, hiệu trưởng trường Nữ Đại học Sư phạm Bắc Kinh đối xử với sinh viên như mẹ chồng nàng dâu. Nhân việc này, Trần Tây Oánh lập ra cái hội gọi là "Hội duy trì công lý của giáo giới", thực chất là để bênh vực cho Dương Ấm Du. Ở đây, Lỗ Tấn chơi chữ *bà lý* (lý của bà) đối với *công lý* (lý của ông).

tốt vẫn phải chịu khổ. Nhưng tình cờ có một lúc, người tốt hơi chồm dậy được, thì người xấu tất sẽ phải rơi xuống nước, nhưng những người bàn công lý một cách thật lòng lại la lớn lên, nào là "không nên báo thù", nào là "hãy khoan hồng", nào là "chớ lấy điều ác chống lại điều ác"... Lần này lại có hiệu quả, chứ chẳng phải là kêu gào vô ích : người tốt cho là phải, thế là người xấu được cứu. Nhưng sau khi được cứu rồi, nó nhất định lại tưởng nó chiếm phần hơn chứ đâu có cải hối ! Vả lại, bởi vì đã có xây sẵn ba cái hang, lại tài luồn lọt, cho nên chẳng bao lâu, thanh thế vẫn hiển hách, nó lại làm điều ác như trước. Lúc đó, những người bàn công lý tất nhiên lại la lên, nhưng lần này thì nó có nghe anh đâu !

Thế nhưng, những người bình luận về bọn "thanh lưu" đời Hán và bọn "Đông Lâm" đời Minh thường trách họ "đối với tội ác nghiêm quá" "bất kể thù cũng vội quá"[1], vì thế mà thất bại. Há không biết rằng phía bên kia, chúng nó lại "ghét điều thiện như ghét kẻ thù" hay sao ? Thế là chẳng ai nói câu nào cả. Giá thử từ nay về sau, ánh sáng và bóng tối không thể đấu tranh với nhau được đến kỳ cùng, người thật thà nhầm lẫn, dung túng điều ác với khoan hồng độ lượng, cứ một mực làm ngơ thì cái tình trạng gần như hỗn loạn hiện nay sẽ có thể cứ kéo dài mãi đến vô cùng vô tận.

7 – LẤY GẬY ÔNG ĐẬP LƯNG ÔNG[2]

Người Trung Quốc kẻ tin Đông y, kẻ tin Tây y. Bây giờ các thành phố tương đối lớn thường có hai thứ, để ai thích thứ nào thì theo thứ đó. Tôi cho cái đó hay vô cùng. Nếu mở rộng phạm vi ra được thì tiếng kêu oan nhất định sẽ bớt đi nhiều, hoặc giả thiên hạ sẽ thái bình. Thí dụ : Thời Dân Quốc chào nhau thông thường là cúi mình một cái, nhưng giá có ai cho thế không phải thì cứ để một mình người đó dập trán xuống đất mà lạy. Pháp luật Dân Quốc không có tội *xuy* (lấy roi tra khảo), nhưng giá có ai cho nhục hình là hay thì khi người đó mắc tội gì, cứ đặc cách nọc ra mà đánh vào đít. Đũa, bát, cơm, canh là vì người thời bấy giờ mà bày đặt ra, nhưng giá có ai muốn làm người dân thời họ Toại Nhân trở về trước, thì cứ mời người đó ăn thịt sống ; làm lại mấy nghìn túp nhà cỏ, rồi lôi những bậc cao sĩ ngưỡng mộ

---

(1) *Thanh lưu* : đời Hán chỉ một số thái học sinh cuối Hán cùng một số các vị đại thần trong triều đình liên lạc với nhau để vạch tội bọn hoạn quan phê bình triều chính, sau bị khép vào tội kết bè đảng làm nguy hại triều đình. Hơn bảy tám trăm người bị xử tội. *Đông Lâm* : đời Minh chỉ những người tụ tập ở Đông Lâm thư viện bàn luận về thời chính, phê bình những người tại mắt. Có một số quan lại chính trực cũng hưởng ứng. Sau hơn mấy trăm người bị giết hại. Những chuyện này đưa ra để nói việc của trường Nữ Đại học Sư phạm Bắc Kinh.

(2) Nguyên văn : *"Tức dĩ kỳ nhân chi đạo hoàn trị kỳ nhân chi thân"* (Lấy cái đạo của người đó mà trị lại người đó) : là câu chú thích của Chu Hi ở chương 13, sách *Trung Dung*.

Nghiêu Thuấn ra khỏi những tòa ngang dãy dọc của họ, bất đến đấy mà ở ; người nào phản đối văn minh vật chất tất nhiên càng không nên để cho họ phải ngậm oan mà ngồi xe hơi. Làm như thế, thật là "cầu điều nhân được điều nhân, còn oán cái gì ? "[1], lỗ tai chúng ta cũng đỡ bẩn đi nhiều.

Nhưng đáng tiếc chưa ai chịu làm như thế cho, cứ muốn bắt người khác làm như mình, cho nên thiên hạ mới sinh ra lắm chuyện. "Phe pơlê" cũng có cái tệ của nó, thậm chí có thể trở thành nhược điểm, để cho thế lực hung ác chiếm phần hơn. Thí dụ Lưu Bách Chiêu đánh sinh viên trường Đại học Nữ Sư phạm thì bọn *Hiện đại bình luận* im thin thít, đến khi trường Đại học Nữ Sư phạm hồi phục lại, thì Trần Tây Oánh khuyến khích nữ sinh viên Đại học[2] chiếm lấy trường sở, nói "nếu bọn họ không chịu đi thì làm thế nào ? Lẽ nào các cô lại không dùng bạo lực vất đồ đạc của họ đi hay sao ?". Đánh, lại còn kéo, lại còn vất, đã có Lưu Bách Chiêu làm gương cho đó rồi, sao lần này độc một mình "không nỡ !"[3]. Đó là bởi vì để cho nó ngửi thấy được cái mùi "phe pơlê" của trường Đại học Nữ Sư phạm ! Nhưng cái "phe" đó lại trở thành nhược điểm để cho người ta lợi dụng làm vũ khí bảo vệ cái "di trạch" của Chương Sĩ Chiêu[4].

8 – KẾT LUẬN

Có người nghi rằng những điều tôi nói trên có thể khêu gợi cuộc đấu tranh giữa hai phái mới, cũ, hoặc gì gì đấy, làm cho mối ác cảm thêm sâu sắc, sự giằng co thêm kịch liệt. Nhưng tôi dám nói quyết rằng, bọn phản cải cách đối với những người cải cách độc ác lắm, xưa nay chưa hề nới tay bao giờ, thủ đoạn cũng ghê gớm đến mức không thể hơn được nữa. Chỉ có những người cải cách là đang nằm mơ, chịu thiệt mãi, do đó mà Trung Quốc cũng chẳng cải cách gì được cả. Từ nay về sau, cần phải thay đổi thái độ và phương pháp đi.

Ngày 29 tháng 12 năm 1925

(Tập ***Nấm mồ***)

---

(1) Lời của Khổng Tử, xem sách *Luận ngữ*, thiên *Thuật nhi*.

(2) Hai trường khác nhau.

(3) Lưu Bách Chiêu là một viên trưởng phòng Bộ Giáo dục hồi đó, tay chân của Chương Sĩ Chiêu. Năm 1925, khi xảy ra vụ trường Đại học Nữ Sư phạm, Chương Sĩ Chiêu bảo Lưu Bách Chiêu thuê một số phụ nữ lưu manh đến đánh nữ sinh viên, kéo nữ sinh viên ra khỏi trường. Nhưng được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân Bắc Kinh, cuối cùng, nữ sinh viên thắng, trường lại mở, Chương Sĩ Chiêu chạy trốn sang Thiên Tân, Dương Ấm Du bị cách chức.

(4) Chỉ bè phái Dương Ấm Du. Lúc này Chương Sĩ Chiêu không làm bộ trưởng nữa cho nên nói là "di trạch" (cái ơn sót lại).

11. GHI THEO CẢM HỨNG

25

Trước kia lâu lắm, tôi có thấy trong cuốn sách gì, tên sách và nguyên văn quên mất rồi, ông Nghiêm Hựu Lăng[1] viết một câu đại ý nói : "Trên đường phố Bắc Kinh, thấy nhiều trẻ em cứ chạy nhảy giữa chỗ ngựa xe đi lại mà sợ quá, dễ chết chẹt như chơi. Lại nghĩ các em tương lai có thể là những người tài giỏi thì càng lo". Thật ra, những nơi khác cũng thế cả, chẳng qua ngựa xe nhiều hay ít mà thôi. Nay đến Bắc Kinh, thấy tình trạng ấy vẫn chưa thay đổi, thường tôi cũng đâm ra lo. Mặt khác, thì lại phục ông Nghiêm Hựu Lăng đã "làm" ra cuốn *Thiên diễn luận* của Hơclây[2] ; quả thật hơn đời lắm : đó là một người Trung Quốc sống vào cuối thế kỷ XIX, có cảm giác nhạy bén.

Con nhà nghèo, bẩn thỉu, đầu bù tóc rối, chạy nhảy ngoài đường, con nhà giàu sang, ngang tàng, hống hách, nũng nũng nịu nịu, chạy nhảy trong nhà. Chạy nhảy mà lớn lên, rồi cùng nhau ra đua đòi giữa xã hội làm cho mù trời mù đất, cũng giống như cha các em, hoặc giả lại không được như thế nữa.

Cho nên nhìn những em khoảng mươi tuổi là có thể đoán trước được tình hình Trung Quốc hai mươi năm sau ; nhìn những thanh niên hơn hai mươi

---

(1) *Nghiêm Hựu Lăng* : tức Nghiêm Phục (1853 – 1921) vốn tên là Tôn Quang, tự Hựu Lăng, sau đổi là Phục, người tỉnh Phúc Kiến. Năm 1877 (thời vua Quang Tự đời Thanh) ông được phái sang Anh học về hải quân. Năm 1879 về nước, phụ trách Trường Thủy sư Bắc Dương ở Thiên Tân. Năm 1894, sau cuộc chiến tranh Trung – Nhật, ông ra sức giới thiệu các môn khoa học tự nhiên và khoa học kinh tế của giai cấp tư sản. Năm 1895, dịch cuốn *Evolution and ethics* (*Thiên diễn luận*) của Huxley, cuốn *An inquiry into the nature and causes of the wealth of nations* của Adam Smith. Những tác phẩm này có ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng học thuật đương thời.

(2) *"Làm"* : ở đây có nghĩa là *dịch*. Lỗ Tấn dùng chữ "làm" bởi vì Nghiêm Phục dịch cuốn *Thiên diễn luận* không hoàn toàn đúng với nguyên văn.

tuổi – đại để họ đã có con gọi bằng bố rồi – là có thể đoán trước được con cháu họ sẽ ra sao và biết được tình hình Trung Quốc năm mươi năm, bảy mươi năm nữa sẽ như thế nào.

Trẻ con Trung Quốc, chỉ cần đẻ ra đấy, chứ khỏe mạnh hay không mặc kệ, chỉ cần nhiều, chứ có tài hay không, cũng không chú ý. Người đẻ ra các em không chịu trách nhiệm dạy dỗ các em. Cái câu "đông người", tuy rất có thể làm cho ta nhắm mắt tự hào, nhưng người đông như thế, thì chỉ chạy nhảy trong đất bụi, khi nhỏ không được xem là người, đến khi lớn lên, cũng không thành người được.

Ở Trung Quốc lấy vợ sớm là có phúc, đẻ con nhiều cũng là có phúc. Các em chỉ là tài liệu để chứng tỏ rằng cha mẹ các em có phúc, chứ không phải là mầm "con người" tương lai, cho nên cứ tùy tiện mà chạy nhảy, không ai để ý đến, bởi vì dù thế nào đi nữa, thì về mặt con số và tài liệu, vẫn nguyên đấy. Giả thử ngẫu nhiên cho các em đến trường học, thì tập quán trong gia đình và ngoài xã hội, tính nết của những người bề trên cũng như của bạn lứa, lại phần nhiều trái hẳn với giáo dục, vẫn cứ làm cho các em không thích hợp được với thời đại mới. Đến khi lớn lên, may còn sống sót, chẳng qua cũng lại "theo nếp cũ"[1], chiếu lệ trở thành kẻ chế tạo trẻ con, chứ không phải là kẻ làm cha "con người". Con đẻ ra vẫn không phải là mầm "con người".

Otto Weininger[2], người Áo, hết sức khinh phụ nữ ; ông ta chia phụ nữ ra làm hai loại, một loại là "đàn-bà-mẹ", một loại là "đàn-bà-đĩ". Theo cách phân loại này, thì nam giới cũng có thể chia làm hai loại, "đàn-ông-cha" và "đàn-ông-đĩ". Nhưng loại đàn-ông-cha lại có thể chia làm hai loại nữa, một là loại cha trẻ con, một là loại cha "con người". Loại thứ nhất chỉ biết đẻ, không biết dạy, vẫn mang ít nhiều đặc tính của đàn-ông-đĩ. Loại thứ hai đẻ con ra còn phải nghĩ cách giáo dục như thế nào mới có thể làm cho con tương lai thành được người hoàn toàn.

Cuối đời Thanh, khi tỉnh nọ mở trường Sư phạm, có một vị có tuổi nghe thấy rất lấy làm lạ, tức giận nói : "Đã là thầy mà lại còn phải đi học à ? Cứ thế này thì rồi sẽ có trường phụ phạm !", vị có tuổi đó cho rằng tư cách người làm cha chỉ là đẻ con mà thôi. Cái việc đẻ con thì tự nhiên biết, hà

---

(1) Nguyên văn : *"Nhưng cựu quán như chi hà, hà tất cải tác"*, đó là một câu trong sách *Luận ngữ*, thiên *Tiên tiến* : ý nói giữ cái cũ không cần phải thay đổi.

(2) *Otto Weininger* (1880 – 1903) : nhà triết học người Áo, một người ghét phụ nữ. Năm 1903 có xuất bản một cuốn sách công kích phụ nữ nhan đề là *Tính và tính cách*, trong đó ông ra sức chứng minh rằng phụ nữ thua kém nam giới.

tất còn phải học. Nhưng vị đó không biết ngày nay Trung Quốc chính cần phải mở trường phụ phạm đấy, mà vị đó ắt phải xin vào học năm thứ nhất, bậc sơ đẳng.

Bởi vì Trung Quốc chúng ta phần nhiều là cha trẻ con, cho nên từ nay về sau cần có những người cha "con người".

(1918)

35

Từ những năm cuối triều Thanh cho đến nay, thường thường nghe người ta nói câu "bảo tồn quốc túy".

Người những năm cuối triều Thanh nói câu đó đại khái có hai hạng : một là những chí sĩ ái quốc, hai là các ông quan lớn đi du lịch nước ngoài. Sau câu đó, bọn họ mỗi người có giấu một ý riêng. Các ông chí sĩ nói bảo tồn quốc túy ý là khôi phục lại sự vật cũ ; các ông quan lớn nói bảo tồn quốc túy ý là bảo bọn lưu học sinh không nên cắt đuôi sam đi.

Nay đã thành Dân Quốc rồi. Hai vấn đề nói trên hoàn toàn không còn nữa. Cho nên tôi không thể biết bây giờ nói câu đó là hạng người nào, sau câu nói đó là ẩn giấu ý gì.

Nhưng ý nghĩa chính diện của việc bảo tồn quốc túy, tôi cũng không rõ.

Thế nào gọi là "quốc túy" ? Theo mặt chữ mà nói, tất phải là cái chỉ một nước nào đó có, nước khác không có. Nói cách khác, là một cái đặc biệt. Nhưng đặc biệt vị tất đã nhất định là hay, tại sao lại phải bảo tồn ?

Thí dụ một người, trên mặt nổi một cục thịt thừa, trên trán mọc một cái nhọt, rõ ràng là khác người, tỏ ra người ấy có một vẻ đặc biệt, có thể kể là "túy" của người đó. Nhưng theo tôi, chi bằng cắt cái "túy" ấy đi, cho giống như người khác mà hơn đấy !

Nếu nói quốc túy của Trung Quốc là đặc biệt mà lại hay ho, thế thì tại sao bây giờ hỏng đến nước này ? Phái mới lắc đầu, phái cũ cũng than thở.

Nếu nói đó là vì không thể bảo tồn quốc túy, vì mở cửa bể, cho nên cần phải bảo tồn. Nhưng trước khi chưa mở cửa bể, toàn quốc đều là "quốc túy", đáng lý ra phải tốt, thế thì tại sao Xuân Thu, Chiến Quốc, Ngũ Hồ thập lục quốc lại rối loạn liên miên[1], người xưa cũng đều than thở ?

---

(1) *Xuân Thu, Chiến Quốc, Ngũ Hồ thập lục quốc :* những thời đại loạn lạc hoặc dị tộc xâm lấn.

Nếu nói đó là vì không học Thành Thang, Văn Vương, Võ Vương, Chu Công, thế thì tại sao chính thời Thành Thang, Văn, Võ, Chu Công cũng có Kiệt, Trụ bạo ngược và Ân ngoan nổi dậy[1] ? Về sau vẫn xảy ra tình trạng Xuân Thu, Chiến Quốc, Ngũ Hồ thập lục quốc rối loạn liên miên, người xưa cũng than thở.

Tôi có một người bạn nói rất đúng : "Muốn chúng ta bảo tồn quốc túy, thì quốc túy cũng phải có thể bảo tồn được chúng ta".

Bảo tồn được chúng ta quả là cái điều quan trọng bậc nhất. Chỉ cần biết nó có lực lượng để bảo tồn được chúng ta hay không, bất kể nó là quốc túy hay không quốc túy.

(1918)

47

Có người làm một miếng ngà voi, vuông mỗi bề nửa tấc, nhìn qua không thấy gì cả ; lấy kính hiển vi soi thì lại thấy khắc cả một bài *Lan đình tự* kiểu chữ hành thư[2]. Tôi nghĩ : kính hiển vi làm ra cốt để xem những vật cực nhỏ của giới tự nhiên ; bây giờ cái người làm ra, thì tội gì lại không khắc trên một miếng ngà voi vuông mỗi bề nửa thước, nhìn thấy ngay, khỏi phải dùng kính hiển vi, mất thì giờ ?

Trương Tam, Lý Tứ là người cùng một thời. Trương Tam nhớ điển cố để viết cổ văn, Lý Tứ cũng lại nhớ điển cố để đọc cổ văn Trương Tam viết. Tôi nghĩ : điển cố là những việc xảy ra thời cổ, muốn biết việc xảy ra thời đó, nên không thể không giở điển cố ra mà xem. Bây giờ hai người đã sống cùng một thời, tội gì không nói thẳng, hiểu được ngay, anh khỏi phải mất công nhớ điển cố, mà tôi cũng khỏi phải mất công nhớ đến điển cố ?

Người biết điều bảo : "Nói cái gì thế ? Đó là tài năng, đó là học vấn cơ mà !".

---

(1) Chu Võ Vương diệt Ân xong thì đem đất cũ nhà Ân chia làm ba phần giao cho ba em là Quản Thúc, Thái Thúc, Hoắc Thúc quản lĩnh, lại phong cho con Trụ là Võ Canh làm chư hầu và giao cho ba người kia giám sát. Võ Vương chết, ba người kia bất hòa với Chu Công, Võ Canh liền liên hiệp với các nước ở miền Đông, khởi binh đánh Chu. Chu Công xuất binh đông chinh, giết Võ Canh, dẹp được cuộc phản loạn. Những người Ân phản kháng lại sự thống trị của triều Chu lúc đó đều bị gọi là "ngoan dân" hoặc "Ân ngoan" (những người dân Ân ương ngạnh, phản nghịch).

(2) *Lan đình tự* : bài tựa tập *Lan đình* của Vương Hy Chi, đời Tấn. *Hành thư* : một lối viết tương đối đơn giản, do người đời Hán, Lưu Đức Thăng, đặt ra.

Tôi nghĩ, may mà người Trung Quốc có tài năng, học vấn như thế không nhiều lắm. Nếu ai cũng làm cái trò ảo thuật ấy, người nông dân đưa đến cho một hạt bột gạo, lấy kính hiển vi ra soi, thì thành một bát cơm ; người gánh nước đưa đến cho một cục đất thấm nước, muốn uống trà thì phải ép nước ở cục đất kia ra, như thế thì khó lòng sống nổi.

(1919)

49

Phàm động vật cao cấp, nếu không gặp biến cố gì bất ngờ thì đều bé rồi lớn lên, lớn lên rồi già, già rồi chết.

Chúng ta từ bé đến lớn, đã sống một cách không lấy gì làm lạ cả ; thì từ đó về sau, tất nhiên cũng nên sống một cách không lấy gì làm lạ mới phải.

Tiếc thay, có một hạng người, từ bé đến lớn, cũng đã sống một cách không lấy gì làm lạ rồi ; nhưng từ lớn đến già, lại sinh ra hơi kỳ quặc ; từ già đến chết lại càng kỳ quặc hơn ! Họ muốn choán hết đường đi của thanh niên, hút hết không khí của thanh niên.

Lúc đó, thanh niên chỉ có thể cứ vàng úa đi, đợi đến về già, sau khi thần kinh, huyết quản đều đã biến chất, mới bắt đầu hoạt động lại. Cho nên tình trạng trong xã hội như thế này : lúc đầu là những "cụ non", đến khi lưng còng, gối mỏi mới "hăng hái bay nhảy", tựa hồ tự đây về sau, mới bước chân lên con đường làm người.

Nhưng rút cục, cũng không thể quên được rằng mình đã già rồi ; cho nên mới nghĩ đến việc cầu thần tiên. Đại khái những người khác đều có thể già, chỉ có mình họ là nhân vật không chịu già. Thật phải nhường cho các cụ già Trung Quốc đứng số một về mặt đó !

Nếu các cụ thành được thần tiên thật, thì mời các cụ chủ trì mãi mãi cho, bất tất phải có lớp người hậu tiến nữa, cũng là việc rất hay. Đáng tiếc các cụ lại không thể thành thần tiên được, cuối cùng ngoẻo cả, chỉ để lại cái xã hội già nua mà các cụ đã tạo ra, bắt bọn thanh niên phải nai lưng mà chịu khổ.

Thật là một hiện tượng kỳ quái của giới sinh vật !

Tôi nghĩ, việc làm cho nòi giống trường tồn – tức là việc làm cho sinh mệnh tiếp tục mãi – đúng là một phần rất lớn trong sự nghiệp giới sinh vật. Tại sao mà phải trường tồn ? Không cần phải nói, đó là vì muốn tiến hóa.

Nhưng trên con đường tiến hóa, thế nào cũng phải cái mới thay thế cái cũ. Cho nên, cái mới phải vui mừng hớn hở mà tiến lên, tức là lớn lên, cái cũ cũng phải vui mừng hớn hở mà tiến lên, tức là chết đi. Ai ai cũng cứ như thế mà tiến, đó là con đường tiến hóa.

Người già tránh ra hai bên rồi thúc giục, khuyến khích để cho thanh niên bước tới. Trên đường có vực sâu hố thẳm, thì ai chết, lấy xác lấp bằng lại, để cho họ bước tới.

Thanh niên cảm ơn người già đã lấp bằng các hố sâu vực thẳm để cho mình đi tới ; người già cũng cảm ơn thanh niên đã vượt qua hố sâu vực thẳm mình lấp bằng để đi tới, xa hơn, xa hơn nữa.

Biết được điều đó, thì từ bé đến lớn, đến già, đến chết, chúng ta đều sống vui mừng hớn hở, và từng bước một ; phần lớn sẽ là những người mới, hơn hẳn ông cha.

Đó là con đường chính đáng, rộng rãi của giới sinh vật ! Tổ tiên của loài người đều đã làm như thế.

(1919)

66

CON ĐƯỜNG CỦA SỰ SỐNG

Nghĩ rằng nhân loại sẽ diệt vong thì cảm thấy đó là một việc hết sức quạnh quẽ, hết sức bi ai ; nhưng có nhiều người diệt vong thì lại chẳng phải là việc quạnh quẽ bi ai gì cả.

Con đường của sự sống là con đường luôn luôn tiến tới, cứ theo con đường dốc của hình tam giác tinh thần vô hạn độ mà lên mãi, không gì ngăn cản nổi.

Tạo vật còn đưa đến cho con người rất nhiều sự không điều hòa ; con người tự mình khô héo, đọa lạc, thoái bộ cũng còn rất nhiều, nhưng sự sống quyết không thể vì thế mà chùn bước. Bất cứ bóng đen nào đến hạn chế trào lưu tư tưởng, nỗi thê thảm nào đến giày vò xã hội, tội ác nào đến làm ô uế nhân đạo, sức mạnh tiềm tàng của con người khát vọng cái hoàn toàn cũng cứ giày xéo lên những cỏ tật lê[1] bằng sắt đó mà tiến lên.

---

(1) *Tật lê* : tên một thứ cỏ, có gai nhọn, có thể dùng làm thuốc.

Sự sống không sợ chết, cứ nhảy múa, vui cười trước cái chết, cứ bước qua những người diệt vong mà tiến lên.

Đường là gì ? Là giẫm mãi trên chỗ vốn không có đường mà thành, là phát quang chỗ lắm gai góc mà mở ra.

Trước kia vốn đã có đường, sau này mãi mãi cũng phải có đường.

Nhân loại quyết không thể tịch mịch, bởi vì sự sống là tiến bộ, là lạc quan.

Hôm qua, tôi nói với anh L bạn tôi : "Người nào chết, thì đối với bản thân người đó và bà con thân thuộc người đó là một việc đau thương, nhưng đối với người trong thôn, trong trấn, cũng chẳng là gì cả ; người một thôn, một trấn chết hết, đối với người trong phủ, trong tỉnh cũng chẳng là gì cả ; đến như một tỉnh, một nước, một chủng tộc...".

L rất không vui, nói : "Nature (tạo vật) có thể nói như thế, chứ người không thể nói như thế được. Anh nên xem chừng...".

Tôi nghĩ, anh ta nói cũng phải.

1919

(Tập ***Gió nóng***)

12. BỖNG NHIÊN NGHĨ TỚI*

3

Tôi chắc thần kinh của tôi có lẽ hơi rối loạn. Nếu không thì dễ sợ thật.

Tôi cảm thấy hình như đã lâu rồi không còn có cái gọi là Trung Hoa Dân Quốc nữa.

Tôi cảm thấy trước Cách mạng tôi là nô lệ ; sau Cách mạng không bao lâu, thì bị bọn nô lệ lừa bịp, biến thành nô lệ của chúng nó.

Tôi cảm thấy có nhiều quốc dân của Dân Quốc mà lại là kẻ thù của Dân Quốc.

Tôi cảm thấy có nhiều quốc dân của Dân Quốc mà giống như người Do Thái trú ở các nước Pháp, Đức v.v... Trong ý họ, họ có một nước khác.

Tôi cảm thấy máu của bao nhiêu liệt sĩ bị người ta giày đạp không còn vết tích đâu nữa, nhưng cũng không phải là cố ý.

Tôi cảm thấy cái gì cũng phải bắt đầu làm lại.

Thối lui chừng một vạn bước mà nói nhé ! Tôi hy vọng có người viết một bộ lịch sử xây dựng Dân Quốc thật tốt cho các bạn thiếu niên xem, bởi vì tôi cảm thấy nguồn gốc của Dân Quốc quả thực đã bị thất truyền rồi, mặc dù chỉ mới mười bốn năm !

12 tháng 2

(*) Dưới đề này có bốn bài đăng trên tờ phụ trương *Kinh báo*, ngày 17, 20 tháng 1 và 14, 20 tháng 2 năm 1925. Chúng tôi dịch hai bài.

4

Trước kia, nghe người ta nói *Nhị thập tứ sử*[1] chẳng qua chỉ là "sách chiến tranh", là "gia phả của người nào đó"[2], và cho là đúng. Về sau, tự mình xem thì thấy, cũng không hẳn như thế.

Trên lịch sử đều có nói đến linh hồn Trung Quốc, chỉ rõ vận mệnh tương lai, chỉ vì tô sức nhiều quá, lắm lời vô ích, cho nên rất khó lòng nhìn rõ. Cũng giống như ánh trăng chiếu xuống lớp rêu qua những kẽ lá dày, chỉ thấy những điểm lấm tấm mà thôi. Nhưng nếu xem dã sử và tạp ký thì dễ thấy rõ hơn, bởi vì tác giả những bộ sách đó không cần phải tỏ ra mình là sử quan lắm.

Đời Tần, đời Hán xa rồi, so với tình hình bây giờ khác nhiều, hãy không nói. Người đời Nguyên viết sách rất ít. Còn như tạp sử đời Đường, đời Tống, đời Minh, thì bây giờ còn nhiều. Hãy thử đem những việc ghi về thời Ngũ Đại, Nam Tống, Minh mạt so sánh với tình trạng hiện nay, thấy sao mà giống nhau đến thế, làm cho phải kinh hồn, tựa hồ như thời gian trôi qua nhưng riêng đối với Trung Quốc chúng ta thì không có liên quan gì cả. Trung Hoa Dân Quốc hiện nay cũng vẫn như thời Ngũ Đại, thời cuối Tống, thời Minh.

Lấy thời cuối Minh mà so sánh với hiện tại thì thấy tình hình Trung Quốc còn có thể hủ bại hơn, thối nát hơn, hung dữ hơn, tàn bạo hơn, hiện tại chưa có thể nói là đã đạt đến cực điểm. Nhưng sự hủ bại, thối nát cuối Minh cũng chưa đạt đến cực điểm, bởi vì còn có Lý Tự Thành, Trương Hiến Trung[3] nổi lên. Mà sự hung dữ tàn bạo của Lý, Trương cũng chưa đạt đến cực điểm, bởi vì còn có quân lính của Mãn Châu tiến vào nữa.

Lẽ nào cái gọi là quốc dân tính lại khó lòng thay đổi đến thế ư ? Nếu vậy thì vận mệnh tương lai như thế nào có thể mường tượng được, cũng lại là một câu quen thuộc : "Trước đã có rồi !".

Người thông minh quả thực là thông minh, cho nên, họ quyết không công kích cổ nhân, không làm lung lay cổ lệ. Việc cổ nhân từng làm, bất cứ cái

---

(1) *Nhị thập tứ sử* : tức hai mươi bốn bộ "chính sử" từ *Sử ký đến Minh sử* do thời Càn Long triều Thanh tuyển định.

(2) Nguyên văn : *Tương chước thư* (sách chiến tranh). *Độc phu đích gia phả* (sách nói về dòng họ một đời vua). Lương Khải Siêu trong cuốn *Trung Quốc sử giới cách mệnh án* có nói "Nhị thập tứ sử *không phải là sử mà chỉ là gia phả của hai mươi bốn họ mà thôi*".

(3) *Lý Tự Thành, Trương Hiến Trung* : lãnh tụ của những cuộc khởi nghĩa nông dân cuối Minh. Ở đây tác giả nói đến sự tàn bạo của họ là căn cứ theo những điều chép trong sử cũ do các nhà viết sử phong kiến phóng đại, không thật đã chính xác.

gì, người đời nay đều có thể làm được cả. Mà biện hộ cho cổ nhân cũng tức là biện hộ cho chính mình. Huống chi chúng ta là dòng dõi Thần Châu[1], dám đâu không theo "con đường của tổ tiên được"[2].

May mà cũng chẳng ai dám nói quả quyết mười phần rằng : quốc dân tính nhất định không thể thay đổi được ! Trong cái "bất khả tri" đó, tuy có thể có lệ ngoại sợ bị diệt vong – tình hình đó xưa nay chưa hề có – mà cũng có thể có lệ ngoại hy vọng được phục sinh, điều này hoặc giả có thể ủy thác cho những nhà cách mạng chút nào chăng.

Nhưng chút ủy thác đó cũng có thể tiêu tan dưới ngòi bút của bao nhiêu người khoe khoang văn minh cổ, chết chìm đi trong miệng của bao nhiêu người vu cáo văn minh mới, tắt ngấm đi trong ngôn ngữ hành động của bao nhiêu người giả mạo văn minh mới, bởi vì những thí dụ tương tự như vậy, "trước kia cũng đã có rồi".

Kỳ thực, những người đó là cùng một loại, đều là những người thông minh, và đều biết rất rõ ràng, Trung Quốc tuy đi đời rồi, nhưng tinh thần họ thì không có gì là khổ cả, bởi vì họ có thể thay đổi thái độ của họ cho thích hợp. Không tin, cứ xem những bài văn người Hán đời Thanh làm ca tụng các võ công, mở miệng ra là nói "đại binh", là "quân ta" ; bạn có thể ngờ rằng kẻ bị "đại quân" và "quân ta" đánh bại chính là người Hán hay không ? Bạn cứ tưởng đâu là người Hán đem binh đi tiêu diệt một dân tộc dã man hủ bại nào khác.

Nhưng những bọn người ấy thì vĩnh viễn là những người thắng lợi, và có lẽ cũng tồn tại mãi mãi. Ở Trung Quốc, chỉ có bọn họ là thích hợp với sự sinh tồn, và lúc họ sinh tồn, thì Trung Quốc mãi mãi không khỏi phải lật nhào cái vận mệnh trước kia của mình. "Đất rộng, của lắm, người nhiều", dùng bao nhiêu tài liệu tốt như vậy, lẽ nào lại chỉ cứ diễn mãi cái trò luân hồi mà thôi ư ?

Ngày 16 tháng 2 năm 1925

(Tập ***Hoa cái***)

---

(1) Trâu Diễn đời Chiến Quốc gọi Trung Quốc là Xích Huyện Thần Châu, đời sau thường gọi Trung Quốc là *Thần Châu*.

(2) Nguyên văn : *Thằng kỳ tổ vũ*. Chữ trong *Kinh Thi*, Đại nhã, thiên *Hạ vũ*, ý nói "tiếp tục đi theo con đường của tổ tiên".

13. BA LOẠI TRÙNG MÙA HÈ*

Gần mùa hè rồi. Sắp sửa có ba loại trùng : bọ chó, muỗi, ruồi.

Giá có người nào đặt ra câu hỏi, rằng trong ba loại đó, tôi yêu loại nào nhất, mà không được nói không yêu con nào, lại không được nộp quyển trắng như khi trả lời về "sách thanh niên cần đọc". Tôi đành phải lời là tôi yêu bọ chó.

Bọ chó hút máu, tuy đáng ghét, nhưng nó im ỉm cắn một miếng, dứt khoát, thẳng thắn biết mấy ! Muỗi thì không thế. Cho vòi cắm vào da, tất nhiên cũng cho là triệt để đấy, nhưng trước khi cắm vào, còn vo ve nghị luận một hồi đã, làm cho người ta phát ghét. Nếu vo ve như thế là để nói lên lý do, máu con người nên để cho nó ăn khỏi đói, thì lại càng đáng ghét nữa. May mà tôi không hiểu.

Con chim sẻ, con hươu, rơi vào tay người thì tìm hết cách thoát. Thật ra, trong chốn sơn lâm, trên có diều hâu, mặt cắt, dưới có hổ, sói, làm thế nào an toàn được như ở trong tay người ! Tại sao lúc đầu, chúng nó không chạy đến ở với loài người và bây giờ lại muốn trốn vào chỗ diều hâu, mặt cắt, hùm beo, lang sói ? Hay là diều hâu, mặt cắt, hùm beo, lang sói đối với chúng nó cũng giống như bọ chó đối với chúng ta chăng ? Bụng đói, bắt được là ăn, quyết không nói lý lẽ vu vơ. Kẻ bị ăn thịt, trước đó cũng không phải thừa nhận mình bị ăn thịt là đúng, vui vẻ, cảm phục, thể chết vẫn trung thành. Loài người thì lại sở trường về việc vo ve. Trong các điều hại nên chọn lấy điều hại nhỏ nhất ; chúng nó tránh loài người chỉ sợ chưa được nhanh. Quả thông minh thật.

Ruồi bay vù vù một hồi lâu, đậu xuống chẳng qua là hút một tí mồ hôi, nếu có vết thương hay mụn lở nào, tất nhiên là vớ bở. Bất cứ vật gì tốt,

---

* Bài này đăng lần đầu trên tuần báo *Văn nghệ dân chúng* tháng 4 năm 1925.

đẹp, sạch sẽ như thế nào, cũng cứ muốn phóng uế vào đấy. Nhưng bởi vì chỉ hút một tí mồ hôi, một tí ghét, người ta còn tê dại chưa thấy đau, nên cũng không để ý đến. Người Trung Quốc chưa biết rõ nó có thể truyền bá vi trùng, phong trào diệt ruồi cũng chưa lấy gì làm mạnh. Số mệnh chúng nó còn lâu dài ; chúng nó còn sinh sôi nảy nở.

Nhưng sau khi nó phóng uế trên những vật đẹp, tốt, sạch sẽ rồi, hình như nó chưa đến nỗi quay lại hớn hở chê rằng những vật kia bẩn. Cũng kể là còn có chút đạo đức.

Xưa nay các bậc quân tử thường lấy thú vật mà mắng chửi người, không biết rằng ngay loài côn trùng, cũng có nhiều cái phải học chúng nó.

Ngày 4 tháng 4 năm 1925

(Tập ***Hoa cái***)

14. BỖNG NHIÊN NGHĨ TỚI*

5

Tôi sinh ra hơi sớm. Ngay hồi các ông Khang Hữu Vi "dâng thư"(1), cũng đã lớn tuổi rồi. Sau cuộc chính biến, trong họ có bậc cha chú đã răn dạy tôi rằng : Khang Hữu Vi định thoán vị, cho nên mới đặt tên là Hữu Vi. *Hữu* tức là *"phú hữu thiên hạ"* (được cả thiên hạ), *Vi* tức là *"quý vi thiên tử"* (được làm thiên tử). Chẳng phải mưu đồ việc không chính đáng là gì ? Tôi nghĩ bụng, đúng như thế. Thật đáng ghét !

Lời răn dạy của bậc cha chú đối với tôi có một sức mạnh như thế, cho nên tôi cũng hết sức tuân theo lời gia giáo của những bậc có học hành. Im lặng cúi đầu, không dám làm gì cả, sợ sơ suất. Hai con mắt phải nhìn xuống hoàng tuyền, ngước lên nhìn trời là ngạo mạn, vẻ mặt thì phải giả vờ đần độn, nói cười tức là phóng túng. Tất nhiên tôi cho như thế là rất phải, nhưng có lúc trong bụng cũng muốn phản kháng lại. Phản kháng trong bụng, hồi đó, chưa xem là phạm tội, hình như cái luật tru tâm(2) chưa nghiêm như bây giờ.

Có điều, sự phản kháng trong bụng đó cũng là do người lớn gợi lên, bởi vì họ thì thường nói nói cười cười tùy tiện, chỉ cấm trẻ con mà thôi. Dân đen thấy Tần Thủy Hoàng sang trọng, nhưng người hay gây rắc rối như Hạng Võ thì nói : "Hắn, có thể lấy mà thay" ; người tầm thường như Lưu Bang

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ phụ trương *Kinh báo*, ngày 22 tháng 4 năm 1925.

(1) Năm Giáp Ngọ (1894), Trung Quốc đánh nhau với Nhật thất bại. Chính phủ Thanh phải ký điều ước Mã Quan hết sức nhục nhã. Khang Hữu Vi lúc đó đang ở Bắc Kinh thi Hội, liền tập hợp hơn một nghìn ba trăm cử nhân các tỉnh dâng lên nhà vua một bức thư yêu cầu biến pháp. Người ta gọi là *"công xa thượng thư"*. *Công xa* : chỉ những người cử nhân đến Kinh thi Hội (người đời Hán dùng xe công để đưa những người triều đình triệu tập, do đó có chữ *công xa*).

(2) *Luật tru tâm* : luật không xét đến tội trạng mà xét cái dụng ý.

thì lại nói : "Đại trượng phu chẳng phải nên như thế ư ?". Tôi là hạng người tầm thường, vì thấy họ nói cười tùy ý mà thèm, cho nên rất mong được làm người lớn ngay đi, – tuy ngoài ra cũng còn có những nguyên nhân khác nữa.

"Đại trượng phu chẳng phải nên như thế ư ?", đối với tôi, thì không khác là chỉ muốn khỏi phải giả vờ đần độn mà thôi, lòng mong mỏi đó chẳng lấy gì làm cao xa lắm.

Bây giờ, đáng mừng là tôi đã lớn rồi, điều đó chắc không ai phủ nhận được, dù dùng thứ *lôgic* cổ quái đến thế nào đi nữa.

Thế là tôi bỏ cái vẻ mặt đần độn đi, nói nói cười cười tự nhiên, nhưng không ngờ vấp ngay với mấy ông đứng đắn. Họ nói như thế làm cho họ "thất vọng". Tất nhiên tôi biết, trước kia là thế giới của người già, bây giờ là thế giới của người trẻ, nhưng không ngờ, người làm chủ thế giới tuy khác, mà việc cấm cười nói thì vẫn giống nhau. Thế thì, cái vẻ mặt đần độn của tôi vẫn lại cứ phải đeo vào, đeo vào cho "đến chết thì thôi". Có khổ hay không ?

Thế là tôi lại giận mình sinh ra hơi muộn. Sao không sinh sớm chừng hai mươi năm, vào cái thời mà người lớn còn được cười nói ? Quả thật "tôi sinh không gặp thời"[1], ở một thời đại đáng nguyền rủa, và ở một địa phương đáng nguyền rủa.

Giôn Min[2] nói : "sự chuyên chế làm cho người ta cười gằn" ; nhưng chúng ta thái bình vô sự lắm, đến cười gằn cũng chẳng cười. Tôi nghĩ : sự chuyên chế của một vị bạo quân làm cho người ta cười gằn, sự chuyên chế của dân ngu làm cho người ta có vẻ mặt đần độn. Mọi người chết dần chết mòn mà mình thì lại cho rằng như thế là việc vệ đạo có kết quả, như thế mới gần với người sống đứng đắn.

Trên đời nếu như còn có người thật sự muốn sống, thì trước hết phải dám nói, dám cười, dám khóc, dám giận, dám chửi, dám đánh ; ở cái nơi đáng nguyền rủa đánh lui cái thời đại đáng nguyền rủa đi !

Ngày 14 tháng 4 năm 1925

(Tập ***Hoa cái***)

---

(1) Nguyên văn : *Ngũ sinh bất thần* : một câu trong *Kinh Thi*.

(2) *John Mill* (1806 - 1873) : nhà kinh tế học và nhà triết học duy tâm, người Anh.

15. THƯ BẮC KINH*

Gửi hai anh Uẩn Nho và Bồi Lương[1].

Hôm qua nhận được hai số *Dự báo*[2], tôi mừng lắm, nhất là đọc tờ "phụ trương". Bởi vì cái tinh thần bồng bột trong đó thật quá sự tưởng tượng của tôi trước đây. Nghĩ mà xem : tiếng nói thanh niên từ Trung Châu[3], là nơi có một lịch sử lâu đời, truyền đến, phảng phất như báo trước cho biết cái nước cũ kỹ này sẽ sống lại, đó là điều đáng mừng biết mấy !

Giá thử tôi có sức, tất nhiên tôi nguyện đem ra cống hiến cho thanh niên Hà Nam, nhưng không may lực bất tòng tâm, bởi vì chính bản thân tôi cũng đang đứng trên một con đường hẻm, hay nói cho lạc quan hơn một tí, đang đứng giữa một ngã ba đường. Đứng trên đường hẻm thì cơ hồ khó lòng cất chân bước đi được, đứng giữa ngã ba đường thì còn có nhiều đường để mà đi. Bản thân tôi, thì tôi chẳng sợ gì hết, sinh mệnh tôi là của tôi, cho nên tôi không ngại mạnh dạn bước tới, theo con đường tôi cho là có thể đi được ; dù trước mặt là vực sâu, là gai góc, là hang chật, là hầm lửa, tôi chịu trách nhiệm cả. Nhưng nói với thanh niên thì khó lắm, nếu người mù, ngựa đui, dắt nhau vào chỗ nguy, như thế là tôi mắc tội mưu sát bao nhiêu người.

Cho nên, rút cục tôi vẫn không định khuyên thanh niên cùng đi con đường tôi đi ; tuổi tác, cảnh ngộ của chúng ta đều khác nhau, tư tưởng của chúng ta đại khái cũng không thể nhất trí. Nhưng giá nhất định cứ hỏi tôi, thanh niên nên hướng về mục đích nào, thì tôi chỉ có thể nói những điều tôi suy

---

* Bài này đăng lần đầu tiên trên tờ phụ trương *Dự báo* ngày 14 tháng 5 năm 1925.

(1) *Uẩn Nho* : tức Lữ Kỳ (đời sống không rõ). *Bồi Lương* : tức Hướng Bồi Lương, người thanh niên của *Cuống Viêm xã*, hồi đó hay viết bài đăng trên tờ *Măng nguyên*, về sau trở thành phản động, làm bồi bút cho bọn Quốc dân đảng, đề xướng phong trào văn học "dân tộc", văn nghệ "con người". Lỗ Tấn có nhắc đến trong bài *Nhìn qua giới văn nghệ Thượng Hải* (tập ***Hai lòng***).

(2) *Dự báo* : tờ nhật báo xuất bản ở Khai Phong, tỉnh Hà Nam hồi đó.

(3) *Hà Nam* : tức đất Dự Châu đời cổ đại. Dự Châu là một trong cửu châu, giữa cửu châu gọi là *Trung Châu*.

nghĩ cho người khác. Tức là : một, phải sống, hai, phải được no ấm, ba, phải được phát triển. Người nào dám trở ngại ba điều đó, bất cứ ai, chúng ta cũng chống lại, cũng tiêu diệt đi !

Nhưng còn phải nói thêm vài câu nữa cho khỏi hiểu nhầm, tức là, tôi nói sống, không phải là sống qua quýt ; nói no ấm không phải là xa xỉ ; nói phát triển không phải là phóng túng.

Xưa nay, Trung Quốc rất chú trọng đến việc sống còn, nào là *"Tri mệnh giả bất lập ư nham tường chi hạ"* (Người biết mệnh không bao giờ đứng dưới chân tường cao)[1], nào là *"Thiên kim chi tử tọa bất thùy đường"* (Đứa con nghìn vàng không ngồi dưới mái nhà)[2], nào là *"Thân thể phát phu thụ chi phụ mẫu bất cảm hủy thương"* (Thân thể tóc da đều do cha mẹ sinh ra, không dám làm hư hỏng đi)[3]. Có những bậc cha mẹ lại muốn cho con hút thuốc phiện, hút thì không đi đâu được, không lo khuynh gia bại sản. Nhưng hạng người đó, thì gia nghiệp quyết cũng không thể giữ lâu dài được, bởi vì như thế là sống qua quýt mà thôi. Sống qua quýt tức là bước đầu của cái cảnh không sống được, cho nên về sau thế là không sống được. Muốn sống, nhưng lại khiếp nhược, kết quả là phải chết. Những câu cách ngôn trong cổ huấn của Trung Quốc dạy người ta sống qua quýt như thế rất nhiều, nhưng người Trung Quốc cứ chết nhiều, người ngoại tộc cứ vào xâm lược, kết quả trái hẳn, đủ thấy chúng ta cần phải bỏ những câu cổ huấn đi, không thể chần chừ. Quả thực chẳng biết làm thế nào, bởi vì chúng ta muốn sống thật sự, chứ không phải là sống qua quýt.

Người Trung Quốc mặc dù có tưởng tượng ra nhiều cảnh lý tưởng để sống qua quýt, tiếc điều không hề thực hiện được. Nhưng tôi phát hiện giùm họ nơi này, các anh biết rồi chứ, tức là nhà lao số một ở Bắc Kinh. Nhà lao ấy ở miếng đất trống ngoài cửa Tuyên Võ, không sợ nhà hàng xóm cháy ; mỗi ngày hai bữa, không lo đói rét ; đi đứng, ăn ngủ đều có quy định, không sợ hại đến sức khỏe ; nhà cửa chắc chắn, không sợ sập ; có lính cấm coi sóc, không thể phạm tội lần nữa ; trộm cướp quyết không dám vào phá phách. Ở trong ấy, an toàn biết bao nhiêu ! Thật đúng là *"thiên kim chi tử tọa bất thùy đường"*. Nhưng thiếu có mỗi cái : tự do.

Cổ huấn dạy cho ta cách sống như thế, dạy cho ta không được làm gì cả. Không làm gì tất nhiên là ít sai lầm, nhưng đá, bùn, cát là những vật

---

(1) Câu này dẫn ở sách *Mạnh Tử*, thiên *Tâm tâm*.
(2) Câu này dẫn ở sách *Sử ký*.
(3) Câu này dẫn ở sách *Hiếu kinh*.

không sống, chẳng phải là càng ít sai lầm hơn biết mấy ? Tôi cho rằng con người ta vì nhằm mục đích đi lên phía trước, tức là phát triển, cho nên phải hoạt động, hoạt động mà có mắc sai lầm, cũng không hề gì. Chỉ có sống qua quýt, nửa sống, nửa chết, mới là sai lầm hoàn toàn. Bởi vì như thế là treo cái chiêu bài sống, nhưng kỳ thực là dẫn người ta vào con đường chết.

Tôi nghĩ, chúng ta thế nào cũng phải đưa thanh niên ra khỏi chốn lao tù, nguy hiểm trên đường đi, tất nhiên có, nhưng đó là những nỗi nguy hiểm ngẫu nhiên và, vì mưu cầu sự sống, không thể nào tránh được. Muốn tránh đi, tức là phải sống cái cuộc sống kiểu trong nhà lao số một mà người xưa mong ước ; có điều những tội nhân ngồi thật sự trong nhà lao số một đều muốn được thả ra, sớm ngày nào hay ngày ấy, mặc dù ở ngoài không làm gì an toàn bằng ở trong ấy được.

Trời Bắc Kinh ấm lại rồi, tôi có trồng mấy gốc đinh hương ngoài sân, sống cả. Lại còn mấy gốc du diệp mai nữa, đến nay vẫn chưa thấy nẩy mầm, không biết có sống không.

Hôm qua có xảy ra một vụ rắc rối nho nhỏ[1], nhiều học sinh bị thương. Nghe nói có người chết, không biết có đích xác không. Thật ra, cứ để cho họ hội họp kết quả chẳng qua chỉ là hội họp mà thôi. Bởi vì lấy sức mạnh mà áp bức, thành ra xảy những chuyện nghiêm trọng hơn chuyện hội họp. Cuộc cách mạng Nga chẳng phải là bắt đầu từ con đường ấy mà bùng nổ ra hay sao ?

Đêm khuya rồi, dừng bút lại đây nhé, sau sẽ nói chuyện.

Đêm ngày 8 tháng 5 năm 1925
LỖ TẤN

(Tập ***Hoa cái***)

---

(1) Ngày 7 tháng 5 năm 1925, học sinh các trường Bắc Kinh kỷ niệm ngày quốc sỉ (tức ngày 7 tháng 5 năm 1925, Nhật Bản gửi tối hậu thư cho Viên Thế Khải yêu cầu thừa nhận điều ước bán nước) và truy điệu Tôn Trung Sơn, định tập hợp trước Thiên An Môn. Nhưng Bộ Giáo dục chính phủ Bắc Dương biết trước, bèn thông tri đi các trường không cho học sinh nghỉ, Cục cảnh sát cũng cho lính gác ở các cổng trường, cấm học sinh đi ra. Do đó mà trưa hôm ấy học sinh xô xát với lính cảnh sát ở các cổng trường và ở Thiên An Môn. Nhiều người bị thương. Chiều, học sinh biểu tình kéo đến nhà tổng trưởng Giáo dục Chương Sĩ Chiêu, chất vấn lý do vì sao lại trấn áp phong trào yêu nước của học sinh. Lại xung đột với cảnh sát. 18 người bị bắt.

16. BỖNG NHIÊN NGHĨ TỚI*

10

Bất cứ ai, nếu đứng vào địa vị người phân bua, dù biện bạch được hay không, cũng đều là đã chịu khuất phục rồi. Huống chi sau khi phải chịu một sự tổn hại to lớn trên thực tế mà còn đến phân bua.

Dân chúng ta ở tô giới Thượng Hải bị bọn cảnh sát Anh ở đấy bắn giết[1], chúng ta không đánh lại, mà trước hết vội vã tẩy rửa tội lỗi của những người bị hy sinh, nói rằng chúng ta không phải "bị xích hóa", bởi vì không phải do một nước nào xúi giục, rằng chúng ta không phải là "quân bạo động", bởi vì chúng ta tay không, không có vũ khí. Tôi không hiểu tại sao người Trung Quốc, nếu quả thực chúng ta xích hóa Trung Quốc, nếu quả thực chúng ta bạo động ở đất Trung Quốc, lại phải bị người Anh bắt xử tử hình ? Còn nhớ người Hy Lạp mới cũng từng lấy vũ khí đối phó với người Thổ Nhĩ Kỳ trên đất họ, nhưng không ai gọi là "quân bạo động" cả ; nước Nga rõ ràng đã xích hóa bao nhiêu năm rồi cũng không bị nước khác bắn để trừng phạt. Độc có người Trung Quốc, sau khi dân thành phố Thượng Hải bị giết, còn phải hoảng hốt phân bua, giương những con mắt oan ức lên nhìn thế giới, trông chờ công lý.

Thật ra, nguyên nhân cũng dễ hiểu thôi, bởi vì chúng ta không phải là quân bạo động mà cũng chưa xích hóa.

Do đó, chúng ta cảm thấy oan ức, và hô lên rằng cái văn minh giả đã phá sản rồi. Nhưng văn minh thì xưa nay cứ vẫn thế, không phải đến bây giờ mặt nạ mới bị lật. Chỉ vì sự tổn hại ấy trước đây các dân tộc khác phải chịu, chúng ta không biết, hoặc giả chúng ta cũng đã có chịu nhiều lần rồi,

---

* Bài này đăng lần đầu trên báo *Dân chúng văn nghệ chu san* ngày 16 tháng 6 năm 1925. Dưới đầu đề này có nhiều bài khác nhau.

(1) Chỉ vụ án ngày 30 tháng 5 năm 1925, sau đó có phong trào gọi là phong trào *Ngũ tạp*.

nhưng bây giờ quên chăng. Một nền văn minh trong đó công lý được hợp với vũ lực làm một chưa hề xuất hiện trên thế giới ; mầm của nó hoặc giả chỉ mới có trong đầu óc những người tiên phong và những dân tộc bị áp bức mà thôi. Có điều lúc mình đã có lực lượng rồi, thì thường thường mình lại tách ra làm hai.

Nhưng nước Anh vẫn có những người văn minh thật. Hôm nay, chúng ta thấy Hội Hậu viện công nhân quốc tế, do những người lao động của giai cấp trí thức không đảng phái các nước tổ chức, ra "Tuyên bố gửi quốc dân Trung Quốc" đồng tình với Trung Quốc[1]. Trong những người ký tên, nước Anh có Becna So[2], mà những người ở Trung Quốc lưu tâm đến văn học thế giới đại để đều có biết tên tuổi ; nước Pháp thì có Hăngri Bacbuyt[3], Trung Quốc cũng đã có dịch tác phẩm của ông. Mẹ ông lại là người Anh ; có kẻ nói vì thế mà ông bẩm sinh có những nhân tố thực tiễn ; cái phong cách hưởng lạc thường thấy ở các nhà văn Pháp, trong tác phẩm của ông, không có chút nào. Bây giờ họ đều vì Trung Quốc mà đứng ra tỏ lòng bất mãn của họ, cho nên tôi cảm thấy phẩm chất của người Anh còn có nhiều điểm để cho chúng ta học tập, – nhưng tất nhiên trừ bọn cảnh sát, bọn con buôn và những mụ đầm thấy học sinh biểu tình thì đứng trên nhà lầu vỗ tay chế giễu.

Tôi không nói chúng ta nên "yêu thù như bạn", nhưng tôi nói bây giờ chúng ta quả thật chưa nhận ra ai là kẻ thù của mình. Gần đây trên báo chí, tuy thỉnh thoảng cũng có câu "nhận rõ kẻ thù", nhưng đó là bệnh hành văn quá hăng mà thôi. Nếu có kẻ thù, thì chúng ta đã rút dao đứng dậy, đòi "lấy máu đền nợ máu" rồi. Nhưng bây giờ chúng ta đòi cái gì ? Phân bua xong,

---

(1) Ngày 6 tháng 6 năm 1925, Hội Hậu viện công nhân quốc tế, nhân vụ thảm sát ngày 30 tháng 5, có gửi từ Bá Linh một bức điện sang Trung Quốc nói : *"Hội Hậu viện công nhân quốc tế gồm 50 triệu hội viên đều là những người lao động chân tay và trí óc da trắng. Bây giờ chúng tôi đại diện cho toàn thể hội viên tuyên bố : trong vụ bọn đế quốc ăn cướp da vàng và da trắng, tàn sát công nhân và học sinh Trung Quốc hòa bình, chúng tôi nhất trí đấu tranh cùng các bạn. Chúng tôi không có quan hệ gì với bọn người cướp đoạt nhân dân Trung Quốc, cũng đồng thời là cướp đoạt chúng tôi. Ngoài nước, chúng định làm nhục dân tộc các bạn, trong nước, chúng áp bức giai cấp chúng tôi. Chúng tôi có đoàn kết chống lại chúng nó, thì mới bảo toàn được cho chúng ta... Kẻ thù của các bạn cũng là kẻ thù của chúng tôi, cuộc chiến đấu của các bạn cũng là cuộc chiến đấu của chúng tôi. Thắng lợi tương lai của các bạn cũng là thắng lợi của chúng tôi"*. Bernard Shaw và Henri Barbusse đều là ủy viên trung ương Hội đó !

(2) *Bernard Shaw* (1856 – 1950) : nhà viết kịch, nhà phê bình, người Anh. Ông rất ủng hộ Liên Xô. Năm 1933 có sang Trung Quốc.

(3) *Henri Barbusse* (1874 – 1935) : nhà viết tiểu thuyết người Pháp. Trong cuộc Đại chiến lần thứ nhất, ông đứng trên lập trường quốc tế vô sản, hết sức vận động chống lại chủ nghĩa đế quốc, ủng hộ Liên Xô. Năm 1922, gia nhập Đảng Cộng sản Pháp.

chẳng qua là muốn được bồi thường ít nhiều ; cái biện pháp đó tuy nói có những mười mấy điều khoản[1], nhưng tóm lại chỉ là "không đi lại với nhau nữa", xem như "khách qua đường" mà thôi. Đối với một người bạn hết sức thân, e cũng đến thế là cùng.

Nhưng, nói thật, tức là bởi vì công lý và thực lực chưa được hợp làm một, mà chúng ta thì chỉ nắm được công lý, cho nên đâu đâu chúng ta cũng thấy toàn là bạn, dù họ có tự ý giết hại chúng ta.

Nếu chúng ta vĩnh viễn chỉ có công lý, thì chúng ta sẽ phải vĩnh viễn ra sức mà phân bua, suốt đời bận rộn một cách vô ích. Mấy hôm nay trên tường còn thấy dán mấy tờ giấy, hình như kêu gọi chớ xem tờ *Thuận Thiên thời báo*[2] thì phải. Tôi trước nay ít xem tờ báo đó, cũng không phải là vì "bài ngoại", thực tế là vì những cái nó yêu ghét đều khác với tôi cả. Nhưng thỉnh thoảng cũng có những lời rất đúng, vì người Trung Quốc tự mình không chịu nói. Vào khoảng hai ba năm trước, nhân lúc có phong trào yêu nước, ngẫu nhiên tôi đọc một bài xã luận trên báo đó, đại ý nói, một nước gặp lúc suy thường có hai dạng người ý kiến khác nhau. Một là những người chủ trương dân khí, nặng về cái khí khái của quốc dân, hai là những người chủ trương dân lực, chuyên chú trọng thực lực của quốc dân. Hạng trước nhiều thì cuối cùng nước sẽ suy, hạng sau nhiều thì nước sẽ mạnh. Tôi nghĩ, điều đó rất đúng ; và chúng ta nên ghi nhớ trong lòng.

Đáng tiếc Trung Quốc xưa nay chỉ có người chủ trương dân khí là nhiều, đến bây giờ vẫn thế. Nếu cứ thế mãi, không thay đổi, thì *"tái nhi suy, tam nhi kiệt"*[3] tương lai, đến phân bua cũng không còn sức mà phân bua nữa. Cho nên trong lúc bất đắc dĩ tay không mà cổ vũ dân khí, thì đồng thời phải đặc biệt tìm cách tăng thêm thực lực của quốc dân, và còn phải mãi mãi làm như thế.

Do đó, cái gánh của thanh niên Trung Quốc nặng gấp mấy lần thanh niên nước khác. Bởi vì cổ nhân chúng ta đã đem hết tâm lực dùng vào những việc huyền ảo, phiêu diêu, bình yên vô sự mất rồi, để lại những việc khó

---

(1) Sau vụ 30 tháng 5, Hội Liên hiệp công nhân, thương nhân, học sinh Thượng Hải có ra một tuyên ngôn đưa ra bốn điều kiện kiên quyết làm tiền đề cho cuộc đàm phán và mười ba điều khoản chính thức : như tự do tổ chức công hội, tự do bãi công, bỏ quyền lãnh sự tài phán v.v...

(2) *Thuận Thiên thời báo* : tờ báo của người Nhật xuất bản ở Bắc Kinh từ năm 1901 đến năm 1928 thì đình bản.

(3) Dẫn ở sách *Tả truyện* : *Phù chiến, dũng khí dã, nhất cổ tác khí, tái nhi suy, tam nhi kiệt*. (Chiến tranh là dựa vào dũng khí, đánh trống lần thứ nhất, thì sĩ khí phấn chấn, lần thứ hai yếu dần, lần thứ ba mất hẳn).

khăn, thiết thực, đợi người sau làm bù, cần phải một người làm việc của hai ba người, bốn năm người, mười, một trăm người. Bây giờ đã đến lúc thử thách rồi đấy. Đối thủ lại là người Anh kiên cường, núi đó có đá tốt, rất có thể dùng để rèn luyện. Giả thử hiện nay những thanh niên giác ngộ trung bình là hai mươi tuổi, lại giả thử cứ tính là người Trung Quốc dễ suy nhược, thì ít nhất cũng còn có thể cùng nhau kháng cự, cải cách, phấn đấu ba mươi năm. Không đủ, thì lại một thế hệ, hai thế hệ nữa. Con số ấy, từng cá nhân nhìn, thì hình như dễ sợ lắm, nhưng nếu chỉ từng ấy mà đã sợ, thì không có cách nào chạy chữa được nữa, đành cam tâm chịu diệt vong mà thôi. Bởi vì trong lịch sử một dân tộc, đó chỉ là một khoảng thời gian cực kỳ ngắn ngủi, ngoài ra không có con đường tắt nào nhanh hơn. Chúng ta không cần phải trù trừ, cứ tự rèn luyện, tự mưu cầu sự sống, cứ làm, không có ác ý với ai cả.

Nhưng hiện tại có ba nguy cơ đủ phá hoại không cho phong trào ấy giữ vững được : một là ngày đêm cứ lo tuyên truyền bề ngoài, khinh rẻ việc khác ; hai là đối với đồng loại, quá nóng vội, hơi không hợp với mình thì cho là giặc, là nô lệ người phương Tây ; ba là có những người xảo trá, lại lợi dụng cơ hội để kiếm cái lợi trước mắt cho bản thân mình.

Ngày 11 tháng 6 năm 1925

(Tập ***Hoa cái***)

17. NHỮNG LỜI VỤN VẶT*

Nếu chỉ một mình mình thì đều được tất : cái tôi hôm nay chống lại cái tôi hôm qua, cũng được, hôm nay nói thế này ngày mai nói thế kia, cũng được. Nhưng hay nhất là chỉ nên nghĩ trong óc mình, nên nói trong nhà mình thôi ; hoặc giả nói với người yêu cũng chẳng sao, dù thế nào nàng cũng "ai chả" một tiếng tỏ lòng khâm phục, mà không một người thứ ba nào nghe cả. Chỉ là, nếu mình không giữ gìn thận trọng, cứ lần lượt đem đăng lên báo, tự xưng là "lãnh tụ" "chính nhân quân tử" và gọi những cái đó là "tư tưởng" là "công luận", thì khó lòng tránh khỏi có ít nhiều người mắc vạ. Tất nhiên, phàm có sự thay đổi thần diệu, thì trái lại đủ thấy học giả văn nhân là tiến bộ nhanh như gió. Huống chi trên văn đàn vốn có cái lệ "cho quan châu đốt nhà mà không cho bách tính thắp đèn"(1), đã bất hạnh làm người tầm thường, thì phải hy sinh một chút cho các bậc thiên tài, và nên làm cho hết nghĩa vụ. Ai bảo không nghiên cứu hoặc không sáng tác được ? Khổ là đáng kiếp lắm. Chỉ có thế mà thôi.

Thế nhưng, đó là lý luận cao siêu của các bậc thiên tài hoặc là của bọn nô lệ các bậc thiên tài. Người tầm thường thì lại thấy nói như thế, tuy hợp với lý, nhưng trái với tình, bởi vì "loài kiến bọ cũng tham sinh", đó là một lời dạy sáng suốt của cổ nhân. Cho nên tuy là người tầm thường, cũng muốn sống ít lâu, muốn vui một chút. Không chừa được cái tính hay lo những chuyện đâu đâu, là nguyên nhân làm cho họ khổ. Ngồi ở nhà yên chuyện biết mấy, đằng này lại cứ muốn đi ra tìm những bậc thầy đưa đường chỉ lối,

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Mành tiến*, ngày 8 tháng 1 năm 1926.

(1) Hai câu tục ngữ này lấy ở tích Diễn Đăng đời Tống. Trong cuốn *Lão học am bút ký* của Lục Du, đời Tống, có kể mẩu chuyện như sau : Diễn Đăng làm quan châu, kiêng tên mình, ai xúc phạm đến thì giận, bọn thừa lại lính tráng đều bị đánh đập, thế là toàn châu đều gọi "đăng" (đèn) là "hỏa" (lửa). Tiết Thượng Nguyên, có lệ thắp đèn suốt đêm (phóng đăng), có rất nhiều người đến châu đi xem. Bọn thừa lại yết thị nói : "Bản châu theo lệ thường "phóng hỏa" ba ngày". (Vì kiêng chữ *đăng* nên *"phóng đăng"* thì lại viết *phóng hỏa, thắp đèn* thành ra *đốt nhà*).

nghe những lời bàn luận theo công lý. Các tác giả văn nhân là những người một ngày tiến bộ biến hóa hàng nghìn lần, thiên hạ đều đi theo sau họ. Họ đi quành một vòng nhỏ thì anh phải đi quành một vòng to. Họ đứng giữa trung tâm mà xoay, còn anh thì phải xoay theo vòng tròn, mồ hôi chảy ướt đầm đìa mà cuối cùng không hiểu làm sao lại như thế. Điều đó tất nhiên không đợi bói toán rồi mới biết.

Việc gì cũng phải làm, làm, làm ! đó tất nhiên là một câu danh ngôn, nhưng nếu có một người điên đi mua một khẩu súng lục, thì tất sẽ phải hối hận những điều sai lầm trước của mình, và tiến lên một bước, tỉnh ngộ thấy muốn cứu nước thì trước hết phải học đã. Đó tất nhiên cũng là một câu danh ngôn nữa[1]. Không cần phải nhiều lời, cứ theo lời dạy mà chui vào phòng nghiên cứu. Chờ một ngày kia, phát hiện ra được một ngôi sao Chổi mới[2], hoặc biết Lưu Hâm vốn không phải là con Lưu Hướng[3] rồi, anh chạy ra cứu nước, nhưng lúc ấy cái người giác ngộ trước đó đã "như hạc vàng vắng bóng rồi", tìm tới tìm lui, có lẽ sẽ tìm thấy trong một rạp tuồng nào đó. Anh không nên khinh bỉ *"tiểu đông nhân i... i... iii"*[4], đó là nghệ thuật. Nghe nói "người không phải chỉ là một con vật có lý trí" ; phải là "người phát triển đầy đủ về mọi mặt mới là người hoàn toàn", nhà học giả đến rạp tuồng là "đi tìm cái đẹp về mặt tình cảm đấy"[5]. "Người học trò nhỏ" trở thành "tiên sinh", từ phòng nghiên cứu chui ra, có lẽ cũng có một ít tư cách cứu nước đấy, nhưng không ngờ lại còn là một vật dị dạng, mọi mặt về tinh thần chưa được phát triển đầy đủ. Thật đáng thương quá !

Thế thì, đi xem tuồng ngay đi, tìm lấy mọi vẻ đẹp, thế nào ? Ai biết được đâu đấy ! Có lẽ nhà học giả nọ đã ra khỏi rạp tuồng rồi, học thuyết

---

(1) Những câu "danh ngôn" lạ lùng này là của Hồ Thích. Năm 1921, trên tạp chí *Tân thanh niên*, ông ta có một bài thơ đề là *Bài ca nấm mồ bốn liệt sĩ không có bia* trong đó có câu "Tạc đạn ! tạc đạn" "Làm ! làm ! làm !". Về sau, năm 1925, trong một bài đề là *Phong trào cứu nước và việc cầu học* đăng ở báo *Hiện đại bình luận*, ông ta lại chủ trương rằng muốn cứu nước thì phải học đã.

(2) Đây cũng là một câu nói của Hồ Thích, Lỗ Tấn nhắc lại. Trong bài *Bàn về quốc cố học*, năm 1919, Hồ Thích có nói : *Tìm ra nghĩa cổ của một từ, công lao cũng vĩ đại như tìm ra một vị hằng tinh.*

(3) *Lưu Hướng, Lưu Hâm :* hai cha con, đều là những học giả có tiếng đời Hán. Câu này tác giả nói "không phải là con" là có ý chế nhạo những nhà khảo cứu hồi đó không có những bằng cứ chắc chắn, chỉ đưa ra những lời khẳng định tầm bậy, và cũng chế nhạo việc sưu tầm nghiên cứu vô ích.

(4) Đây là một câu hát trong một vở kinh kịch.

(5) Tác giả nhắc lại một câu của Trần Tây Oánh đăng trong *Hiện đại bình luận*. Câu đó như sau : *"Con người không phải chỉ là một động vật có lý trí, về thể cách, con người cần phải cho khỏe mạnh, về xã hội cần có một sự đồng tình, về tình cảm cần mọi thứ đẹp, người phát triển đầy đủ về mọi mặt mới là người hoàn toàn".*

của ông ta đã theo ông ta tiến lên rồi (người đời gọi là thay đổi, nhưng không phải).

Ông Scôpenhao[1] một thời nổi danh vì sự chán đời ; nhưng gần đây các nhà trí thức Trung Quốc lại chỉ thưởng thức mỗi cuốn *Bàn về phụ nữ* của ông ta mà thôi[2]. Quả thật, những lời ông ta nói xấu phụ nữ tuy hợp với tì vị của các nhà trí thức đấy, nhưng những lời khác thì thật có chỗ không thích nghi với chúng ta chút nào cả. Tức như trong chương *"Đọc sách và sách"* có nói : "Lúc chúng ta đọc sách, là người khác suy nghĩ giùm cho ta. Chẳng qua chúng ta chỉ lặp lại quá trình suy nghĩ của tác giả... Nhưng nói cho thật thì lúc đọc sách, không phải là lúc trí óc chúng ta tự nó hoạt động. Đó là bãi chiến trường của tư tưởng người khác mà thôi". Nhưng các học giả văn nhân chúng ta thì lại cần có những bãi chiến trường như thế, – đầu não của những thanh niên chưa từng trải. Nhưng cũng không phải là để chiến đấu với một kẻ địch mạnh nào khác trên chiến trường đó, mà là để cái tôi hôm nay chiến đấu với cái tôi hôm qua ; cái tay "đạo nghĩa" tát cái má "công lý", nói thông tục hơn một chút, tức là tự mình tát tai mình. Người làm cái bãi chiến trường đó, làm sao có thể biết rõ được như thế nào nữa !

Trong tháng này, không biết thế nào mà có mấy nhà học giả văn nhân hoặc là nhà phê bình, hồn xiêu phách tán đâu mất, hình như họ vừa mới chui từ bụng mẹ ra cuối tháng trước, không hề biết gì về những chuyện xảy ra trước tháng Mười hai năm Dân Quốc thứ mười bốn cả. Nữ sinh viên trường Đại học Nữ Sư phạm Bắc Kinh trở lại trường sở của họ bị chiếm, thì có người liền lấy đó làm chứng, nói rằng Trương râu hoặc Lý râu có thể "phái lính đưa một hai trăm học sinh đến chiếm trường Đại học Bắc Kinh của hai ba ngàn sinh viên"[3]. Nếu như thế, thì sinh viên trường Đại học Bắc

---

(1) *Schopenhaueur.*

(2) Đây là một quyển sách mạt sát người phụ nữ, rất phản động, hồi đó dịch đăng trên phụ trương *Thần báo*, có cả bài tựa của Từ Chí Ma nữa.

(3) Đây Lỗ Tấn nhắc lại việc đấu tranh của nữ sinh viên trường Đại học Nữ Sư phạm Bắc Kinh. Sau khi bị bọn Chương Sĩ Chiêu cho người đến kéo chị em ra khỏi trường thì chị em thuê nhà một nơi khác làm trường học. Tháng 11 năm ấy, Chương Sĩ Chiêu bị cách chức, cuối tháng, chị em lại trở về trường sở cũ. Trần Tây Oánh liền viết bài công kích. Trong mục *Nói chơi*, tờ *Hiện đại bình luận*, y viết : "Trường Đại học có ba trăm năm mươi nữ, trường Đại học nữ Sư phạm có bốn chục người, bất cứ là hợp nhất hay phân tán ra thì số sinh viên trường Đại học nhiều gấp tám lần, nhất định không lý nào lại nhường trường sở của mình to hơn cho trường Đại học Nữ Sư phạm cả". Y vu cáo rằng : "Nữ sinh trường Đại học Nữ Sư phạm trở về là dùng bạo lực chiếm cứ trường sở của trường Đại học, cho nên y nói : nếu một ngày kia, ông Trương râu hay Lý râu nào chiếm Bắc Kinh rồi cho hai trăm học sinh đến chiếm trường Đại học có hai ba nghìn sinh viên, ông ta sẽ nói chẳng qua tôi chỉ làm theo biện pháp mà giới giáo dục của các anh phát minh ra, các anh còn nói gì nữa !".

Kinh nên nổi dậy mà tiêu diệt nữ sinh viên trường Đại học Nữ Sư phạm đi, để cho Trương râu hoặc Lý râu khỏi viện đó làm cái cớ bảo toàn cho trường sở của mình. Nhưng tôi nhớ trường Đại học Bắc Kinh vừa mới làm lễ kỷ niệm hai mươi bảy năm thành lập trường, lịch sử thành lập trường không phải là do Chương Sĩ Chiêu kéo hai trăm học sinh do Trương râu, Lý râu cắm đầu ra, rồi lập thành trường Đại học Bắc Kinh, tuyển ba nghìn sinh viên vào, để che mắt thiên hạ. Sự so sánh đó đang quanh quẩn trong đầu óc thanh niên. Mùa hè, có thể nói là mùa "phong trào khiêu khích". Nhưng có lẽ giới phê bình có lúc cũng "chỉ cho quan châu đốt nhà mà không cho bách tính thắp đèn", thật có giống như các bậc thiên tài trên văn đàn vậy.

Hay nhất là các học giả văn nhân có cái đặc quyền này ; hàng tháng, hàng ngày, mình chiến đấu với mình – tức là mình tát tai mình, tránh khỏi tình trạng người tầm thường không biết, cho như người khác, lầm tưởng là "nói chơi" một chút, mà cũng nói không rõ ràng gì cả.

Ngày 22 tháng 12 năm 1925

(Tập ***Hoa cái***)

18. MỘT ÍT SO SÁNH*

Ở quê tôi ít ai ăn thịt cừu, cả thành mỗi ngày chỉ giết mấy con sơn dương. Bắc Kinh người đông, tình hình khác hẳn, riêng quán bán thịt cừu đi đâu cũng gặp, từng đàn cừu, lông trắng như tuyết, đi chật đường phố, nhưng toàn là hồ dương, ở vùng chúng tôi gọi là cừu bông. Sơn dương thì ít thấy ; nghe nói ở Bắc Kinh thứ này lại rất quý, vì nó thông minh hơn hồ dương, có thể dẫn đầu cả đàn, đi tới hay đứng lại đều theo nó cả, cho nên những nhà chăn nuôi tuy thỉnh thoảng cũng có nuôi vài con, nhưng chỉ dùng để lãnh đạo bọn hồ dương mà thôi, chứ không giết ăn thịt.

Loại sơn dương ấy, tôi chỉ mới thấy có một lần. Quả thật nó đi trước cả đoàn hồ dương, cổ đeo một cái nhạc nhỏ, làm cái huy hiệu của giai cấp trí thức. Thông thường thì có người chăn dắt đi, cả bầy hồ dương xếp thành từng hàng dài, chen chúc nhau, lớp này lớp khác, giương hai con mắt lờ đờ, thuần thục, theo sát người chăn, đua nhau đi về phía trước. Cứ mỗi lần tôi thấy chúng nó vội vã, nghiêm túc như thế, trong bụng lại muốn hỏi chúng nó một câu hết sức ngớ ngẩn : "Đi đâu thế ?!".

Giữa người ta, cũng rất có thể có những con sơn dương như thế, có thể dẫn dắt quần chúng đi một cách ổn thỏa, bình tĩnh đến chỗ họ phải đến. Viên Thế Khải có biết ít nhiều cái trò đó, tiếc là dùng không được khéo lắm, có lẽ vì ông ta ít học, cho nên cũng khó lòng biết được thành thạo cách sử dụng những cái huyền diệu như thế. Những tên võ biền về sau thì lại càng ngu xuẩn, chỉ biết ra tay đánh đập, giết hại loạn xạ, đến nỗi tiếng van khóc inh ỏi cả tai. Kết quả là ngoài việc tàn sát bách tính ra, còn có được cái tiếng xấu là xem thường học vấn, bỏ bễ giáo dục. Nhưng "trải qua một việc, khôn lên một ít", thế kỷ thứ hai mươi đã qua một phần tư rồi, bọn người thông minh cổ đeo nhạc vẫn cứ muốn gặp vận đỏ mãi, mặc dù bây giờ bề ngoài không khỏi có đôi điều cản trở nho nhỏ.

---

* Bài này đăng lần đầu trên báo *Măng nguyên*, ngày 25 tháng 2 năm 1926.

Hồi ấy, người ta, nhất là thanh niên, đều hết sức theo khuôn phép, không tự do bừa bãi mà cũng không bồng bột làm càn, cứ một lòng hướng theo "con đường chính" mà đi, chỉ cần đừng ai hỏi "đi đâu thế ?!".

*

* *

Nếu bậc quân tử nói rằng : "Cừu vẫn là cừu, không theo từng hàng dài thuần thục như thế mà đi thì cũng chẳng còn cách nào khác nữa ? Không thấy lợn đấy à ? kéo giật lùi lại, bỏ chạy, kêu thét, xông tới, cuối cùng vẫn bị bắt đến chỗ không đến không được, nhưng sự bạo động kia chẳng qua phí sức vô ích mà thôi".

Như thế là nói : tuy chết cũng nên như cừu, để cho thiên hạ được thái bình, cả hai bên đều đỡ mệt.

Cái kế ấy đương nhiên là ổn thỏa, rất đáng khâm phục, nhưng không thấy lợn rừng đấy ư ? Nó chỉ còn có hai cái răng nanh, nhưng làm cho người đi săn già đời cũng không khỏi chùn lại. Nếu lợn thoát ra khỏi cái chuồng mà người nuôi làm cho, chạy vào núi rừng, thì không bao lâu hai cái răng đó sẽ dài ra.

*

* *

Ông Scôpenhao từng gọi các nhà trí thức là những con nhím. Tôi nghĩ như thế cũng hơi mất lịch sự, nhưng tất nhiên ông ta không có ác ý gì, chẳng qua muốn so sánh một chút mà thôi. Trong cuốn *Phụ lục và bổ đi (Parerga und Paralipomena)*[1] có một đoạn ý như thế này : có một bầy nhím, mùa đông, định lợi dụng hơi ấm của nhau cho khỏi rét, bèn đứng sát nhau, nhưng tức thì con nào cũng thấy bị lông đâm vào người đau, thế là tản ra. Nhưng thế nào cũng cần phải ấm, chúng nó lại đứng sát nhau, lại cũng vẫn thấy khó chịu. Lúng túng mãi, cuối cùng chúng mới nhận thấy rằng giữa con nọ và con kia nên để một khoảng cách ; với khoảng cách đó thì chúng nó sẽ hết sức bình yên. Con người ta vì cần phải giao thiệp với nhau, nên phải tụ tập lại một chỗ, nhưng vì người nào cũng có nhiều cái đáng ghét, nhiều khuyết điểm khó chịu, cho nên phải xa cách nhau ra. Cuối cùng họ đã tìm

(1) Một tập tạp văn xuất bản năm 1851.

ra một khoảng cách vừa phải, đủ để cho họ có thể tụ tập lại với nhau được, tức là "phép lịch sự" và những phong tục thượng lưu. Với kẻ nào không giữ cái khoảng cách đó, thì người nước Anh sẽ nói như thế này : Keep your distance !"[1].

Nhưng dù nói như thế, có lẽ cũng chỉ hiệu nghiệm giữa những con nhím với nhau mà thôi, bởi vì nguyên nhân chúng nó giữ khoảng cách đó là đứng sát nhau thì đau, chứ không phải là có ai nói. Giả thử giữa những con nhím, có những con khác không có lông cứng như thế, thì dù có nói thế nào, chúng nó cũng cứ đứng ép vào nhau. Khổng Tử nói : *"Lễ bất hạ thứ nhân"*[2], theo tình hình hiện nay thì không phải là thứ nhân không được gần nhím, mà là nhím có thể tùy tiện đâm vào thứ nhân để cho ấm. Kẻ bị thương tất nhiên phải bị thương, nhưng như thế thì chỉ trách mình sao riêng mình không có lông cứng, không đủ sức bắt chúng nó phải giữ một khoảng cách thích đáng. Khổng Tử lại nói : *"Hình bất thượng đại phu"*[3], chả trách người ta ai cũng muốn làm trí thức là phải.

Tất nhiên có thể dùng răng, sừng hay gậy tày mà chống lại những con nhím đó, nhưng ít ra cũng phải bỏ được những tội như "hạ lưu" hoặc "vô lễ", mà cái xã hội công nhím trên lưng đặt ra đã.

Ngày 25 tháng 1 năm 1926

(Tập ***Hoa cái tiếp theo***)

---

(1) "*Giữ cự ly của anh*", ý nói không nên gần quá, phải giữ lễ độ.

(2), (3) Hai câu này đều ở trong sách *Lễ ký*, nghĩa là "Đối với người dưới thì không cần phải lễ", "Hình phạt không áp dụng với bậc đại phu".

19. KỶ NIỆM CHỊ LƯU HÒA TRÂN*

1

Ngày 25 tháng 3 năm Trung Hoa Dân Quốc thứ mười lăm, tức là ngày trường Đại học Nữ Sư phạm Bắc Kinh làm lễ truy điệu hai chị Lưu Hòa Trân và Dương Đức Quân[1] bị hại trước dinh chính phủ Đoàn Kỳ Thụy ngày 18, tôi đang lững thững một mình ngoài lễ đường, thì thấy chị Trình đi tới hỏi : "Thầy đã viết cái gì về Lưu Hòa Trân chưa ạ ?". Tôi trả lời : "Chưa". Chị Trình bảo với tôi : "Thầy nên viết một bài, hồi còn sống, Trân thích đọc văn thầy lắm".

Điều đó tôi biết. Tất cả những tờ báo tôi biên tập, đại khái thường là hữu thủy vô chung, cho nên trước nay bán không chạy lắm, nhưng thời buổi khó khăn như thế này, mà trong số người mua trọn năm tờ *Mãng nguyên*[2] có Lưu Hòa Trân. Tôi cũng thấy cần phải viết cái gì, tuy đối với người chết, không ăn thua gì nữa, nhưng đối với người sống, có lẽ cũng chỉ có thể như thế mà thôi. Giá tôi có thể tin được rằng có cái gọi là "linh hồn ở trên trời", tất nhiên tôi sẽ được an ủi hơn nhiều, – nhưng hiện giờ chỉ có thể như thế mà thôi.

Có điều, quả thật tôi không biết nói gì. Tôi chỉ cảm thấy nơi tôi hiện đang ở không phải là nơi con người ở với nhau. Máu của hơn bốn chục thanh niên tràn ngập chung quanh tôi làm cho tôi ngạt thở, ù tai, mờ mắt, còn có thể nói năng gì được nữa ? Hát thay cho tiếng khóc là phải sau khi nỗi đau xót đã qua rồi. Nhưng sau hôm đó, thì cái luận điệu nham hiểm của mấy người gọi là văn nhân học giả, lại làm cho tôi đau xót hơn. Tôi không

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Ngữ ti*, ngày 12 tháng 4 năm 1926.

(1) *Lưu Hòa Trân*, sinh viên trường Đại học Nữ Sư phạm Bắc Kinh, khi bị hại mới 22 tuổi. *Dương Đức Quân*, cũng là sinh viên trường đó, bị hại lúc 24 tuổi.

(2) *Mãng nguyên* : tập san do Lỗ Tấn biên tập, xuất bản tháng 4 - 1925 đến tháng 11 thì đình bản.

còn phẫn nộ được nữa. Tôi sẽ nghiền ngẫm nỗi bi thảm dày đặc của chốn không phải của con người này ; tôi sẽ đem nỗi đau thương lớn nhất của tôi phơi bày ra giữa chốn không phải của con người này để cho chúng nó thấy tôi đau thương mà thích thú. Rồi tôi sẽ đem nỗi đau thương đó làm lễ vật đơn bạc của người chết sau dâng lên trước linh hồn người đã khuất.

2

Một người thật sự dũng cảm thì dám đương đầu với cuộc đời thảm đạm, dám nhìn thẳng vào chỗ máu tươi lênh láng. Đau khổ biết dường nào và cũng sung sướng biết dường nào ! Nhưng tạo hóa thường lại hay nghĩ kế cho kẻ tầm thường ; thời gian trôi qua rất nhanh, rửa sạch những dấu vết cũ, chỉ lưu lại một sắc máu đỏ nhờ nhờ và một nỗi đau thương nhè nhẹ. Trong sắc máu đỏ nhờ nhờ và nỗi đau thương nhè nhẹ đó, lại cho con người sống lay lắt qua ngày, duy trì mãi cái thế giới giống như của con người mà cũng không giống con người này. Tôi thật không biết cái thế giới đó đến bao giờ mới tiêu vong !

Chúng ta hiện đang sống trên cái thế giới đó. Tôi cũng thấy tôi cần phải viết một cái gì. Từ ngày 18 tháng 3 đến nay, đã hai tuần lễ rồi, vị cứu tinh Quên lãng sắp đến chăng, tôi cần phải viết một cái gì mới được.

3

Trong hơn bốn chục thanh niên bị hại, chị Lưu Hòa Trân là học sinh của tôi. Học sinh, trước nay tôi vẫn nghĩ như thế, vẫn nói như thế, nhưng bây giờ thấy có hơi ngần ngại. Đối với chị, tôi phải dâng tấm lòng đau thương và kính mến của tôi. Chị không phải là học sinh của "thằng tôi còn sống lay lắt đến ngày hôm nay", chị là thanh niên của Trung Quốc, vì Trung Quốc mà hy sinh.

Lần đầu tiên tôi thấy tên chị vào đầu hè năm ngoái khi bà Dương Ấm Du, hiệu trưởng trường Đại học Nữ Sư phạm, đuổi sáu cán bộ Hội Tự trị học sinh trong trường. Một trong sáu người đó là chị, nhưng tôi không quen biết. Về sau, có lẽ là vào khi Lưu Bách Chiêu cầm đầu bọn võ tướng, gồm nam lẫn nữ, đến lôi học sinh ra khỏi trường, mới có người chỉ một nữ sinh, bảo tôi : đó là Lưu Hòa Trân. Lúc bấy giờ tôi mới biết được con người có cái tên đó, trong lòng rất lấy làm lạ. Tôi thường nghĩ, một người học sinh mà không khuất phục trước thế lực, dám phản kháng một bà hiệu trưởng lắm vây cánh như thế, dù thế nào đi nữa, cũng phải là một người đanh đá, sắc sảo. Đằng này chị lại hay mỉm cười, thái độ rất ôn hòa. Cho nên khi trường tạm dời đến ngõ Tông Mạo, thuê nhà tiếp tục dạy, thì chị mới bất

đầu đến nghe tôi giảng. Từ đó, gặp mặt luôn, lúc nào chị cũng cứ mỉm cười, thái độ rất ôn hòa. Đến khi trường trở về chỗ cũ, các vị giáo sư trước kia đều cho rằng trách nhiệm của mình đã hết, sửa soạn lần lượt rút lui, bấy giờ tôi mới thấy chị có vẻ lo cho tương lai trường mình, chị âm thầm nhỏ nước mắt. Thế rồi, từ đó không gặp nhau nữa. Tóm lại theo tôi nhớ thì lần ấy là vĩnh biệt.

4

Sáng sớm ngày 18, tôi đã biết quần chúng sẽ đến trước dinh chính phủ đưa kiến nghị ; chiều thì được tin buồn, nói vệ binh công nhiên nổ súng, mấy trăm người chết và bị thương, và chính chị Lưu Hòa Trân ở trong số người bị hại. Nhưng nghe lời đồn đại đó, tôi vẫn còn hoài nghi. Xưa nay, tôi thường suy xét người Trung Quốc với một ác ý xấu xa nhất không hề kiêng nể, nhưng tôi vẫn không ngờ, mà cũng không tin có thể hèn hạ, tàn bạo đến nước ấy. Huống chi, một con người hòa nhã, luôn luôn mỉm cười như chị Lưu Hòa Trân, làm sao đến nỗi phải đổ máu trước dinh chính phủ được ?

Thế mà, ngày hôm ấy đã chứng minh đó là sự thực. Mà cái để chứng minh lại là thi hài của chính mình chị. Còn một thi hài nữa là thi hài chị Dương Đức Quân. Và lại chứng minh rằng chẳng những giết, mà còn giết một cách tàn bạo, vì trên thân thể các chị còn có những vết thương đánh đập bằng gậy nữa.

Nhưng chính phủ Đoàn Kỳ Thụy lại ra lệnh nói rằng các chị là "bạo đồ" !

Tiếp đó lại là những lời bịa đặt, vu cáo nói rằng các chị bị người ta lợi dụng.

Cảnh tượng thê thảm kia đã khiến mắt tôi không nỡ nhìn, những lời bịa đặt, vu cáo này càng khiến tai tôi không nỡ nghe. Tôi còn biết nói gì nữa ? Tôi đã hiểu nguyên do vì sao các dân tộc suy vong phải im lìm không lên tiếng được. Trầm lặng ! Trầm lặng ! Không bùng nổ trong trầm lặng thì bị tiêu diệt trong trầm lặng.

5

Nhưng còn có những điều tôi cần phải nói.

Tôi không được mắt thấy mà chỉ nghe nói lại rằng, chị, chị Lưu Hòa Trân, lúc đó tiến lên rất phấn khởi. Tất nhiên. Chỉ đưa kiến nghị mà thôi ! Còn

có chút tâm địa con người thì ai có thể ngờ đến cái cạm bẫy đó được. Thế mà chị bị bắn trước dinh chính phủ. Đạn từ sau lưng xuyên qua tim, phổi, một vết thương trí mạng, nhưng chưa chết ngay. Chị Trương Tĩnh Thục[1] cùng đi với chị định đỡ chị dậy, trúng bốn viên, một viên là đạn súng lục, liền ngã xuống. Chị Dương Đức Quân cũng đi cạnh chị, lại định đỡ chị, cũng bị bắn, đạn xuyên từ vai bên trái sang ngực bên phải, cũng liền ngã xuống. Nhưng chị Lưu Hòa Trân còn ngồi dậy được. Một tên lính liền giáng hai gậy vào đầu, thế là chị chết.

Chị Lưu Hòa Trân, cô gái lúc nào cũng hòa nhã, cũng mỉm cười ấy, chết thật rồi ! Thật như thế. Có thi hài của chính chị làm chứng. Chị Dương Đức Quân, can đảm và thân ái, cũng chết rồi. Có thi hài của chị làm chứng. Chỉ có chị Trương Tĩnh Thục, cũng can đảm, cũng thân ái như thế, thì đang nằm rên trong bệnh viện. Ba cô gái ung dung bị súng đạn của những người văn minh sáng chế ra bắn trúng, thật là một điều vĩ đại kinh người làm sao ! Những thành tích vẻ vang của bọn quân nhân Trung Quốc giết hại đàn bà, con trẻ, những võ công của liên quân tám nước đàn áp học sinh, không may đều bị mấy vết máu kia xóa mờ tất cả.

Nhưng những kẻ giết người trong và ngoài nước vẫn cứ ngang nhiên ngẩng đầu lên, chúng không biết rằng mặt đứa nào đứa nấy đều vấy máu...

6

Thời gian cứ trôi qua, phố xá vẫn thái bình như cũ. Chỉ vẻn vẹn mấy sinh mệnh như thế, đối với Trung Quốc có thấm vào đâu, nhiều lắm, cũng chỉ làm đầu câu chuyện sau bữa cơm cho những người nhàn rỗi không có ác ý, hoặc làm cớ cho những người nhàn rỗi có ác ý bịa đặt vu cáo mà thôi. Ngoài ra, ý nghĩa sâu sắc của nó thì tôi cảm thấy rất mơ hồ, bởi vì quả thật, đây chỉ là tay không mà kiến nghị. Lịch sử các cuộc huyết chiến trước nay của loài người giống như sự hình thành của than, đương thời phải dùng bao nhiêu cây gỗ, nhưng kết quả cũng chỉ được một cục nho nhỏ, mà trong đó làm gì có kiến nghị, huống hồ lại tay không mà kiến nghị.

Nhưng máu đã đổ rồi, tất nhiên bất giác nó sẽ lan rộng ra, tối thiểu cũng sẽ ngấm vào lòng những người thân thuộc, thầy học, bạn bè, người yêu, cho dù thời gian có trôi qua mà phai nhạt đi, thì hình ảnh cũ của chị với nụ cười

(1) *Trương Tĩnh Thục* cũng là sinh viên trường Đại học Nữ Sư phạm. Chị này sau được cứu sống.

mỉm, hòa nhã kia vẫn còn mãi mãi trong nỗi đau thương nhè nhẹ. Đào Tiềm có câu thơ :

Thân thích hoặc dư bi
Tha nhân diệc dĩ ca,
Tự khứ hà sở đạo,
Thác thể đồng sơn a[1].
(Bà con hoặc còn thương,
Người khác cũng đã hát,
Gửi xác cho rừng núi,
Chết rồi tức là hết).

Được như vậy cũng đủ rồi.

7

Tôi có nói : Trước nay tôi thường suy xét về người Trung Quốc với một ác ý xấu xa hết sức, không kiêng nể. Nhưng lần này lại có những điều ngoài trí tưởng tượng của tôi. Một là chính phủ mà lại tàn bạo như thế, hai là bọn bịa đặt, vu cáo mà lại hèn mạt như thế, ba là phụ nữ Trung Quốc lúc lâm nạn mà lại có thể ung dung như thế.

Tôi được mắt thấy phụ nữ Trung Quốc bắt tay vào việc là từ năm ngoái. Tuy chỉ có mấy người, nhưng thấy cái khí khái, đảm đang, kiên quyết, bị đàn áp mấy vẫn không hề khuất phục của họ, nhiều lần tôi rất lấy làm khâm phục. Đến như lần này, giữa làn mưa đạn, mà họ cứu giúp nhau, chết cũng không tiếc thân mình, việc đó đủ chứng tỏ rằng phụ nữ Trung Quốc hết sức dũng cảm, tuy gặp phải âm mưu quỷ quyệt, bị áp bức mấy nghìn năm nay, nhưng cuối cùng, không thể tiêu vong được. Nếu muốn tìm ý nghĩa cái chết của những người này đối với tương lai, thì ý nghĩa ở chỗ đó.

Kẻ sống lay lắt mà còn thấy được một tia hy vọng lờ mờ trong sắc máu nhờ nhờ kia thì những dũng sĩ chân chính chắc sẽ phấn chấn mà tiến lên.

Hỡi ơi ! Tôi nói không nên lời, chỉ có chừng này để kỷ niệm chị Lưu Hòa Trân mà thôi !

1 tháng 4

(Tập ***Hoa cái tiếp theo***)

---

(1) *Đào Tiềm* (372 - 427) : tức Đào Uyên Minh, nhà thơ thời Tấn. Bốn câu thơ này trích trong bài *Vãn ca* (Thơ ai điếu).

20. GHI LẠI BÀI NÓI CHUYỆN*

Ông Lỗ Tấn sắp đi Hạ Môn. Tuy ông nói vì khí hậu không thể ở lại đấy lâu được, nhưng ít ra đã có nửa năm hoặc một năm nay, ông không ở Bắc Kinh nữa, chúng tôi thấy quả đó là điều làm cho người ta lưu luyến. Ngày 22 tháng Tám, Hội sinh viên trường Đại học Nữ Sư phạm tổ chức lễ kỷ niệm một năm phá trường, ông Lỗ Tấn có đến dự và có nói chuyện. Có lẽ đó là buổi nói chuyện công khai cuối cùng của ông ở Bắc Kinh, cho nên tôi ghi lại để tỏ chút lòng của tôi đối với lễ kỷ niệm. Nhắc đến ông Lỗ Tấn, người ta không khỏi cảm thấy ông hơi có vẻ lạnh lùng, lặng lẽ, nhưng kỳ thực không bao giờ ông không chứa chan hy vọng, không bao giờ ông không biểu lộ tình cảm phong phú của mình. Trong buổi nói chuyện này, có thể thấy rõ nhất là chủ trương của ông ; vậy tôi ghi lại những lời ông nói để kỷ niệm ngày ông rời khỏi Bắc Kinh. Có lẽ cũng không phải hoàn toàn không có một ý nghĩa trọng đại nào. Còn tôi, để người thật thà khỏi phải mất công suy nghĩ, tôi cần phải thanh minh một tí : tôi tham gia ngày hội này với tư cách một người nhỏ mọn trong ban tổ chức.

BỐI LƯƠNG[1]

Tối hôm qua, tôi chữa cuốn *Anh công nhân Sâyvirep*[2], định đưa in lại, nên ngủ muộn, đến bây giờ vẫn chưa thật tỉnh. Đang chữa, bỗng nghĩ đến một vài chuyện làm trí óc rối lên, đến bây giờ vẫn còn rối, vì thế hôm nay sợ không thể nói được nhiều.

Nhắc đến lịch sử việc tôi dịch cuốn *Anh công nhân Sâyvirep*, cũng hay hay. Mười hai năm trước, cuộc đại hỗn chiến Âu châu bắt đầu ; sau đó,

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Ngữ ti*, ngày 28 tháng 8 năm 1926.

(1) Tức Hướng Bối Lương, xem chú thích bài *Thư Bắc Kinh*, tập ***Hoa cái***.

(2) *Anh công nhân Sâyvirep* : là một thiên truyện vừa của nhà văn Nga, M.P. Artsibashep (1878 - 1927). Bản dịch của Lỗ Tấn do Thương vụ ấn thư quán xuất bản năm 1922, đến năm 1927 thì Bắc Tân thư cục tái bản.

Trung Quốc chúng ta cũng tham chiến, tức là "tuyên chiến với Đức", gửi sang Âu châu rất nhiều công nhân giúp họ. Rồi thì đánh thắng, tức "công lý chiến thắng". Tất nhiên, Trung Quốc cũng được chia chiến lợi phẩm – một số sách tiếng Đức của một câu lạc bộ bọn thương gia người Đức ở Thượng Hải, – khá nhiều, phần lớn là sách văn học, tất cả mang về để trên lầu Ngọ Môn. Bộ Giáo dục nhận được số sách ấy, muốn đem ra chỉnh lý, phân loại – kỳ thực họ đã phân loại tốt rồi, nhưng có một vài người cho là chưa tốt, nên cần phải làm lại. – Hồi ấy nhiều người được phái đến, tôi cũng là một người trong số đó. Sau đó, ông Tổng trưởng muốn xem những sách ấy là sách gì. Xem bằng cách nào ? Bằng cách bảo chúng tôi dịch tên sách ra Trung văn, có nghĩa thì dịch nghĩa, không có nghĩa thì dịch âm, nào là *Xêda, Cơlêôpat, Đamacuyt...*[1]. Mỗi người mỗi tháng được mười đồng tiền xe ; tôi cũng được gần trăm đồng, bởi vì hồi bấy giờ còn ít nhiều cái gọi là hành chính phí. Làm lục cục như thế hơn một năm, mất mấy nghìn đồng. Hòa ước với Đức ký xong, sau đó Đức đến lấy về, thế chúng tôi, là những người kiểm nhận, bây giờ bàn giao trả lại toàn bộ – có lẽ có thiếu vài cuốn chăng... Còn những cuốn như cuốn *Cơlêôpat*, ông Tổng trưởng có xem không, thì tôi không làm sao biết được.

Theo chỗ tôi biết mà nói, kết quả "Hòa ước với Đức" là Trung Quốc có một nhà bia "Công lý chiến thắng" ở vườn hoa Trung Ương, còn tôi thì chỉ có mỗi bản dịch *Anh công nhân Sâyvirep*, bởi vì cuốn sách đó chính là một cuốn chọn được trong số sách tiếng Đức tôi chỉnh lý hồi bấy giờ.

Trong đống sách đó, có nhiều sách văn học lắm, tại sao hồi bấy giờ tôi lại chọn cuốn này ? Điều đó ngày nay nhớ không rõ nữa. Có lẽ vì tôi thấy, trước Dân Quốc, sau Dân Quốc, chúng ta cũng có rất nhiều người cải cách, cảnh ngộ giống y như Sâyvirep, cho nên mới mượn tạm chuyện người ta để nói chuyện mình. Nhưng tối hôm qua xem, tôi nghĩ, thí dụ chuyện người cải cách bị áp bức, người đại biểu chịu đau khổ, thì há phải thời đó thôi đâu, mà bây giờ, tương lai và mấy mươi năm sau nữa, vẫn sẽ có rất nhiều người cảnh ngộ giống Sâyvirep. Cho nên tôi định cho in lại.

Tác giả *Anh công nhân Sâyvirep* là Artsibashep, người Nga. Ngày nay, nói đến nước Nga tựa hồ có thể làm người ta chết khiếp. Nhưng bất tất phải như thế, Artsibashep không phải là cộng sản, tác phẩm của ông ta ngày nay

---

(1) *J. César* (100 - 44 tr. CN) : người chấp chính nước Cộng hòa La Mã. *Cléopâtre* (từ 69 đến 30 tr. CN) : nữ vương Ai Cập. *Damacus* : thành phố tối cổ trên thế giới, bây giờ là thủ đô nước Xyri.

ở Liên Xô cũng không được hoan nghênh. Nghe nói ông ta mù rồi, sống rất khổ, tất nhiên không thể gửi cho tôi đồng rúp nào... Nói tóm lại : không dính líu gì với Liên Xô cả. Nhưng điều quái lạ là có rất nhiều chuyện giống hệt Trung Quốc, thí dụ, chuyện người cải cách, người đại biểu chịu đau khổ thì không phải nói nữa, đến như chuyện vợ bày cho chồng an phận thủ thường, cũng thật giống văn nhân học giả chúng ta như đúc. Có một ông giáo không chịu được những lời nhục mạ của cấp trên, bị cách chức, vợ trách thầm chồng, nói rằng chồng "cao ngạo", đáng ghét quá. *"Đấy, trước kia tôi bị nhà chú đánh cho hai bạt tai, nhưng tôi chẳng cãi lại câu nào, cứ nhẫn nhục. Cuối cùng, họ biết tôi oan, thế là họ tự tay thưởng cho tôi một trăm đồng rúp"*. Tất nhiên, các văn nhân học giả của chúng ta dùng lời không đến nỗi thô bạo như thế, văn chương cũng hoa mỹ hơn nhiều.

Có điều, tư tưởng cuối cùng của Sâyvirep thì dễ sợ thật. Lúc đầu anh ta làm việc vì xã hội, nhưng xã hội bức hại anh ta, thậm chí định giết chết anh ta, thế là anh ta quay lại trả thù xã hội, căm ghét tất cả, phá hoại tất cả. Ở Trung Quốc chưa đến nỗi có những người phá hoại như thế, có lẽ cũng sẽ không có, và tôi cũng không mong sẽ có. Nhưng Trung Quốc xưa nay có một loại người phá hoại khác, cho nên chúng ta không phá hoại, thì thường thường bị phá hoại. Một mặt, chúng ta bị phá hoại, một mặt, chúng ta tu sửa, cứ thế, thật là vất vả khó nhọc, cho nên cuộc sống của chúng ta trở thành một cuộc sống vừa bị phá hoại, vừa tu sửa, vừa bị phá hoại, vừa tu sửa. Cái trường này cũng bị bọn Dương Ấm Du, Chương Sĩ Chiêu phá hoại, rồi thì tu sửa, tu sửa, chỉnh đốn, chỉnh đốn, để tiếp tục tồn tại.

Bọn văn nhân học giả kiểu "người vợ Nga" kia có lẽ sẽ nói rằng, như thế là vì "cao ngạo" đến phát ghét, phải trừng phạt. Tất nhiên, nói như thế hình như không sai, nhưng cũng không đúng lắm. Trong nhà tôi hiện nay có một bà người làng lên ở nhờ. Vì chiến tranh, bà ta không còn nhà cửa gì nữa, đành phải chạy lên tỉnh. Bà ta chẳng "cao ngạo" chút nào cả, và cũng chưa hề phản đối Dương Ấm Du, nhưng bà ta không còn nhà mà ở nữa, bị phá mất rồi. Hết chiến tranh, nhất định bà ta sẽ trở về, dù nhà cửa có bị phá, đồ đạc bị vất đi, vườn ruộng có bỏ hoang, bà ta vẫn phải sống. Có lẽ bà ta đành phải thu lượm những cái gì còn sót lại, tu sửa, tu sửa chỉnh đốn, chỉnh đốn để mà sống.

Văn minh Trung Quốc bị phá hoại rồi được tu sửa, bị phá hoại rồi lại được tu sửa như thế, đến nỗi yếu đuối tồi tàn. Nhưng vẫn có người đem ra

khoe khoang, thậm chí những người phá hoại cũng khoe khoang. Ngay những người phá hoại cái nhà trường này, giả thử được phái đến dự một cuộc hội nghị phụ nữ quốc tế nào và được mời nói về tình hình các trường nữ học ở Trung Quốc, thì nhất định y sẽ nói : Trung Quốc chúng tôi có trường Đại học Nữ Sư phạm Bắc Kinh quốc lập.

Thật là một điều hết sức đáng tiếc, người Trung Quốc chúng ta cái gì không phải của mình hoặc giả sẽ không về tay mình thì có phá hoại được mới thấy sướng. Dương Ấm Du biết không thể làm hiệu trưởng được nữa, nên về mặt văn chương, dùng những lời bịa đặt, vu cáo của bọn văn sĩ, về mặt võ công, dùng mụ Tam Hà, chưa đuổi được "những con ranh" kia đi thì chưa chịu. Trước kia, thấy sách chép chuyện Trương Hiến Trung giết hại dân Tứ Xuyên, tôi nghĩ không ra ý định ông ta là như thế nào. Về sau đọc được một cuốn sách mới vỡ nhẽ. Ông ta vốn muốn lên làm vua, nhưng Lý Tự Thành đến Bắc Kinh trước, làm vua rồi, ông ta bèn định phá ngôi vua của Lý Tự Thành đi. Phá bằng cách nào ? Làm vua thì phải có dân, ông ta bèn giết hết dân đi, thế là chẳng ai có thể làm vua được nữa. Không có dân thì không có vua, thế là chỉ còn trơ lại một Lý Tự Thành, lơ láo giữa chốn bạch địa, y như một vị hiệu trưởng khi nhà trường giải tán rồi. Đó là một thí dụ cực đoan, buồn cười, nhưng không phải chỉ một mình Trương Hiến Trung mới có cái tư tưởng đó.

Chúng ta vẫn là người Trung Quốc, chúng ta vẫn sẽ gặp những chuyện Trung Quốc, nhưng chúng ta không phải là những người phá hoại kiểu Trung Quốc, cho nên chúng ta sống cuộc đời bị phá hoại rồi tu sửa, bị phá hoại rồi lại tu sửa. Bao nhiêu sinh mệnh của chúng ta bỏ phí một cách vô ích. Bao nhiêu sinh mệnh của chúng ta có thể an ủi được cũng vẫn cái gọi là hy vọng ở tương lai. Hy vọng vốn phụ thuộc vào sự tồn tại, có tồn tại thì có hy vọng, có hy vọng tất sẽ có ánh sáng. Nếu như lời các nhà viết sử không phải là lời nói điêu, thì trước nay chưa có sự vật nào trên thế giới vì hắc ám mà trường tồn được. Hắc ám chỉ có thể phụ thuộc vào sự vật sắp sửa diệt vong ; sự vật diệt vong thì hắc ám cũng diệt vong theo. Nó không lâu được. Nhưng tương lai thì vĩnh viễn sẽ có và sẽ sáng sủa lên. Chỉ cần chúng ta không phải là vật phụ thuộc vào hắc ám, để bị diệt vong trước ánh sáng, thì nhất định chúng ta sẽ có một tương lai lâu dài, và tương lai đó nhất định sẽ sáng sủa.

Bốn ngày sau khi đến dự hội này, tôi rời khỏi Bắc Kinh. Đến Thượng Hải, xem báo mới biết trường Đại học Nữ Sư phạm đã đổi thành Ban Sư phạm

thuộc Nữ học viện. Ông Tổng trưởng Bộ Giáo dục, Nhiệm Khả Trừng[1], *tự đứng ra làm Viện trưởng, người phụ trách Ban Sư phạm là Lâm Tố Viên*[2]. *Về sau, xem một tờ báo buổi chiều xuất bản ở Bắc Kinh ngày 5 tháng Chín, thấy có một đoạn nói :*

"Một giờ rưỡi chiều nay, ông Nhiệm Khả Trừng cùng ông Lâm Tố Viên, có trên dưới bốn mươi lính bảo an của Cục cảnh sát và hiến binh Cục đốc sát quân cảnh đi theo, đến trường Đại học Nữ Sư phạm, để võ trang tiếp thu...". Té ra, mới tròn một năm đã lại thấy dụng binh rồi. Không biết ngày này năm sau có đem lính đến kỷ niệm việc đem lính đến khai trường hay là kỷ niệm việc trường bị lính đến phá ? Bây giờ hãy tạm đưa bài của anh Bối Lương vào đây để kỷ niệm cho năm nay trước đã.

Ngày 14 tháng 10 năm 1926
LỖ TẤN

(Tập ***Hoa cái*** *tiếp theo*)

---

(1) *Nhiệm Khả Trừng*, người tỉnh Quý Châu, năm 1926 lên làm Tổng trưởng Bộ Giáo dục chính phủ Bắc Dương, thay Chương Sĩ Chiêu. Ông ta hợp nhất hai trường Đại học Nữ Sư phạm Bắc Kinh và Nữ Đại học Bắc Kinh thành Nữ học viện Bắc Kinh, do ông ta kiêm chức Viện trưởng.

(2) *Lâm Tố Viên* là một tên quan nhỏ trong Ban nghiên cứu của Bộ Giáo dục.

21. TRANH *NHỊ THẬP TỨ HIẾU*

Tôi cứ muốn tìm khắp bốn phương trời cho ra một bài chú độc địa hết sức, hết sức, đọc lên để nguyền rủa những kẻ nào phản đối bạch thoại, làm hại bạch thoại. Cho dù người ta chết đi còn có linh hồn thật, rồi vì cái ác tâm kia mà phải rơi xuống địa ngục chăng nữa, tôi cũng quyết không hối cải, và cứ muốn nguyền rủa những kẻ nào phản đối bạch thoại, làm hại bạch thoại cái đã.

Từ khi có phong trào gọi là "cách mạng văn học"[1] đến nay, sách in cho trẻ em, so với Âu, Mỹ, Nhật Bản, tuy rất đáng thương hại, nhưng cũng cứ kể cho là có tranh vẽ, có lời chú thích, chỉ cần biết đọc là có thể hiểu được ngay. Thế mà có một số người khác bụng khác dạ lại ra sức ngăn trở văn bạch thoại, muốn làm cho thế giới của trẻ em chẳng còn chút lạc thú gì nữa. Ở Bắc Kinh bây giờ thường hay dùng câu "Mã Hổ Tử" để nhát trẻ em. Có người nói Mã Hổ Tử chính là Ma Thúc Mưu hay bắt trẻ con luộc cho chết và là kẻ đào sông Vận Hà cho Tùy Dương Đế, chép trong cuốn *Khai hà ký*[2]. Viết cho đúng thì phải viết là *Ma Hổ Tử*. Như thế thì cái anh Ma Thúc Mưu đó là người Hồ rồi[3]. Nhưng bất kể anh ta là người gì, việc anh ta ăn trẻ con rút cục cũng còn có hạn, chẳng qua hết đời anh ta thì thôi. Còn như cái di độc mà những kẻ làm hại văn bạch thoại để lại thì còn ghê gớm hơn nước lụt, thú dữ nữa[4], ăn lan ra rất rộng, tác hại cũng rất lâu, có thể biến cả nước Trung Quốc thành một Ma Hổ Tử, phàm trẻ con là đều bị chết trong bụng nó cả.

---

(1) Phong trào cách mạng văn học nói đây là phong trào cách mạng văn học do tạp chí *Tân thanh niên* phát động hồi Ngũ Tứ.

(2) *Khai hà ký* : cuốn sách khuyết danh viết vào khoảng cuối đời Đường, chép chuyện Tùy Dương Đế sai Ma Thúc Mưu khai Biện Cừ, trong đó có nói đến truyền thuyết Ma Thúc Mưu luộc trẻ con ăn.

(3) Xem bài *Lời nói sau* ở cuối sách.

(4) Đó là câu những phần tử lạc hậu thường dùng để mạt sát chủ trương cách mạng văn học thời Ngũ Tứ, ý nói chủ trương đó cũng gây tai họa chẳng khác gì nước lụt, thú dữ.

Tất cả những kẻ nào muốn mưu hại văn bạch thoại đều phải tiêu diệt đi cho hết !

Những lời nói này, bọn tai to mặt lớn tất nhiên không khỏi muốn nút tai lại để đừng nghe thấy, bởi vì đó là lời của cái người "nhảy lên giữa không trung chửi cho người ta tơi bời tất bật rồi mà vẫn chưa chịu thôi"[1]. Vả lại bọn văn sĩ nhất định cũng phải chửi, cho rằng như thế là trái hẳn với "phong cách của nhà văn", cũng tức là rất thương tổn đến "phẩm cách của con người". Chẳng phải "văn chương là tiếng nói của lòng"[2] đó hay sao ? "Văn chương" và "con người" tất nhiên liên quan với nhau, tuy thế gian này vốn hết sức kỳ quái, trong các vị giáo sư cũng có một hạng đặc biệt, "không tôn trọng" nhân cách của tác giả, nhưng cũng không thể "không nói tiểu thuyết của ông ta hay"[3]. Tất cả những cái đó, tôi đều không để ý đến, bởi vì may cho tôi là chưa leo đến "tháp ngà"[4], nên không cần phải cẩn thận gì cả. Giá thử vô ý mà đụng đầu phải, tức thì sẽ ngã xuống ngay. Có điều trong khi đang ngã rơi xuống, chưa đến mặt đất, còn phải nói lại một lần nữa rằng : "Tất cả những kẻ nào mưu hại văn bạch thoại đều phải tiêu diệt đi cho hết"!

Mỗi lần trông thấy các em học sinh xem những tờ như *Thế giới nhi đồng*[5] in rất lèm nhèm mà mừng quýnh lên, thì tôi lại nghĩ đến những cuốn sách in tinh tế, mỹ thuật của nhi đồng các nước, tự nhiên thấy thương nhi đồng Trung Quốc. Nhưng nhớ lại những ngày thơ ấu của tôi và của các bạn tôi thì lại không thể không cho các em thế mà còn sung sướng chán, và không thể không khóc lên một tiếng thật thảm thương cho quãng đời trôi qua không bao giờ trở lại của chúng tôi. Hồi đó, chúng tôi có gì xem ? Sách mà có tranh vẽ là y như bị các ông thầy học – tức là "các bậc đàn anh lãnh đạo thanh niên" hồi bấy giờ – cấm không cho xem, mắng nhiếc, thậm chí lấy thước kẽ vào lòng bàn tay. Các anh bạn của tôi vì đọc mãi những câu như *"Nhân chi sơ tính bản thiện"*[6] có thể khô héo mà chết đi được, đành

---

(1) Câu này Lỗ Tấn dùng lại một câu của Trần Tây Oánh công kích ông trong một bức thư y gửi cho Từ Chí Ma. Câu đó như sau : "Ông ta (chỉ Lỗ Tấn) thường thường vô cớ lăng mạ người khác, nhưng giả có ai động đến ông ta nửa lời là y như ông ta nhảy lên giữa không trung chửi cho tơi bời tất bật rồi mà vẫn chưa chịu thôi". Những chữ "tai to mặt lớn, văn sĩ, giáo sư" đều chỉ bọn Trần Tây Oánh.

(2) Câu này lấy câu nói của Dương Hùng đời Hán : "Cố ngôn, tâm thanh dã". Ý nói ngôn luận và văn chương là biểu hiện tư tưởng, tâm tình của con người.

(3) Trong một bài đề là *Nói chơi*, Trần Tây Oánh viết : "Tôi không thể vì không tôn trọng nhân cách của ông Lỗ Tấn mà không nói tiểu thuyết của ông ta hay. Tôi cũng không thể vì tôi phục tiểu thuyết của ông ta mà tán thưởng những bài văn khác của ông ta".

(4) *Tháp ngà* : ý nói nghệ thuật thuần túy, nghệ thuật tối cao, chủ trương của bọn Trần Tây Oánh và nhóm *Hiện đại bình luận*.

(5) *Thế giới nhi đồng* : tạp chí viết cho thiếu nhi hồi bấy giờ (1922 - 1937) do Thượng Hải Thương vụ ấn thư quán biên soạn và phát hành.

(6) Câu đầu tập *Tam tự kinh*, một tập sách vỡ lòng thời trước.

phải len lén giở trang thứ nhất mà xem trộm cái hình vẽ Khôi Tinh[1] giống như con quỷ sứ, có đề bốn chữ *"Văn tinh cao chiếu"*, cho thỏa cái thiên tính yêu mỹ thuật ấu trĩ của họ. Hôm qua xem cái hình vẽ đó, hôm nay cũng lại xem cái hình vẽ đó, thế mà con mắt của họ cũng ánh lên vì vui sướng như người chết sống lại.

Ra khỏi cửa trường thì không bị cấm nghiêm ngặt như thế nữa, nhưng đó là nói riêng về phần tôi. Mỗi người chắc một khác. Tôi thì tôi có thể giở những cuốn như *Văn Xương Đế Quân âm chất văn đồ thuyết*[2] và cuốn *Ngọc lịch sao truyện*[3] xem trước mặt mọi người, một cách đĩnh huỳnh. Những sách đó toàn vẽ những chuyện thưởng điều thiện, phạt điều ác ở cõi u minh. Ông Sấm bà Sét đứng giữa từng mây, dưới đất thì toàn những người đầu trâu mặt ngựa, không những "nhảy lên giữa không trung" là xúc phạm đến luật lệ nhà trời, mà giả thử nói một câu lỡ lời, đọc sai một chữ, cũng đều phải chịu báo ứng ra trò. Mà báo ứng không phải là một "sự thù hằn vặt"[4] thôi đâu, bởi vì ở nơi đây, quỷ thần là vua, "công lý" là chủ tể, mời uống rượu hoặc quỳ xuống van xin cũng đều vô ích, quả thật không có thể nghĩ ra cách nào khác cả. Dưới gầm trời Trung Quốc, không những làm người, mà làm quỷ cũng hết sức gian nan. Nhưng rút cục cũng có những cái so với dương gian khá hơn, là không có bọn "tai to mặt lớn", cũng không có những lời "bịa đặt vu cáo". Nếu muốn yên ổn thì không được ca tụng âm gian. Nhất là đối với những người hay cầm bút múa may, ở cái đất Trung Quốc ngày nay, lúc mà "sự bịa đặt vu cáo" đang thống trị, lúc mà người ta rêu rao là "ngôn hành nhất trí"[5]. Xem việc trước có thể răn mình. Nghe nói

---

(1) *Khôi Tinh* : tên thường gọi của Khuê Tinh. Khuê Tinh là một ngôi sao trong Nhị thập bát tú, theo thiên văn học cổ đại Trung Quốc. Hình vẽ Khuê Tinh giống hình chữ Khôi, tay cầm bút, tay cầm nghiên mực, người hơi ngả về phía trước, một chân giơ ra phía sau, trông giống như một người cầm bút điểm cho người nào thi sẽ đỗ. Các sách vỡ lòng thời trước ở Trung Quốc đều có hình vẽ Khôi Tinh ở trang bìa.

(2) Theo truyền thuyết, Văn Xương Đế Quân tên là Trương Á, tự Ác Tử, người Tứ Xuyên thời Tấn, chết rồi trở thành thần coi việc thi cử ở dương gian. *Âm chất văn đồ thuyết* là một bộ sách tuyên truyền thuyết nhân quả báo ứng, tương truyền của Văn Xương Đế Quân.

(3) *Ngọc lịch sao truyện* : tức *Ngọc lịch chí bảo sao truyện*, một bộ sách tuyên truyền mê tín dị đoan.

(4) *"Sự thù hằn vặt"* cũng như chữ *"công lý"* đều ám chỉ bọn Trần Tây Oánh.

(5) Câu "Ngôn hành nhất trí" ở đây châm biếm Trần Tây Oánh. Trong một bài *Nói chơi* đăng ở *Hiện đại bình luận*, Tây Oánh có nói về Lỗ Tấn một cách xuyên tạc như sau : "Lời nói và việc làm không đi đôi với nhau thì cũng chẳng hiếm lắm, trên đời có rất nhiều người như thế. Miệng nói cách mạng mà lại ra làm quan, miệng nói tự do ngôn luận mà lại đốt tòa báo". "Ra làm quan" chỉ việc Lỗ Tấn làm ở Bộ Giáo dục, còn đốt tòa báo là chỉ việc xảy ra ngày 29-11-1925, quần chúng Bắc Kinh biểu tình thị uy phản đối Đoàn Kỳ Thụy rồi đốt trụ sở tờ *Thần báo*.

ông Acsibasep[1] trả lời một câu hỏi của một cô thiếu nữ, có nói rằng : "Chỉ có những người tìm được những niềm vui trong bản thân cuộc sống mới có thể sống được. Giá thử không tìm thấy được ở đó cái gì cả, thì thà chết đi còn hơn". Thế rồi có một người tên là Mikhalôp gửi thư mắng ông ta, nói : "... Bởi vậy tôi hết sức thành thực khuyên ông nên tự sát đi để đời ông khỏi khổ, như thế một là cho hợp với lôgic, hai là để cho lời nói và việc làm của ông không đến nỗi trái hẳn nhau".

Kỳ thực, lý luận như thế là mưu sát ; với cách đó ông ta sẽ tìm được niềm vui trong đời của ông ta. Acsibasep chỉ nói lảm nhảm một hồi thế thôi, chứ ông ta cũng chẳng tự sát... Còn ông Mikhalôp về sau chẳng biết rồi ra thế nào, cái niềm vui đó mất rồi, hoặc giả ngoài ra ông ta lại tìm được "cái gì"[2] chăng. Quả thật "những lúc như thế này, có dũng cảm thì mới yên ổn ; có nhiệt tình thì mới không nguy hiểm".

Nhưng đối với âm gian, tôi đã ca tụng mất rồi, khó lòng vớt vát lại được nữa. Tuy mắc cái tội "lời nói không đi đôi với việc làm" nhưng quả không hề ăn nửa đồng lương của Diêm Vương hoặc của bọn quỷ sứ thì dù có sai cũng có thể tự tha thứ cho mình được. Nói tóm lại, cứ vẫn viết tiếp :

Những hình vẽ về âm gian tôi được xem đó là sách cũ của nhà cất giữ, chứ không phải của riêng tôi. Cuốn sách có tranh vẽ đầu tiên tôi có là cuốn *Nhị thập tứ hiếu đồ*[3], một người lớn trong nhà cho. Tuy chỉ là một cuốn sách mong mỏng, nhưng trên là lời giải thích, dưới là tranh vẽ, quỷ ít người nhiều, lại là một cuốn sách chỉ mình tôi có, cho nên tôi rất lấy làm mừng. Những chuyện kể trong đó tựa hồ ai cũng biết cả rồi, đến cả người không biết chữ như u Trường cũng chỉ cần nhìn qua tranh vẽ là có thể kể lại câu chuyện thao thao bất tuyệt. Nhưng tôi đang còn mừng rỡ thì lại cụt hứng ngay, bởi vì sau khi nhờ người ta kể cho nghe hết cả hai mươi bốn chuyện rồi thì mới biết rằng làm người con có "hiếu" là khó đến như thế. Trước đây

---

(1) *M. Artsibachev* (1878 - 1927) : nhà viết tiểu thuyết người Nga, thuộc phái vô chính phủ và cá nhân chủ nghĩa. Sau Cách mạng tháng Mười, y trốn ra nước ngoài, phản đối chính quyền Xô viết.

(2) Đoạn này vẫn châm biếm Trần Tây Oánh. Trong bức thư gửi cho Từ Chí Ma. (Phụ trương *Thần báo* 30-1-1926) có viết như sau : "Có hai vị danh nhân nói câu gì đó, Chu tiên sinh (chỉ Lỗ Tấn) tức giận đến nỗi râu mép quăn lên... Đáng tiếc là đến khi tra hỏi ra thì cái câu ấy chính là lấy ở tác phẩm của ông ta ra".

(3) *Nhị thập tứ hiếu* : sách của Quách Cư Kính đời Nguyên soạn, kể chuyện hai mươi bốn người con có hiếu đời xưa. Về sau, sách in ra đều có tranh vẽ gọi là *Nhị thập tứ hiếu đồ*. Ở Việt Nam, Lý Văn Phức (1785 - 1849) cũng có một cuốn đề là *Nhị thập tứ hiếu diễn âm* cũng lấy những tích của Trung Quốc viết thành những bài ca bằng thơ song thất lục bát.

tôi đinh ninh trong dạ ước mơ sẽ trở thành một người con có hiếu, nhưng bây giờ thì hoàn toàn tuyệt vọng.

"Nhân chi sơ tính bản thiện" ư ? Đó không phải là vấn đề nghiên cứu bây giờ, nhưng tôi còn nhớ mang máng rằng, hồi còn nhỏ, tôi không hề có ý ngỗ nghịch, trái lại, đối với cha mẹ rất muốn hiếu thuận. Chẳng qua, tuổi ít dại dột chưa biết gì, chỉ theo sự suy nghĩ riêng của mình mà hiểu cách ăn ở cho thành người "hiếu thuận", cho rằng chẳng có gì khác ngoài việc "ngoan ngoãn" "biết nghe lời", và đến khi khôn lớn lên thì phụng dưỡng cha mẹ cho tử tế mà thôi. Từ khi có cuốn sách dạy làm người con có hiếu này, mới biết té ra không phải như thế, mà khó gấp mấy mươi, mấy trăm lần cơ ! Tất nhiên trong đó cũng có cái có thể cố gắng học theo được, như "Tử Lộ đội gạo"(1), "Hoàng Hương quạt nồng ấp lạnh"(2). "Lục Tích trộm quýt"(3) cũng không khó, chỉ cần có người giàu sang mời tôi đến ăn tiệc. "Ông Lỗ Tấn đi ăn cơm khách mà lấy trộm quýt à ?" Tôi liền quỳ xuống mà rằng : "Mẹ tôi tính thích quýt, muốn lấy về dâng mẹ". Kẻ giàu sang kia rất lấy làm phục, thế là có thể được tiếng con có hiếu rồi, ổn lắm, và cũng hết sức giản đơn. "Khóc cho tre mọc măng"(4) thì hơi ngờ, sợ lòng thành của tôi vị tất đã có thể cảm động được trời đất như thế. Nhưng khóc mà măng không mọc thì chẳng qua xấu mặt mà thôi, đến như "nằm băng mà chờ cá chép"(5) thì phải lo cho tính mạng. Quê tôi khí hậu ôn hòa, giữa mùa đông, mặt nước cũng chỉ đóng một lớp băng mỏng, trẻ con dù người nhẹ đến thế nào chăng nữa, nằm lên trên, nhất định cũng "ào ào" một tiếng, băng vỡ, chìm nghỉm xuống nước, chưa kịp thấy cá chép bơi qua. Tất nhiên, phải đừng lo cho tính

---

(1) *Tử Lộ*, tên Trọng Do, người nước Lỗ thời *Xuân Thu*, đồ đệ của Khổng Tử. Trong cuốn *Khổng Tử gia ngữ*, thiên *Trí tư*, Tử Lộ tự nói về mình như sau : "Lúc phụng dưỡng cha mẹ thường ăn rau lê hoắc, vì cha mẹ mà phải đội gạo hàng trăm dặm".

(2) *Hoàng Hương*, người An Lục thời Đông Hán (An Lục thuộc tỉnh Hồ Bắc), mồ côi mẹ lúc lên chín. Cuốn *Đông quan Hán ký* nói rằng ông ta phụng dưỡng cha "rất tận tâm... những ngày nóng bức thì lấy quạt quạt gối, mùa lạnh thì nằm ấp cho chiếu ấm lên".

(3) *Lục Tích* : nhà khoa học cổ đại Trung Quốc, người nước Ngô (nay là Tô Châu, thuộc tỉnh Giang Tô) thời Tam Quốc. Cuốn *Tam quốc chí* kể chuyện Lục Tích như sau : "Lúc sáu tuổi, đến chơi nhà Viên Thuật ở Cửu Giang. Viên Thuật đưa quýt ra ăn, ông ta lấy trộm ba quả. Lúc chào ra về, quýt rơi. Viên Thuật hỏi : "Anh chàng Lục đến ăn cơm khách mà lại ăn trộm quýt à ?". Lục Tích quỳ xuống đáp : "Muốn đưa về dâng mẹ". Viên Thuật rất lấy làm lạ.

(4) Chuyện Mạnh Tôn, người nước Ngô thời Tam Quốc. Cuốn *Bạch thị tục thiếp* của Bạch Cư Dị đời Đường nói : "Bà mẹ kế Mạnh Tôn rất thích ăn măng, giữa mùa đông bảo Tôn vào rừng kiếm. Tôn đi vào một rừng tre khóc thảm thiết, măng liền mọc lên".

(5) *Chuyện Vương Tường* đời Tấn. Sách *Tấn thư* chép : "Ông ta mẹ chết sớm ở với dì ghẻ, bị bạc đãi thậm tệ". Lại nói : "bà dì ghẻ thích ăn cá sống, trời rét, nước đóng băng, Tường cởi áo đập lớp băng ra mà tìm cá. Bỗng lớp băng tự tan ra, hai con cá chép nhảy lên, bắt đem về".

mạng thì lòng hiếu thảo mới cảm được thần minh, mới có những thành tích lạ lùng ngoài sự tưởng tượng, nhưng hồi đó tôi còn nhỏ, quả thực không biết như thế.

Trong đó có hai chuyện tôi không hiểu được, thậm chí còn sinh ác cảm, là chuyện "Lão Lai mua vui cho cha mẹ"[1] và chuyện "Quách Cự chôn con".

Cho đến nay tôi vẫn còn nhớ hình ảnh ông già nằm lăn trước mặt cha mẹ và đứa bé ẵm trong tay mẹ nó đã để lại cho tôi những cảm tưởng khác nhau đến như thế nào ! Ông già cũng như đứa bé, tay đều cầm một cái "trống bỏi". Cái đồ chơi ấy trông rất xinh, Bắc Kinh gọi là "tiểu cổ" tức là cái "đào" đấy. Chu Hi nói : "*Đào* là một thứ trống con, hai bên có treo hai cục lủng lẳng, cầm cán mà lắc thì hai cục hai bên đánh vào mặt trống"[2] kêu *tung tung tung tung*. Nhưng cái vật đó mà Lão Lai cầm ở tay thì không hợp, ông ta nên chống một cái gậy mới phải. Bây giờ cái bộ điệu đó trông thật là giả dối, lừa trẻ con. Tôi chỉ xem có một lần, cứ đến trang đó là vội vàng giở cho qua đi.

Cái cuốn *Nhị thập tứ hiếu đồ* ấy đã lâu không biết mất đi đằng nào rồi, bây giờ chỉ còn lại bản do Tiểu Điền Hải Tiên[3], người Nhật vẽ, kể chuyện Lão Lai Tử như sau : "Tuổi đã bảy mươi, nhưng không gọi là già, thường mặc áo ngũ sắc sặc sỡ, làm trẻ con chơi cạnh cha mẹ. Lại thường lấy nước đi lên nhà, giả vờ ngã rồi khóc như trẻ con để mua vui cho cha mẹ". Bản cũ đại để cũng giống như thế. Cái làm cho tôi ác cảm là "giả vờ ngã". Trẻ con, bất cứ là ngỗ nghịch hay là hiếu thuận, phần lớn đều không muốn "giả vờ", nghe chuyện cũng không thích nghe những lời bịa đặt, điều đó phàm ai hơi chú ý đến tâm lý các trẻ em đều biết.

Nhưng tra những cuốn sách hơi cổ một tí thì lại thấy không đến nỗi giả tạo như vậy. Cuốn *Hiếu tử truyện* của Sư Giác Thụ[4] nói : "Lão Lai Tử... thường mặc áo sặc sỡ... Lấy nước cho cha mẹ uống, đi lên nhà vấp ngã, sợ cha mẹ đau lòng, liền nằm thẳng đờ ra khóc như con trẻ" *(Thái bình ngự lãm*, lời dẫn 413). So với thuyết ngày nay, tựa hồ cận nhân tình hơn. Chẳng hiểu thế nào, các bậc quân tử về sau thì lại nhất định muốn sửa đổi cho ông ta "giả vờ", trong lòng mới khoan khoái được. Đặng Bá Đạo bỏ con cứu

---

(1) *Lão Lai Tử*, truyền thuyết nói là người nước Sở thời Xuân Thu.

(2) *Chu Hi* (1130 - 1200) : nhà lý học đời Tống. Câu này là một câu ông chú thích trong cuốn *Luận ngữ tập chú*.

(3) *Tiểu Điền Hải Tiên* : họa sĩ Nhật Bản. Cuốn *Nhị thập tứ hiếu đồ* ông ta vẽ năm 1844, có ở trong cuốn *Điểm thạch trai tùng họa*.

(4) *Sư Giác Thụ*, người Niết Đường thời Tống (Nam Triều). Cuốn *Hiếu tử truyện* của ông thất lạc. Đời Thanh có sưu tập vào trong cuốn *Hàn học đường tùng thư*.

cháu[1], nghĩ lại cũng chẳng qua là "bỏ" mà thôi, người ngu cũng lại nói ông ta trói con vào cây, không cho theo kịp, mới chịu thả tay ra. Thật giống như "lấy chuyện ghê tởm làm thú vị", lấy chuyện không có tình nghĩa làm luân lý kỷ cương, vu khống miệt thị cổ nhân, dạy điều tầm bậy cho hậu thế. Chuyện Lão Lai Tử là một thí dụ. Các vị đạo học gia[2] cho ông ta là một hòn ngọc trắng không vết, nhưng trong lòng các trẻ em thì ông ta đã chết từ lâu rồi.

Đến như đứa bé chơi "trống bỏi", con Quách Cự, thì quả thật đáng thương. Mẹ nó ẵm nó trên tay, nó đang cười thích thú lắm. Bố nó thì lại đang đào huyệt chôn nó. Lời chú giải nói : "Quách Cự, người đời Hán, nhà nghèo, có một đứa con lên ba. Mẹ ông ta thường nhịn ăn cho cháu. Ông ta bảo với vợ rằng : nhà ta nghèo túng không đủ nuôi mẹ, con ta lại ăn mất phần của mẹ, sao không chôn nó đi ?". Nhưng cuốn *Hiếu tử truyện* của Lưu Hướng[3] thì lại nói khác : Nhà Cự giàu, ông ta cho cả hai người em ; con mới đẻ, chứ chưa được ba tuổi. Kết cục lại đại để giống nhau, "đào huyệt sâu hai thước, được một hũ vàng, trên đề : *"Trời cho Quách Cự, quan không được giữ, dân không được giành"*.

Quả thực, lúc đầu tôi lo cho đứa bé đến toát mồ hôi hột, chờ khi đào được hũ vàng, lúc đó mới nhẹ người. Có điều không những tôi đã không dám mong làm một người con có hiếu nữa, mà lại còn sợ ông bố tôi làm một người con có hiếu. Tình cảnh nhà chúng tôi đang lúc sa sút, thường nghe thấy mẹ tôi lo phiền về việc gạo củi ; bà nội tôi lại già rồi, giả thử thấy tôi cũng bắt chước Quách Cự, thế thì chính là phải đem chôn tôi ! Nếu như việc xảy ra không sai một sợi tóc, thì cũng sẽ đào được một hũ vàng, cái đó tự nhiên là phúc trời cho, nhưng hồi bấy giờ tôi tuy còn ít tuổi, nhưng hình như cũng biết thiên hạ vị tất đã có những chuyện may mắn đến như thế.

Bây giờ nghĩ lại, quả thấy mình hết sức ngốc... Là bởi vì bây giờ đã biết những cái trò như thế vốn chẳng ai thực hành cả. Những bức thông tư chỉnh đốn luân lý kỷ cương thì thường có đấy, nhưng rất ít thấy những ông tai to mặt lớn mình trần trụi trụi nằm dài trên băng, những vị tướng quân xuống ô tô đội gạo. Huống hồ bây giờ đã lớn, xem được mấy bộ sách cũ, mua

---

(1) *Đặng Bá Đạo*, người đời Tấn. Lúc Thạch Lặc tấn công Tấn, cả nhà chạy nạn, giữa đường ông bỏ con cứu cháu.

(2) *Đạo học gia* : là những người theo Lý học đời Tống, một thứ Nho giáo bị xuyên tạc.

(3) *Lưu Hướng*, người đời Hán (77 - 6 tr. CN) : Cuốn *Hiếu tử truyện* của ông cũng thất lạc, về đời Thanh cũng được sưu tập vào cuốn *Hán học đường tùng thư*.

được mấy bộ sách mới, nào là *Thái bình ngự lãm*[1], *Cổ hiếu tử truyện*[2], nào là *Vấn đề nhân khẩu, Hạn chế sinh đẻ*[3]. Thế kỷ thứ hai mươi là thế giới của nhi đồng rồi, có thể có nhiều lý do để chống lại việc chôn trẻ em. Có điều *bi nhất thời, thứ nhất thời*, quả thật hồi đó tôi có hơi sợ : huyệt đào xong rồi, chẳng thấy vàng đâu cả, cùng chôn với cả cái "trống bỏi", lấp đất lại, nện thật chặt, thì thật không còn đường nào mà thoát nữa. Tội nghĩ, việc tuy vị tất đã thực hiện, nhưng từ đó tôi cứ sợ nghe thấy mẹ tôi than phiền chuyện nhà túng thiếu, sợ nhìn thấy bà nội tôi tóc bạc phơ. Tôi cứ cảm thấy bà nội tôi với tôi, thì phải một mất một còn, ít ra bà nội tôi cũng là người có trở ngại ít nhiều đến sinh mệnh của tôi. Về sau, cái cảm tưởng đó theo thời gian mờ nhạt đi, nhưng cũng để lại đôi dấu vết, cho đến khi bà nội tôi từ trần. Có lẽ điều này thì ông nhà nho cho tôi cuốn *Nhị thập tứ hiếu đồ* không thể nào mà ngờ tới được nhỉ !

Ngày 10 tháng Năm

(Tập ***Nhật cánh hoa tàn***)

---

(1) *Thái bình ngự lãm* : do các ông Lý Phường... soạn năm thứ hai Thái Bình Hưng Quốc đời Tống cho nhà vua xem. Trước đặt tên là *Thái bình loại biên*. Sách soạn xong, Tống Thái Tôn mỗi ngày xem xong ba quyển, một năm thì xem hết. Do đó, đổi tên là *Thái bình ngự lãm*. Toàn bộ chia ra làm 55 môn, dẫn dụng đến 1690 cuốn sách, có nhiều cuốn nguyên bản nay đã thất lạc.

(2) *Cổ hiếu tử truyện* : do Mao Bán Lâm biên soạn (đời Thanh).

(3) Có một thời kỳ sau cuộc Ngũ Tứ vận động, một số học giả tư sản thường bàn về vấn đề nhân khẩu và hạn chế sinh đẻ, cho đó là nguồn gốc của vấn đề xã hội. Báo chí hồi đó thường đăng nhiều bài về những vấn đề đó và các nhà xuất bản cũng xuất bản rất nhiều những loại sách như thế.

22. HẠNG CHIẾN SĨ ẤY

Nếu có hạng chiến sĩ như thế này :

Không còn mê muội như người châu Phi mà vác súng môde sáng loáng, cũng không mệt mỏi như lục doanh binh Trung Quốc[1], mà mang súng păc khoọc. Không cần đến oai linh của chiếc da trâu và áo giáp bằng sắt bỏ. Chỉ có một mình, nhưng cầm cái mũi lao mà người đã man dùng và đã bỏ xuống.

Anh ta đi vào giữa chỗ vô vật, gặp ai cũng đều gật đầu như nhau. Anh ta biết cái gật đầu đó là vũ khí của kẻ địch, là vũ khí của kẻ giết người không chảy máu, bao nhiêu chiến sĩ đã vì nó mà bỏ mình, cũng giống như viên đạn làm cho người dũng sĩ không thể dùng sức mình vào đâu nữa.

Trên những cái đầu kia có đủ thứ cờ, thêu đủ thứ tên hay : nhà từ thiện, học giả, văn sĩ, trưởng giả, thanh niên, nhã quân, quân tử... Dưới đầu, có đủ thứ áo ngoài thêu đủ kiểu : học vấn, đạo đức, quốc túy, dân ý, lôgic, công nghĩa, văn minh phương Đông...[2].

Nhưng anh ta đã bỏ mũi lao xuống.

Họ đều đồng thanh thề thốt đến dàn xếp, tim họ đều ở chính giữa lồng ngực, khác hẳn với những người tim xiên một bên. Họ đều có miếng hộ tâm kính đeo trước ngực để làm chứng cho chính mình tin rằng tim đang ở giữa lồng ngực.

Nhưng anh ta đã bỏ mũi lao xuống.

---

(1) *Lục doanh binh* : cũng gọi là *lục kỳ binh*. Đời Thanh, ngoài "bát kỳ binh" toàn là người Mãn, còn có quân đội mộ người Hán vào, gọi là *lục kỳ binh*. Đó là một đội quân yếu đuối, hèn nhát.

(2) *Văn minh Đông phương* : một khẩu hiệu do bọn phục cổ phản động đề ra khoảng đầu Dân Quốc đến Ngũ Tứ, mục đích duy trì văn hóa phong kiến, phản đối cải cách dân chủ và khoa học.

Anh ta mỉm cười, nghiêng người ném một cái, nhưng lại đứng giữa buồng tim của họ.

Tất cả trúc nhào xuống, xiêu vẹo ; – nhưng chỉ có cái bộ áo ngoài mà thôi, bên trong không có gì hết. Cái vật của võ vật đã chạy thoát rồi và đã thắng, bởi vì lúc này anh ta trở thành kẻ tội nhân giết hại những nhà từ thiện v.v...

Nhưng anh ta đã bỏ mũi lao xuống.

Trong chỗ võ vật, anh ta dấn bước lên, lại thấy những cái gật đầu, các thứ cờ, các thứ áo ngoài...

Nhưng anh ta đã bỏ mũi lao xuống.

Cuối cùng anh ta không phải là chiến sĩ, nhưng cái vật của võ vật thì đã thắng.

Trong tình cảnh ấy, chẳng ai nghe tiếng đánh nhau : thái bình.

Thái bình...

Nhưng anh ta đã bỏ mũi lao xuống.

Ngày 14 tháng 12 năm 1925

(Tập ***Cỏ dại***)

23. BÀN QUA VỀ BỘ MẶT NGƯỜI TRUNG QUỐC*

Đại khái người ta khi thấy cái gì không quen mắt lắm, thì không khỏi cho là cổ quái. Tôi còn nhớ lần đầu tiên gặp người phương Tây, tôi cảm thấy mặt họ trắng quá, tóc vàng quá, lòng đen con mắt nhạt quá, sống mũi cao quá. Tuy không thể nói rõ lý do vì sao, nhưng tóm lại là : tướng mạo không nên như thế. Còn như đối với bộ mặt của người Trung Quốc, thì không có ý kiến gì ; dù xấu đẹp khác nhau, nhưng đều dễ coi cả.

Nhưng cổ nhân chúng ta lại tựa hồ hay xét nét tướng mạo của người Trung Quốc mình. Mạnh Kha đời Chu[1] thì nhìn con ngươi mắt mà đoán bụng dạ chính đính hay không chính đính ; triều Hán còn có sách *Xem tướng*, 24 quyển[2]. Về sau, những trò như thế rất nhiều ; phân ra, có thể nói là có hai phái : một phái xem mặt mà biết được khôn dại, hiền ngu ; một phái thì xem mặt mà biết quá khứ, hiện tại, tương lai, sướng khổ thế nào. Thế là thiên hạ rối lên, từ đó sinh ra lắm chuyện, bao nhiêu người ngồi nghiên cứu mặt mình mà run cầm cập. Tôi nghĩ, việc phát minh ra cái gương soi có lẽ là công lao lớn của mấy người ấy và của các cô tiểu thư. Có điều gần đây, phái thứ nhất không mấy người theo nữa ; ở những nơi như Bắc Kinh, Thượng Hải, phái đang hoành hành chỉ là phái thứ hai.

Xưa nay tôi chỉ lưu ý đến người phương Tây. Kết quả lại cảm thấy da dẻ họ không khỏi thô quá, lông của họ trắng, cũng không đẹp. Trên da lại có những nốt đo đỏ, đó là vì màu da trắng quá, thật không bằng chúng ta, da vàng. Xấu nhất là cái mũi đỏ lòm, có khi giống y như một cục sáp sắp

---

* Bài này đăng lần đầu trên báo *Măng nguyên* ngày 25 tháng 11 năm 1927.

(1) *Mạnh Kha* : tức Mạnh Tử (372 - 289 tr.CN). Trong thiên *Ly lâu* có câu : "Mạnh Tử nói, trong các giác quan của con người thì không có cái gì đẹp bằng con ngươi mắt. Con ngươi mắt không thể che giấu những điều xấu của con người ta. Lòng người ta chính đính thì con ngươi mắt trong sáng, lòng người ta không chính đính thì con ngươi mắt tối sầm lại. Anh nghe người ta nói, hãy nhìn con ngươi mắt người ta thì người ta không giấu gì nổi anh".

(2) *Tướng nhân* : một cuốn sách xem tướng đời Hán, không biết ai soạn.

chảy, tựa hồ sẽ rơi xuống, khiến người ta trông mà phát sợ ; cũng không bằng được cái mũi của người da vàng, kín đáo, và an toàn hơn. Tóm lại là : tướng mạo không nên như thế.

Sau này, tôi thấy người phương Tây vẽ người Trung Quốc, mới biết đối với tướng mạo của chúng ta, họ cũng không lấy gì làm tôn kính cho lắm. Những bức vẽ đó có lẽ là những bức minh họa trong cuốn *Thiên phương dạ đàm*[1] hoặc giả trong cuốn *Chuyện trẻ con* của Anđecxen[2], bây giờ nhớ không rõ nữa. Đầu đội mũ tua đỏ, giắt hai cái lông chim sặc sỡ, một cái bím tóc bay phất phơ, đôi hài đế trắng hết sức dày. Nhưng những cái đó đều là người Mãn Châu làm liên lụy đến chúng ta. Chỉ có đôi con mắt xếch, cái miệng há hốc để lộ cả hàm răng ra, thì vốn là tướng mạo của chúng ta. Có điều, hồi đó tôi nghĩ, kỳ thực không hẳn như thế, người ngoại quốc họ muốn chế giễu chúng ta, nên mới hình dung chúng ta một cách quá đáng như vậy.

Nhưng từ đó về sau, đối với tướng mạo của một số người Trung Quốc, tôi cũng dần dần cảm thấy không được bằng lòng, tức là mỗi khi họ thấy cái gì thường ít gặp, hoặc một người đàn bà đẹp, hay là nghe chuyện gì đến say mê, thì cằm của họ cứ dần dần trễ xuống, làm cho cái miệng há hốc ra. Trông chẳng nhã tí nào cả ; hình như trong tinh thần thiếu mất một cái gì. Theo những nhà học giả nghiên cứu về thân thể con người, thì cái "gân nhai", một đầu mắc vào xương quai hàm trên và đầu kia mắc vào xương quai hàm dưới, có một sức mạnh ghê gớm. Chúng ta hồi còn bé muốn ăn hạt đào thì phải để vào khe cửa rồi nghiến cho cái vỏ ngoài vỡ ra. Nhưng lớn lên, nếu răng tốt, thì co bóp cái gân nhai lại một cái là đã có thể cắn vỡ hạt đào rồi. Có một cái gân mạnh đến thế mà có lúc không thể giữ nổi cái cằm của mình vốn không lấy gì làm nặng, mặc dù lúc say mê thì cũng tha thứ được, nhưng tôi cứ cho rằng rút cục đó vẫn là một việc không lấy gì làm đẹp mắt.

Ông Trường Cốc Xuyên Như Thị Nhàn[3], người Nhật Bản, hay viết văn châm biếm. Năm ngoái, tôi có đọc một tập tùy bút của ông ta, đề là : *Mèo, Chó, Người* ; trong đó có một thiên nói đến bộ mặt người Trung Quốc. Đại ý là lần đầu tiên gặp người Trung Quốc, người ta cảm thấy, so với người Nhật Bản hay người phương Tây, thì trên nét mặt giống như thiếu một cái gì. Mãi lâu, nhìn quen, thì cảm thấy như thế cũng đã đủ rồi, chẳng thiếu cái

---

(1) *Thiên phương dạ đàm* : cũng gọi là *Một nghìn một đêm lẻ* là một tập chuyện Ả Rập.
(2) *Andersen* (1805 - 1875) : nhà văn viết chuyện trẻ con nổi tiếng, người Đan Mạch.
(3) *Trường Cốc Xuyên Như Thị Nhàn* : nhà văn bình luận hiện đại Nhật Bản.

gì cả ; mà ngược lại, nhìn mặt người phương Tây thì thấy thừa một cái gì. Cái thừa đó, ông ta đặt cho một cái tên chẳng đẹp lắm : thú tính. Người Trung Quốc không có cái đó trên mặt tức là người, thêm cái gì thừa vào đó nữa, tức sẽ có một công thức toán như sau :

Người + thú tính = người phương Tây.

Ông ta mượn cớ khen người Trung Quốc để mạt sát người phương Tây và châm biếm người Nhật Bản, mục đích đó ông ta đã đạt được. Tất nhiên không cần phải nói, trên mặt người Trung Quốc mà không thấy cái thú tính đó là vì vốn xưa nay chúng ta không hề có, hay là hiện đã mất đi rồi. Nếu như về sau mới mất, tức là dần dần chúng ta đã gột sạch đi và chỉ còn lại nhân tính nữa, hoặc chẳng qua dần dần chúng ta trở thành thuần thục đi như thế. Trâu rừng trở thành trâu nhà, lợn rừng trở thành lợn nhà, sói trở thành chó, dã tính mất đi, nhưng chỉ đủ để làm cho người chăn nuôi mừng, chứ không ích gì cho bản thân cả. Người chẳng qua là người, không có cái khác lẫn lộn vào, tất nhiên còn gì hay hơn. Còn nếu bất đắc dĩ, thì tôi cho rằng không bằng có một ít thú tính. Trái lại, nếu đúng với công thức toán dưới đây thì thật không lấy gì làm thú vị :

Người + gia súc tính = một hạng người nào đó.

Trên mặt người Trung Quốc quả thật có dấu vết thú tính hay không, cái nghi án ấy tạm thời hãy gác lại, chưa thảo luận. Tôi chỉ muốn nói rằng gần đây, trên mặt người đời xưa và người đời nay, theo lý tưởng của người Trung Quốc, thì thấy có hai cái thừa. Vừa đến Quảng Châu, tôi cảm thấy so với Hạ Môn mà tôi vừa rời khỏi, thì cái phong phú nhất là điện ảnh, mà già nửa là "phim của ta", có phim đóng người đời xưa, có phim đóng người đời nay. Bởi vì điện ảnh là "nghệ thuật", cho nên nhà nghệ thuật điện ảnh liền đem hai cái thứ thừa đó thêm vào.

Phim đóng người đời xưa cũng có thể nói là xem được : không thua gì xem tuồng ; ít nhất cũng quyết không có chiêng trống làm cho người ta điếc tai. Trên "màn bạc", tất nhiên có những nhân vật mặc không biết y phục thời đại nào, đi đứng chậm chạp ; nét mặt thì chết như người đời xưa, bởi vì muốn cho có vẻ sống, nên đành phải thêm vào cái u mê dung tục kiểu tuồng cũ vào.

Mặt những nhân vật ăn mặc kiểu mới, thì nếu ai đã xem họa báo của Ngô Hữu Như[1] ở Thượng Hải, thời Quang Tự triều Thanh, là có thể cảm

(1) *Ngô Hữu Như*, người Giang Tô, là một họa sĩ nổi tiếng cuối đời Thanh. Tác phẩm của ông thường đăng trên tờ *Điểm thạch trai họa báo*, xuất bản ở Thượng Hải hồi bấy giờ.

thấy thần thái giống như đúc. Họa báo đó đại để chỉ vẽ bọn lưu manh đánh nhau, hoặc bọn gái điếm ghen nhau, cho nên mặt mũi người nào người nấy trông rất gian giảo. Cái tinh thần đó tựa hồ cho đến nay vẫn chưa thay đổi. Nhân vật trong phim do ta sản xuất, mặc dù tác giả cho đó là người lương thiện hay là người xuất chúng, nhưng cứ mang trên nét mặt cái gian giảo của đất Thượng Hải. Đủ thấy không như vậy, thì không thể thành được người lương thiện hay là người xuất chúng.

Nghe nói, phim do ta sản xuất sở dĩ nhiều như vậy là vì được Hoa kiều hoan nghênh, có thể vớ được nhiều tiền. Mỗi khi có một bộ phim mới đưa sang, thì các cụ già liền mang trẻ con đến chỉ cho các em thấy và nói : "Xem kìa, người Tổ quốc chúng ta là như thế đấy !". Ở Quảng Châu, tựa hồ những bộ phim đó cũng được hoan nghênh, ngày đêm chiếu bốn lần, tôi thường thấy người xem ngồi chật ních.

Quảng Châu ngày nay cũng giống như Thượng Hải, người ta đang nuôi dưỡng lòng ham thích của họ như thế đấy. Đáng tiếc là điện ảnh bắt đầu chiếu thì đèn nhất định tắt mất, nên tôi không thể nhìn thấy cằm của người ta.

Ngày mồng sáu tháng tư năm 1927

(Tập ***Mà thôi***)

24. CẢM NGHĨ NHỎ*

Nọc con ong, khi dùng đến thì ong toi mạng ; nọc của bọn khuyển nho[1], khi dùng đến thì sinh mạng của chúng được kéo dài thêm.

Bọn khuyển nho và ong khác nhau ở chỗ đó.

Giôn Min[2] nói : chuyên chế làm cho người ta phải cười mỉa. Nhưng ông ta lại không biết chế độ cộng hòa làm cho người ta trở thành trầm mặc.

Ra chiến trường thì chẳng gì bằng làm quân y ; làm cách mạng thì chẳng gì bằng đi sau cùng ; giết người thì chẳng gì bằng làm anh đao phủ. Đã anh hùng lại bình yên vô sự.

Nói chuyện với danh lưu học giả, thì những lời họ nói, nên giả vờ đôi khi có chỗ không hiểu. Không hiểu cả thì bị xem khinh, mà hiểu quá thì lại bị ghét. Đôi khi có chỗ không hiểu, thì thích hợp cho cả hai bên.

Thế gian đại để chỉ biết cái kiếm chỉ huy là chỉ huy võ sĩ, mà không ngờ cũng có thể chỉ huy cả văn nhân nữa.

Lại là bài ghi diễn thuyết, lại là bài ghi diễn thuyết.

Nhưng đáng tiếc đều không nói rõ làm sao ông ta lại khác hẳn trước : cũng không nói rõ lúc ông ta diễn thuyết, tự ông ta có tin những lời ông ta nói hay không[3].

---

* Bài này đăng lần đầu tiên trên tờ *Ngữ ti*, ngày 17 tháng 12 năm 1927.

(1) *Khuyển nho* : nguyên dùng chỉ phái triết học *Cynicisme* thời cổ Hy Lạp. Họ chủ trương độc thiện kỳ thân, cho rằng con người ta nên được tuyệt đối tự do, phủ định mọi thứ luân lý đạo đức và sống theo một cuộc sống cầm dục rất giản lậu, thường bị người ta gọi mỉa là *đồ chó đói*, cho nên mới đặt tên là học phái *khuyển nho*.

(2) *J.Mill* (1806 – 1873) : nhà triết học duy tâm người Anh và cũng là nhà kinh tế học thuộc phái Công lợi chủ nghĩa.

(3) Tưởng Giới Thạch, Uông Tinh Vệ, Ngô Trĩ Huy bấy giờ đi diễn thuyết các nơi, những bài đó được in thành tập. Nội dung những bài nói chuyện đó khác hẳn những lời họ nói trước cuộc phản biến ngày 12 tháng 4. Trước, bọn họ nói là ủng hộ ba chính sách lớn của Tôn Trung Sơn, đoàn kết với Liên Xô, đoàn kết với Đảng Cộng sản, giúp đỡ công nông. Sau khi phản biến, họ lời bộ mặt thực, ra sức chống đối lại Liên Xô, tiêu diệt cộng sản, áp bức công nông.

Những người thông minh sang trọng đều cho như đã chết ngày hôm qua[1].

Những người ngu ngốc không sang trọng thì quả thực đều đã chết từ hôm qua.

Những người đã từng sang trọng rồi thì muốn phục cổ, những người đang được sang trọng thì muốn giữ nguyên hiện trạng, những người chưa từng được sang trọng thì muốn cách tân. Đại để như thế. Đại để !

Cái phục cổ mà họ nói là trở về mấy năm trước mà họ nhớ, chứ không phải là thời đại Ngu, Hạ, Thương, Chu.

Trong thiên tính của người phụ nữ có mẫu tính, có nữ nhi tính, không có thê tính.

Thê tính là do bức ép mà thành, chỉ là sự hỗn hợp giữa mẫu tính và nữ nhi tính.

Đề phòng bị lừa.

Với những kẻ tự xưng là trộm cướp thì không cần đề phòng, gặp người trái ngược lại thì sẽ là người tốt. Với những người tự xưng là chính nhân quân tử, thì cần đề phòng, gặp người trái ngược lại thì sẽ là trộm cướp.

Dưới gác có một người đàn ông ốm sắp chết, nhà bên cạnh đang vặn máy hát, nhà phía trước đang đùa với con. Trên gác đang có hai người cười phá lên ; lại nghe tiếng đánh bài. Trên chiếc thuyền giữa sông, một người con gái khóc mẹ vừa chết.

Những nỗi vui buồn của nhân loại chẳng tương thông gì với nhau cả, tôi chỉ cảm thấy họ làm ồn lên mà thôi.

Mỗi khi có người mang áo rách đi qua, thì con chó bông sủa lên, kỳ thực chẳng phải ý chủ nó muốn thế, hoặc xui nó như thế. Thường thường con chó bông lại còn dữ hơn chủ nó nữa.

E một ngày kia sẽ không được mặc áo rách, nếu không thì bị nghi là cộng sản.

Cách mạng, phản cách mạng, không cách mạng.

Những người cách mạng bị những người phản cách mạng giết. Những người phản cách mạng bị người cách mạng giết. Những người không cách mạng hoặc tưởng lầm là cách mạng cũng bị những người phản cách mạng giết, hoặc giả những người bị nghi là phản cách mạng bị những người cách mạng giết, hoặc giả những người không bị nghi là gì cả cũng bị những người cách mạng và những người phản cách mạng giết.

---

(1) Câu "như chết ngày hôm qua" (nguyên văn : *như tạc nhật tử*) là câu nói của Tăng Quốc Phiên ; Lỗ Tấn dùng để chỉ những người phản cách mạng.

Cách mạng, cách cách mạng, cách cách cách mạng, cách cách...

Khi buồn, người ta có thể sáng tác ; khi hứng hờ thì không sáng tác, vì không còn yêu cái gì nữa. Sáng tác bắt rễ ở tình yêu.

Dương Chu[1] không có sách.

Tuy nói sáng tác là miêu tả lòng mình, nhưng cũng muốn có người khác xem.

Sáng tác có tính chất xã hội.

Nhưng có lúc chỉ cần có một người xem là đã thỏa mãn : bạn thân, người yêu.

Người ta thường ghét hòa thượng, ghét ni cô, ghét tín đồ Hồi giáo, ghét tín đồ Thiên Chúa giáo mà không ghét đạo sĩ.

Hiểu được lý lẽ đó, thì đã hiểu được Trung Quốc một nửa rồi.

Người muốn tự sát cũng có thể sợ nước biển tràn đầy, sợ ngày hè tử thi dễ rữa.

Nhưng gặp một cái hồ trong lặng, giữa đêm thu mát mẻ, thường thường người đó có thể tự sát.

Phàm những người bị nhà đương cuộc "giết" đều có "tội".

Lưu Bang trừ sự tàn bạo của Tần, "cùng các bậc phụ lão, đặt ra ba pháp lệnh[2]".

Nhưng về sau vẫn có lệ giết cả họ, vẫn cấm sách, đó còn là pháp luật đời Tần.

Ba pháp lệnh chỉ là một câu nói mà thôi.

Cứ nhìn thấy áo cộc tay là lập tức nghĩ đến cánh tay trắng nõn, lập tức nghĩ đến cả người trần truồng, lập tức nghĩ đến bộ phận sinh dục, lập tức nghĩ đến giao cấu, lập tức nghĩ đến chuyện lang chạ, lập tức nghĩ đến những đứa con chửa hoang.

Trí tưởng tượng của người Trung Quốc chỉ có về mặt đó là có thể nhạy đến như thế.

Ngày 24 tháng Chín năm 1927

(Tập ***Mà thôi***)

---

(1) *Dương Chu*, người thời Chiến Quốc, có kẻ nói là học trò Lão Tử. Không có sách truyền lại, chỉ thấy rải rác những lời nói của ông trong sách *Liệt Tử*, *Mạnh Tử* mà thôi. Thuyết của ông là lấy "ta" làm trung tâm, dù mất một sợi lông mà lợi cho thiên hạ, cũng không làm, trái với thuyết kiêm ái của Mặc Tử.

(2) Khi Lưu Bang dấy quân diệt Tần có ước cùng các vị phụ lão ba điều : ai giết người sẽ bị tội chết, ai làm người bị thương hoặc lấy của người cũng bị tội.

25. TẬP QUÁN VÀ CẢI CÁCH*

Nhân dân mà thể chất và tinh thần đã trơ đi rồi, thì bất cứ một sự cải cách hết sức nhỏ nào, họ cũng ngăn trở. Bề ngoài hình như họ sợ bất tiện cho mình, kỳ thực là sợ bất lợi cho mình, nhưng cớ họ đưa ra thì thường thường lại thấy cực kỳ công bằng, chính trực và đàng hoàng lắm.

Năm nay cấm dùng âm lịch, đó vốn là chuyện nhỏ nhặt, không can gì đến đại thể, nhưng các nhà buôn tất nhiên kêu nhao nháo lên. Chẳng những thế, đến bọn du thủ du thực, bọn làm thuê trong các công ty ở Thượng Hải cũng thường thường ngậm ngùi thở dài, hoặc giả nói như thế rất không tiện cho việc cày cấy của con nhà nông, hoặc giả nói như thế rất không tiện cho việc tính con nước cho thuyền bè đi biển. Nhân thể họ mới nhớ đến người nông phu ở nhà quê, người lái thuyền ở ngoài biển, những người đã lâu chẳng có liên quan gì đến họ. Thật giống như là bác ái lắm !

Cứ đến hăm ba tháng Chạp, tiếng pháo lại nổ lạch tạch khắp nơi. Tôi hỏi một anh làm công trong hiệu kia : "Năm nay vẫn có thể ăn Tết theo lịch cũ, sang năm nhất định phải ăn Tết theo lịch mới chứ ?". Trả lời : "Sang năm là sang năm. Để sang năm hẳng hay". Anh ta không tin sang năm thế nào cũng phải ăn Tết theo dương lịch. Nhưng trên các tấm lịch thì quả đã bỏ âm lịch rồi, chỉ còn ghi thời tiết mà thôi. Thế nhưng, mặt khác, trên báo chí lại xuất hiện cái quảng cáo "Âm dương hợp lịch một trăm hai mươi năm". Hay lắm ! Cả đến âm lịch đời chắt, đời chiu, họ cũng đã chuẩn bị đâu vào đấy rồi. Một trăm hai mươi năm !

Bọn ông Lương Thực Thu tuy rất ghét đa số, nhưng lực lượng của đa số là vĩ đại, là cần thiết, ai có chí cải cách, nếu không biết rõ lòng dân chúng mà cứ tìm cách hướng dẫn, cải tiến, thì dù nói trên trời dưới đất, lăng mạn cổ điển thế nào đi nữa, cũng chẳng dính dáng gì với họ hết. Chỉ là mấy người trong phòng sách tán thưởng lẫn nhau, tự thỏa mãn với mình mà thôi.

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Mầm non* tháng 3 năm 1930.

Giả dụ, có "chính phủ người tốt"[1] ra lệnh cải cách, không bao lâu sẽ bị họ kéo trở về con đường cũ ngay.

Nhà cách mạng chân chính thì có những kiến giải độc đáo. Chẳng hạn ông Ulinốp[2], ông bao gồm "phong tục" và "tập quán" vào trong "văn hóa", và cho rằng cải cách những cái đó rất khó. Nhưng tôi nghĩ, nếu không cải cách những cái đó, thì cuộc cách mạng cũng cầm bằng không thành công, chẳng khác gì xây lâu đài trên bãi cát, chốc lát sẽ đổ nhào. Cuộc cách mạng chống Mãn Thanh đầu tiên của Trung Quốc[3] sở dĩ được hưởng ứng dễ dàng, là vì đã nêu khẩu hiệu "quang phục cựu vật"[4] tức là "phục cổ", nhân dân quen thói bảo thủ dễ đồng ý. Nhưng đến sau, không có được cái thịnh thế của lúc đầu khai quốc, theo như lệ thường trên lịch sử, mà chỉ mất toi cái đuôi sam, nên người ta rất lấy làm bất mãn.

Từ đó về sau, những sự cải cách hơi mới một chút, đều thất bại hết. Cải cách một lạng, phản động mười cân, như chuyện kể trên, trên tấm lịch một năm, không cho chua âm lịch, nhưng liền có cuốn âm dương hợp lịch một trăm hai mươi năm.

Cái thứ hợp lịch đó, những người hoan nghênh nhất định rất nhiều, bởi vì được phong tục và tập quán ủng hộ, cho nên cũng được phong tục và tập quán tiếp viện đằng sau cho. Việc khác cũng thế. Nếu không đi sâu vào trong tầng lớp lớn dân chúng, nghiên cứu, phân tích phong tục tập quán của họ, phân biệt cái dở, cái hay, đặt tiêu chuẩn giữ cái nào, bỏ cái nào, giữ hay bỏ, đều phải thận trọng chọn phương pháp thi hành, thì bất cứ cải cách như thế nào, đều sẽ bị tảng đá tập quán đè nát, hoặc chỉ trôi nổi trên bề mặt được ít lâu mà thôi.

Bây giờ không phải là lúc còn ngồi trong phòng sách, cầm sách mà tán rộng về tôn giáo, pháp luật, văn nghệ, mỹ thuật v.v... nữa rồi. Ví dụ muốn bàn về những cái ấy, trước hết cũng phải hiểu tập quán và phong tục đã, lại có dũng cảm và nghị lực nhìn thẳng vào mặt đen tối của nó. Bởi vì nếu không thấy rõ, thì không biết nên cải cách từ chỗ nào. Chỉ kêu gào suông sẽ có ánh sáng tương lai, thực ra là lừa dối mình lười biếng và người nghe lười biếng.

(Tập ***Hai lòng***)

---

(1) "*Chính phủ người tốt*" là chủ trương của Hồ Thích đưa ra năm 1922. Ông ta cho rằng quý hồ trong chính phủ có những phần tử ưu tú thì muốn cải cách gì cũng được. "Người tốt", "những phần tử ưu tú" nói đó là những người tự do chủ nghĩa của giai cấp tư sản, như kiểu Hồ Thích.

(2) *Ulinốp* : tức Lênin. Câu nói của Lênin trong tập *Bệnh ấu trĩ "tả khuynh" trong phong trào cộng sản*.

(3) Chỉ cuộc cách mạng Tân Hợi.

(4) *"Quang phục cựu vật"* : khôi phục lại nước cũ, chế độ cũ.

26. CHÚNG TA KHÔNG BỊ LỪA NỮA ĐÂU !*

Chủ nghĩa đế quốc nhất định muốn tấn công Liên Xô. Liên Xô càng làm tốt, chúng nó càng muốn tấn công gấp, bởi vì chúng nó càng đi tới diệt vong.

Chúng ta bị chủ nghĩa đế quốc và bọn tay sai của chúng nó lừa bịp lâu quá rồi. Sau Cách mạng tháng Mười, chúng nó cứ nói Liên Xô nghèo như thế nào, hung ác như thế nào, phá hoại văn hóa như thế nào, nhưng sự thực hiện nay ra sao ? Lúa mì và dầu hỏa bán ra nước ngoài, chẳng phải đã làm cho thế giới thất kinh đó ư ? Thủ lĩnh Đảng thực nghiệp[1] là kẻ địch chính, chẳng phải chỉ bị mười năm tù ư ? Thư viện và nhà bảo tàng ở Lêningơrat và Mạc Tư Khoa chẳng phải đều không bị phá ư ? Các nhà văn như Xêrafimôvit, Fadêep, Kaclôp, Xenfulina[2], Sôlôkhôp v.v... chẳng phải Tây Âu, Đông Á đều khen ngợi tác phẩm của họ ư ? Về nghệ thuật, tôi không biết rõ lắm, nhưng theo ông K. Umanski[3] nói, thì trong năm 1919, có hai mươi lần triển lãm ở Mạc Tư Khoa, hai lần ở Lêningơrat ("*Neue Kunst in Russland* "), bây giờ phát triển như thế nào, có thể đoán mà biết được.

Nhưng bọn chuyên đặt điều nói xấu, chúng nó vô sỉ và khôn khéo hết sức : khi sự thực chứng tỏ chúng nó nói láo, thì chúng nó trốn mất, và đưa một bọn khác ra.

Gần đây, tôi thấy một cuốn sách nhỏ nói rằng nền tài chính Mỹ có hy vọng phục hưng, trong bài tựa có nói, ở Liên Xô muốn mua vật phẩm, phải

---

* Bài này đăng lần đầu ở tạp chí *Bắc Đẩu*, ngày 20 tháng 5 năm 1932.

(1) *Đảng thực nghiệp* : tập đoàn phản cách mạng phá hoại cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô năm 1930. Chúng phần lớn là kỹ sư, công trình sư, nhân viên kỹ thuật, do đế quốc Pháp điều khiển, lén lút vào các cơ quan kiến thiết để phá hoại.

(2) Lỗ Tấn có dịch của Xenfulina truyện ngắn *Phân bón*.

(3) *Umanski*, đương thời là Trưởng ban báo chí Hội ngoại giao nhân dân Liên Xô. Cuốn *Neue Kunst in Russland* (Nghệ thuật mới của nước Nga) là tác phẩm của ông.

sắp hàng dài, bây giờ cũng không khác gì trước, tuồng như tác giả bực tức thay cho những người đứng sắp hàng, và động lòng từ bi.

Việc ấy, tôi tin là có, bởi vì Liên Xô, trong thì đang kiến thiết, ngoài thì bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, tất nhiên nhiều vật phẩm không thể có đủ. Nhưng chúng ta cũng nghe thấy nói đến những người thất nghiệp ở các nước khác sắp từng hàng dài đi đến đói rét ; nhân dân Trung Quốc nằm trong cái mạng lưới to lớn : nội chiến, nước ngoài xâm lược và áp bức, thủy tai, bóc lột, đang sắp hàng dài đi đến chỗ chết.

Nhưng chủ nghĩa đế quốc và bọn đầy tớ của chúng cứ nói với chúng ta rằng Liên Xô không tốt thế nào, làm như chúng nó muốn Liên Xô trong chốc lát biến thành thiên đường, mọi người đều hạnh phúc. Bây giờ lại như thế này, thì chúng nó thất vọng, cảm thấy khó chịu. Đó là những giọt nước mắt của quỷ dữ.

Trợn mắt lên là lòi cái bản tướng của quỷ dữ ra – chúng nó muốn trừng trị.

Chúng nó một mặt trừng trị, một mặt lừa bịp. Những lời nói như chính nghĩa, nhân đạo, công lý... lại sẽ bay đầy trời. Nhưng chúng ta nhớ, hồi đại chiến Âu châu, những lời nói đó cũng đã được tung ra một lần rồi, lừa phỉnh được bao nhiêu công nhân cực khổ của chúng ta đi ra mặt trận chết thay cho chúng nó, sau đó chúng nó lại dựng tấm bia "Công lý chiến thắng" vô sỉ, ngu ngốc hết sức ở vườn hoa Trung Ương Bắc Kinh (nhưng về sau lại thay đi rồi). Bây giờ thì thế nào ? "Công lý" ở đâu ? Việc đó chỉ mới mười sáu năm trời, chúng ta còn nhớ.

Trừ bọn đầy tớ của chúng nó không kể, giữa chủ nghĩa đế quốc và chúng ta, có điều lợi hại nào mà không trái ngược nhau ? Ung thư của chúng ta là bảo bối của chúng nó, thế thù, kẻ thù của chúng ta tất nhiên là bạn bè của chúng nó. Bản thân chúng nó đang sụp đổ, không cách nào duy trì được ; để cứu vãn mạt vận của chúng nó, chúng nó đâm ra căm ghét sự tiến bộ của Liên Xô. Đặt điều vu khống, nguyền rủa, oán giận, đủ cách, không có hiệu quả, cuối cùng đành chuẩn bị ra tay đánh, nhất định phải tiêu diệt đi mới ngủ yên. Nhưng chúng ta làm gì đây ? Chúng ta còn có thể bị lừa nữa ư ?

"Liên Xô là nước giai cấp vô sản chuyên chính, giai cấp trí thức sẽ phải chết đói". Một nhà báo danh tiếng đã từng cảnh cáo chúng ta như thế. Phải, điều đó e sẽ làm cho tôi cũng ngủ không được. Nhưng giai cấp vô sản chuyên chính, chẳng phải là để cho xã hội không có giai cấp ngày mai đó sao ? Miễn

là anh đừng mưu hại nó, tất nhiên nó sẽ thành công sớm, giai cấp cũng tiêu diệt sớm, lúc đó thì chẳng ai có thể "chết đói" được. Không cần nói, tạm thời không thể tránh được phải sắp hàng dài, nhưng cuối cùng sẽ nhanh hơn.

Bọn đầy tớ của chủ nghĩa đế quốc muốn đi đánh, thì chúng nó (!) theo ông chủ chúng nó mà đi đánh là được rồi. Giữa nhân dân chúng ta và chúng nó, những điều lợi hại hoàn toàn trái ngược nhau. Chúng ta phản đối tấn công Liên Xô. Ngược lại, chúng ta sẽ đánh ngã lũ quỷ dữ tấn công Liên Xô, mặc dù chúng nó nói những lời đường mật như thế nào, làm ra vẻ công bình chính trực như thế nào đi nữa.

Đó mới là con đường sống của chúng ta !

Mồng 6 tháng 5 năm 1932

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

27. NGHE NÓI CHUYỆN MỘNG*

Nằm mộng thì tự do, nói chuyện mộng thì không được tự do nữa. Nằm mộng là nằm mộng thật, nói chuyện mộng thì khó lòng khỏi nói láo.

Đầu năm mới, nhận được số đặc biệt của tạp chí *Đông phương*, cuối cùng có mục *Ước mơ năm mới*. Câu hỏi là *"Trung Quốc tương lai trong mộng tưởng"* và *"đời sống riêng"*. Có một trăm bốn mươi người trả lời. Nỗi khổ tâm của nhà báo, tôi rõ lắm. Nhất định ông ta cho rằng ngôn luận không được tự do, thì chi bằng nói chuyện mộng vậy. Vả lại, so với cái giả dối của những lời nói gọi là thật, thì cái thật của những chuyện mộng mà lại hơn. Tôi thích thú giở xem, biết thế nào ông nhà báo cũng sẽ thất bại to.

Trước khi nhận được số đặc biệt này, tôi có gặp một người gửi bài, ông ta đã được xem bản in trước tôi, ông ta nói câu trả lời của ông ta bị nhà tư bản[1] sửa chữa, cái mộng ông ta nói, thật ra không phải như thế. Đủ thấy nhà tư bản, tuy chưa có cách nào cấm người ta nằm mộng, nhưng nói ra, nếu quyền lực có thể với tới, thì phải can thiệp, quyết không để cho anh tự do. Nội điểm đó đã là cái thất bại to của nhà báo rồi.

Nhưng chúng ta hãy gác cái án sửa chữa mộng ấy lại, chỉ xem cảnh mộng tả như thế nào. Đúng như nhà báo nói, những người trả lời hầu như đều là trí thức cả. Trước hết, ai cũng cảm thấy đời sống không ổn định, thứ nữa, nhiều người mơ ước một xã hội tốt đẹp tương lai, nào là "mỗi người sẽ được phát triển hết khả năng của mình", nào là "thế giới đại đồng", thật có vẻ "vượt ra ngoài quy củ" nhiều lắm (ba câu cuối là tôi thêm vào, nhà báo không nói).

---

* Bài này đăng lần đầu trên *Văn học* tạp chí, tháng 4 năm 1933.

(1) Chỉ nhà tư bản bỏ tiền xuất bản tờ tạp chí đó.

Nhưng về sau thì ông ta tỏ ra hơi "u mê" một chút, không biết ông ta nhặt ở đâu ra cái học thuyết đem chia hơn một trăm cái mộng đó ra làm hai loại lớn, nói rằng mộng tưởng một xã hội tốt đẹp là mộng "tải đạo"[1], là "dị đoan", còn mộng chính tông thì phải là "ngôn chí"[2], biến cái "chí" thành một cái gì mơ hồ rỗng tuếch. Nhưng Khổng Tử nói : "Sao các ngươi không nói cái chí của mình ra"[3], nhưng cuối cùng thì tán thành Tăng Điểm, là bởi vì "chí" của ông này hợp với "đạo" của Khổng Tử.

Kỳ thực, những cái mộng mà nhà báo cho là "tải đạo", thì trong ấy ít lắm. Văn chương là viết lúc đang tỉnh, câu hỏi lại gần như là "trắc nghiệm tâm lý", làm cho người trả lời không thể không mơ ước những cái thích hợp với chức nghiệp, địa vị, thân phận của mình trước mắt (những cái mộng đã bị bỏ đi, tất nhiên không ở trong trường hợp này) ; mặc dù thấy giống "tải đạo" thế nào đi nữa, nhưng không có cái ý "tuyên truyền" cho xã hội tốt đẹp tương lai. Cho nên, có người mơ ước "mọi người đều có cơm ăn", có người mơ ước "xã hội không giai cấp", có người mơ ước "thế giới đại đồng", nhưng rất ít người nằm mộng thấy cuộc đấu tranh giai cấp, cuộc khủng bố trắng, những vụ oanh tạc, giết hại, đổ nước ớt vào mũi, quay điện, trước khi xây dựng được một xã hội như thế... Nếu không nằm mộng thấy những cái đó, thì xã hội tốt đẹp không thể đến được, dù miêu tả ra rõ ràng đến thế nào, cuối cùng chỉ là mộng, một giấc mộng trống rỗng, nói ra cũng chỉ đưa người ta vào cảnh mộng trống rỗng mà thôi.

Thế nhưng, có những người muốn thực hiện cảnh "mộng" đó. Không phải họ nói mà họ làm, họ mộng thấy tương lai và đem hết sức lực vào hiện tại để đạt được tương lai. Vì có sự thực đó, nên mới có nhiều người trí thức không thể không nói những cái mộng giống như "tải đạo", nhưng kỳ thực chẳng phải là "tải đạo", mà là bị "đạo" nó tải, nếu muốn nói cho gọn, thì phải nói là "đạo tải".

Vì sao lại bị "đạo tải" ? – Vì vấn đề ăn trước mắt và tương lai mà thôi.

---

(1) *Tải đạo* (chở đạo) : nói lên một đạo lý. Ở đây có nghĩa là tuyên truyền.

(2) *Ngôn chí* : nói lên tâm sự riêng của mình.

(3) Xem *Luận ngữ*, thiên *Công Dã Tràng* : *"Nhan Uyên và Quý Lộ ngồi hầu Khổng Tử. Khổng Tử hỏi : "Sao các ngươi không nói chí các ngươi ra ?"*. Về chỗ Khổng Tử tán thành Tăng Điểm, xem chương *Tiên tiến (Luận ngữ). Tử Lộ, Tăng Tích (tức Điểm), Nhiễm Hữu, Công Tây Hoa ngồi hầu. Khổng Tử nói : "Có hề gì, chỉ mình thế nào cứ nói thẳng ra". Tăng Điểm nói : "Đến cuối xuân, áo mùa xuân đã may xong, năm sáu người trạc độ hai mươi tuổi, sáu bảy đứa trẻ con, rủ nhau đi tắm sông Nghi, hóng gió nền Vũ Vu rồi hát mà về". Khổng Tử thở dài than rằng : "Ta cũng thích như Điểm vậy !"*.

Chúng ta còn chịu tư tưởng cũ ràng buộc, hễ nói đến ăn, thì cảm thấy tựa hồ như tục tĩu. Nhưng tôi không hề xem khinh ý kiến của những người trả lời. Nhà báo tạp chí *Đông phương*, trong bài *Cảm tưởng sau khi đọc*, cũng từng trích dẫn ý kiến của Frơt[1], cho rằng mộng "chính tông" "biểu hiện những chuyện bí mật trong đáy lòng mỗi người mà không có tác dụng xã hội". Nhưng Frơt lấy sự ức chế làm nguồn gốc của mộng. – Người ta sao lại bị ức chế ? Cái đó dính liền với chế độ xã hội, với tập quán. Chỉ nằm mộng thì không quan trọng, nhưng nói ra, lại hỏi, lại phân tích, thì thật không thỏa đáng nữa rồi. Nhà báo không nghĩ đến chuyện đó, thế là đụng ngay vào cái bút chì đỏ của nhà tư bản. Nhưng dẫn thuyết "ức chế" ra để giải thích mộng, tôi nghĩ, không ai cho là ngược ngạo cả.

Có điều, Frơt e còn có vài đồng tiền, ăn được no chăng, cho nên không thấy, có được miếng cơm ăn là chuyện khó ; ông ta chỉ chú ý đến tính dục. Có nhiều người đang cùng một cảnh ngộ với ông ta thì vỗ tay ầm lên. Quả thật, ông ta cũng nói cho chúng ta biết, con gái yêu cha hơn, con trai yêu mẹ hơn là vì dị tính. Nhưng trẻ con đẻ ra ít lâu, bất cứ trai hay gái, đều nhọn môi lại, quay đầu sang bên này bên kia. Chẳng phải là nó đang muốn hôn người dị tính với nó hay sao ? Không. Ai cũng biết nó đòi ăn đấy !

Nguồn gốc của thực dục[2] quả thật sâu sắc hơn tính dục nhiều, lúc mà trước mắt, mở miệng là nói đến người yêu, ngậm miệng lại là nghĩ đến thư tình, không biết ngấy, thì chúng ta cũng bất tất phải tránh không nói đến chuyện muốn ăn cơm. Bởi vì là đang tỉnh mà nằm mộng, cho nên không khỏi có ít nhiều cái không thật, bởi vì để mục lại là "ước mơ", và như ông nhà báo nói, chúng ta "nhu cầu về vật chất vượt xa nhu cầu về tinh thần", cho nên, thừa lúc sự giám sát của *Censors*[3] (cũng nói theo Frơt), hình như được cất đi, thì đưa một phần ra công khai vậy. Kỳ thực cũng là "dán biểu ngữ, hô khẩu hiệu trong mộng" chẳng qua không phải tích cực mà thôi, vả có một vài cái có lẽ lại tương phản với "biểu ngữ" ở ngoài.

Thời đại thay đổi như thế, bát cơm là gian nan như thế, nghĩ đến hiện tại và tương lai, có một số người cũng chỉ có thể nói chuyện mộng như thế.

---

(1) *S. Freud* (1856 – 1939) : nhà chuyên môn về bệnh tinh thần, người nước Áo, sáng lập học thuyết phân tích tinh thần (psychanalyse). Thuyết ấy cho rằng phàm những hiện tượng về tinh thần đều do nhục dục (libido) bị ức chế, rồi ẩn náu trong tiềm thức mà sinh ra.

(2) *Thực dục* : muốn ăn. Ở đây để chữ *thực dục* để đối với chữ *tính dục*.

(3) *Censors* : tiếng Anh, là *người kiểm duyệt*. Trong thuyết phân tích tinh thần của Frơt, chữ *Censors* dùng để chỉ sức ức chế tiềm tàng trong ý thức con người. Ở đây, Lỗ Tấn muốn nói đến ngôn luận không tự do thời bấy giờ.

Cùng là giai cấp tiểu tư sản cả (mặc dù cũng có người định cho tôi là "tàn dư phong kiến", hoặc "giai cấp tư sản địa phương", nhưng tôi tạm thời tự định cho tôi thuộc giai cấp ấy), chúng ta rất có thể hiểu rõ lòng nhau nhưng cũng không cần giữ bí mật mà không nói ra.

Còn như có những bậc danh nhân mộng làm ẩn sĩ, mộng làm tiều ngư, hoàn toàn khác với bản tướng, kỳ thực cũng chỉ là dự cảm cái nguy của bát cơm, mà muốn mở rộng phạm vi ăn cơm ra mà thôi, từ triều đình cho đến vườn ruộng núi rừng, từ chỗ phố Tây cho đến đầm ao, so với chí hướng nói trên, thì cao xa hơn nhiều, có điều ở đây không nói đến.

1 tháng 1

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

28. TỪ BÀN CHÂN PHỤ NỮ TRUNG QUỐC, SUY RA NGƯỜI TRUNG QUỐC KHÔNG THEO THUYẾT TRUNG DUNG, LẠI TỪ ĐÓ SUY RA THẦY KHỔNG ĐAU DẠ DÀY*

Khảo cổ học của phái "Học phí"

Nhà Nho xưa không thích bàn về phụ nữ, nhưng có khi cũng thích nói đến phụ nữ. Thí dụ chuyện "bó chân". Trong những tác phẩm có ít nhiều hơi hướng khảo cứu từ triều Minh đến triều Thanh, thỉnh thoảng có một bài bàn xem chuyện đó có từ bao giờ, sớm hay muộn. Tại làm sao lại phải khảo cứu chuyện hèn kém như thế, bây giờ hãy khoan nói đã. Tóm lại là có thể chia ra làm hai phái lớn, một phái nói bắt nguồn sớm, một phái nói bắt nguồn muộn. Phái nói bắt nguồn sớm, xem khẩu khí, thì họ tán thành bó chân. Cái gì càng cổ càng hay, cho nên họ nhất định phải khảo cho ra, chứng cứ là ngay bà mẹ Mạnh Tử cũng đã là một người phụ nữ bàn chân nhỏ rồi. Phái nói bắt nguồn muộn thì trái lại, không ca tụng việc bó chân lắm. Theo họ, lâu nhất cũng chỉ có từ những năm cuối đời Tống mà thôi.

Thật ra, cuối Tống, cũng có thể cho là cổ rồi. Có điều, hình như chân không bó còn cổ hơn, kẻ học giả phải "quý cổ khinh kim", bài xích bó chân mới là yêu cổ. Nhưng cũng có người có thành kiến muốn phản đối bó chân mà bịa ra chứng cứ giả. Thí dụ ông Dương Thăng Am, tài tử đời Minh. Thậm chí ông ta thay người triều Hán viết cuốn *Tạp sự bí tân*(1) để chứng minh rằng chân thời bấy giờ "phía dưới bằng mà ngón chụm lại".

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Luận ngữ* ngày 16 tháng 3 năm 1933.

(1) *Tạp sự bí tân* : cuốn tiểu thuyết cổ, đề là vô danh nhưng thực ra do Dương Thận (tự Thăng Am) đời Minh soạn, nói về chuyện Hán Hằng Đế tuyển phi.

Thế rồi lại có người dùng cái đó làm tài liệu để cho bó chân là cổ. Họ nói "ngón chân đã chụm lại", thì đủ thấy là bó rồi. Nhưng đó là thuyết của người cam chịu hèn kém, ở đây không bình luận.

Theo ý tôi, thì hai phái trên nói đều sai cả, mà cũng đều đúng cả. Bây giờ đồ cổ xuất hiện nhiều, không những chúng ta có thể xem những bức họa Hán, Đường, mà cũng có thể xem những ông phỗng đất phát quật từ những ngôi cổ mộ đời Tấn, đời Đường. Trên chân người phụ nữ biểu hiện trên những thứ đó, có giày mũi tròn, có giày mũi vuông, đủ thấy là không bó. Người đời xưa thông minh hơn người đời nay, các bà quyết không thể bó chân nhỏ mà đi giày to, trong nhét bông, thành ra đi cà nhắc.

Nhưng triều Hán thì quả đã có cái gọi là "lợi tử", mũi nhòn nhọn, bình thường vị tất đã đi, nhưng lúc múa, không có không được. Chẳng những đi thoải mái tiện lợi, mà lúc đưa chân đá lên như kiểu "Đàm thối"[1], cũng không đến nỗi vướng vào quần, mà còn đá cho ống quần bay lên. Hồi đó, các bà lớn cố nhiên cũng vị tất không nhảy, có điều phần nhiều là kỹ nữ nhảy, cho nên kỹ nữ đại để đều đi giày mũi nhọn, đi lâu thì không khỏi "ngón chân chụm lại". Nhưng kỹ nữ vốn là tiên sư chỉ thánh về cách ăn mặc của các cô gái trong buồng khuê, điều đó bây giờ vẫn thế. Thường đi giày mũi nhọn, cũng giống như ngày nay đi giày cao gót, có thể nghiễm nhiên kể vào hàng "con gái tân thời" Viêm Hán[2]. Thế rồi tuy là danh môn thục nữ, nhưng đầu bàn chân không khỏi nhọn ra. Trước hết là kỹ nữ nhọn, sau các cô tân thời nhọn, sau nữa là khuê nữ của đại gia nhọn, cuối cùng "viên ngọc bích của tiểu gia" đều nhọn hết. Đến khi các "viên ngọc bích" này trở thành bà nội, thì đã bước vào thời đại mà chế độ "giày mũi nhọn" thống nhất "cước đàn"[3].

Năm đầu Dân Quốc, khi "kẻ bất tài" này đến tham quan Bắc Kinh, nghe người ta nói, phụ nữ Bắc Kinh xem nam giới có diện hay không (tác giả chú[4] : tức ngày nay gọi là "mô đec") là xem từ dưới chân lên đến đầu. Cho nên đàn ông phải chú ý đến đôi tất, đôi giày, chân thì càng không phải nói, tất nhiên phải giữ cho thật tề chỉnh rồi. Đó là nguyên nhân vì sao có cái mà thiên hạ gọi là "vải bọc chân". Thương Hiệt đặt ra chữ, chúng ta biết rồi, còn ai đặt ra miếng vải ấy thì chưa nghiên cứu ra. Nhưng ít ra "ngày trước cũng đã có". Trong cuốn *Triều dã thiêm tải*[5] của Trương Thốc đời

---

(1) *Đàm thối* : môn võ tương truyền do hòa thượng chùa Long Đàm (Sơn Đông) triều Thanh, sáng tác, cho nên gọi là "Đàm thối".

(2) *Viêm Hán* cũng như *Viêm Lưu* : tức đời Hán. Bởi vì đời Hán tôn "lửa" làm vương.

(3) *Cước* : *bàn chân*. Nhân chữ *văn đàn, thi đàn* mà Lỗ Tấn đặt ra chữ *"cước đàn"*, không dịch được.

(4) Lỗ Tấn nhại cách viết của các nhà khảo cứu.

(5) *Triều dã thiêm tải* : cuốn sách ghi chép những điều tai nghe mắt thấy ở triều Đường.

Đường, ông ta nói triều Võ Hậu, có một vị nam sĩ nọ bó chân lại nhỏ xíu, mọi người thấy đều bật cười. Đủ thấy thời Thịnh Đường, đã có cái trò ấy rồi, có điều còn chưa đến nỗi cực đoan, hoặc giả còn chưa phổ biến lắm. Nhưng hình như cuối cùng thì đã phổ biến. Từ Tống đến Thanh, liên miên không ngớt, sau cách mạng Dân Quốc, có cách hay không, tôi không biết, bởi vì ở đây tôi chỉ chuyên về khảo "cổ" học.

Nhưng lạ thay, không hiểu thế nào (tác giả chú : ở đây hình như đánh rơi mất một ít thái độ của nhà học giả[1]) các nữ sĩ cho rằng chân nhọn vẫn chưa đủ, mà còn bắt nó "nhỏ" đi nữa, mẫu mực nhất chỉ hạn cho còn ba tấc. Thành thử có thể không cần mua cả hai thứ, "giày mũi nhọn" và "giày mũi vuông". Cái đó theo quan điểm kinh tế thì không đến nỗi dở, nhưng theo quan điểm vệ sinh thì lại không khỏi có hơi "quá đáng", nói một cách khác, tức là "đi vào chỗ cực đoan" rồi.

Dân tộc Trung Hoa chúng ta tuy thường tự cho là nhân dân thích "trung dung" và thực hành "trung dung", kỳ thực chúng ta không khỏi là những người quá khích. Thí dụ đối với kẻ địch, có lúc đàn áp chưa đủ, còn muốn "trừ ác thì phải trừ cho tiệt", giết hại chưa đủ, còn muốn "ăn thịt nằm da"[2], nhưng có lúc thì lại rụt rè đến nước "kẻ xâm lược muốn vào thì cứ để cho họ vào. Họ có giết mười vạn người Trung Quốc cũng không sao, còn có người Trung Quốc là được rồi. Chúng ta sẽ đẻ thêm người". Thật là làm cho người ta không thể đoán được ngốc thật hay ngốc giả nữa. Mà nhất là chân phụ nữ, đó là một chứng cớ rất vững. Không nhỏ thì thôi, nhỏ thì chỉ cần có ba tấc, thà không đi được, cứ uốn uốn, éo éo. Từ khi cái đuôi sam được thanh toán rồi, thì cái chân bó đáng lẽ đã được giải phóng cùng một lúc. Các bà mẹ theo tân đảng trước thấy mình khi nhét bông vào giày da phiền phức như thế nào, nhất thời quả đã để cho con gái mình giữ bàn chân trời sinh. Nhưng dân tộc Trung Hoa chúng ta cuối cùng vẫn là "cực đoan", không bao lâu, bệnh cũ lại phát, có những nữ sĩ đã nghĩ ra một cách khác, dùng một cái chống nhỏ và đen chống gót chân lên, bắt nó rời khỏi quả đất. Họ không để cho bàn chân của mình thay hình đổi dạng đi thì không chịu được. Xem quá khứ mà dự đoán tương lai, sau bốn triều đại (giả thử vẫn còn có triều đại) ngón chân với bắp chân phụ nữ toàn quốc sẽ thẳng một đường, là chuyện có thể có tám chín phần chắc.

---

(1) Những chữ "tác giả chú" là Lỗ Tấn học theo cách các nhà khảo cứu thường làm, có ý châm biếm.

(2) *Thực nhục tẩm bì* : lấy thịt ăn, lấy da làm nệm mà nằm ngủ.

Thế thì thánh nhân làm sao lại phải kêu gọi "trung dung" ? Trả lời : chính vì không ai trung dung cả. Người ta có thiếu thì mới thấy cần. Một ông giáo nghèo, nuôi không nổi vợ, mới thấy thuyết phụ nữ nên làm lấy mà ăn là hợp lý, và mới nhân tiện tán thành thuyết nam nữ bình quyền. Anh nhà giàu béo phị đến sắp mắc bệnh thở, mới nhảy cao, đá bóng, từ đó chủ trương vận động là cần thiết. Chúng ta lúc thường quyết không nhớ là mình có một cái đầu, hoặc một cái bụng, nhưng nhất đán đau đầu hoặc đi ỉa chảy, mới nhớ đến đầu, đến bụng, và mới nghị luận ầm lên rằng nghỉ ngơi là cần thiết, ăn uống phải cẩn thận. Nếu có ai nghe những nghị luận ấy, liền mù quáng nói quyết rằng người nghị luận đó là một nhà vệ sinh học thì thật là sai một ly đi một dặm.

Trái lại, y không phải là một nhà vệ sinh học, bàn về vệ sinh chính là biểu hiện cái kết quả từ trước đến nay y không giữ vệ sinh. Khổng Tử nói : "Nếu không tìm ra người theo thuyết trung dung để truyền cho họ đạo của ta, thì có nên tìm những người ngông cuồng hoặc những người biết giữ tiết tháo không. Người ngông cuồng thì có chí tiến thủ, người biết giữ tiết tháo thì sẽ không làm những cái mà họ cho là không hợp[1]". Khổng Tử là người giao du rộng, trên thực tế không có cách nào khác, đành phải tìm người ngông cuồng và người biết giữ tiết tháo mà truyền bá đạo của mình. Đó là nguyên nhân vì sao mà trong lý tưởng ông ta kêu gọi "trung dung, trung dung".

Giả thử những điều suy luận trên đây không sai, thì chúng ta cũng có thể tiến lên một bước mà suy luận rằng Khổng Tử, những năm về già, đau bệnh dạ dày. "Miếng thịt cắt không vuông không ăn" (*"Cát bất chính bất thực"*), đó là một nguyên tắc cứng nhắc của cụ, nhưng nguyên tắc "Cơm thích ăn cơm ngon, thịt chả thích cắt nhỏ" (*"Thực bất yếm tinh, khoái bất yếm tế"*)[2] thì cũng có hơi lạ đấy. Ông ta không phải là một nhà phú ông có hàng trăm vạn, hoặc là một nhà văn có nhiều tiền nhuận bút, nghĩ không đến nỗi xa hoa đến thế, chỉ là vì vệ sinh, để dễ tiêu hóa, ngoài ra không có cách giải thích nào khác. Vả lại "không kiêng ăn gừng" (*"bất triệt khương thực"*) thì lại đúng là không bỏ được vị thuốc làm ấm dạ dày rồi. Tại sao phải chỉ chú ý về dạ dày như thế, không lúc nào quên ? Trả lời : đó là vì ông ta đau dạ dày.

Nếu nói : người ngồi ở nhà ít đi đâu, rất dễ đau dạ dày, thì Khổng Tử chu du các nước, vận động vương công, đáng lý ra không sinh bệnh ấy mới

---

(1) *Luận ngữ*, thiên *Tử Lộ* : *"Bất đắc trung hành nhi dữ chi, tất dã cuồng quyến hồ, cuồng giả tiến thủ, quyến giả hữu sở bất vi dã"*.

(2) Những câu này đều lấy trong *Luận ngữ*, thiên *Hương đảng*.

phải. Như thế là mắc sai lầm biết nay mà không biết xưa. Bởi vì hồi bấy giờ bột mì trắng Hoa Kỳ chưa nhập, bột mì trong nước xay thường có lắm cát bụi, cho nên phân lượng so với mì ngày nay có nặng hơn, đường quốc lộ chưa đắp, đường đất thì chỗ lồi, chỗ lõm, nếu như Khổng Tử chịu đi bộ, thì cũng không sao, nhưng điều không may là ông ta có một cỗ xe hai ngựa kéo. Dạ dày chất bánh mì nặng, ngồi xe đi trên những con đường gập ghềnh, nghiêng bên này, ngả bên kia, xóc lên xóc xuống, dạ dày sa xuống và to ra, sức tiêu hóa vì thế giảm đi, thỉnh thoảng đau nhói. Mỗi bữa không ăn chút "gừng sống" không được. Cho nên bệnh đó nên gọi là bệnh "dạ dày rộng ra". Lúc đó là những năm về già, ước khoảng sau Chu Kính Vương mười năm.

Những điều suy đoán trên tuy giản lược, nhưng đều là "kết quả của việc đọc sách". Nếu vội muốn có thành tích, cứ thêm bừa những lời phỏng đoán vào thì rất dễ rơi vào sai lầm "đa nghi". Thí dụ, *Thân báo* ngày 14 tháng 2 có đăng tin điện riêng từ Nam Kinh, nói : *"Ủy ban chấp hành Trung ương ra lệnh cho các cấp bộ Đảng và các đoàn thể nhân dân làm những cái biển "Trung hiếu, nhân ái, tín nghĩa, hòa bình", treo giữa lề đường, để nhắc nhở mọi người"*. Xem xong, nhất thiết không thể suy luận ra rằng các vị yếu nhân chê cười mọi người là "vong bát"[1]. Tờ *Đại văn báo* ngày 1 tháng 3 đăng tin nói : *"Tôn tống lý phu nhân là nữ sĩ Tống Khánh Linh từ ngày về nước, đến ở Thượng Hải, bà không để ý đến chính trị, nhưng hết sức nhiệt tâm với việc tổ chức đoàn thể xã hội. Theo phóng viên bản báo cho biết, thì hôm kia có một người gửi qua bưu điện cho bà một cái gói □ (tác giả chú : chữ này vốn thiếu)*[2]*, nhà đương cục thành phố đã cho nhân viên kiểm duyệt phòng kiểm duyệt ở Sở Bưu điện điều tra, liền gửi gói đó trình lên tòa thị chính"*. Xem xong, cũng nhất thiết không thể nên suy luận rằng tuy là thư tín của bà Tống Khánh Linh, nhưng cũng thường bị nhân viên phòng kiểm duyệt ở Sở Bưu điện kiểm duyệt.

Cho nên tuy là "khảo cổ học của phái học phỉ" nhưng cũng không tách rời với "học", có điều chỉ hạn chế vào "khảo cổ" mà thôi.

Đêm mồng 4 tháng 3 năm 1933

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

---

(1) *"Vong bát"* : một tiếng lưu hành thời phong kiến, nghĩa là : quên chữ cuối trong tám chữ cốt yếu của đạo đức phong kiến *"hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ"*, tức là *"vô sỉ"*. Sau trở thành một tiếng chửi mà các quan lớn thường dùng.

(2) Các nhà khảo cổ thường dùng cái kiểu này để tỏ ra mình làm chính xác.

29. VỀ PHỤ NỮ*

Trong thời kỳ quốc nạn, tựa hồ phụ nữ cũng phải đặc biệt chịu cực nhục hơn. Một số chính nhân quân tử trách phụ nữ thích xa hoa, không chịu chiếu cố đến nội hóa. Cho đến khiêu vũ, khiêu dâm v.v..., phàm những cái gì có liên quan đến phụ nữ, đều thành tội cả. Tưởng chừng như đàn ông đều làm thầy tu khổ hạnh, đàn bà đều vào nhà tu kín thì quốc nạn sẽ cứu được.

Thật ra, đó không phải là tội của phụ nữ, chính là chỗ họ đáng thương. Chế độ xã hội này đã ép họ trở thành nô lệ, dưới mọi hình thức, rồi còn đổ lên đầu họ bao nhiêu là tội lỗi. Những năm cuối đời Tây Hán, kiểu "búi tóc sa ngựa", "mày sầu dáng khóc" của phụ nữ cũng nói là triệu chứng vong quốc[1]. Kỳ thực, kẻ làm mất nhà Hán có phải là phụ nữ đâu ! Có điều nếu thấy có người đứng ra than thở, tỏ ý bất mãn về lối trang sức của phụ nữ, là chúng ta biết ngay tình hình giai cấp thống trị đương thời đại khái có phần không êm rồi !

Xa hoa và dâm đãng là hiện tượng của xã hội thối nát, suy đồi, quyết không phải là nguyên nhân. Trong xã hội theo chế độ tư hữu, phụ nữ vốn cũng bị xem là của riêng, là hàng hóa. Hết thảy mọi quốc sản, mọi tôn giáo đều có những điều lệ lạ lùng, cổ quái, xem phụ nữ là một động vật mang điềm không lành, dọa nạt họ, bắt họ phục tùng như nô lệ, đồng thời lại muốn họ làm đồ chơi cho giai cấp cao đẳng. Cũng như các bậc chính nhân quân tử ngày nay, các ngài chửi phụ nữ xa hoa, nghiêm sắc mặt lại để duy trì phong hóa, nhưng đồng thời thì lại đang lén lút thưởng thức cái văn hóa đùi khêu gợi !

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Thân báo*, ngày 15 tháng 6 năm 1933, ký tên Lạc Văn, một bút danh của Lỗ Tấn. Nhưng thực ra là do Cù Thu Bạch sáng tác, mà lại lấy bút danh của Lỗ Tấn, gửi đăng báo. Lỗ Tấn đưa vào tập này là muốn để truyền bá được rộng rãi. Trong *Cù Thu Bạch văn tập*, ta thấy cũng có bài này.

(1) Điển tích lấy trong sách *Hậu Hán thư*. *Búi tóc sa ngựa* : búi xiên về một bên. *Mày sầu* : mày kẻ nhỏ và đứt đoạn. *Dáng khóc* : lấy khăn lau mắt như đang khóc.

Một nhà thơ A Rập thời cổ có nói : "Thiên đường dưới đất là ở trong sách thánh hiền, trên lưng ngựa, trên bộ ngực người đàn bà". Câu nói đó chính là một lời cung khai thật thà.

Tất nhiên, các kiểu bán dâm đều có dính dáng đến phụ nữ. Nhưng mua bán là việc của hai bên. Không có khách làng chơi mua dâm thì làm gì có gái đĩ bán dâm. Cho nên, vấn đề là ở chỗ nguồn gốc xã hội của việc mua dâm. Nguồn gốc ấy còn ngày nào, tức là người chủ động mua dâm còn ngày nào, thì cái gọi là dâm đãng, xa hoa của phụ nữ còn ngày ấy, chưa thể tiêu diệt được. Khi đàn ông còn là chủ tư hữu thì bản thân đàn bà cũng chỉ là vật sở hữu của đàn ông mà thôi. Có lẽ vì thế mà lòng quý trọng gia tài của phụ nữ tương đối kém, họ thường thường trở thành con "tinh phá gia". Huống chi bây giờ cơ hội mua dâm nhiều như thế, người phụ nữ trong gia đình tự dưng cảm thấy địa vị mình bấp bênh. Mấy năm đầu Dân Quốc, tôi nghe nói các thứ "mốt" ở Thượng Hải là từ các cô gái đĩ[1] truyền đến các dì hai, rồi các dì hai truyền đến các bà, các mợ, các cô. Những con "người khuê các" này phần lớn đang cạnh tranh với gái đĩ mà không biết. – Tất nhiên họ phải hết sức trau chuốt tấm thân họ, trau chuốt thế nào lấy lại cho được trái tim của người đàn ông. Sự trau chuốt đó phải trả giá rất đắt, và càng ngày càng đắt thêm, không những về vật chất mà còn về tinh thần nữa.

Một tay triệu phú người Mỹ nói : "Chúng tôi không sợ giặc Cộng (nguyên văn không có chữ "*giặc*", tuân theo lệnh trên, khi dịch, sửa đổi lại)[2], vợ con chúng tôi làm cho chúng tôi phá sản, không đợi công nhân kịp đến tịch thu nữa". Ở Trung Quốc có lẽ người ta sợ công nhân "đến kịp", cho nên đàn ông, đàn bà người Hoa cao đẳng vội vã tiêu xài, hưởng thụ, vui chơi, đâu có kể là nội hóa hay không nội hóa, phong hóa hay không phong hóa. Nhưng đầu miệng thì phải duy trì phong hóa, hô hào tiết kiệm.

11 tháng 4 năm 1933

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

---

(1) Nguyên văn : *Trường tam, yêu nhị* : tên đặt cho các hạng đĩ ở Thượng Hải. Hạng sang nhất gọi là *trường tam*, hạng thường gọi là *yêu nhị*.

(2) Tác giả thêm câu này có ý châm chọc. Hồi đó chính quyền Tưởng Giới Thạch ra lệnh cho quan lại khi nào nói đến Đảng Cộng sản Trung Quốc thì gọi là "giặc Cộng" (Cộng phỉ).

30. THIẾU NỮ THƯỢNG HẢI*

Sống ở Thượng Hải, mặc áo quần tân thời tiện lợi hơn mặc áo quần quê mùa. Nếu mặc kiểu cũ, anh có gọi, người lái xe buýt sẽ không dừng lại, người giữ công viên sẽ xét vé vào cửa hết sức cẩn thận, người gác cổng các tòa nhà lớn, khách sạn lớn, sẽ không để cho anh đi vào cửa giữa. Cho nên, có một số người thà ở căn nhà xép làm mồi cho rệp, nhưng cái quần Tây thì đêm nào cũng phải xếp lại gối đầu giường nằm để cho nếp ở hai ống luôn luôn có góc cạnh.

Phụ nữ tân thời càng tiện lợi hơn. Cái đó thấy rõ nhất ở các cửa hiệu : lựa chọn mãi, không quyết định được, người bán hàng cũng vẫn rất có thể nhẫn nại. Có điều lâu quá thì phải có một điều kiện tất yếu là phải cho lả lơi một chút, có thể chịu được vài câu đùa cợt, nếu không, cuối cùng cũng có thể người ta trợn mắt lên như thường lệ.

Phụ nữ sống quen ở Thượng Hải đều biết rất rõ vinh dự của mình, đồng thời cũng biết rất rõ vinh dự đó bao hàm nguy hiểm gì. Cho nên phàm các bà có cái kiểu cách của phụ nữ tân thời, thì vừa chào đón nhưng cũng vừa cố thủ, vừa khêu gợi nhưng cũng vừa chống cự, như tất cả những người thân khác giống, mà cũng như tất cả những kẻ thù khác giống, vừa vui mừng mà cũng vừa buồn giận. Cái kiểu cách đó cũng lây sang các thiếu nữ vừa mới lớn lên. Chúng ta có lúc có thể gặp các cô trong cửa hiệu đang mua hàng, các cô nghiêng đầu, giả vờ nhăn mặt, giận hờn, như gặp phải kẻ thù. Tất nhiên, người bán hàng có thể đùa cợt như đối với các bà lớn tuổi, mà các cô cũng đều sớm hiểu ý nghĩa của những câu cười đùa đó. Tóm lại, các cô đại để dậy thì sớm !

Nhưng trên báo chí, chúng ta thường thấy đăng tin dụ dỗ em gái, thậm chí lăng nhục thiếu nữ.

---

* Bài này đăng lần đầu ở *Thân báo* ngày 15 tháng 9 năm 1933, ký tên Lạc Văn.

Không những yêu quái trong truyện *Tây du* ăn thịt người thì phải là đồng nam, đồng nữ, mà các nhà giàu sang trong loài người xưa nay cũng dùng đồng nữ để hầu hạ, để thỏa lòng dâm dục, để trở thành tiên, để tẩm bổ, cũng giống như thức ăn, chán ngấy các vị béo ngọt thông thường, thì nghĩ đến lợn sữa, đến trà nụ. Bây giờ hiện tượng ấy đã thấy trong thương nhân và công nhân, nhưng đó là kết quả cuộc sống ngang trái của con người, phải so sánh với việc người đói đào rễ, bóc vỏ cây mà ăn, không thể đem bàn với biến thái dâm dục của kẻ giàu sang được.

Nói tóm lại, ngay thiếu nữ cũng bước vào cảnh hiểm nghèo.

Cảnh hiểm nghèo đó làm cho các cô dậy thì sớm, tinh thần đã thành người lớn, mà thân thể vẫn còn trẻ con. Nhà văn Nga Sôlôkhốp từng tả một cô thiếu nữ loại đó, nói là còn trẻ con, mà hai con mắt thì đã to lắm rồi. Nhưng nhà văn Trung Quốc chúng ta còn có một cách tả hàm ý khen ngợi khác, tức là "mũm mĩm dễ thương"[(1)].

12 tháng 8 năm 1933

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

(1) Nguyên văn : "*Kiều tiếu lung linh*", tạm dịch như vậy.

31. THẾ CỐ TAM MUỘI*

Ở đời thật là khó. Nói người nào "không hiểu thế cố", tất nhiên không phải là một lời khen, nhưng nói anh ta "hiểu sâu thế cố" cũng không phải là một lời khen nốt. Tựa hồ cũng giống "cách mạng không thể không cách, nhưng cũng không nên cách quá", "thế cố" không thể không biết, nhưng cũng không nên biết quá.

Theo kinh nghiệm của tôi, thì kẻ được cái tên thụy ác độc "biết sâu thế cố" chính lại là vì không biết thế cố.

Bây giờ giả thiết tôi nói như thế này để khuyên nhủ thanh niên :

"Nếu thấy ngoài xã hội có chuyện bất bình, nhất thiết đừng đứng ra bàn tán phải chăng, bằng không việc sẽ trở lại giáng vào đầu anh, thậm chí anh có thể bị vu là phần tử phản động. Nếu gặp người mắc điều oan uổng, bị vu cáo, hãm hại, dù biết mười mươi là người đó tốt, cũng nhất thiết đừng đứng ra giải thích, phân bua, bằng không sẽ bị người ta nói anh là bà con với người kia, hoặc được người kia đút lót ; nếu người kia là phụ nữ, thì anh sẽ bị nghi là nhân tình nhân ngãi, nếu người kia hơi có tiếng tăm, thì anh sẽ bị nghi là vây cánh. Lấy chuyện của tôi làm thí dụ. Tôi viết bài *Tựa* cho một tập thư của một nữ sĩ không có quan hệ gì với tôi cả, người ta liền nói đó là vợ lẽ của tôi ; tôi giới thiệu ít lý luận văn nghệ khoa học, người ta liền nói tôi nhận đồng rúp của Liên Xô. Bà con và tiền tài, ở Trung Quốc hiện nay, quan hệ lắm. Thực tế đã cho bao nhiêu bài học, người ta thấy quen rồi, cho rằng không ai thoát khỏi quan hệ đó ; cái đó cũng không lấy làm lạ.

"Thế nhưng, có một số người kỳ thực không tin lắm, chỉ là nói chơi cho vui thế thôi. Mặc dù có người vì lời bịa đặt mà bị phanh thây xẻ xác, như Trịnh Man[1] cuối Minh, cũng không can hệ gì với mình, không bằng nói

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Thân báo nguyệt san*, tháng 11 năm 1933.

Tam muội : chữ nhà Phật, có nghĩa như *bí quyết*.

(1) *Trịnh Man* : vị tiến sĩ đời Minh, có người vu rằng ông ta bất hiếu với mẹ mà bị tội lăng trì (phanh thây).

cho vui cái đã. Lúc đó, nếu anh biện bạch, cải chính, thế là làm cho người ta cụt hứng, kết quả vẫn là anh bị thiệt. Tôi cũng đã có kinh nghiệm. Đây là chuyện hơn mười năm trước, hồi làm "quan" ở Bộ Giáo dục, tôi thường nghe bạn đồng sự nói học sinh trường nữ học nọ có thể gọi đi chơi như gái điếm, ngay trường ấy ở số nhà bao nhiêu cũng nói rõ ràng lắm. Một lần, tình cờ tôi đi qua con đường đó. Con người ta phàm là việc xấu thì nhớ dai, tôi liền nhớ đến chuyện hôm trước, chú ý nhìn số nhà, nhưng số đó lại là miếng đất bỏ trống, có một cái giếng to, một túp lều nát, mấy người Sơn Đông ở đấy bán nước, quyết không thể dùng làm việc khác được. Đến khi họ lại nói chuyện đó, tôi liền kể điều mắt tôi trông thấy. Không ngờ mọi người đang vui bỗng ỉu xìu lại, bỏ đi. Từ đó có đến ba bốn tháng trời, họ không nói chuyện với tôi nữa. Sau việc này, tôi mới tỉnh ngộ rằng, làm cho người khác cụt hứng là chuyện không nên.

"Vì vậy, tốt nhất là đừng tìm hiểu phải trái, thẳng cong, cứ một mực phụ họa với mọi người ; tốt hơn nữa là đừng mở miệng ; càng tốt hơn nữa là cũng đừng tỏ ra nét mặt điều phải trái mình nghĩ trong bụng...".

Đó là cách xử thế hay nhất, nếu nước sông Hoàng Hà không tràn đến chân, tạc đạn không rơi cạnh người, thì có thể bảo đảm suốt đời không bị tổn thương gì hết. Nhưng tôi e thanh niên vị tất đã cho tôi nói là phải ; mà những người đứng tuổi hoặc người già cả thì lại cho tôi là đang bày điều tầm bậy cho con em họ. Ô hô ! thế thì nỗi lo lắng kia thật là vô ích.

Nhưng nếu nói Trung Quốc hiện nay như Đường Ngu thịnh thế[1] lại không khỏi mang tiếng "thế cố" rồi. Không kể những điều tai nghe mắt thấy, chỉ xem báo chí, cũng có thể biết trong xã hội có bao nhiêu chuyện bất bình, có bao nhiêu người oan ức. Nhưng đối với những việc đó, trừ người đồng nghiệp, đồng hương, đồng tộc có lúc than thở vài câu, chúng ta rất ít được nghe tiếng oán giận vì chính nghĩa của những người ngoài, không liên quan. Rõ ràng người ta không mở miệng, hoặc giả vì cho rằng không liên quan đến mình, hoặc giả vì ngay cái ý nghĩ "cho rằng không liên quan với mình" cũng không có nốt. Hiểu "thế cố" sâu đến mức không tự biết là mình "hiểu sâu thế cố", cái đó mới thật là "hiểu sâu thế cố". Đó là phép xử thế cực kỳ tinh xảo của Trung Quốc.

Vả lại, đối với người thấy tôi khuyên nhủ thanh niên như thế mà trong bụng cho rằng không phải, thì tôi còn có lời phản đối lại sau đây. Anh ta

(1) Tức là đời vua Nghiêu, vua Thuấn.

cho tôi là gian xảo. Nhưng lời nói của tôi một mặt cố nhiên tỏ ra rằng tôi gian xảo, mà lại bất lực, mặt khác cũng tỏ ra rằng xã hội đen tối. Anh ta chỉ trách cá nhân đó là biện pháp thỏa đáng nhất ; giá thử trách cả xã hội, thì lại phải đứng ra chiến đấu. Trách người "hiểu sâu thế cố", nhưng tránh không bàn đến "thế", như thế là càng "hiểu sâu thế cố", nếu tự mình không thấy thì lại càng sâu, càng sâu, không xa "tam muội" nữa.

Có điều, phàm sự việc nói ra thì chỉ còn lại lời nói, không có thể có được "tam muội". Nói "thế cố tam muội", tức là không phải "thế cố tam muội". Ý nghĩa chân chính của "tam muội" là ở hành động chứ không ở lời nói. Bây giờ tôi nói "làm mà không nói", thì lại mất cái ý nghĩa chân chính, càng xa "tam muội" lắm.

Phàm biết cái gì là trong bụng biết ý nghĩa của nó. Hèm !

13 tháng 10

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

32. THẾ GIA BỊA ĐẶT*

Nhân lễ Song Thập, một nhà văn học tiếng tăm, ông Thang Tăng Dương, trên tờ *Thời sự tân văn*, có kể cho chúng ta nghe chuyện Hàng Châu thời Quang phục[1]. Ông ta nói hồi đó Hàng Châu giết rất nhiều kỳ nhân[2] đóng đồn ở đấy. Cách phân biệt là : người kỳ nhân, "cứu" thì nói ra "câu", cho nên bắt nói "cửu bách cửu thập cửu", hễ lòi đuôi là chém liền.

Cái đó cố nhiên rất anh dũng, và cũng rất thú vị. Nhưng đáng tiếc là chuyện bịa.

Kể người Trung Quốc, thì người Hàng Châu là yếu đuối hơn cả. Lúc Tiền đại vương[3] trị thế, nhân dân bị bóc lột đến nỗi không có áo quần mà mặc, chỉ lấy miếng ngói che hạ bộ, thế mà vẫn bắt đóng thuế, đánh đập kêu như hoàng, tuyệt không dám nói năng gì. Có điều đó là theo bút ký của người đời Tống[4], chưa biết chừng bịa đặt cũng nên. Nhưng các ông vua cuối đời Tống, Minh, mang theo những kẻ giàu sang quyền quý sa sút cùng chạy ùa đến Hàng Châu với cái khí thế lúc về chiều, thì lại là chuyện thực. Họ muốn kéo dài chút hơi thở tàn, bây giờ muốn họ có khí phách cương quyết, hỏi có khó hay không ? Đến nay, bên cạnh hồ Tây Tử[5] hãy còn nhiều người nho nhã, bệ vệ, đến lưu manh mà cũng ít có những cuộc ẩu đả kiểu Chiết Đông[6] "đâm vào lưỡi dao trắng xóa, rút ra lưỡi dao đỏ ngàu". Tất nhiên,

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Thân báo nguyệt san*, tháng 11 năm 1933.

(1) *Năm Quang phục* : chỉ năm 1911, Cách mạng Tân Hợi, người Hán đuổi người Mãn Châu ra khỏi lãnh thổ.

(2) *Kỳ nhân* : tức quân lính Mãn Châu. Nhà Thanh mộ người Mãn Châu, Mông Cổ, Hán ... vào lính, chia ra tám đoàn (bát kỳ).

(3) *Tiền đại vương* : tức quốc vương Ngô Việt thời Ngũ Đại.

(4) Chuyện này chép trong cuốn *Giang biểu chí* của Trịnh Vân Bảo đời Tống.

(5) *Hồ Tây Tử* : tức Tây hồ, phía tây thành Hàng Châu (Chiết Giang) cũng gọi là Tiền Đường hồ, Minh Thánh hồ. Tô Đông Pha có câu thơ : *"Dục bả Tây hồ tỉ Tây Tử"* (muốn so sánh Tây hồ với Tây Thi). Do đó cũng gọi là Tây Tử hồ (hồ Tây Thi).

(6) Ngày trước, tỉnh Chiết Giang chia làm hai miền : Chiết Tây tức miền tây bắc Chiết Giang. Chiết Đông tức miền đông nam Chiết Giang.

nếu có quân phiệt làm hậu thuẫn thì cũng có thể hung hăn đặc biệt ; có điều lúc bấy giờ, quả thực không có cái phong khí dám giết người và cũng không có những kẻ thích giết người. Chúng ta chỉ xem việc cử một vị lão thành trì trọng như ông Thang Trấp Tiên[1] làm đô đốc thì đủ biết không thể lưu huyết được.

Đánh nhau thì có. Quân cách mạng vây kỳ doanh, bắn xả vào, ở trong cũng có lúc bắn ra. Nhưng vây chẳng chặt chẽ gì. Tôi có một người quen, ban ngày lang thang ở ngoài, đêm đến vào kỳ doanh ngủ.

Tuy thế mặc lòng, quân trú phòng cuối cùng cũng bị đánh tan, kỳ nhân đầu hàng ; nhà cửa bị sung công thì có, nhưng không có chuyện giết chóc. Khẩu lương[2] tất nhiên bỏ, mỗi người tự tìm lấy cách sinh sống ; lúc đầu hãy còn khá, về sau mới gặp tai họa.

Tại sao lại gặp tai họa ? Ấy là vì chuyện bịa đặt.

Kỳ nhân ở Hàng Châu trước nay nhởn nhơ cạnh bờ hồ Tây Tử, được tú khí chung đúc nên rất thông minh ; họ biết không có lương ăn thì đành buôn bán vậy. Thế là có người bán bánh nếp, có người bán rau. Người Hàng Châu vốn khách khí, không khinh rẻ, nên họ buôn bán cũng khá. Nhưng bỗng những lời bịa đặt tổ truyền nổi lên, nói là những cái kỳ nhân bán, bên trong đều có tẩm thuốc độc. Thế rồi, người Hán gặp đâu tránh đó, tránh vì sợ kỳ nhân bỏ thuốc độc, chứ không phải muốn hại kỳ nhân. Kết quả bánh nếp, rau cỏ của họ không bán chạy nữa ; họ đành phải đem đồ đạc trong nhà ra đường bán, những thứ đó thì không thể thuốc chết ai được. Đồ đạc bán hết, cùng đường, thế là tan nát. Đó là cảnh cuối cùng của kỳ nhân đồn trú ở Hàng Châu.

Trong tiếng cười có gươm đao, nhân dân tự xưng là yêu hòa bình cũng có thể có thứ vũ khí giết người không thấy máu, đó tức là những lời bịa đặt. Nhưng một mặt hại người, một mặt cũng hại mình, làm cho cả hai bên đều chẳng rõ đầu đuôi ra sao cả. Không cần phải mắc chuyện đời trước, năm mươi năm lại đây thôi, chiến tranh Giáp Ngọ[3] bại, thì nói Lý Hồng Chương[4] làm hại bởi vì con ông ta là phò mã Nhật Bản, chửi mãi ; cuộc quyền biến Canh Tí[5] lại nói bọn người phương Tây móc mắt để làm thuốc,

---

(1) *Thang Trấp Tiên* : tức Thang Thọ Tiềm, vị tiến sĩ đời Thanh, hồi cách mạng Tân Hợi, được cử làm đô đốc quân chính phủ Chiết Giang.

(2) *Khẩu lương* : lương thực lĩnh hàng tháng.

(3) *Chiến tranh Giáp Ngọ* : chiến tranh Trung – Nhật năm 1894.

(4) *Lý Hồng Chương*, đỗ tiến sĩ, sau trở thành một quân nhân, thiết lập hải quân. Khi ký hòa ước Mã Quan, chính là Lý Hồng Chương thay mặt quân Thanh ký.

(5) Tức cuộc khởi nghĩa phản đế, phản phong năm 1900, thường gọi là cuộc khởi nghĩa Nghĩa Hòa đoàn.

thế là giết loạn xạ một hồi. Thuyết "bỏ thuốc độc" bắt đầu ở Hàng Châu hồi quang phục Tân Hợi, và gần đây sống lại lúc bài Nhật. Tôi còn nhớ mỗi lần có chuyện bịa đặt đều có người bị vu là gian tế bỏ độc, và chết oan.

Con cháu thế gia bịa đặt lấy lời bịa đặt giết người, và cũng bị giết vì lời bịa đặt. Còn như dùng cách đếm số để phân biệt người Hán, người Mãn, thì tôi ở Hàng Châu lại nghe nói là chuyện ở Kinh Châu, tỉnh Hồ Bắc, tức là bắt họ đếm *nhất, nhị, tam, tứ*... đếm đến *lục*, đọc thượng thanh[1], thế là giết. Nhưng Hàng Châu cách Kinh Châu rất xa, chưa biết chừng bịa đặt cũng nên. Tôi có lúc cũng không phân biệt được rõ chuyện nào bịa đặt, chuyện nào thật.

13 tháng 10

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

(1) Chữ *lục* theo âm Bắc Kinh đọc là *liu* (bình thanh), nếu đọc thành thượng thanh là *liu*.

33. GIA ĐÌNH LÀ NỀN TẢNG CỦA TRUNG QUỐC*

Người Trung Quốc biết nấu rượu sớm hơn biết trồng cây thuốc phiện, nhưng bây giờ chúng ta chỉ nghe nói có nhiều người đi mây về gió, mà rất ít thấy có người như lính thủy ngoại quốc say rượu đi đầy đường phố. Cách đá cầu đời Đường, Tống thất truyền từ lâu, kiểu vui chơi nói chung bây giờ là ở trong nhà đánh mạt chược suốt đêm. Căn cứ vào hai điều đó thì thấy, không nghi ngờ gì nữa, chúng ta từ ngoài trời dần dần chui vào nhà. Có một nhà văn Thượng Hải thuở trước đã than thở về chuyện này, ông ta ra một câu đối thách đối : "*Tam điểu hại nhân nha tước cáp*"(1). "*Cáp*" tức là vé xổ số, gọi cho nhã là "vé thưởng", bấy giờ gọi là "vé bồ câu trắng". Nhưng tôi không rõ câu đối ấy về sau có ai đối được không.

Có điều chúng ta cũng không thỏa mãn về hiện trạng, thân ở trong căn nhà chật chội mà tinh thần thì bay bổng ngoài vũ trụ, kẻ hút thuốc phiện thì hưởng cái thú cảnh tiên, kẻ đánh mạt chược thì lòng vui ở chỗ con bài tốt. Đốt pháo dưới hiên nhà là để cứu mặt trăng khỏi miệng con thiên cẩu(2), vị kiếm tiên ngồi trong phòng sách, xịt một tiếng, vụt sáng một cái, kẻ địch ngoài ngàn dặm bị giết rồi. Có điều chiếc kiếm bay đó sẽ lại trở về, chui vào lỗ mũi, bởi vì lần sau còn phải dùng đến. Cái đó gọi là thiên biến vạn hóa, không lìa khỏi gốc. Cho nên nhà trường là nơi lôi con em từ trong gia đình ra để dạy cho thành nhân tài xã hội, nhưng đến khi chúng quấy phá không thể trị được nữa, vẫn phải "giao về cho cha mẹ quản thúc nghiêm ngặt".

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Thân báo nguyệt san*, tháng giêng năm 1934. Ký tên là La Vũ.

(1) Ba con chim hại người là *nha* (quạ), *tước* (sẻ), *cáp* (bồ câu). Ý nói : có ba chuyện hại người là thuốc phiện (*nha phiến*), mạt chược (*ma tước*) và vé xổ số (*bạch cáp phiếu*).

(2) Ngày trước ở Trung Quốc, có một số người tin rằng khi có nguyệt thực là mặt trăng bị *thiên cẩu* (chó trời) ăn, nên đốt pháo làm cho nó sợ bỏ đi.

"Xương thịt trở về với đất bụi, đó là mệnh, còn như linh hồn thì không chỗ nào không đến, không chỗ nào không đến"[1]. Người đã chết ra ma, đáng lý có thể tùy tiện một chút, nhưng người sống vẫn phải đốt cho một cái nhà giấy, mời vào ở, sang trọng thì còn có bàn đánh bài, khay thuốc phiện. Thành tiên là một sự biến hóa rất lớn, nhưng bà Lưu vẫn quyến luyến ngôi nhà cũ, nhất định vận động cho được "cả nhà bay lên", gà chó cũng đem theo mới thôi, vẫn có thể coi sóc việc nhà, cho gà, chó ăn như trước[2].

Chúng ta, người đời xưa cũng như người đời nay, đối với hiện trạng, quả thực cũng muốn thay đổi, cũng thừa nhận nó thay đổi, phải ra ma, đành phải chịu, mà được thành tiên, càng hay, nhưng đối với ngôi nhà cũ, chết cũng không chịu bỏ. Tôi nghĩ, thuốc súng chỉ đem làm pháo, kim địa bàn chỉ để xem địa lý, có lẽ nguyên nhân là ở chỗ đó[3].

Bây giờ thuốc súng đã biến thành bom oanh tạc, bom lửa, chở trên máy bay, chúng ta lại chỉ có thể ngồi trong nhà chờ nó rơi xuống. Tất nhiên, người ngồi trên máy bay cũng đã có mục tiêu rồi, nhưng họ có phải là viễn chinh đâu, họ chỉ muốn về nhà cho nhanh một chút thôi[4].

Nhà là chỗ sống của chúng ta, cũng là chỗ chết của chúng ta.

16 tháng 12

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

---

(1) Đây là một câu sách xưa, ý nói : chết rồi, xác thịt hóa ra đất, linh hồn bay đi khắp nơi.

(2) Đây là truyền thuyết về Đường Công Phòng đời Hán. Tương truyền Đường Công Phòng có một vị thuốc tiên, ăn có thể bay lên trời. Một lần ông ta xúc phạm đến một vị quan địa phương, quan định bắt cả hai vợ chồng. Công Phòng liền đi đến hang, gọi thầy ra cầu cứu, thầy cho người vợ thuốc tiên uống, nói : "Có thể đi được rồi". Người vợ quyến luyến căn nhà, không muốn đi. Thầy hỏi : "Muốn đem đồ đạc theo phải không ?" Người vợ nói : "Rất muốn mang theo". Thế là lấy thuốc tô vào cột nhà, cho gà chó trâu ngựa uống. Trong phút chốc, gió nổi, mây kéo lên, vợ Công Phòng và nhà cửa đều bay lên cõi tiên hết.

Cũng có truyền thuyết về Lưu An, Hoài Nam Vương, đời Hán, tương tự như vậy.

(3) *Thuốc súng* và *địa bàn* là những phát minh của người Trung Quốc. Theo truyền thuyết Trung Quốc, bốn nghìn năm trước vua Hoàng Đế đã phát minh ra xe chỉ nam, bất cứ xe đi theo hướng nào, kim chỉ nam trên xe cũng chỉ về hướng nam. Về thuốc súng thì khoảng năm 600, nhà y học Tôn Tư Mạo đã biết lấy tiêu thạch, lưu huỳnh và than trộn lại làm thuốc nổ, đời Tam Quốc thì dùng làm pháo hoa.

(4) Ý nói một cách mỉa mai : vì họ muốn về nhà ngay nên không nhằm mục tiêu, cứ thả bừa !

34. MỘT QUỐC GIA NGHỆ THUẬT BẬC NHẤT*

Nghệ thuật vĩ đại nhất, vĩnh cửu nhất, mà lại phổ biến nhất của Trung Quốc chúng ta là đàn ông giả dạng đàn bà. Nghệ thuật đó sở dĩ quý ở chỗ cả hai mặt đều trơn tru, hoặc gọi là "trung dung". Đàn ông xem, thì thấy "đàn bà giả dạng", đàn bà xem, thì thấy "đàn ông giả dạng". Bề ngoài là ái nam ái nữ, nhưng bên trong tất nhiên vẫn là nam. Nếu không giả dạng, thì còn đâu là nghệ thuật nữa. Thí dụ, văn hóa cố hữu của Trung Quốc là chế độ khoa cử, ngoài ra lại còn thêm loại "quyên quan"(1). Lúc đầu nói rằng như thế không ra vẻ dân quyền, không hợp trào lưu thời đại, thế là giả dạng thành Trung Hoa Dân Quốc. Nhưng cái Dân Quốc đó lâu năm không sửa sang, ngay đến tấm bảng chiêu hàng cũng đã tróc sơn gần hết, giống như phấn son trên mặt đào hát. Đồng thời dân chúng thật thà thì lại đòi nắm chính quyền, lại muốn cách quách bọn tham dự chính quyền xuất thân khoa giáp và bọn quan quyên. Như thế thì bất trung đối với dân tộc, bất hiếu đối với tổ tiên, hết sức phản động. Bây giờ đã trở lại "trào lưu thời đại" khôi phục văn hóa cố hữu, làm sao có thể để mặc cho bất trung, bất hiếu như thế được. Do đó, không thể không giả dạng một lần nữa(2), đề án như sau : một là, sẽ do khảo thí quyết định ai có tư cách đại biểu quốc dân ; hai là, thi được "cử nhân"(3), rồi lại lựa chọn một lần nữa, gọi là tuyển (động từ) cử nhân. Mà người cử nhân được chọn đó, tất nhiên là người tuyển cử. Theo ngữ pháp mà bàn thì người tuyển cử của đại hội quốc dân như thế, nên gọi là "*tuyển cử nhân*", mà người được tuyển thì nên gọi là "*cử nhân được tuyển*".

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Nói tự do*, tờ *Thân báo*, ngày 2 tháng 4 năm 1933, ký tên Hà Gia Can.

(1) Nguyên văn là *quyên ban* : Đời Tần Thủy Hoàng có chế độ "nạp một nghìn thạch lúa thì được thăng một cấp". Đời Thanh thì có định giá tiền hẳn hoi, mở đầu chế độ lấy tiền quyên quan chức.

(2) Tháng 3 năm 1933, Tưởng Giới Thạch đưa ra khẩu hiệu "kết thúc huấn chính", "mở đại hội quốc dân". Đây nói "giả dạng một lần nữa" vì tháng 5 năm 1931, đã mở một lần "đại hội quốc dân" rồi, đã công bố "ước pháp" trong "thời kỳ huấn chính".

(3) "Cử nhân" : đây dùng theo hai nghĩa : a) Người được cử ra làm đại biểu cho quốc dân. b) Cử nhân, tú tài.

Nhưng nếu không giả dạng thì sao thành nghệ thuật ? Do đó, họ phải giả dạng thành người tuyển cử và người được tuyển cử của quốc gia hiến chính, tuy thực chất vẫn là tú tài và cử nhân. Thâm ý của bản đề án ở chỗ này : làm cho dân chúng thấy là dân quyền, mà tổ tiên dân tộc thì thấy là trung hiếu, trung với dân tộc khoa cử cổ hữu, hiếu với tổ tiên đặt ra khoa cử. Ngoài ra, như dân quyền mà Thượng Hải đã thực hiện, là người có nạp thuế mới có quyền tuyển cử và được tuyển cử, làm cho Thượng Hải to lớn như thế mà chỉ còn lại bốn nghìn sáu trăm năm mươi đại thị dân[1]. Đó tuy là "quan quyên" – kẻ có tiền làm chủ – nhưng nhất định họ sẽ thi trúng cử nhân, thậm chí không thi cử cũng có thể được tứ là đồng tiến sĩ xuất thân, bởi vì phải noi theo gương quan Tây, huống chi như thế chẳng phải là một mặt phản lại văn hóa cổ hữu, một mặt lại giả dạng rất giống dân quyền hiến chính hay sao ? Đó là một.

Hai là, một mặt điều đình, một mặt chống cự[2], nhìn vào mặt này thì chống cự, nhìn vào mặt kia thì kỳ thực là điều đình. Ba là, một mặt làm nhà thực nghiệp, làm chủ ngân hàng, một mặt tự xưng "dân nghèo nhỏ mà thôi"[3]. Bốn là, một mặt, đường tiêu thụ hàng hóa Nhật Bản lại bắt đầu thịnh vượng, một mặt nói với người khác là "năm quốc hóa"[4]... Những việc như thế không kể hết mà phần lớn đều giả dạng rất khéo, hai mặt đều trơn bóng.

Ôi ! Trung Quốc quả thật là một quốc gia nghệ thuật bậc nhất, một dân tộc trung dung bậc nhất.

Nhưng dân đen còn không bằng lòng, ô hô ! Người quân tử thì trung dung mà tiểu nhân thì phản lại trung dung[5] vậy !

30 tháng 3

(Tập *Viết tự do giả*)

---

(1) *Thượng Hải* nói ở đây là tô giới công cộng. Thượng Hải do các đế quốc thống trị.

(2) Ngày 15 tháng 2 năm 1932, Uông Tinh Vệ, viện trưởng Viện hành chính của Chính phủ Quốc dân đảng đương thời, trong một bài diễn thuyết, có nói : " *Phương châm ngoại giao của Trung Quốc là một mặt điều đình, một mặt chống cự*". Theo ý giải thích thì "vì không thể đánh được nên phải chống cự, vì không thể xin hòa được, nên phải điều đình".

(3) Nguyên văn : "tiểu bản". Danh từ này Tôn Trung Sơn dùng lần đầu trong cuốn *Tam dân chủ nghĩa*. Ông nói : "Kỳ thực những nhà đại tư bản của Trung Quốc, so với các nhà tư bản nước ngoài, chẳng qua là "tiểu bản" (dân nghèo nhỏ) mà thôi. Ý Tôn Trung Sơn là giai cấp tư sản dân tộc Trung Quốc cũng bị bọn tư sản nước ngoài chèn ép, không thể phát triển được, nhưng về sau bọn tư bản thường lợi dụng câu đó để lấy cớ tăng cường bóc lột công nhân, tự cho mình không phải là tư bản.

(4) *Năm quốc hóa* : Năm 1933, giới công thương Thượng Hải định lấy năm đó làm "năm quốc hóa" tẩy chay hàng Nhật.

(5) Câu này lấy trong sách *Trung dung*.

35. VÒNG SINH MỆNH CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC*

"Kiến bọ còn biết tham sống"(1), dân đen Trung Quốc xưa nay vẫn tự xưng là "dân kiến" (*nghị dân*), để bảo toàn sinh mệnh của mình, tôi thường lưu tâm đến những nơi tương đối an toàn, trừ những bậc anh hùng hào kiệt, tôi nghĩ chắc không ai đến nỗi chê cười tôi.

Có điều, những chuyện đăng rõ ràng trên báo chí, tôi không tin lắm, mà thường hiểu ra một cách khác. Thí dụ, trên báo nói : Bắc Bình đang thiết bị phòng không, tôi xem, không tin được ; nhưng khi thấy đăng đi chuyển đồ cổ về miền Nam, thì lại biết ngay cái thành cổ kính đó đang lâm nguy ; và dõi theo dấu vết những đồ cổ đó, thì đoán được thiên đường Trung Quốc là ở đâu.

Bây giờ, từng rương từng rương đồ cổ đã được tập trung ở Thượng Hải(2), đủ thấy địa phương an toàn nhất, cuối cùng cũng vẫn là tô giới Thượng Hải.

Nhưng, giá thuê nhà nhất định sẽ đắt lên. Cái đó đối với "dân kiến" cũng là một đòn nặng, cho nên vẫn phải nghĩ đến một nơi khác.

Nghĩ đi nghĩ lại, nghĩ đến cái "vòng sinh mệnh". Như thế nghĩa là chẳng phải "phúc địa"(3), cũng chẳng phải "biên cương", mà là ở giữa hai nơi đó, giống như trong một cái vành tay, một cái vòng tròn, ở đấy có lẽ cũng có thể "sống thêm được ít ngày giữa thời buổi..."(4).

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo* ngày 14 tháng 4 năm 1933, ký tên Hà Gia Can.

(1) Câu này lấy trong sách *Sử ký*, truyện *Ngụ Tử Tư*. Về sau trong các bản kịch và bình thoại thường có câu : "Kiến bọ còn biết tham sống huống chi là người".

(2) Năm 1933, Chính phủ Quốc dân đảng dời đồ cổ xuống Nam Kinh, rồi từ Nam Kinh, chuyển vào kho Ngân hàng Trung ương ở tô giới Pháp.

(3) "Phúc địa" : đất ở giữa nước, trái với "biên cương".

(4) Câu này lấy trong *Tam quốc chí*, chuyện Gia Cát Lượng. Nguyên văn : "Cứu toàn tính mệnh vu loạn thế, bất cầu đạt văn vu chư hầu" (Mong sống thêm được ít lâu giữa thời loạn lạc, không mong nổi tiếng tăm tới các chư hầu) - Lỗ Tấn khi dẫn câu này, lại bỏ chữ *loạn* đi, ý nói không biết thời này là thời buổi nào.

Ở "biên cương"[1] máy bay đang thả bom. Báo chí Nhật Bản nói là đang tiêu diệt "lính cướp" (binh phỉ), báo Trung Quốc thì nói là giết hại nhân dân, tàn phá làng mạc, chợ búa, thành đống gạch vụn. Ở "phúc địa", máy bay cũng đang thả bom. Báo Thượng Hải nói là đang tiêu diệt "giặc cộng", họ bị bom tan nát hết. Báo của "giặc cộng" nói thế nào ? Chúng ta không thể biết được. Nhưng tóm lại, biên cương đang bị bom, bom, bom, "phúc địa" cũng đang bị bom, bom, bom. Tuy một bên là người khác thả, một bên là mình thả, tay thả bom khác nhau, nhưng người bị bom vẫn là một. Chỉ có giữa hai nơi ấy, nếu bom không rơi nhầm, thì còn có hy vọng khỏi phải "máu, thịt bay tung tóe", cho nên tôi gọi đó là "vòng sinh mệnh của người Trung Quốc".

Nếu từ ngoài lại thả bom vào, thì cái "vòng sinh mệnh" đó sẽ thu hẹp lại thành một cái "tuyến sinh mệnh"; thả bom nữa, thì mọi người sẽ chạy vào trong chỗ "phúc địa" đã thả bom rồi. Cái "vòng sinh mệnh" đó sẽ rút lại thành "O sinh mệnh"[2].

Thực ra, cái dự cảm đó ai cũng có. Chỉ cần xem trong năm nay, trên văn chương ít thấy cái câu sáo : "Trung Quốc chúng ta đất rộng, của lắm, người đông", đó là một chứng cớ. Có một vị, trong bài diễn thuyết của mình, còn nói rằng người Trung Quốc là một "dân tộc nhược tiểu".

Nhưng câu nói đó, những người cao sang không cho là phải, bởi vì không những họ có máy bay mà còn có "ngoại quốc" của họ !

10 tháng 4

(Tập ***Viết tự do giả***)

---

(1) "*Biên cương*" : chỉ vùng Nhiệt Hà thời đó. Năm 1933, quân Nhật thả bom vùng này, nhân dân chết rất nhiều. "*Phúc địa*" : chỉ Giang Tây, căn cứ địa của Hồng quân Trung Quốc. Hồi đó Tưởng Giới Thạch huy động 90 sư đoàn (50 vạn quân) tiến hành cuộc vây ráp Hồng quân lần thứ tư, đồng thời cho máy bay ném xuống nhân dân vùng này.

(2) *O* : tức là vòng mà cũng có nghĩa là không.

36. THẤU ĐÁY*

Phàm việc gì làm đến đáy[1] là tốt, nhưng "thấu đáy" thì không hay nữa. Bởi vì cứ liên tục quay sang tả, kết quả sẽ gặp phải ông bạn đang quay sang hữu, lúc đó hai bên sẽ gật đầu hiểu nhau, mặt sẽ nóng ràn rạt. Người đòi tự do, bỗng nhiên muốn bảo vệ tự do phục tính[2], hoặc tự do giết đại chúng, thấu đáy thì thấu đáy đấy, nhưng ngay bản thân tự do thì đã rơi đâu mất rồi, té ra chỉ còn lại một lỗ hổng không đáy.

Thí dụ phản đối *bát cổ* là điều rất nên. *Bát cổ* vốn là một sản vật ngu xuẩn. Một là các quan chấm thi sợ phiền phức – đầu óc của họ phần lớn là làm bằng gỗ ngâm lâu đời[3] – nào là thay thánh hiền lập ngôn, nào là *khởi, thừa, chuyển, hợp, khí vận văn chương*, đều không có tiêu chuẩn nhất định, khó mà mò cho ra, do đó định ra từng vế, từng vế, kể cho là hợp với cách thức, phép tắc, dùng cách thức đó mà "hành văn"[4], liếc mắt nhìn qua đã thấy rõ nặng nhẹ bao nhiêu rồi. Hai là, ngay người đi thi cũng cảm thấy đỡ mệt, lại không phải rắc rối. Cái *bát cổ* như thế, bất cứ mới hay cũ, đều nên quét cho sạch. Nhưng như thế là muốn cho thông minh hơn, chứ không phải muốn cho càng ngu xuẩn thêm.

Có điều, những người muốn giữ sự ngu xuẩn lại có một sách lược khác. Họ nói : "Tao không được, nhưng nó cũng như tao". Cho chết hết, là hay nhất ! Nhưng đến khi "nó" ngã rồi, thằng "tao" ngu xuẩn cũ lén lút đứng dậy, lợi ích thực tế là thuộc về ngu xuẩn. Giống như muốn đánh đổ tượng

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Nói tự do*, tờ *Thân báo*, ngày 19 tháng 4 năm 1933, ký tên Hà Gia Can.

(1) Đáng lẽ nên dịch là *triệt để*, nhưng để đối lại với chữ *thấu đáy* (thấu đế) thành phải dịch là *đến đáy*.

(2) *Phục tích* : đưa vua đã thoái vị lên ngôi. Ám chỉ cái trò của Trương Huân năm 1917.

(3) *Âm trầm mộc* : một thứ gỗ trên rừng lâu năm, đến khi ngã thì bị chôn vùi trong bùn, ngày trước người ta dùng làm quan tài cho là một thứ gỗ quý. Ở đây ý nói là ngoan cố, thủ cựu.

(4) "*Hành văn*" : đánh giá bài văn. *Hành* là *cân* cho nên mới nói *nặng, nhẹ*.

gỗ, tượng gỗ hốt hoảng chỉ vào tất cả những người sống, nói : "Chúng nó đều giống tôi cả", thế là anh chạy đi, gặp người sống nào mặt giống như tượng gỗ, đều đạp đổ hết ; trở về, tượng gỗ sẽ khen một hồi; nói đạp đổ tượng gỗ mà đạp đổ người "đạp đổ", quả thực là thấu đáy. Kỳ thực, lúc đó một sự ngu xuẩn to hơn bao trùm lấy toàn thế giới.

Mở miệng ra là "Thi vân tử viết", đó là bát cổ cũ ; nhưng có người cho "Đacuyn nói, Plêkhanôp nói", cũng là làm văn bát cổ mới[1]. Thế là muốn biết quả đất tròn, mọi người phải tự mình đi quanh quả đất một vòng ; muốn chế tạo máy hơi, cũng phải ngồi trước nồi nước sôi mà quan sát... Như thế tất nhiên là rất thấu đáy. Kỳ thực, trước kia phản đối văn học vệ đạo[2], vốn là nói cái "đạo" ăn thịt người đó, không nên bảo vệ, nhưng có người muốn cho thấu đáy lại nói, đạo nào cũng không nên bảo vệ cả. Cái "đạo nào cũng không nên bảo vệ cả" đó, chẳng lẽ không phải là một thứ "đạo" hay sao? Cho nên, câu chuyện sau đây vẫn là thấu đáy thật sự.

Đời xưa có một nước làm cách mạng, chính phủ cũ sụp đổ rồi, chính phủ mới được thành lập. Người đứng cạnh nói : "Đảng cách mạng của anh vốn theo chủ nghĩa phản đối có chính phủ kia mà, sao bây giờ lại lập chính phủ ?". Người cách mạng đó liền rút kiếm ra, tự cắt đầu mình. Nhưng người anh ta vẫn không ngã, mà biến thành một các xác cứng đờ, đứng trơ trơ, cổ họng lắp bắp như nói : thực hiện chủ nghĩa này vốn phải chờ ba nghìn năm sau cơ ![3].

11 tháng 4

(Tập ***Viết tự do giả***)

---

(1) Chỉ bài *Bàn về bát cổ mới* của Chúc Tú Hiệp đăng ở mục *Nói tự do* ngày 4 tháng 4 năm 1933.

(2) Tức văn học bảo vệ đạo đức phong kiến.

(3) Câu nói này là của Ngô Trĩ Huy, xem bài *Trả lời ông Hữu Hằng*, tập ***Mà thôi.***

37. TRÍ THỨC THỪA*

NGU MINH

Vì sản xuất thừa mà thế giới lâm vào cảnh kinh tế khủng hoảng. Tuy đồng thời có hơn ba triệu công nhân ăn đói, nhưng lương thực thừa vẫn là một "hiện thực khách quan", nếu không thì nước Mỹ không thể cho ta vay bột mì[1], và chúng ta cũng không thể "được mùa mà thành tai họa"[2].

Nhưng trí thức cũng có thể thừa, trí thức thừa thì khủng hoảng càng lớn. Nghe nói nền giáo dục hiện hành của Trung Quốc càng phát triển ở nông thôn, thì nông thôn càng phá sản nhanh. Có lẽ đó là trí thức được mùa mà thành tai họa. Nước Mỹ vì bông rẻ nên phá ruộng bông. Trung Quốc thì lại nên trừ bỏ trí thức. Đó là diệu pháp truyền từ phương Tây sang.

Người phương Tây cừ thật. Năm sáu năm trước, nước Đức la ầm lên rằng sinh viên đại học nhiều quá, một số nhà chính trị và nhà giáo dục nhao nhao khuyên thanh niên không nên vào đại học nữa. Bây giờ nước Đức không những khuyên, mà trừ bỏ trí thức : thí dụ : châm lửa đốt sách, bắt nhà văn phải nuốt bản thảo vào bụng, còn nữa, lùa hàng đàn sinh viên vào doanh trại bắt làm công việc nặng, gọi là "giải quyết vấn đề thất nghiệp". Trung Quốc chẳng phải đã la ầm lên thừa sinh viên khoa văn học, pháp lý đó rồi sao ?[3]. Kỳ thực, đâu phải chỉ có khoa văn học, pháp lý ! Ngay học sinh

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo*, ngày 16 tháng 7 năm 1933.

(1) Tháng 6 năm 1933, Chính phủ Quốc dân đảng ký hiệp định vay "bông và bột mì" của Mỹ, trị giá 5 triệu Mỹ kim.

(2) Năm 1932, lưu vực Trường Giang được mùa, nhưng vì đế quốc, Chính phủ Quốc dân đảng, địa chủ, con buôn thao túng, giá thóc cao vọt, thành ra nhân dân ở các tỉnh được mùa vẫn đói kém.

(3) Năm 1933, Bộ Giáo dục Chính phủ Quốc dân đảng ra chỉ thị hạn chế việc tuyển sinh viên vào hai ban văn học và pháp lý.

trung học cũng nhiều quá rồi. Phải dùng chế độ hội thảo "nghiêm ngặt"[1] giống như là lấy chổi sắt quét, quét, quét, quét, quét cho số đông thanh niên trí thức trở về "nhà quê".

Làm sao trí thức thừa lại có thể sinh ra khủng hoảng được ? Chẳng phải là ở Trung Quốc, tám chín mươi phần trăm còn mù chữ hay sao ? Nhưng trí thức thừa trước sau vẫn là "hiện thực khách quan", mà khủng hoảng do nó sinh ra, cũng là "hiện thực khách quan". Trí thức nhiều quá, nếu cõi lòng không sống tất sẽ mềm yếu. Cõi lòng sống thì nghĩ tầm bậy, cõi lòng mềm yếu thì không chịu mạnh tay làm điều ác. Kết quả nếu không phải là mình không trấn tĩnh, thì lại phương hại đến sự trấn tĩnh các người khác. Thế là tai họa đến. Cho nên không trừ bỏ trí thức không được.

Nhưng chỉ trừ bỏ trí thức vẫn chưa đủ. Phải đem lại cho họ một sự giáo dục thực dụng thích hợp ; một là, cái học về số mệnh – phải lạc thiên tri mệnh, mệnh tuy khổ, nhưng vẫn nên vui ; hai là, cái học tự biết mình – phải "biết mình", biết cái lợi hại của vũ khí hiện đại. Ít nhất, hai thứ học vấn thực dụng thích hợp đó phải được đề xướng gấp lên. Phương pháp đề xướng rất giản đơn : thời xưa, một nhà triết học bác thuyết duy tâm nói : nếu anh hoài nghi vật chất của bát cơm này có tồn tại hay không, thì hay nhất là anh cứ ăn đi, xem có no bụng hay không. Bây giờ thí dụ muốn cho người ta hiểu về điện, thì hay nhất là bắt sờ vào điện, xem có đau hay không, muốn cho người ta biết hiệu lực của máy bay v.v... thì hay nhất là cho máy bay bay trên đầu người ta, thả bom xuống, xem có chết hay không...

Có một thứ giáo dục thực dụng như thế, thì trí thức không thừa nữa, A men !

12 tháng 7

(Tập ***Cho bàn gió trăng***)

---

(1) Từ năm 1933, Chính phủ Quốc dân đảng quy định học sinh trung học, sau khi thi tốt nghiệp ở trường, sẽ phải dự một kỳ thi nữa, gọi là *hội khảo*, do cơ quan Giáo dục chủ trì, mới cho là đã tốt nghiệp.

38. SỰ TIẾN BỘ CỦA NGƯỜI ĐÀN ÔNG*

NGU MINH

Cầm thú giao cấu mà nói rằng chúng yêu nhau, thì không khỏi khi mạn một chút. Nhưng cầm thú cũng có cuộc sống về tính dục, điều đó không thể phủ nhận được. Trong thời kỳ xuân tình phát động, con đực và con cái gặp nhau, không tránh khỏi "mình mình tôi tôi" một lúc. Cố nhiên, con cái có lúc cũng biết làm bộ làm tịch, chạy đi mấy bước lại quay đầu nhìn, còn kêu lên mấy tiếng, cho đến khi thực hành việc "cùng nhau chung sống ái ân" mới thôi. Cầm thú tuy nhiều chủng loại, phương thức "yêu đương" của chúng nó tuy phức tạp, nhưng có một điều không thể nghi ngờ được, tức là con đực không có đặc quyền gì cả.

Người là vạn vật chi linh, trước hết vì bản lĩnh của đàn ông cao cường. Lúc đầu còn gặp đâu hay đó, nhưng vì cớ "biết có mẹ, không biết có cha"(1), các bà từng đã "thống trị" một thời kỳ ; hồi đó cụ tổ bà xem chừng còn oai hơn ông tộc trưởng sau này nhiều. Về sau, không biết thế nào, đàn bà gặp vận đen : ở cổ, ở tay, ở chân đều có dây xích xích lại, lại còn tròng vào nào là vòng, nào là xuyến – tuy trải qua mấy nghìn năm, những vòng, những xuyến ấy đều đã biến thành vòng vàng, xuyến bạc, nạm châu báu, kim cương, nhưng các thứ vòng, xuyến, nhẫn v.v... đến ngày nay vẫn tượng trưng người đàn bà nô lệ. Đàn bà đã thành nô lệ, thì đàn ông bắt tất phải hỏi họ có đồng ý hay không rồi mới "yêu" họ. Trong những cuộc chiến tranh giữa các bộ lạc thời cổ, kết quả là kẻ bị bắt tù sẽ biến thành nô lệ, nếu là nữ thì bị

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo* ngày 16 tháng 9 năm 1933.

(1) Chỉ hiện tượng tạp hôn trong xã hội cộng sản nguyên thủy. Sách *Lã thị Xuân Thu* chép : "Thời thái cổ thường không có vua, dân tụ tập sinh sống với nhau, biết mẹ mà không biết cha".

cưỡng hiếp. Lúc đó, có lẽ thời xuân tình phát động đã bị "thủ tiêu" rồi, bất cứ lúc nào, chỗ nào, người chủ đàn ông cũng có thể cưỡng hiếp người đàn bà bị bắt tù, bị nô lệ cả. Hiện nay, bọn cường đạo, ác ôn không xem đàn bà là người, thực ra đó là cái phong cách võ sĩ đạo kiểu tù trưởng rơi rớt lại.

Thế nhưng, bản lĩnh cưỡng hiếp của con người, tuy là một bước "tiến" so với cầm thú, rốt cuộc cũng chỉ là bán khai mà thôi. Hãy nghĩ mà xem, người đàn bà khóc lóc, mếu máo, chân tay vùng vẫy, thì còn có thể có hứng thú gì ? Từ khi kim tiền, thứ bảo bối ấy xuất hiện, thì sự tiến bộ của người đàn ông mới thật ghê gớm. Trong thiên hạ bất cứ cái gì cũng có thể mua bán được, tất nhiên tính dục cũng không phải lệ ngoại. Người đàn ông bỏ ra mấy đồng tiền hôi tanh, là có thể có được cái mình muốn ở trên mình người đàn bà, mà lại có thể nói với người đàn bà rằng : "Tôi có hiếp cô đâu, đó là cô tự nguyện, cô muốn có tiền, thì cô phải làm như thế này, trăm chuyện đều là thuận tình cả, phải thì mua, vừa thì bán, chúng ta sòng phẳng lắm". Đã giày vò người ta còn muốn người ta nói : "Cám ơn anh !". Cầm thú có làm được như thế không ? Cho nên, chơi đĩ là giai đoạn khá cao trên con đường tiến bộ của người đàn ông.

Đồng thời, cái lối hôn nhân cũ, cha mẹ đặt đâu ngồi đấy, có người mối lái trao duyên, lại còn hay hơn chơi đĩ nhiều. Dưới chế độ ấy, người đàn ông được một cái tài sản sống, vĩnh viễn, suốt đời. Khi cô dâu bị người ta ném vào giường chú rể, cô chỉ có nghĩa vụ mà thôi, đến cái quyền tự do đòi giá cả cũng không có nữa, huống chi là yêu đương. Mặc kệ cô có yêu hay không, dưới danh nghĩa ông Chu, thánh Khổng[1], cô phải tòng nhất nhi chung[2], phải giữ gìn trinh tiết. Bất cứ lúc nào, người đàn ông đều có quyền sử dụng người đàn bà, mà người đàn bà thì phải tuân theo lễ giáo của thánh hiền, dù "chỉ mới nảy ra ý nghĩ xấu trong bụng cũng coi như đã phạm tội gian dâm rồi". Giả thử chó đực mà dùng thủ đoạn khôn khéo nhưng nghiêm khắc ấy đối với chó cái, thì chó cái nhất định sẽ vội vàng "nhảy qua tường" cút mất. Nhưng người thì lại chỉ biết nhảy xuống giếng, làm tiết phụ, trinh nữ, liệt nữ[3]. Ý nghĩa tiến bộ của cuộc hôn nhân theo lễ giáo, cũng có thể suy đó mà biết được.

---

(1) Tương truyền cuốn *Kinh Lễ* là do Chu Công làm ra, hoặc do Khổng Tử định ra.

(2) Theo Khổng giáo thì người đàn bà chỉ được lấy một đời chồng cho đến chết thì thôi.

(3) Thời phong kiến, khi người phụ nữ bị cưỡng ép, để giữ trinh tiết, họ nhảy xuống giếng tự tử. Sau khi chết, người có chồng thì được liệt vào hàng tiết phụ, người chưa có chồng được liệt vào hàng trinh nữ, liệt nữ. (Xem bài *Quan niệm về tiết liệt của tôi*, tập ***Nấm mồ***).

Còn như người đàn ông mà dùng cái học thuyết "khoa học nhất" làm cho người đàn bà, tuy không theo lễ giáo, cũng có thể vui lòng tình nguyện tòng nhất nhi chung, vả lại tin chắc rằng tính dục là "thú dục", không nên lấy làm điều kiện cơ bản của yêu đương ; nhân đó mà phát minh ra cái thứ "trinh tiết – khoa học", thì đương nhiên đó là văn minh tiến bộ tột bực rồi.

Ôi, đó là chỗ con người – người đàn ông – khác loài cầm thú !

Tự chú : Bài này là văn chương bảo vệ đạo đức.

3 tháng 9

(Tập ***Cho bàn gió trăng***)

39. PHỤ NỮ VỊ TẤT ĐÃ HAY NÓI DỐI*

TRIỆU LỊNH NGHI

Trong bài *Bàn về nói dối*[1], ông Thị Hành cho rằng một trong những nguyên nhân khiến người ta nói dối là yếu đuối ; sự thực được đưa ra làm chứng là : "do đó vì sao đàn bà lại nói dối nhiều hơn đàn ông".

Nói như thế không nhất định là nói tầm bậy, nhưng cũng không nhất định là sự thật. Chúng ta quả cũng thường nghe từ miệng bọn đàn ông nói ra là đàn bà nói dối nhiều hơn đàn ông ; có điều không có chứng cớ chắc chắn, cũng không có thống kê. Scôpenhao chửi phụ nữ[2] ; sau khi ông ta chết, có tìm ra trong sách vở ông ta một cái đơn thuốc chữa bệnh giang mai. Lại có một nhà văn trẻ tuổi người Áo[3], tôi quên mất tên, viết một cuốn sách dày nói rằng, đàn bà thì tất phải nói dối, hai cái đó không tách rời, nhưng về sau ông ta tự sát. Tôi chắc ông ta mắc bệnh thần kinh.

Tôi nghĩ, nói : "đàn bà nói dối nhiều hơn đàn ông" thì không đúng bằng nói : "đàn bà thường bị người ta cho là nói dối nhiều hơn đàn ông", nhưng tất nhiên cũng không có con số thống kê.

Thí dụ, về Dương Phi, các nhà văn nhân sau loạn An Lộc Sơn đều nói dối hết, Huyền Tông ăn chơi bỏ việc nước, thì lại nói rằng bao nhiêu chuyện xấu đều do nàng cả. Có mấy người còn dám nói :

Bất văn Hạ Ân suy
Trung tự tru Bao Đát

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo* ngày 12 tháng 1 năm 1934.

(1) Bài *Bàn về nói dối* cũng đăng trên mục *Nói tự do* ngày 8 tháng 1 năm 1934.

(2) *A. Schopenhauer* (1788 – 1860) : nhà triết học yếm thế người Đức.

(3) Tức *O.Weininger* (1880 – 1903) : nhà triết học người Áo, ghét phụ nữ. Năm 1903, ông ta có xuất bản một cuốn sách nhan đề là *Tính và tính cách*, để công kích phụ nữ. Ông ta chứng minh phụ nữ kém nam giới.

Chẳng nghe Hạ, Ân suy,
Chỉ vì giết Bao, Đát[1].

Ngay Đát Kỷ, Bao Tự, chẳng phải cũng là chuyện như thế hay sao ? Đàn bà chịu tội cho mình và chịu tội thay cho đàn ông, cái đó đã lâu lắm rồi.

Năm nay là năm "phụ nữ quốc hóa"[2]; chấn hưng quốc hóa cũng bắt đầu từ phụ nữ. Rồi đấy, sẽ bị chửi cho mà xem, bởi vì quốc hóa vị tất vì thế mà phát triển lên được, nhưng đẻ xướng rồi, chửi mắng rồi, thì người đàn ông mới hết được trách nhiệm.

Còn nhớ có nam sĩ nọ làm một bài thơ tỏ ý bất bình thay cho nữ sĩ nọ :

Quân vương thành thượng thụ hàng kỳ,
Thiếp tại thâm cung ná đắc tri ?
Nhị thập vạn nhân tề giải giáp,
Cánh vô nhất cá thị nam nhi !

Trên thành vua đã kéo cờ hàng,
Dễ thiếp trong cung được tỏ tường ?
Hai chục vạn quân đều cởi giáp,
Lại không một kẻ đáng trai chăng[3].

Khoái tai ! Khoái tai !

8 tháng 1

(Tập ***Văn học viên hoa***)

---

(1) Hai câu thơ này của Đỗ Phủ trong bài *Bắc chinh* (Lên Bắc). *Bao Tự* : vợ Chu U Vương, *Đát Kỷ* : phi tử Ân Trụ Vương. Phi tử Hạ, Kiệt là *Muội hi*. Do đó, có người nói nên đổi là "Tru Muội, Đát" cho đúng với chữ Hạ, Ân ở câu trên.

(2) Tháng 12 năm 1933, có bốn tổ chức quần chúng khai hội quyết định lấy năm 1934 làm năm "phụ nữ quốc hóa" hô hào phụ nữ dùng hàng nội, tẩy chay hàng ngoại.

(3) Bài thơ này tương truyền là của bà Hoa Nhụy phu nhân, hoàng hậu Hậu Thục, Mạnh Vĩnh (thời Ngũ Đại). Sau khi mất nước lại được đưa vào hậu cung. Thái Tổ nghe nói hay thơ, bắt làm thơ. Nàng làm bài *Quốc Sơn thi*.

Quân vương thành thượng thụ hàng kỳ.
Thiếp tại thâm cung ná đắc tri.
Thập tứ vạn nhân tề giải giáp.
Cánh vô nhất cá thị nam nhi.

Thái Tổ vui vì quân Thục có 14 vạn người, mà Vương Sư chỉ có mấy vạn. Câu chuyện này trong *Sơn Hậu thi thoại* của Trần Sư Đạo đời Tống.

Nhưng theo cuốn *Giám giới lục* của Hà Quang Viễn, thời Hậu Thục, thì có một bài thơ của một người đàn ông làm hơi giống như thế, vịnh Hậu Chủ ra hàng :

Thục triều hôn chủ xuất hàng thì,
Hàm bích khiên dương đảo hệ kỳ.
Nhị thập vạn quân tề cúng thủ,
Cánh vô nhất cá thị nam nhi.
(Khi vua hôn mê triều Thục ra hàng,
Ngậm ngọc bích, dắt dê và cờ treo ngược.
Hai mươi vạn quân đều chắp tay lại,
Không có ai là nam nhi cả).

40. VỀ MỘT VÀI VIỆC CỦA TRUNG QUỐC*

1 – VỀ LỬA CỦA TRUNG QUỐC

Lửa người Hy Lạp dùng, nghe nói từ trước kia, Prômêtê[1] ăn trộm trên trời xuống cho, nhưng lửa của Trung Quốc thì lại không phải như thế, mà do họ Toại Nhân tự phát hiện – hoặc giả phải nói là phát minh. Vì không phải là kẻ trộm, nên tránh khỏi nạn bị xiềng trên đỉnh núi, cho chim đại bàng moi ruột, có điều lại không được truyền tụng, sùng bái như Prômêtê.

Trung Quốc cũng có thần Hỏa. Nhưng vị đó không phải là họ Toại Nhân, mà là ông nào đó, không ai biết ở đâu ra, tùy ý châm lửa đốt bừa.

Từ khi họ Toại Nhân phát hiện hoặc phát minh ra lửa, thì có được những món ăn nấu chín rất ngon. Ban đêm thắp đèn lên, cũng có thể làm việc được. Nhưng, đúng như nhà triết học xưa nói, "có một điều lợi tất có một điều hại", đồng thời bắt đầu có nạn cháy nhà, và những nhân vật ghê gớm cố ý châm lửa đốt cái tổ do họ Hữu Sào phát minh, cũng xuất hiện.

Họ Toại Nhân hiền lành thì quên đi là phải. Nếu ăn không tiêu, thì lúc đó lại thuộc về lĩnh vực họ Thần Nông rồi, cho nên họ Thần Nông đến nay vẫn được nhớ đến. Còn như cháy nhà, tuy không rõ người phát minh là ai, nhưng nhất định có tổ sư, thế là không có cách nào khác, đành phải nói mơ hồ là thần Hỏa để mà tỏ lòng kính sợ. Xem tượng ông ta thì mặt đỏ, râu

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Cái tạo* số tháng 3 năm 1934. Trong bài *Ghi thêm*, Lỗ Tấn nói : "Bài *Về một vài việc của Trung Quốc*" là viết cho *Cải tạo xã* của Nhật Bản. Nguyên văn bằng tiếng Nhật, đăng vào *Cải tạo* số tháng 3, nhan đề là *Lửa, Vương đạo, Nhà tù*, nhớ ở miền Bắc Trung Quốc có một vài tờ báo dịch đăng cả ba bài, nhưng ở miền Nam thì lại có các ông Lâm Ngữ Đường, Thiếu Tuân Mỹ, Chương Khắc Tiêu dùng làm tài liệu để công kích trên tờ *Nhân ngôn* của các ông ấy biên soạn".

(1) Theo thần thoại Hy Lạp, Prômêtê trộm lửa cho loài người, bị thần Dớt xiềng trên núi Capcadơ để cho chim đại bàng đến moi ruột. Nhưng ban ngày chim ăn đến đâu thì ban đêm da thịt lại mọc lên đến đó.

đỏ, có điều lúc làm lễ, kiêng không dùng vật gì màu đỏ, mà thay bằng màu xanh tất. Có lẽ ông ta giống con bò Tây Ban Nha, hễ thấy màu đỏ là hăng tiết lên, và có những hành động dễ sợ[1].

Do đó mà ông ta được thờ. Ở Trung Quốc, những vị ác thần như thế còn nhiều lắm.

Nhưng, trên đời tựa hồ có họ mới vui. Trong hội hè đình đám, cũng chỉ có thần Hỏa, nhưng không có họ Toại Nhân. Nếu có cháy nhà, thì người có nhà cháy và người lân cận nhà không cháy, cũng đều phải cúng thần Hỏa, để tạ ơn. Cả người có nhà cháy cũng phải tạ ơn, mặc dù không khỏi miễn cưỡng ít nhiều, nhưng không cúng, nghe nói lần sau có thể cháy nữa, nên tạ ơn cho yên chuyện. Vả lại, cũng không phải chỉ đối với thần Hỏa, mà đối với người, có lúc cũng làm như thế ; tôi nghĩ, có lẽ đó cũng là một thứ lễ nghi chăng.

Thật ra, đốt nhà thì dễ sợ lắm, nhưng so với nấu cơm, có lẽ thú hơn nhiều. Ở nước ngoài thế nào, tôi không rõ, nếu ở Trung Quốc, thì tra cứu lịch sử, cũng không tìm ra được truyện của người nấu cơm và người thắp đèn. Trong xã hội, những người nấu cơm khéo, thắp đèn khéo như thế nào đi nữa, cũng không có hy vọng trở thành danh nhân. Nhưng Tần Thủy Hoàng đốt sách thì đến nay vẫn nghiễm nhiên là danh nhân, lại còn làm gương cho Hitle nữa[2]. Giá thử vợ Hitle, khéo bấm nút đèn điện, nướng bánh mỳ, muốn tìm một cái gương như thế trong lịch sử, có lẽ khó lắm. Nhưng may mà việc như thế không thể làm náo động một thời được.

Đốt nhà, theo bút ký người đời Tống, thì bắt đầu có từ người Mông Cổ. Bởi vì họ ở lều vải, không biết ở nhà, cho nên dọc đường gặp là đốt[3]. Nhưng đó là nói láo. Người Mông Cổ ít ai biết chữ Hán, nên không đính chính. Thật ra, cuối đời Tần có một danh nhân đốt nhà là Hạng Võ[4]. Ông ta đốt cung A Phòng, thế là nổi tiếng khắp thiên hạ, đến nay vẫn xuất hiện trên sân khấu, ngay ở Nhật Bản mà cũng truyền tụng. Nhưng những con người hàng ngày thắp đèn trong cung A Phòng, khi cung này chưa bị đốt, thì có ai biết tên họ là gì đâu ?

---

(1) Ở Tây Ban Nha có tục người đấu với bò. Người cầm một tấm vải đỏ, giơ lên vung vẩy trước mặt bò, bò húc vào người.

(2) Xem bài *Những chỗ dị đồng trong việc Trung Quốc và Đức đốt sách* ở tập ***Cho bàn gió trăng***.

(3) Điều này, Lỗ Tấn căn cứ vào cuốn *Kê lặc biên* của Trang Quý Dụ, đời Tống.

(4) Sách *Sử ký* chép : Hạng Võ phá Tần, đốt cung A Phòng, lửa cháy ba tháng không tắt. Cung A Phòng là cung điện Tần Thủy Hoàng xây, di chỉ ở tây bắc huyện Trường An, tỉnh Thiểm Tây.

Bây giờ thì đã làm ra nào là bom nổ, bom cháy các thứ, tàu bay cũng lại rất tiến bộ, nếu muốn làm danh nhân thì càng dễ. Vả lại, nếu đốt nhà thì, so với trước có thể đốt to hơn, thế là người đó cũng càng được tôn kính. Đứng xa nhìn giống như một Đấng Cứu thế[1], mà ánh lửa đó thì làm cho người ta tưởng là ánh hào quang.

2 – VỀ VƯƠNG ĐẠO CỦA TRUNG QUỐC

Năm trước, từng kính cẩn đọc *Bức thư gửi nước China và quốc dân China của ông Trung Lý Giới Sơn*[2]. Chỉ nhớ trong ấy nói, Chu, Hán đều có đủ tư cách của kẻ xâm lược, thế mà người China đều ca tụng, hoan nghênh. Ngay đối với Nguyên, Thanh ở phía bắc xuống, mà cũng ca tụng. Quý hồ kẻ xâm lược đó có thực lực để an định quốc gia, để bảo hộ dân sinh. Đó là cái vương đạo mà người China khao khát. Thế rồi ông ta lấy làm giận cho những người China ngoan cố, không chịu tỉnh ngộ.

Bức "thư" đó được dịch và đăng trên các tạp chí ở Mãn Châu, nhưng vì chưa đem vào Trung Quốc, cho nên hình như đến nay chưa thấy bức thư trả lời nào cả. Chỉ trong bài nói chuyện của bác sĩ Hồ Thích đăng trên báo Thượng Hải năm ngoái, có nói rằng : "*Chỉ có một phương pháp có thể chinh phục được Trung Quốc, tức là triệt để đình chỉ xâm lược, quay lại chinh phục lòng dân tộc Trung Quốc*[3]". Không cần nói, đó chẳng qua là tình cờ, nhưng cũng có thể làm cho người ta cảm thấy hình như ông ta trả lời bức thư kia.

Chinh phục lòng dân tộc Trung Quốc, đó là cái định nghĩa của bác sĩ Hồ Thích về cái gọi là vương đạo của Trung Quốc. Nhưng tôi nghĩ, bản thân ông ta e vị tất đã tin lời ông ta nói. Ở Trung Quốc, thật ra tuyệt đối chưa có vương đạo, bác sĩ Hồ Thích là người có cái "nghiện lịch sử và nghiện khảo cứu"[4] không đến nỗi không biết.

Đúng, Trung Quốc cũng có những người ca tụng Nguyên, Thanh, nhưng đó là thuộc vào loại tạ ơn thần Hỏa, chứ không phải chứng cứ để nói rằng ngay cả lòng cũng đã bị chinh phục rồi. Nếu ra một ám hiệu cho biết, không ca tụng sẽ bị ngược đãi hơn nữa, thì dù có bị ngược đãi đến một mức nào

---

(1) *Đấng Cứu thế* : tức Đức Chúa Giêsu.
(2) *Trung Lý Giới Sơn* (1885 – 1944) : nhà văn Nhật Bản.
(3) Câu này trích ở *Thân báo* ngày 22 tháng 3 năm 1933, mục *tin Bắc Bình*.
(4) Xem bài *Bí quyết bán rẻ linh hồn* ở tập ***Viết tự do giả***.

đó, người ta cũng có thể ca tụng. Bốn năm năm trước đây, tôi từng gia nhập một đoàn thể đòi quyền tự do[1], thế mà ông Trần Đức Chính, trưởng cục Giáo dục Thượng Hải, đã nổi giận đùng đùng, nói rằng, dưới sự thống trị của chủ nghĩa Tam dân mà còn bất mãn hay sao ? Như thế là ngay chút tự do bây giờ đang cho hưởng cũng có thể bị thu lại. Mà đã thu lại thật sự rồi. Mỗi lần cảm thấy không được tự do như trước, thì một mặt tôi khâm phục ông Trần Đức Chính là người tinh thông vương đạo, một mặt có lúc tôi cũng không khỏi nghĩ rằng quả cần phải ca tụng chủ nghĩa Tam dân. Nhưng nay thì đã muộn rồi.

Vương đạo của Trung Quốc, xem qua, hình như đối lập với bá đạo, nhưng thực ra lại là anh em cùng một mẹ ; trước và sau vương đạo, nhất định có bá đạo[2]. Sở dĩ nhân dân ca tụng là vì mong bá đạo được giảm nhẹ đi, hoặc không nặng thêm.

Theo các nhà viết sử nói, Cao Tổ đời Hán là nòi rồng, nhưng thực ra là xuất thân vô lại[3], nói là kẻ xâm lược, e có khi không được đúng lắm. Còn như Vũ Vương đời Chu, thì lấy danh nghĩa chinh phạt mà vào Trung Quốc, hơn nữa, tựa hồ cũng không phải cùng một dân tộc với Ân, nói theo danh từ bây giờ, có thể là một kẻ xâm lược đấy. Thế nhưng, tiếng nói của dân chúng thời đó không lưu lại đến ngày nay nữa. Khổng Tử và Mạnh Tử quả đã từng tuyên truyền rầm rộ cho cái vương đạo đó, nhưng các Ngài không những là thần dân triều Chu mà thôi, mà các Ngài còn chu du liệt quốc, và có hoạt động, cho nên chưa biết chừng các Ngài có ý ra làm quan cũng nên. Nói cho đẹp mặt một chút, tức là vì các Ngài muốn "hành đạo", làm quan thì hành đạo sẽ dễ dàng, mà muốn làm quan thì tán tụng triều Chu là tiện lợi nhất. Nhưng xem những chỗ ghi chép khác, thì chỗ triều Chu là tổ sư và là chuyên gia về vương đạo, buổi đầu thảo phạt, cũng có Bá Di, Thúc Tề ra

---

(1) Chỉ Đồng minh vận động tự do Trung Quốc, một đoàn thể quần chúng cách mạng thành lập ở Thượng Hải năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Lỗ Tấn là một trong những người sáng lập.

(2) Thiên *Công Tôn Sửu* sách *Mạnh Tử* có ghi lời của Mạnh Tử như sau : Lấy sức mạnh giả làm điều nhân là *bá*, bá thì phải có nước lớn. Lấy đức mà làm điều nhân là *vương*, vương không cần phải có nước lớn... Lấy sức mạnh mà khuất phục người chưa phải đã thu được nhân tâm, chỉ vì họ không đủ sức. Lấy đức mà khuất phục người, trong lòng vui nên họ thành thực chịu khuất phục.

(3) Theo *Sử ký* thì "Cao Tổ (Lưu Bang)..., cha là Thái Công, mẹ là họ Lưu, trước bà thường hay nằm ngủ bên bờ đầm, mộng gặp thần. Lúc đó sấm sét nổi lên, trời tối mò. Thái Công đi đến thấy có giao long phục trên người bà, sau có mang, sinh ra Cao Tổ". Lại nói : "Thường biếng nhác không chịu làm ăn, thích rượu, tham sắc, hay mua chịu rượu".

co ngựa lại, can gián, không kéo ra không được[1]. Quân đội của Trụ cũng phản kháng, không làm cho máu chảy trôi cán giáo không được[2]. Sau đó, dân Ân lại làm phản, tuy đặc biệt xưng là "ngoan dân"[3], khai trừ ra khỏi nhân dân của cái thiên hạ vương đạo, nhưng tóm lại, tựa hồ vẫn có khe hở. Chỉ cần có một ngoan dân là làm cho vương đạo tốt không còn có căn cứ nữa rồi.

Nho sĩ và phương sĩ là danh vật đặc sản của Trung Quốc. Lý tưởng tối cao của phương sĩ là tiên đạo, lý tưởng tối cao của nho sĩ là vương đạo. Nhưng tiếc thay, cả hai cái đó ở Trung Quốc đều không có. Theo sự thực hàng nghìn năm lịch sử chứng minh, thì nói trước kia từng có vương đạo, là nói tầm bậy, nói bây giờ còn có, là lừa phỉnh. Mạnh Tử sinh vào đời Chu, cho nên nói đến bá đạo thì xấu hổ[4], giả thử sinh vào thời nay, phạm vi tri thức của nhân loại mở rộng ra rồi, chắc Ngài nói đến vương đạo cũng sẽ xấu hổ.

3 – VỀ NHÀ TÙ CỦA TRUNG QUỐC

Tôi nghĩ, quả thật người ta nhờ thực tế mà tỉnh ngộ thêm, và sự việc lại do đó mà sinh ra biến hóa. Từ Tống đến cuối Thanh, bao nhiêu năm trời, chuyên lấy cái thứ văn chương "chế nghệ"[5] phức tạp, khó khăn, thay thánh hiền lập ngôn, để chọn kẻ sĩ, cho đến khi Pháp bị đánh thua[6], mới tỉnh ngộ thấy cái phương pháp đó sai lầm. Thế là phái lưu học sinh sang phương Tây, xây dựng xưởng chế tạo súng ống, làm một thủ đoạn sửa đổi. Tỉnh ngộ

---

(1) *Sử ký, Bá Di liệt truyện* chép : "Võ Vương chở mộc chủ, hiệu Đế Văn Vương, sang đông phạt Trụ. Bá Di, Thúc Tề níu ngựa, can gián : "Cha chết không chôn, lại xuất binh, hiếu như thế đấy à ? Bầy tôi định giết chúa, nhân như thế đấy à ?". Tả hữu muốn đánh đập. Thái Công nói : "Đó là bậc nghĩa sĩ, dắt đi chỗ khác".

(2) Sách *Thượng thư* thiên *Võ Thành* chép : "Tờ mờ sáng ngày Giáp Tí, Thụ (tên vua Trụ) đem quân đến nhiều như rừng, hội ở Mục Dã. Không đánh với quân ta. Tiền quân trở giáo đánh, rồi chạy về phía bắc, *máu chảy trôi cán giáo*".

(3) *Sử ký* chép : Trụ Vương mất thì Võ Canh (con vua Trụ) cùng Quản Thúc, Thái Thúc làm loạn, Thành Vương ra lệnh cho Chu Công đánh. *Kinh Thư* thiên *Đa sĩ* : "Thành Chu (nay Lạc Dương) xây xong, thì dời ngoan dân Ân". Ngoan dân chỉ đại phu nhà Ân theo Võ Canh làm phản. (*Ngoan* nghĩa là ngu dốt).

(4) Sách *Mạnh Tử* thiên *Lương Huệ Vương* chép : Tề Tuyên Vương hỏi : "Ông có thể nói cho tôi nghe về việc của Tề Hoàn và Tấn Văn không?". Mạnh Tử trả lời : "Tất cả đồ đệ của Khổng Ni, không ai nhắc đến chuyện của Hoàn, Văn cả, cho nên không truyền đến hậu thế, thần cũng chưa hề nghe nói đến". Theo Chu Hi chú giải thì "học trò Khổng Ni đều xấu hổ nói đến Ngũ bá, cho rằng họ lấy sức mạnh lừa dối trước rồi sau mới thi hành nhân nghĩa".

(5) Tức văn *bát cổ*.

(6) Chỉ cuộc chiến tranh Trung - Pháp năm 1884 - 1885.

đến đó vẫn chưa đủ. Sau khi đánh nhau với Nhật Bản thua[1], lúc ấy mới ra sức mở trường học. Thế là hàng năm học sinh lại làm náo động lên. Từ khi nhà Thanh bị lật đổ, Quốc dân đảng nắm chính quyền, mới lại tỉnh ngộ thấy cái sai lầm trên : ngoài xây dựng nhà tù ra, chẳng có thủ đoạn sửa đổi nào khác cả.

Ở Trung Quốc, nhà tù kiểu quốc túy, thì khắp các nơi đều đã có từ lâu, đến cuối Thanh, cũng có xây một ít cái theo kiểu Tây, tức là nhà tù văn minh, nhằm mục đích cho người ngoại quốc qua chơi trông thấy, cũng thuộc một loại với việc phái lưu học sinh đi học một số lễ tiết của người văn minh để tiếp đãi người ngoại quốc. Nhờ cái phúc đó, mà phạm nhân được đối đãi tử tế hơn, được tắm rửa, cũng được chia phần cơm nhất định mà ăn, cho nên nhà tù lại là một nơi khá sung sướng. Hai ba tuần trước, chính phủ vì muốn thi hành nhân chính, lại ra lệnh không cho khấu trừ phần cơm phạm nhân. Từ đó về sau, càng sung sướng hơn.

Còn như nhà tù kiểu cũ, thì hình như bắt chước địa ngục của Phật giáo, cho nên không những cầm cố phạm nhân, ngoài ra còn có người có chức trách làm cho họ cực khổ. Chức trách ấy có khi do người có chức trách ép lấy tiền làm cho gia quyến phạm nhân nghèo xơ nghèo xác, kiệm nốt. Nhưng mọi người đều cho phải như thế. Ai phản đối, tức là bênh vực cho phạm nhân, và bị hiềm nghi là ác đảng[2]. Nhưng văn minh tiến bộ một cách lạ lùng, cho nên năm ngoái cũng có ông quan đề ra thuyết, mỗi năm thả cho phạm nhân về nhà một lần để có dịp giải quyết sinh lý. Có vẻ nhân đạo lắm[3]. Thực ra, không phải ông ta đặc biệt đồng tình gì về tính dục của phạm nhân, chẳng qua vì không lo đến chuyện thực hiện, cho nên cũng cao giọng hò hét một lúc để thấy mình đang làm quan. Nhưng dư luận thì lại rất sôi nổi. Có một nhà bình luận còn cho làm như thế thì không ai sợ nhà tù nữa, mà vui vẻ đi vào, rồi ông ta than thở cho thế đạo nhân tâm[4]. Ông

---

(1) Chỉ cuộc chiến tranh Trung - Nhật năm 1894.

(2) *Ác đảng* : một phản ngữ dùng để chỉ Đảng Cộng sản. Hồi đó Quốc dân đảng gọi Đảng Cộng sản là "phỉ đảng" để làm ô nhục.

(3) Tờ *Thân báo* ngày 4 tháng 4 năm 1933 có đăng tin : "Có vị yếu nhân trong giới tư pháp nói rằng : theo lý luận, nhân dân phạm tội thì mất tự do, nhưng tính dục thì đáng ra không bị tước đoạt. Các nước văn minh Âu, Mỹ đều có định hạn nghỉ phép cho phạm nhân, mỗi năm được về nhà năm hoặc bảy ngày để giải quyết về sinh lý".

(4) Trên tờ *Thập nhật thán* ngày 20 tháng 8 năm 1933 có bài của Quách Minh bàn về *Nhà tù tự do* nói rằng : "Chế độ cấm cố là Nhà nước đặt ra để cho phạm nhân có cơ hội hối hận mà cải quá. Nhà tù khổ sở như thế nào ai cũng biết, phạm nhân phạm pháp là tự chuốc lấy khổ vào thân, nhân dân đều lấy đó mà răn đe mình, hoặc giả có thể không dám phạm pháp. Đối phó với tiểu nhân thì đó cũng là một việc tất nhiên".

ta chịu sự giáo hóa của thánh hiền lâu như thế, lại không có cái khéo léo của vị quan nọ, cố nhiên người ta thấy ông ta thành thực đáng tin cậy, nhân đó cũng thấy ý kiến của ông ta là đối với phạm nhân thì không ngược đãi không được.

Nghĩ theo cách khác, thì nhà tù quả thực có giống với cái quê hương lý tưởng của những người mà khẩu hiệu là "an toàn trên hết". Ít khi cháy nhà, trộm cắp không vào, thổ phỉ nhất định cũng không đến cướp ; chiến tranh, cũng quyết không có thằng ngốc nào lấy nhà tù làm mục tiêu oanh tạc ; cách mạng, thì có lệ thả tù phạm, chứ không có lệ giết hại. Lúc Phúc Kiến mới độc lập[1], có tin ồn lên rằng thả phạm nhân, khi ra ngoài, họ chống lại những người mà họ không đồng ý kiến, rồi bỏ đi mất, những chuyện như thế trước đây chưa từng nghe thấy. Nói tóm lại, tựa hồ nhà tù cũng chẳng phải là một nơi tồi lắm. Nếu cho mang vợ con theo, thì dù không phải là lúc lụt lớn, đói kém, chiến tranh, khủng bố như bây giờ, vị tất không có những người xin vào. Thế là tất nhiên phải ngược đãi, không thể thiếu được.

Vợ chồng Ngưu Lan[2] bị giam ở ngục Nam Kinh vì tuyên truyền xích hóa, cũng tuyệt thực ba bốn lần, nhưng chẳng có hiệu quả gì hết. Đó là vì anh ta không biết tinh thần nhà tù của Trung Quốc. Có một ông quan đã ngạc nhiên nói : "Nó không ăn thì có quan hệ gì đến người khác ?". Chẳng những không quan hệ gì đến nhân chính mà thôi, lại còn đỡ được một ít cơm, lợi cho nhà tù. Cái trò của Găngđi, nếu không chọn rạp mà diễn, thì sợ không có kết quả.

Thế nhưng, trong cái nhà tù gần hoàn mỹ như thế, còn sót lại một khuyết điểm. Cho đến nay, người ta chưa lưu tâm lắm về mặt tư tưởng. Để sửa chữa khuyết điểm đó, gần đây mới phát minh cái gọi là "trại sám hối", một thứ nhà tù đặc biệt, để giáo dục. Tôi chưa đến đó để sám hối, cho nên không biết rõ tình hình ra sao, nhưng đại khái hình như ở đấy người ta thường

---

(1) Chỉ cuộc chính biến ở Phúc Kiến tháng 11 năm 1933. Lộ quân thứ 19 đã tiến hành kháng chiến chống Nhật ở Thượng Hải năm 1932, sau bị điều sang Phúc Kiến để "diệt cộng". Lộ quân này phản đối chính sách đầu hàng của Tưởng Giới Thạch, không chịu đánh nhau với Hồng quân. Tháng 11 năm 1933, tướng lĩnh lộ quân này liên lạc với một bộ phận trong nội bộ Quốc dân đảng thành lập "Chính phủ cách mạng nhân dân của nước Cộng hòa Trung Quốc", ký với Hồng quân hiệp định kháng Nhật, chống Tưởng. Nhưng cuộc chính biến đó không bao lâu bị Tưởng Giới Thạch dập tắt được.

(2) *Ngưu Lan* : nhà cách mạng quốc tế. Tháng 6 năm 1931, Chính phủ Quốc dân đảng bắt được hai vợ chồng ông ở Thượng Hải, rồi đưa sang Nam Kinh, buộc cho tội "làm nguy hại Dân Quốc". Ông không nhận và tuyệt thực. Tống Khánh Linh, Thái Nguyên Bồi có lập một ủy ban cứu vợ chồng Ngưu Lan.

thường đem chủ nghĩa Tam dân ra giảng cho phạm nhân nghe, để họ thấy rõ sai lầm của họ. Nghe người ta nói, ngoài ra còn phải làm những bài văn công kích chủ nghĩa cộng sản nữa, nếu không chịu, hoặc không làm được, tất nhiên phải sám hối chung thân, mà làm không đúng cách, cũng phải sám hối đến chết. Bấy giờ cũng có người vào, cũng có người ra. Nghe nói còn phải xây dựng thêm trại sám hối, đủ thấy người vào vẫn nhiều hơn. Thỉnh thoảng cũng có thể gặp những người lương dân thi xong được thả ra, nhưng hình như đều phờ phạc, rã rời, chắc họ đã phải dùng hết sức lực để sám hối và làm bài văn tốt nghiệp rồi chăng. Cái tiền đồ ấy là ở chỗ không còn có hy vọng gì nữa.

(Tạp *Thá giới đình*)

41. THẦY KHỔNG Ở TRUNG QUỐC NGÀY NAY*

Báo chí Thượng Hải gần đây tin cho biết, nhân dịp Thánh miếu Khổng Tử ở Thang Đảo bên Nhật Bản lạc thành, tướng Hà Kiện, chủ tịch tỉnh Hồ Nam, có gửi tặng một bức chân dung Khổng Tử lâu nay giữ làm của quý. Thật ra, mặt mũi Khổng Tử như thế nào, nhân dân Trung Quốc nói chung tựa hồ không biết gì cả. Từ xưa đến nay tuy mỗi huyện đều nhất định có Thánh miếu, tức là văn miếu, nhưng đại để trong đó không hề có Thánh tượng. Phàm khi vẽ, hay tạc nặn một nhân vật đáng tôn kính, thường theo nguyên tắc là phải lớn hơn người thường, nhưng gặp một nhân vật hết sức tôn kính như đức Thánh Khổng, thì hình như cả đến việc vẽ hình tượng cũng trở thành uế tạp, không vẽ là hơn. Như thế cũng không phải không có lý. Thầy Khổng không để lại tấm ảnh nào, tất nhiên không thể biết được mặt mũi ngài thật sự như thế nào. Sách vở tuy thỉnh thoảng có ghi chép, nhưng chưa biết chừng nói mò cũng nên. Giá thử bây giờ tạc, nặn, thì phải dựa vào óc tưởng tượng của người tạc, nặn, ngoài ra không có cách nào khác. Như thế càng không yên tâm. Do đó các nhà nho cuối cùng đành phải theo thái độ của Bôlan[1], "tất cả hoặc không có gì hết !".

Nhưng nếu là ảnh vẽ thì thỉnh thoảng cũng có thấy. Tôi từng được thấy ba bức : một là bức minh họa trong cuốn *Khổng Tử gia ngữ*[2], một bức in đầu tập *Thanh nghị báo*[3] của Lương Khải Siêu khi trốn sang Nhật Bản, xuất bản ở Hoành Tân, rồi từ Nhật Bản gửi về Trung Quốc ; còn một bức nữa là bức vẽ Khổng Tử gặp Lão Tử khắc trên một tấm bia đá triều Hán. Căn cứ vào ấn tượng qua các bức vẽ đó về hình dáng của Khổng Tử mà

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Cải tạo*, tháng 6 năm 1935. Có dịch ra tiếng Nhật đăng ở tạp chí *Tạp văn* xuất bản ở Đông Kinh.

(1) *Bô lan* : một nhân vật trong vở kịch thơ cùng tên của Ibsen.

(2) *Khổng Tử gia ngữ*, tương truyền do Vương Túc soạn, ghi chép lại ngôn hành của Khổng Tử, căn cứ vào các sách *Tả truyện*, *Quốc ngữ*, *Lễ ký*.

(3) Sau cuộc chính biến Mậu Tuất, Lương Khải Siêu chạy trốn sang Nhật Bản, ra tờ *Thanh nghị báo*(1897) nội dung cổ xúy bảo vệ hoàng đế Quang Tự chống lại thái hậu Từ Hi. Đến năm 1900 thì đình bản.

nói, thì Ngài là một cụ già rất gầy, mình mặc áo dài rộng tay, ở dải lưng giắt một thanh gươm, hoặc dưới nách cắp một chiếc gậy, nhưng xưa nay chưa bao giờ cười cả, trông oai phong lẫm liệt lắm. Giá thử ngồi hầu cạnh Ngài, thì nhất định phải thẳng xương sống ra, ngay đơ, vài ba giờ sau thì xương cốt nhức nhối, nếu là người bình thường, có lẽ không tránh khỏi phải mau mau bỏ chạy.

Sau này, tôi có đi chơi vùng Sơn Đông. Trong lúc đang khổ sở vì nỗi đường sá gập ghềnh, bỗng nhớ đến Khổng Tử của chúng ta. Nghĩ đến bậc thánh nhân đạo mạo đó, trước kia từng ngồi trên chiếc xe thô sơ, lắc lên lắc xuống, bôn ba ở những địa phương này, thì cảm thấy hơi buồn cười. Cảm thấy như thế tất nhiên không phải, nói tóm lại, gần như bất kính, nếu là đồ đệ của Ngài, quyết không thể như thế được. Nhưng hồi đó, thanh niên có một tâm tình không đứng đắn như tôi nhiều lắm.

Tôi ra đời vào những năm cuối triều Thanh, Khổng Phu Tử đã có một cái danh vị, oai ghê lắm, là "Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương"[1] . Không cần nói, đó là thời đại thánh đạo chi phối cả nước. Đối với người đi học, chính phủ bắt phải đọc những cuốn sách nhất định, tức *Tứ thư* và *Ngũ kinh*, bắt phải theo những lời chú giải nhất định, bắt phải viết thứ văn chương nhất định, tức cái gọi là "văn bát cổ", và còn bắt phải có những lời bàn luận nhất định. Thế nhưng, những nhà nho ấy, ngàn người như một, nếu nói đất vuông thì họ biết lắm, nhưng nói địa cầu hình tròn, thì lại chẳng biết gì, do đó đánh nhau với Pháp và Anh là những nước không thấy chép trong sách *Tứ thư*, thì họ thua. Không rõ vì thấy thờ Khổng Tử mà chết, không bằng giữ lấy thân mình đắc sách hơn, hay vì lẽ gì, nói tóm lại, lần này cái chính phủ và bọn quan liêu cố sống cố chết tôn thờ Khổng Tử đó, bắt đầu dao động, bỏ của kho ra dịch lấy dịch để sách của thằng Tây. Sách cổ điển về khoa học thì có *Bàn về trời* của Hơsen, *Địa học thiển thích* của Lâyơn, *Kim thạch thức biệt* của Đana[2] ; cho đến bây giờ, thỉnh thoảng còn thấy nằm trong hiệu sách cũ, để làm di vật thời đó.

Nhưng nhất định có phản ứng. Người gọi là kết tinh và cũng là đại biểu của nhà nho cuối Thanh, đại học sĩ Từ Đồng[3] xuất hiện. Đến cả toán học, ông ta cũng cho là cái học của thằng Tây. Ông ta tuy thừa nhận trên thế

---

(1) Đời Đường, nhà vua đặt tên thụy cho Khổng Tử là Văn Tuyên Vương. Về sau, Tống, Nguyên, Minh cũng có đặt tên thụy. Đến Thanh thì đặt là *Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Tiên Sư.*

(2) *J.F. Herschel* (1792 – 1871) : nhà thiên văn học người Anh. *C.Lyell* (1797 – 1875) : nhà địa chất học người Anh. *J.D. Dana*(1813 – 1893) : nhà địa chất học, khoáng vật học, người Mỹ.

(3) *Từ Đồng* : đời Quang Tự, làm quan đến Đại học sĩ, năm 1900, phong trào Nghĩa Hòa đoàn thất bại, ông thắt cổ chết.

giới có nước Anh, nước Pháp , nhưng quyết không tin có Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha. Ông ta nói đó là Anh và Pháp thường đến kiếm chác, tự mình cũng thấy ngượng, nên tùy tiện bịa đặt ra những tên nước ấy. Ông ta lại là người đứng sau màn giật dây và cũng là người chỉ huy phong trào Nghĩa Hòa đoàn nổi tiếng năm 1900. Nhưng Nghĩa Hòa đoàn hoàn toàn thất bại. Ông Từ Đồng cũng tự sát. Thế là Chính phủ lại cho rằng chính trị, pháp luật, học vấn kỹ thuật của ngoại quốc cũng có cái dùng được. Tôi khát khao sang Nhật Bản học cũng là vào thời ấy. Đạt được mục đích, và vào học ở Hoàng Văn học viện của ông Gia Nạp lập tại Đông Kinh. Ở đấy, ông Tam Trạch Lục Thái Lang dạy tôi nước là do dưỡng khí và khinh khí hợp lại mà thành, ông Sơn Nội Phồn Hùng dạy tôi trong vỏ sò có chỗ nào đó gọi là "cái áo ngoài". Đây là chuyện xảy ra một ngày nọ. Ông giám học Đại Cửu Bảo tập hợp mọi người lại, nói : các anh đều là đồ đệ Khổng Tử, vậy hôm nay đến Khổng miếu ở đường Ngự Trà Chi Thủy[1] mà làm lễ đi ! Tôi giật mình đánh thót. Bây giờ còn nhớ lúc đó, trong bụng nghĩ, chính vì mình hết hy vọng vào Khổng Tử và đồ đệ của Ngài, mới sang Nhật Bản, thế mà còn đi làm lễ ư ? Trong chốc lát rất lấy làm quái lạ. Mà tôi nghĩ quyết không phải chỉ một mình tôi ngạc nhiên như thế.

Nhưng ở trong nước, Khổng Tử không gặp thời, cũng chẳng phải bắt đầu từ thế kỷ hai mươi. Mạnh Tử phê bình Ngài là "Thánh chi thời"[2], nếu dịch ra ngôn ngữ hiện đại, không nói "Ông Thánh modern" thì cũng không có cách nào khác. Riêng về phần Ngài, cái tôn hiệu ấy cố nhiên cũng không có gì nguy hiểm, nhưng cũng không phải là một danh vị đáng hoan nghênh lắm. Có điều, trên thực tế, có lẽ cũng không phải như thế. Khổng Phu Tử mà trở thành "Ông Thánh modern" là chuyện sau khi Ngài mất rồi, chứ lúc còn sống thì cũng vất vả lắm. Chạy vạy khắp nơi, tuy từng được làm Tổng giám đốc cảnh sát nước Lỗ, sang trọng đấy, nhưng lại phải về vườn ngay, thất nghiệp[3] ; vả lại còn bị kẻ quyền thần khinh miệt, bị người nhà quê chê cười, thậm chí bị đám bạo dân vây bắt, đói lép cả bụng ; học trò tuy có ba nghìn người, mà chỉ bảy mươi hai người là được việc, nhưng lại chỉ có một người là thật đáng tin cẩn. Một hôm, Khổng Tử ngậm ngùi nói : "Đạo không thi hành được, thôi thì ta cưỡi bè ra biển quách ! Kẻ đi theo ta, e chỉ có một mình Do chăng ?"[4] Xem cách tính toán tiêu cực đó, thì có thể thấy cái tâm tư kia. Nhưng, ngay cả ông Do, về sau cũng vì chiến đấu với kẻ

---

(1) Tên một đại lộ ở Đông Kinh.

(2) Câu này lấy ở sách *Mạnh Tử*, thiên *Vạn chương*.

(3) Khổng Tử làm quan Tư khấu nước Lỗ được ba tháng rồi thôi.

(4) Câu này lấy ở sách *Luận ngữ*, thiên *Công Dã Tràng*. Nguyên văn :" *Đạo bất hành, thừa phù phù vu hải, tòng ngã giả, kỳ Do dư* ? ", *Do* : tức Trọng Do, học trò Khổng Tử, cũng có tên là Tử Lộ.

địch, bị chém đứt dải mũ ; thật không thẹn là Do, đến lúc bấy giờ ông ta cũng còn không quên lời thầy dạy, nói :"Người quân tử chết cũng không chịu bỏ mũ"[1], vừa buộc lại dải mũ, thì bị băm nát. Cả đến người học trò duy nhất đáng tin cậy cũng chết nốt, Khổng Tử tất nhiên đau xót lắm. Nghe nói khi được tin ấy, Ngài bảo đổ quách hũ mắm thịt dưới nhà bếp đi[2].

Tôi cho rằng có thể nói Khổng Tử mất rồi, vận của Ngài mới khá hơn một chút. Bởi vì Ngài không thể nói được nữa, nên các người quyền thế liền dùng đủ mọi thứ phấn sáp tô điểm cho Ngài, tâng bốc Ngài lên ghê quá. Nhưng so với Thích Ca Mâu Ni về sau mới nhập cảng, thì quả thực ngài đáng thương hại vô cùng. Đành rằng, huyện nào cố nhiên cũng có thánh miếu, tức văn miếu cả, có điều vắng vẻ lạnh lùng lắm, dân chúng nói chung quyết không bao giờ đến đó lễ, có lễ thì cũng lễ ở chùa, hoặc ở đền. Nếu hỏi đám dân thường, Khổng Tử là người thế nào, tất nhiên họ trả lời là đức Thánh, nhưng đó chẳng qua lặp lại lời của những người quyền thế mà thôi. Họ cũng kính trọng giữ gìn giấy có viết chữ, nhưng đó là vì mê tín, cho rằng không kính trọng giữ gìn giấy có viết chữ thì sẽ bị Thiên Lôi đánh. Miếu Phu Tử ở Nam Kinh cố nhiên rất tập nập, nhưng vì ở đấy còn có tiệm trà và các thứ trò chơi khác. Tuy nói Khổng Tử làm sách *Xuân Thu* mà loạn thần tặc tử sợ[3], nhưng người bây giờ lại hầu như không ai biết tên bọn loạn thần tặc tử mà Ngài mạt sát. Nói đến loạn thần tặc tử, đại khái người ta nghĩ đến Tào Tháo, nhưng lại không phải là đức Thánh dạy cho, mà là những nhà văn không tên không tuổi viết tuồng và tiểu thuyết dạy cho.

Tóm lại, ở Trung Quốc, Khổng Phu Tử là người được bọn quyền thế tâng bốc lên. Đó là đức Thánh của bọn quyền thế hay muốn trở nên quyền thế, chứ chẳng quan hệ gì đến dân chúng nói chung. Thế nhưng, đối với Thánh miếu, bọn quyền thế đó cũng chỉ sốt sắng nhất thời mà thôi. Bởi vì khi tôn Khổng, họ đã nhắm một mục đích khác rồi, cho nên đạt được mục đích, thì cái công cụ đó trở thành vô dụng, mà không đạt được mục đích, thì lại càng vô dụng. Ba bốn mươi năm về trước, phàm những kẻ mưu đồ quyền thế, tức là những kẻ mong mỏi ra làm quan, đều đọc *Tứ thư, Ngũ kinh,* làm "văn bát cổ". Có người đã đặt cho các thứ sách vở, văn chương ấy một cái tên chung, là "hòn gạch gõ cửa", tức là nói, thi đỗ rồi, đồng thời cũng quên mất những cái đó, giống như cầm gạch để gõ cửa, cửa mở, thì vứt gạch đi. Thực ra cái

---

(1) Câu này lấy trong *Tả truyện*.

(2) Sách *Khổng Tử gia ngữ* chép : khi sứ giả nước Vệ (nơi Tử Lộ làm quan rồi bị giặc giết) đến báo tin cho Khổng Tử rằng Tử Lộ chết rồi, Khổng Tử khóc to ở giữa sân, rồi đi đến hỏi sứ giả. Sứ giả nói : "Bị băm làm mắm". Khổng Tử liền bảo tả hữu xuống đổ lọ mắm thịt của mình, nói : ta không lòng nào mà ăn mắm thịt được nữa.

(3) Câu này lấy ở sách *Mạnh Tử* thiên *Đằng Văn Công*

ông Khổng Tử ấy, từ sau khi chết, cũng chỉ được dùng làm cái hòn gạch gõ cửa mà thôi.

Xem những việc gần đây càng rõ. Đầu thế kỷ XX, vận Khổng Tử thật không ra gì, nhưng đến thời Viên Thế Khải, thì Ngài lại được người ta nhớ đến. Không những các điển lễ được khôi phục lại, mà người ta còn chế những bộ áo tế cổ quái cho những người dự tế mặc. Theo sau chuyện đó, thì đế chế xuất hiện. Nhưng gõ mãi, cuối cùng không mở được cửa ấy, và họ Viên phải nằm ngoài mà chết. Còn lại là bọn quân phiệt Bắc Dương. Khi thấy gần đến bước đường cùng, chúng cũng dùng nó để gõ những cái cửa hạnh phúc khác. Tướng Tôn Truyền Phương chiếm cứ Giang Tô và Chiết Giang, ra đường chém giết dân bừa bãi, nhưng một mặt cũng hồi phục lại lễ đầu hồ[1]. Tướng Trương Tông Xương, cái người chui vào Sơn Đông, để cả chính mình cũng không đếm xuể số tiền bạc, binh lính và hầu non của mình, thì cho khắc lại *Thập tam kinh*, và xem đạo Thánh là thứ giống như bệnh hoa liễu, có thể do gần gũi xác thịt mà truyền nhiễm được, nên đã kén một anh chàng nào đó dòng dõi họ Khổng về làm rể[2]. Nhưng rồi cái cửa hạnh phúc đó, người nào cũng mở không ra.

Cả ba người ấy đều dùng Khổng Tử làm hòn gạch, nhưng thời đại đã khác rồi, cho nên đều thất bại rành rành. Há phải chỉ mình họ thất bại thôi ư ? Khổng Tử cũng bị liên lụy và càng rơi vào cảnh bi thảm. Bọn họ là những người chữ nghĩa không biết được bao nhiêu, nhưng lại cứ muốn bàn bừa về những cuốn như *Thập tam kinh* gì gì, cho nên người ta càng thấy khôi hài. Lời nói và việc làm cũng chẳng ăn khớp nhau, người ta càng đâm ra chán ghét. Ghét nhà chùa thì ghét lây đến áo cà sa, người ta càng trông thấy rõ việc Khổng Tử bị lợi dụng làm một công cụ phục vụ cho mục đích nào đó. Thế là cái ý muốn đả đảo Ngài càng mãnh liệt. Cho nên hễ Khổng Tử được trang sức tôn nghiêm, thì những bài luận văn, những tác phẩm xoi mói khuyết điểm của Ngài nhất định lại xuất hiện. Dù là Khổng Phu Tử, cũng có khuyết điểm, lúc bình thường không ai để ý, bởi vì đức Thánh cũng là người, vốn có thể bỏ qua cho. Thế nhưng, nếu bọn đồ đệ của Ngài lại đứng ra nói láo rằng Ngài thế này, thế nọ, các anh không làm như thế không được, thì người ta sẽ phải cười phá lên. Năm sáu năm trước, vì diễn vở kịch

---

(1) *Tôn Truyền Phương*: người Sơn Đông, là một tên quân phiệt phái Phụng Thiên. *Đầu hồ* : một trò chơi của bọn phong kiến thời cổ. Giữa bữa tiệc, khách và chủ thi ném mũi tên vào một cái bình, ai thua phải phạt rượu. Lúc Tôn Truyền Phương chiếm cứ năm tỉnh miền đông nam, để đề xướng phục cổ, năm 1926, y cử hành lễ đầu hồ ở Nam Kinh.

(2) *Trương Tông Xương* : người Đông Sơn, quân phiệt thuộc phái Phụng Thiên, năm 1925, làm đốc quân Sơn Đông, từng đề xướng tôn Khổng, và đã quỳ lạy để tế Khổng Tử.

Khổng Tử gặp Nam Tử[1] mà sinh chuyện lôi thôi. Số là trong vở kịch ấy, Khổng Tử phải ra sân khấu. Đức Thánh mà ra sân khấu, cố nhiên không khỏi có chỗ ngớ ngẩn, thiếu đứng đắn, nhưng xem Ngài là người thường thì lại là một con người đáng yêu. Bọn dòng dõi Thánh tức giận lắm, đem ra kiện ở cửa quan, vì nơi diễn kịch lại đúng là quê hương Khổng Tử, ở đấy, dòng dõi Thánh đông vô kể, thành một giai cấp đặc quyền, khiến cho Thích Ca Mâu Ni và Xôcorat[2] tự thẹn thấy mình không bằng. Nhưng đó có lẽ lại chính là nguyên nhân làm cho bọn thanh niên, không phải dòng dõi Thánh ở nơi đó, không thể không diễn vở *Khổng Tử gặp Nam Tử* chăng ?

Dân chúng Trung Quốc nói chung, nhất là "dân ngu" tuy họ cũng gọi Khổng Tử là đức Thánh, nhưng họ không hề cảm thấy Ngài là đức Thánh. Đối với Ngài, họ cũng kính cẩn, nhưng không thân mật. Có điều, tôi nghĩ rằng e trên thế giới không ai hiểu Khổng Tử được như dân ngu Trung Quốc. Đúng rồi, Khổng Tử từng đặt ra cách trị nước rất hay, nhưng đó là Ngài đặt ra cho bọn trị dân, tức là những kẻ quyền thế, chứ chẳng có chút gì vì dân cả. Đó tức là "lễ bất hạ thứ nhân"[3]. Ngài trở thành đức Thánh của bọn người quyền thế, cuối cùng trở thành "hòn gạch gõ cửa", quả thật chẳng có thể kêu oan được. Không thể nói Ngài không có quan hệ với dân chúng, nhưng nói Ngài không có chỗ nào thân thiết, thì tôi cho đó là một cách nói lịch sự lắm rồi. Dân chúng không gần gũi với đức Thánh, là người vốn không thân thiết gì với họ, đó là chuyện đương nhiên. Bất kỳ lúc nào cũng được, hãy thử mặc áo rách, đi chân đất bước lên điện Đại Thành[4] mà xem, nhất định sẽ bị đuổi ra ngay, giống như khi đi nhầm vào rạp chiếu bóng hạng nhất ở Thượng Hải, hoặc vào toa xe điện hạng nhất. Ai cũng biết đó là chỗ dành riêng cho các cụ lớn, tuy là "dân ngu", cũng không ngu đến nước ấy.

29 tháng 4

(Tập ***Thả giới đình tập II***)

---

(1) Đó là một vở bi hài kịch của Lâm Ngữ Đường soạn, đăng trên tờ *Bôn lưu* năm 1928. *Nam Tử*, là vợ vua Linh Công nước Vệ, có tiếng là người đàn bà dâm đãng. Khi Khổng Tử sang nước Vệ, ông ta có tới ra mắt Nam Tử, làm cho Tử Lộ rất lấy làm khó chịu. Năm 1928, hiệu trưởng trường Khúc Phụ, quê hương Khổng Tử, đem vở kịch ra diễn ở nhà trường. Con cháu Ngài ở đấy đâm đơn kiện. Ông hiệu trưởng bị đổi đi nơi khác.

(2) *Socrate* (469 – 399 tr.CN) : triết gia duy tâm thời cổ Hy Lạp.

(3) Câu này lấy trong *Kinh Lễ* : lễ không xuống đến dân chúng.

(4) Đại điện của miếu Khổng Tử. Tên này do Tống Huy Tôn đặt, đời Minh, Nguyên, Thanh vẫn dùng.

II – VỀ VĂN HỌC

42. TRƯỚC KHI CÓ THIÊN TÀI*

Tôi tự cảm thấy cuộc nói chuyện của tôi không thể đem lại cho các bạn điều gì bổ ích hoặc thú vị, bởi vì quả thật, tôi không biết gì cả. Nhưng thoái thác, chần chừ quá lâu rồi, cuối cùng không thể không đến đây nói vài câu.

Tôi thấy hiện nay, trong tiếng hò hét của những người đòi hỏi giới văn nghệ, có thể nói mãnh liệt nhất là đòi hỏi thiên tài xuất hiện. Rõ ràng cái đó có thể chứng tỏ hai điều : một là Trung Quốc hiện nay không có thiên tài nào, hai là mọi người đã chán ngấy cái nền văn nghệ hiện nay rồi. Thế thì, có thiên tài hay không ? Có lẽ có chăng, nhưng chúng ta đây và nhiều người khác nữa không ai thấy. Nếu chỉ căn cứ vào chỗ mắt thấy tai nghe, thì có thể nói là không có ; chẳng những thiên tài mà cả quần chúng làm cho thiên tài xuất hiện nữa.

Thiên tài không phải là con quái vật tự nó sinh ra, tự nó trưởng thành, ở chốn đồng hoang, rừng rậm, mà là quần chúng có thể làm cho thiên tài xuất hiện, đẻ ra và nuôi nấng, cho nên không có quần chúng đó thì không thể có thiên tài được. Có một lần, Napôlêông đi qua dãy núi Anpơ[1] nói : "Ta còn cao hơn cả núi Anpơ !". Hùng vĩ bao nhiêu ! Có điều không nên quên rằng sau lưng ông ta, có bao nhiêu là binh lính ; không có họ, nhất định ông ta sẽ bị kẻ địch bên kia núi bắt sống hoặc đuổi chạy trở về rồi ; hành động, ngôn ngữ của ông ta sẽ không nằm trong giới hạn của sự anh

---

* Đây là bài nói chuyện ở Hội Ái hữu Trường Trung học trực thuộc Trường Đại học Sư phạm Bắc Kinh ngày 17 tháng 1 năm 1924, sau có đăng lại trên tờ phụ trương báo *Thần kinh* với một đoạn tiểu dẫn của tác giả như sau : " *Anh Phục Viên : Hôm nay xem lại bài nói chuyện ở Trường Trung học trực thuộc Trường Đại học Sư phạm Bắc Kinh hồi tháng giêng, thấy cái sinh mệnh của nó tựa hồ như đang còn, cho nên tôi sửa chữa lại ; gửi anh để đăng báo. Đêm 22, Lỗ Tấn*".

(1) *Alpes* : dãy núi giữa hai nước Pháp và Ý ; năm 1800, Napôlêông khi tiến quân sang Ý tác chiến với quân đội Nga, đã vượt qua dãy núi này.

hùng nữa, mà phải quy cho là của con người điên. Cho nên, tôi nghĩ rằng, trước khi đòi hỏi thiên tài xuất hiện, hãy nên đòi hỏi có một quần chúng có thể làm cho thiên tài xuất hiện đã. Ví như muốn có cây to, muốn xem hoa đẹp, thì nhất định phải có đất tốt ; không có đất, thì không có hoa, không có cây ; cho nên thực tế, đất quan trọng hơn hoa và cây nhiều. Hoa và cây, không có đất không được ; khác nào Napôlêông, không có binh lính giỏi không được.

Thế nhưng, dư luận và xu thế của xã hội hiện nay, thì một mặt cố nhiên đòi hỏi thiên tài, nhưng mặt khác lại muốn cho thiên tài diệt vong, đến đám đất sửa soạn cho thiên tài xuất hiện cũng định phá đi nốt. Hãy cử một vài thí dụ.

Một là "chỉnh lý quốc cố"[1]. Từ sau khi trào lưu tư tưởng mới tràn đến Trung Quốc, thật ra nó có mạnh mẽ gì đâu, nhưng có một số cụ già, lại có cả thanh niên nữa, đã mất hồn mất vía, đứng ra bàn về quốc cố. Họ nói :"Trung Quốc có bao nhiêu cái hay, cái đẹp đều không chỉnh lý, bảo tồn, lại đi cầu cái mới, thật là hư đốn chẳng khác gì ruồng bỏ di sản của tổ tiên". Cái lối đem tổ tiên ra mà nói như thế tất nhiên là uy nghiêm lắm, nhưng tôi thì tôi không tin rằng khi cái áo khoác ngoài cũ nát chưa giặt giũ cho sạch và thay đi được, há lại không thể may một cái áo khoác ngoài mới hay sao ? Lấy tình trạng hiện nay mà nói, ai muốn làm gì cứ tùy tiện, các cụ muốn chỉnh lý quốc cố tất nhiên cứ việc đến cửa sổ hướng nam vùi đầu mà đọc những chồng sách chết đi ; còn như thanh niên, họ có những học vấn sống và nền nghệ thuật mới của họ, ai làm việc người nấy, cũng chẳng phương hại gì. Nhưng vác cái lá cờ đó mà đi hiệu triệu người khác, thì thế là muốn Trung Quốc vĩnh viễn cách tuyệt với thế giới rồi. Nếu cho rằng ai cũng phải như thế, không thế không được, thì lại càng hết sức hoang đường. Chúng ta tán gẫu với người buôn đồ cổ, tất nhiên ông ta khoe đồ cổ của ông ta đẹp như thế này, thế nọ, nhưng ông ta quyết không hề chửi nhà họa sĩ, bác nông dân, bác công nhân ... rằng họ quên mất tổ tiên ! Quả thật người buôn đồ cổ nọ thông minh hơn nhiều nhà quốc học lắm ! Hai là "sùng bái

(1) *Chỉnh lý quốc cố* : một phong trào do Hồ Thích đề xướng. Năm 1919, Hồ Thích đã đưa ra chủ trương "Hãy nghiên cứu sâu vấn đề, và ít nói đến chủ nghĩa". Sau đó thì đưa ra chủ trương "chỉnh lý quốc cố" (1919), "đi vào phòng nghiên cứu"(cũng năm 1919), "không nên tham gia các "phong trào cứu quốc" (1925), hòng ngăn trở các nhà trí thức và thanh niên học sinh tham gia đấu tranh cách mạng. Đối với những chủ trương đó của Hồ Thích, hồi bấy giờ ông Lý Đại Chiêu và nhiều nhà macxit khác đã phê phán kịch liệt. Lỗ Tấn cũng là một trong những người lên tiếng phản đối. Trong bài này, ông nhằm chống lại một số luận điệu của những kẻ phụ họa Hồ Thích đưa ra.

sáng tác"[1]. Nhìn bề ngoài, tựa hồ như cũng ăn khớp với việc đòi hỏi thiên tài. Kỳ thực không phải. Trong tinh thần đó, có hàm ý bài xích những tư tưởng từ ngoài vào, những tình điệu của các nước khác, cho nên cũng có thể làm cho Trung Quốc cách tuyệt với trào lưu thế giới. Đã có nhiều người chán không muốn nghe những tên như Tônxtôi, Tuôcghênicp, Đôxtôiepski rồi, nhưng tác phẩm của họ đã có cuốn nào dịch ra tiếng Trung Quốc đâu ? Tầm con mắt tù túng, chỉ nhìn được những việc trong nước, nghe nói đến Pie, Jôn thì đã chán rồi, nhất định phải Trương Tam, Lý Tứ[2] mới được, thế là nhà sáng tác xuất hiện. Nói thực thì những tác phẩm tốt cũng không khỏi có lấy ít tinh thần và kỹ thuật ở tác phẩm nước ngoài. Lời văn có thể hay ho, nhưng nội dung tư tưởng thường không bằng các tác phẩm dịch được, thậm chí, còn muốn thêm vào một ít tư tưởng truyền thống cho nó thích hợp với khẩu vị người Trung Quốc. Nhưng người đọc thì lại bị nó ràng buộc, thế là tầm con mắt dần dần bị thu hẹp lại, cơ hồ co rút vào trong vòng khuôn sáo cũ. Tác giả và độc giả làm nhân quả cho nhau, bài xích những trào lưu khác, đề cao quốc túy, làm sao mà thiên tài xuất hiện được ? Dù cho có xuất hiện nữa, cũng khó lòng sống.

Quần chúng mà có thái độ như thế thì là tro bụi, chứ không phải là đất, và trên thứ tro bụi đó, không thể nào có gỗ tốt, hoa thơm.

Lại có cái lối phê bình ác ý cũng như thế. Đã từ lâu người ta mong mỏi có những nhà phê bình ; đến bây giờ có một số nhà phê bình ra đời rồi. Đáng tiếc, trong bọn họ có khá nhiều kẻ là nhà "bất bình" chứ không phải là nhà phê bình. Tác phẩm vừa đến tay đã hầm hầm mài mực, hạ ngay một câu kết luận rất là sáng suốt : "Chà, non nớt quá ! Trung Quốc cần có thiên tài !". Về sau thì ngay những người không phải là nhà phê bình cũng kêu như vậy, nghe người ta kêu thì kêu. Kỳ thực, dù là thiên tài đi nữa, thì khi lọt lòng cũng khóc một tiếng như bất cứ đứa trẻ bình thường nào khác, chứ quyết không phải là đã làm ra được một bài thơ hay ngay đâu ! Vì non nớt, rồi cứ nhè vào đầu mà đập, thì có thể chết khô ngay. Tôi mắt trông thấy có

---

(1) Sở dĩ Lỗ Tấn nói đến việc "sùng bái sáng tác" là vì hồi bấy giờ có dư luận xem thường các tác phẩm dịch. Theo bài *Chúc mừng việc giao lưu văn hóa giữa Liên Xô và Trung Quốc* viết năm 1932, thì Lỗ Tấn nhân đọc bài *Luận về thơ* của Quách Mạt Nhược viết năm 1920 mà đưa ra những ý kiến nói trong bài diễn thuyết trên. Quách Mạt Nhược hồi đó nói như sau : *"Tôi cảm thấy các nhân sĩ trong nước chỉ chú trọng đến bà mối mà không chú ý đến người con gái, chỉ chú trọng đến phiên dịch mà không chú trọng đến việc sáng tác"*.

Nhưng Quách Mạt Nhược nói câu đó chính là vì hồi bấy giờ trên tờ *Học đăng* xuất bản ở Thượng Hải, ở trang nhất thì lại đăng một truyện dịch. Kỳ thực, Quách Mạt Nhược cũng là người rất chú trọng việc phiên dịch. Chính ông đã dịch một số tác phẩm của Gơt, Sile, Tônxtôi... Đây là một sự hiểu lầm.

(2) Người Trung Quốc nói *Trương Tam, Lý Tứ* cũng như ta nói anh X, anh Y.

mấy nhà văn bị họ chửi cho đến nỗi run bắn lên. Những nhà văn đó tất nhiên không phải là thiên tài rồi, nhưng tôi mong rằng dù họ tầm thường đi nữa, cũng nên để lại.

Các nhà phê bình ác ý cho ngựa phóng trên đám mạ non, tất nhiên như thế khoái lắm ; nhưng đám mạ non kia lại bị thiệt, – những cây mạ bình thường cũng như những cây mạ thiên tài. Non nớt đối với già giặn, cũng như con trẻ đối với người già, chẳng có gì là nhục hết. Tác phẩm cũng thế, mới đầu thì non nớt, không cho là nhục được. Bởi vì nếu không bị dập vùi, thì nó lớn lên, thành thục, già giặn. Chỉ có suy yếu, hủ bại, thì mới không có thuốc cứu chữa mà thôi ! Tôi cho rằng bất cứ người non nớt hay già giặn, nếu như óc non nớt, thì đều nói ra những điều non nớt cả. Chỉ vì mình muốn nói thì nói, nói rồi, hơn nữa, in ra rồi, thế là việc mình xong ; đối với bất cứ lời phê bình nào, dù phất ngọn cờ gì cũng mặc kệ, không thèm đếm xỉa.

Ngay các bạn ngồi đây, tôi đoán cũng đến chín phần mười muốn có thiên tài xuất hiện. Nhưng tình hình như thế đấy, không những thiên tài xuất hiện không được, mà đất bồi dưỡng thiên tài cũng không có. Tôi nghĩ thiên tài phần lớn là trời cho ; chỉ đất bồi dưỡng thiên tài thì tựa hồ mọi người đều có thể làm ra được. Làm đất cho có công hiệu, bức thiết hơn là đòi hỏi thiên tài. Bằng không thì dù có thiên tài hàng ngàn hàng vạn, cũng không thể phát triển được, bởi vì không có đất, và sẽ trở thành như một đĩa rau giá mà thôi !

Làm đất là phải mở rộng tinh thần ra, tức là tiếp thụ trào lưu mới, thoát khỏi cái sáo cũ, để có thể dung nạp, hiểu thấu những thiên tài sẽ xuất hiện. Lại phải không ngại làm những công việc tầm thường, tức là sáng tác được thì tất nhiên cứ sáng tác, bằng không thì dịch, giới thiệu, thưởng thức, đọc xem, tiêu khiển, đều được cả. Lấy văn nghệ để mà tiêu khiển, nói ra tựa hồ như hơi buồn cười, nhưng rút cục vẫn còn hơn là vùi dập nó.

Tất nhiên không thể so sánh đất với thiên tài được, nhưng không phải là người hết sức kiên trì chịu gian khổ thì không dễ gì mà làm đất được. Có điều, việc là do người làm, như thế còn chắc chắn hơn là ngồi đợi thiên tài trời phú cho. Chỗ đó là chỗ vĩ đại của đất, và cũng chính là chỗ có nhiều hy vọng. Vả lại cũng sẽ được đền bù. Thí dụ, hoa đẹp sẽ từ trong đất nở ra, người xem cố nhiên là được nhìn ngắm, thích thú đã đành, mà đất cũng được nhìn ngắm, thích thú, chứ không nhất thiết chỉ có bản thân hoa mới vui mừng hớn hở – giả thử đất cũng có linh hồn.

Tháng giêng năm 1924

(Tập ***Nấm mồ***)

43. TRƯƠNG MẮT MÀ NHÌN*

Trong bài bình luận ngắn về thời sự của ông Hư Sinh, có một đề mục như thế này :" *Chúng ta phải có can đảm nhìn thẳng vào mọi mặt*" (*Mãnh tiến*, số 19)[1]. Quả thế, phải dám nhìn thẳng mới hy vọng dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám đảm đương. Giả thử đến nhìn thẳng mà cũng không dám, thì còn có thể làm được cái gì nữa ! Nhưng, thật là bất hạnh, cái can đảm đó là cái người Trung Quốc chúng ta thiếu nhất.

Có điều bây giờ tôi lại đang nghĩ về một phương diện khác.

Các nhà văn Trung Quốc, đối với cuộc sống, – ít ra là đối với các hiện tượng xã hội, – xưa nay phần lớn không có can đảm nhìn thẳng. Thánh hiền của chúng ta vốn từ lâu đã dạy rằng "không phải lễ thì chớ nhìn"[2]; mà cái "lễ" đó thì lại hết sức nghiêm, không những "nhìn thẳng" mà "nhìn ngang", "nhìn xiên" cũng không được. Không rõ tinh thần thanh niên ngày nay như thế nào, nhưng về thể chất, thì đại bộ phận vẫn là lưng khòm, mắt cúi, khép nép, tỏ ra là con em thuần thuộc, kiểu cũ, là dân đen hiền lành dễ bảo. Còn như nói rằng, đối ngoại họ có một sức mạnh rất lớn, thì đó là một thuyết mới có một tháng nay, chưa biết rồi sẽ như thế nào.

Lại trở về vấn đề "nhìn thẳng". Trước đã không dám thì sau nhất định không thể ; sau nữa tất nhiên sẽ không nhìn, không thấy. Chiếc xe hơi hỏng máy, dừng lại giữa đường ; một bầy người xúm lại nhìn ngơ ngác, kết quả chỉ thấy một vũng nước gì đen thui thui. Nhưng những nỗi đau khổ do mâu thuẫn của bản thân mình hay do thiếu sót của xã hội sinh ra, thì dù không nhìn thẳng, mình cũng phải chịu. Nhà văn vẫn là người có cảm giác nhạy ; xem tác phẩm của họ thì thấy có một số quả đã bất mãn từ lâu, nhưng đến

---

* Bài này đăng lần đầu tiên trên tạp chí *Ngữ ti*, ngày 3 - 8 - 1925.

(1) *Mãnh tiến* : một tờ báo chính trị có khuynh hướng tiến bộ. *Hư Sinh* là bút danh của Từ Bình Xương, chủ biên tạp chí đó.

(2) Xem chú thích ở bài *Chuyện phiếm cuối xuân*.

khi chỉ còn một tí nữa bằng sợi tóc là bộc lộ nguy cơ của những thiếu sót đó ra, thì họ liền nói "không hề có chuyện đó" và nhắm mắt lại. Nhắm mắt thì thấy cái gì cũng hoàn hảo cả, những nỗi đau khổ trước mắt chẳng qua là "trời sắp giao trọng trách cho người đó, tất nhiên trước hết phải làm cho tâm trí người đó đau khổ, gân cốt người đó mệt mỏi, bụng người đó đói, thân người đó thiếu thốn, hành vi người đó rối loạn đa"[1]. Thế là không có vấn đề, không có thiếu sót, không bất bình, cũng tức là không giải quyết, không cải cách, không phản kháng. Bởi vì phàm việc gì rồi cũng sẽ "đoàn viên", chúng ta không cần phải sốt ruột ; cứ yên tâm mà uống trà, mà đánh một giấc cho ngon lành. Còn cứ nói lảm nhảm thì sẽ mắc cái tội "không phải lúc", không khỏi bị ông giáo sư đại học chỉnh cho. Xì !

Tôi chưa hề thử, nhưng có lúc nghĩ, nếu đưa một ông cụ già lâu nay co ro trong phòng đóng kín ra phơi dưới nắng giữa trưa ngày hạ, hoặc đưa một cô tiểu thư nghìn vàng không hề ra khỏi chốn khuê môn bỏ giữa cánh đồng mênh mông lúc tối trời, thì đại khái họ sẽ nhắm mắt lại, tạm thời tiếp tục giấc mộng chưa tàn của họ, cho như không hề gặp ánh nắng hay bóng tối gì cả, mặc dù hiện thực thì đã khác hẳn rồi. Các nhà văn Trung Quốc cũng giống như thế, vạn chuyện đều nhắm mắt lại, để dối mình và dối người. Cái cách đó là che giấu và lừa bịp.

Những thiếu sót của chế độ hôn nhân Trung Quốc, tác giả các cuốn tiểu thuyết tài tử giai nhân đã thấy từ lâu, thế rồi họ cho tài tử đề một bài thơ trên vách, cho giai nhân họa lại, từ cảm mến – bây giờ gọi là yêu – đến "ước hẹn trăm năm". Nhưng sau khi ước hẹn, thì gặp khó khăn ngay. Chúng ta đều biết "ước hẹn trăm năm vụng trộm", trong thơ, kịch, tiểu thuyết, còn được cho là chuyện hay ho (tất nhiên chỉ trong phạm vi ước hẹn vụng trộm với người con trai cuối cùng sẽ đỗ trạng nguyên mà thôi), nhưng thực tế người đời thì không dung thứ, cho nên vẫn không tránh khỏi phải xa nhau. Các nhà văn cuối Minh[2] liền nhắm mắt lại, tìm cách bổ cứu chỗ đó ngay, nói rằng, tài tử thi đỗ, phụng chỉ thành hôn. Nguyên tắc "phải có lệnh cha mẹ, phải có lời của người mối lái"[3], được cái mũ to tướng ấy che cho rồi, liền thành ra không đáng giá nửa đồng tiền kẽm, không có vấn đề gì nữa. Giả thử có, thì chỉ ở chỗ tài tử có đỗ trạng nguyên hay không, chứ quyết không phải ở chỗ chế độ hôn nhân xấu hay tốt.

---

(1) Đoạn văn này trích dẫn ở sách *Mạnh Tử*, thiên *Cáo tử*.

(2) *Nhà văn cuối Minh*, chỉ tác giả các cuốn tiểu thuyết tài tử giai nhân như *Bình Sơn lãnh yến*, *Hảo Cầu truyện*.

(3) Câu này lấy trong sách *Mạnh Tử* thiên *Đằng Văn Công*.

(Gần đây có người cho rằng các nhà thơ mới làm thơ đăng báo là cốt đứng ra mà khuyến khích chuyện trai gái, và họ trút nỗi lòng phẫn nộ của họ vào báo chương, cho là đăng bừa. Họ không biết dù không có báo, thì tường vách "vốn có từ thủa nào" đã là nơi để đăng rồi. Theo *Phong thần diễn nghĩa*, thì vua Trụ đã từng đề thơ trên vách miếu Nữ Oa, quả việc này đã có từ lâu lắm. Báo chương có thể không nhận những bài viết bằng bạch thoại, hoặc gạt loại tiểu thi ra[1], nhưng tường vách thì không phá hết được, không trông nom hết được ; nếu nhất luật lấy sơn bôi đen đi, cũng còn có thể lấy mảnh chai mà vạch, lấy phấn mà viết, thật là hết cách đối phó. Làm thơ không khắc mộc bản đem cất giấu ở chốn danh sơn, lại muốn đem đăng báo ngay, tuy cũng tai hại thật, nhưng có lẽ khó lòng cấm hẳn được !).

Màn bi kịch nhỏ trong *Hồng lâu mộng* là chuyện thường có trong xã hội, tác giả lại tương đối dám tả thực, và kết quả cũng không tồi. Dù nhà họ Giả sẽ phấn phát lại, lan quế thơm lừng, nhưng Bảo Ngọc thì đã thành một vị hòa thượng khoác cái áo bằng lông chiên đỏ chói rồi. Hòa thượng nhiều lắm, nhưng mấy người có áo khoác sang trọng như thế ! Anh chàng đã là "nhập thánh siêu phàm", không còn nghi ngờ gì nữa. Còn như những nhân vật khác, thì trong sổ đã định trước cho từng người một rồi, bước đường cùng chẳng qua chỉ là cái kết cục mà thôi ; đó là chỗ vấn đề kết thúc, chứ không phải là chỗ vấn đề bắt đầu. Người đọc có hơi không yên tâm, có điều cũng chẳng biết làm thế nào được. Nhưng về sau, có người viết tiếp, có người cải biên, nếu không mượn xác hoàn hồn cho gặp gỡ nhau dưới âm phủ, tất phải bắt "giai nhân tài tử đoàn viên ngay tại chỗ" mới chịu thôi. Vì cái thói quen đối người, đối mình quá nặng, cho nên trông thấy cái trò đối trá nho nhỏ đó, vẫn chưa vui lòng, nhất định phải nhắm mắt lại nói nhảm một hồi mới khoái. Hecken (E. Haeckel) có nói : "Giữa người với người có khi khác nhau xa hơn giữa người vượn và người nguyên thủy". Chúng ta so sánh người viết tiếp *Hồng lâu mộng* với người viết nguyên tác thì thấy lời nói đó đúng thật.

Đối với lời cổ huấn "làm điều thiện được điều lành"[2] thì người Lục Triều đã có hơi hoài nghi rồi. Viết mộ chí, họ đã có thể nói :"Tích thiện không được báo đền, cuối cùng tự dối người"[3]. Nhưng về sau những người mê muội lại che giấu đi. Lưu Tín Mai đời Nguyên quàng đứa trẻ lên ba ngây

---

(1) *Tiểu thi* : loại thơ ngắn chuyên nói về tình cảm.
(2) Nguyên văn :" *tác thiện giáng tường*", dẫn ở *Kinh Thư*.
(3) Câu này thấy ghi trên mộ chí của Nguyễn Trạm, đời Đông Ngụy.

thơ vào một chậu lửa đỏ rực, tưởng lầm sẽ được phúc đức, việc đó thấy trong *Nguyên điển chương*[1] ; nhưng vở kịch *Tiểu Trương Đồ thiêu con cứu mẹ*[2] lại nói là để cho mẹ thêm tuổi thọ ; tuổi thọ của mẹ thêm, mà con thì không chết. Chuyện người con gái nguyện hầu hạ chồng bị cố tật, sách *Tỉnh thế hằng ngôn*[3] còn nói là cuối cùng cả hai cùng tự sát ; về sau người cải biên lại nói là có một con rắn rơi vào siêu thuốc, người chồng uống rồi khỏi hẳn. Phàm có thiếu sót, hễ qua sự tô điểm của nhà văn, thì nửa phần sau đại để cục diện thay đổi, làm cho người đọc rơi vào một sự vọng tưởng lừa dối, cho rằng thế gian quả thực đã sáng sủa lắm rồi, ai có điều gì bất hạnh là tự mình làm, mình chịu.

Có lúc gặp phải những sự việc trong lịch sử quá rõ, không che giấu được, như Quan Vũ, Nhạc Phi bị giết, thì đành phải bày ra trò lừa bịp khác. Hoặc là nói kiếp trước đã tạo ra túc trái tiền duyên, như Nhạc Phi, hoặc là chết rồi cho hiển thánh, như Quan Vũ. Định mệnh không tránh khỏi, làm điều thiện được báo đáp trở thành thần thánh, như thế càng thỏa mãn được lòng người, cho nên kẻ giết người không đáng trách, mà kẻ bị giết, cũng không đáng buồn. Trong cõi u minh đã sẵn có sự an bài, khiến cho ai có phận nấy, người khác bất tất phải phí sức làm gì nữa.

Người Trung Quốc không dám nhìn thẳng vào các mặt, lại che giấu, lừa dối, tạo ra một con đường thoát kỳ diệu và tự cho đó là con đường thẳng. Trên con đường đó, quốc dân ta tỏ rõ khiếp nhược, lười biếng, xảo trá ... nhưng lại cảm thấy càng ngày càng quang vinh. Trong thực tế, một lần mất nước là một lần thêm một số trung thần tuẫn nạn ; về sau, không hề nghĩ đến khôi phục đất nước nữa mà chỉ tán dương mấy vị trung thần kia ; một lần bị cướp là một lần thêm một số liệt nữ không chịu khuất phục ; việc qua rồi cũng không hề nghĩ cách trừng trị kẻ ác, cách tự vệ, mà lại chỉ lo ca vịnh những người liệt nữ kia. Hình như những việc như mất nước, bị cướp trái lại là những cơ hội cho người Trung Quốc phát huy cái "lưỡng gian chính khí"[4], tăng thêm giá trị, tức là, những việc ấy cứ để mặc cho nó đến, không đáng lo buồn. Tất nhiên, ngoài cái đó ra cũng chẳng biết làm thế nào, bởi vì chúng ta đã nhờ người chết mà dành được cái vinh quang lớn nhất

---

(1) *Nguyên điển chương* : bộ sách sưu tập các pháp lệnh đời Nguyên.

(2) *Tiểu Trương Đồ thiêu con cứu mẹ* : một vở tạp kịch đời Nguyên.

(3) *Tỉnh thế hằng ngôn* : bộ sách do Phùng Mộng Long đời Minh biên soạn. Chuyện cải biên Lỗ Tấn nói đây là thiên *Khâu Lệ Ngọc* trong cuốn *Dạ vũ thu đăng lục* của Tuyền Đình đời Thanh.

(4) Chính khí giữa cõi trời đất.

rồi. Trong lễ truy điệu liệt sĩ Hồ, Hán[1], trước cái bài vị cao to, rất đáng ngưỡng mộ, một bọn người sống đánh đập chửi mắng nhau, như thế tức là đang đi theo con đường của những bậc tiền bối chúng ta rồi đó.

Văn nghệ là tia lửa do tinh thần quốc dân phát ra, đồng thời cũng là ngọn đèn soi sáng tiền đồ của tinh thần quốc dân. Hai cái làm nhân quả cho nhau, cũng giống như dầu vừng là do cây vừng ép ra, nhưng ngâm cây vừng vào dầu vừng thì lại ép ra được nhiều dầu hơn. Nếu ngâm dầu thì tốt nhất, không cần phải nói nữa, bằng không, thì cho thứ khác thêm vào, hoặc nước hoặc chất kiềm. Người Trung Quốc trước nay bởi vì không dám nhìn thẳng vào cuộc sống, đành chỉ lừa dối và che giấu, do đó cũng sinh ra thứ văn nghệ che giấu và lừa dối. Thứ văn nghệ đó khiến người Trung Quốc càng chìm sâu vào vũng lầy che giấu và lừa dối, thậm chí chính mình không cảm thấy nữa. Thế giới càng ngày càng thay đổi, đã đến lúc các nhà văn chúng ta cất cái bộ mặt giả đi, hãy chân thành, sâu sắc, can đảm nhìn vào cuộc sống và miêu tả máu và thịt của nó. Đáng phải có từ lâu một văn đàn mới mẻ, đáng phải có từ lâu vài ba vị chủ tướng dũng mãnh.

Hiện nay, không khí tựa hồ đã khác, không còn nghe tiếng ca vịnh gió trăng nữa, thay vào đó là tiếng tán tụng máu và sắt. Nhưng nếu tán tụng với tấm lòng dối trá, với cái miệng dối trá, thì bất cứ nói A và O, hoặc Y và Z, vẫn là giả dối ; chỉ có thể làm cho người gọi là nhà phê bình trước kia khinh bỉ gió trăng, sợ mà câm miệng, rồi thỏa mãn cho rằng Trung Quốc sắp sửa ngóc đầu dậy mà thôi. Thương thay cho anh ta đội mũ "ái quốc" vào mà vẫn nhắm mắt lại, – hay là vốn dĩ đã nhắm từ trước rồi !

Không có những vị chủ tướng đập tan những tư tưởng và những thủ pháp truyền thống kia đi, thì Trung Quốc không thể có một nền văn nghệ mới chân chính được.

Ngày 22 tháng 7 năm 1925

(Tập ***Nấm mồ***)

(1) Thượng Hải và Hán Khẩu.

44. GHI THEO CẢM HỨNG

57

NHỮNG KẺ GIẾT HIỆN TẠI

Người cao nhã nói : "Bạch thoại quê mùa, hủ lậu, không đáng cho người trí thức đếm xỉa đến".

Ở Trung Quốc, người không biết chữ chỉ biết nói mà thôi, tất nhiên là "quê mùa hủ lậu" rồi, hà tất phải bàn. "Bởi vì mình không hiểu, cho nên mới đề xướng bạch thoại, để làm cho cái hủ lậu của mình trở thành văn vẻ". Như chúng ta chẳng hạn, chính là "quê mùa hủ lậu" rồi, cũng không cần bàn nữa. Đáng thương nhất là có mấy vị cao nhã lại không được như anh bán rượu Quân Tử Quốc trong cuốn *Kính hoa duyên*[1], miệng luôn luôn nói "Cho một ve rượu à ? Hai ve à ? Cho một đĩa thức nhắm à ? Hai đĩa à ?", cao nhã như thế suốt ngày. Đằng này họ lại chỉ có thể tỏ cái phẩm cách cao quý, cổ kính của họ trong lúc rên rỉ cổ văn mà thôi : đến khi nói thì lại vẫn phải dùng bạch thoại "quê mùa hủ lậu". Cái thanh âm phát ra từ miệng bốn trăm triệu người Trung Quốc mà đến nỗi cộng lại "không đáng đếm xỉa đến" thì thật đáng thương quá !

Người mà lại muốn thành tiên : sống dưới đất mà lại muốn lên trời ; rõ ràng là người thời nay, thở hít không khí thời nay mà lại cứ muốn khiên cưỡng dùng danh giáo nát rồi, ngôn ngữ chết cứng, ra sức mạt sát hiện tại, đó đều là "những kẻ giết hiện tại". Giết "hiện tại" cũng tức là giết "tương lai" – tương lai là thời đại của con cháu.

1919

(Tập ***Gió nóng***)

---

(1) *Kính hoa duyên* : cuốn tiểu thuyết trường thiên của Lý Như Trân đời Thanh. Thục Sĩ Quốc chứ không phải là Quân Tử Quốc.

45. HY VỌNG Ở CÁC NHÀ PHÊ BÌNH*

Trên sách báo hai ba năm trước đây, về văn nghệ đại để chỉ có mấy thiên sáng tác (hãy tạm gọi như thế) và phiên dịch, thế rồi độc giả đòi hỏi có những nhà phê bình xuất hiện. Bây giờ các nhà phê bình đã xuất hiện rồi, và càng ngày thấy càng nhiều.

Trong lúc văn nghệ còn ấu trĩ như thế, mà nhà phê bình vẫn muốn tìm cho ra được những điểm hay, định thổi cho ngọn lửa văn nghệ cháy bùng lên, cái ý tốt đó thật cảm động. Không phải như thế, thì hoặc giả than thở tác phẩm hiện đại nông cạn, tức là mong mỏi nhà văn viết sâu sắc hơn, hoặc giả than thở tác phẩm hiện đại không có những dòng huyết lệ, tức là sợ rằng giới viết sách trở lại phù phiếm như cũ. Tuy tựa hồ nhiều lời mập mờ quá, kỳ thực là nhiệt tình với văn nghệ, cái đó quả thật cũng rất đáng cảm tạ.

Duy có những nhà phê bình chỉ dựa vào một vài cuốn sách cũ bàn về phê bình của "Tây phương"(1) hoặc nhặt nhạnh bọt miếng của một số ông nào đó đầu óc cứng nhắc, hoặc dựa vào những cái thiên kinh địa nghĩa gì gì Trung Quốc sẵn có, rồi cũng chen chân vào văn đàn, thì tôi cho là quả thực họ lạm dụng uy quyền của phê bình. Thử so sánh với một việc thô thiển, thí dụ người nấu bếp làm món ăn. Có người chê anh ta làm dở. Cố nhiên anh ta không nên đưa dao thớt, nồi niêu của nhà bếp cho người phê bình đó, nói "anh hãy thử làm một món ăn cho ngon đi, xem nào !". Nhưng anh ta có thể hy vọng mấy điều, tức là người ăn món ăn không có cái "nghiện vẩy nhọt"(2), cũng không say rượu, không lên cơn sốt, không lên lưỡi trắng dày đến hai ba phân.

---

* Bài này đăng lần đầu trên phụ trương *Thần báo*, ngày 9 tháng 11 năm 1922, ký tên Phong Thanh.

(1) Chỉ một cuốn phê bình đề cao thứ chủ nghĩa cổ điển giả tạo của J. Babbitt, người Mỹ, mà bọn phái *Học hành* thời đó hết sức đề cao, để mạt sát văn học tiến bộ Tây phương và Trung Quốc.

(2) Ý nói những thị hiếu lạ lùng, khác người. Xem *Chuyện Lưu Mục Chi* sách *Nam sử*. Cháu Lưu Mục Chi là Ung, tính thích ăn vẩy nhọt cho là có mùi vị của ốc bể, thường đến nhà Mạnh Linh Hưu. Linh Hưu đau nhọt, những chỗ nhọt đóng vảy rơi xuống, Ung nhặt ăn.

Hy vọng của tôi đối với các nhà phê bình văn nghệ còn ít hơn nữa. Tôi không dám hy vọng trước khi họ mổ xẻ, phê phán tác phẩm người khác, thì mổ xẻ, phê phán tinh thần của họ xem có chỗ nào nông cạn, xấu xa, hoang đường không đã, bởi vì việc đó không phải dễ. Tôi chỉ hy vọng họ có một ít hiểu biết thông thường, thí dụ biết tranh khỏa thể và tranh khiêu dâm khác nhau, hôn và giao cấu khác nhau, giải phẫu thi thể và giết người khác nhau, xuất dương lưu học và "đày ra nước ngoài" khác nhau, măng và tre khác nhau, mèo và chuột khác nhau, quán bán đồ giả và quán bán món ăn Tây khác nhau... Tiến thêm một bước nữa, tức là phê bình mà chủ yếu là dựa vào học thuyết của các ông già người Anh, Mỹ, tất nhiên cũng tùy ý họ, nhưng rất mong mỏi họ biết cho rằng, trên thế giới, không phải chỉ có hai nước Anh, Mỹ. Họ không xem Tônxtôi ra gì, tất nhiên cũng là tự do của họ, nhưng mong mỏi trước hết họ hãy điều tra sự nghiệp ông ta chút đã, thực sự xem những cuốn sách ông ta viết đã.

Lại có mấy nhà phê bình, khi phê bình các bản sách dịch, thường chê là công sức không đáng kể, lại trách người dịch sao không sáng tác ? Sáng tác là đáng trọng rồi, nghĩ lại thì người dịch cũng cần phải biết sáng tác, nhưng người đó chỉ dịch thì nhất định là vì y chỉ có thể dịch được, hoặc giả vì y chỉ thích dịch mà thôi. Cho nên nếu nhà phê bình không căn cứ vào việc mà bàn, lại nói nên làm thế này, nên làm thế kia, thì đã vượt ra ngoài quyền hạn của mình rồi, bởi vì nói như thế là bàn bạc, dạy dỗ chứ không phải là phê bình nữa. Bây giờ lại đem việc người nấu bếp ra so sánh thì người ăn chỉ cần nói mùi vị món ăn như thế nào là đủ, nếu ra ngoài phạm vi đó, trách sao người nấu bếp không làm nghề may hay xây nhà, thì vô luận là một anh bếp ngu ngốc thế nào, cũng không tránh khỏi nói rằng cái ông khách đó quả thực đòm kéo lên làm tịt mất tâm khiếu rồi.

9 tháng 11 năm 1922

(Tập ***Gió nóng***)

46. SÁCH THANH NIÊN CẦN PHẢI ĐỌC*

(Trả lời cuộc trưng cầu ý kiến
của tờ phụ trương *Kinh báo*)

Sách thanh niên cần phải đọc :

Trước nay không hề lưu ý tới, cho nên bây giờ không nói được.

Bị chú :

Nhưng nhân dịp này, tôi muốn nói qua kinh nghiệm của bản thân để một số bạn đọc có thể tham khảo.

Mỗi khi đọc sách Trung Quốc, tôi cứ cảm thấy cọn người tôi trầm lặng xuống, tách rời cuộc sống thực ; còn khi đọc sách nước ngoài – nhưng trừ sách Ấn Độ – thì thường được tiếp xúc với cuộc sống, muốn làm một cái gì.

Sách Trung Quốc dù có khuyên nhủ người ta nhập thế đi nữa, phần lớn cũng đem lại một thứ lạc quan cứng đờ như xác chết ; còn sách nước ngoài, dù có đồi đường, yếm thế, nhưng cũng là cái đồi đường, yếm thế của những con người sống.

Tôi cho rằng nên đọc rất ít – hoặc giả không nên đọc sách Trung Quốc, mà nên đọc sách nước ngoài cho nhiều.

Ít đọc sách Trung Quốc, kết quả chẳng qua là không viết văn được mà thôi. Nhưng với thanh niên hiện nay thì cần nhất là phải "hành động", chứ không phải "nói". Quý hồ là người sống, chứ không viết văn được thì cũng chẳng phải là cái gì ghê gớm lắm !

Ngày 10 tháng 2 năm 1925

(Tập ***Hoa cái***)

---

* Bài này đăng ở phụ trương *Kinh báo* ngày 21 tháng 2 năm 1925.

Nhân cuộc trưng cầu ý kiến của tờ báo, Lỗ Tấn muốn phản đối những khẩu hiệu mà bọn Hồ Thích đưa ra hồi đó cốt để làm cho thanh niên tách rời cuộc sống, tách rời cuộc đấu tranh chính trị, miệt mài vào việc nghiên cứu sách cổ, thí dụ như : *"Chỉnh lý quốc cố"*, *"Hãy đi vào phòng nghiên cứu"* v.v...

47. VIỆC "ĐỌC KINH TRUYỆN" NĂM THỨ MƯỜI BỐN*

Từ khi Chương Sĩ Chiêu[1] chủ trương đọc kinh truyện, trên báo chí thấy có rất nhiều bài nghị luận, như nói bất tất phải tôn sùng kinh truyện, đọc kinh truyện tức là đi thụt lùi v.v... Tôi cho như thế là đa sự, bởi vì năm Dân Quốc thứ mười bốn mà đọc kinh truyện, thì cũng như bốn năm trước Dân Quốc, bốn năm sau Dân Quốc, hay hai mươi bốn năm sau nữa, dụng ý kẻ đưa ra chủ trương đó không phải như những người phản đối tưởng tượng.

Tôn Khổng, sùng Nho, chuyên kinh, phục cổ, có từ lâu lắm rồi. Hoàng đế và các vị đại thần xưa nay đều lấy mối manh ở đó, hoặc giả "dĩ hiếu trị thiên hạ", hoặc giả "dĩ trung chiếu thiên hạ", và lại "dĩ trinh tiết lệ thiên hạ"[2]. Nhưng nhị thập tứ sử không phải còn đấy cả ư ? Trong đó óc bao nhiêu hiếu tử, trung thần, tiết phụ và liệt nữ ? Tất nhiên, có thể nhiều đến nỗi lịch sử không chứa hết ; thế thì giở xem những cuốn phủ chí, huyện chí chuyên môn khoe những nhân vật của địa phương mình. Tôi có thể nói, tiếc thay về phía đàn ông, những người con hiếu, tôi trung cũng không nhiều lắm, chỉ có danh sách phụ nữ tiết liệt là đại để được một quyển to, hoặc đến mấy quyển. Không biết đồ đệ Khổng Tử đọc kinh truyện rồi rơi đi đâu, mà chỉ có những người phụ nữ không biết chữ lại có thể thực hiện được mà thôi. Hai nữa, chẳng phải thường thường chúng ta tự hào về việc chúng ta tham chiến hồi chiến tranh Âu châu hay sao ? Nhưng có phải là đã dùng *Luận ngữ* mà cảm hóa lính Đức, hay dùng *Kinh Dịch* mà làm phép chú cho

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Mãnh tiến*, ngày 27 tháng 11 năm 1925.

(1) Chủ trương phản động này là do một hội nghị của Bộ Giáo dục mà Chương Sĩ Chiêu chủ trì đặt ra. Quyết nghị quy định học sinh tiểu học phải đọc *kinh truyện* từ lớp Sơ tiểu cho đến khi tốt nghiệp Cao tiểu mới thôi.

(2) Lấy hiếu trị thiên hạ, ra lệnh cho thiên hạ giữ đạo trung, lấy trinh tiết khuyến khích thiên hạ.

lật tàu ngầm đi không[1] ? Những người các nhà nho cho là có công lao lại phần lớn là những người công nhân Trung Hoa không biết chữ ![2].

Cho nên muốn Trung Quốc khá, có lẽ không biết chữ mà hơn chăng. Hễ biết chữ là tựa hồ như mắc phải bệnh đọc kinh truyện. "Dòm khi đi vắng đến lạy tạ[3]", "Ra khỏi nước mang lễ vật theo"[4], những cái trò ranh vặt ấy, các kinh truyện đều có nói cả, tôi đọc đã thuộc làu. Chỉ có những kẻ ngu như bò, hồ đồ tột bực mới thành tâm thành ý chủ trương đọc kinh truyện mà thôi, vả lại những ngữ ấy thì không cần thảo luận với chúng. Tuy chúng nói gì gì kinh, gì gì cổ, thực tế chẳng qua chỉ nói đầu lỗ miệng. Hỏi chúng đọc kinh truyện thì nên đọc được như Nhan Hồi, Tử Tư, Mạnh Kha, Chu Hi, Tân Cối (hắn là một tay trạng nguyên đấy), Vương Thủ Nhân, Từ Thế Xương, Tào Côn chăng ?[5] ; phục cổ thì nên phục được như Thanh (tức cái gọi là "bản triều"[6], Nguyên, Kim, Đường, Hán, Vũ, Thang, Văn, Vũ, Chu Công, Vô Hoài Thị, Cát Thiên Thị chăng ?[7]. Thật ra chúng chẳng có định kiến gì cả. Chúng cũng không biết rõ, từ Nhan Hồi cho đến Tào Côn, tư cách làm người như thế nào, từ "bản triều" cho đến Cát Thiên Thị, tình hình ra làm sao ? Chẳng qua như ruồi nhặng mất đống rác, thì không thể không bay vù lên. Huống chi đã ngu như bò, mà thành tâm thành ý chủ trương đọc kinh truyện, thì đủ biết không có thủ đoạn cầu danh, lợi dụng, nịnh hót, nhất định không làm to được. Chủ trương của chúng tất nhiên quyết không thể có một hiệu lực nào.

Còn như hiện nay những kẻ có thể đem chủ trương của chúng ra khuấy động dư luận, đại khái là những người sang trọng. Những người sang trọng

---

(1) *Luận ngữ* và *Kinh Dịch* là trong mười ba kinh. *Luận ngữ* là sách ghi chép ngôn hành của Khổng Tử. *Kinh Dịch* là sách bói thời cổ đại, có lúc người ta tin *Kinh Dịch* có thể trừ tà đuổi dịch.

(2) Chỉ những người công nhân Trung Quốc làm việc ở nước ngoài. Trong cuộc đại chiến lần thứ nhất, có một số tham gia với các nước đồng minh đánh Đức.

(3), (4). Đây là hai mẩu chuyện về Khổng Tử "Hám vô vãng bái" chỉ chuyện Dương Hóa muốn gặp Khổng Tử. Khổng Tử không cho gặp, nhân khi Hóa đi vắng mới đến nhà lạy tạ. *(Luận ngữ)*. (Dương Hóa là người nước Lỗ, đời Xuân Thu, tên Hổ, tự Hóa, mặt mũi trông giống Khổng Tử, gia thần của Lý Thị, nhiều lần làm phản, nước Lỗ đánh phá, bỏ chạy sang Tề, Tấn). *"Xuất cương tài chí"*. (Sách *Mạnh Tử* thiên *Đằng Văn Công* nói rằng : nếu Khổng Tử mà không được nhà vua trọng dụng trong ba tháng, thì trong lòng bồn chồn không yên, muốn ra khỏi nước mang lễ vật theo tìm vua các nước khác để thi hành đạo).

(5) *Nhan Hồi* : học trò Khổng Tử ; *Tử Tư* : cháu Khổng Tử ; *Mạnh Kha* : tức Mạnh Tử ; *Chu Hi* : nhà lý học đời Tống ; *Tân Cối* : tể tướng đồng thời là Hán gian đời Tống ; *Vương Thủ Nhân* : nhà lý học đời Minh ; *Từ Thế Xương* : một tên quan lại ; *Tào Côn* : một tên quân phiệt, hai người này đều đã từng làm tổng thống chính phủ quân phiệt Bắc Dương.

(6) Sau Cách mạng Tân Hợi, có một bọn nuối tiếc nhà Thanh vẫn gọi là "bản triều".

(7) *Vô Hoài Thị* và *Cát Thiên Thị* : những ông vua thời thái cổ của Trung Quốc (theo truyền thuyết).

quyết không phải là những người ngu như bò, bằng không thì đã nằm bẹp ở dưới cửa sổ, chết rấp ở xó vườn rồi. Bây giờ chẳng phải là lúc "nhân tâm bất cổ" hay sao ? Cho nên con đường trở thành sang trọng có thể biết được. Chủ trương của chúng kỳ thực không phải như chủ trương thành thực của bọn ngu như bò, chúng có một dụng ý khác. Những người phản đối chúng mà cho rằng chúng thành thực tin tưởng rằng đọc kinh truyện có thể cứu nước là "nhầm hàng nghìn dặm !".

Tôi vẫn cứ tin rằng những người sang trọng hiện nay đều là những người thông minh. Ngược lại, nếu chúng thật thà, thì tất nhiên không thể sang trọng được. Còn như đeo chiêu bài Phật học hay đạo Khổng, thì cái đó lại chẳng quan hệ gì. Nói tóm lại, đọc kinh truyện thì người ta đã đọc rồi, và người ta biết rõ một điều, điều đó có nói trong đại trước tác của Lão Đam, thầy học ông Hai Khổng[1], các sách sau này đôi lúc cũng nhắc đến cả. Cho nên chúng thông minh hơn tiết phụ, liệt nữ, công nhân Trung Hoa không biết chữ, thậm chí thông minh hơn những người ngu như bò thành thực muốn đọc kinh truyện. Điều gì vậy ? Tức là : "Học giỏi thì được làm quan"[2]. Nếu "học" không "giỏi" thì sẽ mai một đi như những con bò ngu. Chủ trương đọc kinh truyện của chúng, thế gian không biết được.

Khổng Tử há chẳng phải là "Thánh chi thời" hay sao ? Huống chi "đồ đệ" của ngài ! Bây giờ là lúc chủ trương đọc kinh truyện rồi. Võ Tắc Thiên[3] làm hoàng đế, ai dám nói "nam tôn nữ ti ?". Chủ nghĩa đa số[4] tuy hiện nay người ta gọi là quá khích, nhưng nếu dưới sự thống trị của Lênin, thì nhất định có thể tìm ra khảo cứ chứng minh rằng cộng sản hợp với Cát Thiên Thị, nhưng cũng may bây giờ lực lượng của nước Anh và nước Nhật chưa yếu, cho nên, những người chủ trương thân Nga đều bị đồng rúp làm mất hết lương tâm[5].

---

(1) *Lão Đam* : tức Lão Tử. Tương truyền Khổng Tử có đến hỏi Lão Tử về điều lễ, cho nên về sau người ta nói ông ta là thầy học của Khổng Tử. Đại trước tác chỉ cuốn *Đạo đức kinh*, cũng gọi là *Lão Tử*. *Ông Hai Khổng* là tên gọi Khổng Tử tỏ vẻ không tôn trọng. Khổng Tử là con thứ hai, cho nên mới gọi là Trọng Ni. Anh Khổng Tử là Mạnh Bì.

(2) Đây là một câu nói của Khổng Tử (xem *Luận ngữ*, thiên *Tử Trương*).

(3) *Võ Tắc Thiên* (624 – 705) : vợ Đường Cao Tông, Cao Tông chết, bà ta tự xưng hoàng đế, đổi tên nước là Chu, đến khi thoái vị gọi là Tắc Thiên Đại thánh Hoàng đế.

(4) *Chủ nghĩa đa số* : ở đây chỉ chủ nghĩa bônsêvich. *Phái quá khích* là chữ người Nhật Bản dùng để chỉ chủ nghĩa bônsêvich.

(5) Đương thời các báo thường đăng những bài công kích Liên Xô. Thí dụ trên tờ *Thần báo* có đăng bài "Nga Xô có phải là bạn của chúng ta hay không ?". Có những câu phản động như sau : "Các nước đế quốc chỉ lấy tài sản của chúng ta, xiềng xích tay chân chúng ta mà thôi, còn Nga Xô thì mua chuộc lương tâm chúng ta, làm bại hoại linh hồn chúng ta...".

Tôi không thấy được lương tâm bọn chủ trương đọc kinh truyện như thế nào, nhưng tôi cảm thấy chúng đại để là những người thông minh, mà cái thông minh đó là do đọc kinh truyện và học cổ văn mà có. Trong cái nước của chúng ta, nơi đã từng văn minh rồi, về sau lại đi đón rước người Mông Cổ, người Mãn Châu, thì sách cũ nhiều lắm ; nếu không đến nỗi ngu như bò, thì đọc một ít cũng có thể biết rằng dù sống qua quýt, hèn nhát, dù nịnh hót, lộng quyền, tự tư như thế nào đi nữa, vẫn có thể giả danh đại nghĩa, ăn trộm tiếng thơm. Tiến lên một bước nữa, có thể biết được rằng người Trung Quốc rất dễ quên, dù lời nói không đi đôi với việc làm, nội dung không phù hợp với hình thức, trước sau mâu thuẫn, nói láo, vu cáo, dơ bẩn như ruồi nhặng, như chó má, cũng không sao hết, qua một thời gian, tự nhiên quên sạch ; chỉ cần để lại một ít văn chương bảo vệ đạo đức là mai sau sẽ không mất cái tên "chính nhân quân tử". Huống chi dù mai sau không được gọi là "chính nhân quân tử" đi nữa, thì cái lợi thiết thực trước mắt cũng có thương tổn chút nào đâu ?

Những bọn chủ trương đọc kinh truyện này biết rất rõ đọc kinh truyện không thể cứu nước được ; chúng cũng không hy vọng người ta sẽ đọc để trở thành được như chúng ; nhưng giở cái trò ấy ra chắc có đứa cho người ta ngu như bò, mà việc "đọc kinh truyện" chẳng qua chỉ là một công cụ thỉnh thoảng chúng dùng đến để giở cái trò ấy mà thôi. Những người phản đối chúng, nếu không biết như thế, cứ bàn về đạo lý, nói sự thiệt hơn một cách nghiêm trang, thật thà, thì tôi sẽ không nể tình nữa, cũng sẽ quy các người vào loại ngu như bò, thành tâm thành ý chủ trương đọc kinh truyện đấy.

Viết một bài mà lời lẽ không hợp với đầu đề để giải thích một chủ trương hết sức "nghiêm trang", tôi cũng biết là không được lễ phép lắm, nhưng tôi lại rất tin tưởng những lời tôi nói, bởi vì tôi cũng từ chỗ "đọc kinh truyện" mà ra. Cơ hồ tôi đã đọc cả mười ba kinh rồi.

Một nước suy yếu thường không thể tránh được hiện tượng này. Cũng như thân thể con người ta, đến lúc già thì cái phải bỏ đi tích lại càng nhiều, giữa các cơ cấu đọng lại một thứ khoáng chất làm cho nó cứng lại, dễ chết. Mặt khác, những tế bào di động (wanderzelle) vốn nuôi dưỡng thân thể dần dần biến tính, chỉ nghĩ đến bản thân nó, nếu giữa các cơ cấu có chỗ hở thì nó chui vào, ăn các cơ cấu như tằm ăn dâu, làm cho cơ cấu hao tổn, dễ chết. Nhà y học người Nga nổi tiếng, ông Elia Metschinikôp[1], đã đặt riêng

(1) *Elias Metschinikov* (1845 – 1916) : nhà y học và là một nhà sinh vật học trứ danh người Nga.

cho nó một cái tên là *"tế bào háu ăn"* (fresserzelle). Nghe nói, cần phải tiêu diệt thứ tế bào ấy đi, thân thể con người mới khỏi suy yếu ; mà muốn tiêu diệt thì hàng ngày phải uống một thứ thuốc có chất toan. Bản thân ông ta đã thực hành.

Một nước cũ kỹ bị diệt vong là vì đại bộ phận cơ cấu bị nhiều tập quán cũ làm cho cứng đi, không thể chuyển động được nữa để thích ứng với hoàn cảnh mới. Lại có những phần tử bị nhiều kinh nghiệm xấu đang dạy cho trở thành thông minh, thế là biến tính ; chúng biết trong một xã hội bị cứng lại như thế, có làm tầm bậy cũng không hề gì. Nếu như chỉ làm tầm bậy thì còn có thể nói chuyện với nhau được, còn như cố ý làm tầm bậy, thì lại không cần phải bàn lý nữa. Phương pháp cứu chữa duy nhất là cho một liều thuốc khác : thuốc có chất toan, hoặc giả là cường toan thực sự.

Không dè cuối bài lại đề cập đến một người Nga, e có người nghi là tôi nhận tiền rúp chăng. Bây giờ xin trịnh trọng thanh minh : tôi chưa hề nhận một tờ rúp nào cả. Bởi vì khi nước Nga chưa xích hóa, ông ta đã chết rồi, mắc một bệnh khác, không liên quan gì với vấn đề thuốc ông ta thí nghiệm có hiệu quả hay không cả.

Ngày 18 tháng 11 năm 1925

(Tập ***Hoa cái***)

48. CÁI NÀY VÀ CÁI KIA*

1 – ĐỌC KINH TRUYỆN VÀ ĐỌC SỬ

Một người tai to mặt lớn nói cần phải đọc kinh truyện, một bọn tai bé mặt bé vù vù lên một hồi, cũng nói phải đọc kinh truyện. Há chỉ "đọc" mà thôi đâu, nghe nói còn có thể "cứu nước"[1] được nữa kia ! "Học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ "[2], điều đó có lẽ đúng, nhưng chiến tranh Giáp Ngọ thất bại – tại sao lại chỉ nói đến "Giáp Ngọ" ? – là bởi vì hồi đó chưa mở trường, chưa bỏ kinh truyện[3].

Tôi cho rằng các bạn chúi đầu vào án sách chưa sâu lắm, thì bây giờ không nên mải mê ê a những cuốn sách đóng bằng chỉ ấy nữa. Nếu cứ ê a mãi, lâu ngày sẽ nghiện, thế thì sao bằng đọc sử, nhất là sử đời Tống, đời Minh, và phải là dã sử hoặc tạp thuyết.

Ngày nay, các nhà học giả Trung Quốc hay Tây phương cơ hồ nghe nói đến tên *Khâm định tứ khố toàn thư*[4] là mất hồn, đầu gối cứ mềm nhũn ra. Kỳ thực, hình trạng lúc đầu của nó thay đổi rồi, thêm bao nhiêu chữ sai vào,

---

* Bài này có ba đoạn lần lượt đăng trên phụ trương *Quốc dân tân báo*, ngày 10, 12, 22 tháng 12 năm 1925.

(1) Trên báo *Giáp Dần* hồi đó có đăng bài của Chương Sĩ Chiêu đề là "Độc kinh cứu quốc".

(2) Học và luôn luôn đem ra ôn lại không vui hay sao ?, *Luận ngữ* thiên *Học nhi*.

(3) Năm 1894, sau cuộc chiến tranh Trung – Nhật thất bại, Chính phủ Thanh có thi hành một số biện pháp cải lương, thời Mậu Tuất chính biến (tháng 7 năm 1898) có hạ chiếu mở trường trung tiểu học, đổi *thư viện* thành *học hiệu*.

(4) Năm 1773, Càn Long đời Thanh thiết lập Tứ khố toàn thư quán, ra lệnh cho các quan lựa chọn, sao lục lại sách ở trong cung và dân gian hiến lên, suốt mười năm trời, chọn được 3.470 bản chia làm 4 bộ, *Kinh, Sử, Tử, Tập*, tức là *Khâm định tứ khố toàn thư*. Đó là một thủ đoạn thống trị văn hóa của chính phủ nhà Thanh, phàm những sách gì họ cho là phản nghịch, thì đốt đi hoặc sửa chữa lại, làm cho người đời sau không biết căn cứ vào đâu nữa.

thậm chí văn chương cũng bỏ bớt hoặc sửa chữa lại. Tiện nhất là so sánh hai bản *Mao đình khách thoại*[1] trong *Lâm lang bí thất tùng thư*[2], một bản đời Tống, một bản Tứ khố, thì rõ. Chính sử, do "quan tu" lại thêm "khâm định"[3] nữa, cũng thế. Không những bản kỷ, liệt truyện, cần phải "ra vẻ sử"; trong đó cũng không dám nói gì. Nghe nói, giữa hàng chữ cũng có bao hàm ý bao biếm đấy, nhưng ai có tâm tư đâu mà ngồi đoán mò như thế. Cho đến nay vẫn nói "đem sự nghiệp bình sinh giao cho quốc sử quán lập truyện"[4] thế là xong !

Dã sử và tạp thuyết tất nhiên cũng không tránh khỏi bị xuyên tạc, xen ân oán vào, nhưng xem chuyện cũ còn hơi rõ ràng, bởi vì nó không phải làm cho oai vệ như chính sử. Xem chuyện đời Tống, thì cuốn : *Tam triều bắc minh vựng biên*[5], đã thành đồ cổ rồi, đắt lắm ; cuốn *Tống nhân thuyết bộ tùng thư*[6] mới in sau này, rẻ hơn. Chuyện đời Minh, thì cuốn *Dã hoạch biên*[7] vốn cũng tốt, nhưng cũng đã thành đồ cổ rồi, mỗi bộ mấy mươi đồng bạc ; cuốn *Minh quý Nam Bắc lược, Minh quý tì sử vựng biên*[8], và cuốn *Thống sử* mới in đây[9] dễ mua hơn.

Sử vốn là sổ ghi chuyện cũ đời xưa, không liên quan gì đến những chiến sĩ cấp tiến cả. Nhưng như trên đã nói, nếu không ê a không được, thì có thể giở mà xem cho biết tình hình chúng ta hiện nay sao mà giống in như hồi ấy thế, mà những hành động mù quáng, những tư tưởng hồ đồ hiện nay thì hồi đó cũng đã có cả rồi, và đều hỏng bét cả.

---

(1) *Mao đình khách thoại* : sách gồm 10 quyển, do Hoàng Hữu Phục đời Tống soạn, nội dung ghi chép những chuyện ở đất Thục từ thời Ngũ Đại đến Tống Chân Tông (vào khoảng thế kỷ thứ X).

(2) *Lâm lang bí thất tùng thư* : bộ sách gồm năm tập, có 36 loại, cũng đời Thanh.

(3) *Quan tu* : do quan biên soạn. *Khâm định* : do vua xem lại và cho in.

(4) Những người được xem là "vĩ nhân" trung thành với giai cấp thống trị, đến khi chết, chiếu lệ, triều đình ra lệnh cho quốc sử quán viết truyện để tán dương. Trong lệnh có câu tác giả nhắc lại trên.

(5) *Tam triều bắc minh vựng biên* : gồm 250 quyển, do Từ Mộng Sản đời Tống biên soạn, có những sử liệu về những cuộc chiến tranh và giảng hòa giữa Tống và Kim khoảng những năm 1117 – 1161.

(6) *Tống nhân thuyết bộ tùng thư* : những tập bút ký, tiểu thuyết do Hạ Kinh Quan biên soạn, gồm 20 quyển, do nhà in Thương vụ ấn quán xuất bản.

(7) *Dã hoạch biên* : gồm 30 quyển, do Thẩm Đức Phù đời Minh soạn, nói về các điển chương, chế độ và những câu lượm lặt đây đó khoảng từ khi nhà Minh khai quốc cho đến niên hiệu Vạn Lịch đời Thần Tôn.

(8) *Minh quý Bắc lược (24 quyển), Minh quý Nam lược (18 quyển)*, do Kế Lục Kỳ đời Thanh soạn. *Bắc lược* kể những chuyện đời Vạn Lịch đến Sùng Trinh (1616 – 1644), *Nam lược* tiếp tục kể cho đến năm Vĩnh Lịch (1665) tức đến Khang Hi đời Thanh. *Minh quý tì sử vựng biên* , gồm 27 quyển, sau thêm 6 quyển nữa kể chuyện cuối đời Minh.

(9) *Thống sử* : bộ dã sử 20 quyển do Lạc Thiên Cư Sĩ biên. Đó là một cuốn dã sử về thời cuối Minh đầu Thanh, do Thương vụ ấn quán Thượng Hải xuất bản năm 1911.

Thử đến vườn hoa Trung Ương, có lẽ sẽ gặp một bà dắt đứa cháu gái đến đó chơi. Bộ điệu, dáng dấp bà cụ chính là hình ảnh đứa cháu gái trong tương lai. Cho nên ai muốn biết phong tư vợ mình ngày sau thế nào thì cứ nhìn bà mẹ vợ. Tất nhiên có những điểm không giống nhau, nhưng nói chung cũng không khác nhau lắm. Chúng ta giở sổ cũ ra xem có ích ở chỗ đó.

Nhưng tôi không nói xưa nay như thế thì bây giờ không thể làm gì được nữa, và khuyên người ta nên kính sợ quá khứ, cho rằng quá khứ đã định sẵn vận mệnh cho chúng ta rồi. Ông Lơ Bon[1] nói rằng người chết mạnh hơn người sống, quả thật cũng có lý, nhưng mà loài người thì luôn luôn tiến hóa ; lại theo lời ông tổng trưởng Chương Sĩ Chiêu nói, thì ở nước Mỹ chỗ nào cũng cấm bàn về tiến hóa luận rồi. Thật làm cho tôi chết khiếp. Có điều cấm thì cấm, tiến cứ tiến như thường.

Tóm lại, đọc sử càng có thể tỉnh ngộ thấy Trung Quốc không thể trì hoãn việc cải cách được nữa. Tuy là tính của quốc dân, nhưng nên cải cách thì cũng phải cải cách. Bằng không những điều ghi trong tạp sử, tạp thuyết sẽ là vết xe cũ. Đã cải cách thì không còn phải sợ đứa cháu gái sẽ giống như bà nội nó nữa. Thí dụ chân bà nội nó hình tam giác, đi đứng khó khăn, nhưng cô cháu thì chân không bó, đi đứng nhanh nhẹn ; bà mẹ vợ mặt rỗ hoa, hơi khó coi, nhưng vợ mình thì đã chủng đậu rồi nên da dẻ mịn màng, trắng trẻo, như thế cũng khác nhau lắm chứ !

Ngày 8 tháng 12 năm 1925

2 – ĐẮP[2] VÀ ĐÀO

Người Trung Quốc thấy người nào có triệu chứng có thể làm rầy rà đến mình thì xưa nay có hai cách : đè dúi xuống, hoặc bợ đỡ lên.

Đè dúi xuống thì dùng tập quán cũ và đạo đức cũ, hoặc dựa vào thế của quan. Cho nên những chiến sĩ tinh thần cô độc, tuy chiến đấu cho dân chúng, nhưng thường thường vì "những chuyện mình làm" mà chết. Đến nông nỗi thế, họ mới yên tâm. Đè dúi không được, thì bợ đỡ, cho rằng nâng lên thật cao, cho ăn thật no, thì có thể bớt hại cho mình và có thể yên tâm được.

Những người thông minh tất nhiên cũng có kẻ bợ đỡ vì lợi, như bợ đỡ những người tai to mặt lớn, bợ đỡ các diễn viên, bợ đỡ ông tổng trưởng ;

---

(1) *Gustave Le Bon* (1841 – 1931) : nhà tâm lý học, xã hội học người Pháp.

(2) Nguyên văn : " *bống*": nghĩa là bợ đỡ, lại có nghĩa là đắp. Nay tạm chọn một.

còn những người ngu dại – tức là những người chưa hề "đọc kinh truyện", – thì động cơ hành vi của người bợ đỡ đại khái chẳng qua là muốn tránh điều hại. Cứ lấy việc thờ cúng các ông thần mà suy, đại để là những ông thần hung ác, thần Hỏa, thần Ôn không đợi phải nói nữa, đến thần Tài cũng là những con vật dễ sợ như rắn, nhím ; Quan Âm Bồ Tát thì dễ thương, nhưng lại từ Ấn Độ đưa vào, chứ không phải là "quốc túy" của chúng ta. Nói tóm tắt, phàm những người được bợ đỡ thì chín phần mười là không tốt.

Đã là mười người thì chín người không tốt, cho nên sau khi được bợ đỡ, kết quả tự nhiên ngược hẳn với điều người bợ đỡ mong mỏi. Không những có thể làm cho họ không yên, mà còn có thể làm cho họ rất không yên, bởi vì nhân tâm xưa nay vốn khó mà thỏa mãn. Thế nhưng, người ta đến bây giờ vẫn chưa tỉnh ngộ, vẫn cho rằng bợ đỡ thì có thể sống yên ổn được.

Nhớ có một cuốn sách nói chuyện cười, quên mất tên rồi, có lẽ là cuốn *Tiếu lâm quảng ký*[1], kể chuyện một ông huyện ăn mừng thọ. Vì ông ta sinh năm Tí, tuổi chuột, nên các thuộc viên chung tiền đúc một con chuột vàng làm lễ mừng. Ông huyện nhận rồi, lại tìm dịp nói với mọi người rằng : "Năm sau lại đúng là năm sinh nhà tôi, nhà tôi kém tôi một tuổi, tuổi trâu". Thật ra, nếu trước đây họ không mừng con chuột vàng kia, thì ông ta cũng không dám nghĩ đến con trâu vàng, nhưng đã đưa đến mừng rồi, thì không thể lấy về được nữa. Không kể họ không đủ sức làm một con trâu vàng đưa đến mừng, nhưng dù cho mừng một con trâu vàng nữa, thì sợ người vợ lẽ ông ta có thể là tuổi voi ! Voi không ở trong số mười hai cợn vật tượng trưng cho tuổi con người ta, tựa hồ như không hợp tình hợp lý, nhưng đó là tôi nghĩ giùm cho ông ta đấy thôi, chứ đã là ông huyện thì đương nhiên có những diệu pháp cao thâm mà chúng ta không biết được.

Năm Dân Quốc thứ nhất, khi mới cách mạng, tôi ở thành S, có một ông đô đốc đến[2]. Ông ta tuy xuất thân trường Đại học lục lâm, dễ thường chưa đọc kinh truyện (?), nhưng cũng kể là người chú ý đến đại cuộc, chịu nghe ngóng dư luận. Nhưng từ các ông thân sĩ cho đến thứ dân, ai cũng dùng các

---

(1) Đời Minh, Phùng Mộng Long có soạn cuốn *Quảng tiếu phủ* gồm 13 quyển, đến đời Thanh bị cấm, sau in ra đổi tên là *Tiếu lâm quảng ký* gồm 12 quyển, đề tên là *Du hí chủ nhân*.

(2) *Thành S* : tức Thiệu Hưng. Vị đô đốc này tên là Vương Kim Phát, trước là một tên tướng cướp, cho nên gọi là xuất thân Đại học lục lâm, sau có tham gia cuộc cách mạng Tân Hợi và đưa quân đến chiếm thành Thiệu Hưng. Trong ***Nhật cánh hoa tàn*** bài nói về *Phạm Ái Nông*, Lỗ Tấn có nhắc đến Vương Kim Phát.

phương pháp bợ đỡ tổ truyền thi nhau mà bợ đỡ ông ta. Ông này yết kiến, ông nọ nịnh hót, nay gửi tặng một ít vải vóc may mặc, mai gửi tặng ít vây bóng, bợ đỡ đến nỗi chính ông ta cũng không hiểu vì sao nữa, kết quả dần dần ông ta giống như một tên quan lại cũ, ra tay vơ vét.

Lạ lùng nhất là các con sông mấy tỉnh miền Bắc, đắp đến nỗi lòng sông cao hơn mái nhà. Lúc đầu tất nhiên là đề phòng lụt, nên đắp một ít đất ; không ngờ càng đắp càng cao ; khi vỡ, họa càng to. Thế là phải "cứu đê", "hộ đê", "đề phòng đê vỡ", đủ mọi cách, ai nấy đến khổ. Nếu lúc đầu thấy nước sông tràn, không đắp đê mà lại đào thấp xuống, tôi cho rằng quyết không đến nỗi như thế này.

Kẻ tham trâu vàng, thì không những chuột vàng mà đến chuột chết, cũng không cho. Thế là chúng nó sẽ không làm lễ sinh nhật nữa. Chỉ việc khỏi phải đi mừng thọ đã là một việc khoái lắm rồi.

Nguyên nhân làm cho người Trung Quốc tự chuốc lấy khổ vào thân là ở chỗ đắp[1], nhưng cách "đem lại cho mình nhiều phúc" là đào. Kỳ thực, đào hay đắp công sức cũng như nhau, nhưng đối với người có tính lười thì lại cho rằng đắp nhẹ công hơn đào !

Ngày 10 tháng 12

3 – TRƯỚC NHẤT VÀ SAU CÙNG

Hàn Phi Tử[2] nói rằng diệu pháp của đua ngựa là "không tranh chạy trước nhất, nhưng không thẹn phải về sau cùng". Chúng ta tuy không sành đua ngựa, nhưng cũng thấy có lý. Bởi vì nếu vừa mới bắt đầu mà đã cho chạy cố mạng, thì sức ngựa dễ kiệt. Nhưng câu đầu chỉ thích dụng với việc đua ngựa mà thôi, bất hạnh người Trung Quốc lại lấy làm một câu châm ngôn xử thế.

---

(1) Nguyên văn "*bổng*" : có nghĩa là *đắp*, và cũng có nghĩa là *bợ đỡ, tâng bốc*. Chúng tôi tùy chỗ mà dịch theo nghĩa của câu.

(2) *Hàn Phi Tử* : người nước Hàn thời Chiến Quốc. Ông là một nhà chính trị, một nhà tư tưởng cổ đại Trung Quốc. Tác phẩm của ông là cuốn *Hàn Phi Tử*. Trong cuốn này không có câu : *"Bất si tối hậu"* (Không thẹn phải về sau cùng). Chỉ trong sách *Hoài Nam Tử* mới có câu :" *Đua ngựa không nên tham chạy trước nhất, cũng không sợ một mình về sau cùng,... tuy không thể nhất định phải về trước nhất, nhưng sức ngựa thì dùng được hết".*

Người Trung Quốc không những "không đem binh đi đánh trước"[1] "không gây họa trước", thậm chí "không làm phúc trước"[2], cho nên bất cứ việc gì cũng khó cải cách ; đại để ai cũng sợ làm người tiên phong, làm vị tướng đi đầu. Nhưng tính tình con người ta đâu thật có phải điềm đạm như các đạo gia nói. Người muốn được vẫn nhiều. Đã không dám lấy thẳng, thì đành phải dùng âm mưu và thủ đoạn. Do đó, người ta cũng ngày càng đê tiện, hèn nhát, đã "không muốn chạy trước nhất", tất nhiên cũng không dám "không thẹn phải về sau cùng". Cho nên mặc dù cả một đám quần chúng rất đông, nhưng hơi thấy nguy hiểm là "tản mát như chim, như thú vật". Nếu ngẫu nhiên có một vài người không chịu lùi bước, thì sẽ vì thế mà bị hại, các nhà bình luận đều đồng thanh cho là ngốc. Đối với người "khắc mãi không bỏ"[3] cũng vậy.

Tôi đôi lúc cũng có dự các cuộc thể thao ở nhà trường. Những cuộc thi đua đó vốn không phải như hai nước thù địch khai chiến với nhau, mang căm hờn trong lòng, nhưng cũng có thể vì tranh cạnh nhau, mà chửi bới nhau, hoặc đánh đấm nhau nữa. Nhưng đó lại là chuyện khác. Lúc chạy đua, đại để ba bốn người chạy nhanh nhất đến đích rồi, thì những người kia đều uể oải cả, có người lại không còn can đảm chạy hết số vòng đã định, nửa đường chen vào đám người xem, hoặc giả vờ ngã để cho ban cứu thương lấy cáng cáng đi. Giả thử thỉnh thoảng có người tuy rớt lại sau, nhưng vẫn cứ chạy đến cùng, thì mọi người cười chế giễu. Đại khái là vì anh ta không thông minh lắm, "không thẹn phải về sau cùng".

Cho nên Trung Quốc xưa nay ít có những vị anh hùng thất bại, ít có những người phản kháng dẻo dai, ít có những nhà võ một mình quyết chiến, ít có những kẻ dám khóc truy điệu người phản nghịch. Thấy triệu chứng thắng thì ùa nhau đến, thấy triệu chứng thua thì ùa nhau chạy. Người Âu, Mỹ, khí giới tinh xảo hơn chúng ta, và người Hung Nô, Mông Cổ, Mãn Châu, khí giới vị tất đã tinh xảo bằng chúng ta, đều vào nước ta, như vào chỗ không người. Bốn chữ "đất lở ngói tan" thực hình dung được sự sáng suốt mình tự biết mình.

Dân tộc mà có lắm người "không thẹn về sau cùng" thì có lẽ bất cứ việc gì cũng không thể một chốc mà "đất lở ngói tan" được. Mỗi lần xem các

---

(1) Nguyên văn : *"bất vi nhưng thủ"* dẫn ở sách *Lễ ký*, nghĩa là không chủ động gây chiến.

(2) Nguyên văn : *"bất vi họa thủy"*, *"bất vi phúc tiên"*, lấy trong sách *Trang Tử* : *"Không làm điều phúc trước, không gây ra tai họa trước, cảm sau mới ứng, bị bức bách mới động, bất đắc dĩ mới nổi dậy cuối cùng"*.

(3) Nguyên văn :" *Khiết nhi bất xả"*, lấy trong sách *Tuân Tử* chương *Khuyến học* : *"Khiết nhi bất xả, kim thạch khả lậu"* (Cứ khắc mãi không bỏ thì vàng đá cũng phải thủng).

cuộc đua thể thao, tôi thường vẫn nghĩ như thế này : người thắng cuộc tất nhiên đáng trọng rồi, nhưng người tuy rớt lại sau mà chưa đến đích thì vẫn cứ chạy, và người đứng xem thấy những người như thế mà không cười, chính là rường cột tương lai của Trung Quốc đấy.

4 – ĐẺ NON VÀ TUYỆT NỌI

Mấy lâu nay, đối với sáng tác của thanh niên, bỗng ở đâu giáng xuống cái tên húy độc ác là "đẻ non", được rất nhiều người ồ lên phụ họa. Bây giờ tôi tin rằng, người đặt ra cái tên đó không có ác ý gì, chẳng qua ngẫu nhiên nói ra mà thôi ; mà người phụ họa cũng có thể tha thứ được, bởi vì việc đời xưa nay đại khái vốn như thế.

Tôi chỉ không hiểu tại sao người Trung Quốc đối với tình trạng cũ thì ôn hòa bình tâm, mà đối với sự việc mới thì lại cứ nhăn mày nhăn mặt như thế ; đối với chuyện đã rồi thì cố gắng thích ứng, mà đối với những cái mới nhen nhóm lên thì lại cầu toàn, trách bị như thế ?

Người tri thức cao siêu, mắt nhìn xa thấy rộng, dạy chúng ta rằng : sinh ra mà không phải là thánh hiền, hào kiệt, thiên tài, thì sinh ra làm gì ; sáng tác mà không được một tác phẩm bất hủ, thì không nên sáng tác ; cải cách mà không phải trong chốc lát có thể biến đổi thành một thế giới cực lạc, hoặc ít ra cũng có thể đem lại cho tôi (!) thật nhiều cái lợi, thì nhất thiết chớ có làm ! ...

Thế thì, ông ta là người phái bảo thủ phải không ? Nghe nói : cũng không phải. Ông ta chính là một nhà cách mạng đấy. Chỉ có một mình ông ta là có những phương pháp cải cách công bằng, chính đáng, lành mạnh, khéo léo, hòa bình, không có tệ hại ; bây giờ ông ta đang ngồi trong phòng nghiên cứu để nghiên cứu – chỉ có điều chưa nghiên cứu xong đó thôi.

Thế bao giờ mới nghiên cứu xong đấy ? Trả lời : cũng không định trước được.

Trẻ con học đi, mới bước bước đầu, người lớn nhìn thì nhất định là non nớt, nguy hiểm, không ra gì, hoặc giả rất buồn cười. Nhưng bất cứ người đàn bà nào, dù ngu muội đến đâu, cũng nhìn đứa bé bước bước thứ nhất đó, với một mối hy vọng hết sức chân thành, quyết không thể vì bước đi của đứa bé non nớt, sợ trở ngại bước đi của người tai to mặt lớn, mà "bắt" phải

chết đi, cũng quyết không đến nỗi bất nhất định phải nằm trên giường, mà nghiên cứu cho đến lúc có thể chạy được như bay rồi mới cho bước chân xuống đất. Bởi vì người đàn bà đó biết rằng, nếu làm như thế thì dù sống đến trăm tuổi, cũng không bao giờ biết đi cả.

Xưa nay vẫn như thế này : những người gọi là trí thức, đối với lớp sau, thường hay dùng những cách cấm đoán lộ liễu, hoặc che giấu dưới hình thức này hình thức khác. Gần đây tất nhiên có nể nang hơn, ai đi ra là nhất định sẽ gặp các vị học giả, văn sĩ ngăn lại, nói : "Hãng hượm, mời ngồi xuống đây đã". Tiếp đó thì bàn về đạo lý : điều tra, nghiên cứu, cân nhắc, tu dưỡng... Kết quả là chết rấp ở chỗ cũ. Bằng không, thì sẽ được mang cái tên là "làm rối loạn". Cũng như các thanh niên bây giờ, tôi đã từng hỏi các bậc thầy dẫn đường chỉ lối, chết rồi hoặc chưa chết, nên đi con đường nào. Các vị đều nói : không thể đi về đông, hoặc tây, hoặc nam, hoặc bắc, nhưng không ai nói phải đi về đông hoặc tây, hoặc nam, hoặc bắc. Cuối cùng tôi thấy được điều giấu kín trong lòng họ ; chẳng qua là "không nên đi đâu cả" mà thôi.

Ngồi mà chờ đợi bình an, chờ đợi tiến bộ, nếu như có thể được, thì tất nhiên còn gì bằng, nhưng sợ chết rồi mà điều chờ đợi vẫn không đến. Không đẻ, không đẻ non, mà chờ đợi một cậu quý tử hùng vĩ ra đời, ra đời được tất nhiên là đáng mừng, nhưng sợ cuối cùng vẫn chẳng có gì cả.

Nếu cho rằng không đẻ được một em bé đặc sắc, xuất chúng thì thà tuyệt nòi đi còn hơn, thế thì không còn phải bàn nữa. Nhưng nếu chúng ta mãi mãi còn muốn nghe tiếng bước chân của con người, thì tôi cho rằng, đẻ non còn có hy vọng hơn là không đẻ gì cả, bởi vì như thế cũng chứng tỏ được rằng có thể đẻ được.

Ngày 20 tháng 12 năm 1925

(Tập ***Hoa cái***)

49. BA HỒN CỦA HỌC GIỚI*

Xem *Phụ trương Kinh báo* mới biết có một tờ tạp chí tên là *Quốc hồn*(1), trong đó có một bài nói rằng Chương Sĩ Chiêu cố nhiên là không tốt rồi, nhưng bọn "học phỉ" phản đối Chương Sĩ Chiêu cũng phải đả đảo. Tôi không chắc đại ý có đúng như tôi nhớ không ? Nhưng cũng không hề gì, bởi vì cái làm cho tôi nghĩ đến đề mục này và bài văn kia không dính líu gì với nhau hết. Tức là theo thuyết cũ của Trung Quốc, thì con người ta có ba hồn sáu phách, hoặc nói bảy phách. Quốc hồn cũng phải như thế. Mà trong ba hồn đó, tựa hồ như một là "quan hồn", một nữa là "phỉ hồn", còn một nữa là gì nhỉ ? Có lẽ là "dân hồn" chăng, tôi không thể khẳng định được. Lại bởi vì kiến văn của tôi hẹp hòi, cho nên không dám nói đến toàn bộ xã hội Trung Quốc, đành thu hẹp phạm vi lại, nói đến "học giới" mà thôi.

Cái tật nghiện làm quan của người Trung Quốc quả nặng thật. Đời Hán trọng hiếu liêm nên có kẻ chôn con, tạc tượng gỗ(2). Đời Tống trọng lý học nên có kẻ đội mũ cao, đi giày rách(3). Đời Thanh trọng văn chương khoa

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Ngữ ti*, ngày 1 tháng 3 năm 1926.

(1) *Quốc hồn* : tờ tuần báo của phái quốc gia hồi đó. Tạp chí này có đăng một bài đề là *Học phỉ và học phiệt*, ý muốn xúi giục học sinh Bắc Kinh nổi dậy chống lại ông Mã Dụ Thảo, là một vị giáo sư trường Đại học Nữ Sư phạm Bắc Kinh chống bọn Chương Sĩ Chiêu và Dương Ấm Du hồi đó. Tờ tạp chí gọi ông ta là "học phỉ", nhưng lại giả làm như công bằng, có chửi Chương Sĩ Chiêu mấy câu.

(2) Đời Hán, trong chế độ tuyển dụng nhân tài có biện pháp đề cử những hiếu tử và những liêm sĩ lên làm quan, cho nên trong xã hội sinh ra lắm chuyện quá quắt, giả dối, mục đích cốt để được đề cử ra làm quan. Chuyện chôn con là chuyện Quách Cự (xem tập ***Nhật cánh hoa tàn***) . Còn chuyện tạc tượng gỗ là chuyện Đinh Lan. Cuốn *Sưu thần ký* của Can Bảo đời Tấn kể chuyện Đinh Lan như sau : Lan lên mười lăm tuổi thì mẹ chết. Anh bèn tạc một cái tượng gỗ để thờ, như khi mẹ còn sống. Hàng xóm ai sang vay mượn gì, Lan đều nhìn tượng, nếu tượng tỏ ý vui thì Lan cho mượn, nếu tỏ ý không vui thì không cho. Sau hàng xóm có người giận Lan, trộm tượng và chặt đầu. Máu chảy ra lênh láng. Lan đem về chôn và tìm cách phục thù. Hàn Tuyên Đế rất lấy làm khen, cho bổ chức trung đại phu.

(3) Các nhà nho đời Tống nghiên cứu *Kinh Thư*, chuyên trọng tính lý cho nên gọi là lý học hay đạo học. Những bọn đạo học gia đó thường nói đến" thiên lý, tính mệnh", "chính tâm thành ý", và cách ăn mặc cũng khác người thường. Chẳng hạn như đạo học gia có tiếng là Trình Di thường ăn mặc như người thôn dã, mũ cao, áo thường.

cử nên có những chữ *"vả lại"*, *"thế nhưng"*[1]. Nói tóm lại, cái hồn đó ở chỗ làm quan, – ra oai quan, tỏ vẻ quan, nói giọng quan. Thời một ông vua làm bù nhìn, ai có tội với quan tức là có tội với vua, thế là người ấy được cái nhã hiệu là "phỉ đồ". Trong học giới bắt đầu nói giọng quan là từ năm ngoái. Phàm ai phản đối Chương Sĩ Chiêu đều gọi là "thổ phỉ", "học phỉ", "học côn"[2] nhưng vẫn không biết rõ từ miệng người nào nói ra, cho nên chẳng khác nào một lời "đồn đại vu cáo" cả.

Có điều thế cũng đủ thấy học giới năm ngoái nát bét rồi, lại thêm một bọn học phỉ xưa nay chưa từng có. Hãy lấy chuyện quốc sự to tát hơn mà so sánh, thái bình thịnh thế thì làm gì có phỉ ; khi giặc cướp nổi lên như ong, xem sử cũ thì nhất định là lúc ngoại thích, hoạn quan, gian thần, tiểu nhân lên cầm việc nước. Những khi đó dù có thả giọng quan ra hàng tràng, kết quả cũng là "ô hô ai tai...! " mà thôi. Trước khi "ô hô ai tai" thì đại để dân đen kéo nhau đi cướp, cho nên tôi tin lời ông Nguyên Tăng[3] nói : "Nhìn bề ngoài thì chỉ là thổ phỉ và trộm cướp, kỳ thực đó là quân cách mạng của nông dân". (Phụ trương *Quốc dân tân báo*, số 43). Thế thì chẳng phải xã hội đã cải tiến hay sao ? Chưa. Tôi tuy cũng bị người ta đặt cho cái tên cúng cơm là một trong bọn "thổ phỉ", nhưng tôi không định che giấu những điều sai lầm của những người lớp trước. Nông dân không phải nổi dậy để cướp chính quyền, ông Nguyên Tăng lại nói :"Để mặc cho ba bốn người có nhiệt tâm lật đổ hoàng đế rồi, tự lên làm hoàng đế cho thỏa thích". Nhưng lúc đó, phỉ liền được xưng là đế, trừ bọn di lão ra, văn nhân học giả đều đến nịnh hót, và ai phản đối thì lại gọi là "phỉ".

Cho nên, trong cái quốc hồn của Trung Quốc đại khái có hai thứ hồn : quan hồn và phỉ hồn. Như thế cũng không phải là cứ đem theo hồn của chúng ta mà ấn vào quốc hồn, mong được cùng hàng ngũ với hồn các vị giáo sư danh lưu, chỉ là vì sự thực phảng phất như thế. Các hạng người trong xã hội đều thích xem tuồng *Song quan cáo*[4], cũng thích xem tuồng *Tứ Kiệt*

---

(1) Đời Thanh, thi cử thường dùng thể văn bát cổ, cho nên hay dùng những từ như : *"thả phù"* (vả lại), *"nhiên tắc"* (thế nhưng).

(2) *"Học côn"*: côn đồ trong học giới.

(3) *Nguyên Tăng* : một sinh viên ban Pháp văn trường Đại học Bắc Kinh. Những câu trích dẫn trên là lấy trong lời giới thiệu bài dịch *Chủ nghĩa đế quốc và giai cấp công nhân ở các nước đế quốc* của ông đăng báo hồi đó.

(4) Nội dung *Song quan cáo* như sau : có một người đi buôn bán xa. Tin đồn về nhà rằng anh ta chết rồi, nhưng người vợ lẽ thứ hai vẫn thủ tiết nuôi con. Về sau, anh ta làm quan to trở về, con cũng thi đỗ vinh quy.

thôn[1], muốn thành công như Lưu Huyền Đức[2] khi rút lui vào đất Ba Thục, mà cũng muốn đánh phá như Tống Công Minh[3], ít ra, lúc chịu ơn huệ của quan thì tấm tắc khen quan, khi bị quan bóc lột thì đồng tình với phỉ. Nhưng đó cũng là nhân tình thường như vậy. Nếu đến chút lòng phản kháng đó mà cũng không có nữa, thì chẳng phải là đã thành kẻ nô lệ vạn kiếp không ngóc đầu dậy được hay sao ?

Nhưng quốc tình thì lại khác, quốc hồn cũng khác. Còn nhớ khi lưu học ở Nhật, có mấy người bạn hỏi tôi, ở Trung Quốc buôn cái gì phát tài nhất ? Tôi trả lời :" làm giặc". Bọn họ lấy làm ngạc nhiên lắm. Trong một nước đời đời giống nhau, hồi đó nghe nói hoàng đế có thể đá một cái là bay, thì cũng như chúng ta nghe nói có thể cho cha mẹ một gậy chết tươi. Ý đó chắc ông Lý Cảnh Lâm[4] là người được một số nữ sĩ khâm phục, biết rõ lắm, nếu tin đăng trên báo không phải là hư truyền. *Tờ Kinh báo* hôm nay có đăng lời ông ta nói với một ông quan ngoại giao nọ rằng : "Tôi dự tính khoảng tháng Giêng âm lịch thì có thể cùng Ngài nói chuyện ở Thiên Tân được. Nếu đánh Thiên Tân mà thất bại, thì chờ đến tháng Ba hay tháng Tư sẽ trở lại. Nếu thất bại nữa thì tạm theo thổ phỉ, dần dần chiêu mộ binh lính, để đợi thời cơ v.v... Nhưng hy vọng của ông ta cũng không phải là lên làm hoàng đế, như thế có lẽ vì nay là Trung Hoa Dân Quốc rồi chăng ?

Cái gọi là học giới là một giai cấp mới hình thành gần đây thôi, đáng lý có thể có hy vọng đem cái hồn cũ ra mà rửa đi cho sạch, nhưng nghe những lời quan cách của các vị "học quan" và cái tên mới "học phỉ", thì tựa hồ như vẫn đi theo con đường cũ. Như thế thì tất nhiên cũng phải đá đảo. Và đến đả đảo sẽ là dân hồn tức là hồn thứ ba trong quốc hồn. Trước kia không được phát huy, cho nên vùng dậy rồi, vẫn không cướp lấy chính quyền, mà chỉ "để mặc cho ba bốn người có nhiệt tâm lật đổ hoàng đế rồi tự lên làm hoàng đế cho thỏa thích".

Duy chỉ có dân hồn là đáng quý, duy chỉ có phát huy nó lên thì Trung Quốc mới tiến bộ thật sự được. Thế nhưng, bây giờ, cả học giới mà lại cũng

---

(1) Nội dung *Tứ Kiệt thôn* như sau : có một người bị quan huyện vu cho là cướp, bắt giải Kinh. Giữa đường lại gặp tên ác bá làng Tứ Kiệt bắt, định giết. Có mấy tên lục lâm hảo hán cứu thoát, rồi đốt sạch làng Tứ Kiệt.

(2) *Lưu Huyền Đức* : tức Lưu Bị, đời Tam Quốc.

(3) *Tống Công Minh* : tức Tống Giang, lãnh tụ một cuộc nông dân khởi nghĩa cuối Bắc Tống, nhân vật trong *Thủy hử*.

(4) *Lý Cảnh Lâm* : một tên quân phiệt, bị Phùng Ngọc Tường đánh bật khỏi Thiên Tân. Y chạy sang tô giới, thu thập tàn quân, định đánh lấy lại Thiên Tân. Y nói câu đó vào lúc này.

đi theo con đường cũ, thì làm thế nào có thể phát huy nó một cách dễ dàng được ? Trong lúc tối tăm mịt mù này, có người quan gọi là "phỉ" ; có người dân gọi là "phỉ", có người quan gọi là "dân", có người dân gọi là "dân". Những người quan gọi là "phỉ" kỳ thực là những quốc dân chân chính, những người quan gọi là "dân" kỳ thực chỉ là bọn nha dịch, bọn vô biền. Cho nên có lúc mặt mũi giống "dân hồn", nhưng vẫn là "quan hồn", cái đó người phân biệt các linh hồn cần phải hết sức chú ý.

Nói đã hơi xa, xin trở lại với đầu đề. Năm ngoái, từ khi Chương Sĩ Chiêu đưa ra cái chiêu bài "chỉnh đốn học phong" rồi được nhậm chức Tổng trưởng giáo dục, thì trong học giới đầy tràn không khí quan, ai theo là "thông", ai không theo là "phỉ". Cái kiểu nói giọng quan, làm điệu quan sót lại đến nay vẫn chưa hết. Nhưng học giới lại cũng may nhờ đó mà nhận rõ được ai trắng ai đen. Chỉ có điều người đại biểu cho quan hồn không còn là Chương Sĩ Chiêu nữa, nhưng vì bên trên còn có "ông ăn mất ngon"[1] chấp chính, nên nhiều nhất y chỉ là vía của quan ; bây giờ y còn ở Thiên Tân "dần dần chiêu mộ binh lính để đợi thời cơ". Tôi không xem tờ *Giáp Dần*, nên không biết y nói giọng gì : giọng quan hay giọng phỉ, hay giọng dân, hay giọng nha dịch, vô biền ? ...

Ngày 24 tháng 1 năm 1926

(Tập ***Hoa cái tiếp theo***)

(1) Chỉ Đoàn Kỳ Thụy. Năm 1925, học sinh Bắc Kinh đòi chính phủ Đoàn Kỳ Thụy phải cách chức Chương Sĩ Chiêu. Chương Sĩ Chiêu phải xin từ chức. Trong đơn, y có viết : "... Chiêu mắc sai lầm, làm cho quần chúng nổi lên phản đối. Họa phúc an nguy của một người không đáng kể, vạn nhất mà làm cho Ngài vì chuyện đó lo lắng ăn mất ngon, thời cục không yên, thì Chiêu này dù có trăm thân cũng không chuộc được tội".

50. VĂN HỌC THỜI CÁCH MẠNG*

Bài nói chuyện tại Trường sĩ quan Hoàng Phố ngày 8–4–1927

Câu chuyện tôi định nói hôm nay sẽ lấy đầu đề "Văn học thời cách mạng". Trường này mời tôi mấy lần, tôi đều thoái thác không đến. Vì sao vậy ? Vì tôi nghĩ rằng, sở dĩ các bạn mời tôi, có lẽ vì tôi có viết mấy thiên tiểu thuyết, vì tôi là một nhà văn, muốn nghe tôi nói về văn học. Thực ra, tôi không phải là nhà văn, cũng không biết gì về văn học. Lúc đầu tôi học là học khai mỏ, bảo tôi nói chuyện đào than đá, có lẽ hay hơn nói chuyện văn học. Tất nhiên, vì thích riêng, sách văn học tôi thường cũng có xem, có điều không có gì lĩnh hội sâu sắc, nói ra bổ ích cho các bạn. Lại thêm mấy năm nay, do kinh nghiệm bản thân thu lượm được khi ở Bắc Kinh, tôi dần dần hoài nghi tất cả những lời bàn về văn học của người trước mà tôi được biết. Ấy là lúc người ta bắn giết học sinh[1], văn chương cũng cấm đoán nghiêm ngặt ; tôi nghĩ : văn học, văn học thật không được tích sự gì hết, chỉ người không có thực lực mới nói mà thôi. Người có thực lực, họ không nói, mà cứ giết, còn người bị áp bức nói mấy câu, viết mấy chữ thì đều có thể bị giết. Dù may không bị giết, nhưng cứ hàng ngày gào thét, kêu khổ, tố bất bình, mà người có thực lực vẫn cứ áp bức, ngược đãi, giết hại, không có cách nào đối phó với chúng cả, thì cái văn học đó có ích gì cho người ta ?

Trong giới tự nhiên cũng thế. Diều hâu bắt sẻ, thì diều hâu làm thinh mà sẻ kêu chít chít. Mèo bắt chuột thì mèo làm thinh, mà chuột kêu chí chí ;

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Nội san* của Trường sĩ quan Hoàng Phố. Trường Hoàng Phố là một trường sĩ quan lục quân do Tôn Trung Sơn sáng lập, sau khi cải tổ Quốc dân đảng ở Hoàng Phố, Quảng Châu. Trường mở tháng 6 năm 1926. Trước khi Tưởng Giới Thạch trở mặt, phản lại cách mạng (12–4–1927), thì trường do Đảng cộng sản và Quốc dân đảng hợp tác quản lý, có nhiều đảng viên cộng sản giữ những nhiệm vụ lãnh đạo quan trọng trong trường.

(1) Chỉ việc Đoàn Kỳ Thụy giết hại học sinh năm 1926.

kết quả vẫn là con chỉ có thể mở miệng kêu bị con không mở miệng kêu ăn thịt. Nhà văn viết được ít bài văn hay cũng có thể được tán tụng một thời, hay là được tiếng suông ít năm, – giống như, sau lễ truy điệu một liệt sĩ, người ta không nhắc đến việc làm của liệt sĩ, mà lại truyền tụng câu đối nào hay. Quả thật là một sự buôn bán rất hời[1].

Nhưng có lẽ các nhà văn của đất cách mạng này[2] thích nói rằng văn học với cách mạng có quan hệ lớn lắm, thí dụ có thể dùng văn học để tuyên truyền, cổ động, khích lệ, thúc đẩy cách mạng và hoàn thành cách mạng. Có điều, tôi nghĩ : thứ văn chương đó thì không có hiệu lực, bởi vì những tác phẩm văn nghệ hay, xưa nay phần lớn là không chịu mệnh lệnh của người khác, bất chấp lợi hại, tự nhiên cứ trong lòng bộc lộ ra. Nếu làm văn, theo một đầu đề ra trước, thì văn đó có khác gì văn bát cổ, chẳng có giá trị gì về văn học, nói gì đến việc có thể cảm động được lòng người hay không. Vì sự nghiệp cách mạng, phải có những "người cách mạng" còn "văn học cách mạng" thì chưa cần vội ; văn học người cách mạng làm ra mới là văn học cách mạng. Cho nên, tôi nghĩ : trái lại cách mạng có quan hệ với văn học. Văn học thời cách mạng với văn học thời bình không giống nhau. Cách mạng đến là văn học đổi màu sắc ngay. Nhưng cách mạng lớn thì mới thay đổi được màu sắc văn học, còn cách mạng nhỏ thì không, bởi vì không thể kể là cách mạng được, cho nên không thay đổi được màu sắc văn học. Ở đất này, nghe nói "cách mạng" quen rồi, chứ ở Giang Tô, Chiết Giang, nói đến hai tiếng "cách mạng", người nghe sợ lắm, người nói cũng rất nguy hiểm. Thật ra, "cách mạng" không phải là cái gì lạ, phải có nó thì xã hội mới cải cách, nhân loại mới tiến bộ được ; từ nguyên trùng có thể tiến thành con người, từ dã man có thể tiến đến văn minh, là vì không có giờ phút nào không cách mạng. Nhà sinh vật học bảo cho chúng ta biết rằng :"Loài người và loài khỉ không khác gì nhau lắm, người với khỉ là anh em họ". Nhưng vì sao loài người thành người, mà loài khỉ vẫn cứ là khỉ ? Ấy là vì khỉ không chịu biến hóa – cứ thích đi bốn chân. Có lẽ đã từng có con đứng dậy, thử đi bằng hai chân, nhưng bao nhiêu con khác lại nói : "Tổ tiên chúng ta xưa nay chỉ đi bốn chân, không cho mày đứng dậy !", rồi cắn chết. Chẳng những chúng nó không chịu đứng dậy, mà lại còn không chịu nói, bởi vì chúng nó bảo thủ. Loài người thì khác, cuối cùng họ đứng dậy, nói, kết quả họ thắng.

---

(1) Người làm câu đối điếu nhờ có liệt sĩ hy sinh tính mạng mới nổi tiếng được, cho nên cũng chẳng khác gì một việc buôn bán không chút nguy hiểm.

(2) Lúc này trung tâm hoạt động chính trị dời về Quảng Châu. Đảng cộng sản và Quốc dân đảng đang hợp tác với nhau để mở cuộc Bắc phạt chống quân phiệt Bắc Dương.

Hiện nay cũng vẫn chưa thôi. Cho nên cách mạng không phải là cái gì lạ cả, phàm những dân tộc đến nay chưa bị diệt vong thì hàng ngày vẫn ra sức làm cách mạng, mặc dù thường thường chỉ là cách mạng nhỏ.

Cách mạng lớn đối với văn học có ảnh hưởng như thế nào ? Có thể chia ra làm ba thời kỳ mà xét.

1. Trước khi cách mạng lớn, tất cả văn học, đại để đối với mọi trạng thái xã hội, cảm thấy bất bình, cảm thấy đau khổ thì kêu khổ, tỏ bất bình. Trong văn học thế giới, thứ văn học đó không phải là ít. Có điều thứ văn học kêu khổ, tỏ bất bình, chẳng ảnh hưởng gì đến cách mạng cả, bởi vì kêu khổ, tỏ bất bình mà không có thực lực, thì kẻ áp bức anh vẫn không đếm xỉa đến. Chuột kêu chí chí, dù kêu thành được một thứ văn học rất hay, nhưng mèo ăn thịt nó, vẫn không khách khí gì cả. Cho nên khi chỉ có thứ văn học kêu khổ, tỏ bất bình, thì dân tộc ấy vẫn không có hy vọng, bởi vì chỉ kêu khổ, tỏ bất bình rồi thôi. Thí dụ người ta kiện cáo nhau, lúc bên thua làm đơn kêu oan là đối thủ biết ngay họ không đủ sức theo kiện nữa rồi, chuyện thế là xong. Cho nên thứ văn học kêu khổ, tỏ bất bình chẳng khác gì những lời kêu oan ; kẻ áp bức nghe thấy lại càng yên tâm. Có những dân tộc thấy kêu khổ không ích gì, nên không kêu nữa, họ trở thành những dân tộc trầm lặng, rồi suy vong dần dần. Ai Cập, Ả Rập, Ba Tư, Ấn Độ đều không có tăm hơi gì nữa. Còn như những dân tộc giàu tính phản kháng, có lực lượng tiềm tàng, thấy kêu khổ không ích gì, thì họ liền giác ngộ, tiếng đau thương biến thành tiếng gầm thét. Một khi văn học gầm thét xuất hiện, thì phản kháng sắp đến nơi rồi. Họ phẫn nộ lắm, cho nên thứ văn học gần thời đại bùng nổ cách mạng thường thường có giọng phẫn nộ. Nó đòi phản kháng, nó đòi phục thù. Lúc Cách mạng Liên Xô sắp bùng nổ, tức có thứ văn học ấy. Nhưng cũng có ngoại lệ, như Ba Lan[1], tuy có văn học phục thù từ lâu, nhưng nước đó được khôi phục là nhờ cuộc Đại chiến Âu châu.

2. Đến thời đại cách mạng lớn thì không có văn học, không có tiếng kêu nữa, bởi vì mọi người đều bị sóng cách mạng lôi cuốn ; từ kêu gào, chuyển sang hành động, ai nấy đều bận làm cách mạng, không có thì giờ nhàn rỗi để nói chuyện văn học. Lại nữa, lúc đó đời sống chật vật, ra sức kiếm miếng bánh mì ăn còn không được, bụng dạ nào mà nói chuyện văn học ? Những người bảo thủ, vì bị sóng cách mạng dập vùi, giận sôi gan, cũng không thể cho hát lại cái gọi là văn học của họ được nữa. Có người nói : "Lúc cùng

(1) Nửa đầu thế kỷ XIX, Ba Lan bị ba nước Nga, Áo, Phổ chia cắt.

khổ, người ta mới làm văn học". Thật ra vị tất đã như thế. Lúc cùng khổ, nhất định không có tác phẩm văn học. Hồi tôi ở Bắc Kinh, hễ túng thiếu là chạy đi vay tiền khắp nơi, không viết chữ nào, đến lúc lĩnh lương, mới ngồi lại làm văn. Lúc bận cũng nhất định không có tác phẩm văn học. Người đang có một cái gánh trên vai thì phải đặt gánh xuống, rồi mới làm văn được, người kéo xe cũng phải đặt xe xuống, rồi mới làm văn được. Thời cách mạng lớn, rất bận và lại rất túng thiếu, khối người này đấu tranh với khối người kia, trước tiên không thay đổi trạng thái xã hội hiện tại thì không được, còn thì giờ và bụng dạ nào mà làm văn. Cho nên văn học của thời đại cách mạng lớn đành phải tạm thời chìm lặng.

3. Cách mạng lớn thành công rồi, trạng thái xã hội đã hòa hoãn, đời sống mọi người đã dồi dào, lúc đó lại có văn học. Văn học lúc đó chia làm hai thứ : một thứ tán dương cách mạng, ca tụng cách mạng – hát mừng cách mạng, bởi vì nhà văn tiến bộ thấy xã hội thay đổi, xã hội tiến lên, xã hội cũ bị phá đi và xã hội mới đang kiến thiết, tất cả đều có ý nghĩa, thì một mặt họ vui mừng trước sự sụp đổ của chế độ cũ, một mặt họ hát mừng trước sự kiến thiết mới. Ngoài ra, có thứ văn học khóc than xã hội cũ diệt vong – đó là tiếng hát đưa ma – cũng là thứ văn học có thể có sau cách mạng. Có người cho rằng đó là "văn học phản cách mạng", tôi nghĩ cũng không cần phải khép cho nó một tội to như thế. Tuy đã làm cách mạng rồi, nhưng trong xã hội, hạng người cũ còn rất nhiều, quyết không thể một lúc biến thành con người mới được. Đầu óc họ chứa đầy tư tưởng cũ ; hoàn cảnh thay đổi, ảnh hưởng đến bản thân họ về mọi mặt, thế là họ nhớ lại cuộc đời sung sướng ngày trước, rồi luyến tiếc xã hội cũ, bỏ đi không đành, do đó mà họ nói ra những câu rất xưa, rất cũ, và làm ra thứ văn học như thế. Thứ văn học này toàn là một giọng bi ai, chứng tỏ rằng họ không được thoải mái trong lòng. Một mặt họ nhìn thấy sự kiến thiết mới thắng lợi, một mặt nhìn thấy chế độ cũ diệt vong, cho nên họ hát lên những lời đưa ma. Nhưng nhớ chuyện cũ, hát đưa ma là tỏ ra rằng đã cách mạng rồi, nếu như chưa cách mạng, thì những người cũ đang đắc thế, họ không hát đưa ma đâu !

Có điều, Trung Quốc chưa có hai thứ văn học đó – hát đưa ma chế độ cũ, hát mừng chế độ mới ; bởi vì cách mạng Trung Quốc chưa thành công. Bây giờ chính là lúc "giao thời", người ta đang bận làm cách mạng. Thế nhưng, thứ văn học cũ vẫn còn rất nhiều ; văn chương trên báo chí cơ hồ toàn là lối cũ. Tôi nghĩ, thế đủ thấy cách mạng Trung Quốc chưa làm cho xã hội thay đổi bao nhiêu, và cũng chưa có ảnh hưởng bao nhiêu đến những

con người bảo thủ, cho nên họ vẫn nhàn nhã, thảnh thơi. Văn học trên báo chí Quảng Đông đều cũ hết, văn học mới rất ít ; điều đó cũng có thể chứng minh rằng xã hội Quảng Đông chưa hề chịu ảnh hưởng cách mạng. Chưa có tiếng hát mừng cái mới, chưa có tiếng hát đưa ma cái cũ. Quảng Đông vẫn là Quảng Đông mười năm về trước. Chẳng những thế mà thôi, lại không có những lời kêu khổ, những tiếng nói bất bình ; chỉ thấy công đoàn tham gia đi biểu tình, nhưng đó là chính phủ cho phép, chứ không phải vì bị áp bức mà phản kháng, cũng chẳng qua là phụng chỉ mà làm cách mạng. Xã hội Trung Quốc chưa thay đổi, cho nên chưa có những lời buồn thương hoài cựu, cũng chưa có những bài tiến hành khúc mới toanh. Chỉ có ở Liên Xô là đã có hai thứ văn học ấy. Những nhà văn học cũ của họ chạy ra nước ngoài, văn chương họ làm ra phần lớn là những bài ai điếu ; Còn văn học mới thì đang ra sức vươn lên, tuy chưa có những tác phẩm vĩ đại, nhưng đã có nhiều tác phẩm mới rồi, họ đã qua thời kỳ gầm thét mà bước sang thời kỳ âu ca. Ca tụng kiến thiết, đó là ảnh hưởng sau khi cách mạng đã tiến hành, còn tình hình về sau nữa như thế nào, thì bây giờ chưa hết, nhưng suy luận ra, có lẽ là văn học bình dân chăng, bởi vì thế giới của bình dân là kết quả của cách mạng.

Tất nhiên, hiện nay Trung Quốc chưa có văn học bình dân, mà trên thế giới cũng chưa có văn học bình dân, tất cả mọi thứ văn học, nào ca, nào thơ, đại khái là để cho người thượng lưu xem ; họ ăn no rồi ngả lưng trên ghế xích đu, cầm mà đọc. Một bậc tài tử đi ra gặp một bậc giai nhân, hai người cầm nhau, có một tay không tài tử bỗng dưng xen vào quấy phá, bao nhiêu chuyện rắc rối xảy ra, nhưng rốt cuộc vẫn đoàn viên. Xem chuyện như thế, thú biết mấy ! Hoặc là kể chuyện người thượng lưu sống sung sướng, ý vị như thế nào, người hạ đẳng lố bịch như thế nào. Mấy năm trước, tạp chí *Tân thanh niên* có đăng mấy thiên tiểu thuyết tả những người tù sống ở những nơi giá lạnh ; có mấy vị giáo sư đại học xem rồi bực mình, bởi vì họ không thích xem chuyện những người hạ đẳng như thế. Nếu thơ tả anh phụ xe, thì đó là thơ hạ lưu ; nếu kịch nói đến sự phạm tội, thì đó là kịch hạ lưu. Trong tuồng hát của họ, chỉ có những vai tài tử và giai nhân, tài tử đậu trạng nguyên, giai nhân được phong nhất phẩm phu nhân, bản thân tài tử giai nhân rất vui thú, mà họ xem cũng rất vui thú, những người hạ đẳng chẳng biết làm thế nào được, cũng đành phải vui thú thay cho họ. Hiện bây giờ, có người lấy bình dân – công nhân, nông dân – làm đề tài viết tiểu thuyết, làm thơ ; chúng ta cũng gọi là văn học bình dân. Kỳ thực đó không

phải là văn học bình dân, bởi vì bình dân chưa mở miệng lên tiếng. Đó là người ngoài đứng cạnh nhìn bình dân sống, rồi giả thác lời lẽ của bình dân mà nói ra. Các nhà văn hiện nay, có kẻ tuy nghèo, nhưng cũng còn đầy đủ hơn công nhân, nông dân, như thế mới có tiền đi học, mới có thể làm văn được. Mới xem qua giống như là lời bình dân nói, kỳ thực không phải. Đó không phải là tiểu thuyết bình dân thật sự. Những bài sơn ca, ca dao bình dân hát, hiện nay cũng có người ghi chép lại, cho đó là tiếng nói của bình dân, bởi vì chính bình dân đã hát. Nhưng gián tiếp bình dân đã chịu ảnh hưởng rất nhiều của sách cũ ; đối với bọn thân sĩ trong làng có ba nghìn mẫu ruộng, họ hết sức kính phục. Thường thường họ lấy tư tưởng của thân sĩ làm tư tưởng của họ. Bọn thân sĩ quen ngâm thơ ngũ ngôn, thơ thất ngôn, do đó những bài sơn ca, ca dao bình dân hát phần lớn cũng là ngũ ngôn hoặc thất ngôn. Đó là nói về cách luật. Còn như cấu tứ, ngụ ý cũng cũ rích, không thể gọi là văn học bình dân chính cống được. Hiện nay, tiểu thuyết và thơ của Trung Quốc quả thực không sánh kịp nước ngoài, không biết làm thế nào được, thì cũng đành gọi là văn học thôi ; không thể nói đó là văn học thời cách mạng, càng không thể nói đó là văn học bình dân. Các nhà văn bây giờ đều là những người trí thức ; nếu công nhân, nông dân chưa giải phóng, thì tư tưởng của công nhân, nông dân vẫn là tư tưởng của người trí thức. Phải chờ đến khi công nhân, nông dân được giải phóng thực sự, lúc đó mới có văn học bình dân thật sự. Có một số người nói : "Trung Quốc có văn học bình dân rồi", thật ra không đúng.

Các bạn là những người chiến đấu thực tế, là những chiến sĩ cách mạng, tôi cho rằng hiện giờ các bạn chưa cần phải ham chuộng văn học là phải hơn. Đối với chiến tranh, học văn học không ích gì, giỏi lắm chẳng qua là làm được thơ chiến đấu, nếu làm được hay, những lúc nghỉ ngơi sau các cuộc chiến đấu, có thể đem ra xem, kể cũng thú. Nói cho đàng hoàng một chút, cũng giống như trồng liễu, đợi khi liễu lớn lên, bóng râm rũ xuống, người nông dân cày đến giữa trưa, có thể lại dưới cây liễu ngồi ăn cơm, nghỉ ngơi. Trong tình trạng xã hội Trung Quốc hiện nay chỉ có chiến tranh cách mạng thực sự. Một bài thơ không làm cho Tôn Truyền Phương sợ bỏ chạy, nhưng một phát súng thì đuổi được Tôn Truyền Phương đi[1]. Tất nhiên, cũng có người cho rằng, đối với cách mạng, văn học có một sức

(1) *Tôn Truyền Phương* : tên quân phiệt Bắc Dương, chiếm cứ các tỉnh Phúc Kiến, Chiết Giang, Giang Tô, An Huy, Giang Tây.

mạnh rất lớn, nhưng riêng tôi thì vẫn hoài nghi. Còn như văn học là một sản vật của sự thừa thãi, có thể chứng tỏ văn hóa của một dân tộc, thì cái đó có thật.

Con người ta đại khái không có ai bằng lòng việc trước mắt mình đang làm. Tôi xưa nay chỉ có thể viết được ít bài văn, chính mình cũng thấy chán. Mà các bạn là những người cầm súng thì các bạn lại thích nghe nói chuyện văn học. Tôi thì tất nhiên lại muốn nghe tiếng súng đại bác, hình như cảm thấy tiếng súng đại bác nghe hay hơn tiếng văn học nhiều. Tôi nói chỉ bấy nhiêu, cám ơn các bạn đã chịu khó nghe đến hết !

(Tập *Mà thôi*)

51. VĂN HỌC CÁCH MẠNG*

Năm nay ở phương Nam, nghe người ta nói "cách mạng", giống như năm ngoái ở phương Bắc, người ta nói "diệt đỏ", cũng rầm rộ như thế. Mà cái "cách mạng" đó lại còn xâm nhập cả vào giới văn nghệ nữa.

Gần đây, trên nhật báo Quảng Châu còn có một bài chỉ vẽ cho chúng ta, bảo chúng ta nên tôn bốn nhà văn cách mạng làm thầy : Đanundio, người Ý ; Hôpman, người Đức ; Ibanê, người Tây Ban Nha và Ngô Trĩ Huy, người Trung Quốc[1].

Hai vị theo chủ nghĩa đế quốc, một vị là tên phản bội của chính phủ nước đó, một vị là người đứng đầu cứu vớt ủng hộ Quốc dân đảng, đều nên tôn là thầy của văn học cách mạng ; thế là không ai hiểu văn học cách mạng đầu đuôi ra làm sao nữa, bởi vì đó quả là một nghề hết sức khó làm.

Thế là bất đắc dĩ, thế gian thường thường lầm văn học cách mạng là hai loại văn học này : một thứ là văn học được kiểm chỉ huy của một phe yểm hộ, chửi địch thủ của mình ; một thứ là văn học trên mặt giấy viết bao nhiêu là chữ "đánh, đánh", "giết, giết", hoặc "máu, máu".

Nếu như đó là "văn học cách mạng", thì làm một "nhà cách mạng" quả thật là thích thú mà lại an toàn nhất.

---

* Bài này đăng lần đầu trên báo nào, hiện chưa tra cứu ra.

(1) *G.D'Annuzio* (1863 – 1938) : nhà viết tiểu thuyết người Ý. Trong Đại chiến thế giới lần thứ nhất, y ủng hộ chiến tranh đế quốc, về sau thì ủng hộ Mussolini đem quân xâm lược Abyssinie. Đó là một phần tử phát xít trứ danh.

G.Hauptmann (1862 – 1946) : nhà sáng tác kịch người Đức. Trong Đại chiến thế giới lần thứ nhất, y ủng hộ chính sách võ lực của vua Guillaume II, rồi lại tập hợp một số trí thức người Đức biện hộ cho những hành động tàn bạo của quân đội Đức ở Bỉ.

V.B.Ibanez (1867 – 1928) : nhà viết tiểu thuyết người Tây Ban Nha. Y là lãnh tụ dân Cộng hòa Tây Ban Nha, phản đối Đảng nhà vua, bị Chính phủ Tây Ban Nha giam cầm.

Năm 1927, Ngô Trĩ Huy theo lệnh Tưởng Giới Thạch đề ra việc "thanh đảng" để ủng hộ Quốc dân đảng.

Nấp dưới kiếm chỉ huy mà chửi, ngồi trên ghế quan tòa mà chửi, viết trên báo của chính phủ mà chửi, quả là vĩ đại thay những bậc anh hùng muôn đời có một, cái hay là ở chỗ người bị chửi không dám mở miệng. Nhưng lại có người nói : không dám mở miệng, sao mà khiếp nhược thế ? Đối thủ không có cái dũng cảm "sát thân thành nhân", đó là tội thứ hai, như thế càng đủ chứng tỏ nhà văn cách mạng là anh hùng. Đáng tiếc là cái thứ văn học đó chẳng cách mạng đối với bọn cường bạo, mà là cách mạng đối với những người thất bại.

Người đời Đường sớm đã biết người nghèo thường thường thích làm thơ phú quý, dùng nhiều những chữ *"kim" "ngọc" "cẩm" "ỷ"*, tự cho là hào hoa, nhưng không biết như thế càng tỏ rõ là mình nghèo túng. Người quả thật biết tả cảnh phú quý có nói : *"Sinh ca quy viện lạc, Đăng hóa hạ lâu đài"*, không hề dùng đến những chữ kia[1]. "Đánh đánh", "giết giết" nghe thì quả là anh dũng ; nhưng chẳng qua chỉ là cái trống. Dù là trống đi nữa, nếu như phía trước không có quân địch, phía sau không có quân ta, thì cuối cùng chỉ là một cái trống mà thôi.

Tôi cho vấn đề căn bản là ở chỗ tác giả phải là một "người cách mạng". Nếu là người cách mạng, thì bất cứ viết chuyện gì, dùng tài liệu gì, đều là "văn học cách mạng cả". Từ suối chảy ra đều là nước, từ huyết quản chảy ra đều là máu. *"Phú đắc cách mạng, ngã ngôn bất vận"*[2] chỉ có thể lừa được những ông quan chấm thi mù.

Nhưng "người cách mạng" thì rất hiếm. Hồi Cách mạng tháng Mười Nga quả có nhiều nhà văn nguyện đem hết sức ra phục vụ cách mạng. Nhưng ngọn cuồng phong của thực tế cuối cùng đã xoay chuyển làm cho họ trở tay không được. Thí dụ rõ ràng nhất là việc nhà thơ Exênhin tự sát[3] ; lại còn có nhà viết tiểu thuyết Sôbôli[4], lời cuối cùng của ông ta là : "Không thể sống được nữa".

---

(1) Đó là hai câu thơ trong bài *Yến tàn* (tan tiệc) của Bạch Cư Dị, nghĩa là "Tiếng sênh, tiếng ca về nhà cũ, đèn đuốc đi xuống lầu".

(2) Ngày trước khi ra đề nếu lấy trọn một câu thơ cổ thì trên viết hai chữ *"Phú đắc"* để làm đề. Đời Thanh lại quy định mỗi bài thơ là năm chữ, tám vần, tức là mỗi câu năm chữ, cả thảy mười sáu câu, cứ hai câu một vần. Lỗ Tấn muốn nói đó là thứ văn chương bát cổ, văn chương thi cử, chứ không phải là văn chương cách mạng thật sự.

(3) *Exênhin* (1895 - 1925) : nhà thơ Liên Xô. Hồi Cách mạng tháng Mười, ông hết sức nhiệt tình với cách mạng, nhưng vì không tham gia đi sâu vào cuộc đời mới và nhân dân, nên cuối cùng bi quan, năm 1925 thì tự sát.

(4) *A.Soboli* (1888 - 1926) : nhà viết tiểu thuyết Liên Xô, sau Cách mạng tháng Mười, ông tuy rất gần cách mạng, nhưng vì không khắc phục được chủ nghĩa cá nhân nên đã tự sát năm 1926.

Trong thời đại cách mạng mà có dũng khí kêu to "không thể sống được nữa", mới có thể làm văn học cách mạng được.

Exênhin và Sôbôli cuối cùng không phải là nhà văn cách mạng. Vì sao vậy ? Bởi vì nước Nga quả thật đang làm cách mạng. Cái đất mà các nhà văn học cách mạng tụ tập nhiều như gió như mây kỳ thực không có cách mạng.

1927

(Tập ***Mà thôi***)

52. RUTXÔ VÀ KHẨU VỊ*

Rutxô[1], tác giả cuốn *Bàn về dân ước*, khi chưa chết, đã bị mọi người trách mắng và bức hại, cho đến nay, những lời trách mắng vẫn còn chưa dứt. Ngay ở nước Trung Hoa Dân Quốc là nước không có quan hệ gì với "dân ước" cả, mà cũng không tránh khỏi cái trò đó.

Thí dụ, trong bài tựa bản dịch tiếng Trung văn cuốn *Êmin*[2] do Thương vụ ấn thư quán xuất bản, có nói :

"... Chương năm cuốn sách này, tức là chương bàn về cách giáo dục phụ nữ, trong đó chủ trương của ông ta không những triệt để mà lại không thừa nhận nhân cách của người phụ nữ, rất mâu thuẫn với lòng tôn trọng con người nói ở chương trước... Cho nên, ngày nay xem, có thấy chủ trương chính đáng của ông ta đối với con người chỉ được xây dựng có một nửa mà thôi...".

Nhưng ý kiến của giáo sư Lương Thực Thu[3] đăng trên tờ *Phúc Đán tuần san* số ra mắt, do Trường Đại học Phúc Đán xuất bản, thì lại "hơi khác một chút". Kỳ thực há phải chỉ "hơi" thôi đâu, mà là "Rutxô bàn về giáo dục không có điểm nào đúng cả, chỉ có chỗ bàn về cách giáo dục phụ nữ là tinh vi xác đáng". Bởi vì nó "căn cứ vào sự khác biệt giữa tính chất và thể cách của nam giới và nữ giới". Nhưng kết quả nghiên cứu sinh vật học

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Ngữ ti*, ngày 7 tháng 1 năm 1928.

(1) *J.J. Rousseau* (1712 – 1778) : nhà văn và nhà triết học người Pháp. Học thuyết bình đẳng nhân quyền của ông có một ảnh hưởng rất lớn trong giới tư tưởng nước Pháp đương thời. Cuốn *Bàn về dân ước* (Du contrat social) của ông xuất bản năm 1762 ; vì cuốn sách đó mà ông bị bọn quý tộc và bọn giáo sĩ bức hại phải bỏ Pháp sang ở Thụy Sĩ và Anh.

(2) *Emile* : cuốn tiểu thuyết giáo dục của Rousseau xuất bản năm 1762. Sau khi xuất bản bị bọn giáo sĩ đưa ra tiêu hủy.

(3) *Lương Thực Thu* : nhà văn phản động đương thời, một phần tử trong phái *Tân nguyệt*, từng du học ở Mỹ về.

và tâm lý học hiện đại lại chứng minh rằng trong thiên hạ không có hai con người nào không có điểm khác nhau. Người như thế nào thì phải thi hành cách giáo dục như thế nào. Cho nên ông Lương Thực Thu nói :

"*Tôi cảm thấy căn bản nên xóa vĩnh viễn chữ "người" khỏi các cuốn tự điển đi, hoặc chính phủ ra lệnh cấm dùng hẳn đi. Bởi vì ý nghĩa chữ "người" mơ hồ quá. Người thông minh tột bực, chúng ta gọi là người, người ngu như bò, cũng vẫn gọi là người, con gái liễu yếu đào tơ, gọi là người, con trai thô lỗ, to lớn cũng gọi là người. Trong loài người có thượng vàng hạ cám, không ai không phải là người. Tư tưởng đêmôcoraxi*[1] *hiện đại, quan niệm bình đẳng đều bắt nguồn từ chỗ không thừa nhận sự khác biệt giữa loài người. Hiện nay phong trào gọi là nam nữ bình đẳng bắt nguồn từ chỗ không thừa nhận sự khác biệt giữa nam và nữ. Nhân cách là một danh từ trừu tượng, là sự tổng hợp các đặc điểm về thân thể và tâm lý của một con người về mọi phương diện. Thân thể và tâm lý của con người về mọi phương diện đã khác nhau thì nhân cách cũng khác nhau. Gọi là xóa bỏ nhân cách tức là không thừa nhận nhân cách đặc biệt của con người. Rutxô thừa nhận phụ nữ có nhân cách của người phụ nữ, cho nên ông ta chính là tôn trọng nhân cách của người phụ nữ. Không đếm xỉa đến đặc tính riêng biệt của người phụ nữ mới là xóa bỏ nhân cách của người phụ nữ*".

Thế là nhất định phải đi đến kết luận như thế này :

"*... Một nền giáo dục phụ nữ chính đáng phải làm cho người phụ nữ trở thành một người phụ nữ hoàn toàn*".

Thế thì, cái gọi là nền giáo dục chính đáng cũng phải nên làm cho những người thiếu nữ "liễu yếu đào tơ" trở thành "liễu yếu đào tơ" hoàn toàn, những người "ngu như bò" trở thành những người "ngu như bò" hoàn toàn, như thế mới tránh khỏi xóa bỏ nhân cách mọi người – khi chữ này chưa vĩnh viễn xóa bỏ trong các cuốn tự điển và chính phủ chưa ra lệnh cấm dùng hẳn đi thì tạm thời cứ dùng. Chủ trương của Rutxô trong bốn chương đầu cuốn *Êmin* không phải như thế, cái câu "không có điểm nào đúng", như thế là có thể cho rằng không có gì đáng nghi ngờ nữa.

Nhưng gọi là "không có điểm nào đúng" cũng chỉ là đối với "người thông minh tột bực" mà thôi, còn đối với người "ngu như bò" thì đó là một cách giáo dục "chính đáng". Bởi vì xem những lời bàn luận đó, có thể làm cho

---

(1) *Democracy* : tiếng Anh, nghĩa là *dân chủ*.

anh ta càng gần như hoàn toàn "ngu như bò". Như thế cũng là tôn trọng nhân cách anh ta.

Nhưng thứ nghị luận này vẫn không thể cho là xong được. Tại sao ? Một là, bởi vì dù biết nói "không bình đẳng tự nhiên", nhưng không dễ dàng thấy rõ được sự phân biệt giữa "tự nhiên" thật với cái giống như tự nhiên do con người làm mà tích dồn lại. Hai là, bởi vì phàm học thuyết, thì thường thường "hợp với khẩu vị của ta thì ta dung nạp và do đó mà ca tụng".

Ở cái đất Thượng Hải này, hai năm trước đây, người ta bàn tán rất nhiều về Acnôn[1], năm nay người ta lại bán tán rất nhiều về Babit[2], e cũng là vì khẩu vị chăng ?

Rất nhiều vấn đề đại để là phát sinh từ chỗ "khẩu vị", sự khác nhau về khẩu vị, cũng giống như chữ "người", kỳ thực hai chữ ấy cũng nên đệ trình chính phủ "hạ lệnh cấm dùng hẳn" đi. Tôi tạm sao ra đây một đoạn văn của Upton Xincole[3], cũng là người Mỹ, để tôn trọng một thứ nhân cách khác:

"Bất cứ nhà phê bình nào về Rutxô trước hết cũng đều phải giải quyết vấn đề duy nhất này đã. Tại sao anh với ông ta lại tránh cãi nhau ? Muốn mở đường đi đến cái mục đích của ông ta là tự do, bình đẳng, hòa hiệp phải không ? Hay là vì sự trào lưu về tư tưởng mới, tình cảm mới mà ông Rutxô mở ra trên thế giới ? Làm cho người ta hoàn toàn hoài nghi phong trào cá nhân chủ nghĩa về sự công lao của kẻ làm cha mà ông ta chủ trương, dắt chúng ta trở về thời đại cổ cho rằng con gái thì phải phục tùng cha mẹ, nô lệ thì phải phục tùng người chủ, vợ thì phải phục tùng chồng, thần dân phải phục tùng Giáo hoàng và Hoàng đế, sinh viên thì phải khâm phục không chút nghi ngờ những lời của giáo sư, đó là mục đích của anh phải không ?

"Bà Acni nói : Câu cuối cùng hình như là một mũi tên nhằm vào giáo sư Babit".

---

(1) *Arnold* (1822 - 1888) : nhà phê bình nghệ thuật cổ điển người Anh. Lương Thực Thu thường nhắc đến ý kiến của ông ta trong văn chương của y.

(2) *J. Babbitt* (1865 - 1933) : nhà phê bình văn nghệ người Mỹ, giáo sư đại học. Trong những bài phê bình của ông ta, ông ta thường đề xướng chủ nghĩa nhân văn mới và trong cuốn *Rutxô và chủ nghĩa lãng mạn*, ông ta hết sức công kích Rutxô - người đề xướng tự do bình đẳng. Lương Thực Thu nói rằng "Rutxô không có điểm nào đúng" là dựa vào ý kiến của ông ta.

(3) *Upton Sinclair* : nhà viết tiểu thuyết người Mỹ. Cuốn *Mammonart* là một cuốn sách dùng quan điểm kinh tế để giải thích nghệ thuật các thời đại trên lịch sử.

"Chồng bà ta nói : Lạ thật ! người ấy mà cũng có họ ấy ! Nhất định là do Thượng đế quyết định rồi".

Không rõ có sai với nguyên ý hay không, bởi vì tôi dịch lại theo bản dịch tiếng Nhật. Sách tên là *Mammonart*, do tác giả tự xuất bản ở Passadena, California; những người khẩu vị giống như thế thử tìm mà xem. *Mammon* là thần tài trong thần thoại Hy Lạp, *art* thì ai cũng biết là nghệ thuật, có thể dịch là "nghệ thuật thần tài". Người Nhật dịch là "nghệ thuật thờ đồng tiền", cũng được. Bởi vì chữ này do tác giả đặt ra, chính phủ chưa có lệnh cấm dùng, tự điển đại khái cũng chưa đưa vào, cho nên ở đây tạm giải thích một chút.

Ngày 21 tháng 12 năm 1927

(Tập ***Mà thôi***)

53. VĂN HỌC VÀ MỒ HÔI*

Một vị giáo sư đại học ở Thượng Hải[1] nói chuyện văn học với người ta, cho rằng văn học phải tả cái nhân tính vĩnh viễn không thay đổi, nếu không sẽ không trường cửu được. Thí dụ Sêcxpia ở Anh và một hai người khác, họ tả cái nhân tính vĩnh viễn không thay đổi, cho nên đến nay còn lưu truyền. Còn thì không như thế, nên đều bị tiêu diệt.

Cái đó thật đúng như người ta nói : "Anh không nói, tôi còn hơi rõ, anh càng nói, tôi càng mơ hồ". Nước Anh có khá nhiều văn chương trước kia không lưu truyền, tôi nghĩ, cái đó có thể có, nhưng tôi không hề nghĩ rằng văn chương đó bị tiêu diệt là vì không tả nhân tính vĩnh viễn, không thay đổi. Bây giờ biết như thế rồi, nhưng lại càng không hiểu vì sao, nó bị tiêu diệt rồi, thì vị giáo sư đại học thời nay còn có thể đọc ở đâu được, mà cứ đoán định rằng cái thứ văn chương đó tả lại không phải là nhân tính vĩnh viễn, không thay đổi.

Được lưu truyền, là văn học hay, bị tiêu diệt, là văn học dở ; cướp được thiên hạ, là vua, không cướp được thiên hạ, là giặc. Chẳng lẽ lý luận về lịch sử kiểu Trung Quốc cũng tương thông với lý luận về văn học của người Trung Quốc hay sao ?

Vả lại, nhân tính là vĩnh viễn, không thay đổi hay sao ?

Vượn người, người vượn, người nguyên thủy, người thời thượng cổ, người thời nay, người mai sau..., nếu quả thực sinh vật có thể tiến hóa, thì nhân tính không thể vĩnh viễn, không thay đổi. Không nói người vượn, ngay tính khí người nguyên thủy, chúng ta có lẽ cũng khó lòng đoán được, và tính khí của chúng ta, e người mai sau cũng vị tất đã biết rõ. Nếu muốn tả nhân tính vĩnh viễn, không thay đổi, quả khó thật !

---

* Bài này đăng lần đầu trên báo *Ngữ ti*, ngày 14 tháng 1 năm 1928.

(1) Chỉ Lương Thực Thu. Nhân tính luận nói trên là tư tưởng căn bản mà y đã trình bày trong nhiều bài phê bình văn học từ năm 1927.

Thí dụ như chuyện ra mồ hôi, tôi nghĩ, tựa hồ xưa kia cũng đã có, mà nay cũng có, tương lai nhất định tạm thời cũng còn có thể cho là gần như "nhân tính vĩnh viễn, không thay đổi". Nhưng mồ hôi cô tiểu thư "liễu yếu đào tơ" là mồ hôi thơm, mồ hôi của người công nhân "ngu như bò" là mồ hôi thối. Không biết nếu muốn làm thứ văn chương sống mãi với đời, nếu muốn trở thành một nhà văn sống mãi với đời, thì nên tả mồ hôi thơm hay là mồ hôi thối đây ? Vấn đề đó, nếu không được giải quyết trước, thì vị trí trong lịch sử văn học tương lai, quả thực là "cấp cấp hồ đãi tai"[1].

Nghe nói, như nước Anh, tiểu thuyết lúc đầu đại để là viết cho các bà lớn, các cô tiểu thư xem, trong đó tự nhiên phần lớn là mồ hôi thơm ; đến nửa sau thế kỷ XIX, chịu ảnh hưởng của văn học Nga, cho nên cũng có ít nhiều mùi mồ hôi thối. Số mệnh của thứ văn chương đó, hiện nay tựa hồ cũng còn vào loại chưa biết được thế nào.

Ở Trung Quốc, cứ nghe các vị đạo sĩ bàn về đạo, nghe các nhà phê bình bàn về văn chương, cũng đủ làm cho các lỗ chân lông của người ta phải co rúm lại, mồ hôi không dám chảy ra nữa. Nhưng đó có lẽ lại là nhân tính vĩnh viễn không thay đổi của người Trung Quốc chăng ?

(Tập *Mà thôi*)

---

(1) Câu này lấy ở sách *Mạnh Tử*, chương *Vạn chương* : *"Thiên hạ đãi tai cấp cấp hồ"* nghĩa là : nguy hiểm, không yên ổn.

54. VĂN NGHỆ VÀ CÁCH MẠNG*

Những người thích duy trì văn nghệ, mỗi khi đến những địa phương cách mạng, hay nói: "Văn nghệ là tiên phong của cách mạng".

Tôi thấy cái đó rất khả nghi. Hoặc giả ở các nước ngoài như thế chăng, còn Trung Quốc vốn có tình hình đặc biệt của nó, phải đặt ra ngoại lệ. Nay xin mạo muội trình bày ra đây cùng các đồng chí :

1. *Quân đội cách mạng*. Trước hết phải có quân đội rồi mới có thể cách mạng được, phàm những địa phương đã cách mạng rồi đều là những nơi quân đội đến trước : đó là tiên phong. Các quân quan to có lẽ đến chậm một chút, nhưng tất nhiên cũng là tiên phong, không cần phải nói nhiều.

(Trước đó, có khi e cũng có thanh niên bí mật vào tuyên truyền, công nhân đứng lên giúp đỡ ngầm, nhưng những người đó đại để đã chết rồi, hoặc không biết tra cứu vào đâu, nên gạt ra không bàn).

2. *Đại biểu nhân dân*. Hễ quân quan đến là có đại biểu nhân dân tập trung trước nhà ga hoan nghênh, tay cầm quốc kỳ, miệng hô khẩu hiệu. "không khí cách mạng vô cùng nồng hậu". Đó là tiên phong thứ hai.

3. *Nhà văn học*. Thế rồi, nào là văn học cách mạng, văn học dân chúng, văn học đồng tình, văn học bay bổng đều xuất hiện, báo chí tên sáng chói rất vĩ đại cũng xuất hiện, chỉ đạo thanh niên : Đó là – rất đáng tiếc, nhưng cũng không hề gì – tiên phong thứ ba.

Các nước ngoài thì, trước khi quân đội cách mạng nổi lên, đã có Rutxô bị trục xuất ra khỏi nước ; Kôrôlenkô[1] bị đày ải đến tận cùng biên giới...

---

* Bài này đăng lần đầu trên báo *Ngữ ti*, ngày 28 tháng 1 năm 1927.

(1) *Korolenko* (1853 – 1921) : nhà văn nổi tiếng người Nga, vì tham gia phong trào cách mạng, nên năm 1880, bị bắt ngồi tù và đày sang Xibêri sáu năm.

Được rồi. Nếu cứ muốn lạc quan cũng được thôi. Bởi vì chúng ta thường nghe tin nhà văn học nọ sắp xuất dương, thấy tường thuật, quảng cáo đăng trên báo ; thấy thơ ; thấy văn. Tuy chưa lên đường, nhưng cũng đưa lại cho chúng ta cái dự cảm : "Tương lai học thành tài về nước sẽ ghê lắm !" – Hy vọng thì ai cũng muốn hy vọng cả.

0 giờ một phút năm giây ngày 24 tháng 12 năm 1927

(Tập ***Mà thôi***)

55. TRUNG QUỐC KHÔNG CÓ TIẾNG NÓI*

(Nói chuyện ở Hội Thanh niên Hương Cảng
ngày 16 tháng 2)

Tôi nói chuyện vô vị, chẳng có gì đáng nghe, lại giữa lúc trời mưa to, mà các bạn đến nghe đông đủ như thế này, thì trước hết tôi phải ân cần tỏ lời cảm ơn của tôi đối với các bạn.

Câu chuyện tôi nói hôm nay đầu đề là : "Trung Quốc không có tiếng nói".

Hiện nay, Chiết Giang, Thiểm Tây đều đánh nhau, nhân dân ở đó đang khóc hay cười, chúng ta không biết[1]. Hương Cảng tựa hồ thái bình lắm người Trung Quốc ở đây thoải mái hay không, kẻ khác cũng không biết.

Diễn đạt tư tưởng, cảm tình của mình cho mọi người biết thì phải dùng văn chương, nhưng dùng văn chương mà diễn đạt tình ý, thì bây giờ người Trung Quốc bình thường chưa có thể làm được. Cái đó cũng không thể trách chúng ta, bởi vì thứ văn tự ấy trước hết là một di sản đáng sợ mà tổ tiên lưu truyền lại. Người ta phí bao nhiêu năm vẫn khó mà sử dụng được. Vì khó, nên nhiều người không đếm xỉa đến nữa, thậm chí họ của mình cũng không biết viết Trương hay Chương, hoặc giả không biết viết gì cả, hoặc giả chỉ nói là : *Chang* mà thôi. Tuy nói được, nhưng chỉ có vài người nghe, người ở xa thì không biết, kết quả cũng bằng như không có tiếng nói. Lại vì khó, có một số người xem như của quý, như một trò chơi, *chỉ hồ, giả, dã*, chỉ có vài người hiểu, – kỳ thực không rõ có hiểu thật hay không, – còn đại đa số thì không hiểu, kết quả cũng bằng như không có tiếng nói.

---

* Bài này đăng lần đầu trên báo chí Hương Cảng. Sau đăng lại trên tờ *Trung ương nhật báo* ở Hán Khẩu, ngày 23 tháng 3 năm 1927.

(1) Chỉ các cuộc chiến tranh giữa Phùng Ngọc Tường và Ngô Bội Phu ở Thiểm Tây năm 1926, giữa Hạ Siêu và Tôn Truyền Phương ở Chiết Giang năm 1926 – 1927. Về những cuộc chiến tranh thời đó, báo chí không đăng tin tức, nên nhiều người không biết rõ chân tướng như thế nào.

Người văn minh và người dã man khác nhau, một trong những điểm khác là ở chỗ người văn minh có văn tự, có thể nhờ đó mà truyền tư tưởng, tình cảm cho đại chúng, cho tương lai. Trung Quốc tuy có văn tự, nhưng hiện nay thì đã không liên quan gì đến mọi người nữa rồi ; văn tự dùng đó là cổ văn khó hiểu, tư tưởng nói ra là những tư tưởng cổ xưa, mọi tiếng nói đều là tiếng nói của quá khứ, tức cũng bằng như không có. Cho nên, người ta không thể hiểu nhau, giống như một đống cát rời.

Xem văn chương như đồ cổ, lấy việc khiến người ta không thể nhận thức được, không thể hiểu được, cho là hay, có lẽ cũng là một việc thú vị đấy. Nhưng kết quả như thế nào ? Là chúng ta không có thể đem những điều chúng ta muốn nói mà nói ra. Lấy việc gần đây, như chiến tranh Trung – Nhật, "quyền phỉ", cách mạng Dân nguyên[1], những việc lớn như thế, mà cho đến nay chúng ta có một cuốn sách nào ra hồn không ? Từ Dân Quốc đến nay, chưa ai hề lên tiếng. Trái lại, ở nước ngoài, thường có người nói đến Trung Quốc, nhưng đó không phải là tiếng nói của chính người Trung Quốc, đó là tiếng nói của người khác.

Cái bệnh không thể nói được đó, ở triều Minh chưa đến nỗi trầm trọng như thế ; tương đối họ còn có thể nói được một vài điều muốn nói. Đến khi người Mãn Châu, là người dị tộc, sang xâm lược Trung Quốc, thì những người nói đến lịch sử, nhất là nói đến chuyện cuối Tống, đều bị giết hại, những người nói chuyện thời sự tất nhiên bị giết hại rồi[2]. Cho nên, vào khoảng đời Càn Long, nhân dân càng không ai dám dùng văn chương mà nói nữa. Những người gọi là kẻ sĩ đành phải ẩn náu mà đọc kinh truyện; hiệu đính cổ thư, làm văn chương theo thời cổ, không quan hệ mảy may đến đương thời. Có một vài ý mới cũng không được. Không học Hàn Dũ thì học Tô Thức[3]. Hàn Dũ và Tô Thức, họ dùng văn chương của họ để nói những điều đương thời cần phải nói, cái đó tất nhiên là được. Nhưng chúng ta không phải người đời Đường, đời Tống, sao lại làm thứ văn chương không quan hệ gì đến thời đại chúng ta ? Dù làm có giống chăng nữa, cũng là tiếng nói của đời Đường, đời Tống, tiếng nói của Hàn Dũ, Tô Thức, chứ không phải

---

(1) Chiến tranh Trung – Nhật xảy ra năm 1894. *Quyền phỉ* tức phong trào Nghĩa Hòa đoàn năm 1900, chống chủ nghĩa đế quốc. Cách mạng Dân nguyên (Dân Quốc nguyên niên) tức Cách mạng Tân Hợi (1911).

(2) Lỗ Tấn nhắc đến những vụ án văn chương (văn tự ngục) mà bọn thống trị đầu đời Thanh thi hành đối với người Hán. Vì viết sách nói đến chuyện người Hán phản đối ngoại tộc trong lịch sử mà nhiều nhà văn bị hạ ngục.

(3) *Hàn Dũ* (768 - 824) : nhà thơ và nhà văn đời Trung Đường. *Tô Thức* : tức Tô Đông Pha (1037 - 1101) : nhà thơ và nhà văn đời Tống.

tiếng nói hiện đại của chúng ta. Nhưng cho đến nay, người Trung Quốc vẫn cứ chơi cái trò cũ kỹ ấy. Người thì có đấy, nhưng không có tiếng nói, lặng lẽ quá ! Con người có thể không có tiếng nói ư ? Không có, thì có thể cho là chết rồi. Nếu nói khách khí một tí, tức là câm rồi.

Muốn khôi phục cái nước Trung Quốc không có tiếng nói đã bao đời nay, không phải là chuyện dễ, cũng giống như ra lệnh cho một người chết rồi mà nói : "Anh sống lại đi". Tôi tuy không hiểu tôn giáo, nhưng tôi cho rằng như thế cũng giống như muốn cái mà tôn giáo gọi là "phép lạ" xuất hiện.

Đầu tiên vào khoảng một năm trước "phong trào Ngũ Tứ", cuộc "cách mạng văn học"[1] mà ông Hồ Thích Chi đề xướng đã thử làm công việc đó. Hai chữ "cách mạng", ở đây không biết có sợ không, chứ có nhiều địa phương, nghe sợ lắm. Nhưng cái "cách mạng" đi liền với hai chữ văn học không có gì đáng sợ như cái "cách mạng" của cách mạng Pháp. Chẳng qua chỉ là cách tân ; thay một chữ là hòa bình ngay, chúng ta gọi là "cách tân văn học" vậy. Trong văn tự Trung Quốc, cái trò như thế rất nhiều. Cái đại ý của nó cũng chẳng có gì đáng sợ, chẳng qua nói : chúng ta bất tất phải phí tâm cơ, học nói lời của người chết thời cổ, cần phải nói lời của người sống thời nay ; không nên xem văn chương là đồ cổ, nên viết văn bằng bạch thoại dễ hiểu. Nhưng chỉ cách tân văn học không đủ, bởi vì tư tưởng hủ bại có thể viết bằng cổ văn, mà cũng có thể viết bằng bạch thoại. Cho nên về sau mới có người đề xướng cách tân tư tưởng. Kết quả của cách tân tư tưởng là phong trào cách tân xã hội nổi lên. Phong trào đó nổi lên, tự nhiên mặt khác, phản động cũng nổi lên, thế là gây thành chiến đấu...

Nhưng ở Trung Quốc, vừa mới đề xướng cách tân văn học, là đã có phản động rồi. Có điều, văn bạch thoại cứ dần dần thịnh hành, không bị trở ngại lắm. Tại sao như vậy ? Ấy là hồi đó lại có ông Tiền Huyền Đồng đề xướng bỏ chữ Hán, dùng chữ cái Latinh thay vào[2]. Đó chẳng qua là một thứ cách tân văn tự, rất bình thường, nhưng bị những người Trung Quốc không thích cải cách nghe thấy, mà thành ra to chuyện. Thế là họ bỏ cái cách mạng văn học tương đối hòa bình đấy, ra sức chửi Tiền Huyền Đồng. Bạch thoại nhân cơ hội đó tự nhiên bớt được rất nhiều kẻ thù, không gặp trở ngại, có thể lưu hành được.

---

(1) Lỗ Tấn nhắc đến bài *Bàn về cách mạng văn học kiến thiết* của Hồ Thích đăng trên tạp chí *Tân thanh niên*, tháng 4 năm 1918.

(2) *Tiền Huyền Đồng* (1887 – 1939) : nhà ngôn ngữ học trứ danh đã tham gia tích cực phong trào tân văn hóa Ngũ Tứ. Ông chủ trương dùng chữ cái Latinh thay chữ Hán. Bài của ông đăng ở tạp chí *Tân thanh niên*, số tháng 1 năm 1918.

Tính tình người Trung Quốc vốn thích điều hòa, chiết trung. Thí dụ, anh nói cái nhà này tối lắm, nên mở một cửa sổ ở đây, thì nhất định không ai chịu. Nhưng nếu anh chủ trương dỡ mái nhà đi, thì họ lại điều hòa, đồng ý mở cửa sổ. Không có một chủ trương kịch liệt hơn, thì ngay một cuộc cải cách hòa bình, họ cũng không chịu làm. Hồi đó văn bạch thoại được thông hành là vì có chủ trương bỏ chữ Trung Quốc mà dùng chữ cái Latinh.

Kỳ thực, cuộc thảo luận văn ngôn và bạch thoại hơn kém như thế nào, đáng lẽ phải chấm dứt từ lâu rồi, nhưng ở Trung Quốc, người ta vẫn không chịu giải quyết sớm sớm đi cho, mãi đến nay, vẫn có những lời bàn luận hết sức vô vị. Thí dụ, có người nói : cổ văn thì người các tỉnh đều có thể hiểu được, còn bạch thoại thì mỗi nơi mỗi khác, trái lại, không thể hiểu nhau được. Không biết rằng, cái đó chỉ cần giáo dục phổ cập và giao thông phát triển là xong. Lúc đó, mọi người đều có thể hiểu được văn bạch thoại vốn dễ hiểu hơn. Còn như cổ văn, dễ gì người các tỉnh đều hiểu, ngay trong một tỉnh, cũng không có mấy người hiểu. Có người nói : nếu dùng văn bạch thoại cả, người ta sẽ không thể xem sách cổ được nữa, văn hóa Trung Quốc sẽ diệt vong. Kỳ thực người bây giờ rất có thể không cần phải xem sách cổ. Nếu trong sách cổ quả thật có những điều hay, thì có thể dùng bạch thoại dịch ra, không cần phải lo sợ đến thế. Lại có người nói : nước ngoài còn dịch sách Trung Quốc, đủ thấy sách Trung Quốc hay, chúng ta lại không xem ư ? Đâu có biết rằng, sách cổ Ai Cập, người nước ngoài cũng dịch, thần thoại người da đen châu Phi, người nước ngoài cũng dịch, họ có dụng ý khác, dù dịch , cũng chẳng phải là việc gì vinh hạnh lắm.

Gần đây có luận điệu cho rằng cách tân tư tưởng mới quan trọng, còn cải cách văn tự là thứ yếu, cho nên chỉ bằng dùng thứ văn ngôn nông cạn mà viết những bài văn chứa đựng tư tưởng mới, như thế sẽ bớt đi được một tầng phản đối. Nói như thế tựa hồ cũng có lý. Nhưng chúng ta biết rằng, người mà ngay móng tay dài không chịu cắt, thì quyết không chịu cắt cái đuôi sam đi được.

Bởi vì chúng ta nói những lời thời cổ, nói những lời không ai hiểu, không ai nghe thấy, nên bây giờ đã thành ra như một cái đống cát rời, ai đau, ai ngứa, mặc kệ. Chúng ta muốn sống lại thì trước hết các bạn thanh niên phải đừng nói những lời của Khổng Tử, Mạnh Tử và Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên nữa. Thời đại đổi khác, tình hình cũng đổi khác, Hương Cảng thời đại Khổng Tử không như thế này, "bàn về Hương Cảng" mà muốn nói theo giọng của

Khổng Tử, thì không biết căn cứ vào đâu. *"Hu ta khoát tai Hương Căng da"*[1], chẳng qua chỉ là nói đùa.

Chúng ta phải nói tiếng nói hiện đại, tiếng nói của chúng ta ; dùng bạch thoại mà nói thẳng tư tưởng, tình cảm của chúng ta ra. Nhưng như thế cũng vẫn bị các bậc tiền bối chê cười... Họ nói văn bạch thoại đê tiện, không có giá trị ; họ nói tác phẩm của bọn trẻ ấu trĩ, buồn cười. Trung Quốc chúng ta mấy người viết được văn ngôn ? Còn nữa đều chỉ có thể nói được bạch thoại, lẽ nào bấy nhiêu người Trung Quốc đều đê tiện, không có giá trị cả hay sao ? Còn như ấu trĩ thì lại càng không có gì phải xấu hổ, cũng như trẻ con đối với người già cả, chẳng có gì phải xấu hổ. Ấu trĩ rồi sẽ trưởng thành, sẽ thành thục, chỉ cần đừng suy yếu, hủ bại, là được. Nếu nói chờ cho thuần thục rồi mới có thể bắt tay làm, thì dù là người đàn bà nông thôn cũng không đến nỗi ngu như vậy. Con bà ta học đi, dù ngã, bà ta cũng quyết không đến nỗi bảo con từ nay về sau cứ nằm trên giường, chờ khi nào học cách đi rồi hãy xuống đất.

Các bạn thanh niên trước hết có thể biến Trung Quốc thành một Trung Quốc có tiếng nói. Mạnh bạo mà nói, dũng cảm mà tiến hành, hãng quên tất cả mọi điều lợi hại, gạt người thời cổ ra, nói những lời chân thực của chính mình. Chân thực, tất nhiên không dễ mà chân thực. Cũng như thái độ ; không dễ mà chân thực ; lúc tôi diễn thuyết, đó không phải là thái độ chân thực của tôi, bởi vì thái độ của tôi khi nói chuyện với bạn bè, với trẻ con không như thế này. Nhưng vẫn có thể nói được những lời tương đối chân thực, phát ra tiếng nói tương đối chân thực. Chỉ có tiếng nói chân thực, mới có thể cảm động được người Trung Quốc và người thế giới. Phải có tiếng nói chân thực, mới có thể cùng người thế giới sống trên thế giới được.

Chúng ta thử nghĩ xem, hiện nay những dân tộc không có tiếng nói là những dân tộc nào ? Chúng ta có nghe tiếng nói của người Ai Cập không ? Nghe tiếng nói của người An Nam, người Triều Tiên không ? Ấn Độ ngoài Tagor, còn có tiếng nói nào nữa không ?[2]

Từ nay, quả thực chúng ta chỉ có hai con đường : một là ôm lấy cổ văn mà chết, hai là bỏ cổ văn đi mà sống.

(Tạp ***Tam nhàn***)

---

(1) Câu này viết theo văn ngôn, ý nói : "Than ôi ! Hương Căng rộng vậy thay !".

(2) Do yêu cầu nhấn mạnh luận điểm của mình, ở đây Lỗ Tấn đã đưa ra một ý kiến chưa thỏa đáng.

56. VIẾT THẾ NÀO ?*

Dạ kí 1

Viết cái gì là một vấn đề, viết thế nào lại là một vấn đề khác.

Năm nay, viết ít, mà viết cho tờ *Măng nguyên* lại càng ít. Tự tôi tôi biết rõ nguyên nhân. Nói ra hết sức buồn cười, ấy là vì tờ tạp chí ấy giấy tốt quá[1]. Có lúc có một ít tạp cảm, nhìn kỹ lại, thấy chả có ý nghĩa gì lắm, không nên bôi đen những tờ giấy trắng như vậy, thế là bỏ thôi, bỏ đấy. Hay ho thì lại không có. Đầu óc tôi hoang vu, nông cạn, trống rỗng như thế này !

Vấn đề có thể đem ra bàn tất nhiên nhiều lắm, từ vũ trụ đến quốc gia xã hội, cao siêu hơn còn có văn minh, nghệ thuật. Xưa nay, nhiều người bàn rồi, tương lai, người muốn bàn cũng vô cùng vô tận. Nhưng tôi không thể bàn được. Nhớ mới năm ngoái đây khi trốn tránh ở đảo Hạ Môn, vì người ta ghét quá, cuối cùng được đãi ngộ theo kiểu "kính quỷ thần nhi viễn chi"[2], thờ trong một gian phòng trên gác thư viện. Ban ngày còn có người giữ thư viện, thợ đóng sách, học sinh đến đọc sách, ban đêm sau chín giờ, thì tản mát hết; một ngôi nhà lầu kiểu Tây rất ro, mà ngoài tôi ra, không còn ai nữa. Tôi trở nên trầm lặng. Sự vắng vẻ như rượu nồng làm cho choáng váng say. Nhìn ra ngọn núi hoang sừng sững phía cửa sổ sau, thấy có nhiều điểm trăng trắng, đó là mồ mả ; một chấm lửa vàng khè, đó là đèn lưu ly chùa Nam Phổ Đà. Phía trước là trời bể mênh mang, đen ngòm như bóng đêm, tựa hồ sắp tràn ngập vào cõi lòng. Tôi tựa vào lan can đá, nhìn ra xa, nghe rõ tiếng tim mình đập, bốn xung quanh xa xa còn phảng phất có vô số những điều bi ai, khổ não, điêu linh, chết chóc lẫn lộn vào cái vắng vẻ kia, biến nó thành một thứ rượu thuốc, thêm sắc, thêm vị, thêm hương. Lúc đó, tôi có nghĩ đến chuyện viết, nhưng không thể viết được, không biết bắt đầu viết

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Măng nguyên*, tháng 10 năm 1927. Viết ngày 23 tháng 9 năm 1927.

(1) Tạp chí *Măng nguyên*, in bằng giấy Đạo Lâm.

(2) Câu này lấy trong sách *Luận ngữ*. Ý nói : đối với quỷ thần thì kính trọng mà xa ra.

từ cái gì. Đó chính là điều tôi nói : "*Lúc tôi trầm mặc là lúc tôi cảm thấy vững chắc ; tôi sắp mở miệng nói, đồng thời lại cảm thấy trống rỗng*"[1].

Chẳng phải đó là một chút của cái "thế giới khổ não"[2] đấy ư ? Có lúc tôi nghĩ như thế. Nhưng có lẽ cũng không phải. Chẳng qua đó là một nỗi buồn nhàn nhạt, có lẫn ít niềm vui. Tôi muốn đến gần, nhưng càng muốn đến gần càng thấy xa vời, cơ hồ như sắp phát hiện ra là chỉ có một mình tôi đứng tựa bức lan can bằng đá này, ngoài ra chẳng có gì hết. Phải chờ cho đến khi tôi quên không cố đến gần nữa, mới lại cảm thấy buồn nhàn nhạt.

Nhưng kết quả lại chẳng lấy gì làm hay ho. Như có một mũi kim đâm vào chân, tôi không kịp suy nghĩ, lấy bàn tay đập thẳng vào chỗ đau, đồng thời chỉ biết có con muỗi đang đốt mình. Nào là nỗi buồn, nào là bóng đêm, bay lên chín tầng mây cả, ngay cái lan can bằng đá mình vừa tựa, cũng không để ý đến nữa. Vả lại, bây giờ mới nói như thế, chứ hồi đó, nhớ lại, thì ngay cái việc không để ý đến cái lan can bằng đá cũng không nghĩ tới. Vẫn không kịp suy nghĩ, tôi đi vào phòng, ngồi vào chiếc ghế dài duy nhất – một chiếc ghế mây muốn ngồi thẳng cũng không được –, xoa chỗ muỗi đốt, cho đến khi từ đau chuyển sang ngứa, dần dần sưng lên thành một cục nho nhỏ. Tôi cũng chuyển từ xoa sang gãi, cào cấu, cho đến khi cái cục ấy từ ngứa chuyển sang đau, tương đối có thể chịu đựng được.

Kết quả sau đó lại càng chẳng lấy gì làm hay ho ; thường thường là ngồi dưới ánh đèn điện ăn bưởi.

Tuy chẳng qua là con muỗi nó đốt một phát, nhưng đó là một việc thiết thực đối với bản thân. Có thể không phải viết tất nhiên càng thú, nếu không viết không được, tôi nghĩ, thì cũng chỉ có thể viết những chuyện vặt vãnh như thế thôi, chứ không thể nào viết được rõ ràng, sâu sắc như cảm giác mà bản thân tôi hôm ấy phải chịu. Huống chi đốt một nghìn phát, một vạn phát, huống chi có một mũi đao, mũi thương đâm phải, cái đó thì viết không ra.

Nitsơ[3] thích xem những cuốn sách viết bằng máu. Nhưng tôi nghĩ, văn chương viết bằng máu, e vị tất đã có. Văn chương xưa nay vẫn viết bằng

---

(1) Câu này ở trong bài *Đề từ*, tập ***Cỏ dại***.

(2) *"Thế giới khổ não"* (Weltschmerz) nguyên là câu nói của nhà thơ người Áo, Lơnô (N.Lenau), ý nói đời người là khổ não. Về sau có người lấy câu này để giải thích sáng tác văn nghệ, cho rằng nhà văn hay nhà thơ sáng tác là bắt đầu từ cái cảm giác khổ não đó.

(3) *Friedrich Wilhelm Nietzsche* (1844 – 1900) : nhà văn triết học phản động người Đức, chủ trương thuyết "siêu nhân". Học thuyết của ông trở thành một vũ khí tư tưởng đối địch với hòa bình dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Câu của Nitsơ như sau : *"Trong tất cả các sách, tôi thích nhất những cuốn sách viết bằng máu* (trích cuốn *Zarathoustra nói như vậy*).

mực, chỉ có vết máu mới viết bằng máu mà thôi. So với văn chương, vết máu tất nhiên làm cho người ta cảm động hơn, rõ ràng, dứt khoát hơn, nhưng dễ biến sắc, dễ tiêu tan. Cái điểm ấy, thì phải nhờ đến khả năng của văn học, cũng giống như chiếc xương trắng trong mồ, từ xưa đến nay, vẫn lấy cái vĩnh cửu của nó mà ngạo mạn với màu hồng tươi trên má cô thiếu nữ.

Có thể không phải viết tất nhiên càng thú, nếu không viết không được, tôi nghĩ, thì cứ tùy tiện mà viết, dù sao cũng chỉ có thế mà thôi. Tất cả những cái đó đều phải tiêu diệt cùng một lần với thời gian, giả thử có thể mãi mãi tươi sống hơn vết máu, thì cũng chỉ đủ chứng tỏ rằng người văn minh là may mắn, là khôn ngoan mà thôi. Nhưng sách viết bằng máu thật tất nhiên không nằm trong trường hợp này.

Khi nghĩ như thế, tôi thấy "Viết cái gì ?" lại cũng không thành vấn đề nữa.

Còn vấn đề "Viết như thế nào ?" thì xưa nay, tôi chưa hề nghĩ tới. Lần đầu tiên biết trên đời có vấn đề như thế là chỉ mới hai tuần lễ trước đây mà thôi. Hôm ấy, tình cờ ra phố, tình cờ vào hiệu sách *Đinh bốc*, tình cờ thấy một chồng *Làm như thế này*[1], liền mua một tờ. Đấy là một tạp chí định kỳ, ngoài bìa vẽ một anh lính trẻ tuổi cưỡi ngựa. Tôi xưa nay có cái thành kiến, phàm sách báo ngoài bìa vẽ một anh lính như thế, hay là một người nông dân tay cầm cuốc, thế là tôi không muốn sờ tới, bởi vì tôi cứ nghi là tài liệu tuyên truyền. Những tác phẩm của những nhà văn như Ibsen, trong đó tác giả nói ý kiến của mình, kết quả thành ra có ý nghĩa tuyên truyền, tôi xem lại không thấy chán. Nhưng đối với những tác phẩm văn nghệ lấy hai chữ "tuyên truyền" làm đề mục trước rồi sau mới đưa lý luận ra, thì tôi cứ thấy chướng tai nghe không lọt. Cái thứ không thể nuốt trôi được đó cũng giống như văn học giáo huấn lạc tụng[2]. Nhưng tờ *Làm như thế này* lại hơi đặc biệt một chút, bởi vì tôi còn nhớ rằng báo hàng ngày có nói, nó có liên quan tới tôi. Cũng là cái lệ phàm việc gì thiết thân thì mình hết sức quan tâm, tôi không còn ngại cái vị anh hùng cưỡi ngựa ngoài bìa nữa, cứ mua. Về nhà, liền tìm lại mảnh báo cũ mình đã cất giữ lại ; còn đấy, ngày mồng bảy tháng ba, tiếc rằng không ghi rõ tên báo, nhưng không phải *Quốc dân nhật báo* thì *Quốc dân tân văn*, bởi vì hồi đó tôi chỉ xem có hai tờ ấy. Dưới đây xin chép lại một đoạn :

---

(1) *Làm như thế này* : tờ tuần san phản động của bọn Quốc dân đảng hồi đó xuất bản ở Quảng Châu, trong đó có bài công kích "*Ông Úc Đạt Phu, thôi đi !*" mà Lỗ Tấn sẽ nhắc đến ở đoạn sau.

(2) *Lạc tụng* : chữ lấy trong sách *Trang Tử*, có nghĩa là đọc đi đọc lại.

"*Từ khi ông Lỗ Tấn xuống Nam, trước sau có hai tờ tạp chí* Làm gì ? *và* Làm như thế này *ra đời, phá tan cái vắng vẻ trên văn đàn Quảng Châu. Nghe nói* Làm như thế này *là một tờ tạp chí định kỳ của Nhóm văn học cách mạng, nội dung chú trọng tuyên truyền văn nghệ cách mạng và chủ nghĩa của đảng ta...* ".

Hai câu mở đầu hơi lờ mờ. Nói tôi có liên quan đến những việc ấy cũng được, mà nói vì tôi "xuống Nam" mà người khác ra báo cũng thông. Nhưng tôi hoàn toàn không rõ ý như thế nào. Lúc đầu, cắt mảnh báo ấy giữ lại, đại khái là định điều tra xem, nhưng sau quên bẵng đi, rồi để đấy. Bấy giờ còn nhớ khi tờ *Làm gì*[1] ra đời, có gửi đến cho tôi năm số. Tôi có cảm giác đoàn thể này do thanh niên cộng sản chủ trương, bởi vì trong đó có tên ký là "Kiên Như" "Tam Thạch", phải là Tất Lỗi[2], địa chỉ cũng là địa chỉ của anh. Anh còn gửi cho tôi hơn mươi số *Thiếu niên tiên phong*, mà tờ báo này thì rõ ràng có những bài do thanh niên cộng sản viết. Anh Tất Lỗi đích xác là đảng viên cộng sản, quả nhiên ngày 18 tháng Tư, anh bị bắt ở trường Đại học Trung Sơn. Theo chỗ tôi đoán, thì nhất định anh không còn ở trên đời này nữa rồi. Anh thanh niên ấy quê ở Hồ Nam, nhìn qua thấy người gầy gò, bé nhỏ, nhưng nhanh nhẹn.

Còn tờ *Làm như thế này* thì mới thấy mặt hai tuần lễ trước, đã ra đến số 7 – 8, hai số này hợp làm một. Không có số 6, kẻ nói bị cấm, kẻ nói không ra, không biết đằng nào đúng. Tôi liền mua số 7 – 8 và số 5. Xem đoạn văn đăng trên tờ nhật báo thì biết, tạp chí này phản đối tờ *Làm gì*, hoặc là đối lập với nó. Tôi cầm về, xem từ trang cuối xem lên. Ở mục *Nhắn tin*, nói như thế này : "*Giữa lúc khí thế của C.P*[3] *đang lên... mà các bạn giác ngộ, rút ngay ra khỏi C.P, thì không phải các bạn chỉ việc rút ra khỏi là xong, mà nhất là các bạn phải làm cho C.P tức điên lên, tức là làm một việc xưa nay chưa xảy ra, liên tiếp đăng báo thanh minh ra khỏi đảng cộng sản*". Thế thì, đúng như thế rồi.

Ở đây lại tức khắc nảy ra một vấn đề. Tại sao hai tờ tạp chí phản đối nhau kịch liệt như vậy, đều vì tôi "xuống Nam" mà "trước sau ra đời" ? Cái đó, đối với tôi, dễ trả lời : bởi vì tôi mới xuống và lại là màu tro[4]. Nhưng

---

(1) *Làm gì* : tạp chí xuất bản năm 1927 ở Quảng Châu do một nhóm thanh niên chủ trương dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Chủ biên là Tất Lỗi.

(2) *Kiên Như* : tức Kiên như thạch (Cứng như đá). *Tam thạch* là ba chữ thạch, tức chữ *Lỗi*. Cho nên đó phải là bút danh của Tất Lỗi.

(3) *C.P* : viết tắt chữ Anh *Communist Party*, tức Đảng cộng sản.

(4) Ý nói không thiên bên nào.

nếu nói ra, e lại phải dài lời, bây giờ hãy tạm gác lại, chờ khi nào có cơ hội thuận tiện, sẽ nói.

Bây giờ hãy nói chuyện tôi xem tờ *Làm như thế này*. Xem qua mục *Nhắn tin* rồi thì lười không muốn giở ngược lên nữa, thế là xem mục lục. Bỗng thấy một cái đầu đề : *"Ông Úc Đạt Phu, thôi đi !"*(1) thì lại đâm ra tò mò, lập tức xem bài văn. Đây vẫn là theo lệ cũ, những việc vặt vãnh thiết thân thì mình vẫn quan tâm hơn mối sầu của thế giới. Ông Úc Đạt Phu, tôi có quen, tại sao lại muốn ông ta "thôi đi" ? Nóng lòng muốn biết. Giả thử nói đến Trương Long hay Triệu Hổ, hoặc là một vĩ nhân nào mà bình sinh tôi không hề quen biết, thì xin nói thực, tôi nhất định không thể lưu ý đến như thế.

Số là ông Úc Đạt Phu có đăng trên tờ *Hồng thủy* một bài đề là *Giữa đường chuyển hướng*, nói rằng : lần cách mạng này là thực hiện lý luận đấu tranh giai cấp, nhưng ký giả thì cho là thực hiện lý luận cách mạng dân tộc. Đại khái có những câu như : anh hùng chủ nghĩa không thích hợp với ngày nay nữa, cho nên liền bị nhận là "trúng thương" và "khiêu khích ly gián", nhất định là "không thôi đi" thì không xong.

Ngồi dưới đèn điện tưởng nhớ lại, ông Úc Đạt Phu thì tôi đã có gặp mặt mấy lần, có bắt chuyện mấy lần, thấy ông ta người thận trọng, ôn hòa, không đến nỗi đắc tội với ai, huống chi là đắc tội với nước. Tại sao bỗng chốc lại "quá khích" như vậy ? Tôi lại muốn xem tờ *Hồng thủy*.

Tạp chí này nghe nói ở Quảng Tây cấm, nhưng Quảng Đông hãy còn. Tôi mua được tập III, từ số 29 đến số 32. Theo cái thói xấu của tôi, tôi xem ngược từ 32 trở lên, một lát thì giở nhầm bài *Văn học nhật ký* đầu tiên. Cũng là do ông Úc Đạt Phu viết. Thế là không tìm bài *Giữa đường chuyển hướng* nữa, quay sang xem bài văn học. Cái kiểu xem sách lung tung ấy, tôi cũng biết là không đúng, nhưng vấn đề "*Viết như thế nào*" lại nảy ra ở chỗ ấy.

Ý của tác giả tóm tắt là, phàm tác phẩm văn học ít nhiều cũng mang sắc thái tự truyện, nếu lấy ngôi thứ ba mà viết, thì thường có chỗ nhầm là ngôi thứ nhất. Mà lúc tả quá tỉ mỉ trạng thái tâm lý của nhân vật ngôi thứ ba đó, người đọc có thể ngờ rằng tâm tư của người khác, thì tác giả làm thế nào mà biết được tường tận làm vậy ? Thế là có một cảm giác thất vọng làm cho mất tính chân thực của văn học. Cho nên viết văn xuôi, thì thể tài thích đáng nhất là nhật ký, thứ nữa là thư từ.

---

(1) *Úc Đạt Phu* (1896 – 1945) : nhà văn có tiếng trong phong trào Ngũ Tứ. Xem chú thích ở bài *Tạp cảm về chuyện tờ* Ngũ tứ *bị giữ lại* (tập ***Mà thôi***).

Điều này quả thật cũng cần phải thảo luận. Nhưng tôi nghĩ, thể tài tựa hồ không phải là quan trọng. Khuyết điểm thứ nhất nói ở trên là người đọc quá đại khái. Chỉ cần biết trong tác phẩm, tác giả đã mượn người khác để tự thuật về mình, hoặc lấy mình mà suy ra người khác, thì không đến nỗi có cảm giác thất vọng, dù có lúc không hợp với sự thực, nhưng vẫn là chân thực. Cái chân thực đó không gì khác với lúc dùng ngôi thứ ba, hoặc lúc dùng nhầm ngôi thứ nhất cả. Nếu có người đọc chỉ câu nệ vào thể tài, chỉ cần không có khe hở, như thế thì nên xem những bài tường thuật trên báo là hơn ; đối với văn nghệ, thất vọng là phải lắm ! Mà thất vọng như thế cũng không nên phàn nàn, bởi vì đó không phải là thất vọng thật, cũng giống như tìm không ra dấu tích vườn Đại Quan[1] ở đâu mà bất mãn với *Hồng lâu mộng*. Nếu tác giả vì thế mà hy sinh việc tự do miêu tả tâm lý, dù chỉ là một phần hết sức nhỏ, cũng không khác gì gọt chân cho vừa giày.

Khuyết điểm thứ hai ở Trung Quốc đã thành vấn đề từ lâu. Kỷ Hiểu Phong phê bình *Liêu trai chí dị* của Bồ Lưu Tiên, chính là ở chỗ ấy[2]. Hai người nói chuyện riêng với nhau, quyết không hề tiết lộ ra, lại không có người thứ ba nghe được, thế thì tác giả làm sao mà biết ! Cho nên trong cuốn *Duyệt vi thảo đường bút ký*[3] của ông, ông ta cố chỉ tả sự trạng mà tránh tả tâm tư và không ghi những lời nhân vật nói riêng với nhau. Nhưng có lúc lại rơi vào cái hố bẫy mình tự đào lấy, thế là đành phải lấy chuyện *Hồn Lương Phu kêu gào trong mộng* ở cuốn *Xuân Thu Tả truyện*[4] mà giải vây cho mình. Nguyên nhân chỗ yếu của ông ta là muốn người đọc tin tất cả những sự việc miêu tả trong truyện, dựa vào sự việc để cầu tính chân thực, cho nên khi sự việc miêu tả khác đi thì tính chân thực cũng mất luôn.

---

(1) *Vườn Đại quan* : nơi xảy ra mối tình giữa Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc. Hồi bấy giờ các nhà phê bình văn học có khuynh hướng xem *Hồng lâu mộng* như là một tác phẩm ghi chuyện có thật.

(2) *Kỷ Hiểu Phong* : tức Kỷ Quân (1724 – 1805) là một nhà học giả và văn học có tiếng đời Thanh. *Bồ Lưu Tiên* : tức Bồ Tùng Linh (1640 – 1715), tác giả *Liêu trai chí dị*. Trong *Lời bạt* cuốn *Cô vọng ngôn chi* (Tạm nói mà nghe) của Kỷ Hiểu Phong, một người học trò của ông viết như sau : *"Tiên sinh (tức Kỷ Quân) thường nói, Liêu trai chí dị thịnh hành nhất thời, nhưng đó là bút của tài tử, chứ không phải là bút của nhà làm sách... Những lời nói tình tứ, thái độ là lời mô tả tinh vi khúc chiết, như sống. Nếu tự họ nói ra thì làm gì có cái lý đó, nếu tác giả nói thay cho họ thì làm sao mà biết được"*.

(3) *Duyệt vi thảo đường bút ký* : một cuốn tiểu thuyết bút ký của Kỷ Quân.

(4). *Xuân Thu Tả truyện* : cuốn lịch sử về thời Xuân Thu của Tả Khâu Minh. Chuyện *Hồn Lương Phu kêu gào trong mộng* có chép trong đó. Chuyện như sau : Hồn Lương Phu là thần nước Vệ, mùa xuân năm Lỗ Ai Công thứ 17 bị thái tử nước Vệ giết. Vệ Hầu nằm mộng thấy Hồn Lương Phu xõa tóc kêu gào. Những lời y kêu gào cũng là những lời Vệ Hầu tưởng tượng ra mà thôi. Trong cuốn sách *Duyệt vi thảo đường bút ký*, Kỷ Hiểu Phong có dẫn lại truyện đó, nhưng lại hoài nghi nói: "Những lời kêu gào của Hồn Lương Phu trong mộng, ai nghe thấy ?"

Nếu ông ta có nhận thức trước rằng tất cả những cái đó đều là sáng tác, tức là do cá nhân ông ta bịa đặt, thì tất nhiên không có gì trở ngại cả.

Nói chung, cái bi ai của thất vọng, tôi cho rằng không phải ở chỗ giả, mà ở chỗ lấy giả làm thật. Nhớ hồi còn nhỏ, tôi rất thích xem xiếc, ảo thuật, khi cười dê, hòn đá biến thành bồ câu trắng, cuối cùng đem một em bé ra, đâm chết, lấy chăn trùm lại, một người nói giọng Giang Bắc ngoảnh về phía khán giả, làm bộ như quăng tiền, nói : *Huazaa ! Huazaa !* Đại khái thì ai cũng biết, em bé không chết, thứ nước chảy ra đó là nước tô mộc[1] chứa trong cán dao. *Huazaa* một hồi, em bé nhảy dậy. Nhưng vẫn chăm chú xem, biết rõ là một trò chơi, mà tâm trí để vào đó cả. Nếu cái trò ảo thuật đó nhất định phải làm cho chân thực, mua một cỗ quan tài nhỏ, bỏ đứa bé vào, khóc mà khiêng đi, thì trái lại, hết sức vô vị. Lúc đó, ngay cả cái chân thực của trò ảo thuật cũng tiêu ma nốt.

Tôi thà xem *Hồng lâu mộng*, chứ không muốn xem *Nhật ký của Lâm Đại Ngọc*[2] vừa xuất bản. Một trang của cuốn sách đó đủ làm cho tôi khó chịu một hồi lâu. *Bản Kiều gia thư*[3], tôi cũng không muốn xem, không bằng xem cuốn *Đạo tình*[4] của ông ta. Cái tôi không thích là ông ta để hai chữ "gia thư" (thư nhà) vào đấy. Thế thì tại sao lại khắc ra cho nhiều người xem ? Không khỏi có chỗ giả tạo. Thất vọng phần lớn không phải thấy cái thật trong cái giả, mà là thấy cái giả trong cái thật. Thể nhật ký, thể thư từ, viết có thể tiện đấy, nhưng cũng rất dễ đưa đến cảm giác thất vọng. Mà đã thất vọng thì rất tai hại, bởi vì nó lúc đầu có vẻ giống thật rồi !

Gần đây cuốn *Việt Man đường nhật ký* rất được lưu hành. Tôi xem cứ cảm thấy mỗi lần ông ta lại đưa đến cho tôi một chút gì không thoải mái lắm. Tại sao vậy ? Một là ông ta sao lục lại dụ nhà vua. Có lẽ là chịu ảnh hưởng chuyện Hà Chước[5], ông ta phòng bị một ngày kia sẽ có "ngự lãm". Hai là nhiều chỗ xóa. Đã viết rồi lại xóa. Có nhiều cái không nên viết ra chăng ? Ba là cho người ta xem trước, sao lục, tự cho là một bộ trước tác.

---

(1) *Tô mộc* hoặc *tô phương* (Caesalpinia sappan) : một loại cây, ép ra nước màu đỏ dùng để nhuộm.

(2) *Nhật ký của Lâm Đại Ngọc* : xuất bản ở Thượng Hải, năm 1918.

(3) *Bản Kiều gia thư* (Thư nhà của Bản Kiều) : Trịnh Bản Kiều là một họa sĩ và nhà văn trứ danh đời Thanh.

(4) *Đạo tình* : những lời ca của đạo sĩ, sau trở thành một loại dân ca. Trịnh Bản Kiều có làm 10 bài đạo tình hồi đó lưu truyền khá rộng.

(5) *Hà Chước* (1661 – 1722) : nhà hiệu đính trứ danh đời Thanh. Đời Khang Hi, ông làm quan rồi nhân có việc gì đó, bị hạ ngục, sách vở đều bị tịch thu. Đến khi nhà vua tự xét lại án của ông, thấy tội không có chứng cứ, nên được tha, sách vở đều trả lại.

Tôi cảm thấy khó thấy được tâm tình của Lý Từ Minh[1] trong đó, lâu lâu gặp một vài chỗ giả tạo, lại phảng phất như bị lừa. Đọc một cuốn tiểu thuyết, tuy rất hoang đường, nông cạn, không hợp lý, nhưng trái lại chưa hề có cảm giác như thế.

Nghe nói sau này ông Hồ Thích Chi cũng viết nhật ký và đưa cho người ta chuyền xem. Theo lý luận về sự tiến hóa của văn học mà nói, thì nhất định phải hay lắm. Tôi mong ông ta lần lượt cho in ra trước đi.

Nhưng tôi nghĩ, thể tài tản văn, kỳ thực rất có thể tùy tiện, có khe hở cũng không hề gì. Nhật ký và thư từ mà giả tạo, sợ cũng không khỏi có khe hở, mà khi có khe hở thì hỏng không thể cứu chữa được nữa. Đề phòng khe hở sao bằng quên khe hở đi.

(Tập ***Tam nhàn***)

(1) *Lý Từ Minh* (1829 – 1894) : người Cối Kê, Chiết Giang, một nhà văn học cuối Thanh, tác giả cuốn *Việt Man đường nhật ký* xuất bản năm 1920 do Thương vụ ấn thư quán chụp rồi in lại.

57. LỖ TẤN Ở THƯỢNG HẢI THANH MINH

Khoảng một tháng trước, nhà xuất bản *Khai minh thư điếm* có chuyển đến một bức thư của cô M[1], trong thư nói :

"Từ khi chia tay ở núi Cô Sơn, Hàng Châu, ngày 10 tháng Giêng, lâu lắm không được gặp lại. Trước đây ông có nhận là sẽ thường viết thư và cho những lời chỉ giáo...".

Tôi liền viết trả lời, nói rõ tôi không đến Hàng Châu đã mười năm nay, quyết không thể cùng ai chia tay ở núi Cô Sơn, cho nên người mà cô ấy gặp là một người khác. Trước đây hai tuần lễ, cô M và hai anh sinh viên từng có nghe tôi giảng đến thăm, ba mặt đối lời, rõ ràng người ở Cô Sơn là một "Lỗ Tấn" khác. Nhưng cô M lại đưa cho tôi xem bốn câu thơ đề ở mộ ông Man Thù[2] :

Ngã lai quân tịch cư,
Hoán tỉnh thùy thị hồn ?
Phiêu bình sơn lâm tích
Đãi đáo tha niên tùy công khứ.

Lỗ Tấn du Hàng – Điếu lão hữu.
Man Thù cú 1–10– năm 17[3]

Thế là tôi gửi thư hỏi dò anh H[4] ở Hàng Châu. Hôm kia nhận được thư trả lời, nói quả có kẻ gặp một người như thế, dạy học ở tỉnh khác, tự xưng

---

(1) *Cô M* : tức Mã Tương Ảnh, sinh viên trường Đại học pháp chính Thượng Hải hồi bấy giờ.

(2) *Man Thù* : tức Tô Man Thù (1884 – 1918), một nhà thơ người Quảng Đông, hai mươi tuổi đi tu, mộ ở Cô Sơn, Tây Hồ, Hàng Châu.

(3) Đại ý : Thơ điếu bạn cũ, Man Thù : *Tôi đến chỗ anh ở vắng vẻ, Biết thức tỉnh hồn ai. Dấu vết bèo trôi nơi sơn lâm, Chờ năm khác sẽ theo anh đi.* Lỗ Tấn chơi Hàng Châu. Ngày 1–10 năm Dân Quốc 17 (tức 1928).

(4) *H* : tức Hứa Khâm Văn là một nhà văn cũng người Thiệu Hưng, quê Lỗ Tấn.

là họ Chu, từng viết cuốn *Bàng hoàng*, bán chạy tám vạn bản, nhưng chưa lấy làm bằng lòng, không bao lâu sẽ cho ra một cuốn khác hay hơn v.v...

Trung Quốc có một người khác họ Chu, hoặc không phải họ Chu nhưng muốn nhận là họ Chu, cũng tên Lỗ Tấn, thì tôi biết làm thế nào được. Nhưng xem anh ta tự kể, thì phần lớn giống tôi, có điều có một vài cái làm cho tôi khó xử. Bài thơ kia không hay ho gì, cái đó không cần phải nói, nhưng cứ thay người khác bảo với Man Thù "Chờ năm khác sẽ theo anh đi", thì cũng không khỏi chuyên chế quá. "Đi" ư ?, tất nhiên sẽ có một ngày phải "đi", nhưng mà đi "theo" Man Thù, thì ngay trong giấc mơ tôi cũng không hề nghĩ tới. Nhưng đó vẫn là chuyện nhỏ. Chuyện không dám nhận là chuyện ước hẹn với người khác "chỉ giáo" gì gì...

Từ khi tôi lên Thượng Hải đến nay, tuy có mấy tờ báo nói "tôi định mở nhà xuất bản" hoặc "đi chơi Hàng Châu rồi". Thực ra, nhà xuất bản tôi cũng chưa mở, Hàng Châu cũng chưa đi, chỉ vẫn trốn trên gác, dịch một ít sách. Bởi vì tôi không biết kéo xe, cũng không học chế thuốc súng không khói[1], cho nên đành dùng ngòi bút như thế mà kiếm ăn. Bởi vì kiếm ăn như thế, cho nên lúc được đề cao cho là "tiên phong", lúc bị dìm xuống là "lạc ngũ", cái đó còn có thể nói là mình làm mình chịu, mặc kệ mẹ nó vậy. Nhưng nếu lại có một "Lỗ Tấn" khác thay tôi thuyết giáo, thay tôi đề thơ, mà kết quả lại bắt một mình tôi phải chịu như thế, thì thật không thể "nhàn rỗi, nhàn rỗi và nhàn rỗi"[2], ngay thì giờ dịch sách cũng sẽ không còn nữa.

Cho nên lần này, phải đăng lời thanh minh. Điều muốn thanh minh là : ngoài tôi ra, năm nay ít ra cũng có một người khác tên là Lỗ Tấn, nhưng những hành động, lời nói của "Lỗ Tấn" ấy không liên quan gì đến Lỗ Tấn là tôi, cũng từng xuất bản một cuốn *Bàng hoàng*, có điều không bán đến tám vạn bản.

Thượng Hải, ngày 27 tháng 3 năm 1928

(Tập ***Tạp nhàn***)

---

(1) Ám chỉ việc tìm cách hại người khác một cách ám muội như việc kể trên.

(2) Xem chú thích ở bài Tựa tập ***Tạp nhàn***.

58. TẤM BIỂN*

Giới văn nghệ Trung Quốc có một hiện tượng đáng sợ, là cứ nhập cảng danh từ nước ngoài vào mà chẳng giới thiệu ý nghĩa những danh từ đó như thế nào cả.

Thế là mỗi người hiểu một cách, theo ý của mình. Thấy trong tác phẩm nói nhiều về cái tôi thì gọi là chủ nghĩa biểu hiện ; nói nhiều về người khác thì gọi là chủ nghĩa tả thực ; thấy bắp chân các cô gái mà làm thơ là chủ nghĩa lãng mạn ; thấy bắp chân các cô gái mà không cho phép làm thơ là chủ nghĩa cổ điển ; từ trên trời rơi xuống một cái đầu lâu, trên đầu lâu một con trâu đứng, ai chà ! tiếng sét lúc trời trong giữa biển cả !... là chủ nghĩa vị lai... vân vân.

Lại do đó sinh ra bàn tán. Chủ nghĩa này hay, chủ nghĩa kia dở... vân vân.

Thôn quê trước nay có chuyện tiếu lâm như sau : Hai người cận thị thi nhau mắt ai tỏ. Không biết lấy gì làm bằng, liền hẹn nhau đến miếu Quan Đế xem tấm biển mới treo hôm nay. Cả hai đều đến hỏi dò trước ông thợ sơn, xem biển để thế nào. Nhưng vì người hỏi hàng chữ to, người hỏi hàng chữ nhỏ, nên người chỉ biết hàng chữ to không phục, bảo người thấy hàng chữ nhỏ nói mò. Thế là tranh chấp. Lại không biết lấy gì làm bằng, đành dắt nhau hỏi một ông qua đường. Ông này ngước lên nhìn, trả lời : "Chẳng có gì cả. Biển chưa treo !".

Tôi nghĩ, giới phê bình văn nghệ muốn thi nhau ai tinh mắt, cũng phải có tấm biển đó treo lên đã mới được. Còn tranh cãi nhau vu vơ, thì bên nào chỉ rõ bên ấy thôi.

10 tháng 4 năm 1928

(Tập ***Tam nhàn***)

---

* Bài này với hai bài *Đường* và *Đầu* đăng lần đầu tiên trên tờ *Ngữ ti* số tháng 4 năm 1928. Hai bài sau chưa dịch.

59. VÀI NÉT KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC MỚI HIỆN NAY*

Bài nói chuyện ở Hội Quốc văn Trường Đại học Yên Kinh ngày 22 tháng Năm.

Hơn một năm nay, tôi ít nói gì với các bạn thanh niên, bởi vì từ ngày cách mạng đến nay, con đường ngôn luận chật hẹp lắm, không phải quá khích thì là phản động, chẳng có ích gì cho người ta cả. Lần này trở về Bắc Bình, mấy người quen biết cũ muốn tôi đến đây nói vài câu, thật khó mà từ chối, đành đến nói vài câu vậy. Nhưng vì bận những việc lặt vặt, tôi chưa nghĩ sẽ nói cái gì đây – ngay đầu đề cũng chưa có.

Đầu đề, vốn là tưởng ngồi trên xe sẽ tìm, nhưng vì đường xấu, xe xóc, nhảy cao hơn một thước[1], không làm sao nghĩ ra được. Thế rồi tình cờ tôi cảm thấy, phàm những vật ngoại lai, nếu chỉ lấy đơn độc một cái, thì không xong. Có xe hơi thì phải có đường cho tốt, bất cứ cái gì cũng không tránh khỏi ảnh hưởng của hoàn cảnh. Văn học – cái ở Trung Quốc gọi là văn học mới, gọi là văn học cách mạng – cũng thế.

Văn hóa Trung Quốc, dù người yêu nước đến như thế nào, e cũng không thể không thừa nhận là có hơi lạc hậu. Sự vật mới đều từ ngoài xâm nhập vào. Thế lực mới đến, phần lớn người ta vẫn không hiểu đầu đuôi ra sao. Bắc Bình vẫn chưa đến nỗi thế. Thí dụ tô giới Thượng Hải thì tình hình như thế này : người ngoại quốc ở chính giữa, phía ngoài một bầy thông ngôn, mật thám, cảnh sát, chó săn... bao vây. Chỉ bọn đó là hiểu tiếng ngoại quốc, thuộc luật lệ tô giới. Ngoài cái vòng đó, mới là dân thường.

Khi đến phố Tây thì dân thường không bao giờ có thể biết được tình hình thực tế như thế nào. Người ngoại quốc nói: *Yes*[3], người thông ngôn nói :

---

* Bài này đăng ở báo nào, hiện nay chưa tra cứu ra.

(1) Thước Trung quốc.

(2) *Yes* : tiếng Anh, nghĩa là *có* .

Ông ấy bảo "đánh một cái tát". Người ngoại quốc nói : *No*[1], thông ngôn ra lại là : Ông ấy bảo "đem ra mà bắn chết đi !". Nếu muốn khỏi mắc những nỗi oan khổ vô duyên như thế, thì trước hết phải biết cho nhiều hơn một tí, phá cái vòng kia đi đã.

Trong giới văn học cũng thế, chúng ta biết ít quá, mà tài liệu cung cấp tri thức cho chúng ta cũng ít quá. Lương Thực Thu có một Babit[2], Từ Chí Ma có một Tagor[3], Hồ Thích Chi có một Điuây[4], – đúng, Từ Chí Ma còn có một Manphin[5] nữa, y đã từng đến khóc trước mộ bà ta –, nhóm *Sáng tạo* có văn học cách mạng, văn học hợp thời. Có điều, rất nhiều người phụ họa, rất nhiều người sáng tác, mà người nghiên cứu thì ít. Cho nên bây giờ, vẫn bị mấy người đưa đề mục[6] ra bao vây.

Các thứ văn học đều do hoàn cảnh mà sản sinh. Tuy người tôn sùng văn nghệ thích nói văn nghệ có thể làm nổi phong ba, nhưng trên thực tế, thì chính trị đi trước, văn nghệ biến đổi sau. Nếu nói văn nghệ có thể thay đổi hoàn cảnh, thì đúng là nói theo kiểu "duy tâm" ; sự việc xuất hiện không giống như các nhà văn học dự đoán. Cho nên cách mạng mà vĩ đại, thì những nhà văn học gọi là cách mạng, trước đấy, phải tiêu diệt đi đã, chờ cho cách mạng hơi có kết quả, hơi dư dả một chút, lúc đó mới sản sinh những nhà văn học cách mạng mới. Tại sao thế ? Bởi vì xã hội cũ gần đến lúc tan rã, thường xuất hiện những tác phẩm gần như có tính chất cách mạng, nhưng kỳ thực không phải là văn học cách mạng chân chính. Thí dụ : ghét xã hội cũ, nhưng chỉ ghét mà thôi, chứ không có lý tưởng gì về tương lai, hoặc giả cũng hô to cải tạo xã hội, nhưng hỏi mong mỏi một xã hội như thế nào, thì lại là một Utopia[7] không thể thực hiện được ; hoặc giả mình sống buồn tẻ, liền ao ước hão huyền một cuộc chuyển biến lớn đến kích thích, giống như người ăn cơm no muốn ăn một tí tiêu ớt cho khoái lỗ miệng. Thấp hơn nữa, có những người vốn là người cũ, nhưng thất bại trong xã hội, muốn đeo chiêu bài mới, dựa vào thế lực mới, để có địa vị khá hơn.

---

(1) *No* : tiếng Anh, nghĩa là *không*.

(2) *J.Babbitt* (1865 – 1933) : nhà phê bình văn nghệ tư sản, người Mỹ. Đương thời Lương Thực Thu có viết một cuốn sách tuyên truyền cho ông ta.

(3) *R. Tagor* (1861 – 1941) : nhà thơ Ấn Độ.

(4) *J.Dewey* : một triết gia người Mỹ.

(5) *K.Mansfield* (1889 – 1923) : nữ văn sĩ người Anh, chết ở Pháp. Từ Chí Ma hồi đó có viết một bài văn điếu bà ta.

(6) Ý I.ô Tấn muốn nói những người đó chỉ nêu đề mục ra, chứ không rõ nội dung lắm.

(7) *Utopia* : một hòn đảo lý tưởng, thực hành chủ nghĩa xã hội, nói trong cuốn tiểu thuyết *Utopia* của Thomas Moore, một nhà văn người Anh. Sau, chữ này có nghĩa là *không tưởng*.

Trường hợp nhà văn mong mỏi cách mạng, cách mạng đến, lại im tiếng, ở Trung Quốc đã có rồi. Tức như *Nam xã*[1] cuối Thanh. Đó là một đoàn thể văn học hô hào cách mạng ; họ than thở vì dân tộc Hán bị áp chế, phẫn nộ vì người Mãn hung ác, khao khát "khôi phục cựu vật". Nhưng sau khi Dân Quốc thành lập, thì im thin thít. Tôi nghĩ, như thế vì lý tưởng của họ là, sau cách mạng, "lại được thấy cái uy nghi của các ông quan người Hán"[2], mũ cao áo rộng. Nhưng sự thực lại không như thế, cho nên lấy làm chán ngán, không muốn cầm bút nữa. Thí dụ của nước Nga càng rõ. Cách mạng tháng Mười buổi đầu cũng có nhiều nhà văn cách mạng mừng rỡ vô cùng, hoan nghênh cuộc bão táp đó, muốn chịu mọi sự thử thách của mưa gió, sấm chớp. Nhưng về sau, nhà thơ Exênhin, nhà tiểu thuyết Sôbôli tự sát, gần đây, nghe nói nhà tiểu thuyết danh tiếng Êrenbua[3] cũng hơi phản động. Duyên cớ gì như vậy? Là bởi vì từ bốn phía thổi tới, không phải bão táp, cái đến thử thách cũng không phải mưa gió sấm chớp, mà là "cách mạng" thật sự. Không tưởng tan vỡ, thì người cũng không thể sống được nữa. Thật chẳng bằng phúc phận của những nhà thơ thời cổ tin chết rồi linh hồn lên trời[4], ngồi cạnh Thượng đế ăn điểm tâm[5]. Bởi vì trước khi đạt được mục đích, họ đã chết rồi !

Cứ như nghe nói thì Trung Quốc tất nhiên đã làm cách mạng rồi, – về mặt chính trị có lẽ như thế chăng, nhưng về mặt văn nghệ, thì lại chưa có gì thay đổi. Có người nói, "văn học tiểu tư sản lại ngóc đầu dậy". Kỳ thực, văn học tiểu tư sản ở đâu ? Ngay "đầu" cũng chẳng có, nói gì đến "ngóc" ! Cái này đối chiếu với những điều tôi nói trên mà suy luận ra, thì thấy văn học không thay đổi và phát triển gì cả, cái được phản ánh cũng không phải là cách mạng và tiến bộ – mặc dù nhà cách mạng nghe có lẽ cũng không thích lắm.

Còn như văn học cách mạng triệt để mà nhóm *Sáng tạo* đề xướng – văn học vô sản – tất nhiên lại càng chỉ là một cái đề mục. Bài thơ của Vương

---

(1) *Nam xã* : một đoàn thể văn học thành lập năm 1908 (Quang Tự năm thứ 34). Đoàn viên thường làm thơ hô hào cách mạng chống Thanh. Trước và sau Cách mạng Tân Hợi (1911), họ tham gia rất đông, toàn quốc có đến hàng nghìn người. Cách mạng thất bại, họ phân hóa, có người theo Viên Thế Khải, có người vào đoàn thể chính khách khác. Ít có ai tiến bộ.

(2) Nguyên văn : *"Hán quan uy nghi"* : chỉ chế độ lễ nghi của các ông quan thời Hán. Đây Lỗ Tấn nói đến tư tưởng phục cổ của một số nhà cách mạng phản Thanh. Họ muốn khôi phục lại chế độ phong kiến của người Hán.

(3) *Erenbourg* : nhà viết tiểu thuyết Liên Xô. Những tác phẩm buổi đầu của ông có mắc sai lầm, đã từng bị giới văn nghệ Liên Xô phê phán.

(4) Nhắc lại chuyện nhà thơ Lý Hạ đời Đường. (Xem thêm chú thích ở bài *Nôra đi rồi thì thế nào ?* ở tập ***Nấm mồ***).

(5) Đây là một câu trong bài thơ của H.Hainơ (H.Heine, 1797 – 1856) người Đức.

Độc Thanh, từ trong tô giới Thượng Hải nhìn cuộc bạo động Quảng Châu xa xôi mà bên này cũng cấm, bên kia cũng cấm, "Pong, Pong Pong", chữ in cứ to dần ra, chỉ chứng tỏ rằng ông ta từng bị kiểu chữ trên màn ảnh và bảng rao hàng của hiệu bán tương Thượng Hải làm cho cảm động, ông ta có chí bắt chước bài *Mười hai chiến sĩ* của Blôc, nhưng không đủ sức và tài. Bài *Một bàn tay*[1] của Quách Mạt Nhược có rất nhiều người cho là giai tác, nhưng nội dung kể chuyện một nhà cách mạng, sau cách mạng, mất một bàn tay, bàn tay còn lại vẫn có thể bắt tay người yêu, thì cái "mất" đó không khỏi quá may mắn. Trong ngũ thể, tứ chi, nếu phải mất đi một cái, thì thực không gì bằng mất một bàn tay. Mất chân thì bất tiện, mà mất đầu tất nhiên càng không xong rồi ! Chỉ chuẩn bị mất một bàn tay, thì có thể giảm bớt dũng khí chiến đấu; tôi nghĩ, cái mà người làm cách mạng không tiếc hy sinh, nhất định không phải chỉ cái đó. *Một bàn tay* cũng vẫn là cái điệu cũ : một anh tú tài nghèo gặp nạn, sau trúng trạng nguyên rồi cưới vợ !

Những cái đó cũng là một cách phản ánh hiện trạng Trung Quốc. Trên tờ bìa một tác phẩm văn học cách mạng xuất bản ở Thượng Hải gần đây, vẽ một cái nạng sắt, lấy trong sách *Tượng trưng của khổ muộn*[2] ra, trên cái răng nạng ở chính giữa, lại để một cái búa sắt, cái này lấy trên lá cờ Liên Xô. Nhưng hợp lại như thế, đã không đâm được, mà cũng không đánh được, chỉ có thể tỏ ra rằng tác giả bức vẽ đó tầm thường mà thôi – và cũng có thể dùng làm huy hiệu cho mấy nhà văn nghệ kia.

Từ giai cấp này chuyển sang giai cấp khác, tất nhiên là chuyện có thể có được, nhưng hay hơn hết là, ý thức như thế nào, cứ nói thẳng ra, để cho đại chúng xem, biết là thù hay là bạn, rõ ràng phân minh. Không nên trong đầu còn để lại bao nhiêu rác rưởi cũ, nhưng cố ý che giấu, rồi đóng kịch, chỉ vào mũi mình, nói : "Chỉ có ta đây là giai cấp vô sản !". Người bây giờ thần kinh đã quá nhạy, nghe nói đến "Nga", là nổi giận đùng đùng, ngay đến môi mà cũng không được tô đỏ, đối với sách vở, báo chí, thì thế này cũng sợ, thế kia cũng sợ ; mà các nhà văn học cách mạng thì lại không chịu giới thiệu lý luận và tác phẩm các nước khác cho nhiều, chỉ cứ trỏ vào mũi mình như thế, cuối cùng sẽ giống như "phụng chỉ thân xích" như đời Thanh ngày trước, làm cho người ta không hiểu gì hết.

Đối với các anh, "phụng chỉ thân xích", có lẽ cần phải giải thích mấy câu mới rõ chăng. Đó là chuyện thời đế chế. Một ông quan phạm tội, liền

---

(1) Bài này đăng ở tạp chí *Sáng tạo* năm 1928, nhưng nội dung khác với điều Lỗ Tấn nói.

(2) *Tượng trưng của khổ muộn*, bản dịch tiếng Trung Quốc, bìa do Đào Nguyên Khánh vẽ. Bìa vẽ một cái nạng sắt đâm vào lưỡi một người con gái, tượng trưng "cái khổ ở cõi đời".

bất quỳ ở ngoài cửa nào đó, rồi Hoàng đế sai một ông thái giám đến mắng chửi. Lúc đó, chịu mất ít tiền, thì chửi vài câu là thôi. Nếu không chịu mất tiền, thì y chửi từ tổ tông cho đến con cháu. Kể là Hoàng đế đang chửi, nhưng ai dám đến hỏi Hoàng đế, có phải Ngài muốn chửi như thế không ? Năm ngoái, theo báo chí Nhật Bản nói, thì Thành Phương Ngô là do đại chúng công nông Trung Quốc chọn đưa sang Đức nghiên cứu về kịch rồi. Chúng ta cũng không biết dò hỏi ai, có phải thật chọn như thế hay không.

Cho nên tôi nghĩ, nếu muốn hiểu rõ hơn một tí, lại đành nói cái câu tôi thường nói : "Nên xem sách nước ngoài cho nhiều" để phá cái vòng bao vây đó. Việc này, đối với các anh, không mệt lắm. Sách tiếng Anh hoặc dịch ra tiếng Anh nói về văn học mới, tuy không nhiều, nhưng mấy quyển có đó, nhất định thiết thực, đáng tin cậy. Sau khi xem nhiều lý luận và tác phẩm các nước khác, mà đánh giá văn nghệ mới Trung Quốc thì có thể rõ ràng hơn nhiều. Tốt hơn nữa là giới thiệu với độc giả Trung Quốc ; dịch so với sáng tác thàm thàm, không dễ hơn đâu, nhưng lại có công hơn đối với sự phát triển của nền văn học mới, càng có ích đối với mọi người.

1929

(Tập ***Tam nhàn***)

60. SỰ BIẾN ĐỔI CỦA BỌN LƯU MANH*

Khổng, Mặc đều bất mãn với hiện trạng, muốn cải cách, nhưng bước đầu là thuyết phục vua, và cái dùng thuyết phục vua, đều là "Trời"(1).

Đồ đệ của Khổng Tử là nho gia, đồ đệ của Mặc Tử là hiệp sĩ. "Nho giả, nhu dã"(2), tất nhiên không nguy hiểm. Duy hiệp sĩ thì thật thà, cho nên những người theo đạo Mặc thời cuối đều lấy cái "chết"(3) làm mục đích cuối cùng. Về sau, những người thật thà chân chính dần dà chết hết, chỉ còn lại những hiệp sĩ tinh khôn, các bậc đại hiệp thời Hán, ăn lộc bọn công hầu quyền quý, phòng khi nguy cấp thì phù hộ cho chúng.

Tư Mã Thiên nói : "Nhà nho lấy văn loạn pháp, kẻ hiệp sĩ lấy võ phạm cấm"(4). "Loạn pháp" và "phạm cấm" quyết không phải là "phản", chẳng qua làm rối lên một chút mà thôi, huống chi còn có bọn quyền quý như "ngũ hầu"(5) ở đấy. Chữ "hiệp" mất dần, cường đạo nổi lên, nhưng cũng thuộc vào dòng hiệp sĩ. Lá cờ của họ là "Thế thiên hành đạo"(6). Họ phản đối gian thần, chứ không phản đối thiên tử. Họ cướp người bình dân, chứ không cướp bậc khanh tướng. Lúc Lý Quỳ cướp pháp trường, vung búa lên nhè vào đầu mà chém, thì kẻ bị chém là người xem. Bộ *Thủy hử* nói rất phân minh : bởi

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Manh nha nguyệt san*, số tháng 1 năm 1930.

(1) Tác giả muốn nói đến tư tưởng triết học : "thiên mệnh", "thiên ý" trong các tác phẩm của Nho gia và Mặc gia. Sách *Luận ngữ* có câu : "Kẻ quân tử có ba điều sợ, sợ mệnh trời, sợ bậc đại nhân, sợ lời nói của bậc thánh hiền" (thiên *Quý thị*). Sách *Mặc Tử* nói : "Thuận ý trời thì yêu thương nhau, làm lợi cho nhau, tất sẽ được thưởng, phản lại ý trời thì thù ghét nhau, đối với nhau như giặc cướp, tất sẽ phải tội" (thiên *Thiên chí*).

(2) Ý nói : nhà nho không bạo động

(3) Các hiệp sĩ đời Chiến Quốc đều xem nhẹ thân mình. Họ thường được bọn quyền quý nuôi dưỡng, và quan điểm đạo đức của họ đối với bọn quyền quý là: "Kẻ sĩ có thể chết vì người tri kỷ".

(4) Câu này lấy trong thiên *Ngũ đố*, sách *Hàn Phi Tử*. Tư Mã Thiên đã trích dẫn trong *Du Hiệp liệt truyện*, sách *Sử ký*.

(5) Thời Hán Thành Đế, năm anh em bên họ ngoại là Vương Đàm, Vương Phong Thời, Vương Căn, Vương Lập, Vương Thương được phong tước hầu cùng một ngày, gọi là "Ngũ hầu". Thời Hán, việc phong hầu cho bọn quyền quý bên họ ngoại rất phổ biến.

(6) "Thay trời hành đạo".

vì không phản đối Thiên tử, cho nên khi đại quân đến, thì chịu chiêu an, thay quốc gia đánh bọn cường đạo khác, – bọn cường đạo không "thế thiên hành đạo". Cuối cùng vẫn là nô lệ.

Người Mãn Châu vào cửa quan, Trung Quốc dần dần bị khuất phục, ngay những người có "khí phách hiệp sĩ" cũng không dám có ý nổi lên cướp, không dám chỉ trích gian thần, không dám trực tiếp đem sức ra giúp Thiên tử, thế rồi theo một ông quan tốt nào đó, hoặc theo vị khâm sai đại thần, làm người hộ vệ, bắt cướp cho chúng. Bộ *Thi Công án* cũng nói lên điều đó rất rõ. Còn có loại *Bành Công án, Thất hiệp ngũ nghĩa*, đến nay vẫn chưa hết. Họ xuất thân thanh bạch, trước kia cũng chẳng có gì xấu, tuy ở dưới khâm sai, nhưng vẫn trên bình dân, đối với một bên, cố nhiên phải nghe lệnh, đối với bên kia, vẫn tha hồ ra oai, mức độ an toàn càng tăng, tính chất nô lệ cũng càng đầy đủ.

Nhưng làm kẻ cướp thì bị quan quân đánh, bắt kẻ cướp cũng bị kẻ cướp đánh, muốn làm một người hiệp khách thật an toàn, thấy không ổn chút nào, thế là sinh ra hạng lưu manh. Hòa thượng uống rượu, chúng đánh, trai gái thông dâm, chúng bắt, đĩ lậu, gian thương, chúng làm nhục, để duy trì phong hóa. Người nhà quê không biết luật lệ của tô giới, chúng đánh đập, để tỏ ra khinh người ngu dốt, phụ nữ cắt tóc ngắn, chúng chửi bới, người cải cách xã hội, chúng thù ghét, để giữ trật tự. Nhưng phía sau, có chỗ dựa truyền thống, đối thủ lại không phải là cường địch ghê gớm, chúng tha hồ hoành hành. Tiểu thuyết bây giờ chưa có quyển nào tả cái điển hình đó. Chỉ Chương Thu Cốc trong cuốn *Rùa chín đuôi*[1] cho rằng y làm cho bọn kỹ nữ khổ nhục là vì kỹ nữ muốn mở then cửa ngõ nhà người ta, cho nên mới trừng phạt. Chỉ có nhân vật đó là gần với điển hình nói trên.

Vì hiện trạng cứ đổi tệ dần, có lẽ hạng người này sẽ thành nhân vật chính trong sách văn nghệ chăng, tôi đang chờ xem những tác phẩm gần đây của "nhà văn học cách mạng" Trương Tư Bình "thị"[2].

1929

(Tập ***Tam nhàn***)

---

(1) Tức cuốn *Cửu vĩ quy* của Chương Xuân Phàm xuất bản năm 1910. Đó là một cuốn tiểu thuyết tả đời sống kỹ nữ.

(2) *Trương Tư Bình*, lúc đầu là một nhà văn trong nhóm *Sáng tạo*, nhưng về sau thì trở thành một nhà tiểu thuyết chuyên môn viết chuyện sắc tình, và bỏ nhóm *Sáng tạo*. Trong thời gian kháng chiến chống Nhật, y là một nhà văn Hán gian. *"Nhà văn học cách mạng" Trương Tư Bình "thị"* là tên y tự đặt cho mình, khi y mở nhà xuất bản Lạc quần thư điếm, và viết trên các tờ quảng cáo. Chữ "*thị*" nghĩa đen là "*họ*". Người Trung Quốc trước kia thường thêm chữ "*thị*" vào tên mình, cho có vẻ cổ kính. Thí dụ "*Thúc Dạ thị*".

61. NHIỆM VỤ CỦA NHÀ PHÊ BÌNH TRONG NHÓM *TRĂNG MỚI**

Nhà phê bình trong nhóm *Trăng mới* rất ghét chế giễu, chửi bới, nhưng chỉ chế giễu, chửi bới một hạng người, tức là kẻ viết văn chế giễu, chửi bới. Nhà phê bình trong nhóm *Trăng mới* cho những người bất mãn với hiện trạng là rất không phải, nhưng chỉ bất mãn với một thứ hiện trạng, tức là kẻ bây giờ mà lại bất mãn với hiện trạng[1].

Có lẽ ý chừng là " lấy gậy ông đập lưng ông", gạt nước mắt mà duy trì trị an.

Ví dụ, giết người là không được. Nhưng giết kẻ "phạm tội giết người", cũng là giết người, còn ai dám nói là sai ? Đánh người cũng không được, nhưng lúc cụ lớn muốn đánh vào đít kẻ phạm tội ẩu đả, sai lính lệ đánh năm, mười roi, lẽ nào cũng kể là phạm tội đánh người ? Nhà phê bình nhóm *Trăng mới*, tuy có chửi bới, cũng có bất mãn, nhưng chỉ riêng mình là vượt ra ngoài tội ác chửi bới và bất mãn, tôi cho cũng là một lý ấy.

Lệ thường, tên đao phủ thủ và bọn lính lệ đã làm cái nhiệm vụ duy trì trị an ấy, thì ra ngoài xã hội, tất sẽ được người ta kính sợ đôi chút , thậm chí có tùy tiện nói vài câu trước mặt dân để ra oai, cũng không hề gì, quý hồ không hại đến trị an lắm, quan trên cũng làm ngơ như không biết.

Bây giờ nhà phê bình nhóm *Trăng mới* đang ra sức duy trì trị an theo kiểu ấy, nhưng điều họ muốn cũng không khác là " tự do tư tưởng", tư tưởng mà thôi, quyết không phải là đem tư tưởng ra mà thực hiện. Nhưng không ngờ lại vấp phải một kiểu duy trì trị an khác[2], đến "tưởng" cũng không cho "tưởng" nữa. Từ đó về sau, e lại phải bất mãn với hai thứ hiện trạng chăng !

1929

(Tập ***Tạp nhàn***)

---

* Bài này cũng đăng lần đầu trên tờ *Manh nha nguyệt san*, số tháng 1 năm 1930.

(1) Xem chú thích (2) ở bài Tựa (tập ***Tạp nhàn***)

(2) "Kiểu duy trì trị an khác" nói ở đây là "phương pháp khẩn cấp duy trì trị an" của bọn chính phủ phản động Quốc dân đảng đương thời.

62. "DỊCH CỨNG NHẮC" VÀ "TÍNH GIAI CẤP CỦA VĂN HỌC"*

Nghe nói những người trong nhóm *Trăng mới* đang khoe bây giờ báo họ tiêu thụ khá lắm rồi. Có lẽ thật như thế. Tôi là người rất ít giao thiệp, mà cũng thấy trong tay hai bạn thanh niên, tập hai gồm số 6 và 7 đóng chung. Nhân tiện giở xem, thấy những bài tranh đấu cho "tự do ngôn luận"(1) và tiểu thuyết chiếm phần lớn. Gần cuối, có bài *Bàn về cách dịch cứng nhắc của ông Lỗ Tấn* của ông Lương Thực Thu. Ông ta cho rằng dịch như thế "gần như là dịch chết", mà "kiểu dịch chết thì nhất định không thể lâu dài được"(2). Rồi ông ta trích dẫn ba đoạn văn tôi dịch, và cả đoạn trong lời nói sau để cuối sách *Văn nghệ phê bình*(3) : "*Nhưng vì năng lực người dịch có hạn, vì văn tự Trung Quốc vốn có nhiều khuyết điểm, cho nên dịch xong, xem lại, thấy có nhiều chỗ trúc trắc, thậm chí rất khó hiểu. Nếu phân tích từng câu, lại thấy mất hẳn ngữ khí lúc đầu. Đối với tôi, trừ cách dịch cứng nhắc như thế, chỉ có một con đường là bó tay chịu. Điều hy vọng duy nhất còn lại là bạn đọc sẽ cố gắng chịu khó xem mà thôi*". Những câu đó, ông

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Mầm non*, số 3 năm 1930.

(1) Lúc đầu, nhóm *Trăng mới* đề xướng "đấu tranh cho tự do ngôn luận", nhưng những nhân vật chủ yếu trong nhóm, cũng như bọn phản động Quốc dân đảng, lại đứng trên lập trường chống Cộng sản, chống nhân dân, nên thực tế, họ phản đối chủ trương nhân dân phải có tự do ngôn luận chân chính.

(2) Trong bài *Bàn về cách dịch cứng nhắc của ông Lỗ Tấn*, Lương Thực Thu viết : "Tất nhiên không nên dịch sai, bởi vì như thế là không trung thành với nguyên văn, tinh hoa sẽ dịch thành cặn bã. Nhưng một cuốn sách nhất định không thể dịch sai hoàn toàn từ đầu chí cuối, một trang phát hiện được mấy chỗ dịch sai, nhưng còn có những chỗ dịch không sai. Vả lại dịch sai từng bộ phận, dù sai, cũng còn đem lại cho anh một điều sai lầm. Điều sai lầm đó có lẽ quả có hại vô cùng, nhưng khi anh đọc, anh còn thấy thích thú. Dịch chết thì không như thế. Dịch chết thì nhất định từ đầu chí cuối là dịch chết. Đọc cũng bằng như không đọc, phí sức, phí thì giờ. Huống hồ người mắc khuyết điểm dịch sai quyết không thể đồng thời mắc khuyết điểm dịch chết được, mà dịch chết thì lại có lúc chính là dịch sai. Cho nên tôi cho rằng, dịch sai cố nhiên chúng ta rất ghét, nhưng kiểu dịch chết thì nhất định không thể lâu dài được" (*Trăng mới*, ngày 9, năm 1929).

(3) *Văn nghệ và phê bình* : tập luận văn về văn nghệ của Lunasacxki, Lỗ Tấn dịch, Thủy Mạt thư điếm, Thượng Hải xuất bản, 1929.

ta thêm vào những vòng khuyên ở bên cạnh rất cẩn thận, và cạnh ba chữ "*dịch cứng nhắc*" thì khuyên một dãy[1], thế rồi phê bình một cách "nghiêm chỉnh" nói: "Chúng tôi đã "chịu khó cố gắng xem rồi", nhưng chẳng được gì hết. "Dịch cứng nhắc" và "dịch chết" có gì là phân biệt đâu ?".

Nhóm *Trăng mới* trong lời thanh minh, tuy nói không có tổ chức gì cả, và trong các bài luận văn, cũng tựa hồ rất ghét những danh từ "*tổ chức*" "*tập đoàn*" kiểu giai cấp vô sản, nhưng kỳ thực là có tổ chức, ít nhất, những bài luận văn về chính trị trong tập này đều "ăn khớp" với nhau ; về văn nghệ thì bài kia đăng ở chỗ dư ba của bài *Văn học có tính giai cấp không ?*, cũng một nhà phê bình ấy viết, in phía trước. Trong bài này có một đoạn nói : "*... Nhưng rất không may là, không có một cuốn nào loại đó, tôi xem hiểu được... Cái làm cho tôi thấy khó hiểu nhất là hành văn... quả thật đọc lên còn thấy khó hiểu hơn thiên thư nữa... Bây giờ chưa có một người Trung Quốc nào, dùng cách hành văn mà người Trung Quốc xem có thể hiểu được, viết thành một bài trình bày cho chúng tôi thấy lý luận văn học vô sản rút cục là như thế nào*". Bên cạnh cũng có những vòng khuyên. Sợ in phiền phức, tôi đã bỏ đi, bạn đọc tha thứ cho. Tóm lại, ông Lương Thực Thu tự nhận mình là đại biểu cho tất cả người Trung Quốc. Những cuốn sách đó, ông ta xem không hiểu, thì tất cả người Trung Quốc cũng xem không hiểu, cần phải tiêu diệt nó đi trên đất Trung Quốc. Thế là ông ta ra chỉ thị nói : "*Kiểu đó nhất định không thể để được*" v.v...

Ý kiến những người viết và dịch "thiên thư" khác, tôi không thể đại biểu được, nhưng theo cá nhân tôi thấy, thì sự tình không đơn giản như thế. Một là, ông Lương Thực Thu tự cho rằng ông ta đã "chịu khó cố gắng đọc" rồi, nhưng cuối cùng đã cố gắng chưa, có đầy đủ hay không, còn là một vấn đề. Tự cho mình là "cứng", nhưng thực thì mềm như bông[2], đó là một đặc sắc của nhóm *Trăng mới*. Hai là, ông Lương Thực Thu tuy tự đứng ra đại biểu cho tất cả người Trung Quốc, nhưng rút cục, ông ta có phải ưu tú nhất trong cả nước Trung Quốc hay không, cũng là một vấn đề. Vấn đề này, có thể xem bài *Văn học có tính giai cấp không ?* mà giải thích được. Chữ *Proletary* bất tất dịch âm, rất có thể dịch nghĩa, còn có lý. Nhưng nhà phê bình ấy lại nói : "*Kỳ thực, giở tự điển ra xem thì thấy ý nghĩa chữ ấy không lấy gì làm*

---

(1) Người Trung Quốc in sách trước đây, thường dùng những vòng khuyên thay cho gạch dưới để nhấn mạnh.

(2) Ở đây Lỗ Tấn chơi chữ, không dịch được. Nguyên chữ "cố gắng", nguyên văn là "*ngạch*" (cứng) nên mới hạ chữ "mềm" như bông (nhuyễn như miên).

vẻ vang lắm. Theo cuốn Vibast đại từ điển, *nghĩa chữ Proletary là : "a citizen of the lowest class who served the state not with property, but only by having children". Proletary là giai cấp trong nước chỉ biết sinh con đẻ cái mà thôi ! (ít ra thời đại La Mã là như thế).* Kỳ thực, không cần phải tranh giành cái "vẻ vang" đó, có lẽ người hơi có chút thường thức thì không đến nỗi cho thời bây giờ là thời đại La Mã, và xem người vô sản hiện đại như người La Mã. Cũng giống như *Chemie* dịch là *"Xá mật học"*[1], người đọc không thể lầm lẫn với "thuật luyện kim" của Ai Cập và đọc bài văn của ông Lương Thực Thu, họ cũng quyết không tra cứu nguồn gốc chữ, rồi hiểu lầm "cẩu độc mộc"[2] cũng cầm bút được. Ngay "giở tự điển xem" *(Vibast đại từ điển* !) cũng "chẳng được gì hết". Người Trung Quốc vị tất hoàn toàn như thế cả !

II

Nhưng điều tôi lấy làm thú vị là trong đoạn văn của ông Lương Thực Thu trích dẫn ở trên có hai chỗ ông ta dùng chữ "chúng tôi", hàm ít nhiều ý nghĩa "đa số" và "tập đoàn" rồi. Tất nhiên, tuy tác giả một mình chấp bút, nhưng khẩu khí không phải chỉ có một người. Dùng chữ "chúng tôi" thì hay tuyệt, làm cho người xem thấy có lực lượng, lại không đến nỗi một mình hai vai gánh lấy cả trách nhiệm. Thế nhưng, khi "tư tưởng không thể thống nhất được", lúc "ngôn luận cần phải tự do", giống như ông Lương Thực Thu đã phê bình chế độ tư bản, cũng có một cái "tệ hại". Tức là, đã có "chúng tôi" thì có "bọn họ", ngoài chúng tôi ; cho nên, tuy "chúng tôi" của nhóm *Trăng mới*, cho rằng cái "kiểu dịch chết của tôi nhất định không được", nhưng lại còn có những độc giả đọc xong không phải "chẳng được gì hết", mà cách "dịch cứng nhắc" của tôi vẫn còn tồn tại trong đám "bọn họ", và so với "dịch chết" cũng còn chút phân biệt.

Tôi cũng là một người trong đám "bọn họ" của nhóm *Trăng mới*, bởi vì điều kiện của việc tôi dịch hay viết, hoàn toàn khác với điều kiện mà ông Lương Thực Thu đòi hỏi.

Cái bài *Bàn về dịch cứng nhắc* ấy mở đầu bàn về "dịch sai hơn dịch chết" nói như sau :

---

(1) *Chemie* : là hóa học. *Xá mật học* : là dịch âm.
(2) Chữ "*Lương*" nghĩa là *cẩu độc mộc.*

"*Một cuốn sách nhất định không thể dịch sai hoàn toàn được, ... dịch sai từng bộ phận, dù sai, cũng còn đem lại cho anh một điều sai lầm ; điều sai lầm đó có lẽ quá có hại vô cùng, nhưng khi anh đọc, anh vẫn còn thấy thích thú*". Hai câu cuối rất có thể khuyên xích chó, nhưng xưa nay, tôi không hề làm cái trò ấy. Tôi dịch hay viết vốn không nhằm mục đích làm cho người đọc "thích thú", mà thường thường là làm cho người đọc khó chịu, thậm chí bực bội, thù ghét, căm giận. Những cái đọc xong thấy "thích thú", thì đã có các bản dịch và sáng tác của những người trong nhóm *Trăng mới* rồi : thơ của ông Từ Chí Ma, tiểu thuyết của các ông Thẩm Tùng Văn, Lăng Thúc Hoa, mục *Nói mà chơi* của ông Trần Tây Oánh (tức Trần Nguyên), những bài phê bình của ông Lương Thực Thu, ưu sinh học[1] của ông Phan Quang Đán, lại còn có chủ nghĩa nhân văn của ông Bạch Bích Đức nữa !

Cho nên, đoạn cuối ông Lương Thực Thu nói : "*Sách như thế, xem thật chẳng khác gì xem bản đồ, phải đưa ngón tay ra tìm vị trí, mối liên lạc cú pháp*". Những lời đó, tôi cảm thấy là những lời bỏ đi, nói mà cũng cầm bằng không nói. Đúng. Theo tôi, phải xem "sách như thế", như xem bản đồ, phải đưa ngón tay ra mà tìm vị trí và mối liên lạc cú pháp". Xem bản đồ, tuy không "thích thú" như xem tranh "*Dương Phi ra tắm*" hoặc tranh "*Ba người bạn giữa tiết lạnh*"[2], thậm chí còn phải đưa ngón tay mà lần mò (thực thì, có lẽ một mình ông Lương Thực Thu làm như thế mà thôi, chứ người xem bản đồ quen, chỉ dùng con mắt là đủ rồi), nhưng bản đồ cũng không phải là một bản vẽ chết ; cho nên xem "dịch cứng nhắc", dù cũng mệt nhọc như thế, theo thí dụ trên, vẫn có "phân biệt" chút ít với "dịch chết" đấy chứ ! Kẻ nhận ra được mấy chữ ABCD, tự cho là một nhà tân học, vẫn không biết các phương trình hóa học, kẻ biết gẩy bàn tính, tự cho là nhà toán học, nhìn vào các bài tính viết ra giấy vẫn chẳng được cái gì ! Thời đại ngày nay, vốn không phải hễ làm người học giả, tức là biết được tất cả mọi cái.

Nhưng ông Lương Thực Thu có những chứng cớ cụ thể ; ông ta đã trích dẫn ba đoạn văn tôi dịch, mặc dù biết rõ "*có lẽ vì không có đoạn trên và đoạn dưới, nên ý nghĩa không thật rõ ràng*". Trong bài *Văn học có tính giai cấp không ?*, ông ta cũng dùng thủ đoạn tương tự như thế, trích hai bài thơ dịch, rồi phê bình một cách tổng quát như sau : "*Có lẽ văn học vô sản thật*

---

(1) *Ưu sinh học* (Eugenics) : cũng gọi là *thiện chủng học*, nghiên cứu sự thay đổi nhân chủng, căn cứ vào tính chất di truyền.

(2) Tức tùng, trúc, mai.

vĩ đại chưa xuất hiện chăng, thế thì tôi nguyện ý chờ, chờ, chờ". Những kiểu đó, quả thật "thích thú" đấy, nhưng tôi có thể trích một đoạn trong trang thứ tám bài *Dọn nhà*, sáng tác – ôi sáng tác ! – đăng trong một số *Trăng mới* :

– *Gà con có tai không ?*

– *Mẹ chưa hề thấy gà con có tai dài.*

– *Nó làm sao nghe con gọi được ? – Em bé nhớ hôm nọ bà Tư nói cho em biết là tai để nghe, mắt để nhìn mọi cái cơ mà !*

– *Quả trứng này là gà trắng hay gà đen đấy ! – Em Chi thấy bà Tư không trả lời, liền đứng dậy sờ quả trứng và hỏi.*

– *Bây giờ thì chưa biết được, chờ ấp ra con rồi mới biết.*

– *Chị Uyển chị ấy nói gà con có thể thành gà lớn, những con gà con này cũng có thể thành gà lớn được ư ?*

– *Cứ cho chúng nó ăn no thì chúng nó có thể lớn, như chú gà này lúc mua về, đâu có lớn như thế này ?*".

Cũng đủ rồi. "Văn chương" thì có thể hiểu được đấy, cũng không cần phải đưa ngón tay ra mà lần mối liên lạc, nhưng tôi không "chờ" nữa, cho rằng, cứ xem đoạn văn này, thì chẳng những không thấy "thích thú" mà cũng rất ít phân biệt với không sáng tác.

Cuối cùng, ông Lương Thực Thu còn đặt ra một câu hỏi : *"Văn Trung Quốc và văn ngoại quốc không giống nhau... Dịch khó chính là ở chỗ ấy. Nếu như văn pháp, cú pháp, từ pháp của hai thứ ngôn ngữ hoàn toàn giống nhau, thế thì phiên dịch còn có thành một công việc nữa không ? ... Chúng ta không ngại thay đổi cú pháp đi, để làm cho người đọc có thể hiểu được, đó là điều quan trọng bậc nhất, bởi vì "cố gắng chịu khó" không phải là chuyện thích thú gì, và lại "dịch cứng nhắc" cũng không thể nào giữ được "ngữ khí tinh vi của nguyên văn". Nếu như "dịch cứng nhắc" mà có thể giữ được "ngữ khí tinh vi của nguyên văn", thì thật là lạ, còn có thể nói văn Trung Quốc có "khuyết điểm" ư ?"*. Tôi không ngu đến nỗi muốn đòi hỏi văn ngoại quốc giống như văn Trung Quốc, hoặc hy vọng "văn pháp, cú pháp, từ pháp của hai thứ ngôn ngữ hoàn toàn giống nhau". Nhưng tôi cho rằng quốc ngữ mà văn pháp phức tạp, thì dễ dịch văn ngoại quốc hơn, ngữ hệ gần nhau, cũng dễ dịch hơn, và cũng là một công việc. Hà Lan dịch Đức, Nga dịch Ba Lan, có thể nói như thế cũng như chẳng làm gì hay sao ? Tiếng Nhật Bản rất "không giống" với tiếng Âu, Mỹ, nhưng dần dần họ thêm cú pháp mới vào, so với cổ văn, càng tiện cho việc dịch thuật mà không mất

cái ngữ khí tinh vi của nguyên văn. Tất nhiên lúc đầu cần phải "tìm vị trí, mối liên lạc cú pháp", cái đó làm cho một số người không "thích thú", nhưng trải qua việc tìm kiếm và thói quen, nay đã đồng hóa, thành cái đã có từ trước rồi ! Văn pháp Trung Quốc, so với cổ văn Nhật Bản, còn không hoàn bị bằng, nhưng cũng từng có những cái thay đổi. Thí dụ *Sử ký, Hán thư* không giống với *Kinh Thư* ; văn bạch thoại ngày nay lại không giống với *Sử ký, Hán thư.* Có sáng tạo thêm, như đời Đường dịch Kinh Phật, đời Nguyên dịch Thượng dụ[1], đương thời có rất nhiều "văn pháp, cú pháp, từ pháp" được sáng tạo ra, dùng quen thì không cần phải đưa ngón tay ra lần mò, cũng có thể hiểu được. Bây giờ lại có "văn ngoại quốc". Nhiều cách đặt câu cũng cần phải sáng tạo, – nói cho tôi đi một chút, tức là sáng tạo cứng nhắc. Theo kinh nghiệm của tôi, dịch như thế, so với việc chia ra làm nhiều câu, có thể giữ được ngữ khí tinh vi của nguyên văn hơn, nhưng bởi vì phải sáng tạo cái mới, cho nên văn Trung Quốc để nguyên như trước có khuyết điểm. Có gì là "lạ", việc gì mà "ư" ? Nhưng phải "đưa ngón tay ra lần mò", "chịu khó cố gắng", đối với nhiều người, tất nhiên "không phải là một chuyện thích thú". Có điều, tôi vốn không định tâm làm cho các vị ấy "khoái chí" hoặc "thích thú", mà chỉ muốn có một số người đọc có thể thu lượm được ít nhiều. Còn như "bọn" ông Lương Thực Thu, buồn hay vui, hoặc có được gì hay không, quả "đối với tôi" như đám mây nổi"[2].

Ông Lương Thực Thu vốn không cần học hỏi lý luận văn học vô sản, nhưng có những chỗ ông ta xem không hiểu được. Thí dụ ông ta nói : *"Những cuốn sách ông Lỗ Tấn dịch mấy năm trước, như cuốn* Tượng trưng của khổ muộn *của Trù Xuyên Bạch*[3] *không phải là người ta đọc không hiểu, nhưng gần đây, sách dịch của ông ta tựa hồ đã đổi phong cách đi rồi !"*. Người chỉ cần có một tí thường thức là biết ngay rằng "văn Trung Quốc với văn ngoại quốc khác nhau", nhưng cùng một thứ văn ngoại quốc, vì mỗi nhà văn có một lối viết riêng, nên "phong cách" và "vị trí, mối liên lạc cú pháp" cũng có thể rất khác nhau. Câu hoặc đơn giản, hoặc phức tạp, danh từ hoặc thông thường, hoặc chuyên môn, quyết không phải cùng một thứ văn ngoại quốc thì đều dễ hiểu như nhau. Khi tôi dịch cuốn *Tượng trưng của khổ muộn* cũng giống như bây giờ, cứ bằng vào nguyên bản, theo từng câu, thậm chí

---

(1) Ở Trung Quốc, việc dịch *Kinh Phật* bắt đầu từ Đông Hán, nhưng đến Đường thì việc dịch thuật rất phát triển. Đời Nguyên, các chiếu chỉ, tấu sớ, công văn đều viết bằng chữ Mông Cổ, kèm theo bản dịch ra chữ Hán.

(2) Ý nói : dửng dưng như không. Chữ lấy trong sách *Luận ngữ.*

(3) Đây là một tập luận văn của nhà văn Nhật Bản. Vị danh tùng thư xuất bản năm 1924.

theo từng chữ mà dịch, thế nhưng ông Lương Thực Thu lại cho rằng xem còn có thể hiểu được, đó là vì nguyên văn vốn dễ hiểu, và cũng vì ông Lương Thực Thu là một nhà phê bình mới của Trung Quốc, và cũng vì trong đó cú pháp mà tôi đã sáng tạo cứng nhắc xem quen hơn. Nếu là học giả ở trong chốn hang cùng ngõ hẻm, chuyên đọc *Cổ văn quan chỉ*[1] xem, thì dễ thường lại không thấy khó hơn "thiên thư" hay sao ?

III

Có nhiều, những bản dịch lý luận văn học vô sản "còn khó hơn thiên thư" lần này lại ảnh hưởng không ít đến ông Lương Thực Thu. Xem không hiểu, cũng có thể có ảnh hưởng, nói thế giống như nói khôi hài, nhưng mà thật. Trong bài *Văn học có tính giai cấp không ?*, nhà phê bình ấy nói : "*Bây giờ tôi phê bình cái gọi là lý luận văn học vô sản, cũng chỉ có thể căn cứ vào một ít tài liệu tôi có thể hiểu được mà thôi*". Như thế tức là nói : do đó mà kiến thức của ông ta về thứ lý luận đó, hết sức không hoàn toàn.

Nhưng lỗi đó thì chúng tôi (bao gồm cả dịch giả các cuốn "thiên thư" nữa, cho nên gọi là "chúng tôi") cũng chỉ có thể chịu trách nhiệm một phần thôi, còn một phần thì tác giả, vì hồ đồ hoặc lười biếng, phải chịu lấy. "Sách của Lunasacxki, Plêkhanôp gì gì", tôi không biết, còn như ba bài luận văn của Bocdanôp[2] và nửa cuốn *Văn học và cách mạng* của Tơrôtxki thì quả đã có bản dịch tiếng Anh đấy. Nước Anh không có "ông Lỗ Tấn", bản dịch nhất định dễ hiểu lắm. Đối với sự nảy sinh của văn học vô sản vĩ đại, ông Lương Thực Thu từng tỏ vẻ nhẫn nại và can đảm "chờ, chờ, chờ", nhưng lần này, đối với lý luận, sao ông ta lại không chờ một chút, tìm về xem rồi hẵng nói. Không biết có mà không tìm, gọi là hồ đồ, biết có mà không tìm, gọi là lười, nếu như chỉ ngồi im lặng, như thế có lẽ "thích thú" đấy, nhưng mở miệng nói, thì lại rất dễ hớp phải khí lạnh !

Thí dụ, ngay cái bài văn cao siêu *Văn học có tính giai cấp không ?* kia, kết luận là không có tính giai cấp. Muốn xóa bỏ tính giai cấp, tôi cho dứt khoát nhất là học thuyết "Mã Khắc Tư, Ngưu Khắc Tư gì gì"[3] của Ngô Trĩ

---

(1) *Cổ văn quan chỉ* : một tập văn tuyển văn học cổ điển Trung Quốc.

(2) *A. Bogdanov* (1873 – 1928) : nhà triết học Liên Xô, người chủ trương "văn hóa vô sản" từ năm 1918. Những sai lầm của ông đã bị Lênin phê phán trong cuốn *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*.

(3) *Mã Khắc Tư* : tức Mac. Vì ở đây Ngô Trĩ Huy chơi chữ để thóa mạ chủ nghĩa Mac, *Mã* đối với *Ngưu*, nên cứ để theo cách phiên âm Trung Quốc. Đó là luận điệu của y trong bức thư gửi cho Uông Tinh Vệ.

Huy và học thuyết "trên thế giới làm gì có cái gọi là giai cấp !" của ông nào đó. Thế là vạn dân vui sướng, thiên hạ thái bình rồi ! Nhưng ông Lương Thực Thu lại trúng phải một ít độc "Mã Khắc Tư gì" rồi, nên ông ta thừa nhận trước, hiện nay nhiều nơi là chế độ tư bản, dưới chế độ ấy, có những người vô sản. Có điều *"những người vô sản đó vốn không tự giác giai cấp. Chỉ mấy ông lãnh tụ quá giàu lòng thương và có một thái độ quá khích mới đem cái quan niệm giai cấp đó truyền thụ cho họ"*(1), muốn thúc đẩy họ liên hiệp lại, kích thích ý chí đấu tranh của họ. Đúng đấy. Nhưng tôi cho rằng người truyền thụ không phải vì lòng thương mà vì tư tưởng cải tạo thế giới. Huống nữa, cái "vốn không có", thì không làm sao tự giác được, không làm sao kích thích được. Có thể tự giác, có thể kích thích, đủ thấy cái đó vốn có rồi. Cái vốn có thì không che đậy được mãi, thí dụ Galilê(2) nói quả đất xoay chuyển, Đacuyn(3) nói sinh vật tiến hóa, lúc đầu chẳng phải người thì gần như bị các nhà tôn giáo thiêu chết, người thì bị bọn bảo thủ công kích đấy ư ? Thế nhưng bây giờ, người ta đối với hai thuyết đó, chẳng ai cho là lạ nữa, chính bởi vì quả đất vốn vẫn xoay chuyển, sinh vật rõ ràng đang tiến hóa. Thừa nhận là có, mà lại muốn che đậy cho là không, nếu không khéo léo tuyệt trần thì không làm được !

Nhưng ông Lương Thực Thu đã có cách loại trừ đấu tranh. Ông ta cho, như Rutxô nói, *"tư bản là cơ sở của văn minh"*, *"cho nên công kích chế độ tư sản tức là phản đối văn minh"*(4), *"một người vô sản, nếu có tiền đồ, thì chỉ cần chịu khổ chịu sở, thành thật làm việc suốt đời, ít hay nhiều, nhất định có thể dành dụm được một ít tư sản tương đối khá. Đó là thủ đoạn đấu tranh sinh sống chính đáng"*. Tôi nghĩ, Rutxô sống cách ngày nay tuy đã một trăm năm mươi năm, nhưng không đến nỗi cho rằng văn minh quá khứ, vị lai đều lấy tư sản làm cơ sở. (Nhưng nếu nói lấy quan hệ kinh tế làm cơ sở thì tất nhiên đúng rồi !). Hy Lạp, Ấn Độ đều có văn minh, nhưng thời phồn thịnh đều không phải là xã hội tư sản, cái đó có lẽ ông ta cũng biết : nếu không biết, thì ông ta nhầm. Còn như cái cách "chính đáng" người vô sản nên "chịu cực chịu khổ" mà leo lên giai cấp hữu sản, thì ở Trung Quốc, đó là lời cổ huấn mà các cụ nhiều tiền, lúc cao hứng, thường cũng bày dạy cho những người công nhân nghèo khổ. Trên thực tế, hiện nay, những người "vô sản" đang "chịu cực chịu khổ, thành thật" muốn leo lên giai cấp trên,

---

(1) Đó là lời trích dẫn trong bài *Văn học có tính chất giai cấp không ?* của Lương Thực Thu.
(2) *Galilée* (1564 - 1642) : nhà vật lý học và thiên văn học có tiếng, người Ý.
(3) *Darwin* (1809 - 1882) : nhà sinh vật học vĩ đại, người Anh.
(4) Câu này trích dẫn trong bài *Văn học có tính giai cấp không ?*

cũng còn nhiều. Nhưng đó là lúc chưa có người "đem cái quan niệm giai cấp ấy truyền thụ cho họ". Khi đã truyền thụ rồi, thì họ không chịu leo từng người một nữa, mà, đúng như ông Lương Thực Thu nói, *"họ là một giai cấp, họ muốn có tổ chức, họ là một tập đoàn, cho nên họ sẽ không theo con đường thường, họ nhảy một bước lên đoạt lấy quyền chính trị, quyền tài chính, nhảy một bước lên làm giai cấp thống trị"*. Có thể có những "người vô sản" muốn *"chịu khổ chịu sở, thành thật làm việc suốt đời, không ít thì nhiều, nhất định có thể có một ít tư sản tương đối khá"* hay không ? Tất nhiên còn. Nhưng người đó phải kể vào hạng *"người hữu sản chưa phát tài"*. Lời khuyên nhủ của ông Lương Thực Thu làm cho người vô sản buồn nôn, chỉ có thể cùng các cụ lớn đem ra tán thưởng với nhau mà thôi.

Thế thì, từ nay về sau thế nào ? Ông Lương Thực Thu cho rằng không đáng lo ngại. Bởi vì *"cái thứ hiện tượng cách mạng đó không thể lâu dài được, qua sự tiến hóa tự nhiên, định luật ai hơn thì thắng, ai kém thì thua, sẽ lại được chứng minh, vẫn là người thông minh tài giỏi hơn đời chiếm địa vị hơn hẳn, còn người vô sản vẫn là người vô sản"*. Nhưng giai cấp vô sản đại khái cũng biết *"thế lực phản văn minh không chống thì chẳng sẽ bị thế lực văn minh chinh phục"*, cho nên *"cần phải xây dựng cái gọi là nền văn hóa vô sản"*... trong đó bao gồm cả văn nghệ, học thuật[1].

Từ đây trở xuống, mới bàn về phê bình văn học.

IV

Trước hết, ông Lương Thực Thu cho rằng lý luận văn học vô sản sai lầm ở chỗ *"đem những ràng buộc giai cấp cột vào văn học"*, bởi vì một nhà tư bản và một người lao động có chỗ khác nhau, nhưng còn có chỗ giống nhau, *"nhân tính của họ* (hai chữ nhân tính vốn có vòng khuyên bên cạnh) *chỉ là một"*, thí dụ đều vui buồn, yêu ghét, đều yêu đương (nhưng đây là *"nói bản thân tình yêu, chứ không phải phương thức yêu đương"*), *"văn học chính là nghệ thuật biểu hiện cái nhân tính tối cơ bản đó*[2]". Những lời đó vừa mâu thuẫn vừa trống rỗng. Văn minh đã lấy tư bản làm cơ sở, người nghèo khổ phải kiệt sức leo lên vì "có tiền đồ", thế thì leo lên là ý nghĩa của nhân sinh, người giàu là bậc chí tôn trong nhân loại, văn học chỉ cần biểu hiện giai cấp tư sản là đủ rồi, lại hà tất "quá giàu lòng thương" như thế, mà bao gồm

(1) Văn là những câu lấy trong bài của Lương Thực Thu.
(2) Văn trích trong bài của Lương Thực Thu.

cả những người vô sản "thua kém" vào nữa ? Huống chi "bản thân" của "nhân tính", thì biểu hiện như thế nào ? Thí dụ, tính chất hóa học của nguyên chất hay tạp chất có sức hóa hợp, tính chất vật lý có độ cứng, muốn tỏ rõ cái lực đó hoặc mức độ đó, phải dùng hai thứ vật chất để biểu hiện. Nếu nói không dùng vật chất mà tỏ rõ "bản thân" đơn thuần của sức hóa hợp và độ cứng, thì không có một diệu pháp nào như thế cả. Nhưng đã dùng vật chất, thì hiện tượng đó tức lại vì vật chất mà khác nhau. Văn học mà không dựa vào con người, thì không làm thế nào biểu hiện được cái "tính", mà đã dùng con người, lại là con người trong xã hội có giai cấp, thì quyết không thể nào bỏ được tính giai cấp của nó, không cần phải "ràng buộc", tất nhiên phải như thế. Cố nhiên, "vui buồn, yêu ghét là tình của con người", nhưng người nghèo quyết không có cái buồn buôn thua bán lỗ ở Sở giao dịch, ông vua dầu hỏa làm sao biết được nỗi cực khổ của bà già nhặt rỉ than ở Bắc Kinh, nạn dân vùng đói kém chắc không trồng hoa lan như các cụ lớn giàu sang, lão Tiêu Đại trong phủ họ Giả không yêu cô Lâm Đại Ngọc[1]. "Còi nhà máy ơi !" "Lênin ơi !", cố nhiên không phải như thế là văn học vô sản, thế nhưng, "tất cả mọi vật ơi !", "tất cả mọi con người ơi !", "Việc vui đến rồi, người vui sướng rồi !", cũng không phải là văn học biểu hiện "bản thân" của "nhân tính". Nếu cho văn học biểu hiện nhân tính tối phổ biến là cao nhất, thì văn học biểu hiện động vật tính tối phổ biến – dinh dưỡng, hô hấp, vận động, sinh đẻ, – hoặc giả, bỏ "vận động" đi, văn học biểu hiện sinh vật tính, tất phải cao hơn nữa ! Nếu nói, vì chúng ta là người, cho nên lấy việc biểu hiện nhân tính làm giới hạn, thì người vô sản, vì là giai cấp vô sản, cho nên phải làm văn học vô sản.

Lại nữa, ông Lương Thực Thu nói giai cấp của tác giả không liên quan gì đến tác phẩm. Tônxtôi xuất thân quý tộc, mà đồng tình với dân nghèo, nhưng cũng không chủ trương đấu tranh giai cấp ; Mac không phải là người trong giai cấp vô sản ; bác sĩ Jônxơn[2] suốt đời cùng khổ, nhưng chí hướng, hành vi, ngôn ngữ lại còn hơn quý tộc nữa. Cho nên đánh giá văn học, phải nhìn vào bản thân tác phẩm, không nên lôi kéo cả thân thế và giai cấp của tác giả vào. Những thí dụ đó cũng hoàn toàn không đủ để chứng minh văn học không có tính giai cấp. Tônxtôi chính vì xuất thân quý tộc, tính chất cũ gột không sạch, cho nên chỉ đồng tình với người nghèo mà không chủ trương

---

(1) *Tiêu Đại* : người đày tớ già ; *Lâm Đại Ngọc* : một cô tiểu thư, đều là nhân vật trong *Hồng lâu mộng*.

(2) *Samuel Johnson* (1709 – 1784) : nhà văn người Anh.

đấu tranh giai cấp. Mac quả lúc đầu vốn không phải là người trong giai cấp vô sản, nhưng ông không có tác phẩm văn học nào, chúng ta không thể đoán nếu ông sáng tác, thì cái mà ông biểu hiện nhất định là bản thân tình yêu, không dùng phương thức. Còn như Jônxơn suốt đời cùng khổ mà chí hướng, hành vi, ngôn ngữ đều quá cả vương hầu, thì tôi quả thực không biết duyên cớ vì đâu, bởi vì tôi không biết văn học nước Anh và tiểu sử ông ta. Có lẽ, ông ta vốn muốn *"chịu cực chịu khổ, thành tâm làm việc suốt đời, không ít thì nhiều, nhất định có thể được một ít tư bản tương đối khá"*, sau đó sẽ leo lên giai cấp quý tộc, không ngờ cuối cùng kém thì thua, đến một cái tư sản tương đối khá cũng không tích lũy được, cho nên chỉ còn lại được cái vỏ. "Thích thú" nhé !

Lại nữa, ông Lương Thực Thu nói : *"Tác phẩm hay vĩnh viễn là của riêng của một số ít người ; đại đa số vĩnh viễn là ngu xuẩn, vĩnh viễn không liên quan gì đến văn học"*, nhưng có năng lực thưởng thức hay không lại không liên quan gì đến giai cấp, bởi vì *"thưởng thức văn học cũng là một cái phúc phận trời sinh"*, tức là, mặc dù trong giai cấp vô sản, cũng có thể có người có "cái phúc phận trời sinh" đó. Theo tôi suy luận, thì chỉ cần có hạng người có "phúc phận" đó, tuy nghèo đến nỗi không thể được học hành, đến nỗi một chữ không biết, cũng có thể thưởng thức được văn chương tạp chí *Trăng mới*, để làm chứng cho cái chủ trương : "nhân tính" và "bản thân" văn nghệ vốn không có tính giai cấp. Nhưng ông Lương Thực Thu cũng biết trời sinh ra người vô sản có cái phúc phận ấy nhất định không nhiều, cho nên cần phải có một cái gì đó (văn nghệ ?) để cho họ xem, *"thí dụ những loại kịch, điện ảnh thông tục, tiểu thuyết thông tục"*, bởi vì *"người lao công, lao nông cần phải giải trí, vui chơi, có lẽ cũng cần một ít cách giải trí nghệ thuật"*. Xem thế thì, hình như văn học quả vì giai cấp mà không giống nhau, nhưng đó là do năng lực thưởng thức cao hay thấp quyết định, sự bồi dưỡng năng lực đó không liên quan gì với kinh tế, mà là "phúc phận", cái Thượng đế ban cho. Vì thế, nhà văn cần phải được tự do sáng tác, không nên để cho hoàng thất quý tộc thuê mướn đã đành, mà cũng không nên để cho giai cấp vô sản uy hiếp, làm thứ văn chương ca công tụng đức. Cái đó đúng lắm. Nhưng trong lý luận văn học vô sản mà chúng ta thấy, cũng không có ai nói nhà văn của một giai cấp nào đó không nên để cho hoàng thất quý tộc thuê mướn, lại nên để cho giai cấp vô sản uy hiếp, làm văn chương ca công tụng đức, mà chỉ nói, văn học có tính giai cấp ; trong xã hội có giai cấp, nhà văn tuy tự cho mình là "tự do", tự cho mình là siêu giai cấp, nhưng cuối cùng vẫn bị ý thức giai cấp của giai cấp bản thân mình chi phối một cách

vô ý thức ; những sáng tác kia chẳng phải là văn hóa của một giai cấp nào khác cả. Thí dụ, bài văn này của ông Lương Thực Thu, nguyên ý là thủ tiêu tính giai cấp trong văn học, nêu cao chân lý. Nhưng ông ta lại lấy tư sản làm tổ tiên của văn minh, cho người nghèo là cặn bã, chỉ cần liếc qua, cũng biết đó là "vũ khí" đấu tranh – không, "văn chương" – của nhà tư sản rồi. Các nhà lý luận văn học vô sản cho rằng, lý luận văn học chủ trương "toàn thể nhân loại", "siêu giai cấp" là có lợi cho giai cấp hữu sản. Đấy là một chứng cứ hết sức rõ. Còn như những nhà văn vô sản, kiểu ông Thành Phương Ngô, đưa ra luận điệu : "bọn họ nhất định thắng, cho nên chúng ta hãy chỉ đạo, an ủi họ đi !", nói "đi" rồi, thì "sai khiến" "bọn họ", những nhà văn vô sản, ngoài bọn mình ; không cần phải nói, như thế không khỏi mắc cái sai lầm là "làm theo ý mình", cũng như ông Lương Thực Thu đối với lý luận văn học vô sản.

Lại thứ nữa, cái mà ông Lương Thực Thu ghét nhất là : nhà lý luận văn học vô sản cho rằng văn nghệ là vũ khí đấu tranh, tức xem như công cụ tuyên truyền. Ông ta *"không phản đối bất cứ người nào lợi dụng văn học để đạt một mục đích khác"*, nhưng ông ta *"không thể thừa nhận văn chương kiểu tuyên truyền là văn học được"*. Tôi cho rằng nói như thế chỉ tự làm phiền cho mình mà thôi. Những bài lý luận tôi đã xem qua, đều chỉ nói phàm là văn nghệ tất có tuyên truyền cái gì, chứ không ai chủ trương chỉ văn chương kiểu tuyên truyền mới là văn học. Quả thật, từ năm kia đến nay, Trung Quốc có rất nhiều thơ ca, tiểu thuyết đem khẩu hiệu, biểu ngữ điền vào, tự cho là văn học vô sản. Nhưng như thế là vì thứ văn học đó, nội dung cũng như hình thức, đều không có chút hơi vô sản nào cả, không dùng khẩu hiệu và biểu ngữ, thì không làm thế nào mà tỏ ra nó "mới trưởng thành" được ; thực tế, đó không phải là văn học vô sản. Năm nay, ông Tiền Hạnh Đồn[1], một "nhà phê bình văn học vô sản" có tiếng, trên tờ *Người vỡ hoang*, còn trích dẫn lời của Lunasacxki, nói rằng ông ta đánh giá cao thứ văn học mà đại chúng có thể hiểu được ; đủ thấy dùng khẩu hiệu, biểu ngữ chưa hẳn đã là sai lầm, để biện hộ cho cái thứ "văn học cách mạng" kia[2]. Nhưng tôi cảm thấy cái đó cũng là một sự xuyên tạc vô tình hay hữu ý, giống như ông Lương Thực Thu. Cái mà Lunasacxki nói đại chúng có thể hiểu được, nên dành để chỉ văn thể như những cuốn sách nhỏ của Tônxtôi viết để phân phát

---

(1) *Tiền Hạnh Đồn* : nhà phê bình, nhà thơ, nhà viết kịch trong nhóm *Thái dương* của Tưởng Quang Từ. Năm 1930, ông cũng có chân trong Liên hiệp các nhà văn cánh tả và xuất bản tờ *Hải phong chu báo*.

(2) Ý lấy trong bài *Mấy vấn đề cụ thể trong văn học mới trưởng thành của Trung Quốc*, đăng trong tạp chí *Người vỡ hoang* (1-1930).

cho nông dân ; ngữ pháp, điệu ca, câu khôi hài, công nông xem là hiểu ngay. Cứ xem ông Dêmian Betnưi[1] làm thơ mà được huy chương Cờ đỏ, trong thơ ông không hề dùng khẩu hiệu và biểu ngữ, thì đủ rõ.

Cuối cùng, ông Lương Thực Thu muốn xem mặt hàng. Hay lắm. Đó là cách thiết thực nhất. Nhưng chép hai bài thơ dịch, nói là để trình bày với công chúng, thì không đúng. Trên tờ *Trăng mới* đã có bài *Bàn về những khó khăn trong công việc dịch thuật* rồi, huống chi bài dịch đây lại là thơ. Theo chỗ tôi thấy mà bàn, thì những tác phẩm như *Đông Kisôt được giải phóng* của Lunasacxki, *Chiến bại* của Fadêep[2], *Xi măng* của Glacôp[3], thì mười một năm nay, Trung Quốc chưa có tác phẩm nào có thể so sánh được. Đó là chỉ những nhà văn được hưởng cái dư âm của văn minh tư sản và dốc lòng ủng hộ nó, như những người trong nhóm *Trăng mới*. Trong các tác phẩm của những nhà văn tự xưng là vô sản, tôi cũng không thể cử ra được những thành tựu tương đương. Nhưng ông Tiền Hạnh Đồn cũng đã biện hộ cho, nói rằng bản lĩnh văn học của giai cấp mới trưởng thành tất nhiên ấu trĩ và đơn thuần ; đòi hỏi họ ngay những tác phẩm tốt, là ác ý của bọn "buốc gioa"[4]. Câu đó mà nói về công nông, thì hết sức đúng. Đòi hỏi vô lý như thế có khác nào làm cho họ đói rét bao nhiêu lâu nay, rồi quay lại trách làm sao họ không béo mập được như các ông nhà giàu ! Nhưng các nhà văn Trung Quốc bây giờ lại quả không phải là những người vừa bỏ cuốc, bỏ búa xuống ; đại đa số là những nhà trí thức, có được cắp sách đến nhà trường, một số còn là những nhà văn có tiếng từ lâu, chẳng lẽ sau khi khắc phục được ý thức tiểu tư sản của mình rồi, thì bản lĩnh văn học trước kia cũng tiêu diệt nốt hay sao ? Không thể như thế. Các nhà văn lão thành nước Nga, như A. Tônxtôi, Vêrêxaep, Prisvin[5], đến nay vẫn có những tác phẩm tốt. Trung Quốc sở dĩ có khẩu hiệu mà không có thực chứng kèm theo, tôi nghĩ, căn bệnh đó không phải ở chỗ "lấy văn nghệ làm vũ khí đấu tranh giai cấp", mà ở chỗ "mượn đấu tranh giai cấp làm vũ khí văn nghệ", ở chỗ dưới lá cờ "nhà văn vô sản" đó, tụ tập không ít những người bốn dưng ở đâu xoay

---

(1) *Demian Bednưi* (1883 – 1945) : nhà thơ Liên Xô.

(2) Cuốn *Chiến bại* của Fadêep đã được Lỗ Tấn dịch ra Trung văn, đăng trên tờ *Mầm non*, năm 1930, đề là *Hủy diệt*.

(3) *E. Gladkov* : nhà viết tiểu thuyết Liên Xô. Cuốn *Xi măng* tả cuộc phục hưng kinh tế Liên Xô.

(4) Tiểu tư sản.

(5) *A. Tônxtôi* (1883 – 1945), *V. Veresaep* (1867 – 1945), *M. Prisvin* (1874 – 1954) : đều là những nhà văn có tiếng trước Cách mạng tháng Mười. Sau Cách mạng họ vẫn sáng tác.

sang. Thử xem quảng cáo sách mới xuất bản năm ngoái, cơ hồ không có cuốn nào là không phải văn học cách mạng. Nhà phê bình lại chỉ dùng cách biện hộ thay cho "thanh toán", tức là mời văn học đến ngồi dưới sự yểm hộ của "đấu tranh giai cấp", thế là văn học tự nó không cần phải ra sức nữa, do đó mà cả hai bên, văn học và đấu tranh, đều ít quan hệ với nhau.

Những hiện tượng nhất thời trước mắt ở Trung Quốc, tất nhiên không đủ làm chứng để phủ nhận văn học vô sản mới trưởng thành. Ông Lương Thực Thu cũng biết thế, cho nên, cuối cùng ông ta nhượng bộ, nói : *"Giả thử nhà cách mạng vô sản nhất định muốn gọi văn học tuyên truyền của họ là văn học vô sản, thì cũng cứ kể cho là văn học mới trưởng thành đi, cũng cứ kể là mùa gặt mới trên quốc thổ văn học đi, cần gì phải hô to đả đảo văn học tư sản để tranh đoạt lĩnh vực văn học, bởi vì lĩnh vực văn học rộng lắm, cái mới vẫn có chỗ của nó cơ mà !"*[1]. Nhưng cái đó chẳng khác gì thuyết "Trung – Nhật thân thiện, đồng tồn cộng vinh"[2] ; đối với người vô sản chưa đủ lông đủ cánh, thì đó là một cách lừa bịp. Hiện nay e cũng có những "nhà văn vô sản" muốn như thế, nhưng đó là hạng "người vô sản" mà ông Lương Thực Thu gọi là có "tương lai", muốn leo lên giai cấp tư sản. Tác phẩm của họ chỉ là những lời than thở của anh tú tài kiết khi chưa trúng trạng nguyên, từ khi bắt tay leo cho đến lúc leo tới nơi, quyết không phải là văn học vô sản. Văn học vô sản là một cánh quân, lấy sức mình đấu tranh cho sự giải phóng của giai cấp mình và tất cả mọi giai cấp. Nó cần chiếm cả toàn bàn, chứ không phải là một góc. Hãy lấy giới phê bình văn nghệ làm thí dụ. Giả như trong "cung điện nghệ thuật" của "nhân tính" (chữ này phải mượn của ông Thành Phương Ngô mà dùng tạm), bày hai chiếc ghế dựa lót da hổ, ngoảnh mặt về hướng nam, mời hai ông Lương Thực Thu và Tiền Hạnh Đồn ngồi song song, ông bên hữu cầm tờ *Trăng mới*, ông bên tả cầm tờ *Thái dương*, tình hình đó quả đúng là "lao tư" cùng đẹp cả.

V

Đến đây, có thể lại nói về việc tôi "dịch cứng nhắc" được rồi. Suy nghĩ lại thì thấy đây là vấn đề cần phải đặt tiếp theo vấn đề "dịch cứng nhắc" : Văn học vô sản đã xem trọng việc tuyên truyền, tuyên truyền thì phải cho đa số có thể hiểu được, thế thì những "thiên thư" về lý luận mà anh "dịch cứng

(1) Trích trong bài *Văn học có tính giai cấp không ?* của Lương Thực Thu.

(2) Đó là khẩu hiệu của bọn đế quốc Nhật hồi đó đưa ra để lừa bịp nhân dân Trung Quốc.

nhắc", khó hiểu đó, rút cục dịch ra để làm gì ? Chẳng phải cũng bằng như không dịch hay sao ?

Tôi trả lời như sau : Tôi dịch cho tôi, cho mấy người tự xưng là nhà phê bình văn học vô sản, và một số độc giả không tìm cái "thích thú", không sợ gian khổ, ít nhiều muốn biết những lý luận đó.

Từ năm kia lại nay, những lời công kích cá nhân tôi nhiều lắm. Tờ tạp chí nào đại để cũng thấy tên "Lỗ Tấn", mà giọng lưỡi của tác giả, nghe qua, đại để giống như là nhà văn cách mạng. Nhưng tôi xem mấy bài thì lại thấy nói nhảm nhiều quá. Lưỡi dao giải phẫu đưa không trúng vào thớ thịt, chỗ đạn bắn vào cũng không gây thành được vết thương trí mạng. Thí dụ, giai cấp xuất thân của tôi, đến nay vẫn chưa định xong, lúc nói giai cấp tiểu tư sản, lúc nói "buốc-gioa", có khi lại thăng lên là "tàn dư phong kiến" và lại gần giống như vượn đười ươi (xem *Thư Đông Kinh* trên tờ *Sáng tạo*). Có một hồi, thì chửi đến cả màu sắc bộ răng nữa. Trong xã hội như thế này, rất có thể có tàn dư phong kiến xuất đầu lộ diện, nhưng tàn dư phong kiến là đười ươi thì bất cứ cuốn "duy vật sử quan" nào cũng không nói đến, cũng tìm không ra luận cứ cho răng màu vàng, tức là có hại cho văn học vô sản. Do đó tôi nghĩ, những bài lý luận có thể tham khảo được như thế này ít quá, nên mọi người mới mơ hồ. Còn như đối với kẻ thù, thì những việc như mổ xẻ, cắn xé, bây giờ không tránh khỏi, có điều có một cuốn sách giải phẫu học, có một cuốn sách nói về phương pháp nấu nướng, rồi cứ theo phương pháp mà làm, thì có thể tạo ra mùi vị, rút cục có thể hơi rõ ràng, ngon lành. Người ta thường lấy Prôtêmê (Prometheus)[1] trong thần thoại mà ví nhà cách mạng, cho rằng trộm lửa đem về cho loài người, tuy bị Thiên đế hành hạ, vẫn không hối hận, lòng kiên nhẫn to lớn đó cũng tương tự như thế. Nhưng tôi trộm lửa ở nước khác về, bản ý là nấu thịt của tôi, cho rằng nếu có thể làm cho mùi vị ngon hơn, thì cơ hồ về phía người cắn xé cũng có lợi phần nào, mà tôi cũng không uổng phí thân tôi : xuất phát điểm hoàn toàn là cá nhân chủ nghĩa, lại còn kèm theo thói xa hoa tiểu thị dân, và cả cái ý muốn "báo thù", dần dần sờ ra được lưỡi dao mổ xẻ, sẽ quay lại đâm vào tâm tạng người mổ xẻ. Ông Lương Thực Thu nói "bọn họ sẽ báo thù !". Kỳ thực há phải chỉ "bọn họ" mà thôi đâu, người như thế trong "tàn dư phong kiến" rất nhiều. Thế nhưng, tôi cũng muốn đưa lại chút ích lợi gì cho

(1) *Prometheus* : tức Prômêtê, nhân vật trong thần thoại Hy Lạp.

xã hội, kết quả người xem thấy được, vẫn là lửa và ánh sáng. Như vậy, lúc đầu bắt tay vào chỉ là *Chính sách văn nghệ*[1], bởi vì trong đó bao gồm nghị luận các phái. Ông Trịnh Bá Kỳ[2], bây giờ mở hiệu sách, in kinh của Hauptmann[3] và bà Gregori[4], hồi đó còn là nhà văn học cách mạng, trên tạp chí *Sinh hoạt văn nghệ*, ông ta là chủ biên, cười tôi dịch cuốn sách đó là không chịu lạc hậu, và đáng thương hại là lại bị người ta quất cho. Dịch một cuốn sách có thể nổi lên được, làm nhà văn học cách mạng dễ dàng lắm, tôi không hề nghĩ như vậy. Có một tờ lá cải nói tôi dịch cuốn *Bàn về nghệ thuật* là "đầu hàng". Đúng. Đầu hàng là chuyện thường có trên đời. Nhưng lúc bây giờ, nguyên soái Thành Phương Ngô đã sớm leo lên suối nước nóng Nhật Bản, trọ trong khách sạn Ba Lê rồi, thì ở đây biết tỏ lòng thành của mình với ai nữa ? Năm nay, luận điệu lại khác. Tờ *Người vỡ hoang* và tờ *Tiểu thuyết hiện đại* đều nói tôi "chuyển hướng"[5]. Tôi thấy Nhật Bản có một vài tạp chí từng dùng hai tiếng đó nói về ông Phiến Cương Thiết Bình[6], phái *Tân cảm giác* trước đây, cho là một danh từ tốt đẹp. Thật ra, bàn tán loạn xị như thế, cũng vẫn là bệnh cũ chỉ nhìn cái đầu đề mà không chịu suy nghĩ. Dịch một cuốn sách về văn học vô sản, không đủ để chứng minh phương hướng, nếu dịch sai, trái lại có thể có hại. Sách tôi dịch cũng là để tặng cho số nhà phê bình văn học vô sản tốc thành kia, bởi vì họ có nghĩa vụ không được ham "thích thú", mà phải nhẫn nại nghiên cứu những thứ lý luận đó.

Nhưng tôi tự tin rằng, tôi không cố ý dịch sai, lúc đánh nhằm vết thương của nhà phê bình mà tôi không phục, thì tôi cười, lúc đánh nhằm vết thương của chính mình tôi, thì tôi chịu đau, chứ quyết không thêm bớt. Đó cũng là một nguyên nhân vì sao mà thủy chung "dịch cứng nhắc". Tất nhiên, thế gian có thể có người dịch hay hơn, có thể dịch thành một thứ văn không

---

(1) Cuốn sách này gồm ba phần : *"Chính sách của Đảng về nghệ thuật"*, *"Chiến tuyến hình thái quan niệm và văn học"*, *"Chính sách của Đảng trên lĩnh vực văn nghệ"*, chuyển dịch từ bản tiếng Nhật, xuất bản năm 1930.

(2) *Trịnh Bá Kỳ* : một nhà văn viết truyện ngắn và phê bình văn học, cũng ở trong nhóm *Sáng tạo*.

(3) *G. Hauptmann* (1862 - 1946) : nhà viết kịch người Đức.

(4) *I. A. Gregory* (1852 - 1932) : nhà viết kịch người Anh.

(5) Đó là tiếng Tiền Hạnh Đồn dùng để nói Lỗ Tấn.

(6) Phiến Cương Thiết Bình : nhà văn phái tả Nhật Bản đương thời. Ông từng xuất bản tạp chí *Thời đại văn nghệ* (1924), đề xướng phong trào văn nghệ *Tân cảm giác* (néosensationisme), năm 1926 thì chuyển sang mặt trận văn nghệ tiến bộ.

sai, cũng không "cứng nhắc", hoặc không "chết", lúc đó, bản dịch của tôi tất nhiên sẽ bị đào thải ; tôi chỉ cần điền vào chỗ không gian từ "không có" đến "hay hơn" mà thôi !

Nhưng thế gian, giấy còn nhiều, mà số người trong các nhóm văn học lại ít, chí lớn sức hèn, không thể viết hết tất cả giấy mình có, thế là nhà phê bình trong nhóm có nhiệm vụ đánh địch giúp bạn, quét sạch kẻ khác loài, thấy người khác cũng bôi vẽ vào giấy, thì buồn rầu thở dài, lắc đầu, giẫm chân rất là khổ não. Tờ *Thần báo* ở Thượng Hải thậm chí còn gọi người dịch khoa học xã hội là "chó, mèo", giận dữ đến như thế ! Ông Tưởng Quang Z[1] mà "địa vị trên văn học mới trưởng thành của Trung Quốc như thế nào, độc giả đã biết từ lâu", có sang Đông Kinh, Nhật Bản, dưỡng bệnh, và có gặp Tàng Nguyên Duy Nhân[2]. Nghe Tàng Nguyên Duy Nhân nói chuyện Nhật Bản có nhiều bản dịch rất tồi, còn khó đọc hơn cả nguyên văn nữa..., ông ta bật cười, nói : "... Thế thì giới dịch thuật Trung Quốc càng lúng túng tợn. Gần đây, Trung Quốc có nhiều cuốn sách dịch từ tiếng Nhật, nếu người Nhật dịch sai hay là thay đổi ít nhiều trong tác phẩm của một nước nào đó bên Âu châu, thì từ văn Nhật dịch sang Trung Quốc, thử hỏi tác phẩm đó há không phải là đã thay hình đổi dạng hơn một nửa rồi hay sao ?" (Xem *Người vô hoang*). Cũng là tỏ ý hết sức bất mãn với việc dịch, nhất là việc trùng dịch[3]. Có điều ông Lương Thực Thu còn nói rõ cả tên sách và chỗ dịch sai, nhưng ông Tưởng Quang Z thì chỉ cười duyên một cái, quét sạch không còn gì nữa, thật là bao trùm được hết ! Tàng Nguyên Duy Nhân là người đã dịch nhiều tiểu thuyết và lý luận văn nghệ thẳng từ tiếng Nga, sách dịch của ông đối với cá nhân tôi, rất bổ ích. Tôi mong mỏi Trung Quốc cũng có một hai người dịch tiếng Nga trung thành như thế, lần lượt dịch ra những sách hay, không phải chỉ mắng một tiếng "đồ tồi", mà cho là hết trách nhiệm của nhà văn học cách mạng.

Nhưng bây giờ thì những sách đó, ông Lương Thực Thu không dịch, bậc vĩ nhân gọi người ta là "mèo, chó" cũng không dịch, ông Tưởng Quang Z

---

(1) Tức *Tưởng Quang Từ*, là nhà văn trong nhóm *Thái dương*, có sang Liên Xô học. Năm 1927 theo đảng Cộng sản ở Vũ Hán, sau trở về Thượng Hải làm báo tuyên truyền cho văn học vô sản.

(2) Tàng Nguyên Duy Nhân : nhà lý luận văn nghệ Nhật Bản, một nhà nghiên cứu Liên Xô và nhà dịch thuật có tiếng, đồng thời là một vị lãnh đạo Liên minh các nhà văn vô sản Nhật Bản.

(3) Dịch qua một bản dịch.

đã học tiếng Nga, vốn là người hết sức thích hợp, nhưng tiếc thay, sau khi dưỡng bệnh, chỉ cho ra cuốn *Thời gian một tuần lễ*[1], mà Nhật Bản thì đã có hai bản dịch rồi. Trung Quốc đã từng khen Đacuyn, khen Nitsơ, đến thời đại chiến Âu châu, thì lại chửi cho họ tối mặt tối mũi, nhưng tác phẩm của Đacuyn, đến nay chỉ có một bản dịch, Nitsơ thì chỉ có nửa bộ, học giả và các nhà văn hào học tiếng Anh, tiếng Đức, đều không có thì giờ để ý đến, hoặc không thèm để ý đến, thế là hết ! Cho nên, tạm thời, e còn đành mặc cho ai chê cười, mắng chửi, vẫn phải dịch lại từ tiếng Nhật, hoặc giả lấy một bản nguyên văn, đối chiếu với bản dịch tiếng Nhật mà dịch thẳng. Tôi vẫn còn định làm như thế, và mong mỏi có nhiều người làm như thế, để điền vào cái chỗ trống rỗng của việc nói trên trời dưới đất, bởi vì chúng ta không thể "bật cười" như ông Tưởng Quang Z được, và cũng không nên "chờ, chờ, chờ" như ông Lương Thực Thu.

VI

Mở đầu tôi có nói "tự cho mình là cứng, nhưng thực thì mềm như bông, đó là một đặc sắc của nhóm *Trăng mới*". Lời đó đến đây còn phải bổ sung thêm mấy câu ngắn ngắn, gọi là để kết thúc bài này.

Trăng mới khi ra đời có chủ trương giữ một "thái độ đứng đắn"[2], nhưng đối với người hay chửi, thì cứ chửi, đối với người hay chế giễu, thì cứ chế giễu. Cái đó hay lắm, chính là "lấy gậy ông đập lưng ông"[3], tuy cũng là một cách "trả thù", nhưng không phải là trả thù cho mình. Đến trong cái quảng cáo tập hai gồm số 6 và 7 đóng chung, còn nói *"Chúng tôi vẫn giữ thái độ "chịu đựng" (trừ thái độ "không chịu đựng", thì chúng tôi không thể chịu đựng). Chúng tôi rất hoan nghênh những học thuyết lành mạnh, hợp với lý tính"*. Hai câu trên cũng rất hay, "vỏ quýt dày thì móng tay nhọn", vẫn nhất quán với lúc đầu. Nhưng cứ theo con đường đại lộ ấy mà đi thì nhất định sẽ gặp phải chủ trương "lấy bạo lực chống bạo lực", và cái đó sẽ không có thể dung hòa được với cái "lành mạnh" mà các ngài trong nhóm *Trăng mới* hoan nghênh.

Lần này, "tự do ngôn luận" của nhóm *Trăng mới* bị áp bức, theo chủ trương cũ, thì tất phải lấy áp bức mà chống lại kẻ áp bức, nhưng phản ứng

---

(1) *Thời gian một tuần lễ* : cuốn tiểu thuyết dài của Liên Xô, đề tài là cuộc nội chiến.

(2) Câu này lấy trong bài phi lộ của tờ báo số ra mắt.

(3) Nguyên văn nghĩa đen là : *"Lấy cái đạo người đó trị lại bản thân người đó"*.

hiển hiện trên tờ *Trăng mới* thì lại là bài *Gửi những người áp bức tự do ngôn luận*[1], trước hết dẫn ý nghĩa đẳng của đối phương, thứ đến dẫn pháp luật nước ngoài, cuối cùng dẫn thí dụ trong lịch sử Đông, Tây, để thấy phàm kẻ áp bức tự do thường sẽ đi đến chỗ diệt vong : đó là một lời cảnh cáo nghĩ giùm cho đối phương.

Cho nên, thái độ "đứng đắn" của nhóm *Trăng mới*, phương pháp "vỏ quýt dày, móng tay nhọn", xét đến cùng, chỉ chuyên môn thi hành đối với những người lực lượng tương đương, hoặc lực lượng kém hơn. Nếu bị người mạnh hơn đánh cho sưng vù mắt thì là ngoại lệ rồi, không kể, chỉ giơ tay che lấy mặt mình, kêu một tiếng "xem chừng con mắt của mày !" mà thôi !

(Tập ***Hai lòng***)

(1) Bài này của La Long Cơ đăng trên tờ *Trăng mới* số tháng 9 năm 1929.

63. Ý KIẾN VỀ HỘI LIÊN HIỆP CÁC NHÀ VĂN CÁNH TẢ*

Bài nói chuyện tại Đại hội thành lập Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả ngày mồng hai tháng 3 năm 1930

Có nhiều điều nay giờ đã có người nói cặn kẽ rồi, tôi không cần phải nói lại. Tôi cho rằng hiện giờ nhà văn "cánh tả" rất dễ biến thành nhà văn "cánh hữu". Vì sao vậy ? Một là, nếu không tiếp xúc với cuộc đấu tranh thực tế của xã hội, chỉ ngồi sau cửa kính mà viết văn, mà nghiên cứu vấn đề, thì muốn kịch liệt thế nào, "tả" thế nào, cũng dễ làm được lắm. Nhưng khi đụng vào thực tế là tan nát ngay. Ngồi trong phòng, thì rất dễ tán về chủ nghĩa triệt để, nhưng cũng rất dễ "hữu khuynh". Phương Tây gọi những người như thế là "người xã hội chủ nghĩa trong *salon*". *Salon* nghĩa là phòng khách. Ngồi trong phòng khách mà bàn chủ nghĩa xã hội, thì trang nhã lắm, lịch sự lắm, nhưng không hề nghĩ đến chuyện thực hành. Người xã hội chủ nghĩa kiểu ấy, không đáng tin cậy chút nào cả. Vả lại, hiện nay, hầu như không có nhà văn, nhà nghệ sĩ nào không mang một chút tư tưởng xã hội chủ nghĩa hiểu theo nghĩa rộng, tức là không có một nhà văn, nhà nghệ sĩ nào mà lại nói rằng đại chúng công nông đáng phải làm nô lệ, đáng bị giết hại, bị bóc lột. Trừ phi Mutxôlini, nhưng Mutxôlini[1] lại không có tác phẩm văn nghệ nào. (Tất nhiên, cũng không thể nói hoàn toàn không có những nhà văn như thế ; thí dụ, các nhà văn của nhóm *Trăng mới* ở Trung Quốc, và Đanundiô[2] mà Mutxôlini nói trên, rất yêu mến).

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Măm non*, tháng 4 năm 1930. Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả (tức Tả liên) thành lập ở Thượng Hải vào tháng 3 năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc. Lỗ Tấn là người lãnh đạo chủ yếu của đoàn thể văn học này. Bài nói chuyện của ông trở thành cương lĩnh đấu tranh thực tế của Hội.

(1) *Mussolini* (1883 - 1945) : nhà độc tài phát xít nước Ý.

(2) *D'Annunzio* (1864 - ?) : nhà văn ủng hộ chế độ phát xít.

Hai là, nếu không hiểu rõ tình hình thực tế của cách mạng cũng dễ biến thành "cánh hữu". Cách mạng là đau khổ, trong đó tất nhiên cũng có lẫn lộn dơ bẩn và máu, quyết không phải thú vị, hoàn mỹ, như các nhà thơ tưởng tượng. Nhất là cách mạng lại là chuyện thực tế, cần làm những công tác hèn hạ, phiền phức, quyết không phải là lãng mạn như các nhà thơ tưởng tượng. Cách mạng tất nhiên có phá hoại, thế nhưng càng cần phải kiến thiết. Phá hoại thì thú lắm, nhưng kiến thiết lại là việc rắc rối. Cho nên, người có một ảo tưởng *romantic*(1) về cách mạng, khi cách mạng gần đến, khi cách mạng tiến hành, thì dễ thất vọng. Nghe nói nhà thơ Nga, Exênhin(2), lúc đầu cũng hoan nghênh Cách mạng tháng Mười hết sức, bấy giờ ông ta hô to : "Cách mạng trên trời và dưới đất muôn năm !" và nói : "Tôi là một người bônsêvích". Nhưng sau Cách mạng, tình hình thực tế hoàn toàn không giống với cái ông ta tưởng tượng, cuối cùng ông ta thất vọng, trở nên đồi trụy. Về sau, Exênhin tự sát, nghe nói mối thất vọng đó là một trong những nguyên nhân khiến ông tự sát. Lại như Piliniat(3), Erenbua(4) cũng là những thí dụ. Thời Cách mạng Tân Hợi của chúng ta, cũng có những chuyện như thế. Hồi đó, có nhiều nhà văn như những người trong nhóm *Nam xã*(5), buổi đầu rất cách mạng, nhưng họ ôm cái ảo tưởng cho rằng, nếu đuổi được người Mãn Châu đi rồi, thì mọi cái sẽ khôi phục được cái "uy nghi của các ông quan người Hán"(6) ; người ta sẽ mặc áo thụng, mũ cao, đai rộng, khệnh khạng đi ngoài đường. Ai ngờ sau khi đuổi được hoàng đế Mãn Thanh, Dân Quốc thành lập, tình hình lại khác hẳn. Cho nên, họ thất vọng ; về sau có một số đến nỗi thành kẻ phản động của phong trào mới. Nhưng nếu chúng ta không hiểu rõ tình hình thực tế của cách mạng, chúng ta cũng rất dễ giống như họ.

Lại nữa, cho rằng nhà thơ hay nhà văn cao quý hơn tất cả mọi người, công tác của họ cao quý hơn tất cả mọi công tác, cũng là một quan niệm không đúng. Thí dụ, trước kia, Hainơ(7) cho rằng nhà thơ cao quý nhất và

---

(1) *Romantic* : lãng mạn.

(2) Exênhin (xem chú thích ở bài *Văn học cách mạng*, tập ***Mà thôi***).

(3) *Piliniad* : nhà văn Liên Xô, lúc đầu bị giới phê bình công kích vì có nhiều quan điểm phản động, về sau lấy lại được danh dự cũ, vì đã chịu cải tạo.

(4) Tức *Erenbourg* quãng mấy năm đầu Cách mạng cũng có thái độ không đúng và đã bị phê bình.

(5) *Nam xã* : một đoàn thể văn học cuối Thanh. (Xem thêm chú thích ở bài *Những nét khái quát về nền văn học mới hiện nay*).

(6) Xem chú thích ở bài *Vài nét khái quát về nền văn học mới hiện nay*.

(7) *H. Heine* (1797 - 1856) : nhà thơ người Đức.

Thượng đế công bằng nhất, nhà thơ chết rồi sẽ lên chỗ Thượng đế, ngồi cạnh Thượng đế, được Thượng đế mời ăn kẹo[1]. Bây giờ, chuyện Thượng đế mời ăn kẹo tất nhiên không ai tin nữa, nhưng cho rằng nhà thơ hay nhà văn hiện nay vì đại chúng lao động mà làm cách mạng, mai sau cách mạng thành công, giai cấp lao động nhất định sẽ đền ơn hậu hĩ, sẽ hết sức ưu đãi, mời ngồi xe đẹp nhất, ăn cơm sang nhất, hoặc người lao động sẽ bưng sữa bò, bánh mì đến dâng họ, nói : "Nhà thơ của chúng tôi ! xin mời ngài !", cũng không đúng. Bởi vì trên thực tế, quyết không thể có chuyện như thế. Sợ đến lúc đó, còn khổ hơn bây giờ nữa kia. Không những không có sữa bò, bánh mì, mà chưa biết chừng, cả đến bánh mì đen cũng không có nữa. Tình hình nước Nga, một hai năm sau cách mạng là một thí dụ. Nếu không biết rõ tình hình ấy, cũng dễ biến thành "cánh hữu". Sự thực, đại chúng lao động, nếu không phải hạng người "có tiền đồ" như ông Lương Thực Thu nói[2], thì quyết không thể đặc biệt xem trọng giai cấp trí thức. Như Metsich (xuất thân giai cấp trí thức) trong cuốn *Chiến bại tôi dịch*[3], trái lại thường bị những người thợ mỏ chế nhạo. Không cần phải nói, giai cấp trí thức có những việc của giai cấp trí thức, cần phải làm, không nên đặc biệt xem khinh. Nhưng giai cấp lao động quyết không có nghĩa vụ ưu đãi đặc biệt, ngoài lệ, nhà thơ hay nhà văn.

Bây giờ, tôi nói qua mấy điểm từ nay về sau chúng ta cần chú ý.

Một là, đấu tranh với xã hội cũ và thế lực cũ, thì phải cho kiên quyết, dẻo dai, không gián đoạn, và phải chú trọng thực lực. Gốc rễ của xã hội cũ vốn bền chặt lắm, nếu cuộc vận động mới không có một sức mạnh lớn hơn thì không lay chuyển được đâu. Vả lại, xã hội cũ còn có những mánh khóc của nó làm cho thế lực mới phải thỏa hiệp, mà bản thân nó thì quyết không thỏa hiệp. Ở Trung Quốc cũng có nhiều cuộc vận động mới rồi, nhưng lần nào cái mới cũng không địch lại nổi cái cũ. Nguyên nhân là vì về phía cái mới, không có một mục đích kiên quyết, rộng lớn, đòi hỏi rất ít, dễ thỏa mãn. Thí dụ cuộc vận động văn bạch thoại. Lúc đầu xã hội cũ liều chết chống cự, nhưng không bao lâu, bèn để cho văn bạch thoại tồn tại, giành cho nó một địa vị thảm hại ; ở xó góc các báo chí, có thể thấy những bài viết bằng văn bạch thoại. Như thế là vì, đối với xã hội cũ, cái mới cũng không có gì, không đáng sợ, nên để cho nó tồn tại. Mà về phía cái mới,

---

(1) Xem chú thích ở tập ***Tam nhàn***, bài trên.

(2) Xem bài *Dịch cứng nhắc và tính giai cấp của văn học*.

(3) Tác phẩm của Fadéev.

cũng thỏa mãn, cho rằng văn bạch thoại đã có quyền tồn tại rồi. Lại như cuộc vận động văn học vô sản một vài năm nay, cũng giống như thế. Xã hội cũ cũng dung nạp văn học vô sản, bởi vì văn học vô sản không ghê gớm gì. Trái lại, họ cũng làm văn học vô sản, xem như đồ trang sức. Giống như trong phòng khách, ngoài bao nhiêu những đồ sứ cổ, bày một cái bát đàn công nhân dùng, trông cũng hay hay. Mà nhà văn vô sản thì đã có một địa vị nho nhỏ trên văn đàn rồi, bản thảo đã bán được rồi, bất tất phải đấu tranh nữa, nhà phê bình cũng ca khúc khải hoàn : "Văn học vô sản thắng lợi !". Nhưng trừ thắng lợi của cá nhân ra, còn thì văn học vô sản, rút cục đã thắng lợi được bao nhiêu ! Huống chi, văn học vô sản là một cánh quân của cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp vô sản ; nó trưởng thành theo sự trưởng thành của thế lực xã hội của giai cấp vô sản. Lúc địa vị của giai cấp vô sản trong xã hội còn rất thấp, mà địa vị của văn học vô sản trên văn đàn lại rất cao, thì cái đó chỉ chứng tỏ rằng nhà văn vô sản đã lìa bỏ giai cấp vô sản, trở về với xã hội cũ mà thôi.

Hai là, tôi cho rằng phải mở rộng mặt trận ra. Năm kia và năm ngoái, trên văn học, có chiến tranh đấy, nhưng quả thực phạm vi nhỏ quá. Mọi thứ văn học cũ, tư tưởng cũ không được người phái mới chú ý đến. Trái lại, cuộc chiến tranh đó đã biến thành cuộc đấu tranh trong một góc, giữa các nhà văn mới với nhau, mà người phái cũ thì có thể đứng ngoài xem đánh nhau, rất nhàn nhã.

Ba là, chúng ta cần phải đào tạo một đội ngũ chiến sĩ mới thật to lớn, bởi vì hiện nay người quá ít. Thí dụ, chúng ta có mấy tờ tạp chí[1], sách in cũng nhiều, nhưng quanh đi quẩn lại chỉ có mấy người viết, cho nên nội dung không thể không mỏng manh. Người không chuyên làm một việc, cái này làm một tí, cái kia làm một tí, phải dịch, lại phải viết tiểu thuyết, còn phải phê bình, rồi cũng phải làm thơ nữa, như thế hay làm sao được ? Cái đó là vì người ít quá. Nếu người nhiều, thì người dịch có thể chuyên môn dịch, người sáng tác có thể chuyên môn sáng tác, người phê bình chuyên môn phê bình ; ứng chiến với kẻ địch, quân thế cũng hùng hậu, dễ thắng. Về điểm này, nhân tiện tôi xin kể một chuyện. Năm kia, khi nhóm *Sáng tạo* và nhóm *Thái dương* tấn công tôi, lực lượng của họ quả thực mong manh lắm. Về sau, cả tôi cũng thấy hơi chán, không muốn phản công nữa, bởi vì tôi thấy quân địch đang chơi cái trò "không thành kế"[2]. Hồi đó, địch thủ

---

(1) Chỉ các tờ *Mầm non*, *Người vỡ hoang*.

(2) Lấy tích trong chuyện *Tam quốc* : Khổng Minh mở cửa thành, ngồi gảy đàn chờ quân Tư Mã Ý đến. Tư Mã Ý đoán có phục binh, không dám đánh, rút lui.

của tôi chỉ chuyên môn đánh trống thổi kèn, không lo chiêu binh luyện tướng. Những bài công kích tôi cố nhiên rất nhiều, nhưng xem biết ngay đều là hóa danh[1], chửi đi chửi lại cũng chỉ mấy câu đó thôi. Hồi ấy, tôi chờ có một người nào biết dùng phương pháp phê bình theo chủ nghĩa Mac, công kích tôi bất ngờ, nhưng rút cục, người đó không hề xuất hiện. Về phần tôi, từ trước tới nay, tôi rất chú ý bồi dưỡng chiến sĩ thanh niên mới, và đã từng tổ chức mấy nhóm văn học[2], có điều hiệu quả rất ít. Nhưng từ nay về sau, chúng ta cần phải chú ý điểm đó.

Chúng ta phải gấp rút đào tạo một đội ngũ chiến sĩ mới, to lớn, nhưng đồng thời, những người chiến đấu trên mặt trận văn học còn cần phải "dẻo dai". Dẻo dai nghĩa là không nên làm như kiểu "hòn gạch gõ cửa" của văn bát cổ thời Mãn Thanh trước đây. Văn bát cổ thời Mãn Thanh trước đây vốn là một công cụ để thi đỗ làm quan ; chỉ cần có thể làm được *"khởi, thừa, chuyển, hợp"*[3], nhờ đó đỗ được cái "tú tài, cử nhân", là có thể vứt bỏ văn bát cổ, suốt đời không dùng đến ; cho nên gọi là "hòn gạch gõ cửa", như dùng hòn gạch mà gõ cửa, cửa mở rồi là có thể vứt gạch đi, không cần phải mang theo người. Kiểu ấy đến bây giờ cũng vẫn có nhiều người dùng. Chúng ta thường thấy có một số người xuất bản được một vài tập thơ hay tiểu thuyết rồi, thì vĩnh tiễn không thấy mặt đâu nữa, đi đằng nào mất ! Là bởi vì xuất bản được một hay hai cuốn sách, có được một chút danh tiếng to hay nhỏ, giành được cái ghế giáo sư hay một địa vị nào đó, công thành danh toại, bất tất phải làm thơ, viết tiểu thuyết nữa, cho nên vĩnh viễn không thấy mặt. Vì thế ở Trung Quốc, bất cứ văn học hay khoa học đều không có gì. Nhưng đối với chúng ta, thì phải có cái gì, vì đối với chúng ta nó có ích. (Lunnasacxki thậm chí chủ trương nên bảo tồn mỹ thuật nông dân nước Nga, vì có thể chế tạo ra bán cho người ngoại quốc, giúp cho kinh tế. Tôi nghĩ rằng nếu về văn học hay khoa học, chúng ta có cái gì có thể đem ra bán cho người khác, thì cũng giúp cho cuộc vận động chính trị để thoát ly khỏi sự áp bức của chủ nghĩa đế quốc). Nhưng về văn hóa, muốn có thành tích, không dẻo dai không được.

Cuối cùng, tôi nghĩ rằng điều kiện tất yếu của Mặt trận liên hiệp là phải có một mục đích chung. Tôi nhớ có nghe ai nói như thế này : "Phái phản

---

(1) Một người ký hai ba tên.

(2) Tức *Mãng Nguyên xã, Vị Danh xã, Triêu Hoa xã.*

(3) Đó là mấy phép tắc làm văn bát cổ. *Khởi* là mở đầu, *thừa* là tiếp theo mở đầu, *chuyển* là chuyển sang ý khác, *hợp* là tổng hợp lại, làm kết luận.

động đã có mặt trận liên hiệp rồi, thế mà chúng ta thì chưa đoàn kết lại với nhau !". Thực ra, họ cũng chưa có một mặt trận liên hiệp có ý thức ; chỉ vì họ có một mục đích chung, cho nên hành động của họ nhất trí, chúng ta nhìn thấy như đó là một mặt trận liên hiệp. Còn mặt trận của chúng ta, nếu không thống nhất được, thì cái đó chứng tỏ mục đích của chúng ta không thể nhất trí, hoặc giả chỉ vì một nhóm nhỏ, hoặc giả kỳ thực chỉ là vì cá nhân ; còn nếu quả mục đích đều vì đại chúng công nông cả thì tất nhiên mặt trận cũng sẽ thống nhất thôi.

(Tập ***Hai lòng***)

64. CHÚNG TA CẦN CÓ NHÀ PHÊ BÌNH*

Xem tình hình đại khái (chúng ta ở đây không có một bản thống kê xác thực), thì từ năm ngoái đến nay, độc giả các cuốn tiểu thuyết mang chiêu bài "cách mạng" đã giảm bớt, và xu thế của giới xuất bản đang chuyển sang khoa học xã hội. Không thể không nói đó là một hiện tượng tốt. Lúc đầu, độc giả thanh niên mê hoặc bởi những câu phù chú phê bình kiểu quảng cáo, cho rằng đọc những sáng tác "cách mạng" thì có lối ra ; bản thân mình cũng như xã hội, đều có thể được giải thoát. Thế là tay vơ, miệng nuốt. Không ngờ bao nhiêu cái đều không phải là thuốc bổ, mà là rượu chua bỏ trong chai mới, thịt thối bọc giấy hồng điều. Kết quả ăn vào, bụng tức anh ách, như muốn nôn ra.

Sau khi nhận được cái bài học khổ sở đó rồi, thì chuyển sang tìm thuốc chữa ở khoa học xã hội, căn bản, thiết thực. Tất nhiên đó là một bước tiến chính đáng.

Thế nhưng, phần lớn vì nhu cầu thị trường, sáng tác cũng như dịch thuật về khoa học xã hội xuất bản ùn ùn. Sách xem được và sách không ra hồn đều bày lẫn lộn trong các hàng sách ; người đọc bắt đầu đi tìm những tri thức chính xác đâm ra hoang mang. Thế mà, nhà phê bình mới không mở miệng, bọn giống như nhà phê bình liền thừa thế sổ toẹt hết, mắng là "con chó, con mèo".

Bây giờ, chúng ta cũng chỉ cần có một vài nhà phê bình chắc chắn, rõ ràng, thật sự nắm vững khoa học xã hội và lý luận văn nghệ.

Ở Trung Quốc có nhà phê bình từ lâu rồi. Đại để, mỗi một nhóm văn học đều có một số nhân vật văn học. Ít ra, là một nhà thơ, một nhà viết tiểu thuyết ; lại có một nhà phê bình ra sức tuyên truyền thành tích và vinh dự của nhóm. Những nhóm đó đều nói nhằm mục đích cải cách, tấn công vào

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Mầm non*, số tháng 4 năm 1930.

đồn lũy cũ, thế nhưng dọc đường họ đã níu co nhau ngay dưới đồn lũy cũ, đến nỗi mọi người kiệt sức, lúc đó mới thả tay ra. Bởi vì chỉ "níu co" mà thôi, cho nên không ai bị thương nặng, chỉ ngồi thở. Một mặt ngồi thở, một mặt tự cho là mình thắng, ca khúc khải hoàn. Đồn lũy cũ quả thực không cần lính giữ, chỉ cần xỏ tay vào áo, cúi xuống xem màn kịch vui mà những địch thủ mới tự đóng lấy. Họ không lên tiếng, nhưng họ đã thắng.

Trong hai năm nay, tuy không có những sáng tác thật xuất sắc, nhưng theo tôi thấy, những tác phẩm đã in thành sách như *Những con người lăn lộn* của Lý Thủ Chương, *Con của đất* của Đài Tĩnh Nông, tập một của bộ *Mười năm ngắn ngủi* của Diệp Vĩnh Trăn, *Tháng hai* và *Thời đại cũ rẫy chết* của Nhu Thạch, *Tự truyện của bảy bức thư* của Ngụy Kim Chi, *Sau khi thất nghiệp* của Lưu Nhất Mộng, đều là những tác phẩm ưu tú. Đáng tiếc là ông Lương Thực Thu, nhà phê bình có tiếng của chúng ta, đang cùng với ông Trần Tây Oánh, kẻ hô người ứng ; ở đây không nói làm gì. Ông Thành Phương Ngô sau khi ngồi nhớ lại thời oanh liệt quá khứ của nhóm *Sáng tạo*, thì rùng mình biến thành "Thạch hậu sinh"[1], sau đó mất hút như một vì sao đổi ngôi ; ông Tiền Hạnh Đồn gần đây trên tờ *Người vỡ hoang* lại lôi ông Tàng Nguyên Duy Nhân[2] ra, trích dẫn hết đoạn này đến đoạn khác, mà níu co với Mao Thuẫn[3]. Trong cái chiến trường bận rộn hoặc nhàn nhã như thế, những tác phẩm ngoài nhóm văn học, đều bị "ruồng rẫy" hoặc bị bỏ quên.

Bây giờ độc giả xu hướng về khoa học xã hội, đó là một chuyển biến tốt, chính đáng, không những có ích về phương diện khác, mà đối với văn nghệ, cũng có thể thúc đẩy đi theo một con đường chính xác, tiến tiến. Nhưng giữa cái tạp loạn của sách xuất bản và tiếng cười nhạt của kẻ bàng quan, thì sáng tác cực kỳ dễ điêu tàn. Cho nên bây giờ cái cần có trước hết vẫn là một vài nhà phê bình chắc chắn, rõ ràng, thật sự nắm vững khoa học xã hội và lý luận văn nghệ.

(Tập ***Hai lòng***)

---

(1) Chưa rõ.

(2) Xem chú thích ở bài *Dịch cứng nhắc và tính giai cấp của văn học*.

(3) Chỉ những bài phê bình của Tiền Hạnh Đồn viết trên tờ *Người vỡ hoang*. Tiền Hạnh Đồn đã đưa văn Tàng Nguyên Duy Nhân ra dẫn chứng để phê phán tác phẩm của Mao Thuẫn và phản đối những ý kiến Mao Thuẫn đề ra trong bài *Từ Cô Linh đến Đông Kinh*.

65. "CON CHÓ BẤT TÀI CỦA NHÀ TƯ BẢN" "CHẠY TANG"

Vì tờ *Người vỡ hoang* gọi ông Lương Thực Thu là "con chó của nhà tư bản"[1], nên ông ta viết một bài đề là *Tôi không giận*[2]. Sau khi căn cứ vào định nghĩa ở trang 672, tạp chí *Người vỡ hoang* số 2, "cảm thấy mình có điểm giống người trong giai cấp vô sản" rồi, thì ông ta lại định nghĩa ba chữ "chó hai chân", cho rằng "đại phàm chó thì con nào cũng muốn làm vui lòng chủ để nhân đó được một ít ơn huệ". Thế rồi, nhân đó ông ta lại đâm ra nghi ngờ, hỏi :

"Người vỡ hoang *nói tôi là chó của nhà tư bản, thế thì nhà tư bản nào hay là tất cả những nhà tư bản ? Tôi vẫn chưa biết chủ tôi là ai, nếu biết, nhất định tôi sẽ mang vài số tạp chí đến trước mặt chủ mà tâng công, có lẽ sẽ nhận được vài đồng đôla hoặc đồng rúp tiền thưởng chăng... Tôi chỉ biết làm việc không nghỉ tay thì mới kiếm ra tiền để sinh sống, còn như làm thế nào để có thể đến phòng giấy nhà tư bản lĩnh đôla, làm thế nào để có thể đến đảng X.X. lĩnh đồng rúp, thì cái bản lĩnh ấy tôi làm gì biết được ?...".*

Đó chính là một bức tả chân sinh động về "con chó hai chân của nhà tư bản". Phàm chó hai chân, mặc dù chỉ do một nhà tư bản nuôi, nhưng kỳ thực thuộc về tất cả các nhà tư bản. Cho nên gặp bất cứ người sang trọng nào, nó cũng tỏ ra thuần thục, hiền lành, mà gặp bất cứ người nghèo khổ nào, nó cũng sủa váng lên. Không biết ai là chủ, chính là nguyên nhân vì

---

(1) Trong bài *Cuộc tọa đàm về lý luận văn nghệ* đăng trên tờ *Người vỡ hoang* số 2 năm 1930, Phùng Năi Siêu sau khi trích một đoạn văn của Lương Thực Thu trong bài *Văn học có tính giai cấp không ?* có nói : *"Đối với những người thuyết giáo như thế, chúng ta cần phải đặt cái tên hiệu là "Con chó của nhà tư bản".*

(2) Bài *Tôi không giận*, cũng như những đoạn văn trích ở trên đều lấy trong tạp chí *Trăng mới*, quyển 2, số 9, bài *Con chó hai chân của nhà tư bản.*

sao gặp tất cả những người giàu sang, nó đều tỏ ra thuần thục, hiền lành, và cũng là bằng chứng tỏ rằng nó thuộc về tất cả những nhà tư bản. Mặc dù không ai nuôi, đói đến gầy còm, trở thành chó hoang, nhưng gặp tất cả những người giàu sang, nó vẫn tỏ ra thuần thục, hiền lành, gặp tất cả những người nghèo khổ, nó đều sủa váng lên, có điều lúc bấy giờ nó lại càng không rõ ai là chủ.

Ông Lương Thực Thu có tự kể ra rằng ông ta khổ sở như thế nào, rằng ông ta cũng giống như "giai cấp vô sản" (tức là hạng trước kia ông ta gọi những người hèn kém), lại không biết "ai là chủ", thế thì ông ta thuộc vào loại sau rồi ! Để cho được chính xác, phải thêm vào mấy chữ nữa, gọi là "Con chó của nhà tư bản" "chạy tang".

Thế nhưng, cái tên ấy vẫn còn chỗ thiếu sót. Ông Lương Thực Thu vốn là một vị giáo sư, có trí thức, cho nên khác với người bình thường. Cuối cùng, ông ta không hỏi "văn học có tính giai cấp không ? " nữa, mà trong bài *Trả lời ông Lỗ Tấn*[1] ông ta đã khéo léo đưa vào những câu như *"võ trang bảo vệ Liên Xô"*, *"đập vỡ cửa kính tòa báo"*, viết trên các cột điện ; và trong đoạn văn trích dẫn ở trên, ông ta lại viết *"đến Đảng X.X. lĩnh đồng rúp"* – hai dấu X cố ý giấu đi đó, làm cho người ta lập tức hiểu là hai chữ "cộng sản" – tất cả những cái đó chỉ rõ rằng, phàm người nào chủ trương "văn học có tính giai cấp" là đắc tội với ông Lương Thực Thu, và đều đang "ủng hộ Liên Xô", hoặc làm cái trò "lĩnh đồng rúp". Thật giống với thủ đoạn của tờ *Thần báo*, khi vệ binh Đoàn Kỳ Thụy bắn giết học sinh, thì nói học sinh bỏ mạng vì mấy đồng rúp, và thủ đoạn của tờ *Cách mạng nhật báo*, khi thấy trong *Tự do đại đồng minh*[2] có tên tôi, thì trên cột thông tin nói "tôi bị đồng rúp sáng loáng mua chuộc rồi" ! Đối với ông Lương Thực Thu, có lẽ ông ta cho rằng đánh hơi cho chủ biết có phỉ ("học phỉ"), cũng là một thứ "phê bình" chăng, thế nhưng nghề đó, so với nghề "đao phủ thủ", bần tiện hơn nhiều lắm !

Tôi còn nhớ thời "Quốc Cộng hợp tác", đăng tin và diễn thuyết ca tụng Liên Xô là hết sức hợp thời. Bây giờ thì khác. Người viết những dòng chữ

---

(1) Xem tờ *Trăng mới*, quyển 2, số 9.

(2) *Tự do đại đồng minh* (tức Đại đồng minh vận động tự do của Trung Quốc) : một đoàn thể quần chúng cách mạng thành lập ở Thượng Hải tháng 2 năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc, mục đích là tranh đấu cho tự do ngôn luận, xuất bản, hội họp, lập hội v.v... phản đối sự thống trị phản động của Quốc dân đảng. Lỗ Tấn là một trong những người sáng lập.

trên cột điện mà báo chí đăng lại và "Đảng X.X", thì Sở mật thám đang lùng bắt ráo riết. Do đó, chỉ người bút chiến với mình, nói là "ủng hộ Liên Xô", hoặc "Đảng X.X", tất nhiên cũng rất hợp thời, có lẽ còn được một chút "ân huệ" của chủ chăng. Nhưng nếu nói, ý ông Lương Thực Thu là muốn được "ân huệ" hay "đôla" thì oan uổng lắm. Làm gì có chuyện ấy ! Chẳng qua ông ta chỉ nhờ vào đó một tay mà cứu cái nghèo nàn của "phê bình văn nghệ" ông ta mà thôi. Cho nên, đứng về phía "phê bình văn nghệ" mà nói, thì còn phải thêm hình dung từ : "bất tài" vào chữ "chó hai chân" nữa.

19 tháng 4 năm 1930

(Tập ***Hai Lòng***)

66. BÍ QUYẾT LÀM CỔ VĂN VÀ LÀM NGƯỜI TỐT*

Dạ ký – 5

Thời gian một năm rưỡi từ năm kia đến nay, trong cái gọi là văn chương phê bình chúng tôi, thì câu ông Thường Yến Sinh viết trên tờ nguyệt san gọi là *Đêm dài*[1], làm ra vẻ công bằng chính trực, nói tác phẩm của tôi ít ra cũng còn sống được mươi năm nữa, là làm cho tôi buồn cười đến chết ngất. Còn nhớ mấy năm trước khi tờ *Cơn Lốc* đình bản, thì cái ông Thường Yến Sinh này cũng có viết một bài, đại ý nói : *Cơn lốc* công kích Lỗ Tấn, bây giờ hiệu sách không muốn xuất bản nữa, biết đâu (!) không phải là Lỗ Tấn vận động ông chủ hiệu sách, rồi bị bức bách ? Thế rồi tiếp theo ông ta hết sức ca tụng cái khoan hồng độ lượng của bọn quân phiệt Bắc Dương[2].

Tôi còn có một ít trí nhớ, nên lần này, trên cái vẻ mặt công bằng chính trực kia, tôi vẫn thấp thoáng thấy lời ra bài văn điêu luyện ấy ; một mặt lại nghĩ đến cách phê bình của giáo sư Trần Nguyên : trước hết đưa ra một vài ưu điểm, để tỏ mình công bằng, nhưng tiếp theo, kể ra bao nhiêu tội trạng tày trời – những tội trạng do sự đánh giá công bằng mà có. Lấy công bù tội, rút cục lại, cuối cùng là "học phí", đáng lý ra phải bêu đầu dưới cờ của bọn "chính nhân quân tử" mà thị chúng. Cho nên kinh nghiệm của tôi là : chê thì không hề gì, nhưng khen thì lại đáng sợ, có lúc cực kỳ nguy hiểm !

---

* Trước khi đưa vào đây, bài này chưa hề đăng ở báo nào đương thời.

(1) *Đêm dài* (Trường dạ) : một tờ bán nguyệt san văn nghệ xuất bản ở Thượng Hải năm 1928, do Thường Yến Sinh và Lưu Đại Kiệt chủ biên. Trong bài *Sau khi vượt qua thời đại AQ*, Thường Yến Sinh viết : *"Lỗ Tấn và những người theo ông ta là những người tư tưởng lạc hậu"*. Lại nói : *"Trong mười năm nữa, Lỗ Tấn và những người theo ông ta tất nhiên còn có một địa vị xứng đáng"*. Thường Yến Sinh thuộc phái chủ trương khôi phục chủ nghĩa quốc gia. Cờ năm sắc (tức là cờ đỏ, vàng, xanh, trắng đen dùng thời Cách mạng Tân Hợi và quân phiệt Bắc Dương).

(2) Thường Yến Sinh từng viết bài ủng hộ quân phiệt Bắc Dương.

Lại huống chi cái ông Thường Yến Sinh này toàn thân toát ra cái khí vị cờ ngũ sắc, dù ông ta thành thực cho tôi vì tác phẩm khỏi phải tiêu diệt, thì về phần tôi, tôi cũng cảm thấy giống như hoàng đế Tuyên Thống bỗng nhiên mặt rồng hớn hở, ban cho tôi cái tên thụy là "Văn Trung" sau khi chết. Giữa lúc buồn cười đến chết ngất như thế, vẫn đành phải trong lòng run sợ cất mũ, cúi đầu, kính cẩn tạ ơn rằng mình không được chăm lắm.

Nhưng trên một số khác tờ *Đêm dài*, lại có một bài của ông Lưu Đại Kiệt[1] – bài văn này tựa hồ không được thu thập vào cuốn *Bút chiến văn nghệ Trung Quốc* – đọc xong tôi rất lấy làm cảm kích. Như thế có lẽ vì ông ta với tôi không hề quen biết nhau, và không có ân oán riêng xen vào trong đó, như ông ta nói. Nhưng điều tôi thấy có ích là tác giả đã tìm kế giúp cho tôi, nói rằng lúc bị vây quét bốn mặt như thế này, thì chi bằng hãy bỏ bút xuống, tạm thời ra nước ngoài đã. Rồi lại khuyên nhủ tôi, nói rằng trong cuốn lịch sử cuộc đời của một cá nhân, có để trắng vài ba trang giấy, cũng không hề gì. Trong cuốn lịch sử cuộc đời của chỉ một cá nhân, mà có mấy trang giấy trắng, hoặc giả toàn là giấy trắng cả, hoặc giả toàn là giấy bôi đen, thì quả đất quyết cũng không thể vì thế mà nổ tung ra được. Cái đó tôi biết từ lâu. Lần này, điều có ích không ngờ tới là cách làm cổ văn và làm người tốt mà ba mươi năm nay tôi hình như có biết, nhưng vẫn chưa nói ra được cái cương lĩnh cốt yếu, giản đơn, rõ ràng của nó, thì nhân dịp này bỗng nhiên tỉnh ngộ nắm được đầu mối.

Cái câu quyết đầu cửa miệng là : muốn làm cổ văn, làm người tốt, thì cứ làm thục mạng, sẽ vẫn là trang giấy trắng như cũ.

Trước kia, ông thầy dạy chúng tôi làm văn không cho chúng tôi học những cuốn *Mã thị văn thông*[2] hoặc *Phương pháp viết văn* gì gì hết. Cả ngày, từ sáng đến tối, đọc, làm, đọc, làm ; làm chưa hay lại đọc, lại làm. Thầy không hề nói dở ở chỗ nào, nên viết như thế nào. Một con đường hẻm tối mò, mặc anh mò mẫm ; có đi được hay không, mọi người đều chờ trời, chờ số mệnh. Nhưng ngẫu nhiên, cũng không biết làm sao lại như thế. – thật là "ngẫu nhiên" và lại "không biết làm sao lại như thế", – văn chương trong

---

(1) Trong bài *Gào thét, Bàng hoàng và Cỏ dại* đăng trên tờ *Đêm dài*, số tháng 5 năm 1928, Lưu Đại Kiệt có viết : *"Cuốn* **Cỏ dại** *Lỗ Tấn vừa xuất bản, xem qua thấy tựa hồ ông ta đã về già rồi. Nếu tác giả không thay đổi cuộc sống đi, từ nay về sau sợ không có tác phẩm nào lớn nữa. Tôi thành thật mong rằng tác giả hãy từ giã cái cách sống ngu xuẩn ấy đi (không nên mở hiệu sách, không nên làm giáo sư), xách cặp du đi du lịch nước ngoài, để chừa một vài trang giấy trắng trên cuốn lịch sử cuộc đời của mình.*

(2) *Mã thị văn thông* : cuốn sách ngữ pháp Hán ngữ của Mã Kiến Trung (1844 - 1900) đời Thanh. *Phương pháp viết văn* của Hạ Cải Tôn và Lưu Đồng Vũ, Khai Minh thư điếm xuất bản.

bài, tự nhiên thấy sửa chữa ít đi ; những chỗ để lại và những chỗ có khuyên dày đặc càng ngày càng nhiều. Thế là học trò thích thú lắm, cứ thế mà làm – quả thực chính mình cũng chẳng biết thế nào cả, chỉ "cứ thế mà làm" thôi – Sau bao nhiêu năm tháng, thầy không sửa chữa văn chương của anh nữa, chỉ cuối bài phê câu : "Biết viết, không dài dòng". Lúc đó, có thể cho là đã "thông" rồi. Tất nhiên, mời ông Lương Thực Thu, nhà phê bình cao đẳng, cho ý kiến, e ông ta chưa cho là thông, nhưng tôi nói người thế tục thông thường, cho nên hãy tạm theo tục.

Thứ văn chương đó, cách sắp ý tất nhiên phải rõ ràng, còn như ý kiến gì, lại là thứ yếu. Thí dụ, làm bài *"Bàn luận câu "Người thợ muốn làm khéo thì trước hết phải có dụng cụ tốt""*. Nói chính diện, tức là phát triển ý "dụng cụ không tốt thì làm không khéo được", cố nhiên được rồi. Nói phản diện, thì cho rằng : "Làm là cốt kỹ thuật, kỹ thuật không giỏi, thì dụng cụ tuy tốt, vẫn không làm khéo được". Cũng không phải không được. Ngay về hoàng đế, nói : "Thiên hoàng thánh minh, tội của thần đáng chém", cố nhiên được rồi, nhưng dù có nói hoàng đế không tốt, cho một nhát giết quách đi, cũng không phải không được, bởi vì, thầy Mạnh chúng ta trước kia đã có nói : *"Văn tru độc phu Trụ hĩ, vị văn sát quân dã"*[1]. Ngày nay chúng ta là học trò thánh nhân, chúng ta cũng nói cái ý đó mà thôi. Nhưng tóm lại, phải nói từ đầu nói đi, cứ dần dần mà nói, cho thật rõ ràng, hoặc là Thiên hoàng thánh minh, hoặc là giết chết quách đi, hay nếu cái nào cũng không tán thành cả, thì cuối cùng có thể thanh minh : "Tuy nhà vua hết sức tàn bạo, vẫn có cái phận quân thần, kẻ quân tử không nên làm quá đáng, trộm nghĩ có thể đày đi thật xa cũng được". Viết như thế, đại khái thầy cũng vị tất không cho là phải, bởi vì "trung dung" là giáo huấn của cổ thánh hiền chúng ta.

Thế nhưng, trở lên trên là nói cuối triều Thanh, chứ ở đầu Thanh, nếu có người nào đi trình quan, thì có thể "giết cả họ" cũng chưa biết chừng, ngay chủ trương "đày đi xa" cũng không xong. Lúc đó, họ không nói với anh về Mạnh Tử, Khổng Tử gì gì cả. Bây giờ, "cách mạng vừa mới thành công", tình hình đại khái cũng giống như thời triều Thanh dựng nước.

(*còn nữa*)

Đây là nửa bài ***Dạ ký, số 5***

---

(1) Xem sách *Mạnh Tử*, chương *Lương Huệ Vương*. nghĩa là "Nghe nói giết tên Trụ, chứ chưa nghe nói giết vua bao giờ".

Dạ ký *này tôi bắt đầu từ năm 1927, ngồi trước đèn, ghi lại những cảm tưởng ngẫu nhiên, góp thành một tập. Năm ấy viết được hai bài. Đến Thượng Hải, thấy cuộc giết người ghê tởm, có một ít cảm tưởng, lại viết được nửa bài, để là* Ngược sát, *trước hết nói đến chuyện Mạc Phù, Nhật Bản giết hại giáo đồ Gia tô, vua Nga đày đọa những người cách mạng. Nhưng không bao lâu thì vấp phải cái phong trào chửi chủ nghĩa nhân đạo, nhân đó tôi đâm lười, không viết tiếp nữa. Bây giờ bản thảo ở đâu cũng không thấy.*

Năm kia, Nhu Thạch muốn đến hiệu sách nọ biên tập một tờ tạp chí, có đến nhờ tôi viết cho một bài, xem không đến nỗi nhức đầu, tùy tiện muốn viết gì thì viết. Đêm đó tôi lại nghĩ đến chuyện viết Dạ ký *và đặt ra cái đầu đề như thế. Đại ý định nói : Ở Trung Quốc làm văn và làm người đều phải theo như cái cũ đã sẵn có, nhưng không được sao chép toàn thiên, mà phải lấy đây một chút, đó một chút, chắp vá lại cho đừng thấy khe hở, thì mới cho là ổn thỏa nhất. Cho nên cứ làm thục mạng, mà vẫn như chưa làm, nhưng nhà phê bình thì lại cho đó là văn hay, đó là người tốt. Căn bệnh của tình trạng mọi cái trong xã hội không có gì tiến bộ cả, là ở đó. Đêm ấy viết chưa xong đã đi ngủ. Sáng hôm sau, Nhu Thạch đến thăm. Đưa đoạn đã viết cho anh ta xem, anh ta chau mày lại, cho rằng nói hơi dài dòng lôi thôi, và lại sợ chiếm nhiều chỗ quá. Thế là tôi hẹn dịch cho anh ta một bài văn ngắn ngắn, và cất đi.*

Từ khi Nhu Thạch bị hại đến nay đã hơn một năm rồi, ngẫu nhiên nhặt được bài này trong đống giấy loại, thật là đau xót. Tôi định viết thêm cho xong, nhưng rồi không viết được, sắp bỏ bút xuống lại nghĩ ngay đến chuyện khác. Cái gọi là "mất cả người lẫn đàn"[1] *có lẽ cũng như thế này chăng ! Bây giờ chỉ đem nửa bài này phụ lục vào đây, để kỷ niệm Nhu Thạch.*

Đêm 26 tháng 4 năm 1932

(Tập ***Hai lòng***)

---

(1) *Nhân cảm câu vong* : Lấy tích Vương Huy Chi đời Tấn trong sách *Thế thuyết tân ngữ*. Vương Tử Du (tức Huy Chi) và Tử Kính (tức Vương Hiến Chi) đều đau nặng. Tử Kính chết trước. Tử Duy hỏi người xung quanh : "Sao vắng tin, chắc chết rồi !" Nói xong không buồn, bèn lên xe đến đưa tang. Vẫn không khóc. Tử Kính vốn hay đàn. Du đến ngồi trước linh sàng, lấy đàn của Tử Kính gảy. Đàn không kêu, liền vứt xuống đất nói : "Tử Kính, Tử Kính, mất cả người lẫn đàn". Rồi khóc rất lâu. Hơn tháng sau, cũng chết nốt.

67. VĂN HỌC CÁCH MẠNG VÔ SẢN TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG GIỌT MÁU TIÊN PHONG*

Văn học cách mạng vô sản Trung Quốc nảy nở giữa buổi giao thừa của ngày nay và ngày mai ; lớn lên trong sự vu cáo, áp bức, và cuối cùng đã lấy máu của các đồng chí chúng ta viết nên những bài văn đầu tiên giữa lúc bóng đen bủa dày đặc.

Xưa nay đại chúng lao khổ của chúng ta chỉ bị áp bức, bóc lột hết sức tàn khốc, chứ đến việc dạy cho biết đọc, biết viết, cũng không được bố thí nữa, chỉ lẳng lặng đưa cái thân xác ra chịu cắt xẻo và diệt vong mà thôi. Cái thứ chữ tượng hình khó khăn, phức tạp này lại làm cho họ không có cơ hội có thể tự học lấy được. Các thanh niên trí thức nhận rõ được nhiệm vụ tiên phong của mình đã đứng ra trước, hô hào chiến đấu. Tiếng hô hào chiến đấu đó và tiếng la ó phản đối của bản thân đại chúng cần lao đã làm cho bọn thống trị khiếp sợ. Tức thì bọn văn sĩ tay sai ùa nhau ra tấn công, hoặc là bịa đặt những lời vu cáo, hoặc là thân hành làm mật thám. Nhưng chúng nó chỉ hành động trong bóng tối, giấu tuổi, giấu tên, có điều như thế càng chứng tỏ rằng bọn chúng nó là những con vật đen tối mà thôi.

Bọn thống trị cũng thừa biết những tên văn sĩ tay sai làm gì mà địch nổi văn học cách mạng vô sản được, cho nên một mặt thì cấm sách báo, đóng cửa hiệu sách, ban bố những luật lệ xuất bản ác nghiệt, truy nã các nhà văn, một mặt dùng thủ đoạn cuối cùng, bắt bớ, giam cầm, bí mật thủ tiêu các nhà văn trong Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả, cho đến nay vẫn chưa công bố. Cố nhiên điều đó vừa chứng tỏ chúng nó là những con vật đen tối đang diệt vong, vừa chứng tỏ mặt trận văn học cách mạng vô sản Trung Quốc là mạnh mẽ, bởi vì, như tiểu sử sơ lược của các đồng chí chúng ta bị

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Tiền tiêu*, ngày 25 tháng 4 năm 1931 (số kỷ niệm những người chiến tử). Ký tên LS.

hại đã nói lên, các anh đều là những người còn trẻ, rất dũng cảm, nhất là các tác phẩm của các anh lúc bình thời đã đủ làm cho tất cả những tên tay sai không dám sủa xằng.

Nhưng mấy đồng chí đó của chúng ta đã bị ám hại rồi. Tất nhiên văn học cách mạng vô sản cũng tổn thất ít nhiều và chúng ta vô cùng đau xót. Có điều văn học cách mạng vô sản vẫn cứ trưởng thành như thường, bởi vì đó là văn học của quảng đại quần chúng lao khổ cách mạng. Đại chúng còn ngày nào, lớn lên ngày nào, thì văn học cách mạng vô sản cũng trưởng thành ngày ấy. Máu của các đồng chí chúng ta đã chứng tỏ rằng văn học cách mạng vô sản cũng bị áp bức như đại chúng lao khổ cách mạng, cũng bị tàn sát như thế, cũng chiến đấu như thế, cũng cùng một số phận như thế, và đó là văn học của đại chúng lao khổ cách mạng.

Hiện nay, bọn quân phiệt yết thị nói rằng đến các bà già sáu mươi tuổi cũng bị trúng phải "tà thuyết", và bọn cảnh sát ở tô giới thì luôn luôn kiểm soát cả các em học sinh tiểu học. Chúng nó, ngoài súng ống do đế quốc đưa cho và mấy tên tay sai, thì không còn có gì nữa. Chúng nó chỉ có kẻ thù, từ ông già đến trẻ con – thanh niên thì không còn phải nói nữa – Mà kẻ thù của chúng tức là về phe chúng ta.

Bây giờ kỷ niệm những chiến sĩ đã mất, chúng ta vô cùng đau xót, chúng ta ghi tạc hình ảnh của họ trong lòng, cũng như chúng ta không bao giờ quên trang đầu tiên của lịch sử văn học cách mạng vô sản Trung Quốc, viết bằng máu của các đồng chí đó. Nó sẽ đời đời nói lên sự tàn bạo đê hèn của kẻ thù và thúc giục chúng ta luôn luôn đấu tranh, không ngừng, không nghỉ.

4–1931

(Tập ***Hai lòng***)

68. HIỆN TRẠNG GIỚI VĂN NGHỆ CỦA TRUNG QUỐC TỐI TĂM*

Viết cho báo Quần chúng mới *nước Mỹ*

Hiện nay, ở Trung Quốc, cuộc vận động văn nghệ cách mạng vô sản thực ra là cuộc vận động văn nghệ duy nhất. Vì đó là cái mầm non giữa cánh đồng hoang, ngoài ra, Trung Quốc không còn có văn nghệ nào khác. Những người gọi là "nhà văn nghệ" của giai cấp thống trị thì đã mục nát đến nỗi cả những tác phẩm gọi là "nghệ thuật vì nghệ thuật" và "đồi phế", cũng không thể ra đời được nữa. Hiện nay, để chống lại văn nghệ cánh tả, chỉ còn cách là vu cáo, nói xấu, áp bức, bỏ tù và giết hại. Và đối lập với các nhà văn cánh tả cũng chỉ có bọn lưu manh, mật thám, chó săn và đao phủ thủ mà thôi.

Điều đó, những sự việc hai năm nay chứng minh rất rõ.

Năm kia, khi lý luận văn nghệ của Plêkhanôp và Lunasacski bắt đầu được giới thiệu ở Trung Quốc, thì nhà "học giả" nhạy cảm[1], đồ đệ của Mr. Prof. Irving Babitt, hết sức căm giận. Ông ta cho rằng, văn nghệ không phải là của giai cấp vô sản, người vô sản nếu muốn sáng tác hoặc thưởng thức văn nghệ, trước hết phải chịu vất vả làm cho có tiền, leo lên giai cấp tư sản đã, chứ không được ăn mặc rách rưới đi vào vườn hoa ấy mà làm ồn lên. Ông ta lại còn bịa chuyện nói rằng, những người chủ trương văn học vô sản ở Trung Quốc là đã nhận được đồng rúp của Liên Xô. Cái phương pháp ấy cũng không phải không có hiệu lực chút nào, nhiều nhà báo Thượng Hải đã

---

* Bài này Lỗ Tấn viết cho tạp chí *Quần chúng mới* nước Mỹ, một tờ tạp chí tiến bộ, do một người bạn Mỹ yêu cầu, vào khoảng tháng 4, 5 năm 1931 ; chưa hề đăng trên báo chí Trung Quốc.

(1) Chỉ Lương Thực Thu. Y nguyên là lưu học sinh ở Mỹ, sau về làm giáo sư và là một nhân vật trong nhóm *Trăng mới* (xem *Dịch cứng nhắc và tính giai cấp trong văn học v.v., "Con chó bất tài của nhà tư bản", "chạy tang"*).

thường thường bịa những tin láo, có khi còn đăng cả số rúp nữa. Nhưng độc giả sáng suốt thì không tin, bởi vì so sánh với những tin đăng trên các báo chí đó, họ lại thấy một cách thiết thực rằng, trên thực tế, chỉ có súng đạn từ các nước đế quốc chở đến là đang giết hại người vô sản mà thôi.

Bọn quan trong giai cấp thống trị thì cảm giác chậm hơn nhà học giả kia một chút, nhưng từ năm ngoái, họ cũng đã càng ngày càng áp bức hơn. Cấm báo, cấm sách, không những những thứ nội dung hơi có tính chất cách mạng, mà cả những cuốn sách bìa in chữ đỏ, tác giả là người Nga. A. Xêraphimôvit, V. Ivanôp và V. Ôgonep bất tất phải nói rồi, có một số tiểu thuyết của A. Sêkhôp và L. Anđơrêep cũng bị cấm. Thế là, các hiệu sách đành phải in những sách dạy toán và chuyện trẻ con, như loại *Mr Cat và Miss Rose*[1] tán chuyện với nhau, khen mùa xuân đẹp như thế nào v.v... bởi vì đến những bản dịch chuyện trẻ con của H. Zur Muhlen cũng bị cấm, cho nên đành phải ra sức ca tụng mùa xuân. Nhưng bây giờ lại có một vị tướng quân nổi giận[2], nói rằng động vật mà biết nói và gọi là Mr[3], thì làm mất cái tôn nghiêm của loài người đi !

Thế nhưng, cấm vẫn chưa phải là phương pháp căn bản. Do đó năm nay, có năm nhà văn cánh tả mất tích. Người nhà đò hỏi mới biết là ở Bộ Tư lệnh cảnh sát, nhưng không thể gặp mặt được. Nửa tháng sau, lại đến hỏi, thì nói đã được "giải phóng" rồi – tức là "bị tử hình" nói một cách mỉa mai. Vậy mà tất cả các báo chí chữ Trung Quốc và chữ Tây ở Thượng Hải, tuyệt nhiên không hề đăng tin. Tiếp đó, thì đóng cửa các hiệu sách từng xuất bản sách mới, hoặc đại lý bán sách mới, khi nhiều, một ngày năm cửa hiệu. Nhưng bây giờ lại lần lượt mở cửa rồi. Chúng tôi cũng chẳng rõ ra làm sao, duy chỉ xem quảng cáo mới biết họ đang ra sức in loại sách chữ Anh đối chiếu chữ Hán, như sách của Rôbe Stêvenxơn[4], Osca Uen[5] v.v...

Nhưng đối với văn nghệ, giai cấp thống trị cũng không phải là không tích cực xây dựng. Một mặt, có mấy hiệu sách, họ đuổi ông chủ hiệu và những người làm trước kia, rồi lén lút đưa vào bọn người chịu nghe họ sai khiến. Nhưng thất bại ngay. Bởi vì trong đó toàn là chó săn, hiệu sách liền giống như một nha môn uy nghiêm, mà nha môn Trung Quốc là cái nhân dân sợ nhất và ghét nhất, cho nên tất nhiên không ai lui tới. Thích lui tới

---

(1) *Chú Mèo và cô Hoa Hồng.*

(2) Chỉ Hà Kiện, quân phiệt ở tỉnh Hồ Nam. Y cấm cả những sách ngụ ngôn dùng làm sách giáo khoa ở Tiểu học.

(3) *Mr tức Master* : ông, chú (tiếng Anh).

(4) *Robert Stevenson* (1850 - 1894) : nhà viết tiểu thuyết người Anh.

(5) *Oscar Wilde* (1856 - 1900) : nhà văn thuộc phái duy mỹ người Anh.

vẫn là mấy con chó săn chạy rông. Như thế thì làm sao cửa hàng tấp nập được ? Nhưng còn có một mặt khác, là viết văn, in báo để thay báo chí, sách vở của cánh tả bị cấm. Cho đến nay đã có mươi tờ rồi. Nhưng cũng thất bại. Cái ngăn trở nhất là kẻ chủ trì "văn nghệ" đó là một vị ủy viên chính phủ của thành phố Thượng Hải và một tên đội trưởng mật thám của Bộ Tư lệnh cảnh sát[1]. Họ nổi tiếng về tài "giải phóng" hơn là "sáng tác" nhiều. Nếu họ viết một bộ sách nói về "thuật giết người" hay là "thuật do thám", có lẽ còn có người muốn xem. Nhưng không may, họ lại định vẽ tranh, làm thơ. Thật giống như ông Hăngri Pho[2] không nói chuyện xe hơi, mà lại đứng ra hát, chỉ làm cho người ta rất đỗi ngạc nhiên.

Hiệu sách của quan không có ai đến, báo chí không có ai xem. Cách cứu chữa là cưỡng bách những nhà văn đã có tiếng tăm, mà không thiên về cánh tả một cách rõ rệt, viết văn giúp cho báo chí của họ bán chạy. Kết quả, chỉ có một hai anh gà mờ trúng kế, còn phần lớn đến nay vẫn chưa viết, có một anh sợ quá không biết trốn tránh đi đường nào rồi.

Bây giờ, những nhà văn nghệ được quý chuộng nhất trong bọn họ là mấy anh khi cuộc vận động văn nghệ cánh tả mới bắt đầu, chưa bị áp bức, được thanh niên cách mạng ủng hộ, thì tự xưng là cánh tả, nhưng nay bò được đến dưới lưỡi dao của chúng nó rồi thì quay lại làm hại những nhà văn cánh tả. Tại sao lại được chúng nó quý chuộng ? Bởi vì bọn này từng là cánh tả. Cho nên có mấy tờ báo của chúng nó, ngoài bìa còn có một phần đỏ loét, nhưng những bức vẽ công nông bên trong thì đã thay bằng những hình vẽ của Ôbơrây Bơcxlây[3], cái nào cũng giống như người ốm.

Tình hình như thế, độc giả, kẻ nào thích đọc tiểu thuyết trộm cướp kiểu cũ và tiểu thuyết khiêu dâm kiểu mới, cũng chẳng thấy gì bất tiện. Nhưng thanh niên hơi tiến bộ thì thấy không có sách để đọc. Bất đắc dĩ, họ phải xem những sách toàn chứa đựng những lời nói suông, nội dung cực kỳ nghèo nàn – sách như thế mới khỏi bị cấm ! – tạm thời đỡ đói. Bởi vì họ biết, nếu mua thứ thuốc độc ăn vào buồn mửa của quan làm thì thà nhắp chén không, còn hơn. Ít ra cũng không đến nỗi bị hại. Nhưng phần lớn thanh niên cách mạng, dù thế nào, vẫn cứ hết sức nhiệt tình yêu cầu, ủng hộ, phát triển văn nghệ cánh tả.

---

(1) Ủy viên chính phủ thành phố Thượng Hải là chỉ Phan Công Triển, đội trưởng mật thám là Châu Ứng Bằng. Chúng là những tên đặc vụ văn hóa thời bấy giờ.

(2) *Ford* : hãng xe lớn nhất ở Mỹ.

(3) *Aubrey Beardsley* (1872 – 1896) : họa sĩ người Anh.

Cho nên, ngoài những sách báo do quan làm và bọn chó săn của quan làm ra, những tạp chí của các hiệu sách khác không thể không tìm cách thêm vào vài bài hơi tiến bộ. Họ cũng biết chỉ bán chén không, thì cách làm ăn ấy không thể lâu bền được. Văn nghệ cánh tả có đại chúng độc giả cách mạng nâng đỡ, "tương lai" thuộc về phía đó.

Thành thử, văn nghệ cánh tả vẫn cứ lớn lên. Nhưng tất nhiên cũng giống như mầm non bị đè bẹp dưới tảng đá lớn, nó lớn lên một cách cong queo.

Đáng tiếc là trong các nhà văn cánh tả, chưa có những nhà văn xuất thân công nông. Một là vì công nông xưa nay bị áp bức, bóc lột, không được học hành, hai là, vì thứ chữ khối vuông, tượng hình của Trung Quốc – bây giờ thì đã thay đổi đến nỗi *hình* cũng không *tượng* nữa rồi – làm cho công nông, dù học mười năm, cũng chưa thể viết để diễn đạt ý nghĩ của mình được. Tình trạng đó làm cho "nhà văn nghệ" cầm đao rất vui mừng. Chúng nó cho rằng học mà có thể viết được văn, nhất định phải là giai cấp tiểu tư sản, những người tiểu tư sản đáng lẽ phải ôm chặt lấy cái tiểu tư sản của mình, thế mà bây giờ lại ngả về phía người vô sản, thì nhất định là "giả dối". Chỉ có nhà văn tiểu tư sản chống lại văn nghệ vô sản mới "thành thực". "Thành thực" tốt hơn "giả dối", cho nên, đối với nhà văn cánh tả, chúng nó nói xấu, áp bức, bỏ tù, giết hại, và đó là thứ văn nghệ tốt nhất !

Thế nhưng, trên thực tế, cái thứ "văn nghệ tốt nhất" phải dùng đao ấy lại chứng tỏ rằng các nhà văn cánh tả đang cùng chịu một số phận với người vô sản bị áp bức, bị giết hại, và chỉ có văn nghệ cánh tả hiện đang cùng chịu nạn (passion) với người vô sản, tương lai tất nhiên sẽ vùng dậy với người vô sản. Chuyên môn giết người rút cục không phải là văn nghệ, do đó, chúng nó cũng tự tuyên bố là chúng nó chẳng có gì hết !

(Tập ***Hai lòng***)

69. NHÌN QUA VĂN NGHỆ THƯỢNG HẢI*

Nói tại Hội Nghiên cứu khoa học xã hội
ngày 12 tháng 8

Văn nghệ trước kia của Thượng Hải bắt đầu là tờ *Thần báo*[1]. Nói đến tờ *Thần báo*, thì phải truy ngược lên sáu mươi năm về trước, nhưng những chuyện đó, tôi không biết. Tôi chỉ nhớ được những chuyện ba mươi năm nay. Hồi đó, tờ *Thần báo* còn dùng giấy dó Trung Quốc, in một mặt, mà những người viết cho nó phần lớn là "tài tử" ở xứ khác tới.

Hồi đó, kẻ đọc sách, đại khái có thể chia làm hai hạng, quân tử và tài tử. Quân tử thì chỉ đọc *Tứ thư, Ngũ kinh*, làm văn bát cổ, hết sức quy củ. Mà tài tử thì, ngoài cái đó ra, còn phải xem cả tiểu thuyết, như *Hồng lâu mộng*, và còn phải làm các thể thơ cổ kim, không dùng trong khoa cử. Như thế là nói, tài tử xem *Hồng lâu mộng* công khai, có điều quân tử có xem trộm *Hồng lâu mộng* hay không, thì tôi không sao biết được. Có tô giới Thượng Hải rồi – hồi đó gọi là "Dương trường", cũng gọi là "Di trường"[2], về sau có kẻ sợ phạm húy thường thường viết là "Di trường"[3], – thì có một số tài tử liền đến Thượng Hải, bởi vì tài tử thì khoáng đạt, đâu cũng đi. Quân tử thì đối với những cái của người ngoại quốc vẫn hơi ghét, vả lại đang cầu công danh theo con đường chính, cho nên họ quyết không dễ mà đi lung tung. Khổng Tử nói : "Đạo bất hành, thừa phù phù vu hải"[4], theo những người tài tử, câu đó có vẻ tài tử, cho nên con đường của những người quân tử, thì tài tử cho là "xa vời".

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Tin văn nghệ* ngày 3 tháng 8 năm 1931.

(1) *Thần báo* : tờ báo xuất bản ở Thượng Hải năm 1872.

(2) *Dương trường* : phố Tây ; *Di trường* : phố của người man rợ.

(3) "Di"夷 : *mọi* và "di"彝(di luân) = *đạo thường*.

(4) Nghĩa là "đạo không thi hành được thì lên bè ra biển". (Xem *Công Dã Tràng*, sách *Luận ngữ*). Cũng có nghĩa là đến Thượng Hải.

Tài tử vốn đa sầu, đa bệnh, nghe gà gáy cũng bực bội, thấy ánh trăng cũng đau lòng. Đến Thượng Hải lại gặp gái đĩ. Khi đi chơi đĩ, có thể gọi mười cô, hai mươi cô trẻ măng tụ tập một chỗ, giống như trong *Hồng lâu mộng*. Thế thì thấy mình giống như Giả Bảo Ngọc. Mình là tài tử, thì gái đĩ tất nhiên là giai nhân, do đó, sách tài tử giai nhân ra đời. Nội dung phần lớn là, chỉ có tài tử mới thương xót những người giai nhân luân lạc giữa chốn bụi trần, chỉ có giai nhân mới hiểu được tài tử lao đao không gặp vận, sau khi chịu trăm cay nghìn đắng, cuối cùng thành đôi lứa, hoặc giả đều thành tiên.

Họ cũng giúp cho tòa soạn *Thần báo* in bán những sách tiểu phẩm Minh, Thanh. Họ cũng lập văn xã, chơi trò "đố đèn"[1], ai đoán trúng thì lấy những sách kia làm giải thưởng, cho nên những sách đó lưu hành rất xa, rất rộng. Cũng có những bộ sách lớn như *Nho lâm ngoại sử*, *Tam bảo thái giám Tây Dương ký*[2], *Khoái tâm biên*[3] v.v... Hiện nay, trong hàng sách cũ, có lúc chúng ta còn thấy những cuốn sách nhỏ, tờ đầu có in hàng chữ : *"Sách khổ nhỏ do tòa soạn* Thần báo *Thượng Hải in"* tức là nó đấy.

Sách giai nhân tài tử thịnh hành được mấy năm. Đến tài tử lớp sau thì tâm tư dần dần thay đổi. Họ phát hiện thấy giai nhân không phải vì "yêu tài như khát nước"[4] mà làm đĩ, giai nhân làm đĩ chỉ vì tiền. Nhưng giai nhân đòi tài tử tiền, thì không nên, thế là tài tử tìm mọi thủ đoạn đối phó với gái đĩ, không những không để mắc vào cạm bẫy, mà còn lợi dụng được họ. Các cuốn tiểu thuyết kể lại các thứ thủ đoạn ấy xuất hiện, cũng rất lưu hành trong xã hội, bởi vì có thể đọc như đọc một cuốn sách giáo khoa về nghề làm đĩ. Nhân vật chính trong các cuốn sách ấy không còn là tài tử + thằng ngốc, mà là vị anh hùng hào kiệt đã thắng gái đĩ đó, tức là tài tử + lưu manh.

Trước đó, đã có xuất hiện một loại họa báo, tên gọi là *Điểm thạch trai họa báo*[5], do Ngô Hữu Như làm chủ bút. Nhân vật thần tiên, tin tức trong ngoài, không gì không vẽ. Nhưng những sự việc nước ngoài, ông ta không rõ lắm, thí dụ vẽ chiến hạm chẳng hạn, thì vẽ một chiếc thuyền buôn, trên

---

(1) *Đăng mê* : một trò chơi ra câu đố dán vào đèn lồng, ai đoán trúng được thưởng.

(2) *Tam bảo thái giám Tây Dương ký* : tức *Tam bảo thái giám Tây Dương thông tục diễn nghĩa*, La Mậu Đăng đời Minh làm.

(3) *Khoái tâm biên* : tiểu thuyết rất lưu hành cuối đời Thanh, đề là Thiên Hoa tài tử biên tập.

(4) Nguyên văn *"ái tài nhược khát"*.

(5) Tờ họa báo này trước do *Thần báo* phát hành, sau do Ngô Hữu Như tự đứng ra xuất bản đổi tên là *Ngô Hữu Như mặc báo*.

mui đặt loại súng dùng trong các cuộc dã chiến ; vẽ những cuộc đọ kiếm[1] thì vẽ hai quân nhân, mặc lễ phục, ở trong phòng khách rút kiếm đâm nhau, làm cho lọ hoa rơi xuống đất vỡ tan. Thế nhưng, ông ta vẹ "mụ giàu ngược đãi gái đĩ", "lưu manh", bịp bợm thì vẽ rất cừ, tôi nghĩ, như thế là vì ông ta thấy những cảnh đó nhiều lần rồi. Ngay bây giờ, ở Thượng Hải, chúng ta cũng thường thấy những bộ mặt giống như bộ mặt ông ta vẽ. Tờ họa báo ấy đương thời ảnh hưởng rất lớn, lưu hành khắp các tỉnh ; có thể cho đó là tai mắt của những người muốn biết "thời vụ" – chữ này hồi đó cũng có nghĩa như là bây giờ gọi là "tân học". Mấy năm trước đây, lại tái bản, gọi là *Ngô Hữu Như mặc báo*. Ảnh hưởng về sau quả thật ghê gớm. Tranh minh họa trong các cuốn tiểu thuyết bất tất phải nói rồi, đến tranh minh họa trong sách giáo khoa mà cũng thường thấy vẽ trẻ con đội mũ lệch, mắt nhìn nghiêng, mặt bự thịt, ra dáng lưu manh. Bây giờ đây, họa sĩ của đám lưu manh mới, lại có ông Diệp Linh Phượng : những bức vẽ của ông Phượng đều ăn cắp của Bơxlây (Aubrey Beardsley), nước Anh. Bơcxlây là người phái "nghệ thuật vị nghệ thuật" ; tranh của ông ta chịu ảnh hưởng rất nhiều của "Phù thế hội" (Ukiyoe)[2] của Nhật Bản. Phù thế hội tuy là nghệ thuật dân gian, nhưng phần lớn vẽ kỹ nữ và đào kép hát, người beo bóo, mắt nhìn nghiêng – dâm đãng (erotic). Có điều nhân vật của Bơcxlây thì lại gầy gầy, như thế là vì ông ta thuộc phái *đồi phế* (decadence). Người trong phái *đồi phế* phần lớn gầy yếu, tiều tụy, trước những người phụ nữ khỏe mạnh, thì anh ta có vẻ xấu hổ, cho nên không thích. Những bức vẽ mắt nhìn nghiêng của ông Phượng chúng ta cũng một loại với những bức vẽ mắt nhìn nghiêng của ông Ngô Hữu Như, tất nhiên cũng đáng được lưu hành mấy năm. Nhưng ông ta không phải chỉ vẽ lưu manh, có một thời cũng có vẽ *proletariat*[3], có điều công nhân ông ta vẽ cũng vẫn mắt nhìn nghiêng, giơ một nắm tay thật to. Nhưng tôi cho rằng vẽ *proletariat* thì nên vẽ kiểu tả thực, theo mặt mũi vốn có của công nhân, chứ không nên vẽ nắm tay to hơn đầu.

Nền điện ảnh Trung Quốc ngày nay đang chịu ảnh hưởng kiểu "tài tử + lưu manh". Các nhân vật anh hùng trong đó đóng vai anh hùng "người tốt", cũng tóc chải bóng mượt, giống như những chàng tóc chải bóng ở Thượng Hải lâu đời, biết thế nào là "bịp", là "lơn", là "chài"[4]. Xem xong, người ta cảm thấy bây giờ muốn làm anh hùng, làm người tốt, cũng phải là lưu manh.

---

(1) Tức *duetl*, một phong tục bên các nước Âu châu thời cổ, hai người có chuyện gì xích mích với nhau thì dắt nhau ra một bãi rộng mà đọ gươm hay đọ súng, có bạn bè chứng kiến.

(2) Một thứ nghệ thuật hội họa của Nhật Bản thời cổ, đề tài lấy trong sinh hoạt của xã hội thị dân lớp dưới.

(3) Tức giai cấp vô sản.

(4) Nguyên văn *"chiết tiêu", "khái du", "điếu bàng tử"* : những tiếng lóng Thượng Hải, có nghĩa như "bịp", "lơn", "chài" của Hà Nội ngày trước.

Nhưng rồi tiểu thuyết tài tử + lưu manh cũng mất dần. Nguyên nhân, theo tôi, một là vì cứ cái điệu cũ ấy – gái đĩ đòi tiền, khách chơi thả thủ đoạn – vốn không thể viết mãi mà không hết ; hai là vì toàn dùng tiếng Giang Tô, nào là "tớ" "đằng ấy" "phông"[1], thì trừ những người ở Thượng Hải, Giang Tô, Chiết Giang lâu đời, còn chẳng ai xem hiểu.

Thế nhưng, trong sách tài tử – giai nhân, lại có một cuốn tiểu thuyết nhất thời làm chấn động dư luận hồi đó, tức là cuốn *Tiểu sử Doan (Joan Haste* của H.R Haggard) dịch từ tiếng Anh. Nhưng chỉ có tập một. Theo người dịch nói, nguyên bản tìm được trong hàng sách cũ, hay lắm, tiếc không tìm ra tập hai, đành chịu vậy. Quả nhiên, cuốn sách đó làm rung động lòng tài tử, giai nhân, và lưu hành rất rộng, rất rộng. Về sau, đến nỗi còn làm rung động cả ông Lâm Cầm Nam nữa, ông ta dịch toàn bộ. Vẫn đề tên cũ *Tiểu sử Doan*. Nhưng đồng thời, ông ta bị người dịch trước chửi cho một trận, nói rằng ông ta không nên dịch toàn bộ, như thế là giảm giá trị cuốn *Doan* đi, làm cho người đọc mất thú. Lúc đó, mới biết trước kia chỉ có tập một, chẳng phải nguyên bản không đủ, mà là vì có nói đến chuyện Doan có một đứa con riêng, người dịch cố ý không dịch. Thật ra, bộ sách đó không dài lắm, ngoại quốc cũng không đến nỗi phải in thành hai tập. Nhưng nhân việc này, cũng có thể thấy rõ được ý kiến của người Trung Quốc đương thời đối với hôn nhân như thế nào.

Bây giờ, tiểu thuyết tài tử + giai nhân mới lại được lưu hành, nhưng giai nhân đã là con nhà tử tế rồi, cùng tài tử thương yêu nhau, không rời nhau ra được, hẹn nhau trong khóm liễu, dưới giàn hoa, như một đôi bươm bướm, một cặp uyên ương. Nhưng có lúc vì ông bố nghiêm, hoặc giả vì mệnh bạc, họ cũng gặp một kết cục bi thảm, không phải đều trở thành thần tiên cả, – cái đó không thể không nói là một bước tiến lớn. Gần đây, lúc tạp chí *Đầu mày cuối mắt*[2] ra hàng tháng của ông Thiên Hư Ngã Sinh xuất hiện, – ông này chế cả thuốc đánh răng có thể dùng để thoa mặt – là thời kỳ cực thịnh của văn học kiểu uyên ương hồ điệp đó. Về sau *Đầu mày cuối mắt* bị cấm, nhưng ảnh hưởng vẫn không giảm, cho đến khi tạp chí *Tân thanh niên* thịnh hành, lúc đó nó mới bị đả kích. Hồi này, kịch của Ibsen được giới thiệu, và vở *Chung thân đại sự*[3] của ông Hồ Thích Chi xuất hiện. Tuy ông ta không

---

(1) Tạm dịch như vậy.

(2) Nguyên văn : *My ngữ*.

(3) Vở kịch *Chung thân đại sự* của Hồ Thích Chi lấy hôn nhân làm đề tài, đăng ở tạp chí *Tân thanh niên* số tháng 3 năm 1919.

cố ý, nhưng vấn đề hôn nhân mà phải uyên ương hồ điệp cho là mệnh căn, thì cũng nhân đó không đặt ra nữa và mất hẳn, cũng giống như Nôra[1].

Sau đó, nhóm *Sáng tạo* của phái tài tử mới xuất hiện. Nhóm *Sáng tạo* quý trọng thiên tài, nghệ thuật vì nghệ thuật, chuyên đề cao cái "tôi", sùng bái sáng tác, ghét dịch thuật, nhất là ghét trùng dịch, đối lập với nhóm *Nghiên cứu văn học*[2] ở Thượng Hải, cũng xuất hiện đồng thời. Tờ quảng cáo xuất trận nói có người "lũng đoạn" văn đàn, tức là chỉ nhóm *Nghiên cứu văn học*. Nhóm *Nghiên cứu văn học* thì trái hẳn lại, chủ trương nghệ thuật vị nhân sinh, một mặt sáng tác, một mặt cũng xem trọng dịch thuật, chú ý giới thiệu văn học các dân tộc bị áp bức. Đó là những nước nhỏ, không mấy ai biết văn học của họ, do đó cũng gần như toàn là trùng dịch. Vả lại, vì nhóm đó từng lên tiếng ủng hộ nhóm *Tân thanh niên*, thù mới gộp với thù cũ, cho nên lúc đó bị công kích ba mặt. Một mặt là nhóm *Sáng tạo*, nhóm này đã chủ trương nghệ thuật thiên tài thì tất nhiên thấy nhóm *Nghiên cứu văn học, nghệ thuật vị nhân sinh*, hay chú ý đến chuyện vặt, không khỏi có vẻ "tầm thường", và còn cho là không có tài, cho nên nếu phát hiện ra một chỗ dịch sai, có khi họ viết cả một bài dài dằng dặc để phê bình[3]. Một mặt là phái trí thức học ở Mỹ về, bọn này cho rằng nghệ thuật là cái chuyên để cho các ông, các bà xem, cho nên nhân vật chính, ngoài các ông, các bà ra chỉ có thể là văn sĩ, học giả, nghệ sĩ, giáo sư, tiểu thư v.v..., phải biết nói *yes, no*, như thế mới có cái vẻ trang nghiêm của người trí thức ; hồi đó, ông Ngô Mật đã có viết một bài nói : quả thật không hiểu làm sao mà lại có người thích miêu tả xã hội hạ lưu. Mặt thứ ba là phái uyên ương hồ điệp nói trên kia. Tôi không rõ họ dùng cách gì mà cuối cùng khiến cho ông chủ hiệu sách phải cất chức một người trong nhóm *Nghiên cứu văn học* biên tập tờ *Tiểu thuyết nguyệt báo*[4], lại cho ra tờ *Tiểu thuyết thế giới* để đăng văn chương của họ. Tờ tạp chí này đến mãi năm ngoái mới đình bản.

Cuộc chiến đấu đó, nhìn ngoài mặt, thì nhóm *Sáng tạo* thắng. Nhiều tác phẩm rất hợp với tâm tình của những người tự cho là tài tử đương thời, lại

---

(1) *Nôra* : nhân vật chính trong vở kịch *Nôra* của Ibsen.

(2) Nhóm *Nghiên cứu văn học* ra đời năm 1920 là nhóm của các ông Thẩm Nhạn Băng (Mao Thuẫn), Trịnh Chấn Đạc, Diệp Thánh Đào v.v...

(3) Lỗ Tấn nhắc lại chuyện *Tiểu thuyết nguyệt báo* dịch chữ Atheism (*Chủ nghĩa vô thần*) thành *Chủ nghĩa nhã điển* (Athènes), rồi Phương Thành Ngô bèn nhóm *Sáng tạo* viết một bài dài công kích.

(4) *Tiểu thuyết nguyệt báo*, vốn có từ năm 1910, đến năm 1921 mới trở thành cơ quan ngôn luận của nhóm *Nghiên cứu văn học*, trước do Mao Thuẫn chủ biên, sau do Trịnh Chấn Đạc chủ biên.

được các nhà xuất bản giúp đỡ, ảnh hưởng rất lớn. Khi đã có ảnh hưởng lớn, thì hãng buôn lớn như Thương vụ ấn thư quán, cũng xuất bản sách sáng tác và sách dịch của nhóm *Sáng tạo* – tức là bản thảo của hai ông Quách Mạt Nhược và Trương Tư Bình. Từ đó về sau, theo tôi nhớ thì nhóm *Sáng tạo* cũng không còn thẩm tra những chỗ dịch sai trong các sách do Thương vụ ấn thư quán xuất bản, để viết chuyên luận nữa. Ở những chỗ đó, tôi nghĩ cũng có ít nhiều kiểu tài tử + lưu manh. Thế nhưng, "Thượng Hải mới" không thể địch lại "Thượng Hải cũ"[1], trong tiếng ca khải hoàn, những người nhóm *Sáng tạo* cuối cùng cảm thấy mình đang làm món hàng cho người xuất bản sách mình. Bao nhiêu cố gắng, đối với ông chủ hiệu, thì cũng như những cái chớp mắt của con người giấy sau tấm kính hiệu bán kính, chẳng qua để "quảng cáo chiêu hàng" mà thôi. Đến khi muốn được độc lập xuất bản, thì ông chủ hiệu kiện cho một mẻ, tuy cuối cùng cũng độc lập, tuyên bố tất cả các sách đều có sửa chữa lại nhiều, in riêng ra, bắt đầu khai trương, nhưng ông chủ hiệu cũ vẫn vĩnh viễn dùng các khuôn chữ cũ, rồi in, bán, và hàng năm có đại hạ giá nhân ngày kỷ niệm gì gì đó[2].

Cố nhiên không thể làm món hàng mãi, mà độc lập thì không sống được. Con đường đi của những người trong nhóm *Sáng tạo* tất nhiên là Quảng Đông, "căn cứ địa cách mạng", nơi còn có chút ít hy vọng. Ở Quảng Đông, thế là cũng có danh từ "văn học cách mạng" xuất hiện, nhưng không có tác phẩm nào, ở Thượng Hải thì chưa có danh từ ấy.

Đến năm kia, danh từ "văn học cách mạng" mới thịnh hành ở đây, người chủ trương là mấy vị nguyên lão của nhóm *Sáng tạo* từ "căn cứ cách mạng" về, và một vài người mới. Văn học cách mạng sở dĩ thịnh vượng được, tất nhiên là do bối cảnh xã hội, quần chúng nói chung, thanh niên yêu cầu như thế. Từ khi Quảng Đông bắt đầu bắc phạt, tất cả những thanh niên tích cực đều ra nhận công tác thực tế, hồi đó chưa có cuộc vận động văn học cách mạng rõ ràng gì. Đến khi hoàn cảnh chính trị đột nhiên thay đổi, cách mạng bị tổn thất thì giai cấp phân hóa rất rõ rệt. Quốc dân đảng lấy tiếng là "thanh đảng" giết hại hàng loạt đảng viên cộng sản và quần chúng cách mạng, và những thanh niên thoát chết lại rơi vào cảnh ngộ bị áp bức. Thế là ở Thượng Hải, văn học cách mạng lúc đó mới hoạt động mạnh mẽ. Cho

---

(1) Ý nói những người mới đến Thượng Hải tức nhóm *Sáng tạo*, và những người vốn ở Thượng Hải từ lâu, tức nhóm *Nghiên cứu văn học*.

(2) Về chuyện của nhóm *Sáng tạo* có thể xem hai bài *Mười năm sáng tạo* của Quách Mạt Nhược trong *Quách Mạt Nhược tuyển tập*.

nên, văn học cách mạng thịnh vượng, bề ngoài, không giống với các nước khác, không phải vì cách mạng lên cao mà là vì cách mạng bị tổn thất. Mặc dù trong đó cũng có một ít nhà văn cũ bỏ cây đao chỉ huy, làm nghề bút nghiên cũ, có một vài thanh niên bị công tác thực tế loại ra, đành phải mượn cái đó mưu sinh, nhưng bởi vì quả thực nó có cơ sở xã hội, cho nên trong những phần tử mới, có những người rất kiên quyết, đứng đắn. Nhưng cuộc vận động văn học cách mạng hồi đó, theo ý kiến tôi, thì chưa được chuẩn bị tốt và còn mắc rất nhiều sai lầm. Thí dụ, một là, đối với xã hội Trung Quốc, họ chưa phân tích kỹ lưỡng, cứ đem những phương pháp chỉ có thể áp dụng được dưới chính quyền Xô viết, mà áp dụng một cách máy móc. Hai là, họ – nhất là ông Thành Phương Ngô – làm cho người ta thấy cách mạng là một chuyện gì đáng sợ lắm. Họ giơ ra một bộ mặt hung ác cực kỳ tả khuynh, tuồng như cách mạng mà đến nơi thì tất cả những người không phải cách mạng đều chết hết. Như thế chỉ khiến người ta sợ cách mạng. Kỳ thực, cách mạng không làm cho người ta chết, mà làm cho người ta sống. Thái độ muốn cho "người ta biết cách mạng ghê gớm thế nào một chút", chỉ mong nói cho sướng miệng, cũng vẫn là nhiễm phải cái độc tài tử + lưu manh.

Kẻ hăng hái nhanh thì trở lại bình thường cũng nhanh, thậm chí đổi phế cũng nhanh. Nếu là nhà văn, họ sẽ có một tràng lý do để biện hộ cho sự thay đổi của họ, họ sẽ dẫn kinh điển ra làm chứng. Thí dụ, lúc cần người ta giúp thì dùng thuyết "hỗ trợ" của Krôpôtkin[1], khi cần tranh đấu với người ta thì dùng thuyết sinh tồn cạnh tranh của Đacuyn. Bất cứ cổ kim, phàm những người không có một lý luận nhất định, hoặc thay đổi chủ trương mà không ai tìm ra đầu mối được, tùy thời lấy lý luận phái này, phái kia làm vũ khí, đều có thể gọi là lưu manh. Thí dụ như lưu manh Thượng Hải, thấy một người đàn ông và một người đàn bà nhà quê đi với nhau, thì nói : "Ê ! làm thế là thương phong bại tục ! phạm pháp rồi !". Pháp luật hắn nói đó là pháp luật Trung Quốc. Nếu thấy một người nhà quê đứng bên đường tiểu tiện thì nói : "Ê ! không được làm như thế ! phạm pháp rồi, phải bắt đưa đến đồn cảnh sát !". Lúc này, luật pháp hắn nói là luật pháp ngoại quốc. Nhưng rút cục chẳng có gì là pháp luật với không pháp luật, nếu hắn moi được ít tiền là xong chuyện tất.

---

(1) *Peter Alexeievitch Kropotkin* (1842 - 1922), người Nga, đề xướng thuyết "hỗ trợ", và là người sáng lập chủ nghĩa vô chính phủ. Có những tác phẩm như : *Hỗ trợ, Một động cơ tiến hóa, Khoa học mới và chủ nghĩa vô chính phủ.*

Ở Trung Quốc, những nhà văn học cách mạng năm ngoái và năm kia có hơi khác nhau. Cái đó cố nhiên là do cảnh ngộ thay đổi, nhưng một số nhà văn học cách mạng còn mang trong người một căn bệnh dễ mắc phải. "Cách mạng" và "văn học", như tách rời mà lại như liền nhau, giống hai chiếc thuyền đi song song, một chiếc là "cách mạng", một chiếc là "văn học", mà nhà văn thì mỗi chân giẫm trên một chiếc. Khi hoàn cảnh thuận tiện, thì nhà văn giẫm nặng về phía thuyền cách mạng, rõ ràng là nhà cách mạng ; đến khi cách mạng bị đàn áp, thì giẫm nặng về phía thuyền văn học, chỉ còn là một nhà văn mà thôi ! Cho nên, những người năm kia chủ trương hết sức kịch liệt, cho rằng phàm không phải là văn học cách mạng thì phải quét sạch, năm ngoái lại nhớ đến chuyện Lênin rất thích tác phẩm của Gônsarôp[1], và thấy rằng không phải là văn học cách mạng thì ý nghĩa càng sâu sắc. Lại còn ông Diệp Linh Phượng, – nhà văn học cách mạng triệt để nhất ấy – ông ta miêu tả nhà cách mạng triệt để đến nỗi mỗi lần đi ra nhà xí thì lấy cuốn *Gào thét* của tôi mà chùi đít ; thế mà bây giờ chẳng hiểu ra làm sao, ông ta lại theo đít các nhà văn gọi là văn học dân tộc[2].

Tương tự như thế, còn có thể cử ông Hướng Bồi Lương. Lúc cách mạng dần dần lên cao, ông ta rất cách mạng. Trước kia, ông ta từng nói, thanh niên không những chỉ gào thét, mà còn phải giơ răng sói ra nữa. Cái đó tất nhiên cũng hay thôi, nhưng phải cẩn thận, bởi vì sói là tổ tiên của chó, khi bị người thuần phục thì nó sẽ biến thành chó. Ông Hướng Bồi Lương hiện nay đang đề xướng nghệ thuật của loài người[3] ; ông ta phản đối sự tồn tại của nghệ thuật có giai cấp, cho rằng loài người có người tốt và người xấu ; nghệ thuật là vũ khí "đấu tranh giữa tốt và xấu". Chó cũng chia loài người ra làm hai hạng : chủ nuôi nấng nó, là người tốt ; người nghèo và ăn mày, theo con mắt nó, là người xấu, không sủa thì cắn. Nhưng như thế cũng chưa kể là tồi, bởi vì cuối cùng còn có một chút dã tính. Nếu thay đổi nữa thì sẽ thành chó bông. Chó bông trông như không hay kiếm chuyện, kỳ thực nó đang hết lòng hết sức với chủ. Thật có giống bọn danh nhân hiện nay tự xưng là nghệ thuật vị nghệ thuật, họ không chú ý đến chuyện tầm thường, chỉ điểm xuyết cho phòng học của trường Đại học mà thôi !

---

(1) *A. Li. A. Goncharov* (1812 - 1891) : một nhà viết tiểu thuyết người Nga.

(2) Xem cuốn tiểu thuyết *Chuyện của kẻ sầu khổ* của Diệp Linh Phượng, trong đó nhân vật Ngụy Nhật Thanh nói : *"Theo lệ thường, tính dậy là lấy 12 xu chạy ra hàng sách cũ mua một cuốn* Gào thét, *xé ba tờ đến Linh Đài đi đại tiện".*

(3) *Hướng Bồi Lương* : một nhân vật trong nhóm *Cơn lốc*, sau trở thành con tốt của *Văn học dân tộc*. Năm 1929, xuất bản tờ *Thanh niên nguyệt san* phản đối cuộc vận động văn học cách mạng, đề xướng cái gọi là "nghệ thuật của loài người".

Những người tiểu tư sản lật lọng như thế, dù đang là nhà văn học cách mạng, cũng dễ tả sai cách mạng. Mà tả sai thì trái lại có hại cho cách mạng, cho nên họ chuyển biến cũng chẳng có gì đáng tiếc. Khi cuộc vận động văn học cách mạng sôi nổi, có nhiều nhà văn tiểu tư sản bỗng chuyển sang, lúc đó thì chúng ta dùng thuyết đột biến để giải thích cái hiện tượng ấy. Nhưng chúng ta biết, đột biến là nói, lúc A sắp biến thành B, các điều kiện đã đầy đủ rồi, chỉ còn thiếu một nữa mà thôi ; điều kiện ấy xuất hiện, thế là biến thành B. Thí dụ nước đóng băng, nhiệt độ phải là 0 độ, đồng thời lại phải có chấn động của không khí ; nếu không thì dù 0 độ, cũng vẫn không đóng băng được ; lúc đó không khí chấn động, là đột biến thành băng. Cho nên bề ngoài tuy giống đột biến, kỳ thực không phải đột biến. Nếu không có điều kiện đầy đủ, thì dù tự mình nói là đã biến rồi, thực tế vẫn chưa biến. Cho nên, có một số nhà văn học cách mạng tư sản bỗng một buổi chiều tự xưng là "đột biến" sang, nhưng không bao lâu lại "đột biến" về.

Năm ngoái, Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả thành lập ở Thượng Hải. Đó là việc quan trọng. Bởi vì lúc đó đã thâu nhập lý luận Plêkhanôp, Lunasacxki rồi, cho nên mọi người có thể cùng nhau thảo luận, càng chắc chắn và mạnh mẽ hơn. Nhưng cũng chính vì chắc chắn và mạnh mẽ hơn, mà phải chịu một sự áp bức, tàn phá chưa từng có trên thế giới. Vì có sự áp bức, tàn phá đó, cho nên những nhà gọi là văn học cách mạng cho rằng làm văn học cánh tả dễ nổi tiếng, rằng nhà văn sẽ được ăn bánh mì sữa người lao động dâng cho, đều lập tức hiện nguyên hình. Có kẻ viết thư sám hối, có kẻ trở mặt công kích Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả, để tỏ ra rằng kiến thức của mình năm nay tiến hơn một bước. Như thế tuy không phải là Hội trực tiếp chủ trương tẩy trừ, nhưng cũng là một dịp tẩy trừ. Những nhà văn đó bất cứ biến hay không biến, cũng không thể viết được những tác phẩm tốt.

Nhưng những nhà văn cánh tả hiện còn lại có thể viết được văn học vô sản tốt hay không ? Tôi nghĩ, cũng rất khó. Cái đó là vì các nhà văn cánh tả hiện tại đều là những người đọc sách – những người trí thức – họ muốn viết về thực tế cách mạng không phải là chuyện dễ dàng. Trù Xuyên Bạch Thôn (H. Kuriyakawa) Nhật Bản có đặt ra vấn đề như sau : có nhất thiết nhà văn phải tự mình trải qua những điều mình miêu tả hay không ? Rồi ông ta trả lời : không nhất thiết, bởi vì nhà văn có thể quan sát mà biết được. Cho nên muốn tả kẻ trộm, nhà văn không cứ phải tự mình đi ăn trộm, muốn tả việc thông gian, cũng không cứ phải tự mình tư thông với ai. Nhưng

tôi cho rằng như thế là vì nhà văn sống trong xã hội cũ, biết rõ tình hình xã hội cũ, quen nhiều những nhân vật trong xã hội cũ, nên có thể quan sát mà biết được. Còn đối với tình hình và nhân vật của giai cấp vô sản mà từ trước đến nay mình không hề có liên quan tới, thì nhà văn sẽ không thể miêu tả được, hoặc miêu tả sai. Cho nên nhà văn học cách mạng, ít nhất cũng phải có một sinh mệnh chung với cách mạng, hoặc cảm thụ một cách sâu sắc nhịp đập của cách mạng. (Gần đây, khẩu hiệu "vô sản hóa nhà văn" mà Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả đề ra chính là để lý giải điểm đó một cách rất chính xác).

Trong cái xã hội như thế của Trung Quốc hiện nay, tác phẩm dễ hy vọng xuất hiện nhất là tác phẩm phản kháng giai cấp tiểu tư sản phản bội, hoặc tác phẩm tố cáo. Bởi vì nhà văn sinh trưởng trong các giai cấp đang bị tiêu diệt đó, cho nên hiểu được sâu sắc, ghét cay ghét đắng, và sẽ đem hết cả sức lực vào nhát đao trí mạng đang đâm xuống đó. Cố nhiên, có những tác phẩm giống như cách mạng, nhưng lại không nhằm lật đổ giai cấp mình hay giai cấp tư sản, trái lại, căm ghét hoặc thất vọng vì chúng không thể cải thiện được, không thể duy trì được địa vị lâu dài. Cho nên đứng trên lập trường giai cấp vô sản mà nhìn, chẳng qua đó là chuyện "anh em trong nhà xích mích nhau", anh cũng như em đều là địch thủ cả. Nhưng kết quả cũng có thể trở thành những cái tăm bọt trong trào lưu cách mạng. Đối với những tác phẩm đó, tôi cho rằng quả không nên gọi là văn học vô sản mà tác giả vì danh dự tương lai cũng không nên tự xưng là nhà văn vô sản.

Mặc dù tác phẩm chỉ công kích xã hội cũ, nhưng nếu không biết rõ khuyết điểm, không nhìn thấu căn bệnh, thì cũng có hại cho cách mạng. Đáng tiếc là nhà văn hiện nay, cả nhà văn và nhà phê bình cách mạng, cũng thường không có thể, hoặc không dám nhìn thẳng vào xã hội hiện tại, không biết rõ căn nguyên của nó, nhất là không nhận ra được bản chất của kẻ địch. Tùy tiện lấy một thí dụ. Trên tờ *Thanh niên Lênin* trước đây, có một bài phê bình giới văn học Trung Quốc, tác giả chia ra ba phái, trước hết là nhóm *Sáng tạo*, cho là phái văn học vô sản, nói rất dài ; thứ hai là nhóm *Ngữ ti* cho là phái văn học tiểu tư sản, nói ngắn ; thứ ba là nhóm *Trăng mới*, cho là phái văn học tư sản, nói càng ngắn hơn, không được một trang giấy. Như thế chứng tỏ rằng nhà phê bình thanh niên ấy đối với kẻ mình nhận là địch, thì càng không có gì để nói, tức là càng không thấy rõ. Tất nhiên, chúng ta xem sách, nếu là sách phản đối mình, thì không thoải mái, thích thú, có ích bằng xem sách cùng một phe cánh. Nhưng nếu là một chiến sĩ, thì tôi cho

rằng, trong việc tìm hiểu cách mạng và kẻ thù, trái lại phải càng phân tích kỹ kẻ thù trước mặt. Muốn viết một tác phẩm văn học cũng thế, không những phải biết thực tế của cách mạng, mà cũng phải hiểu sâu sắc tình hình của kẻ thù, tình hình hiện tại về các phương diện, để rồi đoán định tiền đồ của cách mạng. Chúng ta có biết cái cũ, nhìn thấy cái mới, hiểu rõ quá khứ, suy đoán được tương lai, thì sự phát triển của văn học chúng ta mới có hy vọng. Tôi nghĩ, cái đó, trong hoàn cảnh hiện nay, chỉ cần nhà văn cố gắng là có thể làm được.

Như trên kia đã nói, bây giờ văn nghệ đang bị một sự áp bức, tàn phá hiếm có, tình trạng nghèo nàn xuất hiện một cách rộng rãi. Không những văn học cách mạng, mà cả thứ văn nghệ có hơi mang chút sắc thái bất bình, không những văn nghệ chỉ trích hiện trạng, mà cả thứ văn nghệ công kích những tệ hại cũ, cũng thường bị áp bức. Tình hình đó chứng tỏ rằng, cho đến nay, cách mạng của giai cấp thống trị chỉ là tranh đoạt một chiếc ghế cũ. Khi lật đổ, thì giống như chiếc ghế ấy đáng ghét lắm, nhưng khi giành được vào tay, thì lại thấy quý báu vô cùng, và đồng thời cũng tự thấy, mình với "cái cũ" đó là một. Hai mươi năm trước, ai cũng nói Chu Nguyên Chương (Minh Thái Tổ) là nhà cách mạng dân tộc. Thực ra không phải. Sau khi lên làm vua, ông ta gọi triều Mông Cổ là "Đại Nguyên", và giết người Hán còn ghê hơn người Mông Cổ nhiều. Nô lệ khi lên làm chủ quyết không chịu bỏ tiếng "cụ" ; bộ điệu của nó, so với chủ, e còn kiêu căng hơn, buồn cười hơn. Cũng giống như công nhân Thượng Hải kiếm được ít tiền, mở một cái xưởng nho nhỏ, thì đối đãi với bạn thợ lại ác tột bực.

Trong một bộ tiểu thuyết bút ký cũ – tôi quên mất tên – có chép một câu chuyện, nói rằng triều Minh có một ông quan võ gọi một anh[1] đến kể chuyện. Anh ta kể cho nghe chuyện Đàn Đạo Tế – một vị tướng quân triều Tấn. Kể xong, ông quan võ nọ sai người nọc ra đánh một trận. Người ta hỏi duyên cớ gì, ông ta nói : hắn kể cho tôi nghe chuyện Đàn Đạo Tế, tất hắn sẽ kể chuyện tôi cho Đàn Đạo Tế nghe"[2]. Kẻ thống trị bây giờ thần kinh cũng suy nhược đến mức như cái ông quan võ kia, cái gì cũng sợ, do đó

---

(1) *Thuyết thư nhân* : người kể chuyện lấy tiền kiểu như người hát *vè* ở ta ngày trước.

(2) *Đàn Đạo Tế*, người thời Nam Triều, có nhiều võ công, sau triều đình nghi kỵ, giết chết. Ở đây nói Hàn Tín thì đúng hơn. Trong cuốn *Sự thực loại uyển* của Giang Thiếu Ngu đời Tống, có chuyện như sau : Đặng Tiến không biết chữ... đi qua chợ thấy người ta dựng lều kể chuyện, liền dừng ngựa lại hỏi : "Mày kể chuyện gì đấy ? ". Người đóng trò nói : "Kể chuyện Hàn Tín". Tiến giận dữ nói : "Mày kể chuyện Hàn Tín với tao, khi gặp Hàn Tín chắc sẽ kể chuyện tao với Hàn Tín. Mày là hạng người ba mặt hai đầu !", rồi sai người đánh.

mà trong giới xuất bản, họ cũng bố trí những tên lưu manh tiến bộ hơn trước, làm cho người ta không thấy được hình thức lưu manh, nhưng chính ra là dùng những thủ đoạn lưu manh ghê gớm hơn : quảng cáo, vu cáo, hãm hại, dọa nạt. Thậm chí có mấy nhà văn học còn tôn lưu manh làm thầy, mong được yên ổn và có lợi. Do đó, nhà văn học cách mạng không những phải để ý đến kẻ thù trước mặt, mà còn phải đề phòng sự do thám lần này lượt khác. Chuyện đó so với chuyện chỉ giản đơn dùng văn nghệ mà đấu tranh, thì gay go hơn nhiều, và cũng vì thế mà ảnh hưởng đến văn nghệ.

Bây giờ Thượng Hải tuy còn xuất bản một đống tạp chí văn nghệ đấy, nhưng thực ra chẳng khác không có gì. Những cái mà các hiệu sách, lấy kinh doanh làm mục đích, xuất bản ra, thì bởi vì họ sợ gặp tai nạn, nên họ hết sức chọn thứ văn chương vô thưởng vô phạt, như loại nói : "Mạng cố nhiên không thể không cách, nhưng cũng không thể cách thái quá !". Cái đặc sắc của nó là làm cho người ta xem từ đầu chí cuối mà cũng như không xem. Còn như tạp chí quan xuất bản, hay do những người nịnh hót quan xuất bản, thì tác giả là một bọn ô hợp, mục đích chung của chúng chỉ là vơ ít tiền nhuận bút mà thôi. Nào là "Văn học triều Victoria[1] nước Anh", nào là "Bàn về Lưu Y Si được giải thưởng Nôben"[2]. Ngay bản thân họ cũng không tin những lời bình luận phát biểu ra đó, bản thân họ cũng không xem trọng thứ văn chương viết ra đó. Cho nên, tôi nói, tạp chí văn nghệ hiện nay Thượng Hải xuất bản, có cũng như không. Văn nghệ của người cách mạng cố nhiên bị áp bức rồi, mà tạp chí văn nghệ do kẻ áp bức làm ra, thì chẳng có gì là văn nghệ cả. Thế nhưng, có thật kẻ áp bức không có văn nghệ không ? Có thì có đấy, nhưng chẳng phải là văn nghệ, mà là thông điện, cáo thị, tin tức, "văn học" dân tộc, bản án của quan tòa. Thí dụ như mấy hôm trước, trên tờ *Thân báo* có đăng tin một chị kiện chồng cường bức kê gian[3] ; rồi đánh cho da thịt thâm tím nhưng quan tòa lại xử : pháp luật có văn bản rõ ràng chồng "kê gian" với vợ mà đánh da thịt thâm tím thì cũng không thể coi là làm tổn hại đến cơ năng sinh lý, cho nên không thể xét đơn kiện được. Bây giờ, cái người đàn ông nọ lại quay kiện vợ là "vu cáo". Pháp luật, tôi không biết, còn như sinh lý học thì tôi đã có học qua ít nhiều. Đánh da thịt thâm tím cố nhiên không tổn hại đến cơ năng của phổi, gan,

---

(1) *Victoria* (1819 - 1901) : nữ hoàng nước Anh.

(2) *Giải thưởng Nobel* : giải thưởng quốc tế, do nhà hóa học người Thụy Sĩ là Nobel, sáng lập. Vốn là 1.710.000 đôla. Hàng năm lấy tiền lãi phát giải thưởng. Có năm giải : vật lí, hóa học, y học, sinh lý, văn học. *Lưu Y Si* (?) : chưa rõ là ai.

(3) *Kê gian* : một cách giao cấu không bình thường.

ruột, dạ dày, nhưng cơ năng sinh lý của da thịt thì bị tổn hại. Chuyện đó ở Trung Quốc hiện nay tuy thường đấy, không phải là chuyện lạ, nhưng tôi cho rằng nó có thể cho ta thấy rõ một phần hiện tượng trong xã hội hơn một thiên tiểu thuyết, hay một bài thơ dài tầm thường.

Ngoài những điều nói trên đây, cái gọi là "văn học dân tộc", với loại tiểu thuyết võ hiệp đã làm ồn lên một dạo, cũng cần phải phân tích kỹ. Nhưng bây giờ không đủ thì giờ, đành chờ sau này có dịp sẽ nói. Hôm nay, đến đây là hết.

(Tập ***Hai lòng***)

70. NHIỆM VỤ VÀ VẬN MỆNH CỦA "VĂN HỌC DÂN TỘC"*

1

Chính sách thực dân nhất định là che chở, nuôi dưỡng bọn lưu manh rồi. Theo con mắt của đế quốc, chỉ có bọn này là những tên nô lệ quan trọng nhất, những tên khuyển ưng đắc lực nhất, có thể hoàn thành được nhiệm vụ mà dân thuộc địa không thể không hoàn thành : một mặt dựa vào bạo lực của đế quốc, một mặt lợi dụng sức mạnh của truyền thống bản quốc để loại trừ "những con cừu ghẻ"(1), những người "dân ngỗ ngược" không an phận thủ thường. Cho nên, bọn lưu manh đó là con cưng – không, chó cưng – của các ông quan Tây trên đất thuộc địa ; địa vị chúng nó tuy dưới ông chủ, nhưng vẫn trên những kẻ bị thống trị khác.

Thượng Hải tất nhiên cũng không thể không ở trong cái lệ ấy. Cảnh sát không giúp đỡ gì cho, các nhà buôn nhỏ, tuy ít vốn, nhưng nếu không tìm một tên lưu manh làm chủ nợ, trả cho thật nhiều tiền, thì khó mà đứng nổi. Năm ngoái, trong giới văn nghệ, cũng đã xuất hiện một số "nhà văn học" "suy tôn tiên sư"(2) rồi.

Nhưng đó chỉ là việc trắng trợn nhất mà thôi. Thật ra, mặc dù không phải là tay sai, rất nhiều đứa chúng nó gọi là "văn nghệ" là những đứa trước nay đều vẫn làm trọn phận sự của một con "chó cưng", tuy khẩu hiệu đưa ra có khác nhau : nào là chủ nghĩa nghệ thuật trên hết, nào là chủ nghĩa quốc túy, nào là chủ nghĩa dân tộc, nào là nghệ thuật vị nhân loại. Nhưng cái đó cũng

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Văn học bảo đạo* ngày 23 tháng 10 năm 1931, ký tên là Án Ngao.

(1) Nguyên văn : *hại quần chi mã* : con ngựa làm hại cả đàn.

(2) Chỉ những "nhà văn học" tôn bọn trùm lưu manh Quốc dân đảng phản động, tay sai đế quốc làm thầy và cha nuôi, như bọn Trương Nhược Cốc, Mục Thời Anh.

chỉ như súng kíp, súng khai hậu, súng trường, súng *môde* của bọn cảnh sát, hình thù có khác nhau, nhưng mục đích cuối cùng vẫn là một : tức là giết những người dân chống đế quốc, tức chống chính phủ, cũng tức "chống cách mạng", hay chỉ hơi bất bình một chút.

Trong văn học phái chó cưng đó, khua chiêng gióng trống hăng nhất là bọn "văn học dân tộc"[1], nhưng so với công lao rực rỡ của mật thám, cảnh sát, đao phủ thủ thì chúng nó còn kém hơn nhiều. Nguyên nhân vì chúng nó chỉ sủa, chứ chưa cắn trực tiếp, và lại không có cái hung hăn của bọn lưu manh. Chẳng qua chúng nó chỉ là những cái thây ma trôi lềnh bềnh mà thôi. Nhưng đó lại chính là cái đặc sắc của "văn học dân tộc", cho nên vẫn được "cưng" như thường.

Giở một tờ tạp chí của chúng nó mà xem. Các hạng người trước kia từng nêu các thứ chủ nghĩa bây giờ lại tụ họp một chỗ. Có phải là bàn tay khổng lồ "chủ nghĩa dân tộc" bắt họ đưa lại đây không ? Không phải. Đó vốn là những thây ma trôi vật vờ mấy lâu nay trên bờ Thượng Hải, rải rác khắp mọi nơi, nhưng khi sóng gió nổi lên thì dạt vào một chỗ, chất thành một đống, lại vì cái nào cũng rữa nát, nên xông ra một mùi hôi thối nồng nặc.

Tiếng "sủa" và mùi "hôi thối" có cái đặc sắc là ở xa cũng có thể nghe thấy, ngửi thấy có lợi cho đế quốc. Đó la cái gọi là "vi vương tiền khu"[2], cho nên "văn học thây ma trôi" vẫn sẽ tồn tại với nền chính trị lưu manh.

2

Nhưng sóng gió nói ở trên là cái gì ? Đó là những cơn gió, những đợt sóng nhỏ nổi lên vì giai cấp vô sản vùng dậy. Trước kia có những người gọi là nhà văn nghệ, không hẳn không có chút ít ý thức hoặc vô ý thức, cảm thấy bản thân mình tồi bại, thế rồi lừa người dối mình, dùng các thứ danh từ đẹp đẽ che giấu đi, nói là ẩn dật, phóng đạt (dùng tiếng mới tức là "đồi phế") ; vẽ thì vẽ đàn bà trần truồng, tĩnh vật, chết chóc ; tả thì tả trăng hoa, đất thánh, mất ngủ, rượu, đàn bà. Đến khi xã hội cũ tan rã càng rõ ràng, cuộc đấu tranh giai cấp càng diễn ra gay gắt, thì chúng nó cũng nhìn thấy

---

(1) Cuộc vận động "văn học dân tộc" hồi đó là cuộc vận động của bọn Quốc dân đảng phản động chống lại cuộc vận động văn học cách mạng, chúng lấy khẩu hiệu "chủ nghĩa dân tộc" che giấu chính sách bán nước đầu hàng đối với đế quốc Nhật. Những tạp chí của chúng như *Tiền phong chu báo, Tiền phong nguyệt san* xuất bản khoảng tháng 6 năm 1930.

(2) *"Vi vương tiền khu"* : "làm tiền phong cho vua". Chữ lấy trong *Kinh Thi*, thiên *Bá hề*, nói chuyện nước Vệ, nước Thái thời Xuân Thu theo vua Chu đánh nước Trịnh. Đây chỉ chính sách đầu hàng bán nước của bọn Quốc dân đảng phản động lúc đế quốc Nhật vũ trang xâm lược Trung Quốc.

kẻ thù của chúng nó, tức giai cấp vô sản sẽ sáng tạo nền văn hóa mới quét sạch cái ô uế cũ từ trước đến nay. Chúng nó lại cảm thấy chúng nó cũng là thứ ô uế này và sẽ cùng một vận mệnh với kẻ thống trị ở trên, thế là tất nhiên chúng nó tụ tập lại dưới lá cờ "văn học dân tộc" mà bọn thuận dân trong dân tộc bị đế quốc thống trị giương lên, cùng với chủ giãy giụa một lần cuối cùng.

Cho nên, tuy là những thây ma trôi rời rạc, nhưng mục tiêu thì lại là một : giống như chủ, dùng mọi thủ đoạn để áp bức giai cấp vô sản, hòng kéo dài hơi tàn. Có điều, cuối cùng vẫn là rời rạc, và vẫn mang lông da trước kia còn sót lại, cho nên từ khi chúng nó ra tuyên ngôn đến nay, không thấy có một tác phẩm mới mẻ nào hết ; tuyên ngôn là một cái rời rạc, do một nhúm người rời rạc chắp vá loạn xạ, không đủ để làm bằng cứ.

Nhưng tờ *Tiên phong nguyệt san* số 5 lại cho ta một tác phẩm rõ ràng. Theo lời người biên tập, thì đây là "miêu tả thực tế trong lúc tham gia đánh dẹp Diêm Tích Sơn, Phùng Ngọc Tường". Tiểu thuyết tả đánh nhau thì có gì là lạ, cái lạ là tâm tư trên chiến trường mà nhà văn "quân nhân trẻ tuổi" ấy kể lại. Đó là bức tự họa của "nhà văn học dân tộc", rất có giá trị để đưa ra làm dẫn chứng một cách nghiêm trang :

"Ngày nào buổi tối, cũng đứng dưới những ngôi sao vằng vặc, tay cầm súng, tai nghe trùng kêu. Xung quanh, muỗi bay từng đàn. Cảnh đó làm cho người ta nghĩ đến cuộc sống lưu huyết của quân đội lê dương nước Pháp trong cuộc chiến đấu với người A Rập trên sa mạc Phi châu".

(Trên mặt trận Lãng Hải – Hoàng Chấn Hà*)*

Té ra quân phiệt Trung Quốc hỗn chiến, theo con mắt nhà "quân nhân trẻ tuổi", "nhà văn học dân tộc", thì không phải là khua người cùng một nước ra tàn sát lẫn nhau, mà lại là người ngoại quốc này đang đánh người ngoại quốc khác. Hai nước, hai dân tộc, trên chiến địa, cứ đêm đến, lại cảm thấy da dẻ mình bỗng nhiên đổi ra màu trắng, sống mũi cao lên, thành chiến sĩ dân tộc Latinh, đứng trên đất Phi châu man rợ ! Như thế chả trách thấy nhân dân xung quanh đều là địch, phải bắn cho chết hết. Theo chủ nghĩa dân tộc mà nói thì người Pháp bất tất phải thương xót người A Rập ở Phi châu. Nội điểm đó, hiểu rộng ra, cũng chứng tỏ được rằng tại sao quân phiệt Trung Quốc lại làm nanh vuốt cho đế quốc, lại đầu độc, giết hại nhân dân Trung quốc, đó là bởi vì chúng nó tự cho chúng nó là lính lê dương của nước Pháp, mà hiểu hẹp lại, thì chứng tỏ rằng "nhà văn học dân tộc"

Trung Quốc căn bản chỉ cùng với người chủ ngoại quốc là vui buồn có nhau, rằng tại sao lại gọi là "chủ nghĩa dân tộc", để che mắt độc giả như thế, đó là bởi vì chúng nó tự cảm thấy chúng nó có lúc giống như dân tộc Latinh, dân tộc Tơtôn[1] v.v...

3

Ông Hoàng Chấn Hà tả rõ ràng như thế, tâm cảnh ông ta nói đó tất nhiên là chân thực. Có điều căn cứ vào những kiến thức bày tỏ trong thiên truyện của ông ta mà suy đoán, thì còn có một chút húy kỵ, che giấu, không phải ông ta không biết mà là cố ý không nói. Tức là "lính An Nam của nước Pháp"[2] ông ta đổi tâm bậy thành ra "đội quân lê dương của nước Pháp', do đó hơi xa với "miêu tả thực tế", và cũng gợi thắc mắc nói ở đoạn trên.

Nhưng tác giả là một người thông minh, ông ta thường có nghe *"ông bạn là Phó Ngạn Trường ngày thường bàn luận rất nhiều... Có nhiều chỗ chính là chịu ảnh hưởng của ông ta, không che giấu được"*[3] ; rồi sau khi tra cứu sử sách trong nước, ngoài nước, ông ta lại viết tiếp một vở kịch thơ sát với đề "dân tộc chủ nghĩa" hơn, lần này không dùng người Pháp nữa, mà là *Máu người da vàng (Tiền phong nguyệt san*, số 7).

Nội dung câu chuyện vở kịch thơ này là cuộc Tây chinh của người da vàng ; chủ tướng là nguyên soái Bạt Đô, cháu Thành Cát Tư Hãn, dân tộc da vàng chính cống. Đánh là đánh châu Âu, thực ra chủ yếu là Cán La Tư (Nga La Tư) – đó là mục tiêu của tác giả. Liên quân gồm có người Hán, Tacta, Nữ Chân, Khiết Đan – đó là kế hoạch của tác giả. Đi đâu thắng đó. Đáng tiếc là về sau, bốn giống người này không biết đến sự quan trọng của tình "hữu nghị" và "sức mạnh của tình đoàn kết", tàn sát lẫn nhau, rồi bị võ sĩ da trắng đánh thua. Đó là điều tác giả ngụ ý khuyên răn và cũng là điều tác giả lấy làm đau xót.

Nhưng chúng ta hãy xem cái dũng mãnh và cái ác liệt của đội quân da vàng :

Ghê tởm quá ! Dầu sôi nấu xác,
Đáng sợ thay ! Đầy rẫy thi hài trên mặt đất.
Tứ thần vồ lấy cô gái da trắng ôm ghì,

---

(1) *Teutons* : một bộ phận dân tộc Aryan phân bố ở các nước Thụy Sĩ, Hà Lan, Đan Mạch, Thụy Điển, Na Uy, Ý, Anh, Islan. Người Mỹ chủ yếu cũng là người dân tộc Teutons.

(2) Ý Lỗ Tấn muốn nói : "lính thuộc địa", chứ không phải "lính lê dương" do đó quân phiệt đối với đế quốc là quan hệ tớ, thầy.

(3) Những câu này Lỗ Tấn lấy trong bài Hoàng Chấn Hà viết trước vở kịch thơ.

Cái đầu mượt mà của mỹ nhân biến thành chiếc đầu lâu hung ác.
Bầy dã thú ngoại bang trong đền xưa đánh nhau ác liệt,
Những chiến sĩ đoàn quân thập tự nét mặt âu sầu,
Cỗ quan tài ngàn năm hắt ra mùi hôi thối nặc.
Gót sắt giẫm lên xương nát, tiếng lạc đà rú lên kinh ngạc,
Thượng đế trốn rồi, ma quỷ giơ cao ngọn roi lửa trả thù.
Ôi ! Họa da vàng ! Cái họa da vàng !
Bọn dũng sĩ châu Á há to cái miệng máu ăn người.

Cái họa da vàng mà Đức hoàng Guyôm vì muốn cổ võ "nước Đức, nước Đức hơn tất thảy", mà hô lớn lên đó, cái "miệng máu ăn người" mà các "dũng sĩ Á châu mở to" ra đó, nhà thơ chúng ta lại đem chĩa về phía "Cán La Tư", tức hiện nay là nước đầu tiên của giai cấp vô sản chuyên chính, để tiêu diệt giai cấp vô sản, làm gương. Đó là mục tiêu của "văn học dân tộc". Nhưng rút cục vì là "văn học dân tộc" của thuận dân nước thuộc địa, cho nên người mà nhà thơ chúng ta thờ làm thủ lĩnh là Bạt Đô, người Mông Cổ, không phải là Triệu Cấu[1], người Trung Hoa, những người "mở to miệng máu ăn người" là dũng sĩ Á châu, chứ không phải là dũng sĩ Trung Quốc, và điều ông ta hy vọng là tình "hữu nghị" dưới sự thống trị của Bạt Đô, chứ không phải tình hữu ái giữa các dân tộc bình đẳng. Đó là đặc sắc của cái gọi là "văn học dân tộc" trắng trợn, và cũng là điều đau xót của nhà văn quân nhân trẻ tuổi.

4

Bạt Đô chết rồi, trong người da vàng Á châu, hiện nay có thể ví với Mông Cổ thời đó, chỉ có một Nhật Bản. Dũng sĩ Nhật Bản tuy hết sức thù ghét Liên Xô, nhưng cũng chẳng yêu mến gì dũng sĩ Trung Hoa. Họ đại xướng "Nhật – Trung thân thiện", tuy cũng nhất trí với chủ trương "hữu nghị", nhưng sự thực thì không ăn khớp gì với lời nói đầu miệng cả. Các "nhà văn học dân tộc" Trung quốc, đứng trên lập trường của chúng nó, đã cảm thấy bi ai, ngụ lời khuyên bảo. Tất nhiên phải như thế, không có gì lạ.

Quả nhiên, nỗi bi ai mà nhà thơ dự cảm hình như được chứng thực, mà lại còn tệ hơn nhiều. Khi sắp bắt đầu giơ "ngọn roi lửa" lên mà thiêu đốt "Cán La Tư", thì giống như cái kết cục của Bạt Đô thời đó, người Triều Tiên giết người Trung Quốc, người Nhật Bản "mở to miệng máu ăn người", nuốt

(1) *Triệu Cấu* (tức Tống Cao Tông) : vua thời Nam Tống.

Đông Tam Tỉnh[1]. Chẳng phải là vì họ chưa chịu ảnh hưởng của ông Phó Ngạn Trường, không biết "sức mạnh của đoàn kết là trọng yếu", nên mới xem "dũng sĩ" Trung Quốc thành người A Rập ở Phi châu đó sao ?!

5

Đó quả là một đòn nặng. Nhà văn quân nhân ấy còn chưa kịp lấy giọng dũng mãnh mà thét lên, thì bây giờ chúng ta lại thấy những lời căm giận và tuyệt vọng của những dũng sĩ tí hon đăng trên báo chương dưới lá cờ "chủ nghĩa dân tộc". Cái đó cũng thế tất phải như thế, không lấy gì làm lạ. Lý tưởng và hiện thực vốn dễ xung đột, khi còn là lý tưởng đã bao hàm bi ai rồi thì đến khi trở thành hiện thực tất nhiên sẽ tuyệt vọng. Thế là các dũng sĩ tí hon muốn đánh.

Đánh đi ! hãy quyết tâm lần chót,
Hãy giết sạch kẻ thù không để sót !
Kìa xem ! súng giặc khắp nơi đã nổ rồi !
Tiến lên nhanh ! hãy lấy thân ta làm bức trường thành.

Đùng đùng trên trời sấm nổ
Ầm ầm dưới chân sóng vỗ
Máu nóng bốc cháy trong tim
Nhằm tiền tuyến, chúng ta xông lên.

(Tô Phượng – "Chiến ca" – *Dân quốc nhật báo*)

Đi ! đi ra mặt trận,
Máu chúng ta đang sục sôi,
Người chúng ta như điên rồ,
Ta hãy lấy máu làm rỉ mãi gươm thù,
Ta hãy lấy thân làm tắc miệng súng giặc.
Đi, đi ra mặt trận,
Với dũng khí của ta,
Với chút tinh linh của lòng thuần ái,
Chúng ta đánh đuổi kẻ thù,
Không ! Chúng tà giết sạch kẻ thù.

(Cam Dự Khánh - "Đi ra chiến trường" - *Thần báo*)

---

(1) Chỉ sự kiện 18 tháng 9 năm 1931. Trước khi sự kiện này xảy ra, do đế quốc Nhật xúi giục, ở Hán Thành và Bình Nhưỡng, đã xảy ra chuyện người Triều Tiên giết Hoa kiều.

Đồng bào ! Hãy tỉnh dậy !
Hãy vứt đi lòng nhu nhược !
Hãy vứt đi bụng yếu hèn !
Kìa xem ! Kìa xem !
Máu đồng bào ta đã chảy !
Thịt đồng bào ta đã tan !
Xác đồng bào ta treo ngược !

(Thiệu Quán Hoa - "Tỉnh dậy đồng bào" - *Thần báo*)

Qua những bài thơ đó, thấy rõ ràng là các tác giả đều biết không có vũ khí, cho nên, đành dùng "thân", dùng *"tinh linh của lòng thuần ái"*, dùng *"thi thể"*. Đó chính là nguyên nhân nỗi bi ai trước đây của tác giả *Máu người da vàng*, cho nên sau khi chạy theo nguyên soái Bạt Đô, ông ta chủ trương "hữu nghị". Vũ khí là mua của chủ, người vô sản đã là kẻ thù của mình rồi, nếu chủ lại không thấu nỗi lòng cho mà trừng phạt, thì con đường duy nhất thực tế cũng chỉ là chết mà thôi !

Chúng tôi là đội quân vừa được huấn luyện,
Có một ý chí kiên cường,
Có một bầu máu nóng sôi sục.
Để quét sạch loài bạo tàn !
Đồng bào, hỡi đồng bào thân mến !
Mau đứng lên sẵn sàng ra trận !
Mau đứng lên phấn đấu !
Cái chết ngoài chiến trường là con đường sống của ta.

(Sa San - "Học sinh quân" - *Thần báo*)

Trời đang rung,
Đất đang chuyển,
Người đang xông lên, thú vật đang gầm rú,
Mọi vật trong vũ trụ đang kêu gào,
Các bạn ơi !
Hãy sẵn sàng đưa đầu của ta cho kẻ thù chúng chặt !

(Từ Chi Tân - "Cái chết vĩ đại" - *Thần báo*)

Một nhóm thì tuyên dương ầm ĩ, một nhóm thì khảng khái bi ca. Viết, viết cố nhiên không sao cả, nhưng nếu muốn như thế thật, thì quả chẳng

hiểu gì ý nghĩa đúng đắn của "chủ nghĩa dân tộc", có điều lại làm trọn được nhiệm vụ của "văn học dân tộc".

6

Nhà thơ Hoàng Chấn Hà, tác giả *Máu người da vàng* mà đầu đề được in bằng chữ lớn trên tờ *Tiền phong nguyệt san*, chẳng phải đã nói ra cho chúng ta biết nguyên soái Bạt Đô lý tưởng rồi ư ? Nhà thơ này đã chịu ảnh hưởng của ông Phó Ngạn Trường, đã tra cứu sử sách trong nước, ngoài nước, lại còn biết *"Đông Âu thời trung thế kỷ là nơi ba dòng tư tưởng xung đột nhau"*[1], lẽ nào lại không biết Trung Quốc, thời cuối nhà họ Triệu[2] là chỗ cướp bóc, hãm hiếp của người Mông Cổ. Lúc hoàng đế Thành Cát Tư Hãn, ông nội nguyên soái Bạt Đô, xâm nhập Trung Quốc, đến đâu là cướp bóc, hãm hiếp, đốt nhà ; đến Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông, thấy ảnh ông Hai Khổng, lính Nguyên cũng chỉ vào mặt mà chửi : "Nói "Di Địch có vua, chứ không phải như Chư Hạ không có" là mày phải không ?" Rồi bắn một mũi tên vào mặt[3]. Đó là lời một người đời Tống rơi nước mắt mà chép trong cuốn bút ký của ông ta, cũng giống như thứ văn chương khóc sướt mướt ngày nay thường thấy đăng trên báo chí. Cái cảnh hay ho mà nhà thơ họ Hoàng tả ở Cán La Tư, *"Tứ thần vô lấy cô gái da trắng ôm ghì"*, kỳ thực là tình hình đã xảy ra ở Trung Quốc thời đó. Nhưng đến đời cháu ông ta, thì chẳng phải họ đã cùng nhau dắt tay đi "chinh Tây" rồi sao ? Bây giờ lính Nhật Bản "Đông chinh" Đông Tam Tỉnh, chính là bước thứ nhất của cuộc "Tây chinh" trong lý tưởng của "nhà văn học dân tộc", màn mở đầu của tấn kịch *"Dũng sĩ châu Á há to cái miệng máu ăn người"*. Có điều trước hết phải cắn Trung Quốc một miếng đã. Bởi vì lúc đó hoàng đế Thành Cát Tư Hãn[4], cũng giống như đối với Cán La Tư, trước hết bắt người Trung Quốc biến thành nô lệ đã, rồi mới lùa ra đánh trận, không dùng "hữu nghị", mà gửi thiếp đến mời. Cho nên, vụ Thẩm Dương không những không mâu thuẫn gì với "văn học dân tộc", mà lại còn thực hiện được cảnh lý tưởng của họ. Nếu không rõ cái tinh nghĩa đó, cứ muốn "cắt đầu", làm cho "dũng sĩ châu Á" giảm đi, thì quả thật rất đáng tiếc !

---

(1) Câu này cũng trích trong "Bài nói đầu" của vở kịch thơ *Máu người da vàng*.

(2) Tức họ của người lập ra triều Tống, Triệu Khuông Dẫn.

(3) Chuyện này lấy trong tập bút ký *Kê Lặc Thiên* của Trang Quý Dụ, người đời Tống. *Ông Hai Khổng* : tức Khổng Tử. Nguyên văn : *"Di Địch chi hữu quân, bất như Chư Hạ chi vô dã" (Luận ngữ, Bát dật). Chư Hạ* là Trung Quốc.

(4) Ám chỉ Thiên hoàng, Nhật Bản.

Thế thì "văn học dân tộc" không cần phải có cái điệu ô hô, i hi, chết chết sống sống đó ư ? Xin trả lời : Phải có chứ ! Nhất định họ cũng có. Nếu không, thì những cái trò chủ nghĩa bất đề kháng, thề thốt dưới thành, cắt dâng đất đai, sẽ diễn ra càng trắng trợn trong im lặng. Phải khóc to, gào lớn, vỗ tay, giẫm chân, làm cho người ta rối óc lên vì cái ồn ào náo nhiệt đó, nghe bi ca mà rơi nước mắt, nghe tráng ca mà hết giận. Thế là cái "Đông chinh", bước thứ nhất của cuộc "Tây chinh" sẽ lặng lẽ qua đi một cách êm thấm ! Giữa dãy xác chết, có tiếng khóc bi ai, có tiếng quân nhạc hùng tráng ; nhiệm vụ của nó là đưa người chết chôn vùi xuống đất, lấy cái ồn ào náo nhiệt mà che lấp "cái chết", làm cho người ta sau đó sẽ "quên đi". Bây giờ "văn học dân tộc" đang tán dương ầm ỹ hoặc khảng khái bi ca, chính là đang làm trọn cái nhiệm vụ giống như thế.

Nhưng sau đó, "nhà văn học dân tộc" cũng càng gần với nỗi u buồn của hắn, bởi vì có một vấn đề rất cấp thiết, tức là ông chủ tương lai có đến nỗi theo vết xe đổ của nguyên soái Bạt Đô hay không, có chịu tin dùng và ưu đãi những tên nô lệ trung dũng, không phải những dũng sĩ hay không ? Đó quả là một vấn đề rất quan trọng, rất đáng sợ, đó quả là điều cốt tử của việc chủ và nô lệ có thể "cùng nhau sống mà hưởng vinh hoa phú quý" hay không.

Lịch sử cho chúng ta biết : không thể được. Ngay các "nhà văn học dân tộc" cũng đã biết rồi, không thể có chuyện như thế. Chúng nó chỉ làm trọn cái nhiệm vụ đưa ma, vĩnh viễn buồn thương lưu luyến chủ. Phải đến khi sóng gió cách mạng vô sản gầm thét lên, rửa sạch sơn hà, thì lúc ấy chúng nó mới thoát khỏi cái vận mệnh xấu xa, thảm hại, rữa nát đó được.

(Tập ***Hai lòng***)

71. NHỮNG CHÀNG "ĐÔNG KISÔT" MỚI CỦA TRUNG HOA DÂN QUỐC*

Cuối thế kỷ XVI, nhà văn Tây Ban Nha, Xecvăngtet[1] có viết một bộ tiểu thuyết dày, gọi là *Đông Kisôt*, kể chuyện chàng Kisôt xem chuyện võ hiệp nhiều quá đâm ra ngốc, cứ muốn học cái lối du hiệp thời cổ, khoác một chiếc áo giáp rách, cưỡi một con ngựa gầy, đem theo một người đầy tớ, đi phiêu lưu khắp nơi, định diệt yêu quái, trừ kẻ bạo tàn để dân lương thiện được an vui. Đâu có biết thời bấy giờ không còn tràn ngập cái không khí cổ xưa nữa, do đó, anh chàng chỉ để lại được khá nhiều mẩu chuyện vui, chịu nhiều cực nhục, cuối cùng bị lừa, bị trọng thương, lảo đảo trở về chết ở nhà, lúc sắp chết mới biết mình chỉ là một người tầm thường, chứ không phải là một vị đại hiệp khách.

Cái điển tích đó, năm ngoái ở Trung Quốc, được đưa ra dùng nhiều lần. Bậc danh nhân được gán cái tên cúng cơm đó tựa hồ không lấy làm cao hứng lắm. Thật ra, cái anh chàng xem chuyện mà sinh ra ngốc kia là một anh chàng ngốc sách, người Tây Ban Nha, chứ ở Trung Quốc, trước nay người ta thích "trung dung", thì không thể có những kẻ như thế. Người Tây Ban Nha yêu thì ngày nào họ cũng đến dưới cửa sổ nhà người con gái đứng hát ; tin tôn giáo cũ thì họ đốt, giết những người theo thuyết dị đoan ; làm cách mạng thì họ phá giáo đường, lật đổ hoàng đế. Nhưng văn nhân học sĩ Trung Quốc chúng ta, chẳng phải là cứ nói người con gái đến dụ dỗ trước, chủ trương các tôn giáo cùng một nguồn gốc, bảo vệ chùa chiền, sau Cách mạng vẫn để cho Tuyên Đế làm vua trong cung bao nhiêu năm nữa đó sao ?

---

* Bài này đăng lần đầu trên báo *Bắc Đẩu* ngày 20 tháng 1 năm 1932, ký tên là Trường Canh.

(1) *Miguel de Cervantès – Saavedra* (1547 – 1616) : tác giả *Don Quichotte*.

Còn nhớ báo chí trước đây có đăng chuyện mấy anh làm công trong hiệu buôn, xem tiểu thuyết kiếm hiệp đâm mê, bỗng muốn đến núi Võ Đương học đạo. Cũng hơi giống Đông Kisôt đấy. Nhưng sau đó không thấy có tin gì nữa, chẳng biết có làm nên chuyện gì lạ không, hay là sau đó lại trở về nhà ? Theo lệ cũ "trung dung" mà suy đoán, có thể về nhà là hợp nhất.

Từ đó về sau, xuất hiện Đông Kisôt kiểu Trung Quốc, tức là "đoàn thanh niên giúp Mã Chiếm Sơn"[1]. Không phải là lính, nhưng họ lại đòi ra mặt trận ; chính phủ muốn tố cáo với Hội Quốc liên, họ lại muốn tự mình ra tay ; chính phủ không cho đi, họ cứ đòi đi ; Trung Quốc bây giờ có thể nói là đã có một ít đường sắt, nhưng họ cứ muốn bước từng bước một ; miền Bắc lạnh, nhưng họ chỉ mặc có một chiếc áo kép ; đánh nhau, vũ khí là cái quan trọng nhất, nhưng họ lại chú trọng tinh thần. Tất cả những cái đó đúng là "Đông Kisôt" trăm phần trăm rồi. Nhưng rút cục là Đông Kisôt kiểu Trung Quốc, cho nên Đông Kisôt chỉ có một mình, mà họ thì cả một đoàn. Tiễn đưa Đông Kisôt là những lời chế nhạo, tiễn đưa họ là những tiếng hoan hô ; tiếp đón Đông Kisôt là thái độ ngạc nhiên, tiếp đó họ là những tràng vỗ tay nhiệt liệt. Đông Kisôt đóng trại trong rừng sâu, họ đóng trại ở trấn Chân Như ; Đông Kisôt đánh cối xay gió, họ chơi trò gương lược, lại gặp gái đẹp ở Thường Châu, sao mà hạnh phúc làm vậy ! (xem mục *Tự do đàm, Thân báo*, tháng 12). Và sao lại có chuyện bên sướng bên khổ khác nhau như thế nhỉ ? Ô hô !

Đúng rồi, tiểu thuyết cổ kim trung ngoại nhiều lắm, trong đó có "chở quan tài theo"[2], có "chặt ngón tay"[3], có "khóc ở sân điện nước Tần"[4], có "thề với trời đất". Nghe quen tai, nhìn quen mắt đi rồi, thành thật cũng không khỏi gánh quan tài, chặt ngón tay, đến lăng Tôn Dật Tiên khóc, tuyên

---

(1) Sau sự kiện 18 tháng 9 năm 1933, do chính sách bán nước bất đề kháng của Tưởng Giới Thạch, trong một thời gian rất ngắn, đế quốc Nhật chiếm đóng toàn bộ lãnh thổ đông bắc Trung Quốc. Tháng 11, khi quân Nhật đến chiếm Long Giang, chủ tịch tỉnh Hắc Long Giang là Mã Chiếm Sơn đứng lên phản kháng. Đương thời, một số thanh niên ở Thượng Hải có tổ chức "đoàn thanh niên giúp Mã Chiếm Sơn", yêu cầu tham gia quân đội Đông Bắc kháng Nhật. Nhưng vì thiếu tinh thần đấu tranh kiên quyết, đặc biệt là vì bọn Quốc dân đảng phản động phá hoại, không bao lâu, đoàn đó giải tán.

(2) *"Dư thấn"* : Thời trước ra đánh nhau, có kẻ làm như thế, tỏ ý liều chết.

(3) *"Tiệt chỉ"* : tỏ ý kiên quyết.

(4) *"Khốc Tần đình"* : lấy tích Thân Bao Tư thời Chiến Quốc. Lúc Ngũ Tử Tư, thần tử nước Sở, đem quân nước Ngô phá đô thành nước Sở, thì Thân Bao Tư chạy sang Tần báo nguy, xin cầu cứu. Tần không đồng ý. Bao Tư đứng trong sân điện nước Tần, khóc suốt bảy ngày bảy đêm. Tần Ai Công động lòng thương xót... bèn sai 500 chiếc xe đi cứu Sở đánh Ngô *(Sử ký, Chuyện Ngũ Tử Tư)*.

72. TRẢ LỜI TÒA SOẠN TẠP CHÍ *BẮC ĐẨU*

– Sáng tác như thế nào cho hay ? –

Kính gửi Ban biên tập

Vấn đề ông nêu ra trong thư, nên nhờ các nhà văn Mỹ và các vị giáo sư ở Thượng Hải, Trung Quốc trả lời thì hơn. Trong bụng họ, đầy rẫy những cuốn như *Cách viết tiểu thuyết, Phương pháp sáng tác tiểu thuyết.* Tôi tuy có viết hai mươi thiên truyện ngắn, nhưng trước nay không hề có "kiến thức gì cao xa" cả, cũng giống như tôi có thể nói được tiếng Trung Quốc, nhưng không thể viết được một cuốn *Trung Quốc ngữ pháp nhập môn.* Có điều, trước mối thịnh tình của ông, khó lòng từ chối được, cho nên tôi chỉ xin đem một vài điều vặt vãnh đã từng kinh nghiệm, viết ra dưới đây :

1. Chú ý mọi việc, nhìn cho nhiều, mới chỉ nhìn thấy một ít thì không viết.

2. Khi viết không ra thì không viết gượng gạo.

3. Người mẫu thì không dùng một người nhất định, mà nhìn nhiều người, rồi tập hợp lại.

4. Viết xong ít ra cũng xem lại hai lượt, hết sức bỏ không tiếc những chữ, những câu, có cũng được, không cũng được. Thà đem những tài liệu có thể viết thành tiểu thuyết, thu gọn lại thành *sketch*[1], quyết không đem tài liệu của một *sketch* kéo thành một thiên tiểu thuyết.

5. Xem truyện ngắn ngoại quốc, cơ hồ toàn là tác phẩm Đông Âu và Bắc Âu, cũng có xem tác phẩm Nhật.

6. Không đặt những hình dung từ mà ngoài mình ra không ai hiểu.

7. Không tin những cuốn sách loại *Phương pháp viết tiểu thuyết*

8. Không tin lời những người gọi là nhà phê bình của Trung Quốc, mà xem các bài bình luận của những nhà phê bình ngoại quốc có thể tin cậy được.

Bây giờ chỉ có thể nói được như thế thôi.

Kính chào

Ngày 27 tháng 12

(Tập ***Hai lòng***)

---

(1) *Sketch* : tiếng Anh có nghĩa là một bài văn ngắn gọn, ghi nhanh, kiểu ký sự.

73. THƯ VỀ ĐỀ TÀI TIỂU THUYẾT*

Gửi hai bạn Y và T[1]

Nhận được thư, chưa kịp trả lời thì bị cúm, – cúm hiện đang thành một bệnh dịch –, đầu nặng chịch, mắt sưng vù lên, không thể nào cầm bút viết được. Mấy hôm nay đã khỏe lại rồi, nên mới viết thư trả lời. Cùng ở Thượng Hải cả, mà phải lần lữa mất một tháng, thật hết sức không phải.

Vấn đề hai bạn hỏi là, khi viết tiểu thuyết nên dùng tài liệu gì[2], mà lập trường của tác giả, như nói trong thư, là lập trường giai cấp tiểu tư sản. Nếu là một người vô sản chiến đấu, thì quý hồ cái viết ra có thể thành một tác phẩm nghệ thuật, còn bất cứ miêu tả cái gì, sử dụng tài liệu gì, đối với hiện tại và tương lai, nhất định cũng sẽ có phần cống hiến cả. Vì sao như vậy ? Vì bản thân tác giả là một chiến sĩ rồi.

Nhưng hai bạn lại không thuộc giai cấp đó, cho nên trước khi cầm bút viết, thì nảy ra câu hỏi trong thư. Tôi nghĩ, đối với thời đại hiện nay, những cái đó vẫn còn có ý nghĩa, nhưng giả thử cứ cái kiểu ấy mãi, thì lại không ổn.

Tác phẩm nghệ thuật của giai cấp khác thì đại để không có liên quan gì với người vô sản đang chiến đấu. Giai cấp tiểu tư sản, nếu như kỳ thực không cùng một lòng với giai cấp vô sản, thì dù có căm ghét, hoặc châm biếm giai cấp của mình, nhưng theo con mắt người vô sản, cũng giống như một vị công tử thông minh tài trí mà ghét bọn em vô lại trong nhà. Đó là việc trong nhà, không cần phải để ý, càng không thể nói có ích hay không

---

* Bức thư này đăng lần đầu trên tạp chí *Giữa ngã tư*, ngày 5 tháng 1 năm 1932.

(1) *Y và T* : tức Sa Đinh và Ngải Vu.

(2) Trong bức thư gửi cho Lỗ Tấn, ông Y và T viết như sau :

"Chúng tôi có viết mấy thiên truyện ngắn, đề tài như sau : một truyện xây dựng một nhân vật thanh niên tiểu tư sản, anh ta biết rất rõ, đem những nhược điểm mà ở trong thời đại này thấy lộ ra ngoài hoặc còn giấu bên trong, biểu hiện bằng nghệ thuật trào phúng ; một truyện xây dựng một nhân vật thuộc tầng lớp dưới, anh ta biết rất rõ – một nhân vật lớp dưới mà trong thời đại này ở ngoài vòng xoáy của trào lưu lớn thời đại hiện nay, – đem những ý nghĩ phản kháng mông lung của một lòng ham sống mãnh liệt bị đè nén trong sinh hoạt khắc họa vào trong tác phẩm – không biết một tác phẩm có nội dung như thế, đối với thời đại hiện nay, có thể nói có góp được một chút cống hiến nào không ?".

có ích. Thí dụ như Gôchiê[1] nước Pháp, ông ta rất ghét giai cấp tư sản, nhưng bản thân ông ta vẫn là một nhà văn tư sản chính cống. Nếu tả những nhân vật lớp dưới (tôi cho rằng họ không thể ở "ngoài vòng xoáy của trào lưu lớn thời đại hiện nay"), nói là khách quan nhưng thật ra chỉ thờ ơ, đứng trên lầu nhìn xuống, nói là đồng tình, nhưng chẳng qua có chút lòng bố thí rỗng tuếch mà thôi, không có lợi gì cho người vô sản. Mà về sau thì rất khó nói. Thí dụ Bôđơle[2], cũng người nước Pháp. Khi phong trào Công xã Pari mới bắt đầu, ông ta rất cảm kích, tán thành, đến khi thế lực của nó lớn lên, thì ông ta thấy có hại cho đời sống, rồi ông ta trở thành phản động. Nhưng nói về Trung Quốc hiện nay, thì tôi cho rằng hai loại đề tài đó vẫn còn có ý nghĩa. Như loại thứ nhất, không phải cùng một giai cấp thì không hiểu rõ ; công kích, lột mặt nạ, tất sẽ mạnh mẽ hơn người không biết tình hình trong đó. Còn loại thứ hai, tình hình đời sống, tất nhiên sẽ tùy thời đại mà thay đổi ; các nhà văn sau này có thể không được trông thấy nữa, bây giờ ghi lại ít nhất cũng có thể dùng làm tài liệu về một thời đại. Cho nên đối với hiện tại cũng như đối với tương lai, vẫn đều có ý nghĩa. Có điều, dù "biết rõ", vị tất đã "đúng". Phải lấy cái có ý nghĩa, trình bày ra làm cho nổi bật lên, trở thành rộng lớn hơn, đó mới là nhiệm vụ đúng đắn của nhà phê bình.

Do đó tôi nghĩ, hai bạn có thể cứ theo đề tài hiện nay các bạn có thể viết được, mà bắt đầu viết đi. Có điều, chọn tài liệu phải cho chặt, phải đào sâu, không thể lấy những chuyện vặt vãnh, không có ý nghĩa, viết thành một thiên truyện, và tự cho là phong phú. Cứ viết như thế, đến một lúc, tôi đoán sẽ có cảm giác viết hết cả rồi, mặc dù nhân vật của đề tài như thế, mười năm sau, còn có thể tồn tại như cái cặn bã, mà lúc đó, người miêu tả, khắc họa sẽ là hạng tác giả khác, có một cách nhìn khác. Thế nhưng, hai bạn là những người thanh niên đang tiến, lại ôm ấp ý chí giúp sức và cống hiến cho thời đại, lúc đó nhất định các bạn có thể dần dần khắc phục được đời sống và ý thức của mình, nhìn thấy con đường mới.

Tóm lại, ý tôi là : bây giờ có thể viết được gì thì viết cái đó, bất tất phải xu thời, tất nhiên càng không cần phải cố tạo ra những anh hùng cách mạng kiểu đột biến, tự xưng là "văn học cách mạng". Nhưng cũng không nên dừng lại ở đó, không thay đổi, đến nỗi để cho mình chìm nghỉm đi. Như thế tức là tiêu diệt sức giúp đỡ và sự cống hiến đối với thời đại. Xin chúc các bạn viết được những tác phẩm hay.

L.S.

Ngày 25 tháng 12

(Tập ***Hai lòng***)

---

(1) *Théophile Gautier* (1811 – 1872) : nhà thơ và nhà viết tiểu thuyết người Pháp.

(2) *Charles Baudelaire* (1821 – 1867) : nhà thơ có tiếng người Pháp, tác giả *Những bông hoa độc*.

74. BÀN VỀ "HẠNG NGƯỜI THỨ BA"*

Ba năm nay, những cuộc tranh luận về văn nghệ vắng hẳn. Trừ "lý luận của bọn luận khách[1]", được sự bảo vệ của cây đao chỉ huy, treo chiêu bài "cánh tả", phát hiện ra thuyết văn nghệ tự do trong chủ nghĩa Mac và tìm thấy thuyết giết sạch "giặc cộng" trong chủ nghĩa Lênin, thì tuồng như không có ai mở miệng được. Thế nhưng, nếu là văn nghệ "văn nghệ vì văn nghệ" thì lại vẫn được "tự do", vì nó không bị hiềm nghi nhận đồng rúp. Có điều, "hạng người thứ ba" tức là "người cứ ôm chặt lấy văn học không chịu buông ra"[2] lại không khỏi dự cảm nỗi đau khổ : văn đàn cánh tả sẽ nói là "tay sai của giai cấp tư sản"[3].

Đại biểu cho "hạng người thứ ba" đó để tỏ lòng bất bình là những bài của Tô Vấn đăng trên tạp chí *Hiện đại* số 3 và số 6. (Ở đây, tôi cần phải thanh minh trước rằng, để cho tiện, tôi tạm thời dùng những chữ "đại biểu", "hạng người thứ ba", tuy biết rõ "bọn nhà văn" của ông Tô Vấn không muốn dùng những danh từ cố định, cũng như họ cự tuyệt những chữ không được thật quyết định như *"hoặc giả" "ít nhiều", "ảnh hưởng"*, bởi vì gọi mà cố định thì không tự do nữa). Ông ta cho rằng nhà phê bình cánh tả, động một chút là nói nhà văn là "tay sai của giai cấp tư sản", thậm chí cho những người trung lập không phải là trung lập ; mà một khi không trung lập, thì

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Hiện đại*, tháng 11 năm 1932. Tháng 12 năm 1931, Hồ Thu Nguyên có viết bài *Bàn về văn nghệ con chó* đăng trên tờ *Văn hóa bình luận*. Y tự xưng là "người tự do", một mặt phê bình "văn học dân tộc", và một mặt công kích phong trào văn học cách mạng do Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả lãnh đạo. Sau đó Tô Vấn, tự xưng là "hạng người thứ ba", cũng phản đối phong trào văn học cách mạng. Hồi đó, các nhà văn cánh tả, đặc biệt là Lỗ Tấn và Cù Thu Bạch, có viết nhiều bài đập tan luận điệu của bọn chúng.

(1) *Luận khách* nói ở đây là bọn Hồ Thu Nguyên và những tên tơrôtkít khác. Hồ Thu Nguyên cũng tự xưng là một "nhà macxít".

(2), (3) Những câu này trích dẫn của Tô Vấn.

có khả năng cho là làm "tay sai của giai cấp tư sản", những người mệnh danh là "nhà văn cánh tả" thì "tả mà không tác"[1] ; "hạng người thứ ba" lại muốn sáng tác mà không dám ; thế là trên văn đàn chẳng có gì hết. Thế nhưng, nghe nói trong văn nghệ ít ra còn có một bộ phận vượt ra ngoài cuộc đấu tranh giai cấp, vì tương lai ; tức là văn nghệ chân chính, vĩnh cửu, mà "hạng người thứ ba" ôm chặt lấy. Có điều, đáng tiếc là họ bị các nhà lý luận cánh tả làm cho không dám sáng tác, bởi vì chưa sáng tác, nhà văn đã có dự cảm sẽ bị chửi rồi !

Tôi tin rằng có thể có cái dự cảm ấy, mà nhà văn tự xưng là "hạng người thứ ba" lại càng dễ có. Tôi cũng tin điều tác giả nói, hiện nay có rất nhiều nhà văn hiểu lý luận, nhưng khó lòng thay đổi tình cảm được. Nhưng tình cảm không thay đổi, thì mức độ hiểu lý luận không khỏi có khác với những người tình cảm đã thay đổi hay hơi thay đổi ; và cách nhìn, do đó, cũng không giống nhau. Cách nhìn của ông Tô Vấn, theo tôi thấy, không được cho chính xác.

Tất nhiên, từ khi có văn đàn cánh tả, các nhà lý luận từng có phạm sai lầm, trong các nhà văn, không những, như ông Tô Vấn nói, có người "tả mà không tác", lại còn có người từ tả mà sang hữu, thậm chí trở thành con tốt đen của "văn học dân tộc", chủ hiệu sách, mật thám cho đảng thù, nhưng văn đàn cánh tả mà những nhà văn học chán ghét văn đàn cánh tả để lại đấy, vẫn cứ tồn tại, không những tồn tại, mà đang phát triển, khắc phục khuyết điểm, thiếu sót của mình, tiến quân vào văn nghệ, miếng đất thần thánh đó. Ông Tô Vấn có hỏi : "Khắc phục ba năm rồi, mà chưa khắc phục xong hay sao ? "[2]. Trả lời : "Đúng. Còn phải khắc phục nữa, ba mươi năm cũng chưa biết chừng". Nhưng một mặt cứ khắc phục, một mặt cứ tiến quân, không thể làm cái chuyện ngu ngốc là đợi khắc phục xong xuôi rồi mới tiến hành. Có điều, ông Tô Vấn có "nói đùa" : "Các nhà văn cánh tả vẫn nhận tiền nhuận bút của nhà tư bản"[3] ; bây giờ tôi xin nói thật một câu : các

---

(1) Nguyên văn : *"tả nhi bất tác"* (*"tả"* và *"tác"* đọc theo âm Trung Quốc như nhau : một cách chơi chữ của Tô Vấn. Trong bài *Xuất lộ của hạng người thứ ba*, Tô Vấn viết : *"... Những nhà văn cánh tả trung thực cảm thấy nếu như sáng tác mà không khuynh tả, thì thà khuynh tả mà không sáng tác. Hiện nay, những nhà văn cánh tả, "tả mà không tác", sao mà nhiều đến thế !"*.

(2) Trong bài *Xuất lộ của hạng người thứ ba*.

(3) Tô Vấn viết như sau : *"Cho tôi nói đùa một câu, ngay ở Trung Quốc, một nước dã man như thế, mà các ông cánh tả còn có thể đem những tác phẩm chống chủ nghĩa tư bản của họ đổi lấy ít tiền nhuận bút trong tay các nhà tư bản"*.

nhà văn cánh tả đang chịu sự áp bức, cấm cố, giết hại của pháp luật xã hội tư bản, phong kiến. Cho nên báo chí cánh tả toàn bị giày xéo, bây giờ hết sức tiêu điều, thỉnh thoảng đăng một vài bài, rất ít phê bình tác phẩm, mà ngẫu nhiên có phê bình tác phẩm cũng chưa phải động một chút nói nhà văn là "tay sai của giai cấp tư sản" và không cần "bạn đường"[1]. Các nhà văn cánh tả chẳng phải là thần binh trên trời nhảy xuống, hoặc là kẻ thù ở ngoài nước đánh vào ; không những họ cần phải có "bạn đường" cùng bước một vài bước, mà còn phải kêu gọi những người đứng hai bên đường xem, cùng nhau tiến lên.

Nhưng bây giờ muốn hỏi : Văn đàn cánh tả hiện nay đang bị áp bức, không thể đăng nhiều bài phê bình được, nhưng nếu một ngày kia, có điều kiện đăng, thì động một chút có thể nói "hạng người thứ ba" là "tay sai của giai cấp tư sản" không ? Tôi nghĩ, nếu các nhà phê bình cánh tả chưa thể là không nói, lại chỉ nghĩ theo điều không hay, thì có cái khả năng đó, và còn có thể đoán, sẽ tệ hơn nữa kia. Có điều, tôi cho rằng đoán như thế, cũng chẳng khác gì đoán có ngày quả đất sẽ vỡ tan, mà tự sát trước. Thật chẳng cần phải như thế.

Nhưng "hạng người thứ ba" của ông Tô Vấn, nghe nói lại vì mối lo sợ tương lai đó mà "gác bút". Bản thân chưa trải qua, chỉ vì ảo tưởng do óc mình tạo ra mà gác bút, cái sức ôm của nhà văn "ôm chặt lấy văn học không chịu buông ra" sao mà yếu ớt làm vậy ? Có cặp nhân tình nào, vì đề phòng xã hội sau này xỉa xói, mà không dám ôm nhau hay sao ?

Kỳ thực, "hạng người thứ ba" mà "gác bút", nguyên nhân chẳng phải tại nhà phê bình cánh tả nghiêm khắc. Nguyên nhân chân thực ở chỗ, họ không thể làm được "hạng người thứ ba" đó, không thể làm được người như thế, cũng tức là không có hạng bút thứ ba, nói gì đến chuyện gác và không gác !

Sống trong xã hội có giai cấp mà lại muốn làm một nhà văn siêu giai cấp, sống trong thời đại chiến đấu mà lại muốn thoát ly khỏi cuộc chiến đấu, đứng một mình, sống trong hiện tại mà muốn viết những tác phẩm để cho tương lai, người như thế quả thực cũng là một ảo tưởng do óc tạo ra mà thôi, trên thế giới thực tại này làm gì có. Muốn làm người như thế, cũng giống như muốn lấy tay mình nắm đầu tóc mình, kéo lên cho rời khỏi quả

---

(1) *"Người bạn đường"* : một danh từ xuất hiện ở Liên Xô vào khoảng 1920 chỉ những nhà văn không phải là cộng sản, không ủng hộ nhưng cũng không phản đối chính quyền Xô viết, có thể cùng đi một đoạn đường với các nhà văn vô sản cách mạng.

đất : không rời khỏi được, đâm ra bực bội, nhưng có phải vì có người lắc đầu mà làm cho không dám kéo lên đâu !

Cho nên, tuy là "hạng người thứ ba", nhưng vẫn nhất định không vượt ra ngoài giai cấp, – ông Tô Vấn dự đoán trước lời phê bình của giai cấp, nhưng tác phẩm lại há có thể thoát khỏi cái ảnh hưởng của giai cấp hay sao ; cũng nhất định không tách rời khỏi cuộc chiến đấu, – ông Tô Vấn lấy trước danh nghĩa "hạng người thứ ba" đưa ra chuyện "phản đối đấu tranh", mặc dù cái danh nghĩa "phản đối đấu tranh", tác giả lại không muốn nhận ; và cũng không thoát khỏi hiện tại, – ông ta trước khi sáng tác những tác phẩm siêu giai cấp, cho tương lai, đã lưu ý đến sự phê phán của cánh tả rồi.

Quả là một cảnh khổ. Cảnh khổ đó là do ảo tưởng không trở thành được hiện thực sinh ra. Dù không có văn đàn cánh tả làm trở ngại, cũng không thể có "hạng người thứ ba", huống chi là tác phẩm. Nhưng ông Tô Vấn lại tạo ra ảo ảnh một văn đàn cánh tả tàn bạo làm cho ảo ảnh "hạng người thứ ba" không thể xuất hiện được, đến nỗi cái tội ác làm cho văn nghệ tương lai không thể nảy sinh, ông ta cũng đổ lên đầu nó.

Quả thật, nhà văn cánh tả không cao siêu gì, tranh liên hoàn, bài hát vè, nhưng cũng không đến nỗi tồi như ông Tô Vấn nói. Cánh tả cũng cần Tônxtôi, Flôbe[1], nhưng không cần Tônxtôi, Flôbe "nỗ lực sáng tạo những cái thuộc về tương lai (bởi vì *hiện tại*, họ không cần đến)". Hai nhà văn đó đều vì hiện tại mà sáng tác ; tương lai là tương lai của hiện tại, có ý nghĩa đối với hiện tại, thì mới có thể có ý nghĩa đối với tương lai. Nhất là Tônxtôi. Ông viết những mẩu chuyện nhỏ cho nông dân xem, cũng không tự xưng là "hạng người thứ ba", bao nhiêu lời công kích của giai cấp tư sản đương thời vẫn không thể làm cho ông "gác bút". Tuy cánh tả, quả có như ông Tô Vấn nói, không ngu đến nước không biết "tranh liên hoàn không thể làm nảy nở được Tônxtôi, không thể làm nảy nở được Flôbe", nhưng họ lại cho rằng có thể làm nảy nở được những họa sĩ vĩ đại như Miken Ăngiơ, Lêôna đơ Vanhxi[2]. Vả lại, tôi tin rằng, từ những bài hát vè có thể nảy sinh ra được Tônxtôi, Flôbe. Ngày nay nói đến những bức họa của Miken Angiơ, không còn ai dị nghị nữa, nhưng thực tế, đó chẳng phải là những bức tranh tuyên truyền tôn giáo, những bức tranh liên hoàn về *Cựu ước* hay sao ? Và, vì cái "hiện tại" của thời đó !

---

(1) *Gustave Flaubert* (1821 – 1880) : nhà viết tiểu thuyết người Pháp.
(2) *Michel Ange* (1475 – 1564) : họa sĩ người Ý thời Văn nghệ Phục hưng.
Léonard de Vinci (1452 – 1519) : họa sĩ có tiếng người Ý thời Văn nghệ Phục hưng.

Nói tóm lại, ông Tô Vấn chủ trương "hạng người thứ ba", lừa bịp, đưa hàng giả ra, thật không bằng hãy cứ cố gắng mà sáng tác. Như thế hay hơn nhiều.

"Phải có dũng cảm tin ở mình mới có dũng cảm làm việc"[1]. Rất đúng. Thế nhưng ông Tô Vấn lại nói, bao nhiêu "hạng người thứ ba" lớn, nhỏ, vì dự cảm những triệu chứng bất thường – những lời phê bình của cánh tả – mà "gác bút" lại !

"Biết làm thế nào bây giờ ?".

10 tháng 10

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

---

(1) Cũng trích trong bài *Xuất lộ của hạng người thứ ba.*

75. CHÚC MỪNG SỰ GIAO LƯU VĂN TỰ GIỮA HAI NƯỚC TRUNG – NGA*

Mười lăm năm trở về trước, văn học Nga – nước mà người các nước gọi là văn minh ở Tây Âu cho là bán khai – đã thắng lợi trên văn đàn thế giới ; mười lăm năm trở lại đây, văn học Liên Xô – nước mà đế quốc chủ nghĩa xem là con quỷ dữ – đã thắng lợi trên văn đàn thế giới. Nói "thắng lợi" ở đây là nói : vì nội dung và kỹ thuật của nó xuất sắc nên giành được một số độc giả rộng rãi, và đem lại cho độc giả nhiều điều bổ ích.

Ở Trung Quốc, nền văn học ấy cũng không nằm ngoài lệ đó.

Chúng ta từng được xem trên tờ *Thời vụ báo*(1) của Lương Khải Siêu cái tài biến ảo của vụ trinh thám Fuôcmat(2), lại trên tờ *Tân tiểu thuyết*(3) xem cái tân kỳ của *Du hành dưới đáy biển*, loại gọi là tiểu thuyết khoa học, của Jun Vecnơ(4). Về sau, ông Lâm Cầm Nam dịch các cuốn tiểu thuyết của Haga(5), người Anh, chúng ta lại được xem cái triển miên của các cô tiểu thư Luân Đôn và sự dã man, cổ quái của Phi châu. Còn như văn học nước Nga, thì không biết tí gì. – Nhưng có mấy vị "giác ngộ trước", có lẽ trong bụng họ biết rõ, mà không nói cho chúng ta biết, tất nhiên là ngoại lệ.

Có điều, về một mặt khác, thì chúng ta đã có cảm ứng rồi. Hồi đó, thanh niên hơi có óc cách mạng, ai lại không biết thanh niên Nga là cách mạng

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Văn học nguyệt báo*, ngày 15 tháng 12 năm 1932.

(1) *Thời vụ báo* : xuất bản ở Thượng Hải năm 1896, do Lương Khải Siêu chủ biên, cổ xúy cuộc biến pháp duy tân, sau chính biến Mậu Tuất thì đình bản.

(2) Không rõ.

(3) *Tân tiểu thuyết nguyệt báo* : tạp chí xuất bản ở Hoành Tân, Nhật Bản, cũng do Lương Khải Siêu chủ biên. Tạp chí này cũng có đăng tiểu thuyết dịch.

(4) *Jules Verne* (1828 – 1905) : nhà viết tiểu thuyết khoa học nổi tiếng người Pháp.

(5) Lâm Cầm Nam, tức Lâm Thư, người dịch nhiều tiểu thuyết Tây Âu.

H. Rider Haggard (1856 – 1925) : nhà tiểu thuyết người Anh. Lâm Cầm Nam đã dịch của ông các cuốn *Joan Haste, Cleopatra, Allen Luattermain*.

và là những tay ám sát giỏi ? Nhất là Sôphia[1], thì không thể quên được, mặc dù phần lớn cũng vì cô ta là một thiếu nữ đẹp. Trong tác phẩm "nội hóa" hiện nay, thường có cái tên Xôphi, nguồn gốc là ở đấy.

Văn học Nga thời đó – cuối thế kỉ XIX –, nhất là tác phẩm của Đôxtôiepski[2] và Tônxtôi, đã có nhiều ảnh hưởng trong văn học Đức rồi, nhưng không quan hệ gì với Trung Quốc cả, bởi vì hồi đó, người học tiếng Đức còn rất ít. Có quan hệ nhất lại là bọn đế quốc Anh, Mỹ. Một mặt, chúng dịch tuyển tập của Đôxtôiepski, Tônxtôi, Tuôcghêniep, Sêkhôp, một mặt dùng những cuốn sách tập đọc viết cho người Ấn Độ để dạy thanh niên nước ta bằng những câu đối thoại giữa Rama và Krisna[3], có điều do đó cũng đưa lại cho cái khả năng đọc tuyển tập. Chuyện nhà trinh thám, nhà mạo hiểm, thiếu nữ Anh, người dã man Phi châu, thì chỉ có thể gãi gãi cho đã ngứa trên cái thân thể phát phì sau khi no say, nhưng một bộ phận thanh niên chúng ta thì thấy áp bức, thấy đau khổ, họ muốn giãy giụa, họ không cần thoa bóp, họ tìm những bài học thiết thực.

Giữa lúc đó thì được xem văn học Nga.

Lúc đó mới biết văn học Nga là thầy và là bạn của chúng ta, bởi vì trong đó, chúng ta thấy được tâm hồn trong trắng, cũng như nỗi chua cay, quằn quại của những người bị áp bức. Chúng ta còn nhen nhóm hy vọng với những tác phẩm của những năm 40, và cảm thấy đau xót với những tác phẩm của những năm 60. Chúng ta há lại không biết đế quốc Nga hồi đó cũng đang xâm lược Trung Quốc, nhưng qua văn học, chúng ta thấy rõ một điều rất quan trọng là trên thế giới có hai hạng người : người áp bức và người bị áp bức ! Điều đó, bây giờ nhìn, ai cũng thấy rõ rồi, không cần phải nói nữa, nhưng hồi đó, thì lại là một điều phát hiện lớn, không thua gì phát hiện ra lửa, có thể chiếu sáng ban đêm và nấu thức ăn.

Tác phẩm Nga dần dần được giới thiệu sang Trung Quốc, đồng thời cũng được một bộ phận độc giả hưởng ứng, đem truyền bá rộng ra. Hãy không nói đến những tác phẩm dịch linh tinh. Thành tập lớn thì có *Kịch Nga*[4] 10

---

(1) *P. Sôphia* : một thiếu nữ Nga thuộc phái vô chính phủ, vì tham gia ám sát Sa hoàng Alêchxăng II mà bị chính phủ Sa hoàng giết. Tờ *Tân thế kỷ*, xuất bản năm 1907 của những người vô chính phủ Trung Quốc, có đăng tiểu sử và ảnh của Sôphia.

(2) *Feodor Mikhailovich Dostoievski* (1821 – 1881) : nhà viết tiểu thuyết có tiếng người Nga.

(3) *Rama* và *Krishna* : những nhân vật trong thần thoại Ấn Độ.

(4) Tập này gồm các vở kịch của Gô gôn, Tuôcghêniep, Ôxtơrôpxki. Tônxtôi, Sêkhôp, v.v...

vở, và một bộ *Nghiên cứu văn học Nga*[1] đăng trên tờ *Tiểu thuyết nguyệt báo*. Còn có *Văn học dân tộc bị áp bức*[2] 2 số, là do văn học Nga khêu gợi, rồi đem mở rộng phạm vi ra đến các dân tộc nhỏ yếu và làm nổi bật hai chữ "bị áp bức" lên.

Thế rồi cũng bị các văn nhân học sĩ công kích, kẻ thì chủ trương văn học "cao quý", nói rằng tả những con người hạ đẳng là tục tĩu, kẻ thì ví sáng tác như cô gái đồng trinh, nói dịch thuật chỉ là bà mối, mà trùng dịch lại càng làm cho người ta chán ghét. Quả thật, trừ tập *Kịch Nga*, hồi đó tất cả các tác phẩm Nga hầu như là trùng dịch.

Nhưng văn học Nga vẫn được giới thiệu, vẫn được truyền bá.

Tác giả chúng ta biết được ngày càng nhiều. Tuy chúng ta đã gặp sự khiếp sợ trong tác phẩm của L. Anđơrêep, thấy sự tuyệt vọng và hoang đường trong tác phẩm của M. Acxibasep, nhưng chúng ta cũng học được lòng khoan hồng đại độ qua V. Kôrôlenkô và tiếp thụ được tinh thần phản kháng qua M. Gorki. Sự hưởng ứng và lòng yêu mến của đại chúng độc giả không còn bị những điều xuyên tạc tự tư tự lợi của mấy nhà bình luận che lấp đi được nữa. Sức mạnh vĩ đại đó cuối cùng đã làm cho nhà tri thức trước kia sùng bái Katơrin Manphin (Katherine Mansfield) cũng trùng dịch *Cha và con* của Tuôcghêniep (Tourgueniev), nhà văn bài xích "bà mối" cũng trùng dịch *Chiến tranh và hòa bình* của L. Tônxtôi[3].

Giữa lúc đó, tất nhiên lại gặp sự công kích của liên quân bọn văn nhân họa sĩ và chó giữ nhà lưu manh. Đối với người giới thiệu, có kẻ nói vì đồng rúp, có kẻ nói ý ở chỗ đầu hàng, có kẻ cười là "chuông rè"[4], có kẻ điểm chỉ là cộng sản, mà trên thực tế thì có việc cấm chỉ và tịch thu sách. Vì phần lớn là bí mật, nên không thể kể ra được.

Nhưng văn học Nga vẫn được giới thiệu, vẫn được truyền bá.

Có một số người cũng dịch *Truyện Mutxôlini*, cũng dịch *Truyện Hitle*, nhưng họ không giới thiệu được một tác phẩm lớn nào màu trắng của Ý và

---

(1) *Nghiên cứu văn học Nga* : gồm một số bài bình luận văn học Nga và một số tác phẩm dịch của Lỗ Tấn, Cù Thu Bạch, Trịnh Chấn Đạc v.v...

(2) *Văn học dân tộc bị áp bức* : gồm một số bài bình luận và tác phẩm dịch của Lỗ Tấn, Mao Thuẫn.

(3) Chỉ Quách Mạt Nhược. Xem bài *Trước khi có thiên tài* (tập ***Nấm mồ***).

(4) Nguyên văn là "phá la". Đây là một kiểu chơi chữ có ngụ ý châm biếm. Hồi đó, ở Trung Quốc, văn học vô sản thường gọi là văn học *phổ la* (dịch âm chữ *prolétariat*). Chữ *phổ la* và *phá la*, Trung Quốc đọc như nhau.

Đức. *Sau chiến tranh*[1] không nằm dưới cờ chữ 卐 của Hitle, mà *Thắng lợi của cái chết*[2] đành chỉ kiêu ngạo vì cái chết mà thôi. Nhưng văn học Liên Xô, thì chúng ta đã có *Trong một tuần* của Lilechinski, *Xi măng* của Glatcôp *Chiến bại* của Fadêep, *Suối thép* của Xêraphimôvit ; ngoài ra còn có rất nhiều truyện ngắn, truyện vừa. Những cái đó đã bước những bước dài đến với đại chúng độc giả, giữa những mũi tên ám muội hoặc những viên đạn trắng trợn của bọn văn nhân ngự dụng, làm cho ai nấy đều biết được những nỗi gian khổ và sự thành công của cách mạng, chiến đấu và kiến thiết.

Nhưng trước đây một tháng, "dư luận" đối với Liên Xô bỗng chốc biến đổi, tối qua là ma quỷ, sáng nay là bạn hiền. Nhiều tờ báo muốn đưa ra một ít ưu điểm của Liên Xô, có lúc tất nhiên cũng đề cập đến văn nghệ : nối lại bang giao[3] mà lại ! Nhưng điều đáng chúc mừng không phải chuyện đó. Đứa tự tư tự lợi một khi rơi xuống nước, sắp chìm nghỉm, vớ được cái gì, bất cứ là "chuông rè", trống vỡ, đều níu chặt lấy, hẳn quyết không có cái gọi là "vốn thích trong sạch". Nhưng dù cuối cùng hắn chết hay là may ra bò lên được, trước sau vẫn là đứa tự tư tự lợi: Tùy tiện lấy một thí dụ nhé ! *Thân báo* mà Thượng Hải gọi là tờ "báo lớn", chẳng phải một mặt thì ngọt ngào chủ trương "tổ chức đoàn tham quan Liên Xô" (xã luận ngày 28-12-32), một mặt lại nói cuốn *Những điều tai nghe mắt thấy ở Liên Xô* của Lâm Khắc Đa là một cuốn "sách phản động" (tin ngày 27) đó ư ?

Điều đáng chúc mừng là trong sự giao lưu văn tự Trung – Nga bắt đầu tuy có chậm hơn Trung – Anh, Trung – Pháp, nhưng trong mười năm gần đây, hai nước cắt đứt hay là nối lại bang giao cũng thế, đại chúng độc giả chúng ta quyết không vì thế mà tiến hay lùi ; sách dịch cho bán tự do, hay bị cấm cũng vậy, độc giả của chúng ta cũng quyết không vì thế mà tăng hay giảm ; không những như thường, mà còn mở rộng ; không những tuyệt giao và cấm chỉ, vẫn như thường, mà dù tuyệt giao và cấm chỉ, lại càng mở rộng. Đủ thấy đại chúng độc giả của chúng ta từ trước đến nay không hề lấy con "mắt vụ lợi" tự tư mà nhìn văn học Nga. Đại chúng độc giả của chúng ta, giữa chốn mông lung, sớm biết miếng "đất đen"[4] vĩ đại, phì nhiêu

---

(1) *Sau chiến tranh* : tiểu thuyết dài của nhà văn cách mạng người Đức, Ludwig Renn.

(2) *Thắng lợi của cái chết* : tác phẩm của D'Annunzio, một nhà văn phản động người Ý.

(3) Ngày 14 tháng 12 năm 1927, chính phủ phản động Quốc dân đảng tuyên bố cắt đứt ngoại giao với Liên Xô ; ngày 12 tháng 12 năm 1932, dưới áp lực của nhân dân toàn quốc, lại khôi phục nền bang giao với Liên Xô.

(4) Đó là tiếng mà nhà phê bình văn học người Đan Mạch dùng khi nói về văn học Nga.

đó sẽ mọc lên cái gì ; và trên miếng "đất đen" đó quả đã mọc lên những cái mắt chúng ta thấy rồi : chịu đựng, rên xiết, giãy giụa, phản kháng, chiến đấu, cách mạng, chiến đấu, kiến thiết, chiến đấu, thành công.

Hiện nay, Becna So[1] – người Anh, Rômanh Rôlăng – người Pháp, cũng thành bạn của Liên Xô. Trên con đường "giao lưu văn tự" trước nay chưa hề gián đoạn giữa Trung Quốc chúng ta và Liên Xô, việc đó sẽ mở rộng ra và sẽ bắt đầu cho sự "giao lưu văn tự" chân chính với thế giới.

Đó là việc chúng ta phải chúc mừng.

30 tháng 12

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

(1) *George Bernard Shaw* (1856 – 1950) : nhà viết kịch và nhà bình luận có tiếng người Anh, có nhiệt tình với chủ nghĩa xã hội. Năm 1933, ông có sang Trung Quốc du lịch và có gặp Lỗ Tấn.

76. VĂN TIỂU PHẨM KHỦNG HOẢNG*

Nhớ phảng phất một hai tháng trước đây, có thấy trên báo hàng ngày đăng một bài về một người nào đó vừa chết, nói rằng ông ta là một bậc danh nhân chuyên môn sưu tầm "tiểu bài thiết"(1), cuối cùng còn có mấy lời than thở, cho là người này chết đi thì ở Trung Quốc sợ không còn ai sưu tầm "tiểu bài thiết" nữa.

Nhưng tiếc lúc đó tôi không chú ý lắm, nên quên mất tên tờ báo và tên nhà sưu tầm kia.

Thanh niên mới ngày nay e cũng không biết "tiểu bài thiết" là cái gì. Nhưng nếu xuất thân một thế gia trước kia từng có người theo đòi bút nghiên, chỉ cần không đến nỗi sa sút lắm, chưa đem những đồ vật cảm thấy không dùng làm gì bán hết cho gánh hàng đồ cũ, thì có lẽ còn có thể tìm được trong đống đồ bỏ, bụi bặm, một chiếc bình phong bằng gương nho nhỏ, một hòn đá trong suốt long lanh, một rễ trúc gọt hình người, một hòn ngọc cổ chạm thành động vật, một con cóc ba chân đúc bằng đồng, rỉ xanh lè : "tiểu bài thiết" đấy ! Trước kia, khi còn được bày trong thư phòng, mỗi cái có một tên rất nhã, thí dụ con cóc ba chân thì được gọi là "thiềm thừ nghiễn trích"(2), nhà sưu tầm cuối cùng kia nhất định biết cả, nhưng bây giờ thì đã cùng tiêu trầm đi với cái quang vinh của nó rồi !

Những vật phẩm kia tất nhiên quyết không phải là cái của người nghèo, nhưng cũng không phải là đồ trần thiết của các nhà giàu sang phú quý. Những người này họ thích chậu cảnh dát châu ngọc, bình sứ ngũ sắc kia !

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Hiện đại*, tháng 10 năm 1933. *Văn tiểu phẩm* : chỉ loại tùy bút, tạp cảm.

(1) *Tiểu bài thiết* : một trò chơi của những người nhàn rỗi thời trước, giống như chơi non bộ của ta.

(2) Cái nghiên mực con cóc.

Đó chỉ là "đồ chơi thanh nhã" của những người gọi là sĩ đại phu, ngoài đồng, ít ra phải có mấy mươi mẫu ruộng tốt, trong nhà, phải có mấy gian thư trai u nhã, nếu lên ở ngụ Thượng Hải, nhất định cũng phải sống khá an nhàn, có một căn phòng thuê dài hạn trong khách sạn, một bàn giấy, một bàn đèn thuốc phiện, thích gì có nấy, bụng dạ thảnh thơi, tha hồ ve vuốt, ngắm nhìn, thưởng thức. Có điều cảnh đó bây giờ đã bị trào lưu hiểm ác của thế giới xô đẩy cho trúc nhào xuống rồi, giống như một chiếc thuyền con giữa làn sóng dữ.

Nhưng ngay thời gọi là "thái bình thịnh thế", thì cái trò "tiểu bài thiết" đó vốn cũng không phải là quan trọng gì. Trên miếng ngà voi vuông vức một tấc, khắc bài *Lan đình tự*[1], đến nay còn gọi là "tác phẩm nghệ thuật", nhưng nếu đem treo đầu tường Vạn lý Trường Thành, hoặc đặt thờ ở dưới chân tượng Phật trượng tám ở Vân Cương[2], thì nó nhỏ quá, không trông thấy đâu nữa, dù kẻ có nhiệt tâm mách giùm, cũng chỉ khiến cho người xem có một cảm giác khôi hài mà thôi. Huống chi giữa cái lúc gió cát đập vào mặt, hùm sói từng đàn, ai còn có nhiều thì giờ nhàn rỗi để thưởng ngoạn cục hổ phách treo ở nhài quạt, chiếc nhẫn đeo tay bằng phỉ thúy. Muốn cho vui con mắt, thì họ cần những kiến trúc to lớn đứng sừng giữa gió cát, kiên cố và vĩ đại, bất tất phải tinh xảo như thế kia, mà muốn cho thỏa lòng, thì họ cần một mũi dao, một khẩu súng, sắc nhọn và thiết thực, bất tất phải tao nhã làm gì.

Yêu cầu "tiểu bài thiết" về mỹ thuật là một ảo mộng đã vỡ tan rồi, tác giả bài báo nọ cũng cảm thấy thế. Nhưng yêu cầu "tiểu bài thiết" về văn học – "văn tiểu phẩm" – thì lại đang thịnh hành, người yêu cầu nó cho rằng có thể nhờ vào nó mà rên rỉ, tố cáo thầm, dùng nó làm cho lòng thô bạo của con người dần dần trơn tru hơn. Như thế là nghĩ đến những người thích xem cuốn *Lục Triều văn khiết*[3] mà quên rằng mình đang ôm cái ngọn cây lòi ra khỏi mặt nước, khi sông Hoàng Hà vỡ đê ngập hết.

Nhưng lúc này thì chỉ dùng được để giãy giụa và chiến đấu.

Mà văn tiểu phẩm còn tồn tại được là cũng chỉ dựa vào giãy giụa và chiến đấu. Những lời thanh ngôn[4] triều Tấn đã mất đi với triều đại đó rồi.

---

(1) *Lan đình tự* : bài tựa tập *Lan đình* của Vương Hy Chi đời Đông Tấn. Vương Hy Chi là một người viết chữ đẹp.

(2) Vân Cương : động ở tỉnh Sơn Tây trong đó có nhiều tượng Phật cao trượng tám.

(3) *Lục Triều văn khiết* : tuyển tập văn biền ngẫu Lục Triều do người Thanh soạn.

(4) *Thanh ngôn* : Đời Tấn, chính trị đen tối quá, nên có phong trào "thanh đàm" bàn những chuyện xa vời mà tránh nói đến những chuyện trước mắt. Do đó mà sinh ra cái gọi là *huyền học*.

Cuối Đường, thi phong suy đồi mà tiểu phẩm sáng chói. Nhưng bộ *Sàm thư* của La Ẩn[1] cơ hồ toàn là lời phản kháng và phẫn nộ. Bì Nhật Hưu[2] và Lục Quy Mông[3] tự cho là ẩn sĩ, người khác cũng cho họ là ẩn sĩ, nhưng xem những bài văn tiểu phẩm của họ trong *Bì tử văn tấu* và *Lạp trạch tùng thư*, thì họ cũng chưa quên thiên hạ ; chính là một làn ánh sáng, một mũi nhọn trên con đường đất mịt mù. Tiểu phẩm cuối Minh tuy đồi trụy, phóng đãng hơn, nhưng không phải toàn là ngâm trăng vịnh gió, trong đó có bất bình, có phúng thích, có công kích, có phá hoại. Cái tác phong đó đã chạm đến tâm bệnh của vua tôi Mãn Châu, chúng phải phí bao nhiêu mũi dao của bọn võ tướng giúp điều tàn bạo, bao nhiêu ngọn bút của bọn văn thần nịnh hót mua vui, cho đến khoảng đời Càn Long mới đàn áp được. Từ đó về sau thì có "tiểu bài thiết".

"Tiểu bài thiết" đương nhiên không phát triển lắm. Đến lúc có phong trào Ngũ Tứ, mới lại được mở rộng ra ; tiểu phẩm bằng văn xuôi cơ hồ thành công hơn cả tiểu thuyết, kịch và thơ nữa. Trong đó tất nhiên có bao hàm giãy giụa và chiến đấu, nhưng thường vì bắt chước tùy bút (essay) của Anh, cho nên cũng có một chút "u mua" và có một kiểu cách ung dung, cách viết cũng trau chuốt, tế nhị ; đó là để thị uy với văn cũ, tỏ ra rằng cái mà văn học cũ tự cho là sở trường, thì văn học bạch thoại không phải không làm nổi. Con đường của nó từ đó về sau, rõ ràng là càng phải giãy giụa và chiến đấu, bởi vì nó bắt mầm từ cuộc "cách mạng văn học" và cuộc "cách mạng tư tưởng". Nhưng xu thế bây giờ thì lại đặc biệt đề xướng những điểm phù hợp với văn chương cũ : ung dung, trau chuốt, tế nhị, tức là muốn nó trở thành "tiểu bài thiết" để cho những người văn nhã vuốt ve, mà lại còn nghĩ rằng thanh niên mà vuốt ve thứ "tiểu bài thiết" đó, thì thô bạo sẽ trở thành phong nhã.

Nhưng bây giờ không có bàn giấy nữa, nha phiến tuy bán công khai, nhưng bàn đèn thì cấm, hút cũng không phải dễ dàng gì. Định để cho những người ở nơi chiến địa hoặc ở nơi bị nạn thưởng thức chăng ? Ai cũng biết đó là một ảo mộng kỳ quặc. Thứ tiểu phẩm đó là những câu chuyện ở quán trà, quán rượu, là những bài đầy tràn các tờ báo nhỏ, Thượng Hải tuy đang thịnh hành, nhưng kỳ thực thì như các cô gái làng chơi không còn có thể làm ăn trong ngõ hẻm nữa, đành phải tô son trát phấn, đem ra đứng giữa đường cái.

---

(1) *La Ẩn* (833 – 909) : nhà thơ cuối Đường. Bộ *Sàm thư* có 5 quyển.

(2), (3) *Bì Nhật Hưu, Lục Quy Mông* : những nhà thơ cuối Đường.

Văn tiểu phẩm đang gặp nguy cơ như thế đấy. Nhưng tôi nói nguy cơ, cũng như nói "thời kỳ lên cơn" (krisis) trong y học giữa lúc sống và chết, có thể chết thẳng, mà cũng có thể nhân đó mà lành. Thứ văn tiểu phẩm có tính chất làm cho mê đắm sẽ cùng bị tiêu diệt với người làm cho mê đắm và người bị mê đắm. Văn tiểu phẩm muốn tồn tại thì phải là mũi dao nhọn, là khẩu súng, có thể cùng với người đọc mở một con đường sống bằng máu. Tất nhiên nó cũng làm cho người ta thích thú và nghỉ ngơi, nhưng đó không phải là "tiểu bài thiết" và cũng không phải là lời vuốt ve, an ủi, không phải là sự tê liệt ; nó làm cho người ta thích thú và nghỉ ngơi, nó bồi bổ, chuẩn bị cho người ta làm việc và chiến đấu.

27 tháng 8 năm 1933

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

77. BÍ QUYẾT LÀM VĂN*

Bây giờ vẫn có người viết thư hỏi tôi bí quyết làm văn.

Chúng ta thường nghe nói : thầy dạy võ văn dành lại một ngón không dạy, sợ học trò học hết sẽ đánh mình chết, để xưng hùng. Trên thực tế, việc như thế cũng không phải hoàn toàn không có. Bàng Mông giết Nghệ[1] là một thí dụ. Bàng Mông xa rồi, nhưng cái thói cũ ấy vẫn chưa hết tiệt, về sau còn thêm vào cái "thích làm trạng nguyên" ; khoa cử tuy bỏ từ lâu, nhưng đến nay vẫn còn muốn tranh cái tiếng "duy nhất", "đầu tiên". Gặp phải người "thích làm trạng nguyên" thì kẻ làm thầy đến là nguy hiểm ; các ngón võ dạy hết rồi, thường không tránh khỏi bị đánh ngã. Nhưng ông thầy dạy võ mới này, lúc dạy học trò, lại trông gương thầy học mình và mình, nhất định dành lại một ngón, thậm chí ba bốn ngón, thế là quyền thuật "càng ngày càng kém".

Lại như, thầy thuốc thì có phương thuốc bí truyền, người đầu bếp thì có cách nấu bí truyền, hàng bán bánh kẹo cũng có cách làm bí truyền. Để bảo toàn miếng cơm manh áo cho nhà mình, nghe nói người ta bày cho con dâu, chứ không bày cho con gái, sợ truyền sang nhà khác. "Bí" là một cái ở Trung Quốc rất phổ biến, ngay các hội nghị quốc gia đại sự cũng vẫn là "nội dung hết sức bí mật", không ai biết. Nhưng làm văn thì hình như không có bí quyết. Giả thử có, thì nhà văn nào cũng nhất định sẽ truyền cho con cháu, nhưng rất ít thấy nhà văn tổ truyền. Tất nhiên, con cái các nhà văn, quen nhìn sách vở giấy bút từ thuở nhỏ, con mắt có lẽ cũng vì thế mà rộng rãi hơn một tí chăng, có điều không chắc là đã viết được. Trên sách báo

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Thân báo nguyệt san*, tháng 12 năm 1933. Ký tên Lạc Văn.

(1) Sách *Mạnh Tử*, thiên *Ly lâu* chép : "Bàng Mông học Nghệ phép bắn và học được hết tài của Nghệ. Mông nghĩ trong thiên hạ chỉ có Nghệ là tài hơn mình, bèn giết Nghệ". Nghệ và Bàng Mông đều là những nhân vật thần thoại cổ Trung Quốc.

hiện nay, tuy thường thấy nào là "nhà văn cha con" "nhà văn vợ chồng"[1], phảng phất như có thể qua di chúc hay thư tình mà truyền riêng cho nhau một số bí quyết. Kỳ thực, cái ghê tởm thì cho là có thú vị, đem quan hệ làm quan dùng lầm vào việc văn chương[2].

Thế thì, làm văn thật không có bí quyết gì hay sao ? Cũng không phải không có. Tôi đã từng nói qua về bí quyết làm cổ văn : tức là phải suốt bài có điển cố, mà vẫn không phải là văn sẵn của người xưa, cũng tức là toàn bài là mình làm, nhưng lại không phải hoàn toàn mình làm, cá nhân mình kỳ thực chẳng nói gì cả ; cũng tức là "việc thì phải có nguyên do", nhưng lại "xét ra không có chứng cứ cụ thể". Được như thế, thì "cơ hồ khỏi phải lầm lớn". Nói tóm lại, quả thực chẳng qua là muốn làm thứ văn chương : "Hôm nay tiết trời... ha... ha... ha..." mà thôi[3].

Đó là nói nội dung. Còn như tu từ, cũng có một ít bí quyết : một là phải mơ hồ, hai là phải khó hiểu. Phương pháp là : rút ngắn câu lại, dùng thật nhiều chữ khó vào. Thí dụ, làm bài văn bàn về chuyện triều Tần, mà viết : *"Tần Thủy Hoàng nãi thủy thiêu thư"*, thì không thể gọi là văn hay[4] ; phải đổi ra chữ khó, làm cho không thể đọc qua mà hiểu ngay được. Lúc đó phải dùng đến *Nhĩ nhã*[5], *Văn tuyển*[6]. Kỳ thực chỉ cần không để cho người khác biết, tra *Khang Hi tự điển* cũng không ngại. Bắt đầu chữa : *Thủy Hoàng thủy phần thư* thì đã có hơi "cổ" rồi đấy, đến khi cải thành *Chính thục phần điển*[7] thì quả đã có khí vị Ban, Mã[8] mặc dù người ta xem không hiểu lắm. Nhưng cứ làm như thế, thành thiên, rồi thành bộ, thì có thể được tôn là "học giả". Tôi nghĩ một hồi lâu, chỉ viết được một câu, cho nên chỉ đáng gửi đăng báo mà thôi.

Các vị đại sư văn học cổ chúng ta thường thường chơi cái ngón đó. Câu *"từ sắc oa thanh, dư phân nhuận vị"*[9] của Ban Cố là lấy bốn câu dài, rút gọn lại thành tám chữ ; câu *"Xuẩn dịch kiếm hạp"* của ông Dương Hùng[10]

---

(1) Cha con, vợ chồng đều làm văn.

(2) Ý nói : cha con dắt díu nhau làm quan, nay cha con cũng muốn dắt díu nhau làm văn.

(3) Ý nói : văn chương không có nội dung, như gặp nhau nói trời mưa, trời nắng cho có chuyện.

(4) Câu này viết bằng văn ngôn, nghĩa là : Tần Thủy Hoàng bắt đầu đốt sách.

(5) *Nhĩ nhã* : tên một bộ sách cổ, do học trò Khổng Tử soạn.

(6) *Văn tuyển* : tuyển tập thơ văn do Tiêu Thống đời Lương biên soạn, gồm 60 quyển.

(7) *Chính* : Tần Thủy Hoàng họ Doanh tên Chính ; *thục* : nghĩa như chữ *thủy* = bắt đầu ; *phần* : nghĩa như chữ *phần* = đốt, *điển* : cũng nghĩa như *thư* = sách.

(8) *Ban* : tức Ban Cố, nhà văn đời Hán, tác giả *Hán thư* ; *Mã* : tức Tư Mã Thiên, nhà viết sử có tiếng đời Hán, tác giả *Sử ký*.

(9) Câu này lấy trong sách *Hán thư*. Ý nói : Vương Mãng cướp ngôi.

(10) *Dương Hùng* : một nhà làm phú có tiếng đời Hán. Câu này lấy trong sách *Dương tử pháp ngôn*, nghĩa là : kẻ quân tử cử động đều theo quy củ.

là do bốn chữ bình thường *"Động do quy cũ"* đổi thành chữ khó. *Lục đà tiên tông*[1] kể chuyện thầy đồ vịnh "hoa" có câu :

Tức thoa tiếu hĩ nhi thư phế,
Ca quán văn yêu tẩu bổng thương.

ý muốn nói : Con dâu bẻ hoa làm thoa, tuy đẹp, nhưng sợ con bỏ việc học hành ; câu dưới khó giải nghĩa hơn : Ông anh ngắt hoa, không có bình, liền cắm vào cái lọ sành để ngửi mùi thơm, người chị dâu muốn đề phòng từ cái nhỏ, từ cái tầm thường liền lấy gậy đập cho hoa với lọ vỡ cả. Cũng kể là một cách chê cười ông đồ gàn. Kỳ thực, cách ông ta làm văn rất thích hợp với Ban Cố, Dương Hùng, chỉ sai ở chỗ ông ta không dùng điển cũ mà lại dùng điển mới. Cái gọi là "sai" đó làm cho cái loại *"văn tuyển"* giữ được uy tín đối với các bậc cụ già, cụ non.

Văn viết mơ hồ, có phải "hay" không ? Trả lời : "Cũng không hẳn như thế" ; thực ra chỉ là che cái dở mà thôi. "Biết xấu hổ là gần như dũng cảm rồi" *(tri sỉ cận hổ dũng)*, che xấu, cũng tựa hồ gần như hay rồi. Các cô tân thời xõa tóc xuống trán, các bà trung niên lấy khăn che mặt, đều là dùng thuật mơ hồ cả. Các nhà nhân loại học giải thích nguyên nhân vì sao sinh ra áo quần, có ba thuyết : một thuyết nói vì nam nữ ở trần truồng, thấy xấu hổ, dùng áo quần che đậy lại cho khỏi ngượng ; một thuyết thì lại cho rằng dùng áo quần để khêu gợi ; còn có thuyết nói vì nam nữ khi già yếu, thân thể gầy còm, để lộ nguyên hình thì khó coi, phải lấy cái gì che xấu đi. Theo quan điểm tu từ học mà xét, tôi tán thành thuyết sau cùng. Bây giờ vẫn thường thấy các bài văn tế viết kiểu tứ lục[2], đẹp đẽ, đàng hoàng, câu đối điếu, tuyên ngôn, thông điện, nếu chúng ta tra từ điển, xem các sách, bóc cái trang sức bên ngoài, dịch ra văn bạch thoại, thử xem còn lại cái gì ?

Không hiểu tất nhiên cũng hay. Hay ở chỗ nào ? Hay ở chỗ "không hiểu". Nhưng sợ hay đến nước làm cho người ta không thể nói hay dở như thế nào, cho nên vẫn không bằng làm cho "khó hiểu" : hiểu một chút, rồi gắng sức tìm hiểu, thì có thể hiểu hơn một tí. Chúng ta xưa nay có thói rất sùng bái cái "khó", mỗi lần ăn ba bát cơm, ai cũng không cho là lạ, có người mỗi bữa có thể ăn mười tám bát, thì trịnh trọng ghi vào bút ký ; dùng tay xâu kim, không ai nhìn, dùng chân xâu kim, thì có thể che "rạp" lấy tiền[3] ;

---

(1) *Lục đà tiên tông* : một bộ tiểu thuyết đời Thanh do Lý Bách Xuyên sáng tác.
(2) Câu 4 tiếng và câu 6 tiếng.
(3) Ý nói như rạp xiếc, rạp trò quỷ thuật.

một bức vẽ, bình thường, bỏ vào trong hộp, khoét lỗ, làm thành ống dòm thì mọi người đều há hốc miệng sốt ruột muốn xem. Vả lại, cùng một việc, mất nhiều sức mới làm được, quý hơn là không mất sức mà cũng làm được. Thí dụ, đến chùa thấp hương, thì lên núi quý hơn là ở đồng bằng ; một ngôi chùa phải ba bước một lạy mới đến được, và một ngôi chùa ngồi kiệu có thể đi thẳng vào được, thì mặc dù cùng là ngôi chùa đó, nhưng trong bụng người văn cảnh, mức độ quý trọng khác nhau nhiều lắm. Làm văn quý ở chỗ khó hiểu, tức là muốn người đọc ba bước một lạy. Đó là diệu pháp có thể làm cho ta đạt đến mục đích phần nào.

Viết đến đây, thành ra điều tôi nói không những là nói về bí quyết làm cổ văn, mà còn là nói về bí quyết làm cổ văn của kẻ bịp bợm. Nhưng tôi nghĩ, làm văn bạch thoại cũng không khác gì lắm, bởi vì cũng có thể xen chữ lạ vào, làm cho mơ hồ, khó hiểu, như dùng chiếc khăn che mất của trò ảo thuật. Nếu muốn làm trái lại, tức là "viết cho thật rõ ràng".

Viết rõ ràng thì không có bí quyết. Nếu nói có, cũng chỉ là làm khác hẳn với phương pháp che mắt : có những ý nghĩ thành thực, bỏ trang sức, bớt kiểu cách, đừng lừa bịp mà thôi.

10 tháng 11

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

78. TỪ CHÂM BIẾM ĐẾN U MUA*

Nhà văn châm biếm ở vào một tình thế nguy hiểm. Giá thử anh ta châm biếm kẻ không biết chữ, kẻ bị giết hại, kẻ bị cầm tù, kẻ bị áp bức, thì ổn lắm, có thể làm cho các nhà trí thức, có trình độ văn hóa, đọc văn anh ta, cười hì hì, anh ta càng cảm thấy dũng cảm và sáng suốt. Nhưng hiện nay nhà văn châm biếm sở dĩ gọi là nhà văn châm biếm, chính vì đang châm biếm cái xã hội của hạng người gọi là trí thức có trình độ văn hóa ấy.

Vì châm biếm là châm biếm xã hội của hạng người ấy, trong đó anh nào cũng cảm thấy hình như châm biếm mình, cho nên anh nào cũng thầm kín đối địch, rồi dùng cách châm biếm của họ, định "châm" cho chết nhà văn châm biếm kia đi.

Đầu tiên thì nói anh ta cười gằn, dần dần nhao nhao lên nói anh ta chửi càn, nói đùa, độc ác, đáng ghét, học phỉ, thầy cò Thiệu Hưng v.v..., v.v... Nhưng châm biếm mà châm biếm xã hội thì thường vẫn có thể "xa xôi đến dễ sợ", dù có đem ông Tây từng làm sư cụ ra[1], hoặc xuất bản một tờ lá cải để đả kích, cũng vẫn không có hiệu quả, chẳng có thể làm cho người ta tức mà chết được ! "ai... ai... ai..."[2].

Mấu chốt là ở chỗ này : anh ta châm biếm là châm biếm xã hội, xã hội không thay đổi thì lời châm biếm đó vẫn tồn tại với xã hội, mà anh thì anh châm biếm cá nhân anh ta, nếu lời châm biếm của anh ta tồn tại, thế là lời châm biếm của anh không ăn thua gì rồi.

---

* Bài này đăng lần đầu ở mục *Nói tự do* tờ *Thân báo*, ngày 8 tháng 3 năm 1933, ký tên Hà Gia Can.

(1) Chỉ tên gián điệp quốc tế Abbot Chao Kung (1879 – 1943) (Sư Chiếu Không). Năm 1933, y hoạt động ở Thượng Hải.

(2) Nguyên văn : *đa ma ca* : tiếng đệm trong một điệu hát cổ. Có lúc cũng viết *đa ba ca, đa mạt ca*, không có nghĩa gì.

Cho nên, muốn đánh đổ nhà văn châm biếm đáng ghét như thế, đành phải thay đổi xã hội.

Thế nhưng, nhà văn châm biếm xã hội vẫn ở vào tình thế nguy hiểm, nhất là ở vào thời đại có một số "nhà văn" lén lút trở thành "nanh vuốt của nhà vua"[1]. Người ta ai muốn đóng vai chính trong "ngục văn tự", nhưng nếu chưa chết tiệt đi, thì trong bụng vẫn cứ tức anh ách, muốn mượn cớ là cười ha ha mà nói cho thỏa. Cười cười không đến nỗi có tội với ai, luật pháp bây giờ cũng chưa quy định quốc dân phải có vẻ mặt của người đưa ma, cũng chẳng phải là "phi pháp", có thể nói chắc được.

Tôi nghĩ : đây là vì từ năm ngoài, trong văn chương lưu hành chữ "*u mua*", nhưng trong đó tất nhiên cũng không ít những câu "cười để mà cười".

Nhưng tình hình đó sợ sẽ không được lâu dài, "*u mua*" đã không phải là thổ sản của nước nhà, người Trung Quốc cũng không phải là dân giỏi về "*u mua*" cho lắm, mà bây giờ thực tế lại là lúc khó mà *u mua*. Bởi vậy, tuy là *u mua* nhưng cũng không khỏi phải thay đổi hình dáng đi, nếu không thiên về châm biếm xã hội thì sẽ rơi vào lối "nói khôi hài" và "muốn vớ bở" của truyền thống.

2 tháng 3

(Tập ***Viết tự do giả***)

---

(1) Nguyên văn : "*Vương chi trảo nha*" : chữ lấy trong *Kinh Thi, Tiểu Nhã*. Chỉ bọn bồi bút của chính phủ phản động.

79. TỪ U MUA ĐẾN NGHIÊM TÚC*

Khi "*u mua*" thiên về châm biếm thì mất cái bản lĩnh của nó, điều đó hãy chưa nói, sợ nhất là có một số người lại muốn "châm biếm", muốn hãm hại, nếu như rơi vào "nói khôi hài" thì tuổi thọ có thể lâu hơn, năm này sang năm khác vẫn được thuận lợi, nhưng dần dần trở thành quốc hóa, cuối cùng sẽ trở thành Từ Văn Trường kiểu Tây[1]. Trong lời hô hào quốc hóa, trên quảng cáo, đã có "tàu Trung Quốc tự tạo lấy" rồi, đó là một chứng cớ.

Huống chi, quả thật tôi sợ rồi đây trên pháp luật sẽ có văn bản quy định rõ ràng quốc dân phải có vẻ mặt của người đưa ma. Cười cười vốn không thể cho là "phi pháp" được, nhưng không may các tỉnh phía đông mất, cả nước bối rối, các nhà ái quốc hết sức tìm nguyên nhân vì sao mất đất, kết quả phát hiện ra rằng mất là vì thanh niên thích ăn chơi, học nhảy đầm. Giữa lúc đang hỉ hả hả trượt băng ở Bắc Hải thì một quả lựu đạn nổ[2], tuy không ai bị thương, nhưng băng thì thủng một lỗ to, không thể trượt được nữa.

Lại không may Du Quan thất thủ, Nhiệt Hà lâm nguy, văn nhân học sĩ có tiếng càng lo, có người làm thơ ai điếu, có người làm thơ chiến đấu, cũng có người nói đến đạo đức, văn hóa ; chửi cố nhiên là đáng ghét, đùa cũng không phải là văn minh, muốn mọi người đều làm văn chương nghiêm túc, có một vẻ mặt nghiêm túc, để bù vào chỗ thiếu của "chủ nghĩa bất đề kháng".

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo* ngày 8 tháng 3 năm 1933.

(1) *Từ Văn Trường* (1521 – 1593) : người Thiệu Hưng, là một văn sĩ kiêm họa sĩ cuối Minh. Vùng Chiết Đông lưu truyền nhiều giai thoại về Từ Văn Trường, nhưng tuyệt đại bộ phận là bịa đặt.

(2) Tết Nguyên Đán năm 1933, ở vườn hoa Trung Nam Hải – Bắc Bình, tổ chức hội khiêu vũ trên băng, có người ném một quả lựu đạn nói là để cảnh cáo bọn ăn chơi. Ở đây, tác giả cũng chỉ một việc tương tự như thế.

Nhưng loài người rút cục không thể trầm tĩnh như thế được, lúc kẻ địch đến sát biên giới, mình trong tay không có một tấc sắt, không làm sao giết được địch, mà trong bụng thì cứ giận sôi lên, thế là không khỏi tìm một người nào đó thay thế kẻ địch. Lúc đó mà cười cười thì sẽ gặp tai họa, bởi vì lúc đó sẽ bị gán cho là "Trần Thúc Bảo không có chút tâm can"[1]. Cho nên người biết thời thế cũng phải làm ra bộ mặt đưa ma như mọi người, để khỏi mắc họa. "Người thông minh không bao giờ chịu thua thiệt trước mắt", cũng là lời dạy của các nhà hiền triết thời xưa để lại, nhưng lúc đó cũng là lúc "*u mua*" về chầu trời, mà "nghiêm túc" thì thống nhất toàn cõi Trung Quốc còn lại.

Biết rõ điều đó, chúng ta có thể hiểu được rằng tại sao trước kia bất cứ là con gái trinh tiết hay con gái dâm đãng, gặp ai, cũng đều không cười, không nói ; mà tại sao bây giờ phụ nữ đi đưa ma, bất cứ buồn thương hay không, dọc đường vẫn nhất định phải gào lên cho to.

Đó chính là "nghiêm túc". Nói ra, lại mang tiếng là "độc ác".

2 tháng 3

(Tập ***Viết tự do giá***)

---

(1) *Trần Thúc Bảo* : tức Trần Hậu Chủ đời Lục Triều. "Không có chút tâm can" là nói y mê muội, hồ đồ, không biết sỉ nhục.

80. TRỪ HAO TRONG VĂN HỌC*

Có tờ lá cải vớ vẩn nọ lấy làm đắc ý đăng một thiên tiểu thuyết nói xấu một số người, tên tuổi đều bóng gió hết, bỗng nhiên lại tuyên bố với các bạn gửi bài rằng : "*Nếu tác phẩm có bao hàm tính chất công kích cá nhân hoặc đoàn thể thì tòa soạn sẽ không đăng. Xin lỗi*"(1). Xem xong không khỏi nghĩ đến một vài chuyện.

Người ngoại quốc nghiên cứu văn học Trung Quốc mà tôi được gặp, thường phàn nàn văn chương Trung Quốc hay nói to chuyện. Những người ngoại quốc đó, tuy nghiên cứu văn học Trung Quốc, nhưng e đến chết cũng không hiểu nổi. Còn người Trung Quốc chúng ta, nếu không phải là thanh niên thật thà "ở nhà quê mới ra" thì chỉ cần đọc qua mấy trăm bài văn, xem qua hành vi của mười người gọi là "nhà văn", là quyết không thể mắc lầm được. Bởi vì chúng ta quen lắm rồi, giống như người làm việc ở nơi đổi tiền(2), nhìn tờ giấy bạc là biết ngay tờ nào còn thông dụng, tờ nào phải các bao nhiêu, tờ nào bỏ đi, không tiêu được nữa.

Hãy nói thí dụ, khen quý tướng là "hai tai dài xuống tận vai"(3), thì lúc đó ít ra cũng phải trừ hao đi một nửa ; cảm thấy so với tai người thường, có lẽ dài hơn một chút, nhưng quyết không tin rằng tai người đó bằng tai lợn. Nói buồn thì "tóc trắng ba nghìn trượng"(4), lúc đó ít ra cũng phải trừ

---

* Bài này đăng lần đầu ở mục *Nói tự do* tờ *Thân báo* ngày 9 tháng 3 năm 1933, ký tên Hà Gia Can.

(1) Đó là lời thanh minh của tờ phụ trương *Ớt và trám* của tờ *Đại vân báo*, tháng 3 năm 1933. Tờ báo này có đăng một thiên tiểu thuyết của Trương Nhược Cốc lấy chuyện các nhân sĩ trong giới văn hóa làm đề tài. Nhân vật La Võ Tâm ám chỉ Lỗ Tấn. Quách Đắc Phú ám chỉ Úc Đạt Phu v.v... (đọc theo âm Bắc Kinh thì nghe na ná giống nhau).

(2) Ở Trung Quốc ngày trước có những nơi đổi tiền lẻ gọi là tiền trang, tiền điếm.

(3) Xem *Tam quốc chí* hồi I, tả Lưu Bị "người cao tám thước, hai tai dài xuống tận vai, hai tay quá đầu gối".

(4) Trong bài *Thu phố ca* của Lý Bạch có câu : "*Bạch phát tam thiên trượng, Duyên sầu tự cá trường*".

hao đến hai vạn lần, cho rằng có lẽ dài đến bảy tám thước, nhưng quyết không tin có thể khoanh tròn trên đỉnh đầu như một đống cỏ lớn. Kích tấc ấy, tuy có hơi mơ hồ, cũng không đến nỗi sai nhiều lắm. Trái lại, chúng ta cũng có thể, ít thì tăng thêm lên, không thì nói thành có. Thí dụ trên sân khấu, bốn em bé gầy gò, cầm đao chạy ra, chúng ta biết ngay đó là thập vạn tinh binh ; trên báo đăng một bài văn nghiễm nhiên như có chuyện quan trọng lắm, chúng ta biết ngay có một trò đểu, không nhìn thấy, giữa các hàng chữ.

Trái lại nữa, chúng ta còn có thể, có thì nói thành không. Thí dụ "gối gươm chờ sáng", "nếm mật nằm gai", "tận trung báo quốc"[1], chúng ta tức khắc có thể nhìn thành giấy trắng, cũng như in ảnh, khi ảnh chưa rõ nét, mà gặp phải ánh sáng.

Nhưng những bài văn ấy, chúng ta có lúc cũng vẫn xem. Hồi Tô Đông Pha[2] bị biếm đi Hoàng Châu, buồn quá, có khách tới chơi, nhà thơ bảo khách kể chuyện ma. Khách nói không có. Đông Pha nói : "Anh cứ bịa ra nói cho vui"[3]. Chúng ta xem cũng chẳng qua ý như thế. Nhưng lại thấy, trong xã hội, có thứ văn chương đó thì phí mất bao nhiêu là sức con mắt. Người ta thường cho rằng đánh bài, nhảy đầm có hại, thực ra thứ văn chương đó còn hại hơn nhiều, bởi vì nếu không cẩn thận, có thể bị nó làm cho về sau trở thành thấp kém. Thể *tụng*[4] đã nịnh hót rồi ; kinh *Xuân Thu*[5] cũng đã che giấu ; thời Chiến Quốc, kẻ du thuyết nhiều như ong, không nói quá để làm cho người ta sợ thì cũng lấy lời đẹp ra mà làm cho động lòng, thế là ba hoa, khoác lác, nói láo, không sao kể xiết. Ngày nay, các nhà văn đã đổi ra ăn mặc Tây rồi, nhưng trong cốt tủy thì vẫn còn chôn chặt tinh thần của tổ tiên ngày trước, cho nên phải bỏ đi, hoặc phải trừ hao mới lòi ra được chút ít sự thực.

---

(1) "*Chẩm qua đãi đán*" : lấy tích Lưu Côn đời Tấn, "*Ngọa tân thường đảm*" lấy tích Việt Vương Câu Tiễn đời Xuân Thu ; "*Tận trung báo quốc*" : lấy tích Nhạc Phi đời Tống. Ba câu này các "yếu nhân" và bọn quan quân trong Chính phủ Quốc dân đảng thường dẫn trong các bức điện gửi đi các nơi, mặc dù chúng đang theo đuổi chính sách đầu hàng.

(2) *Tô Đông Pha* : tức Tô Thức (1037 - 1101) nhà thơ có tiếng đời Tống.

(3) Câu chuyện này thấy trong cuốn *Thạch lâm tị thử lục thoại* của Diệp Mộng Đắc đời Tống : "Tô Đông Pha khi ở Hoàng Châu và Lĩnh Biểu, sáng nào không mời bạn đến nhà chơi thì cũng đi thăm bạn. Chơi không chọn người, có kẻ sang người hèn, gặp là nói chuyện khôi hài rất phóng túng. Có người không có chuyện gì nói, thì nhà thơ bảo kể chuyện ma. Bạn từ chối nói không biết, thì nhà thơ nói "Cứ bịa ra mà nói".

(4) *Tụng* : một thể thơ trong *Kinh Thi* phần lớn là ca công tụng đức các vua chúa.

(5) *Xuân Thu* : bộ sử biên niên đầu tiên của Trung Quốc, người biên soạn là Khổng Tử. Vì Khổng Tử có ý bao biếm giai cấp thống trị thời đó, cho nên viết rất kín đáo.

"Nhà văn" nếu không lấy sự thực để chứng minh rằng mình đã thay đổi thói cũ là ba hoa, khoác lác, nói láo, thì dù có ngửa mặt lên trời mà thề thốt rằng từ nay về sau xin hết sức nghiêm túc, bằng không thì trời tru đất diệt, cũng uổng công mà thôi. Bởi vì chúng ta đã quen thấy nhiều nhà treo cái bảng sơn son thiếp vàng đề "*Giả mạo Vương Ma Tử thì chết tiệt ba đời*"[1], huống chi cái đuôi của nó vẫn còn đang ve vẩy đấy !

12 tháng 3

(Tập ***Viết tự do giả***)

---

(1) *Vương Ma Tử* : hiệu làm dao kéo có tiếng ở Bắc Kinh. Nhiều người làm dao kéo đã mạo hiệu đó, lại còn chú ở dưới câu : "*Giả mạo Vương Ma Tử thì chết tiệt ba đời*".

81. VĂN CHƯƠNG LÀM CHO HẾT KHÓC*

Ba năm trước, lúc nhà văn học dân tộc[1] khua chiêng gióng trống, đã từng có một bài *Máu người da vàng* nói rõ rằng nguyện vọng tối cao là theo sau Nguyên soái Bạt Đô, con cháu hoàng đế Thành Cát Tư, mà tiêu diệt "Cán La Tư". Cán La Tư nay là Liên-Xô. Hồi đó, có người chỉ ra rằng, đại quân Bạt Đô ngày nay tức là quân đội Nhật Bản, mà trước khi "Tây chinh", còn phải chinh phục Trung Quốc đã, biến người Trung Quốc thành nô lệ tòng quân.

Chúng ta mà bị chinh phục thì rất cực khổ, trừ một số rất ít. Thí dụ như lúc Đông Tam Tỉnh rơi vào tay giặc, Thượng Hải bị ném bom, phàm những người sống sót lại, e rất ít, rất ít ai không căm giận. Nhưng căm giận như thế thì lại rất trở ngại cho cuộc "Tây chinh" sau này. Thế là cuốn *Đại Thượng Hải chiến bại* được xuất bản, đem con số ra nói cho độc giả biết rằng, vũ lực của Trung Quốc quyết không bằng được Nhật Bản, để cho mọi người yên tâm ; và cho rằng sống không bằng chết ("*Lộ quân thứ 19 bị tiêu diệt, cảnh cáo chúng ta rằng sống đáng thương hại, không còn thú vị gì nữa !*"), nhưng thắng lại không bằng thua chạy ("*Lộ quân 19 thắng, chỉ có thể kéo dài cuộc sống tạm bợ, cầu an và giấc mơ kiêu ngạo của chúng ta mà thôi*"). Nói tóm lại, chiến tử mà hơn, nhưng chiến bại càng hay hơn nữa, trận Thượng Hải chính là một thành công hoàn toàn của Trung Quốc.

Bây giờ bắt đầu bước thứ hai rồi. Theo tin Trung ương xã thì Nhật Bản đã có âm mưu ký với nước Mãn Châu "Mật ước đế quốc liên bang Trung Hoa". Điều thứ nhất của đề án đó là : "*Hiện nay trên thế giới chỉ có hai loại nước, một là những nước theo chủ nghĩa tư bản, Anh, Mỹ, Nhật, Ý, Đức, hai là những người theo chủ nghĩa cộng sản, Nga Xô. Bây giờ muốn chế ngự Nga Xô mà hai nước Trung, Nhật không liên hiệp lại... thì không thành công được v.v...*" (xem *Thân báo*, ngày 19 tháng 3).

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo*, ngày 24 tháng 3 năm 1933, ký tên Hà Gia Can.

(1) Xem bài *Nhiệm vụ và vận mệnh văn học dân tộc* ở tập ***Hai lòng***.

Muốn "liên hiệp lại" rồi ! Lần này là thành công hoàn toàn của hai nước Trung – Nhật, là bước thứ hai trên con đường từ *Đại Thượng Hải chiến bại* đến *Máu của người da vàng*.

Cố nhiên, có một số địa phương đang bị ném bom ; Thượng Hải từ khi bị ném bom đến nay, đã có hơn một năm, nhưng trong nhân dân có một số người chưa hiểu bước đường tất yếu của "Tây chinh", tựa hồ còn chưa quên hoàn toàn nỗi căm giận năm trước. Nỗi căm giận đó rất trở ngại cho sự "liên hiệp" trước mắt. Tình thế này đã đem lại cho người ta một chút thoải mái và an ủi, giống như văn chương *Ớt và trám*. Có lẽ nó là một thang thuốc chữa nỗi buồn khổ. Tại sao vậy ? Bởi vì "*ớt tuy cay, nhưng cay không chết người, trám tuy đắng, nhưng đắng mà vẫn ngon*"(1). Hiểu rõ điều đó, tức là sẽ hiểu tại sao những người làm ăn vất vả mà lại hút thuốc phiện.

Vả lại, không phải chỉ đau khổ lẳng lặng mà thôi, còn nghe nói ớt có thể làm cho những "tiếng khóc đáng ghét" cũng phải im đi nữa. Ông Vương Từ trong thiên văn chương tuyệt diệu "*Đề xướng ớt cứu nước*", cho chúng ta biết rằng :

"*... Lại nữa, người miền Bắc, khi mẹ còn bồng bế trên tay, những lúc khóc thét lên, mẹ đem cho một quả ớt ăn thì hết thét ngay, rất kinh nghiệm.*

"*Trung Quốc ngày nay cũng giống như đứa trẻ miền Bắc đang thét lên, nếu muốn cho tiếng khóc đáng ghét kia im đi, thì chỉ cần cho nó thật nhiều ớt*" (Phụ trương *Đại văn báo*, số 12).

Ớt có thể làm cho trẻ con đang khóc thét phải nín, đó là một chuyện lạ lùng, không tiền tuyệt hậu, nếu thật, thì người Trung Quốc quả là một "dân tộc" khác thường. Thế nhưng chúng ta cũng thấy rất rõ ý đồ của thứ "văn chương" này, làm cho người ta cay mà không chết, "làm cho tiếng khóc đáng ghét phải im đi" để được bình tĩnh theo nguyên soái Bạt Đô.

Có điều, cái đó không có hiệu quả, làm gì linh nghiệm bằng "khóc thì cứ giết, không phải bàn tán". Từ nay về sau cái phải đề phòng là "người ta đi ngoài đường nhìn nhau"(2). Chúng ta đang chờ đợi thứ văn chương bịt mắt.

20 tháng 3

(Tập ***Viết tự do giả***)

---

(1) Tờ *Đại văn báo* có phụ trương *Ớt và trám* đăng ở bài tiểu luận về thời sự. Câu này lấy trong lời mở đầu của mục đó.

(2) *Nguyên văn* : *"Đại lộ dĩ mục"* : câu này lấy trong sách *Quốc ngữ*. Chu Lệ Vương bạo ngược, người trong nước không dám nói, đi ra đường chỉ nhìn nhau mà thôi.

82. VĂN CHƯƠNG VÀ ĐẦU ĐỀ*

Một cái đầu đề, làm đi làm lại mãi, bây giờ phải viết cho xong một bài văn, nếu lại muốn làm cho ra vẻ mới thì sẽ khiến cho người ta có thể cảm thấy không phải là lời nói của con người nữa. Nhưng chỉ cần làm từng bước từng bước, ngày nào cũng có kẻ đứng ngoài giúp đỡ đánh trống, làm cho người ta quen tai, thì không những làm ra, mà làm cũng thông.

Thí dụ gần đây đầu đề chủ yếu nhất là *"Dẹp trong và chống ngoài"*, quả thực đã có bao nhiêu bài rồi. Kẻ nói dẹp trong, thì trước hết phải chống ngoài ; kẻ nói dẹp trong đồng thời chống ngoài ; kẻ nói không chống ngoài, thì không dẹp trong được ; kẻ nói chống ngoài tức có thể dẹp trong ; có kẻ nói dẹp trong cấp bách hơn chống ngoài.

Làm đến đó, văn chương tựa hồ không sao lật đi lật lại được nữa, xem có thể cho là hết mức rồi.

Cho nên muốn có vẻ mới thì sẽ làm cho người ta có thể cảm thấy không phải là lời nói của con người, dùng cách đặt tên cúng cơm lưu hành nhất hiện nay mà nói, tức là rất dễ bị hiềm nghi là "Hán gian". Vì sao vậy ? Bởi vì muốn làm một bài văn có vẻ mới thì chỉ còn cách nói là "dẹp trong nhưng bất tất phải chống ngoài", "chi bằng đón ngoài mà dẹp trong", "ngoài tức là trong, có gì mà phải chống".

Ba ý đó, viết thành văn, tuy quả thật lạ lùng, nhưng thực sự lại có, mà bất tất phải lấy thí dụ xa xôi thời Tấn, Tống ; chỉ xem triều Minh là đủ. Người Mãn Châu dòm ngó từ lâu, nhưng trong nước lại xem mệnh dân như cỏ rác, giết hại kẻ trong sạch[1], đó là ý thứ nhất Lý Tự Thành vào Bắc Kinh,

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo* tháng 5 năm 1933 ký tên Hà Gia Can.

(1) Năm 1616 đời Minh, lãnh tụ tộc Mãn lên ngôi *khả hãn* (vua), được ba năm thì xâm nhập lãnh thổ Trung Quốc. Lúc đó triều Minh cực kỳ hủ nát, các cơ quan đặc vụ chuyên bóc lột và giết hại nhân dân. Chúng còn lập ra danh sách những người trong sạch, chính trực gọi là "thiên giám lục", "điểm tướng lục" rồi cứ theo tên mà giết.

những kẻ quyền quý không muốn để cho một tên đầy tớ làm hoàng đế, dứt khoát mời "quân Đại Thanh" vào đánh chết[1], đó là ý thứ hai. Còn như ý thứ ba, tôi chưa hề xem sử đời Thanh, không biết được, nhưng theo lệ cũ, thì phải nói trước họ Ai Tân Giác La[2] vốn là con cháu người con thứ mấy của vua Hiên Viên[3], chạy lên phương Bắc, ăn ở nhân nghĩa, ân đức sâu dày, rồi có thiên hạ. Nói tóm lại, chúng ta đều là một nhà cả.

Các nhà bàn luận sử sau này tất nhiên hết sức bác đi, ngay các bậc danh nhân hiện nay cũng đang căm ghét bọn giặc cỏ. Nhưng đó là sau này và hiện nay, còn đương thời thì không đúng. Ưng khuyển lấp đường, đầy tớ cầm quyền, chẳng phải Ngụy Trung Hiền[4] lúc sống đã được thờ ở miếu Khổng Tử hay sao ? Phương pháp ấy của họ hồi đó, có người nói là phải đạo lắm.

Những năm cuối đời Thanh, người Mãn Châu ra sức trấn áp cách mạng, có khẩu hiệu, "thà tặng nước bạn", chứ không cho đầy tớ"[5]. Người Hán biết, giận nghiến răng lại. Kỳ thực người Hán đâu có phải không như thế ? Ngô Tam Quế mời quân lính Thanh vào cửa ải, là nghĩ đến lợi của bản thân hắn. Đó là thí dụ xác thực "người ta ai cũng bụng dạ như nhau cả".

29 tháng 4

Phụ chú : Nguyên đề là : *"Đẹp trong và chống ngoài".*

5 tháng 5

(Tập ***Viết tự do giả***)

---

(1) Năm 1644, Sùng Trinh năm thứ 17, Ngô Tam Quế, tổng binh Ninh Viễn trấn thủ Sơn Hải quan, đầu hàng quân Thanh, rồi liên hợp với quân Thanh đánh bại cuộc nông dân khởi nghĩa của Lý Tự Thành.

(2) *Ai Tân Giác La* : hoàng thất triều Thanh nước Kim, tiếng Mãn Châu gọi *Ai Tân Giác La* là *tộc*, ý nói : con cháu triều Kim.

(3) *Hiên Viên* là tên Hoàng Đế. Sách *Sử ký* nói : Hoàng Đế là con Thiếu Điển, họ Công Tôn, tên Hiên Viên.

(4) *Ngụy Trung Hiền* : một tên thái giám đời Minh, y đã dùng các cơ quan đặc vụ để giết hại những người chính trực, có khí tiết. Đương thời nhiều người nịnh hót y, xin đặt y ngang hàng với Khổng Tử.

(5) Đó là lời của Cương Nghị, một phần tử ngoan cố nhất trong Vương công đại thần triều Thanh. Trong cuộc vận động biến pháp duy tân, y thường nói : "Sản nghiệp của tôi thà tôi đem cho bạn bè, chứ không để cho quân đầy tớ hưởng". Bạn bè y nói đó là đế quốc Anh, Mỹ, đầy tớ là nhân dân tộc Hán.

83. NGHỆ THUẬT CỦA ANH HỀ NHÌ*

PHONG CHI DU

Trong các gánh hát ở nơi nọ vùng Chiết Đông, có một vai trò gọi là "nhị hoa diện", dịch cho nhã một tí thì gọi là "anh hề nhì". Vai này khác vai hề thường ở chỗ không đóng trang công tử bột hoành hành chẳng kiêng nể ai, cũng không đóng tên gia đinh quan tể tướng một mực cậy thế cậy thần, mà là đóng một tay giỏi võ bảo vệ công tử, hoặc một vị thanh khách xu phụ công tử. Tóm lại : thân phận anh ta cao hơn anh hề thường, nhưng tính cách thì lại tồi hơn.

Nghĩa bộc thì do kép già đóng, lúc đầu thì lấy lời can gián, sau thì chết theo chủ ; ác bộc thì do anh hề đóng, chỉ làm điều ác, cuối cùng bị giết. Nhưng bản lĩnh "anh hề nhì" thì lại khác, có ít dáng dấp người thượng đẳng, biết cầm, kỳ, thi, họa, cũng biết phạt rượu, đánh đố[1], nhưng lại dựa vào cửa quyền, chửi bới dân đen, ai bị áp bức thì anh ta cười nhạt vài tiếng, cho hả dạ, ai bị hãm hại thì anh ta dọa nạt thêm, quát mắng một hồi. Nhưng thái độ anh ta không phải luôn luôn như vậy, đại để anh ta thường quay mặt về phía người xem dưới sân khấu, nói khuyết điểm của trang công tử mà anh ta xu phụ, lắc đầu giả vờ nhăn nhó nói : "Xem cậu ta, độ này hỏng tệ !".

Cái ngón cuối cùng này là đặc sắc của "anh hề nhì", bởi vì anh ta không ngu xuẩn như nghĩa bộc, cũng không giản đơn như ác bộc, anh ta là trí thức. Anh ta biết chỗ mình dựa là núi băng, nhất định không lâu bền, tương lai mình còn phải xu phụ người khác, cho nên đang được nuôi nấng, chia sẻ oai thừa, anh ta cũng phải giả vờ làm như mình không phải cùng một phường với tên công tử đó.

---

* Bài này đăng trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo* ngày 18 tháng 6 năm 1933.

(1) Bọn người phong lưu thuở trước, trong bữa tiệc, bày trò giải trí, ai không làm được phải phạt rượu, hoặc ra câu đố cho mọi người làm.

Tuồng do bọn hề nhì biên soạn, tất nhiên không có vai đó, anh ta đâu có chịu. Tuồng do anh hề thường, tức công tử bột biên soạn, cũng không có, bởi vì bọn này chỉ nhìn thấy một mặt, không nghĩ đến. Cái anh "nhị hoa diện" này là do dân đen trông thấy rõ hạng người như thế, lấy cái tinh hoa ra, đặt thành vai trò.

Trên thế gian, nếu có bọn quyền quý nhất định có thế lực tàn bạo, có thế lực tàn bạo nhất định có anh "nhị hoa diện", và có nghệ thuật của anh "nhị hoa diện". Chúng ta chỉ cần theo dõi một tờ báo nào đó, chừng một tuần lễ, thì có thể thấy khi thì nó oán giận ngày xuân, khi thì ca tụng chiến tranh, khi thì dịch những bài nói chuyện của Becna So, khi thì bàn vấn đề hôn nhân. Nhưng trong đó, nhất định có khi nó tỏ ra khẳng khái, hiên ngang, bất mãn đối với quốc sự ; đó là nó sử dụng cái ngón sau cùng đấy.

Cái ngón sau cùng đó, một mặt khác cũng là che đậy làm cho người ta không biết nó là bồi bút, nhưng dân đen thì thấy rõ lắm, và đã đưa điển hình đó lên sân khấu từ lâu rồi.

15 tháng 6

(Tập ***Cho bàn gió trăng***)

84. THƠ VÀ LỜI TIÊN TRI*

NGU MINH

Các lời tiên tri đều là thơ, mà các nhà thơ phần lớn là nhà tiên tri. Nhưng lời tiên tri chỉ là thơ mà thôi, còn thơ thì thường thường lại ứng nghiệm hơn cả lời tiên tri nữa.

Thí dụ hồi Cách mạng Tân Hợi, bỗng phát hiện ra hai câu :

Thủ chấp cương đao cửu thập cửu,
Sát tận Hồ nhi phương bãi thủ.
(Tay cầm chín mươi chín ngọn đao,
Giết sạch giặc Hồ mới nghỉ tay).

Đó là mấy câu tiên tri trong cuốn *Thôi bối đồ*(1), nhưng chỉ là thơ mà thôi. Lúc bấy giờ, đâu phải chỉ có chín mươi chín ngọn đao ? Còn có súng, đại bác, rất lợi hại : nhờ có súng và đại bác, sau mới chiếm được phần thắng, chỉ có đao thì thua to rồi. Huống chi "giặc Hồ" lúc đó không những không bị "giết sạch", mà còn được ưu đãi, đến nỗi bây giờ mới có ngày tên "ngụy" Phổ Nghi xuất đầu lộ diện. Cho nên, xem là lời tiên tri, thì hai câu sấm đó thực ra không ứng nghiệm. Cứ làm theo loại lời tiên tri đó một cách cứng nhắc thì sẽ vấp chết, giống như trước đây có người rèn chín mươi chín ngọn đao, gửi cho chiến sĩ ở tiền phương(2), kết quả chỉ là đổ máu ở các nơi Cổ Bắc Khẩu, và chứng minh cho người ta thấy không thể nào chống lại nổi quốc nạn. Trái lại, không bằng xem những câu sấm tiên tri đó là "thơ", còn có thể "lấy ý mà đoán được chí, và như thế mới gọi là hiểu"(3).

---

* Bài này đăng lần đầu tiên trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo* ngày 23 tháng 7 năm 1933.

(1) *Thôi bối đồ* : một cuốn sách tương truyền là Lý Thuần Phong đời Đường soạn, gồm toàn những lời tiên tri về sự hưng vong biến cách của các triều đại.

(2) Năm 1933, ở Thượng Hải, báo đăng tin có người tên là Vương Thuật rèn chín mươi chín ngọn đại đao nguyện tặng cho bộ đội Tống Triết Nguyên phòng thủ Hỷ Phong Khẩu.

(3) Câu này lấy trong sách *Mạnh Tử*, thiên *Vạn chương* : *"Bất dĩ văn hại từ, bất dĩ từ hại ý, dĩ ý nghịch chí, tự vị đắc chi"*. Không được quá nệ vào chữ mà hại đến nghĩa của cả câu, không nên quá câu nệ vào câu mà hại đến ý của toàn bài. Phải căn cứ vào ý mà tìm hiểu cái chí của tác giả thì mới gọi là hiểu.

Còn như trong thơ thì đích xác có những lời tiên tri sâu sắc. Nếu chúng ta muốn tìm lời tiên tri thì đọc *Thôi bối đồ* không bằng đọc các tập thơ của nhà thơ. Có lẽ năm nay lại là lúc phải phát hiện ra cái gì chăng, cho nên mới tìm ra được mấy câu như thế này :

Thứ bối phong lang tòng khiết cẩu,
Sinh bình liệp nhân như liệp thú,
Vạn nhân nhất nộ bất khả hồi,
Hội khan Thái Bạch huyền kỳ thú[1].

Song chiếu lâu thi từ cáo của Uông Tinh Vệ[2].

Dịch bài *Chiến sĩ Cộng hòa năm thứ 2* của Victo Huygô.

Như thế không bắt người ta "đập án khen hay" sao được ? "Lang sói theo chó dại" ở đây rõ ràng là súc vật, nhưng chúng lại coi người như súc vật : súc vật săn người, mà người lại bị săn ! Sự phẫn nộ của "hàng vạn người" không thể cứu vãn được. Bài thơ của Huygô nói "chế độ Đế chế" năm 1793 (năm thứ 2 Cộng hòa thứ 1 của nước Pháp), ông ta không ngờ một trăm bốn mươi năm sau còn ứng nghiệm như thế.

Lúc ông Uông Tinh Vệ dịch bài thơ này, không chắc có nghĩ rằng hai ba mươi năm sau, Trung Quốc đã là thế giới của bạch thoại. Bây giờ, người hiểu được thứ thơ văn ngôn đó ít dần, thật đáng tiếc. Nhưng cái hay của các lời tiên tri là ở chỗ úp mở, làm cho người ta, sau khi việc ứng nghiệm rồi, mới "bỗng chốc tỉnh ngộ". Đó chính là "thiên cơ không thể tiết lộ vậy".

20 tháng 7

(Tập ***Cho bàn gió trăng***)

---

(1) Bầy lang sói này theo bầy chó dại,
Ngày thường săn người như săn thú,
Lúc hàng vạn người phẫn nộ thì không gì cứu vãn lại được,
Và sẽ thấy cờ Thái Bạch treo trên đầu chúng.
(Cờ Thái Bạch, lấy điển tích Vũ Vương lấy rìu vàng chém đầu Trụ rồi treo lên cờ Thái Bạch).
Theo V. Huygô thì "lang sói" và "chó dại" ở đây chỉ những người ủng hộ nhà vua, chống lại nền Cộng hòa trong thời Cách mạng nước Pháp.

(2) *Uông Tinh Vệ*, người Quảng Đông, từng giữ những chức vụ quan trọng trong Chính phủ Quốc dân đảng. Sau cuộc 18-9-1931, y chủ trương thỏa hiệp với Nhật Bản, đến tháng 12 năm 1938 thì công khai đầu hàng địch, trở thành một tên Hán gian bán nước ; tháng 3 năm 1940, tổ chức Chính phủ bù nhìn Nam Kinh.

85. TRỪ HAO NHỮNG CÂU NÓI HÀO PHÓNG*

VI SÁCH

Trừ hao những câu nói hào phóng thật ra cũng là trừ hao trên văn học, phàm tác giả tự kể về mình thường phải trừ hao, ngay những chỗ nói mình đáng thương như thế nào, vô dụng như thế nào, cũng vẫn không phải "giá nhất định", huống chi những lời nói hào phóng.

Bậc tiên tài là Lý Thái Bạch, sính nói những lời hào phóng, có thể không phải bàn đến ; ngay bậc quỷ tài là Lý Trường Cát[1], móng tay dài thòng, gầy như que củi, cũng nói :

Kiến mại Nhược Gia khê thủy kiếm
Minh triêu quy khứ sự Viên Công.
(Khe nước Nhược Gia mua được kiếm
Mai đây trở lại học Viên Công[2])

quả thật không tự lượng chút nào, muốn học làm thích khách. Cái đó cần phải trừ hao hết, chứng cớ là cuối cùng ông ta không đi. Thời Nam Tống, vận nước gặp lúc nguy nan, Lục Phóng Ông[3] – tất nhiên cũng là một người trong phe kháng khái, – có lần ông ta nói :

Lão Tứ do kham tuyệt đại mạc,
Chư quân hà khí khấp Tân Đình.

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo* ngày 8 tháng 8 năm 1933.

(1) *Lý Trường Cát* : tức Lý Hạ (790 - 816) nhà thơ có tiếng đời Đường. Cuốn *Tân Đường thư*, mục *Văn nghệ truyện*, tả ông "người gầy như que tăm, móng tay để dài". Hai câu thơ trích dẫn sau lấy trong bài *Nam viên* của ông, tỏ ý muốn học kiếm.

(2) Viên Công lấy tích ở cuốn *Ngô Việt Xuân Thu*. Nước Việt có một người con gái giỏi kiếm, muốn đến yết kiến Câu Tiễn, giữa đường gặp một ông lão, tự xưng là Viên Công, xin cùng cô ta đọ kiếm. Kết quả bất phân thắng phụ, ông lão bay lên cây hóa thành con vượn trắng.

(3) *Lục Phóng Ông* : tức Lục Du (1125 - 1210), nhà thơ yêu nước thời Nam Tống. Hai câu thơ trích dẫn dưới lấy ở trong bài *Dạ bạc thủy thôn* của ông.

(Già dám diệt thù ngoài đại mạc,
Các người sao lại khóc Tân Đình[1]).

Thật ra, ông ta không đi được ; cũng phải trừ hao hết – Nhưng tôi không có sách trong tay, trích dẫn thơ chắc sai, cũng phải trừ hao trước một nửa ở đây.

Kỳ thực, cái thói cổ nói những lời hào phóng, không phải chỉ có văn nhân mà thôi, người thường hay bọn con buôn cũng sính lắm. A và B đánh nhau giữa chợ, người thua nói : "Tao nhớ mặt mày rồi !". Ý nói, anh ta sẽ như Ngũ Tử Tư[2] thể sẽ trả thù. Nhưng thường thì không trở lại nữa. Nếu là người có trí thức, có lẽ sẽ dùng một âm mưu khác, nhưng người quê kệch thì thường dùng câu nói đó kết thúc cuộc đấu tranh ; người nói chỉ nói đầu miệng, thật ra vô tâm, mà người nghe cũng chẳng để ý, lâu thành một thứ nghi thức của cuộc ẩu đả lúc hạ màn.

Nhà viết tiểu thuyết cũ cũng đã nhìn thấy tình cảm đó từ lâu ; ông ta tả gái đi tranh chấp với người ta, chiếu lệ công kích người ta nuôi trai tơ trong nhà, rồi tự nói về mình như sau : "Bà đây, người có thể đứng đầu ngón tay, ngựa có thể chạy trên cánh tay"[3]. Sau rồi thế nào ? Ông ta để cho người khác trừ hao lấy. Ông ta biết không ai hồ đồ đến nỗi tin cả mười phần, nhưng vẫn cứ nói như thế, cũng giống như anh bán thuốc giả, ngoài bao giấy nhất định in câu : *"Định bụng lừa người thì sét đánh, chết thiêu"*. Thành một thứ nghi thức rồi.

Nhưng vì thời thế đổi khác, cũng có thể lập tức trừ hao ngay. Thí dụ trên các tờ quảng cáo, chúng ta có lúc có thể thấy nói như sau : *"Tôi là người tọa bất cải danh hành bất cải tính"*[4]. Thật là bỗng dưng muốn cúi đầu chào khi thấy một nhân vật trong *Thất hiệp ngũ nghĩa*[5]. Nhưng tiếp theo đó thì *"nếu như có lúc dùng bút danh khác, tôi vẫn chịu trách nhiệm về những bài*

---

(1) Thời Đông Tấn có một số sĩ đại phu từ phương Bắc chạy xuống Kiến Khang (nay là Nam Kinh) một hôm hội yến ở Tân Đình, có người nhắc đến thủ đô cũ là Lạc Dương nay nằm trong tay giặc, thế là tất cả nhìn nhau nước mắt nhỏ ròng ròng.

(2) *Ngũ Tử Tư* : người nước Sở thời Xuân Thu. Sở Bình Vương giết bố Ngũ Tử Tư, là Ngũ Xa, và anh là Ngũ Thượng. Ông ta chạy sang Ngô, lập mưu phục thù. Sau giúp Ngô Vương đánh Sở, chiếm kinh đô Sở là đất Sính, đào mả vua, đánh ba trăm roi vào thi thể vua.

(3) Câu này lấy trong truyện *Thủy hử*, Hồi 24, lời của Phan Kim Liên.

(4) Ý nói : tôi không hề thay đổi tên tuổi. Câu này là của Trương Tư Bình.

(5) *Thất hiệp ngũ nghĩa* : nguyên tên là *Trung liệt hiệp nghĩa truyện*, cũng gọi là *Tam hiệp ngũ nghĩa*, một cuốn tiểu thuyết trường thiên 120 hồi, xuất bản năm 1879 đời Thanh. Các nhân vật trong tiểu thuyết này thường hay nói câu "tọa bất cải danh, hành bất cải tính".

đã đăng", quay mình một cái, thế là không thấy đâu nữa, như Thổ Hành Tôn[1]. Tôi há thích "dùng bút danh khác hay sao ?". Tôi bất đắc dĩ đó thôi. Thượng Hải vốn là một phần đất của Trung Quốc, tất nhiên chịu sự giáo dục của Khổng Tử. Nếu là thương gia, thì tấm biển bằng chữ vàng để "giá nhất định" để trong tủ kính thường thường chiếu lên lá cờ to đề "đại hạ giá" treo ở ngoài cửa. Có điều, họ lúc nào cũng có lý do : không phải là để xướng quốc hóa thì là kỷ niệm ngày khai trương. Cho nên, tự trừ hao, cũng vẫn là chưa đủ. Phàm là người ở Thượng Hải lâu đời, tất còn phải trừ hao nữa.

4 tháng 8

(Tập ***Cho bàn gió trăng***)

---

(1) *Thổ Hành Tôn* : một nhân vật trong *Truyện Phong thần*, có tài độn thổ.

86. "BI QUAN ĐỐI VỚI VĂN ĐÀN TRUNG QUỐC"*

LŨ CHUẨN

Trong số thư sinh nho nhã cũng có những nhân vật đặc biệt mau nước mắt. Họ nói rằng vì gần đây văn đàn Trung Quốc hỗn loạn, giống như quân phiệt cắt đất chiếm cứ mỗi người một vùng, thế là họ không giữ được phải "ô hô" lên. Nhưng họ đau lòng nhất là về những lời vu cáo hãm hại.

Kỳ thực, thời đại làm văn để "giấu trong núi" đã qua rồi mà đã có một cái "đàn", thì không khỏi có đấu tranh, thậm chí không khỏi có chửi rủa, vu khống, hãm hại. Thời cuối Minh xa lắm rồi, bất tất nói đến nữa, đời Thanh, Chương Thực Trai và Viên Tử Tài,(1) Lý Thuần Khách và Triệu Vĩ Thúc(2), như lửa với nước, không điều hòa được. Gần đây hơn, có cuộc bút chiến giữa *Dân báo* và *Tân dân tùng báo*(3), cuộc bút chiến giữa phái *Tân thanh niên* và phái X(4), cũng đều hết sức mãnh liệt. Lúc đầu, không phải là không khiến cho người ngoại cuộc lắc đầu thở dài, nhưng ai thua ai được đã rồi, thời đại đã xa dần rồi, cuộc huyết chiến đã bị mưa gió gội cho sạch lâu rồi, thì người đời sau tưởng đâu văn đàn trước kia thái bình lắm, ở ngoại quốc

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo*, này 14 tháng 8 năm 1933. Nguyên đề là *Không cần phải bi quan*. Câu *"Bi quan đối với văn đàn Trung Quốc"* không biết hồi bấy giờ ai nói, chưa tìm ra.

(1) *Chương Thực Trai* : tức Chương Học Thành (1738 - 1801) nhà sử học đời Thanh. *Viên Tử Tài* : tức Viên Mai (1716 - 1797) nhà thơ có tiếng đời Thanh. Năm 1797, sau khi Viên Mai chết, Chương Học Thành có viết nhiều sách công kích Viên Mai là "lừa người một cách vô sỉ, tự cho là phong lưu để quyến rũ nữ sĩ" v.v...

(2) *Lý Thuần Khách* : tức Lý Từ Minh (1829 - 1894) nhà văn cuối Thanh. *Triệu Vĩ Thúc* : tức Triệu Chi Khiêm (1829 - 1884) nhà họa sĩ, điêu khắc. Trong sách của mình, Lý Từ Minh cũng công kích Chi Khiêm là "lừa người" "huênh hoang đáng bỉ".

(3) *Dân báo* : cơ quan ngôn luận của Đồng minh hội, cuối Thanh ; *Tân dân tùng báo* : tờ báo của Lương Khải Siêu. Giữa hai tờ báo này có cuộc tranh luận về Cách mạng Dân chủ và Quân chủ lập hiến.

(4) *Tân thanh niên* : cơ quan ngôn luận của những nhà văn tiến bộ trong phong trào Ngũ Tứ. Phái X ở đây chỉ chung tất cả những người phản đối phong trào cách mạng văn hóa đương thời.

cũng thế. Bây giờ đại để chúng ta chỉ biết V. Huygô và Hôpman[1] là những nhà văn trác việt, nhưng đương thời lúc diễn kịch của họ, thì trong rạp hát xảy ra chuyện bắt người, ẩu đả ; những cuốn sách lịch sử văn học viết tương đối tỉ mỉ, còn có in ảnh những cuộc ẩu đả đó nữa.

Cho nên, bất cứ trung ngoại cổ kim, trên văn đàn vẫn thường hỗn loạn như thế, làm cho những bậc thư sinh nho nhã thấy mà "bi quan". Nhưng cũng thường có nhiều "nhà văn", nhiều "tác phẩm" nhất định bị tiêu diệt ; chỉ có cái đáng tồn tại là tồn tại, chứng tỏ rằng văn đàn vẫn là chỗ sạch sẽ. Làm cho hỗn loạn thêm chính lại là những người đưa ra thuyết bi quan kia ; họ không chịu xem xét, không dám phê phán, mà dùng cái luận điệu "bên này cũng có cái đúng cái sai, bên kia cũng có cái đúng cái sai", cho tất cả tác giả đều là "cá mè một lứa". Do đó, cuộc hỗn loạn không bao giờ kết thúc được. Nhưng trên thế gian không phải như vậy cả, nhất định sẽ có sự phân biệt đúng sai một cách rõ ràng. Chúng ta thử nghĩ xem, các thiên tiểu thuyết mà Lâm Cầm Nam viết để công kích cuộc cách mạng văn học[2] kể cũng chưa lâu gì, bây giờ đâu cả rồi ?

Chỉ có những lời vu khống hãm hại bấy lâu nay là giống như có vẻ xuất sắc, nhưng kỳ thực cũng không gì hơn thời trước ; chứng cớ là những chuyện "ngục văn tự" đầu Thanh. Huống chi, kẻ làm cái trò đó, thực ra không phải hoàn toàn là nhà văn, trong mười người đến chín người là treo biển mà không có hàng, đành phải trở thành những tên cướp mở hắc điếm[3] bán bánh bao thịt người. Hoặc giả trong đó thỉnh thoảng cũng có vài người trước kia từng cầm bút, nhưng bây giờ họ đã lộ nguyên hình, chứng tỏ là họ đã trụy lạc ; văn đàn quyết không phải vì thế mà hỗn loạn, trái lại, càng thêm sáng sủa, càng thêm phân minh.

Lịch sử không đi thụt lùi, không cần phải bi quan cho văn đàn. Người ta sở dĩ bi quan là vì tự đặt mình ra ngoài cuộc, không phân biệt đúng sai, mà lại muốn quan tâm đến văn đàn, hoặc giả tự mình đứng về phía trụy lạc rồi.

10 tháng 8

(Tập ***Cho bàn giỏ trăng***)

---

(1) *V. Huygô* (1802 - 1885) : nhà thơ, nhà viết tiểu thuyết và viết kịch người Pháp. G. Haupmann (1862 - ?) : nhà viết kịch người Đức. Năm 1830, vở *Hecnani* của V. Huygô diễn ở Pari, năm 1889 vở *Trước khi mặt trời mọc* (Vor Sonnenaufgang) diễn ở Beclin, cả hai vở kịch đó đều bị một số khán giả phản đối, một mặt thì khán giả thanh niên hò reo tán thưởng. Thậm chí hai phe còn ẩu đả.

(2) *Lâm Cầm Nam* : tức Lâm Thư, nhà văn cuối Thanh. Ông ta có viết hai thiên truyện ngắn *Kinh Sinh* và *Ảo mộng* để công kích cuộc cách mạng văn học thời Ngũ Tứ.

(3) *Hắc điếm* : thời phong kiến ở Trung Quốc thường có những quán hàng của bọn cướp mở cốt để giết người lấy của.

87. BÒ VÀ NHÀO*

TUÂN KẾ

Trước kia, giáo sư Lương Thực Thu có nói rằng : người nghèo thế nào cũng phải bò, bò lên, bò đến địa vị người giàu[1]. Chẳng những người nghèo, mà nô lệ cũng phải bò, có dịp bò lên được, thì cả đến nô lệ cũng có thể thấy mình là thần tiên, thiên hạ tất nhiên thái bình.

Mặc dù người bò lên được rất ít, nhưng ai ai cũng cho người đó phải là mình. Do đó, tất nhiên ai ai cũng yên phận cày ruộng, gieo mạ, nhặt phân, hay là mài đũng quần trên ghế nhà trường, thắt lưng buộc bụng, chịu thương chịu khó, đấu tranh với thiên nhiên, ra sức bò, bò, bò. Nhưng người bò nhiều như thế kia, mà chỉ có một con đường, chật chội quá. Người thật thà cứ theo luật lệ, bò đúng phép, phần lớn không bò lên được. Người thông minh thì xô, xô người khác ra, xô cho ngã nhào, đạp xuống dưới chân, giẫm lên vai, lên đầu mà bò lên. Nhưng đại đa số vẫn cứ bò, cho rằng kẻ thù của mình không phải ở trên kia, mà là ở bên cạnh, là những người đang bò với mình. Họ nhẫn nhục hết sức, hai tay hai chân vẫn bám chặt vào đất, từng bước một trườn lên, lại bị đẩy xuống, bị đẩy xuống, lại trườn lên, không ngừng, không nghỉ.

Nhưng người bò nhiều quá mà người lên được ít quá, nỗi thất vọng cũng có thể thấm dần dần vào lòng người lương thiện, ít ra, cũng có thể gây ra một cuộc cách mạng quỳ[1]. Thế là ngoài bò, lại phát minh ra nhào.

Đủ biết anh vất vả quá rồi, định từ dưới đất đứng lên, cho nên mới kêu lên một tiếng rõ to phía sau lưng anh : Nhào tới ! Bộ giò tê cứng còn run lẩy bẩy, vậy mà cứ nhào tới. Khỏe hơn bò nhiều, không cần dùng sức tay,

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Nói tự do* tờ *thân báo* ngày 23 tháng 8 năm 1933.

(1) Xem bài *Dịch cứng nhắc và tính giai cấp của văn học*, tập ***Hai lòng***.

(2) *Cách mạng quỳ* : ý nói một cuộc cách mạng không triệt để. Người bò chưa vùng lên hẳn.

không cần xê dịch đầu gối, chỉ cần nhô người ra, hẩy một cái, thế là nhào tới. Nhào được khéo thì có ngay năm chục vạn đồng bạc, vợ, con, của cải, bổng lộc[1]. Nhào không khéo, quá lắm chỉ trượt, ngã xuống đất mà thôi. Cái đó ăn thua gì, mình lúc đầu vốn nằm phục trên mặt đất kia mà, vẫn có thể bò được. Huống chi có những người chỉ nhào chơi, căn bản không thấy sợ trượt ngã.

Ngày xưa người ta đã bò rồi. Thí dụ từ học trò bò lên trạng nguyên, từ lưu manh bò lên camporađo[2]. Nhưng nhào tựa hồ là một phát minh hiện đại. Tra cứu thêm, e chỉ có cách "tiểu thư gieo cầu" thời xưa là hơi giống nhào đôi chút. Khi quả cầu của tiểu thư sắp ném xuống, mỗi chàng trai muốn ăn thịt ngỗng trời[3], đều ngước đầu lên, há mồm ra, nước miếng chảy lòng thòng mấy thước. Đáng tiếc là người đời xưa còn ngốc, không bắt mấy chàng trai đó bỏ ra mỗi người một ít tiền, nếu không thì có thể thu được những mấy triệu kia đấy !

Cơ hội bò lên được càng ít, thì người muốn nhào càng nhiều. Những người đã bò lên được rồi, thì hàng ngày bày cơ hội cho các anh nhào, bảo các anh bỏ ra một ít tiền, và hứa hẹn với các anh một cuộc sống thần tiên, có cả danh lẫn lợi. Cho nên, cơ hội nhào được khéo, so với cơ hội bò lên được, ít hơn nhiều, nhưng ai cũng muốn thử xem sao. Như thế, bò rồi nhào, nhào không được lại bò, còng lưng kiệt sức, cho đến chết mới thôi !

16 tháng 8

(Tập ***Cho bàn gió trăng***)

---

(1) Bài này Lỗ Tấn viết công kích Chính phủ Quốc dân đảng đặt ra xổ số để bóc lột nhân dân. Năm mươi vạn đồng tức là số độc đắc.

(2) *Compradore* : bọn mại bản.

(3) Người Trung Quốc thường mỉa mai người nghèo muốn lên địa vị sang trọng là "muốn ăn thịt ngỗng trời".

88. TÌM RA BÍ ẨN CỦA PHƯƠNG PHÁP NỊNH HÓT*

ĐÀO CHÙY

Kiêccơga[1] là một người Đan Mạch u uất, tác phẩm của ông bao giờ cũng bao hàm giọng bi phẫn. Có điều trong đó cũng có rất nhiều cái thú vị ; tôi thấy mấy câu như thế này :

"*Rạp hát cháy. Anh hề ra sân khấu, tin cho người xem biết. Ai cũng tưởng anh ta đùa, cứ vỗ tay. Anh ta lại nói rạp hát cháy thật rồi. Nhưng người ta càng cười phá lên, càng vỗ tay mạnh. Tôi nghĩ, đời người sẽ kết thúc giữa tiếng hoan hô của những kẻ tưởng là đùa cho vui*".

Nhưng tôi thấy thú vị không phải chỉ là vì đoạn văn đó, mà nhân đoạn văn đó, lại nghĩ đến mánh khóe của đứa nịnh hót. Đứa nịnh hót, khi chủ bận thì giúp một tay, *khi chủ làm những điều tai ác thì tất nhiên cũng giúp làm điều ác. Nhưng phương pháp của hắn là không để lại vết máu và mùi tanh trong cái án máu đó.*

Thí dụ, có một việc rất quan trọng, ai cũng cảm thấy quan trọng cả, nhưng hắn xuất hiện với tư cách một anh hề, làm cho việc đó trở thành buồn cười, hoặc giả hắn đặc biệt làm nổi bật điểm không quan trọng, làm cho người ta không chú ý nữa, tức cái gọi là "nói khôi hài". Nếu là giết người, hắn sẽ kể lại tình hình lúc bấy giờ, sự cố gắng của nhà trinh thám ; người chết là một phụ nữ càng hay, hắn sẽ gọi là "diễm thi" (thi thể xinh đẹp) hoặc giới thiệu nhật ký của chị ta. Nếu là một vụ ám sát, hắn sẽ kể lại chuyện người bị hại khi còn sống, yêu ai, có những tiếng hay gì... Nhiệt tình của người ta vốn không phải vĩnh viễn không phai nhạt, nhưng thêm vào một ít nước lạnh, hoặc gọi là *"thanh trà"* cho đẹp, tất nhiên càng phai nhạt nhanh hơn, và cái vai trò nói khôi hài lại biến thành một nhà văn học.

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo*, ngày 5 tháng 9 năm 1933.

(1) S.A. Kierkegaard (1813 - 1855) : nhà triết học và nhà tâm lý học người Đan Mạch.

Thí dụ có một người nào đó nghiêm trang cảnh cáo, lời cảnh cáo ấy tất nhiên có hại cho tên hung thủ, nếu như mọi người chưa đến nỗi tê liệt, chết cứng. Nhưng lúc đó, hắn lại hiện ra với tư cách một anh hề, vẫn dùng những lời khôi hài, đứng ngoài giả vờ nhăn mày nhăn mặt, làm cho người cảnh cáo cũng trở thành một anh hề trong mắt mọi người, làm cho lời cảnh cáo của người đó trở thành một câu nói đùa trong tai người nghe. Hắn xo vai giả vờ nghèo khổ để tỏ rằng đối phương giàu sang, cúi người than thở để tỏ rằng đối phương ngạo mạn, làm cho mọi người nghĩ bụng : người cảnh cáo đó vốn cũng là giả dối. May mà bọn nịnh hót phần lớn là đàn ông, nếu không thì hắn sẽ nói người cảnh cáo đó trêu chọc hắn như thế nào, nói những lời dâm ô trước mặt mọi người, sau đó chưa biết chừng hắn lại tự sát để khỏi nhục. Xung quanh có làm loạn, dù mình nói một cách nghiêm túc như thế nào, cũng mất hết cả sức mạnh, và những việc không lợi cho tên hung thủ sẽ kết thúc trong mối ngờ vực và trong tiếng cười. Còn hắn ? Lúc đó, hắn lại trở thành một nhà đạo đức.

Lúc không có chuyện như thế, thì bảy ngày một bài báo, mười ngày một buổi nói chuyện, thu nhặt đồ rác rưởi, nhồi nhét vào óc người đọc, xem sáu tháng một năm, thì óc đầy những điển cố, như là ông nọ đánh bài như thế nào, ngôi sao màn ảnh nọ hắt hơi như thế nào. Vui thì tất nhiên là vui, nhưng đời người sẽ cũng kết thúc giữa tiếng hoan hô của những người thích đùa cợt đó.

28 tháng 8

(Tập ***Cho bàn gió trăng***)

89. VÌ ĐIẾC MÀ CÂM*

LẠC VĂN

Các bác sĩ cho chúng ta biết : có nhiều người câm không phải vì họng, lưỡi không nói được, mà chỉ vì tai điếc từ bé, không nghe được người lớn nói, nên không có cách nào dạy bảo, thế là cho ai cũng chỉ há miệng ra ú ớ, rồi tất nhiên cũng đành ú ớ vậy. Cho nên Blanski(1) than thở văn học Đan Mạch suy đồi, có nói : "Sáng tác văn học tựa hồ hoàn toàn chết hẳn. Bất cứ vấn đề gì của con người hay của xã hội đều không thể gây cảm hứng được nữa, hoặc là trừ tin tức và tạp chí ra, tuyệt không thể gây được một cuộc tranh luận nào. Chúng ta không thấy những sáng tác độc đáo, mãnh liệt. Thêm vào đó, bây giờ tựa hồ tuyệt đối không ai chú ý đến những việc mà ở ngoại quốc được đưa vào đời sống tinh thần. Thế là "điếc" về tinh thần, và kết quả, là "câm". *(Trào lưu chính của văn học thế kỷ XIX*, Tựa Quyển I).

Mấy câu đó, có thể dùng để phê bình giới văn nghệ Trung Quốc. Hiện tượng này không có thể hoàn toàn đổ tội cho sự áp bức của kẻ áp bức, những người tham gia phong trào khải mông thời vận động Ngũ Tứ và những người phản đối sau đó đều phải chia nhau mà chịu trách nhiệm. Những người trước thì lo gây thành tích, chẳng chịu dịch sách gì có giá trị, những người sau thì giận cá bầm thớt, đến nỗi chửi người dịch sách là mụ mối. Một số thanh niên lại làm cho cơn sóng gió to thêm, có một thời kỳ, đến nỗi chú thích nguyên văn tên người, tên đất để tiện cho độc giả tham khảo, cũng bị cười là "khoe mình biết nhiều".

Nay thì như thế nào ? Những hàng sách bày ra ở các ngã tư đường phố không phải là ít, nhưng ở đấy, toàn là những cuốn sách mỏng dính chất đầy tủ, muốn tìm một bộ sách lớn, thì khó như bới cát tìm vàng. Tất nhiên, vừa

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo* ngày 8 tháng 9 năm 1993.

(1) Không biết ai, đành phiên âm.

cao vừa béo không phải là vĩ nhân, viết nhiều nhưng phiền phức, cũng quyết không phải là sách hay, huống chi lại còn "cắt dán"[1]. Nhưng một bản "ABC gì gì"[2] tí xíu quyết không thể bao gồm được mọi học thuật văn nghệ. Một dòng nước đục cố nhiên không sạch, không trong bằng một chén nước trong, nhưng nếu lọc, nấu một dòng nước đục thì lại được bao nhiêu chén nước trong.

Bởi vì bao nhiêu năm làm ăn kiểu buôn bán bọt mép, kết quả văn giới trở thành hoang vắng, thê lương, hình thức văn chương tuy có chỉnh tề, nhưng tinh thần chiến đấu thì lại không tiến bộ gì hơn trước. Các nhà văn, mặc dù bỏ tiền ra mua, hoặc tâng bốc lẫn nhau, nổi tiếng rất chóng, nhưng vì ra sức thổi, cho nên cái vỏ thì phình ra, mà bên trong càng rỗng tuếch. Thế rồi tưởng nhầm cái trống rỗng đó là hiu quạnh, và nói với người đọc như là một chuyện hết sức quan trọng ; tệ hơn nữa, đến nỗi còn phơi bày cái ruột thối nát của họ ra, cho đó là của quý bên trong. Trong vườn văn, văn xuôi có thể gọi là thành công, nhưng thử xem các bản tuyển tập năm nay, ngay ba tập đầu, cũng làm cho người ta có cảm giác "thiếu lông công đành chắp lông gà"[3]. Dùng trấu, cám nuôi dưỡng thanh niên, thanh niên quyết không thể lớn mạnh lên được, thành tựu tương lai sẽ càng nhỏ bé hơn, hình thù như thế nào, có thể xem con người "mạt nhân" mà Nitsơ miêu tả[4].

Nhưng giới thiệu trào lưu tư tưởng nước ngoài, dịch tác phẩm nổi tiếng của thế giới, phàm những con đường vận chuyển thức ăn tinh thần, bây giờ tựa hồ đều bị bọn chế tạo người câm – điếc chẹn mất cả rồi ; ngay những tên tay sai của người Tây, bọn đày tớ nhà phú hộ cũng có thể cười nhạt, khinh bỉ. Chúng muốn bưng bít tai thanh niên lại, khiến cho họ điếc rồi câm, khô cằn lại, thành "mạt nhân" ; chúng chưa làm cho người ta chỉ rặt xem thứ sách ô uế, khiêu dâm bọn nhà giàu và bọn lưu manh bán, thì chưa chịu thôi. Đã đến lúc không thể nào trì hoãn được nữa mà phải phấn đấu cho nhà văn và cho người dịch cam chịu làm đất bùn, như thế tức là đem một ít món ăn tinh thần thiết thực, bày xung quanh thanh niên, một mặt thì đẩy những bọn chế tạo người câm – điếc lùi vào trong ngõ hẻm và trong cửa son đi.

29 tháng 8

(Tập ***Cho bàn gió trăng***)

---

(1) Ý nói : lấy văn của người khác làm của mình.

(2) Hồi bấy giờ ở Thượng Hải hay xuất bản những loại sách gọi là *ABC tùng thư*, toàn là sách nhập môn.

(3) Ý nói : bài hay không có phải đem bài dở vào.

(4) *Mạt nhân* (Der Letzte mensch) : Xem lời tựa cuốn *Zarathoustra nói như vậy*, ý nói một người tầm thường, không có sáng tạo, không có hy vọng, một mẫu người thu gọn lại.

90. NHÀ PHÊ BÌNH CỦA NHÀ PHÊ BÌNH*

NGHÊ SÓC NHÍ

Tình thế thay đổi nhanh thật. Năm ngoái trở về trước, nhà phê bình và nhà không phê bình đều phê bình văn học, tất nhiên, phần nhiều bất mãn, nhưng cũng có người khen. Năm ngoái lại nay, thì nhà văn học và nhà không văn học đều vùng lên, quay sang phê bình nhà phê bình.

Lần này không mấy ai khen, những người triệt để nhất thì không thừa nhận mấy lâu nay có những nhà phê bình thật sự. Dù có thừa nhận, cũng cười họ hổ đồ. Tại sao thế ? Tại thường thường họ dùng một cái vòng nhất định tròng vào tác phẩm, hợp thì cho là hay, không hợp thì cho là dở.

Nhưng trên lịch sử phê bình văn nghệ, chúng ta đã thấy nhà phê bình nào không có vòng nhất định chưa ? Đều có cả, hoặc giả là vòng mỹ thuật, hoặc giả là vòng chân thật, hoặc giả là vòng tiến tiến. Nhà phê bình không có vòng nhất định, cái đó mới lạ lùng. Ra một tờ tạp chí, có thể tuyên bố không có vòng nhất định, nhưng thực ra đó chính là một cái vòng, đó chính là cái khăn ảo thuật tiện cho việc che mắt. Thí dụ, một nhà biên tập là người theo chủ nghĩa duy mỹ ; ông ta rất có thể tự cho rằng mình không có định kiến, nhưng trong việc bình luận sách vở, ông ta đủ để làm trò rồi. Nếu là một tác phẩm "nghệ thuật vị nghệ thuật", hợp với ý riêng, thì ông ta chọn đăng một bài tán thành cái thứ chủ nghĩa ấy, hoặc một bài cảm tưởng sau khi đọc, tâng bốc lên mây ; nếu không phải thế, thì dùng bài của một nhà phê bình cấp tiến giả, giống như cách mạng lắm, giày đạp xuống đất đen. Thế là làm cho độc giả mờ mắt. Nhưng một người, nếu còn có ít trí nhớ, thì không thể hai mặt như thế được, mà phải có một cái vòng nhất định. Chúng ta không thể trách họ có vòng, chúng ta chỉ có thể phê bình cái vòng của họ đúng hay sai.

---

* Bài này đăng lần đầu ở mục *Nói tự do* tờ *Thân báo*, ngày 21 tháng 1 năm 1934.

Nhưng nhà phê bình của nhà phê bình có thể dẫn điển tích Trương Hiến Trung thi tú tài[1]. Trước hết, giăng một sợi dây thừng giữa hai cái cọc, bắt thí sinh chui qua, ai cao quá thì giết, ai thấp quá cũng giết, thế là giết sạch anh tài đất Thục. So sánh như thế, thì nhà phê bình có định kiến sẽ cũng như Trương Hiến Trung, quả có thể làm cho độc giả tức giận anh ách. Nhưng cái vòng phê bình văn chương có phải là sợi dây đo người hay không ? Bàn luận văn chương hợp hay không hợp, có phải là do người cao thấp hay không ? Đưa thí dụ đó ra là vu cáo hãm hại, càng không phải là phê bình gì cả.

17 tháng 1

(Tập ***Văn học viển hoa***)

(1) Xem *Thục bích* của Bành Tuân Tứ đời Thanh, kể chuyện Trương Hiến Trung cho lấy một sợi thừng giăng cách mặt đất bốn thước (bằng 1^m20), thí sinh đứng theo thứ tự, ai cao quá sợi dây thì đem ra Tây môn chém ; có đến vạn người chết, mực nghiên tích thành núi.

91. ĐỌC SÁCH GHI LINH TINH*

YÊN VŨ

M. Gorki rất phục Bandăc cái tài viết đối thoại trong tiểu thuyết của Bandăc, cho rằng dù không miêu tả hình dáng nhân vật, vẫn có thể khiến người đọc xem đối thoại mà như được tận mắt thấy những người kia đang nói chuyện. *(Tôi tu dưỡng về văn học*, trong báo *Văn học*, số tháng 8).

Trung Quốc chưa có nhà tiểu thuyết nào tài như thế, nhưng trong *Thủy hử* và *Hồng lâu mộng* có một vài chỗ cũng làm cho người đọc do lời nói mà thấy được con người. Thật ra, điều đó cũng không phải chuyện gì lạ lùng lắm. Những người ở những căn nhà nhỏ thuê trong các ngõ hẻm Thượng Hải thường có thể thể nghiệm được. Không nhất thiết họ đã gặp mặt những người ở xung quanh, nhưng họ chỉ cách nhau một tầng ván mỏng, nên khi người nhà hoặc khách khứa nhà nọ nói chuyện với nhau, nhất là khi nói to, thì nhà kia có thể nghe được, lâu ngày, họ biết nhà nào có những người nào, và mường tượng thấy những người đó là người như thế nào.

Tôi nghĩ, nếu bỏ bớt những điểm không cần thiết, chỉ chọn lấy những câu nói đặc sắc của mỗi người, thì có thể làm cho người khác, qua những câu nói đó, tưởng tượng thấy được người nói chuyện. Nhưng tôi không nói : như thế là thành Bandăc Trung Quốc rồi.

Khi tác giả dùng đối thoại biểu hiện nhân vật, có lẽ trong trí tưởng tượng tác giả có hình dáng nhân vật đó, thế rồi truyền cho người đọc, khiến hình dáng nhân vật đó cũng hiện lên trong óc tưởng tượng người đọc. Nhưng nhân vật người đọc tưởng tượng không nhất thiết giống nhân vật tác giả tưởng tượng. Các ông già mảnh khảnh có tí râu mép của Bandăc, khi sang đầu óc Gorki có thể biến thành một người to cao, thô kệch, râu quai nón. Có điều, tính cách, cử chỉ, lời ăn tiếng nói nhất định có chỗ giống nhau, đại

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo* ngày 8 tháng 8 năm 1934.

thể không khác mấy, cũng giống như tiếng Pháp dịch ra tiếng Nga. Nếu không phải thế thì văn học sẽ không có tính chất phổ biến.

Văn học tuy có tính chất phổ biến, nhưng vì sự thể nghiệm của người đọc khác đi, do đó có thay đổi, nếu người đọc không có một sự thể nghiệm tương tự, thì văn học sẽ mất hiệu lực. Thí dụ, chúng ta xem *Hồng lâu mộng*. Qua văn chương, chúng ta tưởng tượng ra con người Lâm Đại Ngọc, nhưng phải gạt đừng cho bức ảnh "Đại Ngọc chôn hoa" của bác sĩ Mai[1] vào trong đầu óc trước, cứ tưởng một Lâm Đại Ngọc khác, như thế e có thể tưởng tượng ra một cô gái tân thời, lặng lẽ, mảnh khảnh, cắt tóc ngắn, mặc hàng Bom Bay, hoặc tưởng tượng ra một hình dáng nào khác, tôi không thể đoán được. Có điều thử đem so sánh với những bức vẽ trong sách *Hồng lâu mộng đồ vịnh*[2] xuất bản ba bốn mươi năm trước chẳng hạn, thì nhất định không giống chút nào ; những bức vẽ trong đó là Lâm Đại Ngọc theo óc tưởng tượng người đọc thời bấy giờ.

Văn học có tính chất phổ biến, nhưng có giới hạn ; cũng có văn học vĩnh cửu, nhưng do sự thể nghiệm xã hội của người đọc mà có thay đổi. Tôi cho rằng người Eskimô ở Bắc cực và người da đen ở giữa châu Phi, không thể hiểu được "điển hình Lâm Đại Ngọc" ; mà người trong một xã hội tốt, lành mạnh và hợp lý cũng sẽ không thể hiểu được. Họ càng thấy lạ lùng hơn là chúng ta nghe nói chuyện Thủy Hoàng đốt sách, Hoàng Sào giết người. Có thay đổi là không vĩnh cửu rồi, nói rằng chỉ văn học mới có tiên cốt là nằm chiêm bao nói mơ.

5 tháng 8

(Tập ***Văn học viên hoa***)

---

(1) *Mai* : tức Mai Lan Phương, nhà đóng kịch có tiếng của Trung Quốc.

(2) *Hồng lâu mộng đồ vịnh* : những bức vẽ các nhân vật trong *Hồng lâu mộng* do Vương Văn Giới vẽ, cả thảy 12 bức, mặt sau có đề thơ, xuất bản năm 1882. Có một cuốn *Hồng lâu mộng đồ vịnh* khác là của Cải Kì, gồm 48 bức, cũng có đề thơ.

92. ĐỌC SÁCH GHI LINH TINH (III)*

YÊN VU

Đại để nhà sáng tác ghét nhà phê bình mồm năm miệng mười.

Nhớ có một nhà thơ nói như thế này : nhà thơ phải làm thơ, như cây cối phải nở hoa, vì không nở hoa không được. Nếu anh ngắt hoa ăn mà trúng độc, thì đó là lỗi của anh.

So sánh rất hay, và cũng hình như có lý. Nhưng nghĩ lại, cũng thấy sai. Sai ở chỗ nhà thơ, nói cho cùng, không phải là một gốc cây, mà vẫn là một người trong xã hội ; huống chi thơ in ra bán lấy tiền, chứ có phải là hái không được đâu. Đã bán lấy tiền, tức là hàng hóa rồi, người mua có quyền khen chê.

Dù là hoa thật đi nữa, nếu không phải nở ở chỗ thâm sơn cùng cốc, nơi không có dấu chân người, mà lại có chất độc, thì người coi vườn phải có biện pháp. Sự thực của hoa không phải như nhà thơ ảo tưởng.

Nhưng bây giờ thì lại đổi cách nói, ngay những người không phải là tác giả cũng ghét nhà phê bình, trong bọn họ có kẻ nói : anh nói được như thế thì anh cứ thử làm đi xem nào !

Thật làm cho nhà phê bình ôm đầu bỏ chạy, bởi vì xưa nay rất ít nhà phê bình lại có thể sáng tác được.

Tôi nghĩ, quan hệ giữa nhà sáng tác và nhà phê bình có giống như người làm bếp và khách ăn. Người làm bếp làm ra món ăn, khách ăn thì muốn có ý kiến, hoặc khen, hoặc chê. Người làm bếp nếu thấy không công bình, thì có thể xem xem khách có bị bệnh thần kinh hay không, hay là lưỡi đắng, hay là có hiềm thù gì trước, hay là định ăn quỵt. Hoặc giả khách là người

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo* ngày 23 tháng 8 năm 1934. Trước đề là *Nhà phê bình và nhà sáng tác.*

Quảng Đông, muốn ăn thịt rắn, hay là người Tứ Xuyên còn đòi thêm tiêu ớt. Thế thì phải giải thích hoặc kháng nghị – tất nhiên im lặng, không nói gì cũng được. Nhưng nếu người làm bếp nói với khách "Thế thì anh đi làm một đĩa đưa tôi ăn xem sao nào ?". Như thế không khỏi hơi buồn cười.

Quả thật, bốn năm năm trước, người cầm bút cho rằng làm nhà phê bình thì có thể chiếm một chỗ ngồi cao trên văn đàn, cho nên không ít kẻ trở thành một nhà phê bình trong một thời gian ngắn, hoặc phê bình tầm bậy ; nhưng muốn sửa lại thói đó, thì phải phê bình lại phê bình, chứ chỉ lấy bùn tô vào cái tên nhà phê bình thì không phải là biện pháp tốt. Có điều giới trí thức chúng ta, phần lớn thích hòa bình, thấy bút chiến thì nói nào là "văn đàn bi quan", "nhà văn khinh nhau", thậm chí không cần biết ai đúng ai sai, cứ nói trùm lớp là "chửi nhau", cho rằng "nát bét như nhau cả". Quả nhiên, bây giờ không nghe nói ai là nhà phê bình nữa. Nhưng văn đàn thì vẫn như trước, có điều nó không lộ ra mà thôi.

Văn nghệ cần phải có phê bình, nếu phê bình không đúng thì phải lấy phê bình mà đấu tranh, như thế mới có thể làm cho văn nghệ và phê bình cùng tiến bộ. Nếu nhất luật bưng miệng lại, cho văn đàn đã sạch sẽ rồi, thì kết quả thu được sẽ ngược lại.

22 tháng 8

(Tập ***Văn học viển hoa***)

93. TRẢ LỜI CÂU HỎI CỦA BÁO *VĂN HỌC QUỐC TẾ*[*]

Hỏi :

1. Sự tồn tại và thành công của Liên Xô có ảnh hưởng như thế nào đến ông ? (Cuộc Cách mạng tháng Mười thành lập Xô viết đối với đường lối tư tưởng và tính chất sáng tác của ông có thay đổi gì không ?)

2. Ý kiến của ông đối với văn học Xô viết như thế nào ?

3. Có những việc gì và những biện pháp gì về mặt văn hóa ở các nước tư bản chủ nghĩa làm cho ông đặc biệt chú ý ?

1. Trước kia, tôi thấy xã hội cũ mục nát, tôi mong mỏi có một xã hội mới, nhưng không biết "xã hội mới" đó phải như thế nào, và cũng không biết sau khi thành lập "xã hội mới", có nhất định tốt không ? Sau cuộc Cách mạng tháng Mười, tôi mới biết kẻ sáng tạo ra xã hội đó là giai cấp vô sản, nhưng bởi vì các nước tư bản chủ nghĩa phản tuyên truyền, cho nên đối với Cách mạng tháng Mười, tôi còn hơi lãnh đạm và hoài nghi. Hiện nay sự tồn tại và thành công của Liên Xô làm cho tôi tin chắc rằng xã hội không giai cấp nhất định sẽ xuất hiện. Không những nó đánh tan sự hoài nghi của tôi mà còn làm tăng thêm lòng dũng cảm của tôi rất nhiều. Có điều về mặt sáng tác, thì bởi vì tôi không ở chỗ luồng nước xoáy của Cách mạng, vả lại lâu nay không đi đến các nơi xem xét được, cho nên đại khái tôi vẫn chỉ có thể vạch trần những chỗ xấu xa của xã hội cũ mà thôi.

---

* Bài này đăng ở số báo nào chưa rõ. *Văn học quốc tế* là tạp chí của Liên minh nhà văn cách mạng quốc tế, xuất bản bằng bốn thứ tiếng Anh, Nga, Đức, Pháp. Tạp chí này, trước lấy tên là *Văn học cách mạng thế giới*, từ năm 1932 mới đổi là *Văn học quốc tế*.

2. Tôi chỉ xem được những bản dịch của mấy nước, Đức, Nhật Bản. Tôi thấy những tác phẩm nói chuyện kiến thiết hiện nay, hoặc những tác phẩm nói chuyện chiến đấu trước kia, như *Đoàn xe thiết giáp, Chiến bại, Suối thép* v.v..., đối với tôi, có hứng thú và lại có ích nữa. Tôi xem văn học Xô viết, phần lớn là vì muốn giới thiệu với Trung Quốc, mà Trung Quốc thì hiện nay càng cần những tác phẩm chiến đấu.

3. Tôi ở Trung Quốc, không thể thấy được cái gọi là "văn hóa" của các nước tư bản chủ nghĩa. Tôi chỉ biết ở Trung Quốc, họ và bọn đầy tớ của họ đang dùng các phương pháp của cơ học và hóa học, cả những máy điện để tra tấn người cách mạng. Họ còn dùng máy bay và bom đạn giết quần chúng cách mạng.

(Tạp ***Thế giới đinh***)

94. CHỦ NGHĨA MANG VỀ*

Xưa nay, Trung Quốc theo cái gọi là "chủ nghĩa đóng cửa", mình không đi đâu cả, nhưng cũng không cho người khác đến. Từ ngày súng đạn phá hỏng cánh cổng đi rồi, thì cứ xúi quẩy liên tiếp, cho đến nay thành ra cái gì cũng là "chủ nghĩa mang đi". Hãy không nói đến việc khác, riêng về văn học nghệ thuật, gần đây thì mang một lô đồ cổ sang Pari triển lãm, nhưng cuối cùng "không biết sau đó thì thế nào ?". Lại còn có mấy vị "đại sư" cũng mang mấy bức cổ họa và tân họa, đi các nước châu Âu, dọc đường treo khắp, nói là "làm rạng rỡ Tổ quốc". Nghe nói nay mai sẽ đưa bác sĩ Mai Lan Phương sang Liên Xô, để đẩy mạnh "chủ nghĩa tượng trưng" ; từ đây về sau sang Âu châu truyền đạo thì rất thuận tiện. Ở đây tôi không định bàn xem cách diễn xuất của bác sĩ Mai Lan Phương có quan hệ gì với "chủ nghĩa tượng trưng"[1] hay không, tóm lại, tôi dám nói, người sống mà thay thế đồ cổ, thì cũng có thể cho là đã tỏ ra có tiến bộ một chút.

Nhưng chúng tôi không có ai căn cứ vào nghi tiết "lễ thượng vãng lai"[2] mà nói : Mang về !

Tất nhiên, nếu có thể chỉ mang đi, cũng không phải là một chuyện xấu, một là thấy được ta phong phú, hai là thấy được ta rộng rãi. Nitsơ nói khoác rằng ông ta là mặt trời, nóng vô cùng, chỉ cho đi, chứ không nghĩ đến chuyện

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Động hướng* tờ *Trung Hoa nhật báo*, ngày 7 tháng 6 năm 1934.

(1) Tờ *Đại văn báo* ngày 28 tháng 5 năm 1934 có đăng tin sau : Các nhà họa sĩ danh tiếng của nước ta, Lưu Hải Mễ, Từ Bi Hồng gần đây có mở một cuộc triển lãm sách và tranh ở Mạc Tư Khoa, được nhân sĩ nước đó rất tán thưởng, cho là rất thích hợp với chủ nghĩa tượng trưng đang thịnh hành ở Liên Xô. Giới nghệ thuật Liên Xô trước nay chia ra hai phái, *tả thực* và *tượng trưng*. Hiện nay chủ nghĩa tả thực đã tàn tạ rồi, mà chủ nghĩa tượng trưng thì được mọi người hoan nghênh nhiệt liệt. Các nhà nghệ sĩ nước đó thấy tranh và sách của ta rất hợp với phái chủ nghĩa tượng trưng, mới nhớ rằng kịch bên Trung Quốc cũng theo chủ nghĩa tượng trưng, cho nên... mời diễn viên danh tiếng của Trung Quốc là Mai Lan Phương sang diễn...".

(2) "Lễ trọng chuyện có đi có lại".

lấy lại. Nhưng cuối cùng Nitsơ không phải là mặt trời, ông ta phát điên. Trung Quốc cũng không phải là than đào dưới đất lên có thể đủ dùng cho toàn thế giới mấy trăm năm thì sao ? Sau mấy trăm năm, tất nhiên chúng ta sẽ thành linh hồn, hoặc lên thiên đường, hoặc xuống địa ngục, nhưng con cháu chúng ta thì còn đấy, cho nên còn phải để lại cho chúng nó một ít lễ phẩm chứ. Nếu không, gặp những lúc tết nhất, chúng nó sẽ không tìm ra cái gì cả, đành phải cúi đầu chúc mừng để được thưởng lại chút cơm thừa canh cặn.

Vật "thưởng" đó không nên hiểu lầm là "quăng lại" mà "quăng cho", nói cho đường hoàng một tí, có thể nói là "mang đến", ở đây tôi không muốn nêu thí dụ[1].

Ở đây tôi cũng không muốn nói gì thêm về chuyện "mang đi", nếu không sẽ không "môđec" chút nào. Tôi chỉ muốn khuyến khích chúng ta nên hà tiện một chút, ngoài việc "mang đi" còn phải "mang về", là vì chủ nghĩa "mang về".

Nhưng chúng ta bị những cái "mang đến" làm cho khiếp sợ. Trước có thuốc phiện của Anh, súng hỏng của Đức, sau có phấn sáp của Pháp, điện ảnh của Mỹ, và các thứ lặt vặt in dấu "hoàn toàn quốc hóa" của Nhật. Thế là ngay những bạn thanh niên đầu óc tỉnh táo cũng đâm ra sợ hãi hàng ngoại. Thực ra, chính vì đó là đồ "mang đến", chứ không phải là đồ "mang về".

Cho nên, chúng ta phải vận dụng não tủy, mở mắt ra cho sáng, tự mình mang về !

Nói thí dụ, một thanh niên nghèo trong chúng ta, nhờ âm đức của tổ tiên (tạm cho tôi nói như thế) mà được một ngôi nhà lớn, hãy chưa nói anh ta lừa được, cướp được, hay kế thừa hợp pháp, hoặc giả làm rể mà có. Thế thì, làm thế nào ? Tôi nghĩ trước tiên, bất kể ba bảy hăm mốt, cứ "mang về" đã ! Nhưng nếu phản đối chủ cũ ngôi nhà đó, sợ bị bẩn lây, cứ loanh quanh không dám bước vào cửa, như thế là hèn ; bỗng nổi giận, phóng lửa đốt sạch, gọi là bảo vệ danh dự, như thế là dốt. Có điều vì hâm mộ người chủ cũ, mà cái gì cũng tiếp thu cả, hớn hở mò vào phòng ngủ, ra sức hút cho hết chỗ thuốc phiện còn lại, tất nhiên như thế càng hỏng. "Chủ nghĩa mang về" không phải như vậy.

---

(1) Ám chỉ việc Mỹ chở bông và bột mì cho Trung Quốc năm 1933. Chính phủ Quốc dân đảng để tiến hành cuộc chiến tranh chống nhân dân, đã sai Tống Tử Văn sang Mỹ ký hiệp ước vay bông và bột mì, bằng số tiền 30 triệu Mỹ kim.

Anh ta chiếm lấy, lựa chọn. Thấy vây cá, thì không quăng ra đường để tỏ mình "bình dân", nếu là đồ ăn được, cũng sẽ cùng bạn bè ăn, như ăn củ cải, ăn rau, chỉ không dùng để thết khách sang mà thôi ; thấy thuốc phiện, cũng không quăng vào hố xí trước mặt mọi người, để tỏ mình triệt để cách mạng, mà đem về phòng bào chế thuốc chữa bệnh, nhưng không làm cái trò giả dối "còn bao nhiêu đem bán, bán hết thì thôi". Chỉ có hai cái dọc tẩu và bàn đèn, mặc dù kiểu khác với Ấn Độ, Ba Tư, Ả Rập, có thể cho là quốc túy được, nếu mang đi chu du thế giới, nhất định sẽ có người xem, nhưng tôi nghĩ, trừ một ít đem vào để nhà bác cổ, còn thì có thể phá hủy quách đi. Lại có một bầy dì hai, cũng có thể mời các bà mỗi người mỗi ngả cho, nếu không thì "chủ nghĩa mang về" sợ không khỏi hơi nguy hiểm.

Tóm lại, chúng ta cần phải mang về. Chúng ta phải hoặc sử dụng, hoặc giữ lại, thả ra, hoặc phá hủy đi. Thế thì, chủ nhân là chủ nhân mới, nhà cũng biến thành nhà mới. Nhưng trước hết, người đó phải bình tĩnh, dũng cảm, biết phân biệt, không tự tư. Không mang về thì người ta không thể thành người mới được, không mang về, thì nghệ thuật không thể thành nghệ thuật mới được.

4 tháng 6

(Tập ***Thả giới đình***)

95. TRẢ LỜI THƯ CỦA ÔNG CHỦ BÚT TUẦN BÁO *KỊCH*[*]

Kính gửi ông Lỗ Tấn,

Màn đầu vở ***AQ*** *đã đăng trọn, tuy chưa có thể đưa lên sân khấu diễn thử ngay được, nhưng chúng tôi sẽ bắt đầu công tác chuẩn bị. Chúng tôi mong ông cho biết trước một số ý kiến khi màn đầu vừa đăng hết, như thế một mặt có thể phần nào giúp cho chúng tôi trong việc chuẩn bị diễn xuất, một mặt khi kế hoạch tùng thư của bản báo thực hiện thì có thể đem in ý kiến của ông làm lời* Tựa *cho vở* ***AQ****. Đó là yêu cầu của tòa soạn đồng thời cũng là yêu cầu của tác giả, của độc giả và của các đồng chí diễn viên.*

Kính chúc ông mạnh khỏe.

CHỦ BÚT

Thưa ông,

Bức thư bỏ ngỏ gửi cho tôi đăng trên tuần báo *Kịch*, tôi đã xem từ trước ; sau lại nhận được một số báo do nhà Bưu điện gửi đến, tôi biết như thế có lẽ là thúc tôi trả lời. Tôi không hề nghiên cứu về kịch, câu trả lời đáng tin cậy nhất của tôi là không nói gì hết. Nhưng nếu ông và các bạn đọc chịu hiểu trước cho rằng, tôi chỉ là người không chuyên môn, tùy tiện bàn chơi, thì tất nhiên tôi cũng không ngại nói một vài ý kiến riêng.

Vở ***AQ*** mỗi số báo chỉ đăng được một đoạn ngắn, lại cách nhau những sáu ngày, nên tôi cứ phải xem một cách chắp nối và cũng lần lượt quên mất.

---

* Bài này đăng lần đầu trên tuần báo *Kịch* ngày 25 tháng 11 năm 1934. *Kịch* là một tờ phụ trương của *Trung Hoa nhật báo*, chủ bút là Viên Mai (Viên Mục Chi). Vở kịch ***AQ chính truyện*** là do Viên Mai soạn.

Bây giờ ngồi nghĩ lại, chỉ nhớ khi kết cấu vở kịch, tác giả đã đem một số nhân vật khác trong ***Gào thét*** vào đấy, để làm rõ bộ mặt của làng Mùi hoặc của Lỗ Tấn ; phương pháp đó rất hay. Nhưng tiếng Thiệu Hưng mà AQ nói, có nhiều chỗ tôi xem không hiểu.

Mấy câu tôi định nói bây giờ gồm hai điểm :

1. Làng Mùi ở đâu ? Người soạn vở ***AQ*** đã quyết định là ở Thiệu Hưng. Tôi là người Thiệu Hưng, bối cảnh được tả lại phần lớn là Thiệu Hưng, đối với quyết định trên, có lẽ ai cũng đồng ý. Nhưng trong các truyện của tôi, rất ít chỗ tôi chỉ rõ nơi nào. Người Trung Quốc tựa hồ đều yêu quê hương mình và cười những nhân vật anh hùng các nơi khác. AQ cũng có cái tính ấy. Hồi bấy giờ tôi nghĩ, giả thử viết một cuốn tiểu thuyết bộc lộ hiện thực mà chỉ rõ chuyện xảy ra ở nơi nào, thì người ở nơi đó sẽ giận đến mức không đội trời chung, còn người không phải ở nơi đó thì lại chẳng khác nào cách sông nhìn cháy. Cả hai bên đều không ai tự xét mình, một bên thì nghiến răng, nghiến lợi, một bên thì lại thờ ơ, không những tác phẩm mất hết ý nghĩa và tác dụng, lại còn vì thế mà xảy ra nhiều chuyện vô vị, cãi vã nhau không đi đến đâu cả. *Chuyện phiếm về Dương Châu*[1] là một thí dụ gần đây nhất. Để chữa bệnh, trên đơn thuốc kê nhân sâm, không biết cách uống, người phù lên, phải ăn củ cải để giải đi mới gầy lại được, đã mất tiền mua nhân sâm lại mất cả tiền mua củ cải mà không được việc gì cả. Tên người cũng thế, xưa nay những người hay đưa tin về văn đàn, thường cho rằng có một số tiểu thuyết căn bản là để báo thù riêng, cho nên nhất định cứ muốn xuyên tạc nói rằng nhân vật nào đó trong sách chính là người nào đó trong thực tế. Để cho các nhà học giả tài tử đó khỏi phí tâm tư, thêm hành thêm tỏi một cách vô ích, tôi gọi là Cụ cố họ Triệu, Cụ cố họ Tiền. Đó là hai chữ đầu cuốn *Bách gia tính*. Còn như họ của AQ, thì chẳng ai biết rõ cả. Ấy thế mà hồi đó cũng có lời ra tiếng vào. Còn thứ bậc nữa, vì tôi là anh cả, dưới còn có hai người em, để phòng lưỡi độc của những người hay bịa đặt, những nhân vật xấu trong tác phẩm tôi, không có ai không phải là anh cả, hoặc là em tư, em năm.

Trên đây là nỗi khổ tâm của tôi như thế. Chẳng phải vì tôi sợ mất lòng ai, mục đích là để loại trừ mọi thứ tác dụng phụ, vô ích, để cho ảnh hưởng

---

(1) *Chuyện phiếm về Dương Châu* là một cuốn tạp ký về Dương Châu của Dị Quân Tả xuất bản năm 1934, miêu tả cách sống của người Dương Châu, làm cho một số người Dương Châu bất mãn, kiện tác giả, bảo là tác giả vu cáo và đòi cách chức ông ta. (Hồi đó Quân Tả làm việc ở Sở Giáo dục tỉnh Giang Tô). Do đó, *Chuyện phiếm về Dương Châu* bị cấm.

của tác phẩm có thể tập trung hơn, mạnh mẽ hơn. Gôgôn viết *Quan thanh tra* bắt diễn viên trực tiếp nói với khán giả : *"Các ngài cười các ngài đấy !"* (Rất lạ là bản dịch Trung Quốc lại bỏ câu nói hết sức quan trọng đó đi !). Phương pháp của tôi là làm cho người đọc không thể tìm ra người tôi miêu tả là ai, ngoài bản thân mình, để trút trách nhiệm, biến thành kẻ bàng quan ; mà nghi là đang miêu tả bản thân mình, lại giống như miêu tả tất cả mọi người, do đó mở đường cho việc tự xét lại mình. Nhưng tôi thấy các nhà phê bình trước nay, không ai chú ý đến điểm đó cả. Bây giờ, người soạn kịch lại cho nhân vật chính AQ nói tiếng Thiệu Hưng, với thái độ tùy tiện, hồ đồ như thế, tôi thấy con mắt ông ta cũng bị bụi trần che lấp mất rồi.

Nhưng chỉ định là Thiệu Hưng cũng tốt thôi. Thế là lại nảy ra vấn đề thứ hai.

2. AQ nên nói tiếng ở đâu ? Cái đó tựa hồ không cần phải hỏi. Chuyện suốt trong một đời AQ đã xảy ra ở Thiệu Hưng, thì tất nhiên y phải nói tiếng Thiệu Hưng. Nhưng lại liền nảy ra câu hỏi thứ ba.

3. AQ diễn cho người ở đâu xem ? Nếu diễn cho người Thiệu Hưng xem, thì y phải nói tiếng Thiệu Hưng, không còn nghi ngờ gì nữa. Trong tuồng Thiệu Hưng, trước nay bọn quan viên tú tài nói tiếng "quan hỏa" ; hầu trà, cai ngục nói tiếng địa phương, cũng tức là những vai chính[1] đại để nói tiếng "quan hỏa", hễ nói tiếng địa phương. Tôi nghĩ, như thế cũng chẳng phải hoàn toàn vì người ta dùng cách đó để phân biệt người trên, kẻ dưới, người thanh, kẻ tục, người tốt, kẻ xấu. Còn có một nguyên nhân quan trọng hơn, là những câu hay, những câu luyện, những lời châm biếm, khôi hài, mười phần đến chín, đều từ miệng người hạ đẳng nói ra, cho nên họ phải nói tiếng địa phương để cho người địa phương đó có thể hiểu hết. Thế thì, cái đó quan trọng như thế nào cũng có thể đoán mà biết được. Thực ra, nếu diễn cho người Thiệu Hưng xem, thì những vai khác cũng rất có thể nói tiếng Thiệu Hưng, nhưng người thượng đẳng và người hạ đẳng nói không giống nhau, đại khái người thượng đẳng nói câu kéo giản đơn, ít tiếng đệm, tiếng than, còn người hạ đẳng nói câu kéo dài dòng, lắm tiếng đệm, tiếng than... cùng một ý mà lời có thể dài gấp bội. Nhưng nếu diễn cho người nơi khác xem, thì tác dụng của vở kịch sẽ yếu đi, hoặc giả mất hẳn. Theo chỗ tôi để ý quan sát, phàm những người huyện khác tự cho mình hiểu rõ tiếng

---

(1) Nguyên văn là *sinh, đán, lĩnh*. Đó là tên gọi các vai trong tuồng cổ Trung Quốc.

Thiệu Hưng đều giống như các danh nhân hiện nay chấm câu cho tiểu phẩm người Minh, chẳng hiểu chút gì cả[1]. Đến như người miền Bắc hoặc người Mân Việt[2], thì tôi e họ nghe cũng không có thể hiểu hơn nghe những câu khôi hài trong rạp xiếc ngoại quốc.

Tôi nghĩ, ba cái bảo bối : phổ biến, lâu dài, hoàn toàn, tất nhiên là hay nhất, có điều đó cũng là những cái đinh đóng quan tài của nhà văn, có thể đóng cho ông ta chết luôn. Thí dụ ở Trung Quốc hiện nay, muốn soạn một vở kịch bất cứ lúc nào và ở đâu cũng đều diễn được, thật khó lòng lắm. Muốn soạn một vở kịch như thế, thì không soạn nổi. Cho nên tôi cho biện pháp hiện nay là đành phải soạn một vở mà những câu đối thoại thật dễ hiểu, nếu diễn ở những nơi đại loại như trường học thì có thể không cần phải thay đổi gì cả, nếu đến một tỉnh, một huyện, một thôn nào đó, thì vở đó có thể xem là bản chính, rồi đem những lời nói đổi thành tiếng địa phương hết, không những ngôn ngữ, mà bối cảnh, tên người, cũng có thể thay đổi, làm cho người xem cảm thấy thiết thực. Thí dụ, nơi diễn không phải là một thôn ở miền biển, thì *thuyền* có thể đổi thành *xe bò*, "Bảy Cân"[3] có thể đổi là "Thằng Bím".

Tôi nói hết ý rồi, tóm lại một câu, chẳng qua là nói, tốt nhất không nên cho vở kịch đó có tính cách riêng biệt của địa phương nào, mà nên để cho người ta có thể sử dụng một cách linh động.

Cuối cùng còn một tí đuôi, tất nhiên quyết không thú vị như đuôi của các vị "chó bông". Thật rất không phải, có điều vẫn là không nói không được. Nhớ mấy tháng trước, tôi có trả lời một người bạn về vấn đề ngôn ngữ đại chúng[4], bức thư đó sau đăng trên tờ *Xã hội nguyệt báo*, cuối tờ báo này là một bài của ông Dương Đồn Nhân[5]. Có vị tên là Thiệu Bá liền viết trên tờ *Bó đuốc* rằng tôi đã hòa giải với ông Dương Đồn Nhân rồi, và than thở một hồi rằng người Trung Quốc thật dễ hòa giải. Lần này, bức thư của tôi có lẽ cũng sẽ được đăng, nhưng tôi nhớ trên tờ tuần báo *Kịch* này, đã đăng bài của hai ông Tăng Kim Khả và Diệp Linh Phượng. Ông Phượng còn vẽ một bức ảnh AQ nữa, hình như cái cuốn ***Gào thét*** của tôi, đi nhà xí dùng chưa hết, nếu không phải bao nhiêu năm bí đại tiện, thì nhất định lại

---

(1) Lỗ Tấn có viết một bài về việc chấm câu sách cũ ở tập ***Văn học viễn hoa***.

(2) *Mân Việt* : tức vùng Phúc Kiến, Quảng Đông.

(3) *Bảy Cân* : một nhân vật trong truyện *Sóng gió (Gào thét)* Trong vở kịch của Viên Mục Chi cũng có nhân vật đó gọi là "Bảy Cân chèo đò".

(4) Bài *Thư gửi ông Tào Tụ Nhân* (không dịch).

(5) Bài của Dương Đồn Nhân đề là *Ở khu đô về*.

mua quyển khác rồi[1]. Nếu như lời phán đoán của ông Thiệu Bá làm cho tôi khiếp sợ, thì lần này đáng lý ra không dám viết cái gì cả. Nhưng tôi nghĩ, bất tất phải thế. Chỉ là nhân tiện thanh minh ở đây rằng, tôi không có quyền gì cấm người khác đăng thư của tôi lên báo, mà ngoài ra còn có văn chương của ai nữa, cũng không làm sao đoán trước được, cho nên đối với bất cứ nhà văn nào có bài đăng trên cùng một số báo, tôi đều không tỏ ý hòa giải hay không cả. Nhưng nếu có người cùng trong một mặt trận, hóa trang để đâm cho tôi một nhát sau lưng, thì đối với y, tôi căm ghét và khinh bỉ hơn cả đối với kẻ địch ra mặt.

Đây không phải là chuyện riêng của cá nhân, bởi vì bây giờ lại là lúc ông Thiệu Bá có thể giở thủ đoạn cũ ra đây, nếu tôi không thanh minh, thì những điều tôi nói không trở thành đầy ý thức mại bản, cũng lại là để hòa giải, ngoài ra còn có ý nghĩa gì nữa ?

Xin kính chúc sức khỏe.

14 tháng 11
LỖ TẤN

(Tập ***Thá giới đinh***)

(1) Nhắc lại chuyện Diệp Linh Phượng trong một cuốn tiểu thuyết có cho nhân vật của y nói như sau : "Theo lệ thường, ngủ dậy tôi liền lấy 12 xu ra hàng sách cũ mua một cuốn ***Gào thét*** rồi xé ba tờ đi ngoài". (Xem *Nhìn qua văn nghệ Thượng Hải* – tập ***Hai lòng***).

96. MA MÃNH TRÊN VĂN ĐÀN TRUNG QUỐC*

1

Sau khi Quốc dân đảng từ hợp tác đổi sang tiêu diệt Đảng cộng sản, có người nói, Quốc dân đảng trước kia chẳng qua lợi dụng bọn họ mà thôi ; Bắc phạt sắp thành công mà thi hành việc tiêu diệt là theo kế hoạch đã định sẵn. Nhưng tôi cho nói như thế không thật. Trong Quốc dân đảng có khá nhiều người có quyền lực rất thích cộng sản ; hồi đó họ đua nhau gửi con cái sang Liên Xô học, ấy là một chứng cứ ; bởi vì ở Trung Quốc đối với kẻ làm cha mẹ, thì con cái là quý nhất, họ quyết không đời nào cho chúng nó đi học để làm mồi cho việc tiêu diệt. Có điều, những người quyền lực đó hình như có một ý nghĩ sai lầm ; họ cho rằng Trung Quốc làm cộng sản thì làm, nhưng quyền lực của bản thân họ thì có thể càng lớn hơn, của cải và nàng hầu càng nhiều hơn ; ít nhất cũng không thua hồi chưa cộng sản.

Chúng ta có một chuyện truyền thuyết như sau : Cách đây khoảng hai nghìn năm, có một ông họ Lưu, mất bao nhiêu công khó nhọc, tu luyện được thành tiên, có thể cùng với vợ bay lên trời. Nhưng vợ ông ta không muốn như thế. Vì sao ? Vì bà ta bỏ không dứt ngôi nhà cũ bà ta ở, và gà, chó bà ta nuôi. Ông họ Lưu đành phải cầu xin Thượng đế, tìm cách cho cả nhà cửa, gà, chó cùng hai vợ chồng bay lên trời cả thể. Lúc ấy ông ta mới thành tiên[1]. Đó là một sự thay đổi rất lớn, kỳ thực cũng như chẳng thay đổi gì cả. Giả thử trong nước theo chủ nghĩa cộng sản, có thể không đụng chạm đến cái bề thế cũ của những kẻ quyền lực kia, hoặc giả họ sẽ giàu sang hơn, thì nhất định họ tán thành. Nhưng về sau, tình hình lại chứng minh rằng chủ

---

* Bài này đăng lần đầu trên báo *Trung Quốc hiện đại* (China today) bằng tiếng Anh, sau lại dịch ra đăng trên tờ *Văn học quốc tế* bằng tiếng Đức và tiếng Pháp.

(1) Chuyện này đã nhắc trong bài *Gia đình là nền tảng của Trung Quốc*.

nghĩa cộng sản xử lý không dễ dãi như Thượng đế, thế là họ quyết tâm tiêu diệt. Con cái tất nhiên là quý, nhưng bản thân lại còn quý hơn.

Thế rồi bao nhiêu thanh niên, người theo cộng sản và người tình nghi theo cộng sản, người khuynh tả và người tình nghi khuynh tả, cả bạn bè những người tình nghi ấy, đâu đâu cũng phải đem máu rửa sạch sai lầm của mình và sai lầm của những kẻ có quyền lực kia. Trước kia những kẻ có quyền lực sai lầm là vì bị bọn thanh niên lừa dối, cho nên phải dùng máu thanh niên để rửa cho sạch. Nhưng lại có một bọn thanh niên khác, còn chưa biết đầu đuôi ra sao, ở Liên Xô học xong, phấn khởi cười lạc đà đi qua Mông Cổ về nước. Tôi nhớ có một nhà du lịch người ngoại quốc thấy thế mà đau lòng : bà ta nói, họ vẫn chưa biết ở Tổ quốc, giá thất cổ đang chờ đợi họ.

Đúng rồi, giá thất cổ. Nhưng giá thất cổ hãy còn khá, chỉ dùng mỗi một sợi dây tròng vào cổ, rất giản đơn, như thế còn là ưu đãi. Vả lại, cũng không phải đều bị đưa lên giá thất cổ cả đâu : trong bọn họ, có một số đi theo một con đường khác, lại ra sức kéo chân người bạn mà cổ bị tròng vào đây. Đó là cách lấy hành động thực tế để chứng minh rằng, trong lòng họ đã sám hối, người biết sám hối thì tinh thần cao lắm.

2

Từ đó, ở Trung Quốc những người cộng sản không biết sám hối trở thành những tội nhân phải giết cho chết. Mà tội nhân đó đem lại cho người khác nhiều cái tiện lợi vô cùng ; họ trở thành món hàng, có thể bán lấy tiền, đem thêm công ăn việc làm cho người khác. Vả lại, trong phong trào ở trường học, trong sự rắc rối về yêu đương, nhất định sẽ có một bên bị gán là cộng sản, thế là thành tội nhân, do đó rất dễ giải quyết. Nếu có ai tranh luận với một nhà thơ có tiền, thì nhà thơ đó cuối cùng kết luận như sau : Đảng cộng sản phản đối giai cấp tư sản, tôi có tiền, nó phản đối tôi, cho nên nó là cộng sản. Thế rồi Thần Thơ liền ngồi lên xe tăng vàng, hát khúc khải hoàn.

Nhưng, máu của thanh niên cách mạng lại tưới cho mầm non văn học cách mạng ; văn học lại có tính chất cách mạng hơn trước. Trong chính phủ, có rất nhiều thanh niên trí thức ở nước ngoài về, hoặc học ở trong nước, tất nhiên họ biết thủ đoạn thông thường nhất và phải dùng trước nhất là : cấm sách báo, áp bức nhà văn, cuối cùng giết hại nhà văn ; năm nhà văn thanh

niên cánh tả hy sinh vì cuộc thị uy đó[1]. Nhưng chuyện ấy lại không hề công bố ; họ rất biết chuyện ấy có thể làm mà không thể nói. Người xưa từng nói "có thể ngồi trên ngựa mà cướp thiên hạ, chứ không thể ngồi trên ngựa mà trị thiên hạ"[2]. Cho nên muốn tiêu diệt văn học cách mạng, thì phải lấy văn học làm vũ khí.

Cái được đưa ra làm vũ khí đó, tức là cái gọi là "văn học dân tộc". Họ nghiên cứu màu da các giống người trên thế giới, rồi quyết định rằng giống người cùng một màu da thì phải hành động như nhau, cho nên giai cấp vô sản da vàng không nên đấu tranh với giai cấp hữu sản da vàng, mà phải đấu tranh với giai cấp vô sản da trắng. Họ còn nghĩ đến Thành Cát Tư Hãn, cho đó là mẫu mực lý tưởng, miêu tả Bạt Đô Hãn – cháu hắn, đã cầm đầu các dân tộc da vàng như thế nào để xâm nhập Nga La Tư, phá hủy văn hóa của họ, bắt cả quý tộc và bình dân họ làm nô lệ[3].

Người Trung Quốc đi theo *khả hãn*[4] Mông Cổ đánh giặc, thật ra không thể kể là một chuyện vẻ vang của dân tộc Trung Quốc được, nhưng để tiêu diệt Nga La Tư, họ không thể không làm như thế, bởi vì bọn quyền lực của chúng ta hiện đã biết rõ Nga La Tư ngày xưa tức là Liên Xô ngày nay, chủ nghĩa của họ quyết không thể tăng thêm quyền lực, của cải, nàng hầu cho họ. Nhưng Bạt Đô Hãn hiện nay là ai ?

Tháng 9 năm 1931, Nhật Bản chiếm Đông Tam Tỉnh, đó chính là khúc hát giáo đầu cho việc người Trung Quốc đi theo kẻ khác sang phá loại Liên Xô, các "nhà văn dân tộc" có thể lấy làm bằng lòng lắm. Nhưng dân chúng nói chung thì lại cho rằng việc mất Đông Tam Tỉnh ở trước mắt còn quan trọng hơn việc phá hoại Liên Xô trong tương lai : họ rất lấy làm tức giận. Cho nên các nhà "văn học dân tộc" đành phải theo gió bẻ buồm, quay lại khóc lóc, kêu la về chuyện đó. Nhiều thanh niên nhiệt tình đến Nam Kinh đưa kiến nghị, yêu cầu xuất binh. Nhưng họ phải trải qua bao nhiêu thử thách cay đắng, không cho đi xe lửa, mấy ngày liền nằm ngủ giữa trời, mới được cho lên đi đến Nam Kinh ; có kẻ đành phải cuốc bộ. Đến được Nam Kinh, không ngờ lại gặp phải một đại đội "dân chúng" đã được huấn luyện trước, tay cầm gậy, roi da, súng lục, đón đường đánh cho một trận, làm họ mặt mày hoặc thân thể sưng vù. Kết quả, họ buồn bã rã rời trở về. Có một số không tìm thấy ở đâu nữa, một số chết đuối ở sông, theo như báo đăng, thì họ tự ngã xuống nước !

---

(1) Xem bài *Kỷ niệm để quên đi* trong tập ***Nam xoang Bắc điệu***.

(2) Đó là câu Lục Giả đời Hán trả lời Hán Cao tổ (Lưu Bang) – *Sử ký*, "Lục Giả truyện".

(3) Xem bài *Nhiệm vụ và vận mệnh của văn học dân tộc* trong tập ***Hai lòng***.

(4) *Khả hãn* : tiếng Mông Cổ nghĩa là vua.

Từ đó việc khóc lóc của các "nhà văn dân tộc" cũng chấm dứt. Cũng chẳng thấy bóng dáng họ đâu nữa. Họ đã hoàn thành nhiệm vụ đưa ma rồi. Thật giống như đoàn đưa ma ở Thượng Hải, lúc ra đi, có tiếng âm nhạc ồn ào, có tiếng khóc như hát, nhưng mục đích là để chôn vùi sự đau thương, đừng nhớ lại nữa. Mục đích đạt rồi, mỗi người đi một ngả, chẳng còn ra hàng lối gì hết.

3

Nhưng văn học cách mạng thì không hề lay chuyển, vẫn cứ phát triển và càng được bạn đọc tin cậy hơn.

Thế là mặt khác, xuất hiện cái gọi là "hạng người thứ ba". Hạng người ấy tất nhiên quyết không phải cánh tả, nhưng lại không phải cánh hữu, mà là những nhân vật vượt ra ngoài vòng tả hữu. Họ cho rằng văn học là vĩnh cửu, hiện tượng chính trị là tạm thời, cho nên văn học không thể liên quan với chính trị được, liên quan thì sẽ mất tính chất vĩnh cửu của nó, và Trung Quốc sẽ không có được những tác phẩm vĩ đại nữa. Có điều hạng người thứ ba trung thành với văn học, họ cũng không viết được tác phẩm vĩ đại nào cả. Tại sao vậy ? Là tại các nhà phê bình văn học cánh tả, không hiểu văn học, bị tà thuyết mê hoặc, đã phê bình một cách ác liệt và không đúng những tác phẩm hay của họ, đả kích đến nỗi họ viết không ra được. Cho nên, các nhà phê bình cánh tả là những tên đao phủ thủ của văn học Trung Quốc[1]. Còn như việc Chính phủ cấm sách báo, giết hại nhà văn, thì họ không nói đến, vì cái đó thuộc về chính trị, nói đến thì mất cái tính chất vĩnh cửu của tác phẩm họ đi. Huống chi, những kẻ cấm đoán, giết hại "đao phủ thủ của văn học Trung Quốc" lại chính là kẻ bảo hộ cho văn học vĩnh cửu, cho tác phẩm vĩ đại của "hạng người thứ ba".

Kiểu van khóc yếu đuối, vờ vĩnh ấy, tuy cũng là một thứ vũ khí, nhưng sức mạnh của nó tất nhiên chẳng ăn thua gì, văn học cách mạng không để cho nó đánh lùi được. "Văn học dân tộc" đã tự tiêu diệt rồi, văn học "hạng người thứ ba" cũng không đứng vững được, lúc bấy giờ, đành phải dùng vũ khí thật.

Tháng 11 năm 1933, công ty điện ảnh Nghệ Hoa, Thượng Hải thình lình bị một bọn người đến tấn công, đập phá lung tung. Chúng hành động rất có

---

(1) Xem bài *Bàn về hạng người thứ ba* trong tập ***Nam xoang Bắc điệu.***

tổ chức ; thổi một tiếng còi, ra tay, lại một tiếng còi nữa, dừng lại, lại một tiếng còn nữa, giải tán. Lúc rút lui, còn để truyền đơn lại nói rằng, chúng sở dĩ chỉnh phạt như thế là vì công ty này bị cộng sản lợi dụng. Vả lại không phải chỉ một công ty điện ảnh này bị chỉnh phạt, mà còn lan tràn ra các hiệu sách. Vụ to thì một tốp người ào vào đập phá sạch, vụ nhỏ thì chẳng biết từ đâu ném đến một hòn đá, làm vỡ tấm cửa kính giá hai trăm đồng. Lý do tất nhiên cũng là vì hiệu sách này bị cộng sản lợi dụng. Tấm kính đắt tiền vỡ, làm cho ông chủ hiệu sách rất đau xót. Sau đó mấy hôm, có "nhà văn học" đem "tác phẩm hay" của mình đến bán cho ông ta. Ông ta biết sách ấy in ra, không ai xem, nhưng phải mua, vì giá tiền chẳng qua bằng giá tiền tấm cửa kính, mà có thể tránh khỏi hòn đá thứ hai, đỡ mất công sửa chỗ bày hàng.

4

Áp bức hiệu sách quả thật là chiến lược hay nhất.

Thế nhưng, mấy hòn đá vẫn cho là chưa đủ. Ủy ban tuyên truyền Trung ương còn cấm một mớ sách, có đến 149 cuốn, phàm sách bán chạy, hầu hết nằm trong đó. Tác phẩm của các nhà văn cánh tả Trung Quốc tất nhiên bị cấm cả, lại cấm cả sách dịch nữa. Cứ ra đây mấy tác giả : Gorki, Lunasacski, Fedin, Fadêep, Xêraphimôvit, Upton Sincole, thậm chí cả Mateclin, Sôlôgup, Strinbec[1].

Việc này quả đã làm cho các nhà xuất bản rất lấy làm khó xử. Có nhà lập tức đem sách nộp, đốt đi, có nhà lại tìm cách cứu vãn, đến thương lượng với cửa quan, kết quả miễn được một phần. Để giảm bớt khó khăn cho việc xuất bản sau này, quan với nhà xuất bản còn mở một cuộc hội nghị. Trong hội nghị ấy, có mấy vị thuộc "hạng thứ ba", vì muốn bảo vệ văn học tốt và tư bản của nhà xuất bản, bèn lấy tư cách là người biên tập tạp chí đề nghị dùng biện pháp của Nhật Bản, kiểm duyệt và sửa chữa bản thảo trước khi đem in, tránh tình trạng bài người khác bị cấm, vì tác phẩm của các nhà văn cánh tả làm liên lụy, hoặc in rồi, mới bị cấm, làm cho nhà xuất bản thiệt thòi. Đề nghị đó thỏa mãn được cả đôi bên, liền được đem ra áp dụng ngay, mặc dù đó không phải là phương pháp cũ của Bạt Đô Hán quang vinh[2]. Và cũng bắt đầu đem ra thi hành ngay. Tháng bảy năm nay, ở

(1) *Maeterlinck* (1862 – 1949) : nhà viết kịch người Bỉ.
Strinberg (1849 – 1912) : nhà viết kịch và tiểu thuyết người Thụy Điển.
(2) *Bạt Đô Hán* : ở đây chỉ Nhật Bản.

Thượng Hải đã đặt Sở kiểm duyệt sách báo[1]. Nhiều "nhà văn" không bị thất nghiệp nữa, lại có mấy nhà văn cách mạng cải hối ; bọn "hạng người thứ ba" phản đối văn học liên quan với chính trị cũng ngồi trên ghế quan kiểm duyệt. Bọn họ biết rất rõ tình hình trên văn đàn ; đầu óc không hồ đồ như bọn quan liêu thuần túy ; một lời châm biếm, một câu phản ngữ, bọn họ tương đối hiểu được hàm ý ở trong. Vả lại dùng ngòi bút văn học mà bỏ, mà xóa, dù sao cũng không khó khăn bằng sáng tác, cho nên nghe nói thành tích khả quan vô cùng.

Nhưng họ đưa Nhật Bản ra làm gương là sai. Nhật Bản cố nhiên không cho bàn đến đấu tranh giai cấp, có điều cũng không nói trên thế giới không có đấu tranh giai cấp ; Trung Quốc thì lại nói trên thế giới kỳ thực không có cái gọi là đấu tranh giai cấp, chỉ là ông Mac bịa đặt ra, cho nên không cho bàn, như thế để bảo vệ chân lý. Nhật Bản tất nhiên cũng cấm, cũng xóa bỏ trong sách báo, nhưng những chỗ xóa bỏ vẫn cho chừa trắng để người đọc nhìn qua biết chỗ ấy bị xóa, bỏ ; Trung Quốc thì lại không cho chừa trắng, bắt phải in liền lại, trước mắt người đọc hình như là một bài văn nguyên vẹn, chỉ tại tác giả viết lúng túng không được rõ ràng mà thôi. Những câu văn tối mò mò như thế mà độc giả Trung Quốc hiện nay phải đọc, thì những nhà văn như Friso[2], Lunasacski cũng không tránh khỏi.

Thế là tư bản của các nhà xuất bản được an toàn. Không thấy lá cờ của "hạng người thứ ba" đâu nữa. Bọn họ cũng đang ở trong bóng tối ra sức kéo chân bọn đồng nghiệp bị đưa lên giá thất cổ, nhưng không có một tờ báo nào có thể vẽ nguyên hình của bọn họ ra, vì bọn họ đang cầm bút xóa bỏ, đang nắm quyền sinh sát. Còn độc giả thì chỉ thấy sách báo vắng vẻ, tác phẩm kém sút, những nhà văn tiến bộ, trước nay tiếng tăm truyền ra đến nước ngoài, năm nay cũng bỗng nhiên biến thành tối.

Nhưng trên thực tế, mặt trận của giới văn học lại càng rõ rệt. Không thể che đậy được mãi, tiếp theo lại sẽ có một cuộc chiến đấu đẫm máu.

21 tháng 12

(Tập ***Thá giới đinh***)

---

(1) Chỉ Ủy ban kiểm tra sách báo Trung ương của Quốc dân.
(2) *Friche* (1870 – 1929) : nhà phê bình văn nghệ Liên Xô.

97. BÀN VỀ CHÂM BIẾM*

Chúng ta thường không tránh khỏi có thành kiến khi thấy một tác phẩm châm biếm thì cho đó không phải là con đường chính trong văn học, bởi vì chúng ta đã yên trí rằng châm biếm không phải là một đức tính tốt. Nhưng đi ra chỗ người ta giao thiệp với nhau, chúng ta thường có thể thấy những việc như thế này : hai vị thân hình đẫy đà, khom lưng vái chào nhau, mặt láng bóng, đang bắt đầu câu chuyện :

– Xin cho biết quý tính ?

– Tôi họ Tiền.

– À ! Từng mong được gặp Ngài đã lâu, nhưng chưa hề được thỉnh giáo Ngài !

– Tôi tự là Khoát Đình.

– Cao nhã thật ! Ngài ở... ?

– Thượng Hải...

– A, a ! Hay quá ! Thật là...

Có ai thấy kỳ quặc đâu ! Nhưng nếu đưa vào tiểu thuyết, thì người ta có thể xem bằng con mắt khác, sợ rằng lại cho là châm biếm. Có nhiều nhà văn tả thẳng sự thực, thì bị gán cho cái danh hiệu là "nhà văn châm biếm" – khó nói đó là một danh hiệu tốt hay xấu ! Thí dụ ở Trung Quốc, có cuốn *Kim Bình Mai* tả Thái Ngự Sử nhún mình nịnh Tây Môn Khánh, nói : "Sợ tôi không tài được như An Thạch, mà Ngài thì lại cao siêu như Vương Hữu Quân !". Còn có cuốn *Nho lâm ngoại sử* tả Phạm Cử Nhân, vì đang có tang, không dám dùng đũa ngà ăn cơm, nhưng khi ăn thì chọn một con tôm thật to trong bát yến sào mà đưa vào miệng ! Ngày nay vẫn có thể gặp những chuyện tương tự như thế. Ở nước ngoài, như tác phẩm của Gôgôn mà gần đây độc giả Trung Quốc chú ý tới nhiều. Các ông quan to nhỏ trong

---

* Bài này đăng lần đầu trên mục *Văn học luận đàn*, tờ *Văn học*, tháng 4 năm 1935, ký tên Ngạo.

cuốn *Áo ngoài* của ông ta (Vi Tố Viên dịch trong *Vị danh tùng san*), những nhà trí thức, bác sĩ, kẻ nhàn rỗi trong cuốn *Cái mũi* (Hứa Hà dịch trong *Dịch văn*)[1], tuy ở Trung Quốc ngày nay cũng còn có thể gặp. Rõ ràng đó là chuyện thật, và lại là chuyện thật rất phổ biến, nhưng chúng ta đều gọi là châm biếm.

Người ta đại để ai cũng muốn có danh tiếng, sống thì viết tự truyện, chết thì muốn có người gửi giấy cáo phó, kể tiểu sử, thậm chí còn muốn được "giao cho Quốc sử quán viết truyện"[2]. Không phải người ta không biết cái xấu của mình, nhưng lại không muốn sửa chữa, chỉ mong tự nó mất đi, không để dấu vết gì, còn lại chỉ là ưu điểm, như đã từng nấu cháo phát chẩn chẳng hạn, nhưng lại không phải toàn như thế cả. "Cao nhã, cao nhã"[3], há ông kia không biết như thế thối hay sao, có điều lại biết nói rồi thì thôi, quyết không thể đem vào "bản truyện", thế là cứ yên tâm mà khen "cao nhã". Nếu có ai ghi chép lại, không để cho mất đi, thì ông ta không thích. Thế là tìm cách phản công, nói rằng những cái đó là "châm biếm", bôi gio trát trấu vào mặt tác giả để che đậy chân tướng của mình. Mà chúng ta thì cũng không suy nghĩ kịp, cứ nói theo, "những cái đó là châm biếm". Thật mắc lừa to !

Cùng một loại ấy, còn có cái gọi là "chửi". Giả dụ anh đến đường Tứ Mã, thấy gái điếm đang kéo khách vào nhà, nếu anh la lên "đĩ đang kéo khách", thì sẽ bị cô ta chửi là anh "chửi" người ta. Chửi là một thói xấu, thế là anh bị người ta cho là "xấu" ; anh xấu, tức cô ta tốt. Nhưng sự thực thì rõ ràng là "đĩ đang kéo khách", có điều chỉ có thể biết để bụng, không được nói ra, lúc vạn bất đắc dĩ, cũng chỉ có thể nói : "Cô nàng đang ép người du lãng để kiếm tiền", giống như đối với mấy vị khom lưng vái chào nhau trên kia, có viết ra văn chương thì phải sửa lại là "họ tiếp đãi nhau rất khiêm nhường, rất lễ độ". Như thế mới không phải là chửi, như thế mới không phải là châm biếm.

Kỳ thực những tác phẩm hiện nay gọi là châm biếm, đại để là tả thực. Không tả thực quyết không thể gọi là "châm biếm" được. Châm biếm mà không tả thực, dù có thể có chuyện như thế chăng nữa, – thì chỉ là bịa đặt và vu cáo mà thôi.

16 tháng 3

(Tập ***Thả giới đình tập II***)

---

(1) *Cái mũi* : do Lỗ Tấn dịch, ký tên là Hứa Hà.

(2) Thời phong kiến, những người có công với giai cấp thống trị, khi chết, được triều đình tuyên dương, cuối bài đó có viết câu như vậy.

(3) Tác giả nhắc lại câu đối thoại trên kia.

98. KHÔNG NÊN VIẾT NHƯ THẾ KIA*

Phàm thanh niên có chí sáng tác, thì vấn đề nghĩ đến đầu tiên đại khái vẫn là "nên viết như thế nào ?". Bây giờ những loại sách như *Phương pháp viết tiểu thuyết, Viết tiểu thuyết như thế nào ?* bày ngoài phố là chuyên để móc túi những thanh niên đó. Nhưng hình như không có hiệu quả ; cho đến nay chúng ta chưa hề nghe nói có ai học cuốn *Phương pháp viết tiểu thuyết* mà thành nhà văn cả. Có một số thanh niên lại tìm cách hỏi những nhà văn đã nổi tiếng ; rất ít thấy báo đăng những câu trả lời đó, nhưng kết quả như thế nào, cũng dễ đoán thôi : không nắm được yếu lĩnh. Cái đó cũng không đáng trách, bởi vì sáng tác vốn không có bí quyết gì có thể nói nhỏ một câu là truyền ngay lại cho người khác được. Nếu không , thì có bí quyết đó là có thể đăng quảng cáo, thu tiền học, mở lớp bảo đảm ba ngày luyện thành nhà văn. Trung Quốc đất rộng, có thể có chuyện như thế cũng nên, nhưng thực ra đó là những tay bịp bợm.

Trong bao nhiêu câu trả lời có thể đoán mà biết được đó, đại khái phải có một câu nói rằng : "Hãy xem thật nhiều tác phẩm của những nhà văn lớn". Như thế chắc không thể thỏa được ý thanh niên văn học, bởi vì rộng quá, không bờ bến nào cả, – nhưng mà lại thiết thực. Phàm những nhà văn lớn, được mọi người công nhận, thì toàn bộ tác phẩm của họ chứng minh nên viết như thế nào rồi. Có điều người đọc không dễ mà nhìn ra thôi, và cũng không thể lĩnh hội được. Bởi vì về phía người học tập, phải biết "không nên viết như thế kia" nữa, mới rõ được vốn là "nên viết như thế này".

Cái "không nên viết như thế kia" ấy, làm sao mà biết được ? Chương sáu cuốn *Nghiên cứu về Gôgôn* của Verơxaep[1] trả lời câu hỏi đó.

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Văn học*, số tháng 6 năm 1935, ở mục *Văn học luận đàn*, ký tên Lạc.

(1) *V. Veresaev* (1867 - 1945) : nhà văn người Nga nổi tiếng trước Cách mạng tháng Mười.

"Nên viết như thế này" thì phải xem tác phẩm nhà văn đã hoàn thành rồi mà lĩnh hội. Thế thì, muốn biết "không nên viết như thế kia", có lẽ hay nhất là học tập bản thảo tác phẩm đó khi chưa viết xong. Ở đấy, nhà nghệ sĩ dùng những cái cụ thể mà bày cho chúng ta, giống như ông ta chỉ vào mỗi hàng mà nói với chúng ta : "Anh hãy xem...! chỗ này phải bỏ đi, chỗ này phải rút gọn lại, chỗ này nên thay đổi, vì không được tự nhiên. Chỗ này phải trang sức một chút làm cho hình ảnh thêm nổi".

Đó quả là cách học tập rất có ích, nhưng Trung Quốc chúng ta thì lại thiếu những tài liệu như thế. Mấy năm gần đây, có vài bản thảo in đá, nhưng đại để là trước thuật và nhật ký của các học giả. Có lẽ vì xưa nay chúng ta chuộng cái lối "múa bút thành văn", "văn chương không cần tô điểm" chăng, nên phần nhiều sáng sủa từ đầu chí cuối, không thấy dấu vết của sự khổ tâm sửa chữa. Lấy tài liệu ở ngoại quốc ư ? dù cho người thông thạo văn tự, cũng không thể nào tìm ra bản xuất bản lần đầu tiên và các bản sửa chữa của những tác phẩm lớn.

Con nhà văn thì quen với bút mực, con thợ mộc thì biết dùng búa rìu, con nhà võ thì biết các ngón thương, đao, điều bất hạnh tiên thiên của thanh niên văn học Trung Quốc là không có hoàn cảnh và di sản như thế.

Trong lúc không làm thế nào khác được, hãy tìm một cách bổ cứu : câu chuyện trong một bài ký sự đăng trên báo, một cuốn tiểu thuyết dở vốn có thể viết thành tác phẩm nghệ thuật, có điều bài ký sự, cuốn tiểu thuyết đó, thì lại không phải là văn nghệ – đó là tiêu bản của cái "không nên viết như thế này". Chỉ không làm sao so sánh được với cái "nên viết như thế kia".

23 tháng 4

(Tập ***Thá giới đình tập II***)

99. "THẾ NÀO LÀ CHÂM BIẾM ?"*

Trả lời câu hỏi của ***Văn học xã***

Tôi nghĩ : một nhà văn dùng ngòi bút điêu luyện, hoặc ngòi bút hơi phóng đại một tí – nhưng tất nhiên phải cho có nghệ thuật – mà miêu tả cái chân thực của một đám người hay của một khuôn mặt, thì những người bị miêu tả ra đó sẽ gọi tác phẩm kia là "châm biếm".

Sức sống của "văn châm biếm" là chân thực ; bất tất phải là sự thực đã từng xảy ra, nhưng phải là tình thực có thể có. Cho nên châm biếm không phải là "bịa đặt", cũng không phải là "vu cáo" ; đã không phải "vạch chuyện riêng", lại không phải chuyên muốn ghi lại cái gọi là "chuyện lạ" hoặc "hiện trạng quái gở" làm cho người ta nghe phải sợ hãi. Việc nó miêu tả là công khai, cũng là việc thường thấy, bình thời chẳng ai cho là lạ, và tất nhiên chẳng ai chú ý. Có điều, việc đó vào lúc bấy giờ cũng đã không hợp lý rồi, đã buồn cười, đáng khinh bỉ, thậm chí đáng ghét nữa. Nhưng người ta cứ làm như thế, trông quen mắt, tuy ở giữa chỗ đông, cũng chẳng ai thấy chướng ; bây giờ đặc biệt nêu ra, thế là người ta bị khích động. Thí dụ, thanh niên mặc đồ Tây mà đi lễ chùa, bây giờ là chuyện thường ; các ông đạo học phát cáu càng là chuyện thường, chỉ cần mấy phút là chuyện đó qua đi, mất hẳn. Nhưng "văn châm biếm" lại nhằm vào giữa lúc ấy, chụp ảnh ra, một cái nguẩy đít, một cái nhăn mày, không những mình và người khác cùng xem thấy không được dễ coi lắm, ngay chính mình xem cũng thấy không được dễ coi lắm ; mà truyền bá ra, không khỏi có hại ít nhiều cho việc theo khoa học và bàn về dưỡng tính sau này[1]. Nếu nói ảnh chụp ra đó không chân thực, thì không được, bởi vì lúc bấy giờ mọi người đều trông thấy cả, ai cũng biết quả có chuyện như thế, nhưng lại xấu hổ, không muốn thừa nhận đó là chân thật, sợ mất cái tôn nghiêm của mình đi. Thế là

---

* Bài này viết xong chưa được đăng ngay, sau mới đăng trên tờ *Tạp văn*, số tháng 9 năm 1935.

(1) "Có hại cho việc theo khoa học" là nói những thanh niên mặc Tây đi lễ chùa. Còn "có hại cho việc bàn về dưỡng tính" là nói những đạo học gia.

đào óc, tìm cách đặt cho nó một cái tên, gọi là "châm biếm", ý nói : văn chương mà đưa chuyện ấy ra, đủ thấy cũng không ra gì !

Nhưng cố tình đưa chuyện ấy ra, lại bằng một ngòi bút điêu luyện, thậm chí phóng đại, đó là bản lĩnh của "văn châm biếm". Cùng một chuyện, nhưng trong một bài ghi chép lộn xộn, không có nghệ thuật, thì không thành "châm biếm", không ai cảm động lắm. Thí dụ, theo chỗ tôi nhớ, thì năm nay báo có đăng hai chuyện, một là chuyện anh thanh niên giả mạo sĩ quan, đi lừa khắp nơi, sau vỡ lở, bị bắt, viết giấy hối lỗi, nói chỉ làm như thế để kiếm ăn, chứ không có ý gì khác. Hai là, chuyện một thằng ăn cắp dụ dỗ học sinh, bày cho cách ăn cắp, cha mẹ các em biết được, gọi con về cấm không cho đi đâu cả, y còn đến tận nhà làm dữ. Chuyện nào hơi đáng chú ý, thì trên báo thường có những bài bình luận riêng, nhưng hai chuyện đó, thì cho đến nay, báo không nói gì, đủ thấy họ cho là rất bình thường, không đáng để ý. Thế nhưng, giá những tài liệu đó vào tay J. Xuyp hoặc N. Gôgôn[1], tôi chắc nhất định sẽ thành một tác phẩm châm biếm rất hay. Trong xã hội ở một thời đại nào đó, chuyện càng bình thường thì càng phổ biến và càng hợp với văn châm biếm.

Nhà văn châm biếm đại để bị người mắc châm biếm ghét, nhưng anh ta thường vốn có ý tốt. Anh ta châm biếm là mong người kia thay đổi đi, chứ không phải muốn nhận chìm họ xuống đáy nước. Nhưng chờ cho trong phe mình có nhà văn châm biếm xuất hiện, thì cả phe đã hỏng mất rồi, không phải bút mực có thể cứu vãn được nữa. Cho nên sự cố gắng đó của anh ta đại để là vô ích mà ngược lại, trên thực tế, anh ta chỉ biểu hiện khuyết điểm và nết xấu của những người kia mà thôi, có điều lại có ích cho những người thù địch. Tôi nghĩ : đứng về phía người thù địch mà nhìn, thì cách hiểu của họ khác với người bị châm biếm, họ sẽ thấy "vạch trần" nhiều hơn là "châm biếm".

Nếu những tác phẩm giống như châm biếm, nhưng không có thiện ý chút nào, cũng không có nhiệt tình chút nào, thì chỉ làm cho người đọc cảm thấy mọi chuyện trên đời đều không ra gì hết, và cũng không nên làm gì hết. Đó không phải là châm biếm nữa rồi, mà là "cười gằn".

3 tháng 5

(Tập ***Thả giới đình tập II***)

---

(1) *J. Swift* (1667 - 1745) : nhà văn Anh, tác giả cuốn *Gulliver phiêu lưu ký*.
N. Gogol (1809 - 1852) : nhà tiểu thuyết Nga, tác giả *Những linh hồn chết*.

100. TỪ GIÚP VUI ĐẾN TÁN NHẢM*

"Văn chương góp vui" đã trở thành một danh từ châm biếm cay độc – nhưng thực ra đó là vì hiểu lầm.

Kinh Thi là một bộ kinh sau này mới soạn, nhưng có mấy bài trong đó thời Xuân Thu dùng trong tiệc rượu[1] ; Khuất Nguyên là lão tổ khai sơn của *Sở từ*, nhưng bài *Ly tao* của ông lại chỉ là nói lên sự bất bình không được giúp nhà vua. Đến Tống Ngọc[2], cứ xem tác phẩm hiện còn, thì ông ta chẳng có điều gì bất bình cả, chỉ là một vị thanh khách thuần túy mà thôi. Nhưng *Kinh Thi* là kinh, cũng là tác phẩm văn học vĩ đại ; Khuất Nguyên, Tống Ngọc cũng là những nhà văn quan trọng trong lịch sử văn học. Tại sao vậy ? Là bởi vì rút cục họ có tài văn chương.

Các bậc hùng chủ khai quốc của Trung Quốc phân biệt những người "giúp việc" và những người "góp vui". Hạng người trước tham dự quốc gia đại sự, làm trọng thần, hạng người sau chẳng qua hiến thì tác phú, "nuôi như nuôi con hát" chỉ ở vào hàng lộng thần[3] mà thôi. Tư Mã Tương Như là người bất mãn với cách đãi ngộ đối với hạng người sau[4]. Ông ta thường thường cáo bệnh, không đến nịnh hót trước mặt Võ Đế, nhưng lại giấu giếm làm

---

* Bài này viết xong chưa được đăng ngay. Về sau mới đăng trên tạp chí *Tạp văn* số tháng 9 năm 1935.

(1) Nguyên văn : *Hựu tửu* : mời rượu. Trong *Tả truyện* và *Quốc ngữ* có chép nhiều chuyện làm thơ trong lúc dự yến tiệc.

(2) *Tống Ngọc* : nhà thơ người nước Sở thời Chiến Quốc. Tác phẩm hiện còn là *Cửu biện*, *Chiêu hồn*, *Đối Sở vương vấn*, v.v...

(3) Thời phong kiến trong triều đình có những ông quan làm trò cho vua chúa giải trí gọi là *lộng thần*.

(4) *Tư Mã Tương Như* (179 - 117 tr. CN), tự Trường Khanh, người Thành Đô, quận Thục (Tứ Xuyên) là một nhà văn đời Hán. *Sử ký* chép : "Tương Như thường cáo bệnh ở nhà, không ham quan tước". Lại chép : "Tương Như cáo ốm về nhà ở Mậu Lăng. Thiên tử nói : Tương Như ốm nặng, có thể đến nhà lấy sách ông ta làm, nếu không về sau sẽ thất lạc, liền sai sứ là Sở Trung đến, nhưng Tương Như đã chết rồi, trong nhà không có sách gì cả. Hỏi bà vợ, bà vợ trả lời : ông Trường Khanh thường không làm sách. Lâu lâu có làm một bài thì người ta đến lấy rồi. Lúc Trường Khanh chưa chết, có làm một cuốn sách, nói : "Nếu sứ giả đến lấy sách thì đưa quyển này, ngoài ra không có sách gì nữa". Sách đó toàn là thư từ nói chuyện phong thiện tức là việc cúng tế. Đưa cho Trung, Trung dâng thiên tử. Thiên tử rất lấy làm lạ".

một bài văn về chuyện phong thiện[1], cất trong nhà, đủ thấy ông ta cũng có bản lĩnh giúp nhà vua làm kế hoạch những cuộc tế lễ lớn. Đáng tiếc là đến lúc người ta biết thì ông ta đã "thọ chung chính tẩm"[2] rồi. Tuy thực tế, ông ta chưa tham dự cuộc tế phong thiện, nhưng trong lịch sử văn học, Tư Mã Tương Như cũng là một nhà văn quan trọng. Tại sao vậy ? Là bởi vì rút cục ông ta có tài văn chương. Nhưng đến thời các bậc dung chủ văn nhã[3], thì kẻ "giúp việc" với kẻ "góp vui" đều nhập làm một, gọi là "trụ đá" của quốc gia, cũng tức là những từ thần[4] nịnh hót. Chúng ta có thể tìm được thí dụ cụ thể ở mấy đời cuối Nam Triều[5]. Chủ tuy "dung" nhưng không "lậu"[6] mà người "góp vui" đó lại có tài văn chương, cho nên có vài tác phẩm của họ đến nay cũng không bị tiêu vong.

Ai nói "văn học góp vui" là một danh từ châm biếm cay độc ?

Ngay những vị thanh khách ở chốn quyền môn cũng phải biết đánh văn cờ, làm được vài bài thơ, vẽ được, biết xem đồ cổ, biết các trò chơi như đánh đố, phạt rượu, nói đùa, hát xướng, như thế mới xứng là thanh khách. Cũng có nghĩa là nói, thanh khách phải có bản lĩnh của thanh khách, tuy những người có cốt khí không thèm làm, nhưng kẻ chỉ có cái vỏ bề ngoài thì không thể với tới. Thí dụ cuốn *Nhất gia ngôn* của Lý Ngư[7], cuốn *Tùy Viên thi thoại* của Viên Mai[8], không phải bất cứ kẻ góp vui nào cũng làm được. Phải có chí góp vui, lại phải có tài góp vui, như thế mới là người góp vui chân chính. Nếu có chí đó mà không có tài đó, chấm câu sách cổ loạn xạ, cóp nhặt những câu chuyện cười, nịnh hót các danh sĩ, nói nhảm cho vui mà lại không kể mặt dày mày dạn, cứ làm ra vẻ ta đây, tự lấy làm đắc ý – tất nhiên cũng còn có người cho là thú vị – nhưng thực sự thì chẳng qua là "tán nhảm" mà thôi.

Lúc thịnh thế, góp vui là một cách giúp việc, đến lúc suy vi thì chỉ còn là tán nhảm.

6 tháng 6

(Tập ***Thế giới đính tập II***)

---

(1) *Phong thiện* : *phong* là tế trời, *thiện* là tế đất.

(2) Tức là chết.

(3) *Dung chủ* : ông chủ tầm thường ; *văn nhã* : nho nhã, lịch sự. Đây là giọng mỉa mai.

(4) *Từ thần* : quan văn học, làm thơ, phú dâng vua xem.

(5) Tức các triều Tề, Lương, Trần vào khoảng thế kỷ thứ 5 - 6, là thời thơ *cung thể* thịnh hành.

(6) Ý nói : tuy tầm thường, nhưng cũng không đến nỗi tục quá.

(7) *Lý Ngư* : tức Lý Lạp Ông, người Tiền Đường (Hàng Châu), tỉnh Chiết Giang, một nhà soạn hí khúc đầu đời Thanh. *Nhất gia ngôn* gồm một số văn, thơ của ông.

(8) *Viên Mai* : tức Viên Tử Tài, cũng người Tiền Đường là một nhà thơ trứ danh đời Thanh, trước có hàm tri huyện, sau thôi chức về dựng Tùy Viên ở núi Tiểu Thương ở thành Giang Ninh. *Tiểu Thương sơn toàn tập* của ông gồm 39 quyển thơ, 43 quyển văn, 62 quyển tùy bút, 8 quyển thư từ. *Tùy Viên thi thoại* gồm 15 quyển, sau bổ thêm 10 quyển nữa.

101. CHỮ "QUAN" TRONG *XUẤT QUAN*[*]

Thiên truyện ngắn lịch sử *Xuất quan* của tôi vừa đăng trên báo *Hải Yến*, thì có rất nhiều bài phê bình, nhưng đại để đều khiêm tốn mệnh danh là "cảm tưởng sau khi đọc". Thế rồi có người nói : "Đó là vì tên tuổi của tác giả". Đúng đấy. Hiện nay, nhiều nhà văn mới tỏ ra rất cố gắng, nhưng tác phẩm của họ không được các nhà phê bình chú ý như thế kia. Thảng hoặc độc giả phát hiện ra, sách bán chạy một hai nghìn quyển thế là nhao nhao lên công kích, nào "vừa có danh vừa có lợi !", nào "không nên trở lại nữa"[(1)], "thế này thế nọ". Giá thử nhà văn kia còn ngắc ngoải, nhất định họ sẽ làm cho, từ nay về sau, không lên tiếng được nữa, lúc đó mới cho là thiên hạ thái bình, văn đàn vạn tuế. Thế nhưng, một mặt khác, những kẻ cảm khái cũng xuất hiện, chỉ tay vào mặt mấng : "Trung Quốc chúng ta có Tônxtôi không ? Có Gơt không ?". Xấu hổ quá ! Thật không có. Nhưng thật ra cũng bất tất phải cảm khái như thế. Bởi vì từ khi vỏ đất cứng lại, tạm có sinh vật cho đến ngày nay, nước Nga và nước Đức, mỗi nước cũng chỉ có được một L. Tônxtôi, một Gơt mà thôi.

Tôi chưa hề gặp phải sự công kích và đe dọa đó, thật may mắn vô cùng. Xưa nay đối với các lời phê bình, tôi đều làm thinh, nhưng lần này tôi định phá lệ cũ, nói vài câu. Cũng chẳng có ý gì khác, chỉ là vì tôi cho rằng, nhà phê bình có quyền phê phán tác giả qua tác phẩm, tác giả cũng có quyền phê phán nhà phê bình qua bài phê bình, vậy chúng ta không ngại, cứ nói.

Xem tất cả các bài phê bình, tôi thấy có hai loại, hoặc là cố thu hẹp phạm vi cái tác phẩm vốn đã nhỏ bé của tôi, hoặc là dứt khoát niêm phong lại.

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Tác gia* số tháng 5 năm 1936. *Xuất quan* là tên một chuyện trong *Chuyện cũ viết lại*. (Trương Chính *dịch*, NXB Văn hóa, 1960).

(1) Ý nói : không nên viết loại sách này nữa.

Một loại cho *Xuất quan* công kích người nào đấy. Trong chỗ bạn bè chuyện gẫu với nhau mà nói như thế để đùa, tất nhiên được thôi. Nhưng viết thành văn chương in cho độc giả xem, cho như thế là "nắm được linh hồn của tác phẩm", thì thật cũng chẳng khác mụ Cẩu ở ngõ sau chút nào cả. Mụ ta chỉ biết và cũng chỉ thích nghe chuyện riêng của người khác. Không may truyện *Xuất quan* của tôi lại không hợp khẩu vị hạng người đó, thế là trên một tờ báo nọ phê bình nói : "Bài này hình như châm biếm Phó Đông Hoa[1], nhưng lại không phải". Đã "nhưng lại không phải", đủ thấy cũng không phải "châm biếm Phó Đông Hoa" rồi, thế thì có nên để mất vào chỗ khác hay không ? Nhưng vì thế mà ông ta lại cảm thấy không có ý vị gì nữa, nhất định muốn phải là "châm biếm Phó Đông Hoa" mới thấy có ý vị !

Những người có cách nhìn như vậy không phải ít. Còn nhớ hồi viết *AQ chính truyện*, cũng từng có một vị chính khách và một vị quan võ danh tiểu tốt nọ phát cáu lên, nhất định nói rằng tôi châm biếm họ[2]. Họ có ngờ đâu là người mẫu của AQ lại ở một thành phố nhỏ khác, và thật tình đang giã gạo cho người ta. Nhưng có phải trong truyện, không có ông A, ông B thật không ? Cũng không phải như vậy. Nếu không có, thì đã không thành truyện rồi ! Giả thử tả là tả yêu quái, Tôn Ngộ Không nhào một cái đi xa mười vạn tám nghìn dặm, Trư Bát Giới làm rể nhà họ Cao, trong loài người cũng vị tất đã không có ai giống họ về mặt tinh thần. Có ai giống, tức là vô tình mà lấy người đó làm mẫu, có điều vì vô tình, nên cũng có thể nói người nào đó giống người nào đó trong sách. Cổ nhân chúng ta đã sớm thấy viết tiểu thuyết phải dùng người mẫu rồi. Còn nhớ có một bộ bút ký nói Thi Nại Am – chúng ta hãy tạm cho là có nhà văn đó thật – nhờ họa sĩ vẽ cho một trăm linh tám vị hảo hán Lương Sơn Bạc, treo lên tường, đoán phỏng tinh thần từng người mà viết thành bộ *Thủy hử*. Tác giả bộ bút ký đó có lẽ là nhà văn, cho nên biết rõ mánh khóe của nhà văn, nhưng không biết năng lực của họa sĩ, cho rằng họa sĩ có thể bịa ra, không cần phải có người làm mẫu.

Nhà văn có hai cách chọn người làm mẫu, một là, chuyên dùng một người nhất định, ngôn ngữ cử chỉ, bất tất phải nói rồi, ngay những thói quen nhỏ nhặt, cách ăn mặc, cũng không thay đổi. Như thế có bề dễ tả hơn, nhưng nếu trong sách là một nhân vật đáng ghét hay đáng buồn cười, thì ở Trung Quốc ngày nay, sợ người ta sẽ cho là tác giả đang trả thù riêng, – gọi là

---

(1) *Phó Đông Hoa* : một người dịch thuật, biên tập tờ *Văn học*.

(2) Xem bài *Vì sao tôi viết AQ chính truyện*, tập ***Hoa cái tiếp theo***.

"cá nhân chủ nghĩa", phạm vào tội phá hoại "Mặt trận liên hiệp"[1], từ đấy khó mà sống được. Hai là, lấy ở mỗi người một nét, rồi hợp lại thành một người, cho nên trong số những người liên quan với tác giả, không thể tìm ra ai thật giống như thế. Nhưng vì "lấy ở mỗi người một nét", nên nhiều người lại thấy phần nào hơi giống mình, và càng dễ làm cho nhiều người phát cáu. Trước nay tôi thường làm theo cách thứ hai này, lúc đầu cho như vậy có thể không xúc phạm đến một người nào cả, sau mới biết như vậy lại xúc phạm hơn một người trở lên, thật là "hối cũng không kịp", đã "hối không kịp" nên cũng không hối nữa. Huống chi, phương pháp đó cũng rất hợp với tập quán người Trung Quốc. Thí dụ, họa sĩ vẽ người, cũng là lặng lẽ quan sát, nhớ nhập tâm, sau mới tập trung tinh thần, đưa bút là thành, chứ không hề chỉ dùng đơn độc một người làm mẫu.

Có điều ở đây, tôi cũng không nói ông Phó Đông Hoa không thể làm người mẫu được. Đưa vào tiểu thuyết, ông ta cũng có thể đại biểu cho tư cách một hạng người nào đó ; đối với tư cách đó, tôi cũng không hề có ý khinh rẻ, bởi vì trong thế gian, biết bao nhiêu người không được đưa vào tiểu thuyết. Nhưng, nếu có người nào được đưa toàn bộ vào tiểu thuyết, và nếu nghệ thuật tác giả cao siêu, tác phẩm được lưu luyến, thì nhân vật mà độc giả thấy, chỉ là người trong sách mà thôi, không có liên quan gì với người vốn có thật cả. Chẳng hạn, người mẫu cho Giả Bảo Ngọc trong *Hồng lâu mộng* là bản thân tác giả Tào Chiêm, người mẫu cho Mã Nhị tiên sinh trong *Nho lâm ngoại sử* là Phùng Chấp Trung[2], nhưng ngày nay chúng ta chỉ biết có Giả Bảo Ngọc và Mã Nhị tiên sinh mà thôi, chỉ có những nhà học giả đặc biệt như các ông Hồ Thích Chi, thì mới nhớ thuộc lòng Tào Chiêm và Phùng Chấp Trung. Cho nên nói, đời người có hạn mà nghệ thuật thì vĩnh cửu là như vậy.

Còn một loại nữa cho rằng, trong *Xuất quan*, tác giả tự nói về mình. Tự nói về mình tất nhiên phải nói tốt một chút, cho nên, trong đó, tôi là Lão Tử. Nói thế thảm nhất, có ông Khâu Vận Đạc[3] :

"... Đọc xong, còn lại trong đầu óc chỉ là hình ảnh một cụ già hoàn toàn chìm đắm trong một cảm giác cô độc. Thành thực, tôi cảm thấy người đọc sẽ cô độc và buồn thương theo tác giả chúng ta. Nếu vậy, thì ý nghĩa thiên truyện này vô hình trung sẽ yếu đi. Tôi tin rằng ông Lỗ Tấn và những nhà

(1) Xem bài *Trả lời Từ Mậu Dung về vấn đề Mặt trận thống nhất chống Nhật.*

(2) *Phùng Chấp Trung*, đúng ra là Phùng Túy Trung. Trong lời bạt cuốn *Nho lâm ngoại sử* nói : Mã Thuần Thượng (tức Mã Nhị tiên sinh) là Phùng Túy Trung.

(3) *Khâu Vận Đạc* từng làm chủ nhiệm Nhà xuất bản Sáng tạo.

văn như ông Lỗ Tấn, bản ý không ở chỗ đó..." (Sau khi đọc Hải Yến – *Văn học hàng tuần).*

Như thế thì không phải chuyện nhỏ nữa rồi. Bao nhiêu người sẽ "cô độc buồn thương", một ông Lão Tử đi trước, một nhà văn theo sau con thanh ngưu, lại có "những nhà văn như ông Lỗ Tấn" nữa, lại có bao nhiêu độc giả, trong đó có cả ông Khâu Vận Đạc, như một bầy ong "xuất quan" hết. Nhưng, nếu như vậy, thì Lão Tử lại không phải "chỉ là hình ảnh một cụ già hoàn toàn chìm đắm trong một cảm giác cô độc" nữa rồi. Tôi nghĩ ông ta sẽ không xuất quan nữa, mà trở về Thượng Hải mời chúng ta ăn cơm, ra đề mục trưng cầu văn chương, làm cuốn *Đạo đức ngũ bách vạn ngôn*"[1].

Cho nên, bây giờ tôi định đứng ở cửa quan, sau đít con thanh ngưu của Lão Tử, kéo "những nhà văn như Lỗ Tấn" và bao nhiêu độc giả, trong đó có ông Khâu Vận Đạc, trở lại. Trước hết, xin không nên "cô độc và buồn thương" nữa, bởi vì "bản ý không phải ở chỗ đó" ông Đạc biết từ lâu rồi, nhưng không nói là nó ở đâu, có lẽ không nhìn thấy được ở đâu cả. Nếu như không nói được ở đâu, thì quả thật "ý nghĩa thiên truyện này vô hình trung sẽ yếu đi", nếu như không nhìn thấy được ở đâu, thế thì là vì văn chương của tôi dở, không truyền đạt "bản ý" được rõ ràng. Bây giờ nói qua một điểm gọi là kính cẩn lau chùi cho mất cái hình ảnh còn lưu lại trong óc ông ta "hai tháng trước".

Lão Tử đi về phía Tây, ra cửa Hàm Cốc, là vì mấy câu nói của Khổng Tử. Không phải là tôi phát hiện hoặc sáng tạo ra đâu, mà là ba mươi năm trước, nghe từ miệng ông Thái Viêm lúc ở Đông Kinh, về sau ông ta có viết vào cuốn *Chư tử học lược thuyết*, nhưng tôi cũng không tin nhất định đúng như thế. Còn như việc Khổng Tử và Lão Tử tranh cãi nhau, rồi Khổng Tử thắng, Lão Tử thua, thì lại là ý kiến của tôi. Lão Tử đề cao sự mềm dẻo *(nhu)* ; "Nho giả, nhu dã", Khổng Tử cũng đề cao sự mềm dẻo, nhưng Khổng Tử lấy sự mềm dẻo mà tiến thủ, Lão Tử thì lại vin vào sự mềm dẻo mà thụt lùi. Nguyên nhân là ở chỗ : Khổng Tử là một nhà thực hành, "biết không thể làm được mà vẫn cứ làm"[2], không phân biệt lớn nhỏ, đều làm cả. Còn Lão Tử là một người chỉ biết ngồi nói suông, "không làm việc gì nhưng việc gì cũng làm"[3], nên không làm việc gì hết. Nếu không việc gì không làm, thì đành phải không làm gì cả, bởi vì đã làm một việc gì, tức là đã bị hạn

---

(1) Tức cuốn *Đạo đức kinh.*

(2) Nguyên văn : "Tri kỳ bất khả vi nhi vi chí", câu này lấy ở thiên *Hiến Vấn*, sách *Luận ngữ.*

(3) Nguyên văn : *"Vô vi nhi vô bất vi"*. Câu này lấy ở trong sách *Lão Tử.*

chế rồi, không thể nói là "không việc gì không làm" được nữa. Tôi tán thành câu chế giễu của ông quan coi cửa ải "đến vợ mà ông ta cũng không lấy được !". Thế là, tôi cường điệu thêm một tí, đưa ông ta ra khỏi cửa quan, không chút thương tiếc. Không ngờ tôi đã gây cho ông Đạc một nỗi thê thảm như vậy ; tôi nghĩ, cái đó có lẽ nhất định vì tôi cường điệu chưa đúng mức chăng. Nhưng giá thử càng tô cho mũi ông ta trắng thêm nữa, thì không phải chỉ "ý nghĩa thiên truyện này vô hình trung sẽ yếu đi" mà thôi, cho nên đành thế vậy.

Lại dẫn một đoạn "tâm sự" của ông Khâu Vận Đạc :

"Tôi càng tin rằng, nhất định họ sẽ tiếp tục đem tâm lực và bút lực của họ dồn vào những việc có lợi cho sự biến cách xã hội, làm cho những lực lượng có lợi sẽ tập trung lại, mạnh mẽ hơn, đồng thời làm cho những lực lượng có thể có lợi đều chuyển thành lực lượng có lợi, liên kết lại thành một lực lượng to lớn, vô địch".

Vừa làm mà đã "thành một lực lượng to lớn vô địch", chỉ thua "không làm mà việc gì cũng làm" có một bậc mà thôi. "Chúng" tôi không có cái bản lĩnh mầu nhiệm ấy, nhưng "chúng" tôi và ông Đạc khác nhau ở chỗ đó ; "chúng" tôi không "cô độc và buồn thương", mà việc ông Đạc có thể "thành thực cảm thấy độc giả sẽ cô độc và buồn thương", lý do cũng ở chỗ đó. Ông ta muốn làm lợi cho Lão Tử, thế là không nén được, đã viết một mảnh giấy trừu tượng "to lớn vô địch" niêm phong tác phẩm cụ thể, không có lợi cho Lão Tử, của tôi. Nhưng tôi lại ngờ rằng bản ý ông Khâu Vận Đạc và những nhà văn giống như ông Khâu Vận Đạc có lẽ chỉ ở chỗ ấy.

30 tháng 4

(Tập cuối ***Thả giới đình***)

102. VỀ CUỘC VẬN ĐỘNG VĂN HỌC CỦA CHÚNG TA HIỆN NAY*

Trên giường bệnh trả lời người phỏng vấn, do OV ghi.

Cuộc vận động mà Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả lãnh đạo, và vì nó mà chiến đấu năm sáu năm nay, là một cuộc vận động văn học cách mạng vô sản. Thứ văn học đó và cuộc vận động đó vẫn đang phát triển, cho đến nay càng phát triển cụ thể hơn, với một phương thức đấu tranh thực tế hơn, và trở thành một nền văn học đại chúng của cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc. Văn học đại chúng của cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc là sự phát triển của văn học cách mạng vô sản, là nội dung chân thật, rộng rãi hơn của văn học cách mạng vô sản trong lúc này. Thứ văn học ấy hiện đã có rồi, và trên cơ sở đó, sẽ được vun đắp bằng cuộc sống chiến đấu thực tế mà nở những bông hoa rực rỡ. Do đó, không thể nói, đề ra một khẩu hiệu mới có nghĩa là cuộc vận động văn học cách mạng đã đình chỉ, hoặc là "con đường đó bế tắc". Cho nên, quyết không phải đình chỉ cuộc đấu tranh bằng máu bấy lâu nay chống chủ nghĩa phát xít, chống mọi kẻ phản động, mà là làm cho cuộc đấu tranh đó sâu sắc hơn, rộng rãi hơn, thực tế hơn, tinh vi, khúc chiết hơn, làm cho cuộc đấu tranh đó cụ thể hơn, trở thành cuộc đấu tranh chống Nhật, chống Hán gian, tập hợp mọi cuộc đấu tranh vào một dòng chung đấu tranh chống Nhật, chống Hán gian. Quyết không phải văn học cách mạng sẽ bỏ trách nhiệm lãnh đạo giai cấp của nó, mà là làm cho trách nhiệm của nó càng nặng hơn, càng lớn hơn, nặng và lớn đến mức khiến cho toàn dân tộc, không phân biệt giai cấp và đảng phái, đều nhất trí chống ngoại xâm. Lập trường dân tộc ấy mới thật là lập trường giai cấp. Bọn đồ đệ tơrôkít Trung Quốc hình như hồ đồ đến nỗi cả điểm ấy cũng không hiểu. Nhưng có một vài bạn chiến đấu của tôi cũng đang ôm ấp một "mộng đẹp" trái ngược, tôi nghĩ, họ cũng là hạng người hết sức hồ đồ.

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Văn học hiện thực*, tháng 7 năm 1936 *(Phụ lục)*.

Nhưng khẩu hiệu *văn học đại chúng* của chiến tranh cách mạng dân tộc, cũng như khẩu hiệu *cách mạng vô sản*, đại khái là một khẩu hiệu chung. Dưới khẩu hiệu ấy, sẽ đề ra những khẩu hiệu cụ thể, tùy thời ứng biến, như "văn học quốc phòng", "văn học cứu vong", "văn học kháng Nhật" v.v... Tôi cho không có gì trở ngại cả. Chẳng những không có gì trở ngại, mà lại có ích, cần thiết nữa. Cố nhiên, nhiều quá thì sẽ làm cho người ta đau đầu, hỗn loạn.

Có điều, đề khẩu hiệu, bàn luận suông, thì dễ lắm. Đến khi ứng dụng vào phê bình, thực hiện trong sáng tác, mới thành vấn đề. Phê bình và sáng tác đều là những công việc cụ thể. Theo kinh nghiệm trước kia, phê bình của chúng ta thường theo những tiêu chuẩn quá hẹp, và có một cách nhìn quá nông cạn. Sáng tác của chúng ta cũng thường mắc nhược điểm gần như làm văn bát cổ theo đề mục. Cho nên, bây giờ chúng ta phải đặc biệt chú ý điểm này : văn học đại chúng của cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc quyết không phải chỉ hạn chế ở những tác phẩm miêu tả quân nghĩa dũng chiến đấu, học sinh đưa kiến nghị, biểu tình thị uy v.v... Những tác phẩm đó tất nhiên rất tốt, nhưng không nên bó hẹp như thế. Nó rộng rãi hơn nhiều, rộng rãi đến mức bao gồm mọi thứ văn học miêu tả ý thức đấu tranh và đời sống của Trung Quốc hiện nay. Bởi vì vấn đề lớn nhất của Trung Quốc hiện nay, vấn đề chung của tất cả mọi người là vấn đề sống còn của dân tộc. Hết thảy mọi sinh hoạt (kể cả ăn, ngủ) đều liên quan đến vấn đề ấy ; ví như ăn cơm có thể không liên quan đến yêu đương, nhưng hiện giờ thì việc ăn cơm, việc yêu đương của người Trung Quốc đều có liên quan ít nhiều với bọn xâm lược Nhật Bản. Cái đó cứ xem tình hình Mãn Châu và Hoa Bắc đủ rõ. Mà con đường thoát duy nhất của Trung Quốc là cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc của toàn quốc nhất trí chống Nhật... Hiểu được điều đó, thì nhà văn quan sát cuộc sống, sử dụng tài liệu, như gợ tơ đã tìm ra đầu mối ; nhà văn có thể tự do viết về công nhân, nông dân, học sinh, kẻ cướp, gái đĩ, người nghèo, người sang, bất cứ đề tài nào cũng được ; viết ra đều có thể thành văn học đại chúng của cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc. Cũng không cần phải cố thêm một cái đuôi chiến tranh cách mạng dân tộc ở cuối tác phẩm, ngoắt lên làm cái cờ ; bởi vì cái chúng ta cần không phải là khẩu hiệu hay cái đuôi giả thêm vào cuối tác phẩm, mà là cuộc sống chân thật, cuộc chiến đấu sinh động, mạch máu đang đập, tư tưởng và nhiệt tình trong toàn bộ tác phẩm v.v...

10 tháng 6

(Tập cuối ***Thế giới đình***)

103. TRẢ LỜI TỪ MẬU DUNG VÀ NÓI VỀ VẤN ĐỀ MẶT TRẬN THỐNG NHẤT CHỐNG NHẬT*

Ông Lỗ Tấn,

Ông đã lành hẳn chưa ? Mong lắm. Từ khi ông ốm, giới văn nghệ lại rời rạc, tôi không thân hành đến hỏi ý kiến ông được, nghĩ đến rất lấy làm buồn.

Bây giờ đời sống khó khăn, người lại yếu, tôi không thể không rời khỏi Thượng Hải. Tôi định về nhà quê, dịch sách lấy một ít tiền, rồi sẽ trở lại Thượng Hải. Nhân dịp này, tôi tạm thời làm một người ngoài cuộc của "văn đàn" Thượng Hải, nghĩ kỹ các vấn đề, e có thể thấy rõ hơn chăng.

Trước mắt, tôi cảm thấy ngôn ngữ hành vi của ông gần nửa năm lại đây vô tình đã giúp cho khuynh hướng xấu. Hồ Phong tính gian trá như thế, Hoàng Nguyên hành vi xu nịnh như thế, ông đều không để ý, nên bị họ chiếm làm của riêng, huyễn hoặc quần chúng, như một thần tượng. Thế là cuộc vận động chia rẽ xuất phát từ dã tâm của họ, khi đã tung ra, thì không thể cứu vãn nổi. Hành động bọn Hồ Phong rõ ràng là một cuộc vận động

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Tác gia* số tháng 8 năm 1936.

Ngày 1 tháng 8 năm 1935, Đảng cộng sản Trung Quốc kêu gọi lập một Mặt trận thống nhất chống Nhật, được toàn thể nhân dân trong nước ủng hộ. Trong giới văn nghệ, vấn đề đó cũng thành một vấn đề trung tâm. Giới văn học cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tự động giải tán Hội Tả liên vào mùa xuân năm 1936, trù bị thành lập Hội Liên hiệp các nhà văn nghệ. Về vấn đề sáng tác thì có cuộc tranh luận xung quanh hai khẩu hiệu : "Văn học quốc phòng" và "Văn học đại chúng của cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc". Trong bài này cũng như trong bài *Thư trả lời phái Tơrốtkít, Bàn về cuộc vận động văn học của chúng ta hiện nay* đã nói rõ ý kiến, thái độ của Lỗ Tấn về chính sách mặt trận thống nhất chống Nhật và về cuộc vận động văn học đương thời.

Từ Mậu Dung viết bức thư này cho Lỗ Tấn hoàn toàn là một hành động sai lầm của cá nhân ông ta. Lúc đó, Lỗ Tấn đang nằm trên giường bệnh, bài trả lời này là do Phùng Tuyết Phong chấp bút thảo ra.

bè phái cực đoan, do tư tâm mà ra. Lý luận của họ trước sau mâu thuẫn nhau, sai lầm nhan nhản. Chẳng hạn, khẩu hiệu "Văn học đại chúng của cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc", lúc đầu vốn là Hồ Phong đưa ra, để đối lập với "Văn học quốc phòng", sau y nói một bên là khẩu hiệu tổng quát, một bên là khẩu hiệu phụ, rồi lại nói một bên là khẩu hiệu của văn học cánh tả phát triển đến giai đoạn hiện tại, cứ nghiêng ngả như thế, dù ông cũng không thể bênh vực cho họ được. Đối với ngôn ngữ hành vi của họ, mà đả kích là chuyện rất dễ, nhưng chỉ vì ông làm cái thuẫn cho họ, ai mà không mến ông, nên cách giải quyết thực tế và đấu tranh bằng văn chương, thấy hết sức khó khăn.

Tôi rất hiểu ẩn ý của ông. Ông sợ những người bạn chiến đấu cánh tả tham gia Mặt trận thống nhất thì sẽ bỏ rơi lập trường trước kia, rồi thấy bọn Hồ Phong có vẻ tả đến dễ thương như thế, cho nên ông tán thành họ. Nhưng tôi xin nói rằng, như thế là vì ông chưa nắm vững chính sách cơ bản hiện nay. Mặt trận thống nhất hiện nay – Trung Quốc cũng như toàn thế giới đều như vậy cả – tất nhiên là lấy "phố la" là chủ thể, nhưng nó thành chủ thể không phải là vì danh nghĩa của nó, vì địa vị đặc thù và lịch sử của nó, mà là vì nó nắm hiện thực rất chính xác và có năng lực đấu tranh rất to lớn. Cho nên, khách quan mà xét, "phố la" mà thành chủ thể là chuyện đương nhiên. Nhưng về mặt chủ quan, thì "phố la" không nên đeo rõ huy hiệu ra, không tham gia công tác mà chỉ lấy tư cách đặc thù đòi quyền lãnh đạo, đến nỗi làm cho các bạn chiến đấu các giai tầng khác sợ bỏ chạy. Cho nên lúc này, vào Mặt trận liên hiệp mà đưa khẩu hiệu cánh tả ra, là sai, là nguy hại cho Mặt trận liên hiệp. Cho nên trong bài Trả lời khách hỏi trong lúc ốm[1] *của ông đăng gần đây, ông nói "văn học đại chúng của cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc" là văn học vô sản phát triển cho đến nay, rồi lại nói nên lấy khẩu hiệu đó làm khẩu hiệu chung của mặt trận thống nhất. Như thế không đúng.*

Lại nói đến những "bạn chiến đấu" của Hội Liên hiệp các nhà văn nghệ. Vị tất người nào cũng hữu khuynh, suy đồi như ông ngờ vực, lo sợ ; huống hồ những "bạn chiến đấu" tập hợp xung quanh ông, cũng gồm cả bọn Ba Kim và Hoàng Nguyên, lẽ nào ông cho rằng những người tham gia Hội Liên hiệp các nhà văn nghệ chẳng ai được như Ba Kim và Hoàng Nguyên hay sao ? Theo báo chí, tôi biết ở hai nước, Pháp và Tây Ban Nha, bọn phản

(1) Tức là bài *Trên giường bệnh trả lời người phỏng vấn.*

động anacsit[1] *phá hoại Mặt trận liên hiệp chẳng khác gì bọn Tơrôtkít. Hành vi của bọn anacsit Trung Quốc lại càng đê tiện. Hoàng Nguyên là một anh căn bản không có tư tưởng gì, chỉ nịnh hót các người có tiếng tăm mà sống. Trước kia, lúc anh ta ở dưới trướng của Phó Đông Hoa, Trịnh Chấn Đạc, cái tướng nịnh hót của anh ta cũng chẳng khác gì cái vẻ trung thành, kính cẩn đối với ông ngày nay. Ông có thể đánh bạn với bọn họ, mà lại không thèm hợp tác với số đông người, thật tôi không thể hiểu được điều đó.*

Tôi cảm thấy nguyên nhân sai lầm của ông nửa năm nay là không nhìn việc, chỉ nhìn người. Mà ông nhìn người cũng nhìn không đúng. Chẳng hạn, cá nhân tôi, đành rằng tôi có nhiều khuyết điểm, nhưng ông lại đem việc tôi viết văn không hay làm một khuyết điểm lớn, tôi thấy buồn cười quá. (Tại sao tôi cố ý viết ba chữ Khâu Vận Đạc *giống như Trịnh Chấn Đạc ? Lẽ nào Trịnh Chấn Đạc là người ông thích sao ?). Vì chuyện nhỏ nhặt đó mà gạt một người ra ngoài ngàn dặm, tôi cho là không đúng.*

Hôm nay tôi sẽ rời Thượng Hải. Sắp ra đi, vội không thể viết dài được, mà có lẽ viết đã quá dài rồi chăng. Những điều nói trên không phải là có ý công kích ông, thực tình là rất mong ông nghĩ kỹ các việc.

Vừa dịch xong cuốn Đời Xtalin[2] *sắp xuất bản. Xuất bản rồi sẽ xin gửi tặng ông một cuốn. Rất mong ông xem kỹ, và cho ý kiến về nguyên ý và về văn dịch.*

Chúc ông mạnh khỏe.

1 tháng 8
MẬU DUNG

Trên đây là bức tư Từ Mậu Dung gửi cho tôi. Chưa được anh ta đồng ý, nhưng tôi cứ đăng, bởi vì trong đó toàn là những lời dạy khôn tôi và công kích người khác, đăng lên không tổn hại đến cái oai của anh ta, mà có lẽ đây chính là một tác phẩm anh ta chuẩn bị cho tôi đăng. Nhưng tất nhiên, người ta cũng không khỏi vì thế mà thấy được rằng : người gửi thư là một thanh niên hơi "xấu".

---

(1) Tức bọn vô chính phủ.

(2) Cuốn này do Henri Barbusse, nhà văn người Pháp soạn. Từ Mậu Dung dịch ra tiếng Trung Quốc năm 1936.

Nhưng tôi có mong mỏi, một điều là các ông Ba Kim[1], Hoàng Nguyên[2], Hồ Phong[3] không nên làm theo Từ Mậu Dung. Vì trong bức thư này có những lời công kích các ông, rồi các ông ăn miếng trả miếng, như thế là các ông trúng vào quỷ kế của anh ta rồi. Hiện nay, nước nhà đang lâm nguy, chẳng phải là hạng người này ban ngày thì nói những lời lẽ đàng hoàng, mà ban đêm thì tìm cách ly gián, khiêu khích, chia rẽ đấy ư ? Bức thư này là một âm mưu ; họ lại khiêu chiến với những người chưa tham gia "Hội Liên hiệp các nhà văn nghệ", chờ những người này ứng chiến, thì họ sẽ gán cho cái tội "phá hoại Mặt trận liên hiệp", cái tội "Hán gian". Nhưng chúng ta không, chúng ta quyết không đem ngòi bút chúng ta chĩa vào mấy cá nhân. "Trước an trong sau chống ngoài"[4], không phải là biện pháp của chúng ta.

Nhưng ở đây tôi muốn nói ít điều. Trước hết về thái độ của tôi đối với Mặt trận thống nhất chống Nhật. Thật ra, tôi đã nói ở nhiều chỗ khác rồi, nhưng tựa hồ bọn Từ Mậu Dung không chịu tìm xem, lại cứ một mực đả kích tôi, vu khống tôi "phá hoại Mặt trận thống nhất", cứ muốn dạy khôn tôi, nói rằng tôi "không hiểu chính sách cơ bản hiện nay". Tôi không biết bọn Từ Mậu Dung có "chính sách cơ bản" gì (chính sách cơ bản của bọn họ chẳng phải là đả kích tôi hay sao ?). Nhưng, *chính sách Mặt trận thống nhất chống Nhật, mà chính Đảng cách mạng hiện nay của Trung Quốc đề ra cho nhân dân toàn quốc, thì tôi thấy ; tôi ủng hộ chính sách đó, tôi tham gia Mặt trận đó vô điều kiện, lý do là vì không những tôi là một nhà văn, mà còn là một người Trung Quốc, cho nên chính sách đó tôi cho hết sức đúng.* Tất nhiên, sau khi tham gia Mặt trận thống nhất đó, tôi cũng chỉ sử dụng cây bút, tôi cũng chỉ viết văn, dịch sách, cho đến khi nào cây bút này không dùng được nữa, nhưng tôi tin rằng, dùng một thứ vũ khí khác, tôi cũng quyết không thể thua bọn Từ Mậu Dung được !

---

(1) *Ba Kim* : tên thật là Lý Thị Cam, một nhà văn hiện đại.

(2) *Hoàng Nguyên* : nhà dịch thuật.

(3) *Hồ Phong* (1903 - 1985) : vốn tên là Trương Quang Nhân, bút danh là Cốc Phi, người tỉnh Hồ Bắc. 1929, sang Nhật Bản du học. 1933, bị trục xuất về nước, tham gia Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả, được cử làm ủy viên thường vụ phụ trách công tác tuyên truyền. Năm 1938, tham gia thành lập Hội Văn nghệ kháng địch toàn quốc ở Vũ Hán. Năm 1954, viết "Báo cáo tình hình thực tế của văn nghệ mấy năm gần đây". Sau 1980, từng được cử làm Ủy viên thường vụ Chính trị hiệp thương toàn quốc, ủy viên BCH Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật, cố vấn Hội nhà văn, cố vấn Viện Nghiên cứu văn học nghệ thuật thuộc Bộ Văn hóa. Hồ Phong đã xuất bản nhiều tập thơ và nhiều tập bình luận văn nghệ. Ông là một nhà lý luận đã có những đóng góp nhất định đối với văn học cách mạng, song một số bài bình luận của ông đã từng gây ra những cuộc tranh luận sôi nổi trong giới học thuật.

(4) Đó là khẩu hiệu của Chính phủ Quốc dân đảng, tức là : trước dẹp Đảng cộng sản sau mới chống Nhật ngoại xâm.

Thứ nữa, về thái độ của tôi đối với Mặt trận thống nhất văn nghệ. *Tôi tán thành chủ trương thống nhất tất cả các nhà văn, bất cứ thuộc phái nào, dưới khẩu hiệu chống Nhật.* Tôi cũng đã nói ý kiến của tôi về việc tổ chức đoàn thể thống nhất đó, những ý kiến ấy tất nhiên bị một số người, gọi là "nhà chỉ đạo", bóp chết, rồi liền quay lại gán cho tôi cái tội "phái hoại Mặt trận thống nhất", như trên trời giáng xuống. Điều đó trước hết đã làm cho tôi tạm thời không tham gia Hội Liên hiệp các nhà văn nghệ, bởi vì tôi phải chờ một tí xem xem, rút cục họ làm trò trống gì. Quả thật, lúc đó tôi có hơi nghi những kẻ tự xưng là "người chỉ đạo" và những thanh niên kiểu Từ Mậu Dung, bởi vì, theo kinh nghiệm của tôi, cái bọn về mặt "cách mạng" hay vu kẻ khác là "tay trong", là "phản cách mạng", là "tơrôtkít", thậm chí là "Hán gian", phần lớn không phải là người đường đường chính chính ; bởi vì họ giết lực lượng dân tộc cách mạng một cách khôn khéo, họ không nghĩ đến lợi ích của đại chúng cách mạng, mà chỉ mượn tiếng cách mạng làm chuyện riêng. Nói thật, thậm chí tôi nghi không biết họ có phải là tay sai của địch hay không. Tôi nghĩ, chi bằng mình hãy tạm tránh cái nguy hiểm không ích lợi gì cho người, hãy tạm không nghe họ chỉ huy cái đã. Tất nhiên, sự thực sẽ làm cho lòi chân tướng của họ, tôi quyết không muốn đoán định họ là hạng người nào, nhưng giá thử chí của họ quả thật ở chỗ cách mạng và dân tộc, chẳng qua tâm thuật không chính đáng, quan niệm không chính xác, phương thức ngu xuẩn mà thôi, thì tôi cho rằng họ cần phải tự cải tạo đi. Thái độ của tôi đối với Hội Liên hiệp các nhà văn nghệ như sau : tôi cho đó là một đoàn thể các nhà văn chống Nhật, trong đó có những người kiểu Từ Mậu Dung, cũng có một số người mới. Nhưng không thể nói có Hội Liên hiệp các nhà văn nghệ là thành Mặt trận thống nhất của giới văn nghệ. Hãy còn xa lắm. Hãy còn chưa đoàn kết được tất cả những nhà văn nghệ các phái. Nguyên nhân vì "Hội Liên hiệp các nhà văn nghệ" còn có tính cách bè phái và hiện tượng chia rẽ. Chẳng cần xem cái gì ở đâu hết, chỉ xem điều lệ là thấy nó hết sức hạn chế tư cách người tham gia. Chẳng hạn, hội viên phải nộp một đồng hội phí, hai đồng niên phí, chừng ấy cũng tỏ rõ khuynh hướng "tác gia phiệt", chứ không phải khuynh hướng chống Nhật "kiểu nhân dân". Về mặt lý luận, thì như bài nói về "vấn đề liên hiệp" và "văn học quốc phòng" đăng trên số ra mắt tờ *Văn học giới*[1] thì căn bản là một bài có tính cách bè phái. Một nhà văn trích dẫn lời tôi nói năm 1930, lấy đó làm xuất phát điểm, do đó, tuy miệng nói thao thao là liên hiệp bất cứ nhà văn thuộc phái nào, nhưng mình thì vẫn muốn đặt ra những hạn chế và những điều kiện gia nhập. Đó là nhà văn kia quên mất thời đại. *Tôi cho*

(1) *Văn học giới* : tờ nguyệt san do Chu Uyên biên tập, xuất bản tháng 6 năm 1936, đến số 4 thì đình bản.

rằng sự liên hiệp của nhà văn về vấn đề chống Nhật là vô điều kiện, chỉ cần không phải Hán gian, và nguyện ý hoặc tán thành chống Nhật, thì bất cứ là "anh anh em em", "chi hồ giả dã", hoặc uyên ương hồ điệp, cũng không hề gì hết. Nhưng về vấn đề văn học, chúng ta vẫn có thể phê bình lẫn nhau. Nhà văn kia lại đưa Mặt trận nhân dân nước Pháp ra làm thí dụ, nhưng tôi cho rằng như thế là ông ta quên mất tình hình từng nước, *bởi vì Mặt trận thống nhất nhân dân chống Nhật của ta cần phải rộng rãi hơn Mặt trận nhân dân nước Pháp nhiều.* Một nhà văn khác lại giải thích khẩu hiệu "Văn học quốc phòng", nói "văn học quốc phòng" phải có một phương pháp sáng tác đúng đắn, lại nói bây giờ mà không phải "văn học quốc phòng" thì tức là "văn học Hán gian". Ông ta muốn lấy khẩu hiệu "Văn học quốc phòng" để thống nhất các nhà văn lại, và cũng chuẩn bị trước cái danh từ "văn học Hán gian" để sau này đem ra phê bình người khác. Đó quả là một bài lý luận bè phái hết sức sâu sắc. Tôi cho rằng nên nói : *Các nhà văn hãy liên hiệp lại dưới lá cờ "chống Nhật" hay lá cờ "quốc phòng"*, chứ không thể nói : *Các nhà văn hãy liên hiệp lại dưới khẩu hiệu "Văn học quốc phòng"*, bởi vì *có những nhà văn không viết những tác phẩm lấy "quốc phòng làm chủ đề" nhưng, về nhiều phương diện, vẫn có thể tham gia Mặt trận liên hiệp chống Nhật được.* Dù người đó không vào "Hội Liên hiệp các nhà văn nghệ" như tôi, cũng vị tất đã là "Hán gian". "Văn học quốc phòng" *không thể bao gồm được mọi thứ văn học, bởi vì ngoài "văn học quốc phòng" và "văn học Hán gian" ra, đích xác có thứ văn học không thuộc loại trước mà cũng chẳng thuộc loại sau,* trừ phi người ta có tài chứng minh rằng *Hồng lâu mộng, Nửa đêm, AQ chính truyện,* là "văn học quốc phòng" hoặc "văn học Hán gian". Thứ văn học đó vẫn tồn tại, nhưng nó không phải là "văn học thứ ba" gì gì của bọn Đỗ Hành, Hàn Thị Hành, Dương Đồn Nhân. Do đó, tôi rất tán thành ý kiến của ông Quách Mạt Nhược nói rằng : "Văn nghệ quốc phòng là văn học yêu nước hiểu theo nghĩa rộng", và "văn nghệ quốc phòng là lá cờ cắm mốc trong mối quan hệ giữa các nhà văn, chứ không phải là lá cờ cắm mốc của tác phẩm trên nguyên tắc"[1]. Tôi đề nghị Hội Liên hiệp các nhà văn nghệ nên khắc phục chủ nghĩa bè phái và hiện tượng chia rẽ trong lý luận và trong hành động của họ, nới rộng phạm vi ra nữa,

---

(1) Ý kiến này ông Quách Mạt Nhược phát biểu trong một bài đăng ở báo *Văn học giới* tháng 7 năm 1936. Ông viết : "Tôi thấy văn nghệ quốc phòng phải bao gồm tác phẩm văn nghệ các loại từ tác phẩm thuần túy xã hội chủ nghĩa đến tác phẩm yêu nước, hiểu theo nghĩa hẹp, chỉ cần không phải là tác phẩm bán nước, không phải là tác phẩm ca tụng chủ nghĩa đế quốc... Tôi thấy "văn nghệ quốc phòng" phải là lá cờ cắm mốc trong mối quan hệ giữa các nhà văn, chứ không phải là lá cờ cắm mốc của tác phẩm trên nguyên tắc... Cũng không phải... nhất định là câu nào cũng yêu nước, câu nào cũng cứu nước, mới là "văn nghệ quốc phòng"... Tôi cũng tin rằng có thể gọi "văn nghệ quốc phòng" là văn nghệ yêu nước hiểu theo nghĩa rộng".

đồng thời tốt nhất là đem cái gọi là "quyền lãnh đạo" giao cho những nhà văn và thanh niên có thể làm việc đúng đắn, chứ không thể để cho bọn người như Từ Mậu Dung bao biện. Còn như cá nhân tôi có tham gia hay không, thì không phải là việc quan trọng.

Thứ nữa, về quan hệ giữa tôi với khẩu hiệu "Văn học đại chúng của chiến tranh cách mạng dân tộc". Chủ nghĩa bè phái của bọn Từ Mậu Dung còn lộ rõ trong thái độ đối với khẩu hiệu đó[1]. Bọn họ nói như thế là "lập dị", lại nói như thế là chống đối với "văn học quốc phòng". Tôi thật không ngờ họ có thể bè phái đến nước đó. Nếu khẩu hiệu "Văn học đại chúng của cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc" không phải là khẩu hiệu của "Hán gian", thì tức đó là một lực lượng chống Nhật rồi. Tại sao như thế là "lập dị" ? Các người thấy nó chống lại "văn học quốc phòng" ở chỗ nào ? Cự tuyệt lực lượng của quần bạn, ngấm ngầm giết hại lực lượng chống Nhật, cái khí phách đó của các người còn hẹp hòi hơn Vương Luân "bạch y tú sĩ"[2] nữa kia ! Tôi cho rằng *trên mặt trận chống nhật, bất cứ lực lượng chống Nhật nào đều nên hoan nghênh, đồng thời trên mặt văn học, cũng nên để cho người khác đề ra ý kiến mới mà thảo luận. "Lập dị" cũng không đáng sợ.* Cái này khác với kiểu độc quyền của bọn con buôn. Vả lại, trên thực tế, khẩu hiệu "Văn học quốc phòng" mà các người đề ra trước đây, cũng chẳng phải là các người đã đến đăng ký với chính phủ Nam Kinh hoặc chính phủ Xô viết rồi. Nhưng bây giờ trên văn đàn, hình như đã có hai cửa hiệu, hiệu "Văn học quốc phòng" và hiệu "Văn học đại chúng của cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc". Trách nhiệm đó bọn Từ Mậu Dung phải gánh lấy. Trong bài *Trên giường bệnh trả lời người phỏng vấn*[3], tôi không chia họ ra làm hai cửa hiệu. Tất nhiên, tôi phải nói một tí về sự chính xác của khẩu hiệu "Văn học đại chúng của cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc" và mối quan hệ giữa nó với khẩu hiệu "Văn học quốc phòng". Tôi phải nói trước, khẩu hiệu đầu không phải Hồ Phong đề ra. Hồ Phong có viết một bài, cái đó có, nhưng đó là tôi nhờ ông ta viết. Bài của ông ta giải thích không được rõ, cái đó cũng có. Khẩu hiệu ấy cũng không phải một mình tôi "lập dị" đề ra, mà là do mấy người đề ra sau khi thảo luận. Ông Mao Thuẫn cũng là một

---

(1) Trong bài *Đại chúng nhân dân đòi hỏi gì ở văn học*, đăng trên tạp chí *Quang minh*, số tháng 6 năm 1936, Từ Mậu Dung viết : "Về văn học đại chúng nhân dân đòi hỏi trong giai đoạn hiện tại, trước đây đã có người căn cứ vào tình hình chính trị và khuynh hướng nhất trí của giới văn hóa, đề ra khẩu hiệu "Văn học quốc phòng", và đã được đại chúng công nhận và ủng hộ, nhưng trong bài luận văn của Hồ Phong, ông ta không phê bình khẩu hiệu đó... mà lại đề ra một khẩu hiệu mới cũng về cuộc vận động đó... có phải là lập dị muốn làm cho đại chúng nhìn không rõ đâu vào đâu nữa, phân hóa đường lối cuộc vận động văn nghệ mới hay không đấy ?...".

(2) *Vương Luân* "Bạch y tú sĩ" : nhân vật trong *Thủy hử* (Hồi 19).

(3) Tức là bài *Bàn về cuộc vận động văn học của chúng ta hiện nay*.

trong những người tham gia cuộc thảo luận đó. Ông Quách Mạt Nhược ở Nhật Bản xa xôi, bị mật thám theo dõi, nên không tiện viết thư hỏi. Chỉ đáng tiếc không mời bọn Từ Mậu Dung đến tham gia thảo luận. Nhưng vấn đề không phải ở chỗ ai đề ra, mà ở chỗ nó chẳng có gì sai cả. *Nếu để thúc đẩy những nhà văn cánh tả trước nay vẫn bó hẹp trong phạm vi với văn học phổ la tiến lên tiền tuyến cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc chống Nhật, nếu để bổ cứu vào chỗ, về mặt tư tưởng văn học, không được rõ nghĩa lắm của cái tên "Văn học quốc phòng", và uốn nắn lại một số ý kiến không chính xác mà người ta đã gán cho cái danh từ "văn học quốc phòng"*, nếu vì những lý do đó mà nó được đưa ra, thì đó là một khẩu hiệu chính đáng, chính xác. Nếu người ta không suy nghĩ bằng đa chân mà bằng một chút trí óc, thì không thể tùy tiện nói "lập dị" là xong chuyện. Danh từ "văn học đại chúng của cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc", bản thân nó, so với danh từ "văn học quốc phòng", ý nghĩa rõ ràng hơn, sâu sắc hơn, có nội dung hơn. "Văn học đại chúng của cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc" chủ yếu là khẩu hiệu đề ra cho những nhà văn tiên tiến trước nay tự xưng là cánh tả, mong mỏi các nhà văn đó sẽ nỗ lực tiến lên. Với ý nghĩa đó, và trong lúc tổ chức Mặt trận liên hiệp như hiện nay, mà Từ Mậu Dung nói không thể đưa ra khẩu hiệu như thế, là nói rờ ! Khẩu hiệu "Văn học đại chúng của cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc" cũng có thể đề ra cho các nhà văn nói chung hoặc cho các nhà văn thuộc phái khác, mong mỏi họ cũng cố gắng tiến lên. Với ý nghĩa đó, mà nói không thể đề ra một khẩu hiệu như thế đối với các nhà văn nói chung và các nhà văn thuộc phái khác, cũng là nói rờ ! Nhưng đó không phải là tiêu chuẩn của Mặt trận thống nhất chống Nhật. Từ Mậu Dung nói rằng tôi "nói phải lấy cái đó làm khẩu hiệu chung cho Mặt trận thống nhất" lại càng là nói rờ ! Tôi hỏi Từ Mậu Dung, anh có xem bài của tôi hay không đấy ? Nếu đã xem bài đó của tôi, và nếu không giải thích khẩu hiệu đó theo cách bọn Từ Mậu Dung giải thích "Văn học quốc phòng", như Nhiếp Kiềm Nỗ đã sai lầm, thì người ta sẽ thấy khẩu hiệu đó chẳng liên quan chút gì với chủ nghĩa bè phái, chủ nghĩa đóng cửa hết. Chữ "đại chúng" ở đây giải thích theo nghĩa "quần chúng", "dân chúng" dùng trước nay, cũng có thể được, huống chi bây giờ đây, đương nhiên nó đã có cái ý nghĩa "đại chúng nhân dân" rồi. Tôi nói "Văn học quốc phòng" là một trong những khẩu hiệu cụ thể của cuộc vận động văn học trước mắt chúng ta, là vì khẩu hiệu "Văn học quốc phòng" này rất thông tục, nhiều người đã nghe quen, nó có thể làm cho ảnh hưởng về chính trị và về văn học của chúng ta rộng rãi hơn, hơn nữa, có thể giải thích đó là văn học yêu nước hiểu theo nghĩa rộng, của các nhà văn liên hiệp dưới lá cờ quốc phòng. Do đó, dù nó đã từng bị giải thích không được chính xác, dù ý nghĩa của nó thiếu sót, nó

vẫn nên tồn tại, bởi vì nó tồn tại thì có ích cho cuộc vận động chống Nhật. Tôi cho rằng hai khẩu hiệu đó có thể song song tồn tại, bất tất phải nói như ông Tân Nhân là một cái có "tính chất thời kỳ", một cái có "tính chất thời gian"[1]. Tôi càng không tán thành người ta đem hạn chế này hạn chế khác vào khẩu hiệu "Văn học đại chúng của cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc". Giả sử nhất định cần phải đề khẩu hiệu "Văn học quốc phòng" ra trước, vì đó là chính thống, thế thì vị tất không thể đem cái quyền chính thống đó nhường cho những người muốn chính thống, bởi vì vấn đề không ở chỗ tranh giành khẩu hiệu, mà ở chỗ làm thật sự. Hô khẩu hiệu, tranh chính thống, cố nhiên cũng có thể cho là "văn chương", lấy một ít tiền nhuận bút, nhờ vào đó mà sống, nhưng dù như thế đi nữa, cũng không phải là kế lâu dài.

Cuối cùng, tôi muốn nói đến mấy việc về cá nhân tôi. Từ Mậu Dung nói rằng ngôn ngữ hành vi của tôi gần nửa năm nay có lợi cho khuynh hướng xấu. Vậy tôi thử xét lại ngôn ngữ và hành vi của tôi trong nửa năm nay. Cái gọi là ngôn ngữ tức là đã đăng bốn năm bài báo, ngoài ra, nhiều nhất là tán gẫu vài câu với những người đến phỏng vấn, khai với thầy thuốc bệnh tình của tôi. Cái gọi là hành vi, thì có nhiều hơn một chút, in hai tập tranh, một tập tạp cảm, dịch mấy chương *Những linh hồn chết*, ốm ba tháng, ký một cái tên[2], ngoài ra cũng chưa xuống xóm thịt muối[3] hoặc đến sòng bạc, cũng không dự cuộc hội nghị nào. Tôi thật không hiểu tôi đã làm lợi như thế nào, và làm lợi cho khuynh hướng xấu nào ? Lẽ nào vì tôi ốm !? Ngoài việc trách tôi vì sao ốm mà chưa chết đi cho, tôi tưởng chỉ có thể trách tôi ốm nên tôi không thể vật lộn với cái khuynh hướng xấu của Từ Mậu Dung được.

Thứ nữa, là quan hệ giữa tôi với Hồ Phong, Ba Kim, Hoàng Nguyên. Tôi với họ gần đây mới quen nhau đều là do quan hệ về công tác văn học, tuy không thể nói là bạn chí thân, nhưng cũng có thể nói là bạn. Không thể đưa ra được những chứng cớ đích xác mà tùy tiện vu bạn tôi là "tay trong", là "đê hèn", thì tôi phải cải chính ; đó không những là do tình bạn mà là kết quả của việc nhìn người nhìn việc. Từ Mậu Dung nói tôi chỉ nhìn người, không nhìn việc, như thế là vu oan. Trước hết, tôi chỉ một số việc, rồi sau mới nhìn thấy những con người như Từ Mậu Dung. Trước kia, tôi không quen Hồ Phong, năm ngoái, một hôm, một vị danh nhân hẹn gặp tôi nói chuyện, đến nơi, thì thấy một chiếc xe hơi chạy tới, bốn người ở trong bước

---

(1) Ý của ông Tân Nhân phát biểu trên báo *Văn học hiện thực* số tháng 8 năm 1936.

(2) Nói việc ký tên vào *Tuyên ngôn của các nhà công tác văn nghệ Trung Quốc*. Tuyên ngôn đó chủ trương lập một mặt trận rộng rãi trong giới văn nghệ để làm công tác cứu nước chống Nhật.

(3) Nguyên văn : "*hàm nhục trang*" : tiếng Thượng Hải chỉ xóm ăn chơi.

ra : Điền Hán, Chu Khởi Ưng, còn hai người nữa, đều ăn mặc Tây, thái độ hiên ngang, nói là đến để nói cho tôi biết : Hồ Phong là một người "tay trong" của Chính phủ cài vào. Tôi hỏi bằng chứng, thì bảo là nghe miệng Mục Mộc Thiên nói, sau khi anh này chuyển hướng. Lời của người chuyển hướng nói, đến Tả liên thì trở thành thánh chỉ, cái đó thật làm cho tôi ngơ ngác. Mấy lần hỏi và trả lời như thế, tôi trả lời lại là chứng cớ yếu ớt quá, tôi không tin ! Bấy giờ tất nhiên chúng tôi chia tay nhau chẳng lấy gì làm vui vẻ lắm. Về sau tôi cũng không nghe người ta nói lại lần thứ hai rằng Hồ Phong là "tay trong" nữa. Kỳ quặc thay, sau đó, tờ báo nọ, mỗi khi công kích Hồ Phong, thường thường kéo cả tôi vào, hoặc nhân nói đến tôi mà đả động đến Hồ Phong. Gần đây thì như sau khi *Văn học hiện thực*[1] đăng bài OV ghi chép lại chủ trương của tôi, tờ *Xã hội Nhật báo* liền nói OV là Hồ Phong[2] và ghi chép cũng không đúng như bản ý của tôi. Xa hơn nữa, như lúc Chu Văn kháng nghị việc Phó Đông Hoa sửa chữa cuốn tiểu thuyết của ông ta[3], thì tờ báo đó cũng nói tôi và Hồ Phong xúi. Nguy hiểm nhất là tờ báo đó, vào dạo mùa đông năm ngoái hay mùa xuân năm nay gì đấy, có đăng một tin quan trọng, xung quanh kẻ viền hoa, nói tôi sắp sửa đầu hàng Nam Kinh, trong đó người bỏ sức ra là Hồ Phong, hoặc chóng hoặc chầy, sẽ thấy cách của anh ta. Tôi lại nhìn những việc ngoài tôi ra : chẳng phải có một thanh niên vì bị chỉ trích là "tay trong" mà bạn bè xa lánh, cuối cùng lang thang ngoài phố, không có chỗ ở, bị bắt và bị tra khảo khủng khiếp đấy ư ? Lại có một thanh niên khác, cũng bị vu "tay trong" như thế, nhưng chẳng phải vì anh ta tham gia cuộc chiến đấu anh dũng mà bây giờ ngồi trong ngục Tô Châu, chết sống thế nào không ai biết đấy ư ? Sự thực chứng minh rằng hai thanh niên đó không viết giấy hối cải đàng hoàng như Mục Mộc Thiên, và cũng chẳng diễn kịch ở Nam Kinh như Điền Hán. Và tôi cũng nhìn người : dù Hồ Phong không đáng tin, nhưng người đó đối với cá nhân tôi, tôi vẫn cứ có thể tin được, không hề có chuyện tôi đã đưa điều kiện với Nam Kinh qua tay Hồ Phong. Do đó, tôi lại rõ Hồ Phong là người gai góc, dễ gây oán thù, có thể gần được, còn đối với những thanh niên hay vu cáo như bọn Chu Khởi Ưng, thì họ hoài nghi mà lại căm ghét nữa. Tất nhiên, có lẽ Chu Khởi Ưng cũng có ưu điểm của anh ta, có lẽ sau này anh ta không như thế nữa và sẽ trở thành một người cách mạng chân chính. Còn

---

(1) *Văn học hiện thực* xuất bản tháng 7 năm 1936, sau đổi là *Văn học nhân dân*.

(2) Chỉ bài *Bàn về cuộc vận động văn học của chúng ta hiện nay*. *OV* : tức Phùng Tuyết Phong.

(3) Năm 1935, Chu Văn có đăng một thiên tiểu thuyết trên tờ *Văn học*, cuốn tiểu thuyết đó, Phó Đông Hoa lúc bấy giờ chủ biên tờ *Văn học*, có sửa chữa. Chu Văn gửi thư đăng lên báo kháng nghị.

Hồ Phong cũng có khuyết điểm của anh ta, nóng nảy, phiến toái, về mặt lý luận có hơi câu nệ, văn chương không chịu viết cho đại chúng, nhưng rõ ràng anh ta là một thanh niên tích cực ; anh ta chưa hề tham gia bất cứ một phong trào phản đối chống Nhật nào, hoặc chưa hề phản đối Mặt trận thống nhất. Điều đó dù bọn Từ Mậu Dung có dùng hết tâm cơ cũng không cách nào xóa bỏ được.

Còn như Hoàng Nguyên, thì tôi cho rằng anh là một người dịch thuật đứng đắn, có chí tiến thủ. Những cái thiết thực như tạp chí *Dịch văn* và các tập sách dịch khác có thể làm bằng. Ba Kim là một nhà văn nhiệt tình, có tư tưởng tiến bộ, là một nhà văn trong số những nhà văn hay, có thể đếm đầu ngón tay. Cố nhiên anh bị họ gán cho là người theo chủ nghĩa anacsít, nhưng anh không hề phản đối cuộc vận động của chúng ta, và đã từng ký tên vào bản Tuyên ngôn liên doanh chiến đấu của các nhà công tác văn nghệ. Hoàng Nguyên cũng ký. Một nhà văn và một nhà dịch thuật như thế mà muốn tham gia mặt trận thống nhất chống Nhật, thì chúng ta phải hoan nghênh. Tôi thật không hiểu vì sao bọn Từ Mậu Dung lại nói rằng họ "đê tiện" ? Lẽ nào vì có tờ *Dịch văn* đấy mà gai mắt ? Lẽ nào, việc bọn anacsít Tây Ban Nha phá hoại cách mạng, cũng bắt Ba Kim chịu trách nhiệm ?

Còn nữa, ở Trung Quốc mấy lâu nay đã là chuyện thường – kỳ thực không những "giúp ích" mà chính là một "khuynh hướng xấu" – tức là không có bằng cớ gì cả, mà cứ gán cho đối phương một cái tên rất ác. Chẳng hạn như chuyện Từ Mậu Dung nói Hồ Phong là "gian trá", Hoàng Nguyên là "xu nịnh". Điền Hán, Chu Khởi Ưng nói Hồ Phong là "tay trong", cuối cùng không phải, mà là vì họ gà mờ. Không phải Hồ Phong gian trá làm "tay trong", kỳ thực không phải, điều đó đã làm cho họ trở thành người nói láo. *Xã hội nhật báo* nói Hồ Phong lôi kéo tôi chuyển hướng, cho đến nay tôi chưa chuyển, đó là người chọn bài cố ý vu cáo. Chẳng phải là Hồ Phong gian trá lôi kéo tôi, kỳ thực không lôi kéo, điều đó làm cho nhà báo kia trở thành bịa đặt. Không phải Hồ Phong "tả đến dễ thương", nhưng tôi cho rằng kẻ tư thù của anh ta lại là "tả đến dễ sợ". Hoàng Nguyên chưa từng viết văn tâng bốc tôi, cũng chưa hề viết truyện cho tôi, chẳng qua chuyên ra một tờ nguyệt san, làm hết trách nhiệm, dư luận đối với anh không xấu, sao lại nói là "xu nịnh", sao lại nói là "trung thành, kính cẩn" đối với tôi ? Lẽ nào *Dịch văn* là của riêng tôi ? Lúc Hoàng Nguyên bôn tẩu dưới trướng Phó Đông Hoa, Trịnh Chấn Đạc, "cái tướng nịnh hót" của anh – Từ Mậu Dung đại khái vâng theo chiếu chỉ mà biết, nhưng tôi không biết, – cũng không hề thấy. Còn như trong lúc chúng tôi đi lại với nhau, thì không thấy "cái

tướng nịnh hót" đó, mà Từ Mậu Dung cũng chưa hề lần nào cùng ngồi với chúng tôi, tôi không biết anh ta bằng vào cái gì mà quyết đoán "chẳng khác gì" khi ở dưới Trướng Phó Đông Hoa và Trịnh Chấn Đạc ? Lúc này, tôi cũng là người làm chứng, mà Từ Mậu Dung, không phải con mắt trông thấy, lại có thể mở miệng nói rờ, ngậm máu phun người, với tôi là người có mặt lúc đó, thì có thể nói bạo ngược liều lĩnh như thế là tột mức. Chẳng lẽ vì cớ "đã nắm được chính sách cơ bản hiện nay" hay sao ? Và "toàn thế giới đều như vậy cả" hay sao ? Như thế thì đến chết khiếp !

Kỳ thực, "chính sách cơ bản hiện nay" quyết không giống thiên la địa võng như vậy. Chẳng phải "chỉ cần chống Nhật" tức là bạn chiến đấu hay sao ? Có ngại gì "gian tà", có ngại gì "xu nịnh" ? Lại hà tất phải tiêu diệt văn chương của Hồ Phong, đả đảo *Dịch văn* của Hoàng Nguyên, lẽ nào trong đó đều là "hai mươi mốt điều khoản" và "văn hóa xâm lược" ư ? Cái phải quét sạch trước hết, lại là kẻ ngang ngược kéo cờ lên, làm da hổ, choàng vào người, đi nhát kẻ khác ; hơi không bằng lòng là ỷ thế (!) buộc tội người ta nặng đến dễ sợ. Tất nhiên, Mặt trận thống nhất sẽ được thành lập, có điều mặt trận mà đi nhát người như thế thì không chiến đấu được. Trước kia đã có vết xe rồi, con quỷ làm xe đổ, chết cũng không chừa, bây giờ lại nhập thân vào người Từ Mậu Dung mà hiện lên trước mắt chúng ta.

Trước và sau khi Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả thành lập, có một số nhà văn gọi là cách mạng, kỳ thực là những đứa con phiêu bạt, phá gia. Họ cũng bất bình, cũng phản kháng, cũng chiến đấu, nhưng thường thường chẳng qua họ đem cái lối cãi cọ om sòm mẹ chồng nàng dâu, cái lối tranh giành của bà thím mụ o trong các gia đình suy tàn vào văn đàn mà thôi. Họ bù lu bù loa, đặt điều kia tiếng nọ, gây chuyện cãi nhau, chứ không để ý đến đại cục. Cái thói đó lưu truyền mãi. Thí dụ, tôi với hai ông Mao Thuẫn và Quách Mạt Nhược, chúng tôi hoặc quen nhau, hoặc chưa từng gặp mặt lần nào, hoặc chưa từng xung đột, hoặc từng dùng bút mực mà mỉa mai nhau, nhưng cuộc đại chiến đấu đều vì một mục đích chung, chứ không phải là ngày đêm nghĩ đến ân oán riêng. Nhưng tờ báo nọ lại lấy làm thú vị, nhắc đến chuyện Lỗ Tấn với Mao Thuẫn như thế nào, Quách Mạt Nhược với Lỗ Tấn lại như thế nào, hình như chúng tôi chỉ tranh nhau địa vị, giành nhau pháp bảo. Ngay như việc bản dịch *Những linh hồn chết*, khi tờ *Dịch văn* đình bản, thì *Thế giới văn khố* đăng trọn tập một, nhưng tờ báo nọ lại nói : "Trịnh Chấn Đạc chém ngang *Những linh hồn chết* rồi", hoặc Lỗ Tấn giận, bỏ không dịch nữa. Kỳ thực, đó là khuynh hướng xấu, dùng những lời bịa đặt mà chia rẽ lực lượng giới văn nghệ, gần như hành vi của bọn "tay trong". Nhưng đó là bước đường cùng của nhà văn lúc suy tàn.

Tôi thấy Từ Mậu Dung cũng là một nhà văn bù lu bù loa, có quan hệ với tờ báo nọ, nhưng chưa đến bước đường cùng. Có điều anh ta cũng đã hồ đồ lắm rồi ! (Nếu không phải thế thì là ngang ngược). Thí dụ trong thư, anh ta viết : *"Đối với ngôn ngữ hành vi của họ mà đả kích là chuyện rất dễ, nhưng chỉ vì ông làm cái thuẫn cho họ... nên cách giải quyết thực tế và đấu tranh bằng văn chương, thấy hết sức khó khăn"*. Như thế là, đả kích Hồ Phong "gian trá", Hoàng Nguyên "xu nịnh" về mặt tu thân, hay đả kích luận văn của Hồ Phong, *Dịch văn* của Hoàng nguyên về mặt văn chương ? – điều đó tôi không cần biết vội ; tôi chỉ muốn hỏi, vì sao tôi quen biết họ, thì "đả kích" lại "cảm thấy hết sức khó khăn" ? Đối với việc bày đặt vu cáo, cố nhiên tôi quyết không phụ họa rồi, nhưng nếu bọn Từ Mậu Dung nghĩa chính từ nghiêm, thì tôi có thể một tay bưng bít tai mắt thiên hạ thay cho họ được ư ? Và "giải quyết thực tế" là thế nào ? Là đi đày hay chém đầu đấy ? Dưới cái đầu đề to lớn "Mặt trận thống nhất" mà có thể kết tội người ta, có thể lộng quyền như thế ư ? Tôi thành thực chúc cho "Văn học quốc phòng"có những tác phẩm lớn, nếu không thì tội ác của tôi gần nửa năm nay "có lẽ lại là giúp cho khuynh hướng xấu" phát triển.

Cuối cùng, Từ Mậu Dung còn bảo tôi đọc kỹ cuốn *Đời Xtalin*. Phải, tôi sẽ đọc kỹ, nếu còn sống, tất nhiên tôi vẫn sẽ phải học tập, nhưng cuối cùng tôi cũng xin anh ta đọc kỹ lại mấy lần nữa, vì khi anh ta dịch, anh ta chẳng lĩnh hội được chút gì cả, quả thực cần phải đọc lại cho kỹ. Bằng không, vớ được một lá cờ, thế là tự cho mình hơn người, rồi làm bộ ta đây là thầy cai, thầy đội cai quản bọn nô lệ, lấy việc đánh đập làm thành tích – thì thật không có thuốc nào chữa, đối với Trung Quốc, không những không dùng làm gì mà lại còn có hại.

3–6 tháng 8

(Tập cuối ***Thả giới đinh***)

III – HỒI KÝ VĂN HỌC

104. ANH PHẠM ÁI NÔNG

Ở khách sạn Đông Kinh, chúng tôi đại để ngủ dậy là xem báo. Học sinh xem phần lớn là những tờ *Triêu nhật tân văn, Độc mại tân văn* ; chuyên môn tìm tin chó chết, thì xem tờ *Nhị lục tân văn*. Một buổi sáng, vừa xem thì thấy một tin điện từ Trung Quốc sang, đại khái như sau :

"Ông Ân Minh, tuần vũ tỉnh An Huy, bị J.O. Shikirin ám sát. Thủ phạm đã bị bắt".

Mọi người ngơ ngác một lúc rồi vui mừng bàn tán với nhau và nghiên cứu xem thích khách là ai ; chữ Hán là ba chữ gì ? Nhưng nếu ai là người Thiệu Hưng và lại không phải chỉ biết có sách giáo khoa, thì đã rõ rồi. Đó là Từ Tích Lân[1]. Sau khi du học về nước, anh làm hậu bổ An Huy, phụ trách tuần cảnh, một địa vị rất thích hợp để mưu sát tên tuần vũ nọ.

Tiếp theo đó, mọi người đều đoán là anh sẽ bị cực hình, họ hàng sẽ bị liên lụy. Không bao lâu, lại có tin chị Thu Cận bị giết ở Thiệu Hưng, ông Từ Tích Lân thì bị moi gan, bọn lính tay chân của Ân Minh xào lên ăn sạch. Ai cũng giận hết sức. Có mấy người bí mật họp nhau lại, góp một số tiền đi đường. Lúc đó tìm được một tay giang hồ người Nhật, cùng nhau xé mực

---

(1) *Từ Tích Lân* (1873 - 1907), tự Bá Tôn, người Thiệu Hưng, Chiết Giang, một phần tử trọng yếu của Quang Phục hội. Năm 1905, để đào tạo cán bộ cách mạng chống Mãn Thanh, ông đã từng sáng lập ở Thiệu Hưng một trường học gọi là Đại thông Sư phạm học đường. Sau sang Nhật định vào trường Dự bị lục quân Nhật Bản, không đạt được mục đích. Đến năm 1906, về nước, đút lót được chức hậu bổ đạo và mùa thu năm đó được bổ đến An Huy, nhận chức An Huy tuần cảnh đạo kiêm hiệu trưởng trường Tuần cảnh học đường. Ông bỏ tiền chạy chức hậu bổ đạo, mục đích là phục vụ cho cuộc khởi nghĩa ; đến An Huy là tích cực hoạt động chuẩn bị cuộc khởi nghĩa. Đầu mùa hạ năm 1907, ông bị chú ý, hoạt động liền bị phá. Ngày mồng 6 tháng 7 (Quang Tự), nhân trường tuần cảnh tổ chức lễ tốt nghiệp có thao diễn, ông giết tuần vũ Ân Minh và cùng một số học sinh chiếm Sở quân giới. Đạn hết, bị bắt và bị giết ngay. Cuộc khởi nghĩa của Từ Tích Lân có một ảnh hưởng rất lớn đối với phong trào cách mạng chống Mãn Thanh hồi đó.

nhấm rượu, nói một hồi những câu khảng khái, rồi thì tay đó lên đường đón gia quyến ông Từ Bá Tôn sang.

Chiếu lệ, còn họp hội đồng hương lại, điếu liệt sĩ, chửi Mãn Châu. Sau đó, có người chủ trương đánh điện, phái không muốn đánh. Tôi chủ trương đánh điện, nhưng vừa nói xong, tức thì có tiếng ai chậm rãi nói liền :

– Kẻ bị giết thì bị giết rồi, kẻ chết cũng chết rồi, còn đánh điện cái cóc khô gì nữa !

Người đó to cao, tóc để dài, con mắt thì lòng trắng nhiều, lòng đen ít, xem cứ như đang mơ mơ màng màng. Anh ta ngồi chồm hổm trên chiếu. Tôi phát biểu ý kiến đại để là phản đối. Tôi trước đã cảm thấy anh ta có vẻ kỳ quái, chú ý từ lâu, đến lúc này mới hỏi dò người khác : "Nói câu đó là ai đấy nhỉ, sao mà lạnh lùng như thế ?". Người biết anh ta bảo với tôi : "Anh ta là Phạm Ái Nông[1], học trò ông Từ Bá Tôn".

Tôi hết sức phẫn nộ, thấy cái anh này quả thực không phải là người nữa. Thầy học mình bị giết, thế mà chỉ đánh có một bức điện cũng sợ. Thế là tôi kiên quyết chủ trương đánh điện rồi cãi nhau với anh ta. Kết quả phái chủ trương đánh điện đa số, anh ta phải chịu. Lại đến lượt cử người thảo bức điện.

– Phải cử ai làm gì ? Tất nhiên người chủ trương đánh điện dự thảo lấy... – Anh ta nói.

Tôi cảm thấy câu nói đó của anh ta lại ám chỉ tôi ; vô lý, nhưng cũng không phải là vô lý hẳn. Nhưng tôi liền chủ trương rằng, muốn viết cho bi tráng thì phải người biết rõ sinh bình liệt sĩ mới được. Bởi vì người đó quan hệ mật thiết hơn, trong lòng càng đau buồn phẫn nộ, nhất định viết ra càng cảm động. Thế là lại cãi nhau. Kết quả anh ta không viết, tôi cũng không viết, không rõ người nào nhận viết nữa. Thế rồi, mọi người giải tán, chỉ còn người thảo bức điện và một hai cán sự ở lại, đợi thảo xong sẽ đem đi đánh.

Từ đó, tôi cứ cảm thấy anh Phạm Ái Nông lạ lùng và đáng ghét quá. Lúc đầu, tôi chỉ cho rằng người Mãn Châu đáng ghét nhất trong thiên hạ, bây giờ mới biết, họ cũng không phải đáng ghét nhất. Đáng ghét nhất là Phạm Ái Nông, Trung Quốc không cách mạng thì thôi, nếu cách mạng thì trước hết phải trừ Phạm Ái Nông đi đã.

---

(1) *Phạm Ái Nông*, tên là Tư Niên, cũng người Thiệu Hưng, học trò Từ Tích Lân. Năm 1912, cùng một người bạn đi chơi hồ bị chết đuối.

Những ý kiến đó về sau tựa hồ cũng dần dần phai nhạt và cuối cùng thì quên khuấy đi mất. Từ đó chúng tôi cũng không gặp mặt nhau nữa. Mãi cho đến năm trước Cách mạng, tôi dạy học ở quê nhà. Có lẽ là vào khoảng cuối xuân, ở phòng khách một người quen, bỗng tôi gặp một người. Nhìn nhau không quá hai ba giây đồng hồ, chúng tôi cùng nói lên một lần :

– A a, Anh Phạm Ái Nông !

– A a, Anh Lỗ Tấn !

Không hiểu sao, chúng tôi đều phá lên cười, vừa đùa cợt nhau vừa đau xót. Con mắt anh vẫn thế, nhưng lạ thay, chỉ có mấy năm mà đầu đã có tóc bạc rồi, có lẽ trước vốn đã có mà tôi không để ý đó thôi. Anh mặc một chiếc áo khoác ngoài đã cũ, đi đôi giày vải rách, rõ ràng nghèo lắm. Kể lại những việc đã trải qua, anh nói, về sau anh không có tiền ăn học, không thể ở lại học được nữa, phải về. Về đến làng, lại bị khinh rẻ, bài xích, bức hại, cơ hồ như không còn đất dung thân. Bây giờ thì nằm ở nhà quê dạy mấy đứa trẻ kiếm ăn. Nhưng có lúc thấy buồn quá, nên cũng đáp thuyền lên thành. Anh lại cho tôi biết bây giờ thích uống rượu. Thế rồi chúng tôi uống rượu. Từ đó, mỗi tuần anh lên thành, nhất định lại đến thăm tôi, rất là thân thiết. Những lúc say, chúng tôi nói những câu rất rồ dại, đến nỗi mẹ tôi thỉnh thoảng nghe cũng phải bật cười. Một hôm, tôi sực nhớ đến chuyện cũ trong hội đồng hương ở Đông Kinh, liền hỏi anh :

– Cái ngày hôm đó, anh chuyên môn phản đối tôi, mà lại hình như cố ý nữa, như thế là tại làm sao hở ?

– Anh chưa biết à ? Tôi vốn không ưa anh, không những tôi mà cả bọn chúng tôi.

– Thế thì trước lúc đó, anh có biết tôi là ai không ?

– Sao lại không biết ! Chúng tôi đến Hoành Tân, người ra đón chúng tôi không phải là Tử Anh[1] và anh hay sao ? Anh xem chúng tôi không ra gì, cứ lắc lắc đầu, anh còn nhớ đấy chứ ?

Tôi nghĩ một tí, nhớ ra rồi, tuy chuyện xảy ra đã bảy tám năm về trước. Hồi đó, anh Tử Anh đến hẹn với tôi, bảo cùng đến Hoành Tân đón một số người đồng hương mới sang du học. Thuyền máy vừa đến nơi, thấy một lô, có đến hơn mười người, vừa lên bờ thì đem hành lý đến chỗ thuế quan chờ

(1) *Tử Anh*, cũng người Thiệu Hưng, bạn của Lỗ Tấn hồi du học Nhật Bản.

kiểm soát. Ông thuế quan lục lọi va ly quần áo, bỗng lục được một đôi giày cong thêu hoa, rồi bỏ việc công đấy, cầm xem rất kỹ. Tôi rất không bằng lòng, nghĩ bụng mấy thằng quỷ này, sao lại mang những của ấy sang đây ! Tôi không chú ý, nhưng có lẽ lúc đó tôi có lắc lắc đầu. Kiểm soát xong, vào khách sạn ngồi một lát, tức thì phải lên tàu hỏa. Không ngờ cái lô thầy đồ đó lên xe mà cũng cứ nhường chỗ cho nhau mãi. Anh A muốn anh B ngồi chỗ này, anh B lại muốn nhường cho anh C, cứ tay vái, mời mọc nhau không ngớt. Tàu chạy, lắc mạnh, tức thì ba bốn anh ngã nhào xuống. Lúc đó, tôi rất lấy làm bực, nghĩ bụng : "Đến ngồi trên tàu hỏa mà bọn này cũng phân trên dưới. ..". Tôi không để ý, có lẽ lại lắc lắc đầu. Trong đám người ung dung nhường chỗ cho nhau đó lại có Phạm Ái Nông, mãi đến bây giờ tôi mới nghĩ đến. Nhưng há phải một mình anh ! Nói ra thì xấu hổ, trong đám còn có cả liệt sĩ Trần Bá Bình[1] về sau hy sinh trong trận đánh ở An Huy và liệt sĩ Mã Tông Anh[2] cũng bị hại ở đấy. Lại còn hai người nữa nằm trong ngục tối cho đến khi sau Cách mạng mới nhìn thấy ánh mặt trời, và suốt đời mang thương tật trong người. Thế mà tôi chẳng biết gì cả, cứ lắc đầu đưa họ về tới Đông Kinh. Ông Từ Bá Tôn tuy cùng đi một chuyến thuyền với họ, nhưng lại không có mặt trên tàu hỏa, bởi vì đến Thần Hộ thì ông ta với vợ lên xe đi đường bộ rồi.

Tôi nghĩ, hồi đó tôi lắc đầu hai lần, không biết họ nhìn thấy lần nào, lúc ồn ào nhường chỗ cho nhau, hay khi làm thinh đứng nhìn kiểm soát. Nhất định là lần ở thuế quan thôi ! Thử hỏi Ái Nông, quả là lần đó thật.

– Tôi thật không hiểu các anh mang những của ấy sang làm gì ? Của ai đấy ?

– Của bà vợ ông thầy học chúng tôi, chứ của ai nữa ? Anh giương con mắt, chỉ thấy toàn là lòng trắng.

– Đến Đông Kinh thì phải giả trang là chân to rồi, lại hà tất phải mang của ấy đi theo nữa.

– Ai biết được ! Anh hỏi bà ta ấy.

---

(1) *Trần Bá Bình* (1882 - 1907), cũng người Thiệu Hưng, tham gia phong trào cách mạng chống Thanh đặt hiệu là Quang Phục Tử, học trò của Từ Tích Lân. Hai lần du học Nhật Bản, trước học cảnh vụ, sau học chế tạc đạn. Năm 1907, cùng Mã Tông Hán đến An Huy tham gia chuẩn bị khởi nghĩa. Hy sinh trong trận đánh chiếm Sở quân giới.

(2) *Mã Tông Anh* (1884 - 1907), người Chiết Giang, có du học Nhật Bản, bị bắt trong cuộc khởi nghĩa nói trên, rồi bị giết.

Đến đầu mùa đông, tình cảnh chúng tôi hơi túng quẫn, nhưng vẫn uống rượu, nói chuyện đùa. Bống Võ Xương khởi nghĩa, tiếp theo đó thì Thiệu Hưng giải phóng. Ngày hôm sau, Ái Nông lên thành liền, đội cái mũ lông chiên nông dân thường đội, vẻ mặt hớn hở, tôi chưa từng thấy anh ta như thế bao giờ.

– Anh Tấn à ! Hôm nay chúng ta không uống rượu nhé ! Tôi định lên xem Thiệu Hưng giải phóng đây. Chúng ta cùng đi cả thể.

Chúng tôi cùng ra phố dạo một lúc, thấy toàn cờ trắng. Bề ngoài tuy vậy, nhưng bề trong thì vẫn như cũ, bởi vì vẫn mấy vị thân sĩ cũ tổ chức quân chính phủ, cổ đông thiết lộ gì gì là tư trưởng hành chính, chủ ngân hàng là tư trưởng quân giới... Cái quân chính phủ đó cũng không được lâu. Mấy anh thanh niên kêu lên, thì Vương Kim Phát[1] mang quân từ Hàng Châu đến. Nhưng dù không kêu, có lẽ ông ta cũng đến thôi. Ông ta đến rồi liền bị một bọn ăn không ngồi rồi và bọn cách mạng tân tiến bao vây, tự xưng là Vương đô đốc.

Những nhân vật trong nha môn, khi đến mặc áo vải, không đầy mươi ngày, đại khái đều khoác áo da cả rồi, mà trời thì vẫn chưa lạnh.

Tôi bị đặt cạnh nồi cơm của ông hiệu trưởng trường Sư phạm, Vương đô đốc cho trường tôi một khoản tiền là hai trăm đồng. Ái Nông làm Giám học. Anh vẫn mặc chiếc áo vải ấy, nhưng không uống rượu và cũng ít thì giờ chuyện gẫu. Anh vừa làm việc vừa dạy, quả thật hết sức chăm.

Một anh thanh niên năm trước có nghe tôi giảng bài đến gặp tôi nói giọng khẳng khái :

– Với cái bọn Vương Kim Phát này, tình hình không ổn rồi. Chúng tôi cần phải ra một tờ báo[2] để kiềm chế họ. Những người chủ trương muốn thầy đứng tên cho. Còn có ông Tử Anh, ông Đức Thanh[3]. Vì việc xã hội, chúng tôi biết thầy quyết không từ chối.

Tôi đồng ý. Hai hôm sau, thấy truyền đơn quảng cáo cho tờ báo. Quả thật ba người chúng tôi đứng ra chủ trương. Năm ngày sau, thấy báo ra, mở

---

(1) *Vương Kim Phát*, cũng người Chiết Giang, trước là thủ lĩnh đảng Bình Dương sau được giới thiệu vào Quang Phục hội. Trong cuộc cách mạng Tân Hợi, y đem quân vào Thiệu Hưng, giữ chức đô đốc. Năm 1913 bị tay chân Viên Thế Khải giết chết ở Hàng Châu.

(2) Chỉ tờ *Việt đạc nhật báo* xuất bản tháng 1 năm 1912.

(3) Tức Tôn Đức Khanh, cũng người Thiệu Hưng, một địa chủ tiến bộ tham gia rất hăng hái phong trào cách mạng chống Thanh.

đầu là chửi quân chính phủ và nhân viên trong đó. Về sau thì chửi đô đốc, thân thích đô đốc, người đồng hương, cùng vợ hầu của đô đốc...

Cứ như thế chửi hơn mười ngày thì có một tin đưa đến nhà tôi nói rằng : "Các anh lừa lấy tiền ông ta, lại còn chửi ông ta, phải cho người cầm súng lục đến bắn chết các anh đi !"

Những người khác không ai hoảng cả, người cuống cuồng lên trước hết là bà cụ tôi. Bà cụ dặn dò tôi không nên đi ra. Nhưng tôi vẫn cứ đi ra như thường, và nói rõ cho bà cụ biết. Vương Kim Phát không thể bắn chết chúng tôi đâu, tuy ông ta xuất thân trường Đại học lục lâm[1] đấy, nhưng giết người không phải chuyện dễ. Huống chi khoản tiền tôi lấy đó của nhà trường, điều đó ông ta có thể biết được, chẳng qua nói thì nói thôi.

Quả nhiên, chẳng ai đến giết cả. Viết thư đòi kinh phí, lại lấy hai trăm đồng. Nhưng hình như ông ta có ý giận đồng thời truyền lệnh nói : đòi nữa thì chẳng có đâu !

Nhưng Ái Nông lại nghe đâu được một tin mới, làm cho tôi hết sức bối rối. Nguyên là nói "lừa lấy tiền" không phải nói về kinh phí nhà trường, mà nói một khoản tiền khác đưa cho tòa báo. Báo chửi được mấy hôm thì Vương Kim Phát cho người mang đến năm trăm đồng. Thế là bọn thanh niên của chúng tôi liền mở một cuộc hội nghị. Vấn đề thứ nhất là : lấy hay không lấy ? Quyết nghị : lấy. Vấn đề thứ hai là : lấy rồi có chửi nữa hay không ? Quyết nghị : cứ chửi. Lý do : lấy số tiền đó thì hắn sẽ trở thành cổ đông, cổ đông không tốt, tất nhiên phải chửi.

Tôi lập tức đến tòa báo hỏi việc đó thật hay giả. Thật hết. Tôi nói qua loa mấy câu bảo rằng không nên lấy tiền của hắn ta, thì một anh coi việc kế toán tỏ ý không vui, chất vấn tôi :

– Tại sao người ta góp cổ phần, tòa báo lại không nhận ?

– Đó không phải là cổ phần...

– Không phải cổ phần thì là gì ?

Tôi không nói nữa. Cái chuyện nhân tình thế cố đó, tôi biết từ lâu rồi. Giả thử tôi nói thêm rằng như thế sẽ liên lụy đến chúng tôi thì anh đó có thể mắng vào mặt tôi là tôi quá tiếc rẻ cái mạng của tôi không đáng giá

---

(1) Ý nói Vương Kim Phát trước là tướng cướp. Cuối Tây Hán, Vương Khuông, Vương Phượng suất lĩnh nông dân khởi nghĩa ở núi Lục Lâm, đặt tên là Lục Lâm binh. Về sau danh từ này dùng để chỉ bọn ăn cướp.

một đồng tiền, rằng tôi không chịu hy sinh cho xã hội. Hoặc giả ngày mai trên báo có thể thấy đăng một bài nói tôi sợ chết mà run lên như thế nào. Những việc xảy ra thật là vừa khéo. Anh Lý Phất[1] viết thư giục tôi đi Nam Kinh. Anh Ái Nông cũng rất tán thành, nhưng buồn lắm, nói :

– Ở đây lại như thế kia, không ở được đâu. Anh đi nhanh đi thôi...

Tôi hiểu những điều anh không nói ra, quyết đi Nam Kinh. Trước hết, đến đô đốc từ chức. Tất nhiên chuẩn y. Một anh nước mũi thò lò được phái đến bàn giao công việc. Tôi giao sổ sách và số tiền còn lại, một hào và hai xu. Không phải là hiệu trưởng nữa rồi ! Người đến thay tôi là ông Phó Lực Thần, hội trưởng Hội Khổng giáo.

Tôi đến Nam Kinh được hai ba tuần lễ thì cái vụ ở tòa báo kết liễu, bị một bọn lính đến đập phá. Tử Anh ở nhà quê, không việc gì, Đức Thanh thì vừa lúc đó đang ở trong thành, bị đâm một nhát dao vào đùi. Anh ta giận hết sức. Tất nhiên. Vết thương cũng đau lắm, không trách anh ta được. Sau cơn giận anh ta liền cởi áo ra, chụp một tấm ảnh, để lòi vết dao đâm, rộng một tấc. Lại viết một bài văn kể rõ tình hình, gửi đi khắp nơi, tuyên truyền quân chính phủ bạo ngược. Tôi chắc cái tấm ảnh đó bây giờ vị tất đã có ai cất giữ, khổ ảnh nhỏ quá, vết dao thu nhỏ lại cơ hồ như không có gì cả. Nếu không thuyết minh, thì người nhìn ảnh nhất định cho là ảnh khỏa thể của một nhân vật nào phong lưu hơi tàng tàng, nếu gặp phải đại soái Tôn Truyền Phương[2] e còn bị cấm.

Khi tôi từ Nam Kinh dời lên Bắc Kinh, thì cái chức giám học của Ái Nông cũng bị ông hiệu trưởng, hội trưởng Hội Khổng giáo, tìm cách cất đi rồi. Anh lại trở thành anh Ái Nông trước Cách mạng. Tôi định bụng tìm cho anh một việc gì ở Bắc Kinh làm, điều đó anh cũng hết sức mong mỏi. Nhưng không có cơ hội. Về sau anh đến ăn gửi nằm nhờ ở một nhà người quen, thường thường cũng có gửi thư cho tôi. Tình cảnh càng cùng khốn, lời lẽ lại càng thê thảm. Cuối cùng, anh không thể không rời bỏ nhà người quen đó mà đi, rồi lưu lạc khắp nơi. Không bao lâu, bỗng một người đồng hương cho tôi biết tin anh ngã xuống nước, chết đuối rồi.

---

(1) *Lý Phất* : tức Hứa Thọ Thường (1882 - 1948) : cùng người Thiệu Hưng, bạn của Lỗ Tấn từ hồi du học Nhật Bản. Năm 1912, lúc Thái Nguyên Bồi giữ chức Tổng trưởng Bộ Giáo dục Chính phủ lâm thời, Hứa Thọ Thường cũng đến nhậm chức ở Bộ đó.

(2) *Tôn Truyền Phương* : một tên quân phiệt Bắc Dương, phái Trực Lệ. Lấy lý do là bảo vệ lễ giáo, ông ta hạ lệnh cấm trường mỹ thuật Thượng Hải không được dùng người mẫu ở trường mà vẽ.

Tôi nghi anh tự tử, bởi vì anh là tay bơi rất giỏi, không dễ gì mà chết đuối được.

Ban đêm tôi ngồi một mình trong hội quán, buồn quá chừng, nghe tin ấy không đích xác, nhưng bỗng dưng lại cảm thấy rất đáng tin, mặc dù chẳng có bằng chứng gì cả. Không có cách nào hết, đành làm bốn bài thơ[1]. Sau có đăng trên một tờ nhật báo. Bây giờ thì đã sắp quên hết rồi, chỉ nhớ được sáu câu trong một bài, bốn câu mở đầu là :

Bả tửu luận thiên hạ,
Tiên sinh tiểu tửu nhân,
Đại hoàn do minh đính,
Vi túy hợp trầm luân.

Quên mất hai câu giữa, cuối cùng là :

Cựu bằng vân tán tận,
Dư diệc đẳng khinh trần[2].

Sau tôi về quê mới biết được hơi tường tận một tí. Lúc đầu, anh Ái Nông không tìm ra được việc gì làm cả, bởi vì ai cũng ghét. Anh rất khốn đốn, nhưng vẫn uống rượu. Đó là bạn bè mời uống. Anh đã ít đi lại với ai, chỉ có mấy anh thanh niên mới quen sau này là thường có gặp mặt. Nhưng hình như bọn họ cũng không muốn nghe những lời anh nói lảm nhảm, cho rằng không thú bằng nói đùa.

– Có lẽ ngày mai sẽ nhận được một bức điện, mở xem thì là điện anh Lỗ Tấn gọi tôi.

Anh thường thường cứ nói như thế.

Một hôm, mấy người bạn mới quen rủ anh xuống thuyền đi xem tuồng. Về đã quá nửa đêm, lại vừa gió vừa mưa. Anh say nhưng cứ đòi ra đứng

---

(1) Thơ Lỗ Tấn làm điếu Phạm Ái Nông thực tế chỉ có ba bài : trước đăng trên *Dân Hưng nhật báo* ở Thiệu Hưng (1912) sau thu thập vào ***Tập ngoại tập thập di***. Ở đây nói bốn bài, chắc tác giả nhầm.

(2) Dịch nghĩa :

Cầm chén rượu bàn chuyện thiên hạ,
Ông uống cũng chẳng được nhiều.
Hoàn cầu còn say túy lúy,
Say ít cũng đủ trầm luân.
...
Bạn cũ tan như mây
Tôi cũng như hạt bụi.

ngoài mạn thuyền mà tiểu tiện. Người ta ngăn cản, cũng không nghe, nói rằng không thể ngã được. Anh đã ngã xuống nước, tuy biết bơi, nhưng rồi không nổi lên nữa.

Hôm sau, mò xác, tìm thấy ở trong đám rong, người anh đang đứng thẳng. Cho đến nay, tôi vẫn không rõ anh trượt chân hay tự tử.

Anh chết rồi, chẳng còn gì hết, chỉ để lại một đứa con gái nhỏ và bà vợ. Có mấy người định góp một ít tiền làm vốn cho đứa con gái sau này ăn học. Nhưng ý kiến vừa đưa ra, thì có một người họ liền đến tranh quyền giữ số tiền đó. Kỳ thực số tiền đó chưa có. Ai cũng thấy chán ngán, liền giải tán hết.

Bây giờ, không rõ tình cảnh người con gái độc nhất của anh ra sao rồi ? Nếu đi học e đã tốt nghiệp trung học rồi chăng !

Mười tám tháng một

(Tập ***Nhặt cánh hoa tàn***)

105. TỰA VIẾT LẤY

(cho tập ***Gào thét***)

Hồi còn niên thiếu, tôi từng ôm ấp nhiều mộng đẹp, về sau cũng quên dần đi già nửa. Riêng tôi chẳng lấy gì làm tiếc lắm. Nhớ lại chuyện cũ, tuy có thể làm cho mình vui lên, nhưng cũng có khi không khỏi khiến mình cảm thấy quạnh hiu. Bất lòng vấn vương với những ngày quạnh hiu đã qua, thử hỏi có ý vị gì ? Nhưng khổ một nỗi, tôi không quên được tất cả. Và một phần những điều không quên được đó nay trở thành nguồn gốc tập ***Gào thét*** này.

Có đến hơn bốn năm trời, thường thường – có thể nói là hàng ngày – tôi phải lui tới hiệu cầm đồ và hiệu thuốc. Không nhớ hồi bấy giờ tôi bao nhiêu tuổi, chỉ nhớ là cái quầy hiệu thuốc cao ngang đầu tôi, còn cái quầy hiệu cầm đồ thì cao bằng hai tôi. Tôi đem quần áo, đồ nữ trang đến cái quầy cao bằng hai tôi, nhận lấy đồng tiền trong sự khinh rẻ, rồi lại đến cái quầy cao ngang đầu tôi, mua thuốc cho cha tôi mang bệnh đã từ lâu. Về nhà, cũng lại rất bận, bởi vì ông thầy kê đơn cho cha tôi là một người có tiếng tăm lắm, cho nên, những vị ông ta dùng để dẫn thuốc cũng rất kỳ quặc : rễ cây lau mùa đông, mía chịu sương ba năm, dế nguyên đôi, cây bình địa có trái... Toàn những thứ khó kiếm cho ra. Nhưng rốt cuộc, bệnh cha tôi vẫn mỗi ngày một nặng cho đến khi mất.

Tôi nghĩ rằng, những ai từng sống trong cảnh sung túc rồi nửa đường sa sút đi, đại khái mới có thể hiểu được bụng dạ người đời. Tôi định tâm đến N, xin vào trường K[1] là có ý rẽ sang con đường khác, trốn đi xứ khác, tìm

---

(1) N là Nam Kinh. Trường K là Giang Nam thủy sư học đường. Năm 1898. Lỗ Tấn học ở trường này, sang năm sau thì vào Khoáng vụ thiết lộ học đường, phụ thuộc Giang Nam lục sư học đường. Năm 1902, tốt nghiệp và được chính phủ nhà Thanh cho sang lưu học bên Nhật. Năm 1904, vào trường Y học Tiên Đài. Năm 1906, thôi không học y nữa, trở về Đông Kinh viết sách, làm báo. (Xem *Tự truyện* ở Phần phụ).

những con người khác. Mẹ tôi không biết làm thế nào được, đành phải chạy cho tôi tám đồng bạc làm tiền ăn đường, bảo rằng tùy ý muốn đi đâu thì đi. Nhưng rồi mẹ tôi cũng khóc. Tình lý phải như vậy, bởi vì lúc bấy giờ, học để đi thi là con đường chính, còn học chữ Tây thì xã hội cho là kẻ cùng đường, buộc phải đem linh hồn bán cho lũ quỷ, trăm phần đáng chế nhạo, đáng mạt sát. Huống hồ, tôi đi thì mẹ tôi lại không còn có dịp gần gũi tôi nữa. Nhưng tôi không thể nghĩ đến những điều đó được, cứ đi đến N, xin vào trường K. Và ở đấy, tôi mới biết trên đời còn có những cái gọi là cách trí, toán học, địa lý, lịch sử, hội họa, thể thao... Người ta không dạy môn sinh lý học, nhưng chúng tôi lại được xem những loại sách như là *Toàn thể tân luận, Hóa học vệ sinh luận*[1] v.v... in mộc bản. Nhớ lại những lời bàn luận và cái đơn thuốc của vị danh y trước kia, đem so sánh với những điều vừa học được, tôi mới dần dần vỡ ra rằng, các ông Trung y chẳng qua là những tay bịp bợm vô tình hay cố ý, và càng thương cho những con bệnh và những người thân thích của họ đã bị lừa. Ngoài ra, với những cuốn lịch sử được dịch ra Trung văn, tôi lại còn biết được cuộc duy tân của Nhật Bản phần lớn là bắt nguồn từ môn y học phương Tây.

Chính những điều hiểu biết non nớt đó về sau đã khiến cho cái học bạ của tôi nằm trong một trường thuốc ở một tỉnh hẻo lánh Nhật Bản. Mộng của tôi rất đẹp. Tôi định bụng tốt nghiệp, về nước, sẽ chạy chữa cho những con bệnh bị lừa bịp như cha tôi, lúc chiến tranh sẽ xin vào quân y, mặt khác sẽ thôi thúc quốc dân đồng bào tôi tin tưởng vào một cuộc duy tân. Tôi không rõ ngày nay phương pháp dạy môn vi trùng học tiến bộ hơn ngày trước như thế nào, chứ hồi đó thì người ta dùng màn ảnh chiếu rõ hình trạng các con vi trùng. Vì vậy, có khi giảng xong bài, còn thừa thì giờ, giáo sư thường chiếu cho sinh viên xem những đoạn phim phong cảnh hoặc những đoạn phim thời sự cho khỏi phí thì giờ. Bấy giờ chính là lúc đang xảy ra cuộc chiến tranh Nga – Nhật, tất nhiên phần lớn là phim chiến sự. Trong cái giảng đường đó, thường thường tôi đã phải hùa theo anh em mà vỗ tay hoan hô. Có một lần, tôi thình lình được gặp trên màn ảnh bao nhiêu đồng bào tôi từ lâu xa cách. Một người bị trói ở giữa, xung quanh là những kẻ đứng xem, người nào người nấy thân thể khỏe mạnh, nhưng vẻ mặt thì trông rất đần độn. Theo lời thuyết minh, người bị trói là làm mật thám cho quân

---

(1) *Toàn thể tân luận* : sách của người Anh, xuất bản năm 1851.

Hóa học vệ sinh luận : cũng của người Anh, xuất bản năm 1879. Đó là những cuốn sách về sinh lý học và vệ sinh học, được dịch ra Trung văn cuối đời Thanh.

đội Nga, bị quân đội Nhật bắt đem ra chặt đầu thị chúng[1], còn những người đứng vây xung quanh là đến để thưởng thức cuộc thị chúng long trọng đó.

Năm học ấy chưa hết, tôi đã bỏ về Đông Kinh, bởi vì từ lần đó, tôi thấy học thuốc không phải là việc quan trọng lắm nữa. Dân mà còn ngu muội, hèn nhát thì dù thân thể có khỏe mạnh, cường tráng chăng nữa, cũng chỉ có thể làm thứ người mà người ta đưa ra chém đầu thị chúng và làm thứ người đứng xem cuộc thị chúng vô vị như thế kia mà thôi. Còn như đau ốm mà có phải chết đi ít nhiều thì chưa hẳn đã là bất hạnh. Cho nên, điều chúng ta cần phải làm trước là biến đổi tinh thần họ, và theo tôi hồi đó, thì muốn biến đổi tinh thần họ, tất nhiên không gì bằng dùng văn nghệ. Thế là tôi định đề xướng phong trào văn nghệ. Trong đám lưu học sinh ở Đông Kinh hồi bấy giờ, có rất nhiều người học pháp chính, lý hóa, cả đến học nghề cảnh sát, công nghiệp nữa, mà chẳng một ai học văn học và mỹ thuật hết. Nhưng trong không khí lãnh đạm đó, cũng may còn tìm ra được mấy kẻ cùng một chí hướng và lại còn rủ được mấy người, không có họ không xong. Sau khi bàn tính với nhau, cố nhiên bước thứ nhất là xuất bản một tờ tạp chí. Tên tạp chí phải có ý nghĩa là "đời sống mới". Bởi vì chúng tôi hồi đó còn mang ít nhiều khuynh hướng phục cổ, nên đặt là *Tân sinh*.

Tờ *Tân sinh*, đã gần ngày xuất bản thì trước tiên có mấy người nhận viết bài trốn đâu mất. Tiếp đến, những người chịu bỏ tiền ra cũng đánh tháo nốt. Cuối cùng, chỉ còn trơ trọi lại ba anh không một đồng xu dính túi. Bắt đầu mà đã đen đủi như vậy, thì thất bại ra thế nào chẳng cần phải nói nữa. Sau đó, cả ba anh, số phận cũng đưa mỗi anh đi một đường, không thể cùng ngồi với nhau bàn tán về những mộng đẹp tương lai mãi. Câu chuyện tờ *Tân sinh* chưa hề ra đời của chúng tôi đã kết thúc như thế đấy.

Tôi cảm thấy buồn chán, một nỗi buồn chán chưa từng biết đến, chính là từ buổi đó. Lúc đầu, tôi không hiểu vì sao, sau nghĩ lại, mới rõ là phàm khi người ta chủ trương cái gì, nếu được tán thành thì người ta càng hăm hở tiến lên, nếu bị phản đối, người ta cũng cứ hăng hái phấn đấu. Chỉ có khi hò hét giữa những người lạnh nhạt, thờ ơ, không tán thành mà cũng không phản đối, thì cảm thấy như đứng giữa bãi sa mạc vô biên, chẳng còn biết nên hành động ra làm sao nữa. Đau khổ biết bao nhiêu ! Do đó, tôi gọi cái cảm giác ấy là quạnh hiu.

Nỗi quạnh hiu ấy lại càng ngày càng to dần. Nó quấn lấy tâm hồn tôi như một con rắn độc.

---

(1) Một cách bêu riếu tội phạm để làm gương cho kẻ khác, mà bọn thống trị thường dùng – (N.D).

Nhưng mặc dù đau khổ vô cùng vô hạn như vậy, tôi cũng không hề oán giận, bởi vì kinh nghiệm ấy đã làm cho tôi tự xét lại mình, thấy rõ mình hơn : tôi quả không phải là một vị anh hùng giơ tay hô lên một tiếng là có hàng vạn người hưởng ứng.

Chỉ có điều thế nào cũng phải xua đuổi cho được nỗi quạnh hiu đó đi, bởi vì nó làm cho tôi đau khổ quá. Thế rồi, tôi dùng đủ mọi cách khiến cho tâm hồn tôi tê dại đi. Tôi lao đầu vào việc tìm hiểu cái gọi là "quốc dân tính", hoặc tôi trở về thời thượng cổ. Về sau tôi sẽ phải nếm trải hoặc chứng kiến nhiều điều làm cho tôi quạnh hiu, đau khổ hơn thế nữa, nhưng tôi đều không muốn tưởng nhớ đến, mà vui lòng để cho nó cùng đầu óc tôi tiêu diệt một thể trong đất bùn. Các cách tôi làm cho tâm hồn tôi tê dại đi như vậy hình như đã có công hiệu. Tôi không còn khẳng khái, hiên ngang như hồi còn niên thiếu nữa.

Hội quán S[1] có ba gian, tương truyền trước kia từng có người đàn bà treo cổ chết ở cây hòe trước sân. Hiện giờ cây hòe đã cao, không với tới nữa, nhưng nhà vẫn chưa có ai ở. Bao nhiêu năm tôi trọ ở đấy, sao chép bia cổ[2]. Bạn bè ít ai lui tới ; trong bia cổ thì không có vấn đề gì, không có chủ nghĩa gì, nên cuộc đời của tôi cứ âm thầm mòn mỏi đi. Nguyện vọng duy nhất của tôi cũng là như vậy. Những đêm hè, muỗi nhiều, ngồi dưới gốc cây hòe phe phẩy chiếc quạt lác, tôi nhìn những mảng trời xanh qua kẽ lá dày đặc. Những con sâu đêm từ trên cây hòe rơi xuống lạnh buốt.

Hồi bấy giờ, năm thì mười họa, có anh Kim Tâm Dị[3] một người bạn cũ, là hay đến tán chuyện gẫu. Vừa vào, anh ta quẳng chiếc cặp da to tướng

---

(1) *Hội quán S* : là hội quán của người Thiệu Hưng (quê Lỗ Tấn) trú ngụ ở Bắc Kinh. Hội quán này ở ngoài Tuyên Võ môn. Từ năm 1912 đến 1919, Lỗ Tấn ở trong hội quán ấy. Thiệu Hưng viết theo mẫu tự Latinh là *Shao Xing* nên viết tắt là S (N.D).

(2) Hồi Lỗ Tấn trọ ở hội quán Thiệu Hưng, ông công tác ở Bộ Giáo dục. Lúc rảnh, sưu tập và nghiên cứu cách tạo tượng và các mộ chí cổ đại. Do đó, có hai cuốn *Lục Triều tạo tượng mục lục* và *Lục Triều mộ chí mục lục* (cuốn sau chưa hoàn thành). Ông còn sưu tập và hiệu đính một số tài liệu về văn học cổ đại, sau biên thành hai cuốn *Hậu Hán thư* và *Kê Khang tập*.

(3) *Kim Tâm Dị* : chỉ Tiền Huyền Đồng, một trong những người biên tập tờ *Tân thanh niên*. Tờ *Tân thanh niên* vừa đề xướng cuộc cách mạng văn hóa thì Lâm Thư (tức Lâm Cầm Nam) viết một thiên truyện ngắn, thể bút ký, đề là *Kinh sinh*, chửi những người đề xướng cuộc cách mạng văn hóa đó. Trong truyện có một nhân vật tên là Kim Tâm, ám chỉ Tiền Huyền Đồng.

Tân thanh niên là một tạp chí tối quan trọng trong phong trào tân văn hóa thời Ngũ Tứ. Tạp chí đó phản đối văn hóa phong kiến, đề xướng khoa học và dân chủ, sơ bộ giới thiệu chủ nghĩa Mác và cuộc Cách mạng tháng Mười Nga. Đó là một tờ nguyệt san, số đầu ra tháng 9-1915, do Trần Độc Tú chủ biên, đến tháng 7 năm 1922 thì đình bản. Năm 1918, Lý Đại Chiêu, người macxít đầu tiên của Trung Quốc làm ủy viên biên tập của *Tân thanh niên* và là người lãnh đạo quan trọng nhất. Lỗ Tấn đăng *Nhật ký người điên* vào tạp chí này và trở thành một phần tử trung kiên của nhóm *Tân thanh niên*.

xuống chiếc bàn nát, cởi áo dài ra rồi ngồi đối diện tôi. Vì sợ chó nên tim anh như còn đập thình thịch.

– Anh sao chép những cái này để làm gì thế ?

Có một buổi tối, anh ta lật xem những bản sao chép bia cổ của tôi rồi chất vấn như vậy.

– Chẳng để làm gì cả.

– Thế thì sao chép là nghĩa lý làm sao ?

– Cũng chẳng có nghĩa lý gì hết.

– Tôi tưởng anh nên viết cái gì thì hơn...

Tôi hiểu ý anh ta rồi. Họ đang ra tờ *Tân thanh niên* và hình như bây giờ không những chưa có ai tán thành, nhưng cũng chưa có ai phản đối cả. Tôi nghĩ bụng, có lẽ họ cũng đang cảm thấy quạnh hiu chăng. Nhưng tôi lại nói :

– Giả thử có một ngôi nhà bằng sắt, không có cửa sổ, và cũng không làm sao phá tung ra được, trong đó có nhiều người đang ngủ say, và không bao lâu nữa sẽ chết ngạt. Nhưng từ ngủ say đến chết ngạt, họ nào có cảm thấy những nỗi đau khổ của giây phút lâm chung đâu ! Bây giờ anh gào thét lên làm cho mấy người còn đang mơ mơ màng màng, giật mình tỉnh dậy. Số ít người bất hạnh đó sẽ phải trải qua cảnh vật vã của một cái chết không tài nào cứu vãn được. Như thế mà anh lại tưởng là anh cứu giúp họ hay sao ? – Nhưng đã có những người tỉnh dậy rồi thì anh không thể quả quyết được rằng không có hy vọng phá tung ngôi nhà sắt đó ra được !

Phải. Tôi tuy chắc chắn điều tôi nghĩ là đúng, nhưng đã nói đến hy vọng, thì không thể bảo là không có được, bởi vì hy vọng thuộc về tương lai, tôi quyết không thể lấy điều tôi tin là không thể có, để thuyết phục anh bạn tôi là người tin có thể có. Do đó, cuối cùng, tôi nhận lời viết bài. Ấy là thiên *Nhật ký người điên*, truyện ngắn đầu tiên của tôi. Rồi từ đó, đã trót thì phải trét, tôi thỉnh thoảng viết những bài có vẻ như là tiểu thuyết, để đáp lại qua loa sự đòi hỏi của bạn bè. Lâu ngày dồn lại có đến hơn mươi bài.

Riêng về phần tôi, tôi vẫn cho rằng hiện nay, tôi không còn phải là người có điều gì bức thiết lắm, không nói ra được, nhưng hoặc giả, bởi vì chưa thể quên hết những nỗi quạnh hiu, đau khổ của mình ngày trước, nên có lúc không thể không gào thét lên mấy tiếng, để an ủi những kẻ dũng sĩ đang bôn ba trong chốn quạnh hiu, mong họ ở nơi tiền khu được vững tâm hơn. Còn như tiếng gào thét của tôi hùng dũng hay bi ai, đáng ghét hay đáng

buồn cười, điều đó tôi không hơi đâu nghĩ đến. Nhưng đã gào thét, thì tất nhiên phải gào thét theo mệnh lệnh của vị chủ tướng. Cho nên đôi khi tôi không ngại viết những điều xa với sự thực. Trong truyện *Thuốc*, bỗng dưng tôi thêm một vòng hoa trên nấm mộ anh Du, hay trong truyện *Ngày mai*, tôi không kể chuyện chị Từ Thiền cuối cùng vẫn không nằm mộng thấy đứa con của chị, bởi vì vị chủ tướng bấy giờ chủ trương không để cho người ta đi đến chỗ tiêu cực. Còn tôi, tôi cũng không muốn đem nỗi quạnh hiu mà mình cho là đau khổ làm lây sang những người thanh niên đang ôm ấp những mộng đẹp như tôi hồi còn niên thiếu.

Nói như vậy là có thể biết ngay rằng tiểu thuyết của tôi còn xa với nghệ thuật lắm, thế mà cho đến nay vẫn mang tên là tiểu thuyết, thậm chí bây giờ đây, lại có dịp xuất bản thành tập nữa. Dù thế nào mặc lòng, không thể không nói đó là một điều may mắn. Điều may mắn ấy tuy làm cho tôi không yên tâm, nhưng nghĩ rằng trong đời, tạm thời còn có người đọc, thì tôi cũng vẫn cứ lấy làm thích thú như thường.

Bởi vậy, tôi đã thu thập những truyện ngắn của tôi và đem in ; lại vì những duyên cớ nói trên, nên đặt tên là ***Gào thét***.

Viết tại Bắc Kinh ngày 3 tháng 12 năm 1922

LỖ TẤN

106. TỰA VIẾT CHO BẢN DỊCH *AQ CHÍNH TRUYỆN* BẰNG TIẾNG NGA VÀ TỰ TRUYỆN

I – TỰA AQ CHÍNH TRUYỆN

Tác phẩm nhỏ bé của tôi nhờ có ông B.A.Vaseliev, một nhà văn tinh thông văn học Trung Quốc, dịch ra tiếng Nga mà có thêm được một số độc giả người Nga ; đó là một điều tôi cần phải cảm tạ và cũng rất lấy làm vinh dự.

Tôi đã có lần thử xem tôi có thể miêu tả được tâm hồn người Trung Quốc hiện đại của chúng tôi hay không ? Nhưng cuối cùng vẫn thấy tôi chưa thật nắm vững. Kẻ khác như thế nào không rõ chứ riêng tôi thì tôi cảm thấy hình như giữa con người ta có một bức tường khá cao ngăn cách, làm cho chúng ta khó lòng hiểu được tâm hồn của nhau. Chính vì lẽ đó mà những người thông minh thời trước của chúng tôi – tức là những người được mệnh danh là các bậc thánh hiền – đã phải chia loài người ra làm mười bậc khác nhau. Ý nói có người bậc trên, có người bậc dưới, không phải là nhất luật. Bây giờ không còn ai dùng cái cách chia loại như vậy nữa ; nhưng tâm hồn của con người ta thì vẫn như cũ, và còn tệ hơn thế nữa. Thậm chí trong thân thể một con người mà cũng không được xem bằng nhau, tay cũng không khỏi xem chân là "dị loại", là "hạ đẳng". Tạo hóa sinh ra con người vốn đã hết sức tài tình, khiến cho người này không làm sao cảm thông được những nỗi đau khổ trên thể xác người kia. Rồi các bậc thánh hiền và đồ đệ các bậc thánh hiền của chúng tôi lại bổ khuyết cho đấng Tạo Hóa, làm cho người ta không thể cảm thông được những nỗi thống khổ về tinh thần của nhau nữa.

Cổ nhân chúng tôi còn sáng tạo ra một thứ văn tự, riêng từng khối, từng khối một, khó đến dễ sợ. Nhưng tôi vẫn không hề oán giận, bởi vì tôi thấy

không phải họ cố ý như thế. Nhưng vì vậy mà rất nhiều người không thể dùng cái thứ văn tự đó để nói lên được nỗi lòng của mình. Gia dĩ cái lối huấn hỗ[1] lại dựng lên những bức tường cao làm cho họ đến suy nghĩ cũng không dám suy nghĩ nữa ! Bây giờ, những điều chúng ta biết được chẳng qua chỉ là đạo lý và ý kiến của mấy bậc thánh hiền mà thôi. Đạo lý, ý kiến đó cũng vì họ mà họ nói ra, chứ còn như bách tính thì vẫn âm thầm cứ sinh trưởng, vàng úa, khô héo rồi chết đi, như cỏ cây bị đè bẹp dưới một tảng đá lớn. Và như thế đã bốn nghìn năm nay rồi !

Muốn miêu tả tâm hồn nhân dân một nước trầm mặc như thế thì đối với người Trung Quốc chúng tôi kể cũng là một điều hết sức khó khăn. Bởi vì như đã nói trên, chúng tôi rút cục vẫn chưa đổi mới được nhân dân một nước cũ kỹ như thế. Cho nên người này vẫn chưa thể cảm thông được với người kia, đến nỗi tay mình cơ hồ cũng không hiểu được chân mình ! Tôi tuy đã hết sức tìm hiểu tâm hồn của con người ta, nhưng thường thường vẫn cảm thấy mình bị cách bức. Tương lai, tất cả những con người bị cái dây tường cao kia vây hãm nhất định sẽ tự mình tỉnh ngộ, vượt ra khỏi, và ai ai cũng đều sẽ mở miệng mà nói lên tâm sự của mình, nhưng giờ đây thì thật hiếm lắm. Cho nên tôi cũng định chỉ dựa vào những điều tôi cảm giác và quan sát, và buồn bã, cô quạnh tạm viết ra đây mà thôi, coi như đó là đời con người ở Trung Quốc, theo như con mắt tôi đã từng nhìn thấy.

Cuốn tiểu thuyết của tôi vừa ra đời thì có một nhà phê bình trẻ tuổi khiển trách ngay. Sau đó cũng lại có người cho tôi là một kẻ không được lành mạnh ; có người cho tôi đùa để mà cười chơi, hoặc cho tôi châm biếm ai, hoặc có người cho tôi là cười gằn, đến nỗi làm cho tôi cũng đâm ra nghi ngờ có lẽ trong lòng mình quả thật có giấu cả một khối nước đá... đến dễ sợ cũng nên ! Nhưng tôi lại nghĩ rằng : nhìn cuộc đời, mỗi nhà văn nhìn một khác, mà xem sách, mỗi độc giả cũng xem một khác. Thế thì cuốn tiểu thuyết này có lẽ có thể đưa đến cho người Nga là những người không hề có cái tư tưởng truyền thống của chúng tôi một cảm tưởng khác cũng nên. Tôi cho đó là một điều hết sức thú vị.

Bắc Kinh, ngày 26 tháng 5 năm 1925

---

(1) *Huấn hỗ* : lối học giải thích nghĩa từng chữ, từng câu thịnh hành từ đời Hán.

2 – TỰ TRUYỆN SƠ LƯỢC CỦA TÁC GIẢ

Tôi sinh năm 1881 trong gia đình họ Chu, ở phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Cha tôi là một nhà nho. Mẹ tôi, họ Đỗ, vốn người vùng quê. Bà cụ tự học lấy đến trình độ có thể xem sách được. Nghe người ta nói, lúc tôi còn bé, nhà tôi cũng còn có bốn năm mươi mẫu ruộng sâu, sống không đến nỗi vất vả lắm. Nhưng đến năm tôi mười ba tuổi thì nhà tôi gặp một biến cố rất lớn, cơ hồ không còn gì nữa, tôi phải nương náu bên nhà bà con họ ngoại, có lần bị người ta xỉ vả là đứa ăn nhờ. Vì thế tôi quyết trở về. Nhưng rồi cha tôi lại bị bệnh nặng, ốm hơn ba năm thì mất. Cảnh nhà tôi sa sút đến nỗi học phí nhẹ mấy, tôi cũng không trả nổi. Mẹ tôi phải xoay xở cho một ít tiền ăn đường để đi tìm trường nào học không mất tiền thì học thêm, bởi vì tôi không chịu ra làm anh thơ lại hoặc đi buôn, tức là hai con đường mà bọn nho gia tử đệ bị sa sút ở làng tôi thường theo.

Lúc đó tôi mười tám tuổi. Tôi đến Nam Kinh, thi vào Thủy sư học đường và được xếp vào ban Cơ khí. Được hơn nửa năm, lại xin ra và đổi sang học ở Khoáng lộ học đường, ban Khai mỏ. Tốt nghiệp, tôi được phái sang du học ở Nhật Bản. Học xong lớp dự bị ở Đông Kinh, tôi quyết chí học thuốc. Một trong những nguyên nhân là vì tôi biết rõ rằng nền y học mới đã giúp rất nhiều cho cuộc duy tân Nhật Bản. Thế rồi tôi vào Trường thuốc ở Tiên Đài, theo học được hai năm. Lúc bấy giờ đang xảy ra cuộc chiến tranh Nga – Nhật. Ngẫu nhiên tôi được thấy trên màn ảnh một người Trung Quốc làm gián điệp sắp bị đưa ra chém. Nhân đó tôi lại cảm thấy rằng đối với Trung Quốc thì trước hết phải đề xướng một cuộc tân văn nghệ đã. Tôi liền bỏ học, lại về Đông Kinh cùng với mấy người bạn bàn định một kế hoạch nho nhỏ..., nhưng rồi cứ gặp thất bại này đến thất bại khác. Tôi lại tính chuyện sang Đức. Cũng thất bại nốt. Rút cuộc, vì mẹ tôi và mấy người khác đang hy vọng tôi đỡ đần cho về mặt kinh tế, tôi liền trở về Trung Quốc. Lúc đó tôi hai mươi chín tuổi.

Về nước, tôi làm giáo viên dạy lý hóa ở Trường Sư phạm hai năm Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Năm sau, bỏ về làm Trưởng ban Giáo vụ trường Trung học Thiệu Hưng. Năm sau nữa, lại bỏ. Không biết đi đâu, định xin làm công tác dịch sách cho một nhà xuất bản, cũng bị cự tuyệt. Nhưng rồi cuộc cách mạng bùng nổ. Thiệu Hưng được giải phóng, tôi làm hiệu trưởng Trường Sư phạm. Chính phủ cách mạng thành lập ở Nam Kinh, bộ Giáo dục

gọi tôi đến làm một cán bộ ở Bộ, rồi tôi theo Bộ dời lên Bắc Kinh cho đến nay. Mấy năm gần đây, tôi làm giảng viên Ban văn ở các trường Đại học Bắc Kinh, Đại học Sư phạm và Nữ Đại học Sư phạm.

Lúc du học ở nước ngoài, tôi chỉ viết ít bài lăng nhăng đăng trên mấy tờ tạp chí. Tôi viết tiểu thuyết lần đầu tiên là năm 1918, vì có anh bạn Tiền Huyền Đồng khuyến khích viết để đưa đăng trên tờ *Tân thanh niên*. Lúc đó mới dùng bút danh (pen-name) Lỗ Tấn. Tôi cũng có viết một ít bài bình luận ngắn ký tên khác. Nay thu thập in thành sách, chỉ có tập truyện ngắn ***Gào thét***, còn thì vẫn tản mạn trên các tạp chí cả. Ngoài ra không kể các sách dịch, có tập ***Lược theo lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc*** cũng đã được xuất bản.

1925
Ngữ ti, số 31

107. VÌ SAO TÔI VIẾT *AQ CHÍNH TRUYỆN*[*]

Trên tạp chí *Văn học chu báo* số 251, ông Tây Đế[1] có nói đến tập ***Gào thét*** của tôi và có phê bình riêng về bộ *AQ chính truyện*. Bài ấy làm cho tôi sực nhớ lại một vài câu chuyện nhỏ và muốn chép lại đây, trước là để viết một bài cho tòa báo, sau nữa để có ai thích đọc thì đọc chơi.

Tôi cần sao ra đây một đoạn trích ở nguyên văn của ông Tây Đế :

"Tác phẩm ấy (chỉ *AQ chính truyện*) đã được độc giả hoan nghênh như vậy, không phải là không có lý do. Tuy nhiên vẫn còn vài chỗ cần xét lại. Tức như chương cuối cùng, chương "Đại đoàn viên" chẳng hạn. Ngay lúc đầu, vừa đọc đoạn văn ấy trên tờ báo *Thần báo*, tôi đã cho là không ổn rồi. Đến bây giờ, tôi vẫn cho là không ổn. Chúng ta có cảm tưởng là tác giả đã đem thân thế AQ mà kết liễu một cách quá vội : có lẽ lúc viết đến đấy, tác giả không muốn viết nữa nên mới tùy tiện hạ ngay cho AQ một cuộc "đại đoàn viên" để cho xong quách đi ! Một người như AQ mà rút cục lại làm cách mạng, và lại chết trong một cuộc "đoàn viên lớn" như vậy, có lẽ chính tác giả lúc mới cầm bút viết cũng không hề nghĩ đến. Ít nhất ta cũng nhận thấy rằng : nhân cách AQ từ đầu đến cuối không được nhất trí, hình như tác giả đã tả hai nhân vật khác hẳn nhau".

Một người như AQ có muốn làm cách mạng không ? Mà nếu như làm cách mạng thì trước sau nhân cách AQ có nhất trí không ! Điều đó hẳng chưa bàn đến làm gì. Riêng về chương cuối này vì sao mà thành hình, bây giờ kể lại, câu chuyện sẽ cũng khá dài.

Tôi thường vẫn nói : văn chương của tôi không phải là thứ văn cuồn cuộn như nước chảy, mà phải vắt bóp mới ra. Nghe nói như thế, có người tưởng lầm là tôi quá khiêm tốn. Nhưng thật tình là như thế đấy. Xưa nay, tôi chả

---

* Bài này đăng lần đầu trên tuần báo *Bắc Tân* ngày 18 tháng 12 năm 1926.

(1) Bút danh của Trịnh Chấn Đạc, một nhà phê bình hiện đại Trung Quốc.

có chuyện gì gọi là thế phải nói ra mới được ; mà cũng chưa hề có văn chương gì bảo là không viết ra không thể chịu nổi ! Chỉ thỉnh thoảng cũng có lúc dở hơi, thành thử chỉ khổ thân mình ; nghĩa là lắm lúc muốn gào thét lên mấy tiếng để cho người ta vui một tí. Hay là lấy con bò ốm để ví mình vậy. Vẫn biết bò ốm chả làm nên trò trống gì nữa, nhưng đồ đã bỏ đi mà còn đem dùng được thì cũng chẳng hại gì. Bởi vậy cho nên nhà bác Trương muốn dùng tôi cày mẫu vườn, cũng xin vâng ! Nhà bác Lý muốn nhờ tôi kéo cái cối xay[1] cho một buổi, cũng xin vâng ! Nhà bác Triệu muốn mượn tôi đứng trước cửa hàng để dán lên lưng tờ quảng cáo nói rằng : *"Nhà này bán sữa bò rất tốt, rất bổ"* thì dù biết thân tôi gầy gò mà lại là bò đực làm gì có sữa, nhưng nghĩ rằng người ta cần phải khuếch trương sinh kế, tình cảnh cũng đáng thương, miễn họ không bán chất thuốc độc chết người là được rồi. Nhưng nếu giày vò tôi quá đỗi thì lại không thể được. Tôi còn phải tìm cỏ mà ăn, cần phải có thì giờ nghỉ ngơi nữa chứ ! Và nếu như muốn bắt tôi làm của riêng nhà nọ, nhà kia, đem tôi đóng chặt vào trong chuồng, càng không thể được. Thỉnh thoảng cũng phải để cho tôi kéo cối xay giúp hộ nhà khác một buổi nữa chứ ! Còn nói đến việc đem cả xương thịt của tôi mà bán nốt thì cố nhiên lại cũng không thể được ! Vì lẽ gì tưởng không cần phải nói. Nếu như gặp phải ba trường hợp "không thể được" vừa kể trên kia thì nhất định tôi sẽ lánh xa, hoặc giả tôi sẽ dứt khoát lẩn vào tận rừng sâu, nằm ngủ ỳ cũng nên. Thế rồi do đó mà đang chỗ thân tình bỗng dưng hạ tôi xuống địa vị chó má, lấy Khang Hữu Vi mà nhát tôi, hay ví tôi với Lương Khải Siêu, tôi cũng chả cần[2]. Tôi sẽ cứ đường tôi tôi đi, tìm chỗ tôi nằm, tôi nghỉ, quyết không để bị lừa nữa. Vì rằng đối với "nhân tình thế cố" tôi đã thừa hiểu rồi.

Mấy năm gần đây, tập ***Gào thét*** đã được nhiều người để ý, ấy là một điều mà xưa kia tôi không hề tưởng đến. Nói cho đúng hơn thì cả "tưởng" tôi cũng chưa hề tưởng, chứ không phải là có "tưởng" mà tưởng không đến. Chẳng qua hồi ấy, chiều lòng những người quen muốn tôi viết vài bài thì tôi cũng viết vài bài chơi. Một mặt nữa, hồi bấy giờ tôi cũng rảnh rang vì chả có mấy ai biết tôi là Lỗ Tấn. Bút danh của tôi cũng không phải chỉ có cái tên Lỗ Tấn mà thôi, mà còn là L.S, *Thần Phi, Đường Sĩ, Mỗ Sinh Giả, Tuyết Chi, Phong Thanh* và trước kia nữa thì *Tự Thụ, Sách Sĩ, Linh Phi, Tấn Hành* nữa, Lỗ Tấn là bởi chữ *Tấn Hành* mà ra. Chả là hồi đó tòa soạn tờ

---

(1) Ở Trung Quốc, cối xay bột bằng đá phải có bò kéo.

(2) Câu này nhắc lại ý Cao Trường Hồng, trong tờ *Cuồng viêm* của y. Có lần y khen Lỗ Tấn là một nhà tư tưởng sâu sắc, không ai bì kịp. Ít lâu sau lại nói "Lỗ Tấn đã bị lật đổ như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu rồi".

Tân thanh niên không thích cái lối các tay biên tập chỉ ký mỗi người một tên mà thôi.

Ngày nay, có kẻ nghi cho tôi là có ý làm một ông *cẩu thủ lĩnh* (thủ lĩnh chó) gì gì đó, kể cũng đáng thương cho sự dụng tâm của họ. Sau lúc đã do đi thám lại mấy trăm lần, chung quy họ vẫn không rõ. Riêng về phần tôi, tôi chưa hề kéo ngọn cờ lệnh thêu hai chữ *"Lỗ Tấn"* để yết kiến ai bao giờ. Thế mà về sau, vẫn có kẻ điều tra ra rằng : Lỗ Tấn chính tên thật là Chu Thụ Nhân. Trong bọn này có bốn hạng : kẻ thì vì nghiên cứu về tiểu thuyết, muốn biết thân thế tác giả ; kẻ thì vì hiếu kỳ cố dò la cho minh bạch ; cũng có bọn biết rằng tôi lâu nay hay viết đoản bình về thời sự nên đem tên thật tôi nêu lên để hãm hại tôi[1] ; sau nữa, cũng có kẻ muốn biết cho đích xác để phòng khi có cần dùng đến tôi chăng ; vì vậy họ quyết xoi mói cho ra.

Hồi ấy, tôi trọ ở mé tây thành phố. Biết được Lỗ Tấn là tôi thì cũng chỉ có một vài anh em trong nhóm *Tân thanh niên* và *Tân trào* mà thôi, trong đó có anh Tôn Phục Viên. Lúc bấy giờ, anh còn làm chủ bút tờ *Thần báo*. Chẳng biết trong tòa soạn ai là người có sáng kiến mở thêm mỗi tuần một mục mới gọi là *Mục vui*. Anh có lại tìm tôi, yêu cầu tôi viết ít bài vào mục ấy.

Hình ảnh AQ đã ám ảnh tâm hồn tôi trong mấy năm trời, nhưng trước đó tôi chưa hề nghĩ đến sự đem ra viết thành một bộ tiểu thuyết. Nghe lời anh Tôn Phục Viên, tôi mới sực nhớ ra. Ngay tối hôm ấy, tôi viết bài, tức là bài Tựa ở chương đầu. Vì muốn thực hiện ý nghĩa *Mục vui* cho nên tôi cũng xen táp nham vào vài câu ba lơn mà giờ đây xét lại thì thấy cũng chả cần thiết gì với nội dung truyện cho lắm. Tôi ký tên là Ba Nhân lấy ở chữ *Hạ lý ba nhân*[2] chả có gì là thanh cao, tao nhã cả. Nào ngờ cái tên ký ấy đã gây nên những nỗi oan khiên mà trong mấy năm trời tôi không hề biết. Mãi đến năm nay, nhân đọc một đoạn trong mục *Nói chơi* trên tập *Hiện đại bình luận* của Hàm Lô (tức Cao Nhất Hàm) mới rõ. Đại khái như thế này :

"... Tôi (Cao Nhất Hàm) còn nhớ rằng lúc tập *AQ chính truyện* đang cứ từng đoạn, từng đoạn lục tục in ra, thì có nhiều người ra vẻ sợ hãi lắm. Họ những lo rằng có một ngày kia, đến lượt họ sẽ bị thóa mạ. Lại có một ông bạn của tôi nói trước mặt tôi rằng : trong câu chuyện *AQ* đăng hôm qua có một đoạn có tỏ là công kích ông ta. Rồi ông ta đoán ngay rằng tác giả chính

---

(1) Ám chỉ Cao Trường Hồng và Trần Tây Oánh. Tây Oánh trong bức thư gửi cho Từ Chí Ma phát giác : "Lỗ Tấn tức là Chu Thụ Nhân, thiêm sự ở Bộ giáo dục".

(2) *Hạ lý ba nhân* : tên một khúc hát dân gian.

là "người nọ", chả là chỉ có "người nọ" mới biết được câu chuyện riêng ấy. Thế rồi từ đó ông ta nghi ngờ lung tung : bao nhiêu câu chuyện đem ra chửi trong *AQ chính truyện* đều là "chuyện riêng" của ông ta cả, và phàm những người có đi lại giao thiệp với tòa soạn tờ báo đã đăng *AQ chính truyện* đều bị tình nghi là tác giả *AQ chính truyện* hết. Mãi đến lúc ông ta dò ra tên thật tác giả, ông ta mới biết rằng té ra người đó với ông ta xưa nay chưa hề quen biết nhau. Lúc ấy, ông ta mới giật nẩy mình ra, và gặp ai là ông ta tuyên bố : "Bộ *AQ chính truyện* viết ra không phải có ý công kích ông ta đâu" *(Hiện đại bình luận* số 89, tập thứ IV).

Thật tôi đã đắc tội với "người nọ". Chỉ vì tôi mà ông này phải đội cái án tình nghi bấy nhiêu tháng trời. Tiếc rằng tôi không biết "người nọ" ấy là ai ? Có lẽ là người Tứ Xuyên chăng ? Chả là hai chữ Ba nhân rất có thể làm cho người ta nghĩ đến đất Ba Thục (Tứ Xuyên) mà ! Mãi đến hồi *AQ chính truyện* đã in vào tập *Gào thét*, vẫn còn nhiều người hỏi tôi : "Nói thật đi, trong bộ sách ấy anh định chửi người nào với người nào đấy ? " Nghe câu hỏi đó, tôi chỉ có thể tức tối và khổ tâm, vì tôi không thể làm thế nào để cho người ta thấy rằng mình không đến nỗi hèn mạt đến thế.

Chương thứ nhất cuốn truyện lên khuôn là tôi đã bắt đầu thấy khổ. Cứ bảy ngày là phải viết một chương. Hồi ấy tôi cũng không có việc gì bận rộn, nhưng thân tôi còn là thân lưu lạc. Tôi lại phải ngủ trong một cái phòng làm đường ra vào cho cả tòa nhà ; căn phòng chỉ có một cái cửa sổ ra phía sau, muốn tìm cho được một chỗ ngồi để mà viết bài cũng không có, nói gì đến việc được lặng lẽ để nghĩ ngợi một lúc. Anh Phục Viên hồi ấy, tuy chưa béo tốt, mập mạp như ngày nay, nhưng đã tập được cách cười hì hì rất khéo để thúc bài rồi. Cứ mỗi một tuần, anh lại đến một lần ; hễ gặp mặt là : "Ông bạn ! *AQ chính truyện* đâu ?... Ngày mai lên khuôn đấy !" Thế là tôi lại cúi đầu viết ; tay viết, bụng nghĩ : tục ngữ nói : "ăn mày sợ chó, thầy khóa sợ kỳ thi", mình không phải là thầy khóa mà cứ đến kỳ là phải nộp bài, rõ mệt !... Ấy thế mà cuối cùng vẫn cứ tương ra được một chương. Nhưng dần dần câu chuyện trở nên nghiêm trang. Anh Phục Viên hình như cũng thấy rằng : chuyện chả "vui" tí nào cả, cho nên từ chương hai trở đi, anh ta cho vào ngay mục *Tân văn nghệ* cuối tờ báo.

Rồi cứ như vậy, tuần này sang tuần khác, cứ kéo ra, và không thể không để khởi vấn đề AQ làm cách mạng. Theo ý tôi thì nếu như Trung Quốc không làm cách mạng, thì AQ cũng chả bao giờ làm cách mạng, nhưng nếu Trung Quốc làm cách mạng thì thế nào AQ cũng sẽ làm. Số mạng chú AQ của tôi nhất định là phải thế, và nghĩ lại cũng chả có thể vì thế mà nhân

cách AQ thành ra không nhất trí. Năm thứ nhất niên hiệu Dân Quốc qua đã từ lâu rồi, không còn dấu vết gì nữa. Nhưng sau này, nếu còn cách mạng thì tôi chắc chắn rằng vẫn còn những tay "cách mạng" giống như AQ. Tôi rất mong mỏi như lời người ta nói, câu chuyện tôi ghi chép trong tập sách này chỉ là "câu chuyện đã qua hoặc là câu chuyện của một thời kỳ nhất định". Nhưng tôi lại vẫn e rằng : những "điều trông thấy" đó không phải là tiền thân mà chính là hậu thân của hiện đại, hoặc giả đó là những sự thực nó còn là những sự thực của Trung Quốc hai ba mươi năm sau này, cũng chưa biết chừng ! Kỳ thực AQ có đem đoạn đũa mà giốc ngược cái đuôi sam của y lên nữa thì cũng không thể cho là đã làm cách mạng được. Mười lăm năm về sau, ông Trương Hồng[1] "bước chân vào giới xuất bản" biết đâu cũng thành một tay Sevirep (Shevirev)[2] Trung Quốc !

AQ chính truyện ra đời đã ngót hai tháng, tôi có ý kết thúc câu chuyện cho xong đi. Ngày nay tôi cũng không còn nhớ rõ nữa, hình như anh Phục Viên không tán thành sự kết thúc vội vã ấy, hay là tôi sợ anh Phục Viên phản đối, cho nên tôi giấu kín câu chuyện "đại đoàn viên" ở trong lòng. Mặc dù vậy, chú AQ cũng dần dần đi vào con đường chết. Lúc viết đến chương cuối cùng, nói thật, nếu anh Phục Viên có ở bên mình tôi thì có lẽ anh ta cũng át đi và yêu cầu để cho chú AQ sống thêm vài tuần lễ nữa chăng. Nhưng "dịp đâu may mắn lạ thường", vừa lúc anh ta có việc phải về quê, tên "bếp mới" tòa soạn là ông Hà Tác Lâm làm thay công việc của anh ta. Đối với chú AQ, lâu nay ông Lâm không yêu, không ghét gì. Tôi liền đem ngay chương "Đại đoàn viên" ra. Ông ta đăng ngay. Đến khi anh Phục Viên trở về thì chú AQ đã bị bắn chết ngót một tháng trời rồi ! Thế là anh Phục viên dù có khéo thúc bài đến đâu, dù có cười hì hì thế nào cũng không có thể lại cứ "Anh ! *AQ chính truyện* ? " nữa. Thế là từ nay, tôi cũng đã kết thúc xong được một việc để làm một việc khác. Chả biết hồi ấy định làm việc gì, nay không còn nhớ ra nữa. Có lẽ chẳng qua cũng lại một công việc na ná như vậy mà thôi.

Sự thực thì tấn tuồng "Đại đoàn viên" cũng không phải là một cách kết thúc mà tôi đã "tùy tiện" gán cho AQ. Còn như lúc đầu mới viết truyện, tôi

---

(1) *Trương Hồng* : tức Cao Trường Hồng, một nhà văn đã được Lỗ Tấn giúp đỡ rất nhiều nhưng sau giở mặt, thù và viết văn nói xấu Lỗ Tấn.

(2) Tên một nhân vật trong cuốn tiểu thuyết Nga (tác giả M. Arizibashev). Cao Trường Hồng có lần tự ví mình là Shevirev. Shevirev là một công nhân. Đại ý câu văn trên này nói : một người bấy giờ ngớ ngẩn như AQ mà ngày sau có tinh thần khác hẳn cũng nên, vì một nhà văn như Cao Trường Hồng mai kia cũng có thể làm một người công nhân hoạt động, cũng chưa biết chừng.

có nghĩ đến kết cục ấy hay không thì cũng thật khó có thể nói cho rõ. Mơ màng nhớ lại : có lẽ không hề nghĩ đến sự đó cũng nên. Nhưng biết thế nào ? Ai là người có thể đoán được cuộc "đại đoàn viên" của kẻ khác này từ lúc đầu ? Nói gì đến AQ, ngay đến cuộc "đại đoàn viên" của tôi đây, chính tôi cũng chả biết được nữa là ! Rồi đây chung quy tôi là một nhà "học giả" ư ? một "nhà giáo" ư ? một nhà "học phiệt" hay là một tên "trí thức côn đồ" ư ? là "cụ lớn" ư ? hay là làm một anh "thừa lại" ? hay là một "tay thế lực trong giới tư tưởng" ? hay là một nhà học giả tiên phong ? hay là một "tay lão luyện trong thế cố nhân tình" ? hay là một "nghệ sĩ" ? hay là một "chiến sĩ" ? hay cũng chỉ là một anh mặt dạn mày dày như Á Lạp Tích Phu[1] mà thôi ư ? ư ? ư ? ư ? ư ?

Lẽ cố nhiên, AQ còn có thể có nhiều kết cục khác, chẳng qua tôi không biết mà thôi.

Trước kia, tôi vẫn nghĩ rằng : có nhiều chỗ tôi viết "có khí quá". Nhưng gần đây lại không nghĩ như thế nữa. Hiện nay, ở Trung Quốc nhà ta có nhiều việc, nếu như đem mà tả chân ra thì người ngoại quốc hay người nước ta sau này nhìn vào cũng phải cho là grotesk[2]. Thường có lúc tôi tưởng tượng ra một việc rất quái gở và tự nghĩ rằng quái gở đến thế là cùng ! Thế mà thỉnh thoảng lại thấy những việc quái gở bằng mấy việc mình đã tưởng tượng nữa. Thì ra trước lúc việc đó phát sinh, trí thức thô thiển của tôi không liệu đoán trước được.

Cách đây chừng độ hơn một tháng, ở đây có bắn một tên cướp. Hai chú lính ăn bận đồ ngắn, tay cầm súng ngắn, mỗi chú bắn bảy phát vào tên tội phạm. Chả biết bắn mà không chết, hay là chết rồi mà vẫn cứ bắn, nên mới bắn nhiều như vậy. Lúc ấy, tôi chạnh lòng thương xót nói với bọn học sinh thanh niên của tôi rằng : "Xưa kia, lúc Dân Quốc vừa thành lập, dùng súng bắn người đầu tiên thì như thế cũng là sự thường. Nhưng ngày nay Dân Quốc đã thành lập hơn mười năm trời rồi, đáng lẽ ra phải tiến bộ hơn một tí chứ ? Hà tất làm cho kẻ chết phải chịu đau đớn đến thế ! Ở Bắc Kinh thì không như vậy. Lúc kẻ tử tù còn chưa tới pháp trường thì viên đội phụ trách hành hình đã cho một phát đạn vào ngay hậu não kết liễu đời y mà chính y vẫn còn chưa biết kia ! Vậy nên, Bắc Kinh vẫn là chỗ "đô thành nhân đức". Đến cả việc xử tử ở đây so sánh với các tỉnh khác vẫn còn tử tế hơn nhiều".

---

(1) Phải chăng là tên dịch theo lối phiên âm của một nhân vật trích ở một tác phẩm văn học Nga gần đây ?

(2) Viết bằng tiếng Anh trong nguyên văn, nghĩa là *cổ quái*.

Nhưng, mới đây tôi vừa đọc tờ *Thế giới nhật báo* Bắc Kinh, ra ngày 23 tháng Mười một thì lại thấy rằng lời tôi nói với học sinh của tôi trên đây không đúng. Trên trang thứ sáu tờ báo ấy, có câu chuyện thời sự đề là "Đỗ Tử Thuyên đã bị chém !". Tất cả có năm đoạn. Tôi tóm tắt lại như sau :

Đỗ Tử Thuyên bị chém, đồng đảng với nó bị bắn.

"Lúc đầu, theo lời yêu cầu của quân lính, Bộ Tư lệnh cảnh binh định đem bọn tội nhân chém rồi bêu đầu. Cho nên khi bọn Đỗ chưa tới pháp trường thì người ta đã chuẩn bị sẵn một cây đại đao dùng cắt cổ. Đao hình dài, cán bằng gỗ. Khớp giữa có một lưỡi sắc, mé dưới có một cái lỗ, xuyên qua cái lỗ ấy, có một cái chốt đẩy lên đẩy xuống được. Khi bọn Đỗ Tử Thuyên tất cả bốn người, đã vào trường chém, thì lính áp giải dìu chúng đến dưới máy chém và bảo chúng quay mặt về hướng bắc, đứng trước bấy nhiêu đồ hành hình đã sắp đặt sẵn... Đỗ không chịu quỳ. Một viên đội tuần tra nói Đỗ có cần người giữ tay hay không. Đỗ cười, không trả lời. Thế là Đỗ bước tới trước con đao, ghé cổ vào lưỡi đao, ngửa mặt lên trời chịu chết. Chú lính hành hình sẽ đưa lưỡi đao lên. Đến lúc Đỗ đã gối đầu vào chỗ vừa phải, thì chú lính nhắm mắt, chặt xuống một nhát thật mạnh. Tức thì Đỗ đã đầu một đường, thân một nẻo, máu chảy lai láng. Bọn đồng đảng của y là Tống Chấn Sơn cùng hai người khác, lúc ấy quỳ bên cạnh chờ bắn, liếc mắt nhìn ngang qua. Có tên Triệu Chấn, cứ run cầm cập. Sau đó, viên đội cầm súng trường đứng sau lưng, bắn ngay. Bắn Tống Chấn Sơn trước, rồi đến Lý Hữu Tam, Triệu Chấn, mỗi người một phát... Hai người con ông Trình Bộ Trì, là Trung Trí và Trung Tín, đứng xem, đều khóc rưng rức. Sau khi tội phạm đã bị chém, hai cậu hét to : "Cha ơi là mẹ ơi ! Thù cha thế là đã trả rồi ! Chúng con biết làm sao nữa ?". Bấy nhiêu tiếng khóc làm cho người nghe buồn đứt ruột. Sau đó người nhà dìu hai cậu về.

Bây giờ nếu như có một nhà văn thiên tài thật tình cảm thấy được tiếng đập của con tim thời đại ngày nay, đem câu chuyện xử tử hôm 23 tháng Mười một vừa qua viết thành tiểu thuyết thì tôi nghĩ nhiều độc giả nhất định sẽ ngờ rằng : có lẽ chuyện đâu thời Bao Long Hồ[1] thế kỉ XI, cách chúng ta ngày nay những chín trăm năm.

Thật rõ khéo !...

---

(1) *Bao Long Đồ* : tức Bao Chửng (999 - 1062), người đời Tống. Có nhiều truyện thuyết về ông ta. Trong cuốn *Tam hiệp ngũ nghĩa* có chuyện ông ta lấy liềm cắt cổ, cắt đầu người.

Còn như các bản dịch *AQ chính truyện*, thì tôi mới thấy được hai bản. Bản dịch ra tiếng Pháp đăng ở tạp chí *Europe* kỳ tháng Tám, và cũng chỉ mới được một phần ba, thấy có bỏ đi nhiều chỗ. Bản Anh văn, hình như dịch đúng hơn. Nhưng tôi không hiểu tiếng Anh lắm, nên không có ý kiến. Tuy vậy, tình cờ cũng nhận ra mấy chỗ cần bàn lại. Một là câu *"tam bách đại tiền cửu nhị quán"* nên hiểu là : *ba trăm đồng tiền to, chín mươi hai đồng ăn một quan* ; hai là *"thị du đảng"* nên dịch âm thì hơn[1]. Chả là chữ "Tự do đảng" người nhà quê không biết nghĩa là gì nên mới hiểu lầm ra là "Thị du đảng" – đảng ép dầu hạt thị.

Viết tại Hạ Môn ngày 3 tháng 12 năm 1926

(Tập ***Hoa cái*** tiếp theo)

(1) Người Trung Quốc đọc "Thị du đảng" và "Tự do đảng" gần như nhau.

108. VỀ TẬP *BÀNG HOÀNG*[*]

Triêu phát nhận tư Thương Ngô hề,
Tịch dư chi hồ Huyền Phố ;
Dục thiểu lưu thử linh tỏa hề,
Nhật hốt hốt kỳ tương mộ.

Ngô linh Hy Hòa nhị tiết hề
Vọng Am Tư nhi vật bách ;
Lộ am am kỳ tu viễn hề
Ngô tương thượng há nhi cầu sách

KHUẤT NGUYÊN (***Ly tao***)

---

* Khi làm cuốn ***Bàng hoàng***, Lỗ Tấn, khác với lệ thường không viết lời *Tựa* mà trích dẫn hai khổ thơ trong *Ly tao* của Khuất Nguyên như một *đề từ* nói giùm tâm sự của ông sau lúc nhóm *Tân thanh niên* tan rã : "có kẻ thăng quan, có kẻ lui về ở ẩn, có kẻ cứ tiến bước. Một lần nữa, tôi lại thấy các đồng bạn của mình trong cùng một mặt trận có thể biến hóa đến như thế. Còn tôi thì chỉ còn lại cái danh hiệu là "nhà văn" lủi thủi một mình trong cõi sa mạc, không làm sao thoát khỏi cái việc làm văn chương để đăng trên các báo hết sức tản mạn, gọi là "tùy tiện nói chơi"... Có được những tài liệu khá đầy đủ, thì viết thành truyện ngắn. Chỉ vì mình đã trở thành một dũng sĩ lưu lãng (du dũng), không bố trí thành mặt trận được, cho nên kỹ thuật tuy có khá hơn trước một ít, nhưng cách suy nghĩ tựa hồ như không được câu thúc bằng, thành ra ý chí chiến đấu phải nguội lạnh đi rất nhiều. Tìm đâu được những người bạn chiến đấu mới ? Tôi nghĩ : đó là một điều không hay. Thế rồi, tôi đem thu thập mười một thiên truyện ngắn sáng tác trong thời kỳ này và in thành sách gọi là *Bàng hoàng* và truyện sau này sẽ không như thế nữa" (Trích bài *Tựa viết lấy* trong *Tự tuyển tập*).

Về tên sách, ông lấy nguyên chữ trong bài thơ ông làm năm 1923, nói về thời kỳ này :

Tịch mịch tân văn uyển
Bình yên cựu chiến trường
Lưỡng gian dư nhất tốt
Hà kích độc bàng hoàng.

(Vườn văn mới giờ đây vắng vẻ, Chiến trường xưa trở nên yên lặng, Giữa hai trận địa, còn lại một chiến sĩ vác kích đi đi lại lại một mình).

Tiếng Trung Quốc, từ *bàng hoàng* có hai nghĩa : 1 - đi đi lại lại (nghĩa đen), 2 - do dự, tâm thần không ổn định (nghĩa bóng). Tiếng Việt chỉ dùng nghĩa thứ hai. Không biết thật rõ Lỗ Tấn dùng theo nghĩa nào, hay dùng cả hai nghĩa, khi dịch tôi thiên về nghĩa thứ hai - (N.D).

Sớm Thương Ngô chiều qua Huyền Phố,
Đến thần linh xa ngó cửa ngoài.
Chốn này muốn tạm nghỉ ngơi,
Chiều hôm bằng lặng mặt trời xuống nhanh.

Hi Hòa hỡi ! Nể tình ta với,
Lối non đoài chớ vội xông pha,
Quản bao nước thẳm non xa,
Để ta tìm kiếm cho ra bạn lòng.

NHƯỢNG TỐNG *dịch*

109. LỜI NÓI ĐẦU

(cho tập ***Chuyện cũ viết lại***)

Tập sách bé nhỏ này, từ khi bắt đầu viết cho đến khi hoàn thành, cũng mất một thời gian có thể nói là khá dài, mười ba năm chẵn.

Truyện thứ nhất *Vá trời* – nguyên trước đề là *Bất Chu sơn* – viết xong từ mùa đông năm 1922. Ý định lúc bấy giờ là lấy đề tài ở các thời đại cổ cũng như kim, mà viết thành truyện ngắn. *Bất Chu sơn*, rút ở thần thoại *Nữ Oa luyện đá vá trời*, là truyện viết thử đầu tiên. Lúc mới cầm bút, định viết cho thật nghiêm trang, mặc dù chẳng qua cũng chỉ là dùng thuyết Frơt (Freud)[1] để giải thích nguyên nhân của sự sáng tạo – sáng tạo người và sáng tạo văn học mà thôi.

Nhưng rồi, không nhớ rõ vì lý do gì, nửa chừng lại dừng bút, xem báo. Chẳng may đọc phải bài của người nào – hiện quên mất tên – phê bình tập thơ *Gió huệ* của anh Uông Tĩnh Chi, nói rằng : phải khóc mà van xin các ông thanh niên đừng viết cái thứ văn chương ấy nữa[2]. Cái ác ý tội nghiệp đó của nhà phê bình làm cho tôi phì cười, nên khi tiếp tục, tôi không thể nào không cho một đấng trượng phu tí hon, mặc áo, đội mũ đời xưa, xuất hiện giữa cặp đùi của Nữ Oa được. Thế là, đang nghiêm trang, bắt đầu rơi vào chỗ đùa bỡn. Đùa bỡn là kẻ thù của sáng tác, vì thế, tôi không bằng lòng với tôi chút nào cả.

---

(1) *S. Freud* (1856 - 1939) : nhà chuyên môn về bệnh thần kinh, người nước Áo, sáng lập học thuyết phân tích tinh thần (psychanalyse). Học thuyết ấy cho rằng phàm những hiện tượng tinh thần, như văn học, nghệ thuật, triết học, tôn giáo đều do "nhục dục" (libido) bị kiềm chế, rồi ẩn náu trong tiềm thức mà sinh ra. Nên chú ý Lỗ Tấn không hề chịu ảnh hưởng sâu sắc của thuyết Freud, trái lại có một thái độ hoài nghi. Ông đã từng viết một bài phê phán học thuyết đó trong tập ***Nam xoang bắc điệu*** : "Nghe nói về mộng" (Thính thuyết mộng).

(2) Chỉ bài của Hồ Mộng Hoa phê bình tập thơ *Huệ đích phong* của Uông Tĩnh Chi. Trong tập tạp văn *Nhiệt phong*, Lỗ Tấn có nhắc đến chuyện này.

Tôi quyết không bao giờ viết loại truyện như thế nữa, nên khi xuất bản tập ***Gào thét*** (Nạp hám), tôi cho in vào cuối, coi như truyện đầu tiên và cũng là truyện cuối cùng về loại ấy.

Lúc bấy giờ, nhà phê bình Thành Phương Ngô của chúng ta đang múa ngọn rìu của ông dưới lá cờ "những cuộc ngao du của linh hồn" trước cửa nhà *Sáng tạo xã*. Ông ta quy cho tập *Gào thét* cái tội "dung tục", rồi giáng cho mấy nhát chết tươi. Ông ta chỉ khen truyện *Bất Chu sơn* là giai tác. Tất nhiên còn có chỗ ông ta vẫn cho là hỏng[1]. Xin nói thật, đó là nguyên nhân vì sao không những tôi không phục, mà còn xem thường viên dũng sĩ đó. Tôi vốn không khinh "dung tục", mà lại thích "dung tục" là khác. Viết tiểu thuyết lịch sử, tôi vẫn cho rằng phải tham khảo các tài liệu, nói phải cho có chứng cớ. Dù có ai cười như thế sẽ thành "tiểu thuyết của nhà giáo", thì cũng phải nhận loại sáng tác đó rất khó kết cấu. Còn như chỉ lấy một điểm nhân do nào đó, rồi tùy tiện điểm tô, dàn cho thành truyện, thì chẳng cần tài nghệ gì mấy. Huống chi, "như cá uống nước, ấm lạnh thế nào nó khắc biết", hay nói một cách thông thường, "mình có bệnh thì tự mình, mình biết ngay", nửa sau truyện *Bất Chu sơn* viết sơ lược quá, quyết không thể cho là một giai tác được. Giả thử người đọc tin lời nhà "ngao du" kia, thì nhất định sẽ nhầm, mà tôi thì sẽ thành kẻ làm cho người khác nhầm. Vì thế, khi *Gào thét* in lần thứ hai, tôi cắt truyện ấy đi. Tập truyện của tôi chỉ còn lại toàn những cái "dung tục" nữa mà thôi. Đó cũng là một gậy tặng lại vị "linh hồn" kia vào giữa đỉnh đầu !

Cho đến mùa thu 1926, tôi một mình sống trong ngôi nhà xây đá ở Hạ Môn, nhìn ra biển cả, dở chồng sách cổ, xung quanh không có sự sống của con người, trong lòng hết sức trống trải. Nhưng *Vị danh xã* ở Bắc Kinh thì lại cứ gửi thư đến liên tiếp, thúc viết bài cho tạp chí. Lúc bấy giờ, tôi không muốn nghĩ đến chuyện trước mắt, vì thế mà hồi ức lại thời dĩ vãng, viết mười thiên ***Nhật cánh hoa tàn*** (Triêu hoa tịch thập), và lượm lặt truyền

---

(1) *Thành Phương Ngô* : một phần tử trung kiên của nhóm *Sáng tạo xã* thời Ngũ Tứ, và là một nhà phê bình có tiếng thời bấy giờ. Sau phong trào Ngũ Tạp 1925, ông bắt đầu có khuynh hướng cách mạng, tư tưởng nghệ thuật cũng chuyển biến, cho nên khoảng 1927 - 1928, đã cùng ông Quách Mạt Nhược phát động phong trào "Văn học cách mạng". Lúc Lỗ Tấn xuất bản cuốn ***Gào thét***, Thành Phương Ngô có viết bài phê bình, chê những truyện *Nhật ký của người điên, Khổng Ất Kỷ, Thuốc, Ngày mai, AQ chính truyện v.v...* là "tự nhiên chủ nghĩa", là "hời hợt", "dung tục". Ông khen truyện *Bất Chu sơn* là "kiệt tác", "mặc dù có chỗ chưa làm cho người ta thỏa mãn lắm".

"Những cuộc ngao du của linh hồn" là chỉ văn phê bình. Đó là chữ Thành Phương Ngô dùng trong bài phê bình nói trên. (Theo câu của nhà văn Pháp Anatole France, "Phê bình văn nghệ là để linh hồn ngao du trong các tác phẩm").

thuyết đời xưa, chuẩn bị viết thành tám truyện trong tập ***Chuyện cũ viết lại*** này. Vừa viết xong *Lên trăng* và *Luyện kiếm – Luyện kiếm* khi mới đăng báo lấy tên là *My Gian Xích* –, tôi phải chạy về Quảng Châu. Thế là lại đành phải gác lại. Về sau, tuy thỉnh thoảng gặp một ít đề tài thì cũng viết một bài "tốc tả" (ghi vội) chứ không hề chỉnh lý lại.

Đến nay, cũng cho là đã góp được một tập. Trong này, những bài "tốc tả" chiếm phần lớn, nên chưa xứng cái tên tiểu thuyết, như các sách "Văn học khái luận" thường định nghĩa. Kể chuyện, có khi cũng căn cứ vào sách cũ, có khi lại chẳng qua tùy tiện gặp đâu nói đấy mà thôi. Vả lại, đối với người xưa, tôi không được thành kính như đối với người nay, cho nên, có khi không tránh khỏi đùa bỡn một tí. Sau mười ba năm, tôi vẫn không lấy gì làm tiến bộ cho lắm. Nhìn lại, quả thật "chẳng có truyện nào không phải là loại *Bất Chu sơn*" cả. Có điều, viết về người xưa mà không đến nỗi làm cho họ chết hơn, nên có lẽ tạm thời những truyện này còn có lý do tồn tại chăng.

Ngày 26 tháng 12 năm 1935
LỖ TẤN

110. TỰA

(tập *Nấm mồ*)

Nguyên do vì sao mà đem những bài thể thức khác hẳn nhau như thế này tập hợp lại thành một bản giống như là sách, nói ra chẳng lấy gì làm oai nghiêm đàng hoàng cho lắm. Trước hết, bởi vì tình cờ trông thấy mấy thiên cũng gọi là văn chương đi, viết cách đây gần hai mươi năm về trước. "Mình viết ra đấy ư ?" – tôi nghĩ bụng. Xem thì thấy tựa hồ như mình viết thật. Đó là những bài gửi cho tờ *Hà Nam*(1). Vì ông chủ bút ấy có cái tính rất kỳ quặc, văn phải cho dài, càng dài, tiền nhuận bút càng nhiều, cho nên những bài như *Bàn về sức mạnh dòng thơ Mara*(2) quả thật còn sống sượng. Nếu là mấy năm nay, có lẽ không đến nỗi như thế. Tôi lại còn thích viết những câu lạ và dùng chữ cổ, đó là chịu ảnh hưởng của tờ *Dân báo*(3) đương thời. Nay để tiện việc in, có sửa chữa lại một ít, còn thì cứ để mặc như vậy. Những cái chưa trơn tru lưu loát đó, giá của người khác, có lẽ tôi đã khuyên

---

(1) *Hà Nam* : một tờ tạp chí xuất bản hàng tháng ở Đông Kinh, Nhật Bản, một trong những tờ báo tuyên truyền cách mạng chống Mãn Thanh của lưu học sinh Trung Quốc đương thời. Số đầu ra vào tháng 12 năm 1907. Hồi đó lưu học sinh Trung Quốc có hàng nghìn người, họ xuất bản hơn mười tờ tạp chí khác nhau, do Hội đồng hương mỗi tỉnh hay những người cùng tỉnh đứng ra chủ trương, nội dung thiên về các vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa của tỉnh mình, đồng thời tuyên truyền phổ biến khoa học. Có những tờ như *Chiết Giang triều, Giang Tô, Hán Thành, Động Đình ba, Vân Nam, Tứ Xuyên*...

Những bài Lỗ Tấn viết thời đó và có trong tập ***Nấm mồ*** như bài *Lịch sử loài người, Bàn về sức mạnh dòng thơ Mara*, vì viết bằng cổ văn, và lại dài quá, nên chúng tôi không dịch.

(2) Bài này Lỗ Tấn viết nhằm mục đích giới thiệu các nhà thơ lãng mạn như Bairon (George Gordon Byron 1788 - 1824, người Anh), Seli (Shelley 1792 - 1822, người Anh), Puskin (Pouchkine 1799 - 1837, người Nga), Lecmôntốp (Lermontov 1814 - 1841, người Nga), Mickiêvich (Mickiewiez 1798 - 1855), Slôvaski (Slowacki 1809 - 1849), Krasinski (Krasinski 1812 - 1859, người Ba Lan), Pêtôfi (Petofi 1823 - 1849, người Hungari)...

Mara, tiếng nhà Phật nghĩa là ma quỷ, người Pháp gọi là Satan. Byron ở Anh bị bọn cầm quyền gọi là nhà thơ phái Satan. Lỗ Tấn gọi chung những nhà thơ có ý phản kháng lại chế độ đen tối là thuộc "dòng thơ Mara".

(3) *Dân báo* : cơ quan ngôn luận của Đồng minh hội. Năm 1905, Hưng Trung hội của Tôn Trung Sơn, Hoa Hưng hội của Hoàng Hưng và Quang Phục hội của Thái Nguyên Bồi liên hiệp lại tổ chức thành Đồng minh hội ở Đông Kinh, Nhật Bản. *Dân báo* xuất bản vào hồi đó do Chương Thái Viêm, một nhà học giả có tiếng và một nhà lý luận kiệt xuất của phong trào cách mạng chống Mãn Thanh. Ông ta hay dùng những chữ lạ và chữ cổ. Hồi đó, Lỗ Tấn chịu ảnh hưởng của Chương Thái Viêm rất nhiều.

"dần lòng mà cất đi" rồi, nhưng là của mình, nên cứ muốn giữ lại ; có điều cũng không phải vì "năm mươi tuổi đã biết được cái sai năm bốn chín"[1], càng về già càng tiến bộ đâu ! Những nhà thơ nói trong đó ngày nay không ai nhắc đến nữa, cũng là một nguyên nhân nhỏ khiến tôi không nỡ bỏ cái bài cũ kỹ ấy. Tên tuổi họ trước đây đã làm cho tôi phấn chấn biết bao nhiêu ! Sau khi Dân Quốc thành lập, tôi quên họ đi ; không ngờ bây giờ đây, thường thường họ lại cứ hiện lên trước mắt tôi.

Thứ nữa, tất nhiên bởi vì còn có người muốn xem, nhưng đặc biệt bởi vì lại có người ghét văn chương tôi. Nói mà nói đến nỗi cho người ta phát ghét, cũng còn sướng hơn để cho người ta cứ làm thinh. Trong thiên hạ biết bao nhiêu người chưa được thoải mái, thế mà có những kẻ cứ nhất tâm nhất ý tự tạo ra cho mình một thế giới thoải mái. Không thể dễ dàng như thế được ! Cũng phải phơi bày ra trước mắt họ một cái gì đáng ghét, làm cho họ có lúc phải thấy không thoải mái một chút, và biết rằng té ra thế giới của mình cũng không dễ gì mỹ mãn được cả mười phần. Con ruồi con nhặng bay vo ve, không biết người ta ghét ; còn tôi thì tôi biết rõ lắm, nhưng nếu có thể bay vo ve được, tôi cứ bay vo ve. Có lúc tôi cũng cảm thấy tôi đáng ghét. Tức như tôi chừa rượu, uống dầu cá, mong kéo dài sinh mệnh của tôi ra, thì không phải hoàn toàn vì vợ tôi, mà phần lớn, rất lớn, là vì kẻ thù của tôi – để giữ thể diện cho họ một chút, cứ cho là kẻ thù đi –, vì muốn để lại cho cái thế giới tốt đẹp của họ thật nhiều thiếu sót. Bọn "quân tử"[2] nói : "Sao anh không chửi bọn quân phiệt giết người không chớp mắt kia ? Như thế cũng còn hèn nhát"[3]. Nhưng tôi lại không mắc lừa những thủ đoạn đó, dụ dỗ người ta vào tròng mà giết. Mộc Bì Đạo Nhân nói rất đúng : "Mấy năm liền, ngọn dao mềm cứ cứa vào cổ mà không biết chết"[4]. Cho nên tôi

---

(1) Lời chú của Chu Hi ở thiên *Hiến vấn*, sách *Luận ngữ*. Chu Hi nhắc lại lời Trang Chu khen Bá Ngọc.

(2) Bọn "quân tử" cũng như "chính nhân quân tử" ở dưới là chỉ bọn Trần Tây Oánh, Từ Chí Ma, Hồ Thích, phái *Hiện đại bình luận*. Đó là một tạp chí phản động xuất bản năm 1924 ở Bắc Kinh. Hồ Thích không tham gia viết bài, nhưng có vai trò quan trọng đối với tạp chí. Tạp chí ấy còn ra cho đến năm 1928, và lúc đó làm tay sai cho Tưởng Giới Thạch. Trong những năm 1925 - 1926, Lỗ Tấn không ngừng đấu tranh với những tên phản động đó. Những bài tạp văn này của ông sau thu thập lại trong ***Hoa cái tập*** và ***Hoa cái tập tục biên***.

Danh từ "chính nhân quân tử" là do bọn chúng đặt ra để tâng bốc nhau. Quá trình phát triển tư tưởng của Hồ Thích rất phức tạp và việc đánh giá những đóng góp cũng như những sai lầm của ông cũng vậy.

(3) Câu này là câu phái *Hiện đại bình luận* nói Lỗ Tấn sợ mất đầu, nên không dám chửi bọn thống trị mà lại đi chửi những nhà văn tay không như họ. Chữ "giai cấp không súng" ở đoạn sau cũng là chữ của bọn họ.

(4) *Mộc Bì Đạo Nhân* (đáng lẽ Mộc Bì Tản Nhân mới phải) : là biệt hiệu của Giả Phù Tây (1592 - 1674), người đời Minh, hay làm những bài *cổ từ*, một loại dân ca. Câu này Lỗ Tấn lấy trong một bài *cổ từ*, cốt dùng chữ *"ngọn dao mềm"* để chỉ những lời vu cáo đểu đại mà bọn *Hiện đại bình luận* thường dùng để ám hại những nhà văn tiến bộ.

chỉ muốn vạch mặt những kẻ tự xưng là "giai cấp không súng" mà kỳ thực là những con yêu quái đang cầm "ngọn dao mềm" trong tay. Thí dụ lời bọn quân tử nói mà tôi vừa dẫn trên cũng là một ngọn dao mềm đó. Giả thử anh viết một bài văn rồi mang tai họa, anh tưởng họ sẽ tôn anh là liệt sĩ đấy ư ? Không đâu. Lúc bấy giờ họ lại còn nói mát cho vài ba câu nữa. Không tin, cứ xem họ bình luận về những thanh niên chết trong vụ thảm sát ngày mười tám tháng Ba như thế nào thì biết[1].

Ngoài ra, đối với tôi, còn có một ý nghĩa nho nhỏ nữa. Đây cũng có thể cho là dấu vết một phần cuộc đời của tôi. Cho nên, tuy biết rõ những ngày đã qua là qua hẳn, không thể nào chạy đuổi theo thần hồn được, nhưng cũng không thể đành đoạn như vậy. Tôi còn muốn thu góp những cái cặn bã lại, đắp một nấm mồ mới, con con, một là để chôn đi, hai là cũng để lưu luyến. Còn như rồi đây không bao lâu nữa, nấm mồ kia sẽ bị san thành bình địa, thì điều đó không hơi đâu mà lo và cũng không sao lo được.

Tôi hết sức cám ơn mấy người bạn của tôi đã bỏ phí bao nhiêu thì giờ giúp tôi thu thập, sao chép, sửa chữa bản in ; thì giờ đó trôi qua là mất hẳn. Để đền đáp, tôi lại chỉ có thể hy vọng sách in xong sẽ làm cho các bạn tôi cười lên được một tiếng khoái chí, thật tình. Ngoài ra, chẳng có hy vọng cao xa nào khác. Nhiều nhất cũng chỉ mong cho tập sách này có thể tạm thời nằm trong đống sách ở các hàng sách ; ở đó, cũng như ở trên mặt đất rộng rãi bao la, không đến nỗi không dành cho một khoảnh đất cỏn con nào. Tiến thêm bước nữa, thì đã có đôi chút không an phận rồi. Tức là tư tưởng và hứng thú của người Trung Quốc hiện giờ may chưa bị bọn gọi là chính nhân quân tử thống nhất lại ; thí dụ có người chỉ thích chiêm ngưỡng lăng tẩm vua chúa, nhưng có người lại thích ai điếu trước nấm mồ hoang ; dù thế nào mặc lòng, nhất thời có lẽ còn có người đoái hoài đến một chút chăng. Nếu được thế, thì tôi hết sức lấy làm thỏa mãn ; sự thỏa mãn đó thật không kém gì lấy được nghìn vàng của nhà giàu.

Hạ Môn, đêm 30 tháng Mười năm 1926, gió to.
LỖ TẤN

---

(1) Chỉ vụ thảm sát ngày 18 tháng Ba năm 1926. Chính phủ Đoàn Kỳ Thụy cho bắn vào đám biểu tình của công nhân, học sinh và nhân dân Bắc Kinh chống âm mưu của đế quốc. Sau vụ thảm sát này, Trần Tây Oánh viết một bài trong mục *Nói chơi*, tạp chí *Hiện đại bình luận*, nói rằng : quần chúng bị "bọn lãnh tụ dân chúng" lừa, chứ thật ra không "biết đầu đuôi ra thế nào cả", cuối cùng "đi vào chỗ chết" "xông vào làn mưa đạn".

111. TỰA

(tập *Gió nóng*)

Ngày này ai đi qua đường Tây Trường An có thể thấy mấy em bé đói khổ, áo quần xơ xác, rao bán báo. Nhớ ba bốn năm trước, trên người các em thỉnh thoảng còn có cái tàn dư của bộ đồng phục, trước kia nữa, thì càng oai hơn, quả thực có dáng điệu của đội quân thiếu nhi.

Hồi ấy là vào năm Dân Quốc thứ tám, lịch Tây là năm 1919, sau phong trào thị uy của học sinh Bắc Kinh về vấn đề Sơn Đông ngày mồng bốn tháng năm[1], bởi vì lúc đó, đội quân thiếu nhi rải truyền đơn, không biết thế nào mà lại gợi sự chú ý của mấy tên đầu cơ, thế là trẻ em bán báo kiểu đội quân thiếu nhi xuất hiện. Tháng mười hai năm ấy, công sứ Nhật Bản Tiểu Phan Đậu Cát[2] kháng nghị phong trào bài Nhật, tình hình đại khái giống như năm nay[3] ; chỉ có điều các em bán báo chúng ta thì bộ đồng phục đầu tiên rách đi rồi, không may nữa, thấy năm này sang năm khác cứ cùng khổ dần.

Những bài bình luận ngắn[4] của tôi đăng ở mục *Ghi theo cảm hứng* (Tùy cảm lục) trên tờ *Tân thanh niên*, viết trước năm đó một năm. Bởi vì vấn đề

---

(1) Đây là nói cuộc Ngũ Tứ vận động. Sau Đại chiến thế giới lần thứ nhất, hội nghị Pari quyết định đem quyền lợi của Đức ở tỉnh Sơn Đông giao cho Nhật Bản. Tin đó truyền đi, nhân dân Trung Quốc rất lấy làm phẫn nộ. Học sinh Bắc Kinh biểu tình thị uy, phản đối hội nghị Pari. Cuộc đấu tranh đó có một ý nghĩa to lớn trong lịch sử Trung Quốc hiện đại.

(2) Tiểu Phan Đậu Cát : công sứ Nhật Bản ở Trung Quốc hồi đó. Chính y có liên quan vào việc ký điều ước bán nước 21 khoản của Viên Thế Khải.

(3) Chỉ cuộc Ngũ tạp (30 tháng 5 năm 1925) là phong trào yêu nước chống đế quốc Anh và đế quốc Nhật Bản.

(4) Tạp chí *Tân thanh niên* từ tháng tư năm 1918 có mở một mục là *Tùy cảm lục*. Những bài đó thường đánh số 1, 2, 3. Về sau, có một số bài có đầu đề riêng. Trước kia, mục này do người khác phụ trách. Từ bài thứ 25 mới do Lỗ Tấn phụ trách, ký tên là Dưỡng Sĩ hoặc Lỗ Tấn. Những bài đó đều được thu thập vào trong tập này.

đưa ra bình luận phần lớn là những vấn đề nhỏ, nên không có gì đáng nói, mà nguyên nhân vì sao viết, cũng quên mất rồi. Nhưng cứ xem văn chương còn lại đấy, thì trừ mấy bài bàn phiếm, có bài vì cầu tiên, tĩnh tọa, đấu quyền mà viết ; có bài vì cái gọi là "bảo tồn quốc túy" mà viết ; có bài vì bọn quan liêu cũ thời đó tự hào có kinh nghiệm mà viết ; có bài thì vì những bức tranh đả kích trên tờ *Thời báo* Thượng Hải mà viết. Nhớ hồi đó tờ *Tân thanh niên* đang lúc bốn bên đều là địch, phần tôi phải đối phó chỉ là một phần nhỏ ; những việc đại sự khác thì tờ tạp chí còn đấy, không cần phải tôi nhiều lời.

Sau phong trào Ngũ Tứ, tôi không viết bài nào, bây giờ không thể nói rõ là không viết hay viết rồi thất lạc, hoặc bị tiêu hủy đi. Nhưng phong trào cách tân hồi đó, ngoài mặt quả có ít nhiều thành tích, thế là những người chủ trương cách tân cũng hết sức hăng hái, bồng bột, và có rất nhiều người lúc đầu chê cười, chửi bới *Tân thanh niên*, bây giờ lại đặt cho một cái tên oai vệ đàng hoàng : Phong trào văn hóa mới. Về sau, cái tên này khoác vào cho *Tân thanh niên*, và họ cũng lại chê cười, chửi bới, cũng giống như những người chê cười, chửi bới văn bạch thoại, thường thường tự xưng là đi trước phong trào, là đã chủ trương văn bạch thoại từ lâu.

Về sau nữa thì càng không có gì mà nói. Chỉ nhớ một bài trong năm 1921 là vì cái gọi là "triết học hư vô" mà viết ; năm sau nữa thì đại để vì cái gọi là "nhà quốc học" ở Thượng Hải mà viết, không biết làm sao bấy giờ bỗng lại có nhiều người tự xưng là nhà quốc học như thế ?

Từ khi tờ *Tân thanh niên* ra đời đến nay, tất cả những người nhân đó mà chê cười, chửi bới cải cách, sau đó lại tán thành cải cách, sau nữa lại chê cười, chửi bới cải cách, thì bây giờ bộ đồng phục bắt chước của các em bán báo rách nát rồi, nên đã lòi cái bản tướng ra, thật đúng là "sự thực thắng hùng biện", hà tất phải chờ những lời phê bình bằng miệng lưỡi hay bằng bút mực nữa. Cho nên những bài văn nông cạn, tùy thời tôi viết ra đó, cũng nên cất đi không nhìn đến nữa, cứ để cho tiêu hủy là phải. Nhưng có mấy người bạn lại cho rằng tình trạng hiện nay và thời đó không khác nhau mấy, cũng có thể giữ lại, nên mới sưu tập hộ cho tôi. Đó là điều tôi lấy làm buồn. Tôi cho rằng phàm văn chương viết công kích tệ lậu của thời thế, thì cũng nên cùng những tệ lậu của thời thế mà diệt vong, bởi vì cái đó giống như bạch huyết cầu nung thành mủ, nếu bản thân nó không bị bài trừ ra, thì sự tồn tại của nó có thể chứng minh rằng vi trùng hãy còn.

Nhưng nếu tất cả những cái tôi viết quả thực đều lạnh lẽo, thì tức là nó vốn không có sinh mệnh, và càng không thể nói đến bệnh chứng của Trung Quốc rút cục như thế nào. Có điều, sự chế giễu lạnh lẽo vô tình và sự châm biếm cố tình vốn cách nhau không đến một tờ giấy[1], đối với sự cảm thụ và sự phản ứng xung quanh, lại đại khái như người ta nói "cá uống nước, nóng lạnh thế nào, nó tự biết lấy" ; nhưng tôi lại cảm thấy không khí xung quanh lạnh lẽo lắm, tôi nói lời của tôi, cho nên gọi ngược lại là ***Gió nóng***.

Đêm mồng ba tháng 11 năm 1925
LỖ TẤN

---

(1) *Chế giễu vô tình* và *châm biếm cố tình* là hai thái độ khác nhau trước tệ lậu của xã hội. *Chế giễu vô tình* là trào lộng mà không có thiện ý, còn *châm biếm cố tình* là phê phán có lập trường nhằm thúc đẩy người ta cải tạo xã hội. Trong bài tạp văn *Thế nào là châm biếm* trong tập ***Thá giới đình***, Lỗ Tấn có nói rõ về điều đó. Ông viết : "Những tác phẩm bề ngoài giống như châm biếm, nhưng không hề có chút nhiệt tình nào chỉ có thể làm cho người đọc thấy tất cả mọi việc trên đời không có được việc nào ra trò và cũng không nên làm việc nào hết, thì như thế không phải là châm biếm mà đó là "cười gằn".

112. TỰA

(tập *Hoa cái*)

Giữa đêm khuya cuối năm, tôi ngồi chữa lại những bài tạp cảm viết trong năm qua ; so với những bài viết cả bốn năm trước và đã được thu thập trong tập ***Gió nóng***[1], thì nhiều hơn. Ý kiến phần lớn vẫn cứ như thế, nhưng thái độ lại không được thẳng thắn chất phác bằng, cách viết thường cũng quanh quanh co co, hay dừng lại bàn về mấy chuyện vặt vãnh, thật "làm trò cười cho những bậc danh gia"[2]. Nhưng biết làm thế nào ? Năm nay tôi cứ gặp những chuyện vặt vãnh như thế, mà lại có tính cứ dừng lại những việc vặt vãnh ấy !

Tôi biết nhân vật vĩ đại[3] có thể nhìn thấu "tam thế", soi xét khắp mọi cái, nếm trải những nỗi khổ lớn, những niềm vui lớn, và có một lòng từ bi mênh mông. Nhưng tôi lại biết rằng như thế thì phải vào chốn sơn lâm, ngồi dưới gốc cổ thụ, trầm lặng mà nhìn, mà nghĩ, có "thiên nhãn thông"[4], càng xa nhân gian càng hiểu nhân gian một cách sâu rộng ; thế là những điều nói ra càng cao siêu, vĩ đại ; thế là có thể làm "thiên nhân sư"[5] được. Hồi còn nhỏ tôi từng mơ ước bay lên trời xanh, nhưng mãi đến nay vẫn còn ở dưới đất, cứu chữa những vết thương nhỏ còn chưa được nữa là có thì giờ dư dả để cho lòng thảnh thơi, óc khoáng khoát, nghị luận công bằng thỏa đáng, đạt lý thông tình, như các ngài "chính nhân quân tử" ! Giống như con ong con hút nước, tôi chỉ bò qua bò lại trên chỗ đất bùn, đâu có dám sánh với

---

(1) Những bài tạp văn thu thập trong tập ***Gió nóng*** viết trong những năm 1918, 1919, 1920, 1921, 1922, 1924, như thế là 5 năm chứ không phải là 4 năm như đã nói.

(2) Câu này lấy ở sách *Trang Tử*, thiên *Thu thủy*.

(3), (4) Nhân vật vĩ đại nói ở đây là chỉ Thích Ca Mâu Ni. *Tam thế* (ba đời), chữ nhà Phật tức là quá khứ, hiện tại, tương lai. *Thiên nhãn thông* : cũng chữ nhà Phật, ý nói có thể nhìn thấu suốt không có trở ngại.

(5) *Thiên nhân sư* : chỉ Phật.

những bậc thông thái ở trong nhà Tây, nhưng tôi cũng có những nỗi đau buồn căm giận riêng, các bậc thông minh ở trong nhà Tây quyết không thể lĩnh hội được.

Căn nguyên của những nỗi đau khổ đó là ở chỗ tôi sống giữa nhân gian, lại là một người tầm thường, có thể gặp phải cái số "hoa cái".

Bình sinh tôi chưa hề học về toán số, có điều nghe những người già cả nói, thì con người ta có lúc có thể gặp phải số "hoa cái". Chữ "hoa cái" này các cụ phát âm sai thành "hoạch cái", bây giờ xin đính chính lại. Số ấy ở các vị hòa thượng thì là vận may ; có hoa cái trên đầu tất nhiên là có triệu chứng thành Phật Tổ. Nhưng người phàm tục thì không xong rồi, hoa cái ở trên đầu sẽ bị che kín, chỉ xúi quẩy mà thôi. Năm nay, tôi bắt tay vào viết tạp cảm, vấp hai lần liền ; một lần khi viết bài *Nhá chữ* [1], một lần nữa khi viết bài *Sách thanh niên cần phải đọc*. Thư của các bậc hào kiệt có ký tên, hoặc giấu tên, gửi đến chửi, nhận được một bó to, nay còn nhét dưới giá sách. Sau đó, bỗng lại gặp phải một số gọi là học giả, văn sĩ, chính nhân, quân tử v.v...[2] nghe nói đều là những người vì công lý, vì lẽ phải mà nói, và rất không tán thành cái kiểu "cùng phe thì bênh vực, khác phe thì công kích". Đáng tiếc là tôi với họ khác nhau quá, cho nên bị họ công kích mấy lần – nhưng đó tất nhiên là vì "công lý"[3] khác với cái "cùng phe thì bênh vực, khác phe thì công kích" của tôi. Như thế cho đến nay vẫn chưa chấm dứt, đành phải "đợi sang năm"[4] vậy.

Cũng có người khuyên tôi không nên viết những bài bình luận ngắn như thế này. Lòng tốt đó, tôi rất lấy làm cảm kích. Vả lại cũng không phải không biết sáng tác là quý, nhưng khi viết những cái này – có lẽ rồi đây vẫn cứ viết những cái như thế này – tôi cho rằng nếu quả trong lâu đài nghệ thuật mà có những lệnh cấm phiền phức như vậy, thì thà đừng bước chân vào còn hơn : cứ đứng ở giữa chốn sa mạc mà xem cát bay đá chạy, vui thì cười vang, buồn thì gào to, giận thì chửi mắng, dù đá sỏi có làm cho thân thể

---

(1) Bài *Nhá chữ* là nhân nói đến việc phiên âm một số chữ ngoại quốc mà nói mỉa đến địa vị nô lệ của người Trung Quốc. Bài này trước đăng ở tờ phụ trương *Kinh báo* ngày 11 tháng 1 và 12 tháng 2 năm 1925. Chúng tôi không dịch.

(2) *Học giả, văn sĩ, chính nhân, quân tử* : đều chỉ những người phái *Hiện đại bình luận*. (Xem chú thích ở các bài Tựa cuốn ***Nấm mồ*** và bài ***Hằng khoan "Phe pơlê" đa***.

(3) Nhân vụ nữ sinh viên trường Đại học Nữ Sư phạm Bắc Kinh phản đối bà hiệu trưởng, tay sai của bọn quân phiệt, bọn chúng lập ra một cái hội gọi là Hội Duy trì công lý của giáo giới để áp bức nữ sinh viên. Lỗ Tấn nhắc đến chuyện đó.

(4) Nguyên văn : *"Dĩ đãi lai niên"*. Dùng một chữ trong *Mạnh Tử* . Cuộc đấu tranh giữa Lỗ Tấn với bọn *Hiện đại bình luận* nhân việc trường Đại học Nữ Sư phạm bắt đầu từ tháng 5 năm 1925 cho đến cuối năm đó vẫn chưa kết thúc, do đó mà nói "đợi sang năm".

nhạm nhở, vỡ đầu chảy máu đi nữa, nhưng thỉnh thoảng ngồi vuốt ve những chỗ máu đọng, cảm thấy nếu có những vết thương, cũng vị tất không thú bằng các ông văn sĩ Trung Quốc nhà ta được ngồi ăn bánh mì chấm xì dầu cùng với Sêcxpia[1].

Nhưng giận nhãn giới của tôi nhỏ quá ; chỉ riêng Trung Quốc, trong năm nay, những việc lớn cũng có thể kể là nhiều, nhưng thường thường tôi lại ít bàn đến, tựa hồ như không hề có cảm xúc. Đã từ lâu tôi mong mỏi có những bạn thanh niên Trung Quốc đứng ra phê bình xã hội, văn minh Trung Quốc không chút dè dặt, kiêng nể, do đó mà biên tập tờ tuần báo *Mãng nguyên*[2], để có chỗ mà nói, tiếc rằng người đứng ra nói ít quá. Trên những tờ báo khác thì lại thấy phần lớn người ta nhè những người phản kháng mà đả kích, điều đó làm cho tôi sợ không dám nghĩ thêm nữa.

Bây giờ là đêm cuối năm, trời đã khuya, sắp sáng. Tôi đã hao phí ít ra cũng là một phần sinh mệnh của tôi để viết những cái vô vị như thế này, mà chỉ thu lại được có cái linh hồn lạnh lẽo, tả tơi của tôi thôi. Nhưng những cái đó, tôi không hề khiếp sợ, cũng không định che giấu đi, vả lại quả thật có phần yêu quý nữa, bởi vì đó là dấu tích của tôi khi xông pha gió cát mà sống. Phàm những ai đã từng cảm thấy xông pha gió cát mà sống thì mới có thể biết được cái ý nghĩa đó.

Khi biên soạn tập ***Gió nóng***, trừ những bài sót không kể, tôi có bỏ đi mấy bài. Lần này thì có hơi khác một tí, những bài gọi là tạp cảm viết nhất thời tựa hồ đều có ở đây cả.

Đêm 31 tháng 12 năm 1925
Viết ở tường đông Lục lâm thư ốc
LỖ TẤN

---

(1) Chỉ bọn Từ Chí Ma, Trần Tây Oánh, đều là những tay lưu học sinh ở Anh về, và tự phụ đọc được Sêcxpia trong nguyên văn.

(2) *Mãng nguyên* : tờ tuần báo do Lỗ Tấn chủ biên, số đầu ra ngày 24 tháng 4 năm 1923 đến ngày 27 tháng 11 năm 1925 thì đình bản. Tờ *Mãng nguyên* phần nhiều đăng những bài bình luận xã hội. Trong bức thư gửi cho bà Hứa Quảng Bình ngày 28 tháng 4 năm 1925, Lỗ Tấn có viết như sau : "Tình trạng văn đàn (?) hiện nay của Trung Quốc cũng không lấy gì làm tốt đẹp lắm ; nhưng cũng có người làm thơ hay viết tiểu thuyết được. Thiếu nhất là những bài "phê bình văn minh", "phê bình xã hội". Tôi cho ra tờ *Mãng nguyên* phần lớn là định thu hút một số nhà phê bình như thế... để tiếp tục vạch trần bộ mặt giả dối của xã hội cũ" ***(Thư hai nơi)***.

113. TỰA

(tập ***Hoa cái tiếp theo***)

Chưa tròn một năm mà số lượng những bài tạp cảm viết ra đã nhiều bằng cả năm ngoái rồi. Mùa thu đến ở gần biển, trước mắt chỉ là mây với nước, tai nghe toàn là tiếng gió thổi, sóng dồn, tựa hồ như cách tuyệt với xã hội. Nếu hoàn cảnh không thay đổi, có lẽ năm nay sẽ không viết nhảm gì thêm nữa chăng. Trước đèn ngồi rồi, đem những bài cũ ra biên tập lại, còn sửa soạn đem in, để cung cấp cho những người mua muốn xem tạp cảm của tôi.

Trong này cũng vẫn không nói gì đến ý nghĩa huyền bí của vũ trụ và ý nghĩa chân thực của nhân sinh. Chẳng qua chỉ là viết ra giấy những chuyện đã gặp, những điều suy nghĩ, những điều muốn nói, dù nông cạn, quá khích cũng mặc kệ. Nói cho to chuyện một chút, cũng giống như những lúc vui hay buồn mà hát hay khóc, thế nào khỏi nhân dịp đó mà thổ lộ những nỗi căm giận hay là những niềm riêng của tâm tư, chứ bây giờ thì càng không nghĩ gì đến chuyện cùng ai tranh giành cái gọi là công lý hoặc chính nghĩa nữa. Cũng có bài, anh muốn thế kia, nhưng tôi lại muốn thế này ; cũng có bài, không theo mệnh lệnh, không cúi đầu ; cũng có bài lại lật những bộ mặt nạ nghiêm trang, cao thượng lên một cái chơi, ngoài ra chẳng có chuyện nào là to tát cả. Danh đúng với thực, chỉ là "tạp cảm" mà thôi.

Những bài viết từ tháng Giêng lại nay, đại khái đều có trong này cả ; chỉ bỏ một bài[1]. Bởi vì trong đó đề cập đến nhiều người, không hề được, mà cũng khó lòng xin họ đồng ý, cho nên cũng không tự ý in lại.

Còn tên sách ? Năm tháng có thay đổi, nhưng tình hình vẫn cứ như cũ, cho nên vẫn gọi là ***Hoa cái***. Nhưng năm tháng quả đã thay đổi rồi, do đó chỉ cần thêm hai chữ *"tiếp theo"*.

Hạ Môn, ngày 14 tháng 10 năm 1926
LỖ TẤN

---

(1) Bài đó đề ***Đại diễn phát vi***, về sau có đưa vào phụ lục tập ***Mà thôi***. Nhân vụ án 18 tháng ba 1926, chính phủ Đoàn Kỳ Thụy có bắt một số người chúng cho là "thủ lĩnh của bọn bạo đồ" trong đó có đồng chí Lý Đại Chiêu. Tác giả nêu tên tuổi và ghi rõ chức vụ từng người để cho độc giả thấy âm mưu của chính phủ Đoàn Kỳ Thụy là có ý tiêu diệt những người thân Nga và những nhà văn tiến bộ. (***Đại diễn phát vi*** nghĩa là nói rõ về năm mươi người có tên trong danh sách bị bắt. ***Đại diễn*** là năm mươi).

114. THAY LỜI TỰA

(tập *Nhặt cánh hoa tàn*)

Những lúc lo nghĩ, tôi thường muốn tìm cho được một chút nhàn tĩnh, nhưng quả thực không phải dễ. Chuyện trước mắt lạ lùng quá, và trong lòng cũng hết sức rối bời. Con người ta khi dồn đến nước chỉ còn ngồi mà nhắc chuyện cũ thì cuộc đời có thể nói là vô vị lắm rồi ; ấy thế mà có khi ngồi nhắc chuyện cũ cũng không được nữa. Ở Trung Quốc, làm văn phải theo phép tắc, mà thế sự thì vẫn cứ xoay vần theo một vòng tròn luẩn quẩn. Mấy hôm trước đây, rời trường Đại học Trung Sơn, tôi sực nhớ lại chuyện khi rời trường Đại học Hạ Môn bốn tháng trước : nghe máy bay vù vù trên đầu mà nghĩ đến một năm trước, máy bay ngày nào cũng lượn vòng trên thành phố Bắc Kinh. Hồi đó, tôi còn viết được một bài văn ngắn, đề là *Bừng tỉnh*[1]. Còn bây giờ thì đến "bừng tỉnh" cũng không nốt.

Khí hậu Quảng Châu nóng sớm thật. Mặt trời buổi chiều dọi qua cửa sổ phía tây làm cho người ta gắng gượng lắm mới mặc được một chiếc áo mỏng. Cây "thủy hoành chi" trong cái chậu đặt trên bàn viết là một thứ cây trước nay tôi chưa hề thấy : chỉ một khúc thân cây, dầm trong nước là cành lá lại xum xuê, tươi tốt, trông rất xinh. Tôi ngồi nhìn những ngọn lá xanh biếc, sửa chữa tập bản thảo cũ, cũng gọi là có công việc mà làm. Làm những việc này, quả thật là *tuy sinh chi nhật, do tử chi niên* – sống mà có khác gì chết –, rất có thể làm cho mất nóng bức đi được.

Hôm kia, soạn xong tập ***Cỏ dại***, rồi bây giờ đến lượt *Cựu sự trùng đề*[2] trước đã lần lượt đăng trên tờ *Mãng nguyên*. Tôi thay cho nó một cái tên

---

(1) Bài *Bừng tỉnh* trước đăng ở tuần báo *Ngữ ti* sau đem vào tập ***Dã thảo*** (Cỏ dại). Bài này đả kích cuộc nội chiến do bọn quân phiệt gây nên. Tháng 4 năm 1926, Quốc dân quân của Phùng Ngọc Tường đánh nhau với quân Trương Tác Lâm và Lý Cảnh Lâm thuộc phe Phụng Thiên. Máy bay phe Phụng Thiên nhiều lần bay đến Bắc Kinh thả bom.

(2) Mười thiên hồi ức này trước đã đăng trên tạp chí *Mãng nguyên* xuất bản ở Bắc Kinh năm 1926, dưới nhan đề *Cựu sự trùng đề* (Nhắc lại chuyện cũ).

mới : ***Triêu hoa tịch thập***[1]. Ngắt hoa khi còn đẫm sương tất nhiên thơm, đẹp hơn nhiều, nhưng tôi không thể làm được như thế. Mặc dù bây giờ trong lòng tôi lạ lùng và phức tạp thật, tôi cũng không có thể tức khắc làm cho nó ảo hóa đi để biến nó thành một thứ văn chương lạ lùng, phức tạp được. Có thể một ngày khác, ngồi ngửng lên trời nhìn mây bay, những chuyện này sẽ lại hiện lên sáng lòa trước mắt tôi cũng nên.

Có một thời kỳ, tôi cứ nhớ mãi những thứ hoa quả được ăn hồi còn nhỏ ở quê nhà : củ ấu, đậu la hán, chồi giao bạch[2], quả dưa hương. Những thứ ấy đều hết sức ngon lành, đều từng làm cho tôi nhớ nhà da diết. Sau đó, xa cách lâu ngày, được ăn lại, thấy cũng chỉ thế thôi ; duy trong ký ức là còn lưu lại cái ý vị thuở xưa. Có lẽ chúng nó đã lừa dối tôi suốt cả một đời người, làm cho tôi không sao quên cho đành.

Mười thiên sau đây là chép theo ký ức, đối chiếu với sự thực có thể có chỗ không đúng, nhưng hiện nay tôi chỉ có thể nhớ được như thế mà thôi. Cách hành văn đại khái cũng rất lộn xộn bởi vì hoặc là viết, hoặc là sửa chữa, cũng mất đi hơn chín tháng trời. Hoàn cảnh cũng bất nhất : hai thiên đầu viết ở phòng phía đông hội quán ở Bắc Kinh ; ba thiên giữa viết trong lúc lưu lạc ở bệnh viện và ở xưởng mộc[3] ; năm thiên cuối viết trên gác thư viện trường Đại học Hạ Môn, sau khi bị chèn ép phải ra khỏi tập đoàn của các vị học giả[4].

Mồng một tháng 5 năm 1927
Viết tại lầu Bạch Vân, Quảng Đông
LỖ TẤN

---

(1) *Triêu hoa tịch thập* : nghĩa đen là là hoa nở buổi sáng, buổi chiều mới hái. Dịch *Nhật cánh hoa tàn* là dịch thoát lấy ý.

(2) *Giao bạch* : mầm non một thứ cây, hạt có thể nấu ăn thay cơm, chồi ăn cũng rất ngon (Zizania latifolia).

(3) Sau vụ thảm án 18 tháng 3 năm 1926, chính phủ quân phiệt Bắc Dương ra lệnh bắt năm mươi người, văn sĩ và giáo sư, ở Bắc Kinh, trong đó có Lỗ Tấn, nên ông đã phải lánh vào các bệnh viện ngoại quốc. Có một lần lánh vào bệnh viện Đức, vì bệnh viện chật nên phải tạm ở trong một gian phòng chứa đồ vật và cũng là xưởng làm mộc của bệnh viện.

(4) Các vị học giả nói ở đây ám chỉ bọn Cố Hiệt Cương, giáo sư trường Đại học Hạ Môn. Lúc Lỗ Tấn đến dạy ở trường này, Cố Hiệt Cương và bọn giáo sư thuộc phái Hồ Thích dùng nhiều thủ đoạn chèn ép. Trong các cuốn ***Chuyện cũ viết lại*** (Có sự tân biên), ***Thư hai nơi*** (Lưỡng địa thư), ***Mà thôi*** (Nhi dĩ tập) ("Trả lời ông Hữu Hằng") và ***Tạm nhàn tập*** (Viết như thế nào), ông cũng có nhắc đến.

115. ĐỀ TỪ*

(tập *Cỏ dại*)

Khi tôi lặng im, tôi cảm thấy vững chắc ; tôi sắp mở miệng nói thì liền cảm thấy rỗng không.

Cái sinh mệnh trong quá khứ đã chết rồi. Đối với cái chết đó, tôi rất vui mừng, bởi vì nhờ vậy mà tôi biết nó đã từng sống. Cái sinh mệnh chết rồi đã tan rữa. Đối với sự tan rữa đó, tôi rất vui mừng, bởi vì nhờ vậy mà tôi biết nó không phải là rỗng không.

Bùn của sinh mệnh gửi lại trên mặt đất, không sinh cây to, chỉ sinh cỏ dại, đó là tội của tôi.

Cỏ dại, gốc rễ không sâu, hoa lá không đẹp, nhưng hút sương, hút nước, hút máu và thịt những người đã chết, làm đủ cách để giành giật lấy sự sống. Trong khi sống, lại bị chà đạp, bị cắt xén, cho đến chết mà tan rữa.

Nhưng tôi thản nhiên, tôi vẫn hân hoan. Tôi sắp cười, tôi sắp ca hát.

Tôi yêu cỏ dại của tôi, nhưng tôi ghét mặt đất đã lấy cỏ dại để mà trang sức.

Lửa đất đang vận chuyển trong lòng đất, bỗng phun ra. Khi phun ra đá lửa, sẽ thiêu sạch cỏ dại, và cả những cây to, thế là không thể tan rữa được nữa. Nhưng tôi thản nhiên, tôi vẫn hân hoan. Tôi sắp cười to, tôi sắp ca hát.

Trời đất yên tĩnh, trong sáng như thế, tôi không thể cười to và ca hát được. Nếu trời đất không yên tĩnh, trong sáng như thế, có lẽ tôi cũng không

---

* Bài *Đề từ* này đăng lần đầu trên tờ *Ngữ ti*, ngày 2 tháng 7 năm 1927. Trong mấy lần xuất bản đầu đều đưa vào, nhưng sau bị Chính phủ Quốc dân đảng kiểm duyệt, bỏ đi. Đến năm 1941, xuất bản *Lỗ Tấn toàn tập* mới lại đưa vào.

thể cười to, ca hát. Giữa lúc ánh sáng và bóng tối, sống và chết, quá khứ và tương lai lẫn lộn nhau, tôi lấy chùm cỏ dại này hiến dâng bạn và thù, người và vật, người yêu và người không yêu để làm chứng.

Vì bản thân tôi, vì bạn và thù, người và vật, người yêu và người không yêu, tôi mong mỏi chùm cỏ dại này sẽ chết và tan rữa thật nhanh. Bằng không thì việc trước kia tôi chưa từng sống, quả thực còn bất hạnh hơn là chết và tan rữa.

Ngày 26 tháng 4 năm 1926
Viết ở Bạch Vân lâu, Quảng Châu
LỖ TẤN

116. TỰA

(tập ***Mà thôi***)

Nửa năm nay tôi lại thấy bao nhiêu máu và bao nhiêu nước mắt,
Nhưng tôi chỉ cảm thấy có mấy bài tạp cảm mà thôi.
Nước mắt lau khô rồi, máu mất vết rồi.
Bọn giết người vẫn tiêu dao tự tại,
Dùng dao thép lại dùng dao mềm[1].
Nhưng tôi chỉ có mấy bài tạp cảm mà thôi.
Đến lúc ngay "tạp cảm" cũng bị "vứt vào chỗ thích đáng của nó"[2].
Thế là tôi chỉ còn có ***Mà thôi*** mà thôi !

Tám câu trên tôi viết đêm mười bốn tháng Mười năm 1926, sau khi thu thập những bài tạp cảm viết năm ấy đến ngày ấy, rồi để vào cuối sách. Bây giờ lấy ra làm lời tựa cho tập tạp cảm năm 1927.

Ngày 30 tháng 10 năm 1928
LỖ TẤN

---

(1) *Dao mềm* : chỉ những thủ đoạn như vu cáo, bịa đặt mà bọn tay sai đế quốc và quân phiệt như bọn Trần Tây Oánh thường dùng để ám hại những nhà văn tiến bộ và thanh niên học sinh.

(2) Đây là câu Trần Tây Oánh dùng để công kích Lỗ Tấn, viết trong thư gửi cho Từ Chí Ma.

117. TRẢ LỜI ÔNG HỮU HẰNG*

Ông Hữu Hằng[1].

Bấy nhiêu lời ông viết, tôi đã đọc trên tờ *Bắc Tân* sáng nay. Tôi thấy được ý tốt của ông và những điều ông mong mỏi về tôi, rất lấy làm cảm tạ. Bây giờ tôi định trả lời giản lược vài câu, cùng gửi cho những vị ý kiến giống như ông luôn thể.

Tôi rất rỗi, chẳng đến nỗi không có thì giờ viết lách. Nhưng tôi không viết nghị luận nữa, đó là chuyện đã lâu rồi, từ mùa hè năm ngoái. Tôi định im lặng trong một thời gian hai năm. Tôi thấy thì giờ không lấy gì làm quan trọng, có lúc cho như trò đùa.

Nhưng nguyên nhân vì sao bây giờ im lặng, thì lại không phải là nguyên nhân trước kia nữa, bởi vì lúc tôi rời khỏi Hạ Môn, tư tưởng tôi đã có thay đổi ít nhiều. Thay đổi như thế nào, nói ra phiền lắm, hãy tạm bỏ đấy, hy vọng sau này sẽ có dịp trình bày. Chỉ nói về thời gian gần đây, thì một trong những nguyên nhân lớn là : tôi sợ. Và tôi thấy chưa bao giờ tôi sợ như thế.

Cho đến nay tôi chưa phân tích nỗi sợ đó như thế nào. Hãy tạm nói một vài điều tôi nhận thấy rõ. Tức là :

1. Một ước mơ hão của tôi tan vỡ rồi. Cho mãi đến nay, thường thường tôi vẫn lạc quan cho rằng áp bức, giết hại thanh niên, đại khái chính là những người già. Hạng người già đó chết dần, thì Trung Quốc sẽ có thể có sinh khí hơn trước. Bây giờ tôi biết không hẳn như thế, trái lại, giết hại thanh niên tựa hồ đại khái là thanh niên, và đối với một số tuổi thanh xuân, một số sinh mệnh cá biệt, không thể tái tạo được, thì lại càng không thương

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Bắc Tân* ngày 1 tháng 10 năm 1927.

(1) *Hữu Hằng* : chưa rõ là ai. Trên tờ *Bắc Tân*, ông có viết một bài nhan đề là *Thời buổi này*, trong đó có một đoạn nói về Lỗ Tấn.

tiếc. Nếu là đối với động vật, thì cũng có thể gọi "bạo điễn thiên vật"[1] được đấy. Tôi sợ nhất là thấy những lời đắc ý mà bọn thắng thế viết, nào là *"lấy búa mà búa ra cho chết"*... nào là *"lấy lưỡi lê đâm búa cho chết"*[2]... Thật ra, tôi không phải là người theo chủ nghĩa cải cách cấp tiến, tôi chưa hề phản đối tử hình. Nhưng đối với tội tùng xẻo và diệt cả họ, tôi cũng từng tỏ ra hết sức căm ghét và đau xót. Tôi cho rằng ở thế kỷ hai mươi này, không nên có những chuyện như thế trong loài người. Lấy búa bổ hay lưỡi lê đâm, tất nhiên không thể nói là tùng xẻo, nhưng chúng ta không thể dùng một viên đạn bắn vào gáy hay sao ? Kết quả như nhau, đối phương chết. Nhưng sự thực là sự thực, cuộc du hý bằng máu đã bắt đầu, mà các vai trò lại là thanh niên, lại có vẻ đắc ý. Bây giờ tôi chưa thể thấy được đến bao giờ tấn tuồng này mới hạ màn.

2. Tôi phát hiện ra tôi là... Là gì ? Trong lúc này, tôi chưa tìm ra tên mà gọi. Tôi từng có nói : Trung Quốc xưa nay là một bữa tiệc dọn bằng thịt người, kẻ ăn, người bị ăn. Kẻ bị ăn cũng đã từng ăn, kẻ đang ăn cũng có thể bị ăn[3]. Nhưng bây giờ tôi phát hiện ra, chính tôi cũng có giúp một tay dọn bữa tiệc đó. Ông đã xem tác phẩm của tôi, bây giờ tôi xin hỏi một câu : Xem xong tác phẩm của tôi làm cho ông dẫn độn đi, hay là làm cho ông tỉnh táo ra, làm cho ông u mê đi, hay là làm cho ông hoạt bát lên ? Nếu như cảm thấy tỉnh táo, hoạt bát, thì lời tôi phán đoán về tôi đã được chứng thực phần lớn rồi. Trên mâm tiệc Trung Quốc có một món ăn gọi là "tôm dầm rượu", tôm càng tươi, người ăn càng thú, càng sướng. Tôi đã giúp một tay làm món tôm đó, tôi đã làm cho đầu óc những anh thanh niên thật thà và bất hạnh sáng ra và làm cho cảm giác của họ nhạy bén, thành thử vạn nhất họ gặp phải tai nạn, thì họ càng thấy đau khổ gấp bội, đồng thời lại để cho những kẻ căm ghét họ được thưởng thức nỗi đau khổ nhạy bén đó và được hưởng một thú vui đặc biệt. Tôi giả thiết rằng bất cứ đánh quân đỏ hay là đánh quân cách mạng, nếu bắt được một người trong đảng đối địch, có trí thức, như học sinh chẳng hạn, nhất định người ta sẽ xử tội nặng, nặng hơn đối với công nhân hay đối với người vô trí thức khác. Tại sao vậy ? Bởi vì người ta sẽ được nhìn thấy những cách biểu hiện nỗi đau khổ tế nhị,

---

(1) *Bạo điễn thiên vật* : một câu trong *Thượng thư* nói về vua Trụ vô đạo phá hoại muôn vật, giết hại nhân dân. Theo ngày trước *thiên vật* gồm chim, muông, cây cỏ, trừ loài người.

(2) Đó là những thủ đoạn giết người mà bọn phản động đã dùng đối với nhân dân cách mạng sau vụ chính biến phản cách mạng ngày 12 tháng 4 năm 1927 do Tưởng Giới Thạch cầm đầu.

(3) Xem bài *Dưới đèn tùy bút* trong tập ***Nấm mồ***.

nhạy bén hơn, và được hưởng một thứ khoái lạc đặc biệt. Nếu như giả thiết của tôi không sai, thì điều tôi phán đoán về tôi đã được hoàn toàn chứng thực.

Cho nên, cuối cùng tôi cảm thấy không thể ăn nói làm sao được nữa.

Nếu lại đùa cợt với bọn giáo sư Trần Nguyên[1], thì dễ thôi, hôm qua tôi vừa viết một bài ngắn ngắn đấy[2]. Nhưng chán lắm, tôi cảm thấy bọn chúng nó không thành vấn đề gì cả. Kỳ thực, bọn chúng nó có giỏi lắm cũng chẳng qua ăn được nửa con tôm hoặc húp tí giấm dầm tôm mà thôi. Huống chi nghe nói bọn chúng nó đã rời khỏi "Cô đồng tiên sinh"[3], người chúng hết sức bội phục, mà đến làm cách mạng dưới lá cờ thanh thiên bạch nhật. Tôi nghĩ, nếu lá cờ thanh thiên bạch nhật cắm xa hơn, thì có lẽ "Cô đồng tiên sinh" cũng có thể đến làm cách mạng đấy. Không thành vấn đề. Đều cách mạng cả rồi, tầng tầng lớp lớp.

Nhưng vấn đề là ở chỗ bản thân tôi lạc ngũ. Lại còn chút này nữa, tức là, trước kia tôi bị khép vào tội "thầy cò", bây giờ nó lại giáng xuống đầu tôi. Trồng mẫu đơn thì được hoa, trồng tật lê thì được gai, đáng lắm, tôi không oán giận. Nhưng điều bất bình là hình như phạt thế quá nặng và lại còn liên lụy đến mấy người đồng sự và mấy người học sinh, điều đó mới đau xót.

Họ có tội tình gì, chỉ vì thường ngày lui tới nhà tôi và không nói xấu tôi. Phàm những người như thế, bây giờ đều bị gọi là thuộc "đảng Lỗ Tấn", "phái Ngữ ti". Đó là một thành công lớn của "tổ nghiên cứu" và "phái *Hiện đại*" tuyên truyền mấy lâu. Cho nên gần một năm nay, Lỗ Tấn đã bị áp dụng cái nguyên tắc "đầu chư tứ duệ"[4] rồi. Không nói thì không biết, hồi tôi ở Hạ Môn, về sau bị đưa đến ở trên gác một cái nhà kiểu Tây, bốn bề không có ai hàng xóm láng giềng cả. Làm bạn với tôi chỉ có sách là sách, đêm khuya vẫn còn nghe phía dưới nhà dã thú kêu "âu âu". Nhưng tôi không hề sợ cô đơn lạnh lẽo, huống chi vẫn có học sinh đến nói chuyện. Nhưng đòn thứ hai lại giáng xuống : ba chiếc ghế thì muốn lấy đi hai chiếc, nói là cậu ấm con ông nào đến, lấy để dùng. Lúc bấy giờ quả thực tôi giận lắm, liền hỏi : "Nếu cậu cháu ông kia cũng đến nữa, thì tôi ngồi trên sàn gác ấy à ? Không được !" Rồi không lấy. Nhưng lại đến đòn thứ ba, một vị giáo sư[5] cười mỉm nói : "Lại giở cái thói danh sĩ ra rồi !". Ở Hạ Môn, luật lệ trời

---

(1) Trần Nguyên tức Trần Tây Oánh.
(2) Tức bài *Từ đại nghĩa*, không dịch.
(3) *Cô đồng tiên sinh* : là biệt hiệu của Chương Sĩ Chiêu.
(4) Chữ trong *Tả truyện*, ý nói : bị đày đi ở những nơi xa xôi hẻo lánh.
(5) Một vị giáo sư ở đây chỉ Cố Hiệt Cương, cùng một bọn với Trần Tây Oánh.

đặt ra tựa hồ như là danh sĩ thì mới có thêm một chiếc ghế. Chữ "lại" là để nói tôi thường giở thói danh sĩ. Đó là bút pháp *Xuân Thu*[1], chắc ông biết chứ ! Lại còn đòn thứ tư nữa, ấy là lúc tôi sắp đi, có người nói sở dĩ tôi đi, một là không có rượu để uống, hai là vì thấy gia quyến người ta dọn đến, trong lòng buồn bực. Điều này vẫn là căn cứ vào cái "thói danh sĩ" lần nọ.

Đó chẳng qua là một việc nhỏ tùy tiện mà nhớ đến thôi. Nhưng dù vì thế, mà tôi có sợ đến nỗi không dám mở miệng nữa, thì ông cũng thể tình mà bỏ qua cho. Tôi biết ông không mong tôi làm một con tôm dầm rượu. Tôi sẽ đấu tranh, có lẽ rồi "cả thân thể lẫn cõi lòng sẽ đều nhuốm bệnh"[2]. Nhưng "thân thể lẫn cõi lòng đều nhuốm bệnh" thì lại bị người ta chê cười ! Tất nhiên điều đó không hề gì. Nhưng tội gì mà tôi lại làm con tôm dầm rượu kia chứ ?

Có điều, lần này may mắn nhất cho tôi là cuối cùng không bị khép vào tội "cộng sản". Đã có một ông thanh niên định dựa vào chuyện Trần Độc Tú xuất bản tờ *Tân thanh niên*, mà tôi thì có viết bài đăng ở đó, để chứng minh rằng tôi là "cộng sản". Nhưng lập tức có một ông thanh niên khác bác đi. Ông thanh niên này biết hồi đó ngay Trần Độc Tú cũng chưa hề làm cộng sản. Tụt xuống một bậc, thế thì "thân cộng" vậy, cuối cùng cũng không thành công. Nếu tôi bước ra khỏi trường Đại học Trung Sơn, rời bỏ Quảng Châu, tôi nghĩ, có lẽ sẽ bị đẩy vào đấy cũng nên. Nhưng tôi không đi, cho nên về sau khi báo đăng ầm lên là "bỏ trốn rồi", "đến Hán Khẩu rồi", thì cũng không việc gì cả. Rút cục thiên hạ vẫn sáng suốt, không có ai nói tôi có phép "phân thân"[3]. Bây giờ thì hình như chưa có chức tước gì cả, nhưng cứ theo "phái *Hiện đại*" nói, thì tôi là "thủ lĩnh của phái *Ngữ ti*". Cái đó đại để không có quan hệ gì trực tiếp đến tính mệnh cả, hoặc giả không đáng kể số, quý hồ bọn chúng nó không có đòn nào khác. Nếu nói là "mệnh lệnh của Mạc Tư Khoa" gì gì, như "vai trò chủ chốt" Đường Hữu Nhâm nói, thế là lại không hay rồi ![4]

---

(1) *Xuân Thu* : một quyển sử của nước Lỗ, tương truyền Khổng Tử hiệu đính. Ngày trước, những nhà "kinh học" cho rằng trong *Xuân Thu* mỗi chữ đều có giá trị "khen" hay "chê" cho nên gọi là *bút pháp Xuân Thu*.

(2) Lỗ Tấn nhắc lại một câu châm biếm của Cao Trường Hồng nói về ông. Cao Trường Hồng vốn là một người được Lỗ Tấn bồi dưỡng cho, nhưng về sau trở thành đối địch với ông.

(3) Phép thần thông có thể cùng một lúc ở nhiều nơi khác nhau.

(4) *Đường Hữu Nhâm*, hồi đó là một người cộng tác thường xuyên của *Hiện đại bình luận*, về sau y nương nhờ vào Uông Tinh Vệ làm chức Thứ trưởng Bộ Ngoại giao của chính phủ Quốc dân đảng. Y là một tay thân Nhật trứ danh. Hồi đó, y có viết một bài báo nói rằng tin đồn tờ *Hiện đại bình luận* ăn tiền của Đoàn Kỳ Thụy là do Mạc Tư Khoa truyền đi. Khi đăng bài báo đó, tòa báo có viết mấy lời giới thiệu y là "vai trò chủ chốt" của *Hiện đại bình luận*.

Theo đà ngòi bút, nói xa quá rồi, mau mau trở lại vấn đề "lạc ngữ". Tôi nghĩ, có lẽ ông đã thấy, tôi có lần than thở "rằng Trung Quốc không có những người "dám khóc truy điệu kẻ phản nghịch"[1]. Mà bây giờ như thế nào ? Ông cũng thấy đấy, trong nửa năm nay, tôi có nói câu nào đâu ? Mặc dù tôi có đứng trên giảng đường phát biểu công khai ý kiến của tôi, mặc dù văn chương của tôi hồi đó không có chỗ mà đăng, mặc dù đã lâu tôi không nói gì nữa, nhưng như thế chưa đủ để biện hộ cho tôi. Nói tóm lại, bây giờ nếu lại đăng một bài nghị luận rất mực ôn hòa như "hãy cứu lấy các em"[2], ngay tôi, nghe cũng thấy rỗng tuếch.

Lại nữa, trước kia, tôi công kích xã hội, kỳ thực cũng là vớ vẩn. Xã hội nào có biết tôi công kích, nếu biết, thì tôi đã chết không có đất chôn rồi. Thử công kích một phần tử của xã hội như bọn Trần Nguyên, xem ra sao ? Huống hồ là bốn trăm triệu người ! Sở dĩ tôi sống sót lại đây, bởi vì phần lớn họ không đọc ra mặt chữ, nên không biết, vả lại lời nói của tôi cũng không có hiệu lực, như một mũi tên bắn ra biển cả. Nếu không, mấy bài tạp cảm là có thể mất mạng rồi. Dân chúng trị tội ác cũng chẳng kém bọn học giả và bọn quân phiệt. Gần đây, tôi mới tỉnh ngộ mà nhận thấy rằng phàm chủ trương gì có tính chất cải cách đôi chút, nếu không động chạm đến xã hội, thì mới có thể tồn tại được, bởi vì đó là những "lời nói bỏ đi". Vạn nhất mà có ảnh hưởng, thì người đề xướng đại khái không tránh khỏi cái họa chịu cực nhục hoặc bị giết hại. Cổ kim đông tây, đều như thế cả. Tức như chuyện trước mắt, chẳng phải là ông Ngô Trĩ Huy cũng có một chủ nghĩa đó hay sao ?[3]. Nhưng chẳng những ông ta không bị thiên hạ thù ghét, mà lại có thể hô to "đả đảo... trừng trị nghiêm khắc", là bởi vì Đảng đồ thì muốn thực hiện chủ nghĩa cộng sản hai mươi năm sau đây, còn chủ nghĩa của ông ta thì mấy trăm năm nữa mới thực hiện. Cứ xem thế, cũng gần giống như là những lời nói bỏ đi rồi. Người ta ai hơi sức đâu mà lo xa đến thế giới của thời đại con cháu những hơn mười đời sau ?

Nói đã nhiều rồi, tôi xin dừng lại đây. Tôi cảm thấy thái độ của ông không phải là mỉa mai, ác ý, cho nên cũng thành thực trả lời, tất nhiên, một phần cũng là nhân tiện nói lên một vài điều bất bình trong lòng. Nhưng tôi

---

(1) Xem bài *Cái này cái kia* trong tập ***Hoa cái***.

(2) Xem bài *Nhật ký người điên*, tập ***Gào thét***.

(3) *Ngô Trĩ Huy*, người Giang Tô, nguyên thuộc phái vô chính phủ, sau khi Tưởng Giới Thạch phản biến thì y được trọng dụng và trở thành một tay sai đắc lực của Tưởng, chống lại Đảng Cộng sản, chống lại nhân dân. Năm 1926, y có nói rằng chủ nghĩa cộng sản sẽ thực hiện ba trăm năm sau, còn chủ nghĩa vô chính phủ của y thì sẽ thực hiện ba nghìn năm sau. *"Đả đảo ... trừng trị nghiêm khắc"* là chủ trương của y đối với Đảng Cộng sản.

cần phải thanh minh rằng, trong những lời ở trên, tôi không có hàm ý khiêm tốn. Tôi rất hiểu tôi, tôi mổ xẻ bản thân tôi cũng không nể nang hơn khi mổ xẻ người khác. Có mấy nhà phê bình bụng đầy ác ý, ra sức tìm, đều tìm không ra chứng bệnh thật của tôi. Cho nên lần này tôi nói ra một ít, đương nhiên chẳng qua mới một phần thôi, còn đang giấu đi nhiều.

Tôi cảm thấy có lẽ từ đây tôi không còn biết nói gì nữa. Khi hết sợ rồi, sẽ thế nào, tôi chưa biết, e không phải là cái gì hay lắm. Nhưng tôi cũng đang cứu lấy bản thân tôi. Vẫn là biện pháp cũ : một là làm cho mình tê liệt đi, hai là quên tất cả. Mặt khác thì giãy giụa, còn muốn thấy một cái gì trong "vết máu nhàn nhạt"[1] đang phai nhạt đi, rồi ghi chép lên giấy.

Ngày 4 tháng 9
LỖ TẤN

(Tập ***Mà thôi***)

(1) Chỉ việc Chính phủ Đoàn Kỳ Thụy giết hại học sinh. Xem tập ***Cỏ dại*** .

118. NHỮNG CẢM NGHĨ VỤN VẶT VỀ CHUYỆN TỜ *NGỮ TI* BỊ GIỮ LẠI*

Những lời sau đây là nhân đọc bài *Tùy cảm lục* (28) trên tờ *Ngữ ti*, số 147, mà viết ra[1].

Nửa năm lại nay, phàm những tờ tạp chí tôi xem, trừ tờ *Bắc Tân*, không có tờ nào được toàn vẹn, *Măng nguyên, Tân sinh, Trâm chung*[2]. Thậm chí tờ *Tư văn* bằng tiếng Nhật, trong đó toàn nói về Hán học, phía cuối có in vở *Tây du ký truyền kỳ*[3], tôi có ý định so sánh với bản diễn nghĩa, cho nên rất cần, nhưng số thứ hai, thiếu, từ số thứ tư trở đi thì mất tăm. Còn như tờ *Ngữ ti*, đã sáu kỳ nay, tôi đều không nhận được, sau đó, phải ra hiệu sách ngoài phố tìm mua bù vào cho đủ, chỉ có số 126 và 143 là mua không ra, đến nay vẫn không rõ nội dung như thế nào ?

Những số không nhận được đó, thất lạc đi hay là bị tịch thu ? Tôi cho rằng cả hai. Nhưng nơi nào tịch thu, Bắc Kinh, Thiên Tân, hay là Thượng Hải, Quảng Châu ? Tôi cho rằng có lẽ nơi nào cũng có tịch thu cả. Còn như vì sao mà tịch thu, thì cái đó không làm sao biết được.

Tôi chỉ biết chắc chắn mấy việc như thế này. Là tờ *Măng nguyên* cũng bị giữ lại một kỳ, có điều còn có thể nói được, bởi vì trong đó có đăng bản dịch một tác phẩm nước Nga. Hồi đó chỉ cần một chữ "Nga" là đủ hồn xiêu phách lạc rồi, tất nhiên không thì giờ đâu mà xét đến thời đại và nội dung nữa. Nhưng tập *Quân sơn* của Vi Tùng Vu[4] cũng bị giữ lại. Tập thơ đó

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Ngữ ti*, ngày 22 tháng 10 năm 1927.

(1) Bài *Tùy cảm lục* nói đây là một bài chỉ trích đề nghị "thanh đảng" của Ngô Trĩ Huy, tàn sát những người tiến bộ, do đó mà tờ *Ngữ ti* bị cấm lưu hành ở miền Nam và các số đều bị tịch thu.

(2) *Trâm chung* : tờ tạp chí xuất bản ở Bắc Kinh năm 1923 còn tờ *Tân sinh* thì chưa rõ.

(3) *Tây du ký tạp kịch* (chứ không phải *truyền kỳ*) : một tác phẩm đời Nguyên, gồm sáu tập, đã thất truyền ở Trung Quốc, năm 1926 mới tìm thấy trong một thư viện Nhật Bản.

(4) *Quân sơn* : tập thơ tình của Vi Tùng Vu.

chẳng những không nói đến "đỏ", mà cũng không nói đến "trắng", giống như thời của tác giả nó, "xanh" mà thôi[1], nhưng vẫn bị cấm cố tại nhà Bưu điện. Đã từ lâu ông Lê Cẩm Minh[2] viết thư nói có gửi cho tôi một bản tập *Lửa nồng*, nhờ hiệu sách gửi ; sợ họ quên đi, chính tay ông ta lại gửi một bản nữa. Nhưng đến nay đã nửa năm, mà cũng không nhận được bản nào. Tôi nghĩ, mười phần đến chín, chắc đã bị tịch thu rồi, bởi vì lửa vốn màu "đỏ", huống hồ đây lại là lửa "nồng", tất nhiên không thể lọt được.

Tờ *Ngữ ti* số 132 gửi đến tay tôi là sáu tuần sau khi xuất bản, trên phong bì có đề hai chữ mực xanh to tướng *"giữ lại"*, ngoài ra còn có dấu, chữ ký, con niêm của cơ quan kiểm duyệt nữa. Mở ra xem, trong đó toàn những bài như *Sự ra đời của tộc Qua Qua*[3], *Vô đề*, *Những trang bút ký quanh hiu*, *Nói tục*, *Tô Man Thù và bạn bè của ông*, đều là những bài không có vẻ phạm cấm. Tôi liền xem mục *Những tin tức vừa nhận được* , nói chuyện "chết vì tình", "giết nhau vì tình", không quan trọng, bây giờ không hơi đâu để ý đến những chuyện ấy được. Chỉ có mục *Thu thập những lời nói chơi*. Số này ít lắm, chỉ có hai mẩu, một mẩu nói về Nhật Bản, có lẽ không đến nỗi phạm cấm, một mẩu nói : có thư gửi đến nói về những thủ đoạn tàn bạo trong việc "thanh đảng", trong lúc này, *Ngữ ti* không định đăng. Chả lẽ vì mẩu này hay sao ? Nhưng không đăng sao lại không được ? Chẳng hiểu ra sao cả. Nhưng làm sao đã "giữ lại" rồi lại cho gửi đến ? Cũng chẳng hiểu ra sao cả.

Nguyên nhân của cái chẳng hiểu ra sao cả đó, tôi cho là tại nhân viên kiểm duyệt.

Trung Quốc gần đây hễ xảy ra việc gì thì trước hết là kiểm duyệt bưu điện. Nhân viên kiểm duyệt, có người là đoàn trưởng hoặc khu trưởng ; về các loại như luận văn, thi ca, tôi cảm thấy chúng ta bất tất nói chuyện với họ nhiều. Nhưng dù người có học, kỳ thực cũng khó nói cho họ thông, nhất là ở cái đất gọi là cách mạng. Được huấn luyện cách mạng hết sức thỏa chí quen rồi, bao nhiêu tinh thần cách mạng đưa ra hết, giống như dầu nổi trên mặt nước, nhưng lại không kịp nghĩ đến tăng phần dinh dưỡng. Cho nên, trước kia, trên bìa các tạp chí thì vẽ một anh công nhân, tay cầm liềm hay cuốc chim, trong văn chương thì có những chữ như "cách mạng, cách mạng", "đả đảo, đả đảo", thế là thuận buồm xuôi gió, cho là hay rồi. Bây giờ thì lại phải vẽ một quân nhân thanh niên, cầm cờ, cưỡi ngựa, còn phía trong thì

---

(1) Ý nói : trẻ.

(2) *Lê Cẩm Minh*, người Hồ Nam, nhà viết tiểu thuyết. *Lửa nồng* : một tập truyện ngắn.

(3) Một dân tộc ở tỉnh Vân Nam.

"nghiêm trị ! nghiêm trị !" như thế mới tránh khỏi tội vạ. Còn như "trào phúng", "châm biếm", "nói bóng gió", "nói chơi" gì gì thì quả là không ăn khớp. Từ chỗ không ăn khớp mà thành ra cho là mơ hồ, kết quả không khỏi sinh ra chuyện lôi thôi, chẳng ai biết ra sao cả. Lại còn một chuyện nữa là suốt ngày kiểm duyệt sách, báo, không mấy chốc đầu váng mắt hoa lên, thế là chán phè, thế là nổi nóng, thế là cảm thấy sách báo đại để là đáng ghét – nhất là những bài không dễ gì mà hiểu được rõ ràng – không nghiêm ngặt không được. Tôi nhớ tôi cũng là một người sùng bái sách không xén biên, lúc đó quả thực không có ác ý gì cả. Về sau, đọc bức thư của ông Phương Truyền Tông (xem *Ngữ ti* số 129) lại nói rằng những người thích sách để biên xơ rõ đáng ghét, thì bất giác trong bụng lấy làm oan uổng. Nhưng nghĩ kỹ lại, ông Phương Truyền Tông tựa hồ là một nhân viên thư viện, nên cứ bắt ông ta ngồi xén cái loại sách để biên xơ, ông ta không thích, vì vậy cuối cùng ông ta không khỏi nổi nóng lên mà chửi "đáng biên xơ", chuyện ấy không lấy gì làm lạ. Nhân viên kiểm duyệt cũng thế thôi. Mãi thì phải nổi nóng, mới đầu còn xem được kỹ một tí, nhưng về sau thì không thể tránh khỏi tình trạng *Lửa nồng* cũng đáng sợ, *Quân sơn* cũng khả nghi – chỉ còn một cách ổn nhất là : giữ lại.

Khoảng hai tháng trước, xem báo đăng nói rằng bưu cục nọ vì sách báo giữ lại nhiều quá, không biết để vào đâu, thế là đốt hết. Lúc đó quả thực tôi cảm thấy lòng quặn đau, hình như trong đó rất có thể có mấy tập sách là của tôi. Ô hô ! *Lửa nồng* của tôi ơi, *Tây du ký truyền kỳ* của tôi ơi,... của tôi ơi...

Nhân tiện nói mấy câu bất bình về chuyện biên xơ. Trước kia ở Bắc Kinh, tôi tham dự việc in sách, tôi ngẫm đưa ra ba điều cải cách nhỏ, không có gì là quan trọng cả, thử xem như thế nào. Một là, tên sách và tên tác giả ở trang đầu, tôi đã phá cái kiểu in cân đối ; hai là, mỗi bài, trên dòng thứ nhất, để trống mấy hàng ; ba là, biên thì để xơ. Bây giờ kết quả là, điều thứ nhất thì nay đã trở lại cái kiểu lư hương đèn nến rồi[1] ; điều thứ hai có lúc dặn thế nào thì dặn, đến khi sắp in, cuối cùng công nhân đem dòng thứ nhất dịch ra tận mép giấy, dùng cái "thủ đoạn sét đánh nhanh quá không kịp nút tai" làm cho anh không thể nào cứu vãn được nữa ; điều thứ ba thì bị công kích trước hết, không bao lâu tôi phải hàng phục có điều kiện. Tôi cùng với ông chủ hiệu họ Lý[2] ước hẹn với nhau rằng : sách khác thì mặc

(1) Ý nói cân đối như lư hương, đèn nến.

(2) *Lý* : tức là Lý Tiểu Phong, giám đốc Bắc Tân thư cục.

kệ, nhưng sách tôi sáng tác hoặc dịch thì phải giữ biên xơ đến cùng cho tôi ! Nhưng đến nay như thế nào ? Năm cuốn, hoặc mười cuốn chủ hiệu giữ cho tôi rõ ràng là biên xơ. Có điều trong các hiệu sách, tôi lại thấy chẳng ra vẻ "xơ" gì cả, các cuốn ***Bàng hoàng*** bốn cạnh đều trơn lì. Xét đến cùng, họ sẽ thắng hẳn. Cho nên, nói rằng tôi muốn cải cách xã hội, hoặc giả có liên quan đến việc cải cách xã hội thì thật hoàn toàn oan uổng. Tôi đã chóng cả mặt mày, nằm xuống giường mà hút thuốc lá *Thái Phượng* rồi.

Trở về câu chuyện chính. Sách vở, báo chí tạm thời gặp rủi ro, chẳng những là vấp phải các ông kiểm duyệt, tôi sợ rằng ngay với cả độc giả thanh niên, cũng như thế mà thôi. Trên kia đã nói rồi, văn chương ở đất cách mạng thì phải thật là rành mạch rõ ràng, "cách mạng ! cách mạng !", như thế mới là "văn học cách mạng". Tôi có thấy một tờ tạp chí đăng một bài văn, phía dưới có lời chú của tác giả, nói rằng bài này không bàn đến vấn đề cách mạng, hết sức xin lỗi độc giả... Xin lỗi, xin lỗi... Nhưng từ khi "thanh đảng" đến nay, thì ngoài cái "rõ ràng rành mạch" đó ra, lại thêm một thứ thần kinh quá nhạy nữa. "Mạng" tất nhiên là vẫn cần phải cách, nhưng cũng không nên cách quá, cách quá thì thành ra quá khích, quá khích thì thành ra cộng sản, trở thành "phản cách mạng" rồi. Cho nên "văn học cách mạng" hiện nay là thứ văn học ở giữa văn học phản cách mạng ngoan cố và thứ phản cách mạng cộng sản.

Thế là nảy ra vấn đề, tức là "văn học cách mạng" đứng giữa hai nhân vật nguy hiểm ấy, làm thế nào để giữ cho nó được thuần khiết, chính tông đây ? Thế tất phải đề phòng thứ tư tưởng và văn tự gần xích hóa, và thứ tư tưởng và văn tự tương lai có xu hướng xích hóa. Thí dụ, công kích lễ giáo và bạch thoại, là có thể có xu hướng xích hóa rồi. Bởi vì phái cộng sản không coi trọng bất cứ một vật nào cũ kỹ, mà bạch thoại là bắt đầu từ *Tân thanh niên*, mà *Tân thanh niên* là do Trần Độc Tú chủ trương. Hôm nay xem thấy tin Bộ Giáo dục Bắc Kinh cấm bạch thoại, tôi đoán trước thế nào tờ *Ngữ ti* cũng sẽ có một vài câu cảm khái, nhưng tôi quả thực trong lòng không xao xuyến chút nào cả. Tôi cảm thấy ngay cả tư tưởng, văn tự đâu đâu cũng sẽ bị nghẹt thở, mấy câu bạch thoại, hắc thoại trở thành không quan hệ lắm nữa rồi.

Thế thì, bàn chuyện gió trăng, bàn chuyện phụ nữ, thì thế nào ? Cũng không xong. Cái đó "không cách mạng". "Không cách mạng" tuy vô tội, nhưng mà không phải lúc.

Bây giờ ở phía Nam chỉ còn một cái cầu độc mộc nhỏ là "văn học cách mạng", cho nên bao nhiêu sách báo từ ngoài tới đều không qua được, tùm ! tùm ! rơi xuống hết.

Nhưng cái tình trạng rõ ràng, rành mạch và thần kinh quá nhạy đó, kỳ thực phần lớn là thay đổi theo sự chỉ huy của cái kiếm chỉ huy. Mà bây giờ thì cái mũi của lưỡi kiếm đó đang vung lên bát nháo. Khi có một hướng nhất định rồi, hoặc giá có thể khá hơn chăng. Nhưng cũng chẳng qua là "khá hơn" mà thôi, còn cái cốt ở trong, sợ vẫn không tránh khỏi chết nghẹt, bởi vì cái đó là cái di truyền có tính chất tiên thiên.

Trước đây, tình cờ xem một tờ báo thấy chửi ông Úc Đạt Phu[1], nói rằng bài văn của ông ta đăng trên tờ *Hồng thủy* không có ý tốt, nịnh Hán Khẩu. Tôi liền mua tờ *Hồng thủy* xem, thì chỉ nói rằng sùng bái một vị anh hùng theo kiểu cũ là không thích hợp với trào lưu hiện đại nữa, chứ không thấy ác ý nào cả. Điều đó chứng tỏ rằng cách nhìn sắc hay cùn, thì giữa tôi và các nhà văn trẻ hiện nay, rất khác nhau. Cho nên việc tờ *Ngữ ti* không hiểu vì sao mà mất tăm, đại để có lẽ bản thân chúng ta không thể hiểu ra làm sao được, mà chuyện nhân viên kiểm duyệt vân vân nói trên, chỉ là những lời suy luận giả thiết mà thôi.

Còn như từ số 145 trở về sau, thì ở đây đều nhận được đủ, có lẽ chỉ còn ở Thượng Hải là còn bị giữ lại. Giả như bị giữ lại thật, thì tôi lại cho rằng có lẽ cũng không dính dáng gì với ông Ngô "Đả đảo... đả đảo..., Nghiêm trị, nghiêm trị...", cố nhiên là những điều chính ông ta viết ra, ông ta không khỏi có ít nhiều trách nhiệm, nhưng có nhiều hành động không phải do tay chân của ông ta làm. Ở Trung Quốc, phàm là *mãnh nhân* (đó là tiếng người Quảng Châu thường dùng, trong đó cũng có thể bao gồm cả những người có tiếng tăm, những người có năng lực và những người giàu sang) đều có cái vận mệnh như thế cả.

Bất cứ hạng người nào, khi đã thành *mãnh nhân* rồi, thì không kể "mãnh" nhiều hay ít, tôi cảm thấy xung quanh người đó cũng cứ có một số người bao vây lấy, bao vây chặt đến nỗi một giọt nước cũng không lọt. Kết quả là, ở trong thì làm cho cái ông *mãnh nhân* đó dần dần biến thành u mê, có cái xu thế trở nên bù nhìn. Còn ở ngoài, thì làm cho người khác không nhìn thấy được chân tướng của ông *mãnh nhân* đó, mà là cái ảo hình gãy khúc

---

(1) *Úc Đạt Phu* (1896 - 1945), người Chiết Giang, một nhà văn nổi tiếng thời Ngũ Tứ và là một nhân vật trung kiên của nhóm *Sáng tạo*.

biểu hiện qua lớp người bao vây. Còn như ảo đến như thế nào, thì phải xem xem những người bao vây đó là kính tam lăng hay là kính lồi, kính lõm. Giả thử chúng ta có dịp tình cờ đi đến gần một vị *mãnh nhân*, thì chúng ta có thể thấy mặt mũi, hành động, ngôn ngữ của những người bao vây, lúc bấy giờ khác với lúc đối phó với những người khác như thế nào. Chúng ta ở ngoài nhìn thấy một người thân tín của vị *mãnh nhân* là kiêu ngạo, huênh hoang, thì dễ cho rằng vị *mãnh nhân* nọ thích hạng người như thế. Đâu có biết rằng kỳ thực nhầm to. Vị *mãnh nhân* thấy người đó thì lại là mềm mỏng, thật thà, hết sức đáng mến, nói thì nói lắp, mà chuyện trò thì mặt cứ đỏ lên... Nói thật một câu nhé, dù là "người già đã từng trải thế cố nhân tình", nếu không nịnh, có lúc đứng ngoài nhìn cũng cảm thấy không đến nỗi tồi.

Nhưng đồng thời cũng phát sinh ra những mệnh lệnh bịa đặt tầm bậy và những lời nịnh hót quá đáng, và thế là những nhân vật, "san vật"[1], thực vật, khoáng vật đen đủi sẽ gặp phải tai nạn. Nhưng vị *mãnh nhân* đại để vẫn không hay biết gì. Phàm người biết một ít chế độ ở Bắc Kinh, chắc còn nhớ được chuyện lúc Viên Thế Khải lên làm vua. Muốn xem báo, thì những người bao vây cũng có thể đặc biệt in riêng báo cho ông ta xem, nhân dân hoàn toàn ủng hộ, dư luận nhất trí tán thành. Kịp đến khi Thái Tùng Pha khởi nghĩa ở Vân Nam, lúc đó mới "ái chà" một tiếng, ngay đến nuốt hơn hai mươi cái bánh bao một lúc cũng không biết nữa. Nhưng tấn kịch này đã hạ màn, mà ông Viên thì đã cưỡi rồng lên chầu trời rồi[2].

Bọn bao vây liền rời khỏi cái cây đại thụ đã đổ xuống, đi tìm một vị *mãnh nhân* khác.

Tôi từng định viết một bài để là *Những lời bàn luận mới mẻ về sự bao vây*, trước hết nói về phương pháp bao vây, sau đó nói đến chuyện Trung Quốc sở dĩ đi theo đường cũ, nguyên nhân là ở chỗ bao vây đó, bởi vì *mãnh nhân* tuy lúc lên voi xuống chó, nhưng mà kẻ bao vây thì vĩnh viễn vẫn là một bọn đó. Thứ đến, nói nếu *mãnh nhân* có thể thoát ly khỏi sự bao vây, thì Trung Quốc sẽ có thể cứu được một nửa rồi. Đoạn chót nói về phương pháp thoát ly bao vây. Nhưng cuối cùng không nghĩ ra phương pháp nào hay cả, cho nên chưa dám cầm bút viết bài "tân luận" đó.

Các nhà chí sĩ yêu nước và các người thanh niên cách mạng xin chớ cho tôi là là lười không suy nghĩ, chỉ để cái dàn bài mà không viết thành văn.

---

(1) *San vật* : báo chí, nhân chữ *san vật*, mà tác giả nói đến *nhân vật, thực vật, khoáng vật*, nên để vậy không dịch.

(2) Thời phong kiến lúc nhà vua chết thì gọi là *"long ngự tân thiên"* (cưỡi rồng lên chầu trời).

Suy nghĩ thì tôi cũng đang suy nghĩ đây, tôi đã từng nghĩ ra hai cách, nhưng lật đi lật lại, thấy vô dụng. Một là, vị *mãnh nhân* tự mình đi ra xem tình hình bên ngoài, không nên bắt "dẹp đường"[1] trước. Nhưng tuy không "dẹp đường", người ta khi gặp *mãnh nhân*, đại để cũng có thể thay đổi tình hình vốn có, cũng vẫn không nhìn thấy được bộ mặt thực. Hai là, tiếp xúc rộng với đủ loại người, không để cho một số người nhất định bao vây lấy. Nhưng lâu mãi rồi cuối cùng cũng có một số hạn chế sự thắng lợi, mà thế lực bao vây người thắng lợi cuối cùng lại là lực lượng hết sức mạnh. Xét đến cùng, cũng là vận mệnh vốn trước kia đã có rồi : tức là cưỡi rồng chầu trời.

Chuyện đời cũng vẫn giống cái trôn ốc. Nhưng năm nay tờ *Ngữ ti* đặc biệt gặp chuyện rủi ro ở phương Nam, hình như ở vào một cảnh ngộ mới. Cái đó lại duyên cớ vì đâu ? Điều này, tôi tự cho là dễ trả lời.

"Cách mạng còn chưa thành công", đó là khẩu hiệu thường thấy ở đây. Nhưng theo tôi thấy, câu đó hình như đã thành một câu nói khiêm tốn. Trong lòng số lớn người ở hậu phương, thì "cách mạng đã thành công", hoặc "sắp sửa thành công rồi". Nếu đã thành công hay sắp sửa thành công, tự mình lại là một người cách mạng, cũng tức là chủ nhân của Trung Quốc, thì đối với tất cả mọi cái, tất nhiên đều có quyền và có nhiệm vụ quản lý. Sách báo, tuy là chuyện nhỏ, nhưng tất nhiên cũng nằm trong phạm vi quản lý. Không bàn đến chuyện "gần như xích hóa", nếu nói những lời không tốt, tức có thể cho là gần có vẻ "phản cách mạng", ít nhất cũng khiến cho người ta không vui. Mà tờ *Ngữ ti*, mỗi lần giở cái thói xấu ra không chịu góp vui với người ta, thì không tránh khỏi có lúc mất tăm mất tích ; và đó còn là chuyện nhỏ mà thôi !

Ngày 15 tháng 9 năm 1927

(Tập ***Mà thôi***)

---

(1) Nguyên văn là *"thanh đạo"*. Thời phong kiến lúc vua quan đi đâu thì trước hết bắt dọn đường sạch sẽ và cấm người đi lại, gọi là *"thanh đạo"*.

119. TỰA

(tập *Tam nhàn*)

Tập tạp cảm thứ tư của tôi – tập ***Mà thôi*** – xuất bản tính ra đã bốn năm rồi. Mùa xuân năm ngoái, có người bạn thúc tôi biên tập những bài tạp cảm viết sau đó. Nhìn giới xuất bản mấy năm gần đây, sáng tác và dịch thuật, hoặc luận văn dài có đề mục lớn, không thể nói là lèo tèo được, nhưng những bài phê bình ngắn ngắn, gặp đâu nói đó, tức cái gọi là "tạp cảm", thì quả rất ít thấy. Trong chốc lát, tôi không thể nói nguyên nhân vì sao lại như thế. Nhưng nghĩ qua loa, thì e rằng hai tiếng "tạp cảm" làm cho những nhà văn chí thú ở chỗ cao siêu ghét bỏ, muốn tránh thật xa. Có một số người, mỗi khi muốn chế giễu tôi, thường gọi tôi là "nhà tạp cảm" để tỏ lòng khinh thị của những nhân văn cao đẳng ; đó là một chứng cứ. Lại nữa, tôi nghĩ rằng, những nhà văn có tiếng tăm vị tất đã không thay đổi tên tuổi khi viết loại văn này, nhưng hoặc giả chẳng qua là báo thù riêng, sợ bẩn mất tên tuổi, hoặc giả có thâm ý nào khác, để lộ ra sẽ có hại cho chiến đấu, nhân thể cứ để cho tiêu trầm đi.

Có một số người cố nhiên cho rằng "tạp cảm" đối với tôi là một "tử chứng". Quả thực bản thân tôi cũng vì nó mà đã nếm mùi cay đắng, nhưng biên tập thì cứ muốn biên tập. Chỉ vì xem lại báo chí, cắt dán cho thành sách, cũng là một chuyện khá phiền hà, do đó trì hoãn hơn nửa năm, cuối cùng chưa mó tay đến. Đêm 28 tháng giêng, Thượng Hải đánh nhau, càng đánh càng dữ, cuối cùng tôi phải bỏ ra đi một mình[1], sách vở báo chí để lại trong vòng khói lửa, mặc cho nó thiêu sạch ; tôi cũng có thể nhờ vào cái linh thiêng của "lễ rửa tội bằng lửa" đó mà rửa sạch cái tên thụy độc ác

(1) Lúc bấy giờ tác giả ở cuối đường Bắc Tứ Xuyên, chỗ ở bị đại bác của quân đội Nhật Bản uy hiếp.

"nhà tạp cảm" "bất mãn với hiện trạng"[1]. Nào có ngờ cuối tháng Ba, trở về chỗ ở cũ, sách báo không mất mát chút gì. Thế là lại tìm tìm kiếm kiếm, bắt tay vào việc biên tập, giống như người ốm nặng mới khỏi, cứ muốn cầm gương soi cái mặt vỏ vàng, sờ mó làn da nhăn nheo của mình, hơn lúc bình thời.

Tôi thu thập những bài từ năm 1928 đến năm 1929 trước ; được ít lắm, nhưng trừ năm sáu lần nói chuyện ở Bắc Bình, Thượng Hải vốn không ghi chép, còn thì hình như không mất mát gì. Nhớ lại, hai năm đó chính là thời kỳ tôi ít viết, không có chỗ đăng. Năm Hai mươi bảy, máu đã làm cho tôi kinh hãi, mắt trợn trừng, miệng ngọng lại[2], tôi rời Quảng Đông ; những lời ấp a ấp úng, không có gan nói thẳng, đều ghi lại trong tập ***Mà thôi***. Nhưng đến Thượng Hải, tôi lại bị ngòi bút của các nhà văn hào "vây ráp". Người trong nhóm *Sáng tạo*[3], nhóm *Thái dương*[4], nhóm *Trăng mới* của bọn "chính nhân quân tử"[5] đều nói xấu tôi, ngay cả những vị hiện giờ đã lên chức giáo sư hoặc nhà văn, không thuộc một văn phái nào, trong văn

---

(1) Đây là lời của nhà văn phản động Lương Thực Thu công kích Lỗ Tấn. Trong một bài báo đăng ở tạp chí *Trăng mới* (Tân nguyệt) đề là *"Bất mãn với hiện trạng thì thế nào ? "*, y viết : *"Có một hạng người chuyên môn bất mãn với hiện trạng, hôm nay nói chỗ này có khuyết điểm, ngày mai nói chỗ kia có khuyết điểm, khuyết điểm nhiều kể không xuể. Thế rồi viết những bài tạp cảm vô cùng vô tận. Đến khi có người cho đơn thuốc, thì người đó lại càng bất mãn tợn : nào là vị này hàn quá, vị kia nhiệt quá, vị này mạnh quá, vị kia chậm quá. Phương thuốc nào cũng chê không coi đáng giá một đồng xu, và mỉa mai hết cách, hình như là nếu một ngày kia hiện trạng làm cho y thỏa mãn thì sẽ không còn tạp cảm để viết nữa"*. Đối với luận điệu biện hộ cho chủ nghĩa đế quốc và bọn thống trị phản động đó, Lỗ Tấn đã nhiều lần viết bài đáp lại.

(2) Chỉ cuộc chính biến phản cách mạng ngày 12 tháng 4 năm 1927 của Tưởng Giới Thạch. Lỗ Tấn đã chứng kiến cuộc khủng bố trắng ở Quảng Châu.

(3) Nhóm *Sáng tạo* thành lập khoảng năm 1920 - 1921 là một đoàn thể văn học có tiếng trong phong trào văn học thời Ngũ Tứ. Những nhân vật chủ yếu là Quách Mạt Nhược, Thành Phương Ngô, Úc Đạt Phu. Lúc đầu nhóm này có khuynh hướng về chủ nghĩa lãng mạn. Năm 1924, Quách Mạt Nhược giác ngộ cách mạng, rồi tham gia cuộc chiến tranh Bắc phạt ; những người khác, sau phong trào Ngũ tạp năm 1925, cũng theo cách mạng. Năm 1927, nhóm này phát động phong trào văn học cách mạng, đồng thời lấy thêm lực lượng mới, đến năm 1929, thì bị Chính phủ Quốc dân đảng phản động giải tán. Năm 1928, có một cuộc tranh luận giữa nhóm này và Lỗ Tấn.

(4) Nhóm *Thái dương* : một đoàn thể văn học thành lập ở Thượng Hải cuối năm 1927, nhân vật chủ yếu là Tưởng Quang Từ, Tiền Hạnh Đồn. Năm 1928 xuất bản tờ *Thái dương nguyệt san* để xướng văn học cách mạng. Đến năm 1930, khi Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả thành lập thì nhóm đó tự giải tán. Năm 1928, giữa nhóm *Thái dương* và Lỗ Tấn cũng có một cuộc tranh luận.

(5) Nhóm *Trăng mới* : một đoàn thể chính trị và văn học phản động thành lập năm 1923. Những nhân vật trung tâm là Hồ Thích, Từ Chí Ma, Trần Nguyên, nhiệm vụ và tính chất giai cấp của nó giống nhóm *Hiện đại bình luận*. Sau cuộc chính biến phản cách mạng của Tưởng Giới Thạch, bọn chúng xoay sang ủng hộ chính quyền phản động của Quốc dân đảng. Về mặt văn học, chúng ra sức công kích Lỗ Tấn và phong trào văn học cách mạng.

chương của họ hồi đó, cũng phải thường thường chế giễu ngầm tôi vài ba câu để tỏ ra rằng họ cao thượng, sáng suốt. Lúc đầu chẳng qua tôi mới là "nhàn rỗi tức là giàu có", "tàn dư phong kiến", "kẻ suy đồi", về sau, lại bị phê phán là một tên phát xít[1] chủ trương giết thanh niên. Hồi đó, có một người từ Quảng Đông chạy nạn đến trú ở nhà tôi – anh Liêu[2] – cũng giận hờn nói với tôi : "Bạn bè tôi chẳng xem tôi ra gì cả, không muốn lui tới với tôi nữa, nói tôi ở chung với một người như thế".

Hồi đó, tôi trở thành "một người như thế". Tờ *Ngữ ti* tôi chủ trương, thực tế tôi không có quyền, đó là chưa kể có những cái phải kiêng kỵ (xem bài *Tôi và tờ Ngữ ti trước sau như thế nào* ở cuối tập), còn như chỗ khác thì văn chương tôi xưa nay vẫn phải "ép" mới có, mà trước mắt thì tôi đang bị "ráp", tôi đâm đầu vào làm gì. Cho nên chỉ viết rất ít.

Bây giờ tôi đem những cái sai và cái đến nay còn đúng trong văn chương tôi hồi đó thu thập lại thành một tập. Còn như văn chương của đối thủ, thì trong cuốn *Bàn về Lỗ Tấn* và *Bút chiến văn nghệ ở Trung Quốc* [3] tuy cũng có một ít, nhưng đều là những bài đại luận, mặt ngoài, mũ cao áo rộng trên lễ đường, không đủ để thấy được toàn diện. Tôi định thu thập lại thành một tập cũng thuộc loại "tạp cảm", gọi là "Vây ráp". Nếu đem đối chiếu với tập sách này của tôi, không những có thể tăng thêm thú vị của bạn đọc, mà càng rõ được một mặt khác, tức là các mánh khóe chiến đấu ở mặt trong. Bấy nhiêu phương pháp nhất thời e chưa thể thất truyền được. Luận điệu "các nhà văn Tả liên đều vì đồng rúp" năm ngoái là một trong những bài hát cũ đó[4]. Cố nhiên, những bạn thanh niên tự thấy mình còn có ít nhiều

---

(1) Đó là những danh hiệu mà tờ *Sáng tạo* đã gán cho Lỗ Tấn. Trích một đoạn trong bài *Tàn dư phong kiến trên tiền tuyến văn nghệ* của Đỗ Thuyên đăng trong số tháng 8 năm 1928 : *"Ông ta* (chỉ Lỗ Tấn) *là tàn dư của phong kiến thời kỳ tư bản chủ nghĩa trở về trước. Đối với xã hội chủ nghĩa, tư bản chủ nghĩa là phản cách mạng, đối với xã hội chủ nghĩa, tàn dư phong kiến lại phản cách mạng đến hai tầng. Đoạn trước có nói Lỗ Tấn là phần tử lưng chừng trong thời quá độ mới cũ, nói ông ta là một người nhân đạo chủ nghĩa là nhầm. Ông ta là một tên phát xít bất đắc chí".* Trong một bài khác, lại viết : *"Nghe đồn ông ta – Lỗ Tấn – gần đây có mua một ít sách khoa học xã hội về đọc, nhưng tức khắc lại có một vấn đề cũng không nhỏ được đặt ra : ông ta quả thật muốn làm một người học trò trung thực về khoa học xã hội hay sao ? Hay là chỉ tô vẽ trang sức cho cái suy đồi của mình ? Hành vi thứ hai là một hành vi bưng tai ăn trộm chuông, đó là sự suy đồi đã đến lúc sâu sắc, không có thuốc nào cứu chữa được nữa".*

(2) Tức Liêu Lập Nga, một người học trò của Lỗ Tấn ở trường Đại học Trung Sơn.

(3) *Bàn về Lỗ Tấn* và *Bút chiến văn nghệ ở Trung Quốc* do Lý Hà Lâm biên tập, Bắc Tân thư cục, Thượng Hải xuất bản. Cuốn trước gồm những bài phê bình Lỗ Tấn và tác phẩm của Lỗ Tấn từ 1923 đến 1929. Cuốn sau gồm những bài bút chiến về văn học cách mạng năm 1928.

(4) Đó là thủ đoạn vu cáo và hãm hại mà phe phản động và bọn nhà văn phản động quen dùng để nói các nhà cách mạng và nhà văn cách mạng.

quan hệ với văn nghệ bất tất phải học theo, nhưng biết qua một chút cũng không ngại gì.

Kỳ thực, tôi tự kiểm điểm, thấy vô luận là trong tiểu thuyết, trong những bài bình luận ngắn, đều không có dấu vết nói rằng tôi chủ trương đem thanh niên ra mà "giết, giết, giết"[1] ; mà tôi cũng không hề ôm ấp một ý nghĩ như thế. Tôi xưa nay tin tưởng ở tiến hóa luận, cứ cho rằng tương lai nhất định hơn quá khứ, thanh niên nhất định hơn người già ; đối với thanh niên tôi luôn luôn kính trọng ; thường thường họ chém tôi mười nhát dao, tôi chỉ trả lại một mũi tên mà thôi. Nhưng về sau, tôi biết là tôi nhầm. Không phải là lý luận duy vật hoặc tác phẩm văn nghệ cách mạng mê hoặc tôi ; tôi ở Quảng Đông, mắt thấy cũng là thanh niên cả mà lại chia ra làm hai mặt trận lớn, hoặc gửi thư tố giác, hoặc giúp quan bắt người. Do đó tư tưởng cũ của tôi bị đả phá ; về sau tôi thường lấy con mắt hoài nghi mà nhìn thanh niên, chứ không kính sợ vô điều kiện nữa. Có điều, từ đó về sau, tôi vẫn vì những bạn thanh niên mới ra trận lần đầu mà gào thét mấy tiếng, chẳng qua cũng không giúp được gì nhiều lắm.

Tập này đại khái gồm toàn bộ những bài viết trong hai năm ; chỉ có mấy bài *Tựa* viết cho một số tác phẩm, thì vì thấy có một vài ba câu có thể tham khảo, nên cũng chọn vào. Khi kiểm điểm lại sách báo, bỗng phát hiện ra một ít bài viết năm 1927, nhưng chưa đưa vào tập ***Mà thôi*** ; tôi nghĩ, có lẽ bài *Dạ ký* là vì vốn định để vào một tập khác, còn những bài nói chuyện và thư từ thì vì nông cạn, không quan trọng lắm, cho nên hồi đó không đưa vào.

Nhưng bây giờ lại để vào đầu tập này, gọi là bổ sung cho tập ***Mà thôi***. Tôi lại có một ý nghĩ khác, cho rằng chỉ cần xem văn chương dẫn trong một bài nói chuyện và một bức thư đó là đủ rõ bộ mặt Hương Cảng hồi ấy. Tôi đến nói chuyện, cả thảy hai lần, ngày đầu là bài *Điệu cũ đã hát xong rồi*[2] nay không tìm ra bản thảo, ngày thứ hai là bài *Trung Quốc không có tiếng nói* này, thô thiển tầm thường đến nước đó mà rút cục vẫn bị cho là "tà thuyết" làm người ta sợ, cấm không cho đăng lên báo. Hương Cảng như thế đó. Nhưng hiện nay thì cơ hồ khắp Trung Quốc là Hương Cảng như thế rồi.

---

(1) Đó là câu của Dỗ Thuyên viết trên báo *Sáng tạo* : *"Giết, giết, giết hết những người thanh niên đáng sợ ấy đi. Và giết nhanh lên đó là triết lý của cái ông già ấy (chỉ Lỗ Tấn), thế là ông già trở thành bất tử"*.

(2) Bài này sau tìm ra và đưa vào tập ***Tập ngoại tập thập di***.

Có một điều tôi muốn cảm ơn nhóm *Sáng tạo* là họ đã "ép" tôi xem mấy cuốn lý luận văn nghệ khoa học, mới rõ là bao nhiêu cái mà các nhà văn học sử trước đây nói vẫn còn là những nghi vấn chưa gỡ ra được. Và nhân đó, tôi đã dịch cuốn *Bàn về nghệ thuật* của Plêkhanôp[1] để uốn nắn cái thiên hướng chỉ tin theo tiến hóa luận của tôi và của những người vì tôi mà mắc phải. Nhưng khi tôi đem những tài liệu thu thập lần viết cuốn *Lược thảo lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc* in thành cuốn *Tiểu thuyết cựu văn sao* để thanh niên khỏi mất công tìm kiếm, tra khảo, thì Thành Phương Ngô lấy danh nghĩa là giai cấp vô sản, nói tôi là *"hữu nhàn"* (nhàn rỗi) và lại *hữu nhàn* đến những ba lần[2], cho đến nay tôi vẫn chưa quên hẳn được. Tôi nghĩ giai cấp vô sản không có thể rèn luyện cái phép quy nạp như thế, họ không hề học nghề làm "thầy cò". Tập này biên soạn xong đặt tên là ***Tam nhàn*** còn phải cám ơn Thành Phương Ngô.

Đêm 24 tháng Tư năm 1932

---

(1) Lỗ Tấn dịch theo bản tiếng Nhật và xuất bản năm 1930.

(2) Trong bài *Hoàn thành cuộc cách mạng văn học của quần chúng ta* đăng trên báo *Hồng thủy* năm 1927, Thành Phương Ngô viết : *"Cái luận điệu lấy thú vị làm trung tâm cuộc sống đó ám thị một sự tự túc tự mãn lừa dối mình trong một vòng trời đất nhỏ hẹp, nó ủng hộ sự nhàn rỗi, nhàn rỗi và nhàn rỗi. Chúng ta đều biết trong xã hội tư bản hiện nay, giai cấp nhàn rỗi là giai cấp giàu có".*

120. TRÊN GÁC CHUÔNG*

Dạ ký 2

Cũng vẫn hồi tôi ở Hạ Môn. Anh Bách Sinh[1] từ Quảng Châu lên, tin cho biết anh Ái Nhi[2] cũng ở đấy. Chắc đến tìm một cuộc sống mới, và đã viết cho ông uỷ viên K[3] một bức thư dài nói rõ quá khứ và nguyện vọng tương lai của mình.

Một hôm, ông ủy viên K nói với Bách Sinh :

– Anh có biết cái người tên là Ái Nhi không nhỉ ? Anh ta gửi cho tôi một bức thư dài, tôi chưa xem hết. Thật ra, cái kiểu văn sĩ ấy, viết thư dài, tức là phản cách mạng đấy !

Một hôm khác, Bách Sinh nói lại với Ái Nhi, Ái Nhi nhảy chồm lên, nói :

– Sao ?... Sao lại nói tôi phản cách mạng ?!

Hạ Môn đang giữa mùa thu ấm áp ; trên núi, thạch lựu dại nở ; trước nhà có những bông hoa vàng – không biết gọi hoa gì.

Tôi nghe mẩu chuyện đó khi ngồi trong gian nhà gác bốn chung quanh có tường đá cẩm thạch bao vây. Bộ mặt nghiêm nghị, hai đường lông mày chau lại của ông ủy viên K, và bộ mặt trẻ măng, lanh lợi nhưng hơi buồn của Ái Nhi cùng hiện lên một lúc trước mắt tôi, lại phảng phất như thấy Ái Nhi đang nhảy chồm lên trước ông ủy viên K, hai đường lông mày đang chau lại. Tôi không nén được, đưa mắt nhìn qua khe cửa sổ ra phía trời xa mà bật cười.

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Ngữ ti*, số tháng 12 năm 1927.

(1) *Bách Sinh* : tức Tôn Phục Viên.

(2) *Ái Nhi*, tên thật là Lý Ngộ An, một người quen Lỗ Tấn, thường gửi bài đăng báo *Ngữ ti*.

(3) *K* : tức Cố Mạnh Dư, một ủy viên trong Ban giám hiệu trường Đại học Trung Sơn, Quảng Châu hồi đó.

Nhưng đồng thời cũng sực nhớ đến câu nói của một nhà thơ Liên Xô nổi tiếng – A. Blôc – tác giả bài *Mười hai người chiến sĩ*[1] :

"Đảng cộng sản không cản trở việc làm thơ, nhưng nhà thơ mà tự cho mình là một nhà đại thi hào thì đó là một trở ngại. Nhà đại thi hào cảm thấy cái cốt tủy của tất cả tác phẩm của mình đều theo một quy luật ở bên trong".

Tôi nghĩ : Đảng cộng sản và thơ, Cách mạng và thư đài, quả không dung hòa với nhau đến như thế ư ?

Đó là hồi ấy tôi nghĩ như vậy. Bây giờ thì tôi lại nghĩ, cần phải thêm một vài lời thanh minh vào đây.

Chẳng qua tôi nói là nói sự biến đổi và văn nghệ không dung hòa với nhau, chứ không phải ám chỉ chính phủ Quảng Châu hồi đó là chính phủ cộng sản, hoặc ông ủy viên ấy là cộng sản. Những việc đó, tôi không biết chút gì cả. Chỉ có mấy người bị "hành hình" rồi, đến nay không nghe ai minh oan hoặc oan hồn tố khổ, nghĩ lại nhất định là cộng sản thật chăng. Còn như có một số, tuy nhất thời được một bên gán cho cái tên cúng cơm ấy, nhưng về sau hai bên gặp mặt nhau, uống rượu chuyện trò vui vẻ, mới biết trước kia hiểu lầm nhau, kỳ thực vốn có thể hợp tác với nhau được[2].

Điều cần thiết đó đã làm rồi, thế là yên tâm trở về với đầu đề. Lại nói, không bao lâu anh Ái Nhi cũng gửi cho tôi một bức thư, tin cho biết đã có công việc làm. Thư không dài lắm, có lẽ anh vẫn còn đau khổ về chuyện bị nghi oan là "phản cách mạng" chăng ? Nhưng lại phàn nàn : một là, bắt anh ta ngồi cạnh nồi cơm, buồn hết sức ; hai là, có một lần, anh ta đang ngồi chơi phong cầm, một cô không hề quen biết đưa đến cho anh ta một gói kẹo, làm cho anh ta vốn là người nhạy cảm phải cho rằng con gái miền Bắc ngờ nghệch quá, mà con gái miền Nam thì lại quá nhanh nhẩu, anh ta không khỏi "cảm khái vậy thay"[3].

Về điểm thứ nhất, trong thư trả lời cho anh viết giữa lúc muỗi mùa thu đang vây lấy mà đốt, tôi không đả động đến. Trước mắt không có nồi cơm mà buồn, mà đau khổ, thường tình con người ta như vậy, bây giờ đã thấy nồi cơm mà còn buồn, thì rõ ràng là lên cơn sốt cách mạng rồi. Xin thú

---

(1) *A. Blok* (1880 – 1921) : nhà thơ có tiếng, người Liên Xô. Bài thơ *Mười hai người chiến sĩ* của ông không những được phổ biến rộng rãi ở Nga mà còn rất nổi tiếng ở châu Âu.

(2) Câu này ý Lỗ Tấn nói : Có một số người hồi đó bọn Quốc dân đảng tưởng nhầm là cộng sản mà giết hại.

(3) Câu này tác giả viết bằng văn ngôn.

thực, địa phương xa mà làm cách mạng, những người không quen biết mà làm cách mạng, thì quả tôi thích nghe. Nhưng – biết làm thế nào, dứt khoát cứ nói thực ra – nếu ở ngay bên cạnh người tôi mà làm cách mạng, hoặc những người tôi quen thân mà làm cách mạng, thì tôi không thích nghe đến như thế. Nếu có người bảo tôi, nên liều chết mà làm cách mạng, tất nhiên tôi không dám không cho là phải, có điều, nếu bảo tôi lặng lẽ ngồi xuống, pha cho tôi một cốc sữa bò hộp uống, tôi thường thường lại cảm kích hơn. Bây giờ, nếu tôi bảo anh ta cứ cố chú lấy cơm trong nồi xới vào bát mà ăn đi, như thế chả còn ra thể thống gì nữa ; nhưng bảo anh ta rời nồi cơm ra mà liều chết, thì lại nói không được, bởi vì Ái Nhi là một người tôi quen lắm. Thế là đành học theo cách cũ trong truyện thần tiên, giả câm giả điếc, làm lơ không đếm xỉa đến. Chỉ về điểm thứ hai, thì tôi cho một bài học đích đáng, đại khái nói, tôi không tán thành cái lối bình phẩm của anh : "ngờ nghệch", "nhanh nhẩu", như thế có nghĩa là chủ trương con gái nên cứ lử đử lừ đừ, cái đó hết sức sai.

Khoảng hơn một tháng sau, lúc tôi cũng ôm một cái mộng tương tự như Ái Nhi, đến Quảng Châu, ngồi cạnh nồi cơm, thì bấy giờ anh ta đã không ở đấy nữa rồi. Có lẽ không nhận được thư của tôi.

Tôi ở chỗ chính giữa và là chỗ cao nhất trường Đại học Trung Sơn, thường gọi là "gác chuông lớn". Một tháng sau, nghe ông bí thư đội mũ quả dưa nói, mới biết đó là nơi ưu đãi nhất, không phải hàng "chủ nhiệm" thì không được ở. Nhưng về sau, tôi vừa dọn đi, lại nghe nói đã cho một ông thư ký đến ở, không hiểu ra sao cả. Có điều, khi tôi ở, thì nơi đó là một chỗ không phải hàng chủ nhiệm thì không được ở, nên tôi thường thường cứ vừa cảm động vừa xấu hổ, cho đến ngày biết ông thư ký dọn đến mới hết.

Nhưng cái gian phòng ưu đãi đó lại không phải là nơi dễ ở. Khuyết điểm nhỏ nhất là không có thể ngủ được. Cứ tối đến là có hơn mười – có lẽ là hai mươi, tôi không biết con số đích xác – con chuột chạy nhảy trên văn đàn, không kể gì hết. Cái gì gặm được là gặm tất, lại có thể lật cả nắp hộp mực ra. Thứ chuột ở trên căn gác, – nếu không phải là hàng chủ nhiệm thì không được ở, – của trường Đại học Trung Sơn, Quảng Châu, hình như cũng đặc biệt thông minh, ở các nơi khác, tôi chưa từng gặp. Buổi sáng thì lại có mấy ông "công nhân" hát rất to – tôi không rõ hát bài gì.

Ban ngày, có mấy bạn thanh niên địa phương đến chơi, hình như họ ôm ấp những ý định rất tốt. Có mấy anh sốt sắng với cải cách, còn hy vọng tôi công kích mạnh mẽ các khuyết điểm của Quảng Châu. Lòng nhiệt thành đó

làm cho tôi cảm động, nhưng cuối cùng tôi nói là tôi chưa thật rõ tình hình tỉnh nhà, vả lại, tỉnh nhà đã cách mạng rồi, tôi thấy không có chỗ nào có thể công kích được nữa, và tôi đã nhẹ nhàng thoái thác. Tất nhiên như thế thì làm cho họ thất vọng. Mấy hôm sau, anh Thi Nhất[1] viết trên tờ *Thời đại mới* :

"Trong bọn chúng tôi có mấy người không cho rằng ông ta nói đúng. Chúng tôi cho rằng chúng tôi còn có nhiều chỗ đáng đem ra mà chửi. Chúng tôi đang muốn tự mình chửi mình, lẽ nào ông Lỗ Tấn lại không nhìn thấy khuyết điểm của chúng tôi hay sao ?...".

Kỳ thực, câu nói của tôi một nửa là thật. Tôi đâu phải không nghĩ đến chuyện tìm hiểu Quảng Châu, phê bình Quảng Châu, có điều từ khi bất đắc dĩ bị đưa thờ trên cái gác chuông lớn, thì anh em công nhân cho tôi là giáo sư, sinh viên cho tôi là thầy học, người Quảng Châu thì cho tôi là "người phương xa"[2], một mình cô đơn, không làm thế nào mà điều tra được. Mà trở ngại lớn nhất là ngôn ngữ. Kể cho đến ngày tôi rời khỏi Quảng Châu, ngôn ngữ mà tôi biết được, trừ các con số đếm... một, hai, ba, bốn, chỉ có câu *hanbaran* (tất cả), phàm là "người phương xa" cơ hồ không ai không nhớ, vì đặc biệt quá, và câu *tiunama*, một câu chửi, phàm là người học tiếng địa phương khác cơ hồ không ai không nhớ, vì dễ học nhất, mà thôi.

Hai câu đó có lúc cũng dùng đến. Ấy là vào hồi tôi đã dọn nhà đến ở đường Bạch Vân rồi, một hôm, cảnh sát bắt một tên lưu manh ăn cắp bóng điện, ông Trần gác ngôi nhà ấy liền chạy theo vừa đánh, vừa chửi. Chửi một tràng dài, mà tôi chỉ nghe hiểu có hai câu đó. Nhưng tôi tựa hồ như đã hiểu hết, bụng nghĩ "câu ông ta nói có lẽ là vì đèn điện ở ngoài nhà cơ hồ *hanbaran* bị nó ăn cắp, nên phải *tiunama*". Thế là phẳng phất như giải quyết được một vấn đề lớn, tôi liền yên tâm trở về ngồi xuống, tiếp tục biên soạn tập *Đường Tống truyền kỳ* của tôi.

Nhưng rút cục không biết có phải thật như thế không. Suy đoán riêng một mình thì không hề gì, nếu căn cứ vào đó mà bàn về Quảng Châu thì không khỏi quá mạo muội.

Mặc dù chỉ có hai câu đó, tôi lại phát hiện ra được chỗ sai lầm của ông thầy học tôi là ông Thái Viêm[3]. Nhớ trước kia hồi ở Nhật Bản, dạy cho

---

(1) Tức Lương Thức, chủ biên tờ phụ trương *Thời đại mới* của *Quốc dân 'ân báo*, sau này y trở thành Hán gian.

(2) Nguyên văn : *"ngoại giao lão"* : tiếng địa phương chỉ người phương xa đến.

(3) *Thái Viêm* : tức Chương Bỉnh Lân (1868 – 1936), nhà học giả và nhà cách mạng cuối đời Thanh. Năm 1908, Lỗ Tấn có học với ông. Cuốn *Tân phương ngôn* là một tác phẩm về ngôn ngữ học, gồm những bài ông giảng hồi ở Đông Kinh, Nhật Bản.

chúng tôi môn ngữ ngôn văn tự, ông ta có nói chữ *"châu"* trong câu *"Kỳ châu tại vĩ thượng"*[1] ở cuốn *Sơn Hải kinh* là cái sinh thực khí của phụ nữ. Tiếng cổ đó đến nay ở Quảng Đông còn dùng, đọc như *tiu*. Cho nên, hai chữ *tiuhei*, nên viết là *châu hí*, danh từ đứng trước, động từ đứng sau. Tôi không nhớ sau này ông ta có đem điều đó vào trong cuốn *Tân phương ngôn* không, nhưng ngày nay xem thì thấy *"châu"* là động từ, chứ không phải danh từ.

Còn như tôi nói không có chỗ nào đáng công kích, thì đó quả là một câu nói giả dối. Thực ra hồi đó, đối với Quảng Châu, tôi không yêu mà cũng không ghét, do đó cũng không vui buồn mà cũng không khen chê. Tôi ôm ấp mộng ảo mà đến, đứng trước thực tế, liền bị xua đuổi ra khỏi cảnh mộng, chẳng qua chỉ hơi buồn một tí. Tôi thấy Quảng Châu rút cục là một bộ phận của Trung Quốc, tuy hoa quả có lạ lùng, ngôn ngữ có đặc biệt, có thể làm hỗn loạn lỗ tai, con mắt của người du tử, nhưng thực tế thì không khác những nơi tôi đã từng đi qua lắm đâu. Nếu nói Trung Quốc là một bức tranh vẽ các giống người khác nhau, thì bức vẽ các tỉnh quả thực không cái nào không giống nhau, có khác chỉ ở màu sắc dùng. Mấy tỉnh phía bắc sông Hoàng Hà thì màu vàng và màu tro. Chiết Giang thì màu đen nhạt và màu xanh nhạt. Hạ Môn thì màu hồng nhạt và màu tro. Quảng Châu thì màu xanh đậm và màu đỏ thắm. Hồi đó tôi cảm thấy tựa hồ thực ra mình chưa từng đi du lịch, cho nên cũng chẳng có lời phỉ báng nào đặc biệt, muốn chuyên nhất chú ý vào hoa lan[2] và chuối hương tiêu. – Nhưng có lẽ đó là cảm giác khi về sau này nhớ lại chăng, kỳ thực hồi đó chưa rõ ràng được như thế.

Sau lại có thay đổi ít nhiều, thỉnh thoảng tôi can đảm nói xấu vài câu. Nhưng có ích gì đâu ? Lần diễn thuyết ở nơi nọ, tôi nói : nhân dân Quảng Châu không phải là không có lực lượng, cho nên ở đây có thể làm "căn cứ địa cách mạng", mà cũng có thể làm căn cứ địa của phản cách mạng... Khi dịch ra tiếng Quảng Đông, tôi có cảm giác mấy câu đó tựa hồ bị bỏ đi. Lần viết bài cho tờ báo nọ, tôi nói : Cờ thanh thiên bạch nhật mà cắm xa xa thì nhất định tín đồ sẽ tăng lên nhiều. Nhưng cũng giống như *đại thừa* của Phật giáo[3], đến lúc mà các bậc cư sĩ cũng kể là Phật tử, thì thường giới luật không chặt chẽ nữa, chẳng biết là Phật giáo hoằng thông[4] hay Phật giáo bại hoại ? ... Nhưng bài đó cuối cùng không đăng, chẳng biết mất đâu rồi...

---

(1) "Sinh thực khí của nó ở phía trên đuôi".
(2) Nguyên văn : *tố hinh* (jasminum grandiflorum).
(3) Phật giáo chia ra làm *Tiểu thừa* và *Đại thừa*.
(4) Mở rộng, thông đạt.

Hoa quả Quảng Đông, theo con mắt "người phương xa", tất nhiên vẫn là đặc biệt lắm. Tôi thích ăn nhất quả "khế", mềm mà giòn, chua mà ngọt, làm đồ hộp thì mất hết vị của nó. Sán đầu có loại to hơn, nhưng đó là "tam liêm"[1], không ăn được. Tôi thường tuyên truyền công đức của khế, người ăn đại để đều tán thành cả. Đó là thành tích đặc sắc nhất của tôi năm nay.

Tháng thứ hai ở trên gác chuông, tức là lúc tôi đội cái mũ giấy "Chủ nhiệm giáo vụ", là thời gian bận nhất. Việc đại sự của nhà trường thì không gì bằng thi vào và khai giảng, cũng như tất cả các trường khác. Thế rồi gọi nhau họp, làm thời khóa biểu, gửi thông tri, giữ bí mật đề thi, phân phát giấy thi... Thế rồi lại họp, thảo luận, tính điểm, treo bảng. Nội quy của công nhân sau năm giờ chiều là không làm việc nữa. Thế rồi, một ông thư ký nhờ người gác cổng giúp cho một tay yết cái danh sách dài hơn một trượng, lúc trời đã tối mò. Nhưng sáng sớm hôm sau, bị xé rách, thế rồi lại viết danh sách. Thế rồi bàn cãi, bàn cãi điểm nhiều ít, bàn cãi đỗ hay không đỗ, bàn cãi các ông giáo có thiên vị hay không, bàn cãi việc ưu đãi thanh niên cách mạng, mức độ ưu đãi ; tôi nói đã ưu đãi rồi, ông ta nói chưa ưu đãi ; bàn cãi việc vớt người thi hỏng, tôi nói quyền không ở tôi, ông ta nói tôi có quyền, tôi nói không thể được, ông ta nói có thể được ; bàn cãi đề thi khó dễ, tôi nói không khó, ông ta nói khó quá ; lại vì có người dân tộc ở Đài Loan, cũng có thể cho là người Đài Loan, nên bàn cãi có được hưởng đặc quyền ưu đãi dành cho các "dân tộc bị áp bức" hay không ; lại có người không đề tên, cho nên bàn cãi huyên thiên rằng không có cái gọi là mạo danh làm thay... Cứ như thế, ngày này qua ngày khác, mà đêm nào cũng hơn mười – hoặc hai mươi – con chuột chạy đi chạy lại, và buổi sáng thì hai ba ông công nhân hát ầm lên.

Bây giờ nhớ lại những cuộc bàn cãi hồi đó, thấy con người ta đến hay đùa với cuộc sống vốn có hạn ! Nhưng hồi đó thì lại không oán giận, chỉ có một chuyện tôi cảm thấy trở thành đặc biệt là dần dần tôi thù hằn những bức thư dài nhận được.

Những bức thư dài như thế, vốn thường nhận được luôn, xưa nay không lấy làm lạ. Nhưng bây giờ dần dần lại ghét nó dài, xem xong một trang mà chưa thấy nói ý định ra, thì bực bội. Lúc có người quen bên cạnh thì nhờ xem giùm rồi nói lại cho biết chủ ý bức thư như thế nào. Một mặt, nghĩ : "Đúng rồi ! Viết thư dài là phản cách mạng !".

Lúc đó, tôi có chau mày lại như ông ủy viên K hay không, tôi không soi gương, nên không làm sao biết được. Chỉ nhớ tức khắc cũng cảm thấy cái

---

(1) Một thứ quả giống *khế* nhưng to hơn.

cuộc sinh nhai bằng họp hành và bàn cãi của tôi, tựa hồ khó mà cho là "đang làm cách mạng", nên để tiện cho mình, tôi sửa lại lời phê phán vừa rồi :

"Không. "Phản cách mạng" nặng quá, nên nói là "không cách mạng". Nhưng vẫn còn nặng. Kỳ thực, viết thư dài chẳng qua nhàn rỗi quá mà thôi !".

Có người nói, văn hóa muốn phát triển thì phải dư dật, theo kinh nghiệm của tôi hồi ở trên gác chuông, đại thể đúng như thế đấy. Văn hóa mà người nhàn rỗi tạo ra, tất nhiên chỉ thích hợp với người nhàn rỗi. Gần đây có một số người xắn tay, nói to nỗi bất bình, cũng không lấy gì làm lạ. Kỳ thực, ngay cái gác chuông này cũng không khỏi tạo ra những sự nhiêu khê. Nhưng trong bốn trăm triệu nam nữ đồng bào, kiều bào, dị bào, có người "suốt ngày ăn no, không làm gì hết", có người thì "ở túm tụm với nhau suốt ngày, không hề nói đến điều nghĩa". Tại sao lại không tạo ra một nền văn nghệ kha khá ? Chỉ nói văn nghệ, phạm vi nhỏ, còn hơi dễ. Cái đó đành phải kết luận như thế này : dư dật, vị tất đã có thể sáng tác ; nhưng muốn sáng tác thì phải dư dật. Cho nên "hoa ơi, trăng ơi" không phải từ miệng người khóc đói, khóc rét nói ra, mà người đang lo nuôi lợn thì không dám mong trở thành "một tay có thể xây dựng văn đàn Trung Quốc" được.

Tôi cho rằng thuyết đó đối với tôi lại rất hay ; tôi đã thấy rằng lâu lắm tôi không cầm đến bút, nhưng cái đó nên quy vào tội là bận.

Vào hồi này, trên tờ *Tân thời đại* lại đăng một bài *"Ông Lỗ Tấn trốn đi đâu ?"* của ông Tống Vân Bân. Trong bài đó có đoạn cảnh cáo tôi như sau :

"Đến trường Đại học Trung Sơn, không những ông ta không khôi phục lại cái dũng khí trong cuốn Gào thét *của ông ta, mà tựa hồ lại nói : "Hồi ở miền Bắc, bị nhiều điều áp bức, có nhiều cái kích thích, còn đến đây không bị áp bức, mà cũng không bị kích thích, nên không có gì mà nói". Y hí ! Lạ vậy thay ! Ông Lỗ Tấn đã thoát ra khỏi xã hội hiện tại, trốn vào sừng trâu rồi. Những nỗi đau khổ đã mất đi của xã hội cũ, những nỗi đau khổ mới sinh ra của xã hội mới, bày ra trước mắt ông ta bao nhiêu mà kể, nhưng ông ta nhìn mà không thấy ! Ông ta cất giấu cái gương nhân sinh đi rồi. Ông ta tự đưa mình về thời quá khứ. Y hi ! Lạ vậy thay ! Ông Lỗ Tấn trốn mất rồi !".*

Mà tòa soạn còn rất khách khí, viết lời mào đầu thanh minh rằng đây là một bài có ý tốt với tôi, đầy những lời khuyến khích và mong đợi, chứ không phải có ác ý, cốt chế giễu, chửi bới. Điều đó tôi rất hiểu, nhớ khi xem, rất lấy làm cảm động. Do đó, cũng đã có nghĩ, như trên kia đã nói, viết một

cái gì, thanh minh rằng tuy tôi không gào thét, nhưng đang còn bàn cãi và hội họp, có lúc một ngày chỉ ăn một bữa cơm, có lúc chỉ ăn một con cá, nhưng cũng còn chưa mất dũng khí. *Trên gác chuông* là cái đầu đề dự định. Nhưng một là vẫn bởi vì bàn cãi và hội họp, hai là bởi vì, trên bài có dẫn hai câu của Ratic[1], đã gợi cho tôi không biết bao nhiêu là cảm tưởng lộn xộn, rất muốn nói ra, nhưng cuối cùng lại để đấy. Hai câu ấy là :

"Trong thời đại có một cuộc cải biến xã hội lớn lao, nhà văn không thể làm kẻ bàng quan".

Những lời Ratic nói là vì Exênhin[2] và Sôbôli[3] tự sát. Bài *Nhà nghệ sĩ không biết về đâu* của ông ta dịch đăng trên tạp chí nọ đã làm cho tôi nghĩ ngợi trong chốc lát. Do đó, tôi biết phàm nhà thơ cách mạng, mà trước cách mạng có ôm ấp ảo tưởng hoặc lý tưởng, thì rất có thể chết vì cái hiện thực chính mình đã ca tụng và hy vọng. Mà cách mạng hiện thực nếu không làm tan nát cái ảo tưởng hay lý tưởng của nhà thơ, thì cái cách mạng đó cũng chỉ là lời nói trống rỗng trên tờ bố cáo mà thôi. Nhưng Exênhin và Sôbôli không đáng chê lắm, trước sau họ tự hét lên bài ai điếu, họ thành thực. Họ lấy cái chết chứng minh rằng cách mạng đã tiến lên. Họ vẫn không phải là những người bàng quan.

Nhưng khi mới đến Quảng Châu, có lúc quả tôi cũng cảm thấy mình phong lưu một chút. Mấy năm trước ở phương Bắc, thường thường thấy áp bức người thuộc các đảng phái, thấy bắt thanh niên, đến đây thì không thấy nữa. Về sau mới biết ra đây chẳng qua là hiện tượng của "cách mạng phụng chỉ"[4], nhưng trong giấc mộng, quả có thấy dễ chịu. Giá thử trước kia tôi viết xong bài *Trên gác chuông* rồi, chắc văn chương không như thế này. Đến bây giờ, qua việc mắt thấy "đả đảo phản cách mạng"[5], thì quả thực hoàn toàn không tìm đâu ra dấu vết tâm tình hồi đó nữa. Bây giờ đành như thế này mà thôi.

(Tập ***Tam nhàn***)

---

(1) *Ratic* : nhà hoạt động chính trị người Nga sau Cách mạng tháng Mười, 1917.

(2) *S. Esenin* (1895 – 1925) : nhà thơ Liên Xô.

(3) *A. Sôbôli* (1888 – 1920) : nhà viết tiểu thuyết Liên Xô (xem chú thích ở bài *Văn học cách mạng* ở tập ***Mà thôi***).

(4) *"Cách mạng phụng chỉ"* : Cách mạng làm theo sắc nhà vua, ý nói cách mạng do trên đưa xuống. Đây chỉ cách mạng của Quốc dân đảng.

(5) Nói cuộc khủng bố trắng mà bọn Quốc dân đảng phản động đã thi hành sau ngày 12 tháng 4 năm 1927 ở Quảng Châu.

121. TỰA

(Tập ***Hai lòng***)

Đây là tập tạp văn trong hai năm 1930 và 1931.

Trong năm 1930, tạp chí định kỳ ít thấy dẫn ; có một số không ra đúng kỳ hạn được, đại khái vì sự áp bức càng ngày càng gay gắt. *Ngữ ti*[1] và *Dòng nước chảy*[2] thường bị nhà Bưu điện giữ lại, các địa phương cấm, cuối cùng vẫn không sống nổi. Hồi đó, chỉ còn lại tờ *Mầm non*[3] là nơi tôi có thể gửi bài ; nhưng ra đến số 5, cũng bị cấm. Tiếp đó ra tờ *Đất mới*. Cho nên, trong năm đó, tôi chỉ viết không đầy mười bài bình luận ngắn thu thập trong tập này.

Ngoài ra, còn có nói chuyện hai ba lần ở các trường[4]. Lúc bấy giờ, không có người ghi chép, nói gì nay chính mình cũng không nhớ rõ nữa. Chỉ nhớ được cái đầu đề bài nói chuyện ở trường Đại học nọ, là *Tháp ngà và lều sên*[5]. Đại ý nói : văn nghệ trong tháp ngà tương lai quyết không thể xuất hiện ở Trung Quốc, bởi vì hoàn cảnh không giống nhau ; ở đây, đến chỗ để xây "tháp ngà" cũng không có nữa là ; chẳng bao lâu, cái có thể xuất

---

(1) *Ngữ ti* : tờ tạp chí lấy *tạp văn* làm vũ khí chính để phê bình những vấn đề xã hội và tư tưởng. Tháng 11 năm 1924, Tôn Phục Viên chủ biên tờ *Ngữ ti chu san*, mà Lỗ Tấn, Chu Tác Nhân, Lâm Ngữ Đường, Tiền Huyền Đồng, Lưu Bán Nông, Du Bình Bá... cộng tác rồi cải tổ thành *Ngữ ti xã* ; Lỗ Tấn trở thành người phụ trách chính và ra tờ bán nguyệt san *Ngữ ti*. Từ cuộc vận động Ngũ tạp, lực lượng bị phân hóa.

(2) *Dòng nước chảy* (Bôn lưu) : tạp chí văn nghệ ra hàng tháng, Lỗ Tấn chủ biên, xuất bản ở Thượng Hải từ tháng 6 năm 1928, đến tháng 12 năm 1929 thì đình bản.

(3) *Mầm non* (Manh nha) : tạp chí văn nghệ xuất bản ở Thượng Hải tháng 1 năm 1930, do Lỗ Tấn và Phùng Tuyết Phong hợp biên. Sau khi Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả thành lập, nó trở thành một trong những cơ quan ngôn luận của Hội. Đến tháng 5- 1930, bị chính phủ Quốc dân đảng cấm, số 6 đổi là *Đất mới*, sau cũng bị đình bản.

(4) Năm 1930, Lỗ Tấn có nói chuyện mấy lần ở các trường đại học Thượng Hải : Đại học Nghệ thuật, Đại học Đại Hạ v.v...

(5) Bài nói chuyện này, chưa tìm thấy bản thảo.

hiện, e nhiều nhất chỉ là mấy cái "lều sên" ! Lều sên là túp lều mà Tiêu Tiên[1], "nhà ẩn dật" thời Tam Quốc ở, phảng phất giống túp lều hiện nay người nghèo miền Giang Bắc dựng bằng tay, có điều còn nhỏ hơn nữa, chỉ nằm bẹp trong ấy, ít đi ra, ít cử động, không mặc, không ăn, không nói. Bởi vì hồi đó là thời quân phiệt hỗn chiến, giết người cướp của tha hồ ; kẻ trong bụng không tán thành, chỉ có thể làm như thế mới kéo dài được chút hơi tàn. Nhưng trong giới sên làm gì có văn nghệ, cho nên cứ như thế này mãi thì Trung Quốc không có văn nghệ là chuyện nhất định. Câu nói đó quả có ý vị "sên" lắm ! Không ngờ chẳng bao lâu sau, có một thanh niên dũng cảm phê bình tôi trên tờ *Quốc dân nhật báo* ở Thượng Hải, cơ quan của Chính phủ, nói rằng những lời lẽ đó của tôi làm cho anh ta xem thường hết sức, bởi vì tôi không có gan dùng lời lẽ của người cộng sản. Trong Quốc dân đảng, kể từ sau cuộc "thanh đảng", nói đến chủ nghĩa cộng sản là phạm tội nặng ; lưới giăng khắp nước Trung Quốc, đâu đâu cũng bắt bớ, giết chóc, mà không nói thì lại bị vị thanh niên trung dũng trong Quốc dân đảng xem thường. Quả đành phải trở thành sên thật sự, mới có hạnh phúc "khỏi mắc tội"[2].

Thế nhưng, lúc đó luận điệu cho rằng "các nhà văn cánh tả lấy đồng *rúp* của Liên Xô" lại được tuyên truyền ầm ĩ trên cái gọi là "báo lớn" và báo nhỏ. Nhà phê bình của nhóm *Trăng mới*, đứng bên cạnh, cũng góp sức vào không ít[3]. Có mấy tờ còn nhặt nhạnh lời lẽ trong các bài mà mấy ông bên nhóm *Sáng tạo* gửi đăng ở các tờ báo nhỏ, cười tôi là "đầu hàng". Có một tờ thì đăng *Chuyện những kẻ bầy tôi ăn ở hai lòng* trên văn đàn[4], mà người thứ nhất là tôi –, nhưng về sau hình như không đăng tiếp nữa.

Lời vu cáo về "đồng rúp", tôi nghe quen tai rồi. Khoảng sáu, bảy năm trước, lúc tờ *Ngữ ti* ở Bắc Kinh có nói mấy câu động đến giáo sư Trần Nguyên và mấy vị "chính nhân quân tử" khác, thì tờ *Tinh báo* ở Thượng Hải liền đăng bức thư của ông Đường Hữu Nhâm, "nhân vật chính của nhóm *Hiện đại bình luận*"[5], nói rằng ngôn ngữ hành động của chúng tôi đều theo

---

(1) Theo sách *Tam quốc chí* thì cuối đời Hán, Tiêu Tiên vì muốn tránh họa chiến tranh, ẩn cư ở huyện Vũ Dương, dựng một túp "lều sên", lấy gỗ ghép làm giường, phủ cỏ làm chiếu, không chuyện trò với ai.

(2) Nguyên văn : *"Thứ cơ đắc miễn vu tội lệ"*. Đây là một câu viết theo văn ngôn có sẵn trong sách cũ.

(3) Chỉ Lương Thực Thu, một nhà văn thuộc phái Hồ Thích (xem bài *Dịch cứng nhắc và tính giai cấp của văn học*).

(4) *"Văn đàn nhị thần truyện"*.

(5) Xem bài *Trả lời ông Hữu Hằng* ở tập ***Mà thôi***.

mệnh lệnh của Mạc Tư Khoa cả. Đó chính là điệu hát tổ truyền. Cuối Tống có cái gọi là "thông Lỗ"[1], đầu Thanh lại có cái gọi là "thông hải"[2], trước nay đều dùng những cớ như thế làm hại bao nhiêu người. Cho nên ngậm máu phun người đã là chuyện thường đối với các bậc sĩ quân tử Trung Quốc, chứ quả không phải chỉ là kiến giải riêng của mấy người kia : tất cả mọi cái có thể thấy được trên cõi đời đều dựa vào thế lực của kim tiền ! Còn như luận điệu "bầy tôi ăn ở hai lòng" thì rất có ý nghĩa. Tôi thử xét lại mình, thấy đối với chuyện thời sự, dù không động đến bút, có lúc cũng không khỏi phỉ báng thầm trong bụng. "Tội của thần đáng chém. Thiên Hoàng là bậc thánh minh !"[3] Phỉ báng thầm trong bụng quyết không phải là hành vi của kẻ trung thần. Nhưng các nhà văn học ngự dụng mà đã tặng cho tôi cái huy hiệu đó, thì đủ thấy trên "văn đàn" của họ có hoàng đế rồi.

Năm ngoái tình cờ đọc mấy bài luận văn của Mêrinh[4], đại ý nói, khi xã hội cũ đang suy sụp, nếu người nào có một ý kiến khác, mang một ít tâm tư khác, thì nhất định sẽ hết sức khổ. Mà công kích, hãm hại mãnh liệt nhất, là những người cùng giai cấp với người kia. Họ cho đó là kẻ phản nghịch đáng ghét nhất, đáng ghét hơn cả những tên nô lệ thuộc giai cấp khác nổi lên làm phản, cho nên nhất định phải trừ khử đi. Tôi mới biết trung ngoại cổ kim, không ở đâu không như thế. Quả thật đọc sách có thể di dưỡng tinh thần được, không còn "bất mãn với hiện trạng"[5] như trước kia nữa. Và bắt chước cái lệ của tập ***Tam nhàn***, nhưng thay đổi ý nghĩa đi, lấy lại đặt cho tập này[6]. Nhưng cái tên đó cũng không chứng minh tôi là người vô sản. Trong một giai cấp, đến lúc suy tàn, thường xảy ra chuyện lục đục với nhau, tức như trong *Kinh Thi* nói "anh em xích mích nhau trong nhà", nhưng về sau vị tất đã "chống lại người ngoài làm nhục"[7]. Thí dụ, cùng là quân phiệt cả, cho nên mới đánh nhau suốt năm, chứ có phải đâu một bên là giai cấp vô sản ? Vả lại, tôi thường hay nói đến một vài chuyện của mình, "gặp đen" như thế nào, làm con sên như thế nào, hình như bao nhiêu khổ

---

(1) Tức là "tội liên lạc với các nước xung quanh".

(2) Tức là "tội liên lạc với nước ngoài hể" để đánh lại nước mình.

(3) Nguyên văn : *"Thần tội đương tru hề, Thiên hoàng thánh minh"*, câu thường dùng trong triều đình phong kiến.

(4) *Franz Mehring* (1846 – 1919) : nhà viết sử và phê bình văn nghệ người Đức theo chủ nghĩa Mác, – tác giả sách : *Lịch sử Đảng dân chủ xã hội nước Đức, Đời Các Mác* v.v...

(5) Lời của Lương Thực Thu trong bài báo *Bất mãn với hiện trạng thì thế nào* đăng ở tờ *Trăng mới*, số tháng 10 năm 1929.

(6) Ý nói lấy lại chữ *"nhị thần"*, thay đổi ý nghĩa mà đặt tên cho tập này là *"Nhị tâm"* (Hai lòng).

(7) *"Huynh đệ huých vu tường, ngoại ngự kỳ vụ"* là chữ lấy trong *Kinh Thi (Tiểu nhã – Thường dệ)*.

não trên thế giới đều tập trung vào một thân mình, và mình đang chịu tội thay cho đại chúng. Đó cũng chính là cái tật xấu của bọn trí thức tiểu tư sản. Lúc đầu chỉ là thù ghét giai cấp xuất thân mà mình biết quá rõ, mong nó tiêu diệt đi không mảy may tiếc rẻ, về sau do thực tế dạy cho, nhận thấy quả đích xác chỉ có giai cấp vô sản đang trưởng thành mới có tương lai.

Từ tháng hai năm 1931 trở đi tôi viết nhiều hơn năm trước, nhưng vì đăng trên những tờ báo hơi khác nhau, văn chương tất phải tương xứng với từng tờ, cho nên rất ít viết những bài ngắn gọn kiểu ***Gió nóng***. Vả lại xem những bài phê bình tôi, mà rút ra được một kinh nghiệm, hình như bình luận mà viết quá sơ lược, quá bao quát, thì rất dễ để cho người ta vô tình hiểu lầm, hoặc cố ý xuyên tạc. Vả lại, từ đó về sau, tôi cũng không định biên soạn một tập luận văn kiểu ***Nấm mồ***, và một tập văn dịch kiểu ***Bích hạ dịch tùng***[1], cho nên lần này, những bài tương đối dài cũng thu thập vào đây, còn những bài dịch thì chọn bài *Nền điện ảnh hiện đại và giai cấp hữu sản* để ở cuối sách, bởi vì điện ảnh ở Trung Quốc, tuy đã lưu hành từ lâu, nhưng những bài luận văn quan trọng như thế lại rất ít thấy, những người quan tâm thế sự quả thực cần phải đọc. Còn như thư từ, nếu chỉ có một bên, thì người đọc thường rất khó hiểu, cho nên chọn một vài bức họ gửi đến tương đối cần thiết, tự tiện đưa vào đây nốt.

Biên soạn xong và ký, Đêm 30 tháng 4 năm 1932

(1) *Bích hạ dịch tùng* : tập luận văn của các nhà văn, nhà phê bình Nga và Nhật, Lỗ Tấn dịch, xuất bản năm 1929, do Bắc Tân thư cục ấn hành.

122. TIỂU SỬ NHU THẠCH*

Nhu Thạch tên chính là Bình Phục, họ Triệu, sinh năm 1901 ở Thi Môn Đầu, huyện Ninh Hải, Đài Châu, tỉnh Chiết Giang. Mấy đời trước đều theo đòi bút nghiên, đến thân sinh anh, cảnh nhà sa sút, đành phải đi buôn vặt, cho nên lên mười tuổi, anh mới được vào tiểu học. Năm 1917, anh đến Hàng Châu, thi vào Trường Sư phạm số một ; đồng thời anh có chân trong nhóm Thần Quang ở Hàng Châu, tham gia phong trào văn học mới. Sau khi tốt nghiệp, anh làm giáo viên tiểu học ở Từ Khê v.v... và bắt đầu sáng tác. Có tập truyện ngắn *Người điên*. Giới xuất bản Ninh Ba bắt đầu với việc in tác phẩm đó của Nhu Thạch. Năm 1923, anh đến Bắc Kinh, làm sinh viên bàng thính ở trường Đại học Bắc Kinh.

Mùa xuân năm 1925, trở về quê hương, anh làm chủ nhiệm giáo vụ trường trung học Trấn Hải, hết sức chống cự lại sự áp bức của bọn quân phiệt Bắc Dương. Mùa thu, ho ra máu, nhưng anh vẫn giúp thanh niên Ninh Hải, mở trường Trung học Ninh Hải, đến năm sau, lại gọi cổ phần, xây nhà trường, đồng thời lại giữ chức trưởng Cục giáo dục, cải cách nền giáo dục toàn huyện.

Tháng 4 năm 1928, nông thôn bạo động. Sau khi thất bại, thì đâu đâu cũng phản động, cái gì hơi mới một chút là bị phá sạch. Trường Trung học Ninh Hải bị giải tán, Nhu Thạch một mình ra đi, lên ngụ cư Thượng Hải, nghiên cứu văn nghệ. Tháng mười hai, anh biên tập cho tờ *Ngữ tí* cùng bạn bè thành lập nhóm *Triêu hoa*. Ngoài sáng tác, anh lại ra sức giới thiệu văn nghệ ngoại quốc, nhất là văn học và hội họa Bắc Âu, Đông Âu. Đã xuất bản tờ *Triêu hoa, chu san* được 20 số, *tuần san* 12 số, và năm số *Hoa sớm*

---

* Bài này đăng lần đầu ở báo *Tiên tiêu* (số kỷ niệm những chiến sĩ hy sinh) ngày 25 tháng 4 năm 1931. Không ký tên.

vườn văn. Sau vì đại lý không trả tiền bán sách, không thể chi được, đành phải bỏ.

Mùa xuân năm 1930, Đại đồng minh vận động tự do thành lập, Nhu Thạch là một trong những người sáng lập. Không bao lâu, Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả thành lập, anh cũng là một thành viên nòng cốt, hết lòng với cuộc vận động văn học *prôlête*[1]. Lúc đầu anh được bầu làm ủy viên chấp hành, sau anh giữ chức ủy viên thường vụ, chủ nhiệm Ban biên tập. Tháng năm, với tư cách là đại biểu Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả, anh tham gia đại hội đại biểu khu vực Xô viết toàn quốc. Sau hội nghị anh viết thiên *Một ấn tượng vĩ đại*.

Ngày 17 tháng giêng năm 1931, anh bị bắt. Từ sở mật thám họ đưa anh ra phiên tòa đặc biệt, rồi giao cho Bộ Tư lệnh cảnh sát Long Hoa. Chiều ngày mồng bảy tháng hai, anh bị bắn bí mật, mười viên đạn trúng vào người.

Nhu Thạch có hai trai, một gái, còn nhỏ. Về thành tích văn học, sáng tác có vở kịch thơ *Tấn trò đời*, chưa in ; các cuốn tiểu thuyết *Thời đại cũ rẫy chết, Ba chị em, Tháng hai, Hy vọng* ; dịch thì có *Faust và thành* của Lunasacski, *Sự nghiệp gia đình Actamônôp* của Gorki và *Tập truyện ngắn Đan Mạch, v.v...*

(Tập ***Hai lòng***)

(1) *Prôlête* (prolétaire) = vô sản.

123. TỰA

(tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

Một hai năm trước, Thượng Hải có một nữ văn sĩ, bây giờ hình như không còn ở đây nữa, nhưng hồi ấy hay lôi người khác ra làm đề tài để viết cái bà ta gọi là *Những nét phác họa*[1]. Tôi cũng không được tha. Theo bà ta nói, thì tôi rất thích diễn thuyết, nhưng nói thì lại nói lắp, còn giọng thì đá Nam đá Bắc. Hai điểm đầu làm cho tôi rất đỗi ngạc nhiên, điểm sau thì lại làm cho tôi hết sức khâm phục. Thật thế, tôi không thể nói được giọng mềm mại của Thượng Hải, không thể nói được giọng giòn giã của Bắc Kinh, không vào điệu nào, không thuộc giọng nào, đúng là giọng Nam điệu Bắc. Vả lại, mấy năm gần đây, khuyết điểm đó có xu thế được khai thác vào văn chương. Từ *Ngữ tỉ* đình bản rồi, không có chỗ nào tùy ý nói được nữa ; các bài lặt vặt cũng phải tùy theo các ông biên tập mà cấu tứ, thế là văn chương cũng không thể nói một là một, cái nói được thì nói một tí, cái không nói được thì cũng thôi. Ngay trên màn ảnh cũng thế, chẳng phải có lúc cũng thấy một người "nô lệ da đen", nét mặt đang tỏ ra giận dữ, thế mà có một người cũng là "nô lệ da đen", tay cầm roi da đi qua, là lập tức cúi đầu xuống hay sao ? Tôi cũng không phải là người ương ngạnh.

Cúi xuống, ngửng lên, lại đã hết năm rồi, Hàng xóm có mấy nhà đốt pháo. Chẳng là hết đêm nay thì "trời thêm năm tháng, người thêm tuổi" mà. Yên lặng, không có việc gì, vô tình mà cũng hữu ý, tôi giở những bài tạp văn viết hai năm nay sắp xếp lại, thấy đã đủ in thành một tập, đồng thời sực nhớ đến lời trong *Những nét phác họa* nói ở trên, liền đặt tên là

---

(1) Năm 1933, có nhà văn ký tên là Mỹ Tử viết một số bài là *Những nét phác họa về các nhà văn*. Bài nói về Lỗ Tấn có đoạn tác giả trích dẫn ở trên.

Nam xoang Bắc điệu, chuẩn bị cho đi đôi với tập *Năm nói, ba xì*[1] chưa thành sách, sau này sẽ in. Hồi còn đi học ở trường tư, tôi đã từng làm câu đối. Cái thói quen ấy nay chưa gột sạch, đề mục các bài có khi giở cái lối ấy ra, nào là *Ngẫu thành, Mạn dữ, Tác văn bí quyết, Đào quỳ tâm truyền*[2], bây giờ đến cái tên sách cũng lại thế. Thật chưa đủ để lấy làm răn.

Thứ nữa, riêng tôi nghĩ : Năm nay đã in tập ***Viết tự do giả***[3] rồi, nếu tập này cũng in nữa, thì sang năm lại phải có một tập khác. Thế là cảm thấy buồn cười. Tiếng cười đó có ít nhiều ác ý, bởi vì lúc này, tôi đang nghĩ đến ông Lương Thực Thu. Ông ta ở phương Bắc, vừa làm giáo sư, vừa phụ trách một tờ phụ trương. Có tên lâu la viết trên tờ phụ trương đó nói rằng tôi giống Menken[4], vì mỗi năm xuất bản một cuốn sách. Mỗi năm xuất bản một cuốn sách mà giống Menken cũng mỗi năm xuất bản một cuốn sách, thế thì, ăn cơm Tây và làm giáo sư là có thể bằng ông Babit[5] người Mỹ thật rồi ! Cái kém cỏi hình như cũng có thể truyền thụ được. Nhưng ông Lương Thực Thu rất không muốn vì ông ta mà liên lụy đến ông Babit, đó là căn cứ vào lời đồn đại của kẻ tiểu nhân. Có điều, Menken lại là người trái ngược với Babit, đem tôi ví với ông ta, tuy là do miệng học trò nói ra, nhưng thật ra là hồn ma của ông thầy Babit đang tác quái. Vẫy ngón tay một cái, quân tử lại lộn nhào một cái ; tôi thấy cuối cùng tôi vẫn còn có thủ đoạn và còn có con mắt.

Nhưng đó là việc nhỏ. Nói đến việc to, thì mỗi lần xem bài *Không đúng như kế đã tính* viết ngày 8 tháng giêng năm ngoái, là giống như ma ám, nằm thấy một cơn ác mộng, mơ mơ màng màng, không bao lâu đã chẵn hai năm rồi. Những chuyện quái gở cứ dồn dập đến luôn, và chúng ta cũng quên đi ngay, nếu không ôn lại những tạp cảm đó, thì ngay tôi là người viết bình luận cũng chẳng nhớ đến nữa. Một năm ra một tập sách, quả cũng có thể làm cho các nhà học giả lắc đầu, nhưng chỉ nhờ có tập này – mặc dù nó mỏng – mới giữ lại được một ít chuyện đã qua. Đối với một nước rộng như Trung Quốc, thời thế biến đổi luôn luôn, e cũng vị tất đã là nhiều quá !

---

(1) Tập tạp văn này sau không in.

(2) Đây là đề mục mấy bài trong tập này.

(3) Tức *Ngụy tự do thư*, xuất bản vào tháng 7 năm 1933.

(4) *H.L. Menken* (1880 – 1956) : nhà phê bình văn nghệ người Mỹ.

(5) *I. Babitt* (1865 – 1933) : nhà phê bình văn nghệ người Mỹ. Lương Thực Thu thường trích dẫn văn ông này.

Tạp văn viết hai năm nay, trừ những bài đăng ở mục *Nói tự do*[1], hầu như đều ở đây cả. Lời *tựa* và lời nói sau viết ở các sách, chỉ chọn mấy bài thấy còn có câu giữ lại được. Những tạp chí đã đăng những bài này là : *Giữa ngã tư, Văn học nguyệt báo, Bắc Đẩu, Hiện đại, Tiếng sóng, Luận ngữ, Thân báo, Văn học*[2] v.v... lúc bấy giờ đại để dùng bút danh khác ký tên. Nhưng có một bài chưa hề đăng ở đâu cả[3].

Đêm 31 tháng 12 năm 1933
Viết ở Ngụ trai, Thượng Hải

---

(1) *Nói tự do* (Tự do đàm) : một mục trong tờ *Thân báo*, Từ tháng 1 năm 1933, Lỗ Tấn có đăng tạp văn ở đây. Những bài viết từ tháng 1 đến tháng 5 năm đó đều thu thập trong tập ***Viết tự do giả*** (Ngụy tự do thư) và những bài viết từ tháng 6 đến tháng 12 thì thu thập trong tập *Cho bàn chuyện gió trăng* (Chuẩn phong nguyệt đàm).

(2) *Giữa ngã tư* (Thập tự giai đầu) : tạp chí của Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả, do Lỗ Tấn và Phùng Tuyết Phong chủ biên, xuất bản năm 1931, ra được 3 số. *Văn học nguyệt báo* : cũng là một tạp chí của Hội trên, lúc đầu do Diêu Bồng Tử chủ biên, sau đó Chu Khởi Ưng (Chu Dương) chủ biên, xuất bản năm 1932, ra được 6 số. *Bắc Đẩu* : cũng là tạp chí của Hội đó do Đinh Linh chủ biên, xuất bản năm 1931, ra được 8 số. *Hiện đại* : do Thi Trấp Tôn và Đỗ Hành chủ biên. *Tiếng sóng* (Đào Thanh) : do Tào Tụ Nhân chủ biên. *Luận ngữ* : do Lâm Ngữ Đường chủ biên. *Thân báo* : tạp chí bàn về thời sự quốc tế. Cũng có đăng tác phẩm văn nghệ. *Văn học* : do Trịnh Chấn Đạc và Phó Đông Hoa chủ biên.

(3) Chỉ bài *18 tháng 9* trong tập này.

124. TỰA VIẾT CHO CUỐN *NHỮNG ĐIỀU TAI NGHE MẮT THẤY Ở LIÊN XÔ* CỦA LÂM KHẮC ĐA*

Khoảng chừng mười năm trước đây, tôi ốm nên đến một bệnh viện ngoại quốc khám. Trong một số *Báo hàng tuần* bằng tiếng Đức (Die Woche) để ở phòng đợi, có thấy một bức biếm họa về Cách mạng tháng Mười Nga, vẽ quan tòa, giáo viên, cả bác sĩ và y tá, ai nấy đều chau mày trợn mắt, tay cầm súng. Đó là bức tranh chế giễu Cách mạng tháng Mười tôi được thấy đầu tiên, nhưng tôi cũng chỉ nghĩ bụng : dữ tợn như thế chăng, và thấy buồn cười mà thôi. Về sau, xem mấy tập du ký của người phương Tây, kẻ thì nói tốt như thế này, kẻ thì nói xấu như thế kia, lúc đó mới chẳng hiểu ra sao cả, cuối cùng tôi cũng đoán : cuộc cách mạng này có lẽ có lợi cho người nghèo khổ chăng, thế thì, đối với kẻ giàu sang, nhất định xấu rồi ; có một số nhà du lịch nghĩ đến người nghèo khổ, cho nên thấy tốt ; nếu lo thay cho kẻ giàu sang, tất nhiên thấy xấu cả.

Về sau lại thấy một bức biếm họa của người Anh vẽ nhà máy, trường học, vườn trẻ v.v... cắt bằng giấy, sắp hai bên đường, để cho người tham quan ngồi trên ôtô chạy ở giữa. Đó là phản đối tác giả các cuốn du ký nói tốt cho Liên Xô, ý nói rằng lúc tham quan, những người này bị họ lừa. Về chuyện chính trị và kinh tế tôi không hiểu, nhưng xem như việc dầu lửa và lúa mì năm ngoái Liên Xô xuất cảng làm cho người các nước văn minh tư bản chủ nghĩa sợ hãi, thì những điều tôi nghi ngờ bao nhiêu năm nay tiêu tan hết. Tôi nghĩ : một nước chỉ có bộ mặt giả bên ngoài, và một nhân dân chỉ chuyên môn giết người, thì quyết không thể có một mức sản xuất lớn

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Văn học nguyệt báo*, tháng 6 năm 1932. Lâm Khắc Đa vốn là một công nhân ngũ kim người Trung Quốc, sinh sống ở Pari (Pháp). Năm 1929, nước Pháp bị khủng hoảng kinh tế, ông thất nghiệp, rồi hưởng ứng việc chiêu mộ của chính phủ Liên Xô, năm 1930, ông sang Liên Xô làm việc.

lao như vậy ; đủ thấy những bức biếm họa kia, ngược lại, đã lừa bịp người đọc một cách vô sỉ.

Có điều, người Trung Quốc chúng ta quả có cái thói xấu là không thích nghe cái hay của người khác, nhất là sau khi "thanh đảng", không thích đề cập đến những việc Liên Xô kiến thiết ngày đó. Đề cập đến thì, nếu không nói anh cố ý tuyên truyền, là nói anh nhận đồng rúp. Vả lại, hai chữ "tuyên truyền", ở Trung Quốc, quả thực bị giày xéo không ra gì nữa. Người ta đã quen xem thông điện của những bậc tai to mặt lớn, lời tuyên bố của các hội nghị, bài nói chuyện của các vị danh nhân, phát biểu xong là không thấy tăm tích đâu nữa. Thật không bằng cái rắm, cái rắm còn thối lâu hơn. Thế là dần dần, phàm có những bài văn nói đến cái hay của xứ xa lạ, hoặc của tương lai, họ đều cho là những lời lừa bịp cả ; tuyên truyền chỉ là sự nói láo huyên thiên hòng mưu lợi cho cá nhân, gọi cho nhã mà thôi !

Tất nhiên, ở Trung Quốc hiện nay, thường có cái kiểu tuyên truyền như thế. Nó dựa vào lực lượng của quan trên, quan trên định ra[1] hoặc cho phép, bán khắp nơi không bị ngăn trở. Nhưng người đọc thì không nhiều lắm, bởi vì đã tuyên truyền, tất phải có sự thực ngay bây giờ hoặc sau này chứng minh, như thế mới có thể gọi là tuyên truyền. Mà cái kiểu tuyên truyền hiện hành ở Trung Quốc, thì không những về sau chỉ có những sự thực chứng minh lời "tuyên truyền" đó quả là nói láo, lại còn có một kết quả tai hại nữa, là làm cho người ta dần dần nghi ngờ tất cả mọi thứ văn chương ký sự, cuối cùng dứt khoát không xem. Ngay bản thân tôi cũng bị ảnh hưởng đó. Báo chí nói là "tân cựu tam đô" đẹp như thế nào, "Nam Bắc lưỡng kinh" có một không khí mới mẻ như thế nào[2], tất nhiên chỉ nhìn đề mục đã phát ngấy lên rồi ; cả những thiên du ký nói về nước ngoài, tôi cũng không muốn động đến.

Nhưng trong năm nay, tôi cũng gặp được hai cuốn sách không cần phải để tâm đề phòng, mà lại xem hết, một là cuốn *Những ấn tượng Mạc Tư Khoa* của ông Hồ Dữ Chi[3], một nữa là cuốn *Những điều tai nghe mắt thấy ở Liên Xô* này. Tôi đọc chữ thảo kém lắm, xem rất mệt, nhưng vì muốn biết

---

(1) Nguyên văn : *"khâm định"* : do vua định ra.

(2) *"Tân cựu tam đô"* : chỉ Nam Kinh, Lạc Dương và Tây An. Đương thời chính phủ Quốc dân đảng lấy Nam Kinh làm *thủ đô*, sau lấy Lạc Dương làm *hành đô* và Tây An làm *bồi đô*. *Nam Bắc lưỡng kinh* : chỉ Nam Kinh và Bắc Kinh.

(3) *Hồ Dữ Chi* : nhà bình luận chính trị, người Chiết Giang. Cuốn *Những ấn tượng Mạc Tư Khoa* in ở Thượng Hải năm 1931.

những điều tai nghe mắt thấy của tác giả công nhân tự nói là "vì vấn đề sinh sống, không thể không đi làm công", cuối cùng cứ xem. Tuy giữa chừng có gặp nhiều chỗ giống như giải thích các bản thống kê, riêng tôi không khỏi cảm thấy khô khan, nhưng may không nhiều lắm, cuối cùng cứ xem tiếp. Nguyên nhân là vì tác giả phẳng phất như nói chuyện với bạn bè, không dùng những danh từ đẹp đẽ, những cách sắp đặt khéo léo, cứ trình bày bình thường, có gì nói thẳng ra. Tác giả là một người bình thường, văn chương cũng là văn chương bình thường, Liên Xô tai nghe mắt thấy đó cũng là một nơi bình thường, nhân dân ở đó cũng là những người bình thường, những biện pháp đặt ra cũng rất hợp với nhân tình, cách sống cũng chỉ giống như cách sống của con người, chả có gì là ly kỳ cổ quái cả. Nếu muốn tìm trong đó những chuyện lạ lùng, tất nhiên không khỏi thất vọng, nhưng nên biết rằng cứ để mặt thật không tô son trát phấn mà lại đẹp.

Vả lại, do đó cũng có thể biết được nguyên nhân vì sao các nước văn minh tư bản chủ nghĩa trên thế giới nhất định muốn tấn công Liên Xô. Công nông đều ra dáng người, đó là điều rất không có lợi cho nhà tư bản và địa chủ, cho nên nhất định phải tiêu diệt cái gương mẫu đại chúng công nông này đi. Liên Xô càng bình thường, bọn chúng càng sợ hãi. Năm sáu năm trước, Bắc Kinh đồn nhao lên rằng ở Quảng Đông[1] người ta đi trần truồng ngoài phố, sau này Nam Kinh, Thượng Hải cũng lại đồn nhao lên rằng ở Vũ Hán[2] người ta đi trần truồng ngoài phố. Tức là chúng nó chỉ muốn có những chứng cớ tỏ rằng phía kẻ địch của chúng nó không bình thường. Căn cứ vào những điều kể lại trong cuốn sách này, quả thực Liên Xô đã làm cho chúng nó thất vọng. Vì sao vậy ? Bởi vì không những "những chuyện không bình thường", như chung vợ, giết cha, trần truồng đi ngoài đường phố, quả thực không có mà thôi, trái lại, có rất nhiều việc cực kỳ bình thường, tức là "tôn giáo, gia đình, tài sản, Tổ quốc, lễ giáo... tất cả những cái thần thánh bất khả xâm phạm đó"[3] đều vứt đi như rác rưởi, và một chế độ xã hội mới mẻ, chân chính, trước nay chưa từng có, xuất hiện giữa địa ngục, hàng triệu quần chúng trở thành những con người tự chi phối lấy vận mệnh của mình. Việc hết sức bình thường như thế, thì chỉ có "bọn cướp"[4] mới làm. Phải giết đi, đó là "bọn cướp" !

---

(1) *Quảng Đông* : trung tâm cách mạng và là nơi ảnh hưởng của Đảng cộng sản mạnh nhất hồi đó.

(2) Sau cuộc bắc phạt, Vũ Hán là nơi Đảng cộng sản hoạt động mạnh.

(3) Đây có lẽ là một sự hiểu lầm của tác giả sách *Những điều tai nghe mắt thấy*.

(4) "*Bọn cướp*" (phỉ đồ) : tiếng mà bọn Quốc dân đảng phản động đương thời dùng để phỉ báng những người cách mạng.

Nhưng tác giả đến Liên Xô sau Cách mạng tháng Mười đã mười năm, cho nên chỉ nói cho chúng ta biết họ gian khổ, kiên nhẫn, dũng cảm và hy sinh như thế nào, còn như họ đã chiến đấu như thế nào mới đi đến cái kết quả hiện nay, những câu chuyện như thế, lại kể rất ít. Tất nhiên đó là nhiệm vụ của một loại sách khác, không thể bắt tác giả phải hoàn toàn gánh vác hết, nhưng người đọc nhất thiết không thể bỏ qua được điểm đó, nếu không, thì giống như anh chàng trong *Thí dụ kinh* Ấn Độ[1] nói, muốn xây một ngôi lầu cao mà lại phản đối xây cột trụ trên mặt đất, nghe nói là vì anh ta muốn xây một ngôi nhà lầu cách hẳn mặt đất.

Tôi không đề phòng và đã đọc hết cuốn sách này, nguyên nhân đã nói ở trên, và tôi tin những cái tốt đẹp của Liên Xô mà sách này đã nói tới. Cũng còn có một nguyên nhân nữa, tức là gần mười năm trước, người những nước gọi là văn minh có nói Liên Xô không tốt như thế nào, không có hy vọng như thế nào, năm ngoái đã run lên trước chuyện dầu lửa và lúa mì Liên Xô. Và tôi thấy một sự thật đích xác : chúng nó đang hút máu mủ của Trung Quốc, cướp đất đai của Trung Quốc, giết nhân dân Trung Quốc. Chúng nó là những tay đại bịp bợm, chúng nó nói xấu Liên Xô, muốn tấn công Liên Xô, đủ thấy Liên Xô là tốt. Cuốn sách này cũng chính là chứng cớ rõ rệt cho ý kiến của tôi.

Ngày 20 tháng 4 năm 1932
Viết ở Hạp Bắc ngụ lâu, Thượng Hải
LỖ TẤN

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

---

(1) *Thí dụ kinh* : Tên đầy đủ là *Bách cú tỉ dụ kinh*, còn gọi là *Bách dụ kinh*, năm 492 được đưa vào Trung Quốc và sau đó không lâu, được dịch ra Hán Văn. Gồm 98 tỉ dụ, dùng để trừ phiền não, trị tội ác và biểu dương Phật pháp.

Trong *Bách dụ kinh* có câu chuyện như sau để răn người đời :

"Ngày xưa có một anh giàu mà ngu, thấy nhà ba tầng rộng rãi, đẹp đẽ, muốn làm một tòa như thế. Gọi thợ đến : thợ đóng cọc xây nhà. Anh ta không hiểu nổi, liền nói với thợ rằng : "Đừng xây hai tầng dưới nữa, hãy xây cho ta tầng trên hết, vì hai tầng dưới không dùng làm gì, chỉ cần dùng tầng trên hết mà thôi".

125. TỰA VIẾT LẤY CHO CUỐN *TỰ TUYỂN TẬP*[*]

Tôi viết tiểu thuyết là bắt đầu từ năm 1918, lúc tờ *Tân thanh niên* đề xướng "cách mạng văn học", cuộc vận động này bây giờ đã thành một cái dấu cũ trên lịch sử văn học rồi, nhưng thời đó, thì không nghĩ ngờ gì, ấy là một cuộc vận động cách mạng.

Tác phẩm của tôi trên tờ *Tân thanh niên*, dáng dấp đại khái cũng nhất trí với mọi người, cho nên tôi nghĩ, những cái ấy quả cũng có thể kể là "văn học cách mạng" thời đó được.

Thế nhưng thời đó đối với "cách mạng văn học", kỳ thực tôi không lấy gì làm nhiệt tình cho lắm. Đã từng thấy cuộc Cách mạng Tân Hợi, đã từng thấy cuộc Cách mạng lần thứ hai[(1)], đã từng thấy Viên Thế Khải xưng đế[(2)], Trương Huân phục tích[(3)], thấy đi thấy lại, thấy cho đến nỗi đâm ra hoài nghi, thế là thất vọng, chán nản vô cùng. Nhà văn học dân tộc có nói trên một tờ lá cải năm nay rằng : "Lỗ Tấn đa nghi". Đúng như thế, tôi đang nghi bọn người này chẳng phải là nhà văn học dân tộc chân chính, chúng biến hóa thế nào hiện chưa lường được. Có điều, tôi lại hoài nghi cả nỗi thất vọng của tôi, bởi vì những người, những việc tôi từng thấy rất có hạn. Ý nghĩ đó đã đưa cho tôi sức lực để cầm bút.

---

* Cuốn ***Lỗ Tấn tự tuyển tập*** do Thiên Mã thư điếm Thượng Hải xuất bản, tháng 3 năm 1933. Tập này gồm bảy bài trong tập ***Cỏ dại*** *(Bóng từ giã người, Chuyện hay, Khách qua đường, Địa ngục tốt mất đi, Hạng chiến sĩ như thế, Người thông minh, người ngu và nô lệ, Trong vết máu nhạt)*, năm truyện trong ***Gào thét*** *(Khổng Ất Kỷ, Mẩu chuyện nhỏ, Cố hương, AQ chính truyện, Kịch con vịt)*, năm truyện trong ***Bàng hoàng*** *(Trong quán rượu, Xà phòng, Thị chúng, Tiếc những ngày đã mất, Ly dị)* và ba thiên trong ***Nhặt cánh hoa tàn*** *(Chó, mèo, chuột, Ông Võ thường, Anh Phạm Ái Nông)*.

(1) Cuộc cách mạng lần thứ hai chỉ việc Quốc dân đảng khởi binh chống Viên Thế Khải năm 1913.

(2) Viên Thế Khải xưng đế năm 1916.

(3) Trương Huân đưa Tuyên Thống lên làm vua lại. Chuyện xảy ra năm 1917.

"Tuyệt vọng cũng giống như hy vọng đều hư ảo, huyễn hoặc"[1].

Đã không có nhiệt tình trực tiếp với "cách mạng văn học", thì sao lại cầm bút ? Nhớ lại, phần lớn là vì mối đồng cảm với những người nhiệt tình. Mấy người chiến sĩ đó, tôi nghĩ, tuy ở trong hiu quạnh, nhưng tư tưởng khá lắm ; mình cũng nên gào mấy tiếng trợ uy cho họ ! Lúc đầu là vì thế. Tất nhiên, trong đó cũng không khỏi xen vào cái hy vọng bộc lộ căn bệnh của xã hội cũ, thôi thúc mọi người lưu ý, tìm cách cứu chữa. Nhưng để đạt được điều mong mỏi đó, thì phải đi nhịp bước với những người tiền phong. Thế là tôi bỏ bớt những cái gì đen tối, làm ra vẻ tươi vui, để cho tác phẩm có phần sáng sủa hơn. Đó là những bài về sau thu thập lại trong ***Gào thét***, cộng cả thảy 14 bài.

Những bài đó có thể nói là "văn học tuân mệnh". Có điều mệnh lệnh tôi tuân theo là mệnh lệnh của những người cách mạng tiền phong lúc bấy giờ, cũng là mệnh lệnh mà tôi vui lòng tuân theo, chứ quyết không phải là thánh chỉ của hoàng thượng, cũng không phải của Kim, Nguyên và những tên đao phủ thủ chính cống.

Về sau, đoàn thể *Tân thanh niên* giải tán. Có kẻ thăng quan, có kẻ lui về ở ẩn, có kẻ cứ tiến bước. Một lần nữa, tôi lại thấy các đồng bạn của mình trong cùng một mặt trận có thể biến hóa đến như thế ! Còn tôi thì chỉ trơ lại cái danh hiệu "nhà văn", lủi thủi một mình trong cõi sa mạc, có điều không làm sao thoát khỏi cái việc làm văn chương đăng trên các báo hết sức tản mạn, gọi là "tùy tiện nói chơi". Có những cảm xúc nhỏ thì viết thành một bài văn ngắn, nói cho to chuyện, thì đó là những bài thơ bằng văn xuôi, về sau in thành tập gọi là ***Cỏ dại***. Có được những tài liệu khá đầy đủ thì lại viết thành truyện ngắn. Chỉ vì mình đã trở thành một dũng sĩ lưu lãng, không bố trí thành trận được, cho nên kỹ thuật tuy có khá hơn trước một tí, tư tưởng tựa hồ cũng không gò bó, nhưng ý chí chiến đấu thì có nguội lạnh đi rất nhiều. Những người bạn chiến đấu mới ở đâu ? Tôi nghĩ, đó là một điều không hay. Thế rồi tôi đem thu thập mười một thiên truyện ngắn thời kỳ này và in thành sách gọi là ***Bàng hoàng***, và nguyện từ nay về sau sẽ không như thế nữa :

Lộ man man kỳ tu viễn hề
Ngô tương thượng há nhi cầu sách[2]

---

(1) Hai câu này lấy trong bài *Hy vọng*, tập ***Cỏ dại***.

(2) Một câu thơ của Khuất Nguyên trong bài *Ly tao* :

Quản bao nước thẳm non xa
Để ta tìm kiếm cho ra bạn lòng
(N.T. *dịch*)

Không ngờ câu nói khoác lác ấy rồi mất tăm mất tích. Chạy khỏi Bắc Kinh, trốn xuống Hạ Môn, chỉ ngồi trên lầu cao viết mấy thiên ***Chuyện cũ viết lại*** và ***Nhặt cánh hoa tàn***. Những thiên trước là thần thoại, truyền thuyết và sự thực lịch sử diễn nghĩa, những thiên sau chỉ ghi lại hồi ức mà thôi.

Từ đó về sau, không sáng tác gì nữa, *"không không như dã"*.

Có thể miễn cưỡng gọi là sáng tác, thì cho đến nay tôi chỉ có năm tập đó, vốn có thể đọc xong trong khoảnh khắc, nhưng nhà xuất bản muốn tôi tự tuyển lấy làm thành một tập. Suy đoán, có lẽ vì làm như thế thì một là có thể tiết kiệm cho người đọc một số tiền, hai là, cho rằng tự tác giả chọn lấy có thể sáng suốt hơn người khác nhiều chăng. Về điểm thứ nhất, tôi không có ý kiến gì ; về điểm thứ hai, tôi lại cảm thấy cũng rất khó, bởi vì từ trước đến nay, không có tác phẩm nào mà tôi đã dụng công đặc biệt hoặc lười biếng đặc biệt, cho nên cũng không có tác phẩm nào mình tự cho là tuyệt vời, đáng được chọn ra. Không có cách nào khác, tôi bèn lấy những bài mà tài liệu, cách viết, đều khác nhau, bạn đọc có thể tham khảo, chọn ra 22 thiên, góp thành một tập, nhưng hết sức gạt ra những tác phẩm đem lại cho người đọc một "cảm giác nặng nề". Đây vẫn là ý nghĩ của tôi hiện nay :

"Không muốn đem nỗi quạnh hiu mà mình cho là đau khổ làm lây sang những người thanh niên đang ôm ấp những mộng đẹp như tôi hồi còn niên thiếu"(1)

Nhưng lại không phải là tôi cố ý che giấu như hồi ***Gào thét***, bởi vì bây giờ tôi tin rằng thanh niên hiện tại và tương lai không thể có một tâm trạng như thế nữa.

Ngày 14 tháng 12 năm 1932
Ở nhà trọ, Thượng Hải
LỖ TẤN

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

(1) Câu này lấy trong bài *Tựa viết lấy* tập ***Gào thét***.

126. KỶ NIỆM ĐỂ QUÊN ĐI*

Đã lâu, tôi định viết ít chữ để kỷ niệm mấy nhà văn trẻ ấy. Cũng chẳng nhằm mục đích gì khác, mà chỉ vì hai năm qua, nỗi bi phẫn cứ luôn luôn dồn dập trong lòng, mãi đến nay vẫn chưa thôi, tôi muốn nhân cơ hội này, vươn mình một cái, thoát khỏi cái tâm trạng bi ai kia đi, cho con người được nhẹ nhàng hơn. Nói thẳng ra, tức là tôi muốn quên đi, đừng nhớ tới họ nữa.

Cũng lúc này hai năm trước – đêm mồng bảy hay là sáng mồng tám tháng hai năm 1931 – năm nhà văn trẻ của chúng ta[1] bị hại cùng một lần. Hồi bấy giờ, báo chí Thượng Hải chẳng tờ nào dám đăng tin, hoặc có lẽ không muốn đăng, không thèm đăng cũng nên. Chỉ trên tờ *Tin văn nghệ* là có một bài ngắn ngắn, ý tứ giấu giếm dưới những lời lẽ quanh co. Ấy là bài của ông Lâm Mãng đề là *Ghi lại một vài cảm tưởng về anh Bạch Mãng*, đăng ở số 11 ngày 25 tháng 5. Có đoạn viết :

"Anh có làm một số bài thơ, lại có dịch mấy bài của nhà thơ Hungari Pêtôfi[2]*. Hồi đó, chủ bút tạp chí* Bôn lưu *là ông Lỗ Tấn, nhận được bài anh gửi đăng, có viết thư mời anh đến nói chuyện. Có điều anh không muốn gặp một danh nhân, thành ra ông Lỗ Tấn phải thân hành đi tìm anh, hết sức khuyến khích anh đi vào con đường sáng tác văn học. Nhưng rồi anh*

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Hiện đại* số tháng 4 năm 1933.

(1) Năm nhà văn trẻ chỉ Nhu Thạch, Hồ Dã Tần, Bạch Mãng (tức Ân Phu), Phùng Khanh và Lý Vĩ Sâm.

Nhu Thạch (1901 - 1931) : tác giả *Người mẹ nô lệ* là một nhà văn còn trẻ đã từng cộng tác với Lỗ Tấn trong việc làm báo, xuất bản sách.

Hồ Dã Tần (1905 - 1931) : tác giả *Dã Tần thi tuyển*, *Đi Mạc Tư Khoa*, *Ánh sáng ở phía trước chúng ta*.

Bạch Mãng (1909 - 1931) : tác giả *Tháp hài nhi*.

Phùng Khanh (1907 - 1931) : tác giả *Trở lại*, *Nhật ký đó*.

Lý Vĩ Sâm (1903 - 1931).

(2) *Pêtôfi* : nhà thơ, nhà cách mạng, nhà dân chủ chủ nghĩa Hungari.

không thể ngồi trong nhà mà viết lách được, anh lại đi theo con đường của anh. Chẳng bao lâu sau, anh bị bắt một lần nữa...".

Câu chuyện giữa hai chúng tôi mà tác giả bài báo thuật lại trên, thực ra, không được đúng lắm. Bạch Măng không kiêu ngạo như thế. Anh đã từng lại chơi nhà tôi, nhưng cũng không phải vì tôi yêu cầu gặp anh. Mà tôi cũng không phải là người kiêu ngạo như thế, có thể khinh suất viết thư gọi một người gửi bài đăng báo vốn chưa từng quen biết như anh. Lý do vì sao chúng tôi gặp nhau thì bình thường thôi. Hồi đó, bài anh gửi đến đăng là một bài nói về thân thế Pêtôfi, dịch từ tiếng Đức. Tôi liền gửi thư xin cho xem nguyên văn. Nguyên văn nằm ở đầu tập thơ, gửi bưu điện không tiện, nên anh tự tay đem đến. Trông qua, thì thấy anh là một thanh niên ngoài 20 tuổi, mặt mũi sáng sủa, nước da ngăm ngăm đen. Lúc đó, chúng tôi nói chuyện với nhau những gì thì không nhớ nữa, chỉ còn nhớ anh cho biết anh họ Từ, người Tượng Sơn. Tôi hỏi anh tại sao người con gái đứng nhận thư thay cho anh lại đặt một cái tên lạ lùng như vậy (lạ lùng như thế nào, bây giờ cũng quên rồi). Anh nói cô ta thích đặt cái tên lạ lùng, romantique[1] như thế, bản thân anh cũng có nhiều điểm không hợp ý với cô ta. Chỉ còn nhớ có thế.

Đêm đó, tôi đem bản dịch và nguyên văn ra đối chiếu sơ qua, thì thấy ngoài mấy chỗ dịch sai, có chỗ cố ý dịch khác đi. Hình như anh không muốn dùng chữ *"nhà thơ của quốc dân"* nên chỗ nào cũng đổi thành *"nhà thơ của dân chúng"*. Hôm sau lại nhận được thư anh, nói rằng rất hối hận đã gặp tôi, anh nói nhiều quá mà tôi thì nói ít quá, lại lạnh lùng, anh cảm thấy như có cái gì uy hiếp anh. Tôi liền viết thư trả lời thanh minh rằng, mới gặp nhau lần đầu, nói ít thì cũng là nhân chi thường tình. Và tôi cũng góp ý kiến với anh, khi dịch không nên vì mình thích hay không thích mà thay đổi nguyên văn đi. Nhân vì cuốn sách của anh còn để lại ở nhà tôi, nên tôi gửi cho anh hai tập khác của riêng tôi, hỏi có thể dịch thêm mấy bài nữa để độc giả xem không. Quả nhiên anh dịch thêm mấy bài nữa, cầm tay đưa đến. Lần này, chúng tôi nói chuyện nhiều hơn lần trước. Những bài dịch đó, bài nói về thân thế và mấy bài thơ, sau đăng ở tạp chí *Bôn lưu*, tập 5, quyển II, cũng tức là tập cuối cùng tạp chí này.

Lần thứ ba chúng tôi gặp nhau, tôi còn nhớ là vào một ngày nóng lắm. Có người gõ cửa. Tôi ra mở. Té ra là Bạch Măng. Anh mặc một chiếc áo dài bông dày cộp, mặt mồ hôi đầm đìa. Hai bên nhìn nhau không thể nhịn cười được. Lúc đó anh mới nói cho tôi biết rằng anh là một nhà cách mạng,

(1) Lãng mạn.

bị bắt vừa được tha, áo quần, sách vở đều bị tịch thu sạch, cả hai tập sách tôi gửi cho anh cũng thế ; chiếc áo dài anh đang mặc là một người bạn cho mượn, vì không có áo lót mà phải mặc áo dài, nên mồ hôi ra nhiều như thế. Tôi nghĩ bụng : có lẽ anh là người mà ông Lâm Măng lần nọ nói rằng "lại bị bắt lần nữa" đây !

Thấy anh được tha, tôi rất lấy làm mừng, liền vội đưa cho anh số tiền nhuận bút để anh có thể mua một chiếc áo lót, nhưng một mặt tôi cũng rất thương xót cho hai tập sách của tôi : "Rơi vào tay bọn cảnh sát thì thật là hòn ngọc quăng vào nơi đen tối". Hai tập sách đó vốn chỉ là loại sách rất xoàng, một tập văn xuôi, một tập thơ, theo lời người dịch ra tiếng Đức, thì chính do ông ta sưu tập lấy, ngay ở Hungari cũng chưa có tập nào đầy đủ như thế, nhưng in ở *Reclam's Universel bibliothek* (Tủ sách phổ thông của nhà xuất bản Reclam), nên ở Đức thì tìm đâu cũng có, giá cũng chưa đến một đồng bạc. Có điều đối với tôi thì rất quý, bởi vì cách đây 30 năm về trước, lúc tôi đang say mê thơ Pêtôfi, tôi đã phải nhờ riêng hiệu sách Hoàn thiện[1] gửi mua ở Đức cho. Hồi bấy giờ có lẽ vì giá sách rẻ quá, nên người đứng bán hàng không dám nhận, nói có vẻ lo lắng lắm. Về sau, có thể nói, đi đâu tôi cũng mang theo bên người, chỉ vì hoàn cảnh thay đổi nên không có ý dịch nữa ; lần này, định tâm giao cho một người thanh niên cũng yêu thơ Pêtôfi như tôi dạo ấy, thì cũng cho đi là mình đã tìm được nơi gửi gắm ! Vì vậy tôi đã hết sức trịnh trọng nhờ Nhu Thạch tự cầm tay đưa đến. Ai ngờ lại có thể rơi vào tay hạng người như bọn "ba que"[2]. Không oan uổng sao !

II

Tôi quyết không dám mời những người gửi bài đăng báo đến tòa soạn, thật ra cũng không phải hoàn toàn vì khiêm tốn, mà có hàm ý tránh những chuyện phiền phức ít nhiều. Theo kinh nghiệm từ trước đến nay, tôi biết các bạn thanh niên, nhất là các bạn thanh niên viết văn, mười người đến chín, cảm giác rất nhạy, lòng tự ái cũng rất mạnh, không cẩn thận một chút là rất dễ sinh ra những chuyện hiểu nhầm, cho nên thường thường thì cố ý tránh

(1) Hiệu sách *Hoàn thiện* : một hiệu sách của người Nhật ở Đông Kinh chuyên bán sách Tây.

(2) Đây chỉ bọn cảnh sát ngoại quốc ở tô giới Thượng Hải đương thời, bọn này lon có ba gạch nên gọi là bọn "ba que".

đi. Gặp nhau còn ngại, bất tất phải nói là dám nhờ cậy điều gì. Nhưng hồi bấy giờ tôi ở Thượng Hải, cũng có một người duy nhất, không những tôi dám cười cười, nói nói tự nhiên với anh ta, mà còn dám nhờ cậy làm đôi chút việc riêng. Đó là Nhu Thạch, người cầm sách đến cho Bạch Mãng.

Tôi gặp Nhu Thạch lần đầu tiên không biết vào hồi nào, và ở đâu. Hình như anh có nói rằng, anh từng dự lớp tôi giảng hồi ở Bắc Kinh, như thế thì vào khoảng tám, chín năm trước đây. Tôi cũng không nhớ đến Thượng Hải vì sao chúng tôi lại lui tới với nhau. Chỉ nhớ hồi đó, anh ở đường Cảnh Vân Lý, cách nhà tôi bốn năm nhà, không biết thế nào mà lại quen nhau. Đại khái lần gặp đầu tiên, anh cho biết anh họ Triệu, tên là Bình Phục. Nhưng anh lại có kể cho nghe rằng, ở quê anh, bọn thân hào hống hách lắm, có một vị thấy tên anh hay hay, muốn lấy tên đó đặt cho con, bắt anh đổi tên khác. Cho nên tôi đoán rằng tên anh vốn là "Bình Phúc", bình ổn và có phúc phận, mới hợp ý vị thân hào nọ, chứ "Phục" thì vị tất ông ta đã thích đến như thế ! Quê anh ở Ninh Hải thuộc Đài Châu. Chỉ xem cái tính cứng cỏi kiểu người Đài Châu của anh thì biết ngay. Anh lại có hơi không thiết thực một tí, có lúc làm tôi sực nhớ đến Phương Hiếu Nhụ[1], phảng phất thấy có nhiều điểm giống.

Anh ngồi ở nhà trọ viết văn, sáng tác cũng có, dịch cũng có. Chúng tôi đi lại với nhau khá lâu, nói chuyện rất là tâm đầu ý hợp... Thế rồi chúng tôi bàn bạc với một số thanh niên khác cùng một chí hướng thành lập nhóm *Triêu hoa*, mục đích giới thiệu văn chương các nước Đông Âu và Bắc Âu, đem vào một số tranh ngoại quốc, bởi vì chúng tôi đều nhận thấy cần phải xây dựng một thứ văn nghệ lành mạnh, chất phác. Tiếp đó, chúng tôi cho in tờ *Triêu hoa tuần san*, in tập *Truyện ngắn của thế giới cận đại*, in tờ *Nghệ uyển triêu hoa* đều theo phương châm đó cả. Trong đó chỉ có tập *Tuyển tập tranh của Lộ Cốc Hồng Nhi* in ra là cốt để tẩy chay nhà "nghệ sĩ" nọ ở Thượng Hải, tức là vạch mặt con hổ giấy Diệp Linh Phượng[2].

Nhưng Nhu Thạch chẳng có một đồng tiền nào trong túi, phải đi vay hai trăm đồng bạc mà in. Ngoài việc mua giấy ra, phần lớn bài vở và công việc linh tinh đều do anh cáng đáng hết, như liên lạc với nhà in, vẽ tranh ảnh, chữa bản in thử. Nhưng thường thường anh không được vừa ý, nói đến là

---

(1) *Phương Hiếu Nhụ* : một nhà văn thời Minh, người Chiết Giang, vì phản đối nhà vua nên bị giết.

(2) *Lộ Cốc Hồng Nhi* : nhà họa sĩ Nhật Bản. *Diệp Linh Phượng* : họa sĩ người Trung Quốc vẽ tranh và bìa sách cho các nhà xuất bản Thượng Hải và mô phỏng các tranh của Lộ Cốc Hồng Nhi.

lại chau mặt chau mày. Đọc tác phẩm cũ của anh, thấy có một không khí rất bi quan, nhưng thực tế anh không phải như vậy, anh tin tưởng con người ta vốn tốt. Có lần tôi nói với anh về chuyện con người có thể lừa lọc nhau, bán rẻ bạn bè, hút máu đồng bào như thế nào, thì vừng trán anh bỗng sáng ra, anh kinh ngạc giương tròn đôi mắt cận thị lên, phản đối, nói : "Lại có thể như thế ư ? Đâu đến nỗi như vậy".

Nhưng chẳng bao lâu, nhóm *Triêu hoa* phải đóng cửa. Tôi không muốn nói rõ nguyên nhân ra ở đây, kết quả là đầu óc mơ mộng theo đuổi lý tưởng của Nhu Thạch đụng vào một cái đinh rất lớn[1]. Bao nhiêu hơi sức cố nhiên là đi đời, lại còn phải đi vay thêm một trăm đồng bạc để trả tiền giấy nữa. Về sau đối với các thuyết "lòng người tráo trở"[2] của tôi, anh bớt hoài nghi đi, có lúc anh cũng than thở nói : "Thực có thể như thế ư ?" Nhưng anh vẫn tin tưởng con người ta vốn tốt.

Thế rồi một mặt anh đem những sách còn lại chia được ở nhóm *Triêu hoa* đưa đến các hiệu sách Minh Nhật thư điếm, Quang Hoa thư cục, hy vọng còn có thể thu được đồng nào chăng, một mặt thì dịch sách bán sống bán chết, lấy tiền trả nợ. Đó là *Tập truyện ngắn Đan Mạch*, và tập truyện dài *Sự nghiệp của Actamônôp* của Gorki bán cho nhà xuất bản Thương vụ ấn thư quán. Nhưng tôi chắc những bản thảo này, có lẽ năm ngoái vì chiến tranh đã cháy mất rồi.

Cái tính không thiết thực của anh dần dần cũng thay đổi. Về sau, anh cũng dám đi ra phố cùng các cô gái, người làng hoặc bạn bè. Có điều hai bên đi cách nhau ít nhất là ba bốn thước[3]. Cái lối này thật không tốt, có lúc tôi đi gặp anh ngoài đường, nếu thấy có một cô trẻ, đẹp đi trước hoặc là đi sau anh hay là đi ngang hàng, cách anh chừng bốn năm thước, thì tôi liền nghi là bạn gái anh. Nhưng đến khi đi với tôi thì anh đi sát cạnh tôi, đỡ dần cho tôi, sợ tôi bị xe hơi hoặc tàu điện cán chết. Còn tôi thì càng lo cho anh cận thị mà lại còn phải chăm sóc người khác, thành ra cả hai người cứ lo lắng cho nhau rồi cứ luống cuống suốt cả quãng đường. Vì thế, nếu không phải là vạn bất đắc dĩ, thì ít khi tôi đi ra phố với anh. Quả thật thấy anh vất vả mà tôi cũng đâm ra vất vả.

Bất cứ theo đạo đức cũ hay đạo đức mới, hễ cái gì lợi cho người khác mà có hại cho mình đi nữa, thì anh chọn ngay tự mình gánh vác lấy.

---

(1) Ý nói bị một vố rất đau, xúi quẩy.
(2) Nguyên văn : *nhân tâm duy nguy*.
(3) Thước Trung Quốc.

Cuối cùng, anh quyết tâm thay đổi. Có lần, anh nói rõ với tôi là từ nay về sau, cần phải thay đổi nội dung và hình thức tác phẩm của anh. Tôi nói : "E khó đấy ! Thí dụ quen sử dụng đao, bây giờ muốn sử dụng côn, thì thế nào được !" Anh trả lời vắn tắt : "Chỉ cần học là được".

Không phải anh nói rồi bỏ đi. Quả thật anh bắt đầu học lại. Hồi bấy giờ anh thường cùng với một người bạn gái đến thăm tôi, tức là nữ sĩ Phùng Khanh. Nói chuyện chơi một lúc, tôi thấy tôi và cô ta không hợp nhau lắm. Tôi nghi là cô ta có hơi romantique[1] làm cái gì cũng muốn làm to. Tôi lại nghi là gần đây Nhu Thạch muốn viết một bộ tiểu thuyết thật dài, có lẽ cũng là theo chủ trương của cô ta. Nhưng tôi lại đâm ra nghi cả tôi nữa, có lẽ cái câu trả lời như đinh đóng cột của Nhu Thạch hôm nọ đã chạm vào cái chủ trương kỳ thực là lười biếng của tôi, như chạm vào một vết thương, do đó mà bất giác tôi giận lây cô ta. Quả thật tôi chẳng hơn gì các nhà văn trẻ, giàu lòng tự ái, thần kinh quá nhạy, điều mà tôi thường e ngại.

Cô ta người gầy yếu, mà cũng không đẹp.

III

Cho mãi đến khi Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả thành lập rồi, tôi mới rõ Bạch Mãng mà tôi quen chính là Ân Phu có thơ đăng trên tờ *Người vỡ hoang*. Một lần trong một cuộc đại hội, tôi đưa cho anh một tập du ký của một nhà báo Mỹ sang thăm Trung Quốc, dịch ra tiếng Đức, chẳng qua là để anh có thể qua bản dịch đó học thêm được ít nhiều tiếng Đức, chứ chẳng có ý gì sâu sắc khác cả. Nhưng anh không đến. Tôi lại nhờ Nhu Thạch đưa hộ.

Không bao lâu, cả hai người cùng bị bắt. Quyển sách của tôi cũng bị tịch thu, rơi vào tay bọn "ba quc".

IV

Nhà xuất bản Minh Nhật thư điếm muốn ra một tờ tạp chí, mời Nhu Thạch làm chủ bút. Anh đồng ý. Nhà xuất bản còn định in sách dịch, sách sáng tác của tôi nữa, nhờ anh lại hỏi tôi cách tính tiền nhuận bút. Tôi liền đem bản giao kèo của tôi ký với nhà xuất bản Bắc Tân thư cục, chép đưa cho anh một bản. Anh nhét vào túi áo, vội vàng đi về. Ấy là vào đêm 16 tháng

(1) Lãng mạn.

giêng năm 1931. Không ngờ lần ấy chúng tôi gặp nhau là lần cuối cùng và cũng là ngày chúng tôi vĩnh quyết.

Hôm sau, anh bị bắt trong một phòng họp, trong túi còn cả bản giao kèo in sách của tôi. Nghe nói vì thế mà nhà chức trách truy nã tôi. Giao kèo in sách rành rành đấy, nhưng tôi không muốn đến thanh minh ở một chỗ ám muội như vậy. Còn nhớ trong tập *Thuyết Nhạc toàn truyện* có kể một vị cao tăng khi thấy bọn sai nha đến cửa chùa định bắt thì ông ta liền "tọa hóa"[1] còn để lại một bài kệ có câu : *"Hà Lập tòng đông lai, Ngã hướng Tây phương tẩu"*[2]. Đó là biện pháp hay nhất mà kẻ nô lệ mơ ước để thoát khỏi bể khổ, bọn "kiếm hiệp" cũng không hy vọng làm được. Tự do tự tại đến thế là cùng ! Tôi không phải là một vị cao tăng, không biết cái tự do của cảnh Niết bàn, lại còn lưu luyến với cuộc đời, cho nên tôi đánh tháo.

Đêm hôm ấy, tôi đốt hết thư từ cũ của bạn bè, cùng vợ mang đứa con nhỏ đến ở một khách sạn. Mấy ngày sau, nghe ở ngoài người ta khảo nhau rằng tôi bị bắt, hoặc bị giết rồi. Còn tin về Như Thạch thì biết rất ít. Có người nói, anh bị cảnh sát giải đến Minh Nhật thư điếm, hỏi có phải là biên tập viên không ; người thì lại nói, anh bị cảnh sát giải đến Bắc Tân thư cục, hỏi có phải anh là Như Thạch không ; tay bị xiềng, đủ thấy tội rất nặng. Nhưng tội gì thì chẳng ai rõ cả.

Khi anh ở trong tù, anh có gửi cho một người làng hai bức thư, tôi có được xem qua. Bức thư thứ nhất như sau :

"Hôm qua tôi với ba mươi lăm đồng phạm (trong đó có bảy chị) cùng bị bắt đến Long Hoa. Và cũng từ đêm qua bị xiềng lại. Chính trị phạm trước nay không bị xiềng, đây bắt đầu một kỷ nguyên mới. Vụ án liên lụy đến nhiều người, tôi sợ khó lòng được thả ngay. Việc đăng nhà xuất bản, nhờ anh thay tôi làm giúp cho. Bây giờ vẫn khỏe. Đang cùng anh Ân Phu học tiếng Đức. Chuyện này nên nói lại với ông Chu[3] *rõ. Mong ông ta chớ lo ngại. Chúng tôi chưa bị tra khảo. Cảnh sát và công an hỏi địa chỉ ông ta mấy lần, nhưng tôi làm sao biết được. Các anh chớ lo ngại. Chúc anh mạnh.*

Ngày 24 tháng Giêng
TRIỆU THIẾU HÙNG

---

(1) *Thuyết Nhạc toàn truyện* có kể chuyện một vị hòa thượng vì phản đối Tần Cối, Tần Cối sai tay sai là Hà Lập đến bắt. Hà Lập đến trước cửa chùa thì vị hòa thượng nọ chết rồi. Hòa thượng trước khi chết ngồi xếp bằng tròn cho nên gọi là *tọa hóa*.

(2) Nghĩa hai câu thơ : *Hà Lập từ đông lại, thì ta đã đi về Tây phương.*

(3) *Ông Chu* : chỉ Lỗ Tấn. Lỗ Tấn tên là Chu Thụ Nhân.

Đó là mặt trước bức thư.

"Cần hai ba chiếc bát sắt ăn cơm.

Nếu không gặp được thì đem đến nhờ chuyển cho Triệu Thiếu Hùng".

Đó là mặt sau.

Tấm tình anh không hề thay đổi. Định học tiếng Đức, lại cố gắng hơn trước. Cũng còn lo lắng cho tôi như khi cùng nhau đi ngoài đường phố dạo nọ. Có điều trong thư có chỗ nói sai. Chính trị phạm mà bị xiềng thì không phải bắt đầu từ các anh ấy. Nhưng trước kia, anh nhìn bọn quan trường cao quá, cho rằng bọn họ là văn minh, bây giờ đối với các anh, bọn họ mới ác nghiệt. Kỳ thực, đâu phải như thế. Quả nhiên bức thư thứ hai khác ngay, lời lẽ rất thê thảm, lại nói cô Phùng Khanh mặt mày sưng húp lên, tiếc điều tôi không chép bức thư ấy lại. Hồi bấy giờ, người ta đồn đại nhiều chuyện lắm. Kẻ thì nói có thể chuộc tội được, kẻ thì nói anh bị giải đi Nam Kinh rồi, chẳng đích xác gì cả. Và thư từ, điện tín gửi đến hỏi tin tức tôi càng ngày càng nhiều, cả bà cụ tôi ở Bắc Kinh cũng lo lắng sinh bệnh. Tôi đành phải trả lời từng cái một để cải chính. Như thế mất khoảng 20 ngày.

Trời càng rét tợn. Tôi không rõ Nhu Thạch ở trong đó có chăn đệm gì không ? Chúng tôi ở đây thì có. Bát sắt ăn cơm chẳng hay đã nhận được chưa ?... Nhưng bỗng nhận được một tin đáng tin cậy nói Nhu Thạch và 23 người khác đã bị bắn ở Bộ Tư lệnh cảnh sát Long Hoa rồi, người anh trúng mười viên đạn.

Thì té ra như thế !...

Một hôm, đêm đã khuya, tôi đứng trong sân khách sạn, xung quanh là những đống đồ đạc hư hỏng người ta vứt bỏ. Ai cũng đã ngủ say..., vợ con tôi cũng thế. Tôi xót xa cảm thấy tôi mất đi những người bạn tốt, Trung Quốc mất đi những người thanh niên tốt. Tôi lặng đi trong nỗi đau thương, uất ức, nhưng theo thói quen, giữa lúc trầm tĩnh như thế, tôi lại ngẩng đầu lên, làm mấy câu thơ :

Quán vu trường dạ quá xuân thì,
Khiết phụ tương sô mẫn hữu ty
Mộng lý y hy từ mẫu lệ,
Thành đầu biến ảo đại vương kỳ.
Nhẫn khan bằng bối thành tân quỷ,
Nỗ hướng đao tùng mịch tiểu thi.
Ngâm bãi đê mi vô tả xứ,
Nguyệt quang như thủy chiếu truy y.

Dịch thơ :

Đêm dài quen sống tuổi xuân qua,
Dắt vợ dìu con tóc nhuốm tơ.
Trong mộng mẹ già mường tượng lệ,
Đầu thành vua chúa đổi thay cờ*.
Nỡ trông bè bạn thành ma mới,
Giận ngắm rừng gươm ứa vận thơ.
Ngâm dứt cúi đầu không chỗ viết,
Ánh trăng đầm áo thấu lòng ta[1].

Nhưng hai câu cuối cùng về sau không đúng. Tôi đã chép bài này tặng một nhà thơ Nhật Bản.

Có điều, ở Trung Quốc, hồi đó thì quả thật không có chỗ đăng. Cấm đoán còn nghiêm ngặt hơn là bưng bít nắp hộp. Tôi còn nhớ Nhu Thạch cuối năm trước có về quê chơi, ở một thời gian, khi trở lên Thượng Hải bị anh em trách. Anh buồn rầu nói với tôi rằng bà cụ anh hai con mắt lòa rồi, muốn anh ở nhà ít ngày, anh làm sao có thể bỏ đi cho đành. Tôi hiểu nỗi lòng quyến luyến của bà mẹ mù lòa ấy, hiểu nỗi lòng quyến luyến của Nhu Thạch. Khi tờ *Bắc Đẩu* ra mắt độc giả, tôi định viết một bài về Nhu Thạch, nhưng không thể viết được, đành chọn một bức tranh khắc gỗ của bà Kathe Kollwitz, nhan đề là *Hy sinh*, vẽ một bà mẹ đau khổ hiến dâng đứa con mình, cho đó là một cách kỷ niệm Nhu Thạch mà chỉ một mình tôi biết.

Trong bốn nhà văn trẻ cùng bị hại, thì Lý Vỹ Sâm tôi chưa hề gặp, Hồ Dã Tần thì cũng chỉ gặp một lần ở Thượng Hải, nói chuyện phiếm vài câu. Quen biết hơn là Bạch Măng tức Ân Phu. Anh từng có gửi thư cho tôi, gửi cả bài đăng báo nữa, nhưng bây giờ tìm chẳng thấy đâu cả, chắc đã đốt đi đêm hôm mười bảy đó rồi. Lúc đó tôi còn chưa biết trong số người bị bắt cũng có cả Bạch Măng. Nhưng tập thơ Pêtôfi ấy thì vẫn còn. Lật qua, chẳng có gì, chỉ cạnh bài *Wahlspruch* (Cách ngôn) có bốn câu dịch viết bằng bút chì :

Sinh mệnh thành bảo quý,
Ái tình giá cánh cao ;
Nhược vị tự do cố,
Nhị giả giai khả phao !

---

* Ý nói bọn quân phiệt thay nhau lên nắm chính quyền.
(1) Khương Hữu Dụng dịch.

Dịch thơ :

Tính mệnh thật quý giá,
Ái tình cũng tuyệt vời.
Nếu vì tự do ấy,
Có thể vứt cả đôi[1].

Lại bên trang thứ hai có viết ba chữ Từ Bồi Căn. Tôi đoán đó là tên thật của anh[2].

V

Ngày này năm trước, tôi trốn ở khách sạn, thì các anh ấy đi ra pháp trường ; ngày này năm ngoái, tôi chạy sang tô giới trong tiếng súng đại bác, thì các anh bị chôn vùi không biết ở nơi đâu ; ngày này năm nay, tôi mới lại trở về ngồi trong căn nhà cũ. Mọi người đều đã ngủ say, vợ con tôi cũng thế. Tôi lại xót xa cảm thấy mất đi những người bạn tốt, Trung Quốc mất đi những người thanh niên tốt. Tôi lặng đi trong nỗi đau thương uất ức. Không ngờ, theo thói quen, giữa lúc trầm tĩnh như thế, tôi lại ngẩng đầu lên, viết mấy dòng trên đây.

Có muốn viết nữa thì bây giờ ở Trung Quốc cũng chưa có chỗ đăng. Hồi trẻ đọc bài *Tư cựu phú*[3] của Hướng Tử Kỳ, rất lấy làm lạ tại sao chỉ lèo tèo mấy hàng, vừa mới mở đầu đã chấm hết. Nhưng bây giờ thì tôi hiểu rồi.

Đây không phải là một người thanh niên viết kỷ niệm một người già, mà trong ba mươi năm nay, mắt tôi đã thấy bao nhiêu máu của thanh niên đổ ra, cứ lớp này lớp khác, ứ đọng lại, tràn ngập cả người tôi làm tôi đến nghẹt thở. Tôi chỉ có thể viết được chừng ấy, gọi là khoét một lỗ nhỏ trong đống bùn để cầm hơi. Đời gì mà lại đến thế này ! Đêm còn dài, đường cũng còn dài, tôi thà quên quách đi, đừng nhắc đến mà hơn. Nhưng tôi biết, nếu không phải tôi thì tương lai nhất định có người nhớ tới họ và nhắc tới họ...

Ngày 7–8 tháng hai

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

---

(1) Khương Hữu Dụng dịch.

(2) *Từ Bồi Căn* : chính là anh Bạch Măng, một quân nhân Quốc dân đảng.

(3) *Hướng Tử Kỳ* : tức Hướng Tú, nhà văn đời Tấn sau khi Kê Khang bị giết, ông làm bài *Tư cựu phú* khóc bạn, bài đó rất ngắn, chừng 160 chữ.

127. VÌ SAO TÔI VIẾT TIỂU THUYẾT*

Vì sao tôi viết tiểu thuyết ? Nguyên nhân đó, trong bài tựa *Gào thét*, đã có nói qua. Ở đây chỉ cần bổ sung một chút, là khi tôi chú ý đến văn học, tình hình khác với bây giờ nhiều lắm : ở Trung Quốc, tiểu thuyết không được kể là văn học, người viết tiểu thuyết cũng nhất định không thể gọi là nhà văn học, cho nên không mấy ai muốn theo con đường đó mà ra mắt với đời. Tôi cũng không có ý định đưa tiểu thuyết vào "văn uyển", chẳng qua muốn lợi dụng sức mạnh của nó để cải tạo xã hội mà thôi.

Nhưng cũng không phải tự mình nghĩ đến chuyện sáng tác, trái lại tôi chỉ chú trọng giới thiệu, dịch thuật, đặc biệt là truyện ngắn, nhất là tác phẩm của những nhà văn thuộc các dân tộc bị áp bức. Bởi vì hồi đó đang thịnh hành thuyết bài Mãn, có một số thanh niên lấy những nhà văn gào thét và phản kháng ấy làm đồng điệu. Cho nên những loại sách *Phương pháp viết tiểu thuyết*, tôi chưa hề đọc cuốn nào, nhưng tôi đã đọc khá nhiều truyện ngắn, phần nhỏ là vì mình thích xem, phần lớn là vì sưu tầm tài liệu để giới thiệu. Tôi cũng có xem văn học sử và văn phê bình, là vì muốn biết tư cách làm người và tư tưởng của tác giả, để quyết định xem có nên giới thiệu với độc giả Trung Quốc hay không. Tuyệt nhiên không liên quan gì với học vấn cả.

Bởi vì những tác phẩm mình tìm là những tác phẩm gào thét và phản kháng, thế tất tôi phải thiên về Đông Âu, do đó tác phẩm của những nhà văn Nga, Ba Lan và các nước nhỏ vùng Bancăng là xem nhiều nhất. Tôi cũng có nhiệt tình với các tác phẩm Ấn Độ, Ai Cập, nhưng không tìm ra. Còn nhớ hồi đó tác giả tôi thích xem nhất là Gôgôn (N. Gogol), người Nga

---

* Bài này in lần đầu trong cuốn *Kinh nghiệm sáng tác* do nhà xuất bản Thiên Mã thư điếm xuất bản, tháng 6 năm 1933.

và Xienkiêvit[1], người Ba Lan. Người Nhật Bản thì Hạ Mục Thấu Thạch và Sâm Âu Ngoại[2].

Sau khi về nước, tôi bận việc nhà trường[3], không còn thì giờ xem tiểu thuyết nữa, như thế có năm sáu năm. Vì sao lại bắt tay vào viết ? Điều này cũng đã nói trong bài tựa *Gào thét*, không cần nói nữa. Nhưng tôi viết tiểu thuyết cũng không phải là tự cho mình có tài viết tiểu thuyết, chỉ vì hồi đó tôi trọ ở hội quán ở Bắc Kinh, muốn viết bình luận thì không có sách mà tham khảo, muốn dịch không có sách mà dịch, nên đành phải viết cái giống như tiểu thuyết cho tắc trách. Đó là thiên *Nhật ký người điên*. Đại để chỉ dựa vào gần trăm tác phẩm ngoại quốc đã xem trước kia và một ít tri thức về y học, ngoài ra không có chuẩn bị gì khác.

Nhưng người biên tập *Tân thanh niên* cứ đến thúc lần này lượt khác, thúc mấy lần thì tôi lại viết một thiên. Ở đây tôi phải nhắc đến ông Trần Độc Tú, ông là một trong những người thôi thúc tôi viết tiểu thuyết hăng nhất.

Tất nhiên, viết tiểu thuyết cũng không khỏi tự mình có ít chủ quan. Thí dụ, "vì cái gì" mà viết tiểu thuyết, thì phải nói là tôi vẫn ôm cái "chủ nghĩa khải mông" hơn mười năm về trước, cho rằng cần phải "vì nhân sinh", và lại phải cải tạo cái nhân sinh đó. Tôi rất ghét danh từ "nhàn thư" trước kia người ta dùng để gọi tiểu thuyết, hơn nữa tôi cho danh từ "nghệ thuật vị nghệ thuật" chẳng qua chỉ là một tên kiểu mới thay cho danh từ "tiêu nhàn" mà thôi. Cho nên mỗi khi chọn đề tài, tôi đều chọn những người bất hạnh trong xã hội bệnh tật, với mục đích là lôi hết bệnh tật của họ ra, làm cho mọi người chú ý tìm cách chạy chữa. Cho nên tôi hết sức tránh hành văn lôi thôi, nếu thấy đủ truyền đạt ý tứ của mình cho kẻ khác rồi thì thôi, không cần thêm thắt, kéo dài nữa. Tuồng cũ Trung Quốc không có bối cảnh, trên tờ giấy hoa năm mới mua cho trẻ con xem, chỉ có vài người chủ yếu (nhưng giấy hoa bây giờ thì phần lớn đã có bối cảnh rồi), tôi tin sâu sắc rằng, với mục đích của tôi, phương pháp đó rất thích hợp, cho nên tôi không tả gió trăng, đối thoại cũng quyết không kéo dài.

Viết xong, thế nào tôi cũng xem lại hai lần, tự mình thấy trúc trắc thì thêm bớt mấy chữ, nhất định phải đọc cho trơn. Không có cách nói thông

---

(1) *Henrik Sienkiewitz* (1846 – 1916) : nhà tiểu thuyết Ba Lan, kiêm nhà báo, thời Đại chiến thế giới lần thứ nhất, ông ta đi khắp nơi vận động cứu nước. Sở trường về tiểu thuyết lịch sử. Tác giả cuốn *Quo Vadis ?* (Đi đâu ?).

(2) *Hạ Mục Thấu Thạch* (1867 – 1916) : tức Natsume Soseki.
Sâm Âu Ngoại (1862 – 1922) : tức Mori Ogai.

(3) Lỗ Tấn về nước năm 1909, lần lượt dạy học ở Thiệu Hưng, Chiết Giang.

thường thích hợp, thì tôi đưa cách nói cổ vào, mong có người hiểu. Những chữ, những câu chỉ có một mình mình hiểu hoặc đến mình cũng không hiểu nốt, thì tôi không dùng. Điểm này, trong bấy nhiêu nhà phê bình, chỉ có một người nhìn thấy, nhưng ông ta lại gọi tôi là *stylist*[1].

Việc tôi tả đại để là những cái tôi từng trông thấy hoặc nghe thấy ít nhiều, nhưng tôi quyết không dùng hoàn toàn sự thực đó, chỉ chọn một ít, rồi thay đổi đi, hoặc phát triển thêm, cho đến khi có thể gần như hoàn toàn diễn đạt được ý định của tôi mới thôi. Người mẫu nhân vật cũng như thế. Không chuyên dùng một người nào, thường thường miệng ở Chiết Giang, mặt ở Bắc Kinh, áo quần ở Sơn Tây, đó là một vai trò chắp vá. Có người nói, truyện này của tôi chửi ai, truyện kia chửi ai, là hoàn toàn nói tầm bậy.

Có điều cách viết như thế cũng có chỗ khó, tức là làm cho người ta khó lòng dừng bút. Cứ viết một mạch, nhân vật đó dần dần hoạt động lên, làm tròn nhiệm vụ của nó. Nếu có việc gì làm cho tư tưởng mình không tập trung đến phá rối, phải bỏ đấy lâu mới viết lại, thì tính cách có thể đổi khác, tình cảnh cũng có thể không giống với cái mình dự đoán lúc đầu. Thí dụ như khi tôi viết truyện *Núi Bất Chu*[2], nguyên là định tả sự phát động và sự sáng tạo của tính, cho đến khi nó suy vong, nhưng nửa chừng xem báo, thấy bài của một nhà phê bình thuộc phái đạo học công kích thơ tình yêu, trong bụng không cho là phải. Thế là trong thiên truyện liền có một nhân vật tí hon chạy vào giữa hai chân bà Nữ Oa. Cái đó không những không cần thiết, mà lại phá hỏng cái kết cấu to lớn lúc đầu. Nhưng những chỗ đó, trừ tôi, đại khái không ai cảm thấy. Nhà phê bình lớn của chúng ta là ông Thành Phương Ngô[3] còn cho là thiên truyện đó viết xuất sắc nhất.

Tôi nghĩ, nếu chuyên dùng một người làm nòng cốt, thì có thể tránh được cái tệ hại đó, nhưng tôi chưa thử lần nào.

Không nhớ ai nói nữa, đại khái là, muốn vẽ đặc điểm một con người mà hết sức tiết kiệm đường nét, thì hay nhất là vẽ hai con mắt. Tôi cho rất đúng. Nếu vẽ cả bộ tóc, thì dù tinh tế như thật, cũng chẳng có ý nghĩa gì. Tôi thường học theo phương pháp đó, tiếc rằng học chưa ra trò.

---

(1) *Stylist* : tiếng Anh, là một người thích trau chuốt hành văn của mình. Chưa rõ ai nói.

(2) Tức là truyện *Vá trời* trong tập ***Chuyện cũ viết lại***, Trương Chính dịch, NXB Văn hóa xuất bản năm 1960.

(3) *Thành Phương Ngô* : một phần tử trung kiên của nhóm *Sáng tạo* thời Ngũ Tứ. Lúc Lỗ Tấn xuất bản cuốn ***Gào thét***, ông có viết bài chê những truyện *Nhật ký người điên, Khổng Ất Kỷ, Thuốc, Ngày mai, AQ chính truyện* là "tự nhiên chủ nghĩa", là "hời hợt", "dung tục". Nhưng lại khen *Bất Chu sơn* (tức *Vá trời*) là "kiệt tác", "mặc dù có chỗ chưa làm cho người ta thỏa mãn lắm".

Chỗ có thể bỏ bớt được, tôi quyết không cố thêm vào, khi viết không ra, tôi cũng quyết không cố mà viết, nhưng như thế là vì hồi bấy giờ tôi có món thu nhập khác[1], chứ không trông vào bán văn mà sống, không thể đưa ra làm lệ chung được.

Còn có một điểm nữa, là khi viết, tôi nhất luật không đếm xỉa đến các lời phê bình. Bởi vì hồi đó, giới sáng tác Trung Quốc còn non nớt, giới phê bình càng non nớt hơn, không tâng bốc lên tận trời xanh thì chôn vùi xuống đất đen, nếu lấy làm điều thì sẽ tự cho mình là xuất chúng, hoặc cảm thấy không tự sát đi thì không đủ để tạ thiên hạ ! Phê bình thì phải chỗ dở nói dở, chỗ hay nói hay, mới có ích cho tác giả.

Nhưng tôi thường xem văn phê bình nước ngoài, bởi vì họ đối với tôi không có ân oán, đố kỵ, tuy phê bình tác phẩm người khác, nhưng lại có rất nhiều chỗ có thể mượn làm gương. Tất nhiên, đồng thời nhất định tôi cũng chú ý xem nhà phê bình đó thuộc về phái nào.

Trở lên là chuyện mười năm trước, từ đó về sau không sáng tác gì nữa, cũng chẳng có tương lai, người biên tập muốn tôi viết một bài loại này[2], thì làm sao viết được. Cứ bạ đâu viết đấy, chỉ như thế mà thôi.

Dưới đèn, mồng năm tháng 3

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

---

(1) Vào khoảng năm 1918, Lỗ Tấn làm ở Bộ Giáo dục Bắc Kinh.

(2) Tức là loại *Kinh nghiệm sáng tác*.

128. TỰA VIẾT CHO *THỦ THƯỜNG TOÀN TẬP*[*]

Tôi gặp ông Thủ Thường[1] lần đầu tiên là trong buổi họp do ông Độc Tú mời đến thảo luận về việc xuất bản tạp chí *Tân thanh niên*. Như thế cũng cứ cho là quen biết đi. Không rõ hồi đó ông đã là một người cộng sản hay chưa. Tóm lại là ông để lại cho tôi một ấn tượng rất tốt : thành thực, khiêm tốn, hòa nhã, ít nói. Trong những người cộng tác với *Tân thanh niên*, tuy cũng có những kẻ thích cạnh tranh công khai hoặc lén lút để gây thế lực cho mình, nhưng ông từ trước đến sau tuyệt nhiên không như thế.

Dáng người ông thật khó hình dung cho ra, có vẻ nho nhã, có vẻ chất phác, cũng có vẻ phàm tục. Cho nên, giống văn sĩ, cũng giống quan lại, và cũng ít nhiều giống người buôn bán. Kiểu người buôn bán này, tôi ở miền Nam không thấy, nhưng Bắc Kinh thì có, chủ hiệu sách cũ hoặc hiệu bán giấy. Ngày 18 tháng 3 năm 1926, lần bọn Đoàn Kỳ Thụy bắn giết học sinh tay không đưa kiến nghị ông cũng đứng lẫn lộn trong quần chúng, bị một tên lính bắt, hỏi là hạng người nào. Trả lời là : "buôn bán". Tên lính nói : "Thế thì đến đây làm gì ? Cút đi !", và đẩy ra. Cũng kể là thoát chết.

Nếu nói là giáo viên thì lúc đó mất mạng rồi !

Nhưng đến năm sau, ông bị bọn Trương Tác Lâm giết hại[2].

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Tiếng sóng*, ngày 19 tháng 8 năm 1933.

(1) *Thủ Thường* : tức Lý Đại Chiêu (1888 – 1927). Năm 1907, học Khoa Kinh tế chính trị ở trường Pháp chính Bắc Dương (Thiên Tân). Năm 1913, du học Nhật. Năm 1916 về nước, làm chủ bút tờ *Thần báo* ở Bắc Kinh. Sau cách mạng tháng Mười, trở thành một người mácxít và bước đầu có tư tưởng cộng sản. Thời Ngũ Tứ, ông là một người tổ chức và lãnh đạo phong trào. Năm 1921, ông là một trong những người sáng lập Đảng cộng sản Trung Quốc, rồi được bầu làm ủy viên Trung ương, phụ trách lãnh đạo tổ chức Đảng ở miền Bắc, trực tiếp tham gia các cuộc tranh đấu bãi công, biểu tình thị uy chống đế quốc, quân phiệt hồi đó. Mồng 6 tháng 4 năm 1927, bị tên quân phiệt Trương Tác Lâm bắt, và anh dũng hy sinh ngày 28 tháng 4 năm đó.

(2) Ngày 6 tháng 4 năm 1927, Trương Tác Lâm, thủ lĩnh quân phiệt Phụng Thiên bắt đồng chí Lý Đại Chiêu, nói là "nguy hại cho Dân Quốc". Ngày 28 tháng 8 thì giết ở Bắc Kinh.

Tướng quân họ Đoàn giết chết bốn mươi hai người, trong đó có mấy người học sinh của tôi, quả thật tôi thấy đau xót lắm ; tướng quân họ Trương giết chết đâu hơn mười người, không có con số ghi chép trong tay, không nói rõ được, nhưng tôi chỉ quen có mỗi ông Thủ Thường. Tôi ở Hạ Môn, từ khi biết tin này thỉnh thoảng trước mắt lại hiện lên khuôn mặt bầu bầu, hai con mắt lá răm và bộ râu, chiếc áo dài vải xanh, chiếc áo khoác đen, trong đó lại thấp thoáng thấy cái giá treo cổ. Đau xót thì cũng có đau xót ít nhiều, nhưng không bằng trước kia. Đây là một thiên kiến của tôi xưa nay : thấy người cùng lứa tuổi chết thì không thương bằng thấy thanh niên chết.

Lần này nghe nói ở Bắc Bình công nhiên cử hành lễ an táng[1], tính ra từ lúc bị hại đến nay đã bảy năm rồi. Việc đó rất nên. Tôi không rõ hồi đó ông bị bọn tướng quân buộc cho tội gì, đại khái cũng không ngoài "nguy hại đến Dân Quốc" chăng. Nhưng chỉ trong thời gian ngắn ngủi bảy năm nay, sự thực chứng minh một cách đanh thép rằng kẻ cắt đứt bốn tỉnh của Dân Quốc không phải là Lý Đại Chiêu, mà lại là vị tướng quân đã giết hại ông.

Thế thì công nhiên tổ chức lễ an táng ông là nên lắm. Nhưng trên báo chí, tôi lại thấy tin nhà đương cục Bắc Bình cấm không được làm lễ dọc đường và bắt bớ những người đưa đám. Tôi cũng không rõ vì sao, có lẽ lần này là "phương hại trị an" chăng. Nếu quả như thế thì cái phản chứng đanh thép thật đã đến nhanh lắm. Hãy xem, kẻ làm phương hại trị an của Bắc Bình là lính Nhật hay là nhân dân !

Máu của người tiên phong cách mạng bây giờ không còn hiếm nữa. Chỉ lấy tôi đây mà nói, bảy năm trước, vì mấy người, tôi đã viết khá nhiều bài bình luận kịch liệt, nhưng chẳng đi đến đâu cả, về sau nghe quen chuyện tra điện, bắn, chém, ám sát, thần kinh dần dần tê dại đi, không sợ nữa, mà cũng không có gì nói nữa. Tôi nghĩ, người đi xem bêu đầu thị chúng "đông như kiến" theo kiểu các báo đưa tin, e vị tất họ đã thấy kích thích như xem thi hoa, rước đèn. Máu chảy nhiều quá rồi.

Có điều, ngoài máu nóng ra, ông Thủ Thường còn để lại một ít văn chương. Không may, đối với văn chương của ông, tôi không biết nói gì, bởi

---

(1) Tháng 4 năm 1933, nhân dân Bắc Kinh dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Trung Quốc đã cử hành lễ an táng đồng chí Lý Đại Chiêu. Quần chúng và học sinh cầm vòng hoa, câu đối làm lễ dọc đường. Cảnh sát và đặc vụ Quốc dân đảng lấy cớ là "phương hại trị an" cấm quần chúng không cho đi theo linh cữu, lại nã súng bắn. Nhiều người bị thương, hơn 40 người bị bắt tại chỗ.

vì chúng tôi mỗi người làm một nghề, thời *Tân thanh niên*, tuy tôi xem ông như người bạn cùng đứng trên một chiến tuyến, nhưng lại ít để ý đến những bài ông viết, cũng như ky binh thì bất tất phải chú ý việc làm cầu, pháo binh không cần phải để tâm đến việc cưỡi ngựa, hồi đó tôi cho như thế là đúng. Cho nên bây giờ chỉ có thể nói như thế này : một là, lý luận của ông nay xem đương nhiên vị tất đã là tinh tế, thỏa đáng ; hai là tuy vậy, văn chương của ông sẽ còn mãi, bởi vì đây là di sản của người tiên phong, là tấm bia trên lịch sử cách mạng. Chẳng phải là từng đống sách của tất cả bọn bịp bợm đang sống và đã chết đều trúc nhào rồi đó sao, ngay nhà buôn[1] mà cũng "không kể cái vốn, khó khăn mới tích lũy được" mười phần chỉ lấy lại ba thôi ? Lấy những sự thực đanh thép trong quá khứ và hiện tại để dự đoán tương lai thì rõ như ban ngày.

Đêm 29 tháng 5 năm 1933

LỖ TẤN

Bài này do ông T báo tôi viết, tập đó sẽ do Nhà xuất bản G có quan hệ với ông ta, xuất bản. Vì tình bạn, tôi không thể từ chối được, đành viết chừng ấy, không bao lâu thì đăng trên tờ Tiếng sóng. *Nhưng về sau, nghe nói, người có quyền về tập di thảo này lại giao cho Nhà xuất bản C in, đến nay vẫn chưa xuất bản, có lẽ tạm thời chưa xuất bản được chăng, tôi tuy cũng hối hận đã hăng hái viết* Tựa, *nhưng vẫn muốn đưa vào tập này của mình, lưu lại làm một cái công án.*

Ghi thêm, đêm 31 tháng 12

(Tập ***Nam xoang Bắc điệu***)

(1) Chỉ các nhà xuất bản, bán hạ giá.

129. "MỘT NĂM *LUẬN NGỮ*"

Nhân tiện lại nói đến Becna So (Bernard Shaw)

Nói là *Luận ngữ* đã xuất bản được một năm, ông Lâm Ngữ Đường[1] bảo tôi viết bài kỷ niệm. Thật giống như cho cái đầu đề *"Học nhi nhất chương"*[2] bắt làm một bài văn bát cổ bằng bạch thoại. Không còn cách nào, tôi đành cứ làm vậy.

Nói thật nhé, những cái mà ông ta nêu lên, thường thường tôi phản đối. Trước kia, chuyện "phe pơlê" [3], bây giờ đây là chuyện "umua"[4]. Tôi không thích "umua", và cho rằng đó là cái trò mà dân nước nào thích hội nghị bàn tròn mới chơi ; ở Trung Quốc thì muốn dịch ý cũng không dịch nổi. Chúng ta có Đường Bá Hổ, có Từ Văn Trường, lại có Kim Thánh Thán[5] rất nổi

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Luận ngữ*, ngày 16 tháng 9 năm 1933. Về Bernard Shaw, trong tập này, Lỗ Tấn có viết ba bài, khi nhà văn Anh sang thăm Trung quốc. Chúng tôi không dịch.

(1) Lâm Ngữ Đường (1895 - 1976) : vốn tên là Hòa Lạc, Ngọc Đường, từng dùng các bút danh Mao Lư, Tế Dư, Tế Ngã, Khải Thanh..., người tỉnh Phúc Kiến . Năm 1916, tốt nghiệp Đại học văn khoa ở Thượng Hải. 1919, đi du học ở Mỹ rồi chuyển sang Đức, đã được nhận bằng thạc sĩ văn học và tiến sĩ ngữ ngôn học. 1924, tham gia *Ngữ ti xã* ; tháng 9 năm 1932, sáng lập và làm chủ biên tạp chí *Luận ngữ*. Tạp chí này cùng với các báo tiếp tục ra ngay sau đó và cũng do Lâm Ngữ Đường chủ trì như *Nhân gian thế*, *Vũ trụ phong*, là đại biểu cho xu hướng tư tưởng của phái *Luận ngữ*. Lỗ Tấn có viết bài cho tạp chí *Luận ngữ* nhưng không tán thành khuynh hướng chung của phái *Luận Ngữ* là chủ trương văn học "không nói chính trị", văn học phải "lấy cái tôi làm trung tâm, lấy cái nhàn tản làm cách điệu"... Lâm Ngữ Đường mất tại Hồng Kông năm 1976. Ông là một học giả có khá nhiều đóng góp về mặt học thuật nhưng quan điểm về văn học có những điểm sai đã từng bị Lỗ Tấn phê phán.

(2) *Một năm luận ngữ* : nguyên văn là *Luận ngữ nhất niên*, do đó Lỗ Tấn mới nói giống đầu đề *"Học nhi nhất chương"* (một chương Học nhi). *Học nhi* là một chương trong sách *Luận ngữ*.

(3) Xem *"Hằng khoan phe pơlê đã"* trong tập ***Nấm mồ.***

(4) *Umua* dịch âm chữ Anh "humour" (nghĩa là hài hước).

(5) *Kim Thánh Thán* : tên là Nhân Thụy, một nhà văn cuối Minh đầu Thanh. Nhà Minh mất, ông không thi tiến sĩ, ở nhà đọc sách, làm văn. Người đời cho là cuồng ngạo, có kỳ khí, sau bị chém. Trong cuốn *Liễu Nam tùy bút* của Vương Ứng Quê có kể chuyện ông như sau : Cuối đời Thuận Trị (Thanh), hoàng đế ra chiếu đi Giang Tô. Các quan từ tuần vũ trở xuống đều đến phủ đường đón. Chư sinh nhân dịp đó công kích huyện lệnh huyện Ngô. Năm người bị bắt. Hôm sau chư sinh tụ tập ở văn miếu khóc. Mười ba người khác lại bị bắt, buộc tội là bất kính, trong đó có Thánh Thán. Những người này đều bị tội chém. Lúc lâm hình, Thánh Thán than rằng : "Chặt đầu, đau lắm, bị tịch thu tài sản, thảm lắm. Không ngờ Thánh Thán lại được như thế. Lạ thật !". Rồi cười, chịu tội.

tiếng, "Chặt đầu, đau lắm, Thánh Thán không ngờ lại được như thế. Lạ thật !". Tuy không biết đó là nói thật hay nói đùa, chuyện thật hay chuyện bịa, nhưng tóm lại : một là nó thanh minh Thánh Thán không phải người làm phản, chống lại triều đình, hai là, đưa sự tàn bạo của bọn đồ tể ra làm cho người ta bật cười, thế là hòa cả làng. Chúng ta chỉ có cái trò đó, không có dây mơ rễ muống gì với "umua" cả.

Huống hồ tên tuổi nhà văn thì hàng tràng, mà kẻ cầm bút viết thì lơ thơ mấy người, đó là lẽ cũ của Trung Quốc. Trong cái chế độ lễ phép này mà mỗi tháng phải tìm chuyện "umua" nói cho đầy hai số, không khỏi đã có ít nhiều ý vị "umua" rồi. Cái ý vị đó khiến cho người ta bi quan, huống chi tôi đã không thích, cho nên tôi không nhiệt tình với *Luận ngữ* lắm.

Nhưng "Số đặc biệt về Becna So"[1] thì khá. Nó đăng những bài mà các báo khác không chịu đăng, vạch những lời nói mà các báo khác cố ý xuyên tạc, đến nay vẫn làm cho bọn danh sĩ bất bình, bọn quan nhỏ oán giận, ngay lúc ăn lúc ngủ cũng còn sực nhớ đến. Ghét lâu, nhiều người ghét, đó là bằng chứng cho ta biết hiệu lực của nó lớn.

Sêcxpia mặc dù là "Thánh kịch", nhưng chúng ta không mấy ai nhắc tới. Thời Ngũ Tứ giới thiệu Ibsen, tiếng tăm hãy còn, năm nay giới thiệu Becna So, thì lại xúi quẩy. Đến bây giờ còn có người bụng tức anh ách.

Vì ông ta cười hì hì, mà không phân biệt được cười gằn, cười ác hay cười vui nữa phải không ? Không phải. Vì trong tiếng cười của ông ta có gai chọc vào chỗ đau của người ta phải không ? Cũng không hoàn toàn như thế ? Lêuytôp (?) nói rất rõ : bởi vì Ibsen là một cái dấu hỏi (?) vĩ đại, mà Becna So là một cái dấu than (!) vĩ đại[2].

Không cần phải nói khán giả của họ phần lớn là các ông trí thức và các bà thục nữ. Các ông trí thức và các bà thục nữ là hạng người hết sức tự ái. Ibsen tuy đưa họ lên sân khấu, tuy cũng vạch ra một ít khuyết điểm của họ, nhưng không kết luận, cứ ung dung nói : "Các ngài hãy nghĩ xem, đó là cái gì ? " Cái vẻ tôn nghiêm của các ông tri thức, các bà thục nữ quả cũng có phần lung lay, nhưng cuối cùng ông ta vẫn còn để cho họ có thì giờ lững thững rút lui, về nhà suy nghĩ, cũng tức là còn giữ thể diện cho họ. Còn như về nhà, có nghĩ hay không nghĩ thế nào, thì cái đó không thành vấn đề, cho nên khi ông ta được giới thiệu sang Trung Quốc, thì bình yên lắm, người phản đối ít hơn người tán thành. Becna So thì không như thế. Ông ta đưa

---

(1) *Luận ngữ* có ra một "Số đặc biệt Becna So sang thăm Trung Quốc" ra ngày 1 tháng 3 năm 1933.

(2) Câu này lấy trong bài *Kịch của Becna So* của nhà văn Liên Xô do Cù Thu Bạch dịch.

họ lên sân khấu, lột mặt nạ họ ra, lột hết áo quần, còn xách tai, chỉ với mọi người nói : "Xem đây ! đây là sâu bọ!" không để cho người ta một chút thì giờ để thảo luận, tìm cách che giấu. Lúc đó chỉ những người hạ đẳng không có những bệnh tật ông ta chỉ trích mới cười được. Về điểm đó, Becna So gần người hạ đẳng, và cũng xa người thượng đẳng.

Như thế thì làm thế nào ? Vẫn có phương pháp cũ. Tức là : mọi người nhao nhao nói rằng ông ta giàu, nói rằng ông ta giả vờ, nói rằng ông ta là "danh lưu", nói rằng ông ta "giảo hoạt", ít ra cũng chẳng khác gì chúng mình, hoặc giả còn tệ hơn nữa. Mình là sâu sống trong cái hố xí nhỏ, thì ông ta là sâu bò ra khỏi cái hố xí to, cũng là sâu cả, người giới thiệu hồ đồ, mà người ca tụng đáng ghét. Thế nhưng, tôi nghĩ, giả thử Becna So cũng là một con sâu, thì vẫn là một con sâu vĩ đại, cũng giống như cùng nhiều dấu than, nhưng chỉ có ông ta là một cái dấu than vĩ đại. Thí dụ có một đống sâu ở đây, cứ bò lúp ngúp, tự cho là trí thức, thục nữ, văn nhân, học sĩ, danh hoạn, cao nhân, gật đầu với nhau, ung dung chào mời nhau, thiên hạ thái bình, như thế là toàn thể không ai hơn ai kém, đều là những con sâu bình thường. Nhưng, nếu có một con bỗng nhảy ra, hét lên một tiếng : "Đây kỳ thực toàn là sâu bọ!", thế thì tất nhiên, nó cũng là con sâu từ trong nhà xí bò ra, nhưng chúng ta không thể không thừa nhận đó là một con sâu vĩ đại đặc biệt.

Sâu cũng có con to, con nhỏ, có con tốt, con xấu.

Sinh vật đang tiến hóa, Đacuyn chỉ ra điều đó, và cho ta biết thủy tổ chúng ta bà con với vượn. Nhưng phương pháp của nhà trí thức hồi bấy giờ với ngày nay giống nhau như đúc, họ quay lại nói Đacuyn là con cháu vượn. Thí nghiệm "sinh vật tự nhiên phát sinh" của bác sĩ La Quảng Đình trường Đại học Trung Sơn, Quảng Đông, còn chưa thành công, chúng ta hãy tạm thừa nhận loài người là bà con với vượn đã, mặc dù không lấy gì làm vinh dự lắm. Nhưng, cũng là bà con với vượn cả, không thể không nói Đacuyn là vĩ đại. Lý do đó rất đơn giản, bình thường, bởi vì ông tự cho là dòng dõi bà con với vượn, không kiêng kỵ, chỉ rõ loài người là bà con với vượn.

Bà con với vượn cũng có người to, người nhỏ, có người xấu, người tốt.

Nhưng Đacuyn có tài nghiên cứu, lại không có tài chửi, cho nên bị các ông trí thức chê cười gần nửa đời người. Người đấu tranh cho ông là Huxlây, tự xưng là "con chó của Đacuyn". Ông ta đem học thức uyên bác, văn chương sắc bén của ông ta ra dương đông kích tây, đánh phá cái đồn lũy cuối cùng của những người tự xưng là con cháu Adam và Evơ. Bây giờ gọi người ta

là chó, đã thành cái "mốt" rồi, cũng không thể là một câu chửi độc, nhưng dù là chó, cũng kể vơ đũa cả nắm, có con ăn thịt, có con kéo xe trượt tuyết, có con thám thính cho quân đội, có con giúp cảnh sát bắt người, có con chạy đua ở Trương Viên[1], có con theo hành khất đi ăn xin. So sánh con chó bông mua vui cho kẻ giàu sang với con chó cứu người trong tuyết, thì thế nào ? Như Huxlây thì đó là một con chó tốt, có công với người đời.

Chó cũng có con to, con nhỏ, có con tốt, con xấu.

Nhưng cần phải biết rằng, trước hết nên phân biệt "giữa cái đùa với cái thật trong "umua" (lời Lâm Ngữ Đường). Không phân biệt cái đùa với cái thật, thì làm sao biết được "giữa" ? Chúng ta tuy tự xưng là môn đồ của Khổng Tử, nhưng lại là đệ tử ngoan ngoãn của Trang Sinh. "Đằng ấy cũng có cái đúng cái sai, đằng này cũng có cái đúng cái sai"[2], không muốn phân biệt đúng, sai. "Không rõ Trang Chu nằm mộng hóa bướm hay bướm nằm mộng hóa Trang Chu"[3], không phân biệt mộng hay tỉnh. Cuộc sống sẽ hỗn độn. Nếu đục bảy khiếu đi thì thế nào ? Trang Tử nói : "Bảy ngày hỗn độn mà chết"[4].

Như thế làm sao dung được dấu than ?

Mà cũng không dung được tiếng cười. Các ông thầy đồ xưa nay không cho phép trẻ em giận, buồn, cũng không cho các em cao hứng. Hoàng đế không muốn cười, nô lệ không được cười. Họ biết cười thì sợ họ cũng biết khóc, biết giận và sẽ làm loạn. Càng huống chi, ngồi vẫn có thể thu tiền nhuận bút, mà trong một năm lại "chỉ nghe những lời xôn xao oán giận, và những lời khắc bạc, độc ác ?".

Như thế đủ thấy ở Trung Quốc không thể có "umua" được. Và như thế cũng đủ thấy, đối với *Luận ngữ*, tôi bi quan chẳng phải vì thần kinh quá nhạy. Có tiền nhuận bút mà còn như thế, thì làm sao có thể hy vọng những người ở chỗ tạc đạn đầy trời, nước sông tràn ruộng, mà nói "umua" ư ? Sợ đến "tiếng xôn xao oán giận" cũng không có, "thịnh thế nguyên âm"[5] tất nhiên càng không có. Sau này, trên hội nghị bàn tròn có lẽ có người dự, nhưng là khách, giữa chủ và khách, không cần đến "umua". Thánh Găngđi

---

(1) *Trương Viên* : vườn hoa của nhà họ Trương ở Thượng Hải, sau mở rộng thành vườn hoa công cộng. Đương thời ở Thượng Hải có mấy chỗ đua chó chạy thi là Dật Viên, Thân Viên, Minh Viên, Trương Viên...

(2) *Bỉ diệc nhất thị phi, thử diệc nhất thị phi* (xem *Trang Tử*, thiên *Tề vật luận*).

(3) Câu này cũng ở sách *Trang tử*, thiên *Tề vật luận*.

(4) Xem thiên *Ưng Đế Vương*.

(5) Tiếng nói lúc thịnh vượng

lần này lượt khác không chịu ăn, trên báo của ông chủ đã có nói là nên lấy roi đánh rồi.

Như thế đủ thấy ở Ấn Độ cũng không có "umua". Becna So là người lấy roi quất mạnh nhất vào bọn chủ kia, mà các ông trí thức, các bà thục nữ của Trung Quốc chúng ta thì lại ghét ông ta. Đó là điều Becna So"không ngờ lại được. Lạ thật !". Nhưng cũng chính là đã viết được bài văn hay, kiểu "Hiếu kinh"[1] đó là cái hiếu của "bậc đại sĩ phu vậy !".

Trung dung, Đại học đều đã được xuất bản lại. *Hiếu kinh* nhất định cũng sẽ ra. Có điều, ngoài ra nên có bộ *Tả truyện* nữa. Thời buổi này, *Luận ngữ* làm sao ra được mãi. Hai mươi lăm số, đã phải kể là "không vui lắm sao"[2] rồi !

23 tháng 8

(1) *Hiếu kinh* : cuốn sách ghi những lời Khổng Tử bàn với Tăng Tử về chữ *hiếu*.
(2) Nguyên văn : *"bất diệc lạc hồ"*, chữ trong *Luận ngữ*.

130. TỰA

(tập *Viết tự do giả*)

Tập sách nhỏ này là những bài tạp cảm gửi đăng mục *Nói tự do* trên tờ *Thân báo*[1], từ cuối tháng giêng đến giữa tháng năm năm nay.

Sau khi đến Thượng Hải, tôi vẫn thường xem báo hàng ngày, nhưng không hề gửi bài, cũng không hề nghĩ đến chuyện gửi bài, mà cũng không chú ý đến mục văn nghệ trên báo hàng ngày, cho nên cũng không biết tờ *Thân báo* bắt đầu có mục *Nói tự do* từ lúc nào, trong mục *Nói tự do*, văn chương như thế nào nữa. Vào khoảng cuối năm ngoái, tình cờ gặp anh Úc Đạt Phu[2], anh nói cho biết, ông Lê Liệt Văn [3] đã được thay để biên tập mục *Nói tự do* rồi, nhưng ông ta vừa ở Pháp về, chưa quen biết ai mấy, sợ nhất thời không có đủ bài đăng, muốn tôi gửi bài đến. Tôi trả lời qua loa nói : Cái đó có thể được thôi !

Mỗi lần anh Úc Đạt Phu dặn dò cái gì, tôi thường trả lời qua loa : cái đó có thể được thôi. Nói trắng ra, xưa nay tôi vẫn rất tránh những người trong nhóm *Sáng tạo*. Cũng không phải chỉ vì trước nay, họ hay công kích tôi, thậm chí áp dụng lối công kích cá nhân, mà phần lớn lại là vì cái vẻ mặt "Sáng tạo" của họ. Tuy trong nhóm đó, về sau có người trở thành ẩn sĩ, có người trở thành phú ông, có người làm cách mạng thực sự, có người trở thành gian tế, mà khi còn đứng dưới lá cờ "Sáng tạo", thì vẫn hùng hổ lắm, tưởng chừng như đến việc chảy mồ hôi, hắt hơi, cũng toàn là "Sáng tạo" cả. Tôi với anh Úc Đạt Phu đã quen nhau từ trước, trên mặt anh, tôi

---

(1) *Thân báo* : tờ báo hàng ngày xuất bản ở Thượng Hải từ năm 1872, đến tháng 5 năm 1949, Thượng Hải được giải phóng mới đình bản. Mục *Nói tự do* có từ năm 1911, phần lớn đăng những tác phẩm về tình yêu, anh anh em em, của phái *Uyên ương hồ điệp*. Từ năm 1932, thì đổi mới, đăng tạp văn, tạp cảm.

(2) *Úc Đạt Phu* (1896 - 1945) : nhà viết tiểu thuyết có tiếng thời Ngũ Tứ, một phần tử trung kiên của nhóm *Sáng tạo*.

(3) *Lê Liệt văn*, phụ trách mục *Nói tự do* từ năm 1932 đến năm 1934 thì từ chức.

không thấy cái vẻ "Sáng tạo" đó lắm, cho nên mỗi khi gặp nhau, thì chuyện trò tùy tiện ; ý kiến chúng tôi về văn chương, e khó lòng nhất trí được. Đại để cũng là chuyện tầm phào. Nhưng thế mà thành ra quen thân, có lần tôi yêu cầu anh viết bài, quả anh gửi đúng hẹn, mà anh mong tôi viết gì, tất nhiên tôi cũng trả lời qua loa, nói có thể được. Nhưng trả lời "qua loa" là vì tôi lười lắm.

Từ đó tôi hay xem mục *Nói tự do*, có điều vẫn chưa gửi bài. Không bao lâu , nghe tin đồn rằng, người biên tập mục *Nói tự do*, vì công việc bận quá, mà vợ đẻ cũng không có thì giờ săn sóc, đưa đến bệnh viện, bà ta nằm chết một mình. Mấy hôm sau, tình cờ tôi thấy một bài trên mục *Nói tự do*, trong đó nói ngày nào cũng cho con xem ảnh người mẹ qua đời để nó biết mặt người đẻ ra nó. Tôi biết ngay đó là tác phẩm của ông Lê Liệt Văn, liền cầm bút định viết bài phản đối ; bởi ý kiến tôi trước nay là, nếu có một bà mẹ hiền từ thì cũng hạnh phúc, nhưng sinh ra mà không có mẹ, cũng không phải hoàn toàn bất hạnh, có lẽ đứa con lớn lên sẽ càng dũng cảm, càng không vướng bận gì. Nhưng rồi cũng không viết, và lại viết một bài khác gửi mục *Nói tự do* : đó là bài thứ nhất *Tôn trọng sự thực*[1] trong tập này. Lại vì bút danh ngày trước của tôi có lúc không thể dùng được, nên đổi là Hà Gia Can, có lúc cũng ký Can hoặc Đinh Manh.

Những bài bình luận ngắn này, có bài do cảm xúc cá nhân, có bài do thời sự kích thích, ý nghĩa rất bình thường, cách diễn đạt cũng lắm lúc rất tối tăm. Tôi biết *Nói tự do* không phải là tạp chí của bạn đồng sự, "tự do" tất nhiên chỉ là một cách nói ngược lại, tôi quyết không nghĩ sẽ tung hoành ở đó. Sở dĩ tôi gửi bài, một là vì tình bạn bè, hai là gào thét thay cho người đang quạnh hiu, cũng là tính cũ của tôi. Nhưng chỗ dở của tôi là khi bàn đến thời sự, thì không nể mặt, khi chỉ trích tệ hại, thì thường lấy điển hình, nhất là cái sau, không hợp thời chút nào cả. Bởi vì tả điển hình, đối với khuyết điểm, cũng giống như bức vẽ về bệnh lí học ; giả thử mụn nhọt, thì bức vẽ sẽ là tiêu bản của loại mụn nào, loại nhọt nào, hoặc có chỗ giống nhọt của ông X, hoặc có chỗ giống mụn của ông Y. Mà người nhìn không chịu xét, cho rằng bức vẽ đó chỉ là nhọt của mình, thấy bỗng dưng người ta nói xấu mình, thế là nhất định muốn giết chết anh vẽ. Chẳng hạn, trước đây tôi bàn về con chó bông, vốn không chỉ ai rõ ràng cả, nhưng những người có tính cách chó bông đều tự đứng ra thừa nhận. Thế là muốn tìm cách giết cho chết, bất kể văn chương đúng hay sai, trước hết tìm xem người

(1) Bài thứ nhất trong tập văn này là bài *Xem đấu*, chứ không phải bài *Tôn trọng sự thực*.

viết là ai. Tức là không chú ý đến cái gì khác, mà chỉ muốn công kích cá nhân người viết. Tất nhiên trong đó, cũng không phải toàn là những con bệnh đang oán giận, có người là hiệp khách thấy chuyện bất bình mà can thiệp. Nói tóm lại, chiến thuật đó là chiến thuật "Lỗ Tấn tức Chu Thụ Nhân, chủ sự Bộ Giáo dục" mà giáo sư Trần Nguyên mở đầu. Chuyện cách mười năm rồi, mọi người đã quên bẵng đi từ lâu, lần này ông Vương Bình Lăng[1] tố giác trước, ông Chu Mộc Trai[2] tố giác sau, họ đều viết những bài về bản thân tác giả, hoặc còn nói bắt quàng đến cả những nhà văn cánh tả. Ngoài ra, có nhiều bài tôi đã được xem, cũng đem in vào sau bài văn của tôi, để thấy cái gọi là bút chiến của các nhà văn ở Thượng Hải là cái gì, có quan hệ gì với bản thân bài bình luận ngắn của tôi. Nhưng có một số bài khác, do đó mà tôi có cảm tưởng rồi viết ra, cũng đặc biệt đưa vào đây để bạn đọc tham khảo.

Tôi gửi trung bình mỗi tháng tám chín bài, nhưng đến đầu tháng năm, thì liên tiếp không đăng nữa. Tôi nghĩ, cái đó là vì hồi bấy giờ kiêng không nói thời sự, mà văn tôi thì thường lại không thể khỏi đề cập đến thời sự. Sự cấm chỉ là do nhân viên kiểm duyệt của Chính phủ hay là do Ban tổng biên tập của tòa báo, tôi không biết, mà cũng không cần biết. Bây giờ đưa tất cả bỏ vào tập này, kỳ thực những điều tôi chỉ trích bây giờ đều đã được sự thực chứng minh rồi, chẳng qua hồi đó tôi chỉ nói trước mấy ngày mà thôi.

Nay tựa.

Đêm 19 tháng 7 năm 1933
Viết ở nhà trọ, Thượng Hải
LỖ TẤN

---

(1) *Vương Bình Lăng* : một tên văn sĩ tay sai của bọn Quốc dân đảng phản động hồi đó.
(2) *Chu Mộc Trai*, cũng là một tên văn sĩ tay sai.

131. TỰA

(tập ***Cho bàn gió trăng***)

Từ ngày 25 tháng 5 năm Trung Hoa Dân Quốc dựng nước, thứ hai mươi lẻ hai, người biên tập mục *Nói tự do* đăng tin mong "từ nay về sau, văn hào trong nước bàn nhiều về gió trăng", làm cho các nhà văn hào gió trăng kiểu cũ gật đầu gật cổ vui sướng một hồi, có kẻ nói mỉa, cũng có kẻ nói đùa, ngay những con chó bông – "nhà văn mật thám" – cũng cong cái đuôi tôn quý của chúng nó lên. Nhưng thú vị nhất là những người bàn gió mây ; gió trăng cũng bàn được ; bàn gió trăng thì bàn gió trăng, mặc dù vẫn không thể như ý các ngài.

Muốn lấy một cái đầu để hạn chế nhà văn, kỳ thực không thể được. Giả dụ, ra một đề thi : "Học nhi thời tập chi" (Học phải luôn luôn ôn tập), cho các cụ non và và các anh phu xe làm văn bát cổ, thì cách làm quyết không giống nhau. Tất nhiên, văn chương của anh phu xe có thể không thông, nói tầm bậy, nhưng cái không thông, cái nói tầm bậy đó sẽ phá cái nhất thống thiên hạ của các ông cụ non. Người xưa đã có nói : Liễu Hạ Huệ thấy nước đường thì nói "có thể dưỡng lão", Đạo Chích thấy, thì lại nói "có thể tô vào then cài cửa"[1]. Họ là anh em, cùng thấy một vật như nhau, nhưng nghĩ đến cách dùng, thì lại khác nhau một trời một vực như thế. "Trăng thanh gió mát, đêm sao đẹp đường này ?"[2]. Hay lắm, phong nhã lắm, giơ tay tán

---

(1) Sách *Hoài Nam Tử* nói : Liễu Hạ Huệ thấy mạch nha nói "có thể dưỡng lão", Đạo Chích thấy mạch nha nói "có thể tô vào then cài cửa", thấy cùng một vật mà nghĩ đến cách dùng khác nhau. Liễu Hạ Huệ là người nước Lỗ thời Xuân Thu, Mạnh Tử xưng là "thánh về tính hòa". Tương truyền em Liễu Hạ Huệ - Đạo Chích, là một tên kẻ trộm nổi tiếng hoành hành thiên hạ. Tô nước đường vào then cài cửa để mở cửa khỏi kêu.

(2) "Nguyệt bạch phong thanh như thử lương dạ hà ?" đó là một câu trong bài *Hậu Xích Bích phú* của Tô Đông Pha.

thành. Nhưng cũng nói đến gió trăng, mà "Đêm trăng tối giết người, Ngày gió lớn đốt nhà" [1] chẳng phải rành rành là thơ cổ đó sao ?

Tôi bàn về gió trăng, nhưng cuối cùng bàn đến kẻ cướp, có điều cũng chẳng phải là chủ trương "giết người đốt nhà". Kỳ thực, nếu cho rằng "bàn nhiều về gió trăng" có nghĩa "không nên bàn quốc sự", là hiểu nhầm. "Tùy tiện bàn quốc sự" cũng không hề gì, có điều phải "tùy tiện", mũi tên, hòn đá, ném ra, không nên nhằm vào giữa sống mũi một số nhân vật, bởi vì đó là vũ khí của họ, và cũng là cái chiêu bài của họ.

Tôi gửi bài từ tháng sáu, và đã dùng nhiều bút danh, một mặt cố nhiên cho đỡ phiền, một mặt cũng để người ta bớt chửi độc giả không kể đến văn chương, chỉ nhìn tên người viết. Nhưng làm thế lại khiến cho một số "nhà văn học" xem văn mà không dùng thị giác, chuyên dùng khứu giác nghi ngờ lung tung ; mà khứu giác của họ lại không tiến hóa cùng với toàn thân thể họ, đến nỗi thấy tên một nhà văn mới, thì nghi là tôi đổi tên, cứ nhè tôi mà tu tu lên mãi ; có lúc quả thật đến người đọc cũng bị bọn họ quấy rầy không biết đầu đuôi ra làm sao nữa. Bây giờ, những bút danh đương thời dùng, vẫn để dưới mỗi bài, gọi là chịu lấy trách nhiệm đáng phải chịu.

Còn có một điểm khác với cách biên soạn trước kia, là tôi bổ khuyết những chỗ trước kia đăng bị bỏ hay bị thay đổi, và in chữ ngả[2] để thấy cho rõ. Việc thay đổi, bỏ bớt đó là do người biên tập hay do Ban tổng biên tập, hay do nhân viên kiểm duyệt của Chính phủ, bây giờ không có cách nào phân biệt, nhưng suy luận thì thấy, thay đổi một vài câu, bỏ những điều kiêng kỵ, mà bài văn vẫn liền, thì có lẽ là người biên tập làm, còn những chỗ cắt xén bừa bãi, không kể hơi văn còn mạch lạc hay không, ý tứ còn hoàn chỉnh hay không, thì đó là văn chương khâm định[3].

Sách báo Nhật Bản, cũng có cấm, nhưng chỗ bỏ đi thì chừa trắng, hoặc chấm lửng, khiến cho người đọc có thể biết được. Nhân viên kiểm duyệt

---

(1) "*Nguyệt hắc sát nhân dạ, Phong cao phóng hỏa thiên*". Âu Dương Tu đời Tống cùng bạn thách nhau làm mỗi người hai câu thơ, trong đó phải nói đến những tội thật nặng phải đi đày trở lên. Một người đọc : *Trì đao hống quá phụ, Hạ hải hiếp nhân thuyền* (Cầm dao ghọc đàn bà góa, Ra biển cướp thuyền người). Một người đọc : *Nguyệt hắc sát nhân dạ, Phong cao phóng hỏa thiên*. Đến lượt Âu Dương Tu, ông đọc : *Tửu niêm sam tu trọng, Hoa áp mạo thiêm thiên* (Rượu dính tay áo nặng, Hoa đè vành mũ lệch). Có người hỏi tại sao nói chuyện tội phải đi đày mà lại làm hai câu thơ đó, ông trả lời : "Lúc bấy giờ, người đi đày cũng uống rượu, cài hoa vào mũ".

(2) Nguyên văn : *thêm chấm đen vào bên cạnh*. Nhưng theo cách in của ta thì đổi lại là in chữ ngả.

(3) *Khâm định* : do vua sáng tác hay do vua sửa chữa, ý nói nhân viên kiểm duyệt.

Trung Quốc thì lại không cho chừa trắng, bắt phải nối liền, do đó, người đọc không thấy được dấu vết cắt xén, tất cả những chỗ hồ đồ, vô nghĩa đều đổ lên đầu người viết cả. Cách đó so với Nhật Bản tiến bộ hơn nhiều, bây giờ tôi nêu ra là để ghi lại một chuyện thực hết sức có giá trị trong lịch sử lưới văn Trung Quốc.

Suốt nửa năm ngoái, mỗi khi viết một ít, không dè cũng thành được một tập. Tất nhiên, đây chẳng qua chỉ là văn chương vụn vặt, mà các "nhà văn học" không thèm đếm xỉa đến. Nhưng thứ văn chương này, hiện nay cũng không nhiều, vả lại những người "lượm lặt" cũng còn có thể chọn được trong đó một cái gì, do đó tôi tin rằng sách này tạm thời còn sống được, và lấy làm lý do để thu thập và đem in ra.

Thượng Hải, 10 tháng 3 năm 1934

132. TỰA

(tập ***Văn học viển hoa***)

Những bài bình luận ngắn tôi thường viết, đúng là bắt đầu đăng trên mục *Nói tự do* tờ *Thân báo* ; thu thập những bài viết năm 1933, đã được hai tập ***Viết tự do giả*** và ***Cho bàn gió trăng***. Về sau, người biên tập là ông Lê Liệt Văn[1] bị ép khổ quá, sang năm sau thì bị mời ra khỏi tòa soạn. Nhân đó, tôi vốn cũng có thể gác bút được rồi, nhưng vì tức khí, lại đổi cách viết, thay bút danh, nhờ người sao chép rồi gửi đi. Người phụ trách mới không thể phân biệt được là ai, vẫn thường cho đăng. Mặt khác, tôi lại mở rộng phạm vi ra, cũng thỉnh thoảng viết những bài theo cách ấy gửi cho *Chiều đi tới*, phụ trương tờ *Trung Hoa nhật báo*[2], tờ *Thái Bạch*[3] bán nguyệt san chuyên đăng tiểu phẩm. Thu thập những cái viết năm 1934 lại thì được tập ***Văn học viển hoa*** này.

Cái nhan đề này là một người bạn cùng chiến đấu với tôi trên một mặt trận, đổi tên họ đi, rồi treo đầu mũi tên ngầm bắn tôi. Dụng ý rất khôn khéo : một là, những bài bình luận ngắn này, khi đăng trên báo, thường có viền hoa xung quanh để tỏ ra là quan trọng, cái đó làm cho người bạn chiến đấu của tôi đau đầu ; hai là "viền hoa" là tên khác của đồng bạc[4], do đó có thể thấy rằng những bài văn của tôi viết ra là vì tiền nhuận bút, thật ra chẳng có giá trị gì. Còn như ý kiến của chúng tôi bất đồng ở chỗ, tôi thì cho rằng chúng ta hơn gà vịt, còn ông ta thì lại cho rằng họ nên đãi chúng

---

(1) Xem chú thích ở bài tựa tập ***Viết tự do giả***.

(2) *Trung hoa nhật báo* : cơ quan ngôn luận của Quốc dân đảng cải tổ, phái Uông Tinh Vệ. Phụ trương *Chiều đi tới* có từ tháng 4 năm 1934, chủ biên là Nhiếp Kiếm Nỗ ; nhiều nhà văn tiến bộ gửi bài đăng ở đây. Bấy giờ có sự xung đột giữa Uông Tinh Vệ và Tưởng Giới Thạch, tờ báo này cũng thường công kích Tưởng Giới Thạch.

(3) *Thái Bạch* : xuất bản từ tháng 9 năm 1934 do Trần Vọng Đạo chủ biên, chuyên môn đăng tạp văn, đến tháng 9 năm 1935 thì đình bản.

(4) Nguyên thời Thái Bình Thiên Quốc, đồng bạc có viền hoa.

ta hơn gà vịt, rằng tôi biện hộ cho người phương Tây, cho nên tôi là "mại bản". Bài văn ấy có phụ lục sau bài *Xách ngược*, ở đây bất tất nói nhiều . Ngoài ra, chẳng có gì đáng ghi lại. Rồi nhân bài *Nói đùa thì chỉ nên xem là nói đùa*[1], mà ông Văn Công Trực[2] gửi đến cho một bức thư, lời lẽ rất nặng, nói tôi là "Hán gian", bây giờ bức thư ấy với bức thư trả lời của tôi đều phụ lục dưới bài văn đó. Còn nữa là những lời công kích lén lút, không ra mặt, thua hai vị nói trên rất xa, ở đây không đưa vào.

"Văn học viển hoa" quả không xuôi thật. Năm 1934 không giống năm 1935, năm nay vì chuyện *Hoàng đế nói chơi*[3], sở kiểm duyệt sách báo của Chính phủ bỗng không biết đi đâu, lại đã cách chức bảy nhân viên kiểm duyệt, những chỗ bị bỏ trên báo chí hình như được chừa trắng (tiếng lóng gọi là "mở cửa thông hơi"). Nhưng bấy giờ thì ghê gớm thật, nói thế này không được, nói thế kia cũng không xong, mà những chỗ bị bỏ cũng không cho để hở, phải sắp liền với nhau, làm cho tác giả bài văn phải chịu cái trách nhiệm thiếu mạch lạc, không rõ muốn nói gì. Với cách giết công khai và giết ngầm đó mà thứ văn chương có thể kéo dài hơi thở tàn, cùng bạn đọc gặp mặt được, nếu không phải văn chương nô lệ thì là cái gì ?

Tôi có đem ra bàn chơi với mấy ông bạn. Một ông nói : Văn chương bây giờ không thể có cốt khí được, thí dụ gửi bài đến cho phụ trương báo nào, trước hết người biên tập tờ phụ trương ấy rút vài cái xương, rồi tổng biên tập cũng rút vài cái, nhân viên kiểm duyệt lại rút thêm vài cái nữa, thế thì còn lại cái gì ? Tôi nói : Tôi thì tôi rút ra trước vài cái, nếu không thì đến "còn lại" cũng không còn lại nữa. Cho nên, những bài đăng hồi ấy có khả năng bị rút bốn lần – Bây giờ chẳng phải có một vài người đang ra sức biểu dương Văn Thiên Tường[4], Phương Hiếu Nhụ[5] đó sao ? May họ là người đời Tống, đời Minh, nếu sống vào thời buổi bây giờ, thì ngôn ngữ hành động của họ thế nào, cũng chẳng ai có cách gì biết được.

---

(1) Bài *Nói đùa thì chỉ xem là nói đùa* viết nhân nhà văn Lưu Bán Nông mất. Bài này chúng tôi không dịch.

(2) *Văn Công Trực* : lúc đó là trưởng phòng phiên dịch Viện lập pháp Chính phủ Quốc dân đảng.

(3) Năm 1935 báo *Tân sinh* có đăng bài *Hoàng đế nói chơi*, trong đó có nhắc đến tên thiên hoàng Dụ Nhân của Nhật Bản.

Đại sứ quán Nhật Bản cho là "vô lễ" kháng nghị với Chính phủ Quốc dân Đảng. Tờ báo bị đóng cửa, tác giả bị xử hai năm tù.

(4) *Văn Thiên Tường*, nhà văn yêu nước cuối đời Tống, khi quân Nguyên xâm lược Trung Quốc, ông nhiều lần tổ chức nghĩa quân chống giặc. Ông có làm bài *Chính khí ca* để tỏ chí mình khi bị bắt. Cuối cùng bị hại.

(5) *Phương Hiếu Nhụ* : học giả yêu nước đời Minh. Khi Yên khởi binh, chính ông thảo dịch. Quân Yên vào Nam Kinh, Thành Tổ tức vị, ra lệnh cho ông thảo chiếu, ông quăng bút xuống đất nói : "Chết thì chết, không thể thảo chiếu được". Bị tru di mười tộc.

Do đó, trừ thứ văn chương mà Chính phủ cho phép có cốt khí ra, độc giả chỉ có thể xem văn chương không có cốt khí mà thôi. Tôi sinh vào triều Thanh, vốn xuất thân nô lệ, không giống các bạn thanh niên dưới hai mươi lăm tuổi, ra đời là làm chủ nước Trung Hoa Dân Quốc rồi ; nhưng họ lại chưa từng trải việc đời, thỉnh thoảng quên "lý do vì sao", nên cũng hay vấp như thế. Tôi gửi bài, mục đích là để đăng, tất nhiên không thể để cho nó có "cốt khí" được, cho nên bài của tôi được trang sức bằng "viền hoa" có lẽ cũng nhiều hơn bài các nhà văn trẻ, mà lạ thay, lại rất ít chỗ bị bỏ. Suốt năm, chỉ có ba bài, bây giờ những đoạn bỏ khuyết vào vẫn in ngả[1] làm dấu. Tôi xem đoạn cuối bài *Bàn về việc bà Thái Lý Trai* thì thấy đó là ban tổng biên tập tờ *Thân báo* bỏ, còn hai bài kia thì nhân viên kiểm duyệt bỏ : ở đây thấy rõ tâm tư của họ khác nhau.

Trong năm nay, *Nói tự do* và *Chiều đi tới* là nơi tôi gửi bài đăng, đều đình bản. *Thái Bạch* cũng không ra nữa. Tôi từng nghĩ như thế này : phàm những tờ báo tôi gửi bài đăng, thì chỉ hai ba kỳ gửi lúc đầu không hề gì, nhưng nếu gửi liên tiếp không gián đoạn thì tờ báo không sống lâu được. Do đó, từ năm nay trở đi, tôi không viết nhiều loại bình luận ngắn như thế nữa, vì đối với bạn đồng nghiệp, tôi tránh cho họ những đòn ngầm giáng vào lưng, đối với bản thân, tôi không muốn làm thằng ngốc mở đường, đối với tờ báo, thì mong nó có thể sống lâu dài. Cho nên có người yêu cầu tôi gửi bài, tôi cứ lần lữa thoái thác. Không phải tôi "làm bộ" đâu, mà là có ý tốt đấy. Nhưng cũng có lúc có ác ý : cái "thế cố" đó, mong các bạn hỏi bài tha thứ cho.

Mãi đến nửa cuối năm nay, mới thấy các nhà báo đưa kiến nghị "bảo vệ dư luận chính đáng" và các nhà trí thức yêu cầu tự do ngôn luận. Sắp sang năm mới rồi, tôi không biết kết quả như thế nào. Nhưng, giả thử từ nay về sau, văn chương thành miệng lưỡi của dân chúng, thì cũng có thể nói đã phải trả một giá đắt quá : năm tỉnh miền Bắc thành tự trị ! Cũng giống như cái giá phải trả cho việc trước đây không dám đưa kiến nghị bảo vệ dư luận chính đáng và yêu cầu tự do ngôn luận : mất ba tỉnh miền Đông. Có điều lần này, sẽ đổi lấy được ánh sáng : nhưng nếu vạn nhất bất hạnh, đổi lấy được cái thời đại tôi viết ***Văn học viền hoa*** thì mọi người thử đoán xem, cái giá phải trả đó sẽ là cái gì ?

Đêm 29 tháng 12 năm 1935
LỖ TẤN

---

(1) Nguyên văn : *"Có chấm đen bên cạnh để làm dấu"*, nhưng vì cách in của ta nên dịch là *in ngả*.

133. TỰA

(tập ***Thá giới đình***)

Mấy năm gần đây, cái gọi là "tạp văn" phát triển nhiều hơn trước và cũng bị công kích dữ hơn trước. Thí dụ Thiệu Tuân Mỹ, người tự xưng là "thi sĩ"[1]. Thi Trấp Tồn và Đỗ Hành tức Tô Vấn, những "người thứ ba" dạo nọ, lại có bọn Lâm Hy Huệ[2] sinh viên đại học, trình độ chưa đến đâu cả, đều có một mối thù thiết cốt đối với tạp văn, nêu lên bao nhiêu là tội trạng. Nhưng không có hiệu quả, người viết tạp văn càng nhiều, người đọc tạp văn cũng càng nhiều.

Thật ra "tạp văn" không phải là hàng mới bây giờ, "trước kia đã có rồi". Phàm là văn chương, nếu xếp loại, thì có loại để mà xếp, nếu là biên niên, thì cứ theo năm tháng sáng tác, bất kể thể gì, mọi thể đều xếp vào một chỗ cả, thế là thành "tạp". Xếp loại thì có ích cho việc nghiên cứu văn chương, biên niên thì có lợi cho việc biết rõ thời thế. Muốn tri nhân luận thế, thì không thể không xem những tập biên niên ; bây giờ các niên phổ người xưa được làm mới lại[3], rất lưu hành, đủ chứng minh đã có nhiều người nhận thấy điều đó. Huống chi bây giờ, thời buổi cấp bách biết bao nhiêu, nhiệm vụ nhà văn là, đối với sự vật có hại, phải lập tức phản ứng và đấu tranh. Nhà văn phải là bộ thần kinh để cảm ứng, là tay chân để công thủ. Ôm ấp những tác phẩm lớn, trù tính đến nền văn hóa tương lai, cố nhiên rất tốt, nhưng đấu tranh cho hiện tại, cũng là đấu tranh cho các nhà văn chiến đấu hiện tại và tương lai, bởi vì mất hiện tại thì làm gì có tương lai.

---

(1) *Thiệu Tuân Mỹ* có viết trên tờ *Thập nhất thán* của y một bài nhan đề là *Văn nhân vô hạnh* công kích những nhà viết tạp văn, cho đó là những kẻ không có nghề nghiệp, mượn bút mực để quảng cáo cho mình.

(2) *Lâm Hy Huệ* : hồi đó sinh viên trường Đại học Phúc Đán, Thượng Hải. Trên tờ *Hiện đại*, y có viết một bài công kích "người viết tạp văn và tạp văn", ý nói nước Nga, nước Mỹ đều có những tác phẩm lớn, lẽ nào Trung Quốc lại chỉ bằng lòng với tạp văn hay sao.

(3) *Niên phổ* : bảng kê năm tháng và hành tung của một nhân vật quan trọng nào đó.

Chiến đấu nhất định phải có khuynh hướng. Đó là cái mà bọn Thiếu Tuân Mỹ, Thi Trấp Tồn, Đỗ Hành, Lâm Hy Huề thù nhất. Thực ra, bọn họ ghét là ghét nội dung. Tuy họ khoác áo thầy tu văn nghệ, nhưng bên trong thì che giấu "một người thuyết giáo cho cái chết"[1], họ không thể cùng tồn tại với cái sống được.

Tập này và tập ***Văn học viển hoa*** gồm những bài tôi viết năm ngoái. Giữa lúc bút và gươm của quan và dân kết hợp lại để "vây quét" tạp văn một cách vừa lộ liễu, vừa thầm kín, vừa mềm dẻo, vừa cứng rắn, phàm những cái viết ra đều có ở đây cả. Tất nhiên không dám nói đây là "thi sử"[2], tuy ở trong cũng có bộ mặt của thời đại, nhưng quyết không phải là "rương bát bảo"[3] của các vị anh hùng, mở ra là thấy ánh sáng chói lòa. Tôi chỉ là kẻ bày hàng ở đầu phố lúc ban đêm, hàng tôi không ngoài vài chiếc đinh con, vài cái bát đàn, nhưng tôi cũng mong và cũng tin có người sẽ tìm thấy trong đó những cái dùng được.

Ngày 30 tháng 12 năm 1935
Viết ở Thả giới đình[4], Thượng Hải

---

(1) Câu này lấy trong cuốn *Zarathoustra nói như vậy* của Nistơ.

(2) *Thi sử* : lịch sử bằng thơ. Chữ này vốn lấy ở cuốn *Tân Đường thư*, "Đỗ Phủ truyện".

(3) Trong các cuốn tiểu thuyết kiếm hiệp thường nói đến *bát bảo sương*, *bách bảo sương* hoặc *bách bảo nang*.

(4) Hồi bấy giờ Lỗ Tấn ở đường Bắc Tứ Xuyên, Thượng Hải, chỗ gọi là "bán tô giới". Chữ "Thả giới" là lấy nửa chữ "tô giới".

134. NHỚ ANH VI TỐ VIÊN*

Tôi cũng có một số ký ức, nhưng vụn vặt lắm. Tôi cảm thấy ký ức của tôi giống như vảy cá, bị lưỡi dao đánh qua, có cái sót lại trên thân mình, có cái rơi xuống nước ; khuấy nước, một vài cái sẽ nổi lên, sáng loáng, nhưng trong đó có lẫn máu, ngay chính tôi cũng sợ như thế sẽ làm bẩn mắt các nhà thưởng thức.

Nay có mấy người bạn muốn kỷ niệm anh Vi Tố Viên, tôi cũng phải nói vài câu. Phải, tôi có cái nghĩa vụ đó. Tôi đành phải khuấy cả dòng nước ngoài thân mình tôi, xem cái gì sẽ nổi lên.

E đã hơn mười năm về trước, tôi làm giảng viên ở trường Đại học Bắc Kinh, một hôm, trong phòng của các giáo sư, tôi gặp một người thanh niên, tóc và râu dài lòng thòng quá chừng. Đó là Lý Tế Dã[1]. Tôi quen Tố Viên, có lẽ là do Tế Dã giới thiệu, nhưng tôi không nhớ tình cảnh lúc bấy giờ như thế nào nữa. Nay chỉ lưu lại trong ký ức hình ảnh anh ngồi trong gian phòng nhỏ ở quán trọ, đặt kế hoạch xuất bản.

Gian phòng nhỏ đó chính là trụ sở của nhóm *Vị danh*.

Hồi đó tôi đang chủ trương hai tùng thư, một là *Ô hợp tùng thư* chuyên về sáng tác, một là *Vị danh tùng san*, chuyên về phiên dịch, cả hai đều do Bắc Tân thư cục xuất bản. Người xuất bản cũng như người đọc không thích sách dịch, hồi đó với bây giờ cũng không khác nhau gì, cho nên *Vị danh tùng san* ế lắm. May các anh Tố Viên thiết tha với việc giới thiệu văn học nước ngoài cho bạn đọc Trung Quốc, các anh liền thương lượng với Lý Tiểu Phong[2] tách *Vị danh tùng san* ra, mấy người sẽ phụ trách lấy. Tiểu Phong

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Văn học* số tháng 10 năm 1934.

Vi Tố Viên (1902 – 1932) : một người trong nhóm *Vị danh*

(1) *Lý Tế Dã* cũng là một người trong nhóm *Vị danh*, tác giả tập truyện ngắn *Ảnh*.

(2) *Lý Tiểu Phong* : giám đốc Bắc Tân thư cục.

tán thành ngay, thế là tùng thư đó tách rời khỏi Bắc Tân thư cục. Bản thảo đã có của chúng tôi rồi, chỉ cần chạy tiền in là có thể bắt đầu được. Vì tên của cái tùng thư đó, cho nên tên nhóm cũng gọi là "vị danh". Nhưng cũng không phải có nghĩa là "không có tên", mà là "chưa đặt tên", giống như trẻ con "chưa đến tuổi thành đinh".

Người trong nhóm *Vị danh* thật ra cũng chẳng có hùng tâm đại chí gì, nhưng mọi người đều nhất trí với nhau làm một cái gì nho nhỏ, thiết thực. Trong đó cốt cán là Tố Viên.

Thế là anh ngồi làm việc trong gian phòng cũ nát đó, tức là trụ sở của nhóm *Vị danh*, có điều phần nào hình như cũng vì anh mang bệnh trong người, không thể đến trường theo học được, do đó mà tự nhiên anh phải giữ trại.

Ký ức đầu tiên của tôi là gặp Tố Viên trong cái trại hư nát đó. Một thanh niên nhỏ bé, gầy còm, thông minh, nghiêm nghị ; trước cửa sổ mấy chồng sách nước ngoài cũ nát, chứng tỏ rằng nghèo thì nghèo, anh cũng vẫn bám chặt lấy văn học. Nhưng đồng thời tôi lại có một ấn tượng không hay, tôi cảm thấy rất khó thân với anh, bởi vì ít khi anh cười. "Ít cười vốn là đặc tính của những người trong nhóm *Vị danh*, có điều đặc tính ấy ở Tố Viên thì rõ rệt nhất, gặp trong chốc lát là người ta cảm thấy ngay. Nhưng về sau, tôi biết tôi phán đoán nhầm, anh không phải là người khó thân. Anh ít cười có lẽ là vì chúng tôi lứa tuổi khác nhau ; đối với tôi, anh có một thái độ đặc biệt. Tiếc rằng tôi không thể trẻ lại được để cho mọi người có một chứng cứ xác thực mà quên sự phân biệt đó đi. Sự thực đó, tôi nghĩ, bọn các anh Tế Dã có nhận thấy.

Nhưng đến khi rõ là mình sai lầm thì tôi lại phát hiện ra cái vết thương trí mệnh của anh : anh hay lấy làm điều quá. Tuy tựa hồ anh trầm tĩnh, nhưng rất sôi nổi. Lấy làm điều có thể là một vết thương trí mệnh của người ta ư ? Ít ra, từ hồi đó cho đến nay vẫn có thể như thế. Lấy làm điều thì dễ đi đến chỗ sôi nổi, lúc bộc phát thì sẽ hại đến tính mạng, lúc trầm tĩnh thì lại ăn mòn lòng mình.

Có một thí dụ nhỏ – Chúng tôi chỉ có những thí dụ nhỏ mà thôi.

Hồi đó, vì Tổng lý Đoàn Kì Thụy và bọn bợ đỡ hắn áp bức, tôi đã chạy xuống Hạ Môn rồi, nhưng cái oai của đàn hùm beo ở Bắc Kinh thì vẫn vô cùng vô tận. Lâm Tố Viên[1], hiệu trưởng trường Đại học Nữ Sư phạm, phái

(1) *Lâm Tố Viên* : một tên quan nhỏ thời Quốc dân đảng.

Đoàn Kỳ Thụy, đem lính đến chiếm trường, sau đó khi xổ vỡ ra, còn chỉ định giữ lại mấy giáo sư nói là "đảng viên cộng sản". Danh từ ấy trước nay vẫn giúp cho một số người "làm việc" được thuận lợi, vả lại phương pháp đó cũng là phương pháp cũ, thường vốn thấy. Nhưng Tố Viên lại hình như sôi nổi lên ; từ đó về sau, gửi thư cho tôi, anh ghét hai chữ "Tố Viên" không dùng nữa, mà đổi là "Thấu Viên"[1]. Đồng thời trong nhóm cũng xảy ra xung đột, Cao Trường Hồng[2] từ Thượng Hải gửi thư đến nói rằng Tố Viên dìm bản thảo của Hướng Bội Lương, bảo tôi lên tiếng. Tôi không lên tiếng. Thế là trên tờ *Cuồng diễm*, anh ta chửi, trước chửi Tố Viên, sau chửi tôi. Tố Viên ở Bắc Kinh, dìm bản thảo của Bội Lương, mà Cao Trường Hồng ở Thượng Hải lại bất bình thay, muốn tôi ở Hạ Môn phán đoán, tôi thấy khôi hài quá. Vả lại một đoàn thể, tuy chỉ là một đoàn thể văn học nhỏ bé thôi, mỗi khi tình hình khó khăn, trong nội bộ nhất định có người nổi lên phá, chuyện đó cũng không hiếm gì. Nhưng Tố Viên thì lại lấy làm điều, không những gửi thư cho tôi, anh kể rõ tình hình, mà còn viết bài đăng báo thanh minh nữa. Trước tòa án của những bậc "thiên tài", người khác có thể thanh minh được rõ ràng hay sao ? Tôi không khỏi thở dài, khi nghĩ rằng anh chỉ là một nhà văn, lại mang bệnh trong người, mà phải ra sức đối phó với nỗi lo bên trong, hoạn nạn bên ngoài như thế, thì làm sao có thể cầm cự lâu được ? Tất nhiên đó chỉ là một điều lo lắng nhỏ mọn, nhưng một người sôi nổi và hay lấy làm điều gì thì lại tương đối to chuyện.

Không bao lâu, nhóm *Vị danh* bị đóng cửa, mấy người bị bắt. Có lẽ Tố Viên thổ huyết rồi, đã vào nhà thương chăng, nên không ở trong số đó. Nhưng về sau, những người bị bắt được tha, nhóm *Vị danh* lại mở cửa. Khi đóng, khi mở, khi bắt, khi thả, đến nay tôi vẫn chưa rõ trò đó là trò gì.

Đầu thu năm sau – năm 1927 - tôi đến Quảng Châu, và vẫn nhận được của anh mấy bức thư. Anh kê trên gối mà viết ở bệnh viện Tây Sơn, bởi vì bác sĩ không cho anh ngồi dậy. Lời lẽ rất rõ ràng, tư tưởng cũng rất minh bạch, rất rộng rãi, nhưng như thế càng làm tôi lo cho bệnh của anh. Một hôm, bỗng tôi nhận được một cuốn sách, cuốn *Áo ngoài*[3] do Tố Viên dịch, bìa bọc vải. Tôi nhìn rõ, thì thấy trong người ớn lạnh : Rõ ràng anh gửi cho tôi để làm kỷ niệm, chắc là anh cảm thấy đời anh sắp hết rồi ư ?

---

(1) Chữ "tố" và "thấu" âm Trung Quốc đọc gần như nhau.

(2) *Cao Trường Hồng* : một nhà văn trẻ, có ít nhiều tài năng, được Lỗ Tấn bồi dưỡng cho, sau trở lại mạt sát Lỗ Tấn. Trong truyện *Lên trăng* (tập ***Chuyện cũ viết lại***), Lỗ Tấn đã có nhắc qua. *Cuồng diễm* : tờ báo của Cao Trường Hồng xuất bản ở Thượng Hải.

(3) Tiểu thuyết của Gôgôn, bản dịch của Vi Tố Viên, xuất bản năm 1928 trong *Vị danh tùng san*.

Tôi không nỡ giở sách ra xem lại, nhưng không làm sao được.

Do đó mà tôi nhớ đến một người bạn của Tố Viên cũng thổ huyết ; một hôm ngồi với Tố Viên, anh ta thổ huyết, Tố Viên hoảng hốt, ra lệnh bằng giọng lo lắng và đầy tình thương : "Không được thổ huyết nữa !". Hồi đó nhớ đến Bôlantơ[1] của Ibsen . Chẳng phải là anh ta cũng ra lệnh cho những người trong quá khứ hãy đứng lên, nhưng rồi không có cái thần lực đó, anh ta chỉ đành tự vùi mình vào trong băng tuyết đấy ư ?...

Tôi nhìn thấy Bôlantơ và Tố Viên giữa không trung, nhưng tôi làm thinh.

Cuối tháng 5 năm 1929, điều tôi lấy làm may mắn nhất là đã đến bệnh viện Tây Sơn, nói chuyện gẫu với Tố Viên. Vì tắm nắng, nên nước da anh ngăm ngăm đen, nhưng tinh thần không đến nỗi sút lắm. Chúng tôi và mấy người bạn nữa rất lấy làm vui. Nhưng giữa lúc vui, thỉnh thoảng tôi vẫn không khỏi buồn buồn : lúc nghĩ đến người yêu của anh, được anh đồng ý, cô ta đã đính hôn với người khác ; lúc lại nghĩ đến ý định của anh giới thiệu văn học nước ngoài vào Trung Quốc, e khó lòng đạt được ; lúc nghĩ nằm yên lặng ở đây, không biết anh tự cho là mình đang chờ bệnh lành hẳn hay là chờ chết ; lúc nghĩ không biết anh gửi cho tôi bản *Áo ngoài* đóng đẹp như thế để làm gì ?

Trên tường, anh có treo một bức ảnh Đôxtôiepski[2] rất lớn. Tôi kính trọng, cảm phục nhà văn đó, nhưng tôi rất ghét văn chương ông ta tàn khốc đến lạnh lùng. Ông ta bố trí một sự khổ hình về tinh thần, cứ dắt từng người bất hạnh ra tra khảo cho chúng ta xem. Bây giờ đây, ông ta nhìn Tố Viên và chiếc giường anh nằm bằng một con mắt buồn bã, như đang nói với tôi : lại một con người bất hạnh có thể đem vào trong tác phẩm được đây.

Tất nhiên, chỉ là một nỗi bất hạnh nhỏ thôi, nhưng đối với bản thân Tố Viên, thì lại khá lớn.

Năm giờ rưỡi rạng ngày 1 tháng 8 năm 1932, Tố Viên mất ở bệnh viện Đồng Nhân, Bắc Bình. Bao nhiêu kế hoạch, bao nhiêu hy vọng, thế là hết. Tôi hối hận vì tránh tai họa mà đốt hết thư từ anh gửi cho, tôi chỉ giữ lại có cuốn *Áo ngoài* làm kỷ niệm duy nhất, và lúc nào cũng để cạnh người.

Tố Viên mất, thấm thoắt đã hai năm rồi. Trong thời gian đó, trên văn đàn không ai nhắc nhở gì đến anh cả. Chuyện đó cũng không lấy gì làm lạ :

---

(1) *Bôlantơ* : vở kịch thơ của Ibsen (1828 - 1908), nhà viết kịch Na Uy.
(2) F.M Dostoievski (1821 - 1881) : nhà tiểu thuyết Nga.

anh không phải thiên tài, cũng không phải hào kiệt, lúc sống chỉ tồn tại trong im lặng, chết rồi, tất nhiên cũng chỉ chìm đi trong im lặng. Nhưng đối với chúng tôi thì anh là một thanh niên đáng kỷ niệm, bởi vì trong im lặng, anh đã duy trì nhóm *Vị danh* của chúng tôi.

Nhóm *Vị danh* nay cơ hồ tan rồi, thời gian nó tồn tại cũng không dài lắm. Nhưng từ khi Tố Viên đứng ra kinh doanh, thì đã giới thiệu N.Gôgôn, F. Đôxtôiepxki, L.Anđrêep, giới thiệu F.Van Ecđen, giới thiệu *Ống điếu* của I.Erenbua, *Người thứ 41* của B.Lavrơnep. Lại in *Vị danh tân tập*, trong đó có *Quân Sơn* của Tùng Vu, *Con của đất* và *Người xây tháp* của Tĩnh Nông[1]. Cuốn *Nhặt cánh hoa tàn* của tôi, hồi đó, cũng có thể kể là một tác phẩm xem được. Sự thực không nể nang bọn trẻ ranh khinh bạc, nham hiểm ; mới năm nào, mà chúng nó đều đã mất tăm mất tích, nhưng trong vườn văn, những bản dịch của nhóm *Vị danh* đến nay vẫn chưa khô héo.

Đúng, Tố Viên không phải thiên tài, cũng chẳng phải hào kiệt, tất nhiên không phải là đỉnh của một ngôi tháp cao, hoặc là hoa thơm của một khoảnh vườn nổi tiếng, nhưng anh là một hòn đá dưới ngôi tháp, một nắm đất trong vườn hoa. Ở Trung Quốc cần nhiều thứ ấy nhất. Anh không được những nhà thưởng thức để mắt tới, nhưng người xây dựng và người làm vườn thì quyết không thể gạt anh ra ngoài được.

Nỗi đau khổ của một nhà văn không phải ở chỗ khi sống bị công kích hay bị bỏ rơi, mà là ở chỗ chết rồi, ngôn hành đều mất cả, thế là bọn vô liêu, nhận bừa là tri kỷ, nhao nhao lên tiếng, để tự khoe mình, và cũng để bán lấy tiền, ngay đến xác chết cũng thành công cụ để chúng mua danh chuốc lợi. Cái đó mới là bi ai. Nay tôi viết mấy nghìn chữ này để kỷ niệm Tố Viên mà tôi được biết, nhưng không mong tìm ở đây chút lợi lộc riêng. Ngoài ra chẳng có gì nói nữa.

Không biết về sau còn có dịp kỷ niệm nữa hay không, nếu lần này là lần cuối, thì anh Tố Viên, xin vĩnh biệt anh từ đây !

Đêm 16 tháng 7 năm 1934
LỖ TẤN

(Tập ***Thái giới đình***)

---

(1) *Vị danh tân tập* : tùng san chuyên đăng sáng tác do nhóm *Vị danh* xuất bản. *Quân sơn* : một tập thơ ; *Con của đất* và *Người xây tháp* : truyện ngắn.

135. CHUYỆN PHIẾM SAU KHI ỐM DẬY*

1

Ốm một tí quả cũng là hạnh phúc. Có điều ở đây có hai điều kiện tất yếu : một là bệnh phải nhẹ, không phải thổ tả, dịch hạch, viêm màng não v.v.., hai là ít nhất trong tay phải có ít tiền, không đến nỗi nằm ngày nào thì đói ngày ấy. Hai điều kiện đó, thiếu một, tức là người phàm tục rồi, không đủ tư cách để nói đến cái nhã thú của việc ốm đau.

Tôi từng thích để ý đến chuyện không đâu, và quen biết nhiều người, những người này đều có một ước mong lớn. Ước mong lớn , thì vốn ai cũng có, có điều một số người mơ mơ hồ hồ, chính mình cũng không biết rõ, không nói ra được. Trong bọn họ, có hai anh đặc biệt nhất : một anh mong người trong thiên hạ chết hết, chỉ còn lại một mình anh ta và một cô con gái thật đẹp, và một người bán bánh mì ; còn anh kia thì mong giữa ngày thu, vào lúc trời sắp tối, khạc ra một tí máu, hai người đầy tớ gái sẽ dìu ra trước thềm xem hoa hải đường mùa thu. Ước mong như thế, mới nghe hình như lý kỳ, thật ra đã được suy nghĩ chu đáo lắm. Hãy khoan nói đến anh thứ nhất. Anh thứ hai ước "khạc ra một tí máu", là rất có ý nghĩa. Tài tử vốn nhiều bệnh, nhưng "nhiều" chứ không thể nặng được. Giả thử khạc ra một bát hay mấy thăng, thì máu con người ta hỏi có thể khạc được mấy lần ? Chưa đầy vài ngày đã không còn có thể nhã được nữa rồi.

Trước nay tôi rất ít ốm, nhưng tháng trước hơi ốm tí chút. Lúc đầu đêm nào cũng sốt, người yếu hẳn, không muốn ăn gì hết, một tuần lễ không chịu

---

* Bài này có 4 đoạn, chỉ đoạn I được đăng trên tạp chí *Văn học* số tháng 2 năm 1935. Ba đoạn sau chưa hề đăng báo. Trong "Lời nói sau" tập này, Lỗ Tấn có viết : "Bài *Chuyện phiếm sau khi ốm dậy* gửi đăng tạp chí *Văn học*, gồm năm đoạn. Khi quyển IV, số 2, đăng lên, chỉ có đoạn I. Có một nhà văn căn cứ vào đoạn đó phê bình tôi, nói : Lỗ Tấn thích ốm. Ông ta không hề nghĩ đến việc nhân viên kiểm duyệt đã bỏ bớt đi. Đủ thấy chính sách ám sát trên văn nghệ, có lúc cũng còn ít hiệu lực".

khỏi, đành phải đi khám bác sĩ. Bác sĩ bảo dịch cúm. Hay lắm, thì là cúm ! Nhưng cúm thì cũng chỉ sốt một thời gian nhất định. Đằng này qua thời kỳ đó, vẫn không hết sốt. Bác sĩ rút trong cặp da to tướng của ông ta ra một cái ống thủy tinh, muốn lấy ít máu của tôi. Tôi biết ông ta đang nghi tôi mắc bệnh thương hàn, tội cũng hơi buồn. Nhưng hôm sau, ông ta cho biết trong máu không có con vi trùng thương hàn nào. Thế là chú ý nghe phổi. Bình thường. Nghe tim. Tốt lắm. Điều đó làm cho ông ta rất bối rối. Tôi nói, có lẽ là mệt mỏi chăng ; ông ta cũng không bác đi, chỉ nói vẻ trầm ngâm : "nhưng mệt mỏi thì sốt phải nhẹ hơn chứ...".

Mấy lần khám khắp người, không có bệnh gì chết được, không đến nỗi ô hô ! ai tai ! cái đó rõ ràng lắm rồi. Có điều đêm nào cũng lên cơn sốt, người yếu hẳn, không muốn ăn gì cả. Thật chẳng khác "khạc một tí máu", rất có thể hưởng cái thú ốm đấy ! Bởi vì đã không cần phải viết di chúc, lại không đau đớn gì lắm, nhưng có thể không xem sách đứng đắn, không lo nợ gạo, củi, chơi mấy ngày, tên nghe rất hay, gọi là "dưỡng bệnh". Từ hôm đó, tôi tự cảm thấy hình như mình trở thành "nhã" chút ít, và chính là lúc nằm không có việc gì đó, bỗng nhớ đến ông bạn tài tử ước "khạc một tí máu" kia.

Chỉ suy nghĩ tầm bậy tầm bạ cũng không ổn, chi bằng xem một ít sách không mệt đến tinh thần, nếu không, thì chẳng còn ra "dưỡng bệnh" nữa. Những lúc như lúc này, tôi tán thành loại sách giấy bản, đóng chỉ, đó cũng là một chứng cớ tôi đã có "nhã" một tí rồi. Sách đóng kiểu Tây thì tiện gác lên giá, tiện việc giữ gìn ; bây giờ không những bộ *Nhị thập ngũ, Nhị thập lục sử*, đóng kiểu Tây, mà ngay *Tứ bộ lược yếu* cũng gáy cứng bìa da[1] – vốn không phải hiếm. Nhưng xem sách đóng kiểu Tây thì phải lúc trai tráng khỏe mạnh, ngồi ngay ngắn, đàng hoàng, thái độ nghiêm túc. Giá thử nằm xem, thì hai tay giống như bưng một hòn gạch to tướng, không bao lâu, hai cánh tay rã rời, tê buốt, đành phải thở dài, bỏ xuống. Cho nên, sau khi thở dài rồi, tôi đi tìm loại sách đóng chỉ.

Tìm, liền thấy một chồng *Thế thuyết tân ngữ* mà mấy lâu nay không thấy mặt[2], nằm xem, nhẹ bỗng, không mất sức chút nào cả, cái phong tư tiêu sái, hào phóng của người Ngụy – Tấn cũng phảng phất hiện lên trước mắt.

---

(1) *Nhị thập ngũ sử* : do Khai Minh thư điếm xuất bản (tức *Nhị thập tứ sử* thêm *Tân nguyên sử*) ; *Nhị thập lục sử* : do Thượng Hải thư báo hợp tác xã xuất bản (tức *Nhị thập ngũ sử* thêm *Thanh sử cảo*. *Tứ bộ yếu lược* (gồm Kinh, Sử, Tử) : đóng thành 100 tập.

(2) *Thế thuyết tân ngữ* : tác phẩm của Lưu Nghĩa Khánh (403 – 444) đời Tống (Nam Triều) soạn, nội dung ghi lại hành vi ngôn ngữ của các văn sĩ danh lưu từ Hậu Hán đến Đông Tấn.

Do đó mà nhớ đến việc Nguyễn Tự Tông nghe nói người làm bếp ở bộ binh giỏi nấu rượu, liền xin làm hiệu úy bộ binh[1] ; nhớ đến việc Đào Uyên Minh làm huyện lệnh Bành Trạch, bao nhiêu công điền bắt trồng lúa nếp hết, để nấu rượu, đến khi bà vợ kháng nghị, mới cho trồng ít lúa tẻ[2]. Thật là thú vị tuyệt trần, những người "đứng trên mây mà gào thét"[3] ngày nay quyết không thể hy vọng theo kịp. Nhưng "nhã", chỉ nên nghĩ đúng mức thì thôi, nghĩ nữa sẽ không được. Thí dụ Nguyễn Tự Tông có thể xin làm hiệu úy bộ binh, Đào Uyên Minh có thể xin bổ làm huyện lệnh Bành Trạch, địa vị của họ không phải là địa vị của người bình thường, muốn "nhã" cũng cần phải có địa vị. "Dưới rào đông hái cúc, Nhìn xa thấy núi Nam"[4] là một câu thơ hay của Đào Uyên Minh, nhưng chúng ta ở Thượng Hải, học theo thì khó lắm. Không có núi Nam, chúng ta có thể đổi là "Nhìn xa thấy nhà lầu" hoặc "Nhìn xa toàn ống khói". Phải thuê một ngôi nhà nào, sân có giậu trúc, để có thể trồng cúc được, tiền thuê mỗi tháng phải một trăm lạng, tiền điện nước ngoài. Thuế trị an tính 14% tiền thuê nhà, mỗi tháng mười bốn lạng. Chỉ hai khoản đó, mỗi tháng mười bốn lạng, mỗi lạng là một đồng bốn hào, tức là một trăm năm mươi chín đồng sáu hào. Lâu nay, văn lại rẻ như bèo, mỗi nghìn chữ thấp nhất chỉ có bốn năm hào, vì là bài của người nhã, học theo Đào Uyên Minh, bây giờ tính cho ông ta mỗi nghìn chữ ba đồng nhé, nhưng trừ dấu chấm câu, chữ Tây, và khoảng trắng[5]. Thế là, chỉ vì chuyện "hái cúc" mà phải mỗi tháng dịch cho được năm vạn ba nghìn hai trăm chữ. Còn ăn thì sao ? Phải kiếm cách khác, nếu không, đành "đói phải lê đầu gối, nào biết đi nơi đâu"[6].

"Nhã" phải có địa vị, cũng phải có tiền, cổ kim đều như thế cả, nhưng ngày xưa mà mua nhã tất nhiên rẻ hơn ngày nay ; phương pháp cũng không

---

(1) *Nguyễn Tự Tông* : tức Nguyễn Tịch (210 - 263) một trong Trúc Lâm thất hiền đời Ngụy. *Nguyễn Tịch truyện* trong *Tấn thư* chép : "Tịch nghe người nấu bếp bộ binh tài nấu rượu, có trữ ba trăm vò rượu, liền xin làm hiệu úy bộ binh".

(2) *Đào Uyên Minh* : tức Đào Tiềm (372 - 427), nhà thơ danh tiếng cuối Đông Tấn. *Tấn thư* chép : "Đào Tiềm làm huyện lệnh Bành Trạch, bao nhiêu công điền của huyện bắt trồng lúa nếp hết, nói : "Để cho ta có thể say luôn là đủ rồi !". Vợ xin trồng lúa tẻ, mới để 50 mẫu trồng nếp, 50 mươi mẫu trồng tẻ".

(3) Tác giả nhắc lại một câu của Lâm Ngữ Đường ám chỉ mình.

(4) Nguyên văn "Thái cúc đông ly hạ, Du nhiên kiến Nam sơn", đó là một câu thơ danh tiếng của Đào Tiềm trong bài *Ẩm tửu*.

(5) Người Trung Quốc viết giấy kẻ ô. Dấu chấm câu cũng choán một ô. Khi tính chữ thì chừa những ô có dấu chấm câu, chữ Tây và khoảng để trắng.

(6) Câu thơ này trích trong bài *Khất thực* (ăn xin) của Đào Tiềm. Nguyên văn *"Cơ lai khu ngã khứ, Bất trí cánh hà chi"*.

khác nhau, sách phải bày trên giá, hoặc quăng mấy quyển dưới sàn nhà, chén uống rượu phải để trên bàn, nhưng bàn tính lại phải cất vào ngăn kéo, hoặc tốt nhất thì cất vào trong bụng.

Cái đó gọi là "tinh vi mờ ảo".

2

Để cho "nhã", vốn không định nói những lời như thế. Sau nghĩ lại, thấy không hại gì cho "nhã" cả, chẳng qua chỉ chứng tỏ rằng tôi "tục" mà thôi. Vương Di Phủ miệng không nói đến tiền, vẫn là một con người không sạch sẽ lắm[1]. Người nhã gảy bàn tính tất nhiên cũng không thương tổn đến chuyện mình là người nhã. Có điều, đôi lúc y cũng nên cất bàn tính hoặc hay nhất là tạm thời hãy quên bàn tính đi, như thế, một câu nói, một tiếng cười lúc đó mới là câu nói, tiếng cười thoải mái, cao siêu. Nếu có bo bo nghĩ đến điều lợi hại trên thế gian, thì có thể trở thành "phái đô ta, đô ta"[2]. Điều quan trọng đó chỉ ở chỗ một bên có thể có lúc bỏ ra, một bên cứ mãi mãi ôm chặt lấy, mà có sự phân biệt lớn giữa nhã và tục, giữa cao và thấp. Tôi nghĩ cái đó đại khái rất giống cái đạo lý cho rằng người thỉnh thoảng "đồn luân"[3] vẫn thánh hiền như thường, còn người ngay giữa ban ngày mà cũng nghĩ đến đàn bà, thì gọi là "Đăng Đồ Tử"[4].

Cho nên, e tôi đành phải thừa nhận mình là "tục" vậy, bởi vì tiện tay giở cuốn *Thế thuyết tân ngữ*, lúc xem đến chỗ *"Tu ngung dược thanh trì"*(5) thì từ "dưỡng bệnh" nghĩ đến "tiền dưỡng bệnh". Thật là điều nghìn lần vạn lần không nên. Thế là lục cục bò dậy, viết thư đòi tiền xuất bản sách, tiền nhuận

---

(1) *Vương Di Phủ* : tức Vương Diễn (255 – 311) : người đời Tấn. *Tấn thư* chép : *Diễn* ghét vợ là họ Quách có tính tham lam đê tiện, nên thường không nói đến tiền. Vợ muốn thử, sai người ở lấy tiền sắp quanh giường, không để lối đi. Sáng mai dậy, Diễn thấy tiền, bảo người ở *"dẹp cái này đi"* (tránh không nói đến chữ *tiền*). Nhưng người thức giả vẫn khinh thường ông ta vì ông ta làm đến chúa tể phụ mà không lo việc nước, chỉ lo kế giữ trọn cho bản thân mình.

(2) Có nghĩa là đại chúng.

(3) Nghĩa là *giao cấu*. Chữ của Viên Mai đời Thanh.

(4) Tống Ngọc có bài phú : *Đăng Đồ Tử hiếu sắc phú*. Đăng Đồ Tử người nước Sở, về sau "Đăng Đồ Tử" dùng để chỉ người hiếu sắc.

(5) *Thế thuyết tân ngữ* chép : Hách Long làm Nam man tham quân cho Hoàn Ôn. Hội ngày mồng 3 tháng ba, làm thơ, ai không làm được, phạt ba thăng rượu. Long lúc đầu không làm được bị phạt, uống xong, vung bút viết câu : *"Tu ngung dược thanh trì"*. Ôn hỏi : *"Tu ngung* là con gì. Trả lời : "Người mọi gọi cá là *Tu ngung*. Ôn nói "Làm thơ sao lại dùng tiếng mọi ?" Long nói : "Từ nghìn dặm, về với Ngài mới được chức Man phủ tham quân, sao lại không dùng được tiếng mọi".

bút các bài báo. Viết xong, cảm thấy mình hơi cách xa người Ngụy, Tấn, tự nghĩ bụng, giá thử lúc này Nguyễn Tự Tông hoặc Đào Uyên Minh hiện ra trước mắt, thì nhất định không nói chuyện với nhau được. Thế là đổi mấy quyển sách khác, đại để là những cuốn dã sử cuối Minh đầu Thanh, thời đại gần hơn, xem có lẽ thú vị hơn. Quyển đầu tiên lọt vào tay là bộ *Thục bích*[1].

Đây là một bộ sách do một người khách đất Thục[2] từ Thành Đô mang đến cho, lại còn bộ *Thục quy giám*[3], đều là sách nói chuyện Trương Hiến Trung, gây tai họa ở đất Thục. Thật ra, đó là những trước tác không những người Tứ Xuyên, mà phàm người Trung Quốc, đều nên xem. Đáng tiếc khắc tồi quá, chữ sai không phải ít. Giở xem qua, ở quyển 3, thấy một đoạn như sau :

"Lại, lột da, từ đầu đến đít, xẻ một đường, căng ra phía trước, như chim giang cánh, đại để hết ngày mới chết. Nếu chết ngay, thì người hành hình bị tội chết".

Chắc vì mình đang ốm chăng, lúc đó liền nghĩ đến việc giải phẫu thân thể người. Y thuật và ngược hình đều cần những kiến thức sinh lý học và giải phẫu học. Nhưng Trung Quốc thì quái thật, những bức đồ lục phủ ngũ tạng và thân thể người ta, vẽ trong các sách thuốc trước kia, vẽ qua loa và sai ghê quá, nhưng xem phương pháp ngược hình, thì thường thấy giống như người đời xưa đã biết khoa học hiện đại rồi ! Thí dụ, ai cũng biết từ Chu đến Hán, có cái gọi là "cung hình" cũng gọi là "phủ hình" áp dụng cho đàn ông, thua cái gọi là "đại tịch" một bậc[4]. Đối với đàn bà thì gọi là "u bế". Trước nay không mấy ai nhắc đến phương pháp này, nhưng tóm lại, nhất định không phải là nhốt chị ta lại, hoặc là khâu "cái đó" lại. Mới đây hình như tôi có tra ra, nên hơi biết được đại khái. Cái hung ác của phương pháp đó là ở chỗ thỏa đáng, mà lại hợp với giải phẫu học, thật làm cho tôi không thể không kinh ngạc. Nhưng sách thuốc về phụ khoa thì thế nào ? Hầu như không rõ gì về cấu tạo giải phẫu học của hạ bộ người đàn bà cả. Họ chỉ xem cái bụng như là một cái đãy to, chứa đựng những cái gì trong đó không rõ.

---

(1) *Thục bích* do Bành Tuấn Tứ đời Thanh soạn, nội dung kể sự tích của Trương Hiến Trung ở Tứ Xuyên, và phóng đại việc ông ta giết người. Trong bài *Tựa* tác giả nói đây là những điều lúc nhỏ ông ta nghe kể lại và những điều thu thập được trong các cuốn hồi ký khác.

(2) Tức Hứa Khâm Văn, một nhà văn và là đồng hương với Lỗ Tấn.

(3) *Thục quy giám* : do Lưu Cảnh Bá đời Thanh soạn, nội dung gần giống *Thục bích*.

(4) Theo *Thư kinh*, hình pháp Trung Quốc cổ đại chia thành năm loại : mặc hình (khắc chữ vào mặt), tiệt tỵ (xẻo mũi) phỉ hình (chặt chân), cung hình (thiến), đại tịch (chém).

Nói riêng về phương pháp lột da, Trung Quốc có những mấy cách. Trên kia chép là cách Trương Hiến Trung. Còn có cách Tôn Khả Vọng[1], thấy trong *An Long dật sử*[2] của Khuất Đại Quân, cũng xem trong dịp ốm này. Đó là thời Vĩnh Lịch năm thứ sáu, tức Thanh Thuận Trị năm thứ 9, vua Vĩnh Lịch đã trốn ở An Long (lúc đó đổi là An Long[3] rồi) Tần Vương Tôn Khả Vọng giết cha con Trần Bang Truyền ; ngự sử Lý Như Nguyệt bẻ tội y là : "Tự tiện giết huân tướng, không theo lễ vua tôi", nhưng nhà vua lại đánh Như Nguyệt bốn mươi roi. Có điều, chuyện vẫn chưa xong, người thuộc phe của Tôn Khả Vọng, là Trương Ứng Khoa, biết được, liền đến nói với Tôn Khả Vọng.

"Khả Vọng nghe Ứng Khoa cho biết, liền ra lệnh cho Ứng Khoa giết Như Nguyệt, lột da đem bêu cho mọi người xem. Một lát, trói Như Nguyệt đến trước cửa triều ; có người đội một rổ vôi, mang một bó cỏ đến, để trước mặt Như Nguyệt. Như Nguyệt hỏi " để làm gì thế ?". Người đó nói : "Đây là cỏ để độn vào người ông". Như Nguyệt quát nói :"Đồ ăn mày ! Tao đây từng đóng là văn chương, từng đốt là lòng trung". Ứng Khoa đã đứng sẵn ở thềm cửa ngạch, tay cầm lệnh chỉ của Khả Vọng, thét bắt Như Nguyệt quỳ xuống. Như Nguyệt quát lại : "Ta là mệnh quan của triều đình, lẽ nào lại quỳ để nhận mệnh giặc !". Rồi bước đến cửa giữa hướng về cửa khuyết, lạy hai lạy... Ứng Khoa ra lệnh đè xuống đất, róc xương sống, đến mông. Như Nguyệt nói to :"Chết mới sướng làm sao ! Cả người mát rượi !" Lại gọi tên Khả Vọng, chửi mãi không thôi. Rồi chặt tay chân, chuyển sang phía trước bụng, còn chửi khe khẽ, đến cổ mới tắt thở, chết. Sau đó, tẩm vôi, lấy chỉ may lại, rồi nhồi cỏ vào, đưa đến trước lầu thành cửa bắc treo...".

Cách của Trương Hiến Trung tất nhiên là cách của "giặc cỏ". Tôn Khả Vọng tuy cũng xuất thân giặc cỏ, nhưng lúc này đã là cột trụ phong trào bảo vệ Minh chống Thanh, được phong Tần Vương, về sau hàng Mãn Châu, vẫn được phong Nghĩa Vương, cho nên cách y dùng kỳ thực là cách của quan. Đầu đời Minh, Hoàng đế Vĩnh Lạc lột da Cảnh Thanh, trung với Kiến Văn Đế[4], cũng dùng cách đó. Triều Đại Minh bắt đầu bằng việc lột da, kết thúc cũng bằng việc lột da, có thể nói thủy chung bất biến ; đến nay

---

(1) *Tôn Khả Vọng* là con nuôi bộ tướng của Trương Hiến Trung. Trương Hiến Trung thua, chết, y từ Tứ Xuyên chuyển sang Quý Châu, Vân Nam. Hồi đó vua Vĩnh Lịch nhà Minh còn ở Nam Ninh (Quảng Tây) (1651). Tôn Khả Vọng xin phong làm Tần Vương, sai quân đưa vua Vĩnh Lịch đến An Long sở ở Quý Châu, còn y thì đóng quân ở Quý Dương. Cuối cùng thì hàng nhà Thanh.

(2) *An Long dật sử* : một cuốn sách cấm đời Thanh, tác giả ký tên là Thương Châu ngư ẩn, lại có bản ký : Khê Thượng ẩn. Năm 1916, mới có người khắc lại, đề là Khuất Đại Quân soạn.

(3) An Long (*long* là *thịnh*, đổi thành An Long (*long* là *rồng*).

(4) *Cảnh Thanh* : quan ngự sử đời Kiến Văn Đế (Minh). Thành Tổ lên ngôi, ông ta giả vờ quy thuận, rồi mưu giết Thành Tổ.

trong tuồng Thiệu Hưng và đầu miệng người nhà quê thỉnh thoảng còn có thể nghe nói đến "lột da nhồi cỏ". Cái ơn của hoàng đế lâu dài như thế nào, có thể do đó mà biết được.

Thật cũng chẳng lấy làm lạ có những người bụng dạ từ bi không muốn xem dã sử, nghe chuyện cổ tích. Có những việc quả chẳng giống chuyện của thế gian, làm cho người nghe rởn gáy, đau xót trong lòng, không thể nào quên được. Những việc tàn khốc rất nhiều, tốt nhất là đừng nghe, như thế mới bảo toàn được tâm hồn, và đó cũng là ý của câu "cho nên kẻ quân tử xa nhà bếp[1]". Những tiểu phẩm tiêu sái của các danh gia cuối Minh sớm bị tiêu vong, mà nay thịnh hành, thì cũng không thể nói là vô duyên vô cớ. Có điều cái nhã trí của tâm địa trong trắng đó, lại phải có một cảnh ngộ tốt. Lý Như Nguyệt bị đè ra để "róc xương sống", mặt úp sấp xuống, đó vốn là một tư thế rất tốt để xem sách[2], nhưng giá lúc này cho ông ta xem cuốn *Quảng Trang* của Viên Trung Lang[3], tôi chắc ông ta không muốn xem ; tâm hồn ông ta không được bình tĩnh, không hiểu được văn nghệ chân chính.

Thế nhưng, sĩ đại phu Trung Quốc thì lúc nào cũng có thể nhã được. Thí dụ câu Lý Như Nguyệt nói : "từng dóng là văn chương, từng đốt là lòng trung" thì rất có ý thơ. Sắp chết mà làm thơ, từ xưa đến nay không biết bao nhiêu mà kể. Cho đến gần đây, Đàm Tự Đồng [4] trước khi ra chịu chém, còn làm một bài : "*Bế môn đầu hạt tư Trương Kiệm*" [5], nữ sĩ Thu Cận cũng có một câu : "*Thu vũ thu phong sầu sát nhân*"[6] nhưng chưa được thật

---

(1) Nguyên văn "*thị đi quân tử viễn bào trù dã*". Câu này lấy ở sách *Mạnh Tử*, thiên *Lương Huệ vương*. Ý Mạnh Tử muốn nói : người quân tử không nhẫn tâm nghe tiếng kêu của con bò, con lợn khi nó sắp bị đem ra mổ. Nghe tiếng kêu đó thì người quân tử không nhẫn tâm ăn thịt nữa.

(2) Viết câu này, Lỗ Tấn mỉa mai nhắc đến mấy bức tranh vui đăng trên tạp chí *Luận ngữ*, đề là *Mấy tư thế xem Luận ngữ* trong đó có một bức vẽ một người nằm sấp mà xem.

(3) *Quảng Trang* : một quyển sách phỏng theo văn thể Trang Tử bàn về tư tưởng hư vô của đạo gia.

(4) *Đàm Tự Đồng* (1865 – 1898) : nhân vật trọng yếu trong phong trào duy tân cuối Thanh và là một trong "Sáu người (lục quân tử) bị giết trong cuộc Mậu Tuất chính biến (1898)".

(5) *Đàm Tự Đồng* trước khi ra chịu chém có làm một bài thất tuyệt : *Ngục trung đề bích*" (Đề vào vách trong ngục). Câu đầu là : "*vọng môn đầu chi tư Trương Kiệm*" (Nhớ đến Trương Kiệm ngày xưa bỏ chạy trốn đến nhà người quen). Trương Kiệm là người thời Hậu Hán, có kẻ thù cáo với triều đình rằng ông ta và 24 người khác lập bè đảng. Vua Linh Đế ra lệnh bắt, ông ta chạy trốn đến nhà người quen (*Vọng môn đầu chi*). Câu thơ Lỗ Tấn trích dẫn thì lại là "*bế môn đầu hạt* (đóng cửa quăng xe), dùng tích người đời xưa hiếu khách, nên làm như thế để giữ khách lại.

(6) *Thu Cận* (1875 – 1907) : nhà nữ cách mạng cuối đời Thanh. Bà là một nhân vật trọng yếu của Hội Quang phục. Năm 1906, bà ở Nhật Bản về nước, hoạt động cách mạng chống nhà Thanh, bị bắt và chém ở Thiệu Hưng (xem chuyện *Thuốc* trong ***Gào thét***. Trong cuốn *Giám hồ nữ hiệp, Thu Cận truyện* chép : lúc bà bị bắt, trước sau không khai gì hết, chỉ khi ra chịu chém, bà đọc câu : "*Thu vũ thu phong sầu sát nhân*" (Mưa thu gió thu buồn chết người).

nhã lắm, cho nên các tập thi tuyển không đem vào, cũng không thể bán lấy tiền được.

3

Triều Thanh có tội giết cả họ, có tội tùng xẻo, nhưng không có tội lột da, cái đó người Hán phải lấy làm xấu hổ. Về sau, cái chính sách tàn bạo thích thú nhất là "ngục văn tự". Tuy nói là "ngục văn tự", thật ra còn bao hàm nhiều nguyên nhân phức tạp, ở đây không thể nói tỉ mỉ được. Chúng ta ngày nay còn trực tiếp chịu tác hại để lại, tức là nhiều câu, nhiều chữ trong tác phẩm của người đời xưa bị sửa chữa, nhiều sách của người Minh, Thanh bị cấm.

Bộ *An Long đật sử* cũng là một bộ sách cấm. Bộ sách tôi có là bản khắc mới của Gia Nghiệp Đường, họ Lưu, ở Ngô Hưng. Ông ta khắc sách cấm đời Thanh không phải chỉ mỗi bộ này. Còn có bộ *Ông Sơn văn ngoại*,cũng của Khuất Đại Quân ; lại có bộ *Nhàn ngư nhàn nhàn lục* của Thái Hiển, là bộ vì nó mà tác giả bị "trảm lập quyết" (chém ngay), còn liên lụy đến học trò[1]. Nhưng tôi xem kỹ một lượt chẳng tìm ra điều gì ky húy cả. Đối với những nhà khắc sách này, tôi rất lấy làm cảm kích, bởi vì họ đã truyền lại cho tôi rất nhiều điều hiểu biết – tuy đối với người nhã thì chỉ là những điều hiểu biết hết sức tầm thường thôi. Có điều đến Gia Nghiệp Đường mà mua sách thì khó thật. Tôi còn nhớ một buổi chiều mùa xuân năm nay, tôi mới tìm ra được hiệu này ở đường Ái Văn Nghĩa. Hai tấm cửa sắt lớn, gõ mấy lần, cửa con vuông trên cánh cửa mở ra, phía trong có một người giữ cửa Trung Quốc, một tên cảnh sát Trung Quốc, một tên bảo vệ người Bạch Nga. Tên cảnh sát hỏi tôi đến làm gì. Tôi nói mua sách. Y nói người bán đi vắng, không ai bán, mai tới. Tôi bảo tôi ở xa, tôi chờ một lát được không ? Y nói, không được ! Và đóng ngay cái cửa vuông nhỏ đó lại. Hai hôm sau, tôi lại đến, chuyển sang buổi sớm, cho rằng lúc đó người bán có lẽ không đi vắng. Nhưng lần này, câu trả lời lại càng làm cho tôi tuyệt vọng. Tên cảnh sát nói : "Chẳng có sách nào cả ! Bán hết rồi ! Không bán nữa !".

Tôi không đến mua lần thứ ba nữa, bởi vì câu trả lời dứt khoát như đinh đóng cột. Hiện nay có được mấy bộ là nhờ người bạn mua hộ cho, hình như phải là người quen hoặc hiệu sách quen, thì mới mua được.

---

(1) Vụ án này xảy ra năm 1767 dưới thời Càn Long. *Thái Hiển*, tự Nhàn Ngư, là một vị cử nhân. Bộ sách của ông có nhiều lời phỉ báng nhà Thanh. Kết quả ông ta bị chém ngay, con thì chờ đến mùa thu sau sẽ chém, học trò bị tội trượng (đánh).

Cuối mỗi bộ có mấy lời *Bạt* của ông Lưu Thừa Can, chủ nhân Gia Nghiệp Đường. Ông ta rất đồng tình với các bậc di lão đời Minh, và cũng rất bất bình về họa văn chương đầu Thanh. Nhưng lạ thay, văn chương ông ta lại đầy hơi hám di lão đời Thanh trước. Sách khắc vào thời Dân Quốc, các chữ "nghi" đều thiếu nét cuối[1]. Tôi nghĩ, xem tác phẩm các bậc di lão đời Minh thì thấy họ phản kháng triều Thanh chủ yếu là vì dị tộc vào làm chủ Trung Quốc, còn việc thay đổi triều đại là thứ yếu. Cho nên, nếu tôn trọng di dân cuối Minh, thì phải tiếp thu tư tưởng dân tộc của họ, như thế mới là tâm đầu ý hợp. Bây giờ, lại lấy tư cách là di lão Mãn Thanh, kẻ thù của di lão đời Minh, đưa di lão đời Minh ra cho là đồng điệu, chỉ cốt ở hai chữ "di lão" chứ không cần biết "di" với dân tộc nào, "di" ở thời nào, thật có thể nói là "di lão để mà di lão", và đó là một vế câu đối tuyệt hay của câu "nghệ thuật vì nghệ thuật" trên văn đàn hiện nay.

Nếu cho rằng như thế là vì "ăn đồ cổ không tiêu hóa" thì cũng không đúng. Đối với sĩ đại phu Trung Quốc, lúc phải tiêu hóa, thì vị tất nhất định không tiêu hóa. Thí dụ bộ *Thục quy giám* nói trên kia, nguyên là một bộ sách mà bút pháp phỏng theo cuốn *Xuân Thu*, nhưng viết đến câu *"Thánh tổ Nhân Hoàng đế Khang Hi nguyên niên xuân chính nguyệt"* thì có lời "tán" rằng : *"... Đời Minh loạn lắm ! Cuối Quốc phong là Mân phong, cuối Nhã là Thiệu Mân[2], đều gửi gắm mối lo thầm "loạn lắm nhớ đến trị", nhưng không có sự việc cụ thể. Ai bằng ông nội thần là người chính mắt trông thấy, và bản thân thần là người phải chịu đựng ? Biên soạn đến nguyên niên chính nguyệt là kết thúc, không phải chỉ là vì thế nguyên biếu chính[3], không có gì thêm vào nữa ; sinh gặp thời thịnh trị, rộng lớn vô cùng, một là để ghi cái ơn suốt đời không quên, hai là để thấy sự nghiệp thái bình bắt đầu từ đây !"*.

Sách *Xuân Thu* không hề có bút pháp đó. Một mũi tên của Túc Vương Mãn Châu không những bắn chết Trương Hiến Trung, còn cảm hóa được nhiều người "độc thư" đến nỗi thay đổi bút pháp *Xuân Thu* đi.

---

(1) Vua Tuyên Thống đời Thanh tên Phổ Nghi, cho nên những người con tưởng nhớ đến nhà Thanh, khi viết chữ "nghi" đều bỏ nét cuối, tỏ lòng kính trọng.

(2) *Kinh Thi* chia ra 4 phần : Quốc phong, Tiểu nhã, Đại nhã, Tụng ; Mân phong (dân ca nước Mân) là cuối Quốc phong. Thiệu Mân là thiên cuối Đại nhã. Đều nói về sự biến loạn đời Chu.

(3) *Thể nguyên* : sách *Xuân Thu*, Ân Công nguyên niên : *Nguyên niên, xuân, vương chính nguyệt*. Theo các nhà chú thích thì *nguyên* là *bản* của *khí* cho nên bậc nhân quân nắm lấy cái *bản*, muốn cho nó đồng một *thể* với *nguyên*. *Biếu chính* tức là *nghi biểu thiên hạ, pháp chính vạn quốc*. (làm gương cho thiên hạ, đặt pháp luật cho vạn quốc).

4

Trong lúc ốm mà xem những quyển sách đó, rút cục lại, cũng buồn. Nhưng lại bắt đầu biết có một số sĩ đại phu thông minh vẫn có thể tìm được sự nhàn thích trong vũng máu. Thí dụ *Thực bích*, có thể nói là một bộ sách thê thảm, nhưng sau bài tựa lại khắc lời phê của một vị Lạc Trai tiên sinh nào đó, nói : *"Cổ kính, ôn hòa, có phong cách của người đời Ngụy – Tấn"*.

Đó thật là một cái bản lĩnh ghê gớm ! Sự trấn tĩnh như chết đó lại đánh tan nỗi buồn của tôi.

Tôi đặt sách xuống, nhắm mắt lại, nằm mà nghĩ cách học cái bản lĩnh ấy, cho rằng cách đó với cách "quân tử xa nhà bếp" khắc hẳn nhau, bởi vì lần này quân tử thân hành xuống nhà bếp. Kết quả của sự suy nghĩ thầm lặng đó là định ra hai ngón thái cực quyền : một là, đối với thế sự, cần phải "lướt qua đi", xong thì quên ngay, không cần hiểu rõ, hình như có quan tâm chút ít, nhưng cũng chẳng lấy gì làm khẩn thiết lắm ; hai là, đối với hiện thực, cần phải "che lấp sự sáng suốt", làm cho tê liệt, lạnh lùng, đừng cảm xúc, trước thì cố gắng, sau thành tự nhiên. Việc thứ nhất, tên không được đẹp lắm, việc thứ hai, cũng là cái bí quyết của việc miễn trừ ốm đau để kéo dài tuổi thọ, ngay những nhà cổ nho cũng không kiêng nói đến. Đó đều là đạo lớn. Lại còn có một đạo nhỏ, nhẹ nhàng hơn : là cùng nhau nói láo, lừa mình, dối người.

Có một số việc, nếu nói bằng một cách khác, thì không hợp lắm, cho nên kẻ quân tử ghét người phàm tục hay "nói toạc móng heo". Kỳ thực, "quân tử xa nhà bếp" chính là một phương pháp lừa mình dối người. Quân tử không thể không ăn thịt bò, nhưng lại từ bi, không nhẫn tâm nhìn thấy nó "run sợ" khi sắp chết , thế là lánh đi, chờ khi nướng thành chả bò rồi, lúc đó mới thong thả nhấm nháp. Chả bò quyết không còn "run sợ" nữa, cũng không còn xung đột với lòng từ bi nữa, thế là ông ta yên tâm, mà lại có đủ lý lẽ, thích thú vô cùng, xỉa răng, thoa bụng, mà rằng : "Vạn vật đều có đủ ở trong ta"[1]. Cùng nhau nói láo cũng nhất định không phải chuyện hại đến nhã. Ông Tô Đông Pha khi ở Hàng Châu, có khách đến chơi, muốn khách nói chuyện ma, khách nói không có ma, Đông Pha nói : "Thì cứ nói láo mà nghe chơi !"[2]. Đến nay vẫn cho là một giai thoại văn chương.

---

(1) Nguyên văn : *"Vạn vật giai bị vu ngã hĩ"*, chương *Tận tâm*, sách *Mạnh tử*.

(2) Xem chú thích ở bài *Trò hao trên văn học* ở tập ***Viết tự do giả***.

Nói láo một tí, có thể giải buồn, cũng có thể hết bực bội : về sau sẽ quên sự thật, mà tin vào lời nói láo. Và cũng sẽ yên tâm, có đủ lý lẽ, thích thú vô cùng. Vĩnh Lạc cứ cố mà làm vua cho được, có một số sĩ đại phu cho như thế rất không hay, nhất là đối với việc y giết hại trung thần của Kiến Văn[1]. Cùng bị giết với Cảnh Thanh còn có Thiết Huyền. Cảnh Thanh bị lột da, Thiết Huyền bị bỏ vạc dầu[2], hai người con gái ông ta bị bắt đem vào giáo phường làm đĩ. Cái đó làm cho sĩ đại phu không thích lắm, nhưng có người nói : về sau hai người con gái đó dâng thơ lên quan xét tội lúc đầu, Vĩnh Lạc biết được, mới ân xá, và gả cho học trò[3].

Đó thật là "cuối bài tấu nhã"[4] làm cho người ta như cất được gánh nặng, cảm thấy Thiên hoàng vẫn là bậc thánh minh, và người tốt cuối cùng được cứu khỏi hoạn nạn. Hai cô tuy đã làm quan kỹ[5], nhưng vẫn là những người con gái có tài, hay thơ. Bố hai cô ta lại là bậc trung thần, người học trò chồng hai cô tất nhiên không thể kể là kẻ đã chịu nhục. Nhưng, cần phải "lướt qua đi", đến đó thì thôi, không nên nghĩ nữa. Nếu còn nghĩ , lại nghĩ ngay đến những cái thượng dụ (dụ của vua) của Vĩnh Lạc, có những cái đó tiếng là hung tàn, đểu cáng, đem Trương Hiến Trung tế thần Tử Đồng mà nói : "Cha tao họ Trương, mày cũng họ Trương, cha tao với mày cùng một họ. Thượng hưởng !"[6]. So sánh với những cái khác, thật là thanh cao phong nhã, đáng đưa đăng lên tạp chí hay nhất của người phương Tây. Như thế sẽ thấy hoàng đế Vĩnh Lạc quyết không phải là một vị minh quân, yêu người tài giỏi, thương kẻ yếu đuối. Huống chi giáo phường hồi bây giờ là nơi như thế nào ? Vợ con người bị tội ở đây chẳng phải được yên tĩnh mà hầu hạ

---

(1) Xem chuyện hoàng đế Vĩnh Lạc (đời Minh) lột da Cảnh Thanh nói ở đoạn 2 bài này.

(2) *Thiết Huyền*, người đất Trịnh (nay là Hà Nam), thời Kiến Văn Đế làm đến chức Thượng thư Bộ binh. Thành Tổ tức vị, bắt ông ta đến, ông ta quay lưng lại, chửi giữa triều đình, bảo ông ta quay đầu lại, ông ta nhất định không quay, sau bị cắt mũi, cắt tai, rồi cho xe đè, đến chết vẫn chửi. Vua bắt bỏ vào vạc dầu nấu.

(3) Sách *Trần trạch ký văn* đời Minh chép : Huyền có hai người con gái, vào giáo phường được mấy tháng, nhất định không chịu nhục. Có người, trước là bạn của Huyền đến, hai cô dâng thơ. Văn Hoàng (Vĩnh Lạc) nghe, nói : "Chúng nó không chịu khuất phục à ? Thôi tha cho chúng nó, rồi gả cho hai người học trò".

(4) *Khúc chung tấu nhã* : chữ lấy trong sách *Hán thư* về chuyện Tư Mã Tương Như. *Nhã* là một loại nhạc đứng đắn.

(5) Đời Minh các kỹ nữ ở trong giáo phường, có Ty giáo phường cai quản, gọi là quan kỹ.

(6) Bài văn tế này lấy trong sách *Thục bích* : "Cha tao họ Trương, mày cũng họ Trương, làm sao mà phải sợ cha tao ? Chúng tao với mày cùng là một họ cả ! Thượng hưởng !". Thần Tử Đồng cũng gọi là Tử Đồng hoàng đế, họ Trương tên Á Tử, làm quan đời Tấn, đánh trận chết, sau nhiều nơi lập đền thờ, đặc biệt là đất Thục.

khách làng chơi ; theo phương pháp Vĩnh Lạc quy định, họ còn phải "chuyển doanh", như thế là mỗi doanh trại, đến ở mấy ngày, mục đích là bắt họ phải chịu thật nhiều đàn ông làm nhục, để đẻ ra những đứa "con tồi tệ" "dâm đãng bần tiện" ! Cho nên, bây giờ "thủ tiết" thành vấn đề, chứ lúc đó, kỳ thực chỉ cho "lương dân" được đặc quyền thủ tiết mà thôi. Dưới sự thống trị đó, trong cái địa ngục đó, làm một bài thơ mà có thể được tha tội hay sao ?

Bây giờ tôi xem cuốn *Đính ngoa loại biên* (tục bổ, quyển thượng) của Hàng Thế Tuấn[1], mới biết chắc chắn giai thoại đó là láo toét. Ông ta nói :

"... Xét ra bài thơ của người con gái đầu họ Thiết là do Phạm Xương Kỳ, người đất Ngô, làm "vịnh người kỹ nữ già". *Bài thơ như sau :*

Giáo phường lạc tịch tẩy diên hoa,
Nhất phiến xuân tâm đối lạc hoa,
Cựu khúc thính lai không hữu hận,
Cố viên quy khứ khước vô gia.
Vân hoàn bán đá tâm thanh kính,
Vũ lệ tần đàn thấp giáng sa.
An đắc Giang Châu Tư mã tại,
Tôn tiền trùng vị phú Tỳ bà.

Dịch thơ :

Giáo phường xóa sổ lau son phấn,
Tan tác lòng xuân trước cánh hoa,
Khúc cũ nghe qua còn luống hận,
Vườn xưa về lại đã không nhà.
Tóc mây nửa rũ nhòa gương sáng,
Mưa lệ thường tuôn ướt áo sa,
Ước gặp Giang Châu Tư mã đó,
Khúc Tỳ trong tiệc phổ giùm ta[2].

"*Xương Kỳ, tự Minh Phượng. Bài thơ này thấy trong cuốn* Quốc triều văn toản *của Trương Sĩ Thược ; đồng thời, Đỗ Quỳnh và Dụng Gia cũng có thơ họa để là* Vô đề, *rõ ràng không phải do người con gái họ Thiết làm. Bài thơ của người con gái thứ hai có câu :*

---

(1) *Hàng Thế Tuấn* (1696 - 1773) : nhà khảo cứu học đời Thanh, làm quan ngự sử đời Càn Long. Ông viết một số sách khảo cứu, đính chính những chỗ dị đồng và thật giả trong sách cổ.

(2) Khương Hữu Dụng *dịch*.

Xuân lai vũ lộ thâm như hải,
Giá đắc Lưu lang thắng Nguyễn lang,

(Xuân về mưa móc sâu như bể.
Lấy được Lưu lang hơn Nguyễn lang)

thật chẳng ra thế nào cả. Tông chính Mục Khiết bàn về việc cách trừ[1], *nói những bài thơ của Kiến Văn lưu lạc tây nam, đều do kiểu hiếu sự làm giả mạo, đủ rõ về hai bài thơ của hai người con gái họ Thiết*".

Quốc triều văn toán, tôi chưa được xem. Thơ của người con gái thứ hai họ Thiết, Hàng Thế Tuấn cũng chưa tìm được gốc rễ, nhưng tôi thấy có thể tin lời ông ta được, mặc dù ông ta đã phá mất một giai thoại văn chương mà mọi người đều truyền. Huống chi, một là ông ta là một nhà khảo chứng học đứng đắn, hai là tôi thấy phàm những khảo chứng đưa đến kết quả làm cho người ta cụt hứng thường thường gần với sự thật hơn là cái mới nghe thì thấy hay ho, thú vị.

Trước hết, ai đem thơ Phạm Xương Kỳ gán cho trưởng nữ họ Thiết, để lừa mình dối người thế ? Tôi cũng không biết. Xem "lướt qua đi" thì cũng thôi, nhưng nghe Hàng Thế Tuấn nói toạc ra, rồi xem lại, thì thấy rõ ràng đúng là thơ làm vịnh kỹ nữ già, câu đầu không giống khẩu khí của người đang làm quan kỳ. Có điều, Trung Quốc có nhiều vị sĩ đại phu thường thích không nói có, đặt ra những câu chuyện râu ông nọ cắm cằm bà kia, không những họ ca tụng cảnh thanh bình, mà còn tô vẽ cho sự đen tối. Câu chuyện láo về hai người con gái họ Thiết chỉ là chuyện nhỏ mà thôi, đến chuyện to như lúc Hồ Nguyên cướp bóc, Mãn Thanh đốt, giết, cũng có người có thể đưa ra nói chuyện liệt nữ tuyệt mệnh, nạn phụ đề thơ vào vách, bài này là bài thơ hay truyền lại, bài kia là bài thơ họa lại, còn hăng hơn nói chuyện thê thảm, như nhà cửa trở thành gò đống, nhân dân khốn khổ điêu linh. Cuối cùng khắc thành tập, rồi đem cả thơ của mình vào, để kết thúc câu chuyện vui.

Lúc viết những dòng này, có thể nói là tôi đã lành bệnh rồi, không cần phải viết lời trối trăng nữa. Nhưng nhân tiện đây, tôi muốn nhắn nhủ bạn bè quen biết, sau này tôi chết đi, nếu như ở Trung Quốc còn có thể truy điệu, thì muôn vàn xin chớ mở những lễ truy điệu, hoặc ra những tập sách kỷ niệm. Bởi vì đó sẽ là nơi để người sống đua nhau diễn thuyết hoặc làm

---

(1) *Cách trừ* : bãi bỏ, thay đổi.

câu đối viếng. Để đặt cho được những câu hay ho kinh người, đối chọi công phu thỏa đáng, có một số nhà văn hào quả thật sẽ không tiếc nói tầm bậy. Kết quả nhiều nhất cũng chẳng qua in thành một tập sách, dù có ai xem, đối với tôi là người chết, đối với bạn đọc là người sống, đều không có ích, mà ngay đối với tác giả, thực ra cũng không có ích, câu đối viếng có hay cũng chỉ là câu đối viếng hay mà thôi !

Ý kiến của tôi bây giờ là, nếu như có thừa tiền mua giấy mực, vải trắng, chi bằng chọn mấy bộ dã sử, hoặc bút ký của người Minh, Thanh in ra, lại còn có ích cho mọi người hơn. Nhưng phải làm cho đứng đắn, chịu mất công, đừng chấm câu tầm bậy.

11 tháng 12

(Tập ***Thá giới đình***)

136. BẢN THẢO "CHƯA ĐỊNH ĐẦU ĐỀ"*

1

Những điều dự đoán hết sức bình thường cũng lắm lúc bị thực tế phá hỏng. Trước nay, tôi cứ cho dịch dễ hơn sáng tác, bởi vì ít ra cũng không phải cấu tứ. Nhưng đến khi bắt tay dịch thật, thì lại gặp khó khăn ngay. Thí dụ một danh từ hoặc một động từ, viết không được[1], khi sáng tác có thể tránh đi, nhưng dịch thì lại không thể thế được, vẫn phải suy nghĩ, cho đến khi đầu váng, mắt hoa, giống như là moi vội trong óc ra cái thìa khóa để mở hòm, nhưng không có. Ông Nghiêm Hựu Lăng nói : "Đặt một danh từ mà do dự hàng tuần, hàng tháng[2]. Đó là kinh nghiệm của ông ta, mà thật quả như vậy.

Mới đây, tôi vì dự đoán nhầm mà mang lấy khổ. Người biên tập *Thế giới văn khố*[3] muốn tôi dịch cuốn *Những linh hồn chết* của Gôgôn, tôi không nghĩ kỹ, nhận lời ngay. Sách đó, tôi chỉ mới xem qua một lần, thấy cách viết giản dị, bình thường, không phải lạ lùng, cổ quái như tác phẩm hiện đại ; người thời bấy giờ hãy còn nhảy đầm dưới ánh nến, đủ thấy cũng chẳng có danh từ gì *môđec*, Trung Quốc chưa có, người dịch không đặt ra không được. Tôi rất sợ những danh từ mới. Thí dụ "đèn điện", kỳ thực cũng không kể là mới được, nhưng một ngọn đèn điện, tôi có thể kể ra được sáu bộ phận khác nhau : dây tóc, bóng, chao đèn, diềm đèn, chỗ cắm, công tắc. Nhưng đó là tiếng Thượng Hải, ba tên sau cùng, ở nơi khác không hiểu.

---

* Bài này đăng lần đầu ở tạp chí *Văn học*, tháng 7 năm 1935.

(1) Tiếng Trung Quốc có nhiều trường hợp chỉ biết âm mà không biết cách viết, khác với loại ngôn ngữ ghép vần.

(2) *Nghiêm Hựu Lăng*, tức Nghiêm Phục (1853 - 1921) : một người dịch nổi tiếng đầu thế kỷ này. Câu này ông viết trong bài tựa bản dịch *Thiên diễn luận*.

(3) *Thế giới văn khố* : do ông Trịnh Chấn Đạc biên, xuất bản năm 1935, chia làm hai phần, một phần dành cho văn học cổ điển Trung Quốc, một phần dành cho tác phẩm dịch.

Trong thiên truyện ngắn *Công tác trong một ngày*[1], có nói đến một xưởng gang thép ; sau có một bạn đọc ở một xưởng gang thép miền Bắc gửi cho tôi một bức thư nói rằng, tên máy móc trong đó làm cho ông ta không biết thật ra chỉ những máy móc gì. Ô hô ! – ở đây đành phải ô hô vậy ! – thực ra những tên đó phần lớn tôi được thầy dạy cho hồi học về ngành đào mỏ ở Giang Nam cuối thế kỷ thứ XIX. Không biết vì cổ kim khác nhau, hay là Nam Bắc khác nhau, mà lại không hiểu được nhau như thế. Những tên đó không thể tìm thấy trong sách *Trang Tử* và *Văn tuyển* hoặc tiểu phẩm người Minh mà các nhà văn thanh niên dùng để tự bồi dưỡng. Đành chịu. "Tam thập lục kế, tẩu vi thượng sách", để khỏi mắc khuyết điểm, chẳng gì bằng đừng mó tay vào.

Giận thay, tôi còn quá tự cao tự đại, lại xem thường cuốn *Những linh hồn chết*, cho rằng chẳng kể vào đâu ; nhận về rồi thì phải dịch thật sự. Thế là đến khổ với nó. Đọc kỹ thì đúng như vậy, cách viết quả đơn giản, bình thường thôi, nhưng ở đâu cũng gặp những câu châm biếm, có câu rõ ràng, có câu kín đáo, phải cảm thấy cho được. Tuy là trùng dịch, cũng phải hết sức giữ cho nó sắc bén. Trong này quả không có đèn điện, xe hơi, nhưng thực đơn, đồ dùng đánh bài đánh bạc, áo quần ở nửa đầu thế kỷ XIX, cũng đều là những cái mới lạ. Thành ra thế tất không thể để từ điển rời khỏi tay, mồ hôi chảy đầm đìa, một mặt tất nhiên cũng chỉ đành trách trình độ về tiếng nước ngoài của mình thấp. Nhưng chén rượu phạt đó vì ngẫu nhiên tự cao tự đại trong một lúc, phải uống cho hết : tức là phải cắm đầu cắm cổ mà dịch. Đến khi chán nản, mệt mỏi, thì tùy tiện với lấy một tờ tạp chí mới xuất bản, giở xem, gọi là nghỉ. Đó là thói quen của tôi, khi nghỉ ngơi, cũng muốn tìm cái vui trong tai họa của người khác, ý như nói : bây giờ đến lượt tôi ngồi thoải mái xem các anh làm trò trống gì ?

Hình như số "hoa cái" chưa trả hết chăng, nên vẫn không được thoải mái. Với được tờ *Văn học* số 6, giở ra, thấy ngay trang đầu có quảng cáo in chữ đỏ, nói rằng số sau sẽ có một bài văn xuôi của tôi, đề là *Chưa định*. Nhớ lại, ông biên tập quả có gửi cho tôi một bức thư, bảo tôi gửi cho ít bài văn gì, nhưng tôi sợ nhất là "làm văn", cho nên không trả lời. Văn mà đến nước phải làm, thì khổ như thế nào có thể biết được. Không trả lời, tức là trả lời không làm. Không ngờ mặt khác ông ta lại đăng quảng cáo lên. Thật giống như bắt cóc, làm cho tôi khó xử quá. Nhưng đồng thời tôi lại nghĩ, cái đó có lẽ lỗi tự mình. Tôi từng có nói văn chương của tôi không phải chảy vọt

(1) Chuyện này Lỗ Tấn dịch năm 1933.

ra mà vắt mới ra[1]. Có lẽ ông ta nắm lấy chỗ yếu đó của tôi, đang dùng cách vắt ; vả lại khi gặp các ông biên tập, cũng có lẽ đôi lúc tôi cảm thấy họ có vẻ định vắt, mà lạnh cả người. Giá thử trước kia nói "văn chương của tôi, có vắt cũng vắt không ra", thì có lẽ được yên ổn hơn nhiều. Tôi rất phục nhà văn Đôxtôiepxki ở chỗ ông ta ít nói về mình, và một số nhà văn ở chỗ họ chuyên nói về người khác.

Thế nhưng, thói quen chưa bỏ được hết, tiền nhuận bút cuối cùng lại có thể đổi lấy gạo, viết một ít cũng chẳng kể là "nỗi oan ức chìm sâu đáy biển" gì gì. Ngòi bút cũng hơi cổ quái một chút, nó có cái tài "vắt" như các ông biên tập. Ngồi khoanh tay lại thì muốn ngủ gật, mà cầm bút lên tay, đặt một tờ giấy viết nháp trước mắt, thì thường thường có thể viết ra được, mặc dù chưa biết thành cái gì. Tất nhiên muốn cho hay thì chưa chắc.

2

Vẫn là chuyện dịch *Những linh hồn chết*. Ngồi cù rù trong phòng sách thì chỉ có những chuyện như thế mà thôi. Trước khi cầm bút, phải giải quyết vấn đề : ra sức làm cho nó đổi quốc tịch đi, hay là giữ cái vẻ Tây của nó. Ông Thượng Điền Tiến, người dịch ra tiếng Nhật Bản, chủ trương dùng cách thứ nhất. Ông ta cho rằng dịch tác phẩm châm biếm, thì trước hết phải cho dễ hiểu, càng dễ hiểu, hiệu lực càng mạnh. Cho nên trong bản dịch của ông, có lúc một câu, ông ta biến thành nhiều câu, gần như là giải thích. Ý kiến tôi lại khác. Chỉ cần dễ hiểu thì chỉ bằng sáng tác, hoặc giả cải tác, việc thì đem đổi thành việc Trung Quốc, người cũng đổi thành người Trung Quốc cho rồi. Nếu vẫn là dịch, thế thì mục đích trước tiên là ở chỗ giới thiệu tác phẩm nước ngoài, không những chuyển dịch tình ý mà cũng phải có ích cho trí tuệ, ít ra là làm cho người đọc biết ở đâu, thời nào, có việc như thế, giống như đi du lịch nước ngoài vậy. Tác phẩm dịch phải có cái tình điệu của nước ngoài, tức cái gọi là "vẻ Tây". Kỳ thực, trên thế giới làm gì có những bản dịch hoàn toàn đổi quốc tịch như thế, nếu có tức là mạo hợp thần ly[2], phân biệt một cách nghiêm khắc, thì không kể được là dịch. Dịch thì phải chú ý cả hai mặt : một là phải cho dễ hiểu, hai là phải giữ phong cách của nguyên tác, nhưng giữ phong cách đó thường lại mâu thuẫn với việc làm cho dễ hiểu : nhìn không quen mắt. Có điều nó vốn là thằng Tây, tất

(1) Xem *Vì sao tôi viết AQ chính truyện*, tập ***Hoa cái tiếp theo***.
(2) Tức là vẻ ngoài thì giống nhưng tinh thần thì khác.

nhiên chẳng ai nhìn quen mắt cả. Để cho dễ coi thì đành phải thay áo quần cho nó, nhưng không nên xẻo mũi nó đi, móc mắt nó ra. Tôi là kẻ chủ trương không xẻo mũi, móc mắt, cho nên có vài chỗ, thà dịch ra không trơn cũng được. Chỉ cách tổ chức câu văn, thì không cần phải chặt chẽ như một bài lý luận khoa học, cứ tùy tiện tự do, nhưng chữ *"địa"* của phó từ thì vẫn dùng, bởi vì tôi thấy độc giả đã nhìn quen chữ ấy không phải là ít nữa[1].

Nhưng "may chăng, không may chăng ?" do chuyện này mà tôi mới phát hiện ra được một chức nghiệp mới của tôi : làm bồi Tây.

Vẫn là trong lúc nghỉ, giở tạp chí xem ; lần này gặp một bài "đại văn" của ông Lâm Ngữ Đường trên tờ *Nhân gian thế* số 28. Trích ra sẽ làm mất tinh thần của nó, hay là chép cả một đoạn[2].

"Người thời bây giờ cứ hay bắt chước Tây, tự cho là môđec, *thậm chí không kể đến văn pháp Trung Quốc, muốn bắt chước Anh văn, chia ra* "lịch sử địa" *làm hình dung từ và* "lịch sử địa đích" *làm trạng từ, tức là mô phỏng chữ* historic-al-ly *của Anh văn, để một cái đuôi sam kiểu Tây. Thế nhưng chữ* "khoái lai" *(lại đây nhanh lên !), sao lại không nhân có chữ* "khoái" *là trạng ngữ mà đổi là* "khoái địa đích lai" ? *Cái trò ấy chỉ là yêu nghiệt quái vật ở phố Tây, không thể cho là văn học được, nhưng có tài làm bồi Tây. Tệ của thói đó là ở chỗ nô lệ, cách cứu vãn là phải suy nghĩ"* (Tám điều tệ hại của văn chương mới).

Thật ra, dùng chữ *"địa"* không nhất định là do người Trung Hoa cao đẳng giỏi Anh văn mà ra. "Anh văn", "Anh văn" – cười mỉm đi ! Huống chi, xem ngữ khí câu hỏi vặn ở trên thì tựa hồ như "người thời bây giờ" "cứ hay bắt chước Tây", nhưng thực tế cũng không đổi *"khoái lai"* thành *"khoái địa đích lai"*. Đó chỉ là tác giả tưởng tượng, cho nên mới thành danh văn, đại khái gần được như cái gọi là *"giữ được cho mình tự chủ, thì sẽ thoải mái, tự do, sướng không gì bằng"*. Có điều không thiết thực, nếu là "người thời bây giờ" "tự xưng là môđec" mà nói như thế, thì "cái tệ là ở chỗ phù phiếm".

---

(1) Sau các phó từ của Trung Quốc có chữ *"địa"*. Khi dịch văn các nước phương Tây, người Trung Quốc phải dùng rất nhiều chữ *"địa"* như thế. Hồi bấy giờ có nhiều người phản đối cho đó là "văn Tây".

(2) Trong bài *Tám điều tệ hại của văn chương mới* : bán đồ hộp Tây, nói giọng bồi Tây, Lâm Ngữ Đường viết : "người thời bây giờ muốn theo cho kịp mốt mới, sợ lạc lõng, thế là lập dị, đua nhau môđec. Thí dụ, y học thì lấy quang tuyến X của Tây so sánh với thuyết âm dương ngũ hành của Trung Quốc... Nếu nghiên cứu sâu thì sẽ thấy điều phải trái mà nói... Cách nói tuy không hợp lắm nhưng công hiệu lại như nhau... Nếu với ý kiến bè phái thì mất tự chủ, đau xót không nói ra lời, giữ được cho mình làm chủ thì thoải mái tự tại, sướng không gì bằng...". Dưới tức là đoạn tác giả trích dẫn.

Giả thử cho đến ngày nay tôi vẫn ở quê nhà, xem đoạn văn này, tôi cũng hiểu được. Tin chắc như thế. Ở chỗ chúng tôi chỉ có mấy ngôi giáo đường Tây, trong đó chắc phải có những vị bồi Tây, nhưng rất ít khi được gặp. Muốn nghiên cứu bồi Tây, phải lấy bản thân ra làm mẫu, tuy không "tốt lắm" nhưng cũng dùng được. Nhưng lại "may chăng, không may chăng ?", sau này đến Thượng Hải, Thượng Hải có nhiều Tây, do đó có nhiều bồi Tây, cũng do đó tôi có nhiều cơ hội gặp mặt. Không những gặp mặt mà còn được hân hạnh nói chuyện với mấy vị trong bọn họ. Đúng, họ biết tiếng Tây, đại để tiếng Tây họ hiểu là "Anh văn", "Anh văn". Nhưng đó là cần câu cơm của họ, chuyên dùng để phục vụ ông chủ Tây, họ quyết không đem cái đuôi sam Tây đưa vào tiếng nói của Trung Quốc, tất nhiên càng không có ý làm loạn văn pháp Trung Quốc. Có lúc họ cũng dùng mấy chữ dịch âm, như *"na ma uân", "thu xư"*[1]..., nhưng đó cũng là những tiếng xưa nay đã dùng quen, chứ không phải lập dị, để tỏ ra mình môđec. Trái lại họ là những nhà quốc túy, khi có thì giờ nhàn rỗi, họ kéo nhị, hát bài *Thăm mẹ* ; làm việc thì mặc chế phục, hết giờ thì thay áo quần Trung Quốc, hoặc khi xin phép đi chơi, kẻ có tiền thì giày đoạn, áo lụa, nhưng thích đội mũ cói, mắt cũng không đeo kính gọng đồi mồi, ra vẻ già. Nếu như dùng cái mắt "bè phái" Tây, Tàu mà nhìn thì sự thay đổi như thế cũng không khỏi có khuyết điểm.

Lại giả thử tôi phải tìm nghề khác, mà có thể nói được tiếng Anh, thì quả thật tôi sẽ đi làm bồi Tây, bởi vì tôi cho rằng làm việc lấy tiền thì bồi Tây với lại đầy tớ Tàu, về nhân cách, cũng không phải bên nào hơn bên nào kém, cũng như đem sức lao động ra làm việc ở công xưởng người nước ngoài hoặc ở công xưởng người Trung Quốc mà lấy tiền công, hay trả học phí đến học trường Đại học nước ngoài, hoặc trường Đại học Trung Quốc để lấy mảnh bằng, thì không thể phân biệt bên nào ti tiện, bên nào thanh cao được. Bồi Tây sở dĩ đáng ghét không phải ở chỗ nghề làm ăn của họ, mà ở chỗ cái "tướng bồi Tây" của họ. Cái gọi là "tướng" ở đây không phải là tướng mạo, mà là cái "trong bụng có thế nào thì hiện ra nét mặt thế ấy"[2] bao gồm cả "hình thức" và "nội dung". Cái "tướng" đó là cảm thấy thế lực của người Tây hơn người Trung Quốc, tự cho mình biết tiếng Tây, gần người Tây, nên cũng hơn người Trung Quốc ; nhưng tự mình lại là con cháu

---

(1) *"Na ma uân"* : tức *number one* (số một, đệ nhất). Đương thời, người Thượng Hải hay dùng chữ này để khen. *"Thu xư"* : tức *toast* (bánh mì nướng).

(2) Câu này lấy ở sách *Đại học*.

Hoàng Đế, có một nền văn minh cổ, hiểu thấu tâm tình người Trung Quốc, hơn hẳn thằng Tây, nên cũng hơn hẳn cả người Tây là hạng người thế lực hơn người Trung Quốc, do đó càng hơn người Trung Quốc là hạng người còn thua người Tây. Bọn lính cảnh sát người Trung Quốc ở tô giới, thường có cái "tướng" đó.

Ở lưng chừng giữa Tây và Trung Quốc, giữa chủ và đầy tớ, đó là cái tướng bồi Tây trên phố Tây hiện nay. Nhưng lại không phải là "cười tường"[1], bởi vì hắn lưu động, "thoải mái tự tại", cho nên cũng tự lấy làm sướng, trừ phi anh làm cho hắn cụt hứng.

3

Do điều nói trên, thì "tướng bồi Tây" nhất định có liên quan đến cái nghề làm ăn của hắn, nhưng lại không hoàn toàn liên quan đến nghề làm ăn của hắn, mà một phần là do truyền thống trước khi chưa có bồi Tây. Cho nên cái tướng đó, có lúc ngay các bậc sĩ đại phu thanh cao cũng không tránh khỏi. "Sự đại"[2] trong lịch sử có rồi, "tự đại" trong thực tế cũng thường có ; "sự đại" và "tự đại" tuy trái ngược nhau, nhưng vì "sự đại" mà "tự đại", nên trong thực tế lại thường thấy hắn có thể nhìn một cách ngạo mạn tất cả những người mà đến "sự đại" cũng không xứng. Cái ông Văn Tố Thần, "chịu dưới một người, đè trên nhiều người" trong cuốn *Dã tẩu bộc ngôn*, mà mọi người phục lăn, là một điển hình loại đó[3]. Ông ta tôn sùng người Trung Quốc đè nén người man di, kỳ thực là "bồi Mãn". "Bồi Mãn" ngày trước cũng như bồi Tây ngày nay vậy.

Cho nên, tuy những nhà trí thức chúng ta tự cho mình hơn hẳn bồi Tây, nhưng gột rửa chưa sạch, nên khi nhiều lời thường cũng lòi đuôi ra. Lại chép một đoạn danh văn ra đây :

---

(1) Nghĩa là lưng chừng.

(2) "*Sự đại*" : ý nói *phụng sự nước lớn*. Chữ này lấy ở sách *Mạnh Tử*, thiên *Lương Huệ Vương*. Tề Huyên Vương hỏi : Có nguyên tắc nào để giao thiệp với các nước láng giềng không ? Mạnh Tử trả lời : có. Chỉ ông vua nhân mới có thể lấy tư cách là nước lớn mà đem lại lợi ích cho nước nhỏ, và chỉ có ông vua trí mới có thể lấy tư cách là một nước nhỏ phụng sự nước lớn.

(3) *Văn Tố Thần* : nhân vật chính trong cuốn *Dã tẩu bộc ngôn*, ra làm quan thì "chịu dưới một người, đè trên nhiều người". Ở dưới nói "tôn sùng người Trung Quốc, đè nén người Man di" là vì trong sách có nói ông ta "chinh Miêu", "bình Ủy". Cuốn sách này tả chuyện cuối đời Minh, cho nên nói ông ta là "bồi Mãn", e không đúng.

"... Người đó trong văn học thì nay giới thiệu nhà thơ Ba Lan, mai giới thiệu nhà văn Tiệp Khắc, nhưng đối với những nhà văn Anh, Mỹ, Pháp, Đức đã nổi tiếng rồi, thì lại chê là cũ rích, không muốn hiểu sâu, tìm một cứu cánh. Như thế có khác gì phụ nữ ăn diện thì muốn cho đúng mốt, thế nào cũng chưa cho là đẹp, là xinh, nhưng lại than thở mình phận gái, phải đem nhan sắc thờ người, nỗi khổ không nói ra hết. Tệ của thói đó, là ở chỗ phù phiếm, cách cứu vãn là phải học". (Tám điều tệ hại trong văn chương ngày nay).

Nhưng nhớ lại thì việc "ăn diện" đó bắt đầu từ lâu rồi. "Giới thiệu nhà thơ Ba Lan" là chuyện ba mươi năm trước, bắt đầu trong bài *Bàn về sức mạnh thơ Mara* của tôi. Hồi đó Mãn Thanh chủ tể Trung Quốc, dân Hán bị áp bức, cảnh ngộ Trung Quốc rất giống Ba Lan, đọc thơ họ, dễ hợp với lòng mình, chẳng những không có ý "sự đại", mà cũng không có ý lấy lòng ai. Sau này tờ *Tiểu thuyết nguyệt báo* ở Thượng Hải còn xuất bản một số đặc biệt về tác phẩm các dân tộc nhỏ yếu, cái phong khí ấy bây giờ yếu đi rồi, dù thỉnh thoảng hãy còn, cũng chẳng qua là cái dư ba của mạch đó mà thôi. Nhưng những thanh niên được cái may mắn sống thời Dân Quốc thì không biết, còn như những kẻ nô lệ cậy thế cậy thần, những kẻ thờ con bò vàng[1] tất nhiên càng không biết. Bây giờ dù có giới thiệu nhà thơ Ba Lan, nhà văn Tiệp Khắc, thì sao gọi là "nịnh" được ? Họ không có những nhà văn "đã nổi tiếng rồi" hay sao ? Huống chi "đã nổi tiếng rồi" , thì ai nghe tiếng đó và nghe ở đâu ? Đành rằng, Anh, Mỹ, Pháp, Đức có người truyền đạo ở Trung Quốc, hiện có hoặc từng có tô giới ở Trung Quốc, có đóng quân mấy chỗ, có đóng chiến hạm mấy chỗ, người buôn nhiều, dùng bồi Tây cũng nhiều, đến nỗi làm cho người thường chỉ biết có "Đại Anh", "Hoa Kỳ", "Pháp" và "Gecman"[2], mà không biết trên thế giới còn có Ba Lan, Tiệp Khắc. Nhưng văn học thế giới, thì phải nhìn bằng con mắt văn học, chứ không thể nhìn bằng con mắt vụ lợi được, cho nên văn học không cần phải dùng tiền bạc hay súng ống mà yểm hộ Ba Lan, Tiệp Khắc, tuy chưa từng tham gia liên quân tám nước đánh Bắc Kinh, nhưng họ có một nền văn học, có điều một số người chưa "nghe tiếng" mà thôi. Nhà văn nước ngoài, muốn có tiếng tăm ở Trung Quốc, mà chỉ dựa vào tác phẩm thì không đủ, trái lại sẽ bị xem thường.

Cho nên, cũng như vậy, văn học những nước chưa hề đánh nhau với Trung Quốc, như sử thi Hy Lạp, ngụ ngôn Ấn Độ, *Một nghìn một đêm lẻ* của Ả Rập, *Đông Kisôt* của Tây Ban Nha[3], dù "nổi tiếng" ở các nước khác

---

(1) Ý nói chỉ nghĩ đến tiền.
(2) *Hoa Kỳ* là Mỹ, *Gecman* là Đức. Đó là những tiếng người Thượng Hải thời đó hay dùng.
(3) *Don Quichotte* : tiểu thuyết của M.de Cervantès (1547 – 1616).

không kém gì tác phẩm của các nhà văn Anh, Mỹ, Pháp, Đức, nhưng ở Trung Quốc thì lại bị bỏ rơi. Nước của họ hoặc giả đã bị tiêu diệt, hoặc giả yếu, cho nên cũng không cần phải "nịnh".

Đối với tình trạng này, tôi thấy có thể lấy làm huấn từ của ông Lâm Ngữ Đường dẫn ở đoạn trên đưa vào đây :

"*Tệ của thói ấy là ở chỗ nô lệ, cách cứu vãn là phải suy nghĩ*".

Có điều đoạn cuối không thích hợp, đã "*nô lệ*" thì *"suy nghĩ"* cũng có ích gì. Suy đi nghĩ lại chẳng qua chỉ có thể làm "nô lệ" khéo hơn một tí mà thôi. Trung Quốc thà có những tên bồi Tây chưa "suy nghĩ", văn học sau này may ra còn có hy vọng đôi chút.

Nhưng "những nhà văn Anh,, Mỹ, Pháp, Đức đã nổi tiếng" ở Trung Quốc cũng không gặp may. Trung Quốc từ khi lập trường, học bốn thứ tiếng đó, thời gian kể đã lâu, lúc đầu chỉ là đào tạo mấy người thông ngôn ở sứ quán, nhưng về sau, thì lan ra, rộng lắm. Học tiếng Đức thịnh vào hồi cải cách quân sự cuối Thanh, học tiếng Pháp thịnh vào hồi "cần công kiệm học" thời Dân Quốc[1]. Học tiếng Anh sớm nhất, một là vì thương mại, hai là vì hải quân, số người học tiếng Anh cũng nhiều nhất, sách giáo khoa và sách tham khảo làm ra để dạy tiếng Anh cũng nhiều nhất, học giả, nhà văn nhờ học tiếng Anh mà nổi cơ đồ cũng không ít. Nhưng hải quân chẳng qua là dùng chiến hạm chở người ; giới thiệu Scốt, Đicken, Đơ Fôi, Xuyp, những nhà văn "nổi tiếng", là ông Lâm Thư[2] chỉ biết Hán văn mà thôi, và giới thiệu mấy vở kịch của Sêcxpia, nhà văn nổi tiếng nhất, cũng chờ ông Điền Hán[3] là người không phải chuyên môn nghiên cứu tiếng Anh. Nguyên nhân đó thật không "suy nghĩ" không được.

Nhưng bây giờ lại xảy ra nguy cơ "nay giới thiệu nhà thơ Ba Lan, mai giới thiệu nhà văn Tiệp Khắc", làm cho những nhà văn các nước đó nổi tiếng ở Trung Quốc, mà văn chương của Anh, Mỹ, Pháp, Đức thì lại không thể cùng tài lực và võ lực của họ đi sâu vào rừng văn hiện tại, những con "chó ngoắt đuôi" không có hằng tâm, mà kẻ chí ở chốn cao sơn thì lại không thèm mó tay vào, có điều trong núi rừng lại thấy có ánh đèn điện hắt ra, trong những bài ghi chép lại có xen vào ít câu tiếng Tây, "đối với các nhà

---

(1) Năm 1914, Thái Nguyên Bối có tổ chức Hội Cần công kiệm học, hô hào sang Pháp học, làm công lấy tiền ăn học. Nhiều người hưởng ứng. Đến năm 1921, hội đó giải tán.

(2) *Lâm Thư* : tức Lâm Cầm Nam , thường nhờ người khác dịch miệng rồi ông viết ra thành văn. Ông không biết tiếng ngoại quốc.

(3) Năm 1921, Điền Hán có dịch hai vở kịch của Sêcxpia : *Rômêô và Juliet, Hamlet*.

văn Anh, Mỹ, Pháp, Đức "nổi tiếng", thật không biết chờ ai, và bao giờ mới đến "tìm một cứu cánh". Tác phẩm của những nhà văn đó tất nhiên cũng hay lắm, nhưng A thì nói không có tài, thấy mênh mông mà khiếp, B thì nói các anh sao không chuyên tâm đi sâu vào tìm hiểu. Chuyện tiếu lâm cũ[1] kể : Ngày xưa có một người con có hiếu. Bố ốm, y nghe nói thịt người có thể chữa khỏi, nhưng sợ đau, y liền cầm dao đi ra, gặp người đi đường, nắm lấy tay, định xẻo một miếng. Người kia kinh hãi, chống cự. Anh con có hiếu nói : "Cắt thịt chữa bệnh cho cha, là đại hiếu, các anh lại chống cự, há phải người sao ?". So sánh hay thật ; ông Lâm Ngữ Đường nói : " Cách nói tuy không hợp lắm, nhưng công hiệu lại như nhau". Cách chống chế khéo thật !

10 tháng 6

(Tập ***Thả giới đình tập II***)

(1) Chuyện này lấy ở sách *Truyền gia bảo* do Thạch Thành Kim đầu Thanh soạn.

137. BẢN THẢO "CHƯA ĐỊNH ĐẦU ĐỀ"*

6

Nhớ anh T có nói với tôi rằng : sau khi *Tập ngoại tập*(1) của tôi xuất bản, ông Thi Trấp Tồn có phê bình trên một tờ báo nào đó, cho rằng tập ấy không đáng đem ra in, tốt nhất là tuyển lại(2). Đến nay tôi vẫn chưa được xem tờ báo ấy, nhưng căn cứ vào việc ông ta tôn sùng cuốn *Văn tuyển*, chỉnh lý *Tiểu phẩm của hai mươi nhà* cuối Minh và nêu lên đức tính "ngôn hành nhất trí" mà suy luận, thì câu nói trên cũng giống của ông ta. Bây giờ tôi không định nghiên cứu ngôn hành của ông ta, nên cũng không để ý đến những chuyện đó làm gì.

Tập ngoại tập không đáng đem ra in, bất cứ ai nói, cũng đúng cả. Thật ra, há phải chỉ một cuốn đó mà thôi đâu ! Tương lai, lúc mở lại Tứ khố quán(3), e bao nhiêu sách tôi sáng tác hoặc dịch, sẽ bị loại ra hết. Bây giờ mà trong mục lục sách của *Thiên Tân đồ thư quán*, dưới *Gào thét* và *Bàng hoàng* đã có chú một chữ "tiêu" rồi. *Tiêu* tức là *tiêu hủy*, giáo sư Lương Thực Thu lúc làm chủ nhiệm cái đồ thư quán nào đó, nghe nói cũng đã trục

---

* Đoạn 6 và 7 đăng lần đầu trên tạp chí *Hải Yến* số tháng 1 năm 1936. Đoạn 8, 9 đăng lần đầu ở tạp chí đó số tháng 2 năm 1936.

(1) *Tập ngoại tập* : gồm những bài tạp văn của Lỗ Tấn viết trước năm 1933, chưa được thu thập vào tập nào cả. Tập này do Công ty Quần chúng đồ thư ở Thượng Hải xuất bản tháng 5 năm 1935.

(2) Bài của ông Thi Trấp Tồn đề là *Giá trị văn nghệ của tạp văn* có đoạn viết : "Ông ta (Lỗ Tấn) là người không "hối hận vì ít sáng tác". Ngay những bài văn linh tinh trong *Tập ngoại tập* mà cũng in ra, bán bảy hào bạc. Tôi mong mỏi rằng các nhà văn khi thu thập tác phẩm của mình, hãy nên chọn lọc một chút, cái nào lấy, cái nào bỏ. Bởi vì thời buổi bây giờ, sách báo ra loạn xị, nhà văn nào mà chẳng có ít nhiều văn chương thù tạc, nếu có thể soạn thành tập thì nên nghiêm khắc bỏ bớt đi. Ít ra đó cũng là một thái độ nghiêm túc đối với tác phẩm của mình".

(3) Vua Càn Long đời Thanh có mở cái gọi là *Tứ khố toàn thư quán*, thu thập sách trong thiên hạ, trong mười năm hơn 168.000 cuốn.

xuất bao nhiêu sách tôi sáng tác và dịch ra cả. Nhưng xét tình hình chung thì giới xuất bản hiện nay quả thật không thận trọng lắm, cho nên mới in cuốn *Tập ngoại tập* của tôi, tựa hồ họ cho rằng cũng không đến nỗi phí giấy mực. Còn như một bản tuyển tập, thì tôi lại thấy lợi ít mà hại nhiều. Còn nhớ năm trước, tôi đã có viết một bài về "tuyển tập", nói rõ ý kiến của mình, sau đó đưa vào *Tập ngoại tập*.

Tất nhiên, nếu tùy tiện xem chơi, thì tuyển tập gì cũng được hết, *Văn tuyển* cũng được mà *Cổ văn quan chỉ* cũng được. Có điều muốn nghiên cứu văn học hoặc một nhà văn nào đó, muốn "tri nhân luận thế", thì khó lòng có một tuyển tập nào dùng được. Cái mà tuyển tập cho ta thấy thường thường không phải đặc sắc của nhà văn, mà là cách nhìn của người tuyển. Cách nhìn càng sắc sảo, kiến thức càng sâu rộng, tất nhiên tuyển tập càng chính xác, nhưng tiếc thay, phần đông người tuyển, con mắt chỉ bằng hạt đậu, làm mất chân tướng của tác giả, đó chính là "văn nhân bạo kiếp"[1]. Thí dụ Thái Ung[2], nhà làm tuyển tập đại để chỉ lấy văn bia của ông ta, khiến cho độc giả cảm thấy ông ta chỉ là một tay tài về văn chương điển cố. Phải xem bài *Thuật hành phú*[3] trong *Thái trung lang tập* (cũng thấy trong tập *Tục cổ văn uyển*), có những câu như : "*Chỉ cốt đẹp lâu đài hề, dân ngủ giữa trời sương ướt ; Đổ thóc lúa cho cầm thú hề, còn trơ lại trấu lép*", (trong tay không có sách, có lẽ nhớ sai, xin để sau đính chính), mới biết ông ta không phải chỉ là một nhà trí thức già mà cũng là một người có khí huyết, biết tình hình thời bấy giờ như thế nào, và biết quả thật ông ta chọn lấy con đường chết. Lại như ông Đào Tiềm, mà người làm tuyển tập chỉ lấy bài *Quy khứ lai từ* và bài *Đào hoa nguyên ký*, được nhà bình luận tán thưởng hai câu : "*Dưới giậu đông hái cúc, nhìn xa thấy núi Nam*", trong mắt người đời sau, đã trở thành phiêu dật quá lâu rồi, nhưng trong toàn tập, thì ông ta có lúc lại rất *môđec* :

Nguyện tại ti nhi vi lý,
Phụ tố túc dĩ chu tuyền.
Bi hành chi chi hữu tiết,
Không ủy khí vu sàng tiền.

---

(1) Nghĩa là "tai nạn lớn nhất của nhà văn". Dị bản "văn nhân tẩy kiếp" (nghĩa là : vơ vét sạch tài sản của nhà văn)

(2) *Thái Ung* (132 – 192) : nhà văn cuối Hán, bố nữ sĩ Thái Văn Cơ.

(3) Bài *Thuật hành phú* của Thái Ung là một bài nói lên lòng phẫn nộ của ông ta đối với sự lộng quyền của bọn hoạn quan cuối Hán. Về sau bị khép vào tội thuộc bè đảng Đổng Trác, chết trong ngục.

Dịch thơ :

Ước thành tơ làm dép,
Ôm ấp mãi chân ngà.
Buồn lúc đi lúc nghỉ,
Vứt bỏ dưới sàn nhà[1].

Muốn rùng mình một cái, biến thành đôi giày, "Ôi chao, người yêu của tôi ơi !". Tuy về sau, ông ta có nói : " Phải dừng lại ở chỗ lễ nghĩa", chưa thể tấn công đến cùng, những lời thú nhận hồ đồ đó, rút cục táo bạo lắm. Ngay thơ ông ta, trừ câu "*Du nhiên kiến Nam sơn*" mà các nhà phê bình lấy làm phục, còn có những câu :

Tinh vệ hàm vi mộc,
Tương dĩ điền thương hải.
Hình thiên vũ can thích,
Mãnh chí cố thường tại.

Dịch thơ :

Tinh vệ ngậm cành cây
Để đem lấp biển cả,
Con Hình thiên múa rìu,
Chí lớn vẫn còn đó[2].

kiểu "Kim cương trợn mắt" [3], chứng tỏ rằng không phải ông ta phiên dật suốt ngày suốt đêm. Câu "*Chí lớn vẫn còn đó*" với câu "*Nhìn xa thấy núi Nam*" đều là của một người, nếu bỏ câu này, lấy câu kia thì không được toàn diện, lại còn tán tụng câu này, dìm câu kia, thì càng xa sự thực. Thí dụ, dũng sĩ cũng chiến đấu, cũng nghỉ ngơi, cũng ăn uống, tất nhiên cũng nằm với vợ, nếu chỉ chọn điểm cuối cùng, vẽ thành một bức tranh, treo ở nhà thổ, tôn là bậc thầy về giao cấu, thì đương nhiên cũng không thể nói là không có chút căn cứ nào, nhưng há không oan hay sao ? Mỗi khi thấy người thời bấy giờ đưa Đào Uyên Minh ra tán tụng, tôi thường không khỏi thương cho cổ nhân.

---

(1), (2) Những câu này lấy trong bài *Nhàn tình phú*.

(3) Sách *Thái bình quảng ký* chép : "Tiết Đạo Hành đời Tùy đi vãn cảnh chùa Khai Thiên ở núi Chung Sơn, nói với tiểu tăng : Sao Kim Cương lại trợn mắt như thế, sao Bồ Tát lại cúi mặt xuống như thế ? Tiểu tăng trả lời : Kim Cương trợn mắt mới hàng phục được bốn con yêu quái, Bồ Tát cúi mặt cho nên mới từ bi". (Kim Cương, tên đầy đủ là Chấp Kim Cương thần, còn gọi là Kim Cương lực sĩ, là vị thần tay cầm cây chày bằng kim cương để hộ trì Phật pháp).

Cái đó cũng có liên quan đến vấn đề tiếp thu di sản văn học, người mà đã suy đồi đến nỗi u mê, thì phàm văn hay, cũng không thu nạp được. Mấy hôm trước, thấy trên tờ *Thanh quang*, phụ trương của *Thời sự tân báo*, có dẫn lời của ông Lâm Ngữ Đường, nguyên văn vứt đi rồi, đại ý là : Lão Trang hay nhất, lời bà già chửi ngoài phố dở nhất, ông ta đều muốn xem, có tầm thường trung bình thì ăn cắp cái hay nhất và cái dở nhất, không đáng xem[1]. Nếu tôi nhớ không nhầm thì như thế là không những tuyên bố tử hình những tác phẩm loại trung bình như *Ngữ lục*[2] của người đời Tống, *Tiểu phẩm* của người đời Minh, cho đến *Luận ngữ, Nhân thế gian, Vũ trụ phong*, và cũng chứng tỏ rõ ràng con người đó không có một chút tự tín nào. Có điều đó là bụng đói mà vẫn làm cao đấy thôi, bởi vì dù "trung bình", nhưng cũng không phải nhất loạt như thế cả, dù cũng là ăn cắp, nhưng có khi lấy được cái hay, có khi lấy phải cái không dùng làm gì được, có khi lại lấy phải cái hỏng. Còn như dưới cái "trung bình", thì ăn cắp cũng không biết ăn cắp, "Lão Trang" bất tất phải nói nữa, ngay văn chương Minh Thanh, dễ thường xem đã thật hiểu chưa !

Chấm câu cổ văn không những làm cho học sinh đi thi lúng túng, mà cũng thường làm cho nhà học giả danh tiếng nhăn nhó. Những câu chuyện giai thoại về chấm câu bừa bãi các bài từ khúc, làm sai lạc những bài văn biền ngẫu, đã thành chuyện cũ rồi, không cần phải nhắc lại nữa. Năm nay có nhiều loại gọi là "sách quý" giá rẻ, ra đời, đều do các nhà nổi tiếng chấm câu. Những người quan tâm thế đạo rất lấy làm lo, cho rằng như thế đủ để nhen lên ngọn lửa phục cổ. Tôi thì không bi quan như vậy, bỏ ra một đồng mấy hào, mua mấy cuốn, đã được đọc văn chương trung bình của thời cổ, lại được xem cách chấm câu trung bình của thời nay ; do đó mà đi đến kết luận, người trung bình thời nay vị tất đã hiểu nổi văn chương trung bình thời cổ.

Thí dụ – đưa thí dụ này ra rất nguy hiểm, từ cổ chí kim, nhà văn mất mạng thường cũng chẳng phải vì cái "idéologie"[3] của mình sai trái, mà phần nhiều vì thù riêng, nhưng ở đây vẫn phải đưa ra, vì viết đến đây, phải có thí dụ, đúng như người ta nói : "Tên đặt trên dây cung rồi, không thể

---

(1) *Thanh quang* : tờ phụ trương của *Thời sự tân báo*. Lâm Ngữ Đường viết : "Tôi thích đọc sách thật hay hoặc sách thật dở, sách tầm thường thì ít đọc, hay như Phật, Lão, Khổng, Mạnh, Trang Sinh, dở như những bài đồng dao dân ca, những lời chửi mắng của bà già ngoài phố, mụ chèo đò. Chín mươi lăm phần trăm tác phẩm trên thế giới đều vào hạng trung bình. Những sách tầm thường là ăn cắp sách dở, hoặc mô phỏng sách hay, mà lại ăn cắp, mô phỏng không khéo".

(2) Sách ghi lời nói các bậc danh sĩ.

(3) Tức là *ý thức hệ*.

không bắn". Nhưng suy đi nghĩ lại, đành quyết hãy "tạm giấu tên", may ra tránh được tai nạn chăng, đó là tôi đang lợi dụng cái khuyết điểm người Trung Quốc chỉ giữ thể diện hão[1].

. . . . . .

Ở đây, tôi cũng phạm phải cái tội "các nhà văn khinh nhau", tội trạng là : "bới lông tìm vết", nhưng tôi lại nghĩ là "lấy công đền tội", chứng minh có những người danh tiếng mà ngay xem văn cũng không hiểu, chấm câu không được, nếu làm tuyển tập, nói bài này hay, bài kia dở, thì thật không khỏi khiến cho người ta dựng tóc gáy lên. Cho nên người đọc sách cẩn thận thì một là không dựa vào tuyển tập, hai là không tin vào cách chấm câu.

7

Lại còn có một cách cũng làm cho người đọc lầm lẫn như thế, tức là "trích dẫn". Thường thường là xé lấy cái hoa thêu trên tấm áo, người trích dẫn thổi phồng lên hoặc tán tụng thêm, nói là phiêu nhiên vật ngoại, không nhuốm bụi trần. Độc giả không thấy toàn bài, thì cũng bị họ làm cho mờ mắt. Rõ ràng nhất là thí dụ *"Nhìn xa thấy núi Nam"* đã nói ở đoạn trên. Câu trích dẫn đó tác quái làm cho quên những bài *Thuật tửu*[2] và *Độc sơn hải kinh* của Đào Tiềm, biến ông ta thành một người an nhàn tự tại. Gần đây, trong tạp chí *Trung học sinh* số tháng 12, thấy có bài *Bàn về câu "Đàn dứt người không thấy, Trên sông mấy núi xanh"*[3] của ông Chu Quang Tiềm[4] cho hai câu thơ đó là hay tuyệt. Tôi cảm thấy cũng không tránh khỏi cái tệ cho cắt xé làm đẹp. Ông ta khen như thế này :

"Tôi thích hai câu thơ này, có lẽ vì nó gợi cho tôi một ý vấn súc về triết lý : "Đàn dứt người không thấy" *biểu hiện sự tiêu tan,* "Trên sông mấy núi xanh" *biểu hiện sự vĩnh cửu. Tiếng đàn và người gảy đàn đáng mến kia tuy không còn, nhưng núi xanh thì vẫn cao vời vợi như trước, mãi mãi có thể để cho ta gửi gắm tâm tình. Người ta ai cũng sợ thê lương, muốn có bạn.*

---

(1) Lỗ Tấn cử một thí dụ chấm câu sai lấy trong cuốn *Lang hoàn văn tập* của Trương Đại. Cuốn này do Lưu Đại Kiệt chấm câu, xuất bản năm 1935. Chúng tôi lược đi.

(2) Theo một nhà chú thích đời Nam Tống thì bài *Thuật tửu* của Đào Tiềm ám chỉ sự biến chính trị quan trọng nhất đương thời, tức là việc Tống thay Tấn. Nhưng lời lẽ ẩn ước, người xem không thấy được. Trong bài *Quan hệ giữa phong độ, văn chương Ngụy Tấn với rượu, thuốc* trong tập ***Mà thôi***, Lỗ Tấn cũng có nói : Bài *Thuật tửu* đã động đến chính trị đương thời.

(3) Hai câu thơ này là của Tiền Khởi, một nhà thơ Đường, và là một trong "mười tài tử thời Đại Lịch" (Đại Lịch thập tài tử).

(4) Chu Quang Tiềm là giáo sư trường đại học Bắc Kinh thời bấy giờ.

Bản đàn dứt, người đi rồi, cái thế giới, mà trong giây phút trước đây ta nhìn ngắm, ước mơ, bỗng như sụp đổ dưới chân ta. Đó là một việc buồn nhất trong đời, nhưng trong nháy mắt, ta lại thấy những ngọn núi xanh trên mặt nước, thì có cảm tưởng như lại tìm được một người bạn khác cũng đáng yêu, một thế giới khác cũng có thể đặt chân lên, mà lại vĩnh viễn ở chỗ kia !

Sơn cùng thủy tận nghi vô lộ,
Liễu ám hoa minh hựu nhất thôn.

(Nước tận non cùng ngờ hết lối;
Liễu mờ hoa sáng lại còn thôn).

Cái phong vị này cũng giống như thế. Không những vậy, người và tiếng hát mất thật rồi chăng ? Tiếng đàn triền miên, thê thảm đó không kinh động hồn núi chăng ? Nó không truyền lại cái vẻ đẹp nghiêm trang của cảnh non xanh trên mặt nước chăng ? Nó không in sâu dấu vết lên cái vẻ đẹp nghiêm trang đó chăng ? Dù sao, non xanh với tiếng đàn Tương Linh đã có cái duyên nợ đó, non xanh còn mãi, tiếng đàn và người gảy đàn cũng sẽ còn mãi".

Như thế quả đã nói rõ được nguyên nhân vì sao mà ông ta thích. Nhưng cũng chưa đủ. Có nhiều loại độc giả khác nhau, người thích đọc bài *Giang phú* và *Hải phú*, người thưởng thức bài *Tiểu viên* và *Khô thụ*[1]. Nhà văn sau là một người do dự ở giữa chỗ có có, không không , sống sống, chết chết ; đối với đời người, sợ phiền nhiễu, nhưng cũng không muốn lánh xa, không thích sống, nhưng cũng không thích chết, quả thật hết sức vỡ vẩn, buồn bã lại trống rỗng mệt mỏi muốn nghỉ, nhưng nghỉ thì lại buồn, nên phải có cái gì an ủi. Thế là ngoài câu *"Đàn dứt người không thấy"* thì những câu như *"Chí quanh quẩn núi này, Mây dày không biết ngả"*[2], hoặc *"Sáo đàn về viện thẳm, Đèn đuốc xuống lầu cao"*[3], thường được người đời xưng tụng. Bởi vì, trước mắt không thấy, mà chỗ xa thì lại ở đấy, nếu không ở đấy thì buồn, đó là cái mà các đạo sĩ gọi là *"Chí tâm quy mệnh lễ Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn"*[4].

---

(1) *Giang phú* của Quách Phác đời Tấn. *Hải phú* của Mộc Hoa cũng đời Tấn. *Tiểu viên phú* và *Khô thụ phú* của Dữu Tín, đời Bắc Chu.

(2) Hai câu này lấy trong bài *Tìm ẩn sĩ không gặp* (Tầm ẩn giả bất ngộ) của Giả Đảo, một nhà thơ đời Đường. Nguyên văn : "Chỉ tại thử sơn trung, Vân thâm bất tri xứ".

(3) Hai câu thơ này lấy trong bài *Yến tàn* (Tan tiệc) của Bạch Cư Dị "Sinh ca quy viện lạc, Đăng hỏa hạ lâu đài".

(4) Hai câu này lấy trong kinh điển Đạo giáo. *Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn* : là Ngọc Hoàng thượng đế của Đạo giáo. Ý nói : Thành tâm cúi đầu trước Ngọc Hoàng thượng đế, tức là theo Đạo giáo, uống thuốc, cầu tiên, ở ẩn.

Thuốc thánh để an ủi người lao động, ở trong thơ, nói như ông Chu Quang Tiềm, là "tĩnh mục"[1] :

"Đỉnh cao nhất của nghệ thuật không phải ở chỗ sôi nổi. Nói về con người, thì những nỗi vui buồn của nhà thơ có lẽ còn sôi nổi hơn người thường nữa. Nhưng nói về nhà thơ là nhà thơ, thì niềm vui sôi nổi, nỗi buồn sôi nổi đó, sau khi biểu hiện thành lời thơ, cũng giống như rượu nếp cất lâu năm, không cay nữa, chỉ còn một ý vị thuần phác. Trong một bài khác, tôi có viết như sau : "Có hiểu được cái lẽ đó, thì chúng ta mới hiểu tại sao người Hy Lạp lại cho điểm cao nhất của thơ là hòa bình tĩnh mục, để thần Thơ là Apôlông[2] ở trên một ngọn núi xanh biếc, nhìn xuống thấy chúng sinh ồn ào lục đục, mà vẻ mặt thường như đang theo đuổi một giấc mộng ngọt ngào, không lộ vẻ gì xao động". Cái ở đây gọi là "tĩnh mục" (serenity) tất nhiên là lý tưởng cao nhất, không phải trong bài thơ nào cũng tìm thấy được. Cổ Hy Lạp, – nhất là nghệ thuật tạo hình của cổ Hy Lạp – thường đưa đến cho chúng ta cái phong vị "tĩnh mục" đó. "Tĩnh mục" là tâm linh của người bỗng nhiên giác ngộ, phải quy y. Nó giống như Quan Âm, cúi mày trầm mặc, vượt lên trên mọi nỗi buồn vui, đồng thời anh cũng có thể nói là Ngài làm tan hết mọi nỗi buồn vui. Điều đó ít được thấy trong thơ Trung Quốc. Khuất Nguyên, Nguyễn Tịch, Lý Bạch, Đỗ Phủ không tránh khỏi phần nào giống "Kim Cương trợn mắt", giận dữ, bất bình. Đào Tiềm "tĩnh mục" rất mực, cho nên ông mới vĩ đại".

Có lẽ người cổ Hy Lạp cho hòa bình, tĩnh mục là điểm cao nhất của thơ, cái đó tôi không biết. Nhưng căn cứ vào thơ ca Hy Lạp hiện còn mà nói, thì sử thi của Hôme hùng mạnh, hoạt bát, tình ca của Sapho[3] rõ ràng mà sôi nổi, không có gì là tĩnh mục cả. Tôi nghĩ, đặt "tĩnh mục" là điểm cao nhất của thơ, mà cái đó lại không thấy trong thơ, thì có lẽ cũng giống như đặt hình quả trứng để đứng là hình thức cao nhất của thân thể con người, mà hình đó lại không thấy ở con người ! Còn như Apôlông (Apollon) mà ở trên đỉnh núi, đó là vì ông ta là "thần", bất cứ cổ hay kim, phàm là tượng thần đều được đặt ở một chỗ tương đối cao. Tượng đó, tôi đã được thấy ảnh chụp, mắt giương to, vẻ sảng khoái, không giống "thường như theo đuổi một giấc mộng ngọt ngào". Có điều xem tượng, thật có "làm cho chúng ta cảm

---

(1) *Tĩnh mục* : trong sáng, yên lặng.

(2) *Apollon* : vị Thần ánh sáng, âm nhạc, thi ca trong thần thoại Hy Lạp.

(3) *Sapho* : nữ thi sĩ Hy Lạp sống vào thế kỷ VI tr.CN. Thơ của bà truyền lại đến ngày nay chỉ còn ba bài hoàn chỉnh và mấy đoạn.

thấy cái phong vị "tĩnh mục" đó hay không, thì tôi không thể quyết đoán được. Nhưng nếu có cảm thấy như thế thật, thì tôi cho rằng có lẽ phần nào là vì nó "cổ" chăng.

Tôi cũng là người thường do dự ở giữa *nhã* và *tục*, những lời tôi nói lúc này rất gần như phá hỏng cả hứng thú, nhưng có lúc tôi cũng tự cho rằng mình "nhã" lắm, đôi khi lại thích xem đồ cổ. Còn nhớ mười năm trước, hồi ở Bắc Kinh, có quen một tay nhà giàu, chẳng biết thế nào mà bỗng dưng anh ta cũng đâm ra "nhã", mua một cái đỉnh, nghe nói là đỉnh đời Chu, mốc meo, thật là cổ sắc cổ hương. Nhưng không ngờ mấy ngày sau, anh ta gọi thợ đồng vào chùi sạch những chỗ mốc và những chỗ đồng lên men xanh, rồi mới bày giữa phòng khách, đồng lên nước sáng chói. Đồ đồng cổ mà chùi sạch bóng đi như thế, cả đời tôi chỉ thấy lần này là một. Tất cả những bậc "nhã sĩ" nghe nói, không ai không phá lên cười. Lúc bấy giờ, tôi cũng không giữ được, kinh ngạc mà cười to, nhưng sau đó, thì không cười nữa, hình như tôi tỉnh ngộ. Không phải là chuyện đó đã gợi cho tôi "một ý uẩn súc về triết lý", mà tôi cảm thấy làm như thế mới thấy được bộ mặt thật của chiếc đỉnh đời Chu. Đỉnh ở đời Chu cũng giống như cái bát ở thời nay, bát của chúng ta, không có ý quanh năm không rửa, cho nên đỉnh lúc bấy giờ nhất định sạch sẽ, sáng chói, hay dùng thuật ngữ mà nói, tức là không "tĩnh mục", trái lại, có phần "sôi nổi". Cái tục khí ấy đến nay vẫn chưa thoát được, làm cho con mắt của tôi thay đổi khi đánh giá mỹ thuật cổ. Thí dụ điêu khắc Hy Lạp, tôi cứ cho rằng nếu bây giờ thấy nó "chỉ còn lại một ý vị thuần phác", thì một nguyên nhân là nó đã từng bị chôn vùi dưới đất, hoặc đã trải nắng dầm mưa, mất phần sắc sảo, bóng lộn rồi. Khi vừa tạc nặn ra, nhất định mới tinh, trắng phau và sáng chói. Cho nên cái đẹp của Hy Lạp mà chúng ta thấy bây giờ thật ra không hẳn là cái mà người Hy Lạp đương thời cho là đẹp. Chúng ta nên tưởng tượng nó là một vật mới.

Phàm bàn về văn nghệ, mà mơ tưởng "cực cảnh" (đỉnh cao) thì sẽ rơi vào "tuyệt cảnh", về nghệ thuật, thì sẽ mê say mốc rỉ, về văn học, thì sẽ bắt buộc phải trích dẫn. Nhưng "trích dẫn" lại rất có thể trói chặt người ta, cho nên ông Chu Quang Tiềm chỉ có thể lấy hai câu thơ của Tiền Khởi mà gạt cả bài của nhà thơ ra, lại dùng hai câu đó mà khái quát cả con người nhà thơ, lại dùng hai câu đó mà mạt sát Khuất Nguyên, Nguyễn Tịch, Lý Bạch, Đỗ Phủ, cho rằng "đều không tránh khỏi phần nào giống Kim Cương trợn mắt, giận dữ, bất bình". Kỳ thực, bốn nhà thơ đó của chúng ta đều bị hy sinh một cách oan uổng để kê cao thuyết mỹ học của ông Chu Quang Tiềm lên.

Bây giờ chúng ta hãy xem toàn bài thơ của Tiền Khởi nhé :

TỈNH THÍ TƯƠNG LINH[1] CỔ SẮT

Thiện cổ vân hòa sắt,
Thường Văn đế tử linh.
Phùng Di[2] *không tự vũ,*
Sở khách bất kham thính.
Khổ điệu khê kim thạch,
Thanh âm nhập diểu minh.
Thương Ngô[3] *lai oán mộ,*
Bạch chỉ động phương hinh.
Lưu thủy truyền Tương Phố,
Bi phong quá Động Đình[4]
Khúc chung nhân bất kiến,
Giang thượng số phong thanh.

Dịch thơ :

BÀ TƯƠNG LINH GẢY ĐÀN SẮT (THI Ở TỈNH)

Đàn vẫn hòa thạo ngón,
Vua chúa nhập hồn linh.
Khách Sở nghe không nổi,
Thần Sông múa một mình.
Điệu rầu nao sắt đá,
Tuyết ngọt lọt mông mênh.
Thương Ngô mang nỗi hận,
Bạch chỉ ngát hương lành.
Nước chảy về Tương Phố,
Gió buồn qua Động Đình.
Đàn dứt người không thấy.
Trên sông mấy núi xanh.

Nếu chứng minh cái "thuần phác" hoặc "tĩnh mục" thì không nên dẫn toàn bài thơ này, bởi vì có bốn vế giữa gần như cái gọi là "suy yếu". Nhưng

---

(1) *Tương Linh* : vợ vua Thuấn, chết đuối ở sông Tương.
(2) *Phùng Di* : Thủy thần, tức Hà Bá.
(3) *Thương Ngô* : tức Cửu Nghi, một hòn núi ở Hồ Nam. Vua Thuấn tuần du phương Nam, chết ở Thương Ngô.
(4) *Động Đình* : một cái hồ đẹp ở Hồ Nam.

không có những câu trên thì hai câu cuối cùng trở thành mơ hồ, có điều cái mơ hồ đó có lẽ lại là cái mà người trích dẫn cho là hay ho. Bây giờ xem đầu đề thì thấy rõ "*khúc chung*" đi với chữ "*cố sắt*", "*nhân bất kiến*" là điểm cho chữ "*linh*", "*Giang thượng số phong thanh*" là do chữ "*Tương*", toàn bài tuy không thẹn là "thí thiếp"[1] hay của người Đường, nhưng hai câu cuối cùng cũng chẳng có gì là thần kỳ cả. Huống chi đề nói rõ là "*tỉnh thí*" (thi ở tỉnh), đương nhiên không thể có cái vẻ "giận dữ, bất bình" được. Giả thử Khuất Nguyên không cãi nhau với Tiêu, Lan[2], mà đến kinh đô cầu công danh, thì tôi nghĩ có lẽ ông ta cũng không đến nước tỏ nỗi bất bình của mình trong một quyển thi ; trước hết ông ta phải đè chừng không thì hỏng.

Thế rồi, chúng ta lại nên xem những bài thơ khác của tác giả bài *Tương Linh cố sắt* ấy. Nhưng trong tay tôi không có thi tập của ông ta, chỉ có bộ *Đại Lịch thi lược*[3], cũng là một bản tuyển tập của một ông đồ gàn, có điều bài nhiều, trong đó có bài như sau :

HẠ ĐỆ ĐỀ TRƯỜNG AN KHÁCH XÁ

Bất toại thanh vân vọng,
Sầu khan hoàng điểu phi.
Lê hoa hàn thực dạ,
Khách tử vị xuân y.
Thế sự tùy thời biến,
Giao tình dữ ngã vi,
Không dư chú nhân liễu,
Tương kiến khước y y.

Dịch thơ :

HỎNG THI ĐỀ THƠ LÊN VÁCH NHÀ TRỌ TRƯỜNG AN

Công danh không toại nguyện,
Sầu ngắm lượn chim vàng.
Lê nở đêm hàn thực,
Khách chưa tấm áo xuân.
Sự đời từng lúc đổi,

(1) *Thí thiếp* : thơ thi cử.
(2) *Tiêu* : tức Tử Tiêu, đại phu nước Sở ; *Lan* : tức Tử Lan, con Sở Hoài Vương.
(3) *Đại Lịch thi lược* : bộ *Đường thi tuyển tập* do người đời Thanh tuyển. *Đại Lịch* : niên hiệu Đường Đại Tông (766 – 779).

Bè bạn lánh ta dần.
Chỉ còn trơ cây liễu,
Gặp nhau vẫn mến thân.

Hỏng thi, đề thơ vào tường nhà trọ, ông ta không tránh khỏi có phần giận dữ. Đủ thấy bài *Tương Linh cổ sắt* kia, quả thực là vì đầu đề, lại nhân vì thi ở tỉnh cho nên đành phải tròn trặn, thanh thoát như thế. Cũng như bốn nhà thơ Khuất Nguyên, Nguyễn Tịch, Lý Bạch, Đỗ Phủ, có lúc ông ta không tránh khỏi "trợn mắt Kim Cương", nhưng nhìn toàn bộ mà nói, thì ông ta không cao đến thước sáu[1].

Thế gian có một cách gọi là "căn cứ vào việc mà bàn việc" bây giờ "căn cứ vào thơ mà bàn thơ" có lẽ cũng có thể nói không hề gì chăng. Có điều, tôi cứ cho rằng nếu muốn bàn văn chương, thì tốt nhất là xem cả bài, và xem cả con người tác giả, cho đến trạng thái xã hội trong đó ông ta sống, như thế mới tương đối chính xác. Bằng không thì dễ gần như nói mê. Nhưng tôi cũng không phản đối nói mê, tôi chỉ chủ trương người nghe phải trong bụng biết rõ mình đang nghe những lời nói mê. Điều đó đại để cũng không khác với pháp bảo tôi khuyên độc giả thận trọng, tức là không nên chỉ dựa vào tuyển tập và bản có chấm câu mà nghiên cứu văn học. Tự mình đọc nhiều tác phẩm, sẽ biết xưa nay những nhà văn vĩ đại không có ai là "rất mực tĩnh mục" cả. Đào Tiềm chính vì không phải "rất mực tĩnh mục", cho nên ông ta vĩ đại. Bây giờ sở dĩ ông ta thường được tôn là "tĩnh mục" là vì ông ta bị các nhà làm tuyển tập và những nhà trích dẫn làm cho bé nhỏ lại, xé nhỏ ra từng mảnh.

8

Trong những văn tập của người xưa còn lưu truyền đến nay, thì văn tập người đời Hán không giữ được nguyên vẹn nữa ; tập của Kê Khang đời Ngụy có những bài tặng đáp và luận nạn[2] của người khác ; tập của Nguyễn Tịch đời Tấn, cũng có thư của Phục Nghĩa[3], có lẽ đều là tàn bản[4], cũ

(1) *Trượng lục* : tiếng nhà Phật chỉ Phật người cao thước sáu. Ý nói họ không điềm nhiên, thanh tịnh như đức Phật.

(2) Trước tác của Kê Khang hiện còn 10 tập đề là *Kê Trung tán tập* do Lỗ Tấn hiệu đính, trong đó có phụ lục 14 bài thơ tặng đáp của Kê Hỷ, Quách Hà Chu và 4 bài văn luận nạn của Hướng Tử Kỳ, Trương Liêu Thúc.

(3) *Phục Nghĩa*, tự Công Biểu, đời sống không rõ.

(4) *Tàn bản* : bản không đầy đủ, mất mát đi nhiều.

lắm, do người đời sau biên soạn lại. *Tạ Tuyên Thành tập*[1] tuy chỉ còn một nửa phần đầu, nhưng có những bài thơ xướng họa với bạn đồng liêu. Tôi cho những tập như thế tốt nhất, bởi vì vừa được xem văn chương của tác giả, lại vừa có thể thấy được quan hệ giữa ông ta với người khác, thơ của ông ta so với thơ những người cùng ngâm vịnh hơn kém như thế nào, tại sao ông ta lại nói những lời như thế kia... Ngày nay, theo chỗ tôi biết, thì có cuốn *Độc Tú văn tồn*[2] là biên soạn theo cách đó, cũng có phụ lục văn chương của người khác có liên quan với "văn" còn lại.

Những nhà văn hơn đời, quá thận trọng, tiếc mực như vàng, cả sự nghiệp văn chương suốt đời người mà muốn bỏ hết, chỉ giữ lại một chữ hoặc ba bốn chữ, khắc trên đỉnh núi Thái Sơn "truyền ra cho người", cái đó tất nhiên tùy ý họ thôi. Lại còn có những "nhà văn" như ma quỷ rõ ràng có thiên binh thiên tướng bảo hộ, tên tuổi rất có thể đem ra công khai, nhưng lại muốn lấp lấp ló ló, sợ tác phẩm của mình sẽ liên quan đến nguyên hình của mình, sáng tác xong là bỏ đi ngay, bỏ đến nỗi chỉ còn lại giấy trắng, cuối cùng chẳng còn gì nữa, cái đó tất nhiên cũng tùy ý họ. Tôi cho rằng nếu văn chương có quan hệ ít nhiều đến xã hội, thì nên thu thập mà đem in hết, trong đó tất nhiên sẽ lẫn vào rất nhiều rác rưởi, tức là "gai góc cũng không nên chặt đi"[3], nhưng như thế mới là núi sâu, đầm rộng. Ngày nay không giống như thời trước, phải chép tay, phải khắc gỗ, chỉ cần sắp chữ chì là xong. Tuy nói là in, phí giấy mực cũng vẫn là phí giấy mực, có điều chỉ cần nghĩ rằng văn chương của bọn Dương Đôn Nhân mà còn đem in, thì bất cứ cái gì cũng có thể nhắm mắt mà xuất bản cả. Người Trung Quốc thường nói : "Có một điều lợi tất có một điều hại", cũng tức là nói "có một điều hại tất có một điều lợi" : giơ cao ngọn cờ "tiểu vô sỉ" lên[4], tất nhiên sẽ kéo một bầy "vô sỉ" theo, nhưng làm cho kẻ khiêm tốn phải nhảy dựng lên cũng là một điều có lợi.

Những kẻ thu hồi tính khiêm tốn, trên thực tế, cũng không phải là ít, mà phần lớn lại là những người "yêu bản thân mình". "Yêu bản thân mình" tất nhiên cũng không phải là chuyện xấu, ít ra người đó cũng không đến nỗi vô sỉ. Có điều một số người thường lẫn lộn "tô điểm" và "che đậy" với lại "yêu". Trong tập cũng thu thập "một số sáng tác thời trẻ", nhưng lại sửa

---

(1) *Tạ Tuyên Thành* : tức Tạ Diêu (464 - 499) là một nhà thơ có tiếng đời Nam Triều, từng làm thái thú Tuyên Thành.

(2) *Độc Tú văn tồn* : tập tạp văn của Trần Độc Tú xuất bản năm 1922. Chia ra làm ba phần : luận văn, tùy bút, thư từ, trong có phụ lục 14 bài văn của người khác.

(3) Câu này lấy trong bài *Văn phú* của Lục Cơ, đời Tấn.

(4) "*Tiểu vô sỉ*" : tức "tiểu tư sản". Nguyên là Dương Đôn Nhân có viết một bài báo đề là *Giơ cao ngọn cờ văn học cách mạng tiểu tư sản lên*.

chữa đi, trên mặt đứa con, cắm một chòm râu bạc ; cũng thu thập cả văn chương người khác, nhưng lại hết sức chọn lọc, quyết không lấy thứ văn chương chửi bới, vu cáo, cho là vô giá trị. Kỳ thực những bài này cũng có giá trị như văn chương chính trong tập, dù nó không đủ sức mạnh lôi kéo "bầy vô sỉ" theo, nhưng nếu có liên quan với văn chương chính trong tập là văn chương có giá trị, thì đó là giá trị đương thời của nó. Các nhà sử Trung Quốc đã sớm biết điều đó, cho nên trong lịch sử, đại để có truyện quan tốt, truyện người ở ẩn, nhưng cũng có truyện quan ác, truyện quan nịnh, có truyện trung thần, cũng có truyện gian thần, vì không như thế thì không làm sao biết được toàn diện.

Vả lại cứ để mặc cho mánh khóe của bọn quỷ sứ tiêu diệt đi, thì cũng không thể hiểu được người và văn chương phản đối quỷ sứ. Tác phẩm những người ẩn dật chốn sơn lâm thì không phải bàn, nhưng giả thử tác giả đó còn ở chốn nhân gian, còn có tính chiến đấu, thì nhất định trong xã hội sẽ có người đối địch. Chỉ có điều những người đối địch đó không chịu thừa nhận, thường thường họ nũng nịu nói : "Oan uổng lắm ! Ông ta cho tôi là một kẻ đối địch tưởng tượng đấy thôi !". Nhưng chú ý nhìn, rõ ràng hắn đang phóng một mũi tên ngầm, khi vạch mặt ra, hắn mới đổi thành một phát súng trắng trợn, nhưng lại nói, vì bị vu là "đối địch tưởng tượng" nên trả thù. Mánh khóe dùng đó, hắn quyết không chịu lưu truyền lại ; không những sau đó thì muốn cho mất tích đi, mà lúc bấy giờ hắn cũng không ra mặt ; thế mà người biên soạn lại không thèm thu thập, thành ra về sau, chỉ còn văn chương một bên, không có cái để đối chiếu ; các tác phẩm chiến đấu đương thời giống như những mũi tên bắn không có đích, chỉ có một thân một mình đang hướng vào không trung mà làm ầm ĩ. Tôi thường thấy người ta bình luận văn chương cổ nhân, nói người nào "mũi tên quá lộ", người nào "gươm tuốt cung giương"[1], đó là vì văn chương đối địch mất mất rồi, nếu còn, chắc có thể giảm bớt sự hồ đồ của người bình luận được mấy phần. Cho nên, tôi cho rằng, sau này nên có những tập chọn thật rộng rãi các thứ văn chương gọi là vô giá trị của người khác, đem vào làm phụ lục. Trước đây chưa hề có tập nào như thế, nhưng đó là một của quý cho đời sau, công dụng của nó giống như chiếc đỉnh của vua Vũ có đúc hình trạng của Sơn thần, quái vật[2].

Gần đây, có một số tạp chí, mà cái vô vị, vô sỉ và hạ lưu của nó cũng là vật hiếm trên thế giới, nhưng rõ ràng đó là "văn học" của một nhóm người

---

(1) Cả hai câu này ý nói tác giả để lộ rõ lòng căm phẫn của mình thái quá.

(2) Sách *Tả truyện* có chép chuyện vua Vũ đời Hạ đúc đỉnh có hình Sơn thần, quái vật. Thủy thần để khi dân chúng vào rừng núi, hay xuống nước, lũ quái vật biết mà tránh đi.

nào đó của Trung Quốc hiện đại, bây giờ xem thì có thể tri kim, sau này xem thì có thể tri cổ, một thư viện tương đối lớn tất đều phải cất giữ. Nhưng nhớ rằng anh C có nói cho biết, không những tạp chí đó, mà ngay những tạp chí đứng đắn, thiết thực, cũng không được cất giữ mấy, đại để chỉ cất giữ tạp chí nước ngoài, đóng thành từng tập to tướng. Hay là mắc phải cái bệnh cũ "trọng cổ khinh kim, bỏ gần chuộng xa" rồi !

9

Vẫn là bộ *Lang hoàn văn tập* của Trương Đại, một trong bộ "trân bản tùng thư" nói trên ; quyển ba có bức thư *Lại gửi cho Nghị Nho, người em thứ tám*, mở đầu nói :

"*Trước đây thấy em tuyển cuốn* Minh thi tồn, *gặp một chữ không giống của Chung, Đàm, thì bỏ không lấy. Nay các ông trong mấy nhóm lại khen Vương, Lý, mà chửi Chung, Đàm, thì cách tuyển của em lại khác trước, gặp một chữ giống của Chung, Đàm thì lại bỏ không lấy. Thi tập của Chung, Đàm vẫn là thi tập ấy, tay và mắt em vẫn là tay và mắt ấy, thế mà đã chuyển như có bổng, nhanh như ánh sáng, tiếng động, sao bụng lại không có ý kiến nhất định, mắt không có một mục đích rõ ràng, miệng không có một lời phê bình chắc chắn, đến dường ấy ? Bởi vì khi em thích Chung, Đàm, thì Chung, Đàm có chỗ hay, mà Chung, Đàm cũng có chỗ dở, ngọc thường có vết, vốn không nên cho là toàn bích, khi em ghét Chung, Đàm thì Chung, Đàm có những chỗ dở, nhưng Chung, Đàm có chỗ hay, cái vết của ngọc không làm mất hết vẻ đẹp của ngọc, càng không thể bỏ đi cho là gạch ngói. Em chớ nghe lời các ông trong mấy nhóm đó, mà cứ theo bụng mình, hư tâm, bình khí, xem xét tỉ mỉ, thì sẽ thấy cái hay cái dở ; sao lại lấy cái người ta thích làm cái thích của mình !*".

Đoạn văn này vẽ được một bộ mặt nhà làm tuyển tập theo gió bẻ buồm và cũng chỉ cho thấy khó lòng tin vào tuyển tập. Chính Trương Đại cho rằng việc tuyển văn, làm sử không nên theo ý kiến riêng. Trong bức thư gửi cho Lý Nghiễn Ông, ông ta có nói : *"Cuốn thạch quỹ của tôi, viết hơn 40 năm, lòng như nước lặng, như gương đồng đời Tần, không hề đem ý kiến riêng vào, cho nên hạ bút miêu tả, tự nhiên thấy rõ cái đẹp, cái xấu, dám nói thẳng ra, cũng tức là theo vật truyền hình mà thôi...*". Nhưng tâm hồn vốn không phải là gương, cũng không thể hư được, cho nên lấy "hư tâm bình khí" làm điểm cao nhất của việc chọn thơ, lấy cái của việc viết sử, thì cũng giống như lấy "tĩnh mục" làm điểm cao nhất của việc làm thơ, thực tế không

thể được. Mấy năm trước trên văn đàn, bọn Đỗ Hành, tức là "bọn người thứ ba", lấy siêu thoát làm mẫu mực, thực ra chúng là một bầy hề, không bao lâu, bản tướng lộ rõ, kẻ biết sỉ nhục bị gọi như thế thì xấu hổ, ở đây không đợi phải nói nhiều ; dù bất mình không có ý khác, cứ trung lập sừng sững như Trương Đại, kỳ thực cũng đã thiên về một bên rồi. Cũng trong bức thư đó, bàn về đảng Đông Lâm[1], ông ta nói :

"*Đảng Đông Lâm từ khi Cố Kinh Dương*[2] *dạy học đến nay, đã lấy danh nghĩa đó làm hại nước ta trong vòng tám chín mươi năm, lấy sự thăng trầm của đảng đó mà đoán đời hưng thịnh hay suy vong. Đảng đó thắng thì làm con đường tắt đến Chung Nam*[3]*, đảng đó bại thì làm cái bia đảng của thời Nguyên Hựu*[4]*... Những kẻ cầm đầu Đông Lâm thực tế phần nhiều là quân tử, nhưng người chui vào không phải không có tiểu nhân ; người ủng hộ toàn là tiểu nhân, nhưng người nghe tiếng đến cũng có chính sĩ ; ranh giới của họ rất rõ ràng, bè phái cũng rất rạch ròi. Trong Đông Lâm, kẻ dung tục thì không cần bàn, như Vương Đồ tham lam, hoành hành, Lý Tam Tài nham hiểm, hung bạo, Hạng Dực giúp cho thú lĩnh giặc Sấm*[5]*, Chu Chung dâng thư xin tiến cử, đều chui vào Đông Lâm cả, thế mà muốn ta thờ làm quân tử, thì cánh tay ta dù có bị chặt, ta cũng quyết không theo. Đông Lâm đáng ghét ở chỗ Thời Mẫn hàng giặc Sấm, nói : "Tôi là Thời Mẫn trong đảng Đông Lâm", mong được trọng dụng. Lỗ Vương Giám Quốc, chỉ là một triều đình còn con, bọn khoa đạo*[6] *Nhiệm Khổng Đương còn nói : "Không phải người đảng Đông Lâm thì không thể tiến dụng được". Thế là hai chữ Đông Lâm cùng tiêu vong với Lỗ quốc bé nhỏ. Lấy dao đâm chúng, bỏ chúng vào nước sôi, lấy củi đốt chúng, không thể không thẳng tay*".

Quả thật là "từ nghiêm nghĩa chính". Tất cả bọn tiểu nhân nói đó cũng là xác thực, nhất là Thời Mẫn, tuy sau ba trăm năm, cũng ít có hạng người như thế, thật làm cho người ta kinh hãi. Nhưng ông ta trách Đông Lâm nghiêm khắc như vậy, là vì trong đảng Đông Lâm cũng có tiểu nhân ; xưa

---

(1) *Đông Lâm* : tức là đảng Đông Lâm cuối đời Minh. Nhân vật chủ yếu là Cố Hiến Thành, Cao Phan Long. Họ tụ tập ở Đông Lâm thư viện mà giảng dạy, bàn luận thời sự, phê bình người này người nọ. Có một số quan lại tương đối chính trực trong triều cũng hưởng ứng với họ, lập thành một tập đoàn chính trị. Năm 1625, họ bị hoạn quan Ngụy Trung Hiền giết hại, cả thảy trên trăm người.

(2) *Cố Kinh Dương* : tức Cố Hiến Thành.

(3) Ý nói : con đường tắt ra làm quan.

(4) *Nguyên Hựu* : niên hiệu của Tống Triết Tôn (1086). Thời Tống Huy Tôn, bọn gian thần như Thái Kinh giết hại người hiền đời Nguyên Hựu và tâu xin cho lập bia ở Đoan Lễ Môn, khắc tên Tư Mã Quang và 398 người khác gọi là "đảng nhân bi".

(5) *Sấm vương* : tức Lý Tự Thành, đời Minh.

(6) *Khoa đạo* : một chức quan thời xưa.

nay không có một đám quần tử nào mà thuần nhất, không hỗn tạp, do đó, phàm là bè đảng, thì những người tự cho là trung lập tất phải lấy làm bất mãn. Nhìn đại thể, người tốt nhiều hay người xấu nhiều, ông ta không bàn đến. Hoặc giả còn tiến thêm một bước, nói :" Đông Lâm, tuy quần tử nhiều, nhưng cũng có tiểu nhân, bọn chống lại Đông Lâm tuy tiểu nhân nhiều, nhưng cũng có chính sĩ", thế là giống như cả hai bên đều có xấu, có tốt, chẳng khác gì nhau. Nhưng vì Đông Lâm đòi xưng là quần tử, cho nên có tiểu nhân, là đáng chê, bọn chống Đông Lâm vốn là tiểu nhân, có chính sĩ, là đáng khen. Đòi hỏi nhiều ở quần tử và khoan thứ cho tiểu nhân, tự cho rạch ròi, sáng suốt từng ly từng tí, nhưng thực tế là giúp cho tiểu nhân tăng thêm thanh thế. Nếu nói : trong Đông Lâm tuy cũng có tiểu nhân, nhưng phần lớn là quần tử, bọn chống lại Đông Lâm, tuy cũng có chính sĩ, nhưng đại để là tiểu nhân, như thế cân lượng khác nhau lắm !

Ông Tạ Quốc Trinh[1] viết cuốn *Khảo cứu phong trào bè đảng khoảng Minh – Thanh*, dẫn sách rất nhiều, công phu lắm, kể xong chuyện Ngụy Trung Hiền[2] hai lần ngược sát người đảng Đông Lâm, ông ta viết : "*Lúc đó, bạn bè thân thích đều trốn tránh xa, bọn sĩ đại phu vô sỉ thì đã đầu hàng dưới cờ của đảng Ngụy Trung Hiền rồi. Chỉ có mấy ông đồ gàn và mấy người dân thường là còn bênh vực, giúp đỡ cho các bậc quần tử mà thôi*".

Đó là nói chuyện Ngụy Trung Hiền sai tay chân bắt Chu Thuận Xương[3], bị dân Tô Châu đánh cho tơi bời. Đành rằng dân đen không đọc thi thư, không rõ cách làm sử, không biết tìm vết trên một viên ngọc, tìm đạo trong nước đái[4] ; nhưng họ có thể nhìn cái đại khái thấy rõ trắng đen, phân biệt được phải trái, và thường có những cái mà kẻ sĩ đại phu thanh cao thông đạt quyết không theo kịp. Vừa nhận được tờ *Đại Mỹ văn báo* của Nhật Bản, có *Tin đặc biệt từ Bắc Bình* gửi về cho biết học sinh biểu tình[5] bị cảnh sát lấy vòi rồng phun nước, lấy dùi cui đánh, lấy kiếm đâm, một số bị nhốt ở ngoài thành, cho rét đói, "lúc đó nhân dân ở cạnh các trường Trung học Yên Kỳ, trường Trung học phụ thuộc Đại học Sư phạm tổ chức thành từng

---

(1) *Tạ Quốc Trinh* còn là tác giả *Văn Minh sử tịch khảo*. Cuốn *Khảo cứu phong trào bè đảng khoảng Minh – Thanh* của ông xuất bản năm 1934, do Thương vụ ấn thư quán xuất bản.

(2) *Ngụy Trung Hiền* : một tên thái giám lợi hại nhất đời Minh. Y có nhiều tay chân, và đã lợi dụng bọn tay chân đó giết hại nhiều người chính trực, có khí tiết.

(3) *Chu Thuận Xương* (1584 – 1626) : một ông quan dưới thời Thiên Khải (1621 – 1627), người cương trực, bị Ngụy Trung Hiền hãm hại, rồi chết trong ngục.

(4) Đây là chuyện Trang Tử trả lời Đông Quách Tử về đạo :

Đông Quách Tử hỏi Trang Tử : "Cái gọi là đạo, ở chỗ nào ?". Trang Tử nói : "Không chỗ nào là không có". Quách Tử nói : "Phải chỉ ra mới được". Trang Tử nói : "Ở con dế, con kiến". – "Sao mà thấp vậy ?". – "Ở cỏ ma". – "Sao lại thấp hơn nữa ?". – "Ở chĩnh sành". – "Sao lại càng quá tệ vậy ?". – "Ở cứt đái".

(5) Tức là phong trào ái quốc ngày mồng 9 tháng 12 năm 1935.

đội ủy lạo đem nước, bánh bao, bánh nướng đến, học sinh mới đỡ đói...". Ai nói dân đen Trung Quốc là ngu hèn nào ? Bị lừa gạt, áp bức cho đến nay, mà họ vẫn sáng suốt như thế đấy. Trương Đại lại nói : "Trung thần nghĩa sĩ phần nhiều xuất hiện vào lúc quốc phá gia vong. Cũng như đánh đá ra lửa, đỏ lòe lên rồi tắt ngay, bậc nhân chủ không mau tay mà lấy, thì lửa sẽ mất đi" (Bài *Tựa* ngắn cuốn *Việt tuyệt thi*). Bậc "nhân chủ" ông ta nói đó là Minh Thái Tổ. Câu nói này không hợp với tình cảnh ngày nay.

Đá còn thì lửa không thể mất được. Nhưng tôi muốn nhắc lại chủ trương của tôi chín năm trước : **không nên đưa kiến nghị nữa !**[1].

Đêm 18 – 19 tháng 12

(Tập ***Thá giới đinh II***)

(1) Xem bài *Đất chết* ở tập ***Hoa cái tiếp theo.***

138. TỰA VIẾT CHO TẬP *THÁP TRẺ CON* CỦA BẠCH MĂNG*

Mùa xuân đã qua già nửa. Hãy còn lạnh. Trời lại cứ mưa rả rích suốt ngày, đêm khuya ngồi một mình nghe mà lòng buồn thêm. Cũng bởi vì buổi chiều nhận được một bức thư từ xa gửi tới, muốn tôi viết ít lời để tựa cho tập thơ của Bạch Măng. Bức thư mở đầu nói : "Chắc ông cũng có biết anh Bạch Măng, người bạn của tôi, hiện nay không còn nữa...". Câu đó càng làm cho tôi buồn thêm.

Bạch Măng – đúng rồi, tôi có biết. Bốn năm trước, tôi có viết bài *Kỷ niệm để quên đi* mong sẽ quên được họ. Họ hy sinh, thế là đã năm năm tròn, ký ức tôi từ đó lại nhuộm thêm bao nhiêu vết máu còn tươi rói. Nay nhắc đến anh, thì nét mặt trẻ trung của anh lại hiện lên trước mắt tôi, như còn sống : giữa ngày nóng bức, mặc một chiếc áo bông dài, mồ hôi ướt đầm cả mặt, anh vừa cười vừa nói với tôi : "Lần này là lần thứ ba đây. Được ra không phải ai bảo đảm cả. Hai lần trước, có ông anh bảo đảm cho, nhưng bảo đảm, thì ông ta lại muốn can thiệp vào cuộc đời của tôi. Lần này, tôi chẳng tin cho ông ta biết...". Trong bài văn trước, tôi đoán nhầm, ông anh này mới là Từ Bồi Căn, trưởng cục hàng không, rút cục hai anh em đi hai con đường khác nhau mà cùng đến một chỗ[1]. Còn anh thì gọi là Từ Bạch, bút danh thường dùng là Ân Phu.

Con người ta, giá còn tình bạn, thì khi thu thập di văn của người bạn đã quá cố, thật như cầm cục lửa trong tay, thường ăn ngủ không yên, mong mỏi đem ra công bố. Tâm tình đó, tôi hiểu lắm, và cũng biết cả cái nhiệm

---

* Bài này đăng lần đầu trên *Văn học tùng báo*, số tháng 4 năm 1936. Về Bạch Măng, xem bài *Kỷ niệm để quên đi* trong tập ***Nam xoang Bắc điệu***.

(1) *Từ Bồi Căn* hồi đó là Trưởng Cục hàng không của Chính phủ Quốc dân đảng. Năm 1934, Sở Hàng không phát hỏa, ông ta bị bắt.

vụ phải viết bài *Tựa* gì gì đấy. Tôi buồn là vì quả thật tôi không hiểu thơ, bạn bè cũng không có ai là nhà thơ, thảng hoặc có, thì cuối cùng cũng không chơi với nhau nữa. Có điều với Bạch Mãng thì không thế, có lẽ vì anh chết sớm quá chăng. Bây giờ, về thơ anh, tôi sẽ không nói câu nào hết... bởi vì tôi không thể nói được.

Tập *Tháp trẻ con* của anh ra đời, cũng không phải là để tranh giành nhau hơn kém với các nhà thơ hiện nay nói chung, mà có một ý nghĩa khác. Đây là vệt ánh sáng còn mờ mờ ở chân trời đông, đây là mũi tên vút đi trong rừng thẳm, đây là mầm non vừa mới nhú giữa cảnh đồng tàn, đây là bước đầu của cuộc tiến quân, đây là lá đại kỳ mà những người tiên phong yêu dấu, và đây cũng là tấm bia mà bọn giết người rất đỗi căm thù. Không cần phải đem những bài thơ được gọi là điêu luyện, thành thục, trong sáng, bình tĩnh, u ẩn, xa xăm, ra mà so sánh, bởi vì những dòng thơ này thuộc về một thế giới khác.

Trong thế giới đó có rất nhiều, rất nhiều người, Bạch Mãng là bạn quá cố của họ. Tôi nghĩ, nội điểm đó cũng đủ bảo đảm cho sự có mặt của tập thơ này, hà tất còn phải tôi đề tựa.

Đêm 11 tháng 3 năm 1936
Viết ở Thả giới đình, Thượng Hải
LỖ TẤN

(Tập cuối ***Thả giới đình***)

139. GHI TIẾP*

Đó là chuyện ngày mồng một tháng ba. Tôi nhận được thư của một người không quen biết, ở Hán Khẩu gửi đến, tự xưng là bạn học với Bạch Măng ở trường Đồng Tế, có giữ tập di cảo *Tháp trẻ con* của anh, đang thương lượng để xuất bản, nhưng nhà xuất bản yêu cầu tôi viết cho một bài *Tựa*, còn như nguyên cảo thì vì viết trên những tờ giấy rời, không gửi theo, có điều nếu muốn xem, cũng có thể gửi đến sau. Thật ra, bản thảo cuốn *Tháp trẻ con* của Bạch Măng và những di cảo linh tinh của những người bị nạn cùng một lần ấy, đều ở nơi tôi ; trong đó còn có cả bức tranh minh họa tự anh vẽ lấy. Nhưng trong tay người bạn của anh, lại có một bản thảo khác, cũng có thể như thế. Còn như Nhà xuất bản muốn tôi viết *Tựa* thì đó là chuyện hết sức bình thường.

Hai năm lại nay, việc in bán văn thơ của người chết rồi, khá thịnh hành. Tuy là tạp chí, cũng thường có chuyện người chết và người sống hợp tác với nhau, nhưng đây không phải là cái trước kia gọi là "lưu luyến nắm xương"(1), mà là người sống dựa vào chút vinh thừa của người chết, định dùng kế "Gia Cát chết nhát, Trọng Đạt sống bỏ chạy"(2). Tôi không phục những người sống đó lắm. Nhưng lần này, tôi rất lấy làm cảm động, bởi vì người ta khi gặp nạn, hoặc mắc oan, trong đám gọi là bạn bè trước kia, tất nhiên có những kẻ không dám lên tiếng, và cũng chẳng hiếm những kẻ còn vội vàng ném vài hòn đá để tỏ ra mình thuộc về phía những người thắng. Còn như những kẻ giữ gìn di cảo, sau bao nhiêu năm muốn đem ra xuất bản, để cho trọn tình nghĩa bạn bè đối với người đã mất, thì tôi là người

---

* Bài này đăng lần đầu trên *Văn học tùng báo*, số tháng 5 năm 1936.

(1) Năm 1921, Diệp Thánh Đào có viết một bài báo đề là *Lưu luyến nắm xương* phê bình một số người đề xướng văn học bạch thoại, nhưng vẫn viết văn ngôn và làm thơ cũ. Câu này sau trở thành một thành ngữ chỉ những người thủ cựu.

(2) Xem *Tam quốc diễn nghĩa*, hồi 104.

quê mùa, cô độc, không được nghe nhiều thấy rộng, quả thực tôi biết ít lắm. Vừa ốm một trận xong, mới ngồi dậy được, đêm mưa rả rích, lòng buồn man mác như thương nhớ ai, tôi cố gắng viết một bài văn ngắn, để hôm sau gửi nhà dây thép ; vì sự liên lụy đến người đứng in, nên không đề tên anh ta ; mấy ngày sau mới lại gửi cho *Văn học tùng báo*[1], sợ trở ngại đến việc phát hành, cũng lại giấu tên tập thơ.

Sau đó, không bao lâu, thấy tờ *Xã hội nhật báo* nói là Sử Tế Hành, người vốn có tài ảo thuật, nay lại đổi tên là Tế Hàm Chi rồi. Lúc đó tôi mới biết mình bị lừa, bởi vì người gửi thư ở Hán Khẩu ký tên đúng là Tế Hàm Chi. Anh ta vẫn giở cái trò cũ lừa lấy bài báo, tập *Tháp trẻ con* không những không xuất bản được, mà có lẽ cả bản thảo, anh ta vị tất đã có, chẳng qua biết tôi và Bạch Măng có quen nhau, và biết tên tập thơ mà thôi.

Còn như Sử Tế Hành và tôi mà gửi thư cho nhau thì là chuyện từ lâu, những tám chín năm về trước, hồi tôi biên tập tờ *Ngữ ti*, nhóm *Sáng tạo* và nhóm *Thái dương* liên hiệp với nhau vây quét tôi. Anh ta tự xưng là học sinh một trường nghệ thuật chuyên môn, gửi thư và mấy bài nói về những hành vi xấu xa của các nhà văn gọi là cách mạng đến để đăng báo, trong thư còn nói, những bài như thế có thể gửi đến nhiều nữa. Nhưng *Ngữ ti* không có cột nào gọi là "hành vi xấu xa" cả, tôi cũng không muốn làm quen với hạng "nhà văn" ấy thế là lúc bấy giờ tôi cự tuyệt. Sau đó, anh ta hoặc ký tên " 行 ", bịa chuyện nói xấu tôi trên báo, hoặc bỗng đổi tên là "Thiên Hành". (Trên tờ *Ngữ ti* cũng có bài của một người ký tên như vậy, nhưng là người khác), hoặc "Sử Nham", nói những lời khiêm tốn yêu cầu tôi gửi bài, tôi đều không trả lời. Lần này, tôi cũng có nghe nói anh ta ở Hán Khẩu, nhưng không thể vì có cái anh Sử Tế Hành này ở Hán Khẩu, mà liệt tất cả các thư từ của những người không quen biết ở Hán Khẩu gửi cho vào loại cạm bẫy của bọn người đê tiện. Tôi tuy bị các bậc trung hậu ghét vì bệnh đa nghi, nhưng cũng chưa đa nghi đến mức độ như vậy. Không ngờ, người ta vẫn không thể sơ ý được, đôi khi không nghi ngờ, đôi khi muốn làm thân, cái đó đã thành một khuyết điểm của tôi rồi.

Hôm nay, lại thấy số 2 tờ *Nhân gian thế*[2] xuất bản ở Hán Khẩu, cuối tập ghi *"Sử Thiên Hành chủ biên"*, chỗ quảng cáo bài đăng số sau, quả có bài *Tựa Tháp trẻ con* của tôi. Nhưng đầu tập thì lại thanh minh rằng số sau sẽ đổi là *Gió tây bắc*, thế thì, bài *Tựa* của tôi tất nhiên sẽ bị cuốn theo trận

---

(1) *Văn học tùng báo* : tờ nguyệt san do Vương Nguyên Hanh, Mã Tử Hoa, Tiêu Kim Độ biên tập, xuất bản năm 1936. Được năm số thì đình bản.

(2) *Nhân gian thế* : xuất bản năm 1936, sau đổi là *Tây bắc phong* (Gió tây bắc).

"gió tây bắc" đầu tiên rồi. Bài đầu số 2 cũng là văn chương của tôi, đề là : "*Tựa* viết cho bản dịch tiếng Nhật cuốn *Lược thảo lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc*. Bài này tôi viết bằng tiếng Nhật, ở đây không biết kẻ nào dịch, chỉ mới một đoạn ở trang đầu mà đầy sai lầm và những câu bất thông, nhưng ở trên lại thêm một hàng mào đầu nói : "Bài này vốn là lời nói đầu tôi viết cho bản dịch tiếng Nhật cuốn *Lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc*... phỏng theo giọng văn của tôi, giả mạo tôi tự dịch lấy. Dịch một bài văn tiếng Nhật mình viết ra mà lại đầy sai lầm như thế, chẳng phải là chuyện quái lạ dưới gầm trời này sao ?

Trung Quốc vốn là nơi "con người không được xem ra con người", dù vô duyên vô cớ vu cho ai là đầu hàng, là tráo trở, là giặc nước, là Hán gian, xã hội cũng không lấy làm lạ. Cho nên cái trò của Sử Tế Hành chỉ là một việc nhỏ nhặt trong những việc nhỏ nhặt mà thôi. Điều tôi muốn nói ở đây chỉ là xin những người đọc bài *Tựa* của tôi mà hy vọng tập *Tháp trẻ con* xuất bản, thì hãy thu hồi hy vọng của mình lại, bởi vì tôi bị người ta lừa trước, mà thành ra tôi lừa bạn đọc.

Cuối cùng, tôi muốn thêm mấy câu kết luận do tính "đa nghi" mà ra. Giả thử thật có tập *Tháp trẻ con* do "Hán Khẩu xuất bản", thì tập thơ đó cũng vẫn khả nghi. Trước nay tôi không hề định nói một câu gì về sự nghiệp to lớn của Sử Tế Hành, nhưng lần này, tôi đã viết một bài *Tựa*, lại đem đăng báo, cho nên bây giờ đây hoặc đến lúc đó, tôi có quyền và có nghĩa vụ phải chỉ rõ cái thật, cái giả ra.

11 tháng 4

(Tập cuối ***Thả giới đình***)

140. VIẾT LÚC ĐÊM KHUYA*

1 – TRANH CỦA BÀ GIÁO SƯ KÔLƠUYT(1) ĐƯA VÀO TRUNG QUỐC

Một đống tro giấy giữa cánh đồng, mấy hình vẽ trên bức tường cũ, người đi qua vị tất đã chú ý, nhưng những cái đó đều bao hàm ít nhiều ý nghĩa. Yêu thương, đau xót, giận hờn..., có khi còn mãnh liệt hơn là kêu gào lên nữa. Cũng có một vài người hiểu được ý nghĩa đó.

Năm 1931 – tôi quên tháng nào – trên số một tờ *Bắc Đẩu*(2), tờ tạp chí xuất bản không được bao lâu thì đã bị cấm – có một bức tranh khắc gỗ, vẽ một bà mẹ, nhắm mắt lại vì quá đau thương, ẵm đứa con giơ ra. Đó là bức thứ nhất của bộ tranh liên hoàn *Chiến tranh*, khắc gỗ, của bà giáo sư Kôlơuyt, đề là *Hy sinh* ; đó cũng là bức tranh đầu tiên của bà được giới thiệu sang Trung Quốc.

Bức tranh này do tôi gửi đến, gọi là kỷ niệm việc Nhu Thạch(3) bị hại. Anh là học trò và là bạn của tôi, cùng với tôi giới thiệu văn nghệ nước ngoài, rất thích tranh khắc gỗ, từng xuất bản ba tập tác phẩm của các họa

---

* Bài này viết cho tạp chí tiếng Anh *Tiếng nói của Trung Quốc* (The voice of China). Bản bằng Trung văn đăng lần đầu trên tờ *Dạ Oanh*, số tháng 5 năm 1936.

Trong bức thư đề ngày 1–4–1936, gửi cho Tào Bạch, Lỗ Tấn viết : "*Vì bức tranh của một nhà văn mà phải kết tội như vậy thì thật là đen tối quá, buồn cười quá. Tôi định viết một bài văn ngắn, gửi đăng ở nước ngoài. Mong anh cho biết nguyên nhân vì sao mà anh bị bắt, năm, tháng, tình hình tra hỏi, và ở tù bao nhiêu lâu* (hai năm bốn tháng ?), *nhưng chỉ cần nói đại lược thôi*".

Tào Bạch vốn tên là Lưu Bình Nhược, năm 1933 học ở Trường chuyên môn nghệ thuật Hàng Châu, Chiết Giang, sau bị bắt, năm 1935 được tha và làm giáo viên tiểu học.

(1) *Keathe Kollwitz* (1866 – 1944) : nữ họa sĩ Đức.

(2) *Bắc Đẩu* : tờ tạp chí của *Tả liên* xuất bản tháng 9 năm 1931, đến số 8 thì bị chính phủ Quốc dân đảng bắt đình bản.

(3) *Nhu Thạch* : xem bài *Kỷ niệm để quên đi* trong tập ***Nam xoang Bắc điệu***.

sĩ Âu, Mỹ, mặc dù in không được đẹp lắm. Nhưng không hiểu vì sao, bỗng nhiên anh bị bắt, không bao lâu thì cùng với năm nhà văn thanh niên khác bị bắn ở Long Hoa. Báo chí đương thời không tờ nào đăng tin cả, có lẽ không dám mà cũng không thể đăng được, nhưng nhiều người biết anh không còn ở trên trần gian này nữa, bởi vì đó là chuyện thường xảy ra. Nhưng tôi chắc nhất định bà mẹ anh, lòa cả hai mắt, đang tưởng đứa con yêu quý của bà vẫn còn ở Thượng Hải dịch sách và đối chiếu các bản in. Tình cờ thấy bức *Hy sinh* này trên mục lục hiệu sách Đức, tôi liền gửi cho tờ *Bắc Đẩu*, gọi là một kỷ niệm không lời của tôi. Nhưng về sau, tôi biết có một số người cũng thấy bức tranh đó hàm ý gì, có điều đại để họ cho rằng kỷ niệm là kỷ niệm tất cả những người bị hại.

Hồi ấy, tập tranh của bà giáo sư Kôlouyt đang trên đường từ Âu châu sang Trung Quốc, nhưng đến được Thượng Hải, thì người giới thiệu sốt sắng kia đã nằm dưới đất rồi, ở nơi nào, chúng tôi cũng không biết nữa ! Được rồi, một mình tôi xem vậy ! Đây là cùng khốn, bệnh tật, đói rét, chết chóc... tất nhiên cũng có giãy giụa và phấn đấu, nhưng ít hơn. Thật giống như bức tranh tác giả tự vẽ mình, nét mặt tuy cũng có căm thù, phẫn nộ, nhưng phần lớn là hiền hậu và buồn thương. Đó là hình ảnh tấm lòng của tất cả các bà mẹ những người "bị điếm nhục và bị tổn hại"[1]. Những bà mẹ này thường gặp ở thôn quê Trung Quốc, móng tay chưa nhuộm đỏ, có điều người ta thường cười, nói rằng, làm mẹ mà chỉ thương những đứa con không ra trò trống gì như thế hay sao ? Nhưng tôi nghĩ, các bà cũng thương cả những đứa con ra trò trống nữa, chỉ vì những đứa này đã cường tráng mà lại có năng lực, nên các bà yên lòng, chú ý đến những đứa "bị điếm nhục và bị tổn hại" mà thôi.

Bây giờ đã có hai mươi mốt bức tranh in lại của bà làm chứng, và đối với sinh viên nghệ thuật trẻ tuổi Trung Quốc thì rất có ích :

1. Năm năm nay, tranh khắc gỗ đã khá phổ biến, mặc dù thường thường bị bức hại. Nhưng tranh loại khác, hơi liên tục, thì chỉ có cuốn sách về Anders Zorn[2]. Những bức tranh giới thiệu bây giờ toàn là khắc đồng hoặc khắc đá, để cho độc giả biết, trong hội họa, còn có những tác phẩm như thế này, cũng có thể phổ biến như tranh dầu, mà lại có một kỹ thuật và nội dung khác hẳn Zorn.

2. Người chưa hề ra nước ngoài, thường thường cho rằng người da trắng đều giảng đạo Gia Tô hoặc mở hiệu buôn cả, mặc đẹp, ăn ngon, khi giận

---

(1) Lỗ Tấn lấy tên một cuốn truyện dài Nga để chỉ những người bị áp bức.
(2) *Anders Zorn* (1860 – 1920) : họa sĩ Thụy Điển.

thì lấy giày da đá đít. Có tập tranh này, sẽ rõ trên thế giới thật ra rất nhiều nơi còn có những người bị "điếm nhục và bị tổn hại", họ là bạn bè thân thiết của chúng ta, và còn có những nghệ sĩ vì họ mà buồn thương, mà gào thét, mà chiến đấu.

3. Báo chí Trung Quốc bây giờ phần lớn thích đăng ảnh Hitle đang há miệng hò hét. Lúc đó chỉ là một tư thế tạm thời, nhưng chụp vào ảnh thì vĩnh viễn là tư thế ấy, xem nhiều lần khiến người ta cảm thấy mệt mỏi. Bây giờ, qua tập tranh của nghệ sĩ Đức, chúng ta lại gặp một hạng người khác, tuy chẳng phải là anh hùng, nhưng có thể gần gũi, đồng tình, mà càng xem, càng thấy đẹp, càng thấy có một sức mạnh làm cho người ta rung động.

4. Năm nay Nhu Thạch bị hại vừa đúng năm năm, cũng là năm thứ năm sau khi tranh khắc gỗ đầu tiên của tác giả xuất hiện ở Trung Quốc. Theo cách tính của Trung Quốc, bà vừa đúng bảy mươi tuổi, đây cũng có thể gọi là kỷ niệm. Tuy bây giờ bà cũng chỉ có thể làm thinh, nhưng tác phẩm của bà thì lại xuất hiện càng nhiều dưới trời Viễn Đông. Đúng rồi, nghệ thuật mà vì nhân loại thì lực lượng khác không thể ngăn trở được.

2 – BÀN QUA VỀ NHỮNG CÁI CHẾT ÂM THẦM

Mấy hôm nay mới cảm thấy, đối với mọi con người, chết âm thầm là chuyện cực kỳ thê thảm.

Ở Trung Quốc hồi trước cách mạng, kẻ tử tù lúc lâm hình, được dắt đi ngoài phố. Thế là họ kêu oan, hoặc chửi quan, hoặc kể những hành vi anh hùng của mình, hoặc tuyên bố không sợ chết. Đến chỗ hùng tráng hay ho nhất, tùy lúc người xem có thể hoan hô, về sau thì đồn rộng ra. Hồi còn trẻ, tôi thường nghe những chuyện như thế, tôi cứ cho là dã man, và phương pháp đó là tàn nhẫn.

Gần đây, trên tờ *Vũ trụ phong* do bác sĩ Lâm Ngữ Đường biên tập, thấy bài của ông Thù Đường, đưa ra một kiến giải khác. Ông ta cho rằng kiểu hoan hô tử tù như thế là sùng bái anh hùng thất bại, là nâng đỡ kẻ yếu, "*lý tưởng đó không thể không cho là cao thượng. Nhưng trong tổ chức của nhân quần thì thực không cần thiết. Đè nén kẻ mạnh, nâng đỡ kẻ yếu tức là vĩnh viễn không muốn có kẻ mạnh : sùng bái anh hùng thất thế tức là không thừa nhận anh hùng thành công*". Cho nên "*phàm những bậc đế vương thành công*

xưa nay, muốn duy trì uy lực mấy trăm năm, không nhất định phải là người giết hại mấy vạn, mấy chục vạn kẻ vô tội, mới có thể nhất thời được người ta khiếp phục".

Giết hại mấy vạn, mấy chục vạn người, mà chỉ "mới có thể nhất thời được người ta khiếp phục". Nghĩ giùm cho "đế vương thành công", quả thật là chuyện đáng buồn : không có cách nào hay cả. Có điều, tôi không định nghĩ giùm cho họ. Nhưng do chuyện này mà tôi tỉnh ngộ ra rằng, để cho tử tù khi lâm hình còn có thể nói năng trước đám đông, là một cái ơn huệ của những bậc "đế vương thành công". Đó cũng là chứng cớ tỏ rằng họ tự tin còn có lực lượng, cho nên họ có can đảm để cho tử tù mở miệng nói, để cho trước khi chết, y có dịp khoe khoang một lúc, ai ai cũng rõ đời y sắp kết thúc rồi. Trước kia tôi cho là "tàn nhẫn" phán đoán như vậy không đúng, trong đó có hàm một chút ơn huệ. Mỗi lần bạn bè hoặc học sinh của tôi chết, nếu không biết ngày giờ nào, chỗ nào, không biết chết bằng cách gì, thì tôi cảm thấy đau xót và không yên tâm hơn là biết. Do đó suy rộng ra, tôi thấy chết trong tay mấy tên đao phủ thủ ở trong một gian phòng u ám, nhất định quạnh quẽ hơn là chết giữa đám đông.

Nhưng "đế vương thành công" thì không giết người một cách bí mật. Ngài chỉ giữ bí mật mỗi một chuyện : là chuyện đùa giỡn với thê thiếp của ngài. Đến lúc sắp thất bại, mới thêm một bí mật nữa : là số tài sản của Ngài và nơi Ngài cất giấu. Thất bại nữa, lúc đó mới thêm bí mật thứ ba, giết người một cách bí mật. Lúc đó, cũng như ông Thù Đường, Ngài cảm thấy dân chúng đáng ghét, bất cứ thành bại đều đáng sợ !

Cho nên, chuyện bí mật thứ ba, dù không có mưu sĩ hiến kế, cũng nhất định có ngày dùng đến, có lẽ một vài địa phương đã dùng rồi. Lúc đó, phố xá văn minh, dân chúng yên tĩnh ; nhưng chúng ta thử đoán tâm trạng của người chết xem, nhất định thê thảm hơn là chết một cách rõ ràng, minh bạch. Trước kia, đọc *Thần khúc* của Đăngtơ[1], đến thiên *Địa ngục*, tôi rất lấy làm ngạc nhiên thấy tác giả tưởng tượng ra những điều tàn nhẫn như thế, nhưng bây giờ, lịch duyệt nhiều, mới biết ông ta còn nhân hậu : ông ta chưa nghĩ ra được một cảnh địa ngục thảm khốc đến nỗi ai cũng không trông thấy, nhưng bây giờ thì rất bình thường !

---

(1) *Dante Alighieri* (1265 – 1321) : nhà thơ người Ý. Cuốn *Thần khúc* gồm ba phần : *Địa ngục, Luyện ngục, Thiên đường*.

3 – MỘT THIÊN ĐỒNG THOẠI

Xem tờ D.Z.Z.[1] ngày 17 tháng 2, thấy bài *Một thiên đồng thoại* của Winli Bơden[2] viết kỷ niệm 80 năm ngày mất của H. Hainơ[3], tôi rất thích đầu đề ấy, cũng viết một chuyện.

Một thời, có một nước như thế này : kẻ có quyền lực áp bức nhân dân, nhưng lại cảm thấy nhân dân đều là cường địch, chữ phiên âm thì tưởng là súng máy, tranh khắc gỗ tưởng là xe tăng ; lấy được đất, nhưng không thể xuống xe ở ga quy định. Cũng không đi được trên mặt đất, cứ phải bay lui bay tới trên không. Và sức chống cự của da thịt cũng yếu đi, có việc gì quan trọng, là bị cảm ngay, đồng thời lại lây sang các vị đại thần, ốm cả lũ.

Rất nhiều bộ tự điển to tướng được xuất bản, nhưng đều không thích hợp với thực dụng ; muốn hiểu rõ chân tình, phải tra khảo bộ tự điển trước nay chưa hề in. Trong này, có những câu giải thích mới lạ, thí dụ : *"giải phóng"* nghĩa là *"bắn"*, *"chủ nghĩa Tônxtôi"* nghĩa là *"bỏ chạy"* ; dưới chữ *"quan"* thì chú : *"bạn bè thân thích và đầy tớ của cụ lớn"* ; dưới chữ *"thành"* thì chú : *"tường cao và kiên cố để đề phòng học sinh ra vào"* ; dưới chữ *"đạo đức"* thì chú : *"cấm phụ nữ không được để hở cánh tay"* ; dưới chữ *"cách mạng"* thì chú : *"cho nước tràn ngập ruộng, dùng máy bay chở bom, nhằm vào đầu "giặc" mà thả"*.

Một bộ pháp luật dày cộp được xuất bản do học giả được phái đi các nước xem xét luật hiện hành, chọn lấy phần tinh hoa mà soạn ra, cho nên không có nước nào có một bộ pháp luật hoàn toàn và tinh vi như thế. Nhưng đầu sách, có một tờ giấy trắng, chỉ có người thấy bộ tự điển chưa in, mới có thể nhìn ra mặt chữ, trước hết có ba điều : một, hoặc xử nhẹ ; hai, hoặc xử nặng ; ba, hoặc có lúc hoàn toàn không thích dụng.

Tất nhiên có tòa án, nhưng tội phạm đã đọc ra chữ trên tờ giấy trắng kia, thì lúc tòa án xử, quyết không kháng nghị, bởi vì chỉ có kẻ xấu mới kháng nghị, mà kháng nghị thì không khỏi bị "xử nặng". Tất nhiên cũng có tòa án tối cao, nhưng người đã đọc ra chữ trên tờ giấy trắng kia thì quyết không chống án, bởi vì chỉ có kẻ xấu mới hay chống án, mà chống án thì không khỏi bị "xử nặng".

---

(1) *D.Z.Z.* : tức *Deutsche Zentral Zeitung* (Tân Văn trung ương Đức). Đó là tờ nhật báo bằng tiếng Đức do Liên Xô xuất bản hồi bấy giờ.

(2) *Willi Berdel* : nhà văn Đức hiện đại, tác giả *Những người cha, Những người con.*

(3) *H. Haine* (1797 – 1856) : nhà thơ người Đức.

Một buổi sớm, cảnh binh đến vây Trường Mỹ thuật nọ[1]. Trong trường có mấy người mặc áo quần Trung Quốc, và mấy người mặc áo quần Tây, đang chạy khắp nơi, lục lọi, tìm kiếm, có cảnh binh theo họ, tất cả đều cầm súng lục. Một lát, một người bạn mặc Tây, nắm lấy vai một sinh viên mười tám tuổi[2] ở trong ký túc xá.

– Bây giờ chính phủ phái chúng tôi đến đây khám các anh, các anh hãy...

– Anh cứ khám đi !

Người thanh niên đó liền kéo cái rương gỗ liễu của mình ở dưới giường ra. Thanh niên ở đây đã có kinh nghiệm bao nhiêu năm, khôn lắm rồi, không dám giữ cái gì cả. Nhưng anh sinh viên kia chỉ mới mười tám tuổi. Cuối cùng, bắt được mấy bức thư trong ngăn kéo, có lẽ vì trong những bức thư này có nói đến mẹ anh cực khổ mà chết, nên lúc đó anh không nỡ đốt đi. Người bạn mặc Tây đọc kỹ từng chữ một, đọc đến câu "*... thế giới là một bữa tiệc ăn thịt người, mẹ anh bị ăn thịt rồi, bao nhiêu bà mẹ trong thiên hạ cũng sẽ bị ăn thịt...*" thì giương lông mày lên, lấy ra một mẩu bút chì, đánh dấu ngòng nghèo cạnh câu ấy, hỏi :

– Nói gì thế này ?

– . . .

– Ai ăn thịt mẹ anh ? Trên thế giới có chuyện ăn thịt người hay sao ? Chúng tôi ăn thịt mẹ anh ư ? Được rồi !

Trông con mắt hắn lồi ra, như muốn biến thành một viên đạn.

– Ở đâu ? Đây là.... Ở đâu ? Đây là...

Người thanh niên hoảng lên.

Nhưng hắn không bận tròng con mắt hắn ra, hắn chỉ cầm bức thư xé đi, nhét vào túi áo, rồi lấy tranh khắc gỗ, dao khắc, bản dập, cuốn *Suối thép*, *Sông Đông êm đềm*, mấy đoạn báo cắt ra, để vào một chỗ, nói với một người cảnh sát :

– Tôi giao các thứ này cho ông !

– Trong những cái này có cái gì, sao anh lấy đi ?

Người thanh niên biết chuyện không hay rồi.

Nhưng người bạn mặc Tây chỉ đưa mắt liếc nhìn anh, rồi thuận tay chỉ, ra lệnh cho một tên cảnh sát khác :

---

(1) Chỉ Trường Mỹ thuật quốc lập Hàng Châu.

(2) Tức Tào Bạch.

– Tôi giao anh này cho ông !

Tên cảnh sát nhảy chồm lên như một con cọp, nắm lấy cổ áo anh thanh niên, xách ra cổng ký túc xá. Ngoài cổng có hai sinh viên tuổi bằng nhau[1], sau lưng mỗi người có một bàn tay to lớn, mạnh khỏe, túm lấy. Giáo sư và sinh viên đứng vây xung quanh.

4 – LẠI THÊM MỘT THIÊN ĐỒNG THOẠI NỮA

Hai mươi mốt hôm sau, một buổi mai, trong trại giam người ta bắt đầu tra hỏi. Một gian phòng nhỏ, tối om, hai cụ lớn ngồi phía trên, một cụ bên trái, một cụ bên phải. Cụ bên phải mặc áo khoác ngoài, cụ bên trái mặc đồ Tây, cái anh thuộc phái lạc quan, không tin trên đời lại có chuyện ăn thịt người, vừa lôi anh sinh viên mười tám tuổi vào, mặt xanh xao, áo quần bẩn thỉu, đứng ở phía dưới. Cụ "áo khoác ngoài" hỏi tên, tuổi, quê quán anh ta xong, lại hỏi :

– Anh là hội viên Hội Nghiên cứu tranh khắc gỗ[2] phải không ?

– Vâng.

– Ai là hội trưởng ?

– Ông Ch là chánh, ông H, phó.

– Bây giờ họ ở đâu ?

– Họ bị nhà trường mời ra rồi, tôi không được rõ.

– Sao anh được cổ động phong trào ở trong trường ?

– A ! – Anh thanh niên ngạc nhiên kêu lên.

– Hừ ! – Cụ áo khoác ngoài giơ tay cầm một bức tranh khắc gỗ đưa cho anh ta xem – Cái này anh khắc phải không ?

– Vâng.

– Khắc ai thế ?

– Một nhà văn.

– Tên là gì ?

– Tên là Lunasacxki

– Ông ta là một nhà văn à ? Ông ta người nước nào ?

---

(1) Chỉ Hách Lực Quần và Diệp Nãi Phấn.

(2) Tức Hội Nghiên cứu tranh khắc gỗ thành lập ở Hàng Châu tháng 2 năm 1933.

– Tôi không biết.

Anh thanh niên muốn khỏi phải tội bèn nói dối.

– Không biết à ? Anh không được nói dối tôi. Đây không phải là người Ruytxi[1] à ? Đây không phải rõ ràng là tướng Hồng quân Ruytxi à ? Tôi đã thấy ảnh người này trong một cuốn lịch sử cách mạng Ruytxi rồi ! Anh còn định bịp tôi ?

– Không ạ !

Anh thanh niên như bị một chùy sắt đánh vào đầu, kêu lên tuyệt vọng.

– Đáng đời lắm ! Anh là một nghệ sĩ "phổ la"[2] tất nhiên anh khắc ảnh tướng Hồng quân thôi !

– Không ! Hoàn toàn không phải như thế...

– Thôi đừng có chối quanh nữa. Anh không chịu "tỉnh ngộ", chúng tôi biết anh ở trong trại giam khổ lắm, nhưng anh phải nói thật đi để chúng tôi đưa anh ra tòa án xử sớm ngày nào hay ngày ấy. Ở trong nhà tù hơn ở đây nhiều.

Anh thanh niên không nói gì. Anh biết, nói hay không cũng thế thôi.

– Này ! – Cụ áo khoác ngoài lại cười nhạt, nói – Anh là C.P hay là C.Y ?[3]

– Không phải cả. Những cái đó, tôi không biết.

– Biết khắc ảnh tướng Hồng quân mà lại không biết C.P, C.Y là gì à ? Người bé mà cứng đầu cứng cổ như thế à ! Cút !

Thế rồi, đưa tay ra khoát một cái. Một tên cảnh sát sáng ý và thành thạo, lại xách anh thanh niên ấy đi.

Tôi xin lỗi, viết đến đây, thấy tựa hồ không giống đồng thoại chút nào. Nhưng nếu không gọi là đồng thoại thì tôi biết gọi thế nào đây ? Điều đặc biệt, chỉ là ở chỗ năm xảy ra câu chuyện tôi vừa kể, năm 1932.

5 – MỘT BỨC THƯ THÀNH THỰC

Kính gửi ông,

Ông hỏi tình hình sau khi tôi ở trại giam về, tôi xin kể sơ qua dưới đây :

---

(1) Tức nước Nga.

(2) "Phổ la", phiên âm chữ *prolétaire* : vô sản.

(3) *C.P* : tức Communist Party : Đảng cộng sản ; *C.Y* : tức Communist Youth : Đoàn thanh niên cộng sản.

Ngày cuối cùng của tháng cuối cùng năm ấy, ba đứa chúng tôi bị Chính phủ tỉnh...[1] *giải ra tòa án tối cao. Vừa đến nơi thì thẩm vấn ngay. Cách thẩm vấn của mấy quan tòa này hết sức đặc biệt, chỉ hỏi ba câu :*

– Anh tên gì ? – Câu thứ nhất.

– Năm nay mấy tuổi ? – Câu thứ hai.

– Anh người ở đâu ? – Câu thứ ba.

Qua cuộc thẩm vấn đặc biệt ấy, chúng tôi lại bị tòa án giải đến trại giam của lính. Ai muốn biết toàn bộ nghệ thuật thống trị của bọn thống trị, thì chỉ cần đến trại giam của lính là đủ. Họ ngược sát những người có tư tưởng khác họ, giết hại nhân dân, chưa tàn khốc thì chưa thỏa chí. Mỗi khi thời cuộc căng thẳng, thì họ lôi một số chính trị phạm, gọi là quan trọng, ra bắn, chẳng kể đến hạn hay chưa. Chẳng hạn, lúc Nam Xương ở vào thế nguy[2]*, chỉ trong vòng mười lăm phút đồng hồ, đánh chết hai mươi hai người ; lúc Chính phủ nhân dân Phúc Kiến thành lập*[3]*, cũng bắn nhiều lắm. Pháp trường là vườn rau khoảng năm mẫu của trại giam, xác phạm nhân vùi trong bùn, trên trồng rau. Thay phân bón.*

Khoảng hai tháng rưỡi sau thì buộc tội. Quan tòa chỉ hỏi chúng tôi có ba câu, sao lại có thể buộc tội được nhỉ ? Thế mà có thể được đấy ! Tuy tôi không còn giữ nguyên văn, nhưng tôi thuộc lòng, chỉ tiếc họ dẫn điều mấy trong luật thì quên mất.

"Hội nghiên cứu tranh khắc gỗ mà... Ch.., H..., tổ chức do Đảng cộng sản lãnh đạo, là một đoàn thể nghiên cứu nghệ thuật "phổ la". Các bị cáo đều là hội viên Hội đó... Xem những bản khắc của họ đều là ảnh của tướng tá Hồng quân và những người lao động nghèo đói cả, lấy đó để cổ động cho cuộc đấu tranh giai cấp, và chứng tỏ rằng giai cấp vô sản tất sẽ có ngày lên chuyên chính. ..".

Sau đó, không bao lâu, thì ra tòa xử. Phía trên, năm cụ ngồi một dãy, uy nghiêm lắm. Nhưng tôi chẳng hoảng chút nào, bởi vì lúc đó trong óc tôi hiện lên một bức tranh, đó là bức "Quan tòa" *của Đômiê*[4]*, khiến tôi hết sức cảm phục !*

---

(1) Tỉnh Chiết Giang.

(2) Đầu tháng 4 năm 1933, cuộc "vi tiễu" lần thứ tư của Quốc dân đảng bị đập tan, Hồng quân liền đánh Giang Tây, Tân Kim, uy hiếp Nam Xương, Vũ Châu.

(3) Tức cuộc chính biến tháng 11 năm 1933 ở Phúc Kiến.

(4) *Henri Daumier* (1808 – 1879) : nhà họa sĩ châm biếm người Pháp.

Tám ngày sau khi xử, thì phán quyết lần cuối cùng và tuyên án. Tội trạng ghi trên bản án cũng là mấy câu trong bản buộc tội, chỉ đoạn sau có thêm :

"Xét hành động của bị cáo, thì phải chiểu theo điều... trị về tội nguy hại nền Dân Quốc và khoản... điều... bộ Hình, cả hai đều ghi năm năm tù khổ sai... Nhưng các bị cáo còn ít tuổi, chưa biết gì, đi nhầm đường, không thể không thương hại, đặc biệt theo những điều quy định trong khoản... điều... luật... giảm xuống hai năm sáu tháng tù khổ sai. Mười ngày sau khi tuyên án, nếu không chịu thì làm đơn chống án..., v.v...".

Tôi còn phải "chống án" làm gì ? "Chịu" lắm rồi ! Dù sao thì đó cũng là pháp luật của họ !

Tính lại, từ khi bị bắt cho đến khi được thả, tôi đã du lịch qua ba lò sát sinh giết hại nhân dân một cách tàn khốc. Bây giờ, ngoài việc phải cám ơn họ không chém đầu, tôi còn phải cám ơn họ hơn đã đưa lại cho tôi không biết bao nhiêu kiến thức nữa. Riêng về mặt hình phạt, tôi mới hiểu được Trung Quốc hiện nay có : 1) rút mây ; 2) cưỡi ghế hổ, những hình phạt đó còn nhẹ ; 3) giẫm đòn gánh, tức là bắt tội phạm quỳ xuống, lấy một thanh sắt để treo cẳng chân, hai người lực lưỡng đứng hai đầu, trước thì hai người, dần dần tăng lên tám người ; 4) quỳ vòng lửa, tức là lấy những vòng sắt đốt đỏ lên để giữa đất, bắt tội phạm quỳ lên trên ; 5) còn có một kiểu gọi là "ăn" tức là đổ nước ớt, dầu hỏa, giấm, rượu vào mũi ; 6) còn có kiểu trói úp tay tội phạm, lấy dây gai cột chặt hai ngón tay cái với nhau, treo ngược lên rồi đánh, tôi không biết tên hình phạt này gọi như thế nào ?

Tôi cho rằng thảm hại nhất là anh thanh niên nông dân cùng phòng với tôi ở trại giam. Quan tòa cứ buộc tội cho anh là quân trưởng Hồng quân, nhưng chết anh ta cũng không nhận. Ôi ! thế là họ lấy kim may đâm vào móng tay, rồi lấy búa đóng. Đóng cái thứ nhất, không nhận, đóng cái thứ hai, vẫn không nhận, lại đóng cái thứ ba... cái thứ tư..., cuối cùng mười ngón tay mười chiếc kim... Cho đến nay, hình ảnh anh thanh niên ấy, mặt xanh lè, mắt trũng xuống, hai tay máu chảy ròng ròng, còn hiện lên trước mắt, tôi không bao giờ quên được, và đau xót quá !...

Nhưng nguyên nhân vì sao ngồi tù, thì cho đến khi được tha, tôi mới điều tra ra. Nguồn gốc tai họa là sinh viên chúng tôi bất mãn với nhà trường, nhất là đối với ông Chủ nhiệm huấn cục, mà ông ta thì lại là tình báo viên chính trị của Đảng bộ Tỉnh. Muốn đàn áp sự bất mãn đó của toàn thể sinh viên, ông ta bắt ba hội viên Hội Nghiên cứu tranh khắc gỗ còn lại, để làm

vật hy sinh thị uy. Mà cái cụ mặc áo "khoác ngoài" nhất định cứ buộc Lunasacxki là sĩ quan Hồng quân, thì lại là anh rể ông ta. Thật là tiện quá !

Tôi viết xong, ngửng đầu lên nhìn ra ngoài cửa sổ, thấy ánh trăng giải trên mặt đất trắng lạnh, bỗng lạnh cả lòng, nhưng tôi tin rằng tôi chưa đến nỗi khiếp nhược, có điều lòng tôi lạnh lắm...

Chúc ông mạnh khỏe.

Nửa đêm về sáng ngày 4 tháng 4

NHÂN PHÀM

Chú : từ đoạn *Một thiên đồng thoại* cho đến cuối bài, là căn cứ vào thư và *Nhật ký ngồi tù* của anh Nhân Phàm.

7 tháng 4

(Tập cuối ***Thá giới đinh***)

141. "NHƯ THẾ CŨNG LÀ SỐNG...*"

Đây cũng là một chuyện trong lúc nằm bệnh.

Có những chuyện, người khỏe hoặc người ốm không thấy, có lẽ cũng không gặp, có lẽ nhỏ nhặt quá, đến khi bệnh vừa lành thì mới có thể thấy được. Đối với tôi, mệt mỏi mà thấy dễ sợ, nghỉ ngơi mà thấy thoải mái, là hai thí dụ rất hay. Trước kia tôi thường tự phụ mình xưa nay không hề biết mệt mỏi là gì. Trước bàn có một chiếc ghế tròn, ngồi viết hay chăm chú đọc sách, tức là làm việc ; bên cạnh có một chiếc ghế mây, nằm dựa vào lưng ghế, nói chuyện gẫu hay tùy ý xem báo, tức là nghỉ ; thấy cả hai việc đó không khác nhau gì lắm, và thường thường tự phụ về cái đó. Bây giờ mới biết không đúng, sở dĩ không khác nhau gì lắm là bởi vì chưa mệt mỏi, và cũng chưa ra sức làm việc.

Tôi có một người cháu họ, tốt nghiệp cao trung, nhưng đành phải học nghề trong một xưởng dệt bít tất, trong bụng đã không lấy làm vui, mà công việc lại nặng nhọc lắm, cơ hồ suốt năm không lúc nào được nghỉ ngơi. Nó rất tự trọng, không muốn lười biếng, cố gắng làm hơn một năm. Một hôm, đang ngồi bỗng ngã dụi xuống. Nó nói với anh nó : "Em kiệt sức rồi !".

Từ đó, nó không dậy được nữa. Đem về nhà, nằm liệt giường, không muốn ăn uống, không muốn cử động, không muốn nói năng. Mời thầy thuốc ở nhà thờ đạo đến xem, ông ta nói chẳng có bệnh tật gì cả, nhưng toàn thân yếu. Và cũng chả có cách nào chữa được. Tất nhiên, sau đó thì lặng lẽ chết. Tôi cũng trải qua một tình trạng như thế trong hai ngày, nhưng nguyên nhân thì khác. Nó làm việc mà đuối sức, tôi ốm mà đuối sức. Quả thực tôi chẳng muốn gì cả, tựa hồ như chẳng có gì liên quan với tôi nữa, làm gì cũng thấy đa sự. Tôi không nghĩ đến chuyện chết, nhưng cũng không cảm thấy mình đang sống. Đó tức là "trạng thái không dục vọng", bước đầu đi đến cái chết.

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Trung lưu* ngày 5 tháng 9 năm 1936 *(Tập phụ)*.

Những người thương mến tôi thấy thế mà khóc thầm. Nhưng rồi có một sự chuyển biến trong người, tôi muốn húp một ít nước cháo, có lúc tôi cũng nhìn các đồ vật bốn chung quanh, nhìn tường, nhìn ruồi v.v..., sau đó mới thấy mệt mỏi, mới thấy cần phải nghỉ ngơi.

Nằm ngã xuống theo ý thích, duỗi hai tay hai chân ra, ngáp một cái thật to, lại để cả toàn thân vào một vị trí thích nghi, rồi buông xuôi, không làm gì phải dùng đến sức. Thú quá chừng ! Cái thú đó, xưa nay tôi chưa từng được hưởng. Tôi chắc người mạnh khỏe, hoặc người sung sướng, e cũng chưa từng được hưởng.

Nhớ năm trước, cũng là sau lúc ốm dậy, có viết bài *Chuyện phiếm sau khi ốm dậy*, cả thảy năm đoạn, gửi báo *Văn học*, nhưng bốn đoạn sau không cách nào đăng được, in ra, chỉ còn lại đoạn đầu[1]. Tuy phía trên rõ ràng để con số 1, nhưng sau bống dưng lại không có 2, 3. Nghĩ kỹ thấy kỳ quặc, nhưng không thể yêu cầu mỗi một bạn đọc, thậm chí không thể hy vọng ở nhà phê bình, thông cảm cho. Thế là có người căn cứ vào đoạn đó, hạ một câu như sau : "Lỗ Tấn thích ốm". Bây giờ có lẽ tạm khỏi cái tai nạn ấy rồi, nhưng chỉ bằng tôi thanh minh trước một câu ở đây : "Tôi nói đến đó chưa hết".

Bốn năm hôm sau khi trong người chuyển, ban đêm tôi thức giấc, gọi Quảng Bình dậy.

– Cho anh một ngụm nước. Và bật đèn lên, để anh nhìn loanh quanh một tí.

– Sao thế ? – Nhà tôi hỏi, giọng có vẻ hoảng hốt, có lẽ cho tôi nói mê.

– Bởi vì anh muốn sống. Em hiểu không ! Như thế cũng là sống đấy. Anh muốn nhìn loanh quanh một tí.

– À ! – Nhà tôi đi lại, đưa cho tôi uống một ngụm nước trà, quanh quẩn một lúc, rồi lại khe khẽ nằm xuống, không bật đèn.

Tôi biết nhà tôi không hiểu câu tôi nói.

Đèn ngoài đường dọi qua cửa sổ, trong nhà sáng mờ mờ. Tôi nhìn qua một lượt. Bức tường quen thuộc, đường cạnh của bức tường, chồng sách quen thuộc, tập tranh chưa đóng cạnh chồng sách, ngoài kia ban đêm đang trôi qua, nơi xa xăm vô cùng tận, bao nhiêu người, tất cả đều có liên quan tới tôi. Tôi đang tồn tại, tôi đang sống, tôi còn sống nữa, tôi bắt đầu cảm

(1) Xem bài này ở tập ***Thá giới đình.***

thấy thân thiết với mình, tôi muốn cử động. Nhưng không bao lâu tôi đã lại thiếp đi.

Sớm hôm sau, dưới ánh sáng ban ngày, nhìn, quả nhiên bức tường quen thuộc, chồng sách quen thuộc... tất cả những cái đó, lúc bình thời, tôi cũng nhìn, thực ra cũng cho như thế là một cách nghỉ ngơi. Nhưng trước nay, chúng ta xem thường chuyện như thế, giá thử đó cũng là một phần của cuộc sống, thì chúng ta đặt dưới chuyện uống trà, gãi ngứa, hoặc giả không kể vào đâu cả. Chúng ta chỉ chú ý đến cái tinh hoa đặc biệt, chứ không chú ý đến chi tiết. Người viết truyện về danh nhân đại để cứ phô trương đặc điểm, Lý Bạch làm thơ như thế nào, giả vờ ngông như thế nào, Napôlêông đánh trận như thế nào, không ngủ như thế nào, nhưng không nói họ không giả vờ ngông như thế nào, buồn ngủ như thế nào. Thật ra, trong một đời, mà chuyên môn giả vờ ngông hoặc không ngủ, thì nhất định không sống nổi. Người ta có lúc có thể giả vờ ngông hoặc không ngủ, là vì có lúc không giả vờ ngông và đã ngủ. Nhưng ai cũng cho những chuyện bình thường đó là cặn bã của cuộc sống, không thèm nhìn đến.

Thế là nhìn người và vật rất phiến diện, giống như anh mù sờ voi, sờ chân thì nói voi như cột nhà. Cổ nhân Trung Quốc thường cái gì cũng muốn cho "hoàn toàn" nên chế "Ô kê bạch phượng hoàn" cho phụ nữ dùng, họ dùng con gà cả lông lẫn huyết, cứ thế mà làm thành viên thuốc. Phương pháp ấy cố nhiên buồn cười, nhưng chủ ý thì đúng.

Người tước bỏ hết cành lá, nhất định không thể có được hoa quả.

Vì Quảng Bình không bật đèn cho tôi, tôi giận lắm, thấy mặt là càu nhàu. Đến khi đi lại được, tôi mới đến lật xem tập báo nhà tôi xem. Quả nhiên, trong lúc tôi ốm, sách báo xuất bản không phải ít, toàn là tinh hoa cả. Có những tờ phía sau tuy vẫn có những quảng cáo như "Cách làm đẹp", "Gỗ cũ lên nước" hoặc "Bí mật của ni cô", nhưng trang đầu, thì lại có một bài văn hiên ngang khảng khái. Viết văn đã có một "chủ đề hết sức trung tâm", ngay Trại Kim Hoa, cô gái điếm đã ngủ với thống soái Oadơxi, người Đức, hồi Nghĩa Hòa đoàn, cũng được phong là "Cửu Thiên hộ quốc nương nương"[1].

---

(1) *A. Waldersee* (1832 – 1904) : Tổng tư lệnh liên quân tám nước xâm lược Trung Quốc trong cuộc khởi nghĩa của Nghĩa Hòa đoàn (1900). Trại Kim Hoa là vợ lẽ của Hồng Điện Soạn, có theo chồng sang Tây. Sau khi về nước thì làm gái điếm, nói tiếng Tây thạo. Waldersee rất yêu mến, nói gì y nghe nấy. Có người bảo cô ta là tham mưu của y. Ở đây nói Trại Kim Hoa được phong Cửu Thiên hộ quốc nương nương là vì hồi bấy giờ trên báo chí có nhiều bài ca tụng cô ta.

Phục nhất là phụ trương *Xuân thu* của tờ *Thân báo* trước đây đăng tập *Ngự hương phiêu diêu lục*[1] nói thao thao bất tuyệt về cung đình nhà Thanh, nhưng bây giờ khác lắm rồi, một hôm, trong cột "Chuyện vụn vặt"[2] ở cuối cùng, bảo người ta lúc ăn dưa hấu, cũng phải nghĩ đến đất nước chúng ta đang bị cắt nhỏ như dưa hấu. Tất nhiên, như thế là không lúc nào, không nơi nào, không việc nào, mà không yêu nước, chẳng còn chê trách vào đâu được. Nhưng nếu bảo tôi vừa nghĩ như thế, vừa ăn dưa hấu, chắc tôi nuốt không xuống, dù ra sức nuốt, cũng khó lòng tiêu được, cứ anh ách trong bụng mãi. Như thế chắc không phải vì sau khi ốm dậy, thần kinh của tôi suy nhược đi. Tôi nghĩ, giá người đã đem dưa hấu ra so sánh, giảng cho nghe về quốc sỉ, mà vẫn có thể thích thú ăn quả dưa hấu ấy ngay, dinh dưỡng cho máu thịt, thì người đó e có hơi tê liệt đấy. Đối với anh ta, bất cứ giảng bài gì, cũng không có hiệu quả.

Tôi chưa hề làm nghĩa dũng quân, nói không được đích xác, nhưng tôi tự hỏi : chiến sĩ ăn dưa hấu, có ai vừa ăn vừa nghĩ đến nghi thức hay không ? Tôi nghĩ : vị tất đã có. Đại khái anh ta khát nước, muốn ăn, thấy ngon, chứ ngoài ra chẳng nghĩ đến bất cứ đạo lý nào hay ho khác. Ăn dưa hấu rồi, tinh thần phấn chấn, xông ra chiến đấu, thì khác hẳn khi còn lưỡi khô cổ bỏng, cho nên ăn dưa hấu quả có liên quan tới chiến đấu, nhưng lại không liên quan tới việc nên nghĩ như thế nào về chiến lược bố trí ở Thượng Hải. Cứ cả ngày, mặt như mặt đưa tang mà ăn uống, thì chẳng bao lâu sẽ đau dạ dày, còn kháng địch thế nào được.

Nhưng người ta thường thích nói cho lạ lùng cổ quái, ngay quả dưa hấu, mà cũng không chịu chủ trương cứ ăn bình thường cho. Kỳ thực, đời sống hàng ngày của chiến sĩ, không phải là toàn bộ đáng ca ngợi cả, nhưng lại không có cái nào là không liên quan tới cái phần đáng ca ngợi. Đó mới là chiến sĩ trong thực tế.

23 tháng 8

(Tập cuối ***Thá giới đình***)

---

(1) *Ngự hương phiêu diêu lục*, do quận chúa Đức Linh, tôn thất nhà Thanh, soạn. Sách vốn viết bằng tiếng Anh, xuất bản năm 1933, rồi dịch ra Trung văn, đăng liên tiếp trên phụ trương *Xuân thu*, tờ *Thân báo*.

(2) *"Chuyện vụn vặt"* : một mục trong phụ trương *Xuân thu* chuyên đăng những bài văn ngắn.

142. CHẾT*

Lúc in tuyển tập tranh của Kôlouyt, tôi có nhờ nữ sĩ A. Smitli[1] viết cho một bài *Tựa*. Tôi nghĩ như thế là thích hợp lắm, vì hai bà vốn thân với nhau. Không bao lâu, bài viết xong, tôi lại bắt ông Mao Thuẫn dịch ra, bây giờ thì đã in vào tuyển tập rồi. Trong đó có một đoạn như thế này :

Bao nhiêu năm nay, Kôlouyt – xưa nay chị chưa hề dùng những chức tước người ta tặng cho chị – vẽ được rất nhiều tranh, ký họa, ký họa bằng bút chì, bằng bút mực, khắc gỗ, khắc đồng. Nghiên cứu tất cả những cái đó, thấy có hai chủ đề lớn, chủ đề những năm đầu là phản kháng, chủ đề những năm về già là tình mẹ, tình của một người mẹ che chở con, làm việc thiện và chết. Và bao trùm lên tất cả tác phẩm của chị là ý thức chịu nạn, bi thảm, và nhiệt tình bảo vệ người bị áp bức.

Có một lần tôi hỏi chị : "Trước kia, chị dùng chủ đề phản kháng, nhưng bây giờ hình như chị không bỏ được quan niệm về cái chết. Tại sao thế ?". Chị trả lời bằng một giọng khổ não : "Có lẽ vì mỗi ngày tôi một già đi !".

Hồi đó, xem đến đoạn này, tôi suy nghĩ mãi. Tính lại, lúc bà lấy cái chết làm đề tài để vẽ, là năm 1910 ; bấy giờ bà chỉ mới bốn mươi ba tuổi thôi. Năm nay tôi "suy nghĩ" như thế này ; tất nhiên có liên quan đến tuổi tác. Nhưng nhớ lại hơn mười năm trước, đối với cái chết, tôi chưa hề cảm thấy sâu sắc đến như thế kia. Có lẽ cái sống, chết của chúng ta từ lâu đã bị người khác tùy ý xử trí, chúng ta cho không đáng lấy làm trọng, nên tự chúng ta cũng xem thường, không lấy làm điều như người Âu châu. Có một người ngoại quốc nói : người Trung Quốc rất sợ chết. Thật ra không đúng như thế. Nhưng tất nhiên, không khỏi có những người chết một cách rất hồ đồ.

---

* Bài này đăng lần đầu trên tạp chí *Trung lưu* ngày 20 tháng 9 năm 1936 *(Tập phụ)*.

(1) *A. Smedley* (1894 – 1950) : nhà văn và nhà báo tiến bộ, người Mỹ.

Tình hình sau khi chết, mà mọi người tin tưởng, càng làm cho chúng ta tùy tiện đối với cái chết. Ai cũng biết, người Trung Quốc chúng ta tin có ma (gần đây có người gọi là "linh hồn"). Đã có ma, thì chết rồi, tuy không còn phải là người nữa, nhưng lại đã làm ma, không thể gọi là không có gì. Có điều, trong óc tưởng tượng, phải làm ma lâu hay mau, còn tùy ở chỗ người đó lúc sống giàu hay nghèo. Người nghèo thì đại để cho rằng, sau khi chết là sẽ luân hồi, tư tưởng này bắt nguồn từ đạo Phật. Luân hồi mà đạo Phật nói, thủ tục tất nhiên phiền phức lắm, không phải giản đơn như thế đâu, nhưng người nghèo thường vô học, nên không biết. Đó là nguyên nhân vì sao người tử tù, khi bị trói đưa ra pháp trường, hét to lên : "Hai mươi năm sau, mình lại là một trang hảo hán", không tỏ vẻ sợ hãi gì cả. Huống chi tương truyền áo quần của ma, giống như áo quần mặc lúc tất hơi. Người nghèo không có áo quần đẹp, làm ma nhất định cũng không lấy gì làm sang, chi bằng đầu thai ngay, làm một đứa bé trần như nhộng mà hơn nhiều. Chúng ta có thấy nhà ai sinh con ra, trong thai đã mặc áo quần ăn mày hoặc áo quần nhà bơi lội đâu ? Xưa nay chưa từng có. Như thế hay lắm, lại bắt đầu lại. Có lẽ có người hỏi : đã tin luân hồi, thì chưa biết chừng kiếp sau có thể lại rơi vào một tình cảnh cùng khổ hơn, hoặc giả trở thành súc sinh, thì lại càng dễ sợ. Nhưng tôi thấy họ không hề nghĩ như thế. Họ tin chắc họ không hề làm nên tội gì để phải thành súc sinh. Xưa nay họ không hề có địa vị, quyền thế, và tiền của để đến nỗi phải hóa kiếp làm súc sinh.

Nhưng người có địa vị, quyền thế và tiền của thì lại không cảm thấy là phải hóa kiếp làm súc sinh. Một mặt họ làm cư sĩ, chuẩn bị thành Phật, một mặt tất nhiên cũng chủ trương đọc kinh phục cổ, kiêm làm thánh hiền. Như khi còn sống, họ vượt qua đạo lý làm người, họ tự cho rằng, chết rồi, họ cũng có thể vượt qua luân hồi. Còn như những người có ít tiền thì, tuy cũng cảm thấy không phải chịu luân hồi, nhưng ngoài ra không có hùng tài đại lược nào khác, đành chuẩn bị yên tâm làm ma. Cho nên, tuổi trên dưới năm mươi, thì tìm cho mình một miếng đất táng, đóng cỗ hậu sự, lại đốt một ít vàng giấy, tích trữ trước một ít ở cõi u minh, để con cháu, để mỗi năm có cơm canh mà ăn. Như thế quả sướng hơn là làm người. Giả thử bây giờ tôi là ma, ở dương gian lại có con cháu khá, thế thì hà tất phải bán văn lặt vặt, hoặc tính sổ với Bắc Tân thư cục làm gì. Chỉ cần nằm thoải mái trong chiếc quan tài bằng gỗ nam mộc hay bằng gỗ trầm, gặp giỗ tết, thì tự nhiên có một cỗ thịnh soạn, và một xấp bạc giấy trước mặt, không sướng hay sao ?

Nói đại thể, trừ người cực kỳ phú quý không quan hệ gì với luật lệ cõi u minh, còn người nghèo thì đầu thai ngay có lợi, mà người khá giả thì làm ma lâu có lợi. Người khá giả mà vui lòng làm ma là vì đời sống của ma (hai chữ này đi với nhau không hợp, nhưng tôi không tìm được chữ nào thích đáng hơn) là tiếp tục đời sống của con người mà anh ta chưa chán. Âm gian tất nhiên cũng có chủ tể, một vị chủ tể cực kỳ nghiêm khắc, công bình, nhưng riêng đối với anh ta, cũng có thể nới tay, nhận ít lễ lạt, như ông quan tốt ở trên dương gian.

Có một số người rất tùy tiện, tức là lúc sắp chết e cũng không nghĩ gì cả. Tôi xưa nay vốn là một trong cái phái tùy tiện ấy. Ba mươi năm trước, hồi học thuốc, tôi từng nghiên cứu xem có linh hồn hay không, kết quả không biết. Lại nghiên cứu xem chết có đau đớn hay không, kết quả cũng không nhất luật. Về sau không đi sâu nữa, quên đi. Mười năm gần đây, có lúc cũng nhân bạn bè chết mà viết một vài bài, có điều hình như không nghĩ đến mình. Hai năm lại nay, ốm luôn, mỗi lần ốm lại ốm lâu, bấy giờ mới thỉnh thoảng nhớ đến tuổi tác. Tất nhiên một mặt cũng vì có một số nhà văn có ý tốt hay là có ý xấu cứ nhắc đến luôn.

Từ năm ngoái, mỗi khi ốm dậy, nghỉ ngơi dưỡng sức, nằm trên ghế mây, tôi không khỏi nghĩ đến những việc sẽ làm lúc sức khỏe được khôi phục rồi : viết gì, dịch hay in sách gì. Nghĩ xong xuôi, thì kết thúc nói : "Hãy cứ như thế !" – nhưng phải làm nhanh. Cái ý nghĩ "phải làm nhanh" này, trước kia không hề có. Như thế là vì trong lúc bất tri bất giác, nghĩ đến tuổi của mình. Có điều xưa nay, chưa hề trực tiếp nghĩ đến cái "chết".

Cho đến hôm nay ốm nặng, mới dự tưởng đến cái chết một cách rõ ràng. Lúc đầu vẫn như mọi lần khác, ốm thì nhờ bác sĩ S, người Nhật[1] chữa chạy cho. Ông ta tuy không phải là một chuyên gia về bệnh phổi, nhưng nhiều tuổi, nhiều kinh nghiệm, là một bậc đàn anh của tôi từ hồi học thuốc, lại quen lắm, và chịu nói thẳng. Tất nhiên, thầy thuốc đối với con bệnh, dù thân thế nào, khi nói cũng có chừng mực. Nhưng ít ra ông ta cũng đã nhắc nhở tôi hai ba lần rồi, có điều tôi vẫn không chú ý và cũng không nói cho người khác hay. Có lẽ quả thực vì lâu ngày quá, bệnh trạng nguy hiểm lắm chăng, mấy người bạn bàn riêng với nhau, mời bác sĩ D, người Mỹ, đến khám. Ông này là chuyên gia bệnh phổi người Âu độc nhất ở Thượng Hải.

(1) Tức *Tu Đằng Ngũ Bách Tam* : một bác sĩ quân y về hưu, mở hiệu ở Thượng Hải.

Chẩn mạch, nghe phổi xong, tuy ông ta khen tôi là người Trung Quốc điển hình có thể chống lại bệnh tật, nhưng lại tuyên bố là tôi sẽ chết. Ông ta lại nói, nếu là người Âu châu thì chết từ năm năm trước rồi. Điều quyết đoán của ông ta làm cho mấy người bạn có thiện cảm với tôi rơi nước mắt. Tôi cũng không xin ông ta kê đơn thuốc, vì tôi nghĩ, ông ta học nghề thuốc bên Âu châu sang đây, nhưng nhất định không học cách kê đơn cho một con bệnh chết đã năm năm rồi ! Thế nhưng, bác sĩ D chẩn đoán rất đúng. Về sau, tôi chiếu điện bộ ngực của tôi, thì tình hình giống như ông chẩn đoán.

Tôi cũng không để ý đến lời ông ta tuyên bố, nhưng cũng có chịu ít nhiều ảnh hưởng. Nằm suốt ngày suốt đêm, không có sức nói chuyện, không có sức xem sách. Đến tờ báo mà cầm cũng không nổi. Tôi lại chưa hề luyện đến mức "cõi lòng như mặt giếng xưa", đành phải suy nghĩ, và từ đó có lúc nghĩ đến cái "chết". Có điều, không phải nghĩ "hai mươi năm sau lại là một trang hảo hán", hoặc sẽ nằm trong cái quan tài nam mộc bao nhiêu lâu, mà là những chuyện lặt vặt trước khi tắt thở. Lúc này, tôi mới chắc chắn rằng cuối cùng tôi tin người ta chết không thành ma. Tôi chỉ nghĩ đến việc viết di chúc, cho rằng giá tôi từng sang trọng, làm thái tử thiếu bảo, giàu có nghìn vạn, thì con, rể và người khác nhất định đã ép tôi viết di chúc rồi. Bây giờ thì chẳng ai nhắc đến cả. Nhưng tôi cũng để lại một cái. Lúc bấy giờ hình như tôi đã nghĩ đâu vào đấy rồi, viết để lại cho người thân, trong đó có những điều như sau :

1. Không được vì việc tống táng mà nhận của ai một đồng xu - trừ bạn cũ, không kể.
2. Khâm liệm nhanh, chôn cất, thế là xong.
3. Không nên làm bất cứ việc gì để kỷ niệm.
4. Quên tôi đi, lo lấy đời sống của mình - nếu không thì là ngốc.
5. Con lớn lên, nếu không có tài, thì tìm một việc gì mà sinh sống, nhất thiết đừng làm một nhà văn hay một nhà mỹ thuật đầu óc rỗng tuếch.
6. Người khác cho vật gì chớ tưởng là thật tình.
7. Những kẻ làm hại người khác mà lại phản đối trả thù, chủ trương khoan dung, thì nhất thiết chớ có gần.

Tất nhiên còn nữa, nhưng bây giờ quên rồi. Chỉ nhớ lúc lên cơn sốt, lại nhớ đến người Âu châu lúc sắp chết, thường có một nghi thức, là xin kẻ khác tha thứ cho mình và mình cũng tha thứ cho người khác. Kẻ thù của

tôi, có thể nói là nhiều, nếu có người nào theo lối sống mới mà hỏi, thì tôi trả lời thế nào đây ? Nghĩ đi nghĩ lại, quyết định như thế này : cứ để cho họ oán giận, mà tôi cũng không tha thứ cho một người nào hết.

Nhưng nghi thức đó lại không cử hành, di chúc cũng không viết. Tôi chỉ nằm im lặng, đôi lúc lại nảy ra một ý nghĩ càng bức thiết ; số là cứ thế này mà cho là đang chết thì cũng không lấy gì làm đau khổ ; có điều, lúc tắt thở, có lẽ không như thế này chăng. Nhưng một đời chỉ một lần, dù thế nào, cũng chịu đựng được... Về sau, lại chuyển biến, lành. Đến bây giờ, tôi nghĩ tất cả những cái đó có lẽ không phải là tình hình thật trước khi sắp chết. Sắp chết thật, thì ngay những ý nghĩ kia vị tất đã có. Nhưng rút cục như thế nào, tôi cũng không biết.

5 tháng 9

(Tập cuối ***Thái giới đình***)

143. MẤY CÂU CHUYỆN VỀ ÔNG THÁI VIÊM*

Trước đây ít lâu, quan liêu thân sĩ Thượng Hải tổ chức lễ truy điệu ông Thái Viêm. Không được một trăm người đến dự, nên buổi lễ đã bế mạc trong sự vắng vẻ. Thế rồi có người cảm khái than thở, cho là bọn thanh niên không nhiệt tình đối với học giả nước nhà như đối với Gorki là người ngoại quốc. Than thở như thế kỳ thực không đúng. Trước nay các cuộc hội họp của các quan liêu thân sĩ, thì bọn dân thường đâu có dám bén mảng tới ! Huống chi Gorki là một nhà văn chiến đấu, còn ông Thái Viêm, tuy trước kia cũng là một nhà cách mạng, nhưng về sau thì lại rút lui làm một nhà học giả an nhàn, dùng bức tường tự tay mình và tay kẻ khác dựng nên mà cách tuyệt với thời đại. Tất nhiên, có người kỷ niệm, nhưng có lẽ đại đa số thì quên mất rồi.

Tôi cho rằng sự nghiệp ông để lại trong lịch sử cách mạng, quả thực lớn hơn trong lịch sử học thuật nhiều. Nhớ lại ba mươi năm về trước, lúc *Cẩu thư*[1] bản khắc gỗ in ra, tôi đọc một mạch. Tất nhiên không hiểu, e rằng thanh niên hồi đó nhiều người cũng như thế. Tôi mà biết Trung Quốc có ông Thái Viêm không phải vì cái kinh học và tiểu học[2] của ông, mà là vì ông kích bác Khang Hữu Vi[3] và viết bài *Tựa* cho cuốn *Cách mạng quân* của Trâu Dung[4] rồi bị giam ở Tây Lao[5] Thượng Hải. Lúc đó, học sinh

---

* Bài này đăng lần đầu trên tờ *Công tác và học tập*, ngày 10 tháng 3 năm 1937. *Chương Thái Viêm* (1868 - 1936) : tên là Chương Bỉnh Lân, một học giả có tiếng hồi đó.

(1) *Cẩu thư* (Thư gấp), bản khắc gỗ, in năm 1899.

(2) *Kinh học* : cái học về kinh, truyện ; *tiểu học* : cái học văn tự huấn hỗ.

(3) *Chương Thái Viêm* có viết một bức thư bác Khang Hữu Vi vì ông này có nói rằng Trung Quốc chỉ có thể lập hiến, chứ không thể làm cách mạng.

(4) *Trâu Dung* (1885 – 1905) : người Tứ Xuyên, du học Nhật bản, là một người tuyên truyền cách mạng hăng hái nhất hồi đó. Khi về nước (1903) viết cuốn *Cách mạng quân* vạch tội ác của Chính phủ Thanh. Năm 1905 chết trong ngục.

(5) Vì cuốn sách kia, Trâu Dung bị hai năm tù, còn Chương Bỉnh Lân, ba năm.

Tây Lao : nhà lao ở tô giới Thượng Hải.

quê Chiết Giang, lưu học ở Nhật Bản, đang ra tờ *Sóng Chiết Giang*[1], liền đăng thơ ông làm trong tù, nhưng những bài đó không khó lắm. Tôi lấy làm cảm động, đến bây giờ cũng chưa quên, xin chép lại hai bài dưới đây :

1. NGỤC TRUNG TẶNG TRÂU DUNG

Trâu Dung ngô tiểu đệ,
Bị phát hạ Doanh Châu
Khoái tiễn đao trừ biện,
Can ngưu nhục tác hầu.
Anh hùng nhất nhập ngục,
Thiên địa diệc bi thu,
Lâm mệnh tu tham thú,
Càn khôn chỉ lưỡng đầu.

Dịch thơ

TRONG NGỤC TẶNG TRÂU DUNG

Em Trâu Dung của tớ,
Xõa tóc xuống Doanh Châu.
Đôi bím nhờ kéo cắt.
Lương khô có thịt bò,
Anh hùng vào ngục tối,
Trời đất cũng buồn thu.
Gặp vận ra tay hẳn,
Càn khôn chỉ hai đầu.

2. NGỤC TRUNG VĂN THẨM VŨ HI KIẾN SÁT

Bất kiến Thẩm sinh cứu,
Giang hồ tri ẩn luân,
Tiêu tiêu bi tráng sĩ,
Kim tại Dịch Kinh Môn.
Lý vị tu tranh diễm,
Văn chương tống đoạn hồn.
Trung âm dương đãi ngã,
Nam bắc kỳ tân phần.

(1) Tờ *Chiết Giang triều* xuất bản năm 1903. ở Đông Kinh.

Dịch thơ

TRONG NGỤC NGHE TIN THẨM VŨ HÍ[1] BỊ GIẾT

Lâu chẳng gặp anh Thẩm,
Giang hồ chắc ẩn thân.
Hiu hiu buồn tráng sĩ,
Giờ ở Dịch Kinh Môn.
Ma quỷ thẹn tranh sáng,
Văn chương nát cả hồn
Hãy chờ ta chín suối,
Nam Bắc mấy mồ chôn.

Tháng sáu năm 1906, ra tù, thì sang Nhật ngay. Đến Đông Kinh không bao lâu, ông chủ trương tờ *Dân báo*. Tôi thích xem tờ *Dân báo* ấy, nhưng chẳng phải vì văn chương của ông cổ kính, uyên thâm, khó hiểu, hoặc vì ông bàn về Phật pháp, bàn về "Hai bên đều tiến hóa"[2], mà là vì ông chống lại chủ trương bảo hoàng của Lương Khải Siêu[3], chống lại "... của . .." [4], chống lại ý kiến cho *Hồng lâu mộng* là con đường chính thành Phật "của..."[5]. Thật là làm người ta phục lăn, tinh thần phấn chấn hết sức. Trước kia, tôi đến nghe ông giảng cũng vào hồi đó[6], nhưng lại chẳng phải vì ông là học giả, mà vì ông là một nhà cách mạng có học thức, cho nên đến bây giờ, tiếng nói, nét mặt, vẻ cười của ông còn như trước mắt, mà những điều ông giảng về *Thuyết văn giải tự*[7] thì chẳng nhớ lấy câu nào !

Sau Cách mạng Dân Quốc Nguyên Niên, chí ông như thế là đạt rồi, đáng lẽ ông có thể làm được nhiều việc, nhưng ông lại tỏ ra bất đắc chí. Cái đó cũng khác hẳn với Gorki, lúc sống được người ta tôn sùng, lúc chết cũng được người ta thương xót. Tôi cho rằng hai ông sở dĩ lâm vào hai cảnh khác nhau như thế, nguyên nhân ở chỗ lý tưởng trước kia của Gorki về sau đều thành sự thực cả, suốt đời, ông với đại chúng là một, vui buồn, đều thông cảm với nhau ; mà ông Thái Viêm thì tuy có tỏ chí bài Mãn, nhưng lại cho rằng, quan trọng bậc nhất là : "Một, lấy tôn giáo mà khêu gợi lòng tin, tăng

(1) *Thẩm Vũ Hí* : một nhà cách mạng cuối Thanh, bị bắt năm 1903 và bị đánh chết.

(2) Trong bài *Câu phân tiến hóa* đăng trên *Dân báo*, ông Chương Thái Viêm lấy Phật học giải thích tiến hóa luận.

(3) Bài này Chương Thái Viêm đăng trên *Dân báo* năm 1907.

(4) Chỉ "Hiến sách" của Ngô Trĩ Huy.

(5) Chỉ Lam Công Vô.

(6) Năm 1908.

(7) Tên một bộ sách gồm 30 quyển có từ đời Hán.

tiến đạo đức của quốc dân ; hai, lấy quốc túy mà khích động tính chủng tộc, tăng tiến nhiệt tình ái quốc" (xem *Dân báo* số 6), đó chỉ là một ảo tưởng đẹp đẽ, cao siêu. Không bao lâu, Viên Thế Khải lại cướp đoạt chính quyền, mưu đồ chuyện riêng, làm cho ông càng mất đất đứng, rồi rơi vào văn chương trống rỗng. Cho đến nay, chỉ còn cái tên "Trung Hoa Dân Quốc" của chúng ta là bắt nguồn từ chữ "Trung Hoa Dân Quốc giải" của ông (lần đầu tiên thấy trên tờ *Dân báo*) làm cái kỷ niệm vĩ đại mà thôi. Nhưng người biết được chuyện đó, e cũng không nhiều lắm. Đã tách rời quần chúng đi dần vào chỗ suy đồi, về sau ông lại tham gia "đầu hồ"[1] nhận quà tặng, mỗi lần như thế các nhà bình luận rất lấy làm bất mãn. Nhưng đó cũng chẳng qua là cái vết trên viên ngọc trắng mà thôi, chứ không phải không trọn tiết lúc tuổi già. Xét sinh bình của ông, lấy huân chương buộc vào nhài quạt làm đồ trang sức, đến cửa phủ Tổng thống, chửi Viên Thế Khải là kẻ bụng dạ hiểm ác, thì trên đời không có người thứ hai như thế ; bảy lần bị bắt, ba lần ngồi tù[2], mà chí cách mạng thủy chung không nản, cũng là trên đời không có người thứ hai vậy. Đó mới là tinh thần của bậc tiên hiền và là tấm gương cho kẻ hậu sinh. Gần đây có tên buôn văn, câu kết với một tờ lá cải, cũng viết bài chê cười ông để tỏ cái đắc ý của mình, thật là "kẻ tiểu nhân không muốn làm trọn cái tốt của người ta"[3], và lại nực cười thay "châu chấu đá xe, không biết lượng sức mình"[4].

Nhưng sau Cách mạng, ông cũng dần dần vì nghĩ đến đời sau mà cất giấu cái sắc sảo của mình đi. Bộ *Chương thị tùng thư*[5] mà Chiết Giang khắc, là do ông tự tay soạn lấy ; phàm văn chương đấu tranh, trước kia thấy trên báo chí, mà ông cho là bài bác, công kích, hơn nữa nguyền rủa, trái với nho phong đời xưa, phần lớn đều bỏ đi cả. Hai bài thơ dẫn ở trên cũng

---

(1) Một trò chơi của những người phong kiến (xem bài *Khổng Phu Tử ở Trung Quốc hiện nay*). Năm 1926, Chương Thái Viêm ở Nam Kinh làm hội trưởng Hội chế hôn tang tế lễ do Tôn Truyền Phương tổ chức. Hồi đó Tôn Truyền Phương cũng tổ chức lễ "đầu hồ".

(2) Theo niên phổ do Thái Viêm tự làm lấy thì chỉ có hai lần ngồi tù : lần thứ nhất tháng 5 năm 1903, ba năm ; lần thứ hai tháng 8 năm 1913 cũng ba năm, đến khi Viên Thế Khải chết (1916), mới được tha.

(3) Câu này lấy ở sách *Luận ngữ* thiên *Nhan Uyên* : *"Quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác"*.

(4) Nguyên văn : *Tỳ phù hám đại thụ*
Khả tiếu bất tự lượng
(Kiến muốn lay cây to
Nực cười không biết lượng sức)
Đó là hai câu thơ của Hàn Dũ.

(5) Tức là bộ sách thu góp văn chương của Chương Thái Viêm, khắc năm 1919, gồm 13 tập.

không thấy ở mục "Thi lục". Bộ *Chương thị tùng thư tục biên*, khắc năm 1933 ở Bắc Bình, không thu thập được nhiều, lại càng cẩn thận. Cũng không đem những thơ văn ngày trước vào, tất nhiên cũng không có văn chương đấu tranh. Ông toại nguyện trong chiếc áo gấm học thuật, trở thành một nhà nho thuần túy, kẻ mang lễ lạt đến xin làm đồ đệ rất nhiều, đến nỗi vất vả viết thành một bộ "Đồng môn lục"[1]. Gần đây xem báo, thấy quảng cáo giữ bản quyền, có nói đến bộ "Tục tùng thư" thứ ba, đủ rõ lại sẽ xuất bản di trước, nhưng có đem văn chương chiến đấu kia bổ sung vào hay không, thì không biết được.

Văn chương chiến đấu là sự nghiệp lớn nhất, lâu dài nhất trong đời ông, giá thử chưa thu thập, thì tôi cho rằng nên thu thập lại hết, in ra, để hậu sinh hiểu ông hơn, để hình ảnh ông sống trong lòng người chiến sĩ. Nhưng trong hoàn cảnh này, e vị tất đã có thể làm được như mong muốn. Hỡi ơi !

9 tháng 10

(Tập cuối ***Thá giới đình***)

(1) *Đồng môn lục* : một cuốn ghi tên học trò cùng học một thầy.

144. MẤY CÂU CHUYỆN NHÂN ÔNG THÁI VIÊM MÀ NHỚ ĐẾN*

Viết xong đầu đề, có hơi do dự, sợ bàn phiếm ra ngoài đề nhiều quá, tức như tục ngữ nói : "Sấm to, mưa nhỏ".

Khi viết xong bài *Mấy câu chuyện về ông Thái Viêm,* hình như có thể viết dông dài thêm ít nữa, nhưng mệt quá đành phải dừng lại. Hôm sau, tỉnh dậy, báo đã đưa đến, lấy xem, bất giác sờ lên đầu, hết sức ngạc nhiên than thở : "Kỷ niệm hai mươi lăm năm ngày Song thập" à ! Thì ra Trung Hoa Dân Quốc đã trải qua một phần tư thế kỷ rồi nhỉ ! Há không "khoái" hay sao ? "Khoái" ở đây có nghĩa là nhanh. Sau đó, lấy các tờ tạp chí, giở lung tung, tình cờ thấy bài của một nhà văn mới căm giận ông già, liền cảm thấy như ai đổ cho một gáo nước lạnh trên đầu ! Trong bụng nghĩ : có lẽ thanh nhiên không chịu được những người già thật chăng ? Thí dụ tôi đây, càng ngày càng trở chứng, chỉ hai mươi lăm năm, nhưng lại thích nói là một phần tư thế kỷ, để cho ra vẻ nhiều, thật không biết vội cái gì ! Vả lại, cái kiểu đưa tay lên sờ đầu như thế, quả thực có thể nói là lạc hậu quá !

Những lúc ngạc nhiên hay cảm động, tôi cũng đã dùng cử chỉ đó một phần tư thế kỷ nay, như để nói "đuôi sam đã cắt đi rồi", vốn là tỏ ý thắng lợi. Tâm tình này, thanh niên bây giờ không thể thông cảm được. Giả thử, giữa chỗ đô hội có người để đuôi sam, một người trung niên khoảng ba mươi và một anh thanh niên trên dưới hai mươi nhìn thấy, e chỉ cho là lạ mắt, hoặc cho là hay hay mà thôi, nhưng tôi thì lại căm thù, phẫn nộ như trước kia, bởi vì chúng tôi là người đã khổ về cái đó, cho rằng việc cắt đuôi sam là chuyện to lắm. Tôi sở dĩ yêu Trung Hoa Dân Quốc, ngay ngáy sợ nó suy

---

* Viết hai ngày trước khi Lỗ Tấn mất (17 – 10 – 1936) và cũng là bài văn cuối cùng của ông. Về sau đăng trên tùng san *Công tác và học tập* ra ngày 25 tháng 3 năm 1937.

vong, phần lớn là vì có nó, chúng tôi mới được tự do cắt đuôi sam. Giá thử lúc đầu, vì bảo tồn đồ cổ, tôi để đuôi sam không cắt, có lẽ tôi cũng không thể yêu nó như thế. Trương Huân lên cũng được, Đoàn Kỳ Thụy lên cũng được[1], tôi thật lấy làm xấu hổ thấy mình không có cái đại lượng của mấy bậc sĩ quân tử nọ.

Hồi tôi còn nhỏ, các cụ thường nói cho biết rằng : cán cờ ở cái hòm ông thợ hớt tóc ba trăm năm trước là dùng để treo đầu đấy. Người Mãn Châu vào cửa quan, ra lệnh gióc đuôi sam, người hớt tóc đi dọc đường, lôi người ta lại hớt, ai dám chống cự, thì chặt đầu treo lên cán cờ, rồi lại lôi người khác. Hồi đó, hớt tóc, trước hết lấy nước thấm cho cho ướt sau mới lấy dao cạo, thật là phiền. Nhưng chuyện treo đầu không làm cho tôi sợ, vì giá thử tôi không thích hớt tóc, ông thợ hớt tóc không những không chặt đầu tôi, mà còn lấy kẹo trong hộp ra, nói hớt xong sẽ cho ăn ; ông ta đã thay đổi, dùng một phương pháp mềm dẻo hơn rồi. Người nhìn quen không lấy làm lạ, thấy đuôi sam cũng không cho là xấu. Huống chi có hàng trăm kiểu gióc. Nói về tư thế, thì có thể gióc lỏng, có thể gióc chặt, có thể thả ba cái đuôi, hoặc hai đuôi, xung quanh để tóc lòi ra (như kiểu "Lưu Hải" ngày nay), tóc lòi ra đó có thể dài hay ngắn, tóc để lòi dài lại có thể gióc thành hai cái đuôi nhỏ, vành xung quanh cái chùm giữa đỉnh đầu, ngắm bóng mình trong gương mà thấy đáng yêu, cho là đẹp trai. Nói về tác dụng, thì lúc đánh nhau có thể túm lấy búi tóc, lúc phạm thông dâm có thể cắt, lúc đóng kịch có thể treo đầu gậy sắt, kẻ làm cha có thể lấy búi tóc quấy con cái, kẻ làm trò ảo thuật có thể lắc đầu một cái là bay múa như rồng rắn. Hôm qua thấy ngoài đường, cảnh sát bắt người, mỗi tay một người, một tên cảnh sát chỉ bắt được hai người. Nếu trước Cách mạng Tân Hợi, nắm đuôi sam, thì ít nhất cũng mười người, về kế trị dân, cũng tiện lợi lắm. Không may "mở cửa biển rộng", sĩ nhân dần dần đọc sách Tây, do đó biết so sánh. Giá thử không bị người Tây gọi là "đuôi lợn", rồi chúng ta không cắt cả, lại cũng không để cả, chỉ cắt một vòng, còn để lại một nắm, gióc thành cái đuôi sam con con như nõn khoai, thì cũng không khỏi cảm thấy chẳng có nghĩa lý gì. Bất tất phải làm như thế.

---

(1) *Trương Huân* : một tay quân phiệt trong bọn Bắc Dương. Y vốn là một quan võ đời Thanh. Năm 1917, y từ Tứ Châu lên Bắc Kinh, phò Phổ Nghi (tức Tuyên Thống) lên ngôi vua, nhưng thất bại, rồi chạy trốn vào đại sứ quán Hà Lan.

Đoàn Kỳ Thụy : cũng là quân phiệt Bắc Dương, năm 1925 từng nhiệm "Chính phủ lâm thời" Trung Hoa Dân Quốc.

Tôi nghĩ, giả thử thanh niên sinh thời Dân Quốc nhất định biết chuyện đó cả. Thời Quang Tự nhà Thanh, Khang Hữu Vi định biến pháp không thành. Tác động phản lại là Nghĩa Hòa Đoàn khởi sự, rồi liên quân tám nước vào Kinh. Dễ nhớ lắm, đúng vào năm 1900, năm cuối cùng thế kỷ XIX. Thế rồi, quan dân Mãn Thanh lại muốn duy tân. Duy tân thì có nếp cũ, chiếu lệ phái quan xuất dương quan sát, và phái học sinh xuất dương lưu học. Hồi đó, tôi là một trong những người được Tổng đốc Lưỡng Giang phái sang Nhật Bản. Tất nhiên, học thuyết bài Mãn, tội trạng của cái đuôi sam, và ngục văn tự, thì tôi đã có biết ít nhiều từ trước rồi, nhưng đầu tiên trên thực tế, tôi cảm thấy bất tiện thì lại là cái đuôi sam.

Cái mà lưu học sinh đến Nhật Bản, vội tìm kiếm là tri thức mới. Trừ học tiếng Nhật, chuẩn bị thi vào trường chuyên môn, thì đi đến hội quán, ra hiệu sách, đến dự các cuộc họp, nghe diễn thuyết. Lần tôi nghe diễn thuyết đầu tiên là ở một hội trường, tôi quên mất tên rồi ; thấy một thanh niên anh dũng đầu trùm khăn vải sa trắng, nói tiếng Võ Tích, diễn thuyết về bài Mãn, bất giác rất lấy làm kính nể. Nhưng nghe tiếp đến đoạn anh ta nói : "Ở đây tôi chửi mụ ta, thì ở kia mụ ta cũng chửi Ngô Trĩ Huy", thính giả cười ồ lên, thì tôi lại cụt hứng. Tôi thấy lưu học sinh hình như đều nhăn mặt lại cười cả. "Mụ ta" là chỉ Tây Thái hậu[1] nhà Thanh. Ngô Trĩ Huy khai hội ở Đông Kinh chửi Tây Thái hậu, là chuyện trước mắt, không còn nghi ngờ gì nữa, nhưng nói lúc đó Tây Thái hậu ở Bắc Kinh cũng đang khai hội chửi Ngô Trĩ Huy, thì tôi không tin. Cố nhiên, diễn thuyết cũng có thể chêm vào vài câu chửi, vài câu nói đùa, nhưng đùa một cách vô duyên thì chẳng những không ích gì, mà lại có hại. Có điều Ngô Trĩ Huy lúc đó thì đang đại chiến với công sứ Thái Quân[2], danh vang khắp giới trí thức ; cái khăn sa trắng kia còn che giấu vết thương danh dự. Không bao lâu, anh ta bị đưa về nước. Lúc đi sông gần Hoàng Thành, anh ta nhảy xuống, nhưng lập tức được vớt lên, áp giải về. Đó tức là chuyện mà sau này khi ông Thái Viêm bút chiến với anh ta, nói trong bài văn của mình là : "không nhảy xuống vực thẳm mà lại nhảy xuống rãnh khơi, mất mũi lòi trên mặt nước". Kỳ thực, cái ngự câu Hoàng Thành Nhật Bản không phải nhỏ hẹp, nhưng lúc có lính cảnh sát hộ tống, thì dù "mất mũi không lòi trên mặt nước", nhất định cũng được vớt

(1) Tức Từ Hy Thái hậu.

(2) Năm 1903, Ngô Trĩ Huy xung đột với Thái Quân, công sứ nhà Thanh, ở Nhật Bản, bị cảnh sát Nhật Bản bắt giải về nước. Lúc giải đi, ông ta nhảy xuống sông tự tử, không chết.

lên. Cuộc bút chiến đó càng lâu càng ác liệt, cuối cùng chửi nhau độc lắm. Năm nay, lúc ông Ngô Trí Huy châm chọc ông Thái Viêm được Chính phủ Quốc Dân ưu đãi, còn nhắc lại chuyện đó. Đó là món nợ cũ hơn ba mươi năm trước, bây giờ chưa quên, đủ thấy thù oán sâu sắc như thế nào. Nhưng trong cuốn *Chương thị tùng thư*, do ông tự tay soạn lấy, thì lại không thu thập những bài văn bút chiến đó. Ông hết sức bài xích Thanh Lỗ[1], nhưng lại khâm phục mấy vị Thanh nho, mong mỏi học theo cổ hiền, cho nên không muốn đem thứ văn chương đó vào làm bẩn trước thuật của mình. Nhưng theo tôi, kỳ thực là thua thiệt, là mắc lừa rồi. Chính cái thứ thuần phong đó có thể làm cho vật ẩn náu, di họa thiên cổ.

Cắt đuôi sam đương thời cũng là đại sự. Ông Thái Viêm lúc cắt, có làm bài *Bó đuôi sam*, có đoạn :

"... Tháng bảy mùa thu Cộng hòa năm 1901, tôi ba mươi ba tuổi. Lúc đó, chính phủ Mãn Thanh tàn ác, giết hại các quan trong triều, gây gổ với lân bang, giết đại sứ, cướp người buôn, bốn phía đều công kích. Giận Đông Hồ vô trạng, dân tộc Hán mất quyền, nước mất ròng ròng mà rằng : năm nay tôi đến tuổi nhi lập[2] *rồi vẫn đang mặc áo của kẻ địch không dám sai một phân, không dám cắt đi, đó là tội của tôi vậy. Mặc áo dài, để búi tóc, hòng trở lại thời xưa, đã không đủ ăn, mà cũng không có áo mặc. Thế là nói : Xưa kia, Kỳ Ban Tôn, Thích Ẩn Huyền, đều là di lão nhà Minh, cắt tóc mà chết.* Xuân thu, Cốc Lương truyện *nói : "Nước Ngô cắt tóc"*. Hán thư, Nghiêm Trợ truyện *nói : "Nước Việt cắt tóc", tôi vốn là dân vùng Ngô, Việt, cắt đi cũng là theo đạo cổ vậy...".*

Bài văn này thấy trong cuốn *Cầu thư*, bản khắc gỗ lần đầu và bản in lần thứ hai ; sau khi sửa chữa, đổi tên là *Kiểm luận*, thì bỏ đi. Tôi mà cắt đuôi sam, thì lại không phải vì tôi người đất Việt. Ở đất Việt, thời thượng cổ, "đoạn phát văn thân"[3], nay bắt chước quy cách người dân ngày trước, thì cũng chẳng bao hàm tính chất cách mạng gì. Xét cho cùng, chỉ là vì bất tiện : một là bất tiện khi cất mũ, hai là bất tiện khi chơi thể thao, ba là quấn lên đỉnh đầu, thấy khó chịu. Trên thực tế, những người cắt đuôi sam, sau khi về nước im lặng để tóc, hóa thành kẻ bầy tôi trung trinh, cũng nhiều

---

(1) *Thanh Lỗ* : tức người Mãn Châu.

(2) Ba mươi tuổi – Chữ trong *Luận ngữ* : Tam thập nhi lập.

(3) Cắt tóc vẽ người. Câu này lấy trong *Hán thư* : Người Việt vẽ người cắt tóc, để cho giao long khỏi hại.

lắm. Nhưng Hoàng Khắc Cường[1] lúc còn là học sinh trường Sư phạm Đông Kinh thì thủy chung không cắt tóc, cũng không hề kêu gào cách mạng. Chuyện có thể làm cho người ta thấy tính cách phản kháng hung tợn của người đất Sở, chỉ là chuyện nhân ông Giám học Nhật Bản cấm không cho học sinh cởi trần, thì anh ta cứ cởi trần, tay xách cái chậu thau tráng men, từ buồng tắm đi qua sân, lắc la lắc lư vào phòng tự học mà thôi !

(Tập cuối ***Thá giới đinh***)

(1) *Hoàng Khắc Cường* : tức Hoàng Hưng (1872 – 1916), người Hồ Nam, là một nhà cách mạng đời Thanh, lưu học ở Nhật Bản, cũng đề xướng cách mạng với Tôn Trung Sơn, khi Trung Hoa Dân Quốc thành lập, từng giữ chức Tổng trưởng lục quân.

MỤC LỤC

	Trang
VỀ TẠP VĂN LỖ TẤN	11
I – VỀ XÃ HỘI	17
1. Quan niệm của tôi về tiết liệt	19
2. Ngày nay chúng ta làm cha như thế nào ?	30
3. Nôra đi rồi thì ra sao ?	42
4. Bàn chuyện tháp Lôi Phong đổ	49
5. Bàn về các loại ảnh chụp	52
6. Lại bàn chuyện tháp Lôi Phong đổ	60
7. Chuyện phiếm cuối xuân	65
8. Trước đèn tùy bút	70
9. Một vài điều ghi nhớ vụn vặt	78
10. Hẵng khoan "Phe pơlê" đã	86
11. Ghi theo cảm hứng (25, 35, 47, 49, 66)	95
12. Bỗng nhiên nghĩ tới (3, 4)	102
13. Ba loại trùng mùa hè	105
14. Bỗng nhiên nghĩ tới (5)	107
15. Thư Bắc Kinh	109
16. Bỗng nhiên nghĩ tới (10)	112
17. Những lời vụn vặt	116
18. Một ít so sánh	120
19. Kỷ niệm chị Lưu Hòa Trân	123
20. Ghi lại bài nói chuyện	128

21. Tranh *Nhị thập tứ hiếu* 133
22. Hạng chiến sĩ ấy 141
23. Bàn qua về bộ mặt người Trung Quốc 143
24. Cảm nghĩ nhỏ 147
25. Tập quán và cải cách 150
26. Chúng ta không bị lừa nữa đâu ! 152
27. Nghe nói chuyện mộng 155
28. Từ bàn chân phụ nữ Trung Quốc, suy ra người Trung Quốc không theo thuyết trung dung, lại từ đó suy ra thầy Khổng đau dạ dày 159
29. Về phụ nữ 164
30. Thiếu nữ Thượng Hải 166
31. Thế cố tam muội 168
32. Thế gia bịa đặt 171
33. Gia đình là nền tảng của Trung Quốc 174
34. Một quốc gia nghệ thuật bậc nhất 176
35. Vòng sinh mệnh của người Trung Quốc 178
36. Thấu đáy 180
37. Trí thức thừa 182
38. Sự tiến bộ của người đàn ông 184
39. Phụ nữ vị tất đã hay nói dối 187
40. Về một vài việc của Trung Quốc 189
41. Thầy Khổng ở Trung Quốc ngày nay 197

II - VỀ VĂN HỌC 203

42. Trước khi có thiên tài 205
43. Trương mắt mà nhìn 209
44. Ghi theo cảm hứng (57) 214
45. Hy vọng ở các nhà phê bình 215
46. Sách thanh niên cần phải đọc 217
47. Việc "Đọc kinh truyện" năm thứ mười bốn 218
48. Cái này và cái kia 223
49. Ba hồn của học giới 231
50. Văn học thời cách mạng 235

51. Văn học cách mạng 242
52. Rutxô và khẩu vị 245
53. Văn học và mồ hôi 249
54. Văn nghệ và cách mạng 251
55. Trung Quốc không có tiếng nói 253
56. Viết thế nào ? 258
57. Lỗ Tấn ở Thượng Hải thanh minh 266
58. Tấm biển 268
59. Vài nét khái quát về văn học mới hiện nay 269
60. Sự biến đổi của bọn lưu manh 274
61. Nhiệm vụ của nhà phê bình trong nhóm *Trăng mới* 276
62. "Dịch cứng nhắc" và "tính giai cấp của văn học" 277
63. Ý kiến về Hội Liên hiệp các nhà văn cánh tả 296
64. Chúng ta cần có nhà phê bình 302
65. "Con chó bất tài của nhà tư bản" "chạy tang" 304
66. Bí quyết làm cổ văn và làm người tốt 307
67. Văn học cách mạng vô sản Trung Quốc và những giọt máu tiên phong 311
68. Hiện trạng giới văn nghệ của Trung Quốc tối tăm 313
69. Nhìn qua văn nghệ Thượng Hải 317
70. Nhiệm vụ và vận mệnh của "văn học dân tộc" 330
71. Những chàng "Đông Kisôt" mới của Trung Hoa Dân Quốc 339
72. Trả lời tòa soạn tạp chí *Bắc Đẩu* 342
73. Thư về đề tài tiểu thuyết 343
74. Bàn về "Hạng người thứ ba" 345
75. Chúc mừng sự giao lưu văn tự giữa hai nước Trung – Nga 350
76. Văn tiểu phẩm khủng hoảng 355
77. Bí quyết làm văn 359
78. Từ châm biếm đến u mua 363
79. Từ u mua đến nghiêm túc 365
80. Trừ hao trong văn học 367
81. Văn chương làm cho hết khóc 370
82. Văn chương và đầu đề 372
83. Nghệ thuật của anh hề nhì 374

84. Thơ và lời tiên tri 376
85. Trừ hao những câu nói hào phóng 378
86. "Bi quan đối với văn đàn Trung Quốc" 381
87. Bò và nhào 383
88. Tìm ra bí ẩn của phương pháp nịnh hót 385
89. Vì điếc mà câm 387
90. Nhà phê bình của nhà phê bình 389
91. Đọc sách ghi linh tinh 391
92. Đọc sách ghi linh tinh (III) 393
93. Trả lời câu hỏi của báo *Văn học Quốc tế* 395
94. Chủ nghĩa mang về 397
95. Trả lời thư của ông chủ bút tuần báo *Kịch* 400
96. Ma mãnh trên văn đàn Trung Quốc 405
97. Bàn về châm biếm 411
98. Không nên viết như thế kia 413
99. "Thế nào là châm biếm ?" 415
100. Từ giúp vui đến tán nhảm 417
101. Chữ "Quan" trong "Xuất quan" 419
102. Về cuộc vận động văn học của chúng ta hiện nay 424
103. Trả lời thư Từ Mậu Dung và nói về vấn đề Mặt trận thống nhất chống Nhật 426

III - HỒI KÝ VĂN HỌC 439

104. Anh Phạm Ái Nông 441
105. Tựa viết lấy (cho tập *Gào thét*) 450
106. Tựa viết cho bản dịch *AQ chính truyện* bằng tiếng Nga và *Tự truyện* 456
107. Vì sao tôi viết *AQ chính truyện* 460
108. Về tập *Bàng hoàng* 468
109. Lời nói đầu (cho tập *Chuyện cũ viết lại*) 470
110. Tựa (tập *Nấm mồ*) 473
111. Tựa (tập *Gió nóng*) 476
112. Tựa (tập *Hoa cái*) 479
113. Tựa (tập *Hoa cái tiếp theo*) 482

114. Thay lời tựa (tập *Nhặt cánh hoa tàn*) 483
115. Đề từ (tập *Cỏ dại*) 485
116. Tựa (tập *Mà thôi*) 487
117. Trả lời ông Hữu Hằng 488
118. Những cảm nghĩ vụn vặt về chuyện tờ *Ngữ ti* bị giữ lại 494
119. Tựa (tập *Tam nhàn*) 501
120. Trên gác chuông 506
121. Tựa (tập *Hai lòng*) 514
122. Tiểu sử Nhu Thạch 518
123. Tựa (tập *Nam xoang Bắc điệu*) 520
124. Tựa viết cho cuốn *Những điều tai nghe mắt thấy ở Liên Xô* của Lâm Khắc Đa 523
125. Tựa viết lấy cho cuốn *Tự tuyển tập* 527
126. Kỷ niệm để quên đi 530
127. Vì sao tôi viết tiểu thuyết 540
128. Tựa viết cho *Thủ Thường toàn tập* 544
129. "Một năm *Luận ngữ*" 547
130. Tựa (tập *Viết tự do giá*) 552
131. Tựa (tập *Cho bàn gió trăng*) 555
132. Tựa (tập *Văn học viển hoa*) 558
133. Tựa (tập *Thá giới đình*) 561
134. Nhớ anh Vi Tố Viên 563
135. Chuyện phiếm sau khi ốm dậy 568
136. Bản thảo "chưa định đầu đề" (1, 2, 3) 582
137. Bản thảo "chưa định đầu đề" (6, 7, 8, 9) 591
138. Tựa viết cho tập *Tháp trẻ con* của Bạch Măng 608
139. Ghi tiếp 610
140. Viết lúc đêm khuya 613
141. "Như thế cũng là sống..." 624
142. Chết 628
143. Mấy câu chuyện về ông Thái Viêm 633
144. Mấy câu chuyện nhân ông Thái Viêm mà nhớ đến 638

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Giám đốc PHẠM VĂN AN
Tổng biên tập NGUYỄN NHƯ Ý

Biên tập :
KIM NGÂN - HƯNG HÀ

Sửa bản in :
KIM NGÂN

Trình bày bìa :
TRẦN TIỂU LÂM

Sắp chữ :
PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

TẠP VĂN

In 2.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm — tại Công ty in Thống Nhất — Hà Nội.
Số in : 709/TN - GPXB : 233/226-98 / CXB do Cục xuất bản cấp 7-4-1998.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 1998.

LỖ TẤN
Tạp văn

Giá : 51.800 đ